

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TOÀN TẬP
TẬP 41

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

TOÀN TẬP C.MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN XUẤT BẢN
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP TẬP 41

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Lý luận Trung ương, Phó Chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS.PTS. Trần Ngọc Hiên	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, uỷ viên
PGS. Hà Học Hội	Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS.PTS. Phạm Xuân Nam	Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương, uỷ viên
ThS. Trần Đình Nghiêm	Giám đốc - Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 1999

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 41 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh gồm những tác phẩm và thư từ do Ph.Ăng-ghe-nh viết chủ yếu là trong những năm 1838-1842 nhưng chưa được đưa vào các tập 1 và 2 của bộ Toàn tập.

Đây là thời kỳ đại công nghiệp cơ khí ở châu Âu đã bước đầu phát triển, giai cấp vô sản đã hình thành và bước lên vũ đài lịch sử, song các cuộc đấu tranh của họ vẫn còn phân tán, lẻ tẻ và chưa có một lý luận cách mạng soi đường.

Những tác phẩm và thư từ viết trong thời kỳ này cho thấy mặc dù còn trẻ tuổi, Ph.Ăng-ghe-nh đã sớm bộc lộ tài năng của mình về các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, triết học, chính trị, v.v., tích cực đấu tranh vì sự tiến bộ xã hội. Ông đi sâu nghiên cứu các quan hệ kinh tế - xã hội và chính trị của xã hội Đức, điều kiện sống và lao động của tầng lớp nghèo khổ, tìm hiểu cuộc đấu tranh của họ chống chế độ quân chủ chuyên chế phản động Phổ lúc bấy giờ. Đặc biệt ông say mê nghiên cứu triết học Hê-ghe-nh, theo dõi sự phát triển của triết học và các quan điểm chính trị, đọc nhiều sách báo về tôn giáo, lịch sử, văn học, nghệ thuật, v.v..

Những tác phẩm và thư in trong tập này cho thấy quy mô to lớn và tính đa dạng của các hoạt động lý luận và tư tưởng của Ph.Ăng-ghe-nh trong thời kỳ này. Đồng thời phản ánh quá trình chuyển biến của Ph.Ăng-ghe-nh từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa duy vật, từ chủ nghĩa dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh, t.41, do Nhà xuất bản sách Chính trị quốc gia Liên Xô (trước đây) xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1970. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lênin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo. Các tác phẩm của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh được nhắc đến trong tập này đều được dẫn theo C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh, Toàn tập, tiếng

Việt, do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản tại Hà Nội và được ghi vắn tắt là Toàn tập, tiếp đó là số tập, năm xuất bản và số trang để cập đến vấn đề được dẫn.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng Ba năm 1999

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PH.ĂNG-GHEN
CÁC TÁC PHẨM
(1838 - 1844)

NHỮNG NGƯỜI A-RẬP DU MỤC¹

Thêm một tiếng chuông nữa
Màn lụa vạt kéo lên;
Dân chúng căng tai nghe –
Lặng im trong chờ đợi.

Bây giờ chưa phải lúc
Cô-txê-bu gây cười,
Chưa phải lúc Si-lơ
Trút dòng vàng nóng chảy.

Những người con kiêu hãnh của sa mạc
Đến đây làm các anh vui;
Lòng kiêu hãnh, ý chí của họ là giấc mơ,
Đã tan biến không còn dấu vết.

Họ xếp hàng dài múa cho các vị
Những điệu múa què hương để lấy tiền
Theo tiếng hát rên rĩ; nhưng mọi người im lặng:
Sự lặng im hợp với người nô lệ.

Nơi nào hôm qua Cô-txê-bu giành được
Những tràng vỗ tay bằng trò khôi hài,
Thì ở đó hôm nay những người du mục
Được hội trường tặng tràng sấm vỗ tay.

Đã lâu chưa họ nhanh nhẹn và nhẹ nhàng
 Đi dưới mặt trời, trong nóng bức,
 Qua miền sa mạc xứ Ma-rốc
 Và qua đất nước cây chà là?

Hay đã lang bạt khắp các khu vườn
 Của xứ sở đẹp tươi Un Giê-rít,
 Những con ngựa với tiếng vó lóc cóc
 Nhắc các anh nhớ chuyện đột kích hôm xưa?

Hay họ đã nghỉ bên dòng sông sâu
 Dưới bóng râm bụi cây tươi mát,
 Và những làn môi nhanh nhẹn
 Bện những vòng cổ tích rực màu?

Hoặc ban đêm trong những túp lều
 Nhắm nháp giấc mơ vô tư ngọt ngào,
 Chừng nào tiếng rống lạc đà thức giấc
 Chưa đánh thức các anh lúc hừng đông.

Rồi sau đó – nhục nhã thay –
 Nhảy múa trước đám đông để lấy tiền!
 Không vô cố ánh mắt các anh đục,
 Và dấu ấn còn đọng trên miệng các anh.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào nửa đầu tháng
 Chín 1838*

*Đã đăng không ký tên trên tờ "Bremisches
 Conversationsblatt" số 40, 16 tháng Chín
 1838*

*In theo bản đăng trong tạp chí
 Nguyên văn là tiếng Đức*

GỬI KẼ THÙ²

Chẳng lẽ người không thể tung
 Lời nói sự thật vào tâm hồn,
 Để nó có thể sống ở nơi ấy
 Bằng sức mình, không bị ách ác độc?
 Tôi thấy – người có thể dễ dàng
 Xuyên tạc bất kỳ ý nghĩ nào,
 Dù người coi thiện ác như nhau,
 Nhưng cái ác đời nào là cái thiện!

Việc người chửi rủa những người khác,
 Chẳng đem lại cho người mối lợi nào –
 Người chỉ giành danh dự bằng công sức,
 Đâu bằng cách phỉ báng người ta!
 Người muốn bay lên cao, toả sáng? –
 Dùng ý chí, sức mạnh, trí thông minh;
 Đi theo sau, dìu hạ người ta, –
 Làm thế chẳng lợi cho người đâu nhé.

Dù người bỏ bao nhiêu công sức,
 Chẳng thể đánh bại "Người truyền tin"^{1*}.
 Thôi cút đi! Để ta có thể

^{1*} – "Bremer Stadtbote" ("Người truyền tin thành thị Brè-men")

Báo cho mọi người lời sự thật!
 Bởi sự thật vẫn là sự thật,
 Lời sự thật mạnh hơn dối trá,
 Sẽ là như từ xưa tới nay –
 "Sự thật sẽ thắng vì nó mạnh!"

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 24
 tháng Hai 1839*

*Đã đăng trên báo "Bremer Stadtbote" số
 4, 24 tháng Hai 1839*

Ký tên: T ê - ô - đ o H.

*In theo bản đăng trên báo
 "Bremisches Unterhaltungsblatt" số*

17, 27 tháng Hai 1839

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

GỬI "NGƯỜI TRUYỀN TIN THÀNH THỊ"³

"Người truyền tin", đừng giận, hãy nghe,
 Điều ta chế giễu mi dài dài;
 Đáng đời mi lời ta cười nhạo,
 Vì, báo ơi, mi là một thằng ngốc.
 Mây đã đen kịt trên đầu mi
 Từ khi mi nhận làm người đưa tin;
 Ta đã thường thường bắt buộc mi
 Nhai lại những điều chính mi đã nói.
 Mỗi khi ta cần đến các đề tài,
 Ta đều lấy ở mi, mi thân mến,
 Lời nói của mi ta làm thành thơ,
 Trong thơ ấy ta đã chế giễu mi;
 Mi bỏ vắn, vút âm luật đi, –
 Lập tức mi sẽ biết bộ mặt mi.
 Giờ mi cứ chửi nếu mi phẫn nộ,
 Người luôn luôn sẵn sàng phục vụ

Hin-dê-bran-đơ.

Viết khoảng ngày 27 tháng Tư 1839

*Đã đăng trên báo "Bremisches Unterhal-
 tungsblatt" số 34, 27 tháng Tư 1839*

Ký tên: T ê - ô - đ o H i n - đ ê - b r a n - đ o

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

[THƯ GỬI NGỎ TIẾN SĨ RUN-KEN]⁴

En-bơ-phen-đơ, 6 tháng Năm. Gửi ông tiến sĩ Run-ken ở *En-bơ-phen-đơ*. Trên báo của ông, ông đã kịch liệt công kích tôi và "Những bức thư từ Vúp-pơ-tan" của tôi; ông buộc tội tôi là cố ý bóp méo sự thực, là không hiểu biết điều kiện, và tôi đã kích cá nhân, thậm chí tôi nói sai sự thật. Việc ông gọi tôi là người thuộc nhóm "Nước Đức trẻ"⁵ không quan trọng đối với tôi, vì tôi không thừa nhận những lời ông buộc tội nền văn chương trẻ tuổi và tôi không có vinh dự là người thuộc về phái đó. Từ trước đến nay tôi vẫn kính trọng ông như một nhà văn và nhà chính luận và tôi đã phát biểu ý kiến đó trong bài thứ hai, vả lại, tôi đã cố ý không nói đến những bài thơ của ông trên báo "Rheinisches Odeon", vì tôi không thể khen chúng⁶. Về việc cố ý xuyên tạc sự thực thì có thể buộc tội bất cứ ai, và người ta thường làm việc đó trong những trường hợp mà sự trình bày không phù hợp với định kiến của người đọc. Thế thì tại sao ông không dẫn ra một sự kiện nào để chứng minh? Về việc không hiểu biết điều kiện thì tôi ít chờ đợi lời trách cứ ấy hơn cả, nếu tôi không biết câu nói không có nội dung đó đã trở thành lối nói khoa trương rỗng tuếch thông dụng như thế nào trong khi không có luận cứ có sức thuyết phục hơn. Tôi sống ở Vúp-pơ-tan có thể lâu gấp đôi ông; tôi từng sống ở *En-bơ-phen-đơ* và *Bác-men* và đã có khả năng thuận lợi nhất để quan sát kỹ đời sống của tất cả mọi đẳng cấp.

Thưa ông Run-ken, tôi hoàn toàn không có tham vọng trở thành thiên tài như ông buộc tội tôi, nhưng quả thật cần phải

có trí tuệ cực kỳ hạn chế thì trong những tình huống như vậy mới không tìm hiểu điều kiện, đặc biệt là nếu ta muốn làm điều đó. Đã kích cá nhân ư? Người thuyết giáo, ông thầy cũng là người hoạt động xã hội y như nhà văn vậy, và ông sẽ không gọi việc nhắc lại những lời phát biểu công khai của nhà văn là đã kích cá nhân chứ? Tôi đã nói ở đâu về công việc cá nhân và hơn nữa là những công việc cá nhân mà để nhắc tới chúng buộc tôi phải nêu tên mình? Tôi đã chê cười công việc cá nhân ở chỗ nào? Còn về những điều bịa đặt gán cho tôi thì dù tôi có muốn tránh mọi sự đôi co và thậm chí mọi sự om sòm thế nào đi nữa, tôi cũng buộc phải yêu cầu ông – để khỏi làm mất thanh danh cả báo "Tin điện"^{1*} lẫn danh dự khuyết danh của tôi – nêu ra dù chỉ một điều không chính xác trong "vô khối điều không chính xác". Nói thật, ở đây thực sự có hai chỗ: việc Sti-rơ cải biên thơ được tái hiện không phải từng chữ một và tình hình những cuộc du ngoạn của ông Ê-ghe-nê không đến nỗi tồi như thế⁷. Nhưng xin ông làm ơn chỉ ra điều không chính xác thứ ba! Rồi ông nói, tôi không nêu một khía cạnh sáng sủa nào của địa phương ấy. Đúng thế; trong các chi tiết đầu đầu tôi cũng thừa nhận cái tốt (tôi chỉ không mô tả ông Sti-rơ trong toàn bộ tầm quan trọng của ông ta trong lĩnh vực thần học, điều này tôi rất tiếc), nhưng nói chung tôi không thể tìm thấy một hiện tượng hoàn toàn sáng sủa nào; tôi cũng đợi ông mô tả những con người như vậy. Rồi tôi cũng không định nói rằng Vúp-pơ đổ lại trở nên trong trẻo ở *Bác-men*. Đó chính là điều vô nghĩa: chẳng lẽ Vúp-pơ lại chảy lên núi? Cuối cùng tôi đề nghị ông xét đoán chỉ sau khi đã đọc toàn bộ, và từ nay có trích dẫn *Đan-tơ* thì trích dẫn nguyên văn

1* – "Telegraph für Deutschland"

hoặc hoàn toàn không trích dẫn ông ấy; ông ấy không nói "quy si entra nell'eterno dolore"^{1*}, mà nói "per mesi va nell'eterno dolore" ("Inferno", III, 2)^{2*}.

Tác giả "Những bức thư từ Vúp-po-tan"

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 6 tháng Năm
1839
Đã đăng trên báo "Elberfelder Zeitung" số
127, 9 tháng Năm 1839

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

**[LỜI THUYẾT GIÁO CỦA PH.V.CRUM-MA-KHO
VỀ GIÔ-XU-Ê NA-VIN]**

Trong lời thuyết giáo ông đọc ở En-bơ-phen-đơ về quyển sách của Giô-xu-ê Na-vin, chương 10, dòng thơ 12 và 13^{1*} trong đó có nói Giô-xu-ê bắt mặt trời dừng lại, Crum-ma-khơ có một lời khẳng định rất hay rằng tất cả những người Cơ Đốc giáo ngoan đạo, những người thượng lưu phải lĩnh hội đoạn này theo nghĩa là Giô-xu-ê chỉ thích nghi với quan điểm của nhân dân, song phải tin rằng *trái đất đứng im, còn mặt trời thì chuyển động xung quanh trái đất*. Để chứng minh lời khẳng định của mình, ông tuyên bố rằng trong toàn bộ kinh thánh đều nói như vậy. Mặc cho những người thượng lưu ấy ôm vào lòng mình kẻ ngu ngốc mà sau đó sẽ theo họ và liên kết anh ta với những người mà họ đã tranh thủ được.

Chúng tôi sẽ vui mừng tiếp thu việc bác bỏ giai thoại đáng buồn ấy, cái giai thoại đến với chúng tôi từ một nguồn xác thực.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Năm 1839
Đã đăng không ký tên trong tạp chí
"Telegraph für Deutschland" số 84, tháng
Năm 1839

In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* – ai dẫn tới nơi có tiếng rên muôn thuở"

2* – tôi dẫn tới nơi có tiếng rên muôn thuở" (*Dan-tơ*. "Thân khúc", "Địa ngục", bài ca III, dòng 2).

1* – Kinh thánh. Kinh cựu ước. Sách của Giô-xu-ê Na-vin, chương 10, dòng thơ 12 và 13.

TỪ EN-BƠ-PHEN-ĐỒ

Từ một lúc nào đó vang lên những lời kêu ca, những lời kêu ca cay đắng về sức mạnh đáng buồn của chủ nghĩa hoài nghi; đầu đầu người ta cũng buồn rầu nhìn toà nhà niềm tin cũ đã đổ nát, với hy vọng mỏng manh rằng những đám mây đen bao phủ bầu trời của tương lai sẽ tan đi. Với một cảm giác buồn y như vậy tôi buông khỏi tay quyển "Những bài ca của người bạn đã yên giấc nghìn thu"⁸. Đó là những bài ca của một người Cơ Đốc giáo đã chết, người Vúp-pơ-tan đích thực, nhắc đến thời kỳ khoá lạc khi có thể còn áp ủ niềm tin ấu trĩ vào cái học thuyết mà trong đó bây giờ ta thấy không ít mâu thuẫn, khi tư tưởng tự do của tôn giáo gặp phải toàn bộ cơ phần nội thần thánh giờ đây lại tạo ra nụ cười hoặc sự đỏ mặt ngượng ngùng. – Ngay bản thân nơi in quyển sách đã cho thấy rằng đối với những bài thơ ấy không thể đối xử với tiêu chuẩn thông thường, rằng ở đây ta không tìm thấy những ý chói lọi, không tìm thấy khí thế không kiểm chế được của tinh thần tự do. Thậm chí sẽ không công bằng nếu đòi hỏi cái gì khác nào đó ngoài thành quả của phái kiên thành⁹. – Quy mô đúng đắn duy nhất có thể áp dụng vào những bài thơ ấy đã được sách báo trước đây của Vúp-pơ-tan đưa ra rồi, đối với sách báo này tôi đã cung cấp đủ địa bàn cho sự phẫn nộ¹⁰, để lần này cho phép mình có thái độ khác đối với một trong những tác phẩm của nó. Và không thể phủ nhận rằng trong quyển sách ấy bộc lộ một sự tiến bộ nào đó. Những bài thơ có lẽ do một người bên lương tuy không phải không có học thức viết, về nội dung ít ra không thua kém thơ của hai nhà

truyền giáo Đuê-rinh và Pôn; đôi khi thậm chí cảm thấy phảng phất chất lãng mạn, trong chừng mực nó tương hợp với giáo lý Can-vanh¹¹. Về hình thức thì những câu thơ ấy là những câu thơ tốt nhất trong số những cái mà từ trước đến nay Vúp-pơ-tan đã đem lại; thường gặp những vần thơ mới hoặc độc đáo không kém về trau chuốt; tác giả thậm chí đã vươn tới loại thơ hai câu và đoạn thi tự do; song đối với tác giả thì những hình thức ấy đã tỏ ra quá cao. Ảnh hưởng của Crum-ma-khơ^{1*} quá rõ ràng; đầu đầu cũng sử dụng những lối nói và hình tượng của tác giả đó; nhưng khi nhà thơ viết:

Người hành hương

dắt thánh: Hỡi con chiến khốn khổ trong đàn chiên của Ki-tô,
Người phải trùm trong niềm vinh quang của Chúa,
Thế mà người, chiến ơi, khiêm tốn vậy ư!

Con chiên: Tôi chỉ sống đây giày lát, khổ đau,
Và sẽ lên cõi thiên đường;
Lữ khách ơi, đừng nói nữa, hãy làm con chiên,
Cống hợp: cúi người xuống mà đi,
Làm thinh, cầu nguyện và làm cừ non,

thì đó không còn là sự bất chước Crum-ma-khơ nữa, mà chính là của ông ta! Nhưng trong những bài thơ ấy có một số chỗ thu hút bạn đọc bằng tình cảm chân thành, – nhưng than ôi, không thể nào được quên rằng trong đa số trường hợp, tình cảm đó là tình cảm bệnh hoạn! Và ngay cả ở đây ta cũng thấy tôn giáo có tác động làm cho người ta thêm vững tin và an ủi đến mức nào khi nó trở thành công việc của trái tim, – ngay cả trong những trường hợp cực đoan đáng buồn nhất.

Bạn đọc thân mến, xin thứ lỗi về việc tôi đã làm bạn chú ý tới quyển sách mà có thể đối với bạn không lấy gì là lý thú; bạn

1* – Phri-đrich Vin-hem Crum-ma-khơ

không sinh ra ở Vúp-pơ-tan, có thể bạn chưa bao giờ trèo lên núi ở đó và chưa thấy dưới chân mình cả hai thành phố^{1*}, nhưng vì rằng bạn cũng có quê hương và có thể, sau khi trút hết cơn giận lên tất cả các khiếm khuyết của nó, thì cũng với tình yêu như tôi, bạn quay trở về với những nét thể hiện nhỏ bé nhất của quê hương.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào mùa thu 1839
Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für
Deutschland" số 178, tháng Mười một 1839
Ký tên: X. Ô - x v a n - đ o*

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* – Bác-men và En-bơ-phen-đơ

NHỮNG SÁCH NHÂN DÂN ĐỨC

Chẳng lẽ một quyển sách là sách nhân dân, sách nhân dân Đức không phải là lời khen lớn đối với nó? Song chính vì thế mà chúng ta có quyền mong muốn nhiều hơn ở quyển sách như vậy, chính vì thế mà nó phải thỏa mãn tất cả những yêu cầu hợp lý và phải hoàn hảo về tất cả mọi mặt. Sách nhân dân có sứ mệnh phải làm cho nông dân vui khi họ mệt mỏi sau khi làm việc nặng nề trở về buổi chiều tối, giúp họ giải trí, làm cho họ tươi tỉnh, bắt họ quên lao động nặng nhọc của họ, biến cánh đồng sỏi đá của họ thành vườn cây quả thơm tho; nó có sứ mệnh biến xưởng của người thợ thủ công và căn buồng sát mái thăm hại của anh thợ học việc kiệt sức thành thế giới thơ ca, thành cung điện vàng, biến cô nàng người yêu vạm vỡ của anh thành nàng công chúa kiều diễm; nhưng nó cũng có sứ mệnh – bên cạnh kinh thánh – làm sáng rõ tình cảm đạo đức của anh, bắt anh phải nhận thức được sức mạnh của mình, quyền hạn của mình, sự tự do của mình, khơi dậy lòng dũng cảm của anh, tình yêu của anh đối với tổ quốc.

Do đó, nếu có thể công bằng đòi hỏi sách nhân dân nói chung phải có nội dung thi vị phong phú, có tính sắc sảo hóm hỉnh tươi thắm, có sự trong sáng về đạo đức, còn sách nhân dân Đức còn phải có tinh thần *Đức* lành mạnh, trung thực, – nghĩa là phải có những phẩm chất mà vào tất cả mọi thời đại đều vẫn như nhau, – thì bên cạnh đó chúng ta cũng có quyền đòi hỏi sách nhân dân phải phù hợp với thời đại mình, nếu không thì

nó không còn là sách nhân dân nữa. Đặc biệt, nếu xét cuộc sống đương đại với chúng ta, xét cuộc đấu tranh vì tự do xuyên suốt tất cả mọi hiện tượng của thời đại hiện nay, – chủ nghĩa lập hiến đang phát triển, sự chống đối ách áp bức của giai cấp quý tộc, cuộc đấu tranh của tư tưởng với phái kiên thành⁹, của tính yêu đời với tàn dư của chủ nghĩa khổ hạnh khó dăm dăm, thì tôi không thấy vì sao chúng ta không có quyền đòi hỏi sách nhân dân về mặt này phải đến giúp người ít học thức, chỉ cho họ thấy – tuy tất nhiên không phải bằng cách suy diễn trực tiếp – tính đúng đắn và hợp lý của những ý nguyện ấy, nhưng tuyệt đối không được dung túng sự giả dối, sự luồn cúi giới quý tộc và phái kiên thành. Song, lẽ dĩ nhiên sách nhân dân phải xa lánh những phong tục của thời trước mà giờ đây đã trở thành vô nghĩa và thậm chí là điều phi nghĩa.

Chúng ta có quyền và có nghĩa vụ phải căn cứ vào những nguyên tắc ấy để xem xét cả những quyển sách giờ đây thực sự là những sách nhân dân Đức và thường được tập hợp dưới tên gọi này. Một phần chúng là sản phẩm của thơ ca Đức hoặc Rô-manh thời trung cổ, một phần là sản phẩm của sự mê tín của nhân dân. Trước kia chúng là đối tượng khinh bỉ và chế giễu cho các đảng cấp cao nhất, rồi như mọi người đã biết, các nhà lãng mạn đã tìm kiếm, xử lý, hơn thế nữa còn ca ngợi chúng. Nhưng các nhà lãng mạn chỉ quan tâm đến nội dung thi ca của chúng mà thôi; bởi vì họ không có khả năng hiểu ý nghĩa của chúng với tư cách là sách nhân dân, điều này được Guê-re-xơ chỉ ra trong tác phẩm của ông¹² về chủ đề này. Về *Guê-re-xơ* thì mới đây chúng ta có thể khẳng định rằng nói chung tất cả những điều xét đoán của ông ấy đều là *kết quả của trí tưởng tượng*. Song ý kiến thường lệ về những quyển sách đó vẫn còn dựa trên cuốn sách của ông ấy, và trong lời quảng cáo về ấn phẩm của mình Mác-bắc vẫn còn dựa vào ý kiến đó. Nhân ba lần hiệu chỉnh mới đây những cuốn

sách ấy, Mác-bắc hiệu chỉnh văn xuôi, *Dim-rốc* hiệu chỉnh văn xuôi và thơ, – trong số đó hai bản vẫn còn dành cho nhân dân, – cho nên cần một lần nữa kiểm tra chính xác đối tượng của những lần hiệu chỉnh đó trên góc độ ý nghĩa của chúng đối với nhân dân¹³.

Chừng nào thơ ca thời trung cổ nói chung được đánh giá khác nhau như vậy, thì việc xét đoán ưu điểm thi ca của những sách đó phải để cho từng người làm; nhưng tất nhiên không ai phủ nhận rằng chúng thực sự đầy tính thi ca. Vì thế nếu chúng không được thừa nhận là sách nhân dân, thì giá trị thi ca của chúng ắt phải được bảo tồn toàn bộ; hơn nữa theo lời Si-lơ:

Cái sống bất tử trong lời ca,

Trong cuộc đời nó tìm được cái chết^{1*},

thì có thể một nhà thơ khác thậm chí sẽ tìm thêm được nguyên cớ để duy trì cho thi ca cái không thể lưu giữ được trong nhân dân bằng cách hiệu chỉnh.

Giữa nội dung kể lại thuộc nguồn gốc Đức và Rô-manh ta thấy có sự khác biệt rất tiêu biểu: truyện kể của Đức – những truyền thuyết dân gian đích thực – đặt lên hàng đầu người đàn ông hành động tích cực; của Rô-manh thì đặt người đàn bà – hoặc đơn giản là một nhân vật chịu đau khổ (Ghe-nô-vê-pha) hoặc nhân vật biết yêu, do đó cũng thụ động đối với sự đam mê. Chỉ có một ngoại lệ là những truyện "Những người con của Hây-môn" và "Phoóc-tu-nát" – hai truyền thuyết loại tiểu thuyết, nhưng cũng thuộc truyền thuyết dân gian, trong khi "Ốc-ta-vi-an", "Mê-luy-di-na" v.v. là sản phẩm của thi ca cung đình và chỉ về sau mới được truyền bá trong dân gian do được chuyển thành văn xuôi. – Trong số các tác phẩm hài cũng chỉ có một tác phẩm

1* Trích bài thơ của Si-lơ "Các vị thần Hy Lạp"

không thuộc nguồn gốc Đức trực tiếp – "Xa-lô-mông và Mô-rôn-phơ", trong khi đó "U-len-spi-ghen", "Thị dân Sin-đơ" v.v. chắc chắn là của chúng ta.

Nếu xét tất cả những sách ấy trong tổng thể và đánh giá chúng theo những nguyên tắc đã phát biểu lúc đầu, thì thấy rõ rằng chúng đáp ứng những yêu cầu đó chỉ từ một phía: trong những cuốn đó có nhiều chất thơ và hóm hỉnh, hơn nữa dưới một hình thức nói chung hoàn toàn dễ tiếp thu đối với ngay cả những người ít học thức nhất; nhưng mặt khác, những sách ấy hoàn toàn không thỏa mãn chúng ta. Một số trong những sách ấy bộc lộ những đặc tính mâu thuẫn với những yêu cầu của chúng ta, số khác chỉ đáp ứng yêu cầu một phần. Vì đây là những sản phẩm của thời trung cổ nên lẽ tự nhiên chúng xa lạ với những mục đích đặc biệt mà thời đại chúng ta có thể đặt ra trước chúng. Vì vậy, mặc dù lĩnh vực văn học này có vẻ phong phú và mặc dù có những lối văn hoa mỹ của Ti-cơ và Guê-re-xơ, nhưng còn phải đòi hỏi ở chúng rất nhiều; liệu những khiếm khuyết ấy lúc nào đó sẽ được bù đắp hay không – đây là một vấn đề khác mà tôi không định giải đáp.

Giờ đây khi chuyển sang phân tích một số tác phẩm riêng lẻ, có thể nói rằng, chắc chắn tác phẩm quan trọng nhất trong số đó là cuốn *"Chuyện Dích-phrít không chệ vào đâu được"*. – Tôi thích cuốn này, đó là chuyện kể tương đối hoàn hảo, đầy chất thơ tuyệt vời, thể hiện lúc thì hết sức ngây thơ, lúc thì với cảm hứng hài hước hết sức tuyệt vời; sách tỏa ra sự sắc sảo – ai mà không biết đoạn kể tuyệt diệu mô tả cuộc vật lộn của hai kẻ hèn nhất? Ở đây có tính cách, tình cảm táo bạo, trẻ trung tươi tắn có thể làm gương cho bất kỳ người thợ bạn làm rong nào, tuy giờ đây anh ta không phải đương đầu với rỗng và người khổng lồ. Nếu như sửa lại lỗi in sai quá nhiều trong ấn phẩm đặt trước mặt tôi (xuất bản ở Khuên)¹⁴ và đặt đúng dấu câu thì

những bản chỉnh lý của Sva-bơ¹⁵ và của Mác-bắc sẽ mờ nhạt trước mẫu mực văn phong dân gian chân chính ấy. Nhưng về phần mình cả nhân dân cũng tỏ ra biết ơn: trong số các sách nhân dân tôi không gặp một quyển nào một cách thường xuyên như quyển này.

"Công tước Hen-rích Lép". – Tiếc rằng tôi không kiếm được bản in cũ quyển sách này: có lẽ lần xuất bản mới in ở Ai-nơ-bếch¹⁶ đã hoàn toàn lấn át bản in cũ. Đầu tiên đăng gia phả dòng họ Brao-nơ-svai-gơ ghi chép tới năm 1735, tiếp sau đó là tiểu sử công tước Hen-rích theo như lịch sử, rồi truyền thuyết dân gian. Thêm vào đó còn có chuyện kể về Gốt-phrít xứ Bu-li-on cũng những điều mà truyền thuyết dân gian gán cho Hen-rích Lép, chuyện về người nô lệ An-đrô-ních, như người ta phỏng đoán, chuyện này là của tu viện trưởng Pa-le-xtin Ghê-ra-di-mi, ở phần cuối đã thay đổi đáng kể, và một bài thơ của trường phái lãng mạn mới nhất mà tôi không thể nhớ tên tác giả của nó, trong đó lại kể lại truyền thuyết về Lép. Hậu quả là chính bản thân truyền thuyết là cơ sở cho quyển sách nhân dân, hoàn toàn biến mất dưới sức nặng của mọi điều mà sự dễ dãi của người xuất bản sáng suốt đã thêm thắt cho nó. Bản thân truyền thuyết thật tuyệt vời, phần còn lại thì không hay, – người Sva-bơ có liên quan gì đến chuyện Brao-nơ-svai-gơ? Và đưa ra một bài diễn ca hiện đại nhiều lời sau phong cách đơn giản của sách nhân dân phỏng có ý nghĩa gì? Nhưng cả phong cách ấy cũng đã biến mất; tác giả thiên tài của bản hiệu chỉnh mà theo tôi đó là một linh mục hoặc thầy giáo nào đó ở cuối thế kỷ trước, viết như sau:

"Vậy, mục đích của chuyến lữ hành đã đạt được, đất hứa đã nằm trước mắt, có thể đặt chân lên miền đất mà những hoài ức có ý nghĩa lớn nhất về lịch sử tôn giáo gắn bó với nó! Lòng chất phác thánh thiện nhìn nó một cách thèm thuồng ở đây đã thể hiện thành sự sùng kính rực lửa, đã được chế ngự hoàn toàn ở đây và đã trở thành niềm vui sống động nhất trong chúa".

Mong sao người ta phục hồi ngôn ngữ cổ của truyền thuyết;

mong sao người ta thêm vào đó những truyền thuyết dân gian đích thực khác để làm cho quyển sách đầy đặn và truyền bá nó trong dân gian dưới dạng như vậy, lúc đó nó sẽ duy trì được tinh thần thi vị; nhưng dưới hình thức như hiện nay nó không xứng đáng được lưu hành trong nhân dân.

"**Công tước Éc-no-xtơ**". – Tác giả cuốn này không phải là một nhà thơ đặc biệt lớn: tất cả mọi yếu tố thi ca ông đã tìm thấy trong chuyện cổ tích phương Đông. Nhưng cuốn sách viết tốt và là sách đọc hấp dẫn đối với dân chúng; song tất cả chỉ có thế! Vì không một người nào tin vào tính hiện thực của những hình tượng hoang đường gặp trong sách ấy nữa, nên có thể để nó nguyên xi trong tay dân chúng.

Bây giờ tôi xin chuyển sang hai truyền thuyết do nhân dân Đức xây dựng và được tiếp tục phát triển trong sự sáng tạo của họ, những truyền thuyết nằm trong số những tác phẩm sâu sắc nhất của nền thơ ca dân gian của tất cả mọi dân tộc. Ý tôi muốn nói tới truyền thuyết về **Phau-xtơ** và truyền thuyết về **Người Do Thái lang bạt muôn thuở**. Chúng là vô tận; mỗi thời đại đều có thể nhận những truyền thuyết ấy là của mình mà không thay đổi thực chất của chúng; và tuy những bản chính lý truyền thuyết về Phau-xtơ sau Gơ-tơ cũng y như những bản chính lý "I-li-át" post Homerum^{1*}, trong chúng mỗi lần người ta vẫn phát hiện những khía cạnh mới, chưa nói gì đến tầm quan trọng của truyền thuyết về A-ga-xphe-rơ đối với thơ ca hiện đại. Nhưng những truyền thuyết ấy được dẫn ra trong các sách nhân dân dưới dạng như thế nào! Ở đây chúng tuyệt nhiên không phải là các tác phẩm của óc tưởng tượng tự do, không phải, mà là các tác phẩm của sự mê tín có tính chất nô lệ: sách về Người Do Thái lang bạt muôn

thuở thậm chí đòi hỏi chúng ta phải có niềm tin tôn giáo vào nội dung của nó mà nó tìm cách thanh minh bằng kinh thánh và bằng một loạt chuyện thần thoại vô lý; trong nó truyền thuyết chỉ còn lại cái vỏ ngoài cùng, nhưng nó chứa đựng lời răn dạy rất dài và tế nhị của đạo Cơ Đốc về người Do Thái lang bạt A-ga-xphe-rơ. Truyền thuyết về Phau-xtơ bị hạ xuống đến mức chuyện tầm phào về những tên phù thủy được điểm xuyết những giai thoại thông thường về phép lạ; ngay cả một chút chất thơ còn duy trì trong hài kịch dân gian cũng hầu như hoàn toàn biến mất. Cả hai quyển sách ấy chẳng những không có khả năng đem lại khoái cảm thi vị, mà dưới dạng như hiện nay chúng chỉ có thể lại củng cố và lại khôi phục sự mê tín cũ: vả lại có thể mong đợi cái gì khác từ đồ quý quái như vậy? Sự hiểu biết truyền thuyết và nội dung của nó xem ra cũng đã biến mất hoàn toàn cả trong nhân dân. Phau-xtơ bị coi là thầy phù thủy bình thường, còn A-ga-xphe-rơ thì bị coi là kẻ ác độc lớn nhất sau Giu-đa I-xca-ri-ốt. Nhưng lẽ nào không thể cứu vãn cả hai truyền thuyết ấy cho *nhân dân* Đức, lẽ nào không thể khôi phục cho chúng sự trong sáng ban đầu của chúng và biểu hiện thực chất của chúng thật sáng rõ để ý tứ sâu xa của chúng trở nên dễ hiểu hơn cả cho những người ít học thức hơn? Mác-bác và Dim-róc chưa đạt tới chỗ chỉnh lý những truyền thuyết ấy; trong việc này chúng ta chúc họ dựa vào sự phê phán sáng suốt!

Trước mắt chúng ta có một loạt sách nhân dân khác – đó là những sách hài hước: "**U-len-spi-ghen**", "**Xa-lô-mông và Mô-rôn-phơ**", "**Cha cố xứ Ca-len-béc**", "**Bảy người Sva-bơ**", "**Thị dân Sin-đơ**". Có thể gặp bộ sưu tập như vậy ở một số ít dân tộc thôi. Sự hóm hỉnh ấy, tính tự nhiên ấy của ý đồ và của việc biểu hiện, sự hài hước chất phác luôn luôn kèm theo sự chế giễu chua cay để nó không trở thành quá độc ác, tính khôi hài đáng kinh ngạc của các luận điểm – tất cả những cái đó, nói thật

1* – sau Hô-mê

ra, có thể ăn đứt một bộ phận đáng kể văn chương của chúng ta. Trong số các tác giả hiện đại, ai có đủ óc tưởng tượng để viết ra một quyển sách như cuốn "Thị dân Sin-đơ". Sự hài hước của Mun-tơ tỏ ra tầm thường biết bao khi ta so sánh nó với sự hài hước của cuốn "Bảy người Sva-bơ"! Tất nhiên, để viết được những quyển sách như vậy cần có một thế kỷ yên tĩnh hơn thế kỷ của chúng ta, thế kỷ luôn luôn bận bịu, – giống như một con người tháo vát bất an, – với những vấn đề quan trọng mà anh ta phải giải đáp trước khi suy nghĩ một điều gì khác. Về hình thức của những quyển sách ấy, nếu vứt bỏ khỏi chúng một đôi điều hóm hỉnh không đạt và sửa chữa văn phong kém cỏi, thì chỉ cần thay đổi một chút thôi. Về quyển "U-len-spi-ghen" cần phải nhận xét rằng một số lần xuất bản có đóng dấu kiểm duyệt của Phổ thì không hoàn toàn đầy đủ; ngay ở đầu không đủ chất hóm hỉnh cứng cáp mà ý tứ của nó được biểu hiện ở Mác-bác trong một bức tranh rất tốt.

Những chuyện về *Ghe-nô-ve-pha*, *Gri-den-đa* và *Hiéc-li-an-đa*, ba quyển sách có nguồn gốc Rô-manh mà nhân vật của chúng là người phụ nữ và cụ thể là người phụ nữ đau khổ, là một sự đối lập rõ rệt với những tác phẩm kể trên; chúng đánh giá và hơn nữa đánh giá một cách hết sức thơ mộng, thái độ của thời trung cổ đối với tôn giáo. Chỉ có quyển "Ghe-nô-ve-pha" và quyển "Hiéc-li-an-đa" là được viết ra theo một khuôn mẫu. Nhưng, lạy chúa, nhân dân Đức giờ đây thiết gì cái đó? Tất nhiên, có thể hình dung rất tốt nhân dân Đức trong hình tượng Gri-den-đa, còn trong hình tượng của hầu tước Van-te thì hình dung rất tốt các vị công tước, nhưng trong trường hợp như vậy thì chất hài sẽ phải có một sự kết thúc hoàn toàn khác so với trong sách nhân dân; cả hai bên đều sẽ chống lại cách so sánh như thế và sẽ đều đúng trong một mức độ nào đó. Để hình dung "Gri-den-đa" dưới dạng một quyển sách nhân dân như trước đây,

tôi phải tưởng tượng nó dưới dạng lá đơn thỉnh nguyện về việc giải phóng phụ nữ gửi cho Quốc hội hiệp bang Đức cao cả. Song không phải là người ta không biết rằng cách đây bốn năm những đơn thỉnh nguyện lãng mạn như vậy đã được đón nhận như thế nào¹⁷, và vì thế điều làm tôi ngạc nhiên là Mác-bác không được xếp lùi về trước vào nhóm "Nước Đức trẻ"¹⁸. Nhân dân đã đóng khá lâu vai trò của Gri-den-đa và Ghe-nô-ve-pha; mặc cho họ giờ đây sẽ đóng dù chỉ một lần vai trò của Dích-phrít và Rây-nan-đơ; nhưng phải chăng có thể dạy cho họ biết làm điều đó bằng cách khen ngợi những câu chuyện cổ, thuyết giáo việc an phận nhàn nhục ấy?

Cuốn sách về *Hoàng đế Ốc-ta-vi-an* ở phần đầu của nó cũng thuộc kiểu này, còn phần thứ hai về nội dung mà nói thì gần với những chuyện tình ái thực thụ. Chuyện *Ê-lê-na* chỉ còn là sự bắt chước cuốn "Ốc-ta-vi-an" mà, có thể cả hai tác phẩm là những dị bản của cùng một truyền thuyết. Phần thứ hai của cuốn "Ốc-ta-vi-an" là một quyển sách nhân dân tuyệt vời mà chỉ có thể sánh với cuốn "Dích-phrít"; sự miêu tả đặc tính của Phlô-ren-xơ, cũng như cha nuôi của ông ta là Cli-men-tơ và cả Cláp-di-út thật tuyệt vời, và ở đây Ti-cơ cũng không có vướng mắc nào¹⁸; nhưng phải chăng ở đây chỗ nào mà chẳng thấy sợi chỉ đỏ xuyên suốt nói lên cái tư tưởng rằng dòng máu quý tộc tốt hơn dòng máu thị dân? Và chẳng lẽ chúng ta không thường gặp tư tưởng đó ngay trong bản thân nhân dân! Nếu như không thể gạt bỏ được tư tưởng ấy khỏi cuốn "Ốc-ta-vi-an" – mà tôi cho là không thể làm thế được, – nếu lưu ý rằng *tư tưởng như vậy* trước hết cần phải trừ bỏ ở nơi chế độ hiến pháp phải được thiết lập, thì dù cuốn sách có thi vị thế nào đi nữa, canseo Carthaginem esse delandam^{1*}.

1* – tôi cho rằng thành Các-ta-giơ phải bị phá hủy.

Đối lập với ba chuyện ướat át kể trên về nỗi đau khổ và nhấn nhục là ba quyển sách khác ca ngợi tình yêu. Đó là các quyển "*Ma-ghe-lô-na*", "*Mê-luy-di-na*" và "*Tơ-ri-xtan*". Với tư cách là sách nhân dân, tôi thích nhất quyển "*Ma-ghe-lô-na*"; còn quyển "*Mê-luy-di-na*" thì đầy dẫy những điều vô lý và những điều phóng đại theo lối cổ tích, thành thử trong quyển đó có thể thấy câu chuyện thuộc loại Đông-Ki-sốt, và tôi lại hỏi: nhân dân Đức có liên quan gì với điều đó? Hoặc là chuyện Tơ-ri-xtan và I-dôn-đa, tôi sẽ không đề cập đến ý nghĩa thi ca của nó, vì tôi thích bản chính lý tuyệt diệu của Gốt-phrít ở Xơ-ra-xbua¹⁹, tuy trong việc trần thuật cũng có thể có một số thiếu sót; nhưng không có cuốn nào đáng dành cho nhân dân hơn cuốn này. Quả thật, ở đây lại nổi lên một vấn đề hiện đại - vấn đề giải phóng phụ nữ; hiện nay một nhà thơ thông thạo khi xử lý chuyện "Tơ-ri-xtan" không thể nào loại bỏ vấn đề đó ra khỏi quyển sách của mình, nếu anh ta không muốn qua đó rơi vào kiểu thơ ca kiểu cách và có thiên kiến buồn tẻ. Nhưng trong một quyển sách nhân dân mà hoàn toàn không đề cập đến vấn đề này, thì toàn bộ chuyện kể chỉ là việc thanh minh cho sự vi phạm tình chung thủy vợ chồng, vì vậy đưa quyển sách dưới dạng như vậy cho nhân dân là rất mạo hiểm. Thế nhưng cuốn này hầu như hoàn toàn không còn lưu hành nữa, và chậ vật lăm mới có thể kiếm được dù chỉ một bản.

Quyển "*Những đứa con của Hây-môn*" và quyển "*Phoóc-tu-nát*" trong đó chúng ta lại thấy *nhân vật nam* ở trung tâm sự kiện – vẫn lại là hai quyển sách nhân dân thực sự. Trong cuốn "*Phoóc-tu-nát*", cái hấp dẫn chúng ta là sự hài hước cực kỳ vui nhộn mà đứa con của số phận thể hiện trong tất cả những cuộc phiêu lưu của mình; trong quyển "*Những đứa con của Hây-môn*", cái hấp dẫn chúng ta là tính ngang bướng táo tợn, tinh thần chống đối không kìm chế được được thể hiện với sức mạnh trẻ

trung chống đối lại quyền lực tuyệt đối, tàn bạo của Sác-lơ-ma-nhơ và không sợ trả thù bằng bàn tay của chính mình, ngay cả trong con mắt của đức vua, về những hành động xúc phạm đã gây ra.

Trong các sách nhân dân tinh thần trẻ trung ấat phải ngự trị, và vì nó mà có thể không lưu ý đến nhiều thiếu sót. Nhưng tìm thấy tinh thần đó ở chỗ nào trong cuốn "Gri-den-đa" và những tác phẩm thuộc loại ấy?

Và cuối cùng, những quyển sách tuyệt vời nhất là cuốn "*Lịch thế kỷ*" thiên tài, cuốn "*Xôn-ních*" siêu thông thái, "*Bánh xe hạnh phúc*" không bao giờ lừa dối và những con đẽ vô nghĩa khác của lòng mê tín nguy hại. Bất kỳ ai dù chỉ một lần nhìn vào quyển sách của Guê-re-xơ đều biết ông ta dùng những lời ngụ ý biện thảm hại nào để biện bạch cho toàn bộ điều vớ vẩn ấy. Tất cả những quyển sách không ra gì đó xứng đáng được cơ quan kiểm duyệt Phổ phê chuẩn. Tất nhiên, chúng không cách mạng như những bức thư của Bóc-nơ²⁰, cũng không vô đạo đức như người ta khẳng định đối với quyển "Va-li-a"²¹. Chúng ta thấy những lời buộc tội rằng cơ quan kiểm duyệt Phổ cực kỳ nghiêm khắc là sai lệch biết bao. Dĩ nhiên, tôi không cần phải chứng minh nữa rằng những thứ nhảm nhí như thế không được truyền bá trong nhân dân.

Về những quyển sách nhân dân khác thì không có gì để nói cả. Những câu chuyện về *Pôn-tu-xơ*, *Phi-e-ra-bra-xơ* v.v. từ lâu đã bị lãng quên và do đó không xứng đáng với tên gọi đó nữa. Nhưng tôi cảm thấy rằng ngay trong số ít nhận xét đó tôi đã chứng minh rằng những sách đó không đạt yêu cầu như thế nào, nếu xem xét chúng từ góc độ lợi ích của nhân dân, chứ không phải lợi ích của thơ ca. Chúng cần được chỉnh lý sau khi chọn lọc chặt chẽ, và lại nếu không cần thiết thì không nên lẫn tránh những lối nói cổ, chúng phải được xuất bản tốt và lúc đó có thể

truyền bá trong nhân dân. Sẽ không dễ dàng và không khôn ngoan nếu cố ý thủ tiêu những cuốn không đáp ứng yêu cầu của giới phê bình; cơ quan kiểm duyệt chỉ có thể khước từ cho phép xuất bản loại nào thực sự truyền bá mê tín dị đoan. Những quyển khác tự chúng biến mất; quyển "Gri-den-đa" rất hiếm gặp, còn quyển "Tơ-ri-xtan" hầu như hoàn toàn không thấy. Ở một số địa phương, như ở Vúp-pơ-tan chẳng hạn, không thể tìm được một bản nào; còn ở những nơi khác, như ở Khuên, Brê-men, v.v. chẳng hạn, hầu như mỗi chủ hiệu đều trưng bày trên quầy một số bản những sách ấy cho nông dân ở các nơi khác tới mua.

Nhưng lẽ nào vì nhân dân Đức mà lại không xuất bản những quyển tốt nhất trong số sách ấy sau khi đã được chỉnh lý cẩn thận? Tất nhiên không phải ai cũng có khả năng thực hiện việc chỉnh lý như vậy; tôi chỉ biết hai tác giả có đầu óc phân tích sáng suốt và cách nhìn phù hợp để chọn lọc đúng đắn và có khả năng sử dụng văn phong cổ khi trình bày - đó là anh em *Grim*; nhưng liệu họ có ham thích và có thời gian rỗi để làm việc đó hay không? Lối chỉnh lý của Mác-bác hoàn toàn không thích hợp đối với nhân dân. Và lại ở đây có thể hy vọng vào điều gì, nếu ông ta lập tức bắt đầu từ quyển "Gri-den-đa"? Ông ta chẳng những không có sự miễn cảm phê phán mà còn dám bỏ đi những chỗ hoàn toàn không cần loại; hơn nữa ông ta đã làm cho văn phong của những tác phẩm ấy hoàn toàn mờ nhạt - chỉ cần so sánh quyển sách nhân dân kể về "Dích-phrít không thể chê được" hoặc một quyển nào khác với bản ông ta xử lý là đủ. Ở ông ta, ta chỉ gặp những câu không gắn bó với nhau, việc thay đổi trật tự từ mà không có nguyên do nào khác ngoài lòng đam mê của ông Mác-bác, muốn tỏ ra là độc lập, vì thiếu sự độc lập thuộc một loại khác. Vậy thì cái gì khác, nếu không phải là cái đó, đã khiến ông ta thay đổi những chỗ hay nhất trong quyển sách nhân dân và đặt ở đấy những dấu câu không cần thiết của

ông ta? Đối với người không biết sách nhân dân thì những chuyện kể của Mác-bác hoàn toàn tốt, nhưng chỉ cần so sánh hai cái cũng đủ để thấy rõ rằng toàn bộ công lao của Mác-bác chung quy là sửa lỗi in sai. Những tranh khắc của ông ta có giá trị hết sức khác nhau. Cách chỉnh lý của Dim-rốc chưa nhích lên được mấy để có thể nói lời xét đoán về nó; nhưng tôi tin cậy Dim-rốc nhiều hơn so với đối thủ của ông ta. Các tranh khắc của ông ta cũng thường tốt hơn tranh khắc của Mác-bác.

Đối với tôi, những quyển sách nhân dân cũ ấy, với lời kể cổ của chúng, với những lỗi in sai và những tranh khắc xoàng xĩnh của chúng có một sự duyên dáng thi vị khác thường. Chúng dẫn tôi ra khỏi những "trật tự, những cảnh nhốn nháo và những quan hệ qua lại tinh vi" rồi rầm hiện đại tới một thế giới gần gũi hơn nhiều với thiên nhiên. Nhưng ở đây không thể nói đến chuyện ấy được. Lý lẽ chủ yếu của Ti-cơ chính là ở sự mỹ miều thi vị ấy, nhưng uy tín của Ti-cơ, của Guê-re-xơ và của tất cả những người lãng mạn khác có ý nghĩa gì khi lý trí chống lại nó và khi nói tới *nhân dân Đức*?

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào mùa thu năm 1839
Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für
Deutschland" số 186, 188, 189, 190 và 191;
tháng Mười một 1839
Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-dơ*

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

CÁC-LO BÉCH

Tôi là ông vua man rợ, mãnh liệt,
Sức mạnh những bài ca sắt thép của tôi đáng sợ;
Đau khổ đặt quanh trán tôi
Chiếc khăn xếp với những nếp bí ẩn^{1*}.

Với những lời cầu kỳ như vậy, ông Béch, sau khi được thừa nhận, đã bước vào hàng ngũ các nhà thơ Đức; trong ánh mắt là cảm giác kiêu hãnh về sứ mệnh của mình; quanh miệng là nếp nhăn của nỗi đau buồn thế giới rất mốt trong thời đại chúng ta. Ông đã chìa tay ra như vậy để nhận vòng nguyệt quế. Từ đó hai năm đã trôi qua, liệu vòng nguyệt quế hòa giải có che hết được "những nếp nhăn bí ẩn" trên trán ông không?

Tập thơ đầu tiên của ông đầy đầy những điều táo bạo. "Những bài ca sắt thép", "Kinh thánh mới", "Pa-le-xti-na trẻ tuổi"²² – nhà thơ hai mươi tuổi từ ghế nhà trường đã lao thẳng lên trời! Đó là ngọn lửa đã bốc lên chưa từng có; quả thực, ngọn lửa ấy đã bốc nhiều khói, vì nó cháy từ một cây hoàn toàn xanh tươi.

Văn chương trẻ đã phát triển nhanh chóng và chói lọi đến mức các đối thủ của nó đã hiểu: nếu khinh mạn phủ định hoặc lên án thì có thể mất nhiều hơn được. Đã đến lúc cần phải nghiên cứu nó và tấn công vào những điểm yếu thực sự của nó. Nhưng tất nhiên bằng cách đó nền văn chương trẻ đã được thừa

1* Trích thơ của Các-lơ Béch "Vua" in trong tập thơ của ông "Đêm. Những bài ca sắt thép".

nhận là bình đẳng rồi. Chẳng bao lâu đã tìm được một số khá lớn những mặt yếu như vậy – những mặt yếu thực sự hoặc tưởng tượng ra, – ở đây đối với chúng ta điều đó không quan trọng; nhưng người ta đã khẳng định lớn tiếng hơn cả rằng nhóm "Nước Đức trẻ" trước đây⁵ muốn thủ tiêu thơ trữ tình. Quả vậy, Hai-nơ đã chiến đấu với những người Sva-bơ²³; Vin-bác-gơ đã phê phán chua cay thơ trữ tình cứng nhắc và những điệp khúc được nhắc đi nhắc lại muôn thuở của nó; Mun-tơ đã bác bỏ mọi thơ trữ tình, coi nó là không hợp thời và tiên đoán rằng chúa cứu thế vẫn xuôi trên văn đàn sẽ tới; điều đó quả là quá đáng. Người Đức chúng ta xưa nay tự hào về những bài ca của mình; nếu người Pháp khoe hiến chương mà họ đã giành được và chế cười cơ quan kiểm duyệt của chúng ta, thì chúng ta đã tự hào nêu triết học từ Can-tơ đến Hê-ghen và một loạt bài ca, từ "Bài ca về Lu-i"²⁴ cho đến Ni-cô-lau-xơ Lê-nau. Lẽ nào kho báu thơ trữ tình đó giờ đây phải chết đối với chúng ta? Và thế là xuất hiện thơ trữ tình "văn chương trẻ" với Phran-tơ Đin-ghen-stét, Éc-nơ-xơ Phôn Đơ Hai-đơ, Tê-ô-đo Crây-xe-nác và Các-lơ Béch.

Không lâu trước khi các bài thơ của Phrai-li-grát²⁵ ra đời đã xuất hiện tác phẩm "Đêm" của Béch. Rõ ràng là hai tập thơ ấy đã làm cho người ta chú ý như thế nào. Đã xuất hiện hai nhà thơ trữ tình trẻ mà trong số các người còn lại không ai sánh kịp. Quy-nơ với cung cách vốn có trong "Những tính cách" của ông ta đã kể trên báo "Elegante Zeitung"^{1*} đường song song giữa Béch và Phrai-li-grát²⁶. Tôi muốn vận dụng lời của Vin-bác-gơ nói về G.Pphi-xe²⁷ vào sự phê bình đó.

"Đêm" là một sự hỗn loạn. Tất cả đều sặc sỡ và rối rắm lộn

1* – "Zeitung für die elegante Welt".

xộn. Các bức tranh thường mạnh bạo giống như những đường nét kỳ quặc của lên đá; những mầm mống của cuộc sống tương lai bị chìm ngập trong biển những câu nói rỗng tuếch; đầu đó bắt đầu như một bông hoa, xuất hiện những đảo nhỏ, hình thành một lớp tinh thể. Nhưng trong tất cả sự nhốn nháo và lộn xộn vẫn còn ngự trị. Lối sau đây thích hợp với bản thân Béch, chứ không phải với Bóc-nơ:

Hình ảnh vút đi man rợ, sáng lòa,
Trong não phần nộ nóng bỏng của tôi^{1*}.

Hình ảnh mà Béch đem lại cho chúng ta trong thử nghiệm đầu tiên của ông ta về Bóc-nơ đã bị xuyên tạc và không đúng một cách đáng kinh ngạc; ở đây không thể không nhận biết ảnh hưởng của Quy-nơ. Chưa nói gì đến việc trong đời Bóc-nơ chưa bao giờ nói những câu như vậy, ông ta cũng không có toàn bộ nỗi u buồn vô vọng toàn thế giới mà Béch gán cho ông ta. Lẽ nào đó là nhà thơ Bóc-nơ trong sáng, một tính cách mạnh mẽ không thể nào lay chuyển nổi, người mà tình yêu của tính cách đó đã hâm nóng, nhưng không đốt cháy ít hơn cả? Không, đó không phải là Bóc-nơ, đó chỉ là lý tưởng mờ nhạt của một nhà thơ hiện đại được dệt bằng sự đồng danh của Hai-nơ và lối văn hoa mỹ của Mun-tơ, cái lý tưởng mà, lạ chúa, hãy cứu cho chúng tôi thoát. Trong đầu óc của Bóc-nơ không bao giờ "hình ảnh vút đi man rợ, sáng lòa", ông không bao giờ nguyện rửa bầu trời "với những mớ tóc quăn dựng ngược"; trong trái tim ông ta không bao giờ có nửa đêm, mà bao giờ cũng là buổi sáng; bầu trời của ông ta không phải đỏ như máu, mà bao giờ cũng xanh. May thay, Bóc-nơ không phải đầy dẫy nỗi thất vọng một cách kỳ quái đến

1* – C.Béch. "Đêm. Những bài ca sắt thép. Đêm thứ hai mươi hai".

mức viết lên "Đêm thứ mười tám". Nếu như Béch không ba hoa nhiều như vậy về máu của trái tim mà Bóc-nơ của ông ta dùng để viết, thì tôi sẽ nghĩ rằng ông ta chưa đọc "Men-xen, kẻ ăn thịt người Pháp"²⁸. Cho dù Béch sẽ lấy một trang đau buồn nhất trong bài "Men-xen, kẻ ăn thịt người Pháp", thì nó vẫn là ngày sáng láng so với nỗi thất vọng "đêm bão táp" động rồ của ông ta. Lẽ nào Bóc-nơ tự mình không đủ thi vị và còn cần thêm thất cho ông ta nỗi đau buồn thế giới mốt mới ấy? Tôi nói mốt mới vì không bao giờ tôi tin rằng nỗi đau buồn ấy là cái vốn có của thơ ca *hiện đại* chân chính. Vì rằng tâm vĩ đại của Bóc-nơ chính là ở chỗ ông cao hơn cái lối văn hoa mỹ đáng thương và cao hơn những từ ngữ ưa chuộng của một nhóm nhỏ nhà văn của thời đại chúng ta.

Ngay trước khi có được lời phán xét đầy đủ về tác phẩm "Đêm" của ông ta, Béch đã cho ra một loạt bài thơ mới; bài "*Thi sĩ lãng du*"²⁹ cho chúng ta thấy ông ta từ một phía khác. Bão táp đã lặng yên, cảnh hỗn loạn đã bắt đầu đi vào ổn định. Không thể chờ mong những đoạn miêu tả tuyệt vời hơn như trong bài ca thứ nhất và bài ca thứ hai; không thể tin là Si-lơ và Gơ-tơ, những người đã rơi vào nanh vuốt của nền mỹ học cầu kỳ của chúng ta, lại có thể cung cấp tài liệu cho sự đối chiếu thi vị như đã đưa ra trong bài ca thứ ba; không thể tin là sự phản tư thơ ca của Béch lại bay lượn một cách bình thản và hầu như theo lối phi-li-xtanh trên Vác-tơ-buốc như đã có trong thực tế.

Với "Thi sĩ lãng du" của mình Béch đã vững vàng đi vào văn đàn. Béch đã báo tin về sự ra mắt của "*Những bài ca êm đêm*", còn trên báo chí thì xuất hiện thông báo nói rằng hình như ông ta đang viết bi kịch "Những linh hồn chết".

Một năm qua đi. Ngoài những bài thơ riêng lẻ, Béch không cho biết gì về mình cả. "Những bài ca êm đêm" không xuất hiện và về "Những linh hồn chết" không thể biết được gì rõ

ràng^{1*}. Cuối cùng, báo "Elegante"^{2*} đã dâng tặng "*Tiểu thuyết trên bản phác thảo*" do ngòi bút của ông ta viết³⁰. Kinh nghiệm của một tác giả như thế trong lĩnh vực văn xuôi dù sao cũng xứng đáng được chú ý. Song tôi nghi ngờ rằng kinh nghiệm đó có thể làm thỏa mãn thậm chí một người bạn nào đó của nàng thơ Béch. Qua một số hình tượng có thể nhận biết Béch trước đây; nếu trau chuốt cẩn thận thì văn phong sẽ không tồi; nhưng tất cả những gì tốt đẹp có thể nói về chuyện kể nhỏ ấy thì chỉ có thể thôi. Về mặt tư tưởng sâu sắc, cũng như sự bay bổng thơ ca ông ta không vượt lên cao hơn mức tiểu thuyết giải trí tầm thường; sự hư cấu khá cứng nhắc và thậm chí không rõ ràng, cách thể hiện xoàng xĩnh.

Tại một buổi hòa nhạc, một người bạn đã nói với tôi rằng hình như "Những bài ca êm đềm" của Béch đã xuất hiện³¹. Đúng vào lúc đó vang lên khúc khoan điệu của bản giao hưởng Bê-tô-ven. Tôi nghĩ, những bài ca ấy sẽ như vậy; nhưng tôi đã nhầm; trong chúng có ít chất Bê-tô-ven và nhiều lời rên rỉ kiểu Ben-li-ni. Khi tôi cầm cuốn sách nhỏ, tôi đã phát hoảng. Ngay bài ca thứ nhất đã thấy quá ư tầm thường, được viết theo cung cách rẻ tiền, chỉ có những lối nói thanh tao của mình nó mới tỏ ra có phần độc đáo!

Những bài ca ấy giống "Đêm" ở tính chất quá ư mơ mộng. Việc đêm đêm có thể mơ nhiều cái là điều có thể tha thứ; người ta đã châm chước đối với "Thi sĩ lãng du", nhưng giờ đây thì ngài Béch không thể nào tỉnh ngủ. Ngay ở trang thứ ba ông ta đã mơ mộng, ở các trang 4,8,9,15,16,23,31,33,34,35,40, v.v. – đâu

1* Xem tập này, tr.42.

2* – "Zeitung für die elegante Welt".

đâu cũng mộng mơ. Tiếp theo còn có cả một loạt giấc mơ nữa. Điều đó sẽ là buồn cười khi không buồn đến thế. Những ước vọng muốn được độc đáo đã không thành hiện thực, nếu không kể một số khổ thơ mới; về điều đó những âm hưởng từ Hai-nơ và sự *ngây thơ ấu trĩ* vô hạn mà hầu hết tất cả những bài ca ấy đều có và gây nên một ấn tượng hết sức khó chịu, phải thưởng cho chúng ta. Phần thứ nhất của "Bài ca tình yêu. Nhật ký của nó" đặc biệt bị ảnh hưởng vì điều này. Tôi không mong đợi ở ngọn lửa cháy sáng, ở tinh thần cao thượng mạnh mẽ mà Béch muốn vươn tới, một thứ hầu lớn nhạt như vậy. Chỉ có hai hoặc ba bài ca tạm được. "Nhật ký của ông ta" tốt hơn một chút; trong tập này thỉnh thoảng gặp được một bài ca đích thực có thể thưởng công cho chúng ta bù lại vô số những điều phi lý và những điều ngớ ngẩn. Điều ngớ ngẩn lớn nhất trong "Nhật ký của ông ta" là bài "Nước mắt". Được biết trước đây Béch đã đưa lại cái gì trong lĩnh vực thơ ca về nước mắt. Lúc đó ở ông ta: "Đau khổ, tên cướp biển thô bạo khát máu, một biển nước mắt tĩnh lặng đã xối lên"^{1*}, và trong cái biển ấy đã vùng vẫy "nỗi buồn nhớ, con cá câm lặng, lạnh lùng"; giờ đây ông ta nhỏ ra càng nhiều nước mắt hơn":

Nước mắt của tôi, không vô cơ

Ngươi sôi lên như làn sóng!

Ngươi tràn đầy đến mép (!)

Sức nóng cả đời tôi

Tình yêu và tiếng đàn lia của tôi

Chìm sâu trong tia nước của ngươi.

1* C.Béch, "Đêm. Những bài ca sắt thép". Trích bài thơ "Vua".

Nước mắt của tôi, không vô cơ
 Người sôi lên, như làn sóng!^{1*}

Tất cả những điều đó vô lý nhường nào! "Những giấc mơ" chứa đựng cái còn tốt hơn trong toàn bộ quyển sách, và trong số chúng có một số bài ca ít ra là chân thành. Đặc biệt là bài "Chúc ngủ ngon!", nếu xét theo thời gian được công bố lần đầu trên báo "Elegante", bài này thuộc những bài sớm nhất trong số những bài ca ấy³². Bài thơ cuối cùng là một trong những bài thơ hay nhất, nhưng nó vẫn còn chút ít kiểu cách và lại kết thúc bằng "nước mắt và lá chắn vững chắc của tinh thần thế giới"^{2*}.

Quyển sách kết thúc bằng những thử nghiệm trong lĩnh vực diễn ca. "*Vua Di-gan*" mà phần đầu sặc mùi bút pháp của Phrai-li-grát, thì yếu so với những bức tranh sống động của đời sống người Di-gan ở Lê-nau, và lối viết nhiều lời, cố tình làm cho chúng ta thấy rõ sức mạnh và sự tươi mới của bài thơ, chỉ tăng thêm ấn tượng khó chịu. Trái lại, bài "Bông hồng nhỏ" là một khoảnh khắc được ghi nhận một cách ngoạn mục. Bài "*Phiên gác Hung-ga-ri*" thuộc cùng một loại như bài "Vua Di-gan"; bài diễn ca cuối cùng của chùm thơ này là thí dụ cho thấy bài thơ có thể có vần điệu của câu thơ, có hình thức bên ngoài đẹp, nhưng không để lại ấn tượng đặc biệt. Béch trước kia có lẽ sẽ miêu tả thành công một hình tượng sáng rõ hơn của tên cướp lăm li I-a-nô-súc bằng ba nét vẽ. Cuối cùng, ở trang gần cuối ông ta cũng bắt con người này *mơ mộng*, và quyển sách nhỏ kết thúc như vậy, nhưng không phải như thế là bài thơ kết thúc, nó hứa hẹn tiếp tục ở tập thứ hai. Điều đó có nghĩa là gì? Lẽ nào

1* C.Béch. "Những bài ca êm đềm". Trích bài thơ "Nước mắt".

2* C.Béch. "Những bài ca êm đềm". Trích bài thơ "Tinh thần thế giới".

cả các tác phẩm thơ ca cũng có thể ngắt quãng bằng những từ "xem tiếp ở..." như trong các tạp chí hay sao?

Như người ta nói, tác giả đã thủ tiêu "Những linh hồn đã chết" sau khi đạo diễn của một số nhà hát thừa nhận vở kịch đó không thể dàn dựng được trên sân khấu; hình như bây giờ ông ta đang viết một vở bi kịch khác - vở "Xau-lo"; ít ra trên tờ "Elegante" đã đăng màn thứ nhất của nó, còn trên tờ "Theater – Chronik"^{1*} đã đăng thông báo tử mỉ về vở bi kịch đó. Màn kịch ấy cũng đã được thảo luận trong tạp chí đó³³. Tiếc rằng tôi chỉ có thể khẳng định những lời đã nói ở đây mà thôi. Béch, người có óc tưởng tượng lộn xộn, quay cuồng làm cho ông ta không có khả năng mô tả uyển chuyển các tính cách và nhắc cho các nhân vật của ông ta *những câu nói như nhau*. Béch, người mà trong nhận thức của mình Béc-nơ cho rằng ông ta ít có khả năng hiểu tính cách, chưa nói gì đến việc tái hiện tính cách một cách sáng tạo, Béch không thể nắm bắt được ý nghĩ bất hạnh hơn là viết bi kịch. Béch đã *phải* vô tình mượn cách bố cục của nó từ một nguyên mẫu vừa mới xuất hiện, ông ta đã phải bắt Đa-vít và Mê-rô-vi-a của mình nói giọng ảo não của "Nhật ký của nàng", ông ta đã phải tái hiện với sự vụng về của hài kịch ở hội chợ cho sự nối tiếp của các tâm trạng trong tâm hồn của Xau-lơ. Khi nghe lời thoại của Moa-vơ, chúng ta bắt đầu hiểu vai trò của A-vơ-nia ở tác phẩm trong đó mô tả nguyên mẫu của A-vơ-nia³⁴; lẽ nào ông Moa-vơ, con người thô lỗ khát máu ngưỡng mộ thần Mô-lơ-sơ, giống con thú hơn con người ấy, lại có thể là "Hung thần" của Xau-lơ? Con người của giới tự nhiên chưa phải là con thú hoang, và Xau-lơ đang đấu tranh chống những thầy

1* – "Allgemeine Theater - Chronik".

tế, vì vậy, chưa tìm thấy sự thích thú trong những lễ hiến sinh con người. Hơn nữa, cuộc đối thoại hoàn toàn khô khan, cứng đờ, ngôn ngữ mờ đục, và chỉ có một số bức tranh tầm tạt, song chúng không thể tô điểm cho toàn bộ màn bi kịch, nhắc nhở đến những điều mong đợi mà xem ra ông Béch không thể biến thành sự thực³⁵.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Mười một -
đầu tháng Chạp 1839*
*Đã đăng trong tạp chí "Telegraph für
Deutschland" số 202, 203, tháng Chạp 1839*
Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-đơ

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

NHỮNG ĐẶC TRUNG LẠC HẬU CỦA THỜI ĐẠI

Dưới mặt trăng không có gì mới mẻ! Đó là một trong những chân lý giả hiệu may mắn mà con đường thẳng tiến rực rỡ nhất đã dành cho chúng, mà bằng lối truyền miệng đã thực hiện cuộc diễu hành thắng lợi của nó trên toàn địa cầu và nhiều thế kỷ sau vẫn còn lặp đi lặp lại một cách thường xuyên như thể vừa mới xuất hiện trên thế gian. Những chân lý đích thực hiếm khi có được sự thành công như vậy; chúng đã phải đấu tranh và chịu đựng, chúng đã bị giầy vò và chôn sống, mỗi người đều nặn ra chúng theo thị hiếu của mình. Dưới mặt trăng không có gì mới mẻ cả? Không, cái mới có đủ, nhưng nó bị đè bẹp khi nó không thuộc những chân lý giả hiệu co giãn luôn luôn có dự trữ sẵn điều nói rào đón một cách trung thực như "Nói đúng ra v.v." và giống như vầng hào quang phương Bắc đang bùng lên, chẳng mấy chốc lại nhường chỗ cho bóng đêm. Nhưng nếu một chân lý mới, đích thực mọc lên ở chân trời như hừng đông ban mai thì lúc đó những đứa con của đêm tối biết rõ ràng giang sơn của họ bị đe dọa diệt vong, và họ bèn chộp lấy vũ khí. Vì rằng vầng hào quang phương Bắc bao giờ cũng bùng lên trên bầu trời quang đãng, còn hừng đông ban mai thì bùng lên trong bầu trời đầy mây, nên nó phải xua tan màn sương của nó hoặc chiếu rọi nó bằng ngọn lửa của mình. Chúng ta hãy xét một số đám *mây đen* như vậy làm u ám hừng đông ban mai của thời đại chúng ta.

Hoặc giả chúng ta sẽ tiếp cận đề tài của chúng ta từ một khía cạnh khác! Những cố gắng vì tiến trình lịch sử với một

đường thẳng thì ai ai cũng biết. Trong một tác phẩm sắc sảo nhằm chống lại lịch sử triết học Hê-ghen, chúng ta đọc thấy:

"Hình thức lịch sử không phải là đi lên và đi xuống, không phải là vòng tròn xoắn ốc đồng tâm, mà là một hình bình hành sử thi với những đường thẳng lúc tụ lại" (ở đây từ này có lẽ thích hợp hơn từ "trùng hợp"), "khi thì rẽ nhánh"³⁶.

Nhưng tôi thích so sánh với đường xoắn ốc vẽ một cách tự do, dùng tay vẽ ra mà những đường gấp của nó tuyệt nhiên không thật chính xác lắm. Lịch sử bắt đầu chậm chạp bước chạy của mình từ một điểm vô hình, uể oải thực hiện các vòng quay của mình xung quanh nó; nhưng các vòng tròn của nó thì ngày càng lớn thêm, đà bay của nó trở nên ngày càng nhanh hơn và sinh động hơn, và cuối cùng nó vút đi giống như sao chổi cháy đỏ, từ ngôi sao này đến ngôi sao khác, thường tiếp xúc với những đường đi cũ của mình, thường xuyên cắt ngang chúng, và cứ mỗi vòng nó càng gần với vô tận. Ai có thể dự kiến được sự kết thúc? Và ở những chỗ mà nó dường như quay trở lại con đường cũ của mình thì tính hạn chế tự tin được nâng cao lên và thét lên một cách đắc thắng rằng ở nó, các anh thấy không, có hồi đã có một tư tưởng như vậy! Chính lúc đó chúng ta nghe thấy – dưới mặt trăng chẳng có gì mới mẻ cả! Các anh hùng của sự trì trệ kiểu Trung Hoa của chúng ta, các ông quan thoái bộ của chúng ta hân hoan và tìm cách gạt bỏ khỏi các biên niên sử thế giới hẳn ba thế kỷ với tư cách là một sự nói thêm ngoài đề tào bạo vào những lĩnh vực cấm, như là lời nói mê sảng nóng bỏng, – và họ không thấy rằng lịch sử chỉ tiến lên theo con đường ngắn nhất tới một chòm sao tư tưởng sáng chói mới chẳng bao lâu sẽ làm lóa những ánh mắt mờ dần của họ trong tâm lớn lao như mặt trời của mình. Giờ đây chúng ta đang đứng chính là trên bước ngoặt như vậy của lịch sử. Tất cả những tư tưởng đã bước lên vũ đài từ thời Sác-lơ-ma-nhơ, tất cả những khuynh hướng từng lấn át nhau trong vòng năm thế kỷ, đang tìm cách một lần nữa gán cái quyền đã tiêu vong của mình cho thời đại

ngày nay. Chế độ phong kiến thời Trung cổ và chế độ quân chủ chuyên chế của Lu-i XIV, chế độ đẳng cấp của La Mã và phái kiến thành của thế kỷ trước⁹ đang tranh nhau cái vinh dự trừ tận gốc tư tưởng tự do! Và tôi xin phép không nói dài dòng về chúng; vì rằng chống lại mỗi người định tuyên bố một trong những phương châm ấy lập tức có hàng nghìn thanh kiếm lấp loáng, tất cả đều sắc hơn của tôi, và chúng ta biết rằng tất cả những tư tưởng cũ ấy đều sẽ tan thành tro bụi do va chạm với nhau và sẽ bị bàn chân cứng như kim cương của thời gian đang tiến lên xóa sạch. Nhưng ứng với những hiện tượng phản động mạnh mẽ ấy trong đời sống của giáo hội và của nhà nước là những xu hướng *ít rõ rệt hơn* trong nghệ thuật và văn học, là những bước giạt lùi *vô ý thức* về những thế kỷ đã qua đang là mối đe dọa nếu không phải đối với bản thân thời đại thì dù sao cũng là đối với các khuynh hướng của thời đại; và điều lạ lùng là việc đối chiếu những khuynh hướng đó chưa đầu làm cả.

Và hoàn toàn không cần đi xa mới vấp phải những hiện tượng tương tự như thế! Các bạn chỉ cần tới phòng khách được trang bị đồ đạc theo phong cách hiện đại là các bạn sẽ thấy những hình thức bao quanh các bạn là những cảnh ngây ngất tinh thần của ai. Tất cả những sự kỳ quặc của phong cách nhất thiết có từ thời đại chế độ quân chủ chuyên chế cực đoan nhất đều được làm sống lại để áp đặt cho tinh thần của thời đại chúng ta những hình thức mà dưới đó chế độ "l'état c'est moi"^{1*} cảm thấy thoải mái. Các phòng khách của chúng ta bày biện ghế, bàn, tủ và đi văng theo phong cách thời Phục hưng, và chỉ thiếu có việc trùm bộ tóc giả lên đầu Hai-nơ và diện quần ống hẹp cho Bét-tin^{2*} để hoàn toàn khôi phục lại thế kỷ đó.

1* – "nhà nước là tôi". (Câu này được coi là do vua Pháp Lu-i XIV nói).

2* – Bét-tin Phôn ác-nim.

Một gian phòng như vậy đã được tạo ra chính là để ngồi đọc tiểu thuyết của ngài *Phôn Stéc-nơ-béc-gơ* với sự thiên vị đáng ngạc nhiên của ông ta đối với thế kỷ của bà Men-tê-nôn. Sự thiên vị đó đã tha thứ cho trí tuệ tinh tế của Stéc-nơ-béc-gơ bằng cách cố gắng - và, tất nhiên không có kết quả, tìm ra cho tính đồng danh như vậy những căn cứ sâu sắc hơn nào đó; song, tôi xin mạn phép khẳng định rằng chính nét ấy của các tiểu thuyết của Stéc-nơ-béc-gơ góp phần truyền bá chúng có thể là vào thời điểm hiện nay, sẽ không ít tai hại cho tính bền vững lâu dài của chúng. Tôi không nói đến việc cái đẹp của tác phẩm thơ ca tuyệt nhiên không được lợi do chỗ thường xuyên hướng về thời đại văn xuôi vô bổ nhất với tính đồng bóng của nó, với sự luẩn quẩn giữa trời và đất, với những con rối của nó chuyển động theo các quy tắc nghi thức; so với nó thì thời đại của chúng ta và con đẻ của nó dường như càng tự nhiên. Vì rằng chúng ta đã quá quen xem xét thời đại đó dưới ánh sáng chua chát nên nó không thể làm chúng ta kính nể lâu dài dưới một cách soi sáng khác, và trong thực tế sẽ làm chán ngấy đến cực độ do việc trong mỗi quyển tiểu thuyết của Stéc-nơ-béc-gơ thường xuyên gặp vẫn sự đồng danh ấy. Mà xu hướng đó, ít ra là theo cách nhìn của tôi, chẳng qua là sự đồng danh thông thường, và do riêng điều đó mà nó đã mất mọi căn cứ sâu sắc hơn. Song tôi nghĩ rằng cần phải tìm điểm xuất phát của nó trong đời sống của "xã hội thượng lưu". Ngài Phôn Stéc-nơ-béc-gơ dường như là được nuôi dưỡng cho một xã hội như vậy và đã giao lưu trong xã hội đó một cách rất thích thú; có thể, ông ta đã tìm thấy quê hương thực sự của mình trong giới của ông ta. Có gì đáng ngạc nhiên nếu ông ta áp ủ những tình cảm dịu hiền đối với thời đại trong đó các hình thức xã hội đã rõ ràng và hoàn chỉnh hơn nhiều, tuy ít cơ động hơn và vô vị hơn các hình thức xã hội hiện nay. Tinh thần của thời đại đã biểu hiện ở quê hương, ở

Pa-ri, mạnh mẽ hơn nhiều so với của ngài Phôn Stéc-nơ-béc-gơ. – Tại nơi đây nó tìm cách giành giật lại ở những người lãng mạn thắng lợi mà họ mới đạt được. Vích-to Huy-gô xuất hiện, A-léch-xan-đơ Duy-ma mới đến và cùng với họ là một đàn những kẻ bất chước; tính chất không tự nhiên của các I-phi-gê-ni-a và A-ta-li-a đã nhường chỗ cho tính chất không tự nhiên của Lu-cre-xi-a Boóc-gia, thay cho sự dờ dẩn là sự nổi nóng; người ta đã vạch mặt các nhà cổ điển Pháp là ăn cắp văn của các tác giả cổ đại, – nhưng rồi nổi lên cô Ra-sen, và thế là tất cả đều bị lãng quên: Huy-gô và Duy-ma, Lu-cre-xi-a Boóc-gia và những người đánh cắp văn; Phe-đơ và Xít lượn lơ trên các sân khấu với nhịp bước thông thả và nói bằng những câu thơ hào nhoáng của A-léch-xan-đơ, A-si-lơ bước trên vũ đài, đóng giả Lu-i vĩ đại, còn Ruy-i Bla-đơ và cô Đờ Ben-In vừa mới kịp xuất hiện từ hậu trường thì liền đi tìm lối thoát trong các công xưởng dịch văn học của Đức và trên sân khấu dân tộc Đức. Người chính thống phải có cảm giác khoái lạc như thế nào khi có khả năng – lúc xem tận mắt các vở kịch của Ra-xin – quên mất cuộc cách mạng, quên Na-pô-lê-ông và tuân lễ vĩ đại³⁷; ancien régime^{1*} sống lại trong toàn bộ sự hào nhoáng của nó, các phòng khách thế tục treo đầy thảm, Lu-i chuyên chế mặc áo ngoài không tay bằng gấm và đội tóc giả lộng lẫy đi nhón nhờ trên những con đường trồng cây đã được cắt tỉa của Véc-xay, và cái quạt có sức mạnh vạn năng của người được sủng ái cai quản triều đình hạnh phúc và nước Pháp bất hạnh.

Nhưng cũng như ở trường hợp này việc tái hiện quá khứ không vượt ra ngoài phạm vi của bản thân nước Pháp, một đặc

1* – chế độ cũ.

điểm của nền văn học Pháp thế kỷ trước dường như bắt đầu được lặp lại trong văn học Đức hiện đại. Ý tôi muốn nói về thái độ tài tử triết học thể hiện ở một số nhà văn hiện đại với mức độ như ở các nhà bách khoa thư. Ở đây chủ nghĩa duy vật là cái gì thì ở đây Hê-ghen bắt đầu trở thành cái ấy. *Mun-tơ* là người đầu tiên, nói theo ngôn ngữ của chính ông, đã đưa các phạm trù của Hê-ghen vào văn học; như mọi khi, *Quy-nơ* không tránh khỏi đi theo ông ta và đã viết "Cách ly trong nhà thương điên"³⁸, và tuy tập thứ hai "Tính cách"²⁶ chứng tỏ ông ta phần nào đã từ bỏ Hê-ghen, thế nhưng tập thứ nhất chứa đựng khá nhiều chỗ trong đó ông ta cố gắng dịch Hê-ghen ra ngôn ngữ hiện đại. Tiếc thay, những bản dịch ấy thuộc loại bản dịch không thể hiểu được nếu không có bản gốc.

Không thể phủ nhận sự loại suy ấy; cái kết luận mà tác giả nhắc ở trên đã rút ra từ số phận của thái độ tài tử triết học trong thế kỷ trước, cụ thể là hệ thống mang theo mầm mống của cái chết vào văn học, còn đúng cả đối với văn học của thế kỷ hiện nay hay không? Cái cánh đồng được thiên tài thơ ca canh tác có bị những cái rễ rần chắc của hệ thống trội hơn tất cả các hệ thống trước kia về tính triệt để cắt ngang hay không? Hay là những hiện tượng ấy chỉ chứng tỏ tình yêu mà triết học đón nhận văn học và các thành quả của nó thể hiện một cách rạch ròi như vậy ở Hô-tô, Ruết-sơ, Stơ-rau-xơ, Rô-den-cran-xơ và trong "Hallische-Jahrbücher"? Tất nhiên, lúc đó sẽ phải thay đổi quan điểm, và chúng ta sẽ có quyền hy vọng vào sự tác động qua lại giữa khoa học và đời sống, giữa triết học và các xu hướng hiện đại, giữa Bóc-nơ và Hê-ghen, - vào sự tác động qua lại mà sự chuẩn bị nó trước đây đã được một bộ phận của cái gọi là nhóm "Nước Đức trẻ"⁵ có ý nói tới. Ngoài những con đường ấy ra chỉ còn một con đường, đúng là so với hai con đường ấy nó có tính chất hài hước một ít, cụ thể là con đường xuất phát từ tiền đề rằng ảnh

hưởng của Hê-ghen đối với văn học nghệ thuật sẽ mất hết mọi ý nghĩa. Song tôi nghĩ rằng chỉ có một số ít người dám rút ra kết luận như thế.

Nhưng chúng ta phải quay trở lại xa hơn nữa, tới thời đại trước các nhà bách khoa thư và trước bà Đờ Men-tê-nôn. Đu-lơ, Phrai-li-grát và Béch đảm nhận vai trò đại biểu của trường phái Xi-lê-di thứ hai³⁹ của thế kỷ XVII trong văn học của chúng ta. "Xiềng xích và vương miện", "Người chống Ki-tô", "Lôi-ô-la", "Hoàng đế và giáo hoàng" - ai mà không thấy, xét về cung cách mô tả, tất cả những tác phẩm ấy của Đu-lơ đều hao hao giống nhiệt tình như sấm sét của "Ba-ni-da Á châu" của Xi-glơ Phôn Clíp-hau-den đã quá cố hoặc "Đại công tước Ác-mi-ni với điện hạ Tu-xnen-đa" của Lô-en-stai-nơ?⁴⁰ Còn Béch thì thậm chí đã vượt những vị hảo hán tốt bụng đó về tính khoa trương; một số chỗ trong các bài thơ của ông ta được coi là sản phẩm của thế kỷ XVII được nhấn chìm trong rượu mùi hiện đại pha chế bằng nỗi đau buồn của thế giới; và Phrai-li-grát, người đôi khi cũng không biết phân biệt ngôn ngữ khoa trương với ngôn ngữ thơ ca, hoàn toàn quay trở lại với Hốp-man-xvan-đâu, làm sống lại thơ A-lếch-xan-đơ^{1*} và làm dáng bằng những từ nước ngoài. Song cần hy vọng rằng ông ta sẽ vứt bỏ những chủ đề ngoại bang của mình cùng với những từ ngữ đó:

Gió thổi cát đi, hoa cỏ héo, -

Thì sĩ lao vào vòng tay tổ quốc

Với tâm hồn tuy đã thay đổi nhưng vẫn là tâm hồn ấy thôi!^{2*}

Và nếu Phrai-li-grát không làm thế thì đúng là sau một trăm

1* Âm chỉ chùm thơ của Ph. Phrai-li-grát "Câu thơ A-lếch-xan-đơ".

2* Trích bài thơ của Phrai-li-grát "Tòa án bí mật ở Đuóc-mun-đơ" ("Freistuhl zu Dortmund").

năm thơ của ông sẽ được coi là cái giống như tiêu bản thực vật hoặc hạt cát và, tương tự với các quy tắc làm thơ la-tinh, chúng sẽ được sử dụng để giảng dạy lịch sử tự nhiên ở trường phổ thông. Mặc cho một Rau-pha-khơ nào đó chỉ hy vọng vào sự bất tử thực tiễn thuộc loại như vậy của các tác phẩm thơ I-am-bơ, nhưng cần hy vọng rằng Phrai-li-grát sẽ còn tặng chúng ta những tác phẩm thơ ca hoàn toàn xứng đáng với thế kỷ XIX. Song có cảm động không khi trong văn học của chúng ta đang tái hiện những chủ đề cũ từ thời trường phái lãng mạn, chúng ta đã từ thế kỷ XII vươn lên đến thế kỷ XVII? Lúc đó có lẽ cả Gốt-sét cũng sẽ không bắt mình phải chờ lâu.

Thú thật, tôi gặp một khó khăn lớn khi cố gắng gộp tất cả những hiện tượng riêng lẻ ấy vào một mối; tôi ý thức rằng tôi đã mất đi những mối dây liên kết chúng với dòng thời gian đang chạy về phía trước. Có thể, chúng chưa chín muồi để có được sự đánh giá đúng đắn và sẽ còn tăng lên về khối lượng và số lượng. Dù sao, điều đáng chú ý là *phản ứng* đó thể hiện trong cuộc sống, cũng như trong nghệ thuật và văn học, rồi nữa là những lời kêu ca của các báo thuộc nội các được hưởng ứng trong chính những bức tường mà xem ra còn nghe thấy công thức "l'état c'est moi", và ứng với lời la hét của những kẻ thi hành chính sách ngu dân trong lĩnh vực này là sự mờ mịt và tối tăm ngự trị trong một bộ phận của thơ ca Đức hiện đại ở một lĩnh vực khác.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Mười một
1839 - tháng Giêng 1840*

*Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für
Deutschland" số 26, 27 và 28; tháng Hai
1840*

Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-dơ

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

PLA-TEN

Trong số những nhà thơ, con đẻ của thời Phục tich⁴¹ mà sức mạnh của họ không bị các dòng điện năm 1830 làm tê liệt và niềm vinh quang của họ chỉ được củng cố trong thời đại văn học hiện đại, có ba người giống nhau rõ rệt: In-mơ-man, Sa-mít-xô và Pla-ten. Ở cả ba người đều có cá tính rõ rệt, có tính cách nổi bật và có sức mạnh lý trí ít ra ngang bằng tài năng thơ ca của họ. Ở Sa-mít-xô chiếm ưu thế lúc thì là óc tưởng tượng và tình cảm, lúc thì là lý trí sáng suốt; đặc biệt trong các khổ thơ ba câu, hình thức bên ngoài hoàn toàn lạnh lùng và dựa vào lý trí, nhưng dưới nó nghe thấy tiếng đập của một trái tim cao thượng; ở Im-mơ-man, hai thuộc tính đó đấu tranh với nhau và tạo nên một thứ nhị nguyên mà chính ông ta thừa nhận và những cực đoan của nó thì cá tính mạnh mẽ của ông ta có khả năng xích gần lại, nhưng không thống nhất được; cuối cùng, ở Pla-ten, sức mạnh thơ ca đã từ bỏ tính độc lập của nó và dễ dàng hòa với sự thống trị của lý trí mạnh. Nếu trí tưởng tượng của Pla-ten không thể dựa vào lý trí đó và vào tính chất tuyệt vời của nó thì ông ta sẽ không nổi tiếng như vậy. Vì thế ông là đại biểu của yếu tố lý trí trong thơ ca, cụ thể là hình thức, và cũng chính vì thế mà nguyện vọng của ông muốn hoàn thành lĩnh vực hoạt động của mình bằng một tác phẩm khá lớn không được trở thành hiện thực. Tất nhiên ông biết rõ rằng một tác phẩm lớn như vậy là cần thiết để duy trì mãi mãi tiếng thơm của ông; nhưng ông cũng cảm thấy rằng ông chưa đủ sức để làm việc đó và ông hy vọng vào tương lai và vào những công

việc chuẩn bị của mình; trong khi đó thời gian cứ trôi qua, thế là ông không thể thoát ra khỏi những công việc chuẩn bị của mình và cuối cùng ông đã chết.

Trí tưởng tượng của Pla-ten rụt rè đi theo sau sự vận động mạnh dạn của lý trí của ông; và khi cần phải có một tác phẩm thiên tài, khi cần dám làm một bước nhảy mạnh dạn mà lý trí không làm nổi thì trí tưởng tượng đã rụt rè rút lui. Đó là nguồn gốc sự nhầm lẫn của Pla-ten, ông đã coi sản phẩm của lý trí của mình là thơ ca. Sức sáng tạo thơ ca của ông đủ cho những thể thơ ga-de-la theo phong cách a-na-crê-ông^{1*}; thỉnh thoảng nó đã ngời lên như sao băng cả trong các vở hài kịch của ông; nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng đặc điểm độc đáo của Pla-ten phần lớn là sản phẩm của lý trí và luôn luôn được thừa nhận là như thế. Thể thơ ga-de-la quá ư gượng gạo của ông, những tụng ca hoa mỹ của ông sẽ làm người ta mệt mỏi; cuộc luận chiến của các vở hài kịch của ông phần lớn sẽ bị coi là không có căn cứ; nhưng cần phải đánh giá thích đáng tính chất sắc sảo của những lời đối thoại của ông, sự cao cả của những lời độc thoại của ông và phải bào chữa cho tính chất phiến diện của ông bằng tầm cỡ lớn lao của tính cách của ông. Danh giá văn chương của Pla-ten trong dư luận xã hội sẽ thay đổi; ông sẽ trở nên xa Gơ-tơ, nhưng gần với Béc-nơ hơn.

Xét theo niềm tin thì ông gần với Béc-nơ hơn, để chứng tỏ điều này, ngoài vô số những lời ám chỉ trong các vở hài kịch ra, còn có một số bài thơ trong toàn tập⁴², trong số đó tôi chỉ xin nhắc đến bài thơ ca tụng Sác-lơ X; một loạt bài ca do cuộc đấu tranh giải phóng của Ba Lan khơi gợi, không in trong toàn tập này, mặc dù chúng rất quan trọng để đánh giá Pla-ten. Giờ đây chúng

1* – thơ trữ tình yêu đương.

được in trong một ấn phẩm khác làm phụ lục cho toàn tập⁴³. Tôi tìm thấy trong chúng sự khẳng định quan điểm của tôi về Pla-ten. Ở đây ý nghĩ và tính cách phải thay thế thơ ca một cách mạnh hơn và với mức độ rõ rệt hơn trong những tác phẩm khác của ông. Vì thế Pla-ten ít khi thành công trong việc tạo dựng nề nếp đơn giản của bài ca; ông cần phải có những câu thơ dài, kéo căng ra mỗi khổ thơ chứa đựng một ý nghĩ hoàn chỉnh hoặc những chùm tụng ca gượng gạo mà bước đi nghiêm túc, nhịp nhàng của chúng dường như đòi hỏi phải có nội dung khoa trương. Với nghệ thuật làm thơ, Pla-ten cũng nảy ra những ý nghĩ, và đó là bằng cứ mạnh nhất chứng minh nguồn gốc lý trí của các bài thơ của ông. Ai mà đề ra cho Pla-ten những yêu cầu khác thì những bài ca Ba Lan ấy sẽ không thỏa mãn người đó; nhưng người nào cầm lấy quyển sách cùng với những lòng mong đợi ấy vì tình trạng thiếu hương vị thơ ca nên người đó sẽ được thưởng thức thừa thãi sự dồi dào của những tư tưởng cao cả và hùng mạnh mọc lên trên miếng đất tính cách hết sức cao thượng và bằng "sự thắm thiết kỳ diệu" như đã nói rất hay trong lời tựa. Tiếc rằng những bài thơ ấy không xuất hiện sớm mấy tháng trước khi ý thức dân tộc Đức đã vùng lên chống lại năm trụ cột châu Âu của hoàng đế Nga⁴⁴; chúng sẽ là lời đáp tốt nhất đối với ngũ trụ ấy. Có thể cả người chủ trương theo chế độ ngũ trụ⁴⁵ cũng sẽ tìm thấy ở đây không chỉ một từ sát thực cho tác phẩm của mình.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Chạp 1839
Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für
Deutschland" số 31, tháng Hai 1840
Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-đơ*

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

[VỀ VIỆC PHÁT MINH THUẬT IN SÁCH⁴⁶]

Nhà thơ có nên ca ngợi các cung điện
 Của vua chúa hoặc ánh loáng của chiến tranh đẫm máu,
 Khi tiếng kèn vinh quang hoan hô vang lên
 Trên trời, nơi thần thánh ở?
 Có xấu hổ chăng, anh em? Phung phí kho báu tài năng,
 Ánh hào quang của niềm vinh quang,
 Cho những kẻ từng bị lịch sử khinh bỉ
 Bất phải chịu nguyên rửa muôn đời?
 Ôi, anh em hãy thức tỉnh! Mong cho
 Bài ca tôn nghiêm mạnh chưa từng nghe thấy,
 Bay vút lên tầng mây!
 Và nếu anh em muốn vòng hoa không mục nát
 Nở hoa xung quanh trán anh em,
 Cần như thế, để bài ca của anh em
 Cũng nở hoa, vang lên khắp vũ trụ!

Người cổ xưa không cần thì không phung phí
 Trầm hương thần thánh:
 Nó đổ xuống ở bàn thờ,
 Những sự tích cao cả, những trí tuệ cao cả.
 Nhưng rồi thần Xa-tuốc-nơ đến dùng chiếc cày lớn
 Xới ngực đất mẹ lên, -
 Lúc ấy con người đã thấy,
 Hạt giống nảy mầm trên đất nghèo khô,

Và bài ca chiến thắng bay vút lên trời, -
 Xa-tuốc-nơ là thần ở thời thánh thiện.
 Và người, kẻ cách đây nhiều thế kỷ
 Làm cho cả ý cả lời thành hiện thực,
 Cái vừa nảy sinh lại bay đi,
 Không gặp trở lại trong chữ in
 Có phải là thần thánh chăng?

Không có người, thời gian sẽ tự nuốt mình
 Vĩnh viễn chìm xuống mồ quên lãng,
 Nhưng người đã đến, - và ý nghĩ
 Đã làm giãn biên giới từng ngăn cản nó
 Phát triển trong thời niên thiếu lâu dài,
 Và vẫy cánh tay bay vào khoảng rộng,
 Nơi quá khứ bắt chuyện với tương lai
 Câu chuyện long trọng và tiên tri.
 Người, kẻ chiến thắng bóng tối, bắt tử,
 Hãy vui mừng với những lời khen ngợi
 Và những niềm tôn kính nay cần phải
 Tỏ bày với người, tinh thần cao thượng!
 Và, dường như chỉ ra qua người,
 Sức mạnh nào còn tiềm ẩn trong nó,
 Từ khi thiên nhiên chẳng bao giờ
 Tặng cho thế giới phép màu như thế nữa.

Nhưng rồi nó đứng lên để biểu lộ
 Dấu hiệu mới của sự hùng cường, và sông Ranh lạnh lẽo
 Đã thấy Gút-ten-béc. "Hoài công!
 Lợi gì cho anh em, khi bằng ngòi bút
 Anh em đem lại sự sống cho tư tưởng, -

Nó sẽ chết: trên nó đã lơ lửng
 Màn đêm, con ma quên lãng!
 Chiếc bình nào sẽ chứa đựng
 Những làn sóng sôi sục của Đại dương?
 Thế là không có đường cho tư tưởng chứa đựng
 Trong một tập duy nhất, trong tất cả mọi nước trần gian!
 Thế thì sao? Bay lên? Theo một khuôn mẫu
 Tự nhiên sáng tạo vô số sinh mệnh, –
 Tạo vật của tôi ơi, vậy hãy đi theo nó!
 Và mặc cho lời nói của chân lý vang lên,
 Bằng tiếng vang nghìn lần, làm cho thung lũng rộng ra
 Và bay lên cao trên đôi cánh của cảm hứng!"

Anh ta nói, - và đẩy cỗ máy, và kìa châu Âu,
 Sừng sốt, nhìn trong nháy mắt,
 Với tiếng động ồn ào, như gió thành bão,
 Ngọn lửa diên cuồng ngái ngủ trong lòng đất tối tăm
 Chọc thủng, bùng lên trong các lò sâu.
 Ôi, pháo đài của cái ác, màn dốt nát,
 Tạo vật của sự diên cuồng hèn hạ của các bạo chúa!
 Lòng đất núi lửa rực cháy mở toang
 Và rung động đá hoa cương trong nền tảng của người!
 Bóng ma ấy là ai, con đẻ của bóng tối,
 Con quỷ nhớp nhúa, quên đi nỗi xấu hổ,
 Dựng cho mình ngai vàng dẫm máu,
 Ngự trị trên Ca-pi-tô-li đã sụp đổ,
 Đe dọa làm chết tất cả mọi cái trên trái đất?

Nó còn sống, - nhưng sức mạnh huyền ảo
 Đã yếu đi: các đỉnh cao sụp đổ,
 Và đàng xa xung quanh ngọn ngang đổ nát.

Ngự trị trên chỗ núi đá nhô ra
 Trên ngọn núi đồ sộ chỉ một ngôi tháp,
 Nơi những người con của chiến tranh đã dựng pháo đài.
 Trong cuộc đấu tranh nhục nhã,
 Từ đó đi xuống thành một tốp,
 Đánh cắp sức mạnh, với tiếng thét vang
 Đi vào trận đánh.
 Và ngọn tháp đứng đó,
 Hoang vu, thể hiện dáng vẻ u buồn,
 Vẫn già cỗi như trước
 Con mắt đe dọa nhìn xung quanh xa xăm, –
 Nhưng giờ đã điếm, ngọn tháp sụp đổ;
 Lúc đó đồng bằng rú lên
 Dưới những đống đổ nát, và từ đó
 Nó nằm, như con ngoáo ộp trong rừng,
 Như thằn bùa nhìn, làm xao xuyên ánh mắt người.

Kìa vòng hoa lần đầu tiên đội
 Lên trán lý trí; trí tuệ đã mạnh dạn thức tỉnh,
 Khát khao tìm kiếm món ăn tinh thần
 Bay lên ôm lấy thế giới.
 Cô-pec-ních đã lên trời đầy sao,
 Có hồi thình không dày che phủ,
 Và xuyên qua miền xa xăm vô tận
 Ngắm nhìn ngôi sao sáng nhất,
 Tỏa tia sáng ban ngày cho chúng ta.
 Và Ga-li-lê cảm thấy dưới chân mình
 Sự quay tròn của trái đất, nhưng ông
 Được La Mã mù quáng gửi cho cái nhà tù.
 Còn trái đất bay không mệt mỏi,

Bơi qua biển không gian không đáy,
 Các vì sao sáng cháy cùng nó bơi
 Trong cuộc bay rực lửa; lúc đó tinh thần nhanh nhẩu
 Của Niu-tơn được ném vào giữa các vì sao
 Ông đi theo chúng,
 Ông chỉ vòng tròn chuyển động vĩnh cửu
 Do ông vạch ra trước.

Có ích gì khi ta chinh phục bầu trời,
 Ta tìm ra quy luật chi phối
 Nước và gió, ta khai thác các tia
 Của ánh sáng không sờ mó được,
 Ta chui vào lòng đất để phát hiện
 Cái nôi vàng hoặc pha lê?
 Ôi, trí tuệ kiêu hãnh, hãy trở về với anh em!
 Trong lời đáp của nó vang lên nổi hờn giận cay đắng:
 "Trí tuệ đấu tranh với dốt nát lâu biết bao,
 Xiềng xích loảng xoảng nặng nề đường nào,
 Trói buộc bạo tàn trong giận dữ,
 Từ miền sang miên, từ thế kỷ đến thế kỷ,
 Ném con người
 Từ số phận nô lệ đến lúc lâm chung!
 Giờ đây thì đủ rồi!" -
 Kẻ bạo tàn đã nghe lời nồng nhiệt
 Và kêu gọi đến với mình
 Hai kẻ tôi tớ trung thành: lửa và kiếm.

"Hỡi những kẻ điên rồ! Những đống lửa nóng bỏng,
 Trong cơn giận dữ dọa làm tôi chết
 Và với sự thật thay tôi vào trận,

Những ngọn đuốc mang theo ánh sáng
 Xác lập giang sơn sự thật trên thế gian!
 Với tình yêu và nỗi buồn nhớ
 Tâm hồn tôi đắm mình trong cảm hứng,
 Nhìn theo nó, nó kéo tôi đi,
 Tôi không sợ chết, cũng không sợ lửa, -
 Chẳng lẽ tôi bị nghi ngờ thế sao?
 Hay có thể tôi phải rút lui chăng?
 Nhưng lẽ nào những cơn sóng của Ta-hô
 Lúc nào đó đã quay trở lại,
 Khi đã một lần vút ra biển khơi xa?
 Mặc cho núi điệp trùng ngăn đón
 Núi không kìm được cơn bão sục sôi, -
 Chính số phận mang nó qua bao chướng ngại
 Vào đại dương xao động".

Ngày vĩ đại đến rồi,
 Người trần từ sâu thăm suy tàn
 Thức tỉnh tự hào, đầy phẫn nộ,
 Và trên khoảng rộng các dòng sông
 Tiếng gọi vút qua: con người đã tự do!
 Lời kêu gọi thiêng liêng bay đi,
 Quét sạch mọi chướng ngại; và tiếng vọng
 Mang nó đi diệu kỳ trên đôi cánh mạnh,
 Do Gút-ten-béc tạo ra;
 Và trong nháy mắt, được chấp cánh
 Ông bay bổng lên trên núi, trên biển,
 Ông tự do, ngự trị gió.
 Tiếng thét của ông không át được bọn bạo tàn,
 Và vang vọng khắp thiên nhiên

Lời kêu gọi của lý trí:

Con người đã tự do!

Ôi, tiếng nói ngọt ngào: đã tự do!

Tim run rẩy, nghe tiếng người, tim mở rộng;

Tinh thần được người đốt nóng,

Tràn đầy cảm hứng thiêng liêng,

Bay vút lên cao trên đôi cánh lửa

Và vui mừng lượn trong những tầng mây.

Các bạn người trần nghe theo bài hát của tôi

Ôi, các bạn ở nơi nao?

Tôi thấy từ các đỉnh cao

Cánh cửa số phận mở toang

Và tương lai, xé tan màn thời gian,

Trái rộng trước mắt tôi!

Và tôi thấy từ nay trái đất

Không phải là một hành tinh thảm hại

Nơi ngự trị chiến tranh và đổ kỹ trong kiêu ngạo hung dữ.

Các con quỷ ác độc, chúng đã vĩnh viễn biến mất,

Như nạn chết dịch đang chấm dứt,

Như bệnh dịch hạch đen qua đi,

Nếu thần Ác-vi-lông khắc nghiệt thổi từ núi.

Từ nay mọi người đã trở nên bình đẳng,

Ách xích xiềng nguy hại đã vỡ tan;

Những tiếng hô hân hoan vang dội:

Không còn bọn bạo tàn, không còn nô lệ nữa!

Đến rồi tình yêu và hòa bình trên toàn trái đất,

Tình yêu và hòa bình thấm sâu mọi thứ xung quanh,

"Tình yêu và hòa bình!" – rền vang ở miền xa.

Thượng đế ở trên trời, trên ngai vàng

Trở vương trượng xuống dưới, chúc phúc, –

Và niềm vui sẽ xuống trần gian,

Như ở thời xa xưa,

Như dòng thác mạnh ngập tràn trái đất.

Anh thấy, anh thấy tám bia này,

Đài kỷ niệm tuyệt đẹp và hùng vĩ, –

Làm lóa mắt như đĩa mặt trời!

Các kim tự tháp, tạo vật của người nô lệ,

Không hùng mạnh đến mức bị rung chuyển,

Vì sức mạnh chính chúng, làm đầu mình cúi xuống!

Trước nó tỏa thành luồng không thể dập tắt,

Mùi thơm dân chúng lắc bình hương khắp nơi

Để tỏ lòng biết ơn, làm Gút-ten-béc sừng sốt.

Khen thay người hủy diệt sự ngạo mạn

Của thế lực đen tối

Người mang thắng lợi của trí tuệ

Xuyên qua những không gian vô tận;

Người được chính chân lý nâng lên,

Trong khải hoàn, tới tập tạng quà!

Vô số bài ca ngợi người đấu tranh cho hạnh phúc!

Bré-men

Do Ph.Ăng-ghen dịch đầu năm 1840

Đã đăng trong "Gutenbergs-Album",

Braunschweig, 1840

Ký tên: Phri-drích Ăng-ghen

In theo bản in trong an bom

Nguyên văn là tiếng Đức

I-Ô-EN I-A-CÔ-BI

Gánh xiếc nhào lộn của Guê-re-xơ đã có thêm được một diễn viên quý báu là I-ô-en I-a-cô-bi. Trước kia ông Gvi-đô Guê-re-xơ đã từng biểu diễn tiết mục hề, nhưng những trò mua vui của ông không được công chúng hâm mộ lắm; trái lại, thành viên mới của nhóm vừa rồi một lần nữa đã chứng minh một cách hết sức đáng kinh ngạc trong cuốn "Đấu tranh và thắng lợi" của mình^{1*}, rằng ông ta có khiếu đóng vai ấy. Con người rất toàn diện mà chiếc mũ đỏ và chiếc áo choàng màu đỏ thẫm của Đa-vít, cái áo đuôi tôm của người dự tuyển khao khát chức vụ và y phục len thô của người mới tuyển vui lòng đảm nhận việc quảng cáo rong, mang trên ngực số báo "Berliner politisches Wochenblatt", còn trên lưng thì mang cuốn mục lục của hãng xuất bản của Man-xơ ở Rê-ghen-xbuốc đều hợp, - con người như vậy dễ dàng đảm đương bất cứ vai nào. Và bây giờ anh ta lần đầu tiên đóng một vai mới, không hề lúng túng, và, "thông báo về sự cứu vãn và hòa bình, về đấu tranh và thắng lợi"⁴⁷, neho một mắt nhìn huân chương Đại bàng đỏ, còn mắt kia thì nhìn chiếc mũ lễ của ông giám mục.

1* Rê-ghen-xbuốc, 1840.

"Làm gì đây để mua vui cho các vị?" - anh ta hỏi công chúng, - "Các vị thích năm xuất bản nào: 1832 hay là 1834, 1836 hay 1839? Tôi ngâm thơ của ai cho các vị: của Ma-rát hay của I-ác-ke, của Đa-vít hay của Guê-re-xơ, hay của Hê-ghen?" Nhưng anh ta rộng lượng và đem lại cho chúng tôi món thịt kho nhừ gồm tất cả mọi âm hưởng mà anh ta nắm bắt được trong đầu óc rộng tuếch của mình, và quả thật, anh ta dâng tặng chúng ta một điều có tính chất giải trí.

Ta thắc mắc một cách khẳng định là nên tiếp cận điều vô lý đó từ phía nào. Tôi chẳng việc gì phải trình bày sự tráo trở của lối suy nghĩ, trình bày sự lẫn lộn hỗn độn những khái niệm nói lên tính chất cả của quyển sách nhỏ ấy của tác giả; vì rằng trước chúng ta là một người nửa loạn trí mà trong đầu óc của anh ta những mầm mống tư tưởng méo mó của chính anh ta say sưa không gì ngăn nổi với những khái niệm vay mượn của những người khác! Vậy nhà thơ của chúng ta có quan niệm như thế nào về quá khứ của mình chẳng hạn, nếu anh ta gọi mình là "con người thâm lặng?" Con người mà trong vòng tám năm không ngừng la hét, hóa điên hóa dại và bị khổ sở vì cách mạng, chống cách mạng, vì nước Phổ, vì giáo hoàng, người đó là con người thâm lặng ư? Anh ta, mà những lời kêu ca của anh ta luôn luôn đồng thời cũng là những lời buộc tội^{1*} chống lại người khác; - kẻ chỉ điểm bẩm sinh đó luôn luôn hoài nghi hàng loạt người, - có nên liệt anh ta vào loại những công dân thâm lặng của đất nước hay không?

Sự rối rắm về ngôn từ của Phran-txơ Các I-ô-en I-a-cô-bi hoàn toàn phù hợp với sự rối rắm về ý nghĩ của ông ta. Tôi sẽ không

1* Chơi chữ: "Klagen" - "những lời kêu ca"; "Verklagen" - "những lời buộc tội".

bao giờ có thể tin rằng tiếng Đức lại có thể truyền đạt nguyên văn như vậy những quan niệm rối rắm nhất. Những từ ngữ trước kia chưa bao giờ đứng cạnh nhau thì ở đây được chất thành một đồng, những khái niệm loại trừ lẫn nhau được gắn thành một mối bằng một động từ vạn năng nào đó; những cách diễn đạt có đức hạnh nhất, vô thường vô phạt nhất bỗng nhiên ở giữa những âm hưởng từ những năm cách mạng của I-ô-en, giữa những câu cú đáng ngờ của Men-xen, Lê-ô và Guê-re-xơ, giữa những tư tưởng bị hiểu sai của Hê-ghen; nhà thơ vung chiếc roi của mình trên tất cả những cái đó, và một đàn hoang dã điên cuồng vượt lên phía trước, phá vỡ tất cả mọi thứ trên đường đi của nó vấp ngã, và cuối cùng có được sự yên tĩnh trong lòng nhà thờ cứu rỗi duy nhất.

Nội dung đích thực của tuyệt tác được viết theo tinh thần phép đối ngẫu giả hiệu ấy, trong phong cách của "bút pháp oai vệ nói tất cả hai lần" (ba lần và bốn lần cũng nên) cũ gồm những lời ta thán trữ tình của tín đồ Do Thái giáo và của người mới theo đạo, rồi gồm những lời than vãn của tín đồ Thiên chúa giáo, trong đó tác giả vượt ra ngoài giới hạn chủ nghĩa chủ quan trữ tình phiến diện và phát triển vở kịch thuần túy hiện đại. Trung tâm vở kịch là nhân cách đầy nghị lực của tác giả trong bộ mặt bi hùng (dù sao, nó cũng là một cảnh tượng khá đáng buồn), và trên sự rối rắm sâu thẳm vốn có của nó rốt cuộc mọc lên bình minh trung cổ của nhà thờ Thiên chúa giáo. Từ tình trạng hỗn độn hiện đại Nhà tiên tri mới I-ô-en vươn lên với toàn bộ tâm cơ hiệp sĩ của mình, và báo trước sự diệt vong cho tất cả mọi khát vọng cách mạng, tự do chủ nghĩa, Hê-ghê-ling⁴⁸ và Tin lành, những khát vọng này ắt phải nhường chỗ cho thời đại mới, thời đại tư tưởng nghèo nàn. Tất cả những gì không cúi đầu trước chiếc trượng giám mục đều bị nguyên rửa; chỉ có "Tổ quốc Phổ" mới

xứng đáng được pia desideria^{1*}; trái lại, những người Ba-xơ theo phái Các-lốt "và chim họa mi Bỉ" đang chết dần làm cho vị chúa tể Lô-i-ô-la của mình⁴⁹ vui mừng. Có lẽ chính sách khủng bố thời Gia-cô-banh⁵⁰ vẫn còn ghi lại rõ trong trí nhớ của ông I-a-cô-bi. Việc đàn áp đẫm máu được tiến hành đối với tất cả mọi kẻ thù của đạo dòng Tên và của nguyên tắc quân chủ chủ nghĩa, trước hết đối với những nhà triết học mới mang dao găm trong vỏ bằng những khái niệm làm người ta rối rắm, và ở dưới quần áo tả tơi sặc sỡ của mình là vải liệm mà mọi người đều quen biết (ít ra ông I-a-cô-bi biết rất rõ nó từ lâu) trong đó các mục sư và vua chúa cùng nhau nhăm nháp giấc mơ chết chóc. Nhưng nhà tiên tri mới biết các nhà triết học: "Tôi luôn luôn hiểu các vị", – chính ông ta nói. Song đối với bản thân ông thầy^{2*} thì ông ta đưa ra quyết định trắng án, vì một số tư tưởng của người thầy đã rơi như tuyết vào đầu não đã nóng lên của ông I-a-cô-bi và ở đấy tất nhiên chúng đã tan thành nước. Trước dàn đồng ca tiếp theo đó của những con diều hâu và cú vọ và trước sự hoan hỉ khủng khiếp thì sự phê phán lẽ tự nhiên sẽ ngừng bật.

Ở I-ô-en I-a-cô-bi đã thể hiện một cực đoan khủng khiếp mà rốt cuộc tất cả mọi hiệp sĩ đầu óc nghèo nàn đều không khỏi đi tới. Mọi sự thù địch đối với tư tưởng tự do, mọi phe đối lập chống quyền lực tuyệt đối của tinh thần đều rốt cuộc dẫn tới đó, dù nó biểu hiện dưới dạng chủ nghĩa xăng-quy-lốt man rợ, không kiềm chế được hay dưới dạng quy lụy vô nghĩa và hèn hạ; nó mang đường ngói của phái Kiên thành hay mang cái đầu cứt trọc của cha cố Thiên chúa giáo. I-ô-en I-a-cô-bi là một chiến lợi phẩm sống, là biểu tượng của thắng lợi mà tinh thần biết tư duy đã giành

1* – những lời chúc thánh thiện.

2* Ý nói Hê-ghen.

được. Người nào chỉ bảo vệ thế kỷ thứ mười chín đều có thể đắc thắng nhìn vào nhà thơ đã bị sụp đổ ấy của thời đại chúng ta, vì sớm muộn thì ông ta cũng giống với tất cả mọi kẻ thù của thế kỷ này.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Giêng - tháng Ba 1840

Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für Deutschland" số 55, tháng Tư 1840

Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-đơ

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

LỜI CẦU HỒN BÁO ĐỨC "ADELSZEITUNG"⁵¹

Dies irae, dies illa
Saecla solvet in favilla^{1*}

Cái ngày Lu-the trích văn bản bản in đầu tiên của kinh Tân ước và nhờ ngọn lửa Hy Lạp ấy, đã biến thành tro bụi các thế kỷ thời Trung cổ với sức mạnh vạn năng của quyền lực lãnh chúa và tình trạng vô quyền của nông nô thời ấy, với thơ ca và tư tưởng nghèo nàn của chúng, - ngày đó và ba thế kỷ tiếp theo nó rốt cuộc đã để ra một thời đại,

"trong đó vị trí chủ đạo hoàn toàn thuộc về dư luận xã hội, thời đại mà Na-pô-lê-ông, - mặc dầu ông ta có rất nhiều phẩm chất đáng chê, đặc biệt là trong con mắt của người Đức, nhưng không thể không thừa nhận rằng ông ta có đầu óc sáng suốt hiếm hoi, - đã nói: "Le journalisme est une puissance"^{2*}.

Tôi dẫn ra ở đây những lời này cốt để trình bày rằng trong đề án thành lập báo "Adelszeitung", nơi chúng được vay mượn, có ít tinh thần trung cổ, nghĩa là có ít tư tưởng nghèo nàn dường nào⁵². Báo Đức "Adelszeitung" có sứ mệnh phải hoàn thành thắng lợi dư luận xã hội ấy và thức tỉnh ý thức của nó. Vì rõ ràng là

1* - "Ngày phần nọ là ngày phá hủy, nó sẽ biến toàn bộ thế giới thành tro bụi". Lời trích từ kinh cầu hồn Thiên chúa giáo - khúc cầu hồn. Những đoạn trích dẫn khác bằng tiếng la-tinh gặp trong bài này cũng được lấy từ đó.

2* - "Báo chí là một sức mạnh".

Gút-ten-béc đã phát minh ra thuật in sách không phải để giúp ông Bốc-nơ nào đó - kẻ mị dân này, hay là Hê-ghen, người mà trước mặt thì khúm núm như Hai-nơ từng chứng minh, còn sau lưng thì cách mạng như Su-bác-tơ đã chứng minh⁵³, hoặc một thị dân khác nào đó truyền bá khắp thế gian những tư tưởng rối rắm, - không, ông phát minh ra nó duy nhất để tạo khả năng thành lập báo "Adelszeitung". – *Thế giới là cho nó, nó đã đi vào cõi vĩnh hằng!* Nó chỉ len lén, rụt rè nhìn thế giới xấu xa, không phải trung cổ ấy, và tâm hồn con gái trong trắng của nó, hay nói đúng hơn, tâm hồn của một người con gái cao thượng, đã run rẩy lùi lại trước sự hèn hạ của tình trạng hoang vắng, trước vũng bùn của đám canaille^{1*} dân chủ, trước sự ngạo mạn khủng khiếp của những kẻ không có khả năng tiếp cận với triều đình, trước tất cả mọi tình huống, những mối liên hệ qua lại và những sự nhốn nháo đáng buồn của thời đại chúng ta mà khi xuất hiện ở cổng lâu đài của các vị nam tước, chúng xứng đáng được chào đón bằng roi vọt. Thế giới là để cho nó, nó đã đi vào cõi vĩnh hằng, nó sẽ không thấy sự nhỏ nhen của giới dân chủ, sự rung chuyển của những cơ sở của cái đang tồn tại, nước mắt của những người thuộc dòng dõi cao sang và của những người cao thượng nữa, nó đã yên giấc ngàn thu.

Requiem aeternam dona ei, Domine!^{2*}

Và dù sao nó chết đi cũng đã làm chúng ta mất nhiều thứ! Người ta đã vui mừng như thế nào ở các phòng khách chỉ cho phép những ngài có không dưới mười sáu đời tổ tiên vào, người ta đã hoan hỉ như thế nào ở tất cả các đồn tiền tiêu đã mất đi một nửa giới quý tộc chính thống! Một người cha già rạn rở

1* – kẻ vô lại, dân đen.

2* – Cầu trời ban cho nó sự yên tĩnh vĩnh hằng!

ngồi trên chiếc ghế bành cha truyền con nối, xung quanh là những con chó đáng yêu, tay phải cầm một chiếc tẩu cha truyền con nối, còn tay trái thì cầm một cái roi cha truyền con nối, và thành kính nghiên cứu cây gia hệ cổ lỗ sĩ trong quyển sách thứ nhất của Mô-i-dơ, thì bỗng nhiên cửa mở toang và người ta mang đến cho ông bản đề án thành lập báo "Adelszeitung". Con người cao thượng sau khi nhìn thấy cụm từ *quý tộc* in bằng chữ lớn vội vàng sửa lại cặp kính và với cảm giác khoan khoái đọc tờ giấy; ông ta thấy rằng trên tờ báo mới cũng dành chỗ cho các tin tức gia đình, và vui mừng khi nghĩ đến bài cáo phó sau này của mình - ông ta sẽ tự mình đọc bài cáo phó ấy thích thú dường nào! – khi vào một ngày nào đó ông ta gia nhập vào đám tổ tiên của mình. – Nhưng rồi những ngài trẻ tuổi phi nước kiệu vào sân pháo đài; ông già vội vã cử người ra đón họ. Ngài Tê-ô-đê-rích "Phôn Đơ Nây-gơ"^{1*} dùng roi lừa những con ngựa vào chuồng; ngài Dích-vác-tơ xô ngã một số đầy tớ, giẫm lên đuôi con mèo, và theo lối hiệp sĩ, đẩy người nông dân già đến xin ăn và bị từ chối sang một bên; ngài Ghi-de-lơ ra lệnh cho đầy tớ chuẩn bị hết sức chu đáo tất cả mọi cái để đi săn, nếu không làm tốt sẽ bị trừng trị bằng nhục hình; cuối cùng, các nam tước trẻ ríu rít đi vào gian phòng. Những con chó vừa sửa vừa lao về phía họ nhưng người ta dùng roi xua chúng xuống dưới bàn; và ngài Dích-vác-tơ Phon Đơ Nây-gơ vỗ về con chó đáng yêu bằng cú đá của cái chân rạn rở, lần này không bắt gặp từ phía người cha cảm phục thậm chí một ánh mắt giận dữ thông thường trong những trường hợp như vậy. Ngài Tê-ô-đê-rích – người mà, ngoài kinh thánh và gia phả ra, còn đọc một số điều trong từ điển bách khoa và vì thế phát âm các từ nước ngoài đúng

1* "Neige" có nghĩa là "tàn dư", "người đi cuối cùng".

hơn những người khác, - phải đọc to bản đề án thành lập báo, còn ông già thì chảy nước mắt vui mừng, quên mất pháp lệnh về đồ cống nạp và về việc đánh thuế những người quý tộc.

Một bà nhân từ tiến vào thế giới hiện đại một cách đạo đức – khiêm nhường và độ lượng trên con ngựa trắng bằng giấy của mình, hai người hiệp sĩ của bà ta mạnh dạn nhìn về phía trước – họ là các nam tước từ đầu đến chân, trong mỗi giọt máu, là kết quả của sáu mươi tư lần kết hôn bình đẳng, trong mỗi cái nhìn là một lời thách thức! Người thứ nhất là ngài Phôn. *An-ven-xle-ben* trước đây từng nhong nhong trên con ngựa chiến hiệp sĩ của mình qua những đồng cỏ khô cằn trong các tiểu thuyết và hồi ký Pháp, còn giờ đây thì quyết định tấn công những thị dân man rợ. Trên lá chắn của ông ta có ghi phương châm: "Quyền hành đã đạt được không bao giờ có thể trở thành sự bất công", và ông ta lớn tiếng gào thét: "Trong quá khứ giai cấp quý tộc có diễm phúc lập chiến công, giờ đây nó yên nghỉ trên các vòng nguyệt quế, hoặc nói đơn giản hơn, là nó đã đâm ra lưỡi biếng; bằng cánh tay hùng mạnh giai cấp quý tộc đã bảo vệ vua chúa, *mà qua đó đã bảo vệ các dân tộc*, và tôi sẽ chăm lo để những sự nghiệp vĩ đại ấy không bị lãng quên, còn báo "Adelszeitung" yêu dấu của tôi - *requiescat in pace*^{1*} – là một người đàn bà đẹp nhất trên thế giới, và ai phủ nhận điều này thì người đó...".

Nhưng ở đây người hiệp sĩ cao thượng bay từ ngựa xuống, và ngài Phri-drích, nam tước Đờ La *Mốt Phu-kê* leo dẹo đến thay ông ta một cách thoản thoắt trên trường đua. Con Rô-xi-năng già "hồng nhạt" do ở lâu ngày trong chuồng ngựa nên móng sắt đã bong ra, – con quái vật đầu chim mình ngựa này không mập mạp ngay cả ở tuổi đẹp nhất của nó và từ lâu đã chấm dứt

1* – câu cho nó yên giấc.

những bước nhảy lạng mạn dưới yên của những dũng sĩ miền Bắc, bỗng nhiên đập vó xuống đất. Ngài Phôn Phu-kê đã quên lời bình luận thi vị hàng năm đối với tuần báo "Berliner politisches Wochenblatt", ra lệnh lau chùi áo giáp, đưa con ngựa mù già ra và, với tầm cỡ vĩ đại của người anh hùng đơn độc, bắt đầu lên đường để tham gia cuộc thập tự chinh của các tư tưởng thời đại. Nhưng để đẳng cấp thị dân hám danh không nghĩ rằng chiếc lao đã bị gãy của dũng sĩ già chĩa vào họ, Phu-kê ném cho ông ta lời mở đầu⁵⁴. Ân huệ rộng rãi như vậy đáng được xem xét.

Lời mở đầu dạy chúng ta rằng lịch sử toàn thế giới tồn tại không phải để thực hiện khái niệm tự do như Hê-ghen quan niệm hết sức sai lầm, mà chỉ để chứng minh sự cần thiết tồn tại của ba đẳng cấp, và lại những người quý tộc có nhiệm vụ phải chiến đấu, những người thị dân có nhiệm vụ phải suy nghĩ, những người nông dân có nhiệm vụ phải cày ruộng. Song không được có những khác biệt đẳng cấp; các đẳng cấp phải nâng đỡ lẫn nhau và đổi mới lẫn nhau, nhưng không phải bằng những cuộc hôn nhân không bình đẳng, mà bằng cách nâng lên đẳng cấp cao hơn. Tất nhiên, thật khó hiểu là làm thế nào mà "cái hồ trong như nước suối" đó của giai cấp quý tộc hình thành từ những nguồn trong sạch chảy từ tầm cao các pháo đài kẻ cướp lại có thể còn cần đến một sự bổ sung làm tươi mới nào đó. Nhưng nam tước cao thượng cho phép những người đã từng không chỉ là những thị dân, mà còn là "những giám mã của các hiệp sĩ" và *có thể, thậm chí những người thợ bạn làm nghề may* đổi mới giai cấp quý tộc. Song ngài Phu-kê không nói giai cấp quý tộc phải đổi mới những đẳng cấp khác bằng cách nào, – chắc hẳn nhờ những người đã rơi xuống khỏi hàng ngũ giai cấp quý tộc. Hoặc giả - vì ngài Phu-kê với lòng nhân hậu của mình sẵn sàng đồng ý rằng về mặt nội tại, nói đúng ra giai cấp quý tộc không mấy may tốt hơn dân đen – có thể, đối với người quý tộc, việc vươn lên đẳng cấp thị dân hoặc thậm chí đẳng cấp nông

dân sẽ vinh dự như cái bằng quý tộc đối với người thị dân? Trong nhà nước của ông Phu-kê người ta đã chăm lo để triết học không ngẩng cao đầu lắm. Can-tơ với các tư tưởng của mình về thế giới vĩnh cửu⁵⁵ ở đấy sẽ rơi vào đám lửa thiêu, vì trong thế giới vĩnh cửu người quý tộc sẽ không thể đánh nhau, may ra họa chẳng chỉ có những người thợ bạn làm việc đó.

Chắc chắn rằng do việc nghiên cứu kỹ lịch sử và nghiên cứu nhà nước của mình, ngài Phu-kê xứng đáng được nâng lên đẳng cấp biết tư duy, nghĩa là đẳng cấp thị dân; ông ta đã quen tay một cách tuyệt vời trong việc tìm kiếm giữa những người Gun-nơ và A-va-rơ, trong số những người Ba-ski-ri-a và người Mô-gích và thậm chí trong số những người cổ lỗ sĩ không chỉ một công chúng đáng kính, mà thậm chí cả tầng lớp quý tộc nổi danh. Hơn nữa ông ta đã có một phát hiện hoàn toàn mới – vào thời trung cổ, khi nông dân là những người nông nô, họ đã gặp tình yêu và sự âu yếm từ phía hai đẳng cấp khác và họ đã trả cho chúng cũng bằng cái giá ấy. Ngôn ngữ của ông ta không gì so sánh được, ông ta ném vào bạn đọc "những vận luật thấm sâu vào tận rễ" và "biết rút vàng ra từ các hiện tượng tự nó (Hê-ghen là Xau-lơ trong số các nhà tiên tri) tối tăm nhất".

Et lux perpetua luceat cis!^{1*} –

họ thực sự cần điều đó.

Báo "Adelszeitung" đã quá cố còn có rất nhiều tư tưởng tốt đẹp, thí dụ, tư tưởng về chế độ chiếm hữu ruộng đất của quý tộc và còn hàng trăm những tư tưởng khác đến nỗi khen ngợi tất cả những tư tưởng ấy sẽ là việc không thể làm được. Nhưng tư tưởng may mắn nhất của nó là làm thế nào để ngay trong số đầu tiên của mình, trong số các thông báo, đăng thông báo về

1* – Và mong rằng ánh sáng vĩnh cửu chiếu rọi họ.

một *cuộc hôn nhân không bình đẳng*. Nó có sẵn sàng liệt một cách nhân đạo như vậy ngài Phôn Rốt-sin vào giai cấp quý tộc Đức hay không – điều này nó không thông báo. Và chúa sẽ làm yên lòng những bố mẹ đau khổ, sẽ nâng tờ báo đã yên giấc ngàn thu lên phẩm giá bá tước trên trời xanh.

Chúc cho nó ngủ yên

Trước kỳ phán xét khủng khiếp! –

Còn chúng ta thì sẽ hát cho nó khúc cầu hồn và sẽ đọc lời điệu văn như người thị dân trung thực cần làm.

Tuba mirum spargens sonum

Per sepulcra regionum

Coget omnes ante thronum!^{1*}.

Lẽ nào các bạn không nghe thấy tiếng kèn đồng lật đổ bia mộ và bắt đất đai lay động một cách vui mừng, thành thử các lăng mộ toác ra? Đã đến ngày phán xét, cái ngày mà không bao giờ được đem nối tiếp nữa; tinh thần, vị vua vĩnh cửu, đã ngự trên ngai vàng của mình, và dưới chân ông ta các dân tộc trên trái đất tập hợp lại để báo cáo về suy nghĩ và việc làm của mình; cuộc sống mới xuyên suốt toàn thế giới, và cái cây già của các dân tộc vui mừng lay động cành lá của mình trong hơi thở của buổi sáng, vứt bỏ những lá úa xuống; gió lùa chúng đi và tập hợp lại thành một đồng lửa lớn mà chính ông trời đốt nó bằng những ánh chớp của mình. Việc phán xét các thế hệ trần gian đã hoàn thành, sự phán xét mà những người con của quá khứ sẽ chấm dứt nó cũng vui lòng như phiên tòa xử việc thừa kế; nhưng người phán quyết vĩnh cửu nghiệt ngã, và ánh mắt xuyên suốt của ông ta rất đáng sợ; tài năng mà họ không

1* – Tiếng kèn đồng có sức mạnh diệu kỳ báo tin: từ năm mỗ mọi người sẽ xuất hiện trước thượng đế.

sử dụng bị tước bỏ khỏi họ, và họ bị chìm vào cảnh tối tăm mù mịt, nơi mà không có một tia sáng duy nhất nào của tinh thần trông nom họ.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Giêng - tháng Tư 1840

Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für Deutschland" số 59 và 60; tháng Tư 1840

Ký tên: Phri-đrích Ô-xvan-đơ

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

ĐỜI SỐNG VĂN HỌC HIỆN ĐẠI⁵⁶

I CÁC GÚT-XCỐP - NHÀ VIẾT KỊCH

Có thể dự tính rằng sau bài viết nổi tiếng của Gút-xcốp trong tờ "Jahrbuch der Literatur"⁵⁷, ở các đối thủ của ông ta – trừ Quy-nơ mà ở đây người ta đã thanh toán một cách quá hời hợt - lập tức bùng lên lòng khát khao cao thượng muốn trả thù. Nhưng mong đợi điều gì đó tương tự như vậy ở các nhà văn của chúng ta sẽ có nghĩa là hiểu chưa thấu đáo tính vị kỷ vốn có của họ. Điều rất đáng chú ý là báo "Telegraph"^{1*} trong bản tin có tính chất đường lối của mình về văn học đã coi sự đánh giá của chính mình về mỗi độc giả là sự đánh giá bình thường. Vậy, có thể thấy trước rằng phía này sẽ đón tiếp không lấy gì là mận mà các tác phẩm mới nhất của Gút-xcốp.

Song trong số các nhà phê bình của chúng ta có những người lên mặt về thái độ vô tư của mình đối với Gút-xcốp, và những người khác lại tự mình thú nhận là cực kỳ rộng rãi đối với hoạt động văn học của ông ta. Những người này đã quá tâng bốc tác phẩm "Ri-sốt Xe-ve-giơ" của ông ta⁵⁸, chính cái tác phẩm "Xe-ve-giơ" mà Gút-xcốp hết sức vội vàng viết xong trong mười hai ngày, còn "Xau-lơ" của ông ta⁵⁹ mà nhà văn ấp ủ với sự trù mẫn rõ

1* – "Telegraph Für Deutschland".

rệt như vậy và đã nâng niu một cách ân cần như thế thì được đón tiếp bằng một đôi lời chẳng khác gì thừa nhận một nửa. Trong khi "Xe-ve-gio" được lưu diễn thành công rực rỡ trên tất cả các sân khấu nhà hát và tất cả các tạp chí đều đăng những bài bình luận về nó, còn những người chưa có dịp tiếp cận với vở kịch đó có thể nghiên cứu tài năng viết kịch của Gút-xcốp qua vở "Xau-lơ" được phát hành rộng rãi. Trong khi đó ít báo đăng bài bình luận về bi kịch đó thậm chí ở dạng hời hợt! Quả thực ta không biết nên nghĩ gì về hoạt động văn chương của chúng ta, nếu so sánh thái độ coi thường đó với những cuộc tranh luận do bài "Thi sĩ lãng du" của Béch²⁹ gây nên – những bài thơ ấy quả là xa kiểu mẫu cổ điển hơn nhiều so với tác phẩm "Xau-lơ" của Gút-xcốp.

Nhưng trước khi chuyển sang phân tích vở kịch này, chúng ta cần nghiên cứu hai tiểu luận về kịch đăng trong "*Sách phác thảo*"⁶⁰. Màn thứ nhất của vở bi kịch "Ma-ri-nô Pha-li-e-ri" viết dở dang cho thấy Gút-xcốp biết xử lý và hoàn tất từng màn như thế nào, ông ta nắm nghệ thuật đối thoại như thế nào, làm cho nó có tính chất tế nhị, kiêu diễm và sắc sảo ra sao. Nhưng trong đoạn ấy thiếu một hồi, nội dung của nó có thể truyền đạt bằng vài ba từ, vì vậy trên sân diễn nó có vẻ tẻ nhạt ngay cả đối với những người biết trân trọng nghệ thuật diễn xuất. Điều chỉnh một cái gì đó ở đây dĩ nhiên là việc khó: hồi kịch được xây dựng theo cách để không thể chuyển được một cái gì từ màn thứ hai sang màn thứ nhất mà không ảnh hưởng đến nó. Nhưng chính ở đây thể hiện nhà viết kịch đích thực, và nếu Gút-xcốp thực sự như thế, mà tôi thì tin chắc như vậy, ông ta về toàn cục sẽ giải quyết thành công vấn đề này trong vở kịch đã hứa mà chúng ta hy vọng trong tương lai không xa sẽ hoàn thành.

"*Hăm-lét ở Vit-ten-béc*" đã cung cấp cho chúng ta những đường

nét chung của cái tổng thể. Gút-xcốp đã xử lý tốt, khi ở đây ông ta chỉ đưa ra những nét phác thảo; vì rằng đoạn đạt nhất là màn kịch trong đó xuất hiện Ô-phe-li-a, – nếu mô tả chi tiết hơn sẽ làm giảm mất cảm xúc của chúng ta. Nhưng tôi hoàn toàn không hiểu làm sao Gút-xcốp trong khi muốn gọi lên trong tâm hồn Hăm-lét nỗi ngờ vực – một yếu tố rất Đức – lại có thể bố trí cho anh ta gặp Phau-xtơ. Hoàn toàn không cần gán ghép xu hướng đó từ bên ngoài vào tâm hồn Hăm-lét, vì nó có ở đó từ lâu và vốn là bản chất bẩm sinh của anh ta. Nếu không thì Sếch-xpia tất nhiên sẽ không tránh khỏi phải luận chứng đặc biệt cho nó. Ở đây Gút-xcốp viện dẫn Bóc-nơ, nhưng chính Bóc-nơ bên cạnh việc phân đôi đã nhấn mạnh tính chính thể của tính cách Hăm-lét⁶¹. Thế thì ở Gút-xcốp những yếu tố đó thâm nhập vào thế giới tinh thần của Hăm-lét bằng cách nào? Có thể do lời nguyện rửa mà Phau-xtơ đã đổ lên đầu chàng Đan Mạch trẻ tuổi chẳng? Những thủ thuật như vậy từ *deus ex machina*^{1*} đã khiến cho mọi thơ ca có kịch tính đều không thể nào có được. Hay là do cuộc nói chuyện của Phau-xtơ với Me-phi-xtô-phen mà Hăm-lét đã nghe lỏm? Thứ nhất, trong trường hợp này lời nguyện rửa sẽ mất hết ý nghĩa, thứ hai, mối dây dẫn từ những lời nói ấy đến tính cách của Hăm-lét ở Sếch-xpia thường mỏng manh đến mức ta sẽ không nhìn thấy nó, và thứ ba, chẳng lẽ Hăm-lét lập tức sau đó có thể nói một cách hững hờ như vậy về những vấn đề ngoài cuộc? Tình hình có khác đối với việc xuất hiện của Ô-phe-li-a. Ở đây Gút-xcốp hoặc đã hiểu thấu triệt để Sếch-xpia,

1* – nghĩa đen: "vị thần xuất hiện từ cái máy" (trong các nhà hát cổ đại, những diễn viên đóng vai thần thánh xuất hiện trên sân khấu nhờ những thiết bị đặc biệt); nghĩa bóng: nhân vật xuất hiện một cách đột ngột hoặc tình huống bất ngờ không bắt nguồn từ tiến trình của các sự kiện.

hoặc đã bỏ sung cho Sếch-xpia. Đó là một loại việc dễ nhưng cần có sáng kiến; sau thời kỳ hai trăm năm các nhà phê bình tranh luận về điều này thì nảy sinh một lời giải vừa rất độc đáo vừa thi vị, và chắc hẳn là lời giải duy nhất có thể có. Và màn kịch ấy đã được viết một cách tài tình. Người nào mà trước đây màn kịch nổi tiếng trong vở "Va-li-a"⁶² chưa thuyết phục được rằng Gút-xcốp có trí tưởng tượng, rằng ông ta không phải là con người có lý trí lạnh lùng, thì giờ đây người ấy sẽ hiểu điều đó. Hơi thở dịu dàng, thi vị mà hình tượng huyền ảo của Ô-phe-li-a toát lên, đem lại nhiều hơn mức có thể đòi hỏi ở một bản phác thảo giản đơn. - Những khổ thơ mà Me-phi-xtô-phen nói lên hoàn toàn không đạt. Để tái hiện ngôn ngữ của Gơ-tơ trong "Phau-xtơ", tái hiện sự hài hòa vang lên trong những câu thơ thoát nhìn có vẻ phóng khoáng của ông, cần phải là Gơ-tơ thứ hai; từ bất kỳ bàn tay nào khác câu thơ nhẹ nhàng ấy trở nên cứng đờ và nặng nề ngay. Ở đây tôi không có ý định tranh cãi với Gút-xcốp về quan niệm nguyên lý cái ác.

Chúng ta hãy chuyển sang đối tượng chính trong cuộc nói chuyện của chúng ta - tác phẩm "*Vua Xau-lơ*". Người ta trách Gút-xcốp rằng trước khi tung ra vở "Xe-ve-giơ", ông ta đã nhiều lần làm rùm beng trên báo "Telegraph", toàn bộ sự ồn ào ấy người ta đã dấy lên vì hai - ba bài báo nhỏ; khi những người khác tỏ chức sự tiếp đón khoan hậu đối với những tác phẩm của mình bằng lực lượng của những nhạc công thuê thì không ai nghĩ đến điều này, nhưng Gút-xcốp, người đã dám nói thẳng sự thật khắc nghiệt với người này, còn đối với người khác thì có thể va chạm qua thái độ bất công nho nhỏ, thì điều đó được tính là một tội nghiêm trọng. Đối với vở "*Vua Xau-lơ*" thì những lời chê trách ấy hoàn toàn không phù hợp. Vở này ra mắt không hề loan báo trước, không có lấy một bài trên báo, không đăng tải trích đoạn

trên tờ "Telegraph". Bản thân vở kịch cũng có sự khiêm tốn như vậy: không có những xảo thuật sân khấu giàn dựng với sấm chớp loé lên từ các vực sâu biển cả của sự đối thoại nhạt nhẽo, không có những độc thoại long trọng mà lối văn hoa mỹ khoái trá hoặc cảm động của chúng có nhiệm vụ che đậy những thiếu sót của vở kịch; ở đây tất cả đều diễn ra một cách êm ả, chặt chẽ, sức mạnh thơ ca có ý thức dẫn dắt hành động diễn biến một cách vững chắc đến hồi kết cục. Và phải chằng vào một *lúc nào đó* giới phê bình của chúng ta sẽ đọc một tác phẩm như vậy rồi sau đó sẽ viết một bài mà những bông hoa hùng biện sắc sảo của nó lập tức làm bộc lộ mảnh đất cằn cỗi, cát sạn để ra chúng? Tôi đánh giá cao vở "Vua Xau-lơ" chính vì vẻ đẹp của nó không nổi trên bề mặt, cần phải tìm kiếm chúng, hơn thế nữa khi mới đọc lần đầu, có lẽ dễ dàng gác quyển sách sang một bên. Các bạn hãy bắt con người có học thức quên trong chốc lát sự nổi tiếng của Xô-phô-clơ và hãy đề nghị người đó lựa chọn giữa vở "An-ti-gô-na" và vở "Xau-lơ". Tôi tin chắc rằng khi đọc lần đầu người đó sẽ tuyên bố rằng cả hai tác phẩm đều kém như nhau. Với điều đó dĩ nhiên tôi không muốn nói rằng có thể đặt vở "Xau-lơ" ngang hàng với tác phẩm vĩ đại nhất của người vĩ đại nhất trong số những người Hy Lạp. Tôi chỉ muốn cho thấy những điều xét đoán đưa ra với sự nồng nổi hời hợt sai lạc nhường nào. Thật buồn cười khi thấy một số kẻ thù không đội trời chung của tác giả bỗng nhiên tưởng tượng rằng họ đã giành được thắng lợi chưa từng có, đã hân hoan vạch ra rằng vở "Xau-lơ" là mẫu mực bất tài và phản nghệ thuật nhờ đời của Gút-xcốp; như vậy là do không biết phân tích để hiểu Xa-mu-in, họ đã vận dụng vào ông ta câu nói: "Tôi không biết ông ta còn sống hay đã chết". Thật nực cười khi thấy họ đã phơi bày sự hời hợt cực kỳ của mình một cách rõ ràng mà tự họ không ý thức được điều đó. Nhưng Gút-xcốp có thể yên tâm; ngay cả trước ông ta cũng đã

từng xảy ra như vậy với các nhà tiên tri, còn suy cho cùng thì Xau-lơ của ông ta cũng sẽ được liệt vào những người tiên tri. Họ cũng có thái độ khinh thường như vậy đối với các vở kịch của Lút-vích U-lan chừng nào Vin-bác-gơ chưa mở mắt cho họ thấy rõ tác giả này²⁷. Chính các vở kịch của U-lan với hình thức giản dị khiêm tốn có nhiều điểm giống với vở "Xau-lơ".

Một nguyên nhân khác khiến thói hời hợt dễ dàng xét đoán vở "Xau-lơ" bắt rễ trong quan niệm độc đáo về truyền thuyết lịch sử. Về những tác phẩm lịch sử nổi tiếng như quyển sách thứ nhất của Xa-mu-in^{1*}, và được nhiều lần lý giải khác nhau như vậy, mỗi người đều có quan điểm riêng của mình mà chính anh ta muốn thấy dù chỉ một phần được mô tả hoặc được tính đến trong tác phẩm thơ khi chỉnh lý tài liệu đó bằng thơ. Người này tán thành Xau-lơ, người khác tán thành Đa-vít, người khác nữa tán thành Xa-mu-in. Và mỗi người, dù có thể thốt và cam đoan nồng nhiệt thế nào đi nữa rằng anh ta có ý định tôn trọng quan điểm của nhà văn, thì bản thân anh ta vẫn bị xúc phạm, nếu quan điểm của chính anh ta không được tính đến. Nhưng Gút-xcốp đã hành động rất đúng khi rời bỏ con đường quen thuộc nơi mà cỗ xe bình thường sẽ đi vào vết cũ. Tôi muốn thấy một người dám nhận xây dựng trong bi kịch hình tượng của Xau-lơ lịch sử đích thực. Những cố gắng mà người ta đã làm từ trước đến nay nhằm trả chuyện Xau-lơ về miếng đất lịch sử thuần túy không làm tôi thỏa mãn. Sự phê phán lịch sử đối với kinh Cựu ước chưa rời bỏ lĩnh vực chủ nghĩa duy lý đã hết thời. Nếu một ông Stơ-rau-xơ nào đó nhận làm việc này thì ông ta sẽ phải làm việc nhiều hơn nữa để phân định rạch ròi cái gì thuộc

huyền thoại, cái gì thuộc lịch sử và những sự sai lệch nào là do các linh mục đưa vào. Tiếp nữa, chẳng lẽ hàng nghìn sự cố gắng không thành chẳng đã chứng minh rằng bản thân phượng Đông là mảnh đất vô bổ cho kịch hay sao? Và ở đâu trong lịch sử có cái yếu tố cao hơn đang giành thắng lợi vào lúc các cá nhân đã hết thời đang bị phá sản? Phải chăng đó không phải là Đa-vít? Ông ta vẫn chịu ảnh hưởng của các linh mục như trước và nếu là nhân vật thơ ca, thì chỉ dưới sự soi sáng phi lịch sử, trong đó kinh thánh sẽ ca ngợi ông ta. Vậy ở đây Gút-xcốp không chỉ sử dụng cái quyền vốn có của mỗi nhà thơ, mà còn trừ bỏ những trở ngại ngăn cản sự mô tả bằng thơ ca. Trên thực tế, Xau-lơ có tính lịch sử đích thực sẽ có dáng dấp như thế nào mà thời đại và dân tộc đã tạo cho anh ta? Các bạn hãy hình dung xem anh ta thổ lộ như thế nào bằng ngôn ngữ những ẩn dụ cổ Do Thái, tất cả các quan niệm của anh ta gắn bó như thế nào với Giê-hô-va, tất cả các hình tượng của anh ta gắn bó như thế nào với tôn giáo cổ Do Thái; các bạn hãy hình dung một Đa-vít lịch sử nói những câu lấy từ thánh ca - không thể nói đến Xa-mu-in lịch sử, và các bạn hãy nghĩ xem những nhân vật như vậy có được phép có trong kịch hay không? Ở đây các phạm trù thời đại và dân tộc cần phải vứt bỏ, những phác họa các tính cách như chúng được nêu trong lịch sử kinh thánh và trong sự phê phán tiếp theo phải chịu không ít những thay đổi hết sức cần thiết; ở đây chúng có nhiều cái trong số những cái mà trong thực tế lịch sử chỉ là điều bí ẩn hoặc may ra là một quan niệm mơ hồ, cần phải đưa đến chỗ nhận thức rõ ràng. Thí dụ, nhà thơ có toàn quyền cho phép các nhân vật của mình có, chẳng hạn, các khái niệm của nhà thờ. – Và về mặt này, Gút-xcốp chỉ đáng được khen ngợi nồng nhiệt nhất khi xét đoán đến việc ông ta đã giải quyết nhiệm vụ của mình như thế nào. Những sợi chỉ dệt nên các tính cách của ông ta vẫn nằm

1* Kinh thánh. Kinh Cựu ước. Quyển sách thứ nhất của các vương quốc.

trong nguồn tư liệu gốc, tuy dưới dạng hết sức rối rắm; một số sợi chỉ ông ta đã phải rút ra và vứt bỏ, nhưng chỉ có nhà phê bình thiên vị nhất mới có thể chê trách ông ta rằng ông ta đã mang vào cái gì đó xa lạ – trừ màn kịch với những người phi-li-xtanh.

Ở trung tâm vở kịch tập hợp ba tính cách mà việc mô tả họ một cách độc đáo của Gút-xcốp về thực chất làm cho chủ đề của ông ta trở thành bi kịch. Ở đây thể hiện cách hiểu lịch sử bằng thơ ca đích thực; người ta sẽ không bao giờ thuyết phục được tôi rằng "con người có lý trí lạnh lùng", "có thiên hướng hay tranh luận", có thể rút từ chuyện kể lộn xộn ra những cái có thể dẫn đến kết cục bi kịch cao độ. Ba tính cách ấy là Xau-lơ, Xa-mu-in và Đa-vít. Xau-lơ khép lại cả một thời kỳ lịch sử của dân tộc Do Thái, thời đại các quan tòa và các truyền thuyết anh hùng; Xau-lơ là Ni-be-lung I-xra-en cuối cùng còn sót lại từ thế hệ những dũng sĩ trong thời đại mà ông ta không hiểu, cũng như nó không hiểu ông ta. Xau-lơ là hậu bối lúc đầu có vận mệnh vung kiếm trong thời đại những huyền thoại mờ mịt mà tai họa của anh ta là ở chỗ anh ta phải sống trong thời đại văn hóa phát triển, trong thời đại xa lạ với anh ta, nó làm cho lưỡi kiếm của anh ta hoen gỉ và do đó anh ta cố sức kéo nó lùi trở lại. Còn nói chung thì anh ta là một người cao thượng mà không có gì thuộc về con người lại xa lạ với anh; nhưng anh ta không biết tình yêu khi nó đến với anh ta trong trang phục của thời đại mới. Anh ta coi thời đại mới ấy và các biểu hiện của nó là con đẻ của các linh mục, trong khi các linh mục chỉ chuẩn bị nó, chỉ là công cụ trong tay lịch sử mà từ hạt giống tôn ty trật tự của nó mọc lên những mầm chưa từng thấy. Xau-lơ đấu tranh chống thời đại mới, nhưng thời đại mới ấy bước qua anh ta, có được sức mạnh khổng lồ trong sự vận động vun vút của mình, nó làm sụp đổ tất cả những gì chống lại nó, kể cả Xau-lơ cao thượng vĩ đại.

Xa-mu-in đứng ở thời điểm chuyển sang văn hóa, ở đây, cũng như ở khắp nơi, với tư cách những người mang học vấn có đặc quyền, các linh mục chuẩn bị bước chuyển lên văn hóa ở các dân tộc mông muội, nhưng học vấn thâm nhập vào quần chúng nhân dân, và các linh mục, để khẳng định ảnh hưởng của mình đối lập với nhân dân, đã buộc phải dùng đến một thứ vũ khí khác. Xa-mu-in là một linh mục thực sự mà đối với ông ta thứ bậc là thiêng liêng nhất, ông ta tin chắc vào sứ mệnh thần thánh của mình, ông ta tin rằng với việc lật đổ quyền lực của các linh mục thì sự phẫn nộ của Giê-hô-va sẽ ập xuống nhân dân. Ông ta kinh hoàng nhận thấy nhân dân đã biết quá nhiều một khi họ đòi hỏi có vua. Ông ta thấy rằng sức mạnh tinh thần, bộ lễ phục thiêng liêng từng làm người ta kính nể không còn tác động đến nhân dân nữa. Ông ta buộc phải sử dụng sự tháo vát làm vũ khí và dần dần trở thành tu sĩ dòng Tên. Nhưng những con đường quanh co mà giờ đây ông ta đã bước vào đáng ghét gáp đôi đối với nhà vua; đức vua không bao giờ có thể áp ủ những tình cảm thân ái đối với các linh mục. Và Xau-lơ trong quá trình đấu tranh đã mù quáng không thấy các đặc trưng của thời đại ngàn nào, thì chẳng bao lâu ông nhanh chóng bắt đầu hiểu được các thủ đoạn của các linh mục ngàn ấy.

Người thứ ba ra khỏi cuộc đấu tranh đó với tư cách người chiến thắng là đại diện của một thời đại lịch sử mới, trong đó đạo Do Thái được nâng lên một nấc thang ý thức mới của mình, đó là Đa-vít, mà xét về tính người thì ngang với Xau-lơ, còn trong việc hiểu biết thời đại thì vượt Xau-lơ một cách đáng kể. Lúc đầu ông ta đóng vai học trò của Xa-mu-in vừa mới rời ghế nhà trường. Nhưng ông ta không bắt được lý trí của mình phục tùng quyền uy đến mức có thể làm cho nó mất tính mềm dẻo, để lý trí tình ngộ và trả lại cho Đa-vít quyền độc lập của ông ta. Dù đích thân Xa-mu-in còn làm cho ông ta kính nể như thế nào đi

nữa thì lý trí trước sau như một vẫn giúp ông ta khắc phục ảnh hưởng đó, còn trí tưởng tượng thơ ca thì lại tạo ra cho ông ta một Giê-ru-xa-lem mới, dù Xa-mu-in có trút bao nhiêu lời nguyện rửa lên đầu ông ta đi nữa. Xau-lơ không thể hòa với ông ta, vì mục đích của hai người ấy trái ngược nhau; còn nếu ông ta nói rằng trong con người Đa-vít ông ta chỉ ghét những gì mà các linh mục đã nhồi nhét bằng lửa bịp vào tâm hồn ông ta, thì ông ta vẫn lại lẫn lộn kết quả của thói ham quyền lực của các linh mục với những nét của thời đại mới: và trong con mắt của chúng ta, Đa-vít từ một cậu bé rụt rè lớn lên thành người đại diện của cả một thời đại và, như vậy, những mâu thuẫn tưởng tượng trong hình tượng của ông ta không còn nữa.

Để không làm gián đoạn sự phát triển của ba tính cách ấy, tôi cố ý bỏ qua vấn đề mà tất cả các nhà phê bình từng bỏ công đọc vở "Xau-lơ" dù chỉ một lần nêu lên: vấn đề liệu Xa-mu-in có xuất hiện trên sân khấu với mũ phù thủy hay không và ở cuối vở kịch ông ta hiện diện bằng xương bằng thịt hay là ở đấy chỉ có linh hồn của ông ta đọc những bài diễn văn dành cho ông ta. Giả sử khi tìm hiểu vở kịch, vấn đề đó chẳng những không được giải đáp một cách dễ dàng, mà có lẽ nói chung không thể có được lời giải đáp thỏa đáng; chẳng lẽ đấy là một khuyết điểm lớn như vậy ư? Theo tôi, tuyệt nhiên không; các bạn cho ông ta là người như thế nào thì tùy ý, còn nếu các bạn có ý thích làm việc đó thì các bạn hãy mở những cuộc tranh luận hết sức buồn tẻ về đề tài này. Chính với Sếch-xpia cũng đã xảy ra điều như vậy: về sự điên rồ của Hăm-lét, tất cả các nhà phê bình và các nhà bình luận đã xét đoán và mổ xẻ "ngang dọc và nói chung về tất cả mọi phương diện" đã trọn hai thế kỷ rồi⁶³, xem xét nó từ tất cả mọi khía cạnh. Trong khi đó Gút-xcốp không làm rắc rối vấn đề đến thế. Ông ta từ lâu đã biết những bóng ma giữa

ban ngày buồn cười như thế nào, Hiệp sĩ đen xuất hiện mal à propos^{1*} như thế nào trong "Cô gái đồng trinh Oóc-lê-ăng"^{2*} và chính trong vở "Xau-lơ" những bóng ma sẽ hoàn toàn không đứng chỗ. Đặc biệt là trong màn kịch có mũ phù thủy, ta dễ dàng thấy ai ẩn giấu dưới chiếc mặt nạ, ngay cả nếu vị linh mục già số một ngay trước khi bắt đầu nói về cái chết của Xa-mu-in không xuất hiện dưới dạng tương tự như vậy.

Trong số những tính cách còn lại của vở kịch thì nhân vật được mô tả tốt hơn cả là A-vơ-nia, ông này trung thành với Xau-lơ do tin tưởng sâu sắc và do tâm hồn hoàn toàn hòa hợp và trong ông ta chiến binh và kẻ thù của các linh mục đã hoàn toàn gạt bỏ con người xuống hàng sau. Nhưng I-ô-na-phan và Mi-khan thành đạt ít hơn cả. Từ đầu đến cuối I-ô-na-phan nói huyền thiên về tình bạn, thổ lộ tình yêu với Đa-vít, song không thể đi xa hơn lời nói của mình. Ông ta hoàn toàn thấm đượm tình bạn với Đa-vít và trong việc này ông ta đã mất hết mọi dũng khí và mọi sức lực. Tính ngoan ngoãn và mê yếu của ông ta thậm chí không thể gọi là tính cách được. Ở đây Gút-xcốp đã rơi vào tình trạng lúng túng, không biết làm gì với I-ô-na-phan. Dù sao ông ta không cần thiết dưới dạng như vậy. Mi-khan được đưa ra hoàn toàn lơ mờ và chỉ được nêu tính cách đến một mức độ nào đó bằng tình yêu của mình đối với Đa-vít. Hai nhân vật ấy không đạt đến mức nào, điều đó thấy rõ hơn cả qua cảnh họ bàn về Đa-vít. Lời nói của họ về tình yêu và tình bạn hoàn toàn mất tính sắc sảo nổi bật, mất sự phong phú của tư tưởng mà Gút-xcốp đã làm cho chúng ta quen với những đặc tính này. Độ

1* – không đúng lúc.

2* *Ph.Si-lơ*. "Cô gái đồng trinh Oóc-lê-ăng", hồi III, cảnh 9.

những câu nói không hoàn toàn đúng sự thật và không hoàn toàn đối trá. Không có gì đáng chú ý, không có gì nổi bật. – Xê-rui-a cũng chính là I-u-đi-phơ ấy. Tôi không nhớ là hoặc Gút-xcốp hoặc Quy-nơ có lần đã nói rằng I-u-đi-phơ, cũng như bất cứ người đàn bà nào phá vỡ những chướng ngại trên con đường của giới bà ta, sau khi hoàn thành sự nghiệp của mình ắt phải chết để không tỏ ra quái gở; do đó cả Xê-rui-a cũng chết dần. - Sự đánh giá các hậu tước phi-li-xtanh tự nó là tuyệt vời và có nhiều nét có giá trị; điều đó có đúng chỗ trong tác phẩm ấy hay không - đó là một vấn đề khác, sẽ được xem xét ở đoạn dưới.

Bạn đọc làm ơn miễn cho tôi khỏi tiếp tục phân tích bản thân lời thoại của vở kịch. Nhưng vẫn cần phải chú ý đến một số điểm đặc biệt là chú ý đến bố cục. Phần này tuyệt vời và chứa đựng những nét qua đó có thể nhận biết không sai tài năng viết kịch to lớn của Gút-xcốp. Sự xuất hiện của quần chúng nhân dân chỉ trong những cảnh ngắn hoàn toàn phù hợp với tính cách sôi nổi, bông bột của Gút-xcốp. Nhưng cảnh quần chúng đông đảo tiềm ẩn một mối nguy hiểm nào đó: ở người không có tài năng như của Sếch-xpia và Gơ-tơ, những cảnh ấy sẽ tầm thường và vô nghĩa. Thế nhưng mấy lời trao đổi với nhau ngắn gọn của một số chiến binh hoặc những người khác trong đám đông thường gây ấn tượng to lớn và hoàn toàn đạt được mục đích của chúng - bằng một số nét chấm phá truyền đạt dư luận xã hội; có thể dùng cách này thường xuyên hơn nhiều mà không làm cho người ta chán ngấy hoặc mệt mỏi. Cảnh thứ nhất và cảnh thứ tư của màn thứ nhất là như vậy. Cảnh thứ hai và cảnh thứ ba gồm màn độc thoại của Xau-lơ và cuộc nói chuyện của ông ta với Xa-mu-in thuộc số những đoạn hay nhất và thi vị nhất của vở kịch. Sự thẩm thiết nồng nàn của cuộc đối thoại được giữ theo cung cách cổ đại là nét tiêu biểu đối với tinh thần của toàn bộ vở kịch. Sau khi ở những

cảnh đó những đường nét của hồi kịch đã được mô tả ngắn gọn, tại cảnh thứ năm giữa I-ô-na-phan và Đa-vít chúng ta đi sâu hơn vào các chi tiết. Cảnh này hơi mắc phải bệnh tư tưởng lộn xộn; sợi chỉ biện chứng nhiều lần trượt khỏi tầm nhìn - đó chắc chắn là kết quả của sự mô tả không đạt từ đầu về I-ô-na-phan. Nhưng cảnh cuối của màn kịch được trình bày một cách tài nghệ. Chúng ta đã phần nào làm quen với những tính cách chủ yếu, và ở đây chúng được quy tụ lại với nhau; với ý định nghiêm túc muốn dàn hòa, Đa-vít và Xau-lơ đã đáp ứng nguyện vọng của nhau; ở đây nhà văn đã phải vạch rõ toàn bộ sự khác nhau giữa tư chất của họ, sự không tương dung của họ và dẫn họ không phải đến sự dàn hòa đã dự định, mà đến sự xung đột không tránh khỏi. Và nhiệm vụ đó - để giải quyết nó cần phải hiểu thực tế một cách sinh động phi thường, phải có khả năng mô tả hết sức sắc sảo ranh giới của các tính cách, phải đi sâu một cách chính xác vào tâm hồn con người - đã được giải quyết một cách hết sức tuyệt vời. Những bước chuyển hóa tâm trạng ở Xau-lơ - từ cực đoan này đến cực đoan khác - rất đúng đắn về mặt tâm lý, được luận chứng tinh tế đến mức, bất chấp bức tranh người con rể không đạt, tôi không thể không thừa nhận cảnh này hay nhất trong toàn bộ vở kịch.

Ở màn thứ hai, cảnh những người phi-li-xtanh thật đáng kinh ngạc hoặc, nói theo lời của Quy-nơ, "có sức quyến rũ theo lối mới". Nhưng sự sắc sảo tuyệt vời của cảnh này chưa chắc có thể tự nó biện minh cho sự có mặt của nó trong vở bi kịch. Nếu Gút-xcốp nâng Xau-lơ của mình lên cao hơn trình độ tư tưởng của thời đại ông ta, gán cho nó cách hiểu cái mà trên thực tế xa lạ với ý thức của ông ta, thì điều đó có sự lý giải của nó; nhưng trong cảnh này, một khái niệm thuần túy hiện đại đã

được thêm thắt vào: ở đây Đa-vít được chuyển sang mảnh đất Đức. Điều đó ít ra đã làm hỏng tính chất cân đối của vở bi kịch. Những cảnh hài hước nói chung thường đúng chỗ, nhưng chúng phải thuộc một loại khác. Cái hài có mặt trong vở bi kịch tuyệt nhiên không phải để khỏi đơn điệu và tạo ra sự tương phản, như những nhà phê bình hời hợt khẳng định, mà đúng hơn là để mô tả đúng đắn cuộc sống trong đó cái nghiêm túc được pha trộn với cái nực cười. Song tôi nghi ngờ là Sếch-xpia đã đóng khung ở những lý do như vậy. Chẳng lẽ trong cuộc sống tấn bi kịch sâu sắc nhất đôi khi không xuất hiện trong trang phục anh hề hay sao? Tôi chỉ xin nhắc đến một tính cách tuy đã được đưa ra trong tiểu thuyết, như chính nó cần như vậy, nhưng theo tôi về chất bi thì không có cái gì ngang bằng – ý tôi muốn nói tới Đông-Ki-sốt. Cái gì có thể bi hơn con người không được những người cùng thời am hiểu và do tình yêu trong trắng đối với nhân loại, đã có những hành động điên rồ nực cười nhất? Nhân vật Bla-dê-đốp, cái anh chàng Đông-Ki-sốt của tương lai ấy – với ý thức phát triển cao hơn so với nguyên mẫu của anh ta lại càng bi hơn. Thế nhưng, ở đây tôi phải bênh vực cho Bla-dê-đốp khỏi sự phê phán có căn cứ về những mặt còn lại trong "Rheinisches Jahrbuch"⁶⁴ buộc tội Gút-xcốp là lý giải một cách rất hài hước tư tưởng bi kịch. Chính ra cần phải miêu tả Bla-dê-đốp dưới ánh sáng hài hước giống như Đông-Ki-sốt. Các bạn hãy tiếp cận với anh ta một cách nghiêm túc thì sẽ có được một nhà tiên tri bình thường nhất của nỗi đau buồn thế giới đang bị các mâu thuẫn nội tại giày vò; các bạn hãy vứt bỏ sự điên rồ hài hước của tiểu thuyết đi, và như thế là chỉ còn lại một tác phẩm mờ nhạt, không thỏa mãn mọi người mà nền văn học hiện đại bắt đầu từ đấy. Không, "Bla-dê-đốp" là một tác phẩm đúng đắn đầu tiên chỉ ra rằng nền văn học trẻ tuổi đã để lại đằng sau thời kỳ thất

vọng không tránh khỏi, thời kỳ "Va-li-a" và "Đêm"²² "viết bằng máu của trái tim". Cái hài đích thực trong bi kịch thể hiện trong hình tượng anh hề trong vở "Vua Lia" và trong những cảnh có những người đào huyết trong vở "Hăm-lét"^{1*}.

Trở ngại thường xuyên đối với nhà viết kịch là hai màn cuối cả ở đây nữa cũng được tác giả xây dựng không hoàn toàn đạt. Ở màn thứ tư chỉ toàn thấy ra quyết định: Xau-lơ ra quyết định; A-xta-rốt hai lần ra quyết định; Xê-rui-a, Đa-vít cũng ra quyết định. Tiếp nữa là cảnh có mũ phù thủy mà ấn tượng gây ra cũng rất ít ỏi. Màn thứ năm chỉ gồm những trận đánh và suy tư, Xau-lơ có lẽ suy tư quá đối với nhân vật, Đa-vít suy tư quá đối với nhà thơ. Đôi khi cảm thấy rằng ta nhận thấy ông ta không phải là nhà thơ – nhân vật, mà là nhà thơ – nhà tư tưởng, giống như Tê-ô-đo Mun-tơ. Nói chung ở Gút-xcốp thường thường những lời độc thoại ít nhận thấy hơn do chỗ chúng được nói ra khi có mặt những nhân vật khác. Mà vì những lời độc thoại loại như vậy hiếm khi có thể dẫn tới giải pháp, mà mang tính chất của những điều suy luận thuần túy, nên cả những lời độc thoại theo đúng nghĩa phần lớn cũng không có được.

Ngôn ngữ của vở kịch phân tích ở đây, đúng như có thể mong đợi ở Gút-xcốp, hết sức độc đáo. Ở đây chúng ta lại gặp tính hình tượng rất tiêu biểu đối với các tác phẩm văn xuôi của Gút-xcốp, nhờ nó mà bước chuyển từ văn xuôi trần trụi giản đơn đến văn phong hiện đại trong sáng hầu như không nhận ra được, chúng ta gặp những cách nói ngắn gọn, chuẩn xác, thường gắn với tục ngữ. Gút-xcốp không phải là nhà thơ trữ tình, nếu không tính đến những yếu tố trữ tình trong sự phát triển của hồi kịch, nơi mà cảm hứng trữ tình xâm chiếm ông ta và ông

1* Ý nói bi kịch "Vua Lia" và "Hăm-lét" của Sếch-xpia.

ta có thể thổ lộ nói bằng văn xuôi. Vì vậy những bài ca mà Đa-vít của ông ta hát hoặc là không đạt, hoặc là không có ý nghĩa. Đây là lời Đa-vít nói với những người phi-li-xtanh:

Tôi phải vừa đùa vừa bện những câu thơ
Thành vòng hoa, không thể nào khác được^{1*}.

Phải hiểu điều đó như thế nào? Tư tưởng cơ bản của bài ca như vậy thường tuyệt vời, nhưng việc thực hiện nó luôn luôn không đạt. Và lại, về văn phong cũng thấy rõ ràng Gút-xcốp làm thơ chưa thành thạo lắm; quả thật, điều đó tốt hơn là biện pháp chấp vắn tắt thường, quá nhàm và nhạt nhẽo.

Tác giả cũng không tránh được cả những hình tượng không đạt. Thí dụ, ở trang 7:

Con phần nộ của vị linh mục,
Mà dân chúng từ đâu đã tước đi mũ miện
Rồi sau đó mũ ở trong bàn tay gầy của ông
Át phải trở thành chiếc trượng^{2*}.

Ở đây *mũ miện* đã là hình tượng quyền lực của nhà vua và không thể nào là cơ sở trừu tượng cho một hình tượng thứ hai - chiếc trượng. Điều đó càng dễ nhận thấy đặc biệt là vì những sai lầm rất dễ tránh và là bằng cứ chứng minh rõ rệt rằng đối với Gút-xcốp làm thơ vẫn còn chật vật.

Hoàn cảnh đã không cho phép tôi tìm hiểu vở "*Ri-sốt Xe-ve-giơ*". Song tôi ý thức được rằng thành công quá lớn của những buổi biểu diễn đầu tiên của nó đã làm cho tôi không tin vào vở kịch. Ở đây tôi nhớ lại điều đã xảy ra cách đây ba năm với vở

1* *C.Gút-xcốp*. "Vua Xau-lơ". Màn 2, cảnh bảy.

2* *C.Gút-xcốp*. "Vua Xau-lơ". Màn 1, cảnh ba.

"Gri-den-đa"⁶⁵. Từ hồi đó đã xuất hiện những bài nhận xét không tán thành, hơn nữa bài đầu tiên trong số đó là cơ bản nhất, có thể xét đoán trên cơ sở những đoạn trích đăng trong tạp chí, mà không cần biết nguyên bản, song rất kỳ lạ là bài này được đăng trong tạp chí chính trị "Deutscher Courier"⁶⁶. Nhưng tôi có thể dễ dàng gỡ bỏ sự cần thiết phải bình luận tác phẩm này vì trên báo nào mà chẳng đăng tải những lời nhận xét về nó. Vậy, chúng ta sẽ chờ xem tác phẩm đó xuất hiện trên báo chí.

Vở "*Véc-nơ*", tác phẩm mới nhất của Gút-xcốp⁶⁷ cũng được tán thành y như vậy ở Hăm-buốc. Theo những nhận xét bước đầu, tác phẩm đó không chỉ tự nó có một giá trị to lớn, nhưng về thực chất còn là một vở bi kịch hiện đại đầu tiên. Đáng chú ý là Quy-nơ, người từng bàn luận quá nhiều về bi kịch hiện đại và tưởng chừng đã phải tự sáng tác ra tác phẩm loại như vậy, thế nhưng đã để cho Gút-xcốp vượt trước mình. Chẳng lẽ ông ta không cảm thấy mình có sứ mệnh thử sức trong kịch hay sao?

Mong rằng Gút-xcốp, người đã từng mở đường cho nền văn học trẻ tuổi bước lên sân khấu nhà hát tiếp tục gạt bỏ khỏi sân khấu nhà hát sự thấp hèn và xoàng xĩnh đã thoán đoạt chúng một cách phi pháp bằng những vở kịch độc đáo, tràn đầy sự sống của mình. Như chúng tôi thấy rõ, không thể đạt được điều đó chỉ bằng hình thức phê phán, dù cho nó có quyết liệt thế nào đi nữa. Gút-xcốp tranh thủ được sự ủng hộ mạnh mẽ từ phía những người thực hiện những xu hướng đúng như vậy, và điều đó cho chúng ta những niềm hy vọng mới về sự phát triển rực rỡ của ngành kịch Đức và sân khấu Đức.

II CUỘC BÚT CHIẾN HIỆN ĐẠI

Nền văn học trẻ tuổi có một thứ vũ khí làm cho nó không

thể bị chiến bại và tập hợp dưới cờ của nó tất cả những tài năng trẻ – ý tôi muốn nói tới phong cách hiện đại. Tính chất cụ thể sống động của nó, lối diễn đạt sắc sảo, sự đa dạng về sắc thái đem lại cho mỗi nhà văn trẻ địa bàn để phát triển tự do thiên tài của mình – dù đó mới là một dòng chảy hay là một con suối – trong toàn bộ sự độc đáo của nó, nếu nó có sự độc đáo như vậy, không có sự pha trộn quá đáng các yếu tố xa lạ như kiểu lối châm biếm cay độc của Hai-nơ hoặc sự chua chát vốn có của Gút-xcốp. Chúng ta vui mừng thấy mỗi tác giả trẻ đều cố gắng như thế nào để lĩnh hội phong cách hiện đại với những tên lửa cổ vũ bay lên một cách kiêu hãnh của nó, sau khi đạt tới điểm cao nhất liền tỏa ra thành cơn mưa lửa thơ ca rực rỡ hoặc tản ra thành những tia lửa sắc sảo nổ lách tách. Về mặt này những bài bình luận trong "Rheinisches Jahrbuch" có ý nghĩa quan trọng mà tôi đã nhắc tới trong bài thứ nhất của tôi^{1*}; chúng là biểu hiện ảnh hưởng đầu tiên của thời đại văn học mới đối với tỉnh Ranh mà thơ ca Đức khá xa lạ đối với nó. Ở đây có toàn bộ phong cách hiện đại với ánh sáng và bóng tối của nó, với những đặc tính độc đáo nhưng chuẩn xác của nó, với vùng hồng thơ ca phát sáng trên chúng.

Trong những tình huống như vậy, về các tác giả của chúng ta không chỉ có thể nói: le style c'est l'homme, mà còn có thể nói: le style c'est la littérature^{2*}. Phong cách hiện đại mang trên mình nó dấu ấn sự thâm nhập vào nhau không chỉ của những phong cách khác nhau của các bậc cụ phách trong quá khứ như L.Vin đã nhận xét cách đây không lâu, mà cả dấu ấn của sự sáng tạo và phê bình nghệ thuật, thơ và văn xuôi. Chúng ta tìm thấy sự

1* Xem tập này, tr.90.

2* – phong cách là con người (theo lời Gi.L.Buýp-phông)... phong cách là văn chương.

thâm nhập vào nhau sâu sắc nhất của những yếu tố ấy ở Vin-bác-gơ trong "Các nhà soạn kịch hiện đại"²⁷ – ở đây nhà thơ đã trở thành nhà phê bình. Cũng có thể nói như vậy về tập thứ hai "Các tính cách" của Quy-nơ²⁶, nếu phong cách của chúng nhất quán hơn. Phong cách Đức đã trải qua quá trình biện chứng làm trung gian; từ tính trực tiếp ngây thơ của văn xuôi của chúng ta đã đâm chồi ngôn ngữ của lý trí, mà đỉnh cao của nó là phong cách đẹp như cẩm thạch của *Gơ-tơ*, và ngôn ngữ của trí tưởng tượng và của trái tim mà toàn bộ sự tuyệt diệu của nó đã được *Giăng Pôn* chỉ ra cho chúng ta thấy. Người mở đầu cho việc làm trung gian là *Béc-nơ*, tuy ở ông yếu tố lý trí chưa chiếm ưu thế, đặc biệt là trong "Những bức thư"²⁰; nhưng Hai-nơ đã làm cho mặt thơ ca tha hồ phát triển. Giai đoạn trung gian trong phong cách hiện đại đã được hoàn tất. Trí tưởng tượng và lý trí không hòa làm một, nếu không có sự tham gia của ý thức, nhưng chúng cũng không đối lập gay gắt với nhau; chúng được kết hợp trong phong cách, như được kết hợp trong tâm hồn con người, và vì sự kết hợp đó được nhận thức, nên nó vững chắc và không giả tạo. Vì thế tôi không đồng ý với Vin, ông này vẫn còn gán cho phong cách hiện đại tính chất ngẫu nhiên; tôi thấy trong phong cách một sự phát triển hữu cơ có tính quy luật lịch sử.

Quá trình trung gian như vậy cũng diễn ra cả trong văn học; ở đây khó tìm được một tác giả không kết hợp trong mình sự sáng tạo và sự phê bình nghệ thuật, - ngay cả nhà thơ trữ tình Crây-xe-nác cũng đã sáng tác "A-pô-lôn xứ Sva-bo", còn Béch thì viết về văn học Hung-ga-ri⁶⁸. Những lời chỉ trích rằng nền văn học trẻ hòa tan trong sự phê bình có cơ sở của nó ở số lượng các nhà phê bình hơn là số lượng các tác phẩm phê bình. Chẳng lẽ các tác phẩm nghệ thuật của Gút-xcốp, Lau-bê, Mun-tơ, Quy-nơ không vượt những bài phê bình của chính những tác giả ấy một cách đáng kể - về mặt số lượng lẫn mặt chất lượng - đó sao? Vậy, phong cách hiện đại vẫn là chiếc gương của văn học. Nhưng

phong cách có một mặt luôn luôn là đặc trưng tiêu biểu nói lên bản chất của nó, - đó là luận chiến. Ở người Hy Lạp sự luận chiến đã thể hiện trong thơ ca và nhờ A-ri-xtô-phan mà có được những hình thức uyển chuyển. Ở người La Mã sự luận chiến mang hình thức thơ lục ngôn được mọi người vận dụng; còn nhà thơ trữ tình Hô-ra-xơ thì nhờ chính thơ trữ tình ấy mà biến sự luận chiến thành sự trào phúng. Vào thời trung cổ – thời kỳ phát triển rực rỡ của thơ trữ tình – luận chiến ở người Prô-văng-xan đã trở thành bài vè và thơ trữ tình, còn ở người Đức thì hòa vào bài ca. Vào thế kỷ XVII, khi lý trí trần trụi ngự trị trong thơ ca, để nhấn mạnh sự sắc sảo luận chiến, người ta đã sử dụng thơ trào phúng La Mã thời suy thoái được phục hồi. Xu hướng bất chúc vốn có của chủ nghĩa cổ điển Pháp đã đẻ ra thơ trào phúng của Boa-lô theo tinh thần của Hô-ra-xơ. Thế kỷ qua bao trùm tất cả những truyền thống của quá khứ, khi mà thơ ca Đức chưa bước lên con đường phát triển hoàn toàn độc lập, đã thử sức ở Đức đủ loại hình thức bút chiến, chừng nào những bức thư cổ của Lét-xinh⁶⁹ chưa mở ra trong văn xuôi cái địa bàn từng góp phần phát triển luận chiến một cách tự do nhất. Sách lược của Vôn-te, người mà trong mỗi trường hợp thuận tiện đều giáng đòn vào đối thủ, là sách lược thuần túy Pháp; cũng có thể nói như vậy cả về Bê-răng-giơ, người không tha thứ cho bất kỳ ai và cũng qua cung cách Pháp ấy đã thể hiện tất cả trong bài ca. Còn luận chiến hiện đại thì sao?

Xin bạn đọc tha thứ cho tôi: chắc bạn đọc từ lâu đã đoán ra rằng sự đả kích ấy thiên về cái gì rồi; nhưng vì rằng dù sao đi nữa tôi là người Đức, tôi không thể từ bỏ đặc tính Đức bẩm sinh luôn luôn bắt đầu từ A-đam. Còn giờ đây tôi muốn phát biểu thẳng thắn hơn. Vấn đề là những sự cãi lộn trong văn học hiện đại, là lập trường của từng bên và trước hết là sự tranh luận đứng ở trung tâm của tất cả mọi thứ còn lại, là cuộc tranh

cãi giữa *Gút-xcốp* và *Mun-tơ* hoặc – như bây giờ đã vỡ lẽ ra – giữa *Gút-xcốp* và *Quy-nơ*. Cuộc tranh cãi đó thế là đã hai năm giữ vị trí chủ yếu trong phong trào văn học của chúng ta và không thể không ảnh hưởng phần thì thuận lợi, phần thì bất lợi đến nó. Bất lợi vì tiến trình phát triển êm ả luôn luôn bị phá vỡ khi người ta biến văn học thành vũ đài đấu tranh của những thiện cảm, ác cảm và những phản ứng đặc dị của cá nhân; thuận lợi - vì văn học, nói theo lời Hê-ghen, đã vượt ra khỏi phạm vi tính phiến diện vốn có của nó với tư cách là một nhóm người cùng tư tưởng, và thậm chí bản thân sự tan rã của nó cũng chứng tỏ thắng lợi của nó; tiếp nữa còn vì trái với lòng mong đợi của nhiều người, "chối non" không đi theo bên này hoặc bên kia, mà lợi dụng khả năng để thoát khỏi mọi ảnh hưởng của bên ngoài và bước lên con đường phát triển độc lập. Còn nếu có ai đó đứng về phía này hoặc phía kia, thì bằng cách đó người ấy chứng minh rằng mình ít tin vào bản thân như thế nào và văn học ít có thể trông cậy vào người đó ra sao.

Gút-xcốp là người đầu tiên ném hòn đá hay *Mun-tơ* là người đầu tiên tuốt kiếm, điều đó tạm thời có thể không cần chú ý; chỉ cần biết là hòn đá đã ném đi và thanh kiếm đã tuốt trần là đủ. Cần phải vạch rõ những nguyên nhân sâu xa hơn của cuộc đấu tranh mà sớm muộn ắt phải nổ ra; vì rằng không một nhân chứng vô tư nào mục kích toàn bộ diễn biến của các sự kiện hoàn toàn tin rằng một trong hai bên có những động cơ chủ quan, sự đố kỵ nham hiểm, lòng khao khát nông nổi muốn chiến đấu. Đối với riêng *Quy-nơ* thì tình bạn cá nhân với *Mun-tơ* - và trong chuyện này không có gì thấp hèn cả - đã là động cơ thúc đẩy để chấp nhận sự thách thức mà *Gút-xcốp* đã đưa ra.

Hoạt động sáng tác văn học và khát vọng của *Gút-xcốp* mang tính chất cá biệt rõ rệt. Trong số vô vàn tác phẩm của ông ta, rất ít tác phẩm để lại sau khi đọc cảm giác hoàn toàn thỏa mãn;

thế nhưng không thể phủ nhận rằng chúng thuộc số những tác phẩm kiệt xuất nhất trong văn học Đức trong thời gian qua, bắt đầu từ năm 1830. Vì sao vậy? Tôi thấy trong tác giả này tính nhị nguyên có nhiều cái giống sự phân đôi tâm hồn của Im-mơ-man mà lần đầu tiên chính Gút-xcốp đã vạch ra. Theo sự thừa nhận của tất cả các tác giả Đức – dĩ nhiên là những người viết tiểu thuyết – Gút-xcốp có sức mạnh lý trí rất lớn; ông ta không bao giờ thấy khó đưa ra lời xét đoán của mình, mắt ông ta định hướng một cách dễ dàng đáng sửng sốt trong các hiện tượng rối rắm nhất. Bên cạnh lý trí như vậy trong ông sống động một lòng đam mê cũng mạnh mẽ như vậy; lòng đam mê này thể hiện trong các tác phẩm của ông như là một cảm hứng và đưa trí tưởng tượng của ông ta vào trạng thái, tôi có thể nói, trạng thái kích động mà chỉ có thể với nó mới có sự sáng tạo tinh thần. Các tác phẩm của ông thậm chí thường là những bố cục áp ủ lâu dài, sinh ra trong nháy mắt; nếu như một mặt, ở đó thấy có dấu ấn cảm hứng trong thời gian viết chúng thì mặt khác, sự vội vàng ấy thường ngăn cản việc bình tĩnh xử lý các chi tiết. Và, giống như vở "Va-li-a", chúng vẫn đơn thuần là những phác thảo. Những tiểu thuyết về sau của ông cân bằng hơn, đặc biệt là quyển "Bla-dê-đốp" mang dấu ấn của sự uyển chuyển trước đó chưa từng có ở Gút-xcốp. Những nhân vật trước kia của ông chủ yếu không phải là hiện thân sinh động của các tính cách, mà chủ yếu là hình ảnh của chúng. Chúng bay bổng μετεωρα^{1*} giữa trời và đất như Các Gruyn nói. Song Gút-xcốp không thể ngăn cản cảm hứng của mình thỉnh thoảng nhường chỗ cho lý trí; những chỗ gây ra ấn tượng khó chịu đã nhắc đến ở trên trong các tác phẩm của ông chính là được viết

1* – như sao băng.

trong tâm trạng như vậy. Tâm trạng đó được Quy-nơ gọi với thái độ xúc phạm là "sự càu nhàu của người già".

Nhưng lòng nhiệt thành vốn có của Gút-xcốp thường khiến ông phần nộ đôi khi vì những nguyên cớ nhỏ nhặt nhất; và lúc đó luận chiến của Gút-xcốp đầy lòng căm ghét, trong nó nổi lên cơn giận dữ, điều này chắc chắn về sau ông ân hận, vì ông không thể không hiểu mình đã xử sự không hợp lý như thế nào trong những thời điểm cuồng loạn. Việc ông ý thức được điều đó thể hiện ở bài viết nổi tiếng trong "Jahrbuch der Literatur" mà sự vô tư của nó được ông khen quá mức, – có nghĩa là ông biết rằng luận chiến của ông chịu những ảnh hưởng nhất thời. Thêm vào hai khía cạnh ấy trong trí tuệ của ông mà sự thống nhất hài hòa của chúng có lẽ cho đến nay Gút-xcốp chưa thu hoạch được, còn có lòng khát khao mãnh liệt muốn được độc lập; ông không chịu được những sự trói buộc nhỏ nhất, dù chúng bằng sắt hay dẹt bằng tơ nhện; ông không yên tâm chừng nào chưa phá đứt chúng. Khi, trái với ý muốn của mình, ông được xếp cùng với Hai-nơ, Vin-bác-gơ, Lau-bê và Mun-tơ vào nhóm "Nước Đức trẻ"⁵, mà nhóm này bắt đầu thoái hóa thành một bè lũ, thì ông ta đâm ra không yên lòng, và cảm giác khó xử ấy chỉ rời bỏ ông khi ông công khai cắt đứt quan hệ với Lau-bê và Mun-tơ. Nhưng dù khát vọng độc lập ấy có ngăn cách ông khỏi ảnh hưởng bên ngoài như thế nào đi nữa – nó quá dễ dàng bắt ông từ bỏ tất cả những gì không phải là ông, tự khép mình lại, đánh giá quá cao lòng tự trọng, gần với lòng tự ái. Tôi không có ý gán cho Gút-xcốp tham vọng nắm quyền thống trị vô hạn trong văn học, nhưng ông đôi khi dùng những lời lẽ đem lại cho các đối thủ của ông cái cớ để chỉ trích ông là ích kỷ. Chỉ riêng lòng nhiệt thành của ông cũng buộc ông phải bộc lộ rõ mình là người thế nào, và do vậy trong các tác phẩm của ông có thể lập tức thấy được toàn bộ con người ấy. Các bạn hãy thêm vào sự độc đáo tinh thần ấy những vết thương mà cơ quan kiểm duyệt không

ngừng gây ra cho ông trong bốn năm gần đây, những trở ngại do cảnh sát đặt ra cho sự phát triển văn học tự do của ông - và bức phác họa nhân cách văn học của Gút-xcốp trên những nét cơ bản của nó, tôi hy vọng có thể coi là chấm dứt.

Trong khi Gút-xcốp đối với chúng ta là một bản tính hoàn toàn độc đáo, thì ở *Mun-tơ* chúng ta tìm thấy một sự hài hòa thú vị của tất cả mọi sức mạnh tinh thần, sự hài hòa vốn là điều kiện đầu tiên đối với nhà văn trào phúng: lý trí bình tĩnh, trái tim Đức đôn hậu và thêm vào đó còn có một phần tưởng tượng cần thiết. Mun-tơ là một tính cách đích thực Đức, nhưng chính vì thế mà ông hiếm khi vượt lên trên lệ thường và hay mắc bệnh tâm thường. Ông dễ mẫn và lịch sự, đàng hoàng theo kiểu Đức, đứng đắn, nhưng đấy không phải là nhà thơ khát khao thể hiện về mặt nghệ thuật. Những tác phẩm mà Mun-tơ viết trước cuốn "Ma-đôn-na" không đáng kể "Dòng xoáy cuộc đời hiện đại"⁷⁰ có nhiều chất hài hước thiện ý và những chi tiết nghệ thuật, nhưng với tư cách là tác phẩm nghệ thuật thì nó không có giá trị, còn với tư cách là tiểu thuyết thì nó tẻ nhạt. Trong "Ma-đôn-na", sự cổ vũ bởi các tư tưởng mới đã sinh ra trong nó một cao trào mà ông chưa từng biết từ trước tới nay, nhưng cả cao trào đó lại vẫn không sinh ra tác phẩm nghệ thuật, mà chỉ để ra sự chông chất những tư tưởng tốt lành và những bức tranh đáng thán phục. Nhưng dù sao "Ma-đôn-na" vẫn là tác phẩm tốt nhất của Mun-tơ, vì chẳng bao lâu sau đó những đám mây đen tụ lại trên bầu trời văn học Đức đã trút xuống theo ý chí của thần sấm Dớt ở Đức thành trận mưa rào làm nguội lạnh đáng kể cảm hứng của Mun-tơ⁷¹. Chàng Hăm-lét Đức khiêm tốn đã khẳng định những lời cam đoan là sáng tác của mình hoàn toàn vô hại nhờ những tiểu thuyết nhỏ vô thưởng vô phạt, trong đó các tư tưởng của thời đại nổi lên với chòm râu cắt ngắn và mái tóc chải mượt mà, trong chiếc áo đuôi tôm của người thỉnh cầu

chìa lá đơn cực kỳ trung quân để xin nhà vua thực hiện chúng. "Hài kịch của các thiên hướng"⁷² đã mang lại cho tiếng thơ ca của ông một sự tổn thất mà ông muốn bù lại bằng "Những cuộc dạo chơi và lang bạt khắp thế gian"⁷³, thay vì xây dựng những tác phẩm thơ ca mới, trau chuốt hơn. Nếu Mun-tơ không bắt tay sáng tác với cảm hứng trước kia, nếu thay vì mô tả những cuộc du lãng và những bài tạp chí, ông ta sẽ không xây dựng được những tác phẩm thơ ca, thì chẳng mấy chốc người ta sẽ hoàn toàn không còn nói đến ông ta như là *nhà thơ* nữa, Mun-tơ đã có một bước lùi rõ rệt khác trong lĩnh vực phong cách. Lòng say mê của ông ta đối với Vác-ha-ghen mà ông cho là nhà tu từ học số một của Đức, đã đẩy ông ta lên con đường bắt chước các lối nói kiểu cách ngoại giao của tác giả này, những lối nói tinh vi và những lối nói cầu kỳ trừu tượng của ông ta. Đồng thời Mun-tơ đã vi phạm – mà chính mình không thấy – cái nguyên tắc cơ bản của phong cách hiện đại là tính cụ thể trực tiếp, tính sinh động của nó.

Thêm vào những sự khác nhau trong những nét tiêu biểu của hai bên tranh cãi nhau còn có cả những sự khác nhau căn bản trong tiến trình hình thành tinh thần của họ, Gút-xcốp ngay từ những bước đầu tiên đã ca ngợi "Mô-i-dơ hiện đại" – Béc-nơ, và sự ngưỡng mộ sâu sắc đó cho đến nay vẫn còn sống trong tâm hồn ông ta; còn Mun-tơ thì ẩn nấp trong bóng râm đáng tin cậy do cây đại thụ khổng lồ của hệ thống Hê-ghen hắt xuống, và một thời gian dài đã tỏ rõ sự ngạo mạn vốn có của đa số những người thuộc phái Hê-ghen. Định lý của vua triết học nói rằng tự do và tất yếu là đồng nhất, còn các xu hướng của chủ nghĩa tự do Nam Đức - thể hiện sự hạn chế, đã trói buộc các quan điểm chính trị của Mun-tơ trong những năm hoạt động văn học đầu tiên của ông ta. Gút-xcốp đã từ giã Béc-lin, cảm ghét bầu không khí ở đấy, và ở Stút-gát ông ta thăm sâu tình cảm

yêu mến với miền Nam Đức mà ông trung thành cho đến ngày nay. Còn Mun-tơ thì cảm thấy dễ chịu khi ở Béc-lin, vui lòng tham gia những buổi uống trà của những người theo chủ nghĩa duy mỹ không theo đạo, đã lấy trong lòng xoáy trí tuệ Béc-lin những tư tưởng của "Cá nhân và hoàn cảnh" của mình⁷⁴ – cái mầm văn chương trong nhà kính từng bóp nghẹt trong ông ta và trong nhiều người khác mọi sự tự do sáng tác thơ ca. Thật buồn khi thấy Mun-tơ phân tích phê phán tác phẩm của Muyn-sơ trong tập thứ hai của tạp chí "Freihafen" năm 1838⁷⁵, đi từ việc mô tả một cá nhân tương tự như vậy đến một sự hân hoan mà trước đó không một tác phẩm thơ ca nào gây ra trong ông ta. Để phù hợp với hoàn cảnh Béc-lin – từ ngữ dường như được đặc biệt nghĩ ra cho Béc-lin, ông ta quên tất cả những thứ còn lại và thậm chí đi đến chỗ bỏ qua một cách nực cười những vẻ đẹp của thiên nhiên, như chúng ta thấy trong "Ma-đôn-na".

Gút-xcốp và Mun-tơ đã đối lập nhau như vậy, chùng nào những con đường của họ chưa bất ngờ quy tụ lại trên các tư tưởng của thời đại. Chẳng bao lâu họ sẽ phải lại chia tay, có lẽ tiếp tục thỉnh thoảng chào nhau từ xa và thích thú hồi tưởng lại cuộc gặp gỡ trước kia, nếu như việc thành lập nhóm "Nước Đức trẻ" và Roma locuta est^{1*} của Quốc hội hiệp bang¹⁷ không bắt cả hai người hòa hợp với nhau. Điều đó đã thay đổi căn bản tình hình. Số phận chung đã bắt Gút-xcốp và Mun-tơ khi phát biểu về nhau phải tỏ rõ một sự kiềm chế mà việc tuân thủ sự kiềm chế ấy rốt cuộc không thể trở thành khó chịu đối với cả hai người. "Nước Đức trẻ", tức là nền văn học trẻ, mặc dù nó bắt đầu tự xưng một cách ít khó hiểu hơn sau thảm họa "từ trên xuống" để không làm cho những môn đồ theo những xu hướng

1* Nghĩa đen: La Mã đã nói; trong trường hợp này là quyết định.

tương tự như vậy chán ghét, đã tiến gần tới chỗ thoái hóa thành một bè lũ trái với ý muốn của chính họ. Tất cả đều đã thấy cần phải từ bỏ những xu hướng đầy mâu thuẫn, từ bỏ việc che đậy những nhược điểm và quá nhấn mạnh ý kiến chung. Sự giả dối trái tự nhiên, bất đắc dĩ đó không thể tiếp tục lâu. Vin-bác-gơ, nhân vật nổi bật nhất của nhóm "Nước Đức trẻ", đã tách sang một bên; Lau-bê ngay từ đầu đã phản đối những kết luận mà các nhà đương cục tự cho phép rút ra; Hai-nơ ở Pa-ri quá xa nên không thể tung vào nền văn học bức xúc những tia lửa điện đầy chất sắc sảo của mình; tôi có thể nói rằng Gút-xcốp và Mun-tơ đã tỏ ra đủ thẳng thắn để hai bên thỏa thuận phá vỡ sự đình chiến.

Mun-tơ ít luận chiến cả về những nguyên cơ không đáng kể, nhưng có lần ông ta đã để cho người ta lôi kéo vào cuộc luận chiến đáng chê trách nhất. Ở cuối bài "Guê-re-xơ và thế giới quan Thiên chúa giáo" ("Freihafen", 1838, II)⁷⁶, ông tuyên bố rằng nếu thế giới tôn giáo Đức không muốn biết gì về nhóm "Nước Đức trẻ" thì cả nhóm này cũng đã chỉ ra khá rõ ràng trong hàng ngũ của nó về mặt tôn giáo có không ít phần tử thối nát. Hoàn toàn rõ ràng là ngoài Hai-nơ mà ở đây chúng tôi không đề cập đến, còn có ý nói tới Gút-xcốp nữa. Nếu thậm chí sự buộc tội đó là xác đáng, thì Mun-tơ cần phải có đủ lòng tôn trọng đối với những người cùng cảnh ngộ bất hạnh với mình để không nói giáo cho tính hạn chế, thói phi-li-tanh và phái kiến thành⁹. Mun-tơ hành động thực sự xấu xa khi ông ta nói một cách đắc thắng có tính chất đạo đức giả – lạy chúa, tôi không như Hai-nơ, Lau-bê và Gút-xcốp, và nếu không phải là Hiệp bang Đức⁷⁷, thì thế giới tôn giáo Đức có thể tôn trọng tôi đến một mức nào đó!

Còn về Gút-xcốp, thì ông ta đã tìm được sự hài lòng đích thực trong luận chiến. Ông đã sử dụng tất cả những âm vực và từ allegro moderato của các "Hình tượng văn học En-phơ"⁷⁸, ông lập

túc chuyển sang allegro furiozo của những bài văn châm biếm. Ông ta có ưu thế so với Mun-tơ là có thể phát huy hết sức mạnh mẽ những điều kỳ quặc văn chương của ông ta và đặt chúng dưới tầm bắn của những khẩu đại bác luôn luôn nạp sẵn chất hóm hỉnh của mình. Hầu như không có tuần nào ông ta không giáng cho Mun-tơ dù chỉ một đòn trong tạp chí "Telegraph". Ông ta biết cách sử dụng tất cả những ưu việt nhờ nắm được tờ tạp chí ra thường xuyên trong khi đối thủ chỉ có tạp chí mỗi năm ra bốn lần, hơn nữa, còn dùng những tác phẩm của chính ông ta. Đặc biệt đáng chú ý là Gút-xcốp tăng dần độ sắc bén trong luận chiến của mình và chỉ từ từ thể hiện thái độ coi thường của mình đối với năng khiếu văn học của Mun-tơ, trong khi đó Mun-tơ, ngay sau khi tuyên chiến, không tuân thủ những bước quá độ dần dần, mà bắt đầu coi Gút-xcốp như một nhân vật thứ yếu.

Những mảnh khoé thông thường của các báo chính trị là giới thiệu những bài cùng khuynh hướng trong những cơ quan báo chí khác, dưới dạng thừa nhận và khen ngợi vô tư, lén lút đưa vào những lời cay độc kín đáo v.v. – tất cả những điều đó đều được chuyển vào lĩnh vực văn học trong quá trình tranh cãi đó. Liệu ở đây có đăng tải những bài của chính mình dưới danh nghĩa bài nhận được từ bên ngoài hay không – điều đó dĩ nhiên không thể nói được, vì ngay từ đầu đã có nhiều kẻ đồng lõa vô danh sẵn sàng phục vụ bên này hay bên kia, rất khoái nếu các tác phẩm của họ được coi là tác phẩm của viên tướng chỉ huy họ. Mác-gráp đã đổ phần lớn tội lỗi về sự xích mích đã bùng lên cho chính những kẻ đồng lõa này, những kẻ sẵn sàng trả giá bằng sự sốt sắng của mình để mua cho bản thân một bài châm biếm có tính chất khen ngợi⁷⁹.

Đến cuối năm 1838 có một người thứ ba tham gia cuộc tranh luận bước lên vũ đài, giờ đây chúng ta phải chú ý đến khoản quân nhu của ông ta; đó là Quy-nơ. Ông này là bạn thân từ lâu

của Mun-tơ và chắc chắn cũng chính là cái ông Gu-xtáp mà có lần Mun-tơ nói tới trong "Ma-dôn-na". Trong tính cách văn học của ông ta có nhiều cái gần gũi với Mun-tơ, tuy mặt khác, ông ta chắc chắn có cả yếu tố Pháp nào đó. Cái đặc biệt gắn bó ông ta với Mun-tơ là con đường hình thành tinh thần chung của hai người – thông qua Hê-ghen và đời sống xã hội của Béc-lin mà từ đó Quy-nơ cũng thể hiện sự say mê các cá nhân và các tình huống, cũng như say mê người đích thực phát minh ra những món hủ lớn văn học ấy là Vác-ha-ghen Phôn En-dơ. Quy-nơ cũng là một trong số những người ca ngợi phong cách của Vác-ha-ghen, không chú ý rằng cái tốt duy nhất trong phong cách ấy nói đúng ra chung quy là bất chúc Gơ-tơ.

Cốt lõi cơ bản trong diện mạo văn học của Quy-nơ là sự sắc sảo, là tư chất trí tuệ thuần túy Pháp, trong đó sự sáng trí kết hợp với trí tưởng tượng sinh động. Ngay cả biểu hiện cực đoan của tư chất ấy là câu cú đẹp cũng không xa lạ với Quy-nơ đến mức, trái lại, ông ta đã có được khả năng tài tình đặc biệt trong việc nắm vững nó, và những bài phê bình của ông ta về tạp thứ hai "Những cuộc dạo chơi" của Mun-tơ chẳng hạn ("Elegante Zeitung"^{1*}, 1838, tháng Năm), ta đọc không phải là không có phần thích thú. Đương nhiên, khá thường xuyên xảy ra trường hợp việc chơi chữ đó gây ra ấn tượng khó chịu, và bất giác người ta nhớ lại những lời chuẩn xác, tuy nhàm chán của Me-phi-xtô-phen⁸⁰. Những điều rườm rà như vậy có thể được người ta thích trong một tạp chí nào đó, nhưng khi một chỗ như vậy rơi vào một tác phẩm như "Những tính cách", thì dù nó có được người ta đọc kỹ càng đi nữa, cũng không cảm thấy có bất cứ cơ sở hiện thực nào, mà thường xảy ra như vậy không phải một lần, và

1* – "Zeitung für die elegante Welt".

điều đó chứng tỏ việc lựa chọn phương thức quá ư nông nổi. Mặt khác, chính sự nhẹ dạ kiêu Pháp ấy làm cho Quy-nơ trở thành một trong những nhà báo ưu tú của chúng ta và chắc chắn ông có thể không đặc biệt khó khăn, chỉ cần bỏ nhiều công sức hơn một ít là có thể nâng báo "Elegante Zeitung" lên cao hơn đáng kể so với trình độ hiện nay của nó. Nhưng đáng ngạc nhiên là ở đây Quy-nơ không thể hiện sự sinh động mà dường như đặc biệt phù hợp với sự sắc bén của trí tuệ ông ta giống với Lau-bê.

Ở Quy-nơ, với tư cách nhà phê bình, thể hiện đặc biệt rõ những nét của người dân vùng bờ trái sông Ranh. Trong khi Gút-xcốp không được yên lòng, chừng nào chưa nắm được thực chất của đối tượng và đưa ra lời xét đoán của mình trên cơ sở thực chất của vấn đề mà không tính đến bất cứ tình huống phụ thuận lợi và giảm nhẹ nào, thì Quy-nơ soi sáng đối tượng bằng những tia sáng tư tưởng sắc sảo của mình nảy sinh trong đa số trường hợp nhờ sự quan sát đối tượng. Nếu Gút-xcốp thường hay phiến diện thì chỉ vì ông ta đưa ra lời xét đoán một cách vô tư, tính đến những nhược điểm nhiều hơn so với những ưu điểm của đối tượng, và ông đòi hỏi những nhà thơ trẻ như Béch phải có những tác phẩm cổ điển. Nếu Quy-nơ phiến diện thì đó là vì ông cố gắng bao quát tất cả mọi khía cạnh của đối tượng của mình từ một góc độ mà không vươn lên tầm cao tối đa tiện cho việc quan sát. Ông ta bào chữa cho tính lả lơi của "Những bài ca êm đềm" của Béch³¹ bằng một câu có lẽ rất đạt để nhận xét Béch: ông ta là một nhạc công trữ tình.

Tiếp nữa, ở Quy-nơ cần phải phân biệt hai thời kỳ: vào thời kỳ đầu trên đường công danh văn đàn ông bị học thuyết Hê-ghen cầm tù và, như tôi cảm thấy, ông ngưỡng mộ Mun-tơ hoặc tán thành các quan điểm của ông ta, nhưng ông không phải lúc nào cũng giữ được tính độc lập. Tác phẩm "Cách ly"³⁸ chứng minh bước đầu đi tới chỗ thoát khỏi những ảnh hưởng đó; thế giới quan

của Quy-nơ hình thành đầy đủ trong những chuyến phiêu bạt trên văn đàn sau năm 1836. Để so sánh các xu hướng thơ ca của Quy-nơ và Gút-xcốp hãy lấy hai tác phẩm viết đồng thời - "Cách ly trong nhà thương điên" và "Xê-ra-phi-na"⁸¹. Và ở mỗi tác phẩm trong số đó đều phản ánh đầy đủ nhân cách của tác giả. Trong các hình tượng Ác-tua và É-t-mun-đơ, Gút-xcốp đã thể hiện mặt lý trí và mặt tình cảm của tính cách mình. Quy-nơ là nhà văn mới bắt đầu viết, đã trực tiếp thể hiện bản thân mình vào nhân vật của "Cách ly" và cho thấy ông ta đi tìm lối thoát ra khỏi mớ bòng bong của hệ thống Hê-ghen như thế nào. Gút-xcốp, như thường lệ, là người không ai sánh kịp về sự sắc sảo trong việc mô tả thế giới tâm hồn, về mặt nêu nguyên nhân tâm lý; hầu như toàn bộ cuốn tiểu thuyết đều được xây dựng trên các cảm xúc tâm hồn. Nhờ việc đối chiếu có lý trí thuộc loại như vậy các động cơ kích thích, do sự hiểu lầm thuần túy mà mọi sự thưởng thức yên ổn cả những tình huống thơ mộng len lỏi vào tiểu thuyết đều bị triệt tiêu; và dù một mặt "Xê-ra-phi-na" có hoàn hảo, thì mặt khác - nó cũng không thành công. - Trái lại, Quy-nơ tung ra những điều suy luận sắc sảo về Hê-ghen, về sự thâm thúy kiểu Đức và về âm nhạc của Mô-da; ông ta lồng những thứ đó trong ba phần tư quyển sách của mình và cuối cùng gây cho người đọc toàn sự buồn chán và bằng cách đó làm hỏng quyển tiểu thuyết của mình. Trong "Xê-ra-phi-na" không có một tính cách nào hoàn chỉnh; điều Gút-xcốp ít đạt hơn cả là cái mà chính ông ta vươn tới - tỏ rõ khả năng mô tả tính cách của phụ nữ. Trong tất cả các tiểu thuyết của ông ta, những người phụ nữ hoặc là tầm thường như Xê-lin-đa trong "Bla-dê-đốp", hoặc không có nữ tính đích thực như Va-li-a, hoặc không hấp dẫn vì thiếu sự hài hòa nội tại như Xê-ra-phi-na. Hình như chính ông ta gần như hiểu ra điều đó, khi trong "Xau-lơ" ông để cho Mi-khan nói ra những lời như sau:

Giống như não người,
 Bạn biết cắt trái tim đàn bà thành nhiều mảnh
 Bạn có thể cho thấy
 Tất cả các bộ phận của trái tim
 Nhưng không thể nắm bắt tia lửa cuộc sống
 Trong nó bằng dao và bằng so sánh chua cay^{1*}.

Tình trạng thiếu tính đặc trưng rõ rệt ấy cũng thể hiện cả trong "Cách ly". Nhân vật của nó không phải là một tính cách hoàn chỉnh, mà chỉ là sự thể hiện thời đại quá độ của ý thức hiện đại trong một cá nhân, sự thể hiện vì thế đã làm mất mọi đặc điểm cá nhân. Những hình tượng còn lại hầu hết đều được đưa ra không có tính xác định, thành thử chỉ có thể khẳng định về một số rất ít hình tượng ấy là chúng có đạt hay không.

Từ lâu Gút-xcốp đã thách thức Quy-nơ, nhưng Quy-nơ chỉ trả lời gián tiếp bằng cách thổi phồng các ưu điểm của Mun-tơ và hiếm khi nhắc tới Gút-xcốp. Nhưng cuối cùng cả Quy-nơ cũng phát biểu, lúc đầu bình tĩnh theo lối phê bình hơn là bút chiến; ông đã gọi Gút-xcốp là người thích luận chiến, nhưng ông không muốn thừa nhận bất cứ công lao văn học nào của ông ta nữa; song ít lâu sau đến lượt mình Quy-nơ chuyển sang tấn công dưới một hình thức mà không ai mong đợi ở ông cả, trong bài "Những tiểu thuyết mới nhất của Gút-xcốp"⁸². Ông đã mô tả rất sắc sảo dưới dạng biếm họa tính nhị nguyên của Gút-xcốp, chứng minh điều đó bằng những ví dụ lấy từ các tác phẩm của ông ta; nhưng bên cạnh đó ông đã chứa chất biết bao nhiêu lời công kích không xứng đáng, những lời khẳng định không có căn cứ và những kết luận nguy hiểm và vội vã, do đó Gút-xcốp chỉ có lợi từ sự luận chiến ấy. Ông ta đã trả lời bằng cách viện dẫn ngắn gọn từ tờ

1* *C.Gút-xcốp*. "Vua Xau-lo". Màn 3, cảnh một.

"Jahrbuch der Literatur" năm 1839 (vì sao cho đến nay niên giám năm 1840 chưa ra mắt?), trong đó có đăng bài viết của ông ta về những bất đồng mới nhất trên văn đàn. Sách lược dùng giọng nói vô tư của mình để tranh thủ cảm tình khá thông minh, còn sự bình tĩnh mà Gút-xcốp thể hiện trong bài này đáng được thừa nhận. Dù không phải tất cả mọi cái trong bài đó đều hoàn toàn thỏa đáng, đặc biệt là dù ông ta thanh toán quá hời hợt với Quy-nơ, là người mà ta không thể không thừa nhận là có ảnh hưởng đáng kể đến nền văn học hiện nay và tài năng không thể nghi ngờ - tuy chưa hoàn toàn bộc lộ trong loại tiểu thuyết lịch sử - cuốn "Những tiểu thuyết của tu viện"⁸³. Nhưng có thể dễ dàng tha thứ cho Gút-xcốp điều này, vì các đối thủ đã hành động giống hệt như thế và thậm chí còn trội hơn ông ta.

Song số "Jahrbuch der Literatur" ấy tiếm ản trong mình mầm mống của một sự phân liệt mới, cụ thể là "Chiếc gương Sva-bơ" của Hai-nơ⁸⁴. Chuyện này xảy ra như thế nào, chỉ có một số ít người tham gia mới biết được, tốt hơn nên tránh nói đến câu chuyện đau buồn ấy. Lẽ nào Hai-nơ trong thời gian tới không tập hợp đủ số trang cần thiết để xuất bản một quyển sách không bị kiểm duyệt trong đó đăng bài "Chiếc gương Sva-bơ" không bị cắt xén? Lúc đó ít ra sẽ có thể thấy cơ quan kiểm duyệt Dắc-den đã coi cái gì cần gạch bỏ và có thật có thể quy cho các nhà đương cục của cơ quan kiểm duyệt là có lỗi về những sự què quặt đã gây ra hay không. Chỉ cần nói rằng cuộc chiến tranh lại bùng lên, còn Quy-nơ thì đã xử sự không khéo khi ông chấp nhận bài viết hết sức ngu ngốc về "Xe-ve-giơ" và in kèm theo lời tuyên bố của tiến sĩ Vin (mà sự xuất hiện của nó trên báo "Elegante" cũng ít có thể mong được nếu như Béch gửi đến báo "Telegraph" lời tuyên bố chống Gút-xcốp) một bài nhại lại theo lối chó má mà phía đối phương, về phần mình, cũng đã bác bỏ bằng một tiếng sủa lớn⁸⁵. Toàn bộ chuyện chó má ấy là cái vết nhục nhã nhất trong toàn bộ cuộc luận chiến hiện nay: nếu các

nhà văn của chúng ta bắt đầu đối xử với nhau theo lối dã thú và vận dụng trong thực tiễn các quy luật của lịch sử tự nhiên, thì nền văn học Đức chẳng bao lâu sẽ giống một chuồng thú và chúa cứu thế văn học mong đợi từ lâu sẽ xoay ra kết nghĩa anh em với Mác-tin và Van Am-buốc-gơ.

Để không cho cuộc luận chiến lắng dịu dần, một con quỷ dữ nào đó lại thổi bùng sự xích mích giữa Gút-xcốp và Béch. Về Béch tôi đã phát biểu quan điểm của tôi ở một chỗ khác^{1*}, nhưng tôi xin thú nhận thẳng thắn là không phải không có sự thiên vị. Sự thoái bộ mà Béch phát hiện trong "Xau-lơ" và trong "Những bài ca êm đềm" đã buộc tôi phải có thái độ ngờ vực và không công bằng đối với "Đêm" và "Thi sĩ lãng du". Lẽ ra tôi không nên viết bài đó, nhất là cho đăng nó trong tạp chí đã công bố nó. Để sửa chữa lời xét đoán mà tôi đã phát biểu, tôi xin mạn phép nói rằng quá khứ của Béch – "Đêm" và "Thi sĩ lãng du" thì dĩ nhiên tôi thừa nhận; nhưng tôi sẽ làm trái với lương tâm phê phán của tôi, nếu tôi không nhận xét "Những bài ca êm đềm" và màn thứ nhất vở "Xau-lơ" của ông là một bước thụt lùi. Những thiếu sót trong hai tác phẩm đầu tiên của Béch là kết quả không tránh khỏi của tuổi trẻ, và có thể coi những hình tượng dồn dập xuất hiện trong ông ta và những tư tưởng chưa thật chín muồi tản mạn là biểu hiện của sự dư thừa sức mạnh và, nói chung là sự dư thừa tài năng có thể mong đợi làm được nhiều điều. Và thế là thay cho những hình tượng rực lửa đó, sức mạnh trai tráng mãnh liệt đó trong "Những bài ca êm đềm" là sự mất đi tương lực, là sự uể oải, là những điều ít có thể mong đợi ở Béch hơn cả. Màn thứ nhất của vở "Xau-lơ" cũng là màn không

1* Xem tập này, tr.36-44.

có sức mạnh như thế. Nhưng có thể nhược điểm đó chỉ là kết quả nhất thời tự nhiên của sự căng thẳng quá độ đã qua, và những màn sau của vở "Xau-lơ" sẽ bù đắp tất cả những thiếu sót của màn thứ nhất. Không, Béch là một nhà thơ, và trong trường hợp khiển trách gay gắt và xác đáng nhất, sự phê phán phải thận trọng đối với việc dự kiến những sáng tác tương lai. Mỗi nhà thơ chân chính đều đáng được tôn trọng như thế; và tôi tuyệt nhiên không muốn mang tiếng là kẻ thù của Béch, vì tôi vui lòng thú nhận rằng tôi có được những động cơ đa dạng và bền vững là nhờ các tác phẩm thơ ca của ông.

Gút-xcốp và Béch lẽ ra có thể tránh được cuộc tranh cãi đó. Không thể phủ nhận rằng khi viết vở "Xau-lơ" của mình, dĩ nhiên Béch vô hình trung phần nào đã đi theo Gút-xcốp, cái bị ảnh hưởng ở đây tuyệt nhiên không phải là sự đứng đắn của ông ta, mà chỉ là tính độc đáo của ông ta mà thôi. Gút-xcốp thay vì phần nộ điều này, đứng ra phải cảm thấy mình hủ hê. Còn Béch thì thay vì nhấn mạnh tính độc đáo của những hình tượng của mình, mà tính độc đáo đó không bị ai nghi ngờ, và mặc dù chính ông đã buộc phải nhận lời thách thức như đã làm, ông ta cần phải chỉnh lý lại màn thứ nhất trong vở kịch của mình, và chúng ta hy vọng ông sẽ làm điều ấy.

Giờ đây Gút-xcốp đã giữ lập trường thù địch với tất cả các nhà văn Lai-pxích và công kích họ một cách kịch liệt bằng những điều châm biếm hóm hỉnh của mình. Ông ta coi họ là một băng cướp được tổ chức tốt đang truy đuổi ông ta và văn học bằng tất cả mọi biện pháp có thể. Đúng ra ông ta sẽ hành động đúng đắn hơn nếu ông ta tiến hành chiến tranh chống họ theo cách khác, một khi ông ta không muốn khước từ cuộc chiến tranh đó. Những mối liên hệ cá nhân và ảnh hưởng của họ đến dư luận xã hội trong giới văn học Lai-pxích là không tránh khỏi. Và mong

Gút-xcốp tự hỏi mình xem ông ta có luôn luôn không mắc cái tội tiếc rằng đôi khi không tránh khỏi ấy hay không, hay là cần nhắc cho ông ta nhớ về những mối quen thuộc của ông ta ở Phran-phước? Nếu các báo "Nordlicht", "Elegante" và "Eisenbahn" đôi khi nhận định giống nhau, thì có thể ngạc nhiên về điều đó hay không? Thuật ngữ *bè lũ* hoàn toàn không thích hợp trong trường hợp như thế.

Tình hình hiện nay là như vậy. Mun-tơ đã ngãng ra và không tham gia vào vụ xích mích nữa; Quy-nơ cũng đủ no về cuộc chiến tranh muôn thuở ấy; chẳng bao lâu cả Gút-xcốp chắc sẽ hiểu rằng cuộc luận chiến của ông ta rốt cuộc sẽ làm cho công chúng chán ngấy. Dần dà họ sẽ bắt đầu thể hiện mình trong các tiểu thuyết và vở kịch; sẽ phát hiện ra rằng bài tiểu phẩm đáng sợ không thể làm tiêu chuẩn trong việc đánh giá tạp chí, rằng những người có học thức của dân tộc thích nhà thơ ưu tú hơn là nhà luận chiến hăng tiết nhất; họ sẽ quen với sự chung sống bình yên và có thể lại sẽ học được cách tôn trọng lẫn nhau. Mong rằng người ta sẽ lấy cách ứng xử của Hai-nơ làm gương, ông này mặc dù có những điểm bất đồng, nhưng ông không giấu giếm sự tôn trọng của mình đối với Gút-xcốp. Mong rằng khi đánh giá so sánh các ưu điểm của mình người ta căn cứ không phải vào tiêu chuẩn chủ quan, mà vào lập trường của lớp thanh niên mà sớm hay muộn văn học sẽ thuộc về họ. Mong rằng ở "Hallische Jahrbücher" người ta sẽ học được một điều là luận chiến chỉ để nhằm chống các tàn tích của quá khứ, chống lại cái bóng của những người đã khuất. Mong người ta sẽ nhớ rằng nếu không thì giữa Hăm-bốc và Lai-pxích có thể nổi lên những lực lượng văn học làm lu mờ pháo hoa luận chiến của họ. Trường phái Hê-ghen mà đại biểu là những mầm non trẻ nhất, tự do nhất của nó và chủ yếu cái gọi là thế hệ trẻ đang đi tới một sự

thống nhất sẽ có ảnh hưởng đáng kể nhất đến sự phát triển của văn học. Thông qua Mô-rít-xơ Ca-ri-e và Các Gruyn, sự thống nhất đó đã được thực hiện rồi.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Ba - tháng Năm 1840

Đã đăng trên báo "Mitternachtzeitung für gebildete Leser" số 51-54, 83-87; 26, 27, 30 và 31 tháng Ba, 21, 22, 25, 26 và 28 tháng Năm 1840

Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-đơ

*In theo bản in trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

[VỀ A-NA-XTA-DI-ÚT GRUYN]

Giờ đây, khi A-na-xta-di-út Gruyn tấp tểnh nhằm vào chức vụ quan hầu cao cấp trong cung, bắt giặc tôi nhớ lại những câu thơ ông đã công bố cách đây hai năm trên báo "Elegante"^{1*}. Bài thơ có nhan đề "Phản bội niềm tin"⁸⁶ và kết thúc bằng những dòng sau đây:

Dưới cờ càn không thấy tôi,
 Chừng nào tôi còn khỏe, chẳng bao giờ...
 Anh thấy – có nghĩa là tôi ốm
 Hoặc thậm chí đã chết – đúng, đúng!
 Tốt hơn anh hãy coi tôi là người đã chết,
 Vì nhiều khi đau khổ hơn biết bao
 Khi người sống đi qua bia mộ, bia mộ của chính mình.

Điều đó vang lên hầu như là một sự dự cảm.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào nửa đầu tháng
 Tư 1840
 Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für
 Deutschland" số 61, tháng Tư 1840
 Ký tên: P h . Ô .*

*In theo bản in trong tạp chí
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – "Zeitung für die elegante Welt".

CẢNH QUAN

Xứ En-la-da đã có diễm phúc thấy được đặc điểm của cảnh quan của nó được người dân ở đó nhận thức trong tôn giáo như thế nào. En-la-da là xứ sở theo thuyết phiếm thần. Toàn bộ cảnh quan của nó đang được bao phủ - hoặc ít ra đã được bao phủ bởi khuôn khổ của sự hài hòa. Và mỗi cái cây, mỗi dòng suối, mỗi ngọn núi của nó quá nổi bật lên hàng đầu, bầu trời của nó quá xanh, mặt trời của nó quá chói chang, biển của nó quá tuyệt diệu nên chúng có thể thỏa mãn sự hào hứng khát khe của Spirit of nature^{1*} mà Se-li đã ca ngợi, một thần Pan bao trùm tất cả nào đó; mỗi bộ phận riêng biệt của thiên nhiên trong sự hoàn bị tuyệt vời của nó đều đòi hỏi phải có vị thần của chính nó, mỗi con sông đều đòi hỏi phải có những nữ thần của mình, mỗi khu rừng đều đòi hỏi phải có những nữ thần núi rừng của mình; tôn giáo của người Hy Lạp đã hình thành như vậy. Những địa điểm khác không được may mắn như thế; không một dân tộc nào làm cho chúng trở thành cơ sở niềm tin của mình, và chúng phải đợi nhà thơ đến thức tỉnh thiên tài tôn giáo ngái ngủ trong chúng. Khi các bạn đứng trên đỉnh núi Đra-sen-phen-dơ hoặc núi Rô-hu-xbéc-gơ ở

1* – Tinh thần của giới tự nhiên; hình ảnh biểu tượng phiếm thần trong trường ca "Hoàng hậu Ma-bơ" và những tác phẩm khác của Se-li.

Bin-ghen và nhìn xa về phía những vườn nho thơm ngát của thung lũng sông Ranh sẽ thấy những ngọn núi xanh phía xa xa hòa vào chân trời, sẽ thấy cây cối trên đồng và trong các vườn nho tràn đầy ánh mặt trời vàng và thấy màu xanh của bầu trời phản chiếu xuống dòng sông - lúc đó bầu trời trong toàn bộ hào quang của nó nghiêng xuống mặt đất và soi bóng lên dòng sông, tinh thần chìm vào vật chất, ngôn từ trở thành máu thịt và sống giữa chúng ta – đó là đạo Cơ Đốc hiện thân. Đối lập hoàn toàn với cái đó là thảo nguyên miền Bắc Đức; ở đấy chẳng có gì ngoài những thân cây khô và cây thạch nam thảm hại mà do ý thức về sự mềm yếu của mình, nó không dám vươn lên khỏi đất; lác đác có thể gặp một thân cây hồi nào đó kiên cường, nhưng giờ đây đã bị sét đánh; và trong vẻ huy hoàng tự mãn của nó bầu trời càng quang đãng thì nó càng tách biệt rõ rệt với mảnh đất nghèo nàn, đáng ghét nằm trước mặt nó trong vết sẹo và tro tàn, con mắt mặt trời của nó càng nhìn một cách phẫn nộ vào dải cát tro trụi, cằn cỗi: ở đây thể hiện thế giới quan Do Thái giáo.

Thảo nguyên đã bị người chủ rửa không ít, toàn bộ văn học^{1*} đầy dẫy những lời nguyện rửa nó và sử dụng nó, như trong "Ê-đi-pơ" của Pla-ten⁸⁷, chỉ với tư cách là đối tượng trào phúng. Nhưng không hiểu vì sao người ta đã coi thường việc phát hiện những nét hấp dẫn hiếm có của nó, sự quyến rũ thi vị kín đáo của nó. Thực ra, cần phải lớn lên ở một địa điểm tuyệt đẹp, giữa những ngọn núi và những đỉnh cao có rừng bao phủ thì mới cảm thấy thích đáng nỗi sợ hãi và tính chất vô vọng của vùng Xa-ha-ra Bắc Đức và đồng thời triu mến tìm tòi những vẻ đẹp thầm kín, giống như ảo ảnh Li-bi, không phải lúc nào cũng thấy được của

vùng này. Văn xuôi đích thực của Đức chỉ được đại biểu bằng những cánh đồng khoai tây bên bờ phải sông En-bơ. Nhưng quê hương của người Dắc-den, của bộ lạc Đức giàu chiến công nhất này thật thi vị cả trong cảnh hoang sơ của nó. Vào một đêm bão táp, khi những đám mây giống như những bóng ma bao quanh mặt trăng, khi vắng vắng tiếng chó sủa từ xa, các bạn hãy ngồi lên một con ngựa điên phóng vun vút vào thảo nguyên vô tận, hãy phi hết tốc lực dọc những đỉnh núi cẩm thạch đã phong hóa và trên những gò mộ. Xa xa, trên các đầm lầy, ánh trăng phản chiếu lên mặt nước lấp lánh ánh lửa ma trơi, tiếng rú của cơn bão táp vang lên một cách dễ sợ trên đồng bằng rộng lớn; đất dưới chân các bạn rung lên và các bạn cảm thấy mình đã rơi vào vương quốc những truyền thuyết dân gian Đức. Chỉ từ khi tôi được biết thảo nguyên Bắc Đức, tôi mới thực sự hiểu "Những chuyện cổ tích của trẻ thơ và trong gia đình" của anh em Grim⁸⁸. Trong hầu hết những chuyện cổ tích ấy đều thấy có dấu ấn cho thấy chúng đã ra đời ở đây, nơi mà mỗi khi đêm đến thì tất cả những gì thuộc con người đều biến mất, và những tạo vật dễ sợ, không có hình thù của trí tưởng tượng của nhân dân bay lượn trên trái đất, vẻ hoang vu của nó gây nỗi sợ hãi ngay cả vào buổi trưa quang đãng. Chúng là hiện thân của những tình cảm xâm chiếm người dân sống cô độc trên thảo nguyên, khi trong một đêm bão tố như vậy anh ta bước đi trên những địa điểm thân thương của mình hoặc giả đứng trên đỉnh tháp cao ngắm nhìn cảnh bằng phẳng hoang vu của chúng. Lúc đó trước mắt anh ta lại hiện lên những ấn tượng đã được duy trì từ thời thơ ấu do những đêm bão táp trên thảo nguyên gây ra và được thể hiện thành những chuyện cổ tích. Ở vùng sông Ranh hoặc ở Sva-bơ các bạn sẽ không nghe lỏm được những bí mật nảy sinh chuyện cổ tích dân gian, trong khi đó ở đây mỗi đêm giông tố –

1* Trong tập thứ ba "Bla-dê-dốp"⁶⁴ ông già bệnh vực thảo nguyên.

là một đêm được ánh chớp *chiếu sáng*, như Lau-bê nói, - nhắc đi nhắc lại điều này bằng những tiếng sấm vang động.

Mạng lưới biện hộ của tôi cho thảo nguyên bị gió mang đi, sẽ có thể căng ra xa hơn, nếu bỗng nhiên nó không bị rối, vướng vào cột cây số bất hạnh, sơn màu nhà nước Han-nô-vơ^{1*}. Tôi đã suy ngẫm lâu về ý nghĩa của những màu ấy. Những màu hoàng gia Phổ hoàn toàn không biểu hiện cái mà Ti-rơ-sơ muốn tìm thấy ở đó qua bài ca tởm tợ của phố⁸⁹; nhưng với vẻ tầm thường của chúng, chúng vẫn nhắc đến giới quan liêu lạnh lùng, tàn nhẫn và về tất cả những gì hoàn toàn không được coi là hấp dẫn trong cung cách Phổ đối với người dân tỉnh Ranh. Sự tương phản rõ rệt giữa đen và trắng có thể coi là tương tự với quan hệ giữa đức vua và thần dân trong nền quân chủ chuyên chế, mà vì về bản chất, theo Niu-tơn, trắng và đen hoàn toàn không phải là màu sắc, thì chúng có thể có nghĩa là hình ảnh trung thực của tư tưởng trong chế độ quân chủ chuyên chế là hình ảnh nói chung không theo bất cứ màu sắc nào. Lá cờ đỏ và trắng vui tươi của người Han-dây không tồi, ít ra là trong quá khứ; esprit^{2*} Pháp lấp lánh trong cờ tam tài mà các màu của nó đã được Hà Lan thản nhiên chiếm lấy, chắc hẳn để cười chính mình; song lá cờ đẹp nhất và có nhiều ý nghĩa nhất trong tất cả mọi lá cờ chắc chắn vẫn là lá cờ ba màu bất hạnh của Đức. Nhưng các màu sắc Han-nô-vơ! Các bạn hãy tưởng tượng một người ăn diện trọn một giờ trong những màu trắng Inexpressibles^{3*} của mình, do không biết đường, đã chạy theo các rãnh nước và cánh

1* – vàng và trắng.

2* – trí tuệ.

3* – không thể diễn tả được.

đồng vừa cày xới, các bạn hãy tưởng tượng cột muối của Lốt⁹⁰, - ví dụ về Numquam retrorsum^{1*} của Ha-nô-vơ thuở trước, có tính chất giáo huấn đối với nhiều người, - các bạn hãy hình dung rằng thanh niên du mục không được giáo dục đã ném đất sét vào đài kỷ niệm đáng kính ấy, và trước các bạn là cột mốc biên giới Han-nô-vơ. Hoặc có thể, màu trắng có nghĩa là một đạo luật nhà nước vô hại, còn màu vàng là bùn mà những ngòi bút bất lương nào đó đã vấy lên nó?

Nếu tôi tìm cách xác định tính chất tôn giáo vốn có của địa phương này hay địa phương khác thì cảnh quan *Hà Lan* về thực chất là cảnh quan Can-vanh giáo. Quá ư tầm thường, không thể có bất cứ niềm hào hứng nào hấp dẫn bởi phong cảnh Hà Lan, bầu trời xám xịt mà chỉ riêng nó là có thể hợp với phong cảnh đó - tất cả những cái đó gây ra những ấn tượng giống như những ấn tượng mà các nghị quyết không sai lầm của Hội nghị tôn giáo Đóc-đrếch-tơ⁹¹ để lại trong chúng ta. Những chiếc cối xay gió, những vật chuyển động duy nhất trong cảnh quan ấy nhắc đến những người lựa chọn sự quyết định trước, những người mà một mình họ được hơi thở của sự phong mãn thần thánh thúc đẩy; tất cả mọi cái còn lại đều ở trong "cái chết tinh thần". Và sông Ranh, giống như tinh thần mãnh liệt, sống động của đạo Cơ Đốc, đang mất đi trong tính chính thống đã khô cạn này cái sức mạnh thai nghén và hoàn toàn bị cạn dần! Bờ sông Ranh phía Hà Lan nhìn từ phía sông quả là như vậy; nghe nói những vùng khác của đất nước đẹp hơn, nhưng tôi không biết chúng. – Rốt-téc-đam với những đường bờ sông rợp bóng, kênh đào và tàu thủy của nó dường như là một ốc đảo thực sự đối với người tỉnh

1* – Không bao giờ lùi bước (chữ đề trên huy hiệu Han-nô-vơ mô tả con ngựa nhảy lông lên).

lẻ của nước Đức nội địa; ở đây, như thấy đây, nối tiếp những chiến hạm đang rời đi là trí tưởng tượng của Phrai-li-grát có thể vút đi xa, đến những bến bờ đẹp hơn. Còn xa hơn nữa lại là quần đảo Dê-lan đáng ghét - chẳng có gì ngoài lau sậy và đập nước, cối xay gió, tháp nhà thờ với tiếng chuông ngân của chúng, và giữa những hòn đảo ấy tàu thủy hàng giờ vạch những đường gấp khúc của mình!

Nhưng cảm giác khoái lạc nào bao trùm lấy chúng ta khi, cuối cùng, chúng ta ra khỏi những con đập phi-li-xtanh, từ đạo chính thống Can-vanh siết chặt cho tới khoảng rộng tinh thần tự do! Hen-phút-xloi-xơ biến mất, bờ phải và trái sông Va-an chìm sâu vào những cơn sóng cuộn cuộn, ngày càng dâng cao, nối tiếp màu vàng cát của nước là mùa xanh lá cây, - giờ đây chúng ta sẽ quên những cái ở phía sau và chúng ta hân hoan vút tới vùng nước xanh thẳm và trong vắt!

Anh rút cuộc hãy quên đi
 Nỗi giận hờn của số kiếp hẩm hiu!
 Trước mắt anh mở rộng
 Con đường tự do.
 Hãy nhìn! Vòm trời không đáy
 Nghiêng nghiêng trên biển;
 Anh - phân đội giữa biển và trời -
 Đi tìm lối thoát băng qua?
 Vòm trời nép sát mặt đất
 Trong thiết tha day dứt;
 Nó say sưa khoái lạc
 Với xác thịt tuyệt vời.
 Con sóng thực si mê
 Sôi nổi nâng lồng ngực; -
 Còn anh bị phân đôi -

Làm sao đi hết chặng đường?
 Chúa thánh thiện, bắt tử
 Thế giới kết muôn đời,
 Con người là đảm bảo
 Cho tình yêu vĩnh hằng.
 Chúa sống trong ngực anh
 Phép màu nhiệm không lời:
 Anh hãy là mạch máu
 Nâng niu hồn của chúa!

Ta hãy nắm lấy dây chèo của mũi thuyền và nhìn những con sóng khi bị sóng tàu cắt ngang, chúng tung lên bọt nước trắng xóa, bay cao vút khỏi đầu ta; ta hãy nhìn mặt biển phía xa, màu xanh lục, nơi những đỉnh sóng sủi bọt hiều động muôn thuở dâng lên, nơi ánh mặt trời rơi vào mắt ta, phản chiếu từ hàng nghìn chiếc gương đang nháy múa; nơi màu xanh lục của biển hòa vào màu xanh biếc như gương của bầu trời và màu vàng của mặt trời thành một màu kỳ diệu duy nhất, - và lúc đó tất cả mọi mối lo toan nhỏ nhặt, tất cả mọi ký ức về kẻ thù của nhân gian và về các âm mưu nham hiểm của chúng sẽ biến mất trong ta, và ta sẽ hòa tan trong ý thức kiêu hãnh về tinh thần tự do, bất tận! Chỉ có *một* ấn tượng mà tôi cảm nhận là có thể so sánh với điều đó: khi lần đầu tiên trước mắt tôi mở ra ý niệm thần thánh của nhà triết học gần đây nhất^{1*}, tư tưởng vô cùng lớn lao ấy của thế kỷ XIX, tôi bị một niềm khoái lạc lâng lâng xâm chiếm, một luồng gió biển tươi mát thổi từ bầu trời trong trẻo tỏa đúng vào tôi; những tầm sâu của triết học tư biện đã mở ra trước mắt tôi như biển không đáy mà ánh mắt hướng vào vực sâu không thể rời ra được. Chúng ta sống, hành động và tồn tại

1* - rõ ràng là Hê-ghen.

trong Chúa! Trên biển chúng ta bắt đầu ý thức được điều đó; chúng ta cảm thấy rằng tất cả xung quanh chúng ta và bản thân chúng ta thấm sâu hơi thở thần của Chúa: toàn bộ giới tự nhiên gần gũi với chúng ta, những cơn sóng gập đầu với chúng ta một cách tin cậy, bầu trời trải ra trên mặt đất triu mến, còn ánh mặt trời thì sáng loáng khó tả đến mức ta cảm thấy dường như có thể dùng tay nắm lấy nó.

Mặt trời lặn ở phía tây - bắc; bên trái nó, từ biển nổi lên một dải sáng loáng – bờ biển của phía Ken-tơ, bờ nam của sông Tê-m-dơ. Trên biển đã có sương mù buổi hoàng hôn, riêng ở phía tây, trời và biển được tô màu tím của nắng chiều; ở phía đông bầu trời màu thanh thiên dùng đục, và trên nền của nó sao Hôm đã chiếu sáng; ở phía tây – nam Mác-ghết trải dài tận chân trời, ráng chiều – một dải màu vàng dài trong ánh hào quang mầu nhiệm xuất hiện trên cửa sổ của các ngôi nhà. Giờ đây các bạn hãy vẫy mũ và chào nước Anh tự do bằng những tiếng hô vui sướng và những cốc rượu đầy. Chúc ngủ ngon, hẹn gặp lúc tỉnh dậy để chịu ở Luân Đôn!

Các bạn phân nản về sự bình thường của đường sắt mà các bạn chưa bao giờ thấy, các bạn hãy ngồi lên tàu hỏa đi từ Luân Đôn đến Li-vóc-pun. Nếu trên thế gian có một đất nước được tạo ra để đi qua nó bằng đường sắt, thì đó là nước Anh. Ở đây không có những cảnh đẹp làm lóa mắt, không có những khối núi đá khổng lồ, đây là xứ sở của những ngọn đồi mềm mại, lượn sóng, xứ sở mà với ánh sáng mặt trời nước Anh luôn luôn không rạng rỡ lắm, đây ma lực kỳ lạ. Ta sửng sốt về sự đa dạng của những sự kết hợp được tạo ra bằng những yếu tố đơn giản; từ những ngọn đồi, cánh đồng, cây cối, gia súc đang gặm cỏ, thiên nhiên tạo ra hàng nghìn cảnh quan kiêu diễm. Những cây được trồng riêng biệt và trồng thành cụm trên các cánh đồng làm cho phong cảnh có vẻ đẹp độc đáo, thành thủ toàn bộ khu vực trông

hơi giống một công viên. Tiếp đó là đường hầm làm cho toa tàu lâm vào cảnh tối om trong vài phút, rồi đi qua một chỗ trống, từ đây đột nhiên lại vượt qua những cánh đồng đầy ánh nắng mặt trời đang cười. Có nơi đường đi theo chiếc cầu cạn qua một thung lũng rộng; phía dưới là những thành phố và làng mạc, rừng và đồng cỏ, con sông ngoằn ngoèo uốn lượn giữa chúng; bên phải và bên trái là núi mà những đường nét của chúng tan dần ra xa, còn trong thung lũng đầy quyến rũ là ánh sáng kỳ diệu - mờ ảo, nửa như ánh mặt trời. Nhưng chỉ vừa kịp đưa mắt nhìn địa hình kỳ diệu thì ta đã rơi vào chỗ trống trơn trọi và ta có thể dựng lại trong trí tưởng tượng của ta một bức tranh huyền diệu. Và cứ thế tiếp tục cho đến khi đêm xuống và giấc mơ khép chặt đôi mắt đã mệt mỏi vì ngắm nhìn! Ôi, một thi vị phong phú nhường nào tiềm ẩn trong các tỉnh lẻ của nước Anh! Ta thường cảm thấy rằng ta đang sống trong những golden days of merry England^{1*} và kìa ta sẽ thấy Sếch-xpia rón rén đi trong các bụi cây, vai vác súng trường đi tìm thú săn của người khác, hoặc giả ta ngạc nhiên thấy trên bãi cỏ xanh ấy không diễn ra trong thực tế một trong những hài kịch thần thánh của ông. Vì nhân vật trong các vở kịch của ông xuất hiện ở đâu - ở I-ta-li-a, Pháp hoặc Na-va-rơ - thì thực tế trước mắt chúng ta bao giờ cũng là merry England, quê hương của những con người chất phác hơi gàn của ông, những người thầy giáo trường phổ thông giả bộ thông minh của ông, những người phụ nữ không bình thường dễ mến của ông; xét về tất cả thì thấy rằng hành động chỉ có thể xảy ra dưới bầu trời nước Anh. Chỉ có ở một số hài kịch, như "Giấc mộng đêm hè" chẳng hạn, trong tính cách của các nhân vật thể hiện mạnh mẽ y như trong vở "Rô-mê-ô và Giuyl-i-ét" cái ảnh hưởng của khí hậu miền Nam.

1* – những ngày vàng của nước Anh vui vẻ.

Nhưng chúng ta hãy quay về tổ quốc của chúng ta! Ve-xtơ-pha-li đẹp đẽ và lãng mạn đã giện đứa con Phrai-li-grát của mình, ông này đã hoàn toàn quên nó, quả thực, vì một vùng Ranh đẹp như tranh và lãng mạn hơn nhiều. Chúng ta an ủi Ve-xtơ-pha-li bằng mấy lời lịch sự để sức chịu đựng của nó không vỡ tan trước khi tập thứ hai xuất hiện⁹². Ve-xtơ-pha-li cách nước Đức những dãy núi và chỉ mở ra từ phía Hà Lan, - hết như người ta đã đẩy nó ra khỏi nước Đức. Và những đứa con của nó là những người Dắc-den đích thực, những người Đức chung thủy, đôn hậu. Trên những vùng núi ấy có những nơi tuyệt đẹp: ở phía nam là thung lũng sông Rua và sông Len-ne, ở phía đông là thung lũng sông Vê-de, ở phía bắc là dãy núi chạy từ Min-den đến Ô-xna-bruych - đầu đầu cũng toàn cảnh đẹp trù phú, và chỉ ở trung tâm xứ sở là bãi cát buồn tẻ của đồng bằng, thỉnh thoảng mới xuất hiện đám cỏ và cây hòa thảo. Sau đó đến những thành phố cổ tuyệt đẹp, trước hết là Muyn-xtơ với các nhà thờ kiểu Gô-tích của nó, với những dãy vòm của khu chợ, với An-nét-ta Ê-li-da-bét Phôn Đrô-xte-Huyn-sốp và Lê-vin Suých-kinh mà tôi đã vui thích được làm quen ở đây, ông đã lịch sự giới thiệu với những bài thơ của bà mệnh phụ đã được nhắc tới⁹³, và tôi không thể bỏ lỡ dịp để khỏi nhận lấy một phần tội lỗi đổ lên đầu công chúng Đức về thái độ đối với những dòng thơ ấy. Ở đây thêm một lần nữa khẳng định rằng người ta khá nhẹ dạ khi liệt sự đứng đắn kiểu Đức đáng khen cho việc đánh giá các bài thơ. Người ta lật giở quyển sách thơ, xem xem dòng thơ có trơn tru hay không, vần điệu có tốt hay không, nội dung có dễ hiểu hay không và nội dung có nhiều hình tượng mạnh hoặc nói chung có nhiều hình tượng gây ấn tượng mạnh hay không - thế là bản án đã làm xong. Nhưng những bài thơ giống như những bài thơ ấy, trong đó thể hiện tình cảm sâu sắc, sự dịu dàng và sự độc đáo trong việc mô tả thiên nhiên không thua kém thơ Se-li, trí tưởng tượng mạnh bạo của Bai-rôn, thực ra trong một hình thức hơi cứng nhắc và không tránh khỏi ngôn ngữ tỉnh lẻ - những tác phẩm

như vậy ra đời mà không có tiếng tăm; ai muốn đọc chúng thư thả hơn như người ta vẫn thường làm? Vì rằng người ta chỉ cầm lấy quyển thơ khi giờ nghỉ trưa tối, và vẻ đẹp của các dòng thơ chỉ có thể phá vỡ giấc ngủ! Hơn nữa, nữ thi sĩ của chúng ta là một tín đồ Thiên chúa giáo mộ đạo, mà họa chăng tín đồ đạo Tin lành mới dám quan tâm đến một tác giả như vậy! Nhưng vấn đề là ở chỗ nếu thuyết kiên thành làm cho An-be Cơ-náp - người hảo hán, vị tôn sư, vị mục sư kiêm sĩ quan tùy tùng trưởng này - trở nên lỗ bịch, thì niềm tin ấu trĩ hợp với cô Phôn Đrô-xte. Tự do tư tưởng tôn giáo là điều mạo hiểm đối với phụ nữ. Những người phụ nữ như Gioóc-giơ Xan, như người bạn gái của Se-li* - là hiện tượng hiếm có; thái độ hoài nghi quá dễ dàng ăn mòn nữ tính và làm cho lý trí có sức mạnh lớn hơn mức thích hợp đối với phụ nữ. Nhưng nếu tư tưởng mà chúng ta, những người con của thời đại mới đấu tranh vì chúng là đúng đắn, thì không xa nữa cái thời mà trái tim phụ nữ sẽ bắt đầu đập vì các lý tưởng của tinh thần hiện đại cũng nồng nhiệt như bây giờ nó đang đập vì niềm tin ngoan đạo của cha ông, - và chỉ khi đó thì thắng lợi của cái mới sẽ đến, khi thế hệ trẻ sẽ bắt đầu hấp thụ nó cùng với sữa mẹ.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Sáu - tháng Bảy 1840

Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für Deutschland" số 122 và 123; tháng Bảy và tháng Tám 1840

Ký tên: Phri-đrich Ô-xvan-đơ

In theo bản đăng trong tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức

1* - Me-ri Uôn-xtôn-cráp-tơ - Se-li, nguyên họ là Gốt-uy-n.

**[NHỮNG BÀI VIẾT TỪ BRÊ-MEN]
SÂN KHẤU, NGÀY LỄ IN SÁCH**

Brê-men, tháng Bảy

Theo như tôi biết, không một tạp chí nào trong số những tạp chí có tiếng tăm giữ phóng viên thường trú ở Brê-men. Qua sự Consensus gentium^{1*} ấy có thể dễ dàng kết luận rằng ở đây chẳng có gì để viết, song không phải thế, ở chỗ chúng tôi có một rạp hát, tại đó cách đây không lâu A-gnét-xa Se-be-xtơ, Ca-rô-li-na Bau-ơ, Ti-kha-sếch và bà Sruê-đơ Đê-vri-en-tơ kế tiếp nhau lưu diễn. Về mức độ chững chạc, các tiết mục biểu diễn của họ có thể cạnh tranh với tiết mục của một số diễn viên khác nổi tiếng hơn. Ở đây người ta đã dàn dựng vở "Ri-sốt Xe-ve-giơ" của Gút-xcốp⁵⁸ và vở "Sự cuồng tín thời thượng" của Bli-um⁹⁴. Trong hai vở kịch ấy, vở thứ nhất đã được nói đến quá nhiều rồi. Tôi cho rằng bài bình luận về vở kịch này xuất hiện cách đây không lâu trên tờ "Hallische Jahrbücher"⁹⁵, ngoài những lời đả kích thường xuyên ra còn chứa đựng một phần đáng kể chân lý, cụ thể là: thiếu sót cơ bản của tác phẩm là ở chỗ các mối quan hệ giữa người mẹ và đứa con không phải là những mối quan hệ tự do, không bao giờ có thể được dùng làm cơ sở cho vở kịch. Có thể, ngay từ trước, Gút-xcốp đã thấy sai lầm của mình, nhưng ông đã có lý khi ông không vì thế mà từ bỏ việc dàn dựng vở

1* – nhất trí chung.

kịch, vì nếu ông muốn dùng một vở kịch duy nhất để mở đường cho mình lên sàn diễn, thì ông ta phải chịu nhượng bộ lễ thói thủ cựu thâm căn cố đế của sân khấu, sự nhượng bộ mà sau này ông có thể rút lui trong trường hợp kế hoạch của ông ta thành công. Ông ta đã phải xây dựng vở kịch của mình trên một nền tảng độc đáo, mặc dù nền tảng ấy không thể chống đỡ nổi sự phê bình thơ ca, ngay dù các vở kịch của ông ta mắc phải lối chạy theo những ấn tượng mạnh và sự lâm ly. Có thể phê phán vở "Ri-sốt Xe-ve-giơ", có thể bác bỏ nó, nhưng cũng cần thừa nhận rằng Gút-xcốp đã bộc lộ trong nó tài năng viết kịch của mình. Về vở "Sự cuồng tín thời thượng" của Bli-um lẽ ra tôi sẽ không nói, nếu như nhiều tạp chí không lu loa về vở kịch đó, coi nó như một vở kịch "hiện đại". Song, trong vở kịch đó tuyệt nhiên không có gì hiện đại - cả trong các tính cách, cả trong các hành động lẫn trong đối thoại. Quả thật, công lao của Bli-um là ở chỗ ông có dũng khí đưa phái kiên thành⁹ lên sân khấu, nhưng với cung cách nông nổi như thế không thể đối phó được với sự kỳ quặc của đạo Cơ Đốc. Đã đến lúc không nên coi phái kiên thành là một sự lừa đảo, sự tham lam hoặc cảm tính tinh vi; phái kiên thành đích thực đang quyết tâm quay lưng lại với những sự thổi phồng và những sự cực đoan đã thể hiện ở Khuê-ních-xbéc, với những sự lạm dụng mà Xtê-phan ở Dre-xden dám làm. Khi Xtê-phan cùng với nhóm bất hạnh của mình ở đây chuẩn bị rời bến đi Tân Oóc-lê-ăng, và chưa ai nghi ngờ tí gì về mặt đạo đức đối với ông ta, thì chính tôi đã thấy những người địa phương thuộc phái kiên thành đã có thái độ không tin cậy đối với ông ta như thế nào. Ai muốn viết về trào lưu ấy thì lúc nào đó xin ghé đến những người thuộc "phái Quây-cơ", như ở đây người ta gọi họ thế, và sẽ thấy những người ấy đáp ứng nhau triu mến như thế nào, tình bạn giữa hai người hoàn toàn xa lạ, không biết gì về nhau, ngoài việc họ là "những người có

đạo", nảy sinh nhanh chóng như thế nào, họ đi con đường của mình một cách vững tin như thế nào, một cách kiên định như thế nào, một cách kiên quyết như thế nào, họ biết vạch rõ tất cả những khuyết điểm nhỏ của mình với một sự tế nhị tinh tế về mặt tâm lý như thế nào, và tôi tin rằng ông ta sẽ không viết "Sự cuồng tín thời thượng" nữa. Những lời chỉ trích không ngớt đối với phái kiến thành lạn dụng trong vở kịch này cũng không đúng đắn như phái kiến thành không có lý trong thái độ của mình đối với những tư tưởng tự do của thời đại chúng ta. - Vì vậy, điều duy nhất mà phái kiến thành địa phương chú ý trong vở kịch này đã biểu hiện trong câu hỏi: trong vở kịch đó có những "lời nói tội lỗi" hay không?

Ngày lễ Gút-ten-béc cũng được tổ chức cả ở đây, ở ultima Thule^{1*} của nền văn hóa Đức, và hơn nữa tổ chức vui vẻ hơn ở cả hai thành phố khác của Han-dây. Trong vòng nhiều năm những người thợ in đã để dành mỗi tuần một chút ít thu nhập của mình để kỷ niệm xứng đáng ngày long trọng đó. Một ủy ban đã sớm được tổ chức, nhưng cả ở đây việc tiến hành lễ hội vẫn gặp phải những khó khăn do lỗi của nhà nước gây ra. Đã nảy sinh những mưu mô nhỏ nhặt, phần lớn có tính chất cá nhân không thể tránh được trong những quốc gia nhỏ bé như vậy, một thời gian hầu như đã không nghe thấy gì về ý định này, và có cảm tưởng là may ra chỉ có thể tổ chức "Ngày hội của thợ thủ công" được thôi. Chỉ mãi sát ngày lễ mọi người mới quan tâm đến nó và mới xuất hiện chương trình. Giáo sư Vin-hem Ếc-nơ-xtơ Vê-bơ,

1* Thu-lê xa xôi (Thu-lê là một đảo quốc huyền thoại ở Cực Bắc, được nhắc đến trong các chuyện thần thoại cổ đại. Theo nghĩa bóng, cụm từ "ultima Thule" được dùng để chỉ miền biên khu xa xôi. Đặc biệt, nó được dùng trong trường ca "Các cô gái Ghê-oóc-ghi" của Viéc-gi-lo).

một người nổi tiếng nhờ những bản dịch tuyệt vời các tác phẩm cổ điển và những lời bình luận về các nhà thơ Đức, đã đọc diễn văn tại phòng khánh tiết và đã thu hút sự chú ý của tất cả mọi người đối với buổi lễ hội dự định tổ chức vào ngày hôm sau, thành thử những người đứng đầu các hãng thương mại đã tỏ ra do dự không biết họ có nên dành cho các nhân viên văn phòng của mình một nửa ngày nghỉ cho ngày mai hay không. Ngày hội đã tới, tất cả mọi chiếc tàu trên sông Vê-de đã treo cờ, còn ở cuối thành phố đã có hai chiếc tàu, trên đỉnh cột buồm của chúng kết dây hoa bằng vô số những lá cờ và đã tạo ra cái giống như hải quân lớn. Trên một trong hai chiếc tàu đó có khẩu đại bác duy nhất và bắn suốt ngày từ sáng đến tối. Ủy ban cùng với tất cả những người thợ in đã tổ chức một cuộc diễu hành trọng thể đi tới nhà thờ rồi từ đó đi tới chiếc tàu thủy "Gút-ten-béc" vừa mới đóng xong, chiếc tàu đẹp nhất trong số những chiếc tàu từng bơi trên sông Vê-de, với thân tàu trắng như tuyết, khảm vàng. Để ra khơi lần đầu tiên, nó được trang hoàng theo lối ngày hội bằng những vòng hoa và cờ xúy. Đoàn người tham gia diễu hành trèo lên boong tàu, đi ngược sông Vê-de trong tiếng nhạc và tiếng hát và dừng lại ở chiếc cầu, nơi biểu diễn bài thánh ca và một trong số những người thợ in đã đọc diễn văn. Trong khi tất cả những người tham gia lễ hội trên boong tàu dùng bữa ăn sáng do một trong những chủ tàu, ông Lãng-gơ ở Vê-ghê-dắc, chiêu đãi nhân dịp này, tàu "Gút-ten-béc" với tốc độ đã làm vinh dự cho những người đóng nó, đã lướt qua chiếc cổng kết bằng cờ và tiến đến Lan-kê-nau, một nơi giải trí ở bên dưới thành phố, hàng nghìn người đứng trên cầu và trên đường bờ sông hô vang theo nó "Hoan hô!" Nhờ cuộc diễu hành long trọng ấy và cuộc dạo chơi trên sông Vê-de mà ngày hội có được tính chất quần chúng, nhưng còn hơn thế nữa là ngay từ đầu người ta đã phân phối và sau đó phân phát thoải mái vé vào công viên

thành phố được trang trí đèn thuê riêng cho dạ hội hôm ấy. Sau bữa tiệc trưa ủy ban cũng đi tới đó. Tại đây lễ hội kết thúc bằng hòa nhạc, pháo hoa, rượu ô-xô-téc-nơ, rượu xanh-giuy-liên và rượu sâm-banh.

VĂN HỌC

Brê-men, tháng Bảy

Nói chung, cuộc sống ở đây khá đơn điệu và điển hình theo lối tỉnh lẻ; mùa hè haute volée^{1*}, nghĩa là các gia đình quyền quý và giới quý tộc có tiền thường đi về các trang trại của mình, các bà thuộc đẳng cấp trung lưu ngay cả trong mùa tươi đẹp ấy cũng không thể tách khỏi nhóm bạn bè của mình bên bàn trà, nơi họ chơi bài và tán gẫu, còn giới thương nhân thì ngày này sang ngày khác đi tham quan viện bảo tàng, đến sở giao dịch hoặc hội của mình, nơi đó họ đàm luận về giá cà phê và thuốc lá và về những cuộc thương lượng với Liên minh thuế quan⁹⁶. Nhà hát ít người lui tới. – Ở đây người ta không tham gia vào văn chương hiện hành của tổ quốc chung của chúng ta, về cơ bản người ta theo quan điểm cho rằng Gơ-tơ và Si-lơ đã đặt những hòn đá cuối cùng vào cửa vòm văn học Đức, tuy người ta cũng thừa nhận rằng những người lãng mạn sau này đã tô vẽ chút ít cho nó. Người ta tham gia tổ độ giả một phần vì mốt, một phần để có khả năng tiến hành thuận tiện buổi nghỉ trưa đọc tạp chí, song cái gây mối quan tâm chỉ là vụ bê bối và tất cả những điều

1* – người cấp cao.

nói trên các báo về Brê-men. Ở đa số người có học vấn, sự lãnh đạm đó dĩ nhiên do tình trạng thiếu thời gian rồi gây ra, vì đặc biệt thương nhân buộc phải thường xuyên suy nghĩ về công việc kinh doanh của mình, còn những giờ rỗi rãi còn lại ở họ thì dùng cho nghỉ lễ, thăm viếng bà con thường là hết sức đông đảo của họ v.v.. Song ở đây còn có một nền văn học tách biệt; mặt một, đó là những cuốn sách mỏng, phần lớn nói về những cuộc tranh luận của các nhà thần học, mặt khác là các ấn phẩm định kỳ bán khá chạy. Báo "Bremer Zeitung" có nhiều thông tin hay được biên tập cẩn thận được đông đảo bạn đọc chú ý, thời gian gần đây đã bị thu hẹp lại vì sự can thiệp không chủ tâm của nó vào đời sống chính trị của nhà nước láng giềng. Những bài đăng trên báo về các đề tài Tây Âu được viết sắc sảo, tuy không mất thái độ tự do tư tưởng đặc biệt. Bản phụ trương của tờ báo, tạp chí "Bremisches Conversationsblatt" cố gắng giới thiệu Brê-men trong văn học Đức hiện đại và đã đăng những bài viết sắc sảo của giáo sư *Vê-bơ* và của tiến sĩ *Sta-rơ* ở Ô-n-đen-buốc. Ni-cô-la-út *Đê-li-út*, một nhà ngữ văn trẻ tuổi có tài, có thể dần dần tranh thủ được vị trí danh dự cả với tư cách là thi sĩ, đã cung cấp các bài thơ cho tạp chí. Song tuyển mộ một số lượng cộng tác viên tương đối lớn ở ngoài phạm vi thành phố là việc quá khó khăn, và tạp chí đã đình bản vì thiếu bài vở. Một tạp chí khác, tạp chí "Patriot", từng có xu hướng muốn trở thành một cơ quan ngôn luận xứng đáng chuyên bàn luận những đề tài địa phương và đồng thời đạt được ý nghĩa lớn hơn về mặt thẩm mỹ so với những báo địa phương nhỏ, tờ này đã chết ở vị trí trung gian giữa ấn phẩm tiểu thuyết và tờ báo địa phương. Những tờ báo địa phương nhỏ được nuôi dưỡng bằng các vụ bê bối, tranh chấp giữa các diễn viên, bằng những chuyện đơm đặt

ở thành thị v.v., có thể khoe khoang về sức chịu đựng lớn hơn của mình. Báo "Unterhaltungsblatt"^{1*} xứng đáng được hưởng sự nổi tiếng đặc biệt hiếm hoi nhờ rất nhiều cộng tác viên của mình (hầu như mỗi nhân viên văn phòng đều có thể khoe việc mình đã viết mấy dòng cho báo "Unterhaltungsblatt"). Nếu ghé ngồi ở nhà hát nhô lên một cái đỉnh, nếu ở hội nhà buôn người ta không mua một cuốn sách nào đó, nếu một công nhân nghiện rượu của nhà máy thuốc lá vui chơi ban đêm trên đường phố, nếu rãnh nước thải dọn không thật sạch, thì người đầu tiên chú ý tới điều đó chính là báo "Unterhaltungsblatt". Nếu một sĩ quan dân binh cho mình là có quyền - do quyền hạn của mình - được cưỡi ngựa đi trên phần đường dành cho người đi bộ, anh ta có thể tin chắc rằng trong số báo sau người ta sẽ đặt vấn đề rằng sĩ quan dân binh có quyền đi ngựa trên phần đường dành cho người đi bộ hay không. Có thể gọi tờ báo tuyệt vời này là thiên mệnh của Brê-men. Cộng tác viên chủ yếu của báo đó là Cri-san Tơ-ríp-xte-rơ-tơ. Dưới bút danh ấy, báo đó đã đăng những bài thơ bằng thổ ngữ Hạ Đức. Đối với thổ ngữ Hạ Đức thì nói chung nên phớt bỏ nó đi như Vin-bác-gơ yêu cầu, hơn là cho phép Cri-san Tơ-ríp-xte-rơ-tơ lạm dụng nó trong các bài thơ của ông ta. Những cơ quan báo chí địa phương khác quá tầm thường nên không thể nêu tên chúng cho công chúng đông đảo. Đúng tách biệt với những báo ấy là tờ "Bremer Kirchenbote", một tạp chí có khuynh hướng kiên thành - khắc kỷ, do ba nhà truyền giáo biên tập, thỉnh thoảng Crum-ma-khơ, một người nổi tiếng về sáng tác ngụ ngôn^{2*} cung cấp tài liệu cho nó. Tạp chí này sốt sắng đến mức cơ quan kiểm duyệt thường

1* - "Bremisches Unterhaltungsblatt".

2* - Phri-drích A-đôn-phơ Crum-ma-khơ.

phải can thiệp - hơn nữa, chú ý đến khuynh hướng chung của tạp chí mà các giới cao cấp tán đồng, điều đó chỉ xảy ra trong trường hợp vạn bất đắc dĩ. Tạp chí này thường xuyên luận chiến với Hê-ghe, "cha đẻ của thuyết phiếm thần hiện đại" và với "học trò của ông, Stơ-rau-xơ lạnh như nước đá", cũng như với mỗi nhà duy lý chủ nghĩa xuất hiện trong bán kính mười dặm⁹⁷. Lần sau tôi sẽ kể đôi điều về Brê-mơ-ha-ghe và về các điều kiện xã hội ở Brê-men.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Bảy 1840

Đã đăng trên báo "Morgenblatt für gebildete Leser" số 181 và 182; 30 và 31 tháng Bảy 1840

Ký tên: P h . Ô .

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

CHIỀU HÔM

To-morrow comes!
Shelley^{1*}

1

Tôi ngồi trong vườn, - một ngôi sao bỗng rơi
Xống làn sóng của ngày tàn,
Và nhảy múa trong mây, đầy vui vẻ,
Những tia vàng của ngọn lửa rực hồng.
Hoa buồn buồn ánh mắt,
Ánh sáng vui tươi ban ngày đã tắt,
Chỉ trên cây giờ chiều tối vang tiếng hót,
Những đàn đồng ca niềm nở của bầy chim vô tư.
Trên mặt nước những con tàu bất động,
Từng bơi trên đại dương mệnh mông;
Khách bộ hành mỗi chân lê bước,
Vào mù sương làm rung chuyển cây cầu.
Nước uống sủi bọt lên men trong chiếc cốc,
Trước mắt tôi là tác phẩm của Can-đê-rôn;
Và tôi, kẻ thích nhậu, cảm thấy thừa sức lực,
Say vì sức mạnh của rượu và lời.

1* – Ngày mai sẽ đến! Se-li. "Nữ hoàng Ma-bo".

2

Ráng chiều đã nhạt,
Chỉ nháy mắt - bình minh của tự do đã đến;
Kìa mặt trời rực lửa, đốt lên màn đỏ chót,
Đêm qua đi, tai ương của nó qua rồi.
Thế hệ trẻ những bông hoa hé nở
Không chỉ ở nơi ta đã gieo mầm, –
Toàn trái đất sẽ trở thành vườn hoa nở,
Tất cả cỏ cây xứ sở sẽ đổi thay,
Cây cọ hòa bình sẽ tô điểm miền Bắc,
Hoa hồng tô thắm những cánh đồng giá lạnh;
Cây sồi dồn bước giữa trưa quang đãng,
Nó đập đổ ngai vàng bằng bàn chân nặng trĩu,
Nó sẽ quán lá cành quanh trán,
Cho người vẫn hồi hòa bình cho đất nước bất hạnh.
Cây lô hội khắp nơi sẽ lớn mạnh,
Trí tuệ cứng cỏi của nhân dân giống như nó
Và cũng chắc nịch, gai góc và bình dị,
Chừng nào ngọn lửa tự do quần quại trong quên lãng,
Chọc thủng bao trở ngại trong tiếng âm âm,
Và mang đến chúa mùi hương vị của mình
Nhanh hơn hương trầm mà kẻ xu nịnh lác.
Chỉ có cây bách đã mất niềm vinh quang đã có,
Vẫn bị lãng quên giữa rừng sồi.

3

Chim chóc trong cành lá trên các đỉnh cao
Đồng thanh báo hiệu rạng đông đã dậy

Và hiểu khi nào những đám mây ảm đờ sộ
 Nghiêng đầu xuống đáy thung lũng,
 Nơi mặt trời lại lên ngôi, –
 Nhà thơ trong điệu múa vòng tròn chính tề cũng vậy;
 Ngọn gió tự do sẽ mang lời họ đi khắp nơi,
 Nó sẽ gắn sự bay của mình với lời tự do.
 Các ca sĩ không đứng ở tháp cung điện,
 Cung điện từ lâu nằm trong hoang phế;
 Từ những cây sồi không sợ bão giông,
 Họ vui vẻ nhìn mặt trời,
 Tuy ánh nắng mong muốn từ lâu,
 Xua tan mây mù, làm họ lóa mắt;
 Và tôi là một trong các ca sĩ tự do ấy,
 Cây sồi là *Bóc-nơ* từng ủng hộ tôi,
 Khi bằng gót giày táo tợn, bọn bức hại,
 Đã bóp nghẹt nước Đức trong gọng kìm xiềng xích.
 Đúng, tôi là một trong những con chim dũng cảm ấy,
 Bơi trong biển của thỉnh không tự do;
 Mong trong mắt chúng, tôi sẽ là con chim sẻ,
 Tôi sẽ là con chim sẻ cho hòa bình,
 Tốt hơn là con họa mi nhốt trong lồng,
 Mang vào nhà quý tộc để mua vui.

4

Lúc ấy chiếc tàu sẽ chở qua các con sóng
 Không phải hàng hóa cho nhà giàu để tích lũy,
 Và không phải hàng hóa cho thương nhân để làm giàu,
 Mà là quả ngọt của hạnh phúc và tự do.
 Lúc là con ngựa côi nổi đứng bờm,

Mà kị sĩ mang cái chết đến cho kẻ giả dối,
 Lúc là người an ủi, thông báo niềm tin
 Vào tự do tư tưởng, sinh sống và đấu tranh
 Các huy hiệu tôn vinh ngọn cờ không phải của vua,
 Mà đội thủy thủ sợ hãi cúi đầu, -
 Ở đây là mây mà khi sấm chớp xua tan,
 Sẽ nở rộ phép nhiệm màu
 Của những cầu vồng sáng tạo thế gian.

5

Lúc đó tình yêu bắc chiếc cầu vô hình
 Từ trái tim đến trái tim;
 Mặc cho dòng năm tháng chảy không kìm được
 Gầm rú dưới cầu,
 Vòi phun sỏi bọt phun những đam mê sôi sục,
 Cầu không rung - nó thuộc loại kim cương;
 Trên cao sáng lên ngọn cờ tự do,
 Và người đi; và ánh mắt hòa bình
 Dù nhìn vào đâu, dù đi nơi nao,
 Giữa những mái nhà huynh đệ, trong trại mền khách,
 Từ ấy luôn tìm thấy nơi đùm bọc;
 Và nếu người nhắm đôi mắt ngái ngủ,
 Như sẽ ở nhà và trong màn đêm
 Và chiếc cầu mới sẽ bay lên mây,
 Và nhân loại từ nay kiên quyết
 Hướng lên trời bước đi kiêu hãnh dịu êm,
 Để ngắm nhìn nguyên mẫu mọi vị thần.
 Phải chăng từ lòng nó xuất hiện con người,
 Phải chăng nó lại tiếp nhận họ vào mình,

Như những mắt chiếc xích được tinh thần củng cố,
Dây xích vĩnh cửu, sẽ ôm lấy vật chất!

6

Và rượu mới sẽ rót đầy cốc,
Rượu tự do, ngon đậm gấp đôi;
Nó sẽ không làm mờ tình cảm chúng ta,
Nhưng nó làm cho tâm sâu tình cảm có ý nghĩa mới.
Và anh sẽ căng tai nắm bắt
Âm hưởng của thình không trong tĩnh lặng,
Và máu sẽ tia thành dòng điện sáng lên
Chảy trong thớ thịt, như ê-te nồng cháy,
Chứa đầy vũ trụ bao la.
Anh phóng tầm mắt nhìn không gian trường tồn,
Anh sẽ chinh phục các chòm sao trên cao,
Và như sự bất thường của những ngọn lửa trên trái đất,
Ta chỉ nhớ những đau buồn thời trước trong giấc mơ.

7

Lúc đó Can-đê-rôn mới⁹⁸ sẽ nổi dậy,
Người mò ngọc trai trong biển cảm hứng,
Tiếng ai mạnh mẽ như tiếng rên của cây bách
Trên ngọn lửa tế lễ trong những giờ cầu nguyện;
Tiếng hát ai ôn ã, tiếng ngân đồng đàn hạp của ai
Tiên đoán sự lật đổ các chế độ bạo tàn;
Mọi người nghe theo bài hát thắng lợi kia,
Chào mừng hòa bình tương lai trên trái đất.
Chàng thuật lại, thông qua mây đen,

Dòng thác nhân dân đập tan sức mạnh bọn bạo tàn,
Qua cầu *Man-ti-blo*^{1*} chàng đi vào
Đất hứa - xứ sở của tự do;
Và trong cơn trả thù đáng sợ,
Chàng trở thành *thầy thuốc chữa danh dự nhân dân mình*^{2*},
Chàng từ lâu, như vị *bá tước dững cảm*^{3*},
Đợi chờ giải phóng, khốn khổ trong xích xiềng.
Lúc ấy từ vương quốc thình không ở trên trời,
Con gái của không khí^{4*}, tự do đi xuống,
Và đàn lia của nàng vang lên bằng sức mạnh chén rượu,
Và xung quanh là *cuộc sống*, như *giấc mộng ngọt ngào*^{5*};
Và, lại rót đầy cốc lớn hòa bình,
Chát nước lấp lánh chảy ra;
Mặt trời mọc, chiếu rọi *các bình minh*
Tháng Tư dịu hiền, tháng Năm vàng óng^{6*}.

8

Còn khi mặt trời sẽ mọc
Và thế giới cũ chuyển thành đồng hoang tàn?
Chúng ta đã ngắm nhìn những mặt trời cũ lặn,

1* – La puente de Mantible.

2* – El médico de su honra.

3* – El príncipe constante.

4* – La hi ja del aire.

5* – La vida es sueño.

6* – Mananas de Abril y Mayo.

Màn đêm bao phủ thung lũng lâu không?
 Mặt trăng khuyết rầu rĩ nhìn cánh đồng,
 Trên đôi phủ màn sương trắng xóa;
 Đất mệt mỏi ngủ trong sương giá,
 Chúng ta thao thức, nhưng mò mẫm như người mù.
 Nhưng mây đen che phủ vòm trời,
 Rạng đông vui tươi đã xua đi;
 Sương mù trượt xuống thung lũng, –
 Chỉ có điệu múa vòng tròn của các vị thần đã thức tỉnh.
 Ngôi sao nhảy múa, sáng rực giữa núi đồi,
 Những tia sáng đỏ thắm xuyên qua mây đen,
 Ta thấy hoa đã nở rộ,
 Ta nghe, chim líu lo hót vang lừng!
 Nửa bầu trời trong ánh hào quang sáng chói,
 Những ranh giới tuyết cháy như kim cương;
 Những đám mây vàng trong ráng hồng của đèn,
 Như bờm những con ngựa mặt trời mãnh liệt;
 Hãy nhìn nơi có những luồng tên nóng bỏng,
 Mặt trời trẻ trung đang mọc ở phương Đông!

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Bảy 1840
 Đã đăng trong tạp chí "Telegraph Für
 Deutschland" số 125, tháng Tám 1840
 Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-đơ*

*In theo bản đăng trong tạp chí
 Nguyên văn là tiếng Đức*

[NHỮNG BÀI VIẾT TỪ BRÊ-MEN] CHUYẾN ĐI BRÊ-MÔ-HA-PHEN⁹⁹

Brê-men, tháng Bảy

Mới sáu giờ sáng, tàu "Rô-lăng" đã phải nhổ neo rời bến. Tôi đứng hướng về chiếc cầu chỉ huy tìm người quen trong đám hành khách chen chúc ở mạn tàu. Vì rằng hôm nay người ta tổ chức chuyến đi giải trí ngày chủ nhật tới Brê-mơ-ha-phen, hơn nữa, theo giá hạ hơn bình thường, vì thế ai ai cũng lợi dụng cơ hội để được thấy biển và xem những chiếc tàu lớn được gần hơn. Điều lạ lùng là khát vọng làm giàu nói chung luôn luôn phục vụ lợi ích của giới quý tộc nhiều tiền, lần này đã chịu một số nhượng bộ đối với giới dân chủ. Việc hạ giá đã cho phép những người nghèo tham gia chuyến đi, hơn nữa đã hủy bỏ sự chênh lệch về giá cả giữa khoang hạng nhất và khoang hạng hai, điều này rất có ý nghĩa đối với Brê-men, nơi mà các "đẳng cấp cao" không sợ gì như sợ một hội ô hợp. Vì vậy tàu thủy đầy ắp người. Hạt nhân của đoàn là những "thị dân Brê-men" trăm phần trăm, chưa lần nào trong đời đi ra khỏi phạm vi thành phố Han-dây tự do¹⁰⁰, còn giờ đây họ muốn cho gia đình mình thấy cảnh biển; cũng có nhiều thợ đóng thùng, kiêu dân, thợ bận; đôi chỗ có thể thấy một nhân viên sở giao dịch, với tư cách là đại biểu của một giới tốt hơn, đứng tách xa đám đông, và đâu đâu cũng có những nhân viên văn phòng – những con tốt trên bàn cờ của thành phố thương mại luôn luôn được đưa lên phía trước và, đến lượt mình, được chia ra thành nhân viên thừa hành, người học việc

bạc cao và người mới học việc. Nhân viên thừa hành tưởng tượng mình đã là nhân vật quan trọng, anh ta chỉ còn một bước nữa là có thể độc lập; anh ta là cánh tay phải của hãng, biết rõ tất cả mọi công việc của hãng buôn của mình, quen với tình hình thị trường, còn ở sở giao dịch thì anh ta bị những kẻ môi giới chúng khoán bao quanh. Người học việc bạc cao coi mình thấp hơn một ít. Anh ta tuy không có quan hệ gần gũi với chủ như nhân viên thừa hành, nhưng đã biết đối xử tuyệt diệu với những kẻ môi giới ở sở giao dịch và đặc biệt là với những thợ đóng thùng và người chèo thuyền, còn khi chủ và nhân viên thừa hành vắng mặt thì anh ta xử sự như là đại diện của hãng và làm ra vẻ uy tín của toàn bộ nhà thương mại phụ thuộc vào anh ta. Nhưng người học việc cấp dưới là một tạo vật bất hạnh, anh ta là đại diện của nhà thương mại may mắn đối với người công nhân đóng gói hàng hóa hoặc đối với bưu tá của vùng mà văn phòng đặt trụ sở. Anh ta có nhiệm vụ chẳng những sao lục tất cả các bức thư thương mại và kỳ phiếu, phát và thanh toán hóa đơn, nhưng nói chung phải chạy lăng xăng, gửi thư đi, buộc lại các bao gói, đề chữ trên các hòm và lấy thư từ bưu điện về. Hàng ngày, vào giữa trưa văn phòng bưu điện chật ních một đám đông những "người cấp dưới" ấy đang đợi bưu điện Hăm-buốc tới. Nhưng vất vả hơn cả là người cấp dưới buộc phải ngoan ngoãn nhận lỗi về tất cả những sai sót phát hiện trong văn phòng, vì làm người giờ đầu chịu báng đối với toàn bộ văn phòng là trách nhiệm của người đó. Ba loại người ấy cũng tách biệt nhau một cách chặt chẽ cả trong xã hội: những người cấp dưới trong đa số trường hợp chưa ra khỏi tuổi thiếu niên, họ thích thú trong việc cười to và việc chẳng đâu vào đâu họ cũng thích gây ồn ào; những người học việc cấp cao nói sôi nổi về đợt mua hàng lớn gần đây nhất của người buôn đường, và mỗi người đều nói lên giả thiết của mình về vấn đề đó; những nhân viên thừa hành cười gằn về những điều hóm

hỉnh không được công bố rộng rãi và thông báo những điều thú vị về những bà hiện diện.

Tàu thủy đã rời bến. Tuy những người dân Brê-men hằng ngày có thể quan sát cảnh tượng như vậy, thế nhưng tính tò mò của họ lần này đã thu hút một khối đông người đứng hai bên đường bờ sông quan sát cảnh rời bến của chúng tôi. – Và lại thời tiết không tốt; tuy trên đầu chúng tôi là bầu trời cũ kỹ mà Hô-me đã từng thuật, nhưng ở phía đối diện chúng tôi, bầu trời không được lau dọn sạch sẽ hàng ngày theo mệnh lệnh của các vị thần bất tử nên đã bị hoen gỉ rõ rệt. Những giọt mưa nhiều lần làm tắt điếu xì gà của tôi kêu xèo xèo. Những chàng công tử bột này giờ còn cầm những chiếc áo mưa trong tay, đã buộc phải mặc vào, còn các bà thì gương ô lên. – Bờ phía Brê-men, nơi tàu thủy đang xa dần, nếu nhìn từ phía sông Vê-de, trông rất đẹp: bên trái là thành phố mới với "chiếc đập" dài trồng cây hai bên; bên phải là con đê chạy dài đến tận sông Vê-de, và cuối cùng là một chiếc cối xay gió rất lớn. Nhưng sau đó bắt đầu bãi trống Brê-men, bên phải và bên trái có bụi cây liễu, những đồng cỏ lầy lội, những ruộng khoai tây và nhiều vườn rau bắp cải đỏ. Bắp cải đỏ là món ăn ưa thích của người dân Brê-men.

Trên cầu chỉ huy, mặc dù mưa to gió mạnh, người trợ lý cao ngồng của nhân viên bảo hiểm đứng nói chuyện bằng thổ ngữ Hạ Đức với viên thuyền trưởng đang bình thản uống cà phê. Rồi anh ta lại vội đi xuống dưới, tới nhóm thương nhân hạng hai để báo cáo với họ về những thông báo quan trọng của viên thuyền trưởng. Bọn nhân viên thừa hành và những người học việc bạc cao suýt đánh nhau vì nhân vật quan trọng đó, nhưng anh ta thậm chí không quay về phía họ vì hôm nay anh ta chỉ nói chuyện với những hãng bê thế. Rồi anh ta vội vã rời cầu chỉ huy đi xuống dưới và thông báo: "Một khắc nữa chúng ta sẽ đến Vê-ghe-dắc". "Vê-ghe-dắc!". Mọi người vui vẻ nhắc lại. Vê-ghe-dắc là một ốc đảo trong bãi trống Brê-men, ở Vê-ghe-dắc có núi cao sáu mươi phút, và người

Brê-men thích nói về "Thụy Sĩ của Vê-gê-dắc". Vê-gê-dắc thực sự là một bức tranh ngoạn mục hoặc "kỳ diệu", "ngọt ngào" như ở đây người ta vẫn nói, đồng thời có lẽ nghĩ đến lô đường vàng Ha-ba-na gần đây nhất bán được giá. Bản thân địa điểm này nhìn từ sông Vê-de rất hấp dẫn; từ xa đã thấy có nhiều chiếc tàu trên sông Vê-de, một số chiếc đã hỏng, một số chiếc mới đóng tại chỗ. Ở chỗ này sông Lê-dum đổ vào sông Vê-de cũng được viên bằng những bờ nhiều đôi thực sự tuyệt diệu, thậm chí trông có vẻ lãng mạn, như một nhà giáo người ở Grôn, một làng ở ngoại vi Vê-gê-dắc, lấy danh dự quả quyết với tôi như vậy. Ngay sau Vê-gê-dắc, biển cát nổi lên những làn sóng nhấp nhô thoải tới tận sông Vê-de.

Ở đây có những biệt thự của giới quý tộc Brê-men, những khu vườn cây xanh mà trong thực tế đã tô điểm rất nhiều cho bờ sông Vê-de trên một không gian không lớn này. Sau đó lại bắt đầu bức tranh tẻ nhạt như trước. - Tôi đi xuống boong dưới và vào một căn phòng nhỏ nằm sát khoang tàu, tôi phát hiện thấy một nhóm "người học việc bậc cao" đang cố gắng hết sức để mua vui cho ba cô con gái xinh xắn của người thợ may. Ở các cửa ra vào, một tốp "người học việc bậc thấp" đang chen chúc nhau, chăm chú lắng nghe những người học việc bậc cao tán gẫu; đứng đằng sau họ là garde d'honneur^{1*} của những người đàn bà ấy, ông bạn già của gia đình ấy giận dữ cầu nhàu về trường hợp lộn xộn đã xảy ra. Cuộc nói chuyện làm cho tôi chán ngấy, tôi lại leo lên phía trên và đến bên cầu chỉ huy. Không có gì tuyệt vời hơn là đứng như thế, ở trên đám đông, quan sát sự chen chúc của họ và lắng nghe tiếng ồn ào lơ mơ từ dưới vọng lên. Ở trên này làn gió tươi mát có cảm giác thổi mạnh hơn, và mưa ở

1* – đội danh dự.

đây tất nhiên có tác dụng làm mát hơn và nói chung dễ chịu hơn những giọt nước rơi xuống cổ áo các bạn từ chiếc ô của một gã phi-li-xtanh nào đó.

Cuối cùng, sau khi đi qua một loạt làng mạc Han-nô-vơ và Ôn-đen-buốc không có gì đáng chú ý lại có một sự đổi thay lý thú - cảng tàu phóng khoáng Bra-kê, nơi mà nhà cửa và cây cối tạo nên một phong cảnh gây ấn tượng mạnh cho những chiếc tàu thủy đậu trên sông Vê-de. Ghé vào đây thường là những chiếc tàu biển khá lớn, và ở phía dưới địa điểm này, sông Vê-de trở nên rộng hơn nhiều, đặc biệt là ở những nơi nó không bị các hòn đảo cắt ngang. - Sau lần đổ lại không lâu, tàu thủy rời bến đi tiếp, và qua một giờ rưỡi sau quãng đường gần sáu tiếng đồng hồ, chúng tôi đã tới đích. Khi trước mắt chúng tôi hiện lên đồn Brê-mơ-ha-phen, một trong những người buôn sách quen biết của tôi bèn trích dẫn Si-ơ, người đại lý bảo hiểm trích dẫn "Shipping and Mercantile Gazette", còn nhà buôn thì trích dẫn số mới nhất của bản tin nhập khẩu. Quay một vòng tuyệt diệu, chiếc tàu thủy đi vào Ghê-e-xtơ, một con sông nhỏ đổ vào sông Vê-de ở Brê-mơ-ha-phen. Mặc dù viên thuyền trưởng đã nhắc nhở, nhưng hành khách vẫn tụ tập ở mũi tàu, và vì nước ròng đã đạt tới mức thấp nhất, tàu "Rô-lăng", đại diện của nền độc lập Brê-men, bỗng nhiên mắc cạn. Hành khách tản ra, tàu đi lùi và bình yên rời khỏi bãi cát ngầm.

Brê-mơ-ha-phen là một địa điểm mới. Năm 1827 Brê-men mua của Han-nô-vơ một khoảnh đất nhỏ và với chi phí rất lớn đã xây dựng ở đấy một khu cảng. Cư dân Brê-men dần dần chuyển đến đó định cư và giờ đây dân số của thị trấn còn tiếp tục tăng. Vì vậy, ở đây tất cả đều là của Brê-men, từ kiểu kiến trúc nhà cửa đến thổ ngữ Hạ Đức của cư dân, và người Brê-men lớp già, có thể bực tức về thuế khóa nặng nề, phải trả giá đắt để mua mảnh đất ấy, giờ đây đã không thể giấu nổi niềm vui của mình khi họ

thấy ở đây đẹp đẽ, hợp lý và theo kiểu Brê-men nhường nào. - Từ bến tàu có thể quan sát tốt hơn cả toàn bộ khu vực nói chung: con đường bờ biển rộng và đẹp, ở giữa là tòa nhà đồ sộ của cảng theo phong cách cổ đại; bến cảng trên suốt chiều dài với tất cả tàu bè của nó; ở bên trái, phía kia bến tàu, một cái đôn nhỏ với những người lính Han-nô-vơ trong đó; những bức tường gạch của nó chứng tỏ quá rõ rệt rằng nó đứng ở đây chỉ pro forma^{1*}. Vì vậy hoàn toàn dễ hiểu là ở đây không ai được phép đi vào đôn, trong khi ở bất kỳ pháo đài nào của Phổ đều có thể dễ dàng được phép vào đó. - Chúng tôi đi dưới trời mưa dọc đường bờ sông. Chốc chốc trước mắt chúng tôi lại hiện ra, qua những đường phố hai bên, cảnh phía trước của thị trấn: tất cả đều được xếp đặt theo góc vuông, những con đường thẳng tắp như mũi tên, những ngôi nhà, thường là chưa xây xong. Việc quy hoạch hiện đại ấy của thị trấn là điều duy nhất làm cho nó khác Brê-men. Vì thời tiết xấu và vì việc tế lễ chưa kết thúc nên trên các đường phố cũng yên tĩnh như ở Brê-men vậy.

Tôi đi tới một chiến hạm lớn, trên boong của nó có nhiều kiêu dân đang quan sát việc nâng chiếc "xuồng nhỏ" lên. Ở đây người ta gọi xuồng nhỏ là những chiếc thuyền độc mộc có trang bị sống thuyền và vì thế có thể dùng để đi biển. Mọi người còn đang trong tâm trạng vui vẻ khi họ chưa từ giã bến bờ của mảnh đất thân thương. Nhưng tôi thấy họ trần trở như thế nào vào phút họ thực sự vĩnh viễn rời đất Đức, khi chiếc tàu cùng tất cả mọi hành khách trên boong chậm chạp rời bến cảng ra vũng tàu và từ đó căng buồm đi ra biển khơi. Đó phần lớn là người Đức, với những khuôn mặt cởi mở trung thực, không giả tạo, với những đôi tay mạnh mẽ. Chỉ cần sống một phút trong bọn

1* – cho phải phép, một cách hình thức.

họ, chỉ cần thấy họ đối xử với nhau chân thành như thế nào cũng đủ để hiểu rằng thực sự hoàn toàn không phải là những người xấu nhất rời bỏ tổ quốc mình để sang sống ở nước của đồng đô la và rừng nguyên sinh. Lời răn: hãy ở lại quê hương và kiếm miếng ăn một cách trung thực^{1*}, dường như được cố ý tạo ra cho người Đức. Nhưng trên thực tế thì không phải như vậy: người nào muốn kiếm miếng ăn của mình một cách trung thực, thường hay sang châu Mỹ. Hoàn toàn không phải bao giờ cái đói, đấy là chưa nói gì đến niềm say mê làm giàu đã xua đuổi những con người ấy đến những miền xa lạ. Địa vị không rõ ràng của người nông dân Đức giữa sự lệ thuộc theo lối nông nô và sự tự do, quốc tịch cha truyền con nối, sự độc đoán và sự tự quản của các tòa án xử các vụ kiện tranh chấp di sản¹⁰¹ - đó là cái làm cho miếng ăn của người nông dân trở nên cay đắng và làm cho giấc ngủ của họ trở lên bất an chừng nào họ chưa dám rời bỏ quê hương.

Những người Dắc-den đã ra đi cùng với chiếc tàu thủy ấy. Chúng tôi theo chiếc thang xuống bên dưới để xem xét sự bố trí bên trong của chiếc tàu. Khoang tiếp khách được bài trí cực kỳ phong nhã và đủ tiện nghi: một căn phòng nhỏ hình vuông, tất cả đều rất kiêu diễm như trong phòng khách quý tộc, gỗ hồng sắc thép vàng. Đối diện với khoang tiếp khách là những khoang tàu nhỏ, ấm cúng, trong đó kê giường nằm cho hành khách; qua cánh cửa mở, mùi thịt lợn sống từ kho bay đến chỗ chúng tôi. Chúng tôi lại phải leo lên trên boong để theo một chiếc thang khác đi xuống boong giữa. "Nhưng thật đáng sợ trong màn tối bí ẩn dưới đất"^{2*}, – tất cả mọi người cùng đi với tôi đều trích

1* Kinh thánh. Kinh Cựu ước. Tập thánh thi.

2* *Si-lơ*. "Chiếc cốc lớn".

dẫn câu đó khi chúng tôi lại lên phía trên. Ở bên dưới ấy là đám dân đen, họ không đủ tiền để trả chín mươi ta-le để được ở trong khoang tàu; đó là đám dân mà khi gặp người ta không bỏ mũ chào, còn tư chất của họ thì bị người này gọi là thô lỗ, người kia gọi là dốt nát, đó là những người bình dân không có gì, nhưng tạo thành cái tốt nhất trong số những cái mà ông vua có thể có trong nhà nước của ông ta, - và đồng thời chính một mình họ duy trì ở đất Mỹ tư chất Đức khỏi bị xâm phạm. Sự thương hại có tính chất khinh miệt của người Mỹ đối với dân tộc chúng ta do những thị dân Đức gây cho họ. Thương nhân Đức tự hào về việc họ từ bỏ tất cả những gì là của Đức và trở thành con khỉ thực sự sao chép người Mỹ. Cái giống tạp ấy hạnh phúc khi người ta không coi họ là người Đức nữa, họ nói tiếng Anh ngay cả với đồng bào của mình, còn khi họ trở về Đức thì họ đóng vai người Mỹ càng nhiều hơn. Trên các đường phố Brê-men có thể thường xuyên nghe nói tiếng Anh, nhưng sẽ lầm to nếu coi bất cứ ai nói tiếng Anh đều là người Anh hoặc người Mỹ cả; khi những người Anh và Mỹ đến Đức, họ luôn luôn nói tiếng Đức để học thứ ngôn ngữ khó khăn của chúng ta; còn những người nói tiếng Anh thì đấy là người Đức từng sống ở Mỹ. Chỉ riêng người nông dân Đức, và có thể cả người thợ thủ công từ những thành phố ven biển là kiên trì một cách ngoan cường, son sắt thủy chung với những phong tục và ngôn ngữ nhân dân của mình. Bị chia cắt khỏi người Mỹ bởi những rừng nguyên thủy, bởi dãy núi An-lê-gan và những con sông lớn, họ xây dựng ở ngay trong tim nước Mỹ một nước Đức mới, tự do. Ở Kên-túc-ki, Ô-hai-ô và ở miền Tây Pen-xin-va-ni-a, chỉ có các thành thị là nói tiếng Anh, trong khi đó ở thôn quê mọi người đều nói tiếng Đức. Ở quê hương mới của mình, người Đức có được những đức tính mới, đồng thời không

mất đi những đức tính cũ. Tinh thần phường hội Đức đã phát triển ở đây thành tinh thần đồng chí tự do chính trị, khẩn thiết đòi chính phủ dùng tiếng Đức trong việc xử án ở các khu người Đức; nó thành lập các báo tiếng Đức hết tờ này đến tờ khác, các báo đó đều thể hiện khát vọng được suy nghĩ chín chắn, bình tĩnh để phát triển các yếu tố tự do hiện có. Và biểu hiện tốt nhất nói lên sức mạnh của nó là nó đã làm sống lại đảng "Những người Mỹ thật sự" tồn tại ở tất cả các bang¹⁰² đang tìm cách gây trở ngại cho việc nhập cư và cho việc những người nhập cư đổi quốc tịch.

"Nhưng thật khủng khiếp trong cảnh tối tăm bí ẩn dưới đất". Người ta đặt dọc theo toàn bộ boong giữa một dãy giường nằm; dãy này kê sát dãy kia và thậm chí giường này kê trên giường kia. Trong gian phòng mà đàn ông, đàn bà và trẻ con nằm ngổn ngang như đá rải đường, những người ốm nằm bên cạnh những người khỏe, không khí ngột ngạt, nặng nề. Mỗi bước ta đều vấp phải một đồng quần áo, đồ gia dụng v.v; chỗ này những đứa trẻ bé bỏng khóc, chỗ kia một cái đầu của ai đó nhô lên khỏi giường. Cảnh tượng thật đáng buồn! Và điều gì xảy ra khi cơn bão biển kéo dài và làm đảo lộn tất cả, còn các đợt sóng thì tràn qua boong tàu, thành thử thậm chí không thể mở nắp để cho không khí trong lành lọt vào! Thế nhưng trên các con tàu Brê-men mọi thứ đều được xếp đặt còn ít nhiều nhân đạo. Ai cũng biết rằng đa số những người đi qua Ha-vrơ phải chịu đựng như thế nào. Tiếp theo đó chúng tôi đã đến thăm một chiếc tàu khác, tàu Mỹ. Ở đấy đúng lúc người ta nấu bữa ăn trưa, và một người phụ nữ Đức đứng gần đó, khi thấy những thức ăn tồi tệ và việc chế biến nó càng tồi tệ hơn, đã nói qua nước mắt cay đắng rằng nếu bà biết thế này thì ở lại nhà còn hơn.

Chúng tôi trở về khách sạn. Ngồi ở một góc là nữ diễn viên

ca kịch của nhà hát chúng ta cùng chồng của bà, ultimo uomo^{1*} cũng của nhà hát ấy, và cùng với một số diễn viên khác; đám còn lại không có gì đáng chú ý, và tôi bắt đầu xem lướt qua những sản phẩm báo chí để trên bàn, trong đó lý thú nhất là báo cáo thương mại hàng năm của Brê-men. Tôi cầm tờ đó lên và đọc đoạn sau đây:

"Nhu cầu về cà phê là vào mùa hạ, mùa thu và đến tận mùa đông, khi những tâm trạng uể oải hơn của thị trường bắt đầu tới. Đường tiêu thụ ổn định, nhưng ý tưởng thực sự về vấn đề này chỉ xuất hiện khi những lô hàng lớn hơn đến".

Nhà văn đáng thương phải nói gì đối với điều này khi thấy rằng văn phong của những người môi giới ở sở giao dịch thắm sâu những lối nói văn học không chỉ lấy từ tiểu thuyết hiện đại, mà cả từ triết học nữa! Những tâm trạng và ý tưởng trong bản báo cáo thương mại - ai có thể ngờ điều đó! Tôi lật trang giấy và tìm thấy điều chỉ dẫn như thế này:

"Cà phê Đô-mi-ních đích thực thông thường loại cao cấp chất lượng trung bình".

Tôi hỏi một nhân viên của một trong những chủ tàu Brê-men lớn nhất đang ở đây rằng ký hiệu loại cao cấp ấy có nghĩa là gì. Anh ta trả lời: "Xin ông xem mẫu này mà tôi vừa mới lấy từ lô hàng mới đến của chúng tôi. Về đại thể, tên gọi này thích hợp với nó". Tôi xác định ngay rằng cà phê Đô-mi-ních đích thực thông thường loại cao cấp chất lượng trung bình là cà phê từ đảo Ha-i-ti có màu xám xanh nhạt nhạt, mỗi pao có mười lăm lốt^{2*} hạt tốt, mười lốt hạt đen và bảy lốt bụi, sạn và rác khác. Thế là tôi biết thêm nhiều bí mật khác của Ghéc-mét và tôi đã bỏ thời gian tìm hiểu việc này cho đến sát bữa ăn trưa rất xoàng xĩnh, sau đó chuông gọi chúng tôi trở lại tàu. Cuối cùng, mưa đã tạnh, và chiếc tàu vừa mới "thăng tiến" từ Ghê-e-xtơ thì

1* – người cuối cùng.

2* – đơn vị trọng lượng, bằng 12,8 gam.

mây đen đã tan và những tia sáng mặt trời lấp loáng, sưởi ấm cho áo quần vẫn còn ẩm của chúng tôi. Nhưng thật ngạc nhiên đối với mọi người, tàu thủy không đi ngược dòng, mà đi xuôi đến vũng tàu, nơi chiếc tàu ba buồm kiêu hãnh vừa mới thả neo. Khi chúng tôi vừa mới đến giữa sông, thì sóng dâng cao hơn, tàu chòng chành rõ rệt. Ai đã có lần đi trên biển mà không cảm thấy trái tim mình đập dồn dập như thế nào khi có những dấu hiệu đầu tiên chứng tỏ sắp đến biển! Trong giây phút cảm thấy rằng ta lại ra biển khơi ồn ào, trên làn sóng xanh trong, đi vào ánh sáng kỳ diệu do mặt trời, màu xanh của bầu trời và biển chiếu dội cùng một lúc; bất giác ta bắt đầu lại đung đưa theo nhịp lướt của con tàu. Nhưng các bà lại có ý kiến khác, họ sợ hãi nhìn nhau, mặt tái đi, trong khi chiếc tàu "in a gallant style"^{1*}, như người Anh nói, vẽ một nửa vòng tròn gần chiếc tàu mới tới và nhận lên boong người thuyền trưởng của nó. Vào chính thời điểm người thuyền trưởng leo lên thang của chiếc tàu thủy, người trợ lý của viên đại lý bảo hiểm giải thích cho một số hành khách tìm cách nhìn tên gọi của con tàu ở mũi tàu nhưng không được, rằng theo số hiệu cờ, tàu này là tàu "Ma-ri-a", còn thuyền trưởng là Ruy-tơ, mà theo biểu đăng ký của Lô-i-đơ thì đã rời khỏi Tơ-ri-ni-đát ở Cu Ba. Người trợ lý của viên đại lý bảo hiểm của chúng tôi bước ra gặp thuyền trưởng, với dáng vẻ kẻ cả, chìa tay cho ông ta, hỏi về hành trình của ông ta, về hàng chở trên tàu và nói chung bắt đầu với ông ta một cuộc nói chuyện dài bằng thổ ngữ Hạ Đức, trong khi tôi lắng nghe những lời khen ngợi mà người buôn sách nói không tiếc lời với những cô con gái nửa ngày thơ nửa đóm dáng của người thợ may.

Cảnh hoàng hôn rất hùng vĩ. Như một quả cầu nung đỏ, mặt

1* – "trong phong cách trang nhã".

trời treo trong một cái lưới dệt bằng mây mỏng mà các sợi chỉ của nó dường như đã bắt đầu cháy, thành thử mỗi phút đều có thể chờ đợi: lát nữa cái lưới sẽ cháy và mặt trời sẽ rơi xuống nước kêu xèo xèo! Nhưng nó bình tĩnh lặng xuống đằng sau một lùm cây giống như vật tồn tại vĩnh viễn của Mô-i-dơ¹⁰³. Quả thật, ở đây cũng như ở đằng kia đều nghe tiếng nói thần thánh sang sảng! Nhưng tiếng kêu khàn khàn của người Brê-men có tư tưởng chống đối đã cố át nó; nhân vật sáng suốt này cố hết sức chứng minh cho người bên cạnh mình rằng thay vì xây dựng Brê-mơ-ha-phen, nên khơi sâu dòng sông Vê-de để cả tàu lớn cũng có thể vào đó được thì khôn ngoan hơn nhiều. Tiếc thay, sự phản đối ở đây quá thường xuyên nảy sinh do ghen tị với quyền lực của giới quý tộc hơn là vì ý thức được rằng giới quý tộc gây trở ngại cho việc xây dựng một nhà nước hợp lý; đồng thời giới quý tộc ấy hạn chế đến mức cũng khó nói với nó về công việc của Brê-men, cũng như với những người theo thượng nghị viện một cách nghiêm khắc nhất. - Cả hai đảng ngày càng thuyết phục rằng những quốc gia nhỏ như Brê-men đã hết thời và rằng họ, ngay cả khi gia nhập một liên minh quốc gia hùng cường, cũng buộc phải mang lối sống bề ngoài thì phụ thuộc, bên trong thì lãnh đạm, uể oải kiểu của người già. - Nhưng kìa chúng ta đã có mặt ở chính Brê-men rồi. Ngôi tháp cao của nhà thờ thánh An-xga-ri có liên quan tới những "cuộc phiến loạn của giáo hội" chúng ta đang vươn lên trên những đầm lầy và đồng cỏ, và chẳng mấy chốc chúng tôi đã tới những kho hàng cao ngất chạy dọc theo bờ bên phải sông Vê-de.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Bảy 1840
Đã đăng không ký tên trên báo "Morgenblatt
für gebildete Leser" số 196, 197, 198, 199 và
200; ngày 17-21 tháng Tám 1841

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

[HAI LỜI THUYẾT GIÁO CỦA PH.V.CRUM-MA-KHƠ]

Trước mắt chúng tôi là hai lời thuyết giáo thường thức đẩy những người Brê-men ngoan đạo không cho *Ph.V.Crum-ma-khơ*, một kẻ cuồng tín ở *En-bơ-phen-dơ* tiếp tục thuyết giáo ở nhà thờ thánh An-xga-ri¹⁰⁴. Nếu trong những lời thuyết giáo bình thường, trong đó chúa chỉ được gọi là *Đức chúa trời hoặc đáng tối cao*, thường có thể tìm thấy những lời lẽ nhạt như nước lã, thì những bài của Crum-ma-khơ được nhắc đến ở trên chứa đựng chất kiềm và phèn chua, thậm chí cả a-xít-ni-tơ-rích. Những bài diễn thuyết ấy được người ta thích thú đọc chỉ vì tính độc đáo mà nhà thuyết giáo từ bực giảng nói với con chiên đúng như trong trường hợp này; chúng chứng minh rằng Crum-ma-khơ là người cuồng tín hết sức sắc sảo, được trời phú cho sự nhanh trí và óc tưởng tượng. Những bài thuyết giáo nghiêm khắc của ông ta có phải do niềm tin chân chính cứng như đá vào đạo Cơ Đốc gây ra hay không – điều đó còn đáng ngờ. Chúng tôi cho rằng Crum-ma-khơ không phải là kẻ giả dối và đã dùng đến cung cách thuyết giáo ấy chỉ vì sở thích và không thể nào từ bỏ nó được, vì giọng nói quen thuộc của những vị mục sư giảng phúc âm nói chả chốt về tình yêu và của các nhà nữ thuyết giáo đơn thuần là dung tục. Một điều rõ ràng là Crum-ma-khơ bóp méo ý nghĩa của giảng đàn của nhà truyền đạo, nếu ông ta biến nó thành chiếc ghế bành của quan tòa giáo hội. Các con chiên của ông ta có thể lĩnh hội được gì từ lời thuyết giáo ấy? Chẳng có gì ngoài *sự kiêu căng về mặt tinh thần* rất đáng ghét trong phái kiên thành⁹. Người nào chỉ đòi hỏi các thành viên của giáo đoàn mình *niềm*

tin, định nghĩa lời răn bất di bất dịch ấy chỉ bằng những từ đồng nghĩa, còn đối với phần còn lại của lời thuyết giáo thì sử dụng nó để luận chiến về các vấn đề bức xúc, người đó truyền bá lòng tự phụ, tính ngạo mạn, sự cứng nhắc chính thống và rất ít thuyết giáo đạo Cơ Đốc. Có cảm tưởng rằng Crum-ma-khơ giải quyết khá bài bản nhiệm vụ biến sự giản dị Cơ Đốc giáo thành sự ngạo mạn.

Điều thông thường đối với ông ta là khẳng định rằng sự sắc sảo, trí tuệ, óc tưởng tượng, tài năng thơ ca, nghệ thuật và khoa học chẳng là gì trước chúa.

Ông ta nói:

"Trời vui mừng không phải khi một nhà thơ được sinh ra, mà là khi người làm lạc thức tỉnh".

Ông ta mô tả như vậy cho người nghèo tinh thần nhất trong xứ đạo của mình cái *ý nghĩa* mà người đó có thể có được, rằng con người đó tự mình không khởi bất đầu cảm thấy cao hơn và sáng suốt hơn Can-tơ, Hê-ghen, Stơ-rau-xơ và những người khác mà Crum-ma-khơ trong những lời thuyết giáo của mình không ngừng nguyên rủa. Bản chất thâm kín nhất của Crum-ma-khơ có phải gồm lòng hám danh và xu hướng muốn nổi bật đã bị kìm nén hay không? Có nhiều người muốn đạt được địa vị cao mà không biết đạt được nó nhờ sự cần cù, lao động và tài năng và giờ đây đang hy vọng chiếm lĩnh đỉnh cao vĩnh hằng ấy bằng *sự tinh vi vô song trong niềm tin*. Nhiều người thiên về giải thích cho mình chính là như vậy, chứ không phải theo cách khác những lời đả kích thường xuyên của Crum-ma-khơ chống lại tất cả những gì là *nổi tiếng trên thế giới*. Rất bực là trong những lời thuyết giáo được nhắc tới chứa đựng ít như vậy những *yếu tố giảm nhẹ*, ít niềm cảm động, tính chân tình và nỗi đau thật sự. Các đề tài tình yêu không quen thuộc đối với con người cứng rắn và sốt sắng như vậy. Đồng thời chúng ta

tìm thấy trong chúng những chỗ lại làm cho chúng ta dung hòa với tính cách lạ lùng của con người đó. Chúng ta có rất ít những lời thuyết giáo trong đó có thể phát hiện những dòng viết hay, chẳng hạn như:

"Đúng đấy các bạn ạ, thế giới chưa kết thúc ở nơi mà tại bờ biển xa xôi bão táp gập gù rú hoặc ở nơi mặt trăng buồn mọc lên và những ngôi sao thâm lặng đau buồn nhìn trái đất. Bên kia thế giới ấy có một thế giới xa xôi, sáng sủa khác. Ở đấy tốt hơn ở đây. ở đấy người ta không mang hoa hồng tới các nấm mồ nữa, ở đấy tình yêu không bị nguy cơ chia ly nữa, ở đấy trong cốc rượu mừng cũng không còn cả giọt mặt đắng nữa. Thế giới như vậy đang tồn tại ở đấy, và điều đó cũng đúng, giống như việc Giê-su Ki-tô vút bay tới đó một cách rõ rệt (?)".

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Chín 1840
Đã đăng không ký tên trong tạp chí "Telegraph
für Deutschland" số 149, tháng Chín 1840*

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

CÁI CHẾT CỦA IM-MO-MAN

Nhắm nháp rượu nho Tây Ban Nha nổi tiếng
 Chúng tôi hát vang những bài ca Đức,
 Đàng xa dải cánh đồng đã sáng,
 Và mắt đã mệt mỏi vì mất ngủ.
 Kìa tia nắng đầu tiên lọt vào lều,
 Rọi vào những chiếc ly rỗng của chúng tôi...
 Đã đến lúc. Không gian lại vắng gọi,
 Và những chú ngựa hiên ngang lại mang chúng tôi đi!

Chúng tôi vội về nhà. Thán khí và khói nồng ban đêm
 Buổi sáng mỹ lệ xua đi ngọt ngào,
 Tiếng hát vẫn còn văng vẳng bên tai,
 Và ngày chưa bị nỗi lo toan quấy rầy.
 Ánh sáng thánh thần đã chiếu dọi dòng suối,
 Và cây, và đồng cỏ xanh ẩm ướt;
 Ánh mắt khao khát những tia nắng mới,
 Và triu mến hướng tới bầu trời.

Chúng tôi ở nhà. Những chú ngựa đưa chúng tôi đến
 trong nháy mắt,

Đã đến lúc làm công việc đáng buồn...
 Báo đây! Tôi nép mình vào nguồn -
 Tôi uống đời sống nhân dân từ những mạch trong vắt!
 Nước Nga, người Anh, đạo Hồi là gì đối với tôi -

Hỡi nước Đức, Người tiếp đãi chúng ta bằng gì?
 Nhưng sao? Anh ấy đã chết! Tôi không tin mắt mình...
 Im-mơ-man của tôi ơi, thế là anh rời bỏ chúng tôi rồi!

Ôi chúa tể giận dữ của những ma lực hùng mạnh!
 Vậy ư, anh đi vào cõi yên tĩnh vĩnh hằng
 Đúng lúc tất cả chúng tôi vừa mới biết tài năng anh,
 Và cúi mình khâm phục?
 Đúng lúc anh vừa mới, - như Si-lơ, được nhân dân
 Mến yêu, được mọi người thừa nhận,
 Và hình ảnh đẹp vĩnh hằng đi vào tim
 Trong những tia sáng của ánh hào quang tươi đẹp?

Trong rừng thơ anh sống riêng lẻ
 Xa những tiếng thét gào, tiếng rú,
 Trên dòng Ranh anh đơn độc
 Dệt cho nhân dân nhiều vải tuyệt vời.
 Anh xa với cảnh ngược xuôi bề bộn,
 Trong vườn anh hoa đã quyến rũ anh,
 Lúc còn sống anh đã trở thành thần thoại -
 Và những con người nhỏ nhen đã quên anh.

Với quần chúng xa lạ với phép màu,
 Làm cho nhà thơ say đắm -
 Anh hãy nói có quan hệ gì với người,
 Đi những con đường riêng của họ?
 Còn anh, nay bị chúng cầm giam hãm,
 Anh đã đấu tranh quyết liệt với chính mình,
 Với sự nổi loạn trong đó anh lớn lên,
 Anh đã chiến đấu dũng cảm - và đơn độc.

Và đêm dài đã gửi thơ ca Đức
 Trong bóng tối mịt mù,
 Anh thao thức trong đấu tranh với chính mình,
 Chừng nào ban mai chưa phát hào quang cho chúng ta.
 Còn khi các bức tường nhà anh
 Tiếng sét thánng Bầy^{1*} với sức mạnh đáng sợ,
 Anh sáng tác "Kẻ hậu bối"¹⁰⁵.
 Để đưa quá khứ xuống mồ.

Anh đã cống hiến nhiệt tình không thể tắt
 Của tâm hồn mình cho thế hệ sau,
 Nó thừa nhận năng khiếu hùng mạnh của anh,
 Vỗ tay hoan hô sáng tác của anh.
 Chúng tôi đến với anh, ái mộ,
 Chúng tôi lặng lẽ ngồi xuống chân anh,
 Nghe thơ anh tuôn chảy,
 Và nhìn đôi mắt hăng say.

Và kìa, khi nhân dân - thừa nhận anh
 Cúi đầu trước anh trong niềm quý trọng
 Và mang đến anh những vòng hoa lộng lẫy, -
 Im-mơ-man của tôi, - anh trốn chúng tôi đi đâu?
 Vĩnh biệt! Anh làm chúng tôi trống trải,
 Anh biết, ở ta không có ai để sánh cùng anh.
 Nhưng tôi đã thể trở thành:
 Cương quyết, mạnh mẽ và Đức như anh.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Chín 1840
 Đã đăng trên báo "Morgenblatt für gebildete
 Leser" số 243, 10 tháng Mười 1840
 Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-dơ*

*In theo bản đăng trên báo
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* Ở đây có ý nói đến cuộc cách mạng năm 1830 ở Pháp.

[NHỮNG BÀI VIẾT TỪ BRÊ-MEN] CHỦ NGHĨA DUY LÝ VÀ CHỦ NGHĨA KIỀM THÀNH

Brê-men, tháng Chín

Cuối cùng đã xuất hiện tài liệu vượt ra ngoài phạm vi tán gẫu bên bàn trà, làm toàn bộ công chúng trong quốc gia tự do của chúng ta xao xuyến¹⁰⁰ và tạo ra nguyên cơ để suy ngẫm thậm chí cho những người đứng đắn nhất, vì vậy ai ai cũng phải phát biểu hoặc "tán thành" hoặc "phản đối". Giông tố trên vòm trời của thời đại nổi lên cả trên bầu trời Brê-men, cuộc đấu tranh cho việc lý giải đạo Cơ Đốc một cách tự do hơn hoặc hạn chế hơn đã bùng lên cả ở đây, tại thủ đô của tín ngưỡng chính thống Bắc Đức. Những tiếng nói vang lên lúc đầu ở Hăm-buốc, Cát-xen và Mác-dơ-buốc đã có tiếng vọng ở Brê-men. – Nói vắn tắt, sự thể đã diễn ra như thế này: mục sư *Ph.V.Crum-ma-khơ*, giáo hoàng của giáo lý Can-vanh Vúp-pơ-tan¹¹, thánh Mi-kha-in của học thuyết về tiền định, đã đến thăm bố mẹ của ông ta ở đây và hai lần thay mặt cha mình^{1*} đọc những lời thuyết giáo ở nhà thờ thánh An-xga-ri¹⁰⁴. Bài giảng đạo thứ nhất nói về quan niệm yêu thích của ông ta, về sự phán quyết khủng khiếp, bài thứ hai nói về đoạn lấy trong thư của tông đồ Pôn gửi giáo dân Ga-la-xi-a trong đó ông này nguyên rủa những người theo đạo khác^{2*}.

1* – Phri-drích A-đôn-phơ Crum-ma-khơ.

2* Kinh thánh. Kinh Tân ước. Thư của thánh tông đồ Pôn gửi giáo dân Ga-la-xi-a.

Cả hai bài thuyết giáo đều được viết với sự hùng biện nóng bỏng và với lối bóng bẩy thơ ca, tuy không phải lúc nào cũng tao nhã như đã làm cho nhà hùng biện có tài này nổi tiếng. Song cả hai bài thuyết giáo và đặc biệt là bài thứ hai đã không tiếc lời nguyên rủa những người bất đồng tư tưởng, điều đương nhiên phải xảy ra ở một kẻ thần bí đam mê như vậy. Bục giảng nhà thờ đã biến thành ghế chủ tọa của tòa án giáo hội, từ đó vang lên những lời nguyên rủa tất cả mọi trào lưu thần học mà quan tòa giáo hội đã biết hoặc chưa biết; những ai không coi chủ nghĩa thần bí sâu sắc là đạo Cơ Đốc tuyệt đối đều hiến mình cho quỷ dữ. Ở đây Crum-ma-khơ với phép ngụ biện trông có vẻ ngây thơ hiếm thấy, luôn luôn nấp đằng sau tông đồ Pôn. "Ở đây tuyệt nhiên không phải là tôi nguyên rủa! Không! Các con, các con hãy tỉnh ngộ! Đó là tông đồ Pôn nguyên rủa!" – Điều dễ nhất trong tất cả những điều này là việc vị tông đồ viết bằng tiếng Hy Lạp, và cho đến nay các nhà bác học chưa thể hiểu được ý tứ của một số câu nói của ông ta. Trong số những câu nói đáng ngờ ấy có cả lời nguyên rủa được nhắc đến trong thư của ông ta mà Crum-ma-khơ không suy ngẫm lâu đã gán cho nó ý nghĩa rõ rệt nhất của một lời mong muốn nguyên rủa mãi mãi. Mục sư Pa-ni-en, đại biểu chính của chủ nghĩa duy lý¹⁰⁶ được nhắc tới trên bục giảng, đã không may lý giải từ đó theo nghĩa dị hơn và nói chung là người chống các quan điểm của Crum-ma-khơ. Vì thế ông ta đã phát biểu những lời phản thuyết giáo¹⁰⁷. Có thể nghĩ gì cũng được về các tín điều của ông ta, nhưng đối với cách xử sự của ông ta thì không thể đưa ra những lời chỉ trích ít nhiều có căn cứ. Crum-ma-khơ không thể phủ nhận rằng khi soạn những lời thuyết giáo của mình, ông ta không chỉ có ý nói đa số những người trong giáo phái đứng trên lập trường chủ nghĩa duy lý, mà trước hết còn có ý nói Pa-ni-en. Ông ta không thể phủ nhận rằng khi đến *làm khách* mà đọc

những bài thuyết giáo kích thích giáo đoàn chống lại các mục sư chính thức là hết sức không tế nhị, ông ta phải thừa nhận rằng ông ta đã chịu một hậu quả đích đáng. Ông ta xoay ra chửi Vôn-te và Rút-xô - mà ở Brê-men ngay cả nhà duy lý chủ nghĩa hăng hái nhất cũng sợ như sợ quỷ – để làm gì? Ông ta không tiếc lời nguyên rủa thần học tư biện – trong đó toàn bộ cử tọa, trừ hai – ba ngoài lệ, cũng ít thông thạo như chính ông ta – để làm gì? Điều đó có thể có nghĩa gì khác, nếu không phải là xu hướng muốn ngụ ý trang tính chất có dụng ý hoàn toàn rõ rệt, thậm chí dụng ý cá nhân của người truyền giáo? – Những lời phản truyền giáo của Pa-ni-en đã được phát biểu theo tinh thần chủ nghĩa duy lý của Pau-lút, và mặc dầu bố cục của chúng có căn cứ vững chắc đáng khen và họ có cảm hứng khoa trương, nhưng đều mắc tất cả mọi điểm yếu của trường phái này. Trong chúng tất cả mọi điều vừa mơ hồ vừa dài dòng, khí thế thơ ca thấy có ở một số chỗ giống như tiếng rì rào của chiếc máy xe sợi, còn đối với văn bản thì giống như rượu mùi chữa bệnh theo liệu pháp vi lượng đồng căn. Trong ba câu của Crum-ma-khơ có tính độc đáo nhiều hơn là trong ba bài giảng đạo của đối thủ ông ta. – Linh mục nông thôn theo phái kiến thành^{1*} sống cách Brê-men một giờ đi xe, ông này về kiến thức vượt những nông dân của mình đến mức ông ta tự coi mình là một trong những nhà thần học và ngôn ngữ học vĩ đại nhất. Ông ta đã xuất bản một bài luận văn chống Pa-ni-en¹⁰⁸, trong đó ông ta đã sử dụng toàn bộ tài liệu tra cứu của nhà thần học - ngôn ngữ học thế kỷ trước. Sự mù quáng của vị mục sư nông thôn đôn hậu trong lĩnh vực khoa học đã bị chế giễu một cách hết sức nhạy bén trong một cuốn sách khuyết danh¹⁰⁹. Một tác giả

1* – I-ô-han Ni-cô-la-út Ti-le.

không biết tên^{1*} mà người ta phỏng đoán đó là một nhà khoa học có công lao ở thành phố của chúng ta, mà tên của ông nhiều lần được nhắc đến trong một thông báo trước đây của tôi^{2*}, đã chỉ ra một cách rất thông thạo và với sự hào hứng y như vậy cho vị đại biểu sáng suốt của "lời của chúa ở nông thôn" thấy tất cả những điều vô nghĩa mà ông này đã bỏ rất nhiều công sức tập hợp lại trong những quyển sách từ lâu đã trở thành sách cũ hiếm có. Crum-ma-khơ đã xuất bản quyển "Đối đáp thần học"¹¹⁰ chống lại những lời phản thuyết giáo của Pa-ni-en. Trong quyển sách đó ông ta thẳng thừng công kích cá nhân Pa-ni-en và hơn nữa dưới hình thức triết tiêu tất cả mọi lời chỉ trích là thô bạo nhằm vào đối thủ của ông ta. Trong quyển "Đối đáp" của mình, Crum-ma-khơ phan phui khéo léo những mặt yếu nhất của chủ nghĩa duy lý nói chung và của Pa-ni-en nói riêng bao nhiêu thì những cố gắng của ông ta để đập đổ những điều lý giải của Pa-ni-en lại vụng về bấy nhiêu. Bề thế nhất trong số tất cả những cái đã được viết trong cuộc luận chiến này với thuyết Kiên thành là cuốn sách của nhà truyền giáo láng giềng Slich-tơ-hoóc-xtơ, trong đó tác giả chứng minh một cách bình tĩnh và khách quan rằng những điểm cơ bản của chủ nghĩa duy lý và đặc biệt là của chủ nghĩa duy lý mà mục sư Pa-ni-en thuyết giáo đã có trong triết học Can-tơ và đặt câu hỏi cho Pa-ni-en: vì sao Pa-ni-en không thật trung thực và không muốn thú nhận rằng nền tảng niềm tin của ông ta không phải là kinh thánh, mà là cách lý giải kinh thánh theo tinh thần triết học Can-tơ do Pau-lút đưa ra? - Sắp tới một cuốn sách mới của Pa-ni-en¹¹¹ sẽ ra mắt. Nhưng ngay dù cuốn sách đó lại tỏ ra yếu kém, tác giả của nó cũng đã lay động thói thủ cựu, ông ta đã bắt

1* – Vin-hem éc-nơ-xtơ Vê-bơ.

2* Xem tập này, tr.128-129.

những người Brê-men mà trước kia đã tin vào bất cứ điều gì ngoài bản thân mình phải hướng tới lý trí của chính mình. Mong rằng phái kiên thành⁹ mà từ trước đến nay coi việc các đối thủ của ông ta chia ra thành nhiều phe đảng như thế là ân huệ đối với chúa, rốt cuộc sẽ cảm thấy rằng trong tất cả những trường hợp diễn ra cuộc đấu tranh với chính sách ngu dân, chúng ta phải hành động như một mặt trận thống nhất.

DỰ ÁN HÀNG HẢI. NHÀ HÁT. TẬP TRẬN

Brê-men, tháng Chín

Ở đây bây giờ người ta ấp ủ một kế hoạch mà việc thực hiện nó có thể có kết quả hết sức quan trọng không chỉ đối với Brê-men mà thôi. Một nhà buôn sở tại, trẻ tuổi và được mọi người kính trọng, cách đây không lâu đã trở về từ Luân Đôn, nơi ông ta đã tìm hiểu tỉ mỉ kết cấu của tàu thủy "Ác-si-mét", mà như chúng ta đã biết, chạy theo cách mới phát minh, nhờ một cánh quạt chân vịt Ác-si-mét. Trên chiếc tàu thủy mà tốc độ của nó vượt đáng kể tốc độ của những chiếc tàu thủy thông thường này, ông ta đã thực hiện chuyến đi thử xung quanh nước Anh và Ai-rơ-len và giờ đây ông ta định ứng dụng phát minh mới trên một trong những chiếc tàu thủy đang được thiết kế để đảm bảo thông thương nhanh chóng và thường xuyên giữa Niu Oóc và Brê-men. Vỏ của tàu thủy, cái gọi là *thân tàu*, nhà đóng tàu thủy số một của chúng ta muốn đóng bằng tiền của mình, còn giá trị của máy móc v.v. sẽ trang trải bằng cách phát hành cổ phiếu. Tầm quan trọng của biện pháp này ai ai cũng hiểu. Tuy một số trong các tàu buồm của chúng ta đi hết khoảng cách từ Ban-ti-mo đến Brê-men trong một thời hạn hết sức ngắn là

hai mươi lăm ngày, song tốc độ đó luôn luôn phụ thuộc vào gió, mà gió có thể làm tăng thời gian đi lên gấp ba lần, trong khi những chiếc tàu thủy được trang bị phòng trường hợp thuận gió cũng bằng buồm, chắc chắn chỉ cần 11-18 ngày là đủ để đi từ một bến cảng nào đó của Hoa Kỳ đến Brê-men. Một khi các chuyến đi của những chiếc tàu bưu điện chạy bằng hơi nước giữa Đức và châu Mỹ bắt đầu thì cách đóng mối chắc chắn sẽ được nhanh chóng ứng dụng và sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự liên lạc giữa hai nước này. Không còn lâu nữa sẽ tới ngày mà từ bất cứ miền nào của nước Đức đều sẽ có thể đến Niu Oóc trong mười bốn ngày, từ đó đi khắp và tham quan tất cả mọi danh thắng của nước Mỹ trong mười bốn ngày và lại về tới nhà trong mười bốn ngày nữa. Một số tàu hỏa, một số tàu thủy - thế là xong. Từ khi Can-tơ làm cho các phạm trù thời gian và không gian độc lập với tinh thần biết tư duy, thì loài người cũng đang tìm cách làm cho mình thoát khỏi những hạn chế đó cả về mặt thể chất.

Cách đây không lâu một cảnh sôi động chưa từng thấy ngự trị trong nhà hát nước ta. Thông thường sân khấu của chúng ta hoàn toàn nằm bên ngoài xã hội. Những người bao thuê nộp tiền thuê của mình và thỉnh thoảng đến nhà hát, nếu không tìm được việc gì tốt hơn. Còn giờ đây, khi Dây-đen-man đến thì cả diễn viên lẫn khán giả đều tràn đầy nhiệt tình mà chúng ta ở Brê-men chưa quen. Mặc cho người ta kêu ca bao nhiêu tùy ý về sự suy thoái của kịch nói do ca kịch chiếm ưu thế, mặc cho thậm chí các nhà hát vắng người khi người ta diễn kịch của Si-lơ và Gơ-tơ, trong khi tất cả hồi hã đến nghe điệu hát của Đô-ni-xét-ti và Méc-ca-đan-te, nhưng chừng nào kịch nói, qua người đại biểu xứng đáng nhất của mình, có thể đạt được thắng lợi vẻ vang tương tự như vậy, thì chừng đó sân khấu của chúng ta có thể tránh khỏi căn bệnh ngủ. Chúng tôi đã xem Dây-đen-man, ngoài

những vở của Cô-txê-bu và Rau-pa-khơ, còn đóng các vai Sây-lốc, Me-phi-xtô-phen và Phi-líp ("Đôn Các-lốt"). Nhưng nếu tôi nói dài dòng về việc ông ta trình diễn một cách nổi tiếng những vai ấy, thì làm thế khác nào đổ nước vào biển.

Bức tranh thu nhỏ của một doanh trại ở Hây-lơ-brôn cho chúng ta khái niệm về cuộc tập trận vừa rồi ở đây trên biên giới với miền Ôn-đen-buốc của lữ đoàn Ôn-đen-buốc - Han-dây. Nghe nói trong cuộc tập trận giả ở một địa điểm nọ quân đội của chúng ta đã hành động dũng cảm đến mức do hỏa lực mạnh của pháo binh mà kính ở tất cả các ngôi nhà đều bị vỡ. Dân Brê-men vui mừng vì thấy ở chỗ họ đã xuất hiện một địa điểm mới để giải trí, và từ thành phố họ rủ nhau ra để xem cảnh tượng ấy trong khi con cái và anh em của họ đang phục vụ trong quân ngũ và trải qua những đêm vui vẻ nhất trong đời với bia rượu và ca hát.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Chín 1840
Đã đăng trên báo "Morgenblatt für
gebildete Leser" số 249 và 250; 17 tháng
Mười 1840
Ký tên: Ph. Ô*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

THÁNH Ê-LÊ-NA
TRÍCH ĐOẠN

Người, trong cô đơn biển cả tự hào
Lên đá là nắm mồ sắt thép của biển!
Ở đây chàng nghĩ về thời buổi của mình,
Ở đây số kiếp đọa đày chàng dữ dội...
Người không còn cháy ngọn lửa xưa nữa,
Ngọn nến đã tắt - các người có nhiều người
Vào những ngày chúa đốt các người khi đã tạo nên thế giới,
Để thấy tạo vật của bàn tay mình.

Người ta đã cử đến đây người anh hùng đã ngã xuống^{1*}, -
Khi hài nhi, thế kỷ mới sinh ra,
Và tia chớp đã đốt những miền đất xa,
Vì tiếng đại bác, trí tuệ con người bị vướng,
Tiếng thét của trẻ em, con của mọi nỗi buồn,
Mất hút trong không gian sâu thẳm –

Lúc đó trong cơn giông và tiếng ồn ào,
Thời đại ném kẻ kiêu hãnh xuống đây để nhạo báng.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Mười một
1840
Đã đăng trong tạp chí "Telegraph für
Deutschland" số 191, tháng Mười một 1840
Ký tên: Phri-đrich Ô-xvan-đơ*

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – Na-pô-lê-ông I.

QUÊ HƯƠNG CỦA DÍCH-PHRÍT

Và ở Hà Lan thời ấy một hiệp sĩ lớn lên,
 Chàng gọi Dích-lin-đa là mẹ, Dích-mun là cha;
 Lâu đài *Cơ-xan-ten* giàu có - ngôi nhà thân thương của chàng -
 Đứng ở hạ lưu sông Ranh và nổi tiếng khắp vùng.

"Bài ca Ni-be-lung", 20¹¹²

Đối với sông Ranh, cần phải đến thăm nó không chỉ phía trên Khuên mà thôi. Đặc biệt thanh niên Đức không được bắt chước Giôn Bu-lơ^{1*} đi du lịch, mệt mỏi vì buồn chán trong khoang tàu thủy từ Rốt-téc-đam đến tận Khuên và chỉ tại nơi đây mới trèo lên boong tàu, vì theo cuốn sách hướng dẫn du lịch dọc sông Ranh của ông thì toàn cảnh sông Ranh từ Khuên đến Ma-in-xơ bắt đầu từ đây. Thanh niên Đức lẽ ra phải chọn một địa điểm ít người đến thăm làm mục tiêu cho cuộc hành hương của mình, ý tôi muốn nói quê hương của Dích-phrít không chệ vào đâu được - đó là *Cơ-xan-ten*.

Cũng giống như Khuên, *Cơ-xan-ten* do người La Mã xây dựng nên, trong suốt thời trung cổ nó vẫn là một thành phố nhỏ và không có ý nghĩa đối với bên ngoài, trong khi đó Khuên phát triển và tặng tên gọi của mình cho khu vực của hầu tước - đại giáo chủ. Nhưng nhà thờ lớn *Cơ-xan-ten* với sự hùng vĩ hoàn chỉnh của nó đã vươn cao trên mức bình thường của đồng bằng

1* Tên lóng mỉa mai chỉ người Anh.

nhiều cát Hà Lan, trong khi nhà thờ lớn Khuên đồ sộ vẫn là một pho tượng bán thân; nhưng *Cơ-xan-ten* có Dích-phrít, còn Khuên thì chỉ có thánh Han-non, còn "Bài ca Han-non"¹¹³ thì có ý nghĩa gì so với "Bài ca Ni-be-lung".

Tôi đến đây từ phía sông Ranh. Qua những cổng hẹp đổ nát tôi đi vào thành phố; những đường phố bẩn thỉu và chật hẹp dẫn tôi tới một khu chợ nhộn nhịp và từ đó tôi đi tới cổng hình tháp ở tường thành mà trước kia đã bao quanh sân vào nhà thờ của tu viện. Trên cổng phía tay phải và tay trái, dưới cả hai chiếc tháp nhỏ có hai hình chạm nổi, chắc chắn là hai ông Dích-phrít, nhân vật mà ta dễ dàng phân biệt với người bảo hộ thành phố, thánh Vích-to, được vẽ trên cửa mỗi nhà. Người anh hùng đứng ở đây trong chiếc áo giáp hình vẩy bó sát người, tay cầm chiếc giáo; trên phù điêu phía bên phải ông thọc ngọn giáo vào mồm con rồng, phía bên trái ông dùng giáo đánh "chàng lùn hùng mạnh" An-bê-rích. Điều làm tôi ngạc nhiên là trong những truyền thuyết anh hùng ở Đức của Vin-hem Grim¹¹⁴, ở đây nói chung tập hợp tất cả những gì có liên quan đến vấn đề này, tuyệt nhiên không nhắc đến những tác phẩm điêu khắc đó. Và lại, ngoài ra tôi cũng không nhớ rằng liệu tôi đã được đọc ở đâu về chúng, trong khi chúng là một trong những bằng cứ quan trọng nhất gắn truyền thuyết thời trung cổ với một địa phương nhất định.

Tôi đi qua cổng có vòm âm vang kiểu Gô-tích và đến trước nhà thờ. Kiểu kiến trúc Hy Lạp là ý thức xán lạn, vui tươi, kiểu kiến trúc Mô-ri-ta-ni là nỗi buồn, kiểu kiến trúc Gô-tích là khoái cảm tốt độ thánh thiện; kiểu kiến trúc Hy Lạp là ngày nắng chói chang, kiến trúc Mô-ri-ta-ni là hoàng hôn có ánh sao xuyên suốt, kiến trúc Gô-tích là rạng đông buổi sáng. Ở đây, trước nhà thờ này tôi cảm thấy sức mạnh của phong cách kiến trúc Gô-tích hơn bao giờ hết. Nhà thờ lớn Gô-tích gây nên ấn tượng làm mê

lòng, nhưng không phải khi nó được bố trí giữa những ngôi nhà hiện đại như Nhà thờ lớn Khuên và không phải khi có những ngôi nhà bao sát nó giống những tổ yến, như các nhà thờ ở những thành phố Bắc Đức; cần phải thấy nó ở giữa núi rừng như nhà thờ An-ten-béc-gơ ở công quốc Béc-gơ chẳng hạn, hoặc ít ra là tách biệt với tất cả những cái xa lạ, hiện đại, ở giữa những bức tường tu viện và những ngôi nhà cổ như nhà thờ lớn ở Cơ-xan-ten. Chỉ có ở đấy mới có thể cảm thấy sâu sắc rằng thế kỷ này hoặc thế kỷ khác có thể tạo ra được cái gì đó, nếu nó dốc sức tập trung vào một nhiệm vụ lớn lao nào đó. Và nếu Nhà thờ lớn Khuên đứng một cách thoảng dăng như vậy và mở ra để nhìn từ tất cả mọi phía, trong tất cả mọi qui mô đồ sộ của nó như nhà thờ ở Cơ-xan-ten, thì đúng là thế kỷ XIX sẽ phải chết vì xấu hổ, rằng dù hết sức sáng suốt nó cũng không thể hoàn thành công trình ấy được. Chúng ta không biết nhiều hơn chiến công tôn giáo và vì vậy một cô Phrai nào đó mà vào thời trung cổ là một hiện tượng tầm thường nhất, cũng sẽ gây cho chúng ta một sự ngạc nhiên như vậy.

Tôi đi vào nhà thờ, đúng lúc trong ấy đang diễn ra lễ thánh. Từ dàn đồng ca vang tới âm thanh của dàn oóc-gan - đội quân hân hoan của những chiến binh chinh phục trái tim, - chúng vút đi dưới vòm nhà âm vang và lắng xuống ở những hành lang xa của nhà thờ. Mặc cho cả trái tim của bạn cũng khuấy phục trước sức quyến rũ của chúng, người con của thế kỷ mười chín ơi, - những âm thanh ấy đã làm quy phục những người mạnh hơn và mãnh liệt hơn bạn! Chúng đã đuổi những vị thần Đức cổ khỏi những khu rừng thiêng liêng của họ; chúng đã dẫn những người anh hùng của thời buổi vĩ đại dọc theo những biển sôi động và những sa mạc, còn con cháu vô địch của họ thì tới Giê-ru-xa-lem; họ là những cái bóng của các thế kỷ trước với dòng máu nóng và lòng khao khát chiến công! Nhưng vào lúc

các kèn đồng báo tin sự màu nhiệm của sự hóa thân, khi vị linh mục nâng chiếc mâm sáng loáng đựng bánh thánh và những người tới dự say vì rượu chúc phúc, - lúc ấy bạn hãy chạy đi, hãy tự cứu lấy mình, hãy cứu lý trí của mình khỏi biển cảm giác ấy đang tràn ngập nhà thờ và ở bên ngoài các bức tường của nhà thờ bạn hãy cầu nguyện vị thần mà ngôi nhà của thần đó không phải do bàn tay con người xây dựng, hơi thở của thần đó xuyên suốt toàn bộ thế giới và thần đó muốn người ta tôn sùng mình chỉ trong tinh thần và trong chân lý mà thôi.

Xúc động, tôi bước ra khỏi nhà thờ và hỏi đường đi tới khách sạn duy nhất trong thành phố. Khi tôi đi vào gian phòng, tôi cảm thấy mình đang ở bên cạnh Hà Lan. Cuộc triển lãm này là một sự pha trộn lạ lùng những tranh vẽ và tranh khắc treo trên tường, những phong cảnh khắc trên kính cửa sổ, những con cá vàng, những lông công và lá khô của những cây cỏ nhiệt đới trước một cái gương, đã chứng tỏ rõ ràng người chủ tự hào biết bao về việc ông ta là người có những thứ mà những người khác không có. Với niềm say mê của hiếm ấy - đó là cái tội cha truyền con nối của người Hà Lan - con người hoàn toàn không có khiếu thẩm mỹ bao quanh mình những tác phẩm của nghệ thuật và của thiên nhiên - đẹp hay xấu không quan trọng - và vẫn cảm thấy đặc biệt thoải mái ở trong căn phòng chứa đầy đồ nhảm nhí như vậy. Nhưng tôi cảm thấy rùng rợn như thế nào, khi người chủ tốt bụng đưa tôi vào cái gọi là phòng triển lãm tranh của ông! Đây là một căn phòng nhỏ, trên tường treo la liệt những bức tranh ít giá trị, mặc dù ông ta quả quyết rằng Sa-đốp đã nói về một bức chân dung thực sự tốt hơn nhiều so với những đồ vật khác, rằng nó là do Gan-xơ Hôn-bây-nơ vẽ. Một số ảnh thánh trên ngai vàng của I-an Van Can-ca-rơ (người thị trấn bên cạnh) đã nổi bật nhờ màu sắc rực rỡ và có thể làm cho người sành sỏi thích thú. Và ở trong phòng này còn thiếu vật trang trí

gì nữa! Ở mỗi góc dựng những chiếc lá cọ, những cành san hô và những đồ vật khác, khắp nơi bày những con thần lằn nhồi bông, trên lò sưởi có một số hình ghép bằng những con sò biển sặc sỡ giống như những con sò thường gặp ở Hà Lan; ở một góc là tượng bán thân của Van-ra-phơ người Khuê, còn bên dưới tượng treo xác mèo đã khô như xác ướp, chân trước quặp thẳng vào mặt của chúa Giê-xu bị đóng đinh trên bức tranh. Nếu ai trong số các bạn đọc của tôi lúc nào đó trôi dạt tới Cơ-xan-ten và nếu người đó rơi vào khách sạn duy nhất của thị trấn ấy, thì xin cứ hỏi ông chủ lịch sự về viên ngọc cổ tuyệt đẹp của ông ta; ông ta là người có bức tượng Đì-a-na tuyệt diệu chế tác bằng đá tản bạch có giá trị lớn hơn toàn bộ bộ sưu tập tranh của ông ta.

Đến Cơ-xan-ten đừng quên xem bộ sưu tập đồ cổ của ông chủ khổ hạnh Hao-ben. Ở đây người ta đã thu thập được hầu như tất cả những gì đã được khai quật và tìm thấy ở di chỉ Casta vetera¹¹⁵. Bộ sưu tập thú vị nhưng không chứa đựng thứ gì đặc biệt có giá trị về mặt nghệ thuật như lẽ ra trước đây cần phải có ở một thành như Casta vetera. Một số ít viên ngọc đẹp tìm được ở đây nằm rải rác khắp thành phố; một di tích điêu khắc duy nhất lớn hơn là tượng sư tử đầu người dài ba phút, của ông chủ khách sạn đã nhắc đến ở trên; nó được đeo bằng sa thạch thông thường, bảo quản kém, và lại chưa bao giờ được coi là đẹp cả.

Tôi ra ngoài ô và trèo lên ngọn núi cát, điểm cao tự nhiên duy nhất trên toàn bộ không gian xung quanh. Theo truyền thuyết, trên núi này xưa kia có lâu đài của Dích-phrít. Tôi ngồi xuống bìa rừng thông và bắt đầu ngắm thành phố ở phía dưới. Thành phố có con đập bao quanh bốn phía, nó nằm trong một lòng chảo, phía trên bờ chỉ có ngôi nhà thờ mọc lên hùng vĩ. Bên phải là sông Ranh với những nhánh sông rộng, lấp lánh ôm lấy hòn đảo xanh, bên trái, ở rất xa là những ngọn núi Clê-vơ.

Điều gì hấp dẫn chúng tôi mạnh như vậy trong truyền thuyết

về Dích-phrít? Không phải diễn biến của cốt chuyện, không phải sự phản bội hết sức đê hèn khiến người anh hùng trẻ đã ngã xuống, mà là ý nghĩa sâu sắc chứa đựng trong nhân cách của nhân vật đó. Dích-phrít là đại diện cho tuổi trẻ Đức. Tất cả chúng ta, những người còn có trái tim chưa bị những khó khăn của cuộc sống chế ngự, chúng ta đều biết điều đó có nghĩa là gì. Tất cả chúng ta đều cảm thấy rằng chính lòng khao khát chiến công, chính sự nổi loạn chống những phong tục cổ đã bắt Dích-phrít phải rời bỏ lâu đài của cha anh; chúng ta rất khó chịu với những sự dao động muôn thuở, nỗi lo sợ phi-li-xtanh trước một việc làm mạnh bạo, chúng ta muốn thoát ra khoảng rộng của thế giới tự do, chúng ta muốn coi thường sự thận trọng và muốn đấu tranh vì vòng nguyệt quế của cuộc sống - vì chiến công. Cả những người phi-li-xtanh cũng quan tâm đến những con rồng và những người khổng lồ, đặc biệt là trong lĩnh vực đời sống giáo hội và nhà nước. Nhưng thời buổi không còn như thế nữa, chúng ta bị nhốt trong những ngục tối được gọi là trường học, nơi mà quả là nhạo báng thay vì chiến đấu thực sự chúng ta phải chia động từ "chiến đấu" bằng tiếng Hy Lạp, ở tất cả mọi thức và mọi thời; và khi chúng ta được giải phóng khỏi sự khổ luyện ở trường học, chúng ta rơi vào vòng tay của nữ thần thời đại chúng ta - đó là cảnh sát. Cảnh sát, khi ta suy nghĩ; cảnh sát, khi ta nói; cảnh sát, khi ta đi, khi ta cuối ngựa, khi ta đi du lịch; hộ chiếu, hộ khẩu, giấy khai hải quan, - thôi mặc cho quỷ dữ giao chiến với những người khổng lồ và những con rồng! Họ chỉ để lại cho chúng ta cái bóng của chiến công, thanh kiếm dài thay cho lưỡi gươm, nhưng toàn bộ nghệ thuật đấu kiếm bằng trường kiếm chúng ta cần để làm gì, nếu không thể vận dụng nó để chém bằng lưỡi gươm? Còn khi rốt cuộc ta được tự do, khi cuối cùng thói phi-li-xtanh và sự lãnh đạm bị đánh bại, khi lòng khao khát chiến công tìm được lối thoát, - thì các bạn có thấy ở đây, ở phía bên kia sông Ranh, ngọn tháp Vê-den hay không? Thành

lũy của thành phố này, được gọi là thành trì của nền tự do Đức, đã trở thành nắm mồ của giới trẻ Đức. Và nó đứng đúng chỗ đối diện với cái nô của chàng thanh niên Đức cực kỳ vĩ đại! Ai đã bị giam ở đây? Những sinh viên từng nghĩ rằng họ đã không hoài công học cách đánh nhau, vulgo^{1*} là những người đấu kiếm và những kẻ mị dân¹¹⁶. Giờ đây sau lệnh ân xá mà Phri-drích-Vin-hem IV ban ra¹¹⁷, chúng ta có quyền nói rằng lệnh ân xá đó không chỉ là hành vi ban ơn, mà còn là hành vi công bằng nữa. Chúng ta sẽ chấp nhận tất cả mọi tiền đề, chúng ta giả sử rằng do cần thiết, nhà nước phải chống lại những hội ấy; song tất cả những người thấy cái thiện ý của nhà nước không phải là ở việc nghe theo một cách mù quáng, không phải ở việc phục tùng một cách nghiêm chỉnh, sẽ đồng ý với tôi rằng việc đối xử với những người tham gia những hội đó đòi hỏi phải khôi phục lại danh dự và phẩm giá cho họ. Những hội mị dân cũng là lẽ tự nhiên trong thời đại Phục tích⁴¹ và sau những ngày tháng Bảy, cũng như là chúng không thể có bây giờ. Vậy lúc đó ai đã bóp nghẹt mọi biểu hiện của tinh thần tự do hoặc đã ấn định sự bảo trợ "tạm thời" đối với nhịp đập của trái tim trẻ? Và người ta đã đối xử như thế nào với những người bất hạnh đó! Liệu có thể phủ nhận rằng chính cái văn bản pháp luật ấy đã soi rọi bằng ánh sáng xán lạn tất cả những khổ đau vất vả và tệ nạn của thủ tục tư pháp quan liêu giấy tờ úp mở và cho thấy tính chất mâu thuẫn của thực trạng là *các quan chức ăn lương nhà nước*, chứ không phải những hội thẩm viên độc lập phải xử theo những lời buộc tội là có phạm tội quốc gia hay không? Có thể phủ nhận hay không việc tuyên án theo lối bán buôn hoặc "bán sỉ", như các thương nhân thường gọi?

1* – giản đơn, nôm na.

Nhưng rồi tôi sẽ đi xuống phía sông Ranh và sẽ nghe xem những làn sóng được ráng chiều soi rọi kể gì cho trái đất đã sinh ra Dích-phrít, về ngôi mộ của ông ở Voóc-mơ-xơ và về của báu đã bị nhấn chìm. Có thể, một nàng tiên Moóc-gan-na đôn hậu nào đó sẽ đứng lại trước mắt tôi tòa lâu đài của Dích-phrít hoặc sẽ cho tôi thấy những người con của ông trong thế kỷ thứ mười chín phải lập những chiến công anh dũng nào.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Mười một
1840*

*Đã đăng trong tạp chí "Telegraph für
Deutschland" số 197, tháng Chạp 1840*

Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-dơ

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyễn văn là tiếng Đức*

ÉC-NƠ-XTƠ MÔ-RÍT-XƠ ÁC-NƠ-TƠ

Như Éch-các-tơ trung thành trong truyền thuyết¹¹⁹, ở vùng Ranh có Ác-nơ-tơ già nua nhắc nhở thanh niên Đức, những người đã nhiều năm ngược nhìn đỉnh cao của núi Vê-nê-rin của Pháp nơi các tư tưởng - như những cô gái sôi nổi hấp dẫn - đang vẫy gọi họ. Nhưng những chàng thanh niên cuồng loạn không nghe lời người dưng sĩ già và họ đang hướng tới đó, và không phải tất cả đều vẫn còn nằm lại bất lực như Tan-hai-dơ Hai-nơ mới.

Lập trường của Ác-nơ-tơ đối với thanh niên Đức ngày nay là như thế. Nhưng dù toàn thể thanh niên có tôn kính ông ta như thế nào, thì lý tưởng của ông ta về đời sống Đức cũng không thỏa mãn họ; họ muốn tự do hành động nhiều hơn, muốn có sức sống đầy đủ, hân hoan hơn, muốn có nhịp đập nồng nhiệt, sôi nổi của các động mạch lịch sử toàn thế giới mà dòng máu của nước Đức đang chảy trong đó. Do vậy mối cảm tình đối với nước Pháp, dĩ nhiên không phải là mối cảm tình ràng buộc bởi sự phục tùng, mối cảm tình mà người Pháp mơ tưởng, mà là mối cảm tình cao cả và tự do hơn mà bản tính của nó trái ngược với sự hạn chế kiểu Tơ-tông mà Bóc-nơ đã trình bày hay như vậy trong tác phẩm "Men-xen, kẻ ăn thịt người Pháp" của ông²⁸.

Ác-nơ-tơ cảm thấy rằng thời hiện đại xa lạ với ông ta, rằng nó tôn kính ông ta không phải vì tư tưởng của ông ta, mà tôn kính tư tưởng của ông ta do tôn trọng nhân cách mạnh mẽ, dũng cảm của ông ta. Và vì thế đối với ông ta, như đối với con người mà tài năng, niềm tin, cũng như sự diễn biến của các sự kiện

trong nhiều năm đã góp phần làm cho nổi tiếng, - việc để lại cho nhân dân mình một đài kỷ niệm về sự phát triển tinh thần của mình, lối suy nghĩ của mình và thời đại mình đã trở thành một nghĩa vụ. Ông ta đã thực hiện điều đó trong cuốn sách từng gây xôn xao dư luận của mình "Hồi ức về những sự kiện đã qua".

Tạm thời gác lại khuynh hướng quyển sách của Ác-nơ-tơ, mà cần phải nhận xét rằng, cả về khía cạnh thẩm mỹ, dù sao nó cũng là một trong những hiện tượng lý thú nhất. Trong sách báo của chúng ta, đã từ lâu chúng ta không nghe thấy những lời nói mạnh mẽ, biểu cảm như vậy, xứng đáng có ảnh hưởng lâu dài đến nhiều đại diện của thế hệ trẻ chúng ta. Sự nghiêm khắc tốt hơn là sự yếu đuối! Vì rằng có những tác giả mà theo ý kiến của họ thực chất của phong cách hiện đại là ở chỗ làm cho toàn bộ sự sắc sảo của bài nói, toàn bộ hệ cơ bắp của nó có những hình thức đẹp, mềm mại, tuy thậm chí có nguy cơ rơi vào nữ tính. Không, sự nghiêm khắc dũng cảm của phong cách Ác-nơ-tơ tốt hơn là sự mơ hồ của những nhà tu từ "hiện đại" khác! Hơn nữa, Ác-nơ-tơ, trong chừng mực có thể, đã tránh những đặc điểm kỳ quặc trong phong cách của bạn bè mình năm 1813, và chỉ sử dụng so sánh cấp cao nhất trong ý nghĩa tuyệt đối (vốn có của các ngôn ngữ Rô-manh miền Nam) để đưa vào trong lời nói của ông ta các yếu tố bóng bẩy. Ở Ác-nơ-tơ không hề có hiện tượng ham mê khủng khiếp đối với từ ngữ nước ngoài mà giờ đây lại rất phổ biến; trái lại, ông chỉ ra rằng chúng ta có thể không cần đến việc ghép những cành của người khác vào thân cây ngôn ngữ của chúng ta mà vẫn không hề gặp phải khó khăn gì. Quả thật, chiếc xe tư tưởng của chúng ta trên rất nhiều con đường có thể tiến lên nhờ những con ngựa Đức tốt hơn là nhờ những con ngựa Pháp hoặc Hy Lạp, và vấn đề này không thể giải quyết được chỉ riêng bằng những lời chế giễu những cái cực đoan của khuynh hướng thuần túy chủ nghĩa.

Bây giờ chúng ta chuyển sang nội dung của quyển sách. Phần lớn quyển sách là nội dung thơ mộng thuộc thời kỳ niên thiếu trong đời người do một bàn tay thi ca chân chính phác thảo. Người nào đã trải qua những năm đầu đời mình như Ác-nơ-tơ đều có thể cảm ơn mệnh trời! Không phải trong bụi bặm của một thành phố lớn, nơi mà những niềm vui của từng cá nhân bị lợi ích của cái toàn thể đè bẹp, không phải ở những trại mồ côi và trong các nhà tù tử thiện, nơi mà những chồi non trẻ trung bị thui chột, - không, mà dưới bầu trời, trong rừng và trên cánh đồng, thiên nhiên đã tạo ra một nhân vật sắt thép mà thế hệ nhu nhược kinh ngạc nhìn vào như nhìn một dũng sĩ phương bắc. Sức mạnh vô cùng uyển chuyển mà Ác-nơ-tơ biểu lộ qua thời kỳ ấy trong cuộc đời mình gần như gợi lên ý nghĩ rằng hiện thời các nhà văn chúng ta *đang trải qua* những cảnh thơ mộng như Ác-nơ-tơ, mọi *sự tưởng tượng* thơ mộng đều thừa. Thời đại chúng ta sẽ cảm thấy đặc biệt xa lạ với sự tự giáo dục của chàng trai Ác-nơ-tơ, nó kết hợp sự trinh bạch kiểu Đức với sự nghiêm khắc kiểu Xpác-tác. Nhưng không gì hơn là phải giới thiệu cho thanh niên nhu nhược của chúng ta sự nghiêm khắc đó, sự nghiêm khắc khế hát câu học *tibi froderit olim*^{1*} của mình một cách ngây thơ, không hề pha trộn với sự khoác lác vốn có của I-an. Thật hết chỗ nói, chỗ dựa tuyệt vời của tổ quốc là lớp thanh niên, giống như lũ chó điên sợ nước lạnh, quần chân đầy người mỗi khi trời hơi lạnh và rất vinh dự khi được miễn quân dịch do sức khỏe kém. Còn nói về sự trong trắng trong thời đại chúng ta, khi mà đến mỗi thành phố trước hết người ta dò hỏi "nơi có dãy nhà cuối cùng ở đâu"^{2*}, thì nó coi đấy là

1* – điều này lúc nào đó sẽ có lợi cho bạn.

2* Trích từ diễn ca của Gơ-tơ "Chúa và những chàng trai khiêu vũ".

tội ác. Đúng, tôi không phải là nhà đạo đức chung chung, tôi ghét mọi sự quái đản khổ hạnh, tôi sẽ không bao giờ lên án tình yêu tội lỗi, nhưng tôi đau lòng khi thấy đạo đức nghiêm khắc có nguy cơ biến mất, còn sự đa tình thì tìm cách nâng mình lên bệ tượng. Trước một con người như Ác-nơ-tơ, những người thuyết giáo việc giải phóng xác thịt trong thực tiễn luôn luôn phải đổ mặt vì xấu hổ.

Năm 1800 Ác-nơ-tơ giữ chức vụ người ta trao cho ông. Các đạo quân xâm chiếm của Na-pô-lê-ông tràn ngập châu Âu, và sự hùng cường của hoàng đế Pháp càng lớn thì sự căm thù của Ác-nơ-tơ đối với ông ta càng tăng; vị giáo sư ở Grây-xvan-đơ nhân danh nước Đức chống lại sự áp bức và buộc phải chạy trốn. Cuối cùng, nhân dân Đức vùng lên, và Ác-nơ-tơ lại trở về. Mong rằng phần đó của quyển sách được trình bày cặn kẽ hơn thì tốt; Ác-nơ-tơ khiêm tốn không nói đến đội dân binh quốc gia và hoạt động của nó. Để chúng ta khỏi phải phỏng đoán rằng ông ta không phải là thiếu tích cực, ông ta lẽ ra cần phải mô tả tỉ mỉ hơn sự tham gia của mình vào phong trào thời đó và trên góc độ chủ quan của mình kể lại chuyện những ngày ấy. Những sự kiện tiếp theo được trình bày càng ngắn hơn. Ở đây cần nhận thấy rằng, một mặt, khuynh hướng chính thống trong lĩnh vực tôn giáo ngày càng rõ rệt, và mặt khác là cung cách bí ẩn, hầu như theo lối trung quân và có tính chất tô tở mà Ác-nơ-tơ nói về việc mình bị gạt khỏi chức vụ. Song người nào mà điều đó đã gây ra ấn tượng khó chịu, đều có thể thấy rõ qua những lời giải thích của chính Ác-nơ-tơ xuất hiện cách đây không lâu trên các báo rằng ông ta coi sự phục hồi chức vụ của mình là một hành vi *công bằng* chứ không phải là một ân huệ và rằng ông ta vẫn giữ được tính cứng rắn và kiên quyết trước đây của mình.

Song quyển sách của Ác-nơ-tơ có ý nghĩa đặc biệt nhờ việc

xuất bản cùng một lúc nhiều hồi ký về cuộc chiến tranh giải phóng. Bằng cách đó lại hiện lên sống động trước mắt chúng ta cái thời buổi vẻ vang khi dân tộc Đức lần đầu tiên trong mấy thế kỷ lại vùng lên và đem toàn bộ sức mạnh và tâm vĩ đại của mình chống lại ách ngoại bang. Và người Đức chúng ta cần phải luôn luôn nhớ đến những trận chiến đấu thời đó để bắt ý thức nhân dân ngái ngủ của chúng ta thức tỉnh, - tất nhiên không phải theo cái nghĩa như quan niệm của đảng hiện đang tưởng tượng rằng nó đã làm tất cả và sau khi yên nghỉ trên những vòng nguyệt quế năm 1813, tự mãn chiêm ngưỡng mình trong chiếc gương của lịch sử, mà đúng hơn là theo ý nghĩa ngược lại. Vì không phải việc lật đổ ách thống trị ngoại bang chỉ đặt lên vai khổng lồ của Na-pô-lê-ông và do tính chất trái tự nhiên quá quắt của nó sớm muộn tự nó ắt phải đổ, không phải "nên tự do" đã giành được là kết quả chủ yếu nhất của cuộc đấu tranh, - mà kết quả đó là ở ngay trong thực tại của cuộc đấu tranh và chỉ ở một thời điểm của nó mà chẳng mấy người đương thời cảm thấy một cách rõ ràng. Việc chúng ta đã ý thức được rằng những giá trị thiêng liêng dân tộc đã mất, rằng việc chúng ta tự vũ trang không đợi các vua chúa cho phép, việc chúng ta thậm chí *đã bắt* những người cầm quyền đứng đầu chúng ta^{1*}, tóm lại, việc chúng ta trong khoảnh khắc đã thể hiện là nguồn quyền lực nhà nước, là nhân dân có chủ quyền, - đó chính là thành tựu vĩ đại nhất của những năm ấy. Vì vậy, sau chiến tranh những người từng cảm thấy điều đó rõ hơn cả và từng hành động kiên quyết hơn ai hết theo hướng đó ắt phải tỏ ra là nguy hiểm đối với các chính phủ. – Nhưng lực lượng sáng tạo lại ngái ngủ nhanh chóng dường nào! Vì sự phân tán đáng nguyên rủa mà

1* Về vấn đề này xin xem: Karl Bade. "Napoleon im Jahre 1813". Altona, 1840 [Các Ba-đéc. "Na-pô-lê-ông năm 1813". An-tô-na, 1840].

sự hào hứng rất cần thiết đối với đất nước nói chung, đã bị một số bộ phận của nó ăn mòn, các mục tiêu toàn Đức đã bị đổi thành nhiều lợi ích địa phương tỉnh lẻ. Kết quả là ở Đức không thể đặt cơ sở cho đời sống quốc gia giống như cơ sở mà Tây Ban Nha đã tạo cho mình trong hiến pháp năm 1812¹²⁰. Trái lại, trái tim bị chèn ép của chúng ta không đứng vững trước mưa xuân ấm áp của đủ thứ lời hứa bất ngờ rắc lên chúng ta từ "các cấp trên", mà chính chúng ta, những người ngu ngốc, không nghĩ rằng có những lời hứa mà, xét trên góc độ dân tộc, việc vi phạm chúng là hoàn toàn không thể tha thứ, nhưng trên góc độ cá nhân thì coi là rất dễ dàng được tha thứ. (?) Rồi sau đó đã bắt đầu những cuộc đại hội¹²¹, chúng đã cho người Đức có thời gian ngủ đẫy giấc sau cơn cuồng nhiệt giải phóng để sau khi tỉnh dậy, lại trở về những quan hệ cũ giữa vua và thần dân. Người nào chưa nguôi và không thể bỏ thói quen tác động đến dân tộc, thì người đó bị tất cả mọi lực lượng của thời đại dồn vào ngõ cụt của thói đam mê Tơ-tông. Chỉ có một ít bậc trí giả đặc biệt chọc thủng mớ bong bóng và đã tìm được con đường dẫn tới tự do chân chính.

Những người đam mê Tơ-tông muốn bổ sung sự nghiệp chiến tranh giải phóng và muốn giải phóng nước Đức khỏi bá quyền tinh thần của người nước ngoài mặc dù đã lấy lại được độc lập về mặt thể chất. Nhưng chính vì vậy mà phái này đã trở thành phủ định, còn cái mà nó rêu rao là tích cực thì bị chôn vùi trong màn tăm tối của sự vô định và hoàn toàn không bao giờ trở lên được từ đó; còn cái đã bước ra ánh sáng ban ngày của lý trí thì phần lớn tỏ ra khá vô nghĩa. Toàn bộ thế giới quan đó không vững vàng về mặt triết học, vì nó khẳng định rằng toàn bộ thế giới đã được tạo ra vì người Đức, còn bản thân người Đức thì từ lâu đã đạt tới nấc thang phát triển cao nhất. Thói đam mê Tơ-tông là một sự phủ định, một sự trừu tượng theo ý nghĩa của

Hê-ghen. Nó đã tạo ra những người Đức trùu tượng, quét bỏ tất cả những gì không phải đích thực Đức đến đời tổ tiên thứ sáu mươi bốn và không sinh ra từ gốc rễ nhân dân. Ngay cả những cái trong nó có vẻ tích cực, cũng là tiêu cực, vì chỉ có thể đưa nước Đức tới các lý tưởng đam mê Tơ-tông bằng cách phủ định con đường phát triển trọn một nghìn năm, do đó nó muốn ném dân tộc lùi trở lại, về thời trung cổ của Đức hoặc thậm chí đến sự thuần khiết Tơ-tông nguyên thủy từ rừng Tơ-tô-buốc. I-an đã trở thành người biểu hiện những cực đoan của khuynh hướng ấy. Kết quả của sự phiến diện đó là việc tuyên bố người Đức là dân tộc thượng đẳng của I-xra-en và việc xem thường vô số mầm mống có ý nghĩa lịch sử toàn thế giới đã mọc lên không phải trên mảnh đất Đức. Sự giận dữ phản đối sùng bái tượng thánh tấn công đặc biệt mạnh và nhiều hơn cả lên người Pháp mà sự xâm lược của họ đã bị đánh lui và bá quyền của họ trong tất cả mọi cái bề ngoài đều dựa trên chỗ dựa sao họ cũng lĩnh hội *hình thức* giáo dục châu Âu, nắm vững nền văn minh dễ dàng hơn tất cả những dân tộc khác. Những kết quả vĩ đại, vĩnh hằng của cách mạng đã bị nhạo báng như là "vẻ loè loẹt Rô-manh" hoặc thậm chí "thói bịp bợm Rô-manh"; không ai nghĩ về sự gần gũi của sự nghiệp nhân dân khổng lồ ấy với cao trào nhân dân năm 1813; tất cả những gì mà Na-pô-lê-ông đã mang đến: sự giải phóng người Do Thái, tòa án hội thẩm, tư pháp lành mạnh thay vì thói kinh viện của các pháp điển La Mã – tất cả những điều đó đều bị lên án chỉ vì cá nhân người khởi xướng. Tư tưởng căm thù người Pháp đã trở thành nghĩa vụ, mọi quan điểm có thể đứng cao hơn điều đó đều bị lên án là đồ ngoại lai. Như vậy, cả chủ nghĩa yêu nước về thực chất đã trở thành cái gì đó tiêu cực và trong cuộc đấu tranh của thời đó nó đã để tổ quốc không nơi nương tựa, đồng thời trở tòi phát minh ra những cách nói cầu kỳ của Đức thời xa xưa thay cho những từ nước ngoài đã bắt rễ

từ lâu trong tiếng Đức. Nếu khuynh hướng đó là khuynh hướng Đức cụ thể, nếu nó coi người Đức đúng như họ đã trở thành do sự phát triển hai nghìn năm của lịch sử, nếu nó không bỏ qua yếu tố căn bản nhất của sứ mệnh chúng ta - làm cái kim trên chiếc cân của lịch sử châu Âu và theo dõi sự phát triển của các dân tộc láng giềng, - thì nó sẽ tránh được tất cả mọi sai lầm của mình. - Nhưng mặt khác, cũng không thể không thấy rằng thói đam mê Tơ-tông từng là nấc thang phát triển cần thiết của tinh thần nhân dân chúng ta và cùng với nấc thang tiếp theo đã tạo ra sự đối lập làm chỗ dựa của thế giới quan hiện đại.

Sự đối lập đó với thói đam mê Tơ-tông là chủ nghĩa tự do thế giới của các hội nghị đảng cấp Nam Đức phủ nhận những sự khác biệt dân tộc và đặt mục tiêu của mình là xây dựng loài người vĩ đại, tự do, thống nhất. Nó phù hợp với chủ nghĩa duy lý tôn giáo mà nó có nguồn gốc chung trong lòng từ thiện của thế kỷ trước, trong khi sự đam mê Tơ-tông đã nhất quán dẫn đến chính giáo thần học mà cùng với thời gian hầu như tất cả những người theo nó (Ác-nơ-tơ, Xti-phen-xơ, Men-xen) đã đi tới đó. Những điều phiến diện của tự do tư tưởng thế giới chủ nghĩa thường bị những kẻ chống nó vạch ra, quả thật, cũng trên một quan điểm phiến diện, vì thế tôi có thể trình bày vấn đề khuynh hướng này. Cuộc cách mạng tháng Bảy dường như đã tạo thuận lợi cho nó ngay từ đầu, song sự kiện đó đã được tất cả các đảng phái lợi dụng. Sự thủ tiêu thực tế thói đam mê Tơ-tông hoặc, nói đúng hơn, thủ tiêu sức sống của nó được ghi nhận từ cách mạng tháng Bảy và đã được tạo cơ sở từ trong cuộc cách mạng đó. Nhưng đồng thời cũng đã xảy ra sự sụp đổ của quốc tịch thế giới, vì ý nghĩa quan trọng nhất của tuân lễ vĩ đại³⁷ chính là ở chỗ khôi phục dân tộc Pháp với tư cách là một cường quốc vĩ đại, điều này đã kích thích cả những dân tộc khác vươn tới sự cố kết nội bộ mạnh hơn.

Ngay trước sự rung chuyển thế giới cách đây không lâu ấy đã có hai người âm thầm phát triển tinh thần Đức, phát triển theo lối hiện đại như người ta thường gọi, hai người mà lúc còn sống hầu như không biết nhau, và chỉ sau khi họ chết mới thấy rõ rằng họ bổ sung cho nhau, - hai người đó là *Bóc-nơ* và *Hê-ghen*. Thường thường, và hoàn toàn bất công khi người ta lên án Bóc-nơ là người theo chủ nghĩa thế giới, nhưng ông ta là người Đức nhiều hơn so với kẻ thù của ông ta. Tạp chí "Hallische Jahrbücher" cách đây không lâu đã gắn đề tài "thực tiễn chính trị" với tên tuổi của ông Phôn Phlô-ren-cua¹²², nhưng ông này thực ra không phải là đại biểu của nó. Ông đứng ở điểm mà các thái cực của thói đam mê Tư-tông và chủ nghĩa thế giới tiếp xúc với nhau như ở trong Hội sinh viên¹²³, và những giai đoạn phát triển sau này của tinh thần dân tộc chỉ đề cập đến ông một cách hời hợt. Bóc-nơ là con người của thực tiễn chính trị, và ý nghĩa lịch sử của ông chính là ở chỗ ông đã hoàn toàn thực hiện sứ mệnh đó. Ông đã lột bỏ khỏi thói đam mê Tư-tông bộ áo sặc sỡ hào nhoáng của nó và đồng thời thẳng tay vạch rõ sự trần trụi của chủ nghĩa thế giới được nuôi dưỡng bằng độc những nguyện vọng tốt lành bất lực. Ông nói với người Đức bằng những lời của Xít: *Lengua sin manos, cuemo osas fablar*^{1*}? Không ai có thể mô tả tầm vĩ đại của sự nghiệp như Bóc-nơ. Tất cả trong ông đều là cuộc sống, tất cả đều là sức mạnh. Chỉ riêng về các tác phẩm của ông đã có thể nói rằng đây là *sự nghiệp* vì tự do. Ở đây đừng nói với tôi về "các định nghĩa lý trí", về "các phạm trù cuối cùng"! Trong cách Bóc-nơ hiểu địa vị của các dân tộc châu Âu và sứ mệnh của họ không có gì là tư biện cả. Nhưng Bóc-nơ là người đầu tiên soi sáng một cách chân thực các mối

1* – Ngôn ngữ không tay, làm sao anh dám nói?¹²⁴

quan hệ qua lại giữa Đức và Pháp và bằng cách đó ông đã giúp cho công tác tư tưởng nhiều hơn so với phái Hê-ghen lúc đó đã học thuộc lòng "Bách khoa thư" của Hê-ghen¹²⁵ và nghĩ rằng bằng cách đó họ đã làm đầy đủ cho thời đại của mình. Chính việc soi sáng vấn đề mà Bóc-nơ đem lại cho thấy ông đứng cao như thế nào trên chủ nghĩa thế giới tầm thường. Tính phiến diện hợp lý cần thiết đối với Bóc-nơ cũng như chủ nghĩa công thức quá đáng đối với Hê-ghen; nhưng thay vì hiểu điều đó, chúng ta chẳng thấy gì sau những định lý hơi thô và thường có tính chất ngược đời của "Những bức thư từ Pa-ri"²⁰.

Bên cạnh Bóc-nơ và đối lập với ông là Hê-ghen, nhà tư tưởng, đã cố gắng hiến cho dân tộc cái hệ thống đã làm sẵn của mình. Những người có quyền lực không chịu khó đi sâu vào ý nghĩa của những hình thức không rõ ràng của hệ thống và của văn phong nặng nề của Hê-ghen; và lại họ làm sao có thể biết được rằng từ bên cạnh lý luận êm ả, triết học đó dám đi ra biển khơi sôi động của các sự kiện, rằng nó đã tuốt gươm công kích chính là tình hình tồn tại trên thực tế. Vì rằng bản thân Hê-ghen là một con người chính thống đảng hoàng như vậy, và cuộc luận chiến của ông nhằm trực tiếp chống những trào lưu không được chính quyền nhà nước tán thành, chống chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa tự do thế giới chủ nghĩa! Nhưng những ngài cầm lái không hiểu rằng những khuynh hướng ấy bị bác bỏ cốt để tạo địa bàn cho cái cao hơn, và rằng học thuyết mới phải được thiết lập trước khi được dân tộc thừa nhận, để sau đó có khả năng phát triển tự do và triệt để các nguyên tắc sống của mình. Khi Bóc-nơ công kích Hê-ghen thì từ góc độ của mình ông hoàn toàn có lý, nhưng khi chính quyền che chở Hê-ghen, khi nó nâng học thuyết của Hê-ghen suýt lên hàng triết học quốc gia Phổ, thì chính quyền này đã lâm vào thế khó xử và giờ đây rõ ràng là nó đang ân hận về chuyện này. Và lẽ nào An-ten-stai-nơ, người thật ra thuộc thời buổi tự do hơn và đứng ở góc độ cao hơn, có thể có được

sự tự do hành động đến nỗi có thể gán tất cả cho ông ta? Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, sau khi Hê-ghen mất, học thuyết của ông gặp được hơi thở tươi mới của cuộc sống, từ "triết học quốc gia Phổ" mọc lên những chồi non mà không một đảng nào mơ được. Stơ-rau-xơ - trong lĩnh vực thần học, Han-xơ và Ru-gơ - trong lĩnh vực chính trị sẽ vẫn là những ngọn cờ của thời đại mình. Mãi giờ đây những vết mờ mịt yếu ớt của triết học tư biện mới trở thành những ngôi sao tư tưởng lấp lánh sẽ phải chiếu sáng con đường vận động của thời đại. Có thể chê trách sự phê phán thẩm mỹ của Ru-gơ bao nhiêu cũng được, rằng nó mắc bệnh tỉnh táo và chủ nghĩa công thức của một học thuyết; công lao của ông vẫn là việc ông làm cho mặt chính trị của hệ thống Hê-ghen phù hợp với tinh thần của thời đại và đã làm sống lại sự quan tâm của dân tộc đối với nó. Han-xơ chỉ làm việc này một cách gián tiếp, bằng cách tiếp tục triết học lịch sử đến thời đại chúng ta; Ru-gơ đã công khai biểu hiện sự tự do tư tưởng của học thuyết Hê-ghen, Khuép-pen ủng hộ ông; cả hai ông đều không sợ sự thù hằn và đã tiếp tục đi con đường của mình, không dừng lại ngay cả trước nguy cơ trường phái bị phân liệt, và vì thế vinh dự và vẻ vang thay tinh thần táo bạo của họ! Niềm tin hào hứng, không gì lay chuyển được vào tư tưởng vốn có của phái Hê-ghen trẻ là một pháo đài duy nhất, nơi những người có tư tưởng tự do có thể ẩn náu một cách chắc chắn, nếu thế lực phản động được cổ vũ từ bên trên giành được thắng lợi tạm thời đối với họ.

Những giai đoạn phát triển gần đây nhất của tinh thần chính trị Đức là như vậy, và nhiệm vụ của thời đại chúng ta là hoàn thành sự thâm nhập lẫn nhau của tư tưởng Hê-ghen và tư tưởng Bóc-nơ. Trong phái Hê-ghen trẻ đã có một phần to lớn của Bóc-nơ, và không ít bài viết trong "Hallische Jahrbücher" Bóc-nơ có thể ký tên mà không phải suy nghĩ gì. Nhưng sự cần thiết phải kết hợp tư tưởng với việc làm phần thì chưa được nhận thức đầy

đủ, phần thì chưa thâm nhập vào dân tộc. Bóc-nơ vẫn còn được đầu đó coi là mặt đối lập trực tiếp với Hê-ghen; nhưng cũng như vậy, không nên xét đoán về ý nghĩa thực tiễn của Hê-ghen đối với thời đại hiện nay (không phải về ý nghĩa triết học của ông đối với tất cả mọi thời đại) căn cứ vào mặt thuần túy lý luận của hệ thống của ông, cũng vậy, đối với cả Bóc-nơ cũng không nên dừng lại ở việc phê phán một cách tầm thường những điều phiến diện và những điều kỳ cục chưa bao giờ bị phủ định của ông.

Tôi nghĩ rằng như vậy là tôi đã nhận xét đầy đủ thái độ của giới đam mê Tơ-tông đối với thời đại chúng ta để chuyển sang xem xét tỉ mỉ hơn nữa những mặt riêng biệt của nó đã được Ác-nơ-tơ soi sáng trong quyển sách của ông. Vực sâu ngăn cách Ác-nơ-tơ với thế hệ hiện nay thấy rõ hơn cả ở chỗ đối với ông ta trong đời sống nhà nước việc chúng ta sẵn sàng hiến dâng máu và sinh mệnh vì cái gì là không quan trọng. Ác-nơ-tơ tuyên bố mình là người kiên quyết ủng hộ chế độ quân chủ - cứ cho là như vậy. Nhưng ủng hộ chế độ quân chủ lập hiến hay ủng hộ chế độ quân chủ chuyên chế - điều này thậm chí không được ông nhắc đến. Điểm tranh cãi là: Ác-nơ-tơ và tất cả những người ủng hộ ông ta coi thiện ý của nhà nước là ở chỗ vua và nhân dân gắn bó với nhau bằng tình yêu chân thành và nhất trí với nhau trong xu hướng muốn mọi người đều hạnh phúc. Đối với chúng ta thì trái lại, điều bất di bất dịch là quan hệ giữa những người cai trị và những người bị trị phải được thiết lập trên cơ sở *quyền* trước khi quan hệ đó có thể trở thành chân thành và tồn tại như vậy. Trước hết là quyền rồi mới đến sự công bằng! Phải chăng khó mà có một ông vua tồi không yêu nhân dân mình - ở đây tôi nói đến nước Đức - và không được nhân dân mình yêu mến chỉ vì ông ta là vua của họ? Nhưng ông vua nào dám khoe khoang rằng từ năm 1815 ông ta đã đưa nhân dân mình tiến lên khá

nhiều? Liệu tất cả những cái chúng ta có có phải là vật sáng tạo của bản thân chúng ta, chẳng lẽ nó không phải là của chúng ta bất chấp sự kiểm soát và giám sát? Có thể nói huyền thuyên về tình yêu của vua và nhân dân, và từ khi nhà thơ vĩ đại¹²⁶ đã từng sáng tác "Khen ngợi người trong vòng hoa chiến thắng!" ca ngợi: "Tình yêu của những người tự do bảo vệ những đỉnh cao, nơi đám đông đưa các hoàng tử lên ngôi", chính từ buổi ấy về đề tài này người ta đã nói ba hoa nhiều vô tận mọi điều nhằm nhí. Từ một khía cạnh nào đó có thể gọi lối cai trị bây giờ đang đe dọa chúng ta là sự phản động phù hợp với tinh thần của thời đại; các tòa án xử các vụ kiện tranh chấp di sản¹⁰¹ để tạo nên giới quý tộc cao cấp, các phường hội để khôi phục đẳng cấp thị dân "đáng kính", việc khuyến khích tất cả những cái gọi là mầm mống lịch sử mà nói đúng ra là những cành khô đã bị chặt từ trước.

Nhưng không chỉ ở điểm này thói đam mê Tư-tông đã hy sinh sự tự do tư tưởng của mình cho thế lực phản động kiên quyết. Các ý tưởng của nó về tổ chức nhà nước cũng được các ngài trong "Berliner politisches Wochenblatt" rĩ tai cho nó. Thật đau lòng khi thấy ngay cả Ác-nơ-tơ tích cực, bình tĩnh cũng để cho mình bị quyến rũ bởi vẻ ngoài ngụy biện của "nhà nước hữu cơ". Những câu nói về sự phát triển lịch sử, về việc sử dụng những tình huống đã có, về tính chất hữu cơ v.v. ất đối với thời đại của nó có một sự quyến rũ mà chúng ta hoàn toàn không thể hình dung được, vì chúng ta thấy rằng đó phần lớn là những từ ngữ đẹp đẽ mà trong đó không có sự phù hợp nghiêm túc với ý nghĩa của bản thân chúng. Cuối cùng, cần phải chấm dứt tất cả những ảo tưởng ấy! Các bạn hiểu nhà nước hữu cơ là gì? Đó là nhà nước mà các quy định của nó đã phát triển trong vòng nhiều thế kỷ cùng với dân tộc và từ dân tộc, chứ không phải được thiết kế từ lý luận. Rất tốt. Còn vận dụng vào nước Đức thì sao? Các bạn có thấy không, tính chất hữu cơ ấy là ở chỗ các công dân

của nhà nước được chia thành quý tộc, thị dân và nông dân cùng với tất cả mọi thứ đi đôi với cái đó. Tất cả những điều ấy đều phải bao hàm trong từ "tính chất hữu cơ" in nuce^{1*}, chẳng lẽ đó không phải là thuật ngụy biện thảm hại, không phải là thuật ngụy biện nhục nhã hay sao? Sự tự phát triển của dân tộc - phải chăng cái đó trông không giống hệt như tự do hay sao? Các ngài cố gắng chộp lấy nó bằng cả hai tay và nắm bắt nó - toàn bộ ách trung cổ và ancien régime^{2*}. May thay trò ảo thuật đó không thể quy cho Ác-nơ-tơ. Không phải những người chủ trương phân chia đẳng cấp mà là chúng ta, đối thủ của họ, muốn có đời sống nhà nước hữu cơ. Tạm thời vấn đề tuyệt nhiên không phải là "kết cấu lý luận"; vấn đề là người ta muốn quyến rũ chúng ta bằng cái gì - bằng vấn đề về sự tự phát triển của dân tộc. Chỉ có chúng ta là có thái độ nghiêm túc và chân thành đối với điều này; nhưng các ngài kia không biết rằng mọi cơ thể đều trở thành vô cơ nếu như nó sắp chết; họ làm cho xác của quá khứ chuyển động bằng dòng điện một chiều và muốn quả quyết với chúng ta rằng đó không phải là cái máy, mà là sự sống. Họ muốn thúc đẩy sự tự phát triển của dân tộc và họ cùm chân nó trong gông xiềng của chế độ quân chủ chuyên chế để nó tiến lên nhanh hơn. Họ không muốn biết rằng cái mà họ gọi là lý luận, là hệ tư tưởng hoặc là gì nữa có trời mới biết, từ lâu đã chuyển vào máu thịt của nhân dân và một phần đã đi vào cuộc sống, rằng trong vấn đề này không phải chúng ta mà là họ đang mò mẫm trong lĩnh vực các lý luận không tưởng. Vì cái mà cách đây nửa thế kỷ còn thực sự là lý luận, thì đã phát triển từ thời cách mạng với tư cách là một yếu tố độc lập trong cơ thể nhà nước.

1* - phối thai.

2* - chế độ cũ.

Và, điều quan trọng hơn cả, phải chăng sự phát triển của loài người không đứng cao hơn sự phát triển của dân tộc?

Còn các trật tự của chế độ đẳng cấp thì sao? Không có bức tường ngăn cách nào giữa thị dân và nông dân dưới chế độ đó, ngay cả trường phái lịch sử¹²⁷ cũng không thể phủ nhận điều đó một cách nghiêm túc; bức tường ngăn cách ấy được thiết lập chỉ pro forma, để làm cho việc tách riêng đẳng cấp quý tộc trở nên dễ tiếp thu hơn đối với chúng ta. Tất cả đều xoay quanh đẳng cấp quý tộc, đẳng cấp quý tộc sụp đổ thì chế độ đẳng cấp cũng sụp đổ. Nhưng tình hình của đẳng cấp quý tộc còn tồi tệ hơn là trạng thái^{1*} của nó. Vì rằng đẳng cấp cha truyền con nối, dựa trên chế độ trưởng nam kế thừa chẵn chẵn là điều hết sức vô nghĩa theo các khái niệm hiện nay. Thời trung cổ thì khác! Lúc đó cả trong các thành thị của đế chế (như ở Brê-men ngay cả bây giờ chẳng hạn), các phường hội và các đặc quyền của chúng mang tính chất cha truyền con nối, ở đây đã tồn tại các thế hệ những người nướng bánh mì, các thế hệ những thợ mạ thiếc. Và trên thực tế, thói kiêu ngạo của quý tộc có nghĩa lý gì so với ý thức: tổ tiên của tôi là những người sản xuất bia đến nhánh thứ hai mươi! Dòng máu của những người bán thịt, hoặc nói theo thuật ngữ Brê-men thì vị hơn, của những kẻ sát sinh, còn chảy trong thớ thịt của những nhà quý tộc mà thiên chức nhà binh của họ do ông Phu-kê xác định chính là không ngừng giết thịt và lột da. Thật buồn cười cái tham vọng của giới quý tộc đòi coi mình là một đẳng cấp, vì theo luật lệ của tất cả các quốc gia thì nó tuyệt nhiên không có đặc quyền làm bất cứ công việc nào, dù là việc nhà binh, dù là chiếm hữu ruộng đất lớn. Có thể đặt lời sau đây của thi sĩ hát rong Ghi-ôm Đờ Poa-chi-ê

1* Chơi chữ: "Stand" - đẳng cấp, "Bestand" - trạng thái.

làm đề từ cho bất kỳ tác phẩm nào về giới quý tộc: "Bài ca ấy chẳng nói gì cả". Và vì giới quý tộc cảm thấy sự nhỏ mọn nội tại của mình nên không một người quý tộc nào có thể che giấu nỗi đau buồn của mình về chuyện này, từ nam tước Phôn Stéc-nơ-béc-gơ rất mực sắc sảo đến C.L.Ph.V.G.Phôn An-ven-xle-ben hết sức ngu dốt. Một sự chịu đựng hoàn toàn không thích hợp khi người ta đem lại cho giới quý tộc sự hài lòng được coi mình là cái gì đó đặc biệt, miễn là nó không đòi hỏi thêm cho mình bất cứ đặc quyền nào. Vì chừng nào giới quý tộc vẫn được coi là cái đặc biệt, thì nó sẽ muốn và sẽ phải có các đặc quyền. Chúng ta kiên trì yêu cầu của chúng ta: không phân chia bất kỳ đẳng cấp nào mà chỉ có một dân tộc vĩ đại, thống nhất, bình đẳng của các công dân!

Một yêu cầu khác mà Ác-nơ-tơ đặt ra cho nhà nước của mình – chế độ con trưởng thừa kế, luật ruộng đất nói chung qui định quan hệ không đối đối với chế độ chiếm hữu ruộng đất. Và điểm này, không kể ý nghĩa chung của nó như thế nào, cũng đã đáng được chú ý vì giới phản động đã được nhắc tới ở trên và phù hợp với tinh thần của thời đại đe dọa cả trong lĩnh vực này sẽ đưa tình hình trở lại thời kỳ trước năm 1789. Chính trong thời gian cách đây rất không lâu, nhiều người được phong danh hiệu quý tộc với điều kiện lập chế độ con trưởng thừa kế bảo đảm hạnh phúc của gia đình! - Ác-nơ-tơ là người quyết liệt chống sự tự do vô hạn và chống sự chia nhỏ quyền chiếm hữu ruộng đất; ông thấy rằng kết quả không tránh khỏi của điều đó là việc phân chia ruộng đất thành những mảnh nhỏ, và lại không một mảnh nào có thể nuôi sống người chủ của nó. Nhưng ông không thấy rằng chính sự hoàn toàn tự do sở hữu ruộng đất tạo khả năng nói chung và về toàn bộ sẽ khôi phục sự cân bằng mà sự tự do đó, tất nhiên là trong những trường hợp riêng biệt, có thể phá vỡ. Trong khi đó pháp luật rối rắm của đa số các quốc gia

Đức và những dự án cũng rối rắm như thế của Ác-nơ-tơ chẳng những không trừ bỏ được những khó khăn có thể xảy ra trong quan hệ ruộng đất, mà còn làm cho chúng trở nên hết sức phức tạp, đồng thời khi nảy sinh những vụ lộn xộn, chúng ngăn cản việc tự nguyện khôi phục trật tự cần thiết, cần có sự can thiệp đặc biệt của nhà nước và chúng kìm hãm việc hoàn thiện pháp luật đó bằng nhiều lý do vụn vặt nhưng không tránh khỏi mang tính chất riêng tư. Trái lại, sự tự do ruộng đất không dành chỗ cho bất cứ sự cực đoan nào: không để cho những người chiếm hữu nhiều ruộng đất trở thành quý tộc, cũng không để chia ruộng đất thành những mảnh quá nhỏ, trở thành những khoảnh đất vô dụng. Nếu một đĩa cân hạ xuống quá thấp, thì vật được đặt lên cân lập tức được tập trung trên đĩa kia, thế là sự cân bằng được khôi phục. Và ngay dù sở hữu ruộng đất chuyển từ tay người này sang tay người khác thì tôi vẫn thích đại dương đầy sóng với sự tự do vô hạn của nó hơn là cái hồ nhỏ với mặt nước phẳng lặng của nó, với những gợn sóng lăn tăn của nó mà trên mỗi bước đều bị ngắt quãng lúc thì bởi độ dốc của bờ, lúc thì bởi rễ cây, lúc thì bởi hòn đá. Cho phép xác lập chế độ con trưởng thừa kế, nhà nước không chỉ đồng ý hình thành giới quý tộc: không, sự gò bó chế độ chiếm hữu ruộng đất đó và mọi quyền thừa kế không thể chuyển nhượng đều trực tiếp có lợi cho cách mạng. Nếu bộ phận ruộng đất tốt nhất được dành cho một số gia đình và trở nên không thể với tới đối với những công dân còn lại, thì đó có phải là sự thách thức trực tiếp đối với nhân dân hay không? Chẳng lẽ thể chế con trưởng thừa kế không dựa trên cách hiểu chế độ sở hữu từ lâu không còn phù hợp với quan điểm của chúng ta nữa hay sao? Chẳng lẽ một thể hệ có quyền chi phối vô hạn sở hữu của tất cả các thế hệ mai sau mà hiện thời nó được hưởng và quản lý hay sao? Đường như sự tự do sở hữu không bị thủ tiêu bởi chế độ tự quản làm cho tất cả con cháu mất sự tự do đó! Đường như việc gắn con người vào ruộng đất

như vậy có thể thực sự được duy trì vĩnh viễn! Và lại, sự chú ý của Ác-nơ-tơ đối với chế độ sở hữu ruộng đất là hoàn toàn xứng đáng, và có lẽ tầm quan trọng của vấn đề đáng được thảo luận cận kề trên góc độ thời đại hiện nay và hoàn toàn hợp thời. Tất cả mọi lý luận trước kia đều mắc bệnh di truyền của những nhà bác học Đức coi tính độc lập của mình là mỗi người đều xây dựng cho mình một hệ thống lý luận riêng.

Nếu các khía cạnh thật lười của thói đam mê Tô-tông đáng được xem xét kỹ hơn một phần vì tôn trọng người bảo vệ họ theo niềm tin, một phần do sự khuyến khích mà chúng được ban thưởng cách đây không lâu ở Phổ, thì một khuynh hướng khác của tư tưởng đam mê Tô-tông cần phải bác bỏ càng kiên quyết hơn vì trong thời điểm hiện nay nó có nguy cơ chiến thắng ở nước ta - đây là lòng căm thù người Pháp. Tôi sẽ không tranh cãi với Ác-nơ-tơ và những nhà hoạt động khác của năm 1813, nhưng việc hãm hại có tính chất quy lụy và vô nguyên tắc đối với người Pháp được đẩy lên bây giờ trên tất cả các báo là đáng ghét tận đáy lòng đối với tôi. Cần có một mức độ trung quân cao để từ công ước tháng Bảy¹²⁸ rút ra tín niệm rằng vấn đề phương Đông là vấn đề sống còn đối với Đức và dường như Mô-ha-mét - A-li là mối hiểm họa đối với nhân dân chúng ta. Từ góc độ này, với sự ủng hộ của người Ai Cập, nước Pháp đã phạm - tất nhiên đối với dân tộc Đức - một tội ác như tội ác nó đã mắc phải vào đầu thế kỷ này. Điều đáng buồn là trong vòng nửa năm không còn có thể đọc một tờ báo nào mà không gặp tư tưởng chống đối người Pháp mới sống lại một cách điên cuồng. Và tất cả những chuyện đó để làm gì? Để thúc đẩy việc tăng cường lãnh địa của người Nga và tăng cường thực lực thương mại của người Anh đến mức họ có thể hoàn toàn bóp nghẹt và đè bẹp người Đức chúng ta. Nguyên tắc cân bằng mà nước Anh thi hành, và chế độ của nước Nga - đó là những kẻ thù từ xa

xưa chống lại sự tiến bộ của châu Âu, chứ không phải là nước Pháp và sự vận động của nước Pháp. Nhưng vì hai ông vua Đức đều cho rằng tán thành điều ước là hay, nên vấn đề bỗng nhiên trở thành vấn đề Đức, nước Pháp trở thành kẻ thù "Rô-manh" vô thần chính cống, từ xa xưa, còn những biện pháp vũ trang hoàn toàn tự nhiên của nước Pháp thực sự bị xúc phạm thì trở thành sự thách thức xác xược đối với dân tộc Đức. Việc ba hoa ngu ngốc của một số nhà báo Pháp về vấn đề biên giới sông Ranh bị coi là đáng phải chịu những bài phỉ bác dài mà tiếc thay người Pháp hoàn toàn không đọc, còn bài ca của Béch-cơ "Họ sẽ không nhận được nó"^{1*} thì họ muốn par force^{2*} làm thành bài dân ca. Tôi vui lòng đánh giá thành công của bài ca của Béch-cơ và hoàn toàn không muốn đi vào xem xét nội dung thơ ca của nó, tôi thậm chí vui mừng khi nghe thấy cách suy nghĩ kiểu Đức như vậy từ bờ trái sông Ranh, thế nhưng, mặc dù đồng tình với những bài đã xuất hiện về vấn đề đó trong tạp chí này mà tôi vừa thấy tận mắt, tôi vẫn thấy những cố gắng nâng bài thơ khiêm nhường lên hàng quốc ca là buồn cười. "Họ sẽ không nhận được nó!" Do đó, lại là một sự phỉ nhận chẳng? Lẽ nào các vị có thể thỏa mãn với một bài dân ca chỉ chứa đựng sự phỉ nhận hay sao? Lời bài hát "Mác-xây-e"^{3*} mặc dù có mọi cảm hứng - giá trị không cao lắm, nhưng ở đây việc vượt qua giới hạn dân tộc tiến tới phạm vi toàn thể nhân loại là cao thượng hơn nhường nào. Và sau khi chúng ta bị tước mất Buc-gun-đi và Lo-ren-nơ; sau khi chúng ta để cho Phlăng-đri trở thành của Pháp, còn Hà Lan và Bỉ có được độc lập; sau khi

1* Dòng đầu bài thơ của N.Béch-cơ "Sông Ranh của Đức" (Der deutsche Rhein)".

2* - dùng bạo lực.

3* Tác giả lời và nhạc là Ru-gie Đờ Lin.

cùng với việc sáp nhập An-da-xơ, nước Pháp đã tiến đến sông Ranh và trong tay chúng ta chỉ còn một bộ phận tương đối nhỏ của bờ trái sông Ranh có hồi thuộc Đức, - thế mà chúng ta không hổ thẹn khoe khoang và gào thét: các vị vẫn không nhận được tấc đất cuối cùng đâu! Ôi những người Đức ấy! Nếu người Pháp nhận được cả sông Ranh nữa, thì chúng ta, với sự kiêu ngạo hết sức buồn cười, vẫn sẽ hô: Họ sẽ không nhận được nó, sông Vê-de Đức tự do v.v. đến tận sông En-bơ và sông Ô-de, chừng nào nước Đức không bị đem chia giữa người Pháp và người Nga và chúng ta chỉ còn có việc hát: Họ sẽ không nhận được nó, dòng chảy tự do của lý luận Đức, chừng nào nó yên tĩnh dồn những con sóng của mình vào đại dương vô tận, chừng nào dưới đáy của nó còn dù chỉ một con cá con triết lý hão phi thực tiễn vầy vây! Và chỉ thế thôi chứ không ân hận sâu sắc về những lỗi lầm khiến chúng ta đã mất tất cả những vùng đất đai tươi đẹp ấy, về sự tàn mạn và sự phỉ bợ của tư tưởng, về chủ nghĩa yêu nước theo lối tình lẻ đang hy sinh cái toàn thể vì những mối lợi địa phương và về tình trạng không có ý thức dân tộc. Quả thật, người Pháp có một tư tưởng luôn luôn ám ảnh rằng sông Ranh là sở hữu của họ, nhưng lời đáp xứng đáng duy nhất của nhân dân Đức đối với yêu sách kiêu căng đó là tiếng hô của Ác-nơ-tơ: "Cút khỏi An-da-xơ và Lo-ren-nơ".

Vấn đề là tôi ủng hộ - có thể trái với nhiều người mà quan điểm của họ nói chung tôi vẫn tán thành - cái quan điểm cho rằng đối với chúng ta việc lấy lại bờ trái sông Ranh nói tiếng Đức là vấn đề danh dự dân tộc, việc Đức hóa Hà Lan và Bỉ đã tách ra lại là một tất yếu chính trị. Chẳng lẽ chúng ta có thể để ở những nước ấy có tình trạng đè nén triệt để dân tộc Đức, trong khi ở phương Đông, dân tộc Xla-vơ nổi dậy ngày càng mạnh mẽ hay sao? Lẽ nào chúng ta sẽ trả giá cho tình hữu nghị

của Pháp bằng việc từ bỏ tính chất Đức của những tỉnh tốt nhất của chúng ta hay sao? Chẳng lẽ chúng ta phải cam chịu với những vùng đất bị xâm lăng đã gần một trăm năm nay, hơn nữa kẻ xâm lăng thậm chí không đồng hóa được vùng đất nó đã xâm lăng, và chẳng lẽ chúng ta phải coi công ước năm 1815¹²⁹ là bản án của tinh thần thế giới ở cấp cao nhất hay sao?

Nhưng mặt khác, chúng ta sẽ không xứng đáng với người An-da-xơ, chừng nào chúng ta không thể đem lại cho họ cái mà họ hiện có - đời sống xã hội tự do trong khuôn khổ một cường quốc vĩ đại. Không nghi ngờ gì nữa, chúng ta sẽ phải một lần nữa đọ sức với nước Pháp, và lúc đó sẽ thấy rõ ai đáng được bờ trái sông Ranh. Mà từ nay đến đó chúng ta có thể bình tĩnh trao việc giải quyết vấn đề cho sự phát triển của dân tộc chúng ta và của tinh thần thế giới, chừng đó chúng ta sẽ làm việc để đạt được sự hiểu biết lẫn nhau một cách rõ ràng giữa các dân tộc châu Âu và vươn tới sự thống nhất nội bộ - nhu cầu số một của chúng ta và là cơ sở của nền tự do tương lai của chúng ta. Chừng nào tổ quốc của chúng ta còn bị chia nhỏ, chừng đó chúng ta là con số không về chính trị, chừng đó đời sống xã hội, chế độ lập hiến hoàn chỉnh, tự do báo chí và tất cả những yêu sách khác của chúng ta chỉ là những nguyện vọng tốt lành không được thực hiện đến cùng; đó là điều cần phải vươn tới, chứ không phải hướng tới việc tiêu diệt người Pháp!

Và mặc dầu vậy, sự phủ định theo lối đam mê Tơ-tông vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ của mình đến cùng: vẫn còn nhiều cái cần phải đưa về nhà chúng - sang bên kia núi An-pơ, bên kia sông Ranh và bên kia sông Vi-xla. Đối với người Nga chúng ta sẽ để lại cho họ năm trụ cột⁴⁴, đối với người I-ta-li-a chúng ta sẽ để lại cho họ chế độ giáo hoàng của họ và tất cả những gì liên quan đến nó, Ben-li-ni, Đô-ni-xét-ti và thậm chí Rốt-xi-ni của họ, nếu họ muốn khoác lác đem đối lập những người đó với Mô-da và Bê-tô-ven, đối

với người Pháp chúng ta sẽ để lại cho họ những lời nhận xét ngọt mận của họ đối với chúng ta, những kịch vui và ca kịch của họ, Xơ-ri-bơ và A-đan của họ. Tất cả những thói hư tật xấu và mốt ngoại lai vô lý đó, tất cả những từ vay mượn nước ngoài không cần thiết chúng ta sẽ tống cổ về nơi mà từ đó chúng đã tới; chúng ta sẽ không còn là trò cười đối với người nước ngoài và sẽ hòa thành nhân dân Đức thống nhất, không thể chia cắt, hùng mạnh và - như chúa muốn - *tự do*.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Chạp 1840
Đã đăng trong tạp chí "Telegraph für
Deutschland" số 2, 3, 4 và 5; tháng Giêng
1841*

Ký tên: Ph. Ô-Xvan-đơ

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

DU NGOẠN BAN ĐÊM

Tôi đi trong đêm tối, cô đơn,
 Qua miền đất Đức mọi người đều biết,
 Nơi mọi người bị quyền lực hà khắc đè nén
 Và nơi trái tim sôi trong cơn giận lôi đình -

Ở đây tự do giành được bằng lao động
 Và bằng những đêm mất ngủ triền miên
 Lại bị đui đi, và bị ô nhục
 Trước mắt nhân dân bởi những cái lưỡi ác độc.

Sương mù dày bao phủ miền thảo nguyên xa,
 Và những cây dương lạnh cóng bên đường,
 Gió ồn ào thức tỉnh chúng trong nháy mắt -
 Và chẳng bao lâu cây bóng nước đã im bật.

Không khí trong hơn. Kìa vầng trăng lưỡi liềm
 Như lưỡi gươm Đa-mô-clơ lơ lửng trên thủ đô tăm tối này
 Nổi giận của vua bốc lên ở đằng xa,
 Và không có gì che được mắt vua.

Theo sau xe ngựa, đàn chó lê bước dữ dằn –
 Chúng được phép tức giận.
 Những văn sĩ quèn ở thủ đô,
 Mà tinh thần tự do của tôi họ không thích,
 Có họ hàng với chúng hay chẳng?

Tôi làm gì đây trong tiếng sủa độc ác ấy?
 Tôi nghĩ về nền tự do tương lai.
 Đừng có lầm lạc - vì trước bình minh
 Luôn luôn có sương mù âm u hơn và dày đặc hơn.

Và kìa trời đang rạng. Sấp sáng rồi -
 Nó gửi một ngôi sao báo hiệu trước.
 Chuông tự do của người trần gọi dậy -
 Truyền tin hòa bình sáng sủa, không phải bão giông!

Cây tinh thần với bộ rễ hùng hậu
 Đã đập vỡ những mảnh vụn của thời cổ xưa,
 Rồi sau đó - nó bắt đầu nở những bông hoa đẹp
 Cho tất cả mọi dân tộc.

Rồi tôi ngủ thiếp đi. Sáng sớm thức dậy -
 Tôi thấy mặt đất trong ánh ban mai.
 Thành phố của *Stuy-vơ*^{1*} trong sáng,
 Thành phố tự do, đầy duyên dáng mỉm cười với tôi

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối năm 1840
 Đã đăng trong tạp chí "Deutscher Courier"
 số 1, 3 tháng Giêng 1841
 Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-đơ*

*In theo bản đăng trong tạp
 chí
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - Ô-xna-bruych nơi mà I-ô-han Các Béc-tơ-ram Stuy-vơ đã làm thị trưởng.

CHUYỂN DI HÀI HOÀNG ĐẾ¹³⁰

Đường phố Pa-ri vắng người: toàn dân chúng
 Râm rộ tới sông Xen;
 Mặt trời Pháp chiếu sáng, nhưng bóng râm
 Trùm lên vắng trán kiêu hãnh của nó.

Người Pa-ri vui tính đã im lặng, -
 Tiệc lớn mừng vinh quang mới không quyến rũ họ;
 Người chiến sĩ anh hùng,
 Ngọn roi của châu Âu, thân tượng của Pháp đang đến
 gần họ.

Di hài hoàng đế có đám đông
 Cựa binh đầu bạc bao quanh,
 Tiến về Pa-ri, quần quýt quang vinh,
 Trong tiếng gầm đại bác, tiếng phân phật của cờ.

Thủ đô kiêu hãnh, như có lúc,
 Nằm dưới chân thân tượng của mình;
 Mặc cho sự rửa hận càng khổ não hơn lúc nào
 Đe dọa nó, - sự trả thù sôi sục trong thâm tâm.

Ôi âm nhạc của chiến tranh và chết chóc!
 Người ra lệnh cho trái tim người Pháp đập mạnh hơn;
 Không phải với sự hào nhoáng sau Ô-xtéc-lít
 Hoặc trong những ngày Ma-ren-gô ông ta vào Pa-ri?

Và như lúc đó qua hàng ngũ đám đông yêu dấu
 Ông nhảy, mím cái miệng câm và nhợt nhạt,
 Nay là di hài vĩnh viễn được soi sáng -
 Giữa đám đông ông sẽ tiến lên.

Đội vệ binh đâu? Tướng Đôm-brốp-xki,
 Lãnh tụ không thể đánh bại của các trung đoàn đâu?
 Và Mui-rát dũng mãnh đâu? Pô-nhi-a-tốp-xki đâu?
 Đâu nguyên soái Nây, người dũng cảm trong số những
 người dũng cảm?

Đám đông người hùng mạnh trở thành nạn nhân của số
 phận dữ dằn,

Tiếng sấm Oa-téc-lô biến họ thành tro tàn;
 Tàn dư đội vệ binh bước đi ở đây nghiệt ngã,
 Chỉ có Mông-tô-lông rên xiết trong gông xiềng.

Vẻ đẹp và màu sắc toàn nước Pháp - cả già
 Lẫn trẻ - đi theo sau chiếc quan tài;
 Nổi đau thương rộng khắp người cộng hòa hung dữ,
 Cùng tất cả mọi người rơi lệ.

Ai - những người trên trán cháy đỏ thành loạt
 Dấu ấn của thắng lợi và dấu vết của khổ đau cay đắng,
 Thân hình kiêu hãnh dưới áo tang?
 Hãy biết: hàng hàng người Ba Lan đau buồn.

Và kim loại và đá của hoàng đế
 Người ta chào từ cửa vòm và cột đá,
 Trong đó vẫn là ngọn lửa quả cảm,

Mà ông đã đốt cháy suốt đời mình.

Nhà ông đã mất, ngai vàng biến thành tro bụi,
Giác mơ ngạo mạn đã tan như mây khói;
Như A-léch-xan-đrơ, ông nằm bất động,
Không viết di chúc trao ngai vàng cho con cháu.

Hoàng đế ngủ, thánh lễ đã ngừng;
Những hàng quân đứng, như người lính gác
Bao phủ màn sương những cái bóng long trọng;
Đền - lăng mộ trên vị thần đã chết.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Chạp 1840
Đã đăng trong tạp chí "Telegraph für
Deutschland" số 23 tháng Hai 1841
Ký tên: Phri-drích Ô.*

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

"HỒI KÝ" CỦA IM-MƠ-MAN TẬP THỨ NHẤT. HÂM-BUỐC, HỚP-MAN VÀ CAM-PE. 1840^{1*}

Tin về cái chết của Im-mơ-man là một đòn nặng đối với chúng ta, những người dân vùng Ranh, không chỉ vì ý nghĩa ông là nhà thơ, mà còn vì ông là một con người, tuy đúng ra có thể nói về nhân cách của Im-mơ-man nhiều hơn là về nhà thơ Im-mơ-man rằng ý nghĩa nhân cách của ông chỉ mới bắt đầu thể hiện thực sự. Ông có quan hệ độc đáo với các lực lượng văn học trẻ xuất hiện cách đây không lâu ở vùng Ranh và Ve-xtơ-pha-li; vì rằng về mặt văn học thì Ve-xtơ-pha-li và vùng Hạ Ranh gắn chặt với nhau, mặc dù cho tới nay vẫn có sự phân chia rõ rệt về mặt chính trị, và không phải vô cơ mà tờ "Rheinisches Jahrbuch" là trung tâm liên kết đối với các tác giả của cả hai tỉnh. Tỉnh Ranh cho đến nay đã đứng bên lề văn học chừng nào, thì giờ đây các nhà thơ tỉnh Ranh lại cố gắng chừng ấy để đóng vai đại biểu của quê hương mình trong khi hoạt động về mặt này, nếu không phải là theo một kế hoạch thống nhất đi nữa, thì vẫn với khát vọng hướng tới mục đích *thống nhất*. Khát vọng như vậy hiếm khi thành công nếu không có một trung tâm dưới dạng một cá nhân mạnh nào đó mà những nhà thơ trẻ hơn phục tùng, đồng thời không mấy may hy sinh tính độc lập của mình, - và đối với các nhà thơ vùng Ranh hình như Im-mơ-man đã chuẩn bị để trở thành trung tâm ấy. Mặc dù có một số định kiến đối

^{1*} Immermanns Memorabilien. Erster Band. Hamburg, Hoffman und Campe. 1840

với dân cư vùng Ranh, nhưng ông đã dần dà kết thân với họ; ông công khai dần hòa với khuynh hướng văn học hiện đại mà toàn bộ giới trẻ đều theo; ông thấm nhuần những xu hướng tươi mới, và các tác phẩm của ông đã được thừa nhận ngày càng nhiều. Nhờ vậy mà phạm vi những nhà thơ trẻ tập hợp xung quanh ông và đến với ông từ những vùng lân cận ngày càng mở rộng; chẳng hạn như Phrai-li-grát, khi đang lập sổ hóa đơn và lập sổ tài khoản vắng lai ở Bác-men đã nhiều lần gặp sổ cái lại để sống một hai ngày với Im-mơ-man và với những nghệ sĩ Đuyt-xen-đoóc-phơ! Vậy là Im-mơ-man đã giữ một vị trí quan trọng trong một số ước mơ đang nảy nở ở đâu đó về trường phái thơ ca vùng Ranh – Ve-xơ-pha-li; ông là cầu nối giữa văn học tỉnh lẻ và văn học toàn Đức khi danh tiếng của Phrai-li-grát chưa chín muồi. Ai có thể hiểu được những mối quan hệ và liên hệ qua lại như vậy thì đối với người ấy từ lâu điều đó không còn là bí mật nữa; ngay cách đây một năm, Rai-nơ-hôn Khuê-xơ-lin cùng những người khác đã nêu ý kiến trong "Europa" rằng Im-mơ-man sẽ giữ vị trí mà Gơ-tơ đã giữ lúc về già¹³¹. Cái chết đã xé tan tất cả những hy vọng và mơ ước về tương lai ấy.

Mấy tuần sau khi Im-mơ-man mất đã xuất hiện quyển "Hồi ký" của ông. Nhưng ông đã hoàn toàn chín muồi hay chưa – vì ông vẫn còn là một trung niên - để viết những hồi ký của chính mình? Số phận của ông trả lời là rồi, còn quyển sách của ông thì trả lời là chưa. Nhưng chúng ta không nên xem quyển "Hồi ký" là bản thanh toán của một ông già với cuộc đời, một ông già, bằng cách đó, tuyên bố con đường đời của mình đã hoàn thành. Im-mơ-man đúng ra đã tổng kết thời kỳ hoạt động sớm hơn của mình, thời kỳ đặc biệt lãng mạn, và vì thế quyển sách của ông tất nhiên mang dấu ấn của một tinh thần khác nào đó so với những tác phẩm của thời kỳ ấy. Hơn nữa, những thay đổi to lớn đã xảy ra trong mười năm gần đây đã đẩy các sự kiện

được mô tả trong sách lùi xa đến mức ngay cả ông, người cùng thời của chúng, cũng cảm thấy là cái đã lùi vào dĩ vãng lịch sử. Và tuy vậy, tôi vẫn cảm thấy tôi có quyền nói rằng qua mười năm nữa Im-mơ-man sẽ có thể bao quát các sự kiện của thời mình một cách thoáng hơn và rộng hơn và sẽ có thái độ khác hơn đối với cuộc chiến tranh giải phóng – cốt lõi cơ bản trong lời thuật lại của ông. Dù sao đi nữa, phải xem xét quyển "Hồi ký" như trạng thái của nó.

Nếu ngay trong quyển "Những hậu bối", nhà lãng mạn trước đây đã mong muốn đạt được đỉnh cao của sự uyển chuyển và yên tĩnh kiểu Gơ-tơ, nếu "Muyn-hau-den"¹³² đã hoàn toàn được viết theo phong cách thơ hiện đại, thì tác phẩm của Im-mơ-man xuất bản sau khi ông mất cho thấy càng rõ hơn rằng ông biết đánh giá cao như thế nào các thành tựu văn học mới nhất. Phong cách, và cùng với nó là cả hình thức cảm nhận, đều hoàn toàn hiện đại; chỉ có nội dung chín chắn hơn, tài liệu phân bố chặt chẽ hơn, các tính cách biểu hiện độc đáo rõ nét và tâm trạng phản hiện đại, tuy khá kín đáo của tác giả làm cho quyển sách đó nổi bật lên trong khối những tài liệu mô tả, nhận định, hồi ức, đàm thoại, tình huống, tình hình v.v. mà hiện nay tràn đầy trong sách báo chúng ta đang khốn khổ chờ đợi bầu không khí thơ ca lành mạnh. Đồng thời Im-mơ-man có đủ sự tế nhị để không thường xuyên thu hút lên diễn đàn phản tư những điều đòi hỏi một tòa án khác hơn là tòa án của lý trí trần trụi.

Đề tài của tập thứ nhất nằm trước mặt chúng ta là "Thanh niên cách đây hai mươi lăm năm" và những ảnh hưởng chiếm ưu thế trong thanh niên. Trong "Lời kêu gọi" mở đầu đã giải thích hết sức chính xác tính chất của toàn bộ tác phẩm. Một mặt, phong cách hiện đại, ngôn từ hiện đại, thậm chí các nguyên tắc hiện đại, mặt khác là các đặc điểm của tác giả từ lâu đã mất ý nghĩa đối với đông đảo bạn đọc. Im-mơ-man viết – như

ông nêu lên một cách khá khô khan - cho người Đức đương thời, cho những người xa với các cực đoan của chủ nghĩa dân tộc Đức, cũng như của chủ nghĩa thế giới; dân tộc được ông hiểu theo nghĩa hoàn toàn hiện đại và ông đưa ra những tiên đề mà nếu phát triển chúng một cách lô-gích thì chúng sẽ đưa đến chỗ xác lập chủ quyền, như là sứ mệnh của nhân dân; ông kiên quyết phản đối bệnh "thiếu tin vào mình, sự say mê bạo dòn và hạ mình"¹³³ mà người Đức mắc phải. Và bên cạnh những điều đó, Im-mơ-man vẫn có sự thiên vị đặc biệt đối với tinh thần Phổ mà ông chỉ có thể dẫn ra những lý lẽ rất yếu ớt để biện minh cho nó, và việc nhắc đến một cách rất lạnh lùng, lãnh đạm về nguyện vọng lập hiến ở Đức, hoàn toàn cho thấy rõ rằng Im-mơ-man vẫn chưa thể hiểu được sự thống nhất của tất cả mọi mặt của đời sống tinh thần hiện đại. Chúng ta thấy rõ rằng khái niệm "hiện đại" tuyệt nhiên không hợp với ông, vì ông chống lại nhiều nhân tố của cái "hiện đại" ấy, tuy đồng thời ông cũng không thể từ bỏ khái niệm đó được.

Những điều hồi tưởng thực sự thì bắt đầu từ "Những hồi ức của một cậu bé". Im-mơ-man vẫn trung thành với lời mình hứa chỉ kể về những thời điểm khi "lịch sử đã tiến hành cuộc điểu hành của nó đi qua ông"¹³⁴. Ý thức của cậu bé phát triển lên thì các sự kiện thế giới cũng tăng mạnh, một ngôi nhà đồ sộ được dựng lên mà ông đã phải là người chứng kiến sự sụp đổ của nó. Những làn sóng của lịch sử lúc đầu âm ào ở đằng xa, trong trận đánh ở I-ê-na đã phá huỷ chiếc đập của Bắc Đức nay lan ra khắp nước Phổ tự mãn, giờ đây khảng định lời nói của ông vua vĩ đại "Après moi le déluge"^{1*} cũng đặc biệt đối với quốc gia của ông¹³⁵, và trước hết những làn sóng ấy làm ngập thành

1* – "Sau ta dù có nạn hồng thủy thì cũng mặc".

phố quê hương của Im-mơ-man là Mác-đơ-buốc. Phần này là phần hay nhất trong quyển sách. Im-mơ-man mạnh về trần thuật hơn là về suy lý, và ông đã thành công rực rỡ trong việc mô tả sự phản ánh các sự kiện thế giới trong trái tim của một người riêng biệt. Hơn nữa, đó đúng là cái điểm mà bắt đầu từ đấy ông công khai – thật ra chỉ trong một thời gian - tham gia vào sự nghiệp tiến bộ. Đối với ông cũng như đối với tất cả những người tình nguyện của năm 1813, nước Phổ trước năm 1806 là một ancien régime^{1*} của nhà nước đó, nhưng cũng nước Phổ ấy sau năm 1806, - điều này giờ đây người ta ít vui lòng đồng ý hơn, - là một quốc gia đã hoàn toàn hồi sinh với một trật tự mới. Nhưng sự hồi sinh của Phổ là một vấn đề đặc biệt. Lần hồi sinh thứ nhất của phổ là sự nghiệp của Phri-đrich đại đế - người ta đã ca ngợi như vậy nhân dịp kỷ niệm năm ngoài đến mức không thể hiểu nổi bằng cách nào mà hai mươi năm của thời kỳ thay ngôi vua lại có thể gây ra sự cần thiết của lần hồi sinh thứ hai¹³⁶. Rồi sau đó người ta quả quyết với chúng ta rằng mặc dù có hai lần rửa tội bằng lửa, nhưng A-đam thoi thóp trong thời gian cuối cùng lại bắt đầu cho thấy những dấu hiệu rõ rệt của sự sống. Song trong phần đang xem xét, Im-mơ-man giải thoát chúng ta khỏi những sự ca ngợi statuts quo^{2*}, và chỉ sau đó chúng ta mới thấy rõ hơn con đường của Im-mơ-man và con đường của thời đại mới khác nhau ở chỗ nào.

"Trước khi vào đời sống xã hội thanh niên phải được gia đình, trường học, sách báo giáo dục, đối với thế hệ đang nói ở đây, phương tiện giáo dục thứ tư còn là chế độ chuyên chế. Gia đình nuông chiều thanh niên, trường học cách ly nó, sách báo lại đưa họ ra khoảng trời rộng lớn; còn chế độ chuyên chế thì đã đem lại cho chúng ta những yếu tố của tính cách"¹³⁷.

1* – chế độ cũ.

2* – hiện trạng.

Phần quyển sách chứa đựng những điều suy ngẫm được viết trên cơ sở sơ đồ đó mà không thể không tán thành nó, vì một ưu thế to lớn của nó là khả năng xem xét tiến trình phát triển của ý thức trong sự nối tiếp liên tục của các nấc thang của nó. Phần nói về gia đình thì hoàn toàn tốt trong chừng mực còn đề cập đến gia đình cũ, và chỉ tiếc rằng Im-mơ-man không cố gắng liên kết các mặt sáng và tối thành một chỉnh thể. Ở đây tất cả mọi nhận xét của ông đều hết sức đạt. Nhưng cách nhìn của ông về gia đình mới lại cho thấy rằng ông chưa thoát khỏi các định kiến cũ và chưa thoát khỏi sự bất bình về các hiện tượng của thập kỷ vừa qua. Tất nhiên, "sự tốt bụng kiểu gia trưởng", sự thỏa mãn với tổ ấm gia đình ngày càng nhường chỗ cho sự bất bình, sự không thỏa mãn với những niềm vui của đời sống gia đình, nhưng ngày càng biến mất cả lễ thói phi-li-xtanh của sinh hoạt gia trưởng, vàng hào quang của cái chao đèn ban đêm, - và những nguyên nhân bất bình mà Im-mơ-man chỉ ra hầu như hoàn toàn đúng, tuy quá gay gắt, chính là những dấu hiệu của một thời đại còn đang đấu tranh chưa hoàn thành. Thế kỷ trước khi chịu sự thống trị của ngoại bang đã hoàn thành, và với tư cách như vậy nó mang trên mình dấu ấn của sự yên tĩnh, nhưng cả của trạng thái không hoạt động; nó đã sống lay lắt, chứa đựng trong mình mầm mống của sự tan rã. Tác giả của chúng ta lẽ ra có thể nói hoàn toàn vắng tất: gia đình mới không thể thoát khỏi cảm giác nào đó về sự bất tiện, vì gia đình mới đứng trước những yêu cầu mới mà nó chưa biết kết hợp với các quyền của chính mình. Xã hội, như chính Im-mơ-man cũng đồng ý, đã trở nên khác rồi; đã xuất hiện một yếu tố hoàn toàn mới – đó là đời sống xã hội; văn học, chính trị, khoa học – tất cả những cái đó giờ đây xâm nhập sâu hơn vào gia đình, và gia đình khó bố trí tất cả những vị khách xa lạ ấy. Toàn bộ vấn đề là ở đó! Trong gia đình, các phong tục cũ còn quá mạnh nên chưa thể thỏa thuận và thu xếp quan hệ tốt với những người mới đến, và

ở đây sự hồi sinh của gia đình tất nhiên sẽ diễn ra; quá trình đau khổ rồi cuộc phải được vượt qua, và tôi cảm thấy rằng gia đình cũ thực sự cần điều đó. Và lại, Im-mơ-man nghiên cứu gia đình hiện đại lại chính là ở bộ phận sôi nổi nhất, đặc biệt chịu các ảnh hưởng hiện đại của nước Đức, ở vùng Ranh, mà chính ở đây sự bất bình do quá trình chuyển tiếp gây ra đã thể hiện rõ rệt hơn cả. Ở các thành phố tỉnh lẻ của miền Trung nước Đức, gia đình cũ vẫn tiếp tục tồn tại dưới bóng cái áo thụng cứu tinh duy nhất; ở đây xã hội còn ở trình độ năm 1799; người ta lảng tránh đời sống xã hội, văn học, khoa học một cách hoàn toàn bình tĩnh, bình tâm và không ai cho phép đánh bật mình ra khỏi quỹ đạo quen thuộc. - Để xác nhận những điều ông nói về gia đình cũ, tác giả còn dẫn ra "những giai thoại giáo dục học" và sau đó kết thúc phần trần thuật trong quyển sách của mình bằng chương về "chú bác", nhân vật tiêu biểu của thời đại cũ. Sự giáo dục mà thế hệ đang lớn lên nhận được trong gia đình thì đã kết thúc; thanh niên lao vào vòng tay của khoa học và văn học. Ở đây bắt đầu những phần ít thành công hơn của quyển sách. Về thời kỳ học trò thì ở Im-mơ-man nó trôi qua vào lúc linh hồn của mọi khoa học, triết học, và cơ sở của những kiến thức mang lại cho tuổi trẻ, - nghiên cứu thời cổ đại, đã ở trong quá trình cải tạo nhanh đến chóng mặt, và Im-mơ-man không có may mắn tham gia đến cùng với tư cách học sinh vào cuộc cách mạng này: khi cuộc cách mạng đó hoàn thành thì ông đã tốt nghiệp trường phổ thông từ lâu. Ngay từ đầu Im-mơ-man chỉ dừng lại ở việc chỉ ra rằng việc học tập vào những năm ấy có tính chất phiến diện, và mãi về sau ông mới bổ sung cho bức tranh và trong những phần riêng biệt ông trình bày những khối óc có ảnh hưởng nhất của thời ông. Khi nói về Phi-ớt, ông đi vào triết học, điều này có thể làm cho các đại biểu của tư tưởng triết học chúng ta cảm thấy khá lạ lùng. Ở đây ông đi vào những

điều suy luận sắc sảo về đề tài mà để hiểu nó chỉ có sự sắc sảo và óc quan sát của nhà thơ thì chưa đủ. Những người nghiêm khắc thuộc phái Hê-ghen của chúng ta sẽ khiếp sợ như thế nào sau khi đọc ở đây sự trình bày lịch sử của triết học trong ba trang giấy. Và cần thừa nhận rằng khó nói về triết học một cách tài tử hơn so với ở đây. Ngay luận điểm đầu tiên của ông nói rằng triết học luôn luôn dao động giữa hai điểm, đi tìm cái xác thực hoặc trong sự vật hoặc trong cái "Tôi", rõ ràng là đã được viết hợp ý cái "Tôi" của Phi-stơ đi theo "vật tự nó" của Can-tơ; và nếu luận điểm đó còn khó có thể vận dụng với Sê linh, thì nó hoàn toàn không thể vận dụng được với Hê-ghen. – Xô-crát được gọi là hiện thân của tư duy, và chính vì thế mà ông không được thừa nhận là có khả năng xây dựng nên hệ thống của mình; trong ông dường như đã kết hợp học thuyết thuần túy với việc trực tiếp đi sâu vào kinh nghiệm, mà vì sự kết hợp như vậy đã ở ngoài phạm vi khái niệm, nên Xô-crát chỉ có thể tỏ ra là một cá nhân, chứ không thể nào là người tạo ra một học thuyết riêng biệt. Lẽ nào những luận điểm như vậy ắt không làm cho thế hệ đã lớn lên dưới ảnh hưởng của Hê-ghen tỏ ra hết sức lúng túng hay sao? Mọi triết học có chấm dứt ở nơi mà sự hòa hợp của tư duy và kinh nghiệm "vượt ra ngoài phạm vi khái niệm" hay không? Lô-gích nào sẽ có thể đứng vững ở nơi mà tình trạng không có hệ thống được thừa nhận là thuộc tính tất yếu của sự "hiện thân của tư duy"?

Nhưng vì sao lại phải đi theo Im-mơ-man vào lĩnh vực mà bản thân ông chỉ muốn đề cập lướt qua thôi? Chỉ cần chỉ ra rằng ông ít có khả năng gắn triết học của Phi-stơ với cá nhân ông, cũng như khắc phục những luận điểm triết học của các thế kỷ trước là đủ. Nhưng ông lại mô tả một cách tuyệt diệu tính cách của Phi-stơ với tư cách là nhà hùng biện hướng về nhân dân Đức, cũng như là người sốt sắng tuyên truyền cho môn thể dục của I-an. Những lời nhận xét đó chiếu rọi nhiều ánh sáng

lên các lực lượng và các tư tưởng đang tác động mà thanh niên lúc bấy giờ đang ở trong phạm vi của chúng, hơn là những suy luận tràng giang đại hải. Ngay cả ở những chỗ Im-mơ-man nói về văn học, chúng ta đọc về thái độ của "thanh niên hai mươi lăm năm về trước" đối với những nhà thơ vĩ đại, với sự thích thú nhiều hơn là đọc lời suy luận ít có căn cứ về việc văn học Đức khác với tất cả những nền văn học anh em của nó có nguồn gốc hiện đại không phải thuộc nguồn gốc Rô-manh. Không thể không coi là gượng ép việc cố gắng tìm kiếm ở Coóc-nen những cội rễ lãng mạn trung cổ hoặc thấy ở Sếch-xpia nhiều cái thuộc thời trung cổ bên cạnh nguyên liệu mà ông đã mượn từ đó. Có thể có sự thể hiện ra ở đây lương tâm không hoàn toàn trong sạch của nhà lãng mạn cũ muốn thoát khỏi lời chê trách về chủ nghĩa lãng mạn tiềm ẩn còn được duy trì hay không?

Phần nói về chế độ chuyên chế – cụ thể là chế độ chuyên chế của Na-pô-lê-ông – cũng sẽ không được tán thành. Sự sùng bái của Hai-nơ đối với Na-pô-lê-ông xa lạ với ý thức của nhân dân, nhưng chưa chắc đã có ai hài lòng trước việc Im-mơ-man ở đây vừa đòi nhà sử học phải vô tư, vừa phát biểu với tư cách là một người Phổ bị xúc phạm. Dĩ nhiên, ông đã cảm thấy rằng ở đây cần vươn lên cao hơn quan điểm dân tộc Đức và đặc biệt là quan điểm Phổ; vì vậy ông rất thận trọng trong cách nói, cố gắng – trong chừng mực có thể – thích nghi với cách nghĩ hiện đại và chỉ dám nói lên những điều vụn vặt và thứ yếu. Nhưng dần dần ông trở nên mạnh dạn hơn, ông thú nhận rằng ông không hoàn toàn hiểu vì sao người ta liệt Na-pô-lê-ông vào số những con người vĩ đại, ông mô tả chế độ chuyên chế hoàn chỉnh và chứng minh rằng trong nghề này Na-pô-lê-ông là kẻ dẫn độn tầm thường và bất tài. Song có thể hiểu những con người vĩ đại không phải bằng cách như thế.

Như vậy, Im-mơ-man – nếu không nói về một số tư tưởng

vượt lên trước quan điểm của ông - dù sao về cơ bản cũng xa lạ với ý thức hiện đại. Nhưng vẫn không thể liệt ông vào bất cứ đảng nào trong số những đảng mà người ta thường phân status quo tinh thần của nước Đức thành những đảng như thế. Ông dứt khoát bác bỏ khuynh hướng mà dường như ông gần gũi nhất với nó - khuynh hướng say mê tinh thần Tơ-tông. Tính chất nhị nguyên rõ ràng của Im-mơ-man đã thể hiện trong cách suy nghĩ của ông, một mặt, với tư cách là chủ nghĩa Phổ, mặt khác, với tư cách là chủ nghĩa lãng mạn. Nhưng chủ nghĩa Phổ ở ông dần dần biến thành văn xuôi được đo lường một cách máy móc và nhạt nhẽo nhất, chủ yếu vì ông từng là một quan chức, còn chủ nghĩa lãng mạn thì biến thành tính nhạy cảm vô độ nào đó. Chừng nào Im-mơ-man còn đứng trên lập trường này thì ông không thể tranh thủ được sự thừa nhận thực sự và ông đã phải ngày càng thấy rõ rằng những khuynh hướng ấy chẳng những là những mặt đối lập hoàn toàn, mà còn trở nên ngày càng không quan trọng đối với trái tim dân tộc.

Cuối cùng, ông đã mạnh dạn tiến một bước nào đó trong lĩnh vực thơ ca và đã viết "Những hậu bối". Và tác phẩm đó vừa mới rời khỏi cửa hiệu của người xuất bản sách thì nó đã có thể cho tác giả của nó hiểu rằng cái cản trở việc tài năng của ông được dân tộc và nền văn học trẻ thừa nhận một cách phổ biến chỉ là xu hướng trước kia của ông. Quyển sách "Những hậu bối" hầu như ở mọi nơi đều được đánh giá theo đúng phẩm chất của nó và đã tạo cơ hội cho việc phê phán gay gắt tính cách của tác giả của nó mà cho đến nay Im-mơ-man chưa quen sự phê phán ấy. Nền văn học trẻ - nếu vận dụng tên gọi này cho những trích đoạn của cái chưa bao giờ hoàn chỉnh - là nền văn học đầu tiên thừa nhận ý nghĩa của Im-mơ-man và thực sự giới thiệu dân tộc với nhà thơ. Do sự bất đồng ngày càng gay gắt giữa chủ nghĩa Phổ và thơ ca lãng mạn và do các tác phẩm của mình tương đối ít nổi tiếng, nên Im-mơ-man đã bực bội trong lòng, và

trong các tác phẩm của ông bất giác nổi lên dấu ấn ngày càng rõ nét của sự cô lập nghiệt ngã. Giờ đây, sau khi tiến một bước nào đó, cùng với việc được thừa nhận, ông đã có được một tinh thần khác, thoải mái hơn và vui tươi hơn. Sự hào hứng thời trẻ trước đây đã sống lại, và trong quyển "Muyn-hau-den" ở Im-mơ-man đã thấy có bước ngoặt tiến đến chỗ dàn hòa với mặt thực tiễn - lý trí của tính cách. Ông đã làm thỏa mãn những cảm tình lãng mạn vẫn còn chi phối ông bằng quyển "Ghi-xmôn-đa" và quyển "Tơ-ri-xtan"; nhưng có gì khác nhau so với những tác phẩm lãng mạn trước kia, trong hai quyển ấy có bao nhiêu chất uyển chuyển, đặc biệt là so với quyển "Méc-lin"¹³⁸!

Đối với Im-mơ-man, nói chung chủ nghĩa lãng mạn chỉ là hình thức; sự tỉnh táo của tinh thần Phổ đã cứu ông khỏi chất ước mơ của trường phái lãng mạn, nhưng mặt khác, sự tỉnh táo này đã làm cho ông phần nào ác cảm đối với sự phát triển hiện đại. Người ta biết rằng Im-mơ-man, tuy về mặt tôn giáo là người rất mực tự do tư tưởng, nhưng về mặt chính trị ông là người quá sốt sắng ủng hộ chính phủ. Quả thật, nhờ thái độ của mình đối với nền văn học trẻ mà ông đã trở nên gần gũi hơn với những khát vọng chính trị của thời đại và bắt đầu xem xét chúng dưới một góc nhìn khác; trong khi đó, như quyển "Hồi ký" cho thấy, tinh thần Phổ ở trong ông còn hết sức vững chắc. Chính trong quyển sách đó người ta vẫn gặp không ít những lời phát biểu tương phản rõ nét với những quan điểm cơ bản của Im-mơ-man và gắn chặt với cơ sở hiện đại đến mức cần phải thừa nhận ảnh hưởng đáng kể của tư tưởng hiện đại đối với ông. Quyển "Hồi ký" chứng tỏ rõ ràng nỗ lực của tác giả của nó để hòa nhập với thời đại mình và có thể, ai mà biết được, chính dòng chảy của lịch sử có thể sẽ dần dần xói mòn con đập chủ nghĩa bảo thủ và chủ nghĩa Phổ mà Im-mơ-man ẩn náu sau đó?

Và còn một nhận xét nữa! Im-mơ-man nói rằng tính cách của

thời đại mà ông mô tả trong quyển "Hồi ký" chủ yếu là tính chất niên thiếu: vang lên những ý tứ thời trẻ, nổi lên hàng đầu là những tâm trạng thời trẻ. Nhưng chẳng phải trong thời đại chúng ta cũng thấy có điều y như vậy đó sao? Thế hệ văn học già đã chết đi, thanh niên bắt đầu chiếm lĩnh diễn đàn. Hơn bất cứ lúc nào, tương lai của chúng ta phụ thuộc vào thế hệ đang lớn lên, vì nó sẽ phải giải quyết những mâu thuẫn ngày càng lớn. Đúng là những người già phàn nàn kinh khủng về thanh niên và quả thật thanh niên rất không ngoan ngoãn; nhưng cứ để cho thanh niên đi con đường của họ; họ sẽ tìm thấy đường đi của họ, còn người nào lạc đường thì sẽ tự mình có lỗi trong việc đó. Vì rằng hòn đá thử vàng đối với thanh niên là nền triết học mới; cần phải dùng lao động ngoan cường làm chủ nó, đồng thời không để mất nhiệt tình của tuổi trẻ. Người nào sợ rừng rậm, nơi có lâu đài tư tưởng, ai không đi băng qua nó nhờ thanh kiếm và không dùng cái hôn để đánh thức nàng công chúa đang ngủ, thì người đó không xứng đáng với nàng và với vương quốc của nàng; cứ để họ đi đâu tùy ý, cứ để họ trở thành mục sư thôn quê, nhà buôn, quan bồi thẩm hoặc ai đó cũng được, cứ để họ lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái với sự chúc phúc của chúa, nhưng thời đại không thừa nhận người đó là đứa con của mình. Để làm việc đó không nhất thiết phải trở thành người thuộc phái Hê-ghen già, ném cho các bạn những thuật ngữ "tự nó" và "cho nó", "chỉnh thể" và "đặc tính", nhưng không được sợ động não, vì nhiệt tình đích thực chỉ là thứ nhiệt tình giống như con đại bàng, không sợ mây đen của những điều tư biện và không khí loãng trên đỉnh cao trừu tượng khi vấn đề đặt ra là bay tới để đón mặt trời chân lý. Mà cả thanh niên ngày nay cũng đã trải qua trường học của Hê-ghen với ý nghĩa này; và không phải chỉ một hạt giống nào của hệ thống đã thoát khỏi cái vỏ khô để sau đó nảy mầm tươi tốt trong lòng ngực trẻ trung. Nhưng chính cái đó sẽ đem lại niềm tin cực kỳ to lớn vào thời đại hiện nay, vào việc vận

mệnh của nó phụ thuộc không phải vào sự khôn ngoan sợ dẫu tranh, không phải vào thói phi-li-xtanh đã trở thành thói quen của tuổi già, mà vào ngọn lửa cao quý, không thể kìm chế được của tuổi trẻ. Vì vậy chúng ta hãy đấu tranh cho tự do chùng nào chúng ta còn trẻ và tràn đầy sức mạnh nồng nhiệt; ai mà biết được liệu chúng ta sẽ còn có khả năng làm việc đó khi tuổi già đến hay không!

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu năm 1841
Đã đăng trong tạp chí "Telegraph für
Deutschland" các số 53, 54 và 55; tháng
Tư 1741
Ký tên: Phri-đrich - Ô-xvan-đơ*

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

[NHỮNG TIN BÀI GỬI TỪ BRÊ-MEN] CUỘC TRANH CÃI TRONG GIÁO HỘI^{1*}

Brê-men, tháng Giêng

Cùng với năm đã trôi qua, những cuộc tranh cãi của chúng ta về các vấn đề của giáo hội về cơ bản đã kết thúc. Dù sao, những bài luận chiến còn được chờ đợi diễn ra trong thời điểm hiện nay không thể hy vọng thêm nữa vào sự chú ý của công chúng đông đảo mà trước kia họ đã dành cho những bài tranh luận ấy. Sẽ không còn cái đã diễn ra trước kia khi mỗi tuần bán hết mấy ấn phẩm. Vậy mà những cuộc tranh cãi như vậy chủ yếu nhằm vào sự tham gia của dân chúng. Vấn đề chỉ có ý nghĩa trên nền tảng của những khuynh hướng đã bị khoa học bác bỏ từ lâu thì không thể có tham vọng có được sự quan tâm thuần túy khoa học. - Mục sư Pa-ni-en đã bù lại việc chậm xuất bản tác phẩm của mình - nhằm chống lại quyển "Đổi đáp thần học"¹¹⁰ của Crum-ma-khơ - bằng khối lượng đồ sộ của tác phẩm đó¹¹¹. Trên mười tờ in ông ta công kích đối thủ của mình. Trong lời tựa ông giải thích rằng ông muốn đập lại những lời công kích có thể tiếp diễn bằng cách viện dẫn lịch sử phái kiên thành⁹ và chứng minh rằng khuynh hướng đó bắt nguồn từ đa thần giáo. Dĩ nhiên, nguồn gốc đó phải là cái gì đó giống như nguồn gốc của A-rê-tu-da¹³⁹ đã chảy rất lâu dưới lòng đất trước khi đi ra

1* Xem tập này, tr. 153-155 và 159-162.

ngoài trên mảnh đất Cơ Đốc giáo. Ở những phần còn lại, ông ta sử dụng quyền trả đũa để chống lại đối thủ của mình, ngoài những lời chỉ trích thông thường chĩa vào phái kiên thành ra, ông còn trả lại một cách trung thực cho đối thủ hầu như mỗi lời chửi bới. Như vậy, toàn bộ cuộc đấu tranh rốt cuộc quy tụ thành những chuyện cãi vã bằng ngôn từ; những lời khẳng định đúng có một nửa được ném qua ném lại như quả bóng và rốt cuộc có lẽ quy tụ thành việc định nghĩa các khái niệm, nghĩa là quy về cái lẽ ra phải làm trước khi cuộc tranh cãi bắt đầu. Song chủ nghĩa duy lý¹⁰⁶ luôn luôn ở vào vị thế như vậy trước tinh thần chính thống. Nó như thế là vì địa vị trung gian của nó, đứng ở địa vị đó, nó muốn lúc thì đóng vai sự phát triển mới của tinh thần Cơ Đốc giáo, lúc thì đóng vai hình thức ban đầu của tinh thần đó, và trong cả hai trường hợp nó đều chiếm hữu các thuật ngữ kinh thánh của chính giáo, tuy với ý nghĩa đã thay đổi. Chủ nghĩa duy lý không trung thực cả đối với chính mình lẫn đối với kinh thánh; trong miệng của nó, những khái niệm như khả thị, cứu rỗi và cảm hứng mang ý nghĩa cực kỳ không xác định và bị bóp méo. - Tính chất khô khan về lý trí của chủ nghĩa duy lý đã được Pa-ni-en đưa lên tầm cao hiếm có. Với lô-gích khủng khiếp, đúng ra với lô-gích của Vôn-phơ hơn là lô-gích của Can-tơ, ông ta coi công lao vĩ đại nhất của mình là làm nổi bật thật rõ tất cả các đoạn trong tác phẩm của mình. Lý lẽ của ông ta không phải là xác thật sống bao bọc cái sườn lô-gích, mà là mớ giẻ rách thấm tính đa cảm pha loãng mà ông ta treo phơi trên tất cả các góc nhô lên của ngôi nhà thờ. Vì những đoạn nói ngoài lề nhạt nhoè ấy - mà theo đó - bất chấp những khẩu hiệu chính thống mang tính chất tôn giáo chứa đựng trong chúng - ai ai cũng nhận ra người theo chủ nghĩa duy lý - thì cũng được Pa-ni-en rất yêu thích; ông ta chỉ không biết luyện chúng thành một mối với sự khô khan của những điều suy luận của mình và vì thế mà thường buộc phải cắt đứt dòng chảy của

những câu đẹp đẽ bằng những cách nói: thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Không có gì đáng ghét hơn là sự ngọt ngào vô vị khi nó hiện ra trên mỗi bước đi. Hay nhất trong toàn bộ quyển sách là những đoạn trích các tác phẩm của Crum-ma-khơ trong đó thể hiện rõ lối suy nghĩ thô thiển của con người này. - Tính chất kiên quyết mà chủ nghĩa duy lý biểu hiện ở đây đã kích thích những người thuyết giáo của phái chống đối ra lời tuyên bố chung được xuất bản dưới hình thức một cuốn sách mỏng và do hai mươi hai nhà thuyết giáo ký tên¹⁴⁰. Cuốn sách chứa đựng những nguyên tắc cơ bản của chính giáo được trình bày một cách nhất quán và có viện dẫn nửa kín nửa hở những tình tiết của cuộc tranh cãi đang diễn ra. Lời phát biểu đã dự định đăng trên báo chí của bảy nhà truyền giáo theo chủ nghĩa duy lý chưa được đưa ra. Nhưng sẽ sai lầm đối với những ai căn cứ vào tương quan của số nhà thuyết giáo để xét đoán tương quan giữa các phái trong công chúng.

Đa số nhà thuyết giáo theo phái kiên thành gồm những linh mục xứ đạo của vùng chúng ta đã từng nhận được chỗ làm một phần nhờ ưu thế tạm thời của phái mình, một phần nhờ lối đưa một cách vừa phải bà con thân thuộc vào chức vụ. Nhưng trong công chúng, số người theo phái duy lý so với những người theo phái kiên thành ít ra là bằng nhau, và họ chỉ thiếu người đại diện cương nghị có thể giải thích cho họ về địa vị của họ trong xã hội. Về mặt này Pa-ni-en là vô giá đối với những người đứng về phía ông ta; ông ta có dũng khí, tinh thần kiên quyết, còn trong một số lĩnh vực thì ông ta có đủ trình độ thông thái, và ông chỉ thiếu tài viết lách và hùng biện để tạo ra được một cái gì đó đáng kể. Gần đây đã xuất hiện nhiều cuốn sách nhỏ, phần lớn không ký tên, song không ảnh hưởng đến tâm trạng của công chúng. Cách đây mấy ngày cuốn sách "Những vần thơ không thuộc phái kiên thành"¹⁴¹ với khối lượng một tờ in đã được xuất

bản, nhưng nó không đưa lại vinh dự đặc biệt cho tác giả của nó và cần nhắc đến nó chỉ vì tò mò. Người phát ngôn chủ yếu của phái kiên thành Brê-men, nhà thuyết giáo có tài Ph.N.Ma-lét đã hứa cung cấp cho công chúng quyển sách "Tiến sĩ Pa-ni-en và kinh thánh", nhưng thậm chí nó chưa chắc sẽ được phái đối lập chú ý, thành thử có thể coi cuộc đấu tranh là đã kết thúc và có thể tổng kết những sự thăng trầm của nó từ góc độ chung là cái gì đó đã hoàn tất. - Cần thừa nhận rằng lần này phái kiên thành đã hành động khôn khéo hơn đối thủ của nó. Lúc đầu nó cũng có một số ưu thế so với phái duy lý, cụ thể là: uy tín hai nghìn năm và sự phát triển dù sao vẫn mang tính khoa học, tuy có phiến diện, nhờ sự giúp đỡ của các nhà thần học chính thống và nửa chính thống hiện đại. Trong khi đó phái duy lý, ngay cả trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ của nó, cũng đã nắm giữ hai làn đạn và đã bị Tô-lúc và Hê-ghen tấn công cùng một lúc. Phái duy lý chưa bao giờ có thể giữ lập trường rõ ràng đối với kinh thánh; nó có tính chất nửa vời bất hạnh mà lúc đầu hình như đã dứt khoát thừa nhận niềm tin vào mặc khải, nhưng trong những kết luận sau này của nó, nó đã hạn chế tính chất thần thánh của kinh thánh đến mức kinh thánh hầu như chẳng còn gì cả. Những sự dao động ấy đặt phái duy lý vào tình thế bất lợi mỗi khi nói đến việc luận chứng bằng kinh thánh các luận điểm lý luận của nó. Ca ngợi lý trí và đồng thời không tuyên bố sự tự trị của nó để làm gì? Vì rằng trong những trường hợp cả hai bên đều thừa nhận kinh thánh là cơ sở chung thì sự đứng đắn bao giờ cũng ở phái kiên thành. Nhưng ngoài ra, lần này phía phái kiên thành cũng có cả tài năng nữa. Một người như Crum-ma-khơ có thể trong một số trường hợp đã làm những điều vô vị, nhưng ông ta không bao giờ có thể viết đầy hàng trang những câu không có ý nghĩa nào cả, như Pa-ni-en đã làm. Tác phẩm tốt nhất trong số những thứ mà phái duy lý đã viết

ra là quyển "Rút phép thông công" mà *V.E.Vê-bơ* đã thừa nhận mình là tác giả của nó¹⁰⁹. Có lần *H.Sva-bơ* đã nói về *Stơ-rau-xơ* rằng ông này nổi bật trong đám những người chống cái thực chứng¹⁴² bằng cảm giác tinh tế đáng ngạc nhiên về cái đẹp trong tất cả mọi biểu hiện của cái đẹp. Bằng một nhận xét tương tự như vậy, tôi muốn tách *V.E.Vê-bơ* khỏi đám duy lý chủ nghĩa tầm thường. Ông đã mở rộng tâm mắt của mình bằng những nhận thức hiếm có về các nhà kinh điển Hy Lạp và Đức, và tuy không phải bao giờ cũng có thể đồng ý với một số lời khẳng định của ông, đặc biệt là những lời khẳng định giáo điều, nhưng sự tự do tư tưởng của ông, phong cách trình bày kiên quyết và cao quý - tất cả những cái đó phải được thừa nhận. Cuốn sách luận chiến chống lại ông xuất bản cách đây không lâu không có tất cả những thuộc tính đó. Một cuốn sách khác vừa mới xuất bản, cuốn "Tông đồ Pôn ở Brê-men"¹⁴³ được viết ra không phải không sắc sảo và chứa đựng những lời ám chỉ thú vị về các quan hệ chính trị và xã hội ở Brê-men, nhưng cả cuốn sách này cũng giải quyết cái gì đó ở mức độ không nhiều hơn những cuốn sách đã nhắc đến. - Đối với Brê-men, cuộc tranh cãi đó đã có ý nghĩa đặc biệt to lớn. Trước kia các phái chống nhau hoàn toàn vô nghĩa, và sự việc không đi xa hơn những lời bắt bẻ vụn vặt. Phái kiên thành đã hướng tới những mục đích của chính mình, trong khi phái duy lý ít quan tâm đến nó và chính vì vậy mà có một loạt quan niệm sai lệch về đối thủ của mình. Ở trong hội đồng giám mục, nghĩa là trong hội nghị đã được hợp pháp hóa của tất cả những người truyền giáo thuộc phái cải cách và phái hợp nhất của thành phố, phái duy lý cho đến nay chỉ có hai đại diện và lại rất rụt rè. Ngay sau khi đến, Pa-ni-en đã lập tức phát biểu kiên quyết hơn, và đã có lời đồn về những bất đồng trong hội đồng giám mục ấy. Giờ đây, từ khi

Crum-ma-khơ thổi bùng cuộc tranh cãi ấy, mỗi phái đều biết mình muốn gì. Phái kiên thành từ lâu đã hiểu rằng nguyên tắc quyền uy của nó không thể hòa hợp được với cơ sở của phái duy lý là lý trí, và đã nhìn thấy một cách rõ ràng trào lưu này ngay khi nó nảy sinh là sự xa rời đạo Cơ Đốc chính thống cũ. Còn giờ đây thì cả phái duy lý ai cũng hiểu rằng các tín niệm của nó không đơn thuần tách khỏi phái kiên thành bằng cách lý giải khác với văn bản, mà còn mâu thuẫn trực tiếp với văn bản. Và chỉ bây giờ, khi các phái đã hiểu ra nhau mới có thể xảy ra hiện tượng họ liên kết lại trên một cơ sở cao hơn, do đó có thể yên tâm chờ đợi tương lai.

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI VĂN HỌC, ÂM NHẠC

Brê-men, tháng Giêng

Có thể nghĩ rằng các thành phố thuộc liên minh Han-dây giờ đây đã bị lôi kéo một cách cưỡng ép vào dòng thác văn học. Từ khi xuất hiện cuốn "Ký sự" của *Bóc-man*¹⁴⁴ thì những bình luận vãi như mưa lên tài liệu đó và thực ra là một tài liệu lý thú. Bản thân *Bóc-man* trong cuốn "Nước Đức và người Đức"¹⁴⁵ đã dành vị trí đáng kể cho ba thành phố ven biển tự do. Tạp chí "Freihafe" đã đăng "Những bức thư Han-dây" của *Dôn-ve-den*¹⁴⁶. Từ thời xa xưa *Hăm-buốc* đã giữ một vị trí nhất định trong văn học Đức. *Luy-béch* hơi ở ngoài cuộc, vả lại, về mặt kinh tế, thời kỳ phát triển mạnh mẽ của nó đã lùi xa về phía sau; song *Dôn-ven-den* đang chuẩn bị thành lập một tạp chí cả ở đây nữa. *Brê-men* nhìn vào văn học một cách không tin tưởng, vì đối với văn học, lương tâm của nó không hoàn toàn

trong sạch, và thông thường trong văn học người ta đề cập đến nó không dẹt dẹt lắm. Tuy vậy, không thể phủ nhận rằng chính Brê-men, nhờ vị trí của nó và bầu không khí chính trị trong nó, với mức độ lớn hơn bất cứ thành phố nào khác, nó thích hợp để trở thành trung tâm khai sáng của miền Tây-Bắc nước Đức. Nếu kéo được tới đây hai hoặc ba nhà văn có năng lực thì ở đây có thể thành lập một tạp chí có ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự phát triển văn hóa của Bắc Đức. Những người muốn buôn sách ở Brê-men khá tháo vát, và tôi đã nghe nhiều người trong số họ nói rằng họ sẽ vui lòng dành những quỹ cần thiết và sẽ đồng ý chịu những khoản thua lỗ có thể có trong những năm đầu mới xuất bản.

Mặt mạnh nhất của Brê-men là âm nhạc. Ở Đức có ít thành phố nào thực hành âm nhạc nhiều và tốt như ở đây. Ở Brê-men đã hình thành một số tương đối lớn những đoàn đồng ca, còn những buổi hòa nhạc thường xuyên thì luôn luôn được nhiều người tới nghe. Hơn nữa, ở đây thị hiếu âm nhạc tốt đã được duy trì hầu như trong trạng thái trong sạch hoàn toàn; được hâm mộ nhất là những nhạc sĩ cổ điển Đức - Hen-den, Mô-da, Bê-tô-ven, còn trong số những nhạc sĩ mới thì có Men-den-xôn-Bác-tôn-đi và những nhà soạn nhạc kiêm sáng tác bài hát ưu tú. Trường phái Pháp mới và trường phái I-ta-li-a mới có những người hâm mộ mình hầu như chỉ trong số các nhân viên văn phòng trẻ. Có điều đáng mong muốn là làm sao để Xê-ba-xti-an Ba-khơ, Gluych và Hai-đơ-nơ bị đẩy lùi về phía sau ít hơn. Đồng thời ở đây tuyệt nhiên người ta không khước từ những tên tuổi mới. Trái lại, ít tìm được những nơi mà các tác phẩm của những nhà soạn nhạc Đức trẻ tuổi được trình diễn một cách thích thú như ở đây. Ở đây cũng luôn luôn có thể gặp những tên tuổi nổi tiếng đối với thế giới âm nhạc xét từ khía

cạnh tốt nhất. Nhà soạn nhạc kiêm sáng tác bài hát có tài Stéc-mây-ơ một số năm đã chỉ huy dàn nhạc của nhà hát chúng ta. Đến thay ông là Cô-xma-li, một phần nhờ những tác phẩm của mình, một phần nhờ các bài viết, chủ yếu là trong tạp chí của Suman "Neue Zeitschrift für Musik", ông này đã có được nhiều bạn bè. Một nhà soạn nhạc cũng được thừa nhận như vậy là Rim đang chỉ huy đoàn hợp xướng và đa số buổi hòa nhạc. Rim là một ông già rất lịch thiệp có tâm hồn đầy nhiệt huyết của thanh niên; ngoài ông ra không ai có thể kích thích các ca sĩ và thành viên dàn nhạc và thổi sức sống vào việc trình diễn của họ như thế.

THỔ NGŨ HẠ ĐỨC

Brê-men, tháng Giêng

Điều đầu tiên mà người mới tới chú ý ở đây là việc dùng thổ ngữ Hạ Đức ngay cả trong những gia đình có tiếng tăm nhất. Ngay khi người Brê-men chuyển sang giọng chân thành, riêng tư thì anh ta bắt đầu thổ lộ bằng thổ ngữ Hạ Đức. Anh ta gần bó với thổ ngữ ấy đến mức anh ta chuyển nó thậm chí sang bên kia đại dương. Ở lonja^{1*} Ha-ba-na người ta nói bằng thổ ngữ Hạ Đức của Brê-men không ít hơn tiếng Tây Ban Nha. Tôi biết ở Niu Oóc và Vê-ra-cru-xơ có những người học được một cách thành thạo ở đồng đảo những người Brê-men sống ở đấy thổ ngữ của thành phố quê hương họ. Nhưng cần biết rằng từ khi thổ ngữ

1* – sở giao dịch, thị trường chứng khoán.

Thượng Đức được tuyên bố là ngôn ngữ chính thức đến nay chưa được ba trăm năm. Những đạo luật cơ bản của thành phố - *Bản ghi mười điều răn* và *Thỏa ước mới*¹⁴⁷ - đã được biên soạn bằng thổ ngữ Hạ Đức, và những âm đầu tiên mà trẻ sơ sinh học phát âm ở đây cũng được phát âm bằng thổ ngữ này. Đứa trẻ hiếm khi bắt đầu nói bằng thổ ngữ Thượng Đức trước bốn hoặc năm tuổi. Nông dân trong vùng không bao giờ học thổ ngữ Thượng Đức và bằng cách đó thường hay bắt buộc các tòa án tiến hành các phiên xử bằng thổ ngữ Hạ Đức, còn các biên bản thì viết bằng thổ ngữ Thượng Đức. Nhân tiện xin nói, thổ ngữ Hạ Dắc-den được duy trì ở đây dưới dạng khá thuần thiết và vẫn còn hoàn toàn không bị pha trộn các hình thức Thượng Đức bóp méo thổ ngữ vùng Hét-xen và thổ ngữ vùng Ranh. Trong thổ ngữ Bắc Han-nô-vơ có nhiều từ cổ hơn một chút so với trong thổ ngữ Brê-men, song nói chịu ảnh hưởng nhiều hơn của những lớp từ âm địa phương nhiều màu nhiều vẻ; thổ ngữ Ve-xtơ-pha-li hoàn toàn chìm trong phạm vi rộng lớn khủng khiếp những trùng âm, còn ở phía tây sông Vê-de thì bắt đầu chuyển sang thổ ngữ Phri-dơ. Có thể yên tâm coi thổ âm Brê-men là sự tiếp tục phát triển của ngôn ngữ viết Hạ Dắc-den cổ không có pha trộn. Ngôn ngữ dân gian nhạy bén đến mức khi tiếp thu các từ Thượng Đức, nó luôn luôn cải biến chúng theo các quy luật âm thanh của thổ ngữ Hạ Dắc-den. Bây giờ chỉ có một số ít thổ ngữ dân gian Hạ Dắc-den là có khả năng như vậy. Ngôn ngữ trong "Rai-nê-cơ Li-xơ"¹⁴⁸ chỉ khác thổ ngữ hiện đại ở hình thức đầy đủ hơn mà ngày nay đã bị teo lại, trong khi các gốc từ, trừ một ít ngoại lệ, vẫn còn duy trì sức sống của chúng. Và vì thế các nhà ngôn ngữ học đã làm đúng khi họ coi "Từ điển Brê-men" về mặt từ vựng là kết quả trung bình của những thổ ngữ Hạ Dắc-den

hiện đại. Việc xây dựng ngữ pháp của thổ ngữ Brê-men có tính đến các ngữ âm vùng ở giữa sông Vê-de và sông En-bơ sẽ là công việc rất có giá trị. Nhiều nhà khoa học ở đây đã quan tâm đến thổ ngữ Hạ Đức, và điều đáng mong muốn là làm sao để có một người trong số họ gánh vác công việc này.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Giêng 1841
Đã đăng không ký tên trên báo
"Morgenblatt für gebildete Leser" các số 13,
14, 15 và 16; 15, 16, 18 và 19 tháng
Giêng 1841*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

LANG BẠT Ở LÔM-BÁC-ĐI¹⁴⁹

I QUA NÚI AN-PO!

Nhờ trời, Ba-lơ đã ở đằng sau! Một thành phố buồn tẻ đến thế, đây những lễ phục, mũ hình tam giác, những phần tử phi-li-xtanh, quý tộc thành thị và người giám lý, trong đó không có gì tươi mới và vững chắc, ngoài những cây xung quanh nhà thờ lớn xây bằng gạch đỏ và màu sắc trên tranh "Niềm đam mê của chúa" của Hôn-bây-nơ treo giữa những bức tranh khác trong thư viện ở đây; một nơi hẻo lánh như vậy với tất cả những vật quái đản của thời trung cổ, nhưng không có những vẻ đẹp của nó, không thể làm cho tâm hồn thanh niên được những ước mơ về dãy núi An-phơ phía Thụy Sĩ và I-ta-li-a làm sao xuyên ưa thích. Có thể, việc đi từ Đức sang Thụy Sĩ, từ công quốc Ba-den mềm mại, được xẻ ngang bằng những vườn nho, đến Ba-lơ đã làm chán ngấy một cách vô vọng đến mức sau nó thì ấn tượng do dãy An-phơ đưa lại trở nên đặc biệt sắc sảo chăng? Còn địa phương mà giờ đây chúng tôi đi qua thì tuyệt nhiên không phải là đẹp nhất. Bên phải là những nhánh cuối cùng của dãy núi Giuy-ra, tuy xanh và tươi mát nhưng không có tính chất đặc biệt; bên trái là sông Ranh hẹp đường như cũng cảm thấy sợ khi thấy Ba-lơ - nó chảy hết sức chậm chạp theo thung lũng; phía bên kia sông Ranh còn có một mảnh nhỏ của Đức. Dần dần chúng tôi rời xa những bờ xanh lục của con sông, con đường đi lên núi,

và chúng tôi trèo lên tận đỉnh cuối của dãy Giuy-ra nằm chen giữa A-a-rê và sông Ranh. Cảnh quan ở đây lập tức thay đổi. Trước mắt chúng tôi là thung lũng vui tươi được mặt trời chiếu sáng - không phải: ba, bốn thung lũng; A-a-rê, Rây-xơ, Lim-mát mà từ xa đã nhìn thấy, chúng uốn lượn giữa các đồi và đổ vào nhau; làng xóm và những thị trấn vây quanh bờ của chúng, còn ở đằng xa, sau những dãy đồi ở phía trước là hết dãy núi này đến dãy núi khác nhô lên như những chiếc ghế dài của một nhà hát bạc dốc khổng lồ; qua màn sương mù lơ lửng trên những đỉnh núi xa nhọn như những chiếc răng, dây đó lấp lánh tuyết, còn trên nhiều đỉnh cao vươn lên núi Pi-lát, như thể nó điều khiển phiên tòa mà trước kia viên chủ tọa lý Giu-đây đã đặt cho nó tên gọi. Đó là dãy núi An-phơ!

Ta nhanh chóng đi xuống núi, và mãi giờ đây, gần dãy An-phơ, ta nhận thấy rằng ta đang ở Thụy Sĩ. Cùng với thiên nhiên Thụy Sĩ xuất hiện những bộ quần áo và nhà cửa Thụy Sĩ. Ngôn ngữ vang lên đẹp hơn và hào hứng hơn thổ ngữ Ba-lơ mà tiện nghi của đời sống quý tộc thành thị đã truyền cho nó sự kéo dài vật chất nặng trĩu nào đó; các khuôn mặt trở nên thoải mái hơn, cởi mở, sinh động hơn, chiếc mũ ba cạnh nhường chỗ cho chiếc mũ tròn, chiếc áo khoác với những vạt đuôi tôm dong đưa nhường chỗ cho chiếc áo blu nhưng ngắn. - Thị trấn Brúc-gơ nhanh chóng ở lại đằng sau chúng tôi và chúng tôi tiếp tục đi, cắt ngang những con sông chảy xiết viền những bờ xanh lục; liếc nhìn nhiều cảnh quyến rũ, nhanh chóng nối tiếp nhau, chúng tôi rời A-a-rê và Rây-xơ cùng với Háp-xbuốc mà những phế tích của nó hiện ra từ đỉnh cao có rừng bao phủ, và chúng tôi đi vào thung lũng Lim-mát, từ đó chúng tôi không rời nó đến tận Xuy-rích.

Tôi phải ở lại Xuy-rích một ngày, còn trên đường đến miền đất hứa của thanh niên Đức, dừng lại một ngày là một thời hạn đáng kể. Tôi có thể chờ đợi gì ở Xuy-rích? Việc dừng lại ấy trên

đường có hợp lý hay không? Tôi xin thú nhận: từ thời xảy ra câu chuyện tháng Chín, từ thời thắng lợi của lính cảnh vệ Pphép-phi-côn của Xi-ôn¹⁵⁰ tôi không thể hình dung Xuy-rích theo cách nào khác ngoài Ba-lơ thứ hai, và tôi đã sợ hãi nghĩ về một ngày đã mất; về cái hồ thì, do sự bình dị tâm hồn, tôi cũng không nghĩ đến, nhất là mưa rào cuối cùng đã trút lên đầu tôi sau nhiều ngày nắng giữa Ba-lơ và Xuy-rích, đã hứa hẹn với tôi một ngày mưa. Nhưng khi tỉnh dậy, tôi thấy bầu trời xanh buổi sáng trên những ngọn núi được mặt trời chiếuọi thì tôi nhanh chóng bật dậy và vội đi xuống đường. Đi lang thang gặp đâu hay đấy, tôi đến gần một cái gì đó giống như bậc thêm có cây trồng bao quanh và phía cuối là những cây già. Qua dòng chữ đề trên bảng gỗ tôi biết được trước mắt tôi là công viên và tôi sảng khoái trèo lên phía trên. Ở đây tôi thấy phía trước là một cái hồ lấp lánh trong ánh ban mai, bốc lên màn sương sớm và xung quanh là núi phủ rừng rậm. Trong giây lát đầu tiên tôi không thể thoát khỏi sự sững sốt ngây thơ trước việc có một địa điểm đẹp kỳ lạ như vậy. Một người dân Xuy-rích lịch thiệp mà tôi hỏi đã nói với tôi rằng từ đỉnh núi I-út-li-béc mở ra một cảnh kỳ diệu đến mức cư dân Xuy-rích gọi ngọn núi của mình là Ri-gi nhỏ, – và không phải hoàn toàn không có căn cứ. Tôi nhìn lên đỉnh, – nó là đỉnh cao nhất trong dãy An-bi-xơ chạy dài theo phía Tây – Nam của hồ, và nói chung cao hơn tất cả những núi lân cận. Tôi hỏi đường và nhanh chóng lên đường. Sau một giờ rưỡi đi đường tôi đã ở phía trên rồi. Ở đây hồ trải ra trước mắt tôi trên toàn chiều dài của nó, lấp lánh màu xanh lục và xanh da trời óng ánh nhiều màu sắc với thành phố và vô vàn nhà cửa trên đồi bờ nhấp nhô đồi núi của nó, còn đằng kia, ở phía bên kia An-bi-xơ, hiện lên thung lũng với những bãi cỏ xanh mà những rừng sồi màu sáng và những rừng vân sam màu tối từ núi trải xuống, đó là một biển xanh lục với những đồi nhấp nhô như sóng, giữa

chúng nhà cửa nổi lên giống như những con tàu, còn ở phía nam, tận chân trời kéo dài một dãy sóng băng lấp lánh, từ I-ung-phrau đến đèo Xép-ti-me và Giu-li-a; còn ở phía trên, từ bầu trời xanh, mặt trời tháng Năm rót những dòng tia sáng của nó xuống thế giới trang hoàng như ngày hội, thành thử hồ, cánh đồng và núi lấp lánh cái này sáng hơn cái kia và kỳ diệu vô cùng.

Một vì ngắm nhìn, tôi đi vào một ngôi nhà bằng gỗ nằm trên đỉnh núi và xin một thứ gì đó để uống. Người ta đã thỏa mãn đề nghị của tôi và đồng thời trao cho tôi quyển sổ để khách ghi cảm tưởng. Mọi người đều biết rằng có thể tìm thấy gì trong những quyển sổ như vậy; mỗi anh chàng phi-li-xtanh đều cho rằng ở đây anh ta có thể làm cho mình sống mãi và lợi dụng cơ hội để truyền lại cho con cháu cái tên không ai biết của mình và một trong những ý nghĩ hết sức tầm thường của mình; anh ta càng có tầm hạn chế thì anh ta viết kèm theo tên mình những lời nhận xét càng dài. Nhà buôn tìm cách chứng minh rằng bên cạnh cà phê, dầu cá hoặc bông trong tim của họ còn dành một chỗ nhỏ cho thiên nhiên tươi đẹp đã tạo ra tất cả những thứ ấy và thêm vào đó là vàng; phụ nữ thổ lộ trong sổ những dòng tình cảm của mình, sinh viên thổ lộ niềm vui và tính giễu cợt của mình, còn những thầy giáo trường phổ thông giàu kiến thức và kinh nghiệm thì cấp cho thiên nhiên bằng tốt nghiệp câu kỳ. "I-út-li-béc huyền diệu, kẻ cạnh tranh nguy hiểm của Ri-gi!" – một vị tiến sĩ của các nghệ thuật không tự do nào đó đã bắt đầu lời thổ lộ của mình theo kiểu Xi-xê-rông như vậy. Tôi bực bội lật trang giấy và không đọc lời ghi của tất cả những người Đức, người Pháp và người Anh ấy. Và bỗng nhiên đập vào mắt tôi bài Xon-nê của Pê-tơ-rác-ca bằng tiếng I-ta-li-a^{1*} dịch ra đại thể như thế này:

1* Sonetti di Petrarca, in morte, 261.

Tôi được ước mơ đáng yêu nâng tôi chỗ ở của nàng,
 Nàng mà tôi uống công tìm trên trái đất
 Hiện trước tôi dịu dàng, đẹp như thiên thần
 Trong vắng tinh tú thứ ba.

Chìa tay cho tôi, nàng nói:
 "Số phận không thể chia tách chúng mình ở đây;
 Em là người làm khổ chàng từng giờ
 Và trước hoàng hôn em kết thúc ngày của em.

Ôi, em sung sướng biết bao ai mà hiểu được!
 Em chỉ đợi chàng và tấm màn che của em
 Được chàng yêu và ở lại trong số phận bi thương".
 Tại sao nàng im bật nhanh đến thế?
 Một âm thanh nữa thôi - thế là tôi bị sự kiêu diễm thần thánh
 Đâm thủng, từ trên trời tôi không trở về nữa¹⁵¹.

Một anh chàng I-ô-a-sim Tơ-ri-bô-ni nào đó người Giê-nơ đã viết nó vào sổ; tôi lập tức cảm thấy anh ta là một người bạn, vì những lời thổ lộ còn lại càng không có nội dung và vô nghĩa thì bài Xon-nê trên cái nền ấy càng nổi bật, nó xâm chiếm lòng tôi càng mạnh. Người nào không cảm thấy gì ở nơi thiên nhiên mở ra trong toàn bộ sự kỳ diệu của nó, nơi mà ý tưởng ngái ngủ trong nó nếu không thức tỉnh thì dường như thấy những giấc mộng vàng, ai mà chỉ có khả năng thốt lên: "Hỡi thiên nhiên, người đẹp làm sao!" - thì người đó không có quyền coi mình cao hơn đám đông xám xịt và tầm thường. Trái lại, những người có bản tính sâu sắc hơn thì trong trường hợp này thể hiện ra ngoài những nỗi buồn và nỗi đau khổ cá nhân, nhưng chỉ để chìm đắm trong sự kỳ diệu xung quanh và hòa tan trong sự cam

chịu dịu dàng với cuộc sống. Tình cảm cam chịu đó chưa chắc có thể tìm được cho mình cách diễn đạt tốt hơn trong bài Xon-nê đã dẫn ra ở trên. Nhưng còn một điều nữa làm cho tôi gần gũi với người Giê-nơ ấy. Đã có *ai đó* trước tôi mang lên đỉnh núi này nỗi buồn yêu đương của mình, và tôi đứng ở đây không phải một mình, với trái tim mà cách đây một tháng đã hạnh phúc vô hạn như thế, còn bây giờ thì nó cảm thấy trống trải và tan nát. Và nỗi đau buồn nào có quyền nhiều hơn trong việc thổ lộ trước thiên nhiên tuyệt diệu, nếu không phải là nỗi đau khổ cao thượng nhất, cao cả nhất trong số tất cả mọi đau khổ cá nhân - đau khổ trong tình yêu?

Tôi liếc nhìn lần nữa những thung lũng xanh và tụt xuống núi để xem xét thành phố kỹ hơn. Nó nằm như một hý trường hình quạt có bậc dốc, xung quanh một nhánh hẹp của hồ, và nếu nhìn nó từ phía mặt hồ thì, cùng với những xóm làng và biệt thự xung quanh, nó là một phong cảnh thật mê hồn. Và đường phố chùng diện những ngôi nhà mới đẹp đẽ. Nhưng tình trạng đó tồn tại chưa lâu lắm, như tôi đã xác định điều đó vào buổi tối qua cuộc nói chuyện với một ông già đi du lịch phục lăn trước việc Xuy-rích cổ đã đẹp lên đến mức độ nào trong mười năm qua và chính phủ trước đây đã đem lại sự hào nhoáng như thế nào cho bộ mặt bên ngoài của nước cộng hòa bằng việc xây dựng những ngôi nhà công cộng. Giờ đây, khi một đảng nào đó thường xuyên bôi nhọ xác của chính phủ đó, cần nhắc lại rằng, sinh thời, chính phủ đó không chỉ thể hiện một sự dũng cảm hiếm có trong thời buổi chúng ta bằng cách gọi đến trường đại học tổng hợp một người như *Sto-rau-xơ*, mà còn hoàn thành vẻ vang cả những trách nhiệm khác của mình.

Sáng hôm sau chúng tôi đi tiếp về phía nam. Trước tiên con đường đi dọc toàn bộ hồ đến Ráp-péc-svin và Sme-ri-côn - con đường kỳ diệu qua các vườn cây, biệt thự và những xóm làng

được bố trí đẹp như tranh, có những vườn nho bao quanh; phía bên kia hồ là dãy núi xanh đậm dài của dãy An-bi-xơ với miền sơn cước lộng lẫy của nó, còn theo hướng nam, nơi các ngọn núi giãn ra, là những đỉnh chói lòa của dãy An-pơ ở Giác-nơ. Giữa hồ nổi lên đảo Úp-nau, ngôi mộ của Un-rích Phôn Gút-ten. Ông đã đấu tranh như vậy cho tư tưởng tự do và nghỉ ngơi như vậy sau khi lao động trên chiến trường - vinh hạnh thay cho người nào xứng đáng được thế! Xung quanh mộ của người anh hùng rì rào sóng xanh của hồ giống như tiếng ồn ào của trận đánh xa xôi và tiếng hô chiến đấu, còn đứng ở vị trí cảnh giới là những người khổng lồ mãi mãi trẻ trung, bị vùi trong băng - đó là dãy An-pơ! Và Ghê-óc Héc-véch hành hương đến đây với tư cách là đại biểu của thanh niên Đức để đặt lên mộ những bài ca của mình trong đó biểu hiện đẹp đẽ hơn bất cứ ở đâu những tình cảm khích lệ thế hệ mới. Những đài kỷ niệm và tượng nào có thể sánh với chúng được?

Ở U-xơ-nác, nơi con đường ngoặt tới sau khi nó tách khỏi hồ, là khu hội chợ, và tầng trên của chiếc xe thư, nơi mà trước đây chỉ một mình tôi ngồi, bây giờ đầy những vị khách đến hội chợ, họ dần dần chịu tác động của một đêm mất ngủ và ngủ thiếp đi, để tôi trầm ngâm suy ngẫm. Chúng tôi đã ở trong một thung lũng kỳ lạ: những ngọn đồi vẽ một đường mềm mại, có rừng và những bãi cỏ xanh bao phủ, bao quanh lấy chúng tôi; lần đầu tiên tôi thấy tại đây ở cự ly gần, những sắc thái độc đáo của màu xanh lục diệp của rừng Thụy Sĩ, một nửa là cây có lá rộng, một nửa là cây lá kim, và tôi không truyền đạt nổi ấn tượng sâu sắc mà tất cả những cái đó đã gây ra trong tôi. Sự kết hợp giữa lá rộng và lá kim làm rõ những sắc thái nhạt cũng như đậm của màu xanh lục, đem lại cho cảnh quan thậm chí đơn điệu một sự kỳ diệu khác thường, và nếu trong trường hợp này sự bố trí của các ngọn núi và thung lũng cũng không có gì độc

đảo, thì điều vẫn làm tôi ngạc nhiên là có thể gặp được một địa điểm mà hầu như toàn bộ vẻ đẹp của nó dựa trên sự độc đáo của màu sắc; thế nhưng nó lại càng đẹp. Sự hùng vĩ hà khắc của thiên nhiên tôi đã có dịp ngắm nhìn không phải một lần trước khi leo lên đỉnh núi An-pơ; nhưng sự mềm mại và duyên dáng ấy của phong cảnh thì tôi chỉ thấy lại trên sườn núi phía I-ta-li-a.

Song, chẳng mấy chốc chúng tôi đã ở dưới chân những ngọn núi cao hơn mà đỉnh của chúng, tuy chúng ở thấp hơn tuyến có tuyết, nhưng ngay giờ đây, vào tháng Năm đã trắng xóa vì tuyết. Lúc thì qua những thung lũng hẹp, lúc thì qua những thung lũng rộng hơn, con đường đi dọc kênh đào nối hồ Xuy-rích với hồ Va-len-stết. Hồ thứ hai này một lát sau đã mở ra trước mắt tôi. Ở đây địa hình có tính chất hoàn toàn khác so với ở hồ Xuy-rích. Một thủy vực hầu như hiểm trở nằm giữa những núi đá dốc dựng đứng thẳng từ dưới nước lên và chỉ có ở lối vào và lối ra là còn để lại một lỗ hẹp. Một chiếc tàu thủy xấu xí tiếp nhận hành khách, và chẳng mấy chốc thị trấn Vê-den, nơi chúng tôi chuyển sang đi tàu thủy, đã khuất hẳn ở phía bên kia những dãy núi đã sát lại với nhau. Tất cả mọi dấu vết của hoạt động con người đều ở lại phía sau, chiếc tàu thủy cô đơn chạy ngày càng sâu vào chiếc bát đẹp như tranh, vào giang sơn êm ả của thiên nhiên; dưới ánh sáng mặt trời chói lọi lấp lánh những đỉnh sóng xanh, những đỉnh núi phủ tuyết và những thác nước đổ từ núi xuống lúc thì ở đằng kia, khi thì ở đây; từ trong đá hoa cương trắng xám nhạt của núi đá đôi khi hiện lên những bãi cỏ xanh tươi và những khoảng trống trong rừng; một màn sương mù mỏng dâng lên trên hồ, ở đằng xa giữa các ngọn núi nó chuyển thành những cái bóng màu tím mềm mại. Đó là một trong những địa điểm mà hầu như bắt buộc con người phải nhân cách hóa thiên nhiên như chúng ta thấy trong những truyền

thuyết dân gian, trong đó những núi đá toác ra những khe nứt với những đỉnh phủ tuyết của chúng mang bộ mặt những người già tóc bạc quần phủ đầy nếp nhăn, còn trên mặt nước trong trẻo thì nổi lên những bộ tóc xanh của các nàng tiên cá mê ly. Cuối cùng, những ngọn núi đá dựng đứng như một bức tường liền khối đã giãn ra một ít, những chỗ đá chìa ra phủ những bụi rậm rử xuống hồ, xuyên qua màn khói xanh của sương mù lấp loáng một dải trắng, đó là những ngôi nhà của thành phố Va-len-stét nằm ở cuối hồ. Chúng tôi lên bờ và vui vẻ đi tới Cu-rơ, trong khi trên đầu chúng tôi treo lơ lửng một dãy len đá mà những đỉnh cao nhất được gọi là Bảy tuyến đế hầu. Những nhân vật đáng kính ấy ngồi một cách trịnh trọng mặc áo thụng lông chồn bạc hóa đá và với những vương miện bằng tuyết được mặt trời chiếu thiếp vàng, như thể họ họp tại tòa thị chính Phran-phuốc để bầu hoàng đế, không nghe thấy những tiếng la hét và những lời yêu cầu của dân chúng toàn bộ Đế chế La Mã thần thánh đang chen chúc dưới chân họ¹⁵², mà bản hiến pháp của nó cùng với thời gian cũng đã hóa đá như bảy vị đại biểu ấy của nó vậy. Những tên gọi như vậy do nhân dân đặt cho, chứng tỏ rằng những người Thụy Sĩ ấy là những người Đức từ đầu đến gót chân như thế nào, dù cho họ có phủ nhận điều đó thế nào đi nữa. Có thể sau này tôi sẽ còn trình bày đề tài này tỉ mỉ hơn và vì thế tạm thời tôi sẽ không đề cập đến nó.

Giờ đây chúng tôi ngày càng đi sâu vào núi đá, ngày càng hiếm gặp những nơi mà bàn tay con người đã làm cho thiên nhiên hoang dã có bộ mặt dịu dàng hơn; lâu đài Xac-gan treo trên ngọn núi đá dựng đứng như một tổ chim én, và cuối cùng, đến Ra-gát-xơ thì cây cối mới tìm được đủ đất trên nền đá để phủ lên chúng một thảm thực vật dày. Và ở đây lâu đài được đặt ngay trên vách đứng, nhưng nó đã hoàn toàn bị phá hủy; những lâu đài như vậy – dấu vết của sự thống trị bằng bạo lực – đặc biệt

nhieu ở những đèo đi từ một thung lũng sông này đến một thung lũng sông khác. Ở gần Ra-gát-xơ, thung lũng mở rộng ra, các ngọn núi kính cẩn rút lui trước thiên tài trẻ trung hùng hậu của con sông đã dùng sức mạnh mở đường cho mình xuyên qua những khối đá hoa cương ở Gô-tác-đơ và Spơ-luy-ken và giờ đây dững dẫm và kiêu hãnh ồn ào đón lấy vận mệnh vĩ đại của mình; đó là sông *Ranh* mà chúng tôi lại chào đón. Trong lòng sông rộng nó long trọng lăn theo những tảng đá và cát, nhưng căn cứ vào đá dăm được ném đi xa có thể phán đoán rằng nó lao đi man rợ như thế nào khi nó chán sự yên tĩnh dễ chịu và trong nó bùng lên lòng khát khao phá hủy. Từ đó thung lũng của nó tạo nên một con đường đi lên tới Cu-rơ, rồi từ đó tới đèo Spơ-luy-ken. Ở Cu-rơ đã bắt đầu có sự pha trộn ngôn ngữ ngữ trị khắp nơi trên dãy núi cao nhất trong số các dãy núi của dãy An-phơ. Ở sân văn phòng bưu chính vang lên xen kẽ những tiếng hô bằng tiếng Đức, tiếng Rô-manh và tiếng I-ta-li-a, bằng thổ ngữ Lô-m-bác-đi. Về tiếng Rô-manh là tiếng nói của dân miền núi Grau-buyn-đen, các nhà ngôn ngữ học đã phát biểu những ý kiến hết sức khác nhau, và nó còn in dấu ấn của sự bí ẩn. Xét về tính độc lập thì một số người đặt nó vào cùng hàng với những ngôn ngữ Rô-manh chủ yếu, những người khác tìm thấy trong nó những yếu tố Pháp mà không suy nghĩ xem chúng có thể thâm nhập vào nó từ đâu. Song để nghiên cứu tương đối tỉ mỉ thổ ngữ này, trước hết cần so sánh nó với những thổ ngữ láng giềng. Cho đến nay người ta chưa làm việc đó. Căn cứ vào những gì có được trong khi đi nhanh qua đây, trên cơ sở những cuộc nói chuyện với những người am hiểu, tôi đã xác định được sự tạo từ của thổ ngữ này rất giống với sự tạo từ của thổ ngữ Lô-m-bác-đi láng giềng và chỉ khác thổ ngữ Lô-m-bác-đi ở các đặc điểm của thổ âm địa phương. Tất cả những gì người ta cho là ảnh hưởng của Pháp đều có thể gặp lại cả ở phía nam dãy núi An-phơ.

Sáng hôm sau chúng tôi lên đường từ Cu-rơ ngược dòng sông Ranh, dọc theo một thung lũng rộng có núi đá hoang vu bao quanh. Qua mấy giờ, từ màn sương nhẹ buổi sáng hiện lên bức tường dựng đứng, phía cuối là những núi đá nhô ra và chắn ngang đường. Thung lũng trước mắt chúng tôi dường như đã bị bịt kín, và chúng tôi chỉ có thể tiến lên theo một khe núi hẹp. Trước mắt chúng tôi mọc lên một ngôi tháp trắng hẹp: đó là tháp Tu-di-xơ, hoặc như người Lô-m-bác-đi nói, tháp Tô-dan, nghĩa là thành phố của các cô gái. Nó nằm một cách diệu kỳ trong một lòng chảo hẹp xung quanh là núi đá dựng đứng mà trên ngọn núi khó tới nhất trong số những núi đá ấy có những phế tích của lâu đài Hô-ben-rê-ti. Không có sự cô tịch nào lớn hơn sự cô tịch mà thiên nhiên đã đẩy xóm này vào, và cả ở đây con người vẫn tỏ ra mạnh hơn thiên nhiên; dường như để chế giễu nó, người ta đã mở một con đường đi qua Tu-di-xơ, và hằng ngày có những người Anh, thương nhân, khách du lịch qua đây. - Bên kia Tu-di-xơ bắt đầu đường đi lên, và chúng tôi phải vượt qua dãy An-pơ trước khi chiều tối đến. Tôi để xe ngựa lại và sau khi bồi dưỡng một chai rượu vang Ven-tơ-ling mà ở đây có chất lượng đặc biệt cao, tôi lại lên đường. Con đường như vậy không đâu trên thế gian này còn. Được đục trong những vách đá dựng đứng, nó đi ngoằn ngoèo lên phía trên theo những khe núi mà sông Ranh đã mở ra cho mình. Những bức tường đá hoa cương dựng đứng vây bọc con đường mòn mà ở một số nơi thậm chí ánh nắng buổi trưa cũng không thể lọt vào, còn sâu xuống phía dưới, qua những đồng đá, một dòng thác hoang dã đổ nhanh, phát ra tiếng ồn như sấm, nhỏ những cây thông cả rể, kéo theo những tảng đá khổng lồ, giống như một người khổng lồ nổi giận mà ai đó trong số các vị thần đã ném hai hòn núi lên ngực nó. Đường như những ngọn núi cuối cùng, bướng bỉnh, không chịu phục tùng sự thống trị chế ngự tất cả của con người, đều chạy về đây và dừng lại ở đây trong tư thế sẵn sàng chiến đấu

để bảo vệ tự do của mình. Bằng ánh mắt bất động, gây nên nỗi khủng khiếp, chúng đón người đi đường, và hình như ta nghe tiếng nói của chúng: "Con người ơi, hãy tới gần, hãy trèo lên đỉnh của chúng ta nếu người dám, và hãy gieo lúa mì trong những nếp nhăn của chúng ta; nhưng ở đây, ở bên trên, người cảm thấy sự nhỏ mọn của mình đến chóng mặt, đất chao đảo dưới chân người, và người sẽ vỡ ra từng mảnh, nhào xuống dưới, từ lên đá này đến lên đá khác! Người hãy xây dựng những con đường của người chỉ giữa chúng ta thôi, hàng năm người đồng minh Ranh của chúng ta sẽ đổ xuống, nổi cơn thịnh nộ và sẽ phá hủy công trình của người!"

Sự chống đối đó của các lực lượng thiên nhiên đối với tinh thần con người không đâu biểu hiện một cách hùng vĩ, thậm chí có thể nói - một cách có ý thức về sức mạnh của mình, như ở đây. Sự heo hút khủng khiếp của con đường và mối nguy hiểm của việc đi qua dãy núi An-pơ ở chỗ này đã có lúc đem lại cho đèo này cái biệt hiệu *Via mala*^{1*}. Giờ đây tất nhiên tình hình đã khác. Cả ở đây tinh thần cũng đã thắng thiên nhiên và, con đường an toàn, tiện lợi và hầu như không thể phá huỷ được, có thể đi qua bốn mùa, kéo dài như một dải băng nối từ núi đá này sang núi đá khác. Và dù sao thì khi thấy những núi đá có tính chất đe dọa vẫn khó lòng nén nổi cảm giác sợ hãi: hình như chúng đang cau có nghĩ cách báo thù và tự giải thoát.

Nhưng dần dần khe núi giãn ra, những thác nước mảnh liệt ngày càng ít gặp hơn, dòng sông Ranh trước đây thường phải mở đường cho mình qua những thung lũng hẹp với chiều rộng đo bằng in-sơ, thì nay đang mở rộng ra, những vách núi dựng đứng ngày càng nghiêng hơn và ngày càng lùi lại phía sau, mở

1* - Con đường độc ác.

ra một thung lũng xanh rờn, và giữa bậc thềm thứ nhất này của Spơ-luy-ken là An-đơ – một địa điểm nhỏ mà cư dân Grau-buyn-den và Ven-tơ-ling biết tới như một khu an dưỡng. Ở đây cây cối đã bớt nghèo nàn hơn nhiều, điều này đập vào mắt đặc biệt mạnh, vì từ Tu-di-xơ cho đến đây không có một bụi cây, một ngọn cỏ nào, và người ta chỉ có thể chặt vật bò theo những núi đá dốc đứng. Và vẫn vui mừng biết bao sau những bức tường đá hoa cương nghiệt ngã, màu nâu xám ấy, cuối cùng thấy được bãi cỏ xanh và những đôi cây. Ngay sau An-đơ, con đường bắt đầu đi lên phía trên bằng những đoạn gấp khúc vô tận; tôi đã dành con đường ấy cho xe ngựa và dẫm lên những hòn đá truội đi ngay, qua những bụi cây và cây leo tôi đã bò lên nơi mà con đường ngoặt sang một sườn núi khác. Sâu bên dưới tôi là thung lũng xanh rì với sông Ranh uốn lượn theo thung lũng, tiếng ồn của nó lại vọng đến tai tôi. Nhìn xuống phía dưới từ biệt thêm một lần nữa, rồi lại đi tiếp! Con đường đã đưa tôi tới lòng chảo giữa những núi đá nghiêng vươn lên đến tận trời, – lại vào một trong những ngõ ngách hoang vu nhất của thế giới. Tôi tỳ khuỷu tay vào vách đá và bắt đầu nhìn sông Ranh tạo thành một thủy vực được viền quanh bằng màu cây xanh thẫm. Mặt xanh phẳng lặng mà những cành cây xõa xuống che lấp nhiều góc hẻo lánh, những núi đá cao phủ rêu, đó đây những tia nắng mặt trời xuyên qua - trong tất cả những cái đó có một sự quyến rũ khó tả nào đó. Tiếng rì rào của dòng sông đã êm trở lại vang lên hầu như dễ hiểu, giống như tiếng thì thầm của những con thiên nga tuyệt đẹp bay từ những ngọn núi xa tới và ở nơi hẻo lánh, chúng vứt bỏ khỏi mình bộ lông ngỗng trời để tắm mình dưới cành lá trong những con sóng băng lạnh. Nhưng những âm thanh ấy đã bị cắt ngang bởi tiếng ồn như sấm của các thác nước, vang lên như tiếng nổi giận của thần sông chửi rủa những con thiên nga về sự không thận trọng, vì chính chúng biết rằng chúng sẽ phải đi theo kẻ sẽ cướp mất bộ lông thiên nga của chúng. Mà ở phía

sau kia có chiếc xe thư đang tới gần, đầy những hành khách tò mò nhìn chúng, và nói chung các bà phụ nữ, ngay cả nếu họ là những nàng thiên nga lãng mạn cũng không thể tắm bên con đường mọi người qua lại. Nhưng những nàng tiên cá tuyệt đẹp cất tiếng trêu ông già nhút nhát vì họ biết rằng người thấy họ chỉ là người đã được thấy đời sống bí mật của thiên nhiên, và rằng ông già sẽ không làm điều gì xấu cho họ.

Trên núi ngày càng mát hơn; tôi trèo lên, gần giữa trưa tôi gặp tuyết đầu mùa và rồi người tôi đang nóng bừng do trèo nhanh dưới mặt trời chói đỏ, thì bỗng một luồng không khí lạnh thổi tới một cách rõ rệt phả vào tôi. Đó là nhiệt độ ở bậc dốc thứ hai của đèo có làng Spơ-luy-ken - địa điểm cuối cùng có cư dân nói tiếng Đức ở đây - giữa những núi cao mà từng những sườn núi xanh của chúng đã hiện rõ những túp lều nâu thẫm của những người chăn gia súc. Trong một ngôi nhà xây hoàn toàn theo kiểu I-ta-li-a mà lên đến tầng cao nhất cũng chỉ có sàn đá và tường đá dày, chúng tôi ăn trưa, sau đó đi tiếp lên phía trên dọc theo núi đá hầu như dựng đứng. Trong một khe núi có nhiều cây, giữa những cây cuối cùng mà tôi thấy ở bên phía này dãy An-pơ, là một khối tuyết lở - một dòng tuyết rộng từ đỉnh cao hiểm trở tụt xuống. Đã qua một ít thời gian và chúng tôi bắt đầu gặp những khe núi trống trải trong đó dưới lớp tuyết cứng rì rầm những dòng suối và có những núi đá trơ trọi, một số nơi hơi phủ rêu. Càng lên cao, tuyết càng tạo thành những tấm màn trải ra ngày càng rộng hơn. Ở trên cùng là con đường đã được dọn, hai bên là một lớp tuyết dày gấp ba - bốn lần chiều cao con người. Tôi dùng để giày tạo ra những bậc thang trong bức tường tuyết và trèo lên phía trên. Trước mắt tôi đã mở ra một đồng bằng tuyết trắng mênh mông, ở giữa là một ngôi nhà – trạm hải quan của Áo, ngôi nhà đầu tiên trên sườn núi An-pơ phía I-ta-li-a. Việc kiểm tra đồ đạc của chúng tôi trong

ngôi nhà này, trong lúc đó tôi đã giấu được thuốc lá Va-ri-na-xơ^{1*} của tôi khỏi ánh mắt của lính gác biên giới, đã cho tôi thời gian nhìn ngắm xung quanh. Xung quanh là những núi đá trơ trọi, xám xịt với những đỉnh núi phủ đầy tuyết, do bị tuyết bao phủ dày đặc nên trên đồng bằng tịch không thấy một ngọn cỏ, bụi cây, kể cả cây to, - tóm lại, một sa mạc hoang vu khủng khiếp trên đó những ngọn gió I-ta-li-a và Đức thổi cắt ngang nhau, luôn luôn dẫn những đám mây xám thành một đồng - sa mạc tiêu điều hơn sa mạc Xa-ha-ra, và tầm thường hơn bãi hoang Luy-ne-buốc, một nơi mà từ năm này sang năm khác chín tháng có tuyết, còn ba tháng thì mưa. Đây là cái đầu tiên tôi thấy ở I-ta-li-a. Nhưng rồi con đường đi nhanh xuống núi, tuyết đã biến mất, và ở nơi hôm qua lớp thảm trắng mùa đông vừa kịp tan thì hôm nay những cây tây tạng hồng hoa đã trở bông vàng và xanh, cỏ bắt đầu xanh lại, lại bắt đầu xuất hiện những bụi cây, rồi đến những cây to, những thác nước âm âm đổ xuống chen giữa những lùm cây, còn ở phía sâu bên dưới, trong thung lũng đầy bóng râm tím nhạt, sông Li-rô sủi bọt chảy qua, ánh tuyết của nó sáng lên từ những con đường tối hai bên trồng cây dẻ; không khí ngày càng ấm hơn, tuy mặt trời đã xuống núi, còn tại Cam-pô Đôn-si-nô thì chúng tôi đã có mặt nếu không phải là ở I-ta-li-a đích thực thì dù sao cũng đã có mặt giữa những người I-ta-li-a đích thực. Cư dân của một làng nhỏ tụ tập thành hẳn một đám đông xung quanh xe ngựa chúng tôi và bằng thổ ngữ Lô-m-bác-di giọng mũi và với âm trong họng họ bàn tán về những con ngựa, cỗ xe và những hành khách; tất cả họ đều có nét mặt Rô-manh đích thực với biểu hiện kiên nghị, râu tóc đen và rậm. Chúng tôi đi tiếp xuống phía dưới theo dòng Li-rô, giữa những bãi cỏ và rừng, giữa vô số khối đá hoa cương

1* Va-ri-na-xơ (Ba-ri-na-xơ) - một thành phố ở Vê-nê-xu-ê-la (Nam Mỹ).

khổng lồ mà ai có thể biết được chúng ta đã lăn từ bao giờ từ đỉnh núi An-ơ xuống những bãi cỏ xanh nhạt nổi lên một cách độc đáo bởi những chiếc răng nhọn và đen và những chỗ nhô ra. Chúng tôi đi qua một loạt làng xóm đẹp mê hồn, ở cạnh núi đá với những tháp chuông cân đối, trắng như tuyết – trong đó có làng Xan-ta, Ma-ri-a Đi Ga-li-va-giô; cuối cùng là một thung lũng mà ở một trong những góc của nó nhô lên ngôi tháp Ki-a-ven-na, – hoặc theo tiếng Đức là Clê-ven – một trong những thành phố chính của xứ Ven-tơ-ling. Ki-a-ven-na đã hoàn toàn là một thành phố I-ta-li-a với những ngôi nhà cao và đường phố hẹp, tại đây chỗ nào cũng nghe thấy những cơn thịnh nộ khủng khiếp của người Lô-m-bác-di: *fiocul d'ona putana, porco della Madonna*^{1*} v.v.. Trong khi chúng tôi ngồi ăn tối theo kiểu I-ta-li-a với rượu nho Ven-tơ-ling thì mặt trời đã lặn sau dãy núi An-ơ ở Rê-ti; chiếc xe thư của Áo với người đánh xe I-ta-li-a, có người cầm súng các-bin đi kèm, đã đưa chúng tôi đến hồ Cô-mô. Mặt trăng tròn và sáng tỏ nhìn từ bầu trời xanh thẫm, đây đó sáng lên những ngôi sao và rặng chiều ửng đỏ mạ vàng cho các đỉnh núi; đêm phương nam lộng lẫy buông xuống mặt đất. Tôi đi như thế giữa những rừng dâu xanh, cành lá của nó xen với những chùm nho, hơi thở ấm áp của I-ta-li-a phả lên ngực tôi ngày càng êm dịu, những sự diệu kỳ của thiên nhiên chưa bao giờ thấy mà tôi từng mơ ước từ lâu đã làm cho tôi run lên ngọt ngào và vẽ lên trong óc tưởng tượng của tôi toàn bộ sự hùng vĩ ất chổng mỗ ra trước mắt tôi, tôi khoan khoái ngủ thiếp đi.

*Do Ph. Ăng-ghen viết vào tháng Năm 1841
Đã đăng trong tạp chí "Athenäum" các số 48
và 49; ngày 4 và 11 tháng Chạp 1841
Ký tên: Phri-drích Ô-xvan-dơ*

*In theo bản đăng trong tạp chí
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* Những câu chữ bằng tiếng I-ta-li-a.

SÊ-LINH NÓI VỀ HÊ-GHEN¹⁵³

Nếu bây giờ ở đây, tại Béc-lin, các vị hỏi một người nào đó có khái niệm dù chỉ nhỏ nhất về quyền lực của tinh thần đối với thế giới, nơi có vũ đài trên đó diễn ra cuộc đấu tranh để giành sự thống trị đối với dư luận xã hội của Đức trong chính trị và tôn giáo, tức là, giành sự thống trị đối với chính nước Đức, thì người ta sẽ trả lời các vị rằng vũ đài đó ở trong trường đại học tổng hợp, cụ thể là trong giảng đường số 6, nơi Sê-linh giảng những bài triết học mặc khải. Vì trong thời điểm hiện nay, tất cả những lời phản bác riêng biệt từng làm cho sự thống trị của triết học Hê-ghe trở thành vấn đề tranh cãi, đều đã mờ đi, nhạt đi và lùi về phía sau trước chỉ riêng sự chống đối của Sê-linh. Tất cả mọi kẻ thù đứng ngoài triết học, như Stan, Heng-xten-bếch, Nê-an-đơ, đều nhường chỗ cho một chiến sĩ mà người ta chờ đợi người đó sẽ chiến thắng người bất khả chiến thắng trong lĩnh vực của chính ông ta. Mà cuộc đấu tranh đó quả thật khá độc đáo. Hai người bạn cũ lúc thiếu thời, bạn cùng phòng ở trường dòng Tuy-bin-ghen, lại gặp nhau mặt đối mặt sau bốn mươi năm như là những đối thủ. Một người đã chết cách đây mười năm, nhưng vẫn sống hơn bao giờ hết trong những học trò của ông; người kia, theo lời khẳng định của những học trò ấy, đã chết về mặt tinh thần trong vòng ba thập kỷ, nay hoàn toàn đột nhiên có tham vọng có được toàn bộ sức sống và đòi hỏi phải được thừa nhận. Ai là người đủ "vô tư" để coi mình là xa vời với cả hai người ấy, nghĩa là ai mà không coi mình là người thuộc phái Hê-ghe – vì sau một vài lời Sê-linh nói, tất nhiên không ai có

thể tuyên bố mình là người theo ông ta, - do đó, người nào có ưu điểm "không thiên vị" đáng khen ấy, người đó sẽ thấy trong bản án tử hình đối với Hê-ghe mà lời phát biểu của Sê-linh ở Béc-lin đã nói ra, sự báo thù của các thần thánh đối với Sê-linh về bản án tử hình mà sinh thời Hê-ghe đã tuyên đọc.

Một cử tọa đáng kể, nhiều màu sắc đã tập hợp lại để làm nhân chứng cho cuộc đấu tranh đó. Đứng đầu là giới quý tộc đại học, những bậc cụ phách của khoa học, những bậc hảo hán mà mỗi người trong số họ đã tạo ra một khuynh hướng riêng; họ đã được dành cho những chỗ gần gũi nhất cạnh giảng đàn, còn đằng sau họ trong một sự lộn xộn pha tạp, gập đàu hay đấy, là những đại biểu của tất cả mọi địa vị xã hội, mọi dân tộc và mọi tín ngưỡng. Trong số thanh niên đầy nhiệt tình bỗng nhiên ta thấy một sĩ quan tham mưu râu bạc, còn bên cạnh ông ta là một người tự nguyện nhập ngũ ngồi trong tư thế hoàn toàn tự nhiên mà trong một cử tọa khác, do sự tôn kính đối với chỉ huy cao cấp, sẽ không biết độn thổ đi đâu cho khỏi ngượng. Các tiến sĩ già và những nhân vật thuộc giới tu hành mà giáo đoàn của họ có thể chẳng bao lâu nữa sẽ ăn mừng ngày ra đời của mình, cảm thấy bên trong họ tinh thần sinh viên cũ bắt đầu lên men, và họ lại đi nghe giảng. Những người Do Thái và những người Hồi giáo muốn thấy mặc khải Cơ Đốc giáo là gì. Đã nghe tiếng ồn ào hỗn hợp của tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hung-ga-ri, tiếng Ba Lan, tiếng Nga, tiếng Hy Lạp mới và tiếng Thổ Nhĩ Kỳ - nhưng bỗng vang lên tiếng chuông kêu gọi im lặng, và Sê-linh bước lên bục giảng.

Con người có vóc dáng trung bình, tóc bạc và mắt xanh nhạt vui vẻ mà trong biểu hiện của chúng có nhiều sự sinh động hơn là cái gì đó gây kính phục, cùng với một ít embonpont^{1*}, gây

1* – trạng thái đầy, mập, vẻ khỏe mạnh.

ấn tượng về một người cha đôn hậu của gia đình hơn là một nhà tư tưởng thiên tài; giọng nói nghe không thật hay nhưng mạnh mẽ, thổ ngữ Sva-bơ – Ba-vi-e với âm "eppes" thường xuyên thay cho "etwas"^{1*} – dáng vẻ bên ngoài của Sê-linh là như thế.

Tôi bỏ qua không nói đến nội dung những bài giảng đầu tiên của ông¹⁵⁴ để chuyển ngay sang những lời phát biểu của ông về Hê-ghen, và tôi chỉ dành cho tôi quyền thêm những điều cần thiết nhất để giải thích chúng. Tôi truyền đạt lời của ông đúng như tôi đã ghi chép khi dự buổi giảng của ông.

"Triết học đồng nhất mà tôi đề ra, chỉ là một mặt của toàn bộ triết học, cụ thể là mặt phủ định. "Cái phủ định" đó hoặc phải được bổ sung bằng việc trình bày "cái thực chứng" hoặc, sau khi hấp thụ toàn bộ nội dung thực chứng của các hệ thống triết học trước kia, chiếm giữ vị trí "cái thực chứng" và bằng cách đó nâng mình lên triết học tuyệt đối. Số phận của con người cũng được một lý trí nào đó chi phối, bất nó phải kiên trì trong tính phiến diện chừng nào anh ta chưa tận dụng hết tất cả mọi khả năng của nó. Với Hê-ghen, người đã đề ra triết học phủ định với tư cách là triết học tuyệt đối thì cũng vậy. – Tôi gọi tên ngài Hê-ghen lần đầu tiên. Tôi đã phát biểu thoải mái về những người thầy của tôi. Can-tơ, Phi-stơ, tôi cũng sẽ làm như vậy cả đối với Hê-ghen, tuy chính điều đó không đem lại cho tôi bất cứ niềm thích thú nào. Nhưng tôi sẽ làm điều đó, vì tôi đã hứa với các vị là tôi sẽ hoàn toàn thẳng thắn. Mong các vị không cảm thấy rằng tôi sợ cái gì, rằng có những điểm mà tôi không thể tự do phát biểu. Tôi nhớ cái thời Hê-ghen là người đối thoại của tôi, người đồng chí của tôi, và tôi phải nói rằng lúc triết học đồng nhất được hiểu, nói chung, một cách hơi hợt và tầm thường, thì chính ông đã vì tương lai mà cứu tư tưởng cơ bản của nó mà ông vẫn trung thành với nó đến cùng. "Các bài giảng về lịch sử triết học" của ông¹⁵⁵ chủ yếu đã chứng minh cho tôi điều đó. Tìm được rất nhiều tài liệu đã được đi sâu nghiên cứu, ông đã tập trung chú ý của mình chủ yếu vào phương pháp, trong khi chúng tôi, những người khác, thì chủ yếu nghiên cứu nội dung của triết học. Những kết quả tiêu cực đạt được đã không thỏa mãn bản thân tôi, và tôi sẽ vui lòng chấp nhận mọi giải pháp thỏa đáng ngay cả từ tay những người khác.

1* – "cái gì đó".

Và lại, vấn đề ở đây là Hê-ghen có giữ vị trí của mình trong lịch sử triết học – cái vị trí cần phải dành cho ông trong hàng ngũ những nhà tư tưởng vĩ đại – trên cơ sở tìm cách nâng triết học đồng nhất tới triết học tuyệt đối, triết học cuối cùng – tất nhiên điều đó chỉ có thể xảy ra khi nội dung của nó thay đổi đáng kể – hay không; và điều đó, tôi có ý định chứng minh trên cơ sở những tác phẩm của chính ông mà toàn thế giới đều có thể đọc. Nếu có ai đó nói rằng lời chỉ trích Hê-ghen tiềm ẩn ở đó, thì tôi sẽ trả lời rằng Hê-ghen đã làm cái mà ở ông nó đứng ở hàng đầu. Triết học đồng nhất đã phải tự mình đấu tranh với mình, vượt ra ngoài phạm vi của bản thân mình chừng nào chưa có môn khoa học về cái "thực chứng" cũng được mở rộng ra cả đến sự tồn tại. Điều đó cắt nghĩa xu hướng của Hê-ghen muốn đưa triết học đồng nhất ra khỏi phạm vi của nó, ra khỏi phạm vi tiềm năng của tồn tại, khả năng thuần túy của tồn tại và bất sự tồn tại phục tùng triết học đó.

"Hê-ghen, người đã cùng với Sê-linh vươn lên tới chỗ thừa nhận cái tuyệt đối, đã rời bỏ cái tuyệt đối, vì ông cho rằng cái tuyệt đối không được giả định trong trực quan trí tuệ, mà được ông tìm ra bằng con đường khoa học". Những lời đó là văn bản mà bây giờ tôi sẽ nói với các vị. – Cơ sở của đoạn đã được trích dẫn ở trên là ý kiến cho rằng triết học đồng nhất có kết quả là cái tuyệt đối, không chỉ về thực chất, mà cả về sự tồn tại; vì điểm xuất phát của triết học đồng nhất là sự không phân biệt chủ thể và khách thể, nên từ đó rút ra kết luận rằng tưởng như cả sự tồn tại của chúng cũng đã được chứng minh bằng trực quan trí tuệ. Vì thế Hê-ghen hoàn toàn chân thành nghĩ rằng tưởng như tôi muốn thông qua trực quan trí tuệ chứng minh *sự tồn tại, tồn tại* của sự phân biệt đó, và chỉ trích tôi về việc sự chứng minh của tôi chưa đầy đủ. Tôi không muốn thế, điều đó được chứng minh qua những lời tuyên bố nhiều lần của tôi rằng triết học đồng nhất không phải là hệ thống tồn tại, còn về trực quan trí tuệ thì định nghĩa đó hoàn toàn không gặp trong sự trình bày triết học đồng nhất mà tôi thừa nhận là khoa học duy nhất trong số tất cả mọi sự trình bày liên quan đến thời kỳ đầu ấy. Sự trình bày đó nằm ở chỗ không ai nảy ra ý nghĩ tìm kiếm nó, cụ thể là trong "Zeitschrift für spekulative Physik", trong quyển thứ hai, tập thứ nhất. Dĩ nhiên, định nghĩa đó cũng có cả ở những chỗ khác, vốn là một bộ phận trong di sản của Phi-stơ. Phi-stơ, người mà tôi không muốn đơn giản cắt đứt quan hệ, đã nhờ trực quan trí tuệ mà đạt tới ý thức trực tiếp, đạt tới cái "tôi" của mình: tôi theo cái đó để bằng cách như vậy đi tới sự không phân biệt. Vì cái "tôi" ấy trong trực quan trí tuệ không còn được xét một cách chủ quan nữa, nên nó đi vào lĩnh vực tư tưởng và, như vậy, không còn là cái đang tồn tại xác thực trực tiếp nữa. Như vậy, bản thân trực quan trí tuệ sẽ không thể chứng minh ngay cả sự tồn tại của cái "tôi", và nếu Phi-stơ sử dụng nó cho mục đích ấy thì tôi vẫn không

thể viện dẫn sự trực quan đó để xuất phát từ nó rút ra sự tồn tại của cái tuyệt đối. Vậy, Hê-ghen có thể chỉ trích tôi không phải về việc bằng cứ chứng minh không đầy đủ mà tôi chưa bao giờ định đưa ra, mà chỉ về việc tôi muốn nhấn mạnh không thật dứt khoát việc tôi nói chung không đề cập vấn đề sự tồn tại. Vì, nếu Hê-ghen đòi hỏi phải chứng minh tồn tại của tiềm năng vô tận, thì ông vượt ra ngoài giới hạn lý trí; nếu có tiềm năng vô tận thì triết học sẽ bị tồn tại ràng buộc, và ở đây cần phải đặt vấn đề: có thể quan niệm prius^{1*} của tồn tại hay không? Hê-ghen trả lời là không, vì ông bắt đầu lô-gích của mình từ tồn tại và lập tức chuyển sang hệ thống tồn tại. Còn chúng tôi thì trả lời vấn đề đó một cách khẳng định, lấy tiềm năng thuần túy của tồn tại, với tư cách là tiềm năng chỉ tồn tại trong tư duy, làm điểm xuất phát. Hê-ghen, người nói nhiều như vậy về tính nội tại, lại tự mình chỉ mang tính nội tại trong phạm vi cái *không* phải là nội tại đối với tư duy, vì tồn tại là cái không nội tại ấy. Lùi về lĩnh vực tư duy thuần túy - trước hết có nghĩa là rời bỏ mọi tồn tại ở bên ngoài lĩnh vực tư tưởng. Lời khẳng định của Hê-ghen rằng sự tồn tại của cái tuyệt đối đã được chứng minh trong lô-gích còn có một thiếu sót là như vậy, chúng ta có cái vô tận hai lần: ở cuối lô-gích học và một lần nữa ở cuối toàn bộ quá trình. Nói chung không thể hiểu được vì sao trong hệ thống "Bách khoa thư"¹²⁵ lô-gích học được đưa ra trước tất cả mọi cái còn lại, thay vì xuyên suốt toàn bộ chu kỳ một cách sinh động".

Sê-linh nói như vậy. Tôi đã dẫn ra phần lớn, và trong chừng mực có thể đối với tôi, những lời của chính ông ta và tôi có thể mạnh dạn khẳng định rằng ông ta sẽ không thể không ký tên vào những đoạn trích ấy. Thêm vào những điều đã nói, tôi có thể bổ sung lấy từ những bài giảng trước đó của ông ta rằng ông ta xét sự vật từ hai khía cạnh, tách quid khỏi quod^{2*}, tách bản chất và khái niệm khỏi sự tồn tại. Các vấn đề thuộc loại thứ nhất được ông ta liệt vào khoa học về lý trí thuần túy hoặc vào triết học phủ định, còn các vấn đề thuộc loại thứ hai thì ông

1* – tính có trước.

2* – quid và quod là hai đại từ trong tiếng la-tinh ứng với đại từ что trong tiếng Nga. Trong triết học kinh viện, quid thuộc về khái niệm bản chất, còn quod thì thuộc về khái niệm tồn tại.

ta liệt vào khoa học với những yếu tố kinh nghiệm còn phải được xây dựng, vào triết học thực chứng¹⁴². Về triết học thực chứng thì cho đến nay người ta chưa biết gì cả, còn triết học phủ định thì đã xuất hiện cách đây bốn mươi năm trong cách diễn đạt không hoàn hảo mà bản thân Sê-linh đã từ bỏ, và bây giờ ông ta phát triển nó trong biểu hiện chân chính, hợp lý của nó. Cơ sở của nó là lý trí, tiềm năng thuần túy của nhận thức có nội dung trực tiếp là tiềm năng thuần túy của tồn tại, khả năng vô tận của tồn tại. Nguyên tắc thứ ba cần thiết đối với cái đó là tiềm năng vươn lên *trên* tồn tại mà không thể tự tha hóa nữa; tiềm năng đó chính là cái tuyệt đối, tinh thần là cái được giải phóng khỏi tất yếu phải chuyển hóa thành tồn tại và vĩnh viễn tự do đối với tồn tại. Cái tuyệt đối còn có thể được gọi là sự thống nhất "kiểu Oóc-phây"^{1*} của hai tiềm năng ấy, như là cái mà ở bên ngoài nó không tồn tại cái gì cả. Nếu các tiềm năng mâu thuẫn với nhau, thì tính chất đặc biệt ấy của chúng là tính tận cùng.

Tôi nghĩ rằng một số ít những luận điểm ấy đủ để hiểu những điều đã nói ở trên và để làm rõ những nét cơ bản của học thuyết Sê-linh mới, về những nét này có thể được nhận xét ngay bây giờ ở đây. Tôi còn phải rút ra từ đó những kết luận mà, có thể, Sê-linh định phớt lờ, và còn phải bảo vệ người quá cố vĩ đại.

Nếu làm cho bản án tử hình mà Sê-linh đã tuyên bố đối với hệ thống của Hê-ghen khỏi có hình thức biểu hiện theo lối văn phòng, thì có được điều sau đây: nói đúng ra, Hê-ghen tuyệt nhiên chưa có hệ thống của mình, mà ông duy trì sự tồn tại thảm hại của mình bằng những mẩu thức ăn lấy từ cái bàn tư

1* – phù hợp với sự sùng bái Oóc-phây, một cách thần bí.

tưởng của tôi. Trong khi tôi dùi mài cái *partie brillante*^{1*}, dùi mài triết học thực chứng, thì ông ta say mê hiến thân cho cái *partie honteuse*^{2*}, triết học phủ định, và đảm nhận về phần mình – vì tôi không có thời gian làm điều đó - việc hoàn thiện và đi sâu nghiên cứu nó, sung sướng vô tận thấy rằng tôi còn tin tưởng giao cho ông ta việc này. Các bạn muốn chỉ trích ông ta về điều này chăng? "Ông ấy đã làm cái mà ở ông ấy nổi lên hàng đầu". "Vị trí trong số các nhà tư tưởng vĩ đại" vẫn thuộc về ông ta, vì ông ta là "người duy nhất thừa nhận tư tưởng cơ bản của triết học đồng nhất, trong khi những người khác hiểu nó một cách tầm thường và rời rạc". Và ở ông ta vẫn chẳng được cái gì tốt cả, vì ông ta muốn biến một nửa của triết học thành triết học chính thể.

Người ta truyền đạt lời nói nổi tiếng thường được gán cho Hê-ghen, nhưng như đã thấy qua những lời phát biểu dẫn ra ở trên của Sê-linh, chắc chắn là của ông này: "Chỉ có một trong số những học trò của tôi là hiểu tôi, và lại, tiếc rằng người đó hiểu tôi không đúng".

Song chúng ta sẽ nói một cách nghiêm túc. Chúng ta, những người mang ơn Hê-ghen nhiều hơn ông mang ơn Sê-linh, liệu chúng ta có thể để người ta viết trên bia mộ của người quá cố những lời xúc phạm như vậy hay không và có cần bảo vệ danh dự của ông bằng cách gửi lời thách thức cho kẻ phỉ báng ông, dù cho kẻ phỉ báng ấy có đáng sợ như thế nào đi nữa, hay không? Chính vì dù Sê-linh nói gì đi nữa, nhưng lời nhận xét của ông ta về Hê-ghen là một sự xúc phạm, mặc dù nó có vẻ mang hình thức khoa học mà ông ta dùng để thể hiện sự xúc phạm đó. Ôi,

1* – phần cao quý.

2* – phần không cao quý.

tự tôi sẽ có thể – nếu cần làm như vậy – mô tả ông Sê-linh và bất cứ ai cũng được "một cách thuần túy khoa học" dưới một cái vẻ xấu xa đến mức ông ta sẽ thấy rõ ưu thế của "phương pháp khoa học". Nhưng tôi làm thế để làm gì? Và chẳng cần làm thế thì cũng đã là một sự táo bạo, nếu tôi, một chàng thanh niên, định dạy cho một ông già, nhất là Sê-linh, vì dù Sê-linh có phần bội tự do một cách quyết liệt như thế nào đi nữa, thì ông ta vẫn là người phát hiện ra cái tuyệt đối, và tên của Sê-linh, vì ông ta là người tiên bối của Hê-ghen, được tất cả chúng ta nêu lên chỉ với sự chúc phúc sâu sắc nhất. Nhưng Sê-linh, người thừa kế Hê-ghen, chỉ có thể đòi được kính trọng phần nào và hoàn toàn ít có thể đòi hỏi tôi yên lặng và bình tĩnh vì tôi đã bảo vệ người quá cố, còn chính người chiến sĩ thì có một sự ham mê nào đó; ai bình tĩnh tốt kiếm của mình ra, người đó ít khi được kích lệ sâu sắc bởi sự nghiệp mà ông ta chiến đấu.

Tôi phải nói rằng lời phát biểu ở đây của Sê-linh và đặc biệt là những lời công kích ấy chống Hê-ghen đã không cho phép nghi ngờ điều mà cho đến nay không muốn tin, cụ thể là nghi ngờ sự giống nhau giữa bức chân dung phác họa trong lời tựa viết cho cuốn sách nổi tiếng của Ri-đen xuất bản cách đây không lâu¹⁵⁶, với nguyên bản. Cái giọng điệu của Sê-linh đáng giá bao nhiêu khi nói về toàn bộ sự phát triển của triết học trong thế kỷ này, về Hê-ghen, Han-xơ, Phoi-ơ-bác, Stơ-rau-xơ, Ru-gơ và "Deutsche Jahrbücher": lúc đầu ông ta đặt họ phụ thuộc vào mình, sau đó không đơn thuần bác bỏ, không, – bằng một lối nói khoa trương chỉ đặt chính *ông ta* dưới dáng vẻ thuận lợi nhất, mô tả toàn bộ khuynh hướng tư tưởng đó như là sự lừa bịp của tinh thần, như là một sự hiểu lầm ngộ nghĩnh, như là một loạt sự nhầm lẫn vô ích. Tôi nói, nếu giọng điệu đó không trội hơn tất cả những cái mà trong quyển sách được nhắc đến ở trên chê trách Sê-linh, thì tôi hoàn toàn không thể hình dung được cái mà trong đời sống bình thường của con người được gọi là sự

đúng đắn. Quả thật, cần phải thừa nhận rằng Sê-linh khó tìm được con đường ở giữa, không làm mất thanh danh cả ông ta lẫn Hê-ghen, và có thể tha thứ cho sự ích kỷ đã thúc đẩy ông ta hy sinh bạn bè để cứu địa vị của mình. Nhưng Sê-linh vẫn đi quá xa, khi ông đòi thế kỷ chúng ta dừng tính đến thời gian đã bị mất đi một cách vô ích, là sự nhầm lẫn hoàn toàn của bốn mươi năm lao động và hoạt động sáng tạo, bốn mươi năm suy nghĩ mà vì nó đã hy sinh những lợi ích quý báu nhất, những truyền thống thiêng liêng nhất, và tất cả những điều đó chỉ để cho Sê-linh không phải là người thừa trong vòng bốn mươi năm ấy. Và khi Sê-linh dành cho Hê-ghen một chỗ đứng trong hàng ngũ những nhà tư tưởng vĩ đại dưới một hình thức khiến cho, về thực chất, gạch xóa tên ông khỏi số họ, coi thường ông như là tạo vật của mình, như là đày tớ của mình, thì điều đó lại càng lộ rõ hơn là một sự chế giễu; và cuối cùng, đó có phải là một loại thói keo kiệt đối với tư tưởng, một sự nhỏ nhen – niềm đam mê thấp hèn mà mọi người đều biết ấy được gọi là gì nhỉ? – khi Sê-linh tuyên bố tất cả những gì ông ta coi là đúng đắn ở Hê-ghen đều là sở hữu của mình, hơn nữa là máu thịt của mình. Vì rằng sẽ là lạ lùng nếu chân lý cũ ấy của Sê-linh có thể duy trì dưới hình thức tồi của Hê-ghen, và trong trường hợp này lời chê rằng sự diễn đạt không rõ ràng mà Sê-linh đã ném vào Hê-ghen vào ngày thứ ba, nhất định sẽ bật trở lại chính ông ta. Thật ra, lời chỉ trích ấy, theo ý kiến chung, cả bây giờ cũng liên quan đến Sê-linh, mặc dù ông ta hứa trình bày một cách rõ ràng. Người nào lu mờ đi trong những thời kỳ thường gặp phải ở Sê-linh, người nào dùng những cách nói như quidditativ^{1*} và quodditativ^{2*}, sự thống nhất kiểu Oóc-phây v.v. và không hài

1* – thuộc khái niệm bản chất.

2* – thuộc khái niệm tồn tại.

lòng về việc ấy, ngoài ra còn từng phút dùng đến các từ các cách nói la-tinh và Hy Lạp, người đó tất nhiên làm cho mình mất quyền chữ bởi phong cách của Hê-ghen.

Vả lại, Sê-linh là người đáng thương hơn cả do sự hiểu lầm đáng buồn về vấn đề sự tồn tại. Hê-ghen ngây thơ tốt bụng, với niềm tin của ông vào sự tồn tại của các kết quả triết học, vào quyền của lý trí đi vào sự tồn tại, được thống trị tồn tại! Nhưng vẫn sẽ lạ lùng nếu Hê-ghen, người từng nghiên cứu Sê-linh kỹ đến thế và một thời gian dài có quan hệ cá nhân với ông ta, cũng như tất cả những người khác từng cố gắng hiểu thấu ý nghĩa của triết học đồng nhất, – nếu tất cả họ đều hoàn toàn không nhận thấy cái chủ yếu nhất, cụ thể là tất cả đó là điều vô lý và điều nhằm nhí chỉ tồn tại trong đầu Sê-linh và không mảy may đòi có ảnh hưởng nào đó đến thế giới bên ngoài. Ở đâu đó chính điều này đã phải được ghi lại, và chắc chắn có ai đó sẽ tìm thấy điều đó. Và quả thật, ta sẽ rơi vào sự căm dỗ muốn ngờ vực, dù đó có phải là ý kiến ban đầu của Sê-linh và đó có phải là sự bổ sung sau này hay không.

Còn nhận thức mới về triết học đồng nhất thì sao? Can-tơ đã làm cho tư duy lý tính thoát khỏi không gian và thời gian; Sê-linh ngoài cái đó ra còn tước mất của chúng ta cả sự tồn tại nữa. Sau cái đó chúng ta còn lại cái gì? Đây không phải chỗ chứng minh, để phản bác Sê-linh, rằng sự tồn tại chắc chắn thuộc lĩnh vực tư duy, rằng tồn tại là cái tự tại của tinh thần và rằng luận điểm cơ bản của toàn bộ triết học hiện đại, cogito, ergo sum^{1*}, không thể bị lật nhào bằng một sự công kích đơn giản. Nhưng chúng tôi xin mạn phép hỏi: tiềm năng mà tự nó không có tồn tại thì liệu nó có thể để ra tồn tại được không? Tiềm năng không

1* – tôi tư duy, do đó tôi tồn tại. *Đê-các-tơ*. "Nguyên lý triết học".

đủ sức tự tha hóa nữa thì còn có thể được coi là tiềm năng hay không? Và sự phân ba các tiềm năng có phù hợp một cách lạ lùng nhất với kết quả mà "Bách khoa thư" của Hê-ghen đi tới – với sự thống nhất làm một của ba nhân tố tư tưởng, giới tự nhiên và tinh thần hay không?

Và kết quả của tất cả những cái đó đối với triết học mặc khải như thế nào? Tất nhiên, nó thuộc về "triết học thực chứng", thuộc về kinh nghiệm. Lối thoát duy nhất đối với Sê-linh là thừa nhận mặc khải là một sự thực và luận chứng nó một cách nào đó, có điều không phải bằng lý trí, vì chính ông ta đã tự cắt tất cả mọi con đường luận chứng như vậy. Ở Hê-ghen vẫn không phải đơn giản như vậy – hoặc, có thể ở trong túi Sê-linh còn có những phương thức giải quyết khác chăng? Như vậy, có thể có toàn quyền gọi triết học đó là triết học kinh nghiệm, gọi thần học của nó là thần học thực chứng, còn luật học của nó, đúng hơn cả, sẽ là luật học lịch sử. Kết quả như vậy tất nhiên sẽ giống sự thất bại, vì tất cả những điều đó chúng ta đã biết ngay trước khi Sê-linh đến Béc-lin.

Nhiệm vụ của chúng ta sẽ là theo dõi diễn biến tư tưởng của ông ta và bảo vệ nắm mô của người thầy vĩ đại khỏi bị chửi rủa. Chúng ta không sợ đấu tranh. Chúng ta không muốn gì ngoài việc trong một thời gian nào đó ở vào tình thế *ecclesia pressa*^{1*}. Ở đây diễn ra sự phân định ranh giới các trí tuệ. Tất cả những gì là chân lý đều chịu sự thử thách bằng lửa, còn đối với các yếu tố kém phẩm chất thì chúng ta vui lòng từ già. Đối thủ phải thừa nhận rằng hơn lúc nào hết, thanh niên đông đảo đang quy tụ lại dưới cờ của chúng ta, rằng giờ đây hơn lúc nào hết, phạm vi những tư tưởng chiếm lĩnh chúng ta đã phát triển phong

phú, rằng ở phía chúng ta chưa bao giờ có ngần ấy người dũng cảm, kiên cường và tài năng như bây giờ. Vậy, chúng ta hãy mạnh dạn đi vào trận chống kẻ thù mới; cuối cùng, trong số chúng ta sẽ có ai đó chứng minh rằng lưỡi kiếm của sự cổ vũ cũng tốt như lưỡi kiếm của thiên tài.

Còn Sê-linh thì cứ để ông ta thử thêm, xem ông ta có tập hợp được một trường phái xung quanh mình hay không. Nhiều người giờ đây theo ông ta chỉ vì họ, cũng như ông ta, chống Hê-ghen và với lòng biết ơn tiếp nhận bất cứ ai đả kích Hê-ghen, dù đó thậm chí là Lê-ô hay Su-bác-tơ. Song, tôi nghĩ rằng Sê-linh quá tốt đối với những ngài ấy. Tương lai sẽ cho thấy ông ta còn có những môn đồ khác nữa hay không. Tôi chưa tin điều đó, tuy trong số những người nghe ông ta giảng có một số người thành công và đã chuyển sang *thái độ thờ ơ*.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào nửa cuối tháng Mười một 1841

Đã đăng trong tạp chí "Telegraph für Deutschland" các số 207 và 208; tháng Chạp 1841

Ký tên: Phri-drích Ôxvan-đơ

In theo bản đăng trong tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức

1* – giáo hội bị xua đuổi.

SÊ-LINH VÀ MẶC KHẢI
PHÊ PHÁN SỰ XÂM PHẠM MỚI NHẤT CỦA THỂ LỰC
PHẢN ĐỘNG ĐỐI VỚI TRIẾT HỌC TỰ DO

Thế là đã mười năm từ khi trên các ngọn núi của Nam Đức lơ lửng mây giông ập tới ngày càng có tính chất đe dọa và u ám đối với triết học Bắc Đức. Sê-ling lại xuất hiện ở Muyn-khen; có tiếng đồn rằng hệ thống mới của ông ta sắp hoàn thành, sẵn sàng đem mình ra chống lại sự thao túng của trường phái Hê-ghen. Bản thân Sê-ling kiên quyết chống khuynh hướng đó, và những đối thủ còn lại của trường phái Hê-ghen, khi tất cả mọi lý lẽ của họ đã tỏ ra bất lực trước sức mạnh chiến thắng của học thuyết ấy, vẫn còn lại nơi trú ẩn cuối cùng - sự viện dẫn Sê-ling như là người ở cấp cuối cùng sẽ tiêu diệt học thuyết đó.

Các học trò của Hê-ghen vì vậy chỉ có thể vui mừng khi cách đây nửa năm Sê-ling đến Béc-lin và hứa đưa ra cho công chúng phán xét hệ thống giờ đây đã hoàn thành của mình. Có thể hy vọng từ nay sẽ không phải nghe những lời bàn luận chán ngấy rỗng tuếch về ông ta, về một người không quen biết vĩ đại, và cuối cùng sẽ có thể thấy rằng hệ thống của ông ta là cái gì. Và trường phái Hê-ghen - với tinh thần chiến đấu luôn luôn thường trực của nó, với niềm tin vốn có của nó vào chính mình - vốn chỉ có thể vui mừng được dịp đấu kiếm với một đối thủ nổi tiếng. Vì rằng từ lâu Han-xơ, Mi-sơ-lê và "Athenäum" đã thách thức Sê-ling, còn "Deutsche Jahrbücher" thì thách thức các học trò lớp dưới của ông ta.

BÌA CUỐN SÁCH MỎNG
"SÊ-LINH VÀ MẶC KHẢI"

Mây giông đã ập tới như vậy và sấm sét đã nổ ra từ giảng đàn của Sê-linh đã bắt đầu làm cho toàn Béc-lin kích động. Giờ đây sấm đã im, chớp không còn lấp loáng nữa. Vậy thì sao? Nó có rơi trúng đích không? Toàn bộ lâu đài của hệ thống Hê-ghen – cái lâu đài tư tưởng kiêu hãnh này – đã bị ngọn lửa bao trùm chưa? Phái Hê-ghen có vội đi cứu tất cả những gì có thể cứu được hay không? Cho đến nay chưa ai thấy điều đó cả. Mà người ta đã chờ đợi ở Sê-linh tất cả mọi điều cơ đấy. Chẳng lẽ "những người thực chứng"¹⁴² không quỳ gối và không khóc than về nạn hạn hán nghiêm trọng trên đất chúa, cầu khẩn cho mây mưa đang lơ lửng ở phía chân trời xa hãy đến hay sao? Chẳng lẽ không lập lại y hệt cái mà hồi nào đó đã diễn ra ở I-xra-en, khi nhân dân đã cầu khẩn nhà tiên tri I-li-a đuổi các viên thầy tế của Va-a-lơ xấu xa, hay sao?^{1*} Còn khi, cuối cùng, ông ta, thầy phù thủy vĩ đại của quỷ đến, thì ngay lập tức toàn bộ sự tố giác âm ỉ, vô liêm sỉ ấy lập tức im bật, toàn bộ tiếng hét inh tai ấy và toàn bộ sự điên cuồng ấy đã lắng xuống để không một lời nào của mặc khải mới rơi mất đi! Tất cả những hiệp sĩ dũng cảm ấy của tờ "Evangelische" và tờ "Allgemeine Berliner Kirchenzeitung"^{2*}, của tờ "Literarischer Anzeiger", của tờ tạp chí của Phi-stơ¹⁵⁷ đã rút lui về phía sau một cách khiêm tốn như thế nào để nhường chỗ cho Ghê-oóc-gi Chiến thắng phải đánh chết con rồng học thuyết Hê-ghen khủng khiếp mà hơi thở của nó là ngọn lửa vô thần và làn khói u mê! Chẳng lẽ sự yên lặng như vậy đã không được lập lại trên trái đất, giống như tinh thần thánh chuẩn bị xuống hạ giới, như thể chúa trời tự mình muốn lên tiếng từ các tầng mây?

Còn khi chúa cứu thế triết học bước lên ngai gỗ được bọc rất

1* Kinh thánh. Kinh Cựu ước. Quyển thứ ba của các vương quốc, chương 18.

2* – "Berliner Allgemeine Kirchenzeitung".

xấu của mình trong "Auditorium maxium"^{1*}, khi người thông báo công việc tín ngưỡng và những phép màu của mặc khải – những tiếng hô hân hoan biết nhường nào đã vang lên đón chào người từ hàng ngũ chiến đấu của những "người thực chứng"! Tất cả các cửa miệng đã tâng bốc như thế nào đối với người mà các đại biểu của trào lưu "Cơ Đốc giáo" đã đặt lên những hy vọng của mình! Chẳng lẽ chúng ta không nghe thấy rằng con người khổng lồ gan dạ như Rô-lăng ấy một mình đi vào đất kẻ địch để cắm lá cờ của mình vào trái tim của nước thù địch, làm nổ tung dinh lũy bên trong của tình trạng vô luật pháp, pháo đài tư tưởng không bao giờ bị khuất phục, để kẻ thù không có chỗ dựa, không có trung tâm thì không thể tìm được lời khuyên, không thể tìm được nơi nương náu chắc chắn trong chính đất nước của mình, hay sao? Chẳng lẽ sự sụp đổ của học thuyết Hê-ghen, được dự kiến ngay trước lễ Phục sinh năm 1842, cái chết của tất cả những người vô thần và những người không theo Cơ Đốc giáo, đã không được loan báo rồi đó sao?

Tất cả đã xảy ra khác hẳn. Triết học Hê-ghen tiếp tục sống như trước trên bục giảng, trong sách báo, trong thanh niên; triết học ấy biết rằng tất cả những đòn từ trước đến nay nhằm chống lại nó đều không thể gây cho nó mảy may thiệt hại, và nó yên tâm tiếp tục tiến theo con đường phát triển nội tại của mình. Ảnh hưởng của nó đối với dân tộc – như sự giận dữ ngày càng tăng và hoạt động ngày càng mạnh của các đối thủ của nó chứng minh – đang trong quá trình thăng tiến nhanh chóng, còn Sê-linh thì đã làm cho hầu hết học viên của mình không được thỏa mãn.

Đó là những sự thực mà ngay cả số ít ỏi những người theo lý thuyết sáng suốt Sê-linh mới cũng không thể đưa ra một lời

phản bác nào có căn cứ. Khi người ta bắt đầu nhận thấy rằng những định kiến đã hình thành chống Sê-linh được xác nhận thậm chí quá tốt, thì trước tiên đã phải suy nghĩ xem làm thế nào để dung hòa lòng kính trọng đối với bậc thầy khoa học già với sự bác bỏ công khai, quyết liệt những tham vọng của ông ta, điều mà bốn phận đối với Hê-ghen buộc chúng ta phải làm. Song chẳng bao lâu chính Sê-linh, thật hài lòng cho chúng ta, đã giúp chúng ta thoát khỏi sự lựa chọn đó, bằng cách phát biểu về Hê-ghen dưới một hình thức đã trút bỏ khỏi chúng ta mọi trách nhiệm phải đếm xỉa đến người kế thừa giả mạo đó của Hê-ghen và người chiến thắng giả mạo trong cuộc tranh cãi với Hê-ghen. Chính vì vậy mà không thể kêu ca cả về tôi, nếu trong những xét đoán của mình tôi sẽ tuân theo nguyên tắc dân chủ và, không đếm xỉa đến cá nhân bất cứ ai, tôi chỉ đóng khung ở việc trình bày bản chất của vấn đề và lịch sử của nó mà thôi.

Năm 1831 khi Hê-ghen sắp qua đời đã di chúc lại học thuyết của mình cho các học trò của mình mà số lượng họ còn tương đối nhỏ. Hệ thống đã có sẵn dưới một hình thức chặt chẽ, bất động, nhưng cũng vững chắc mà cho đến nay người ta thường hay chỉ trích, nhưng không phải là cái gì khác hơn là sự tất yếu. Bản thân Hê-ghen, với niềm tin kiêu hãnh vào sức mạnh của tư tưởng, đã làm rất ít để phổ biến học thuyết của mình. Tất cả những tác phẩm do ông công bố đều được viết theo một văn phong khoa học chặt chẽ, hầu như không dễ hiểu và có thể – giống như "Jahrbücher für wissenschaftliche Kritik", nơi mà các học trò của ông cũng đã viết với một văn phong như vậy – chỉ nhằm vào một công chúng có học ít ỏi, nhưng lại có cảm tình với học thuyết đó. Ngôn ngữ chẳng có gì phải xấu hổ về những vết sẹo phải mang trong cuộc đấu tranh với tư tưởng; mối quan tâm đầu tiên là tìm cách kiên quyết vứt bỏ tất cả những gì liên quan đến các quan niệm, tất cả những cái hoang đường, tất cả những cái liên quan đến tình cảm, và thấu hiểu tư tưởng thuần

1* – Giảng đường lớn.

túy trong sự tự sáng tạo của nó. Một khi cơ sở tác chiến vững chắc ấy đã có được thì có thể yên tâm xem mọi sự phản ứng sau này từ phía những phần tử đã bị loại trừ, và thậm chí đi vào lĩnh vực ý thức phi triết học, vì hậu phương đã được yểm hộ. Ảnh hưởng của các bài giảng của Hê-ghen không bao giờ vượt ra khỏi phạm vi một giới nhỏ, và dù ảnh hưởng đó có đáng kể thế nào đi nữa thì nó chỉ có thể mang lại thành quả trong những năm về sau này.

Còn khi Hê-ghen chết rồi, thì triết học của ông chính là bắt đầu sống. Việc xuất bản toàn tập của ông¹⁵⁸ và đặc biệt là các bài giảng của ông đã có tác động rất lớn. Những cánh cổng mới được mở ra để đi vào kho tàng kỳ diệu ẩn kín nằm trong lòng đất âm thầm của trái núi, và sự hùng vĩ của nó cho đến nay chỉ chiếu sáng cho một số ít người. Số những người có dũng khí dám đi tới mê cung ấy rất ít, còn giờ đây thì đã mở ra một con đường thẳng tiện lợi mà đi theo nó thì có thể đạt tới kho báu thần kỳ. Đồng thời, trên cửa miệng các học trò của Hê-ghen, học thuyết của ông đã mang hình thức nhân bản hơn, rõ ràng hơn, sự chống đối từ phía bản thân triết học trở nên ngày càng yếu hơn và không đáng kể hơn, và dần dần sự thể đã đi tới chỗ chỉ có từ phía những nhà thần học và luật học chai sạn mới còn có thể nghe thấy những lời ta thán về sự xâm nhập táo bạo của một nhân vật không thông thạo vào lĩnh vực chuyên môn của họ. Còn thanh niên thì với niềm khát khao lớn hơn đã xoay ra xông vào những tư tưởng mới, khiến sự tiến bộ đã diễn ra cùng với thời gian trong chính trường phái ấy đã gây xung động cho những cuộc thảo luận rất quan trọng liên quan đến tất cả các vấn đề thiết thân của khoa học, cũng như của thực tiễn.

Những giới hạn mà chính Hê-ghen đã đặt ra như là những chiếc đập ngăn dòng chảy hùng hậu, sôi sùng sục của những kết luận rút ra từ học thuyết của ông, đã được chế định một phần bởi thời đại của ông, một phần bởi cá nhân ông. Hệ thống đã

hoàn thành trên những nét cơ bản từ trước năm 1810, đến năm 1820 thế giới quan của Hê-ghen đã hình thành hẳn hoi. Các quan điểm chính trị của ông, học thuyết của ông về nhà nước hình thành dưới ảnh hưởng của các thiết chế ở nước Anh và mang dấu ấn rõ rệt của thời kỳ Phục tích⁴¹, điều đó cũng ảnh hưởng cả đến việc ông không hiểu cuộc Cách mạng tháng Bảy trong tính tất yếu lịch sử toàn thế giới của nó. Như vậy, bản thân Hê-ghen đã thử thách, trên chính bản thân mình, sự đúng đắn của lời mình nói rằng mọi triết học đều chỉ là nội dung của thời đại mình được biểu hiện trong tư tưởng. Mặt khác, nếu các quan điểm cá nhân của ông nhờ có hệ thống nên đã sáng rõ ra, thì những quan điểm ấy vẫn không phải không ảnh hưởng đến các kết luận của hệ thống. Thí dụ, triết học tôn giáo của ông và triết học pháp quyền của ông chắc chắn sẽ có phương hướng hoàn toàn khác, nếu ông trừu tượng hóa nhiều hơn nữa những yếu tố thực chứng mà ông đã thấm nhuần dưới ảnh hưởng của bầu không khí tinh thần của thời đại ông, nhưng ông sẽ rút ra nhiều kết luận hơn từ tư tưởng thuần túy. Do đó mà có tất cả những điều không nhất quán, tất cả mọi mâu thuẫn ở Hê-ghen. Tất cả những gì mà trong triết học tôn giáo của ông là quá chính thống, tất cả những gì mà trong triết học pháp quyền của ông phảng phất mạnh mẽ chủ nghĩa lịch sử giả hiệu, đều phải được xét dưới góc nhìn này. Các nguyên tắc bao giờ cũng mang dấu ấn tính độc lập và tự do tư tưởng, còn các kết luận – điều này không ai phủ nhận cả – nhiều khi thậm trọng, thậm chí không dễ dãi. Ở đây ta thấy một bộ phận học trò của ông đã lên tiếng, họ vẫn trung thành với các nguyên tắc nhưng đã bác bỏ các kết luận nếu chúng không thể tìm được căn cứ xác đáng. Đã hình thành trào lưu tả. Ru-gơ đã tạo cho nó một cơ quan ngôn luận – đó là "Hallische Jahrbücher", và ngay sau đó đã tuyên bố tách khỏi quyền lực của cái "thực chứng". Nhưng tạm thời người ta chưa dám công khai phát biểu tất cả mọi kết luận. Các đại biểu

của trào lưu này, ngay cả sau Stơ-rau-xơ, đã coi mình là còn ở trong phạm vi đạo Cơ Đốc và thậm chí đã lên mặt về đạo Cơ Đốc đó trước những người Do Thái. Những vấn đề như vấn đề cá nhân thượng đế và sự bất tử của cá thể thì bản thân họ chưa đủ rõ để họ có thể phát biểu một cách kiên quyết về chúng. Hơn nữa, khi họ cảm thấy rằng những kết luận tất yếu sắp được rút ra thì ở họ đã nảy sinh thắc mắc rằng học thuyết mới có phải vẫn là tài sản bí truyền của trường phái và là bí mật đối với dân tộc hay không. Ở đây Lê-ô đã xuất bản quyển "Phái Hê-ghe-linh"⁴⁸ và bằng cách đó đã giúp đỡ hết sức nhiều cho đối thủ của ông ta. Như nói chung tất cả những gì đã được tính toán nhằm tiêu diệt khuynh hướng đó, hoạt động của Lê-ô chỉ có lợi cho khuynh hướng đó và đã chứng minh rõ ràng cho nó thấy rằng nó tay nắm tay cùng đi với tinh thần thế giới. Lê-ô đã đem lại cho phái Hê-ghe-linh quan niệm rõ ràng về chính mình, lại thức tỉnh trong họ lòng dũng cảm kiêu hãnh đi theo chân lý, không lùi bước trước những kết luận cực đoan nhất của nó và phát biểu chân lý đó một cách công khai và rõ ràng mà không sợ hậu quả. Giờ đây thật buồn cười khi đọc những điều mà nhóm Hê-ghe-linh đã viết lúc đó để chống Lê-ô và bảo vệ mình, thật buồn cười khi thấy những con người đáng thương ấy thuộc phái Hê-ghe-linh uốn mình, phủ nhận các kết luận của Lê-ô và đặt quanh chúng đủ thứ lời rào trước đón sau. Giờ đây trong số họ không ai có ý định bác bỏ những điểm buộc tội của Lê-ô – sự tào bạo của họ trong ba năm ấy đã tỏ ra to lớn đến như vậy. ""Bản chất đạo Cơ Đốc" của Phoi-ơ-bác", "Giáo điều" của Stơ-rau-xơ¹⁵⁹ và "Deutsche Jahrbücher" chứng tỏ những kết quả mà sự tố giác của Lê-ô đã dẫn tới, còn "Tiếng kèn"¹⁶⁰ thậm chí chứng minh rằng bản thân Hê-ghe-nen đã có những kết luận như vậy. Quyển sách đó quan trọng như vậy đối với việc làm rõ lập trường của Hê-ghe-nen vì nó chỉ ra rằng trong Hê-ghe-nen, nhà tư

tưởng độc lập, mạnh dạn đã thắng thế một cách thường xuyên như thế nào đối với vị giáo sư đang chịu hàng nghìn ảnh hưởng. Quyển sách đó là sự phục hồi danh dự cho cá nhân một con người mà người ta đòi phải vươn lên cao hơn thời đại mình không chỉ trong lĩnh vực ông đã là thiên tài, mà cả trong những lĩnh vực mà ông không phải là như vậy. Đây là điều khẳng định rằng Hê-ghe-nen đã đáp ứng cả sự mong đợi ấy.

Như vậy, "băng nhóm Hê-ghe-linh" giờ đây không hề giấu giếm rằng nó không thể và không muốn coi đạo Cơ Đốc là tột đỉnh của mình nữa. Tất cả mọi nguyên tắc cơ bản của đạo Cơ Đốc, hơn nữa, tất cả những gì mà từ trước đến nay nói chung được gọi là tôn giáo, đã sụp đổ dưới sự phê phán không thương tiếc của lý trí: ý niệm tuyệt đối đòi đóng vai trò người lập ra kỷ nguyên mới. Bước ngoặt vĩ đại mà đối với nó các nhà triết học Pháp thế kỷ trước chỉ là tiên bối, đã được hoàn tất, đã thực hiện sự tự sáng tạo của mình trong vương quốc tư tưởng. Triết học của đạo Tin lành, bắt đầu từ Đê-các-tơ, đã hoàn thành sự phát triển của mình; một thời đại mới đã đến, và trách nhiệm thiêng liêng của tất cả những người đi nhịp bước với tinh thần tự phát triển là đưa kết quả đồ sộ ấy vào ý thức của dân tộc và làm cho nó trở thành nguyên tắc sống động của nước Đức.

Trong lúc đang diễn ra sự phát triển nội tại đó của triết học Hê-ghe-nen thì tình hình bên ngoài của nó không phải cứ y nguyên như cũ mà không có sự thay đổi. Bộ trưởng An-ten-stai-nơ đã chết, nhờ sự giúp đỡ của ông mà cái nôi của một học thuyết mới đã được chuẩn bị ở Phổ; cùng với những đổi thay đã xảy ra, không chỉ mọi sự che chở đối với học thuyết này đã chấm dứt, mà thậm chí đã bộc lộ xu hướng muốn dần dần tách nó khỏi nhà nước. Đó là kết quả của sự biểu hiện mạnh hơn của các nguyên tắc từ phía nhà nước, cũng như từ phía triết học. Vì triết học không ngần ngại phát biểu những điều nó cho là cần thiết,

nên điều hoàn toàn tự nhiên là cả nhà nước cũng đã rút ra những kết luận của mình một cách dứt khoát hơn. Nước Phổ là quốc gia quân chủ Cơ Đốc giáo, và địa vị lịch sử – toàn thế giới của nó cho nó có quyền làm cho các nguyên tắc của nó được thừa nhận là có hiệu lực thực tế. Có thể đồng ý với chúng hay không, nhưng chúng đang tồn tại, và nước Phổ đủ mạnh để trong trường hợp cần thiết bắt phải đếm xỉa đến chúng. Hơn nữa, triết học Hê-ghen không có bất kỳ lý do nào để kêu ca điều đó. Địa vị trước đây của Phổ đã rọi ánh sáng sai lệch lên nó và đã thu hút nhiều môn đồ hữu danh vô thực đến với nó mà trong thời kỳ đấu tranh không thể trông cậy vào họ được. Những người bạn giả của nó là những kẻ vị kỷ, những người hời hợt, nửa vời, không tự do, giờ đây đã rút lui một cách yên ổn, và giờ đây nó biết địa vị của nó như thế nào và nó có thể trông cậy vào ai. Đã thế, nó chỉ có thể vui mừng trước tình hình các mâu thuẫn trở nên gay gắt, vì thắng lợi cuối cùng của nó vẫn được đảm bảo. Như vậy, điều hoàn toàn tự nhiên là, trái với những xu hướng phổ biến trước đây, các đại biểu của khuynh hướng đối lập đã được mời đến. Lại nổ ra cuộc đấu tranh chống triết học Hê-ghen, còn khi phái lịch sử – thực chứng đã lấy lại được dũng khí, thì Sê-linh được mời tới Béc-lin để giải quyết cuộc tranh chấp ấy và thanh toán với học thuyết của Hê-ghen trong lĩnh vực triết học của bản thân ông.

Sự xuất hiện của Sê-linh ở Béc-lin ắt đã kích thích sự quan tâm ráo riết của mọi người. Ông ta đã đóng một vai trò đáng kể trong lịch sử triết học hiện đại; mặc dù ông ta đã khơi dậy bao nhiêu là tư tưởng, nhưng ông ta không bao giờ đưa ra được một hệ thống hoàn chỉnh và một mục luôn luôn hoãn việc tổng kết các công trình khoa học của mình cho đến khi ông ta cuối cùng hứa rằng giờ đây sẽ trình bày bản báo cáo dứt khoát ấy về toàn bộ hoạt động sống của mình. Trong bài giảng thứ nhất

của mình, ông ta đã thực sự đảm nhận việc hoàn thành sự dàn hòa giữa niềm tin và tri thức, giữa triết học và mặc khải, và ông ta còn hứa với chúng ta nhiều điều khác nữa¹⁵⁴. Một nhân tố khác, quan trọng, góp phần nâng cao sự quan tâm đối với ông ta, là thái độ của ông ta đối với người mà ông ta đã đến để chiến thắng. Là bạn của nhau và ở cùng phòng với nhau trong những năm còn học đại học, hai người ấy sau đó đã sống cùng nhau ở I-ê-na thân thiết đến mức cả đến hôm nay vẫn chưa giải quyết được xem ảnh hưởng qua lại giữa họ lúc đó như thế nào. Chỉ có một điều xác thực là chính Hê-ghen đã đưa Sê-linh đến chỗ ý thức được rằng ông ta đã vượt ra ngoài phạm vi của Phi-stơ đến mức độ nào, điều này chính ông ta cũng không biết^{1*}. Song chẳng bao lâu sau khi họ chia tay nhau, những con đường phát triển trước đó đi song song với nhau đã bắt đầu tách ra. Hê-ghen, người mà phép biện chứng sôi động nội tại sâu sắc của ông mãi giờ đây, sau khi ảnh hưởng của Sê-linh đã lùi xuống hàng sau, mới bắt đầu phát triển thực sự, năm 1806 trong "Hiện tượng học tinh thần"¹⁶¹ ông đã tiến một bước rất lớn so với quan điểm triết học tự nhiên và ông đã tuyên bố rằng mình độc lập với quan điểm đó. Sê-linh ngày càng bắt đầu tuyệt vọng về khả năng có thể đạt được, trên con đường ông ta đã chọn, những kết quả vĩ đại mà ông ta đã mong muốn, và ngay thời đó ông ta đã cố gắng tìm cách chiếm lĩnh cái tuyệt đối một cách trực tiếp, xuất

1* Nếu Sê-linh thực sự có "sự thẳng thắn và chân thành" mà ông ta khoác lác, nếu ông ta thực sự chân thành thấy rõ những điều ông ta khẳng định về Hê-ghen và có cơ sở để làm việc đó, – thì mong ông ta sẽ chứng minh điều đó bằng cách công bố thư tín ông ta trao đổi với Hê-ghen mà như người ta nói, đang nằm trong tay ông ta hoặc việc xuất bản nó chỉ phụ thuộc vào ông ta. Nhưng đây là điểm yếu của Sê-linh. Nếu ông ta đòi hỏi người ta tin vào sự đúng đắn của ông ta thì mong ông ta làm việc chứng minh ấy, nó sẽ chấm dứt tất cả mọi cuộc tranh cãi về vấn đề này.

phát từ tiền đề kinh nghiệm của mặc khải tối cao. Trong khi năng lực của Hê-ghen sáng tạo tư tưởng luôn luôn thể hiện ngày càng kiên quyết hơn, sinh động hơn và tích cực hơn thì Sê-linh – như tiến trình suy luận đó của ông ta đã cho thấy - rơi vào trạng thái kiệt quệ về tinh thần mà ít lâu sau cũng đã biểu hiện ở chỗ hoạt động văn chương của ông ta tắt dần. Giờ đây dù ông ta có kể ra một cách tự mãn về hoạt động triết học lâu dài, tiến hành âm thầm của mình, về những kho báu bí mật trong bàn viết của mình, về cuộc chiến tranh ba mươi năm của mình với tư tưởng bao nhiêu đi nữa thì không ai tin ông ta nữa. Lẽ nào có thể một người từng tập trung toàn bộ sức mạnh tinh thần của mình vào một điểm, con người coi mình còn hoàn toàn có sức mạnh thanh xuân đã có lúc từng vượt qua chính *Phi-stơ*, con người đang có tham vọng được coi là đỉnh sĩ khoa học, thiên tài hạng nhất – mà như ai ai cũng phải thừa nhận, chính chỉ có con người như vậy, mới có thể lật đổ được Hê-ghen, – chẳng lẽ có thể xảy ra trường hợp một con người như vậy có thể bỏ ra ba mươi năm và nhiều hơn nữa để đạt được những kết quả không đáng kể như vậy hay sao? Nếu Sê-linh không tìm cách làm cho hoạt động triết học của mình được dễ dàng như vậy, thì lẽ nào tất cả mọi giai đoạn diễn biến tư tưởng của ông ta lại không được biểu hiện trong một số tác phẩm được ấn hành hay sao? Và lại, ngoài ra Sê-linh bao giờ cũng thể hiện ít sự tự hạn chế về mặt này và tất cả những cái mới mà ông ta đã tìm thấy, ông ta đã lập tức đưa ra ánh sáng mà không có sự phê phán đặc biệt. Nếu trong suốt thời gian đó ông ta tiếp tục cảm thấy mình là ông vua khoa học, thì làm sao ông ta có thể sống mà không thừa nhận nhân dân mình, làm sao ông ta có thể thỏa mãn với cuộc sống thảm hại của một ông vua đã bị lật đổ nào đó, của một Sác-lơ X nào đó, làm sao ông ta có thể thỏa mãn với màu tía đã mòn và đã phai của triết học đồng nhất? Lẽ nào ông ta không phải tung ra tất cả mọi phương tiện để lấy lại cho mình

những quyền đã mất, để giành lại cái ngai vàng mà "người tới sau" đã tước của ông ta hay sao?^{1*} Thay vì làm như vậy ông ta ngoặt khỏi con đường tư tưởng thuần túy, đắm mình trong hoang tưởng thần thoại và thần trí và – ta cần nghĩ như vậy – giữ gìn hệ thống của mình cho nhu cầu của vua Phô^{2*}, vì theo lời kêu gọi của ông vua này, những cái trước kia không thể nào có được hình thức hoàn chỉnh thì nay đã lập tức trở nên sẵn sàng. Ông ta đã đến đây như vậy với sự dung hòa niềm tin và tri thức trong chiếc va-li, bắt người ta nói về mình và cuối cùng đã lên bục giảng. Và cái mới mà ông mang đến theo mình, cái chưa từng nghe thấy và phải làm nên những điều kỳ diệu, là gì? Là triết học mặc khải mà ông ta, "bắt đầu từ năm 1831 cũng dưới hình thức như vậy", đã giảng ở Muyn-khen, và triết học thần thoại "bắt nguồn từ thời kỳ còn xa hơn nữa". – Cái cũ vô điều kiện đã được tuyên bố một cách không có kết quả đã mười năm nay ở Muyn-khen, chỉ có thể cầm tù một ông Rinh-xây-xơ nào đó, một ông Stan nào đó. Và cái đó Sê-linh gọi là "hệ thống" của mình đấy! Đấy là chỗ tiềm ẩn những lực lượng cứu thế giới, những lời niệm thần chú có sứ mạng xua đuổi cái vô thần – chính trong hạt giống hoàn toàn không nảy mầm ở Muyn-khen! Vậy tại sao Sê-linh không công bố giáo trình có sẵn đã mười năm rồi? Với thái độ quá tự tin của Sê-linh và niềm tin của ông vào thành công, ắt phải có một nguyên nhân thầm kín nào đó, một nỗi hoài nghi bí mật nào đó đã kìm giữ ông ta không làm việc ấy.

Phát biểu trước công chúng Béc-lin, ông ta tất nhiên đã bước lên một vũ đài công cộng rộng hơn một ít so với từ trước đến nay ở Muyn-khen. Cái mà ở đấy có thể dễ dàng vẫn là một học

1* *Si-lơ*. Những lời láy lại mấy câu trong vở bi kịch "Pích-cô-lô-mi-ni". Màn một, cảnh thứ nhất.

2* - Phri-đrich Vin-hem IV.

thuyết bí mật bí truyền, vì không có ai thiết tha với điều đó, thì ở đây được lôi ra ánh sáng ban ngày một cách không thương tiếc. Ở đây không ai được bước vào vương quốc bầu trời trước khi anh ta chưa đi qua luyện ngục phê phán. Tất cả những điều không bình thường được nói lên hôm nay tại trường đại học tổng hợp ở đây, ngày mai sẽ được đăng trên tất cả các báo Đức. Như vậy, tất cả những lý do đã kiềm chế Sê-linh không in các bài giảng của ông ta cũng sẽ phải kiềm chế ông ta không thực hiện chuyến đến Béc-lin và đến cư trú ở đó, và có lẽ thậm chí với mức độ còn lớn hơn, vì lời in ra không cho phép có bất kỳ sự hiểu lầm nào, trong khi lời nói thoáng qua, được ghi chép một cách vội vã và có thể chỉ nghe được thoáng qua, không khỏi bị lý giải sai lệch. Nhưng lẽ dĩ nhiên giờ đây không còn sự lựa chọn nữa; ông ta đã phải đi tới Béc-lin, nếu không thì bằng sự khước từ của mình, ông ta sẽ thừa nhận rằng mình không thể thắng học thuyết Hê-ghen. Nhưng cả việc in giáo trình cũng đã quá muộn, vì cần phải mang theo về Béc-lin cái gì đó mới mẻ, chưa được công bố, còn việc trong "bản viết" của ông ta không có bất cứ tài liệu nào khác thì lời phát biểu ở đây của ông ta cho thấy điều đó.

Trong những tình huống như vậy, Sê-linh vững tin và mạnh dạn bước lên bục giảng ở đây và bắt đầu giáo trình của mình trước một cử tọa gần bốn trăm người gồm những người thuộc tất cả mọi đẳng cấp và dân tộc, hứa hẹn trước với những người nghe mình là sẽ đem lại một điều khác thường. Qua những bài giảng ấy, dựa vào những ghi chú của mình có đối chiếu với những ghi chép cố gắng thật chính xác của những người khác, tôi xin thông báo những điều cần thiết để biện minh cho sự đánh giá của tôi.

Từ trước đến nay bất kỳ triết học nào cũng đều đặt cho mình nhiệm vụ hiểu thế giới là cái gì đó hợp lý. Tất cả những gì là

hợp lý thì tất nhiên cũng tất yếu; tất cả những gì là tất yếu đều phải là hoặc ít ra phải trở thành cái hiện thực. Đó là chiếc cầu đi tới những kết quả thực tiễn vĩ đại của nền triết học hiện đại. Nhưng vì Sê-linh không thừa nhận những kết quả đó, nên đối với ông ta việc phủ nhận tính hợp lý của thế giới cũng hoàn toàn là điều nhất quán. Song ông ta không có đủ dũng khí phát biểu trực tiếp điều đó, và thay vì việc ấy ông ta chọn lấy cách phủ nhận tính hợp lý của triết học. Bằng cách như vậy ông ta len lỏi bằng con đường vòng vo nhất giữa lý trí và tính không hợp lý, gọi cái lý trí bằng thuật ngữ – cái được nhận thức a priori^{1*}, gọi cái phi lý bằng thuật ngữ – cái được nhận thức a posteriori^{2*} và liệt cái thứ nhất vào "khoa học thuần túy của lý trí hoặc vào triết học phủ định", liệt cái thứ hai vào "triết học thực chứng" mới được xây dựng.

Ở đây có sự rạn nứt sâu thứ nhất giữa Sê-linh và tất cả những nhà triết học khác; ở đây là cố gắng đầu tiên của ông ta tìm cách lén lút đưa vào khoa học tư duy tự do niềm tin vào quyền uy, vào sự thần bí của các cảm giác và hoang tưởng có tính chất nhận thức luận. Sự thống nhất của triết học, tính chỉnh thể của mọi thế giới quan bị xé ra vì chủ nghĩa nhị nguyên không thỏa đáng nhất; mâu thuẫn tạo nên ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của đạo Cơ Đốc cũng được nâng lên thành một nguyên lý của triết học. Vì thế ngay từ đầu chúng ta phải phản đối sự phân đôi ấy. Ngoài ra, nó là vô căn cứ đến mức độ nào, điều đó chúng ta sẽ rõ khi chúng ta theo dõi sự diễn biến của những điều suy luận mà Sê-linh dùng để tìm cách bào chữa cho sự bất lực của mình không thể nhận thức vũ trụ như một cái hợp lý và chỉnh thể.

1* – từ trước, độc lập với kinh nghiệm.

2* – trên cơ sở kinh nghiệm.

Ông ta xuất phát từ luận điểm kinh viện cho rằng trong các sự vật cần phải phân biệt giữa *quid* và *quod* của chúng, giữa cái gì [Was] và *cái* [Daß]. Sự vật là *cái gì* - lý trí dạy chúng ta điều đó; *cái việc* chúng tồn tại thì kinh nghiệm cho chúng ta thấy điều đó. Mọi mưu toan cố xóa bỏ sự khác nhau đó bằng cách viện vào sự đồng nhất của tư duy và tồn tại là sự lạm dụng luận điểm đó. Kết quả của quá trình tư duy lô-gích chỉ có thể là tư tưởng về thế giới chứ không phải thế giới hiện thực. Theo Sê-linh, lý trí quả là bất lực không thể chứng minh sự tồn tại của bất cứ cái gì và về mặt này nó phải thỏa mãn với sự xác nhận của kinh nghiệm. Song triết học cũng đã nghiên cứu những vấn đề vượt ra ngoài phạm vi của mọi kinh nghiệm, thí dụ, nghiên cứu thần thánh. Và thử hỏi lý trí có thể chứng minh sự tồn tại của những sự vật ấy hay không? Để trả lời câu hỏi này, Sê-linh đi vào những suy luận dài dòng mà chúng tôi cho là hoàn toàn không cần dẫn ra ở đây, vì những tiền đề đã nhắc đến ở trên không cho phép có bất cứ lời đáp nào, ngoài lời đáp kiên quyết: *không*. Đó chính là kết quả suy luận của Sê-linh. Từ đó, theo Sê-linh, tất yếu thấy rằng lý trí trong tư duy thuần túy của nó phải có đối tượng không phải là những sự vật tồn tại thực tế, mà là những sự vật trong chừng mực chúng có thể có; không phải là tồn tại của sự vật, mà là bản chất của chúng, và tương ứng với điều đó chỉ là bản chất của thượng đế, chứ không phải sự tồn tại của thượng đế có thể là đối tượng nghiên cứu của nó. Như vậy, đối với thượng đế hiện thực cần phải đi tìm một lĩnh vực khác với lĩnh vực lý trí thuần túy, các sự vật phải có tiền đề của sự tồn tại; chỉ sau đó, a posteriori, chúng mới tỏ ra là có thể có hoặc hợp lý, còn trong hậu quả của mình thì chúng tỏ ra là có thể tiếp cận được đối với kinh nghiệm, tức là hiện thực.

Sự đối lập với Hê-ghen đã được biểu hiện ở đây hết sức rõ nét. Hê-ghen, với niềm tin ngây thơ vào ý niệm mà Sê-linh đã

vươn lên hết sức cao hơn niềm tin ấy, đã khẳng định: cái gì là hợp lý thì cái đó đồng thời cũng là hiện thực; còn Sê-linh thì nói rằng tất cả những cái hợp lý đều có thể có, và bằng cách đó ông ta ra đòn một cách chắc chắn, vì luận điểm đó, với ngoại diên rộng lớn của khái niệm cái có thể có, là không thể bác bỏ được. Đồng thời bằng chính cái đó ông ta bộc lộ - như sẽ làm rõ sau này - tình trạng không có sự hiểu biết rõ ràng đối với tất cả mọi phạm trù thuần túy lô-gích. Tôi có thể chỉ ra ngay bây giờ lỗ thủng trong đội ngũ chiến đấu dẫn ra trên đây của những điều suy lý qua đó quỹ dữ của tính phụ thuộc đã lọt vào hàng ngũ các tư tưởng tự do, nhưng tôi muốn hoãn điều đó lại đến dịp thuận lợi hơn để khởi lập lại, và chuyển sang nội dung của khoa học thuần túy của lý trí dưới dạng nó đã được Sê-linh thiết kế trước mặt các học viên của ông ta, làm cho tất cả những người thuộc phái Hê-ghen buồn cười. Nội dung đó chung quy là như sau:

Lý trí là tiềm năng nhận thức vô tận. Tiềm năng cũng có nghĩa là năng lực (năng lực nhận thức của Can-tơ). Với tư cách như vậy, nó hình như bị mất hết mọi nội dung, thực ra dù sao nó cũng có nội dung như vậy, hơn nữa không có mọi sự hỗ trợ, không có mọi hành vi từ phía nó, vì nếu không thì nó sẽ không còn là tiềm năng nữa, vì tiềm năng và hành vi đối lập nhau. Do vậy, tất yếu nội dung bẩm sinh trực tiếp chỉ có thể là tiềm năng vô tận của tồn tại phù hợp với tiềm năng vô tận của nhận thức, vì ứng với mọi nhận thức là một tồn tại nào đó. Tiềm năng đó của tồn tại, khả năng vô tận đó của tồn tại là cái thực thể mà từ đó chúng ta phải rút ra các khái niệm của chúng ta. Nghiên cứu nó là sự tư duy thuần túy, nội tại với chính nó. Khả năng thuần túy đó của tồn tại không chỉ là sự sẵn sàng tồn tại đơn thuần, mà là khái niệm về bản thân tồn tại, là cái mà do bản chất của nó vĩnh viễn chuyển thành khái niệm hoặc là cái có xu hướng chuyển thành tồn tại, thành cái hiện hữu mà không thể

ngăn không cho tồn tại và vì thế mà chuyển từ tư duy đến tồn tại. Đó là bản chất cơ động của tư duy, nhờ nó mà tư duy không thể bị quy thành tư duy đơn thuần, còn tư duy buộc phải vĩnh viễn chuyển thành tồn tại. Song đó không phải là sự chuyển thành tồn tại hiện thực, mà chỉ là bước chuyển lô-gích. Như vậy, thay vì tiềm năng thuần túy lại xuất hiện cái hiện hữu về mặt lô-gích. Nhưng vì tiềm năng vô tận là cái prius^{1*} của cái nảy sinh trong bản thân tư duy nhờ chuyển thành tồn tại, mà chỉ có tiềm năng vô tận là cái mà mọi tồn tại thực tế có thể tương ứng với nó, nên lý trí có – với tư cách là nội dung không tách khỏi nó – tiềm năng giữ vị trí tiên nghiệm đối với tồn tại và, như vậy, không cầu cứu kinh nghiệm, nhận thức được nội dung của mọi tồn tại hiện thực. Tất cả những cái diễn ra trong thực tế đều được lý trí nhận thức như là khả năng tất yếu lô-gích. Nó không biết thế giới có tồn tại hay không, nó chỉ biết rằng nếu thế giới tồn tại, thì thế giới ấy phải có những thuộc tính thế này và thế kia.

Do đó, việc lý trí là tiềm năng buộc chúng ta cũng phải thừa nhận nội dung của nó là nội dung tiềm tàng. Do đó, thượng đế không thể là nội dung trực tiếp của lý trí, vì thượng đế là cái hiện thực, chứ không chỉ là cái tiềm tàng, cái có thể có. Trong tiềm năng tồn tại, chúng ta lần đầu tiên mở ra khả năng chuyển thành tồn tại. Tồn tại đó tước bỏ của tiềm năng cái quyền lực của nó chi phối chính nó. Trước kia tiềm năng chi phối tồn tại: nó có thể chuyển thành tồn tại mà cũng có thể không chuyển thành. Còn giờ đây thì nó đã chịu sự chi phối của tồn tại, phục tùng tồn tại. Đó chính là tồn tại không có tính tinh thần, không có khái niệm, vì tinh thần là quyền lực chi phối tồn tại. Tồn tại

1* – có trước, tính có trước.

không có khái niệm ấy không còn tồn tại trong giới tự nhiên nữa, nơi mà tất cả đều đã được đánh dấu bằng hình thức, nhưng dễ dàng thấy rằng trước tồn tại đã định hình ấy đã có tồn tại mù quáng, không có giới hạn, làm cơ sở với tư cách là vật chất. Nhưng tiềm năng là cái vô tận tự do, có thể chuyển hóa, mà cũng có thể không chuyển hóa thành tồn tại; như vậy, hai mặt đối lập mâu thuẫn nhau – tồn tại và không tồn tại – không loại trừ nhau trong tiềm năng. Năng lực "cũng có thể không chuyển hóa" ấy thì bằng năng lực thứ nhất "chuyển hóa thành tồn tại", chừng nào năng lực thứ nhất vẫn còn trong tiềm năng. Chỉ khi cái trực tiếp có thể tồn tại thực sự chuyển hóa, thì cái thứ hai bị loại trừ khỏi nó. Tính không khác biệt của cả hai trong tiềm năng khi ấy chấm dứt, vì giờ đây khả năng thứ nhất loại trừ khả năng thứ hai ra khỏi mình. Khả năng thứ hai này – khả năng tồn tại – chỉ có được năng lực được thực hiện thông qua việc loại trừ khả năng thứ nhất. Giống như trong tiềm năng vô tận, năng lực chuyển hóa và năng lực không chuyển hóa không bị loại trừ nhau, chúng cũng không loại trừ cả cái tự do bay lượn giữa tồn tại và không tồn tại. Như vậy, chúng ta có ba tiềm năng. Tiềm năng thứ nhất chứa đựng quan hệ trực tiếp với tồn tại, tiềm năng thứ hai chứa đựng quan hệ không trực tiếp, chỉ có thể có thông qua việc loại trừ tiềm năng thứ nhất. Như vậy, chúng ta có: 1) cái hướng tới tồn tại, 2) cái hướng tới không tồn tại, 3) cái tự do bay lượn giữa tồn tại và không tồn tại. Trước khi chuyển hóa, tiềm năng thứ ba không khác tiềm năng trực tiếp và chỉ trở thành tồn tại khi sẽ bị loại trừ khỏi hai tiềm năng đầu; nó chỉ có thể được thực hiện khi cả hai tiềm năng đầu đã chuyển hóa thành tồn tại. Việc đó khép lại chuỗi mất xích các khả năng, và cơ thể bên trong của lý trí tiêu tan hết trong tổng thể các tiềm năng ấy. Khả năng thứ nhất chỉ là cái khả năng mà chỉ có bản thân tiềm năng vô tận là có thể có trước nó. Là cái sau khi rời bỏ lĩnh vực khả năng, chỉ là *một*

cái gì đó duy nhất, nhưng trước khi nó quyết định làm việc ấy thì nó vẫn là cái *instar omnium*^{1*}, là cái trực tiếp đứng trước, cũng như cái đứng đối lập, đối lập với cái kia, chống lại cái có sứ mạng đi theo nó. Để lại vị trí của mình, nó chuyển quyền lực của mình cho cái khác, nâng cái nói sau cùng này lên hàng tiềm năng. Bản thân nó, với tư cách là cái tương đối không tồn tại, sẽ phục tùng cái khác đã được nâng lên hàng tiềm năng ấy. Trước hết biểu hiện cái có thể tồn tại theo nghĩa chuyển tiếp, vì thế nó cũng là ngẫu nhiên nhất, thiếu căn cứ nhất, là cái chỉ có thể tìm thấy cơ sở của mình trong cái tiếp theo, chứ không phải trong cái có trước. Chỉ có bằng cách phục tùng cái tiếp theo đó, vốn là cái tương đối không tồn tại đối với nó, mà bản thân nó thông qua điều đó lần đầu tiên có được sự luận chứng, trở thành một cái gì đó, vì tự mình với bản thân mình, nó sẽ nhòa đi thành cái hư vô. Yếu tố đầu tiên ấy là cái *prima materia*^{2*} của mọi tồn tại chỉ đạt tới tính xác định của tồn tại khi nó có trên mình cái cao hơn làm tiền đề. Cái thứ hai – cái có thể tồn tại – được giả định và được nâng lên thành tiềm năng của mình chỉ nhờ việc loại trừ cái thứ nhất ra khỏi tính diêm tĩnh của nó như đã nói ở trên; cái mà trong chính nó chưa phải là cái có thể tồn tại, thì giờ đây trở thành cái như vậy nhờ sự phủ định. Thay vì phạm trù ban đầu về khả năng tồn tại không trực tiếp mà nó đưa ra, nó được giả định với tư cách là sự mong muốn diêm tĩnh, bình tĩnh, và nó sẽ tất yếu hướng tới phủ định cái phủ định của mình và quay trở lại với tồn tại diêm tĩnh của mình. Điều đó chỉ có thể xảy ra bằng cách cái thứ nhất lại được đưa từ sự tha hóa tuyệt đối của mình vào trạng thái khả năng tồn tại. Như

1* – thay thế tất cả.

2* – vật chất đầu tiên.

vậy, chúng ta có được hình thức cao nhất của khả năng tồn tại; tồn tại lại được quy thành khả năng của mình mà với tư cách là tồn tại cao nhất, nó là tồn tại chiếm lĩnh bản thân mình. Vì tiềm năng vô tận không chỉ đóng khung ở khả năng tồn tại trực tiếp mà thôi, nên yếu tố thứ hai chứa đựng trong nó chỉ có thể trực tiếp là sự không có khả năng tồn tại. Nhưng khả năng tồn tại trực tiếp đã vượt ra ngoài phạm vi khả năng; vì thế tiềm năng thứ hai chỉ có thể là cái không – không có khả năng tồn tại trực tiếp, là tồn tại hoàn toàn thuần túy, vì chỉ có cái hiện hữu mới không phải là khả năng tồn tại. Dù sao tồn tại thuần túy - dù điều này có vẻ mâu thuẫn như thế nào - cũng có thể là tiềm năng, vì nó không phải là tồn tại hiện thực, nó đã không chuyển thành *a potentia ad actum*^{1*} như cái nói sau cùng, mà là *actus purus*^{2*}. Tất nhiên, nó không phải là tiềm năng trực tiếp, *nhưng từ đó chưa thoát lên rằng nó nói chung không thể là tiềm năng*. Nó phải bị phủ định để được thực hiện; như vậy, không phải đâu đâu nó cũng nhất thiết là tiềm năng, nhưng nó có thể trở thành tiềm năng thông qua sự phủ định. Chừng nào cái có thể trực tiếp tồn tại chỉ còn là tiềm năng, thì tự nó đã nằm trong tồn tại thuần túy; một khi nó vươn lên cao hơn tiềm năng thì nó lấn át tồn tại thuần túy ra khỏi tồn tại của mình để tự mình trở thành tồn tại. Như vậy, tồn tại thuần túy bị phủ định như là *astus purus*, trở thành tiềm năng. Do đó, nó không có bất cứ tự do ý chí nào, nhưng buộc phải hành động, lại phủ định cái phủ định của mình. Như vậy, nó có thể chuyển *ab actu ad potentiam*^{3*} và tìm được sự thực hiện của mình bên ngoài bản thân mình. Tồn tại thứ nhất, không có giới hạn, là cái không mong muốn, cái *hyle*^{4*} mà đáng

1* – từ tiềm năng đến hành vi.

2* – hành vi thuần túy.

3* – từ hành vi đến tiềm năng.

4* – vật chất.

sáng tạo phải đấu tranh. Nó được giả định để lập tức bị tiềm năng thứ hai phủ định. Thay cho tồn tại không có giới hạn phải là tồn tại định hình, nó phải được chuyển trở lại, thông qua một loạt nấc thang, thành khả năng tồn tại, lúc đó trở thành năng lực chiếm lĩnh mình và tự ý thức ở mức độ cao nhất. Như vậy, giữa khả năng thứ nhất và khả năng thứ hai có một loạt khả năng phái sinh và tiềm năng trung gian. Chúng đã tạo thành thế giới cụ thể. Một khi tiềm năng được giả định ở bên ngoài bản thân mình lại hoàn toàn và toàn bộ chuyển thành năng lực, thành tiềm năng chiếm lĩnh mình, thì cả tiềm năng thứ hai cũng rời khỏi vũ đài, vì nó tồn tại chỉ để phủ định tiềm năng thứ nhất, và trong hành vi phủ định tiềm năng thứ nhất này nó thủ tiêu chính mình với tư cách là tiềm năng. Tùy theo mức độ nó khác phục tồn tại đối lập với nó, nó thủ tiêu chính mình. *Giờ đây vấn đề không thể đóng khung ở việc này.* Để trong tồn tại có cái đã hoàn thành thì, thay cho tồn tại đã hoàn toàn bị tiềm năng thứ hai chiến thắng, phải được giả định một cái thứ ba mà tiềm năng thứ hai hoàn toàn chuyển thực lực của mình cho nó. Cái thứ ba đó không thể là khả năng tồn tại thuần túy, cũng không thể là tồn tại thuần túy của tồn tại, mà chỉ là cái mà trong tồn tại là khả năng tồn tại, còn trong khả năng tồn tại thì lại là tồn tại; đó là mâu thuẫn giữa tiềm năng và tồn tại được giả định với tư cách là sự đồng nhất, là cái bay lượn tự do giữa cả hai cái đó, *tinh thần* là nguồn tồn tại vô tận, hoàn toàn tự do và trong tồn tại nó vẫn là tiềm năng. Yếu tố đó không thể tác động một cách trực tiếp, mà chỉ có thể được thực hiện thông qua tiềm năng thứ hai. Vì yếu tố thứ hai là cái làm trung gian giữa yếu tố thứ nhất và yếu tố thứ ba, nên yếu tố thứ ba này được giả định nhờ việc yếu tố thứ hai khắc phục yếu tố thứ nhất. Yếu tố thứ ba này vẫn chưa bị khắc phục trong tồn tại, với tư cách là tinh thần, nó là cái có thể là tồn tại và là cái hoàn thành tồn tại, thành thử việc nó gia nhập tồn tại đem lại tồn tại đã hoàn thành. Trong năng lực chiếm lĩnh mình, trong tinh thần, giới tự nhiên đạt tới sự hoàn thành của

mình. Năng lực nói sau cùng này cũng có thể được trao cho một sự vận động mới, được gây ra một cách có ý thức và bằng cách đó xây dựng cho mình một thế giới trí tuệ mới ở bên trên giới tự nhiên. Và khả năng đó phải được khoa học tận dụng, như vậy, khoa học sẽ trở thành triết học tự nhiên và triết học tinh thần.

Nhờ quá trình đó mà tất cả những gì không thuộc nội tại của tư duy, tất cả mọi cái đã chuyển thành tồn tại đều bị loại trừ, và còn lại tiềm năng mà không cần phải chuyển thành tồn tại nữa, vì tồn tại nằm không phải ở bên ngoài nó, mà khả năng tồn tại của nó chính là tạo thành tồn tại của nó; thực thể không còn phục tùng tồn tại nữa, mà là tồn tại trong tính đích thực của nó, - là cái gọi là thực thể tối cao. Như vậy, quy luật tối cao của tư duy được thực hiện: tiềm năng và hành vi kết hợp với nhau trong một thực thể, tư duy giờ đây vẫn ở trong chính mình và nhờ thế vẫn còn là *tư duy tự do*, không còn phục tùng sự vận động không kìm chế được, và mang tính tất yếu nữa. Ở đây đã đạt được cái mà lúc đầu là đối tượng mong muốn; khái niệm chiếm lĩnh mình (vì khái niệm và tiềm năng là đồng nhất) mà vì nó là duy nhất theo kiểu mình, nên nó có tên gọi đặc biệt và vì nó là cái mà từ đầu là cái mong muốn, nên được gọi là ý tưởng. Vì người nào mà trong tư duy không quan tâm đến kết quả, triết học của người đó mà không ý thức được nhiệm vụ của bản thân mình, thì *người đó giống như người họa sĩ bắt đầu vẽ một cách hú họa, hoàn toàn không nghĩ đến cái sẽ có được từ công việc của anh ta.*

Đấy là đại thể những điều mà Sê-linh đã thông báo cho chúng ta về nội dung của triết học phủ định của mình, và bản khảo luận này hoàn toàn đủ để thấy được toàn bộ tính chất hoang đường và không lô-gích của phương thức tư duy của ông ta. Ông ta không đủ sức vận động nữa trong lĩnh vực tư tưởng thuần túy ngay cả trong một thời gian ngắn; mỗi phút những bóng ma

hoang đường nhất, kỳ quặc nhất chạy chần đường ông ta, thành thử các con ngựa của cỗ xe triết học của ông ta dựng bờm lên vì sợ, và bản thân ông ta ngoặt khỏi phương hướng đề ra lúc đầu, đuổi theo những bóng ma mờ mịt đó. Cái lập tức đập vào mắt là ba tiềm năng của ông ta, nếu quy chúng thành nội dung lô-gích trần trụi của chúng, chẳng qua là ba yếu tố của tiến trình phát triển bằng con đường phủ định theo quan niệm của Hê-ghen, có điều tách rời nhau, được chốt lại trong sự tách rời của chúng và được gò vào các mục tiêu của "triết học ý thức được nhiệm vụ của mình". Đáng buồn thay khi thấy Sê-linh đã hạ thấp tư duy từ thình không cao cả, thuần túy của nó xuống lĩnh vực các quan niệm cảm tính, ông ta lột bỏ khỏi đầu nó cái vương miện bằng vàng nguyên chất và đội cho nó cái vương miện bằng giấy vàng, bắt nó - say sưa vì sương mù và hơi bốc lên của bầu không khí lãnh mạn không bình thường - đi lang thang bằng bước đi chao đảo làm cho trẻ con trên đường buồn cười. Những cái gọi là tiềm năng ấy tuyệt nhiên không phải là tư tưởng, đó là những hình ảnh hoang đường mơ hồ, trong đó, thông qua lớp mây phủ chúng một cách bí ẩn, đã hiện rõ những đường nét của ba vị thần. Hơn nữa, chúng đã có một sự tự ý thức nào đó: vị này "hướng tới" tồn tại, vị thứ hai "hướng về" không tồn tại, vị thứ ba "bay lượn tự do" giữa cả hai vị. Họ "nhường chỗ cho nhau", họ có những "vị trí" khác nhau, họ "lấn át" nhau, họ "đối lập" với nhau, họ đấu tranh với nhau, họ "cố gắng phủ định lẫn nhau", họ "hành động", họ "hướng tới" v.v.. Sự chuyển hóa lạ lùng ấy của tư tưởng thành quan niệm cảm tính lại bắt nguồn từ cách hiểu sai lô-gích học của Hê-ghen. Phép biện chứng hùng mạnh, động lực nội tại – động lực này cảm thấy chính xác trách nhiệm tinh thần đối với sự không hoàn thiện và sự phiến diện của một số thuộc tính của ý tưởng – không ngừng đẩy chúng vào sự phát triển mới và hồi sinh, chừng nào với tư cách là ý niệm tuyệt đối chúng chưa hồi sinh lần cuối cùng từ nắm mồ phủ định trong

vẻ đẹp trong trắng không mục nát, – Sê-linh có thể hiểu phép biện chứng hùng mạnh đó chỉ là sự tự ý thức của một số phạm trù riêng lẻ trong khi nó là sự tự ý thức của cái phổ biến, của tư duy của ý tưởng. Ông ta muốn nâng ngôn ngữ nhiệt tình lên đến ngôn ngữ khoa học tuyệt đối mà không cho chúng ta thấy trước cái tư tưởng thuần túy trong hình thức trình bày duy nhất thích hợp đối với nó. Mặt khác, ông ta cũng ít có năng lực nhận thức ý niệm tồn tại trong sự trừu tượng hoàn hảo của nó, mà bằng chứng về điều này có thể là việc ông ta thường xuyên dùng các định nghĩa "tồn tại" và "cái hiện hữu" như là những từ đồng nghĩa. Ông ta chỉ có thể hiểu tồn tại như là vật chất, là hyle, là sự hỗn loạn vô trật tự. Hơn nữa, giờ đây chúng ta đã có một số vật chất – "tồn tại không giới hạn", "tồn tại định hình", "tồn tại thuần túy", "tồn tại lô-gích", "tồn tại hiện thực", "tồn tại tiềm tĩn", về sau, ngoài ra, chúng ta sẽ có "tồn tại tiền vĩnh cửu" và "tồn tại đầy mâu thuẫn". Thật buồn cười khi thấy rằng những hình thức tồn tại khác nhau ấy đụng chạm nhau và lấn át nhau, các tiềm năng chỉ được cung cấp để lựa chọn: chìm đi trong cái khối vô trật tự ấy hoặc vẫn là bóng ma trống rỗng. Và mong người ta đừng nói với tôi rằng vấn đề ở đây chỉ là hình thức trình bày bóng bẩy; trái lại, đó là tư duy mê sảng theo kiểu nhận thức luận phương Đông hình dung mỗi tính quy định của ý niệm hoặc như là một cá nhân hoặc như là vật chất, và tư duy đó là cơ sở của toàn bộ quá trình. Hãy trừ bỏ phương thức trực quan ấy đi, thế là tất cả sẽ sụp đổ. Ngay những phạm trù cơ bản – tiềm năng và hành vi – cũng đã nảy sinh trong một thời kỳ rất hỗn loạn, và Hê-ghen hoàn toàn có lý khi ông vút khỏi lô-gích học những tính quy định không rõ ràng ấy. Đã thế Sê-linh còn làm cho sự rối rắm thêm trầm trọng khi dùng sự đối lập ấy xen kẽ và tùy tiện thay cho những tính quy định sau đây của Hê-ghen: tồn tại tự nó và tồn tại cho nó, tính ý tưởng

và tính hiện thực, sức mạnh và biểu hiện, khả năng và hiện thực, ngoài ra, tiềm năng vẫn còn là một bản chất đặc biệt, vừa cảm tính vừa siêu cảm tính. Nhưng chủ yếu ở Sê-linh tiềm năng có nghĩa là khả năng, và như vậy, ở đây chúng ta có thứ triết học dựa trên khả năng. Về mặt này Sê-linh có quyền gọi khoa học lý trí của mình là khoa học "không loại trừ điều gì cả", vì rốt cuộc tất cả mọi cái đều có thể có. Nhưng vấn đề là làm thế nào để tư duy biện hộ cho mình bằng sức mạnh nội tại của mình tiến đến thực hiện. Và người Đức sẽ cảm ơn về thứ triết học đang kéo họ trên con đường không thể đi qua được và qua sa mạc Xa-ha-ra buồn tẻ vô tận của khả năng mà không đem lại cho họ cái gì hiện thực để họ ăn cho khỏi đói và uống cho hết khát và không dẫn họ đến bất cứ mục tiêu nào, mà chỉ dẫn họ đến nơi mà thế giới hiện thực, theo sự khẳng định của chính triết học đó, vẫn là điều bí ẩn đối với lý trí.

Song chúng ta hãy chịu khó đi theo ông ta qua cái hư vô. Sê-linh nói: bản chất – dành cho khái niệm, tồn tại – dành cho nhận thức. Lý trí là tiềm năng nhận thức vô tận, nội dung của lý trí là tiềm năng vô tận của tồn tại, như đã trình bày ở trên. Nhưng ở đây dùng một cái ông ta bắt đầu thực sự nhận thức tiềm năng vô tận của tồn tại thông qua tiềm năng nhận thức. Ông ta có thể làm điều đó không? Không. Nhận thức là một hành vi, ứng với hành vi là một hành vi, "ứng với nhận thức là tồn tại", do đó, ứng với nhận thức thực tại có trước là tồn tại thực tại, hiện thực. Như vậy, kết quả là lý trí, trái với mong muốn, buộc phải nhận thức tồn tại hiện thực và, mặc dù có mọi cố gắng để đứng vững trong biển khơi khả năng, nhưng chúng ta đang bị vút thẳng lên bờ đàng ghét của hiện thực. Nhưng, người ta sẽ phản bác chúng tôi rằng tiềm năng tồn tại chỉ được nhận thức sau bước chuyển hóa của nó, tất nhiên là bước chuyển hóa lô-gích. Song chính Sê-linh nói rằng tồn tại lô-gích và tiềm

năng tồn tại, khái niệm và tồn tại là đồng nhất. Như vậy, nếu tiềm năng *nhận thức* thực sự chuyển thành hành vi, thì tiềm năng *tồn tại* không thể thỏa mãn với độc một bước chuyển lừa bịp, hư ảo. Nếu tiềm năng tồn tại không chuyển hóa thực sự, thì nó vẫn là tiềm năng, do đó nó không thể được lý trí nhận thức, và như vậy nó không phải là "nội dung tất yếu của lý trí", mà là cái gì đó tuyệt đối không hợp lý.

Hay là Sê-linh định gọi hoạt động, mà lý trí thể hiện đối với khách thể của mình, không phải là nhận thức mà, chẳng hạn, là hiểu biết chẳng? Lúc đó lý trí không khỏi bị quy thành tiềm năng vô tận của hiểu biết; vì trong khoa học của chính mình, ông ta nói chung sẽ không đi đến nhận thức.

Một mặt, Sê-linh loại trừ tồn tại khỏi số các khách thể của lý trí, còn mặt khác, ông ta lại đưa nó vào số đó cùng với nhận thức. Đối với ông ta, nhận thức là sự thống nhất của khái niệm và tồn tại, của lô-gích học và kinh nghiệm. Vậy, khắp nơi đều có mâu thuẫn, dù chúng ta có quay đi đâu chẳng nữa. Vì sao vậy?

Thực ra lý trí có phải là *tiềm năng* vô hạn của nhận thức hay không? Mắt có phải là tiềm năng nhìn thấy hay không? Mắt, ngay cả khi nhắm, bao giờ cũng thấy: ngay cả khi nó cảm thấy rằng nó không thấy gì cả thì nó vẫn thấy bóng tối. Chỉ có mắt đau, cụ thể là mắt mù có thể chữa được, mới là tiềm năng nhìn thấy, đồng thời không phải là hành vi, và chỉ có lý trí không phát triển hoặc tạm thời mờ đục mới là *tiềm năng* nhận thức. Nhưng vì rằng quan niệm về lý trí như là về tiềm năng hình như cũng hết sức đúng sự thật phải không? Nó thực sự là tiềm năng và không chỉ là khả năng, mà còn là một sức mạnh tuyệt đối, một tất yếu nhận thức. Song tất yếu nhận thức phải thể hiện ra, phải nhận thức. Sự phân chia tiềm năng và hành vi, sức mạnh và biểu hiện của sức mạnh, là hiện tượng chỉ của cái

hữu hạn, còn trong sự vô tận thì tiềm năng trùng hợp với hành vi của mình, sức mạnh thì trùng hợp với biểu hiện của bản thân nó. Vì cái vô tận không chấp nhận ở trong mình nó mâu thuẫn. Nếu lý trí là tiềm năng vô tận, thì do tính vô tận ấy, nó cũng là hành vi vô tận. Nếu không thì sẽ phải coi bản thân tiềm năng cũng là hữu hạn. Điều đó cũng đã chứa đựng trong ý thức trực tiếp. Lý trí mà không đi xa hơn tiềm năng nhận thức thì được gọi là phi lý trí. Chỉ có lý trí nào chứng minh được tính xác đáng của mình trong hành vi nhận thức thì mới là lý trí hiện thực, và chỉ có con mắt thực sự thấy được mới là con mắt đích thực. Nghĩa là ở đây sự đối lập giữa tiềm năng và hành vi hóa ra lập tức được giải quyết, suy cho cùng là rất nhỏ, và sự giải quyết ấy là thắng lợi của phép biện chứng của Hê-ghen đối với sự hạn chế của Sê-linh, ông ta không thể giải quyết được mâu thuẫn này, vì ngay cả ở nơi mà trong ý niệm, tiềm năng và hành vi phải trùng khớp nhau, – thì điều đó chỉ được khẳng định, nhưng sự chuyển hóa lẫn nhau hiện thực của những tính quy định ấy thì không được vạch rõ.

Nhưng nếu Sê-linh sẽ nói: lý trí là hiểu biết, và vì khái niệm là tiềm năng, nên nó là tiềm năng nhận thức, tiềm năng nhận thức chỉ trở thành nhận thức hiện thực khi nó tìm thấy một khách thể hiện thực nào đó để nhận thức; trái lại, trong khoa học của lý trí thuần túy, nơi mà lý trí nghiên cứu tiềm năng tồn tại, nó vẫn còn ở bên trong tiềm năng nhận thức và chỉ hiểu, – trong trường hợp như vậy, độc lập với những điều suy luận đã dẫn ra trên đây về tiềm năng và hành vi, mọi người sẽ phải thừa nhận rằng mục đích của tiềm năng nhận thức chỉ có thể là bước chuyển tới nhận thức hiện thực và rằng nếu không có bước chuyển ấy thì tiềm năng nhận thức chẳng là gì cả. Như vậy, hóa ra là nội dung của khoa học về lý trí thuần túy hoàn toàn không có đối tượng, trống rỗng, vô bổ và rằng lý trí khi nó thực hiện nhiệm vụ của mình và thực sự nhận thức thì nó

trở thành không có lý trí. Nếu Sê-linh thừa nhận rằng bản chất của lý trí là không có lý trí thì tất nhiên tôi chẳng còn gì để nói nữa.

Chính vì vậy mà ngay từ đầu Sê-linh đã nhầm lẫn với các tiềm năng, những chuyển hóa và những sự phù hợp của ông ta đến mức từ sự rối rắm của tồn tại lô-gích và tồn tại hiện thực mà ông ta muốn thoát khỏi, ông ta buộc phải tìm lối thoát trong việc thừa nhận một con đường tư duy hoàn toàn khác với con đường tư duy của bản thân ông ta. Song, chúng ta sẽ đi tiếp.

Như vậy, lý trí phải nhận thức nội dung của mọi tồn tại hiện thực và giữ vị trí tiên nghiệm đối với nó; nó không thể chứng minh được rằng cái gì đó đang tồn tại, mà chỉ chứng minh rằng nếu cái gì đó tồn tại thì nó phải có những thuộc tính thế này thế kia – trái với lời khẳng định của Hê-ghen cho rằng cùng với tư tưởng cũng có cả sự tồn tại hiện thực nữa. Nhưng trong những luận điểm đó lại có một sự rối rắm hoàn toàn. Cả Hê-ghen lẫn bất kỳ ai khác đều không nảy ra ý nghĩ chứng minh sự tồn tại của một sự vật nào đó trong khi không có các tiền đề kinh nghiệm để làm việc ấy; ông chỉ chứng minh tính tất yếu của cái đang tồn tại. Ở đây Sê-linh hình dung lý trí cũng một cách trừu tượng như trước kia ông hình dung tiềm năng và hành vi, và vì thế ông ta buộc phải bán cho lý trí sự tồn tại tiên thế giới, hoàn toàn tách rời mọi sự tồn tại khác. Kết luận của triết học hiện đại mà người ta còn gặp trong triết học trước đây của Sê-linh, ít ra là trong các tiền đề của nó, và chỉ có Phoi-ơ-bác đã đưa một cách rất sắc sảo kết luận đó tới ý thức, là ở chỗ lý trí chỉ có thể tồn tại với tư cách là tinh thần, còn tinh thần thì chỉ có thể tồn tại ở bên trong giới tự nhiên và cùng với giới tự nhiên, chứ không phải tồn tại theo cách nó hoàn toàn tách biệt với toàn bộ giới tự nhiên, chỉ có trời biết ở đâu nó sống bằng cuộc sống tách biệt nào đó. Điều này cả Sê-linh cũng thừa nhận, khi ông

ta xác định mục đích của sự bất tử cá nhân không phải là giải phóng tinh thần khỏi giới tự nhiên, mà chính là sự cân bằng thích đáng của cả hai cái; cũng như khi ông ta nói tiếp về Ki-tô rằng Ki-tô đã không *hòa tan trong vũ trụ*, mà với tư cách con người ông ta đã lên ngôi bên phải Chúa. (Do đó, hai cá nhân thần thánh còn lại vẫn là đã hòa tan trong vũ trụ chăng?) Nhưng nếu lý trí tồn tại, thì sự tồn tại của bản thân nó là bằng cứ chứng minh sự tồn tại của giới tự nhiên. Do đó, có sự cân thiết khiến cho tiềm năng tồn tại phải lập tức chuyển thành hành vi tồn tại. Hoặc giả chúng ta sẽ xuất phát từ một luận điểm hoàn toàn thông thường, cũng dễ hiểu ngay cả không cần có Phoi-ơ-bác và Hê-ghen: chừng nào người ta trừu tượng hóa mọi sự tồn tại thì nói chung không thể nói đến nó. Còn nếu người ta làm cho cái đang tồn tại thành điểm xuất phát thì không nghi ngờ gì nữa, từ nó có thể thực hiện bước chuyển tới những sự vật khác mà trong trường hợp tất cả mọi suy lý đều đúng thì những sự vật đó cũng phải tồn tại. Nếu sự tồn tại của các tiền đề được thừa nhận, thì sự tồn tại của các hệ quả là điều dĩ nhiên. Nhưng cơ sở của mọi triết học là sự tồn tại của lý trí. Sự tồn tại đó được chứng minh bằng hoạt động của lý trí (*cogito, ergo sum*^{1*}). Như vậy, nếu người ta xuất phát từ lý trí với tư cách là cái đang tồn tại thì từ đó tự nó toát lên sự tồn tại của tất cả mọi hậu quả của nó. Sự tồn tại của lý trí là tiền đề, – điều đó chưa một nhà triết học nào phủ nhận cả. Nếu Sê-linh vẫn không muốn thừa nhận tiền đề đó, thì mong ông ta hãy để cho triết học được yên. Như vậy, chắc chắn Hê-ghen có thể chứng minh sự tồn tại của giới tự nhiên, nghĩa là chứng minh rằng giới tự nhiên là hệ quả tất yếu của sự tồn tại của lý trí. Sê-linh trình bày tính nội tại trừu tượng và không có sức mạnh của tư duy, song ông quen

1* - tôi suy nghĩ, do đó tôi tồn tại. Đê-các-tơ. "Nguyên lý triết học".

rằng cơ sở hiển nhiên của tất cả mọi hoạt động của ông ta là sự tồn tại của lý trí. Ông đề xuất một yêu cầu buồn cười là đòi lý trí hiện thực có những kết quả không hiện thực, chỉ có những kết quả lô-gích thôi, đòi cây táo hiện thực chỉ mang lại những quả táo lô-gích, tiêm tằm mà thôi. Cây táo như vậy thường được gọi là cây táo không có quả. Còn Sê-linh thì sẽ nói: tiềm năng vô tận của cây táo.

Như vậy, nếu các phạm trù của Hê-ghen không những được gọi là những nguyên mẫu theo đó các sự vật của thế giới này được tạo ra, mà còn là những lực lượng sáng tạo tạo ra các sự vật, thì điều đó chỉ có nghĩa là chúng biểu hiện nội dung tư tưởng của thế giới, và chứng minh rằng thế giới bắt nguồn với tư cách là một hệ quả tất yếu – từ sự tồn tại của lý trí. Còn Sê-linh thì trái lại, ông thực sự coi lý trí là cái có thể tồn tại cả ở bên ngoài cơ thể thế giới, liệt vương quốc chân chính của nó vào sự trừu tượng trống rỗng, không có nội dung, vào "vị thần trước khi vũ trụ được tạo ra", song may thay, vị thần đó không bao giờ tồn tại và trong vị thần đó lý trí lại càng ít có thể thể hiện ra bằng cách nào đó hoặc cảm nhận cảm giác sung sướng. Song ở đây phát hiện ra rằng các cực đoan cách biệt nhau đến mức độ nào; Sê-linh không có khả năng nhận thức tư tưởng cụ thể, ông ta đuổi nó vào lĩnh vực trừu tượng chóng mặt nhất mà nó lập tức lại được thể hiện thành một hình ảnh cảm tính đối với ông ta, cho nên cái hỗn hợp trừu tượng và quan niệm hỗn độn ấy tạo thành một nét tiêu biểu của phương thức tư duy kinh viện – thần bí của Sê-linh.

Chúng ta có thể lấy những bằng cứ mới chứng minh cho những điều chúng tôi đã nói, nếu chúng ta chú ý đến sự phát triển của nội dung "triết học phủ định". Tiềm năng tồn tại là cơ sở. Sự bóp méo biếm họa phép biện chứng của Hê-ghen đập vào mắt rõ nhất. Tiềm năng có thể tùy ý thực hiện hoặc không thực hiện

bước chuyển. Như vậy, từ tiềm năng trung hòa nổi lên trong bình cổ công lý trí hai bộ phận cấu thành hóa học: tồn tại và không tồn tại. Nếu nói chung có thể đưa toàn bộ sự rối rắm các tiềm năng ấy trở lại lĩnh vực tư duy lành mạnh, thì ở đây sẽ phát hiện thấy yếu tố biện chứng và ở đây Sê-linh dường như đoán ra rằng bản chất của tiềm năng là sự tất yếu chuyển hóa và tiềm năng chỉ có thể trừu tượng hóa hành vi của hiện thực. Nhưng không, ông ta ngày càng mắc kẹt vào sự trừu tượng hóa phiến diện. Một lần dưới hình thức thí nghiệm, ông ta bắt tiềm năng phải thực hiện bước chuyển và đi đến một phát hiện vĩ đại rằng sau bước chuyển ấy nó đã mất đi khả năng từng có ở nó trước đây là cũng có thể *không* thực hiện bước chuyển. Đồng thời ông ta phát hiện trong tiềm năng một thuộc tính thứ ba: khả năng tự kiềm chế tránh cả hai cái và tự do bay lượn giữa tồn tại và không tồn tại. Ba khả năng đó, hoặc ba tiềm năng đó, phải chứa đựng mọi nội dung hợp lý, mọi tồn tại có thể có.

Khả năng trở thành tồn tại đang trở thành tồn tại hiện thực. Điều đó phủ định khả năng thứ hai – khả năng cũng không trở thành tồn tại. Khả năng nói sau cùng này có định khôi phục mình hay không? Nó có thể làm điều đó như thế nào? Vì rằng cái mà nó chịu ở đây, không phải chỉ là sự phủ định theo ý nghĩa của Hê-ghe; nó hoàn toàn bị thủ tiêu, bị triệt tiêu, bị quy về sự không tồn tại căn bản, chỉ có thể gặp trong triết học khả năng. Khả năng bị đè bẹp, bị nuốt mất, bị ăn đi ấy làm sao có thể còn có sức mạnh khôi phục mình? Vì rằng cái bị phủ định không chỉ là khả năng thứ hai, mà thậm chí là tiềm năng ban đầu – cái chủ thể, mà thuộc tính đơn giản của nó là khả năng thứ hai kia, và ở đây, nói đúng ra, không phải cái khả năng thứ hai ấy, mà chính cái tiềm năng ban đầu kia lẽ ra phải cố gắng khôi phục mình. Nhưng điều đó tuyệt nhiên không thể là nhiệm vụ của nó, – nói theo ngôn ngữ bóng bẩy của Sê-linh, – vì nó

phải biết trước rằng khi trở thành hành vi, nó phủ định chính mình như là một tiềm năng. Sự khôi phục loại ấy nói chung chỉ có thể diễn ra ở nơi *các nhân vật*, chứ không phải các phạm trù, phủ nhận lẫn nhau. Chỉ có sự không hiểu biết vô hạn, chỉ có sự say mê xuyên tạc không thể tưởng tượng được mới có thể bóp méo một cách vô nghĩa nguyên tắc của phép biện chứng của Hê-ghe mà ở đây rõ ràng là được đặt làm cơ sở. Toàn bộ quá trình đó không biện chứng đến mức nào, điều đó cũng thấy rõ qua điều sau đây: nếu cả hai mặt của tiềm năng có sức mạnh như nhau, thì nếu không có sự thúc đẩy từ bên ngoài, nó tuyệt nhiên không thể dám chuyển hóa và phải ở lại trạng thái trước kia. Trong trường hợp này, tất nhiên toàn bộ quá trình sẽ không diễn ra, và Sê-linh sẽ ở trong tình thế không có lối thoát, không biết ông ta kiếm đâu ra những hình mẫu của thế giới, của tinh thần và của tam vị nhất thể trong đạo Cơ Đốc. Như vậy, chúng ta không thấy sự cần thiết của toàn bộ kết cấu nói chung, và điều vẫn còn chưa rõ là vì sao tiềm năng lại để lại sự yên tĩnh tiềm tàng tốt đẹp của mình, để mình rơi vào quyền lực của tồn tại v.v. – ngay từ đầu toàn bộ quá trình dựa trên sự tùy tiện. Nếu điều đó xảy ra trong tư duy "tất yếu", thì cái gì còn đợi chúng ta trong tư duy "tự do"! Nhưng thực tế chính là như vậy, bước chuyển đó phải vẫn là tùy tiện, vì nếu không thì Sê-linh đã thừa nhận tính tất yếu của thế giới cơ mà, điều này không phù hợp với thuyết thực chứng của ông ta. Song điều đó lại là bằng cứ chứng minh rằng tiềm năng là tiềm năng chỉ với tư cách là hành vi, còn nếu không có hành vi thì tiềm năng là bóng ma trống rỗng không có nội dung khiến cho bản thân Sê-linh không thể thỏa mãn, vì tiềm năng trống rỗng không đem lại cho ông ta bất cứ nội dung nào; nội dung xuất hiện khi tiềm năng trở thành hành vi và, như vậy, trái với ý muốn, ông ta buộc phải thừa nhận tính chất không có căn cứ của việc đối lập tiềm năng và hành vi.

Chúng ta sẽ một lần nữa trở lại tiềm năng thứ hai mà với nó Sê-linh làm những việc đáng ngạc nhiên nhất. Trước đây chúng ta đã thấy nó đã bị phủ định, đã bị triệt tiêu như thế nào. Giờ đây Sê-linh nói tiếp: vì tiềm năng thứ nhất là cái có thể tồn tại, nên tiềm năng thứ hai là mặt đối lập của nó, nó là tất cả, nhưng chỉ có điều không phải là cái có thể tồn tại, do đó là cái tồn tại thuần túy, là *actus purus*! Song, như vậy, cái sau cùng này đã phải chứa đựng trong tiềm năng ban đầu, nhưng bằng cách nào mà nó có thể ở đây? Bằng cách nào mà cái "quay lưng lại với tồn tại, hướng về không tồn tại" v.v. bỗng nhiên trở thành tồn tại thuần túy tuyệt đối, "tồn tại thuần túy" khác "tồn tại không có giới hạn" ở chỗ nào, vì sao đối với cái có thể không tồn tại lại không có lối thoát nào khác ngoài việc trở thành cái hiện hữu? Chúng ta không nhận được lời đáp nào cho những câu hỏi đó. Thay vì điều đó, người ta quả quyết với chúng ta rằng, tiềm năng thứ hai ấy trả lại tiềm năng thứ nhất – nó đã trở thành tiềm năng không có giới hạn – trở về lĩnh vực khả năng, bằng cách đó khôi phục và đồng thời thủ tiêu mình. Ai muốn hiểu thế nào thì hiểu! Tiếp theo - một số nấc thang của quá trình khôi phục này được kết tinh trong các nấc thang của giới tự nhiên. Trong quá trình ấy, giới tự nhiên nảy sinh như thế nào, – điều đó sẽ không ai hiểu. Chẳng hạn, vì sao tồn tại vô hạn lại là vật chất – hyle? Vì ngay từ đầu Sê-linh đã có ý nói đến cái hyle ấy, dựa vào nó để xây dựng sơ đồ của mình, không thể thì tồn tại ấy sẽ có thể có cả mọi nội dung khác, cả nội dung cảm tính lẫn nội dung tinh thần. Cũng không thấy rõ vì sao những nấc thang khác nhau trong sự phát triển của giới tự nhiên lại cần phải hiểu là các tiềm năng. Theo luận điểm này, chính những cái không có sinh khí nhất, cái vô cơ trong giới tự nhiên sẽ phải là cái hiện hữu ở mức độ lớn nhất, còn tất cả mọi cái hữu cơ thì đúng hơn chỉ là cái có thể tồn tại. Nhưng điều

đó chỉ có thể coi là hình ảnh thần bí, trong đó mọi nội dung được biểu hiện trong các tư tưởng đều đã biến mất.

Thay vì hiểu tiềm năng thứ ba, tinh thần – xem ra Sê-linh từ lâu đã cố đạt được nó – là nấc thang cao nhất về lượng của tiềm năng thứ nhất đã bị tiềm năng thứ hai chiến thắng, mà trong tiềm năng thứ nhất đồng thời diễn ra sự biến đổi về chất, Sê-linh vẫn thắc mắc rằng vậy thì rút tiềm năng ấy từ đâu ra. "Khoa học đi tìm một yếu tố thứ ba nào đó", "không thể dừng lại ở đây được", "thay cho tồn tại đã bị tiềm năng thứ hai chiến thắng, phải đặt một cái thứ ba nào đó" – đó là những công thức ảo thuật mà nhờ chúng Sê-linh lờ ra *tinh thần*. Ngay ở đây hiện ra thuyết giáo về việc tinh thần đã nảy sinh bằng con đường *generatio primitiva*^{1*} ấy được tạo ra như thế nào. Nếu chúng ta tính đến giới tự nhiên thì chúng ta dù sao cũng thấy rõ rằng căn cứ vào những tiền đề đã cho, cần phải hình dung tinh thần là khả năng tồn tại (chứ không phải đơn giản là khả năng thôi) sở hữu mình, điều này tự nó đã khá tồi tệ rồi. Còn nếu chúng ta trừu tượng hóa giới tự nhiên tương lai ấy, giới tự nhiên mà có thể thậm chí chẳng bao giờ sẽ xuất hiện, nếu chúng ta ở lại trong lĩnh vực các tiềm năng thuần túy, thì mặc dầu cố gắng đến đâu chúng ta cũng không thể nào nhận thức được bằng cách nào mà tiềm năng thứ nhất, sau khi nó quay trở về, nhờ tiềm năng thứ hai, thành khả năng tồn tại, lại có thể trở thành cái khác nào đó chứ không phải tiềm năng ban đầu. Có thể Sê-linh đã cảm thấy toàn bộ chiều sâu của sự trung gian theo quan niệm Hê-ghen, xuyên qua sự phủ định và mặt đối lập, nhưng ông ta không đủ sức tái hiện nó. Ở ông ta tất cả chung quy là từ hai sự vật không có quan hệ với nhau, sự vật này lấn át sự vật kia, sau đó sự vật thứ hai lại giành được vị trí của mình và đẩy sự

1* – nảy nở một cách tự ý.

vật thứ nhất về vị trí ban đầu của nó. Không thể có chuyện kết quả của toàn bộ cái đó là một trạng thái khác nào đó, chứ không phải là trạng thái ban đầu. Hơn nữa, nếu sự vật thứ nhất đủ mạnh để lấn át sự vật thứ hai, vậy thì sự vật thứ hai từng không đủ sức lực để phòng thủ, bỗng nhiên lấy đâu ra sức mạnh để chuyển sang tấn công và đuổi kẻ thù đi? Tôi đã hoàn toàn không muốn nói về tính quy định không đạt của tinh thần, tính quy định đó đập đổ chính mình và toàn bộ quá trình mà nó là kết quả.

Như vậy, chúng ta sẽ tiến gần đến, một cách yên ổn, tới cuối cái gọi là quá trình phát triển ấy và sẽ có thể lập tức chuyển sang những vấn đề khác, nếu Sê-linh sau khi tinh thần là khâu cuối cùng khép kín chuỗi mắt xích của toàn bộ cái hiện hữu, không hứa với chúng một thế giới khác, thế giới trí tuệ mà ông ta ý niệm là khâu kết thúc của nó. Bằng cách nào mà *sau* giới tự nhiên cụ thể và tinh thần sinh động, Sê-linh lại có thể có được ý niệm trừu tượng nữa (mà trong tình hình đó, nó chỉ có thể là trừu tượng), điều đó dù sao cũng vẫn không hiểu được, còn Sê-linh thì sẽ phải luận chứng điều đó, vì ông ta bác bỏ mối quan hệ của ý niệm của Hê-ghen đối với ý niệm đã nêu ở trên. Song ông ta đi đến đó nhờ nguyện vọng ham mê muốn có cho bằng được cái trừu tượng ở cuối triết học và do không hiểu bằng con đường nào mà Hê-ghen đã thực sự đạt được kết quả đó. Nhưng cái tuyệt đối là tinh thần tự ý thức được mình – mà ý nghĩa, tất nhiên là cả của ý niệm của Sê-linh là như vậy, – và thế là theo Sê-linh, tinh thần tự ý thức mình đó là định đề hoàn tất triết học phủ định. Song ở đây lại có mâu thuẫn. Triết học phủ định ấy, một mặt, không thể bao gồm lịch sử, vì hiện thực không phải là khách thể của nó; còn mặt khác, nó là triết học tinh thần, mà đỉnh cao của triết học tinh thần là triết học lịch sử toàn thế giới; khoa học phủ định cũng có nhiệm vụ "tận dụng khả năng nói sau cùng này của quá trình được thực hiện một

cách có ý thức (mà quá trình như vậy chỉ có thể là lịch sử). Trong thực tế tình hình như thế nào? Một điều không nghi ngờ gì nữa, cụ thể là nếu Sê-linh có triết học lịch sử, thì tinh thần tự ý thức ở ông ta sẽ không phải là một định đề, mà là một kết quả. Nhưng tinh thần tự ý thức còn xa mới không phải là khái niệm ông thân cá nhân mà Sê-linh đồng nhất ý niệm với nó.

Kết thúc điều này, Sê-linh tuyên bố rằng nhiệm vụ xây dựng một cách có hệ thống môn khoa học được trình bày hiện nay đã được ông ta đặt ra cho mình cách đây bốn mươi năm. Triết học đồng nhất chỉ muốn trở thành triết học phủ định ấy. Việc triết học đó chậm chạp và dần dần vươn lên cao hơn Phi-stơ, ít ra phần nào là có dụng ý, "ông ta muốn tránh mọi bước chuyển đột ngột, muốn duy trì tính liên tục của sự phát triển triết học và thậm chí đã tự vỗ về mình bằng hy vọng dần dần có thể tranh thủ cả chính Phi-stơ sang phía mình". Để tin điều đó, chúng ta không cần biết ý kiến nêu trên của Hê-ghen, cũng như không cần biết Sê-linh ít biết bản thân mình như thế nào. Chủ thể, mà trong triết học đồng nhất đã hấp thụ vào mình toàn bộ nội dung tích cực có thể có, giờ đây được tuyên bố là tiềm năng. Ngay trong triết học đồng nhất ấy, các nấc thang của giới tự nhiên dường như mỗi lần đều là cái hiện hữu tương đối nào đó so với những nấc thang cao hơn tiếp theo sau chúng; còn những nấc thang cao hơn này là cái có thể tồn tại đối với những nấc thang đầu và, đến lượt mình, hóa ra là cái hiện hữu tương đối so với những nấc thang cao hơn, thành thử ứng với chủ thể và khách thể của triết học đồng nhất ở đây là cái có thể tồn tại và cái hiện hữu, chừng nào cuối cùng, kết quả là có được cái không còn có thể là cái hiện hữu tương đối mà đồng thời là sự đồng nhất "siêu hiện hữu" tuyệt đối, chứ không phải là sự lãnh đạm đơn thuần của tư duy và tồn tại, của tiềm năng và hành vi, của chủ thể và khách thể. Nhưng tất cả mọi điều trong triết học

đồng nhất này đều được phát biểu với tư cách là "tiên đề của khoa học thuần túy của lý trí", và sẽ là một sự hiểu lầm tồi tệ nhất nếu tất cả nhìn chung đều được hiểu là sự mô tả không phải cái lô-gích thuần túy, mà cả quá trình hiện thực nữa, nếu người ta cho rằng triết học đồng nhất suy ra tính chân thực của tất cả những gì bắt nguồn từ nó, từ nguyên tắc tự nó là chân thực. Có điều với tư cách là khâu cuối cùng của triết học đó ta thấy xuất hiện cái không thể tự tha hóa được nữa – tồn tại trong toàn bộ sự huy hoàng của nó, nhìn vào giới tự nhiên và tinh thần như nhìn vào ngôi báu của mình mà nó đã được đặt lên. Song, tuy tất cả những điều đó đều là cao cả, nhưng đó là hình ảnh thuần túy trong tư duy, và chỉ sau khi bố trí toàn bộ quá trình trong một trật tự hoàn toàn đối lập, chúng ta mới có được bức tranh về những cái diễn ra trong hiện thực.

Tạm thời chúng ta bỏ ngỏ vấn đề: sự trình bày ấy về triết học đồng nhất có phải là sự thích nghi với các quan điểm hiện nay của Sê-linh hay không, và có đúng là cách đây bốn mươi năm Sê-linh cũng ít coi các tư tưởng của mình là hiện thực như bây giờ hay không, và thay vì giữ sự im lặng mang vẻ quan trọng mà dùng hai từ – như đã dễ dàng làm việc đó – để loại trừ "sự hiểu lầm tà đình" thì có tốt hơn không. Chúng tôi muốn chóng chuyển sang những lời xét đoán của Sê-linh về nhân vật từng lấn át Sê-linh "khỏi vị trí mà ông ta đang giữ" mà không có việc Sê-linh cho đến nay đã đáp lại được "sự phủ định mình bằng sự phủ định".

Sê-linh nói, trong khi hầu như tất cả mọi người đều hiểu một cách không đúng và tầm thường triết học đồng nhất thì Hê-ghen đã cứu tư tưởng cơ bản của triết học đó mà ông đã trung thành đến cùng, bằng chứng về điều này là "Các bài giảng về lịch sử triết học" của ông¹⁵⁵. Sai lầm của Hê-ghen là ở chỗ ông đã coi triết học đồng nhất là triết học tuyệt đối và không thừa nhận

rằng có những sự vật vượt ra ngoài phạm vi của triết học đó. Giới hạn của nó là khả năng tồn tại, còn Hê-ghen thì đã vượt qua giới hạn đó và đưa cả tồn tại vào phạm vi của nó. Sai lầm cơ bản của ông là ở chỗ ông muốn biến triết học đó thành một thứ hệ thống hiện sinh. Ông cho rằng triết học đồng nhất có đối tượng là cái tuyệt đối không chỉ từ phía bản chất của nó, mà cả từ phía sự tồn tại của nó. Ông đưa sự tồn tại vào trong hệ thống của mình, bằng cách đó ông rơi khỏi giới hạn phát triển của lý trí thuần túy. Như vậy, ông triệt để khi ông bắt đầu khoa học của mình từ tồn tại thuần túy và bằng cách đó phủ nhận prius của sự tồn tại. Do đó ông quy ước rằng ông chỉ mang tính chất nội tại trong cái không nội tại, vì tồn tại là cái không nội tại trong tư duy. Ngoài ra, giờ đây ông khẳng định rằng trong lô-gích học ông đã chứng minh cái tuyệt đối. Như vậy hóa ra ở ông cái tuyệt đối xuất hiện hai lần – vào cuối lô-gích học, nơi mà cái tuyệt đối được định nghĩa y hệt như ở cuối triết học đồng nhất, và ở cuối toàn bộ quá trình. Như vậy, ở đây ta thấy rằng lô-gích học không thể được có trước với tư cách là bộ phận đầu tiên của sự phát triển, mà là phải xuyên suốt chính toàn bộ quá trình. Ở Hê-ghen, lô-gích học được định nghĩa là khoa học chủ quan, trong đó tư duy vẫn chỉ ở lại trong nó và cùng với nó, trước và ở bên ngoài mọi hiện thực. Và dù sao nó dường như vẫn có điểm cuối của nó là ý niệm *hiện thực*, có thực. Trong khi triết học đồng nhất từ những bước đầu nằm trong giới tự nhiên thì Hê-ghen vút giới tự nhiên ra khỏi lô-gích học và, như vậy, tuyên bố triết học đồng nhất là không lô-gích. Chính các khái niệm trừu tượng của lô-gích học của Hê-ghen không có chỗ đứng ở sự khởi đầu của triết học; chúng chỉ có thể được thể hiện khi ý thức đã đưa toàn bộ giới tự nhiên vào lĩnh vực của mình, vì chúng chỉ là những sự trừu tượng từ giới tự nhiên. Như vậy, ở Hê-ghen không thể nói đến lô-gích khách quan, vì ở nơi bắt đầu giới tự nhiên,

khách thể, thì chính ở đây kết thúc lô-gích học. Do đó trong lô-gích học, ý niệm đang ở trong sự hình thành, nhưng chỉ trong ý nghĩ của nhà triết học mà thôi; đời sống khách quan của ý niệm chỉ bắt đầu ở nơi nó đã đạt tới ý thức. Song nó biểu hiện ra là ý niệm tồn tại hiện thực ở cuối lô-gích học, do đó không thể cùng với lô-gích học tiến lên xa hơn nữa được. Vì ý niệm, với tư cách là chủ thể – khách thể tuyệt đối, với tư cách là cái hiện thực trong ý niệm, là cái đã hoàn thành trong chính mình và không có khả năng có bất cứ sự tiếp tục tiến bộ nào nữa. Trong trường hợp như vậy làm sao nó có thể còn chuyển thành một cái khác, thành giới tự nhiên? Chính ở đây phát hiện ra rằng trong khoa học thuần túy của lý trí không thể nói đến giới tự nhiên tồn tại hiện thực. Tất cả những gì có liên quan với sự tồn tại hiện thực đều chính là phải quy vào triết học thực chứng.

Sự xuyên tạc trong sự trình bày này bắt nguồn chủ yếu từ niềm tin ngây thơ rằng Hê-ghen không đi xa hơn quan điểm của Sê-linh và, hơn nữa, hiểu quan điểm của ông ta chưa đúng. Chúng ta đã thấy, mặc dù hết sức cố gắng, Sê-linh không thể vượt ra ngoài giới hạn của sự tồn tại, nói đúng ra, không cần đi tìm những lời bào chữa cho việc Hê-ghen không đề ra yêu cầu này cho tính ý tưởng trừu tượng. Nếu Sê-linh thậm chí có thể ở trong tiềm năng thuần túy, thì sự tồn tại của chính ông ta ắt phải chứng minh cho ông ta rằng tiềm năng đã bị vượt qua, rằng do đó, tất cả mọi kết luận của tồn tại lô-gích thuần túy bây giờ đều đã chuyển sang lĩnh vực cái hiện thực, rằng như vậy, "cái tuyệt đối" đang tồn tại. Vậy ông ta có thể đem lại được gì bằng triết học thực chứng của mình? Nếu từ thế giới lô-gích rút ra cái tuyệt đối lô-gích, thì từ thế giới hiện hữu cũng toát lên cái tuyệt đối hiện hữu. Nhưng việc Sê-linh không thể thỏa mãn với cái đó và giờ đây ông ta dùng tới triết học thực chứng về niềm tin, chứng tỏ sự tồn tại kinh nghiệm ngoài thế giới, của cái tuyệt đối lại mâu thuẫn tới mức nào với mọi lý trí và chính Sê-linh

tự mình cảm thấy điều đó mạnh như thế nào. Và chính vì Sê-linh tìm cách hạ ý niệm của Hê-ghen – đứng cao không thể lường được so với cái tuyệt đối của triết học đồng nhất – xuống trình độ thấp của quan điểm của mình, vì ý niệm của Hê-ghen là cái mà vì nó cái tuyệt đối bộc lộ mình ra, nên Sê-linh cũng không thể hiểu mối quan hệ của ý niệm với giới tự nhiên và tinh thần. Sê-linh vẫn lại hình dung ý niệm là thực thể ở bên ngoài thế giới, là vị thần nhân tính, chính điều này không nảy ra trong đầu óc Hê-ghen. Ở Hê-ghen, tính hiện thực của ý niệm chẳng qua là giới tự nhiên và tinh thần. Vì vậy ở Hê-ghen, cái tuyệt đối không được đưa ra hai lần. Ở cuối lô-gích học, ý niệm biểu hiện ra là cái hiện thực trong ý niệm, nhưng chính vì thế mà nó lập tức cũng là giới tự nhiên. Nếu nó chỉ được biểu hiện như là ý niệm, thì nó chỉ có tính chất ý niệm, chỉ tồn tại về mặt lô-gích. Cái hiện thực trong ý niệm, cái tuyệt đối được hoàn thành trong chính mình chính là sự thống nhất của giới tự nhiên và tinh thần trong ý niệm. Sê-linh vẫn chưa hình dung cái tuyệt đối là chủ thể tuyệt đối, vì mặc dù về nội dung nó được chứa đầy tính khách quan, nhưng nó vẫn là chủ thể, chưa trở thành khách thể, nghĩa là đối với ông ta cái tuyệt đối chỉ hiện thực dưới dạng quan niệm về vị thần nhân tính. Mong sao ông ta không lẫn lộn cái nói sau cùng này và chỉ kiên trì những tính quy định tư tưởng thuần túy trong đó không thể nói đến nhân tính. Vậy, cái tuyệt đối không hiện thực ở bên ngoài giới tự nhiên và tinh thần. Nếu không thì cả cái này lẫn cái kia đều hóa ra thừa. Do đó, nếu trong lô-gích học đã nói đến những tính quy định trong ý niệm của ý niệm với tư cách là ý niệm được thực hiện trong giới tự nhiên và tinh thần thì giờ đây vấn đề là bản thân tính hiện thực ấy, là bằng cứ chứng minh sự hiện diện của những tính quy định ấy trong sự tồn tại vốn là tiêu chí tối cao và đồng thời cũng là nấc thang cao nhất của triết học. Như vậy, sau lô-gích học, sự tiếp tục phát triển không chỉ là có thể thực

hiện được mà còn là cần thiết, và chính sự phát triển đó lại quay trở về ý niệm trong tinh thần vô tận ý thức được mình. Vậy là bộc lộ tính vô căn cứ của luận điểm của Sê-linh cho rằng Hê-ghezen tựa hồ tuyên bố giới tự nhiên là không lô-gích (và lại, Sê-linh lập tức tuyên bố toàn bộ vũ trụ là không lô-gích) và tựa hồ lô-gích học của ông – sự phát triển tất yếu, chủ động này của tư tưởng – là "khoa học chủ quan, còn lô-gích học khách quan thì hoàn toàn không thể có ở ông ta, vì lô-gích học khách quan là triết học tự nhiên mà ông ta đã vứt ra khỏi lô-gích học". Như thể tính khách quan của khoa học là ở chỗ nó xem xét khách thể *bên ngoài* với tư cách là như vậy! Nếu Sê-linh gọi lô-gích học là lô-gích học chủ quan thì hoàn toàn không có căn cứ để không coi cả triết học tự nhiên là triết học tự nhiên chủ quan, vì chính cái chủ thể tư duy ở đây, thì cũng tư duy cả ở chỗ kia, còn tính chất của đối tượng thì không thể đóng vai trò ở đây. Song lô-gích học khách quan của Hê-ghezen không phát triển tư tưởng, nó *để cho* các tư tưởng *tự mình* phát triển, và ở đây chủ thể đang tư duy đơn thuần là một khán giả ngẫu nhiên thuần túy.

Tiếp theo đó Sê-linh, khi chuyển sang triết học tinh thần, đề cập đến những lời phát biểu của Hê-ghezen trong đó có mâu thuẫn giữa triết học của Hê-ghezen và những cảm tình cá nhân cùng định kiến của ông. Mặt triết học – tôn giáo trong hệ thống của Hê-ghezen tạo cho ông ta cái cơ để vạch ra các mâu thuẫn giữa các tiền đề và kết luận mà từ lâu đã được trường phái Hê-ghezen trẻ vạch ra và thừa nhận. Ông ta nhận xét hoàn toàn đúng: triết học đó muốn là triết học Cơ Đốc giáo, tuy không có gì cưỡng ép nó làm việc ấy; nếu nó vẫn ở lại giai đoạn đầu của mình trong khoa học về lý trí, thì nó sẽ có chân lý của mình trong chính mình. – Rồi ông ta kết thúc những nhận xét của mình bằng việc thừa nhận luận điểm của Hê-ghezen rằng những hình thức cuối cùng để nhận thức cái tuyệt đối là nghệ thuật, tôn giáo và triết học. Và Sê-linh suy luận, vì tôn giáo và nghệ thuật đã vượt

ra khỏi giới hạn của khoa học thuần túy của lý trí, nên cả bản thân triết học cũng phải làm điều y như vậy và phải là triết học khác, khác với triết học đã tồn tại từ trước đến nay. Và ông ta tưởng chính điều đó là yếu tố biện chứng của tư tưởng Hê-ghezen. Nhưng Hê-ghezen nói điều đó ở đâu? Ở cuối "Hiện tượng học" trong đó toàn bộ lô-gích học, với tư cách là triết học thứ hai, đang còn ở phía trước. Nhưng hiện tượng học – và chính quan niệm của Sê-linh bị bác bỏ tốt hơn hết bởi điều này – không phải là khoa học thuần túy của lý trí, nó chỉ nêu con đường đi tới khoa học đó, nâng cái kinh nghiệm, ý thức cảm tính lên quan điểm của khoa học thuần túy của lý trí, không phải ý thức lô-gích, mà là ý thức hiện tượng học có ở trước mặt mình, – như là những khả năng cuối cùng – ba "khả năng xác nhận sự tồn tại của cái siêu hiện hữu tuyệt đối ấy". Ý thức lô-gích, ý thức tự do nhìn thấy những sự vật hoàn toàn khác mà chúng ta tạm thời chưa cần bận tâm về chúng – ý thức ấy *có cái* tuyệt đối ngay trong chính bản thân mình.

Như vậy, đã có một bước quyết định: đã tuyên bố công khai về việc từ bỏ lý trí thuần túy. Từ thời các nhà kinh viện, Sê-linh là người đầu tiên dám đi bước ấy, vì I-a-cô-bi và những người tương tự ông ta không thể được tính đến, bởi lẽ họ chỉ đại biểu cho những mặt riêng biệt của thời đại mình, chứ không phải đại biểu cho toàn bộ thời đại nói chung. Lần đầu tiên trong năm trăm năm gần đây, một người anh hùng của khoa học vượt hẳn lên và tuyên bố khoa học là người đầy tớ của tín ngưỡng. Người đó đã làm việc đó, và người đó chịu trách nhiệm về các hậu quả. Chúng ta chỉ có thể vui mừng thấy rằng con người đã thể hiện thời đại mình hơn ai khác, con người trong đó thời đại của người đó đã đi tới tự ý thức – con người đó cũng được Sê-linh tuyên bố là đại biểu lớn nhất của khoa học lý trí. Bất cứ ai tin vào sức mạnh toàn năng của lý trí, xin hãy chú ý đến lời xác nhận này của kẻ thù.

Sê-linh mô tả triết học thực chứng như thế này: nó hoàn toàn độc lập với triết học phủ định và không thể làm cho cái mà triết học phủ định kết thúc ở đó, trở thành điểm xuất phát của mình, với tư cách là cái đang tồn tại nào đó, nhưng nó phải độc lập chứng minh sự tồn tại. Sự cáo chung của triết học phủ định không phải là một nguyên tắc mà là một nhiệm vụ trong lĩnh vực triết học thực chứng. Sự khởi đầu của triết học thực chứng tự nó là tuyệt đối. Chưa bao giờ tồn tại sự thống nhất giữa hai hệ thống ấy, và sự thống nhất đó đã không thể đạt được bằng cách hệ thống này đè bẹp hệ thống kia, cũng không phải bằng cách hòa trộn cả hai hệ thống. Có thể chứng minh rằng cả hai triết học từ xa xưa đã đấu tranh với nhau. (Ở đây là sự cố gắng dẫn ra bằng cứ như thế – bắt đầu từ Xô-crát cho đến Can-tơ – hơn nữa, chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa tiên nghiệm lại phân ranh giới quyết liệt với nhau. Song chúng tôi buộc phải bỏ qua ý định ấy, vì nó vẫn hoàn toàn không có kết quả). Nhưng vì rằng triết học thực chứng không phải là chủ nghĩa kinh nghiệm thuần túy, và càng ít là thứ chủ nghĩa kinh nghiệm dựa vào kinh nghiệm nội tại, thần trí luận – thần bí, nó có nguyên tắc của nó, nguyên tắc đó không phải là tư duy thuần túy và không xuất hiện trong thế giới kinh nghiệm, do đó nó là cái siêu nghiệm tuyệt đối, vượt ra khỏi phạm vi mọi kinh nghiệm và mọi tư duy và đi trước cả hai cái đó. Vì vậy, nguyên tắc ở đây không phải là cái prius tương đối, như thường thấy trong tư duy thuần túy, trong đó tiềm năng đi trước bước chuyển hóa, mà là prius tuyệt đối, cho nên bước chuyển diễn ra không phải từ khái niệm đi đến tồn tại, mà là từ tồn tại đi đến khái niệm. Bước chuyển đó không phải là tất yếu như bước chuyển thứ nhất, mà là kết quả của một hành động tự do, khắc phục tồn tại, được chứng minh a posteriori bằng con đường kinh nghiệm. Thực ra, nếu triết học phủ định dựa trên sự nhất quán về lô-gích có thể hoàn toàn không quan tâm đến việc thế giới có tồn tại hay không và nó

có phù hợp với kết cấu của triết học đó hay không, thì triết học thực chứng phát triển bằng con đường tư duy *tự do* và cần đến việc khẳng định kinh nghiệm mà nó phải hòa nhịp. Nếu triết học phủ định là chủ nghĩa tiên nghiệm thuần túy, thì triết học thực chứng là chủ nghĩa kinh nghiệm tiên nghiệm. Vì trong triết học thực chứng giả định tư duy tự do, nghĩa là tư duy dựa trên ý chí, nên cả các lý lẽ của nó cũng chỉ tồn tại cho những người mong muốn và "những người sáng suốt": không những cần phải hiểu chúng, mà còn cần phải *muốn* cảm thấy sức mạnh của chúng. Nếu trong số các đối tượng của kinh nghiệm cũng có cả sự mặc khải, thì mặc khải thuộc về triết học thực chứng với mức độ như nó thuộc về giới tự nhiên và loài người; vì vậy đối với triết học thực chứng nó có ý nghĩa không lớn hơn đối với tất cả những cái khác; thí dụ, đối với thiên văn học, cái có ý nghĩa quyết định tất nhiên là sự chuyển động của các hành tinh mà các tính toán của khoa học này phải ăn khớp với chúng. Nếu người ta sẽ nói rằng không có sự mặc khải trước đó thì triết học sẽ không đi đến kết quả ấy, thì trong điều này tất nhiên có phần nào sự thật, nhưng giờ đây triết học cũng có thể độc lập đi đến các kết luận của mình; giống như việc có những người mà một khi nhờ kính thiên văn họ tìm được những ngôi sao nhỏ bất động, sau đó có thể tìm thấy chúng bằng mắt thường và, như vậy, trở nên độc lập với kính thiên văn. Triết học phải bao hàm cả đạo Cơ Đốc vốn là một hiện thực như giới tự nhiên và tinh thần vậy. Nhưng không phải một mình mặc khải, mà cả tính tất yếu nội tại của triết học lô-gích thuần túy bắt buộc triết học này phải đi ra khỏi biên giới của chính mình. Triết học phủ định chỉ đưa tất cả đến giai đoạn có thể nhận thức được một cách đơn thuần và sau đó, chuyển cái đó cho những khoa học khác, và chỉ có "cái gì đó cuối cùng" là nó không thể đưa tới giai đoạn ấy được, trong khi đó, cái ấy chính là cái đáng nhận thức nhất. Do đó, nó lại phải trở thành đối tượng của một triết

học mới nào đó có nhiệm vụ chứng minh "cái gì đó cuối cùng" ấy là cái đang tồn tại. Như vậy, triết học phủ định trở thành triết học chỉ nhờ quan hệ của mình với triết học thực chứng. Nếu triết học phủ định đứng riêng ra thì nó sẽ không có kết quả hiện thực nào, và lý trí sẽ vô bổ; còn trong triết học thực chứng thì lý trí thắng thế: ở đây lý trí đã bị uốn cong trong triết học phủ định lại được nắn thẳng.

Tất nhiên, tôi không cần phải nói điều gì đó để giải thích những luận điểm ấy của Sê-linh, mà tự chúng đã rõ. Nhưng chúng ta hãy so sánh chúng với những lời hứa mà Sê-linh đã đưa ra lúc đầu. Một sự khác nhau rõ rệt nhường nào! Người ta hứa với chúng ta là sẽ cách mạng hóa triết học, phát triển cái học thuyết chấm dứt sự phủ định của những năm gần đây, đã chuẩn bị sự dung hòa niềm tin và tri thức, mà rốt cuộc được những gì? Cái học thuyết không có cơ sở vững chắc cả trong bản thân nó, cả trong cái khác nào đó, đã được chứng minh. Khi thì nó tìm chỗ dựa trong tư duy được giải phóng khỏi mọi tất yếu lô-gích, do đó, trong tư duy tùy tiện, không có bất cứ ý nghĩa nào, khi thì nó đi tìm chỗ dựa trong mặc khải mà tính hiện thực của mặc khải đúng là đang bị nghi ngờ, còn những lời khẳng định của mặc khải thì chính là đang bị bác bỏ. Yêu cầu vứt bỏ tất cả mọi ngờ vực để chữa khỏi ngờ vực, thì ngậy thơ làm sao! "Vâng, nếu các bạn không tin, thì không thể giúp các bạn được!" Nói đúng ra, Sê-linh đến Béc-lin với cái gì? Thay vì kho thực chứng của mình, ông ta mang đến đây lời bác bỏ "Cuộc đời chúa Giê-xu" của Stơ-rau-xơ¹⁶², "Bản chất của đạo Cơ Đốc" của Phoi-ơ-bá v.v. thì tốt hơn – điều đó sẽ hứa hẹn cho ông ta một số thành công. Còn với tình hình hiện nay thì phái Hê-ghen sẽ thích ở lại trong "ngõ cụt" nổi tiếng của mình hơn là "giao mình cho sự phẫn nộ và sự ân huệ" của ông ta, còn các nhà thần học thực chứng thì vẫn như trước sẽ thích xuất phát từ mặc khải hơn là đưa cái gì đó vào nó. Sự thừa nhận được lặp đi lặp lại

hàng ngày từ đầu năm mới rằng nó không đề ra nhiệm vụ đặt cơ sở cho đạo Cơ Đốc, cũng như một hệ giáo điều tư biện, nhưng đề ra nhiệm vụ chỉ góp một phần nào đó cho việc giải thích đạo Cơ Đốc, cũng hoàn toàn dung hợp với điều đó. Về việc triết học phủ định cần phải vượt ra ngoài phạm vi của chính mình, thì như chúng ta đã thấy, triết học đó cũng ít có sức thuyết phục. Nếu giả thiết bước chuyển a potentia ad actum không khỏi dẫn đến vị thần lô-gích chỉ phụ thuộc vào giả thiết đó, thì bước chuyển hiện thực được chứng minh bằng kinh nghiệm phải dẫn đến vị thần hiện thực, và khoa học thực chứng là thừa.

Bước chuyển sang triết học thực chứng được Sê-linh mượn từ cách chứng minh tồn tại của thượng đế về mặt bản thể luận. Thượng đế không thể tồn tại một cách ngẫu nhiên, do đó, "*nếu thượng đế tồn tại*" thì thần thánh tồn tại một cách tất yếu. Đoạn bổ sung thêm đó vào lỗ hổng của tam đoạn luận là hoàn toàn đúng. Như vậy, thượng đế chỉ có thể được hiểu là cái hiện hữu tự nó và tồn tại *trước* nó (không phải *cho* nó; – Sê-linh cay cú với Hê-ghen đến mức ông ta thậm chí coi những cách diễn đạt của Hê-ghen là xa lạ với tinh thần của ngôn ngữ và cần được sửa chữa), nghĩa là thượng đế tồn tại trước mình, trước tính thần thánh của mình. Như vậy, thượng đế là cái trực tiếp đi trước mọi tư duy, là cái hiện hữu một cách mù quáng. Nhưng vì điều đáng nghi ngờ là thượng đế có tồn tại hay không, nên chúng ta phải xuất phát từ cái hiện hữu mù quáng mà xem xem có thể xuất phát từ đó để nhận thức khái niệm thượng đế hay không. Do đó, nếu nguyên tắc của triết học phủ định là tư duy có trước mọi tồn tại, thì nguyên tắc của triết học thực chứng là tồn tại có trước mọi tư duy. Tồn tại mù quáng đó là tồn tại tất yếu. Song thượng đế không phải là cái đó, mà là cái tất yếu, "cái hiện thực tất yếu"; chỉ có tồn tại tất yếu mới là khả năng tồn tại của thực thể tối cao. Còn cái hiện hữu mù quáng đó là

cái hoàn toàn không cần luận chứng, vì nó có trước mọi tư duy. Như vậy, triết học thực chứng làm cho cái không có sự biểu hiện của mình trong khái niệm trở thành điểm xuất phát của mình, để chỉ a posteriori làm cho nó, với tư cách là thượng đế, trở thành nội dung dễ hiểu và nội tại của lý trí. Chỉ có ở đây thì lý trí mới trở nên tự do, thoát khỏi sự chi phối của tư duy tất yếu.

"Cái hiện hữu mù quáng" đó là hyle, là vật chất vĩnh cửu của triết học trước kia. Vật chất đó phát triển, trở thành thượng đế, dù sao đó cũng là điều mới mẻ. Cho đến nay nó luôn luôn là nguyên tắc nhị nguyên luận đối lập với thượng đế. Song chúng ta hãy theo dõi tiếp nội dung của triết học thực chứng.

Cái hiện hữu mù quáng đó – cũng có thể gọi là "tồn tại tiền vĩnh cửu" – là purus actus của sự tồn tại và là sự đồng nhất của bản chất và tồn tại (cái nói về thượng đế như là về Aseität^{1*}). Tưởng chừng như tồn tại đó không thể là cơ sở của bất cứ quá trình nào, vì nó không có bất kỳ động lực nào, và động lực chỉ bao hàm trong tiềm năng. Nhưng vậy thì tại sao lại cắt đi mất của astus purus mọi khả năng sau này cũng trở thành tiềm năng? Ở đây cái kết luận cho rằng tồn tại hiện hữu cũng post actum^{2*} không thể trở thành cái có thể tồn tại. Tồn tại tiền vĩnh cửu có thể có khả năng – không có gì cản trở việc này – tạo ra từ bản thân mình một tồn tại thứ hai. Bằng cách đó tồn tại mù quáng trở thành tiềm năng, vì nó nhận được cái mà nó có thể muốn, và như vậy nó trở thành người làm chủ tồn tại mù quáng của chính mình. Bằng cách giải phóng tồn tại thứ hai đó, tồn tại thứ nhất, tồn tại mù quáng, chỉ trở thành potentia actus

1* – tự bản chất (thuật ngữ của thuyết kinh viện trung cổ)

2* – sau hành vi

purus, và như vậy trở thành tồn tại chiếm hữu mình (nhưng tất cả những cái đó tạm thời còn là một giả thuyết, còn phải được chứng minh chỉ căn cứ theo các kết quả của mình); chỉ bằng cách phân biệt mình với tồn tại thứ hai ấy mà tồn tại thứ nhất đi tới chỗ nhận thức được mình là cái gì đó tất yếu theo bản tính của nó. Tồn tại mù quáng là tồn tại ngẫu nhiên, vì nó không được quy định trước, và nó phải chứng minh tính tất yếu của mình bằng cách khắc phục mặt đối lập của mình. Đó là cơ sở cuối cùng của tồn tại chống lại nó, và cùng với cái đó là cơ sở cuối cùng của vũ trụ. Quy luật: tất cả mọi cái đều trở nên sáng rõ và không có gì còn bí mật - là quy luật tối cao của mọi tồn tại. Quả thật, đó không phải là quy luật vượt lên cao hơn thượng đế, nhưng là quy luật mà nhờ nó thượng đế lần đầu tiên trở nên tự do, do đó tự nó đã là quy luật thần thánh. Quy luật thế giới vĩ đại đó, phép biện chứng thế giới đó không muốn để bất cứ cái gì chưa được giải quyết. Chỉ có nó là có khả năng giải quyết những điều bí ẩn vĩ đại. Đúng, vì rằng thượng đế công bằng đến mức thượng đế thừa nhận đến cùng – và đến chỗ không còn bất cứ mâu thuẫn nào - cái nguyên tắc đối lập đó với thượng đế. Mọi tồn tại không tự nguyện, tiền vĩnh cửu đều không tự do. Còn thượng đế chân chính là thượng đế sống động có thể trở thành cái gì đó khác ngoài tồn tại tiền vĩnh cửu. Nếu không thì hoặc là cùng với Xpi-nô-da cho rằng tất cả mọi cái đều bắt nguồn từ bản chất thần thánh theo sự tất yếu, không có sự giúp đỡ của chính thượng đế (thuyết phiếm thần xấu xa), hoặc phải đồng ý rằng khái niệm sáng tạo là không thể nhận thức được đối với lý trí (thuyết hữu thần tâm thường, không có khả năng thắng thuyết phiếm thần). Như vậy, tồn tại tiền vĩnh cửu trở thành tiềm năng của cái đối lập, mà vì đối với nó tính tiềm tàng là cái không thể chịu được, nên nó tất yếu sẽ muốn hành động, sẽ cố gắng lại khôi phục mình trong actus purus. Vì vậy, tồn tại thứ hai lại phải bị tồn tại thứ nhất phủ định và phải được chuyển

trở lại thành tiềm năng. Như vậy, tồn tại tiền vĩnh cửu trở thành người làm chủ không chỉ tiềm năng thứ nhất, mà cả tiềm năng thứ hai và có được khả năng chuyển tồn tại tiền vĩnh cửu của mình thành cái hiện hữu nào đó và bằng cách ấy xua nó khỏi mình và, như vậy, loại bỏ toàn bộ sự tồn tại của mình. Bản chất của nó trước đây ẩn giấu đằng sau tồn tại cũng bắt nguồn từ đây. Tồn tại thuần túy nhờ sự chống đối mà trở thành tiềm năng, giờ đây đang trở thành một bản chất độc lập. Như vậy, người làm chủ khả năng thứ nhất cũng được đem lại một khả năng khác, cụ thể là khả năng làm rõ bản chất đích thực của mình, việc mình không bị ràng buộc vào tồn tại tất yếu, giả định mình với tư cách là *inh thân*, vì tinh thần là cái được tự do hành động và không hành động, cái mà trong tồn tại được tự chủ và vẫn là cái hiện hữu ngay cả khi nó không phát hiện ra mình. Song, đó không phải là cái trực tiếp *có thể tồn tại*, cũng như không phải là *cái phải tồn tại*, mà là *cái vừa có thể tồn tại, vừa phải tồn tại*. Ba yếu tố này được cái tồn tại tiền vĩnh cửu quan niệm là *những cái phải tồn tại* theo đúng nghĩa, cho nên ở bên ngoài ba yếu tố ấy không có cái gì khác và toàn bộ tương lai đều bị loại trừ.

Như chúng ta thấy, sự diễn biến của tư tưởng trong triết học thực chứng thì cực kỳ "tự do". Ở đây Sê-linh không che giấu rằng ông ta chỉ đề xuất những giả thuyết mà sự đúng đắn của chúng còn phải được chứng minh căn cứ theo các kết quả, nghĩa là theo sự phù hợp của chúng với mặc khải. Một trong những hậu quả của tư duy tự do, do ý chí chỉ đạo ấy, là việc ông ta bắt "tồn tại tiền vĩnh cửu" ấy xử sự như thể nó đã là cái còn phải phát triển từ nó, cụ thể là thượng đế. Tồn tại tiền vĩnh cửu chưa thể nào có thể thấy, muốn, buông ra, đưa trở lại. Nó chẳng qua là sự trừu tượng hóa trần trụi của vật chất, đúng là rất xa với tất cả những gì là cá nhân, với mọi sự tự ý thức. Không có điều suy luận nào có thể đưa tự ý thức vào phạm trù bất động ấy,

nếu nó sẽ không được hiểu là vật chất và là vật chất đang phát triển thông qua giới tự nhiên đến tinh thần, giống như "tồn tại vô hạn" trong triết học phủ định mà nó chỉ khác bằng tính quy định tiền vĩnh cửu không nói lên gì cả. Tính tiền vĩnh cửu ấy chỉ có thể dẫn tới chủ nghĩa duy vật, và, nhiều nhất, đến phiếm thân luận, nhưng không thể nào đến độc thân luận. Và ở đây lời của Quy-vi-ê tỏ ra là đúng đắn: "Sê-linh đưa ra những ẩn dụ thay cho những bằng chứng và thay vì phát triển các khái niệm, ông ta thay đổi các hình ảnh và các phúng dụ tùy theo sự cần thiết"¹⁶³. Hơn nữa trong triết học, ít ra là cho đến nay, chưa gặp những suy luận cắt ngang mọi sự vận động tiến lên của tư tưởng nhờ những cách nói kiểu như thế này: "hoàn toàn không có cơ sở để điều đó không xảy ra; về mặt lô-gích không thể chứng minh rằng điều đó không thể có được v.v.". Bằng con đường như vậy có thể phát triển từ "tồn tại tiền vĩnh cửu" cả tôn giáo Trung Hoa lẫn tôn giáo Ô-ta-ít^{1*} là tôn giáo cũng được xác nhận bằng việc nó là một sự kiện không kém đạo Cơ Đốc. Còn về quy luật thế giới mới được phát hiện nêu lên rằng tất cả mọi cái đều trở nên sáng rõ, thì không thể phủ nhận rằng ở đây, ít ra là, rất ít cái trở nên rõ ràng và rất nhiều cái vẫn còn giấu kín. Ở đây ta chỉ thấy sự sáng rõ của tư tưởng chìm như thế nào trong vực thẳm hoang tưởng đen tối. Còn nếu quy luật đó có nghĩa là tất cả đều phải biện hộ cho sự tồn tại của mình trước lý trí, thì đó lại là một trong những tư tưởng cơ bản của Hê-ghen và hơn nữa là tư tưởng vẫn hoàn toàn không được vận dụng ở bản thân Sê-linh. Sẽ còn phải tiêu tốn vô ích không ít thời gian trước khi có thể làm cho mọi cái đều sáng rõ để kết thúc diễn biến tư

1* – Ta-i-ti (Otaheiti – một trong những tên gọi của đảo Ta-i-ti)

tưởng đã nêu ra trên đây với khả năng, sự tất yếu và sự cần thiết của nó. Trước hết, thử hỏi ba tiềm năng thực chứng ấy có quan hệ như thế nào với ba tiềm năng phủ định? Chỉ có một điều trở nên rõ ràng là dù sao chúng cũng chỉ là những khả năng, tuy phải tồn tại, nhưng không phải vừa có thể tồn tại vừa phải tồn tại.

Chỉ có bằng con đường của phép biện chứng "hết sức kiên quyết" ấy – Sê-linh khẳng định – mới có thể từ actu của Xpi-nô-da của cái đang tồn tại tất yếu đi tới khái niệm cái đang tồn tại tất yếu natura sua^{1*}. Nhưng ông ta chỉ cần chính cái đó, vì ông ta muốn chứng minh không phải sự tồn tại của cái thần thánh, mà là tính thần thánh của cái đang tồn tại (chính đây là điều mà triết học Hê-ghen trẻ cũng đang làm), chính tính thần thánh của actu ấy của cái vĩnh cửu, cái tự nó đang tồn tại. Song, vậy thì ai chứng minh cho chúng ta rằng cái gì đấy đang tồn tại từ lâu đời? Cái actu tồn tại tự nó ấy chỉ có thể dẫn đến tính vĩnh cửu của vật chất, nếu chúng ta sẽ suy luận một cách lô-gích. Còn những suy lý không lô-gích thì không có ý nghĩa nào cả, dù chúng có được xác nhận bằng sự mặc khải đi nữa.

"Nếu chúng ta theo phép biện chứng *suy yếu* mà nói: thượng đế chấp nhận tiềm năng của tồn tại đối lập chỉ để biến sự khẳng định mù quáng sự tồn tại của mình thành cái được thực hiện thông qua sự phủ định, thì thử hỏi thượng đế làm cái đó để làm gì? Không phải để cho mình, vì thượng đế biết sức mạnh của mình; chỉ đối với những người khác thì thượng đế mới có thể làm cho tồn tại khác với thượng đế trở thành đối tượng mong muốn. Chính trong sự tha hóa với mình này tiềm ẩn bản chất của thượng đế, sự hoan lạc của thượng đế; tất cả mọi ý nghĩa của thượng đế đều chỉ nằm ở bên ngoài thượng đế, trong tạo vật. Như vậy, trước mắt chúng ta tất nhiên là quá trình trừ bỏ và khôi phục tạm thời, nhưng giữa hai yếu tố đó là toàn bộ vũ trụ".

1* – actu – trong hiện thực; natura sua – theo bản chất của nó

Ở đây, bộc lộ sự ngạo mạn của phép biện chứng kiên quyết nhất và có tính chất biếm họa từ trên cao nhìn xuống hình mẫu "yếu ớt" trông có vẻ buồn cười nhường nào! Phép biện chứng ấy thậm chí không thể hiểu nguyên mẫu đó đến mức có thể trình bày nó một cách đúng đắn. Ngay cả Hê-ghen, nếu tin lời Sê-linh, cũng suy nghĩ bằng những hình ảnh cảm tính; Sê-linh bắt buộc ông diễn dịch đại thể như sau: ở đây có chúa. Thượng đế tạo ra thế giới. Thế giới phủ định thượng đế. Vì sao? Phải chăng vì thế giới là một yếu tố độc ác? Hoàn toàn không, mà đơn thuần vì độc một sự thật là sự tồn tại của mình. Thế giới chiếm toàn bộ không gian, còn thượng đế thì không biết mình ở vào đâu, thấy mình buộc phải lại phủ định nó. Với tình hình như thế, tất nhiên thượng đế sẽ phải tiêu diệt thế giới. Nhưng chiều sâu của quan niệm theo đó sự phủ định tất yếu chỉ bắt nguồn từ cái hiện hữu tự nó, như sự phát triển bản chất nội tại của nó, như một nhân tố thức tỉnh ý thức, chừng nào trong hoạt động cao nhất của mình, nó không lại đi từ chính mình đến chỗ phủ định mình, kết quả là cho phép một cái gì đó đã phát triển, đặc sắc và tự do nảy sinh, – tầm sâu sắc đó Sê-linh không thể nhận thức được, vì chúa của ông ta tự do, nghĩa là hành động một cách tùy tiện.

Và kìa thượng đế, tức là tồn tại tiền vĩnh cửu, đã tạo ra thế giới, tức là một tồn tại đối lập. Thế giới đứng vững chính là chỉ nhờ ý chí của thượng đế và phụ thuộc vào ý chí của thượng đế. Sự công bằng thần thánh không cho phép tiêu diệt thế giới bằng một đòn đánh nhằm mục đích phục hồi mình, vì yếu tố đối lập giờ đây có quyền, theo một ý nghĩa nào đó, có ý chí độc lập với thượng đế. Vì thế, yếu tố đó dần dần, theo nguyên tắc quyết định các nấc thang phát triển, được đưa trở lại thông qua hai tiềm năng cuối cùng. Như vậy, nếu tiềm năng thứ nhất là nguyên nhân sinh ra toàn bộ vận động và tồn tại độc lập, thì tiềm năng thứ hai được giả định *ex actu*^{1*}; nó được thực hiện trong quá

1* – thông qua hành vi

trình khắc phục tiềm năng thứ nhất và, qua việc tác động đến tồn tại đối lập, nó đã bắt tồn tại đó phục tùng tiềm năng thứ ba, thành thử tồn tại đối lập đã biểu hiện ra là sự vật cụ thể giữa ba tiềm năng. Những tiềm năng đó bây giờ bộc lộ như là: *causa materialis, ex qua, causa efficiens, per quam, causa finalis, in quam (secundum quam) omnia fiunt*^{1*}.

Nếu giờ đây tồn tại tiền vĩnh cửu là điều kiện của thần thánh, thì cùng với hành vi sáng tạo sẽ xuất hiện Thượng đế với tính cách như vậy, với tính cách là người làm chủ tồn tại có quyền biến những khả năng ấy thành hiện thực hay là không. Thượng đế vẫn ở bên ngoài toàn bộ quá trình và vươn lên trên bộ ba nguyên nhân kia, như là *causa causarum*^{2*}. Và để không xảy ra hiện tượng thế giới xuất hiện dưới dạng lưu xuất của bản chất của nó, thượng đế đã phải thử thách đủ loại vị trí của các tiềm năng đối với nhau, nghĩa là *bằng một cái nhìn* bao quát vũ trụ tương lai. Vì chỉ riêng sức mạnh toàn năng và cai quản tất cả thì không đủ để làm việc đó, nhưng sự việc thì tồn tại với tư cách là sự nhìn thấy của tạo hóa. Vì vậy tiềm năng ban đầu, nguyên nhân đầu tiên của tồn tại đối lập, luôn luôn là đối tượng sùng bái đặc biệt; nó là cái *mai-a* của Ấn Độ (cùng họ hàng với "*Macht*" trong tiếng Đức, tiềm năng) bện lưới nhện của cái mới xuất hiện nhằm mục đích thúc đẩy sáng tạo hóa sáng tạo hiện thực, giống như Fortuna primigenia¹⁶⁴ ở Prê-ne-xtơ.

Tôi không thêm vào điều đó một từ nào để không xua tan màn sương mù thần bí của sự nhìn thấy đó.

Không thể chứng minh a priori việc thượng đế thực sự sáng

1* – nguyên nhân vật chất – mà từ đó nguyên nhân hành động – thông qua nó, nguyên nhân cuối cùng – vì nó (theo nó) tất cả mọi cái diễn ra.

2* – nguyên nhân của các nguyên nhân.

tạo: điều đó bắt nguồn từ nhu cầu duy nhất, có thể dung nạp được nơi thượng đế là để cho người ta nhận thức mình, đó là nhu cầu vốn có nhiều hơn cả của những bản tính cao thượng nhất. Thượng đế sáng tạo không phải là tuyệt đối đơn giản, mà là đơn giản trong số nhiều, mà vì số nhiều đó (những tiềm năng đã được nhắc tới) là khép kín trong bản thân nó, nên sáng tạo hóa là *thống nhất tất cả*, và đó là thuyết độc thần. Vì thượng đế có trước tất cả, nên thượng đế không thể có gì ngang bằng với mình, vì tồn tại mà không có tiềm năng thì nói chung không *thể có thể* (!). Thượng đế mà chỉ được nhân tiện nói đến rằng thượng đế chỉ có một, chỉ là thượng đế của những người theo thuyết hữu thần. Thuyết độc thần đòi hỏi tính duy nhất, nếu không thì thượng đế không phải là thượng đế, trong khi thuyết hữu thần theo quan điểm coi thượng đế là một thực thể vô tận. Bước tiếp theo từ đây đến cái mà trong quan hệ với các sự vật là thượng đế thì là phiếm thần luận: trong thuyết này các sự vật là các tính quy định của thượng đế. Chỉ có trong thuyết độc thần thì thượng đế là thượng đế hiện thực, sống động, nơi mà sự thống nhất của thực thể đã biến mất trong tiềm năng, thay chỗ nó là sự thống nhất siêu thực thể, thành thử chúa trời là cái thống nhất bất khả chế ngự chống lại ba ngôi. Mặc dù có số đông nhân vật, song không tồn tại số đông *thần*, mà chỉ có một ông thần duy nhất. Trong *thần thánh* không có nhiều thần. Như vậy, thuyết độc thần và thuyết phiếm thần là một bước tiến so với thuyết hữu thần vốn là biểu hiện cuối cùng của cái tuyệt đối trong triết học phủ định. Thuyết độc thần là nấc thang quá độ đi tới đạo Cơ Đốc, vì sự thống nhất tất cả có sự biểu hiện xác định của mình trong chúa ba ngôi.

Các vị hãy thử hiểu chúa ba ngôi ấy như các vị muốn, dù sao sẽ không có được cái gì khác ngoài ba chọi một, một chọi ba.

Nếu thượng đế là sự thống nhất của ba ngôi vị ấy, thì do đó thượng đế chỉ có thể là vị thứ tư, hoặc vẫn còn ba ông thần. Nếu chỉ tính thần thánh là sự thống nhất của họ thì cũng trong mức độ ấy cả loài người cũng là sự thống nhất của tất cả mọi người, và chúng ta có một vị thần duy nhất, cũng như chỉ có một người duy nhất. Song, giống như không thể trừ bỏ số nhiều, cũng không thể trừ bỏ cả tính tam vị được. Từ ba vị không thể nào có thể có được một. Mâu thuẫn cũ tiêm ẩn trong khái niệm tam vị nhất thể rõ ràng là vẫn còn, và đành phải ngạc nhiên trước sự mạnh dạn của lời khẳng định của Sê-linh rằng dường như mâu thuẫn đó đã được giải quyết. Ý kiến nói rằng chỉ có tính tam vị là biểu hiện đích thực của sự thống nhất, vẫn là vay mượn của Hê-ghen, nhưng theo lệ thường đã được đơn giản hóa đến mức hoàn toàn không còn nội dung. Ở Hê-ghen tính tam vị vẫn là sự xếp bậc các yếu tố trong sự phát triển của thượng đế, nếu người ta nhất định muốn nghĩ rằng trong hệ thống của ông có thượng đế như vậy. Còn ở đây ba yếu tố đó phải đứng cạnh nhau như là *những cá nhân*, và ở đây khẳng định một cách độc đáo rằng nhân cách chân chính của *một* người chính là ở chỗ người đó tựa hồ như tạo thành *ba* người.

Song, cho đến nay, chúng ta chỉ có một nhân vật, một người cha, vì nếu cái hiện hữu có trước tách khỏi mình cái gì đó mà trước kia tạo thành một bộ phận của chính nó, hơn nữa, theo cách là cái nói sau cùng này đã tự thực hiện mình, thì điều đó có quyền được gọi là cái được sinh ra. Còn nếu trong quá trình thực hiện đó, tồn tại đối lập (*B*) thực sự được khắc phục, thì cả tiềm năng thứ hai cũng có quyền đối với nó với mức độ y như tiềm năng thứ nhất, và như vậy, tính thần thánh của con bằng tính thần thánh của cha. Cũng như vậy với tiềm năng thứ ba, là tiềm năng mà bản chất độc lập với tồn tại chỉ sau khi khắc phục *B* mới có thể lại đi tới tồn tại, nhưng lúc đó nó cũng có được tâm cơ và

nhân cách như hai tiềm năng kia, và cũng là tinh thần. Như vậy, kết quả là chúng ta có ba cá nhân, nhưng không phải là ba vị thần, vì nếu tồn tại là thống nhất, thì uy phong của các vị ấy chỉ có thể là thống nhất (như thể cả hai vua xứ Xpác-ta, vì quyền lực của họ là một, nên chỉ tạo thành một vua thôi!). Trong các tiềm năng, chừng nào chúng đang ở trong trạng thái căng thẳng, chúng ta chỉ thấy mặt tự nhiên của quá trình (có lẽ "căng thẳng" là quá trình của triết học phủ định) như là sự nảy sinh của thế giới; và chỉ cùng với các nhân vật mở ra thế giới của *cái thần thánh* và ý nghĩa thần thánh của quá trình trong đó tồn tại lúc đầu vốn có của người cha với tư cách là khả năng, được truyền lại cho người con và người con này, với tư cách là cái đã được khắc phục, lại trả về cho người cha. Ngoài người con ra, nó còn được người cha và người con đem lại cho cả tinh thần, và tinh thần có tồn tại, chỉ có điều là tồn tại chung cho cả cha và con. Sự căng thẳng của các tiềm năng đi qua toàn bộ giới tự nhiên, và mọi sự vật đều có quan hệ nhất định với cái đó. Tất cả những cái đang nảy sinh đều là cái thứ tư giữa các tiềm năng, còn con người trong đó sự căng thẳng ấy được giải quyết đầy đủ, đã có quan hệ với *các cá nhân*, vì trong con người biểu hiện yếu tố cuối cùng của sự thực hiện, trong đó các tiềm năng trở thành những cá nhân hiện thực. Như vậy, quá trình đó đối với các sự vật là quá trình sáng tạo, còn đối với các cá nhân là quá trình thần hệ.

Bằng cách nào đó, thông qua phép lạ, Sê-linh đã gọi lên thế gian, từ vực sâu tồn tại tiền vĩnh cửu, không chỉ cái cá nhân mà cả chúa ba ngôi – cha, con và thánh thần, và lại, chập vạt lấm mới ghép được thánh thần vào, sau đó thế giới được tạo ra theo sự tùy tiện, phụ thuộc vào sự tùy tiện, do đó trống rỗng và nhỏ bé. Do tất cả những cái đó mà Sê-linh có được cơ sở cho đạo Cơ Đốc. Nhiệm vụ của tôi không thể là liệt kê tỉ mỉ tất cả những điều không nhất quán, những kết cấu tùy tiện, những lời khẳng định táo bạo, những

lỗ hổng, những bước nhảy, những sự thêm thắt, sự rối rắm nằm trong lương tâm Sê-linh. Nếu tình hình tư duy phức tạp từng một sự tất yếu nào đó tồi tệ như thế, thì cần phải chờ đợi trước ở sự tự do một mớ hủ lậu còn lớn hơn nữa gồm triết học kinh viện và phép thần bí, – chính cái đó tạo thành bản chất của học thuyết Sê-linh mới. Bạn đọc không thể đòi hỏi tôi có sự kiên nhẫn vượt quá sức người như vậy, cũng như tôi không thể đòi bạn đọc phải quan tâm như vậy đến vấn đề. Hơn nữa, điều mà tất cả mọi người đều rõ thì không đòi hỏi bất cứ sự giải thích nào. Mục đích của tôi quy lại chỉ là theo dõi sự diễn biến của tư tưởng nói chung, chỉ trình bày rằng quan hệ giữa Hê-ghen và Sê-linh đúng là ngược với điều Sê-linh khẳng định. Giờ đây trên miếng đất đạo Cơ Đốc, chúng ta càng có nhiều khả năng bắt các sự kiện nói lên thay cho mình. Trước hết, Sê-linh thừa nhận mình không thể hiểu được thế giới, vì ông ta không thể hiểu được cái ác. Con người đã có khả năng ở lại trong chúa, cũng như không ở lại. Ông ta không làm thế thì về phía ông ta đó là vấn đề ý chí tự do. Bằng cách đó ông ta đã đặt mình vào vị trí của thượng đế và ở nơi mà tất cả tưởng chừng như đã được sắp xếp có quy củ, thì tất cả lại được đặt thành vấn đề. Theo Sê-linh, thế giới đã tách khỏi thượng đế, đã chịu sự chi phối của cái bên ngoài, cái căn bản đã mất địa vị của mình với tư cách như vậy. Thượng đế - cha "tựa hồ như" đã bị gạt khỏi vị trí của mình (về sau, cái "tựa hồ như" đó đã được ném đi).

Song, theo Sê-linh, chúng ta tạm thời chưa có tam vị nhất thể Cơ Đốc giáo, ý chí của bản thân người con, ý chí độc lập với người cha, chưa được bộc lộ. Nhưng giờ đây, vào cuối hành vi sáng tạo, xuất hiện một cái mới, cụ thể là yếu tố *B* chiếm lĩnh mình ở trong con người. Sự lựa chọn của con người quyết định việc có thống nhất với thượng đế hay không. Con người *không* muốn liên kết lại và qua đó bắt tiềm năng cao nhất phải trở về

trạng thái tính tiềm tàng mà chỉ giờ đây, bị ý chí của con người tách khỏi người cha, mới là *người con có tính người* với mức độ như người con của thượng đế (đó là ý nghĩa của một cách nói trong kinh Tân ước) và có được tồn tại ngoài thần thánh một cách thần thánh. Giờ đây tính tiềm tàng ấy có thể đi theo sau tồn tại vào lĩnh vực ngoài thần thánh và đưa tồn tại trở lại với thượng đế. Người cha giờ đây đã quay lưng với thế giới và từ nay hành động trong thế giới không phải bằng ý chí của mình, mà bằng sự bất bình của mình (đây là ý nghĩa đích thực của sự phẫn nộ của thượng đế). Chính bằng cách đó người cha đã không tiêu diệt thế giới tội lỗi, mà đã bảo tồn nó vì người con của mình, như đã nói trong kinh thánh. Tất cả mọi sự vật đều được tạo ra trong thế giới, nghĩa là vì thế giới. Như vậy, ở đây chúng ta có hai kỷ nguyên: thần của cha, khi tồn tại (thế giới) còn nằm trong người cha với tư cách là tiềm năng, còn người con thì chưa độc lập, và thần của người con, thời gian của thế giới, mà lịch sử của nó là lịch sử của người con. Thời gian đó lại được chia ra hai thời kỳ: trong thời kỳ thứ nhất con người hoàn toàn bị chi phối bởi tồn tại đối lập, bởi *B*, bởi các tiềm năng vũ trụ. Ở đây người con ở trong trạng thái phủ định, đau khổ cực kỳ sâu sắc, thụ động, tạm thời bị loại trừ khỏi tồn tại (nghĩa là khỏi thế giới), không tự do, ở bên ngoài ý thức con người. Để chiếm lĩnh tồn tại, tiềm năng ấy chỉ có thể tác động bằng con đường tự nhiên. Đó là thời gian của khối liên minh cũ, khi người con không phải theo ý chí của mình, mà theo bản tính của mình vươn tới thống trị tồn tại; cho đến nay ý nghĩa của thời gian đó vẫn chưa được khoa học hiểu, chưa ai nhận thức được nó. Nhưng điều đó được chỉ ra một cách rõ ràng nhất trong kinh Cựu ước, cụ thể là trong chương 53 của kinh I-xai-a, trong đó nói về những đau khổ *hiện nay* của đấng Cứu thế. Chỉ với sự tăng cường của tiềm năng thứ hai, với việc giành sự thống trị đối với tồn tại,

mới bắt đầu thời kỳ thứ hai, khi mà tiềm năng tác động một cách tự do và theo ý chí của mình – đó là thời kỳ xuất hiện của tiềm năng này trong Ki-tô, thời kỳ mặc khải. Đó là chiếc chìa khóa của đạo Cơ Đốc; nhờ có sợi dây A-ri-át này "có thể định hướng trong mớ bòng bong của sự diễn biến tư tưởng của tôi". – Do sự nổi loạn của con người mà những cá nhân đã xuất hiện trong hành vi sáng tạo nhờ khắc phục *B*, lại trở thành những khả năng đơn giản, bị gạt vào trạng thái tính tiềm tàng, bị loại trừ khỏi ý thức, trở thành những cá nhân bên ngoài thần thánh. Cũng chính đây là nguyên nhân của quá trình mới diễn ra trong ý thức của con người, và thần thánh bị loại trừ khỏi quá trình đó, vì trong sự căng thẳng của mình, các tiềm năng mang tính ngoài thần thánh. Quá trình bất ý thức phục tùng sự thống trị của các tiềm năng đó đã có được hình thức phát triển thần thoại trong đa thần giáo. Tiền đề lịch sử sâu sắc hơn của mặc khải là thần thoại. Trong triết học thần thoại, nhiệm vụ của chúng ta là xác định những tiềm năng riêng lẻ trong ý thức thần thoại và sự nhận thức chúng trong những thánh kịch Hy Lạp.

Thử hỏi, ảnh hưởng của con người đến sự tự phát triển của thượng đế – vì chỉ có thể gọi điều đó như vậy – mà Sê-linh khẳng định có phù hợp với các quan niệm của đạo Cơ Đốc hay không? Vì rằng từ xa xưa thượng đế của đạo Cơ Đốc được quan niệm là hoàn chỉnh, bản thân sự yên tĩnh của thượng đế không hề bị đời sống trần gian tạm thời của người con phá vỡ. Nói chung, theo Sê-linh, sự sáng tạo kết thúc một cách nhục nhĩ nhất. Người ta vừa mới kịp xây dựng ngôi nhà bằng giấy "các tiềm năng trung gian – những tiềm năng hiện hữu tương đối và những tiềm năng có thể tồn tại" – và ba tiềm năng bất kỳ lúc nào cũng sẵn sàng trở thành những cá nhân, thì bỗng một con người ngu xuẩn đã giở trò, và thế là toàn bộ kết cấu tinh xảo sụp đổ, và các tiềm năng vẫn là tiềm năng như trước. Hoàn toàn

giống như trong truyện cổ tích, trong đó kho báu có các vị thần chiếu sáng đến chói chang bao quanh, được triệu lên từ lòng đất bằng những lời thần chú; kho báu từng khao khát đã trỗi lên đến bờ vực, nhưng rồi một lời nói không thận trọng thốt ra, các hình ảnh biến mất, kho báu rơi xuống dưới, và vực thẳm khép lại vĩnh viễn phía trên nó. Thượng đế của Sê-linh lẽ ra có thể thu xếp công việc của mình một cách thông minh hơn là việc ông ta làm cho mình khỏi mất nhiều công sức, làm cho chúng ta thoát khỏi triết học mặc khải. Song phép thần bí của Sê-linh ở đây đạt tới sự khở sắc cao nhất khi phát triển đề tài về những đau khổ của người con. Đó là quan hệ đen tối, bí ẩn của tính ngoài thần thánh có tính chất thần thánh, tính vô thức có ý thức, tính bất động tích cực, ý chí không có ý chí – sự chồng chất lên nhau ấy của những mâu thuẫn lấn át nhau đó tất nhiên đối với Sê-linh là một nguồn vô giá, từ đó có thể rút ra mọi kết luận vì từ đó có thể suy ra mọi điều. Càng ít rõ ràng hơn, đó là quan hệ của tiềm năng đó với ý thức của con người. Ở đây tất cả mọi tiềm năng như tiềm năng vũ trụ, tiềm năng tự nhiên, đều tác động, nhưng chúng tác động như thế nào? Tiềm năng vũ trụ là gì? Không một học trò nào của Sê-linh, và cả chính ông ta nữa, có thể trả lời điều đó một cách hợp lý. Đó lại vẫn là một trong những tính quy định tư tưởng thần bí không rõ ràng mà ông ta buộc phải dùng đến để đi tới mặc khải thậm chí bằng con đường "tư duy tự do, được ý chí chỉ đạo". "Chỉ có thể giải thích các quan niệm thần thoại là sản phẩm tất yếu của ý thức đã rơi vào quyền lực chi phối của các tiềm năng vũ trụ". Nhưng các tiềm năng vũ trụ là những tiềm năng thần thánh đang ở trong trạng thái căng thẳng của mình, là cái thần thánh với tư cách là cái không thần thánh. Điều này cũng phải cắt nghĩa quan hệ của thần thoại với giới tự nhiên, ở đây những sự thực hoàn toàn mới ắt phải được phát hiện, nội dung của thời kỳ tiền sử của loài người, cụ thể

là "sự phấn khích tâm hồn lớn lao đã đi kèm theo quá trình xây dựng các hình ảnh của các vị thần", ắt phải được vạch ra.

Chúng tôi có thể không trình bày "Triết học thần thoại", vì nó không trực tiếp liên quan đến triết học mặc khải, ngoài ra trong học kỳ tới Sê-linh định dành một giáo trình rộng lớn hơn để trình bày nó. Và lại, phần này của các bài giảng tốt hơn đáng kể so với tất cả những phần còn lại, và một số điều nói trong quyển sách đó, nếu làm cho những lời phát biểu ấy thoát khỏi phương thức xem xét một cách xuyên tạc và thần bí chung, sẽ có thể chấp nhận được cả đối với những người xem xét những giai đoạn phát triển đó của ý thức theo quan điểm tự do, thuần túy của con người. Vấn đề chỉ là: những tư tưởng ấy là sở hữu của chính Sê-linh tới mức độ nào và nói chung có phải chúng được vay mượn ở Stu-rơ hay không. Quan điểm của Sê-linh không đúng chủ yếu là ở chỗ ông ta hiểu quá trình huyền thoại không phải là sự tự phát triển tự do của ý thức trong phạm vi tính tất yếu lịch sử toàn thế giới, mà đầu đầu ông ta cũng bắt những nguyên tắc và lực lượng siêu nhân phải hành động, và lại, tất cả những điều đó đều được trình bày lộn xộn đến mức những tiềm năng ấy đồng thời vừa là "thực thể của ý thức" vừa là cái gì đó còn lớn hơn. Những biện pháp như vậy tất nhiên là không tránh khỏi, nếu người ta muốn xác lập cho bằng được các ảnh hưởng siêu nhân tuyệt đối. Như vậy, tôi vui lòng thừa nhận những kết luận của Sê-linh có liên quan đến những kết quả quan trọng nhất của thần thoại đối với đạo Cơ Đốc, nhưng dưới một hình thức khác, vì tôi coi cả hai hiện tượng không phải là cái được đưa từ bên ngoài vào ý thức một cách siêu tự nhiên, mà là những sản phẩm mang tính nội tại nhất của ý thức, là cái thuần túy con người và tự nhiên.

Vậy là, giờ đây cuối cùng, chúng ta đi tới sự mặc khải đã được thần thoại chuẩn bị. Toàn bộ đạo Cơ Đốc là mặc khải. Vì vậy

triết học mặc khải không có quan hệ với hệ thống giáo lý v.v., nó thậm chí không muốn thiết lập một học thuyết nào đó, mà chỉ muốn giải thích sự thực lịch sử của đạo Cơ Đốc. Nhưng chúng ta sẽ thấy toàn bộ hệ thống giáo lý dần dần được rút ra từ đó như thế nào. Chúng ta sẽ thấy Sê-linh coi "toàn bộ đạo Cơ Đốc chỉ là một thực tế, cũng như là đa thần giáo vậy". Những sự kiện của đa thần giáo không được ông ta chấp nhận là cái mà chúng mạo nhận, nghĩa là chúng không được ông ta chấp nhận là chân lý; ví dụ ông ta không thừa nhận Đê-ô-nít là vị thần đích thực. Còn các sự kiện của đạo Cơ Đốc thì đối với ông ta là tuyệt đối; khi Ki-tô tuyên bố mình là Đấng cứu thế, khi Pôn khẳng định cái này hoặc cái kia, thì Sê-linh tin ông ta một cách tuyệt đối. Sê-linh, ít ra là theo cách của mình, đã *giải thích* các sự kiện thần thoại, còn các sự kiện của đạo Cơ Đốc thì ông ta khẳng định. Mặc dù vậy ông ta tự an ủi bằng ý nghĩ rằng "bằng sự thẳng thắn và cởi mở của mình, ông ta đã chiếm được sự yêu mến của thanh niên, và không chỉ sự yêu mến, mà cả sự ngưỡng mộ trầm trồ nữa".

Và rồi, để giải thích mặc khải, ông ta xuất phát từ đoạn trong thư của thánh Pôn gửi giáo dân Phi-líp-pi, chương 2, 6-8, mà tôi xin dẫn ra ở đây:

"Ki-tô là hình ảnh của Thiên Chúa (*ev μορφη θεοδ*), nhưng chẳng nghĩ mình ngang hàng với Thiên Chúa; song Người đã tự hạ (*εχενωσε*) nhận lấy hàng tôi tớ, tự làm cho mình giống với phàm nhân và về hình hài đã trở nên giống với phàm nhân; người còn tự kìm nén mình, người đã vâng phục cho đến chết và đã chết trên thập giá".

Không đi vào những công trình nghiên cứu chú giải rộng lớn mà Sê-linh đã viết kèm theo những chú giải triết học của mình, tôi chỉ xin trình bày ở đây theo phương pháp của Sê-linh một sự kiện mà thánh Pôn đã kể. Trong trạng thái đau khổ của mình, Ki-tô dần dần, nhờ một quá trình huyền thoại, đã trở thành người làm chủ ý thức. Độc lập với Chúa cha, ông có thể

giới của chính mình và có thể muốn thế nào thì chi phối nó thế ấy. Ông là Thượng đế của thế giới, nhưng không phải là vị thần tuyệt đối. Ông lẽ ra có thể ở lại trong trạng thái vừa không thần thánh vừa thần thánh ấy. Thánh Pôn gọi đó là "hình ảnh của Thiên Chúa" – *εὐμορφὴ θεοῦ*. Nhưng ông không muốn điều đó. Ông đã trở thành con người. Ông đã khước từ sự vĩ đại đó của mình, để chuyển nó cho Chúa cha, và như vậy, nối thế giới với thượng đế. Nếu ông không làm điều đó, thì thế giới sẽ hoàn toàn không còn khả năng nào liên kết với thượng đế. Đó là ý nghĩa thực sự của sự vâng lời của Ki-tô. Cũng cần phải hiểu lịch sử của sự cám dỗ theo ý nghĩa này. Xa-tăng, nguyên tắc mù quáng của vũ trụ, được đưa đến mức độ là ông ta đề nghị trao vương quốc của mình cho Ki-tô, nếu Ki-tô đồng ý sùng bái ông ta, nghĩa là đồng ý vẫn là tiềm năng vũ trụ, *εὐμορφὴ θεοῦ*, còn Ki-tô thì bác bỏ khả năng đó và để cho tồn tại của mình phục tùng Chúa cha, làm cho tồn tại đó được sáng tạo ra và trở thành con người.

"Xin thượng đế cứu con, xin hãy coi những học thuyết triết học mà đạo Cơ Đốc không biết gì, là các học thuyết Cơ Đốc giáo", – Sê-linh đã kết thúc sự diễn dịch của mình bằng những lời đó. Tranh cãi về tính chất Cơ Đốc giáo của những học thuyết ấy sẽ là một sự xa xỉ không cần thiết, vì nếu ngay cả điều đó được chứng minh đi nữa, thì điều đó vẫn chưa đem lại cái gì có lợi cho Sê-linh cả. Trong khi đó, theo ý tôi, học thuyết ấy mâu thuẫn với toàn bộ lối suy nghĩ cơ bản của đạo Cơ Đốc. Trên cơ sở một số đoạn trong kinh thánh, có thể dễ dàng chứng minh điều không phù hợp nhất, nhưng vấn đề tuyệt nhiên không phải thế. Đạo Cơ Đốc tồn tại sắp được hai nghìn năm và đã có đủ thời gian để hoàn toàn ý thức được mình. Nội dung của nó được biểu hiện trong nhà thờ, và không thể có chuyện ngoài nội dung đó ra, trong đạo Cơ Đốc ẩn giấu một nội dung tích cực nào đó

nữa, có thể đòi hỏi có một ý nghĩa nào đó, và càng không thể có chuyện mãi bây giờ ý nghĩa đích thực của nó mới được hiểu lần đầu tiên. Và lại bây giờ mới phát hiện ý nghĩa đích thực đó là quá muộn. Nhưng không kể tất cả những điều đó thế nào đi nữa thì sự giải thích nêu trên đây còn chứa đựng nhiều điều đó tính chất giáo huấn. Về phía Ki-tô, việc làm cho mình phục tùng Chúa cha có phải là một hành vi tự do hay không? Hoàn toàn không, - đó là một tất yếu tự nhiên. Không thể giả định có thể có điều ác ở Ki-tô nếu không muốn qua đó mà thủ tiêu tính chất thần thánh của Ki-tô. Người nào có thể làm điều ác thì không bao giờ có thể trở thành thần thánh. Nói chung làm thế nào có thể *trở thành* thượng đế? Song chúng ta hãy hình dung trường hợp Ki-tô tuồng như thế giữ thế giới cho mình. Không thể nào hình dung một trạng thái khác cũng vô nghĩa, buồn cười như trạng thái có được trong trường hợp ấy. Ở đây Ki-tô sống một cách đàng hoàng và vui vẻ với thế giới tươi đẹp của mình, sự nở rộ chất Hy Lạp trên trời và trên trái đất, còn ở đó là vị thượng đế già cô độc không con cái, đau buồn vì sự thất bại của những quỷ kế của mình chống lại thế giới. Khuyết điểm cơ bản của vị thượng đế của Sê-linh là thượng đế ấy gặp may hơn là thông minh. Tất cả vẫn còn thành công, nhưng lẽ ra cũng có thể kết thúc hoàn toàn khác. Nói chung toàn bộ học thuyết của Sê-linh về thượng đế đều mang tính chất hoàn toàn ác cảm với con người. Ta mà đưa vương quốc thế giới của xa-tăng cho Ki-tô trước khi Ki-tô trở thành con người, thì ít ra Ki-tô sẽ có cơ may thu hút nó về phía mình, và ai mà biết được điều gì sẽ xảy ra! Còn khi Ki-tô đã trở thành con người, thì bằng cách ấy Ki-tô đã phục tùng thượng đế, và sự nghiệp của con quỷ khốn khổ đã thất bại từ trước. Ngoài ra, chẳng lẽ trong quá trình thần thoại, Ki-tô đã không giành cho mình quyền thống trị thế giới nữa hay sao? Vậy, con quỷ còn có thể đưa cho Ki-tô cái gì nữa?

Như thế là tôi đã truyền đạt điều quan trọng nhất trong số

những điều Sê-linh đã nói để giải thích đạo Cơ Đốc. Tất cả những điều còn lại phần thì chứa đựng những đoạn trích dẫn để củng cố thêm ý và cách lý giải chúng, phần thì chứa đựng việc phát triển chi tiết các kết luận. Trong số những kết luận đó, tôi muốn thông báo những kết luận quan trọng nhất.

Trên cơ sở học thuyết đã dẫn ra ở trên về tính thừa kế nhất quán của các tiềm năng trong sự thống trị thế giới, điều hoàn toàn dễ hiểu là mỗi tiềm năng giữ địa vị thống trị đều là cái báo trước tiềm năng tiếp theo nó. Ví dụ, trong kinh Cựu ước, Chúa cha báo tin Chúa con đến, trong kinh Tân ước, Chúa con báo tin Chúa Thánh thần đến. Trong các quyển sách của các nhà tiên tri, tình hình xảy ra theo trật tự ngược lại, và tiềm năng thứ ba thông báo một cách tiên tri tiềm năng thứ hai. Ở đây bộc lộ sự vận động của các tiềm năng tùy theo sự diễn biến của thời gian, cụ thể là trong "Ma-la-sơ của Giê-hô-va", trong "thiên thần của chúa" mà thực ra không phải trực tiếp là nhân vật thứ hai, nhưng vẫn là tiềm năng thứ hai, là nguyên nhân xuất hiện của tiềm năng thứ hai trong *B*. Trong những thời kỳ khác nhau nó có hình thức khác nhau, thành thử theo hình thức xuất hiện này của nó ta dễ dàng xác định thời gian ra đời của từng quyển kinh, và bằng cách đó, từ sự vận động ấy của các tiềm năng có thể rút ra những kết luận "tuyệt vời", vượt tất cả những gì mà cho đến nay giới phê bình đã làm. Việc xác định đó là "chiếc chìa khóa để đi vào kinh Cựu ước mà sử dụng nó chúng ta có thể chứng minh tính hiện thực của các quan niệm của kinh Cựu ước trong tính chân lý tương đối của chúng".

Kinh Cựu ước có cơ sở chung và tiền đề chung với đa thần giáo. Do đó mà có tính chất đa thần của nhiều nghi lễ của thiết chế Mô-i-dơ. Thí dụ, nghi thức cắt lễ rõ ràng là hình thức giảm nhẹ của nghi thức hiến vốn đã đóng vai trò rất to lớn trong đa

thần giáo cổ đại, vì nó là sự mô tả tượng trưng bằng điệu bộ sự thắng lợi của nấc thang sau đối với thần Thiên vương tinh thời thượng cổ. Những điều cấm kỵ về phương diện ăn uống, việc tổ chức lễ rước di chúc giống như các thánh đường Ai Cập cũng là như vậy, tương tự như khám thờ di chúc giống chiếc hòm thiêng liêng của người Phê-ni-xi và người Ai Cập.

Bản thân sự xuất hiện của Ki-tô không phải là ngẫu nhiên, mà là điều tiền định. Thời đại La Mã là điểm tận cùng của thần thoại, vì tôn giáo của người La Mã, trong khi tự nó không đưa vào một yếu tố mới nào đó, đã hấp thụ tất cả mọi quan niệm tôn giáo của thế giới đến tận các quan niệm của những tôn giáo phương Đông cổ đại và bằng cách đó nó cho thấy sự bất lực của mình không tạo ra được cái gì mới. Đồng thời từ sự trống rỗng của những hình thức đã hết thời ấy nảy sinh cảm giác cho rằng một cái mới ắt phải xuất hiện. Thế giới đã lạng đi trong sự chờ đợi cái sẽ xuất hiện. Từ đế quốc thế giới La Mã bên ngoài ấy, từ sự tiêu diệt các dân tộc ấy đã nảy sinh vương quốc nội tại của Thượng đế. Như vậy, khi thời hạn đã đến thì Thượng đế cử người con của mình đi.

Ki-tô, sau khi khước từ $\mu\omega\rho\phi\eta\ \theta\epsilon\omicron\upsilon$ ^{1*}, khước từ tôn tại ngoài thần thánh với tư cách là cái thần thánh, đã trở thành con người, qua đó chứng minh trong thực tế một cách rõ ràng và hùng hồn nhất tính thần thánh đã được tiếp tục của mình. Đối với sự nghèo nàn mà Ki-tô đã đẩy mình vào vì chúng ta, cần phải hiểu đó không phải là từ bỏ tính thần thánh của mình, không phải là non usus^{2*} tính thần thánh ấy mà là trút bỏ $\mu\omega\rho\phi\eta\ \theta\epsilon\omicron\upsilon$ hình ảnh của chúa, ra khỏi bản thân mình. Bản chất thần thánh vẫn còn trong Ki-tô. Có điều Ki-tô có thể là người trung gian, vì Ki-tô bắt nguồn

1* – hình ảnh của Thượng đế

2* – Không sử dụng

từ Thượng đế, đã là người mang tải ý thức con người. Trong biểu hiện của Ki-tô ở đa thần giáo và ở đạo Do Thái đã không trừ bỏ yếu tố trói buộc và hầu như tiêu diệt loài người; những sự hy sinh luôn luôn lặp đi lặp lại đã có thể chỉ trừ bỏ được các triệu chứng, chứ không trừ bỏ được căn bệnh. Sự phẫn nộ của Chúa cha chỉ có thể chiến thắng bởi một ý chí khác mạnh hơn sự phẫn nộ, mạnh hơn cái chết, mạnh hơn mọi ý chí khác. Cái chiến thắng ý chí đó chỉ có thể là một lực lượng tinh thần, chứ không phải là lực lượng vật chất, cụ thể là sự tự nguyện phục tùng vô cùng lớn lao của người trung gian thay vì con người. Sự phục tùng tự nguyện vô cùng lớn lao của con người chưa bao giờ là sự phục tùng tự nguyện vô điều kiện, còn sự phục tùng của người môi giới là tự do, tự do đối với Thượng đế mà không có ý chí và lỗi của con người. Đó là ý nghĩa của sự phát triển thông qua đa thần giáo. Điều đó cần thiết để người môi giới có thể đóng vai người đại biểu của ý thức. Giải pháp đó là phép mâu nhiệm vô cùng to lớn của sự nhân từ thần thánh.

Dĩ nhiên, mặt thể chất của sự nhân cách hóa không thể được giải thích trong những chi tiết nhỏ nhất của nó. Khả năng vật chất để làm việc đó thì Thượng đế đã có trong mình. Là vật chất có nghĩa là dùng làm vật chất cho tiềm năng cao nhất, là phục tùng nó. Do phục tùng Thượng đế, Ki-tô trở thành cái vật chất đối với Thượng đế. Nhưng chỉ khi trở thành tạo vật của Thượng đế thì Ki-tô mới có quyền ở bên ngoài Thượng đế. Chính vì thế mà Ki-tô phải trở thành con người. Cái mà lúc đầu có ở Thượng đế, cái mà trong đa thần giáo đã thống trị đối với ý thức thông qua hình ảnh của Thượng đế, cái đó do một người phụ nữ sinh ra ở Vi-philê-em với tư cách là con người. Sự dung hòa bao giờ cũng chỉ mang tính chủ quan, vì vậy chỉ cần các sự thực chủ quan là đủ rồi. Còn ở đây thì cần phải thắng cơn giận

dữ của Chúa cha, và điều đó chỉ có một sự thực khách quan – sự nhân cách hóa – là có thể làm được mà thôi.

Với sự nhân cách hóa đó, tiềm năng thứ ba biểu hiện ra là cá nhân trong vai người trung gian. Ki-tô đã được thánh thần thụ thai, nghĩa là thụ thai do thánh thần, chứ không phải là người con của thánh thần. Chức năng của đấng sáng tạo chuyển sang tiềm năng thứ ba. Biểu hiện đầu tiên của tiềm năng này là một con người vật chất – đó là Giê-su. Tiềm năng thứ hai là vật chất, tiềm năng thứ ba là người nhào nặn vật chất này. Quá trình đó là một quá trình không bình thường, không thể nhận thức được về mặt vật chất, nhưng tất nhiên dễ hiểu đối với quan điểm cao cả hơn. Ki-tô đã lấy vật chất nhân cách hóa từ bản thân mình. Sự hình thành đầu tiên đó mà thuộc tính của nó ở đây không liên quan đến chúng ta nữa, đã được quá trình hữu cơ của bà mẹ tiếp nhận. Đặt thêm vấn đề thì sẽ là quá chi tiết.

Nếu ở đâu đó Thượng đế hành động bằng ý chí của mình, thì đó là một phép mâu. Trong giới tự nhiên tất cả đều không có ý chí. Ki-tô cũng vậy. Chức năng sáng tạo thì Ki-tô có *natura sua*, không cần ý chí của mình; như vậy, Ki-tô không thể khước từ chức năng đó với tư cách là một con người. Ở đây chức năng đó trở thành người chỉ đạo ý chí của Ki-tô. Việc chúa con sống trong giới tự nhiên theo ý chí của mình, thì phụ thuộc vào ý chí của chúa cha, và như vậy, chúa con thực hiện những phép mâu nhờ sức mạnh của chúa cha. Người nào sau những bài giảng ấy mà đọc kinh Tân ước, sẽ tìm thấy trong quyển kinh đó nhiều cái mà trước kia người đó chưa nhận thấy.

Cái chết của Ki-tô đã được quyết định ngay trước khi Ki-tô trở thành con người, và đã được Ki-tô và Chúa cha tán thành. Như vậy, cái chết đó không phải là ngẫu nhiên, mà là một sự

hy sinh do lòng từ bi thần thánh đòi hỏi. Nhiệm vụ là tước bỏ mọi sức mạnh ở yếu tố ác ấy, khắc phục nó trong tiềm năng của nó. Điều đó chỉ có tiềm năng làm trung gian là có thể làm được, nhưng không phải theo cách nó đem mình đối lập với yếu tố đó như một tiềm năng tự nhiên đơn thuần. Song vì bản thân Thượng đế muốn khắc phục yếu tố đó, nên tiềm năng thứ hai đã buộc phải phục tùng Thượng đế. Vì trong con mắt của Thượng đế tiềm năng thứ hai đã trở thành tiềm năng tự nhiên, không đáng giá nhiều hơn yếu tố phủ định Thượng đế, tuy tiềm năng đó đã trở thành tiềm năng tự nhiên không phải do lỗi của mình, mà là do lỗi của con người. Điều nói sau cùng này cũng đem lại cho tiềm năng đó phần nào quyền tồn tại, như vậy là, ở bên ngoài Thượng đế. Thượng đế công bằng đến mức Thượng đế không từ bỏ yếu tố đối lập với mình một cách đơn phương; hơn nữa, Thượng đế có nhân tính đến mức Thượng đế yêu cái yếu tố về bản chất là ngẫu nhiên đó, cái yếu tố tạo cho Thượng đế khả năng trở thành Thượng đế, yêu yếu tố ấy nhiều hơn là yếu tố tất yếu, hơn là yêu tiềm năng đã vượt ra khỏi chính mình. Người là Thượng đế của yếu tố đối lập với mức độ y như của tiềm năng thứ hai. Đó là bản tính của Thượng đế, cái bản tính thậm chí cao hơn ý chí của Thượng đế. Sự thống nhất toàn năng ấy của tất cả mọi nguyên tắc tạo thành tâm vĩ đại thần thánh của Thượng đế, và tâm vĩ đại này không cho phép để yếu tố đó bị phá vỡ đơn phương. Để trừ bỏ yếu tố đó thì tiềm năng thứ hai cần phải nắm quyền chủ động và hoàn toàn phục tùng Thượng đế trong tồn tại ngoài thần thánh của tiềm năng đó. Muốn thế, chỉ riêng sự nhân cách hóa thì chưa đủ. Ngay sau khi mắc tội tổ tông, Ki-tô đã đi theo con người vào thế giới đã tha hoá khỏi Thượng đế của con người và đứng giữa thế giới và Thượng đế. Đứng về phía nguyên tắc thù địch, Người đem mình đối lập với chúa cha, đấu tranh với chúa cha, đã trở thành người

đồng lõa với tội lỗi của tồn tại đó và đã phải chịu trừng phạt như là người bị buộc tội mà không có lỗi, như là bị cáo về tồn tại đã tha hoá với chúa. Đối với việc so bằng ấy của mình với yếu tố đối lập, cùng với những tội lỗi của thế giới đã nhận về mình, Người đã phải chuộc lấy bằng cái chết. Đó là lý do cái chết của Người. Đúng là cả những người khác cũng chết, nhưng Người chết một cái chết hoàn toàn khác so với họ. Cái chết đó là một sự mâu nhiệm mà chúng ta sẽ không dám tin nếu sự mâu nhiệm đó không thật xác thực. Khi Người chết, đã có mặt toàn thể loài người qua các đại biểu của nó: đồng thời có cả những tín đồ đạo Do Thái, cũng như những người theo đa thần giáo. Yếu tố đa thần giáo đã phải chết bằng cái chết đa thần giáo, cái chết trên cây thánh giá; và lại, không nên đi tìm cái gì đặc biệt trong điều đó. *Việc đóng đinh* trên giá chữ thập là việc giải quyết *sự căng thẳng*^{1*} lâu dài mà Ki-tô đã lâm vào trong đa thần giáo, như đã nói trong kinh thánh; nhờ cái chết mà Người đã thoát khỏi bị phán xét và nỗi sợ hãi (nghĩa là khỏi sự căng thẳng). Đó là bí mật vĩ đại mà mãi cho đến nay vẫn còn được các tín đồ đạo Do Thái (những người theo chủ nghĩa đạo đức) coi là sự cảm dỗ, còn những người đa thần giáo (những người theo chủ nghĩa duy lý thuần túy) thì coi là điều ngu xuẩn.

Từ xa xưa, sự phục sinh của Ki-tô đã được coi là cái đảm bảo cho sự bất tử của cá nhân. Về học thuyết này, nếu tạm gác vấn đề sự phục sinh của Ki-tô, cần phải nhận thấy điều sau đây. Trong đời sống trần gian, giới tự nhiên thống trị tinh thần. Và đồng thời điều đó giả định một đời sống khác, trong đó mối quan hệ ấy được bù đắp bằng sự thống trị của tinh thần đối với giới

1* Chơi chữ: "Ausspannung" – "đóng đinh lên cây thánh giá", "Spannung" – "sự căng thẳng".

tự nhiên, và cũng giả định một đời sống thứ ba, đời sống cuối cùng, trong đó cả hai yếu tố dung hòa với nhau và ở trong trạng thái hài hòa. Cho đến nay triết học chưa có mục đích làm yên lòng nào đối với sự bất tử. Ở đây, trong đạo Cơ Đốc, mục đích đó đã được đặt ra.

Bản thân sự phục sinh của Ki-tô là bằng cứ chứng minh tính không thể xóa bỏ của sự nhân cách hóa của Người. Trong Người, tồn tại con người lại được Thượng đế chấp nhận. Không phải từng việc làm của con người, mà toàn bộ trạng thái của con người, đều không hợp ý Thượng đế, do đó, Thượng đế cũng không hài lòng về từng con người ngay từ trước khi con người mắc tội. Vì thế không một ý chí con người nào, không một việc làm nào có thể thực sự tốt lành trước khi xảy ra sự dàn hòa với chúa cha. Nhờ sự phục sinh của Ki-tô mà trạng thái đó được Thượng đế thừa nhận, thế giới được trả lại niềm vui. Như vậy, sự biện hộ đã được thực hiện chỉ nhờ sự phục sinh, vì Ki-tô *đã không hòa tan trong vũ trụ* mà, với tư cách con người, ngồi ở bên phải Thượng đế. Sự phục sinh là tia chớp sáng loè lên từ lịch sử bên trong ra lịch sử bên ngoài. Người nào vứt bỏ sự thực ấy thì người đó chỉ còn mặt bên ngoài không có nội dung thần thánh, không có cái siêu nghiệm mà chỉ riêng nó mới làm cho lịch sử trở thành lịch sử; người ấy chỉ có trước mắt mình vật liệu để ghi nhớ và tại đây anh ta ở trong cùng một vị thế như khối đồng người đối với các sự kiện trước mắt, mà những động cơ nội tại của chúng chưa được biết đến. Ngoài ra, người đó còn rơi vào địa ngục, nghĩa là "đối với người đó, yếu tố tiêu vong kéo dài ra thành vĩnh cửu".

Cuối cùng, chúa thánh thần đến và giải quyết tất cả. Chúa thánh thần chỉ có thể giáng trần sau khi đã có sự dàn hòa với chúa cha, và việc chúa thánh thần tới là dấu hiệu chứng tỏ rằng sự dàn hòa đã được thực hiện.

Ở đây Sê-linh phát triển quan điểm của mình về sự phê phán mới nhất từ thời Stơ-rau-xơ. Sự phê phán đó như thể chưa bao

giờ có thể gọi ông ta ra luận chiến dưới bất cứ hình thức nào; điều đó được ông ta chứng minh bằng việc từ năm 1831 ông ta đã đọc những bài giảng ấy, không thay đổi gì và hoàn toàn không thêm thắt gì. Ông liệt triết học thần thoại vào thời kỳ càng xa hơn. Rồi ông ta quay ra nói về "trí tuệ hèn mọn, cực kỳ phi-li-xtanh" của những con người ấy, về "sự đối xử theo lối học trò của họ với những luận điểm chưa hoàn chỉnh", về "sự bất lực của triết học của họ" v.v.. Mà để chống chủ nghĩa kiên thành và đạo Cơ Đốc thuần túy chủ quan thì ông ta chẳng có gì để nói, có điều cần phải biết rằng đó không phải là cách hiểu duy nhất và không phải là cách hiểu cao nhất về đạo Cơ Đốc.

Tôi có cần trình bày thêm môn xa-tăng học hay không? Quỷ dữ không phải là thực thể con người, nhưng cũng không phải là một thực thể phi con người, nó là một tiềm năng; những thiên thần ác là những tiềm năng, nhưng là những tiềm năng không được tồn tại và chỉ xuất hiện nhờ có tội tổ tông của con người; những thiên thần thiện - cũng là những tiềm năng, nhưng là những tiềm năng phải tồn tại và nhờ tội tổ tông của con người mà những thiên thần ấy không tồn tại. Tạm thời như thế là đủ.

Giáo hội và lịch sử của nó phát triển trên cơ sở các thuyết giáo của ba tông đồ: Pi-e, Giắc (cùng với người thừa kế của ông là Pôn) và Giảng. Nê-an-đơ cũng có ý kiến y như vậy. Giáo hội Thiên chúa giáo là giáo hội của Pi-e, giáo hội bảo thủ, hình thức chủ nghĩa kiểu Do Thái giáo; giáo hội Tin lành là giáo hội của Pôn; giáo hội thứ ba còn cần chờ đợi và đã được chuẩn bị, tất nhiên bởi ông Sê-linh, là giáo hội của Giảng, người kết hợp sự thuần hậu của Pi-e và sự sắc sảo biện chứng của Pôn. Pi-e là đại biểu của chúa cha, Pôn là đại biểu của chúa con, Giảng là đại biểu của chúa Thánh thần.

"Đối với những ai được Thượng đế yêu mến, thì Thượng đế giao cho sự nghiệp hoàn thành. Nếu tôi phải dựng lên nhà thờ, thì tôi sẽ dựng nó lên để thờ thánh Giảng.

Nhưng sẽ đến lúc nào đó một nhà thờ chung sẽ được dựng lên cho cả ba vị tông đồ, thì nhà thờ ấy sẽ là điện Păng-tê-ông Cơ Đốc giáo đích thực".

Đấy là nội dung chủ yếu của các bài giảng của Sê-linh, vì có thể xác định nội dung đó bằng cách đối chiếu ba quyển ghi chép¹⁶⁵. Tôi có thể cho rằng tôi đã có thái độ hết sức tận tụy và vô tư đối với nhiệm vụ của mình. Vì rằng trước mắt chúng ta là toàn bộ hệ giáo lý: tam vị nhất thể, sáng tạo từ hư vô, tội tổ tông, tội cha truyền con nối và sự bất lực đối với cái thiện, cái chết chuộc tội của Ki-tô, sự phục sinh của Ki-tô, sự giáng thế của chúa Thánh thần, cộng đồng các thánh, sự phục sinh từ cõi chết và sự sống vĩnh cửu. Như vậy, Sê-linh tự mình lại tước bỏ sự phân định ranh giới giữa sự thực và giáo điều mà ông ta đã xác lập. Nhưng chúng ta hãy xét vấn đề kỹ hơn - trong trường hợp như vậy, đạo Cơ Đốc có trùng hợp với đạo Cơ Đốc truyền thống hay không? Bất cứ ai không có định kiến khi tiếp cận vấn đề đều sẽ phải nói: có và không. Sự không tương dung giữa triết học và đạo Cơ Đốc đã đi tới chỗ là bản thân Sê-linh rơi vào mâu thuẫn còn tồi tệ hơn Hê-ghen. Ở Hê-ghen dù sao vẫn có triết học, tuy ở đây cũng chỉ có đạo Cơ Đốc giả tưởng. Còn cái mà Sê-linh đem lại thì không phải là đạo Cơ Đốc, cũng không phải là triết học, còn "tâm hồn thẳng thắn và sự cởi mở" của ông ta, công lao của ông ta - mà ông ta nhận định bằng những lời: "những người đã xin ông ta bánh mì, ông ta đã cho bánh mì thật chứ không phải hòn đá, đồng thời nói rằng *đó là* bánh mì" - thì chính là ở chỗ ông ta mạo nhận cái đó là đạo Cơ Đốc và triết học. Sê-linh hoàn toàn không biết bản thân mình, điều đó lại được bài diễn văn có những lời vừa trích ra chứng minh. Đụng phải một học thuyết như vậy, ta chỉ một lần nữa thấy rõ đạo Cơ Đốc hiện nay dựa trên những cơ sở yếu ớt như thế nào.

Quan sát một lần nữa toàn bộ quan niệm nói chung, chúng ta, ngoài những điều đã nói ở trên, còn đi đến những kết quả

sau đây để xác định phương thức tư duy kiểu Sê-linh mới. Ở đây, sự lẫn lộn tự do và tùy tiện đạt tới sự nở rộ lớn nhất. Ở đây Thượng đế bao giờ cũng được quan niệm là Thượng đế hành động theo cách của con người và tùy tiện. Quan niệm như vậy tất nhiên là không tránh khỏi, chừng nào Thượng đế được hiểu là Thượng đế duy nhất, nhưng quan niệm đó không phải là quan niệm triết học. Chỉ có sự tự do nào chứa đựng sự tất yếu mới là sự tự do chân chính; hơn nữa chỉ có sự tự do nào là chân lý, là tính hợp lý của tất yếu mới là sự tự do chân chính. Vì thế cả Thượng đế của Hê-ghen cũng không thể nào và không bao giờ có thể là cá nhân đơn lẻ, vì tất cả mọi cái tùy tiện đều bị trừ bỏ khỏi Thượng đế. Vì vậy chính Sê-linh buộc phải vận dụng tư duy "tự do" khi nói về Thượng đế vì tư duy tất yếu, với tính nhất quán lô-gích, loại trừ khái niệm cá nhân thần thánh. Phép biện chứng của Hê-ghen, cái động lực hùng mạnh, vĩnh viễn tích cực này chẳng phải là gì khác ngoài ý thức của loài người trong tư duy thuần túy, ý thức về cái phổ biến, ý thức thần thánh hóa của Hê-ghen. Ở những nơi - như ở Hê-ghen, - mà tất cả mọi cái đều tự chúng diễn ra, thì cá nhân thần thánh là thừa.

Tiếp theo ta còn thấy một mâu thuẫn mới trong sự tan vỡ của triết học. Nếu triết học phủ định không có quan hệ gì với sự tồn tại thì "ở đây hoàn toàn không có căn cứ lô-gích" để xem vì sao nó cũng không chứa đựng cả những sự vật không tồn tại trong thế giới hiện thực. Sê-linh thừa nhận điều đó khi ông ta nói về triết học đó rằng nó không đếm xỉa đến thế giới, và nếu thế giới phù hợp với các cấu trúc của triết học đó, thì đó tưởng như là một sự ngẫu nhiên. Nhưng trong trường hợp như vậy, triết học phủ định là triết học hoàn toàn trống rỗng không có nội dung, là triết học vận dụng những khả năng tùy tiện nhất và mở rộng cửa cho trí tưởng tượng. Nhưng mặt khác, nếu triết học đó chỉ chứa đựng cái tồn tại hiện thực trong giới tự nhiên và trong

ting thần, thì nó hẳn bao hàm tính hiện thực, và triết học thực chứng là thừa. Điều đó cũng bộc lộ cả từ một khía cạnh khác. Ở Sê-linh, giới tự nhiên là duy nhất hợp lý. Thượng đế không phải là cái hợp lý. Như vậy, ở đây cũng bộc lộ ra rằng cái vô tận chỉ có thể được coi một cách hợp lý là cái tồn tại hiện thực, khi nó thể hiện như là cái hữu hạn, là giới tự nhiên và tinh thần, còn sự tồn tại ngoài thế giới ở phía bên kia của cái vô tận thì phải được liệt vào vương quốc của những điều trừu tượng. Như chúng ta đã thấy, triết học thực chứng đặc biệt ấy chỉ phụ thuộc vào niềm tin và chỉ tồn tại cho niềm tin. Nếu tín đồ đạo Do Thái hoặc tín đồ đạo Hồi thừa nhận các tiền đề của Sê-linh trong khoa học phủ định, thì người đó cũng sẽ không khởi tạo cho mình triết học thực chứng Do Thái giáo hoặc Hồi giáo. Hơn nữa, triết học thực chứng đó phải khác đối với đạo Thiên chúa, phải khác đối với quốc giáo Anh. Tất cả mọi người đều có quyền như nhau, vì "vấn đề không phải là giáo điều, mà là sự thực", còn với tư duy "tự do" mà Sê-linh yêu thích có thể thiết kế tất cả mọi cái tùy ý với tư cách là cái tuyệt đối. Đúng là trong đạo Hồi, các sự thực được thiết kế tốt hơn đáng kể so với trong đạo Cơ Đốc.

Như vậy, chúng tôi tưởng như đã chấm dứt việc trình bày triết học của Sê-linh và chỉ có thể tiếc rằng một con người như ông ta mà lại rơi vào cái bẫy của tín ngưỡng và của sự không tự do. Khi ông ta còn trẻ thì ông ta khác. Trí tuệ của ông ta đã ở trong trạng thái lên men, lúc đó đã đẻ ra những tư tưởng sáng ngời như hình ảnh của Pa-la-đa, và một số tư tưởng trong số đó đã có tác dụng trong cuộc đấu tranh sau này. Ông ta lúc đó đã tự do và mạnh dạn đi vào biển khơi tư tưởng để phát hiện đảo Át-lan-ti-đa - cái tuyệt đối mà hình ảnh của nó được ông ta ngấm nhìn thường xuyên như vậy dưới dạng một ảo ảnh lơ lửng nổi lên trước mắt ông ta ở xa trên biển. Ngọn lửa tuổi thanh xuân

ở trong ông ta đã chuyển thành ngọn lửa hân hoan; là nhà tiên tri say sưa chúa, ông đã loan báo sự mở đầu một thời đại mới. Được chúa thánh thần giáng thế vào ông ta cổ vũ, bản thân ông ta thường không hiểu ý nghĩa của những lời ông ta nói ra. Ông ta đã mở toang cửa triết lý suông, và trong các luồng tư tưởng trừu tượng đã phảng phất hơi thở trong lành của giới tự nhiên; tia sáng mùa xuân ấm áp đã chiếu xuống hạt giống các phạm trù và thức tỉnh tất cả mọi lực lượng ngái ngủ trong chúng. Nhưng ngọn lửa đã tắt, dững khí đã biến mất, nước nho ép ở trong quá trình lên men không kịp trở thành rượu nho nguyên chất đã chuyển hóa thành dấm chua. Con tàu mạnh dạn, vui vẻ nhảy trên sóng đã quay lùi lại, đi vào bến tàu cạn của niềm tin và đã lao sòng tào vào cát mạnh đến nỗi cả cho đến nay nó cũng không thể nhích đi được. Nó đang đứng ở chỗ ấy ngay cả bây giờ, và không ai nhận biết mớ đồ cũ kỹ vô dụng ấy là con tàu trước kia có hồi đã ra biển với những lá cờ phấp phới căng buồm. Buồm đã mục nát từ lâu, các cột buồm đã gãy, các con sóng lao vào những lỗ thủng há hốc và ngày càng lấp cát lên sòng tào.

Chúng ta hãy quay ánh mắt của chúng ta khỏi tác dụng phá hoại đó của thời gian. Có những sự vật hấp dẫn hơn mà chúng ta có thể xem xét. Người ta sẽ không chỉ cho chúng ta thấy đồ cũ kỹ ấy, khẳng định rằng đây là con tàu duy nhất có thể chịu được cuộc đi biển vào lúc ở một bến cảng khác đang đậu cả một đoàn tàu chiến kiêu hãnh đang chuẩn bị đi ra biển khơi. Lối thoát của chúng ta, tương lai của chúng ta ở đâu đó tại một chỗ khác. Hê-ghen là người đã mở ra cho chúng ta kỷ nguyên mới của ý thức, vì ông đã hoàn tất kỷ nguyên cũ. Đáng chú ý là chính giờ đây ông đã bị tấn công từ hai phía; từ phía tiền bối Sê-linh của mình và từ phía người kế thừa nhỏ tuổi hơn của mình là Phoi-ơ-bắc. Nếu Phoi-ơ-bắc chê Hê-ghen về việc ông chưa sa lầy sâu trong cái cũ, thì ông lẽ ra phải chú ý rằng việc ý thức cái cũ đã là mới, rằng cái cũ đi

vào lĩnh vực lịch sử chính vì nó đã hoàn toàn được nhận thức. Do đó, trong thực tế Hê-ghen là cái mới với tư cách cái cũ và là cái cũ với tư cách cái mới, và như vậy sự phê phán của Phoi-ơ-bác đối với đạo Cơ Đốc là sự bổ sung cần thiết cho học thuyết tư biện mà Hê-ghen đã lập lên về tôn giáo. Học thuyết về tôn giáo đã đạt tới đỉnh cao ở Stơ-rau-xơ; và thông qua lịch sử của chính nó, về *khách quan*, giáo điều đang được giải quyết trong tư tưởng triết học. Trong lúc đó, Phoi-ơ-bác quy các tính quy định tôn giáo vào các quan hệ *chủ quan* của con người, nhưng đồng thời chẳng những không thủ tiêu các kết luận của Stơ-rau-xơ, mà chính là thẩm tra chúng, và cả hai người đó đều đi tới cùng một kết luận rằng bí mật của thần học là nhân chủng học.

Bình minh mới, bình minh lịch sử toàn thế giới đang lên, giống như cái bình minh khi mà ý thức Hy Lạp xán lạn, tự do xuyên qua hoàng hôn của phương Đông. Mặt trời đã mọc, và từ tất cả mọi đỉnh núi những ngọn lửa tế thần đã chào đón nó, và việc mặt trời mọc lên đã được tiếng tù và vui vẻ báo hiệu từ tất cả các tháp canh. Loài người với nỗi buồn nhớ đã chờ đợi ánh sáng của nó. Chúng ta đã tỉnh dậy sau một giấc ngủ dài, cơn ác mộng đè ép ngực chúng ta đã bị xua tan, chúng ta lau mắt và ngạc nhiên nhìn xung quanh. Tất cả đã thay đổi. Thế giới mà đến nay xa lạ với chúng ta như vậy, giới tự nhiên mà các lực lượng tiềm ẩn của nó đã làm chúng ta sợ hãi như những bóng ma, – giờ đây chúng trở nên thân thiết, gần gũi với chúng ta biết nhường nào! Thế giới mà chúng ta từng cảm thấy như là một nhà tù nào đó, giờ đây đã xuất hiện dưới ánh sáng đích thực, như là một cung điện nhà vua kỳ diệu mà tất cả mọi người – giàu và nghèo, quý phái và dân thường – đều có thể đến được. Giới tự nhiên đang mở ra trước mắt chúng ta và kêu gọi chúng ta: Các bạn đừng chạy trốn tôi, tôi không bị ruồng bỏ, tôi không từ bỏ chân lý, các bạn hãy đến xem, vì rằng chính bản

chất bên trong của bản thân các bạn cho tôi sức sống và vẻ đẹp thanh xuân! Bầu trời buông xuống mặt đất, các báu vật của nó phân tán ra như đá trên đường, và chúng ta chỉ cần cúi xuống nhặt chúng lên. Mọi sự xé nát, mọi nỗi sợ hãi, mọi sự phân biệt đều đã biến mất. Thế giới lại trở nên trọn vẹn, độc lập và tự do; nó đã đập vỡ những chỗ tắc nghẽn của tu viện tăm tối của mình, vứt bỏ khỏi mình quần áo sấm hối và chọn cho mình bầu thình không tự do, trong sạch làm nhà ở. Nó không còn cần phải thanh minh trước sự thiếu lý trí đã không thể nhận thức được nó; sự sang trọng và hùng vĩ của nó, sự trọn vẹn và sức mạnh của nó, cuộc sống của nó tự chúng là điều biện hộ cho nó. Và người nào cách đây mười tám thế kỷ từng ngỡ vực một cách lơ mờ rằng thế giới, vũ trụ sẽ có lúc lấn át mình, người đó đã khuyên các học trò của mình từ bỏ thế giới đó, thì người ấy đã có lý.

Và đứa con thân yêu nhất của giới tự nhiên, con người, sau một cuộc đấu tranh lâu dài ở tuổi thanh xuân và sau những cuộc lang bạt lâu dài ở đất khách quê người đã trở về với người mẹ của mình như là một bậc hảo hán tự do và bảo vệ bà mẹ ấy chống các bóng ma của kẻ thù đã bị đánh bại trong cuộc đấu tranh, cũng đã nén chịu đựng sự phân đôi của chính mình, sự phân liệt trong ngực của chính mình. Sau cuộc đấu tranh lâu dài mệt mỏi và những nỗi khát khao, một ngày tự ý thức sáng ngời đã xuất hiện trên đầu người đó. Và người đó đứng đấy, tự do và mạnh mẽ, tự tin và kiêu hãnh, vì người đó đã qua cuộc chiến đấu chủ yếu nhất, người đó sẽ giành thắng lợi đối với chính mình và quàng lên đầu mình vòng nguyệt quế tự do. Đối với người đó, tất cả đều đã trở nên rõ rệt, và không có một sức mạnh nào có thể lẩn trốn vào đâu đó để tránh người đó. Mãi giờ đây người đó mới nhận thức được đời sống chân chính. Những điều mà trước kia con người đó hướng tới chỉ một cách lơ mờ, thì giờ đây họ đạt được toàn bộ, theo ý chí tự do

của mình. Những cái mà tưởng như đã nằm bên ngoài con người đó, những cái mà con người đó tưởng là ở trong đám mây mù xa xăm thì con người đó đang phát hiện ra trong mình như là máu thịt của mình. Con người đó không coi là cái giá quá đắt những gì mà con người đó đã trả bằng dòng máu tốt nhất của trái tim mình, vì vòng nguyệt quế đã đáng giá dòng máu đó. Một thời gian dài chăm sóc không qua đi một cách vô ích đối với con người đó, vì cô dâu kiều hãnh, tuyệt đẹp mà giờ đây con người ấy dẫn về nhà mình lại chỉ càng trở nên thân yêu đối với người đó. Của báu, vật thiêng liêng mà người đó đã tìm thấy sau sự tìm kiếm lâu dài đã là sự trả công xứng đáng với nhiều sự mò mẫm. Và vòng nguyệt quế đó, cô dâu đó, vật thiêng liêng đó là sự *tự ý thức của loài người* – cái bát ngọc mới¹⁶⁶ mà xung quanh ngai vàng của nó, các dân tộc hân hoan tập hợp và làm cho tất cả mọi người trung thành với nó trở thành những ông vua, ném toàn bộ sự hùng vĩ và toàn bộ sức mạnh, toàn bộ tâm vĩ đại và toàn bộ sự hùng cường, toàn bộ vẻ đẹp và sự trọn vẹn của thế giới đó xuống chân họ và bắt phải phục vụ niềm vinh quang của họ. Chúng ta có nhiệm vụ phải trở thành hiệp sĩ của cái bát ngọc ấy, đeo gươm bên hông để phục vụ nó và vui vẻ hiến dâng cuộc sống của chúng ta trong cuộc chiến tranh thần thánh cuối cùng mà tiếp sau đó ắt sẽ là vương quốc tự do ngàn năm. Và đó là sức mạnh của tư tưởng cho rằng bất cứ ai đã nhận thức được nó đều không thể thôi ca ngợi nó và thông báo về sự hùng mạnh vạn năng của nó, rằng người đó vui lòng và vui mừng bác bỏ tất cả những điều còn lại, nếu nó đòi hỏi thế, rằng người đó sẵn sàng hy sinh thân thể và tính mạng của mình, của cải của mình và máu của mình để thể hiện nó, một mình nó vào cuộc sống. Ai đã ngắm nhìn nó dù chỉ một lần, nó đã xuất hiện với ai dù chỉ một lần trong cảnh tĩnh mịch ban đêm trong toàn bộ sự lộng lẫy của nó, người đó không thể từ giả nó, người đó phải đi theo nó, dù nó dẫn anh ta đến

đâu, – dù thậm chí đến cái chết. Vì người đó biết về sức mạnh của nó, biết rằng nó mạnh hơn tất cả trên trời và trên trái đất, rằng nó mở đường một cách thắng lợi qua hàng hàng lớp lớp tất cả những kẻ thù chặn đường nó. Và niềm tin ấy vào sự hùng mạnh vạn năng của tư tưởng, vào thắng lợi của chân lý vĩnh cửu, niềm tin sắt đá ấy cho rằng nó sẽ không bao giờ dao động, không bao giờ đi chệch con đường của mình, dù toàn thế giới quay lại chống nó, – đấy là tôn giáo chân chính của mỗi nhà triết học đích thực, đấy là cơ sở của triết học thực chứng đích thực, triết học lịch sử toàn thế giới. Chính nó là sự mặc khải cao nhất – sự mặc khải của con người cho con người, sự mặc khải trong đó mọi sự phủ định có tính chất phê phán đều chứa đựng cái khẳng định. Sức ép và bão táp ấy của các dân tộc và các anh hùng, - sức ép và bão táp mà ý niệm bay lượn lên trên chúng trong thế giới vĩnh cửu để cuối cùng hạ xuống chính trung tâm cuộc đấu tranh đó và trở thành linh hồn sâu sắc nhất, sống động nhất, đã đi tới tự ý thức của nó, – đó là nguồn gốc của mọi sự cứu rỗi và chuộc tội, đó là vương quốc trong đó mỗi người chúng ta đều phải đấu tranh và hành động trên cương vị của mình. Ý niệm, sự tự ý thức của loài người chính là con phượng hoàng kỳ diệu tổ chức cho mình đám lửa từ cái quý báu nhất trên thế gian này, và sau khi đã trở lại, nó lại một lần nữa đứng dậy từ trong ngọn lửa đã thủ tiêu thời cổ.

Chúng ta sẽ mang đến cho đám lửa của con phượng hoàng ấy tất cả những gì quý báu đối với chúng ta, tất cả những gì chúng ta yêu mến, tất cả những gì thiêng liêng và cao siêu đối với chúng ta, trước khi chúng ta trở thành những người tự do! Dù sẽ không có tình yêu, lợi lộc, giàu có cho chúng ta, những cái đó chúng ta sẽ vui mừng không đem hy sinh cho ý niệm - nó sẽ đền đáp cho chúng ta gấp trăm lần! Chúng ta sẽ đấu tranh và đổ máu của mình, sẽ đứng cảm nhìn vào những con mắt tàn khốc của kẻ thù và chiến đấu đến hơi thở cuối cùng! Chẳng lẽ

các vị không thấy những lá cờ của chúng ta phấp phới trên các đỉnh núi hay sao? Không thấy gương của các đồng chí chúng ta sáng loáng, những chiếc lông chim trên mũ của họ rung rinh hay sao? Đoàn quân của họ đang ập tới từ mọi phía, họ vội đến với chúng ta từ các thung lũng, họ đi từ trên núi xuống, vừa đi vừa hát trong tiếng tù và. Ngày quyết định vĩ đại, ngày chiến đấu của các dân tộc đang tới gần, và thắng lợi sẽ thuộc về chúng ta!

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối năm 1841-
đầu năm 1842*

*Đã in thành sách không nêu tên tác giả ở
Lai-pxích năm 1842*

*In theo bản in trong cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức*

**SÊ-LINH – NHÀ TRIẾT HỌC TRONG KI-TÔ,
HOẶC VIỆC CẢI BIẾN ĐẠO LÝ
THỂ TỤC THÀNH ĐẠO LÝ THẦN THÁNH
DÀNH CHO NHỮNG TÍN ĐỒ CƠ ĐỐC GIÁO SÙNG ĐẠO
KHÔNG BIẾT CÁCH DÙNG TỪ TRIẾT HỌC**

"Ta bảo anh em, ở trên thiên đường một người có tội biết sám hối còn vui hơn là chín mươi chín người mộ đạo không cần sám hối" (Lu-ca, 15.7).

Lời nói đó của chúa được nhớ tới khi đề cập đến Sê-linh, vì trong ông ta thể hiện một cách hiển nhiên những phép mầu phúc âm thần thánh để tên của chúa được ca ngợi. Vì chúa thương xót ông ta giống như ông ta có hồi đã thương xót thánh Pôn, người mà trước khi quay lại cũng đã đi tàn phá các công xã và thả ra những lời đe dọa và giết chóc đối với những học trò của chúa. Còn khi ông ta đến gần Đa-ma-xơ, ông ta bỗng nhiên được ánh sáng chiếu rọi và ông ta phủ phục xuống; còn chúa thì bắt chuyện với ông ta và lôi kéo ông ta về phía mình, thành thử ông ta lập tức tin ngay, làm dấu thánh và thuyết giáo vì chúa cho tất cả các dân tộc và ông ta đã trở thành công cụ được lựa chọn trước chúa. Như vậy là lòng từ bi của vị cứu tinh đã giơ bàn tay của mình trên đầu Sê-linh, và đến lúc nào đó ánh sáng vĩ đại soi sáng ông ta. Vậy ai - do sự tiên kiến của con người - lúc nào đó có thể đoán trước rằng con người mà vào đầu thế kỷ này cùng với người bạn lúc ấy của mình, *Hê-ghen* nổi tiếng, đã đặt cơ sở cho đạo lý thể tục đáng khinh bỉ mà giờ đây không còn trong bóng tối, nhưng giữa ban ngày thì làm hại mọi người

bằng những mũi tên của mình – rằng con người ấy lúc nào đó sẽ cầm lấy chiếc thánh giá của mình và đi theo Ki-tô? Nhưng chuyện đã xảy ra đúng như vậy. Người đang chỉ đạo trái tim con người như lái những dòng nước, đã chọn cả ông ta do lòng từ bi của mình và chỉ đợi giờ thích đáng để lôi kéo ông ta về phía mình. Và giờ đây người ấy đã làm việc đó, khai sáng ông ta và thu nạp ông ta vào số chiến hữu của mình trong cuộc đấu tranh chống thái độ không mộ đạo và tư tưởng vô thần. Điều đó không còn nghi ngờ gì nữa; ông ta tự mình tuyên cáo điều đó từ bục giảng cho những người theo đạo: Các vị hãy đến, hãy nhìn và hãy ca ngợi lòng từ bi của chúa đối với tôi! Đúng, đội canh phòng ở I-xra-en không ngủ và không ngái ngủ, chúa cổ xưa còn sống làm cho những người hay giễu cợt tức tối, và chúa còn tạo ra những điềm và phép mầu cho tất cả những ai muốn thấy. Họ, những người vô thần, làm âm ỉ và tự nhủ trong lòng mình: không có chúa; nhưng người sống trên thiên đường đang cười họ, và chúa đang chế nhạo họ. Chúa chiến thắng họ từ khi tồn tại thế giới, và chúa sẽ thắng họ vĩnh viễn. Chúa cai trị bằng bàn tay mạnh và ở khắp nơi chúa đã dựng lên cho mình những công cụ để ca ngợi tên tuổi của mình. Và giờ đây chúa lại thắng một cách rực rỡ những nhà triết học luôn luôn làm cho chúa ghê tởm và bằng cách chọn trong giới họ người tốt nhất và có năng lực nhất, người thực sự đặt nền móng cho học thuyết của họ, biến anh ta thành người đầy tớ của mình. Vì qua những tác phẩm trước đây của Sê-linh ta thấy rõ như ban ngày rằng, trước kia bản thân ông ta trong dáng vẻ quả thật thảm hại, đã lún sâu trong cái gọi là thuyết phiếm thân này, trong việc thần thánh hóa này đối với thế giới và đối với chính mình. Có điều ông ta chưa hiểu thích đáng mối liên hệ qua lại của toàn bộ và chưa biết rõ con đường đó sẽ dẫn tới đâu. Mong ông ta cảm ơn chúa về việc chúa đã đưa ông ta đi chệch con đường ấy và lái vào một con đường hẹp dẫn tới trời và, như vậy, đã thể hiện rõ hơn

cả trong ông ta sự hùng mạnh của mình bất chấp tất cả mọi kẻ thù của tín ngưỡng. Giờ đây họ không còn có thể nói: chúa của các vị ở đâu? Chúa đang tìm gì? Chúa đang lang thang ở đâu? Vì sao chúa không tạo nên nhiều phép mầu nữa? Vì rằng chúa đang ở đây, bàn tay của chúa, giống như tia chớp, hạ xuống đám đông bọn họ và biến nước thành lửa, biến đen thành trắng, biến cái không chính nghĩa thành cái chính nghĩa. Vậy ai còn có thể phủ nhận rằng ở đây thấy có ngón tay của chúa?

Nhưng chưa phải đã hết. Bằng cách kêu gọi Sê-linh, chúa đã chuẩn bị thêm cho chúng ta cả một thắng lợi khác đối với những kẻ vô thần và những kẻ báng bổ chúa. Chúa đã chọn đích danh Sê-linh, vì với tư cách là người nắm được đạo lý của thế giới này, Sê-linh thích hợp hơn cả để lật đổ những nhà triết học kiêu hãnh, ngạo mạn, và như thế, do lòng từ bi và lòng mến yêu vô hạn của mình, ông ta đã mở ra cho họ một con đường, mà đi con đường ấy họ có thể trở về với chúa. Có thể đòi hỏi ở chúa nhiều hơn nữa hay không? Những kẻ phỉ báng chúa, điên cuồng bác bỏ sự tồn tại của chúa, những người là kẻ thù điên rồ nhất, điên cuồng nhất, kịch liệt nhất của chúa thì thay vì xóa sạch họ khỏi mặt đất và quẳng họ vào vực sâu địa ngục, chúa không ngừng chìa tay phải cứu rỗi để đưa họ ra ánh sáng từ vực thẳm chết chóc, nơi họ đang ở; vì rằng phúc âm của chúa trải ra tất cả bầu trời, từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, và lòng từ bi của chúa là vô tận. Ai có thể chống lại sự chịu đựng lâu dài như vậy và tình yêu như vậy? Nhưng trái tim của họ đã trở nên tàn nhẫn và chai sạn trong tội lỗi đến mức cả giờ đây họ vẫn còn xua đẩy bàn tay muốn cứu vớt họ – họ bị mù quáng bởi những cám dỗ của thế gian và bởi quỷ dữ, của lòng kiêu hãnh của chính họ biết dường nào. Họ đào cho mình những cái giếng không đáy và bác bỏ nguồn sống chảy trong máu của Ki-tô. Họ bịt tai mình, bác bỏ sự cứu vớt đến từ trên cao; những cái không hợp lòng chúa đem lại cho họ niềm vui.

"Nét mặt của họ chứng tỏ điều chống lại họ, và họ kể một cách công khai tội lỗi của mình như dân thành Xô-dôm, không che giấu: khôn khổ thay cho tâm hồn của họ! vì chính họ chuốc lấy cái xấu cho mình" (I-xai-a, 3.9).

Nhưng chúa vẫn không ngừng kêu gọi họ đến với mình để họ không có bất cứ lời thanh minh nào. Qua Sê-linh, chúa cho họ thấy lý trí của con người yếu đuối và nhỏ bé dường nào. Nếu giờ đây họ không quay lại, thì toàn bộ tội lỗi chỉ rơi vào họ, và họ sẽ không thể nói rằng họ không biết kinh Phúc âm.

Mà vì chúa đã làm nên sự nghiệp hết sức vĩ đại và đã đem lại cho toàn bộ thế giới Cơ Đốc giáo một cái diễm có tác dụng an ủi rằng chúa gần gũi và không muốn để họ lâm vào cảnh túng thiếu và những cuộc vật lộn của thế giới này, nên mọi người có đạo đều phải chăm lo báo tin vui này cả cho những người anh em của mình sao cho đẹp lòng Ki-tô. Nhưng vì hiện nay Sê-linh đã trình bày niềm tin của mình vào Ki-tô dưới dạng các bài giảng¹⁶⁵, nên một mặt, niềm tin ấy chỉ được một số ít người biết, mặt khác, nó được biểu đạt bằng ngôn ngữ triết học chuyên môn khó đến mức chỉ có những người từng nghiên cứu lâu dài đạo lý thế tục là hiểu được mà thôi, thứ ba, nhiều cái nhằm đối tượng là các nhà triết học, còn những cái khác thì nhằm đối tượng là những người có đạo, thành thử các tín đồ Cơ Đốc giáo chất phác sẽ khó hiểu được tất cả những điều đó. Vì vậy, người viết những dòng này cho là không thừa nếu vẫn không nhàn tản trong vườn nho của chúa, trình bày một cách ngắn gọn và rõ ràng thực chất vấn đề cho tất cả những người không có thời gian, cũng không có hứng thú làm cái việc nghiên cứu một cách vô bổ cái đạo lý thế tục, thế nhưng lại muốn biết chính xác điều gì đã xảy ra với Sê-linh nổi tiếng. Và xin chúa chúc phúc cho việc làm này để nó mang lại lợi ích cho sự trị vì của chúa.

Nhưng cần phải nhận xét trước rằng Sê-linh tuy có công lao đối với đạo Cơ Đốc chân chính, nhưng vẫn không thể hoàn toàn

từ bỏ đạo lý sai lệch trước đây của ông ta. Một số quan điểm của ông ta còn buộc phải giả định rằng ông ta vẫn chưa thể hoàn toàn khắc phục được sự kiêu ngạo lý trí của chính ông ta và rằng dường như ông ta còn hơi hồ thẹn phải thừa nhận một cách đầy đủ trước thiên hạ sự thay đổi đã diễn ra trong ông ta một cách hoàn toàn thích thú và biết ơn đối với Ki-tô. Chúng tôi sẽ không quá coi trọng điều đó; người nào đã từng thể hiện một cách kỳ diệu như vậy sự biết ơn đối với ông ta, sẽ rửa sạch cả cái vết này của ông ta; người nào đã bắt đầu công việc thì người đó cũng sẽ làm đến nơi đến chốn. Nhưng người chiến sĩ dũng cảm đấu tranh cho sự thật mà chúng ta nói đến, hãy nhớ lại cái dầm này trong thân thể mình, khi con quỷ kiêu ngạo thắng và cám dỗ ông ta. Mong ông ta thôi kiêu hãnh với triết học trước đây của mình, thứ triết học chỉ để ra những sự say đắm vô thần, và mong ông ta chỉ tự hào về người mà do lòng từ bi tự do vô hạn đã làm cho ông ta thoát khỏi sự tử nạn đó.

Điều thứ nhất mà Sê-linh đã làm ở đây trên bục giảng là ông ta trực tiếp và công khai tấn công triết học và làm cho triết học mất cái cơ sở của nó là lý trí. Ông ta đã chứng minh cho họ bằng những lý lẽ cực kỳ có sức thuyết phục vay mượn từ kho vũ khí của chính họ, rằng lý trí tự nhiên không đủ sức chứng minh thậm chí tồn tại của một cọng cỏ nào đó; rằng bằng tất cả mọi bằng chứng, lý lẽ và suy lý của mình, ông ta sẽ không nhủ được ai, và rằng ông ta không thể nào vươn lên tới thần thánh, vì do sự vụng về của mình, ông ta luôn luôn ở lại trên mặt đất. Tuy chúng ta đã biết được điều đó từ lâu, nhưng điều đó chưa được nói lên một cách hoa mỹ và rành mạch như thế cho những nhà triết học bướng bỉnh. Ông ta đã làm điều đó trong cả một hệ thống rộng lớn cái gọi là triết học phủ định, trong đó ông ta giải thích hoàn toàn rõ ràng cho họ rằng lý trí của họ chỉ có thể nhận thức cái có thể, nhưng không thể nhận thức được cái gì thực tế cả, lại càng ít có thể

nhận thức được chúa và những bí mật của đạo Cơ Đốc. Cái công trình mà ông ta đã hết lòng hết sức vì nó, ngụ ý nói đến một đối tượng hết sức vô bổ như là những bóng ma đạo lý thế tục, đáng được sự biết ơn to lớn vì sự trị vì của chúa. Vì chừng nào những nhà triết học ấy còn có thể khoe khoang lý trí của mình thì không thể đối phó với họ được. Song giờ đây, khi họ đã được chứng minh cả từ quan điểm của chính họ rằng lý trí của họ hoàn toàn không thể dùng được để nhận thức cái chân thực và chỉ tạo ra những điều tưởng tượng trống rỗng, nhằm nhĩ, hoàn toàn không có quyền tồn tại, thì cần có đầu óc đã trở nên tàn nhẫn và cái đầu đã bạc tóc trong tội lỗi để tiếp tục theo học thuyết đa thần giáo, và rất có thể là với sự phù hộ của thần thánh mà người này hoặc người kia sẽ từ bỏ cách xử sự xấu xa. Điều rất xác đáng, và điều này cần phải thường xuyên nhắc đi nhắc lại, là lý trí đã trở nên u ám của con người hoàn toàn không vững vàng và không xứng đáng được lời khen mà nó phải có trước chúa, vì thành trì chủ yếu của những người không theo đạo là lời khẳng định rằng lý trí của họ nói với họ điều khác với lời của chúa. Nhưng tội phạm thánh đối với đáng tối cao là việc muốn nhận thức đáng tối cao, kẻ thù của mọi tội lỗi, thông qua lý trí đã bị tội lỗi làm hoen ố và làm lóa mắt, và thậm chí muốn đặt lý trí để chấp nhận mọi niềm vui trần thế, bị mọi cám dỗ của quỷ xa-tăng ấy, cao hơn bản thân chúa; nhưng đó chính là điều những người thông thái trên trần gian đang làm khi họ phê phán lời của chúa bằng lý trí hư hỏng của mình, bác bỏ cái họ không thích, và thậm chí không chỉ dùng bàn tay phạm thượng xúc phạm tính chất thần thánh của kinh thánh, mà còn phủ nhận sự tồn tại của bản thân chúa, để thần thánh hóa chính mình thay vào chúa. Những hệ quả tự nhiên của việc lý trí, như hồi nào đó, trong những ngày đẫm máu của cuộc cách mạng Pháp, biểu hiện ra như một người phụ nữ dâm dăng ngồi lên ngai chúa và dâm phê phán những chỉ thị của vị chúa tể vạn năng của thế giới là

như vậy. Chính ở đây cần sự chữa trị, hơn nữa, không phải chữa trị hồi hợt mà là chữa trị chặn đứng cái ác tận gốc rễ. Chẳng lẽ người ta đặt miếng vá mới lên quần áo cũ hay sao? Làm sao dung hòa được Ki-tô với Ve-li-an? Điều đó không thể làm được, đó là sự báng bổ chúa, khi người ta muốn dùng lý trí tự nhiên để hiểu thấu cái chết chuộc tội của chúa, hiểu thấu sự phục sinh và việc lên thiên đường. Vì vậy, cần phải kiên quyết bắt đầu hành động cùng với *Sê-linh* và dồn đuổi lý trí từ đạo Cơ Đốc sang đa thần giáo, vì đây là chỗ đứng của nó, ở đây lý trí có thể nổi dậy chống chúa và coi là thần thánh cái thế giới cùng với những của nợ và lòng tham của nó mà chúng ta đã từ bỏ, có thể tha thứ tất cả mọi tội lỗi và tệ nạn, những nỗi khủng khiếp của nạn nghiện rượu và thói phóng dăng, như là những đức hạnh và sự cúng tế, và coi sự tự sát của Ca-tô, sự không trinh tiết của Lai-xa và A-xpa-xi-a, việc Bru-tút giết người bà con của mình, chủ nghĩa khắc kỷ của Mác A-vre-li và việc ông ta diên cuồng bức hại những tín đồ đạo Cơ Đốc là mẫu mực cho loài người. Lúc đó ông ta rõ ràng là mâu thuẫn với đạo Cơ Đốc, và mọi người đều biết ông ta là người như thế nào. Nhưng sự ranh mãnh chủ yếu của người cám dỗ là ở chỗ ông ta lén lút đưa lý trí vào đạo Cơ Đốc, nơi mà sau đó ông ta để ra những đứa con bất hợp pháp đáng yêu, cụ thể là: giáo lý Pê-la-giô, giáo lý Xô-xanh¹⁶⁷, chủ nghĩa duy lý¹⁶⁶ và thần học tư biện.

"Nhưng chúa đã chọn cái đại dột ở thế gian để làm cho những kẻ khôn ngoan phải xấu hổ" (Bức thư thứ nhất gửi giáo dân Cô-rin-tơ, 1,27); vì vậy "con người tốt bụng không chấp nhận những cái từ thần linh của chúa, vì họ coi điều đó là sự điên rồ, mà điều đó cần phải xét đoán nhờ thần linh" (Bức thư thứ nhất gửi giáo dân Cô-rin-tơ, 2,14).

Cần phải thừa nhận là đích thực của Cơ Đốc giáo cái ý muốn mà *Sê-linh*, trong khoa học thuần túy của lý trí – chính là triết học phủ định – , không cho phép lý trí tăng bốc mình bằng bất

cứ cách nào, mà hạ thấp lý trí và làm cho lý trí quy phục một cách sâu sắc để lý trí đi tới chỗ ý thức được sự yếu kém và tội lỗi của mình và trong khi bày tỏ sẵn sàng sám hối, hướng tới sự từ bi, vì chỉ có sự từ bi mới có thể thần thánh hóa, khai sáng và hồi sinh lý trí như thế nào để nó trở nên có năng lực nhận thức chúa. Đóng đinh lý trí vào thánh giá khó hơn và do đó quan trọng hơn đóng đinh xác thịt lên thánh giá. Xác thịt dù sao cũng phục tùng lương tâm đã đem lại cho cả những người đa thần giáo để chế ngự những nhục dục của họ và dưới dạng quan tòa nội tâm xét xử tội lỗi của họ; còn lý trí thì đặt mình cao hơn lương tâm và thậm chí chung sống rất tốt với lương tâm, và chỉ có tín đồ đạo Cơ Đốc là có khả năng đặt ách tín ngưỡng mềm mại lên nó. Nhưng kinh thánh đòi hỏi chúng ta điều đó và ở đây bất kỳ sự phản bác hoặc cố thoái thác nào cũng không có ý nghĩa: hoặc là hãy bất lý trí của mình phục tùng niềm tin hoặc là hãy chuyển sang phía trái, đến với những phần tử xấu (những kẻ độc ác nhất trong số những người tự thần thánh hóa, dường như để giễu cợt gọi mình là phía *tả*), thế là ta đứng đúng chỗ!

Bằng cách đó *Sê-linh* giờ đây đã đặt cơ sở cho mình. Tất cả mọi tàn tích của đa thần giáo mà trong thời đại chúng ta lại được ca tụng và được mạo nhận là chân lý mới, tất cả mọi con đẻ bị bóp méo của lý trí không trình bạch, dâm dăng đều đã bị trừ bỏ, và giờ đây những người nghe ông ta giảng có thể tiếp nhận dòng sữa Kinh phúc âm vào người. Con đường đúng đắn là như vậy. Đã có thể vạch mặt những người đa thần giáo thông qua những sự khoái lạc và đam mê trần tục của họ, nhưng các nhà triết học của chúng ta, ít ra là giờ đây, đang làm ra vẻ họ còn muốn thừa nhận đạo đức Cơ Đốc giáo. Vì thế, nếu các tông đồ đòi hỏi những người đa thần giáo để trái tim của họ sẵn sàng sám hối, ân hận, bị đập vỡ và tan nát, thì đối với những người thông thái trần tục ngạo mạn của thời đại hiện nay cần phải

đòi hỏi lý trí của họ sẵn sàng sám hối, bị làm nhục và bị đập nát trước khi họ trở nên có khả năng hưởng ân tứ phúc âm. Và bằng cách như vậy; *Sê-linh* mãi giờ đây mới có thể xét đoán đúng về người đồng chí vô thần trước kia của mình, về *Hê-ghen* đã bị làm nhục. Vì rằng ông *Hê-ghen* ấy tự hào về lý trí đến mức ông thẳng thắn tuyên bố lý trí là chúa, khi ông thấy rằng do lý trí mà ông không thể đi đến vị chúa khác, chúa chân chính, đứng cao hơn con người. Chính vì vậy mà *Sê-linh* tuyên bố công khai rằng ông ta không muốn biết con người ấy và học thuyết của con người ấy nữa, và hoàn toàn không tiếp tục đề cập đến người ấy nữa.

Còn sau khi lý trí đã quy phục và bày tỏ nguyện vọng muốn tiếp nhận sự cứu thế, thì nó lại có thể vươn lên cao và được tinh thần của chân lý khai hóa. Điều đó diễn ra trong triết học thực chứng¹⁴², nơi mà thông qua tư duy tự do, nghĩa là tư duy đã được khai sáng, nhờ có mặc khải thần thánh mà lý trí được phép đi tới những ân tứ của đạo Cơ Đốc. Còn giờ đây, khi lý trí bắt đầu hiểu được thế giới tối cao, nó lập tức hiểu thấu toàn bộ mối liên hệ kỳ diệu được mở ra trong lịch sử sự trị vì của chúa, và những cái mà trước đây nó tưởng là không thể hiểu thấu được thì nay rõ ràng và dễ hiểu, dường như không thể khác thế được. Vì chỉ có những con mắt được chúa khai sáng mới trở nên những con mắt thực sự và đã sáng ra; còn ở những nơi ngự trị bóng tối và những khoái lạc cùng đam mê trần tục thì không ai có thể thấy gì cả. *Sê-linh* lý giải tác động của phúc âm đó, nói rằng triết học ấy chỉ tồn tại đối với những người muốn lĩnh hội nó và những người sáng suốt và rằng triết học ấy tìm thấy sự khẳng định của mình trong mặc khải. Vậy đối với những người không tin mặc khải thì triết học cũng không tồn tại. Nói cách khác, đúng ra, đó không phải là triết học thực sự, nhưng tên gọi ấy được lựa chọn chỉ để cho những người thông thái trần tục,

vì trong kinh thánh có nói: "hãy sáng suốt như những con rắn và giản dị như những con bò cạp" (Ma-thi-ơ, 10, 16); còn về tất cả những mặt khác thì đó là đạo Cơ Đốc chân chính và đích thực, như chúng ta sắp thấy rõ. *Sê-linh* đã đưa trở lại thời buổi tốt lành cũ, khi mà lý trí bị tín ngưỡng giam hãm, và đạo lý trần tục phục tùng thần học, đạo lý thần thánh, như là người đầy tớ, được cải biến thành đạo lý thần thánh, "vì ai nâng mình lên cao thì người đó sẽ bị hạ nhục; còn người nào hạ thấp mình thì người đó sẽ được đề cao" (Ma-thi-ơ, 23, 12).

Đi theo con đường tư duy được khai sáng đó, nhân vật đáng kính mà chúng tôi nói đến ấy lập tức đi tới học thuyết cơ bản chân chính của toàn bộ đạo Cơ Đốc, cụ thể là đến chúa ba ngôi. Đối với bạn đọc sợ chúa, không thể đòi hỏi người đó cũng đi theo chính con đường ấy, vì người đó biết và tin rằng con đường ấy chỉ có thể dẫn tới chân lý; điều đó được nói ra chỉ để cho những người không tin đạo, để cho họ thấy làm thế nào họ có thể đi tới chân lý và lý trí của họ phải được thanh lọc và thần thánh hóa đến mức nào để có khả năng nhận thức và hiểu thấu sự chuộc tội trong Giê-xu Ki-tô. Vì thế chúng tôi sẽ không nói đến những chuyện đó, vì rằng chúng không cần cho những người tin đạo để nhận thức sự cứu rỗi. Vậy là, tuân theo kinh thánh, *Sê-linh* mô tả Thượng đế đã sáng tạo ra thế giới từ hư vô, và con người bị quỷ xa-tăng dưới dạng con rắn cám dỗ nên đã mất giống loài ban đầu của mình và đã trở thành miếng mồi của hầu tước bóng tối. Bằng cách đó ông ta đã tách toàn thế giới khỏi Thượng đế và giao thế giới cho quỷ xa-tăng chi phối. Tất cả những lực lượng trước kia được sự thống nhất thần thánh kìm giữ, giờ đây đã tan rã và trở nên đối địch không thể hòa với nhau, để quỷ xa-tăng có thể tung hoành trong thế giới. Có điều không nên để phương thức biểu hiện triết học của các nhà thần học chúng ta lừa bịp chúng ta. Trong thời kỳ vô thần của

chúng ta, các nhà thông thái trần tục không còn hiểu ngôn ngữ đơn giản, do chính chúa khơi gợi, của kinh thánh nữa; cần phải giảng dạy kinh thánh dưới một hình thức dễ hiểu đối với họ, chừng nào họ chưa thành thực đến mức hiểu được kinh thánh như đã được viết trong kinh thánh:

"... lạy cha, chúa của trời và đất, con ca ngợi người vì người đã che giấu những điều này không cho những người sáng suốt và có lý trí biết và đã mở những cái đó ra cho con trẻ" (Ma-thi-ơ, 11, 25).

Vì vậy, khi nói về "Về những thiên thần không giữ phẩm giá của mình, mà lại bỏ chỗ ở của mình" (Thư của Giu-đa, 6), về quỷ và về những băng nhóm vô thần của quỷ, *Sê-linh* dùng từ ngữ "những tiềm năng vũ trụ", có nghĩa là các vua chúa của thế giới này. Giờ đây, lẽ tự nhiên, thế giới không còn có thể được chúa thích nữa. Nói đúng ra, ông ta tách chúa khỏi mình, và ở những nơi ông ta hành động trong thế giới đó thì ông ta làm việc ấy trong sự phẫn nộ của mình và không có ý chí hoàn toàn tự do của mình. Nhưng chúa nhân từ vĩnh viễn không thể rời thế gian; chúa lời "mà muôn vật đều bởi đó mà có, và không có chúa lời thì chẳng có vật nào" (Giăng, 1, 3), người con độc nhất của chúa, ở lại cùng với tình yêu và phúc đức vô tận của mình trong thế giới nghèo nàn, bị ruồng bỏ. Những đau khổ của người đó bắt đầu từ tội tổ tông, chứ không phải chỉ từ việc hóa thành người của người đó dưới thời I-rốt, vì do tội tổ tông mà người đó bị gạt ra khỏi loài người, trong đó ông ta sống còn nhiều hơn chúa cha. Đúng, khi người con đặt mình giữa chúa đã nổi giận và thế gian đã sụp đổ mà chúa muốn tiêu diệt và đã đứng về phía thế gian, thì người con đã tách khỏi chúa cha và vì vậy mà bằng cách nào đó đã trở thành người đồng lõa với tội lỗi và không thể đề ra bất cứ yêu cầu nào đòi được có tâm vĩ đại thần thánh chừng nào chúa cha chưa dàn hòa. Mà sự nghiệp dàn hòa vĩ đại ấy, cuộc đấu tranh với vua chúa của thế giới này được ông ta bắt đầu dưới dạng phi thần

thánh và phi con người ấy, trong việc tách rời ấy với chúa cha, tạo nên sự đau khổ và đau đớn của ông ta. Chương 53 cuốn sách truyền của nhà tiên tri I-xai-a trong đó nói đến sự đau khổ hiện tại, chứ không phải sự đau khổ tương lai, cho thấy rõ hơn cả rằng sự lý giải ấy được kinh thánh biện minh. Và cuộc đấu tranh vĩ đại ấy bắt đầu trong đạo Do Thái và trong đa thần giáo. Lịch sử của nhân dân I-xra-en trong kinh Cựu ước chứng tỏ chúa chi phối đạo Do Thái như thế nào, và những con đường về vang mà chúa dẫn dắt nhân dân mình đi thì các tín đồ đạo Cơ Đốc biết rõ. Còn trong đa thần giáo thì sao? Có phải chính quỷ là chúa của những người đa thần giáo hay không? Chúng tôi sẽ cố gắng đưa ra lời giải đáp càng rõ ràng càng tốt về vấn đề này mà không đi chệch những lời viết trong kinh thánh.

Tất nhiên, mọi người đều đã nghe nói rằng cả ở những người đa thần giáo, trong các sách Xi-vi-lin¹⁶⁸ và ở một số chỗ nữa người ta đã thấy có những lời tiên đoán có liên quan tới Ki-tô. Vậy, ngay ở đây đã bộc lộ ra rằng những người đa thần giáo không bị chúa hoàn toàn rời bỏ như người ta thường nghĩ, vì nguồn gốc của những lời tiên đoán ấy có tính chất thần thánh. Nhưng như thế chưa phải đã hết. Vậy tại sao trong sự từ bi của mình chúa phải cho phép họ hoàn toàn lầm lạc và rơi vào nanh vuốt của quỷ như vậy? Vì rằng chính chúa cho phép trời mưa cho người hiền lành và người độc ác và cho phép mặt trời chiếu sáng cho những người chính trực và những người không chính trực cơ mà! Đúng, nếu những người đa thần giáo hoàn toàn không có sự che chở và sự lãnh đạo của chúa mà bị thần ác chi phối đến mức như vậy, thì tội của họ có nặng và có to lớn hơn tội lỗi của họ trong thực tế hay không? Lúc đó, liệu tất cả mọi khoái lạc đáng xấu hổ và những đam mê trái tự nhiên, những tội lỗi xác thịt, sự giết người, sự thông dâm, sự dâm dăng, sự trộm cắp, sự nham hiểm, sự trâng tráo có to tiếng gào thét với trời đến mức chúa

phải lập tức trừ diệt chúng hay không? Và liệu tự chúng có không đâm ra giết hại và cấu xé lẫn nhau hay không? Từ đó đã toát lên rằng chúa ắt hẳn thương hại cả những người đa thần giáo và ban tặng họ một ít ánh sáng từ trên cao, và điều đó thể hiện ở chỗ họ dần dần, – và như vậy bản thân họ không nhận thấy, – đi qua tất cả mọi nấc thang kính chúa, đã được đưa đến chỗ tôn sùng Ki-tô chân chính, tuy họ không biết rằng chúa của họ đồng nhất với chúa của các tín đồ đạo Cơ Đốc và người nào không được biết đến trong đa thần giáo thì nay đã là người như thế trong Cơ Đốc giáo. Còn những người không thừa nhận điều đó khi họ được thuyết giáo kinh phúc âm, từ đây họ cầu nguyện không phải là Ki-tô ẩn dật nữa, vì họ truy đuổi Ki-tô đã hiện diện, nhưng chúa của họ giờ đây đã là kẻ thù của Ki-tô – đó là quỷ. Công lao to lớn của *Sê-linh* ở chỗ ông ta là người đầu tiên cố gắng tìm kiếm biểu hiện sự quan tâm của nghệ thần thánh đối với những người đa thần giáo và bằng cách đó đền đáp sự khen ngợi mới cho tình yêu của Ki-tô đối với những người có tội.

Còn sau khi các tín đồ đạo Do Thái có ý thức, còn những người đa thần giáo thì không hề hay biết và dưới một hình thức sai lệch, được đưa tới chỗ nhận thức chúa chân chính, khi các lâu đài kiêu hãnh của thế giới Hy Lạp đã sụp đổ và bàn tay sắt của hoàng đế La Mã bắt đầu đè nặng lên toàn thế giới, – tới lúc đó chúa đã cử người con của mình đến để tất cả những ai tin chúa đều không chết, mà tìm được cuộc sống vĩnh hằng. Điều đó đã xảy ra như sau. Khi Ki-tô chi phối đa thần giáo, ông ta là chúa của đa thần giáo, nhưng không phải là chúa đích thực, ông ta không thể là chúa như vậy nếu thiếu chúa cha. Như vậy, ông ta đã giành lại thế giới từ tay quỷ và có thể làm với nó những điều ông ta muốn, ông ta có thể giữ thế giới cho mình và một mình ngự trị thế giới cả trong *hình ảnh chúa* ấy; nhưng

ông ta tự nguyện phục tùng, đã không làm điều đó, đã trao thế giới cho cha mình, từ bỏ hình ảnh chúa và trở thành con người.

"Là hình ảnh của Thiên chúa, nhưng Người chẳng nghĩ mình ngang hàng với Thiên chúa, song Người đã tự hạ, nhận lấy hàng tôi tớ, tự làm cho mình giống với phạm nhân và về hình hài đã trở thành giống với phạm nhân. Người còn tự kìm nén mình, Người đã vâng phục cho đến chết và đã chết trên thập giá" (Thư gửi giáo dân Phi-líp-pi 2, 6-8).

Còn có nhiều chỗ khác trong kinh thánh làm rõ và chứng minh sự đúng đắn của cách lý giải ấy và, như vậy, có thể hiểu toàn bộ một cách hoàn toàn đơn giản và đúng nguyên văn, không cần nhiều lần nói thêm và không cần đến sự uyên bác.

Tâm lớn lao của sự vâng phục của Ki-tô chính là ở chỗ chúa cứu thế có thể tự mình chiếm lĩnh trọn thế giới và tách khỏi chúa cha và ở chỗ chúa cứu thế không muốn làm như vậy, mà lại đặt dưới chân cha mình cái thế giới đã giành lại được ở con quỷ và đã chịu cái chết để chuộc tội cho nhiều người.

Ở đây chúng ta cũng thấy việc trần thuật về sự cám dỗ đối với Ki-tô có nghĩa gì. Nếu việc phục tùng chúa cha hay không phục tùng không phụ thuộc vào sự lựa chọn tự do của Giê-xu, thì con quỷ tuyệt nhiên sẽ không thể cám dỗ ông ta, vì nó phải biết rằng những điều đó dù sao cũng sẽ phí công vô ích. Vậy, cách lý giải dẫn ra trên đây của *Sê-linh* tất nhiên là đúng.

Như vậy, việc Ki-tô là chúa đích thực thì chúng ta đã nghe rồi, và giờ đây nhân vật uyên bác của chúng ta chuyển sang bản chất thứ hai, bản chất con người. Và ông ta tin một cách không gì lay chuyển được rằng Ki-tô thực ra là một con người đích thực, chứ không chỉ là một hình ảnh hoặc thần thánh giáng thế nhập vào con người vốn đang tồn tại, như nhiều người tà giáo nghĩ.

Trong khi Ki-tô bảo vệ thế gian trước chúa, nhận lãnh trách nhiệm về thế gian, ông ta hành động bên ngoài chúa và chống

lại chúa. Vậy, chừng nào thế gian lại chưa dần hòa với chúa, thì Ki-tô chưa phải là chúa, nhưng đã ở vào trạng thái trung gian, nhờ thắng lợi đối với đa thần giáo, trạng thái này đã trở thành hình ảnh thần thánh, nhưng tự nó không phải là trạng thái thần thánh đích thực. Để lại chuyển thành trạng thái ấy, Ki-tô phải trao cho chúa cha của mình cái thế gian mà ông đã giành lại được ở con quỷ, đã phải từ bỏ hình ảnh thần thánh và nhẫn nhục phục tùng chúa cha để nhận lấy sự trừng phạt về trạng thái không có pháp luật của thế gian. Ông ta đã thể hiện sự ẩn nhẫn đó bằng cách trở thành con người do một người đàn bà sinh ra, và ngoan ngoãn cho đến chết, thậm chí nhận cái chết trên cây thánh giá. Tất cả mọi sự thanh lọc và hy sinh đều không thể làm động lòng từ tâm của chúa và chỉ là bước dạo đầu của một sự hy sinh duy nhất, vĩ đại, trong đó không chỉ cái ác bị tiêu diệt, mà cả sự phần nộ của chúa cũng được làm nguôi. Chỉ có thể làm động lòng chúa bằng sự ngoan ngoãn cực kỳ lớn, cực kỳ tự nguyện, cực kỳ ẩn nhẫn, và điều đó chỉ có người con mới có thể làm được, chứ không phải là con người mà nỗi sợ hãi và sự đau khổ của lương tâm, sự phần nộ đáng sợ của chúa bắt phải ngoan ngoãn. Giờ đây Ki-tô có thể bênh vực trước chúa cả cho loài người, vì ông ta đã trở thành người chủ của họ, người bảo vệ họ, nhờ sự tôn sùng mà họ đã đền đáp cho ông ta, mặc dù họ không biết điều đó. Và để thay cho con người, thực sự chịu sự trừng phạt mà con người đáng bị, ông ta đã trở thành con người; việc quyết định trở thành con người là một phép mầu của lòng từ bi thần thánh. Như vậy, người mà lúc đầu ở nơi chúa và thậm chí tự mình là chúa, còn sau khi mắc tội tổ tông thì đã là "hình ảnh chúa", giờ đây được sinh ra ở Béc-lê-em với tư cách là một con người, cụ thể là bởi quyền phép của chúa thánh thần qua bà Ma-ri-a, không có sự giúp sức của ông chồng nào.

Ái dám hy vọng rằng vào năm 1842 sẽ xảy ra một sự đổi thay

đáng mừng như thế với nhà triết học và thậm chí với người sáng lập ra một trường phái mới báng bỏ chúa và ông ta sẽ theo một cách hân hoan như vậy những học thuyết cơ bản của tín ngưỡng Cơ Đốc giáo? Những điều mà trước hết luôn luôn gây ra sự ngờ vực, những điều mà từ lâu những người nũa Cơ Đốc giáo bác bỏ nhưng đồng thời là hòn đá tảng của tín ngưỡng Cơ Đốc giáo – việc đức bà Ma-ri-a không ăn ở cùng chồng mà sinh ra Ki-tô – những điều mà *Sê-linh* đã phát biểu và phát biểu với tư cách niềm tin của mình, là một trong những đặc trưng đáng vui mừng nhất của thời đại, và đáng trọng phụ được phú cho lòng nhân từ cao cả đã dám làm điều đó, có quyền được mỗi người có đạo biết ơn. Nhưng ai mà không nhận biết ở đây bàn tay của chúa trong sự định trước kỳ diệu, về vang ấy? Ai mà không thấy rằng ở đây chúa đem lại cho nhà thờ của mình cái dấu hiệu chứng minh rằng chúa không rời bỏ nhà thờ và ngày đêm nhớ đến nhà thờ?

Về cái chết của chúa, *Sê-linh* diễn đạt cũng với tính chất Cơ Đốc giáo chân chính và bổ ích như vậy. Vì việc sáng tạo thế giới, cái chết ấy đã được quyết định tại hội đồng những người canh giữ và là sự hy sinh mà lòng từ bi thần thánh đã đòi hỏi. Chúa công bằng cả đối với xa-tăng và tính đến quyền của xa-tăng đến mức hiến dâng người con trai của chính mình để tất cả những người tin chúa đều không chết mà tìm được cuộc sống vĩnh hằng, để con quỷ không có may mắn cơ sở nói rằng nó bị lật đổ oan chỉ vì chúa mạnh hơn. Tầm vĩ đại và niềm vinh quang của bản thân chúa không cho phép may mắn sự chê trách như vậy. Vì thế Ki-tô đã phải trở thành con người và tự chấp nhận hành động phi pháp của loài người đã bị chúa rời bỏ và chịu cái chết trên thánh giá, để nhờ cái chết của một người mà đem lại sự sống cho nhiều người. Vì vậy, nhờ phúc đức của mình và nhờ lòng từ bi của mình mà chúa đã phải hy sinh mình vì chúng ta, nhận lấy trách nhiệm về những người có tội trước chúa cha và

chuộc tội cho chúng ta để chúng ta lại có thể tiếp cận với ngài vàng phúc âm. Tuy tất cả những người khác không trừ một ai đều phải chết, song không ai chết như chúa, không ai chịu cái chết chuộc tội như Giê-xu Ki-tô. Như vậy, vòng nguyệt quế tín ngưỡng này, việc quét sạch tội lỗi trong dòng máu của Ki-tô, lại được cứu một cách mâu nhiệm khỏi nanh vuốt của con rồng cổ mà nay đang xuất hiện dưới dạng đạo lý trần thế và tinh thần nguy hại của thời đại, và chúa lại khẳng định lời hứa quý báu rằng cổng địa ngục sẽ không thắng nhà thờ của chúa. Tiếp nữa, *Sê-linh* nói rất hay về Ki-tô: cái chết đó là phép mâu vĩ đại đến mức chúng ta sẽ không dám tin nó, nếu chúng ta không biết về nó một cách hết sức xác thực. Khi Ki-tô chết có mặt đại diện của toàn thể loài người, có mặt các tín đồ đạo Do Thái và đa thần giáo, và họ là hai phía của toàn bộ loài người. Khởi nguyên đa thần giáo dưới dạng mà Ki-tô trở thành như hiện trạng nhờ cuộc đấu tranh của mình với xa-tăng trong đa thần giáo, phải chết cái chết của những người đa thần giáo, cái chết trên thánh giá. Việc đóng đinh trên thánh giá chỉ là việc giải quyết sự căng thẳng lâu dài mà Ki-tô chịu đựng giữa những người đa thần giáo, nghĩa là trạng thái ngoài thần thánh của chúa đã chấm dứt, và nhờ cái chết mà ông ta lại kết hợp với chúa như đã nói trong kinh thánh:

"Người đã bị điệu ra khỏi chỗ bị xích và phán xét; nhưng ai sẽ giải thích dòng tộc của người? Vì người đã bị tách khỏi miếng đất của những người đang sống; vì tội lỗi của nhân dân tôi mà người đã bị hành hình" (I-xai-a, 53, 8).

Còn về sự phục sinh của chúa thì *Sê-linh* nói rằng nó là bằng cứ chứng minh rằng Ki-tô nhận lấy hình ảnh con người không phải lấy lệ mà là một cách nghiêm túc và đã vĩnh viễn trở thành con người và lại để cho bản chất con người đi tới phúc âm, cụ thể là không chỉ loài người trong Ki-tô, mà là toàn bộ loài người nói chung mà Ki-tô chỉ là đại diện. Thực ra không phải từng tội lỗi riêng lẻ không hợp ý chúa đến mức vì vậy chúa phải rời bỏ

loài người, nhưng tệ hơn cả là toàn bộ trạng thái có tội, trung thành với cái ác của toàn thể loài người, mà vì vậy con người đã trở nên không hợp lòng chúa ngay trước khi con người mắc tội, thành thử là con người dường như đã có nghĩa là tội lỗi trước chúa. Vì vậy, trên thế gian không thể tìm được bất cứ thiện chí nào hợp ý chúa, không thể tìm thấy một hành vi nào tốt đẹp, chính trực trước khi Ki-tô chết, vì vậy mà cả bây giờ chỉ có những người có đạo là có thể làm những việc tốt và có thiện chí. Nhưng nhờ sự phục sinh của chúa mà trạng thái con người lại được thanh minh trước chúa và được chúa thừa nhận là đã được tẩy sạch tội lỗi, và như vậy, việc chuộc tội chỉ hoàn thành nhờ sự phục sinh. Ki-tô đã được đưa lên thiên đường như vậy và giờ đây đang ngồi bên phải chúa cha với tư cách là con người chân chính và chúa chân chính, đồng thời là người bảo vệ nhân loại trước chúa cha.

Tiếp nữa, đối với chúng ta, sự phục sinh là bằng cứ chứng minh sự bất tử của linh hồn của chính chúng ta và sự phục sinh của xác thịt. *Sê-linh* cũng thừa nhận cả điều này và nói thêm rằng nếu trong cuộc đời này xác thịt thống trị tinh thần, thì sau đó ắt sẽ nảy sinh cuộc đời thứ hai, nơi mà tinh thần sẽ vượt qua thể xác và cuối cùng cần có sự cân bằng của cả hai phía. Điều này hoàn toàn phù hợp với học thuyết của kinh thánh, vì trạng thái cuối cùng sau sự phục sinh và sau sự phán xét khủng khiếp, sau sự cải biến của thân thể chẳng qua là cái mà *Sê-linh* gọi là sự cân bằng giữa linh hồn và thể xác. Về trạng thái của những người không sám hối và bị phán xét đã chết trong sự không tin tưởng, trong sự nhần tâm và trong tội lỗi, *Sê-linh* cũng nêu lên một giả thiết nhất định. Ông ta coi cái chết thứ hai, cái chết vĩnh cửu là sự tiêu vong vĩnh viễn không bao giờ có thể kết thúc bằng cái chết thực tế. Tất nhiên, có thể không suy ngẫm về điều đó và để cho chúa quyết định xem ông ta nên trừng trị và hành hạ những người khinh bỉ và chê bai ông ta như thế nào.

Cuối cùng, ông *Sê-linh* đáng kính dẫn ra lời xác nhận quý báu sau đây về sự phục sinh của chúa và chúa cứu thế của chúng ta là Giê-xu Ki-tô: sự phục sinh ấy là một tia chớp sáng loáng từ lịch sử bên trong ra lịch sử bên ngoài. Đối với người bác bỏ những hiện tượng như vậy, lịch sử trị vì của chúa vẫn chỉ là một loạt những sự kiện ngẫu nhiên bên ngoài không có bất kỳ nội dung thần thánh nào, không có cái siêu nghiệm (vượt qua sức mạnh của lý trí), mà chỉ là lịch sử theo đúng nghĩa của từ này. Thiếu cái đó thì lịch sử chỉ là việc bên ngoài của trí nhớ, nhưng tuyệt nhiên không phải là sự hiểu biết chân chính, đầy đủ về các sự kiện. – Đó là những từ tốt đẹp và từ Cơ Đốc giáo. Trái lại, sự ba hoa của những nhà thông thái thế tục về chúa trong lịch sử và trong sự phát triển của ý thức giống nòi là những lời nói suông và là sự phỉ báng chúa một cách ghê tởm. Vì nếu những kẻ ngạo mạn quyền rũ thanh thiếu niên ấy nhìn thấy chúa của mình trong lai lịch của tất cả mọi tội lỗi và tội ác của con người, thì chúa còn ở đâu ở bên ngoài những tội lỗi ấy. Những người hay chế giễu ấy không muốn hiểu rằng lịch sử toàn thế giới là một loạt những điều bất công, những điều độc ác, giết chóc, thông dâm, dâm dăng, trộm cắp, phỉ báng chúa, báng bổ thần thánh, những cơn phẫn nộ và giận dữ và những cuộc chèn chén say sưa mà tự chúng nhất định sẽ đẩy mình xuống địa ngục và cùng với mình đẩy cả toàn thế giới, nếu ở khắp nơi không thấy bàn tay cứu vớt của chúa đang đấu tranh với cái ác và ngăn ngừa cái ác; và vũ đài tệ nạn nhục nhã ấy là bầu trời của chúng, là toàn bộ sự bất tử của chúng, điều này chính họ đã công khai tuyên bố. Đó là những hậu quả dễ thương của việc tất cả mọi hành động của chúa đều bị gạt khỏi lịch sử. Vì mình mà chúa trả thù họ bằng việc giấu không cho họ thấy bản chất thật sự của mình và để cho họ tự tạo ra cho mình một vị chúa thậm chí nhỏ hơn cả một bức tường câm lặng làm bằng gỗ và

rơm, thực chất chỉ là bóng ma trống rỗng, cái gọi là tinh thần thế giới và tinh thần của lịch sử. Chúng ta thấy được cái gì với cách nhìn như vậy đối với lịch sử, mà người đề xướng chủ yếu lại là *Hê-ghen*, người mang tiếng xấu giữa tất cả những tín đồ Cơ Đốc giáo tốt; vậy chúng ta hãy so sánh với cái đó bức tranh lịch sử mà con người thần thánh như *Sê-linh* đã vẽ ra.

Sê-linh nói, trong số mười hai vị luôn vây quanh chúa và được chúa gọi là những tông đồ, ông ta tỏ ra có cảm tình đặc biệt với ba vị, cụ thể là Pi-e, Giắc và Giăng, khi nào cũng thích họ hơn so với những vị khác. Trong ba vị tông đồ ấy đã có những nguyên mẫu của toàn bộ giáo hội Cơ Đốc giáo, nếu chúng ta thay Giắc, bị giết sớm vì Ki-tô, bằng thánh Pôn được thay thế với tư cách là người kế thừa ông ta vào khoảng thời gian đó. Pi-e, Pôn và Giăng là chúa tể của ba thời kỳ phát triển của giáo hội Cơ Đốc giáo, giống như trong kinh Cựu ước của Mô-i-dơ, I-li-a và Giăng Rửa tội là ba đại diện của ba thời kỳ. Mô-i-dơ là nhà lập pháp mà qua ông này chúa đặt nền móng; I-li-a là chúa thánh thần nồng nhiệt đã làm sống lại và kích thích hoạt động của dân chúng thủ cựu, đã từ bỏ tín ngưỡng của những người cha; Giăng Rửa tội là người hoàn tất, nhờ ông mà diễn ra bước chuyển từ kinh Cựu ước sang kinh Tân ước. Như vậy là đối với giáo hội Tân ước, Pi-e là Mô-i-dơ, là người sáng lập, nhờ ông mà tính chất Do Thái giáo thời bấy giờ thể hiện trong giáo hội Cơ Đốc giáo; Pôn là I-li-a nồng nhiệt thúc đẩy hành động, không cho những người có đạo nguội lạnh và ngủ thiếp đi, và là người đại diện cho bản chất của đa thần giáo, của học vấn, sự uyên bác và đạo lý thế tục vì nó phục tùng niềm tin; còn Giăng thì vẫn sẽ là người hoàn tất, chỉ ra tương lai, vì ông ta giao việc hoàn tất cho những người mà chúa yêu mến. Như vậy, chính Giăng là người đã viết *Mặc Khải*, lúc còn sống ông đã dự báo trước tương lai. Còn giáo hội của tông đồ Pi-e là giáo hội Thiên chúa giáo mà việc thờ cúng theo

lễ nghi của nó, cũng như cả học thuyết của nó về việc thiện phù hợp với luật của đạo Do Thái; và không thể phủ nhận lời của chúa: "người là Pi-e^{1*}, trên đá này ta sẽ xây dựng giáo hội của ta, và sức mạnh địa ngục sẽ không phá được nó"^{2*}, có liên quan với giáo hội mà chúa đã thành lập. Giống như ông ta ba lần từ bỏ chúa, có thể chỉ ra rằng giáo hội La Mã đã ba lần từ bỏ chúa. Lần thứ nhất khi giáo hội này bắt đầu vươn tới quyền lực thế tục; sau đó, khi nó đã sử dụng được quyền lực thế tục cho mục đích của mình và cuối cùng, khi nó xoay ra làm công cụ cho quyền lực thế tục để đạt được các mục tiêu của nó. Còn giáo hội thứ hai của tông đồ Pôn là giáo hội Tin lành, trong đó chiếm ưu thế là sự uyên bác và mọi sự anh minh thánh thiện, vì vậy cũng là bản chất của những người Cơ Đốc giáo chuyển từ đa thần giáo sang và trong đó thay vì yếu tố không gì lay chuyển được, bền vững vốn có của giáo hội Thiên chúa giáo xuất hiện hoạt động của giáo hội Phúc âm, sôi động, tạo dựng ra nhiều đảng phái, sau này giáo hội này bị chia ra thành nhiều giáo phái. Ai biết được liệu trước sau ý đồ và khát vọng của những người Cơ Đốc giáo đa thần giáo ấy có ích lợi hơn cho sự trị vì của chúa so với hoạt động của người Cơ Đốc giáo Do Thái giáo không!

Song không một giáo phái nào trong hai giáo phái ấy là giáo hội chân chính, cuối cùng của chúa cả, nhưng chỉ có giáo hội xuất phát từ Pi-e với tư cách là cơ sở, thông qua Pôn vươn tới Giăng và, như vậy, chuẩn bị những thời đại gần đây nhất mới là giáo hội như thế. Giáo hội cuối cùng này là giáo hội tình yêu, giống như Giăng là sứ giả truyền tin tình yêu; trong đó giáo hội

1* Pi-e là tên người, song cũng có nghĩa là đá, vì thế Giê-xu mới nói tiếp "trên đá này ta sẽ xây dựng giáo hội của ta...".

2* Kinh thánh. Kinh Tân ước. Phúc âm của Ma-thi-ơ, chương 16, dòng thơ 18.

đạt tới sự hoàn tất mà vào thời buổi của nó sẽ xảy ra sự đại bại giáo đã dự đoán vào thời điểm cuối, tiếp theo đó là sự phán quyết khùng khiếp. Người ta xây dựng nhiều nhà thờ cho tất cả mọi tông đồ, nhưng cho thánh Giăng thì lại quá ít. Nếu như tôi có dịp xây dựng nhà thờ thì tôi sẽ dành cho ông này; nhưng đến lúc nào đó nhà thờ sẽ được xây dựng để thờ tất cả ba tông đồ, và nhà thờ ấy sẽ là diện Păng-tê-ông Cơ Đốc giáo chân chính cuối cùng.

Những lời mà nhà triết học Cơ Đốc giáo thực sự đầu tiên dùng để kết thúc các bài giảng của ông ta là như thế, và như vậy, chúng tôi dường như đã tái tạo diễn biến tư tưởng của ông ta từ đầu đến cuối. Người viết những dòng này cho rằng người này đã chỉ ra một cách đầy đủ rằng chúa đã dựng lên công cụ được lựa chọn nào cho giáo hội của mình qua nhân vật xứng đáng này. Ông ta chính là bậc hảo hán, ông ta sẽ đánh đuổi những người đa thần giáo của thời đại chúng ta, những người đang sáng tạo công việc của họ dưới những hình thức đa dạng như những người trần tục, như nhóm "Nước Đức trẻ"⁵, như các nhà triết học và như họ còn lấy tên gì đi nữa. Thực ra, sau khi đến giảng đường nơi *Sê-linh* giảng bài và nghe những lời giấu cợt và những lời hóm hỉnh của những người ấy về người thông thái được lựa chọn trong số các nhà thông thái thế tục, người ta phải nhớ lại tông đồ Pôn khi ông này giảng đạo ở A-ten. Tình hình diễn ra đúng là như thể lặp lại câu chuyện được kể trong "Sách tông đồ công vụ" dòng 17, 16, và các dòng tiếp theo, có nói:

"Trong khi chờ đợi họ ở A-ten, Pôn căm giận trong lòng khi thấy thành phố đó đầy những thần tượng. Thế là ông bàn luận trong thánh đường với những người theo đạo Do Thái và những người tôn thờ chúa, và với những người hàng ngày gặp trên quảng trường. Một số những nhà triết học thuộc phái Ê-pi-quya và khác kỹ đã tranh cãi với ông: một số đã nói: "người mê tín đó muốn nói gì?", những người khác thì nói: "hình như ông ta thuyết giáo về thần thánh của những đạo khác", vì ông ta nói với họ về Giê-xu và sự phục sinh".

Tất nhiên, cả *Sê-linh* cũng có thể nổi giận ở đây, tại Béc-lin, khi thấy thành phố tôn thờ thần tượng như vậy. Vì, so với ở đây thì ở đâu người ta tôn thờ thần tượng và những đồ vật trần gian, thần tài và những nghi lễ của thế giới này và cái "Tôi" quý báu của chính mình nhiều hơn, và ở đâu người ta coi thường chúa chân chính hơn? Ở đâu cuộc sống trần tục với sự lộng lẫy của nó, với sự xa hoa của nó, với sự hùng vĩ bận rộn trống rỗng của nó, với những tệ nạn nở rộ và những tội lỗi được che đậy của nó đã đạt đến mức độ cao hơn so với chính nơi đây? Liệu các nhà thông thái của các vị, các nhà văn hời hợt và phi Cơ Đốc giáo của các vị có muốn nịnh hót các vị, khi họ thường so sánh thành phố của các vị với A-ten không? Ôi, họ đã nói với các vị cái chân lý cay đắng dường nào! Vâng, tất nhiên, đó là A-ten đầy học thức và văn minh kiêu hãnh đa thần giáo đã làm cho mắt của các vị lóa đến mức các vị không thấy rõ chân lý đơn giản của kinh Phúc âm; A-ten đầy hào nhoáng, lừa bịp và sự huy hoàng trần thế, A-ten, nơi mà con người quen với sự đầy đủ và tiện nghi, duỗi dài chân tay và ngáp trên những chiếc giường mềm mại và coi những bài nói về thánh giá là quá tẻ nhạt và coi việc sám hối là quá vất vả; A-ten đầy sự say mê kiêu căng, man rợ và sự ngậy ngất nhục dục, trong đó tiếng nói oang oang của lương tâm bị lấn át, sự bất an và sự đau khổ nội tâm được che đậy bằng lớp vỏ bọc tuyệt vời! Vâng, tất nhiên, A-ten với những người thông thái thế tục ngạo mạn, vô đầu bút trán về vấn đề tồn tại và không tồn tại và những điều vô lý khác và từ lâu đã thắng chúa và thế gian, song lại cười chê những lời nói về nhẫn nhục và về những người nghèo nàn tinh thần, như cười sự điên rồ và những điều vô lý của những thời đã qua. A-ten có nhiều nhà thông thái vững vàng biết thuộc lòng tất cả mọi loại thảo trùng và tất cả các chương của luật La Mã và vì thế mà quên sự cứu rỗi vĩnh viễn thể hiện sự khoái lạc

của tâm hồn! Ở đây, tất nhiên, cả *Sê-linh* cũng có thể nổi giận, như có hồi Pôn đã nổi giận khi ông ta đến thành phố tương tự như vậy. Và khi ông ta xuất hiện thì những người thông thái thế tục, như trước kia đã từng xảy ra, những người thuộc phái Ê-pi-quya và những người khác kỷ ở A-ten đã nói rằng: người mê tín này muốn nói gì? Họ nhận xét xấu về ông ta ngay trước khi ông ta mở miệng; họ chửi bới ông ta ngay trước khi ông ta xuất hiện trong thành phố của họ. Song chúng ta thấy kinh thánh tiếp tục thuật lại cho chúng ta như thế nào:

"Và sau khi tóm lấy ông ta, họ dẫn ông ta tới tòa án tối cao và họ nói: liệu chúng ta có thể biết cái học thuyết mới mà người thuyết giáo là gì không? Vì người rót vào tai chúng ta điều gì đó lạ lùng; vì vậy chúng ta muốn biết đó là cái gì? Còn tất cả người A-ten cũng như những người nước ngoài và khách sống ở chỗ họ không gì thích thú bằng bỏ thời gian vào việc nói hoặc nghe một điều mới lạ nào đó"^{1*}.

Chẳng lẽ đó không phải là những người Béc-lin còn sống hay sao? Liệu họ có bỏ thời gian vào việc nghe và thấy điều mới nào đó không? Các vị hãy thử ghé vào các quán cà phê và quán bánh kẹo của các vị xem những người A-ten mới vô lấy các tờ báo như thế nào, trong khi kinh thánh thì vút ở nhà, phủ một lớp bụi dày, và không một người nào mở nó ra. Các vị hãy lắng nghe những lời chào hỏi của họ khi gặp nhau, các vị sẽ không nghe thấy gì ngoài những câu hỏi: có gì mới không? Không có gì mới à? Họ luôn luôn cần điều gì đó mới, cái chưa từng biết nào đó, nếu không thì họ buồn đến chết với trình độ học thức, mức sống rất sang trọng và nhiều thú vui của họ. Họ coi ai là lịch sự, lý thú và đáng chú ý? Người được chúa thánh thần khai sáng hơn cả ư? Không, đó là người luôn biết kể nhiều tin tức hơn cả. Họ quan tâm hơn cả đến cái gì? Đến việc một người

^{1*} Kinh thánh. Kinh Tân ước. Sách tông đồ công vụ, chương 17, dòng thơ 19-21.

có tội nào đó có tìm về con đường chân chính hay không, đến điều mà các thiên thần của chúa vui mừng ư? Không, họ quan tâm đến những chuyện lời thoại nào đó đã xảy ra ban đêm, đến việc người ta viết gì trên báo "Leipziger Allgemeine Zeitung" từ Béc-lin! Nhưng tệ hơn cả là một nhóm tai quái gồm những nhà chính trị và những kẻ ba hoa say mê tin tức nhiều hơn cả. Lẽ ra phải để cho nhà vua giải quyết những công việc ấy theo thiện ý của ông ta thì những kẻ giả dối ấy lại xía một cách trắng trợn nhất vào công việc quản lý nhà nước, và hoàn toàn không quan tâm đến việc cứu vớt linh hồn bất tử của mình; họ muốn bới ra cái lỗi cởn cợn của chính phủ nhưng lại không muốn thấy cái xấu tày đình của chính mình, kẻ không có lòng mến yêu đối với Ki-tô. Những kẻ ấy đặc biệt giống những người A-ten cổ đại cũng suốt ngày đi lang thang ngoài chợ, cố gắng nghe ngóng tin tức mới, còn những chân lý cũ thì họ bỏ xó không đụng đến. Họ muốn gì ở *Sê-linh* ngoài việc muốn nghe điều gì đó mới, và họ đã nhân mặt khinh khỉnh như thế nào khi ông ta chỉ giảng cho họ kinh Phúc âm cũ! Trong số họ có thật quá ít người không bao giờ khao khát những điều mới mẻ, nhưng lại muốn *Sê-linh* chỉ nói chân lý cũ rích, nói những lời về sự chuộc tội thông qua Giê-xu Ki-tô!

Và như vậy, ở đây đã lặp lại với *Sê-linh* tất cả những điều đã xảy ra với Pôn trước kia. Họ lắng nghe lời thuyết giáo của ông ta với nét mặt phê phán, thỉnh thoảng mỉm cười một cách đạo mạo, lắc đầu liếc nhìn nhau đầy hàm ý, rồi nhìn *Sê-linh* với vẻ thương hại; "sau khi nghe nói về sự phục sinh của những người chết, họ bèn cười rộ lên" ("Sách tông đồ công vụ", dòng 17, 32). Chỉ có một số ít người trở thành môn đồ của ông ta, vì ngay cả giờ đây sự thể cũng diễn ra y như ở A-ten: chuyện người chết sống lại gây cho họ sự bức tức đặc biệt. Đa số thật thà đến mức không muốn nghe nói về bất cứ sự bất tử nào; một số ít người cho là có sự bất tử của linh hồn nhưng rất không xác thực, rất không rõ ràng, rất lơ mơ, nhưng theo ý kiến của những

người này thì thân thể vĩnh viễn mục rữa, và tất cả họ đều cười nhạo sự phục sinh thực tế, xác định và rõ rệt của xác thịt, cho rằng sự phục sinh ấy hoàn toàn không thể có được, dường như trong kinh thánh không hề viết: đối với chúa không có gì không thể làm được.

Song thêm vào câu chuyện giáo hội Ki-tô đã được trình bày cho bạn đọc mộ đạo, như nó được trình bày một cách tượng trưng cho chúng ta qua ba tông đồ – Pi-e, Pôn và Giăng – chúng tôi còn phải nêu thêm một nhận xét nữa. Từ đó toát lên rằng nếu chúng ta – như một số người còn làm cả bây giờ nữa – muốn khinh bỉ giáo hội Thiên chúa giáo và sỉ nhục nó so với giáo hội của chúng ta, thì điều đó hết sức không chính đáng, là tội lỗi và mâu thuẫn với các quyết định của bản thân chúa. Vì cả giáo hội ấy, cũng như giáo hội Tin lành, đều được thiết lập bởi quyết định thân thánh, và chúng ta còn có thể học được ở nó một số điều. Trong giáo hội Thiên chúa giáo còn duy trì kỷ cương giáo hội tông đồ cổ mà ở nước ta thì nó đã hoàn toàn biến mất. Qua kinh thánh chúng ta biết rằng các tông đồ và các giáo đoàn đã gạt ra khỏi sự giao tiếp của chúa thánh thần tất cả những người vô đạo, những ông thầy giả hiệu và những kẻ có tội vốn là sự cám dỗ đối với giáo đoàn. Có phải Pôn nói rằng (Thư thứ nhất gửi giáo dân Cô-rin-tô, dòng 5, 3-5):

"Phần tôi, tuy thân xác xa cách, nhưng lòng trí vẫn ở giữa anh chị em, tôi đã lên án kẻ phạm tội ấy như thể tôi có mặt tại chỗ. Theo ý tôi, anh chị em hãy nhân danh chúa Giê-xu, họp nhau lại và dùng quyền phép chúa Giê-xu mà giao phó kẻ ấy cho xa-tăng hủy hoại phần xác, mong phần hồn kẻ ấy được cứu rỗi, trong ngày của chúa Giê-xu Ki-tô của chúng ta".

Có phải Ki-tô đã nói Pi-e rằng:

"Ta sẽ cho người các chìa khóa của vương quốc thiên đường; và những gì người ràng buộc trên trái đất, thì sẽ được ràng buộc trên thiên đường; và điều gì người cho phép trên trái đất, thì sẽ được cho phép trên thiên đường" (Ma-thi-ơ, dòng 16, 19).

Sau khi phục sinh, có phải Ki-tô đã nói với tất cả các học trò của mình:

"Các người tha thứ tội lỗi cho ai thì người đó sẽ được xá tội; các người để lại tội lỗi cho ai thì tội lỗi vẫn sẽ ở lại với người ấy" (kinh Phúc âm của Giăng, dòng 20, 23).

Những đoạn như vậy trích từ kinh thánh có liên quan với kỷ cương nghiêm khắc của giáo hội dưới dạng như nó đã phát triển mạnh mẽ trong giáo hội của các tông đồ và còn tồn tại ở các tín đồ đạo Thiên chúa, và nếu giáo hội của các tông đồ là mẫu mực của chúng ta và kinh thánh là sách chỉ nam của chúng ta, thì cả chúng ta cũng phải cố gắng làm cho quy định cổ đã nhắc đến ở trên có hiệu lực, và với sự điên cuồng mà kẻ thù độc ác hiện đang bức hại giáo hội của chúa và tấn công giáo hội ấy, tất nhiên chúng ta cần phải chăm lo để chúng ta được trang bị không chỉ trong nội tâm, bằng niềm tin và hy vọng, mà cả bên ngoài, bằng sự đoàn kết của những người tin đạo và tống cổ những kẻ tiên tri giả hiệu. Không thể để cho con sói thâm nhập vào đàn cừu mà lại không tống cổ nó ra khỏi đó. Tiếp nữa, cũng không nên hoàn toàn bác bỏ chế độ hôn nhân của các linh mục Thiên chúa giáo. Trong kinh Phúc âm của Ma-thi-ơ dòng 19, 10-12 có nói:

"Những người học trò của Người nói với Người: nếu trách nhiệm của con người đối với vợ là như vậy, thì tốt hơn là đừng lấy vợ. Còn Người thì đã nói với họ: không phải tất cả mọi người đều hiểu được câu này, mà chỉ có kẻ nào được hiểu mới hiểu được; vì có những người bị thiên từ trong lòng mẹ sinh ra đã là như thế; rồi cũng có những người bị thiên bởi con người; cũng có những người vì vương quốc trên trời mà tự làm cho mình trở thành như bị thiên. Ai hiểu được thì hiểu".

Sau đó trong thư 1 gửi người Cô-rin-tô, chương 7, từ đầu đến cuối đều nói đến những điểm ưu việt của việc không kết hôn so với hôn nhân, và tôi chỉ xin trích ra mấy đoạn:

Dòng thơ 1, 2: "Con người không động chạm đến phụ nữ là tốt; nhưng, để tránh sự dâm dăng, mỗi người đều cần có vợ, và mỗi phụ nữ đều cần có chồng".

Dòng thơ 8: "Tôi xin nói với những người không kết hôn và những bà góa: họ cứ ở vậy như tôi là tốt".

Dòng thơ 27: "Có ở vậy không lấy vợ hay không? xin đừng tìm vợ".

Dòng thơ 32, 33: "Người không lấy vợ quan tâm đến chúa, làm thế nào được lòng chúa; còn người có vợ thì quan tâm đến chuyện đời thường, làm thế nào để vừa lòng vợ".

Dòng thơ 38 và tiếp theo: "Vì vậy người gả chồng cho con gái đã hành động tốt; còn người không gả thì hành động tốt hơn. Người vợ bị pháp luật trói buộc chùng nào chồng người đó còn sống; còn nếu chồng người đó chết thì người đó tự do lấy ai mình muốn, có điều là phải liệu cho đẹp lòng chúa. Nhưng người đó sẽ sung sướng hơn nếu cứ ở vậy, theo lời khuyên của tôi; tôi nghĩ là tôi được ơn chúa thánh thần soi sáng mà khuyên bảo như vậy".

Chính những lời nói đó khá rõ và khó hiểu, vậy thì với những quy định như thế việc không kết hôn tại sao lại có thể bị tiếng xấu như vậy ở các tín đồ đạo Tin lành. Vậy, chúng ta thấy rằng về một số mặt, giáo hội Thiên chúa giáo gần gũi với kinh thánh hơn chúng ta, và chúng ta hoàn toàn không có cơ sở để khinh bỉ nó. Trái lại, những người anh em chúng ta trong giáo hội Thiên chúa giáo, những người tin đạo và kính chúa, đứng gần chúng ta hơn là các tín đồ đạo Tin lành đã từ bỏ tín ngưỡng và không còn là những tín đồ Cơ Đốc giáo nữa, và đã đến lúc chúng ta phải bắt đầu việc tổ chức giáo hội của Giảng bằng cách liên kết với các tín đồ đạo Thiên chúa chống lại những kẻ thù chung đe dọa toàn bộ đạo Cơ Đốc. Giờ đây không còn là lúc tranh cãi về những điểm khác nhau của những tín ngưỡng riêng lẻ nữa, - chúng ta phải để chúa giải quyết vấn đề này; sau khi chúng ta, những người mà trong vòng ba trăm năm không thể đi tới một giải pháp dứt khoát, chúng ta phải tỉnh táo và cầu nguyện, phải sẵn sàng trong mọi lúc.

"lấy chân lý làm dây lưng, lấy sự chính trực làm áo giáp, lấy lòng nhiệt thành truyền bá Phúc âm bình an làm giày đỏ; còn chúng ta phải lấy đức tin làm thuẫn

trong tay để giáp tất mọi tên lửa của ác thần, dùng ơn cứu độ làm mũ chiến và lấy chúa thánh thần tức là lời chúa làm gươm giáo (Thư gửi giáo dân Ê-phê-xi, 6-14-17). Vì thời buổi xấu xa đã tới và "kẻ thù như con sư tử gặm thét, hằng lượn quanh kiếm mồi (Thư thứ nhất của Pi-e, 5, 8)¹⁶⁹.

Và nếu tác giả có thể cả gan nhẫn nhục bày tỏ ý kiến của mình ở nơi mà nhiều nhân vật mộ đạo và thông minh như vậy có thể nói, thì tác giả cho rằng giáo hội của Giảng và cùng với nó là những ngày vừa qua là gần gũi. Chẳng lẽ người nào đó có thể theo dõi các sự kiện những năm vừa qua với ý nghĩ về chúa và có thể không nhận thấy rằng những công việc vĩ đại đang tới gần và bàn tay của chúa đang điều khiển sự diễn biến của những sự kiện đang diễn ra với các ông vua và các nước! Từ thời cuộc cách mạng Pháp khủng khiếp, tinh thần quý dữ hoàn toàn mới đã thâm nhập vào một bộ phận đáng kể của loài người, và tư tưởng vô thần ngẩng cái đầu xác xược của mình một cách trắng tráo và ngạo mạn đến mức cần phải nghĩ đến việc thực hiện những lời tiên tri của kinh thánh vào lúc này. Song chúng ta hãy xem trong kinh thánh đã nói gì về lòng không tin đạo của những thời đại gần đây. Chúa Giê-xu nói, Ma-thi-ơ, 24, 11-14:

"Và nhiều kẻ tiên tri giả hiệu sẽ xuất hiện và cám dỗ nhiều người. Và vì lý do sự phi pháp tăng lên mà tình yêu trong nhiều người trở nên nguội lạnh. Còn người đã chịu đựng đến cùng thì sẽ được cứu vớt. Và tin lành về nước Thiên chúa sẽ được rao giảng khắp toàn vũ trụ, được tất cả các dân tộc chứng kiến; và lúc đó sự tận cùng sẽ đến". Và dòng thơ 24... "Những Ki-tô giả và những kẻ tiên tri giả sẽ xuất hiện và sẽ làm những phép lạ to lớn để cám dỗ cả những người được lựa chọn, nếu có thể". Và Pôn nói, Thư thứ hai gửi giáo dân Phê-xa-lô-ni-ki 2,3 và tiếp theo: "và sẽ xuất hiện người gian ác, tức là tên hư hỏng, tên thù địch này sẽ tôn mình lên trên mọi sự mang danh Thiên chúa, hay thuộc về sự thờ phụng;... sẽ dùng quyền phép của xa-tăng mà làm các phép lạ và sự kỳ diệu giả dối, sẽ cùng mọi mưu chước gian ác để lừa dối các kẻ hư hỏng vì đã chối bỏ, không mến mộ sự thật để được cứu rỗi. Do đó Thiên Chúa đã để cho chúng mắc phải sự lầm lạc, mà tin theo sự giả trá. Như vậy là chúa lên án tất cả các kẻ không tin nhận sự thật và đi theo sự gian ác". Và Thư thứ nhất gửi ông Ti-mô-phây 4, 1: "Chúa thánh thần đã nói tỏ tường rằng trong thời kỳ cuối

cùng, một số người sẽ chối bỏ đức tin và đi theo các tà thần giả dối và các lý thuyết ma quái".

Điều đó có chứng minh rằng chúa và Pôn dường như đã tận mắt thấy thời đại chúng ta như là thời đại sống động hay không? Sự bội giáo phổ biến phản lại sự trị vì của chúa ngày càng tăng, lòng không tin đạo và sự báng bổ chúa ngày càng trở nên trắng trợn hơn, như Pi-e nói (Thư thứ hai của Pi-e, 3, 3):

"Và anh chị em hãy biết rằng trong những ngày cuối cùng sẽ xuất hiện những kẻ phi báng, và mê theo tình dục".

Tất cả mọi kẻ thù của chúa hiện đang liên kết lại và tấn công những người có đạo với mọi thứ vũ khí, những người bàng quan rơi vào những thú vui thế tục và đối với họ nghe nói về thánh giá là quá buồn tẻ, giờ đây đang liên hiệp lại, những người bị lương tâm giày vò, cùng với những người thông thái thế tục vô thần chính là đang muốn dùng học thuyết của họ để lấn át những sự căm rứt lương tâm; mặt khác, họ công khai phủ nhận tất cả những gì không thể thấy bằng mắt, phủ nhận chúa và mọi sự tồn tại dưới âm phủ, và lúc đó, lẽ dĩ nhiên, họ đặt thế giới ấy cùng với những khoái lạc xác thịt của nó, với thói tham ăn, nạn say rượu và thói dâm dăng của nó cao hơn cả. Đó là những người đa thần giáo tồi tệ nhất đã trở nên tàn nhẫn và tự họ đã đưa mình tới chỗ ngoan cố phủ phạm kinh Phúc âm, và về họ chúa nói rằng trong ngày phán quyết khủng khiếp, cư dân Xô-dôm và Hô-mo-ra sẽ dễ chịu hơn họ. Đó không còn là sự lãnh đạm và sự lạnh lùng đối với chúa nữa; không, đó là sự thù địch công khai, lộ liễu, và thay vì mọi giáo phái và đảng phái giờ đây chúng ta chỉ có hai: các tín đồ đạo Cơ Đốc và những người chống Ki-tô. Nhưng người nào có mắt để nhìn, thì mong họ nhìn và đừng lóa mắt, vì giờ đây không phải là lúc để nằm mơ và thoái thác; khi các đặc trưng của thời đại chúng ta tỏ rõ ràng như vậy, thì lúc đó

cần phải chú ý đến chúng và nghiên cứu kỹ ý nghĩa của những lời tiên tri mà không phải vô cớ chúng ta có được. Chúng ta thấy trong số chúng ta có những người tiên tri giả hiệu,

"và họ nói những lời kiêu căng, phạm thượng, miệng họ luôn thốt ra những lời phạm đến Thiên chúa, đến danh thánh chúa, đến đền thờ chúa và đến các thánh ở trên trời. Họ lại có sức giao chiến với các thánh và "(có cảm tưởng gần như thế) "thắng các đấng ấy". Mạc khải của Giảng, 13, 5-7.

Họ hoàn toàn không còn hổ thẹn, bối rối và sùng kính, và những lời chế giễu ghê tởm của ông Vôn-te nào đó là trò đùa trẻ con so với sự nghiêm túc ghê tởm và với sự báng bổ chúa được suy nghĩ kỹ của những kẻ căm dỗ ấy. Họ chu du khắp nước Đức và đâu đâu họ cũng muốn lên lút thâm nhập, thuyết giáo các học thuyết xa-tăng của họ trên các chợ và chuyển lá cờ quỷ sứ từ thành phố này đến thành phố khác, kéo theo lớp thanh niên nghèo để đẩy họ vào vực thẳm cực kỳ sâu của địa ngục và chết chóc. Sự căm dỗ đã tăng mạnh chưa từng thấy, và không thể có chuyện chúa cho phép điều đó mà không có ý định đặc biệt. Có nên vận dụng lời nói sau đây đối với cả chúng ta nữa hay không:

"Hỡi những kẻ giả dối! các người biết phân biệt bộ mặt của trời, mà các người lại không thể phân biệt những đặc trưng của thời đại hay sao?" Ma-thi-ơ, 16, 3.

Không, chúng ta phải mở to mắt và nhìn xung quanh; thời buổi đáng sợ và cần phải tươi tỉnh và cầu nguyện để chúng ta không rơi vào sự căm dỗ và để chúa sẽ đến, như là kẻ cướp trong đêm tối, không bắt gặp chúng ta đang ngủ. Nhiều tai họa và sức căm dỗ đang chờ đợi chúng ta, nhưng chúa sẽ không rời chúng ta, vì chúa đã nói trong Mạc khải của Giảng, 3, 5:

"Người chiến thắng sẽ mặc áo trắng; và ta sẽ không xóa tên người ấy khỏi quyển sách cuộc đời và ta sẽ tuyên dương tên tuổi của người đó trước cha ta và trước các

thiên thần của người". Và câu thơ 11: "Ta sẽ đến một cách nhanh chóng, con hãy giữ lấy cái con đang có để không ai chiếm mất vòng nguyệt quê của con!"

A-men.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu năm 1842
Đã in không ký tên thành cuốn sách nhỏ
ở Béc-lin năm 1842*

*In theo bản in trong cuốn
sách nhỏ
Nguyên văn là tiếng Đức*

CHỦ NGHĨA TỰ DO BẮC ĐỨC VÀ NAM ĐỨC¹⁷⁰

Béc-lin, tháng Ba. Cách đây chưa lâu lắm, miền Nam tổ quốc chúng ta nổi tiếng là miền duy nhất có khả năng có lối suy nghĩ kiên quyết về mặt chính trị; Ba-den, Vuyéc-tem-béc và Ba-vi-e thuộc vùng Ranh hình như đã là ba địa điểm duy nhất có thể bùng lên ngọn lửa chủ nghĩa yêu nước duy nhất xứng đáng, độc lập. Miền Bắc hình như đã chìm vào trạng thái bàng quan thiếu sinh khí, và nếu không có sự quy lụy, thì vẫn là trạng thái suy yếu rã rời và vô vọng. Ở đó, nó đi tìm sự nghỉ ngơi sau khi chịu đựng sự căng thẳng thực sự lớn lao và phi thường của các cuộc chiến tranh giải phóng mà miền Nam hoàn toàn không tham gia. Hình như miền Bắc đã thỏa mãn với công việc của mình và giờ đây đòi được yên tĩnh phần nào, thành thử miền Nam đã bắt đầu nhìn miền Bắc từ trên xuống dưới, bóc trần sự bàng quan của nó, chế giễu sự nhẫn nhục của nó. Các sự kiện ở Han-nô-vơ¹⁷¹ vẫn được miền Nam lợi dụng triệt để để thanh minh cho thái độ cao ngạo của mình đối với miền Bắc. Trong khi nhìn bề ngoài miền Bắc có vẻ có thái độ bình tĩnh hơn, kém năng nổ hơn, thì miền Nam đặc thắng, vênh váo về sinh hoạt nghị trường đã phát triển của mình, về những bài diễn văn của mình trong hai viện, về sự đối lập của mình, một sự đối lập cần có để giúp đỡ miền Bắc, trong khi bản thân miền Nam có thể đảm bảo sự tồn tại của mình mà không cần có sự hỗ trợ của miền Bắc.

Tất cả những điều đó đã đổi thay. Phong trào ở miền Nam đã tắt ngấm, những răng bánh xe trước kia bầu chặt với nhau

như vậy và duy trì sự quay vòng, đã mòn dần và đã mất sự tiếp hợp cần thiết, những cái miệng lần lượt im tiếng, và thế hệ trẻ không còn hứng thú đi theo gót các tiên bối của mình nữa. Trái lại, miền Bắc, tuy hoàn cảnh bên ngoài không thuận lợi cho nó lắm như đối với miền Nam, tuy diễn đàn ở những nơi mà nó chưa hoàn toàn mất hẳn, chưa bao giờ có thể có được ý nghĩa như ở Nam Đức, – thế nhưng trong mấy năm qua miền Bắc đã bộc lộ một tiềm lực chín muồi thực sự về mặt chính trị, nghị lực kiên cường, sống động, tài năng và hoạt động chính luận mà miền Nam không bộc lộ ra ngay cả trong thời buổi phát triển tốt nhất của nó. Hơn nữa, chủ nghĩa tự do Bắc Đức chắc chắn có mức độ phát triển và đa dạng cao hơn, có cơ sở lịch sử cũng như cơ sở dân tộc vững chắc hơn so với mức mà sự tự do tư tưởng của miền Nam có hồi đã có thể đạt được. Về mặt này miền Bắc đã vượt xa miền Nam. Vì sao lại như vậy? Lịch sử của cả hai trào lưu sẽ giải quyết vấn đề một cách có sức thuyết phục nhất.

Từ năm 1830 khi trên toàn châu Âu tư tưởng chính trị bắt đầu thức tỉnh, khi lợi ích quốc gia bắt đầu được đưa lên hàng đầu, thì từ các sự kiện và các làn sóng đấu tranh của năm đó, do những xung đột của chúng với những ước mơ mới sống lại của những người say mê Tơ-tông^{1*}, đã phát triển một sản phẩm mới là chủ nghĩa tự do Nam Đức. Do thực tiễn trực tiếp sinh ra, chủ nghĩa tự do Nam Đức vẫn trung thành với thực tiễn đó và trong lĩnh vực lý luận của mình nó đã theo thực tiễn đó. Nhưng thực tiễn mà trên cơ sở đó nó xây dựng cho mình lý luận, như đã biết, gồm nhiều lớp tích đọng của thực tiễn Pháp, Đức, Anh, Tây Ban Nha v.v.. Do đó mà cả lý luận, nội dung đích thực của phương hướng đó cũng đã hoàn toàn trở thành cái phổ biến,

1* – tên gọi những bộ lạc cổ đại cư trú ở vùng Giéc-ma-ni thời cổ. Hiện nay tên gọi này đôi khi được sử dụng để chỉ người Đức nói chung.

không xác định, mờ mờ, nó không phải là lý luận của Đức, cũng không phải là lý luận của Pháp, cũng không phải là lý luận dân tộc và không thể nào là lý luận thế giới chủ nghĩa, nhưng chính là thứ lý luận trừu tượng và nửa vời. Người ta đã đặt ra cho mình mục đích chung, sự tự do hợp pháp, nhưng để đạt được thường có hai phương tiện đối lập trực tiếp với nhau. Thí dụ, đối với nước Đức người ta muốn có những đảm bảo hợp hiến và, để đạt được điều đó, hôm nay người ta đề nghị cho các công tước được độc lập nhiều hơn với Quốc hội hiệp bang¹⁷, ngày mai người ta đề nghị sự độc lập nhiều hơn, nhưng bên cạnh Quốc hội hiệp bang, người ta đề nghị thành lập nghị viện nhân dân, - hai phương tiện mà trong điều kiện hiện có, phương tiện này cũng không thực tế như phương tiện kia. Hôm nay để đạt được mục đích vĩ đại, người ta muốn nước Đức thống nhất hơn, ngày mai người ta muốn các vua chúa nhỏ độc lập nhiều hơn với Phổ và Áo. Như vậy, với sự hoàn toàn nhất trí về mục đích và với sự bất đồng ý kiến thường xuyên về phương tiện, chính phủ chẳng bao lâu đã thắng thế so với cái đảng hùng mạnh đáng kể hơn, cái đảng thấy quá muộn sự không hiểu biết của mình. Đã thế, sức mạnh của đảng đó bắt rễ trong sự bùng lên chốc lát, trong tác động được phản ánh của sự kiện thuần túy bên ngoài, của cuộc cách mạng tháng Bảy, và khi cuộc cách mạng này lắng xuống thì cả đảng ấy cũng đã phải suy vong.

Lúc này ở Bắc Đức tất cả đều yên tĩnh hơn nhiều và trông bề ngoài có vẻ uể oải hơn. Chỉ có *một* người lúc đó đã tỏa toàn bộ nhiệt huyết sức sống của mình trong ngọn lửa sống động, và người đó có ý nghĩa lớn hơn tất cả những người Nam Đức gộp chung lại, - ý tôi muốn nói *Bóc-nơ*, với toàn bộ nghị lực trong tính cách của mình, Bóc-nơ đã vươn lên cao hơn tính chất của họ; trong ông tính chất phiến diện ấy – do cuộc đấu tranh nội tại – tự nó đã hoàn toàn vượt qua được mình. Ở ông lý luận đã ra đời từ thực tiễn và đã mở ra như một bông hoa vô cùng đẹp của nó. Thế là ông đã kiên quyết đứng trên quan điểm của

chủ nghĩa tự do Bắc Đức và là bậc tiên khu và người tiên tri của nó.

Phương hướng đó, mà địa vị thống trị của nó ở nước Đức bây giờ là điều không thể bác bỏ, đã có được trong cơ sở của nó một nội dung đầy đủ hơn và đã đảm bảo cho mình một sự tồn tại lâu dài hơn. Phương hướng đó đã sớm gắn vận mệnh của mình không phải với một sự kiện đơn nhất, mà với toàn bộ lịch sử thế giới, và đặc biệt là với lịch sử nước Đức. Nguồn gốc ra đời của nó không phải là Pa-ri, nó đã nảy sinh trong trái tim nước Đức; đó là triết học Đức hiện đại. Chính từ đó có hiện tượng là phần tử tự do Bắc Đức có tính nhất quán quyết liệt, có tính dứt khoát trong các yêu cầu của mình và có sự nhất trí chính xác giữa phương tiện và mục đích, điều mà cho đến nay phần tử tự do Nam Đức muốn vươn tới nhưng không được. Chính từ đó xảy ra hiện tượng là lối suy nghĩ của phần tử đó là sản phẩm tất yếu của những khát vọng dân tộc và vì thế mà chính nó là lối suy nghĩ dân tộc, phần tử đó muốn thấy nước Đức giữ địa vị xứng đáng cả trong nội bộ cũng như ở bên ngoài, và không thể rơi vào một sự lựa chọn khô hai là có nên là một phần tử tự do trước rồi mới là người Đức hay là là người Đức trước rồi mới là phần tử tự do. Vì vậy mà phần tử đó ý thức được rằng mình được đảm bảo an toàn không bị ảnh hưởng của những điều phiến diện của phái này hoặc phái khác và không mắc phải những điều tế nhị phức tạp và thuật ngụy biện mà những phái ấy đã bị các mâu thuẫn nội tại của chính mình dẫn tới. Vì thế phần tử đó có thể bắt đầu một cuộc đấu tranh kiên quyết, sinh động, thành công chống đủ mọi thế lực phản động mà chủ nghĩa tự do Nam Đức sẽ không bao giờ làm nổi, vì thế thắng lợi rốt cuộc sẽ được đảm bảo cho phần tử đó.

Song không nên coi chủ nghĩa tự do Nam Đức là cương vị

tiên tiêu đã bị mất, là thí nghiệm không thành công; với sự giúp đỡ của nó, chúng ta đã đạt được những kết quả mà quả thật không thể coi thường. Trước hết, chính nó đã đặt cơ sở cho phe đối lập ở Đức và, như vậy, đã khiến có thể xuất hiện ở Đức một lối suy nghĩ chính trị và đã thức tỉnh sinh hoạt nghị trường, nó không cho phép những hạt giống tiềm ẩn trong các hiến pháp Đức bị thui chột và chết, và nó đã rút ra từ cuộc Cách mạng tháng Bảy mỗi lợi, mà từ đó nó có thể rút ra cho nước Đức. Chủ nghĩa tự do ấy đã đi từ thực tiễn đến lý luận và bằng con đường đó đã không len được tới mục đích; còn chúng ta thì sẽ bắt đầu như thế từ đầu kia và chúng ta sẽ tìm cách xuất phát từ lý luận mà thâm nhập vào thực tiễn, – và, như các vị muốn, tôi sẵn sàng đánh cược rằng bằng cách như vậy rốt cuộc chúng ta sẽ tiến lên phía trước.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Ba 1842
Đã đăng không ký tên trên báo "Rheinische
Zeitung" số 102, 12 tháng Tư 1842*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

NHẬT KÝ CỦA MỘT HỌC VIÊN DỰ THÍNH

I

Ở một thành phố như Béc-lin, một người nước ngoài sẽ phạm sai lầm thực sự đối với chính mình và đối với thị hiếu tốt, nếu người đó không tìm hiểu tất cả mọi danh thắng của thành phố. Thế nhưng một hiện tượng quá thường xuyên xảy ra là: cái có ý nghĩa nhất ở Béc-lin, cụ thể là cái làm cho thủ đô Phổ khác nhiều so với tất cả những thủ đô khác, vẫn không được những người nước ngoài nhận thấy; ý tôi muốn nói tới trường đại học tổng hợp. Không phải mặt tiền oai nghiêm trên quảng trường Ô-pê-ra, không phải viện bảo tàng giải phẫu học và khoáng vật học là cái tôi có ý muốn nói đến, mà là những giảng đường đông người với những giáo sư sắc sảo và câu kỳ cố chấp, với những sinh viên trẻ và già, vui tính và nghiêm nghị, những người mới vào và những người sống lâu năm – những giảng đường, nơi đã vang lên và bây giờ hàng ngày còn vang lên những lời nói có tiếng vang xa ngoài phạm vi nước Phổ và thậm chí ngoài phạm vi những nước nói tiếng Đức. Tiếng thơm của Trường đại học Tổng hợp Béc-lin chính là ở chỗ không một trường đại học nào trong số các trường đại học tổng hợp trở thành người tham gia phong trào tư tưởng hiện đại với mức độ như nó và làm cho mình trở thành vũ đài đấu tranh tinh thần với mức độ như thế. Biết bao nhiêu trường đại học tổng hợp khác – Bon, I-ê-na, Hít-xen, Grây-phơ-xvan-đơ, thậm chí Lai-pxích, Brê-xláp và Hai-đen-béc đã lẩn tránh cuộc đấu tranh đó là lún sâu vào thái

độ thờ ơ bác học mà từ lâu đã là vận xấu của nền khoa học Đức! Trái lại, trong số các giảng viên đại học của mình, Béc-lin có đại diện của tất cả mọi khuynh hướng và nhờ thế nó tạo ra một cuộc luận chiến sinh động đem lại cho người học khả năng đối chiếu một cách dễ dàng, sáng rõ các xu hướng của thời đại hiện nay. Với những điều kiện như vậy, tôi có ý định sử dụng quyền, mà hiện nay đã trở nên dễ với tới đối với mọi người, là quyền đến dự những buổi giảng với tư cách là học viên dự thính và, như vậy, vào một buổi sáng, đúng vào đầu học kỳ hè, tôi bước vào trường đại học tổng hợp. Một số giáo sư đã bắt đầu giảng bài, đa số bắt đầu đúng vào hôm nay. Điều lý thú nhất mà tôi cảm thấy là việc mở đợt giảng của *Mác-hai-nê-ke* về nhập môn triết học Hê-ghen về thần học. Nói chung, những bài giảng đầu tiên của những người thuộc phái Hê-ghen ở đây trong học kỳ này gây sự hứng thú rất đặc biệt, vì một số người trước đây đã đặt cơ sở để dự tính một cuộc luận chiến trực tiếp chống triết học mặc khải của Sê-ling, còn số khác thì dự tính rằng họ nhất định sẽ bảo vệ danh dự của cái bóng đã làm phiền lòng Hê-ghen. Khóa giảng của *Mác-hai-nê-ke* nhằm chống Sê-ling quá rõ ràng nên không thể không thu hút sự chú ý đặc biệt. Giảng đường đã chật ních từ lâu trước khi ông ta đến: đám trẻ tuổi, những ông già, những sinh viên, sĩ quan và có trời mới biết còn những ai nữa đã ngồi và đứng chật cứng giảng đường. Cuối cùng, ông ta bước vào, tiếng ồn ào và tiếng rì rầm lập tức im bật, những chiếc mũ nhất loạt rời khỏi đầu. Giảng về chắc nịch, rắn rỏi, bộ mặt nghiêm nghị và kiên quyết của nhà tư tưởng, vầng trán cao viên tóc đã điểm bạc bởi công việc tư tưởng nặng nề; cung cách trình bày thể hiện sự trầm tĩnh cao thượng, không có dáng vẻ của một nhà bác học chúí mũi vào quyển vở để giảng bài, không có dáng điệu sống sượng kiêu sân khấu; dáng người thẳng của tuổi thanh xuân, ánh mắt chăm chú hướng vào cử tọa; vấn đề được trình bày một cách bình tĩnh, đầy ưu điểm, chậm

rãi, nhưng đều đều, trước sau như một, không gượng gạo, nhưng rất nhiều những tư tưởng sâu sắc, tư tưởng này nối tiếp tư tưởng kia và mỗi tư tưởng tiếp theo càng trúng đích hơn tư tưởng trước đó. Trên bục giảng Mác-hai-nê-ke làm người ta kính nể do lòng tự tin, do sự vững vàng không gì lay chuyển được và do ưu điểm của ông, nhưng đồng thời còn do sự tự do tư tưởng mà toàn bộ con người ông toát lên. Nhưng hôm nay ông bước lên bục giảng trong tâm trạng hoàn toàn đặc biệt, gây sự kính nể cho học viên của mình mạnh hơn rất nhiều so với thông thường. Nếu trong suốt cả học kỳ ông kiên nhẫn chịu đựng những nhận xét không đúng đắn của Sê-ling về Hê-ghen đã quá cố và về triết học của Hê-ghen, nếu ông bình tĩnh nghe đến cùng các bài giảng của Sê-ling - mà điều đó quả thật không phải là chuyện nhảm nhí đối với một người như Mác-hai-nê-ke, - thì giờ đây, cuối cùng, đã đến lúc ông có thể đánh lùi sự tấn công, ông có thể phát biểu những tư tưởng kiêu hãnh chống những lời kiêu hãnh. Trước tiên ông nêu những nhận xét chung, trong đó ông nhận định một cách tài nghệ thái độ hiện nay của triết học đối với thần học, hàm ơn nhắc đến Slai-ơ-ma-khơ, về các học trò của Slai-ơ-ma-khơ ông nói rằng họ đã đến với triết học bằng tư duy khơi gợi tư tưởng của Slai-ơ-ma-khơ, còn những người đã đi con đường khác thì mặc cho họ tự mình trách móc mình. Dần dần, ông chuyển sang triết học của Hê-ghen, và lập tức thấy rõ rằng lời của ông có liên quan đến Sê-ling.

"Hê-ghen, - ông nói, - trước hết muốn rằng trong triết học, mọi người vươn lên cao hơn *sự hám danh của mình* và không tưởng tượng rằng họ suy nghĩ điều gì đó đặc biệt mà tư tưởng có thể dứt khoát dừng lại ở đó; và trước hết ông không thuộc số những người hứa *những lời hứa lớn lao và những lời đao to búa lớn*, ông bình tĩnh để cho *sự nghiệp* triết học nói thay cho mình. Trong triết học, ông không bao giờ là miles gloriosus^{1*} làm rùm beng nhiều về chính mình... Đúng là bây giờ

1* – người hiển binh khoác lác

không ai cho mình là không biết và hạn hẹp đến mức không đủ sức bác bỏ Hê-ghen và triết học của ông và người nào có trong túi lời bác bỏ nó một cách vững vàng, chắc chắn sẽ tạo được niềm hạnh phúc cho mình, vì có thể tranh thủ sự tín nhiệm bằng lời bác bỏ như vậy đến mức nào, điều đó thấy rõ qua ví dụ về những người chỉ hứa bác bỏ nó, nhưng *sau đó không thực hiện những lời hứa của mình*".

Với những lời nói sau cùng này, sự tán thưởng của cử tọa từ trước đến nay thỉnh thoảng vẫn bột phát, đã trở thành tiếng hoan hô vang dậy - đó là một hiện tượng mới trong một buổi giảng về thần học làm cho giảng viên rất sửng sốt. Trong không khí tự nhiên mới mẻ đó sự tán thưởng đã dẫn đến sự đối chiếu thú vị với những lời hô tán thưởng yếu ớt được tổ chức theo đơn đặt hàng một cách rất khó khăn, vào cuối những buổi giảng nhằm làm đối tượng luận chiến cho Mác-hai-nê-ke. Ông giơ tay làm cho những tiếng hoan hô lắng xuống và nói tiếp:

"Song lời bác bỏ đáng mong muốn ấy vẫn chưa có, và nó sẽ chưa đến chừng nào thay cho việc nghiên cứu khoa học một cách điềm tĩnh chống Hê-ghen người ta tung ra thái độ *cay cú, thiếu thiện chí, sự đố kỵ, sự cuồng nhiệt* nói chung, - chừng nào người ta cho rằng để lật đổ tư tưởng triết học khỏi ngai vàng của nó, chỉ cần *thuyết ngộ đạo* và *sự hoang đường* là đủ. Điều kiện đầu tiên của sự bác bỏ như vậy cố nhiên là phải hiểu đúng đối phương, và ở đây có lẽ một số kẻ thù của Hê-ghen đã giống anh lùn xông trận chống người khổng lồ, hoặc giống chàng hiệp sĩ còn nổi tiếng hơn đánh nhau với những chiếc cối xay gió".

Đấy là nội dung chủ yếu trong bài giảng thứ nhất của Mác-hai-nê-ke, trong chừng mực nội dung đó có thể làm cho công chúng đông đảo quan tâm. Mác-hai-nê-ke lại chỉ ra rằng ông luôn luôn dũng cảm và không mệt mỏi đứng trên cương vị chiến đấu, khi đòi hỏi cần bảo vệ sự tự do của khoa học. Nhờ tính cách và sự sáng suốt của ông mà tước hiệu người kế thừa Hê-ghen hợp với ông hơn nhiều so với tước hiệu Ga-bơ mà người ta thường phong cho ông. Quan điểm thoáng, thoải mái mà Hê-ghen quan sát toàn bộ lĩnh vực tư duy và nhận thức các hiện tượng của đời sống, cũng đã được cả Mác-hai-nê-ke thừa hưởng. Ai sẽ là

người lên án ông về việc ông không muốn hy sinh những niềm tin lâu năm của mình, không muốn hiến dâng những thành tựu chặt vật lăm mới giành được cho sự tiến bộ đã đi vào cuộc sống văn vận có năm năm? Mác-hai-nê-ke đã cùng đi nhịp bước với thời đại khá lâu để có quyền tổng kết kết quả khoa học. Ưu điểm lớn của ông là ông đứng trên tầm những kết luận cực đoan nhất của triết học và bảo vệ chúng như sự nghiệp thiết thân của mình. Ông đã hành động như thế từ khi xuất hiện cuốn "Những người Hê-ghe-ling" của Lê-ô¹⁴⁸ cho đến khi Bru-nô Bau-ơ thôi chức¹⁷².

Tiện thể nói thêm rằng sau khi giảng xong những bài ấy, Mác-hai-nê-ke sẽ cho in thành sách những bài giảng đó¹⁷³.

II

Trong giảng đường rộng lớn một số sinh viên ngồi rải rác đợi giảng viên. Tờ thông báo ở cửa ra vào nói rằng giáo sư *Phôn Hen-ninh* sẽ đọc báo cáo trước công chúng về *hệ thống tài chính của Phổ*. Đề tài mà Buy-lốp-Cum-me-rốp¹⁷⁴ đặt ra trong chương trình nghị sự, cũng như tên của giảng viên, một trong những người học trò lớp trên của Hê-ghe-ling đã làm tôi chú ý, và điều làm tôi ngạc nhiên là điều đó có lẽ không được quan tâm nhiều. Hen-ninh bước vào, đó là một người đàn ông cân đối, "đang độ sung sức", tóc thưa và sáng, và ông bắt đầu trình bày chủ đề của mình qua bài phát biểu trôi chảy nhanh chóng, có thể là hơi quá cận kề.

"Nước Phổ. - Ông nói, - nổi bật trong số tất cả các quốc gia do chỗ hệ thống tài chính của nó hoàn toàn được xây dựng trên cơ sở khoa học kinh tế chính trị hiện đại, do chỗ cho đến nay chỉ có một mình nước Phổ mạnh dạn vận dụng vào thực tiễn các kết luận lý luận của A-đam Xmit và các môn đệ của ông. Nước Anh chẳng hạn - mà đó chính là nơi đã nảy sinh ra những lý luận hiện đại ấy - còn ngập tụt tai trong hệ thống độc quyền và cấm đoán cũ, nước Pháp có lẽ còn hơn thế, và cả

Hơ-xkit-xon ở Anh lẫn Đuy-sa-ten ở Pháp đều không thể vượt qua được lợi ích tư nhân bằng những quan điểm hợp lý hơn, đây là hoàn toàn chưa nói gì đến nước Áo và nước Nga, trong khi nước Phổ đã kiên quyết thừa nhận nguyên tắc buôn bán tự do và tự do trong công nghiệp và đã bãi bỏ tất cả mọi độc quyền và mọi thuế quan cấm đoán. Như vậy, mặt này trong hệ thống của chúng ta đặt chúng ta lên cao hơn những quốc gia mà về một mặt khác, về mặt phát triển tự do chính trị, đã vượt xa chúng ta. Và nếu chính phủ của chúng ta đã đạt được những kết quả đặc biệt như thế trong lĩnh vực tài chính, thì mặt khác, cũng cần phải thừa nhận rằng chính phủ đó đã tìm được những điều đặc biệt thuận lợi để tiến hành cuộc cải cách thuộc loại đó. Miếng đòn giáng xuống vào năm 1806 đã dọn chỗ để dựng lên tòa nhà mới; chế độ đại diện, mà trong đó những lợi ích riêng lẻ sẽ có thể có được ảnh hưởng, không trói tay chính phủ. Tiếc rằng vẫn còn có những ông già bướng bỉnh mà do sự hạn chế và khó tính của họ, họ đang bắt bẻ cái mới và chỉ trích ông rằng cái mới đó là phi lịch sử, được xây dựng một cách ép buộc từ lý luận trừu tượng, là không thực tiễn, dường như từ năm 1806 lịch sử đã dừng lại và dường như khuyết điểm của thực tiễn là việc nó nhất trí với lý luận, với khoa học; dường như bản chất của lịch sử là trì trệ, là quay trong vòng tròn, chứ không phải là tiến bộ, dường như nói chung có thứ thực tiễn không bị bất cứ lý luận nào ràng buộc!".

Và tôi sẽ xin phép xem xét kỹ hơn những điểm sau cùng mà không nghi ngờ gì nữa, công luận ở Đức và đặc biệt là ở Phổ tán thành. Đã đến lúc phải kiên quyết chống lại những lời nói huyên thuyên muôn thuở của một đảng nổi tiếng về "sự phát triển lịch sử, hữu cơ, tự nhiên", về "nhà nước tự nhiên" v.v. và vạch trần những công thức tuyệt vời ấy trước nhân dân. Nếu tồn tại những nhà nước mà quả thực phải đếm xỉa đến quá khứ của mình và bằng lòng với sự tiến bộ chậm hơn, thì điều đó không thể vận dụng được cho nước Phổ. Dù cho *nước Phổ có phát triển nhanh chóng, thần tốc* như thế nào đi nữa thì đảng nào điều đó cũng chưa đủ. Quá khứ của chúng ta đã bị chôn vùi dưới những đống đổ nát của nước Phổ trước I-ê-na¹³⁵, đã bị dòng thác xâm nhập của Na-pô-lê-ông quét sạch. Cái gì trói buộc chúng ta? Chúng ta không phải kéo lê trên đôi chân những xiềng gông trung cổ ngăn cản ngăn ấy quốc gia tiến lên; bùn nhơ của những thế kỷ đã qua không dính chân chúng ta nữa. Vậy trong trường

hợp như thế ở đây làm sao có thể nói đến sự phát triển lịch sử mà lại không đề cập đến sự quay trở lại ancien régime^{1*} – trở về chế độ phản động nhục nhã nhất trong số tất cả các chế độ phản động đã từng tồn tại, cái chế độ phản động sẽ phủ nhận một cách hèn nhát nhất những năm vẻ vang nhất của lịch sử nước Phổ, sẽ cố ý hoặc vô tình là sự phản bội tổ quốc, vì nó sẽ gây ra tính tất yếu của một thảm họa mới giống như thảm họa năm 1806. Không, rõ ràng như ban ngày là *cái hay của nước Phổ chỉ là ở lý luận, khoa học, sự phát triển tinh thần*. Hoặc, tiếp cận vấn đề từ một khía cạnh khác, nước Phổ không phải là một quốc gia "tự nhiên", mà là một quốc gia do chính trị, hoạt động đúng hướng, *tinh thần* tạo nên. Gần đây ở Pháp người ta đã cố mô tả đặc điểm đó là điểm yếu lớn nhất của nhà nước chúng ta; trong khi đó, nếu sử dụng đúng đắn đặc điểm ấy thì nó là sức mạnh chủ yếu của chúng ta. Giống như ý thức tự nhận thức mình vươn lên cao hơn giới tự nhiên vô thức, nước Phổ nếu muốn thì có thể đặt mình lên cao trên các quốc gia "tự nhiên". Chính vì ở Phổ sự khác biệt giữa các tỉnh lớn đến mức chế độ của nó, để không gây thiệt hại cho ai, thì phải xuất phát *chỉ từ tư tưởng* mà thôi; khi đó việc dần dần hợp nhất các tỉnh sẽ tự nó diễn ra, vả lại, các đặc điểm độc đáo sẽ hòa tan trong sự thống nhất của ý thức nhà nước tự do tối cao; trong khi ở trường hợp ngược lại thì hai trăm năm không đủ để tạo ra sự thống nhất lập pháp trong nước và sự thống nhất dân tộc của Phổ, và đòn chí tử đầu tiên sẽ kéo theo những hậu quả đối với sự cố kết nội tại của nhà nước chúng ta mà không một người nào có thể nhận lãnh trách nhiệm về những hậu quả đó. Đối với những quốc gia khác, con đường mà họ phải đi đã được tính cách dân tộc xác định của họ chỉ ra trước; chúng ta không bị sự cưỡng bức như thế ràng buộc; chúng ta có thể làm với chúng ta những gì chúng ta muốn; như Phổ có thể – tạm gác mọi lý do khác –

1* – chế độ cũ

chỉ tuân theo những điều khuyên bảo của lý trí, hơn bất cứ nhà nước nào khác, nó có thể học tập trên kinh nghiệm của những nước láng giềng của mình, có thể – mà về điều này thì không ai bắt chước nó – trở thành một quốc gia kiểu mẫu đối với châu Âu, đứng ngang tầm thời đại mình, thể hiện trong các quy định của mình ý thức nhà nước hoàn bị của thế kỷ mình.

Đó là sứ mệnh của chúng ta, nước Phổ được tạo ra để làm việc đó. Chẳng lẽ chúng ta sẽ phung phí tương lai đó vì vài câu nói rỗng tuếch của một phương hướng đã hết thời hay sao? Lẽ nào chúng ta không được lắng nghe chính lịch sử đang chỉ cho chúng ta sứ mệnh phải đưa tinh hoa của toàn bộ lý luận vào cuộc sống hay sao? Tôi xin nhắc lại một lần nữa, chỗ dựa của nước Phổ không phải là những đồng đố vỡ của các thế kỷ trước, mà là tinh thần trẻ trung bất diệt, trong khoa học tinh thần này tìm được ý thức và trong nhà nước nó tự mình tạo ra nền tự do của mình. Và nếu chúng ta xa rời tinh thần và sự tự do của nó, thì chúng ta sẽ từ bỏ bản thân mình, sẽ phản bội lợi ích thiêng liêng của mình, sẽ giết chết sức sống của chính chúng ta và từ nay về sau sẽ không xứng đáng đứng trong hàng các quốc gia châu Âu. Lúc đó lịch sử sẽ quay lại chống chúng ta với bản án tử hình khủng khiếp: "Người được cân trên chiếc cân và sẽ được tìm thấy rất dễ dàng"^{1*}.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ 2 đến 24 tháng Năm 1842

Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung" số 130 và 144; ngày 10 và 24 tháng Năm 1842 ký tên: Ph.Ô.

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

1* Kinh thánh. Kinh Cựu ước. Sách của nhà tiên tri Da-ni-in, chương 5, dòng thơ 27.

LỄ HỘI VÙNG RANH¹⁷⁵

Béc-lin, 6 tháng Năm

Có những thời gian trong năm mà người sinh ra ở vùng Ranh đang lang thang ở đất khách quê người tràn ngập nỗi buồn nhớ rất đặc biệt về quê hương tươi đẹp của mình. Nỗi buồn ấy đặc biệt trở nên da diết vào mùa xuân, vào dịp lễ Chúa ba ngôi, thời gian lễ hội âm nhạc của vùng Ranh; đó là một tình cảm hoàn toàn không tránh khỏi. Giờ đây – than ôi, điều này được biết quá rõ – ở vùng Ranh tất cả đều bắt đầu trở nên xanh tươi; những làn sóng trong suốt trên sông quay tròn dưới làn gió mùa xuân. Thiên nhiên khoác những bộ áo quần ngày hội, và giờ đây trong nhà mọi người đang sắm sửa để đi hội hát đồng ca, ngày mai họ lên đường, thế mà ở đây không có mặt anh.

Ôi, hội âm nhạc vùng Ranh – một lễ hội diệu kỳ! Những người khách, những người đàn ông vui vẻ, trẻ có, già có, những người phụ nữ đẹp đẽ có giọng nói lanh lảnh, tất cả mọi người với tâm trạng của ngày hội, với những bộ mặt tươi cười như trong ngày chủ nhật tới từ mọi miền, đứng đây trên những chiếc tàu thủy trang hoàng cây xanh, với những lá cờ bay phấp phới, với tiếng tù và và bài hát, trong những đoàn tàu hỏa dài và những xe thư, vẫy mũ và khăn. Thật là vui! Tất cả mọi nỗi lo toan, tất cả mọi công việc đều quên đi; không thấy một bộ mặt nhăn nhó nào trong đám đông những người mới tới. Những cuộc làm quen cũ được nối lại, những cuộc làm quen mới bắt đầu, trong không trung vang lên tiếng cười và tiếng líu lo không dứt của thanh niên, và thậm chí những người già mà những cô con

gái yêu của họ ép buộc họ phải tham gia lễ hội, mặc dù họ bị bệnh thấp khớp, bệnh thống phong, bệnh cảm và chứng nghi bệnh, cũng lây niềm vui chung và ắt phải vui, một khi đã tham gia lễ hội. Tất cả mọi người đều chuẩn bị mừng lễ Chúa ba ngôi, và không thể ăn mừng buổi lễ kỷ niệm sự hiện xuống của chúa thánh thần^{1*} một cách xứng đáng hơn là đắm mình trong tình thần thánh về mừng vui và tận hưởng cuộc sống mà hạt nhân thâm kín nhất của nó chính là thưởng thức nghệ thuật. Và trong số tất cả mọi nghệ thuật, chính âm nhạc phù hợp hơn cả để tạo nên tâm điểm của một cuộc tụ họp thân ái, nơi mà toàn bộ giới trí thức của khu vực tụ hội lại để làm tươi mới cho nhau sự sáng khoái đời thường và sự tươi vui của tuổi thanh xuân. Nếu ở những người cổ đại, quần chúng nhân dân được trình diễn các tiết mục vui, cuộc đấu loại của các nhà thơ kiêm diễn viên bị kịch trong các lễ hội thần A-tê-na¹⁷⁶ và trong những lễ hội huyền ảo, thì ở nước ta, trong điều kiện khí hậu và quan hệ xã hội của chúng ta, tất cả những điều đó chỉ có âm nhạc mới có thể thay thế được. Vì giống như âm nhạc khi còn ở trên giấy và chưa tới tai nghe thì không thể đem lại khoái cảm cho chúng ta, bị kịch cũng vậy, đối với người cổ đại nó còn thiếu sinh khí và xa lạ, chừng nào nó chưa vang vọng từ sân khấu qua lời thoại sinh động của các diễn viên. Ngày nay mỗi thành phố đều có nhà hát, tối nào cũng diễn, trong khi đối với người Hy Lạp, sân khấu chỉ sôi nổi trong những ngày lễ lớn; ngày nay in ấn đã phổ biến từng vở kịch mới khắp nước Đức, trong khi ở người cổ đại, một vở bi kịch viết ra chỉ đưa cho một số ít người đọc. Vì vậy, kịch không còn có thể là tâm điểm cho những cuộc hội họp lớn nữa; đóng vai trò này phải là một nghệ thuật khác và đó chỉ có thể là âm nhạc, vì chỉ có một mình âm nhạc cho phép có sự hợp tác của một khối đông người và bằng cách

^{1*} Có ý nói đến lễ Ngũ tuần. Theo truyền thuyết trong Kinh thánh, tại lễ Ngũ tuần, chúa thánh thần giáng thế và ban phép lạ cho các tông đồ biết được mọi sự.

đó thậm chí có lợi đáng kể về mặt sức biểu cảm; chỉ riêng trong âm nhạc sự thưởng thức trùng khớp với sự biểu diễn sinh động, và xét về quy mô thì phạm vi tác động tương ứng với kịch cổ đại. Và quả thật người Đức có thể ăn mừng và nâng niu âm nhạc, trong đó họ là vua của tất cả mọi dân tộc, vì nếu chỉ có người Đức rút được từ tâm sâu thâm kín để đưa ra ánh sáng và biểu hiện bằng âm thanh điều cao cả nhất và điều thiêng liêng nhất, bí mật thân tình nhất của tâm tư con người, thì cũng chỉ một mình người Đức cảm nhận được đầy đủ sức mạnh của âm nhạc, hiểu đến cùng ngôn ngữ của các nhạc cụ và của lời ca.

Nhưng ở đây âm nhạc không phải là cái chủ yếu. Vậy thì cái gì là chủ yếu? Chính là lễ hội âm nhạc. Giống như tâm điểm mà không có chu vi thì chưa đủ để tạo nên vòng tròn, ở đây âm nhạc cũng vậy, nếu không có cuộc sống vui tươi, thân ái tạo nên chu vi xung quanh trung tâm âm nhạc ấy thì chưa đủ. Xét về bản tính, người sinh ra ở vùng Ranh là người nhiều nhiệt huyết thực sự; máu của người đó dễ dàng tràn đầy các thớ thịt như rượu vang tươi lên men, và mắt của người đó luôn luôn lạnh lợi và vui vẻ nhìn thế giới xung quanh. Giữa những người Đức, anh ta là người hạnh phúc, luôn luôn quan niệm thế giới đẹp hơn và cuộc sống vui hơn những điều khác; cười và tán gẫu, anh ta ngồi ở giữa vườn nho xum xuê, bên cạnh chiếc cốc vại, từ lâu anh ta đã quên đi tất cả mọi mối lo toan của mình, trong khi những người khác còn bàn bạc hàng giờ xem họ có nên đi hay không và có làm việc ấy hay không, do vậy mà để mất đi thời gian tốt nhất. Không nghi ngờ gì nữa, không một cư dân nào của vùng Ranh bỏ lỡ cơ hội mà có lúc anh ta đã có được để hưởng thụ những điều đời thường, nếu không thì người ta sẽ coi người đó là thằng đại ngốc. Tính nết vui vẻ ấy giữ cho anh ta sự trẻ trung lâu dài, trong khi người Bắc Đức đã chuyển từ lâu sang thời kỳ đứng đắn và tâm thường kiểu phi-li-xtanh. Suốt đời cư dân vùng Ranh chơi những trò chơi vui vẻ, hoạt bát, những trò đùa tươi

trẻ hoặc, như những người sáng suốt, có tiếng tăm vẫn nói, những trò ngu ngốc và những hành động thiếu thận trọng điên rồ; những trường đại học tổng hợp vui vẻ nhất và phóng khoáng nhất từ xa xưa là Bon và Hai-den-béc. Và ngay cả người phi-li-xtanh già nua mệt mỏi trong lao động và với những mối lo toan trong cuộc sống khô khan hằng ngày, nếu vào buổi sáng người đó có quất những chàng thanh niên của mình vì những trò nghịch ngợm của chúng, thì buổi tối bên cạnh cốc bia người đó vẫn kể một cách thích thú cho chúng nghe những chuyện lý thú cũ mà người đó đã tham gia trong những ngày niên thiếu của mình.

Với tính cách luôn luôn vui vẻ như vậy của người vùng Ranh, với tính thanh thản cởi mở, hồn nhiên như vậy không có gì là lạ khi thấy trong lễ hội âm nhạc hầu như tất cả đều muốn nghe nhiều hơn là cho người ta nghe mình. Ở đây toàn là cảnh vui vẻ, cuộc sống hồn nhiên nhiều màu sắc, sự tươi mới của việc thưởng thức mà ở nơi khác sẽ phải tìm lâu mới thấy! Đâu đâu cũng có những bộ mặt vui vẻ, đầy thiện chí, tình thân ái và sự chân thành đối với tất cả những người tham gia cuộc vui chung. Ba ngày lễ hội ấy trôi qua với tiếng hát, tiếng đùa và với rượu vang, như là mấy tiếng đồng hồ. Và sang sáng ngày thứ tư, khi toàn bộ niềm vui đã được tận hưởng và đến lúc từ biệt, người ta lại vui mừng trong hy vọng vào năm sau, ước định về việc này, và ai nấy đều đi con đường của mình trở về với công việc thường ngày với tinh thần còn vui vẻ và lại sôi nổi lên.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 6 tháng Năm
1842*

*Đã đăng không ký tên trên báo "Rheinische
Zeitung" số 134, 14 tháng Năm 1842*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

NHỮNG LỜI BÌNH LUẬN VÀ NHẬN XÉT ĐỐI VỚI NHỮNG VĂN BẢN HIỆN ĐẠI

BỐN BÀI GIẢNG TRƯỚC CÔNG CHÚNG
DO LÚT-VÍCH VA-LE-XRỐT ĐỌC
Ở KHUÊ-NÍCH-XBÉC.
KHUÊ-NÍCH-XBÉC, G.L. PHÔI-GTỐ, 1842¹⁷⁷

Trong mấy năm gần đây Khuê-ních-xbéc đã giữ vị trí hết sức nổi bật ở Phổ làm cho toàn nước Đức phấn khởi. Bộ phận Đức bị chính thức cắt khỏi nước Đức bởi Hiệp ước liên bang, đã tập hợp lực lượng ở đây và đề ra yêu sách để người ta thừa nhận nó là yếu tố Đức và coi trọng nó như đại diện của nước Đức chống lại sự man rợ của phương Đông thuộc Xla-vơ. Và quả thật, những người Phổ ở miền Đông không thể đem tính chất có học thức và tính dân tộc Đức đối lập với chất Xla-vơ tốt hơn so với mức họ đã làm. Đời sống tinh thần, tư tưởng chính trị ở đây đã thể hiện một cách mạnh mẽ, đã đạt tới tầm cao quan điểm và sự tự do bày tỏ quan điểm hơn bất cứ ở thành phố nào khác. Ở đây *Rô-den-cran-xơ* đã đại diện một cách thành công cho triết học Đức với tính đa dạng và tính sinh động của trí tuệ vốn có của ông ta, và nếu ông ta không có dũng khí để không ngừng rút ra tất cả mọi kết luận bắt nguồn từ triết học đó, thì sự tế nhị tinh tế và sự không có định kiến trong các quan điểm của ông đã đề cao ông ta, chưa nói gì đến kiến thức và tài năng. I-a-sman và những người khác thảo luận các vấn đề bức thiết theo tinh thần tư tưởng tự do và giờ đây trong quyển sách nhỏ

nêu trên trước mắt chúng ta có một bằng cứ mới chứng minh việc công chúng ở địa phương có trình độ học vấn cao như thế nào.

Trong bốn bài giảng đây hài hước ấy đọc trước một giảng đường lớn, tác giả tài năng đã tập hợp tài liệu lấy trực tiếp từ thực tế sinh động hiện nay. Thực ra, ở đây thể hiện tài năng vẽ tranh phong tục, một sự nhẹ nhàng, kiêu diễm và sáng rõ của việc mô tả, một sự sắc sảo nảy lửa khiến không thể không thừa nhận tác giả có năng khiếu lớn của nhà hài hước. Ông có quan điểm đúng đắn, nắm bắt ngay được trong các sự kiện trước mắt cái khía cạnh xung yếu thích hợp, và ông biết cách đưa ra một cách tinh tế vô số những sự liên tưởng và lời ám chỉ của mình khiến ngay cả nạn nhân của mình cũng phải mỉm cười; hơn nữa, một chủ đề này nối tiếp một chủ đề khác và, rất cuộc, nói thực ra không ai có thể giận người chế giễu nữa, vì mọi người đều hưởng một ít. Bài giảng thứ nhất, "Những chiếc mặt nạ của cuộc đời", mô tả cho chúng ta thấy một Muyn-khen, Béc-lin, Mi-khen nói tiếng Đức, thấy sự trống rỗng của giới quý tộc cha truyền con nối, sự rối loạn tinh thần và hàng loạt những vị có danh tiếng ở Đức. Tôi xin dẫn ra đoạn sau đây trong bài giảng ấy:

"Cách chúng tôi không xa, bên chiếc bàn có một người trẻ tuổi ngồi uống rượu vang bằng một chiếc cốc bạc nặng trĩu. Có lần anh ta, bằng một bài hát duy nhất đã phá huỷ hai mươi khẩu đội Pháp nhằm chống những nữ thần tự do của sông Ranh phóng khoáng xanh lục, còn với những bài thơ i-am-bơ bốn vắn của mình anh ta đã làm cho mấy trung đoàn kỵ binh của đội tiên phong Pháp đã đến An-đéc-nác phải tháo chạy thực mạng đến tận Ti-ông-vin. Với chiến công anh dũng ấy anh ta đã được thưởng một chiếc cốc bằng bạc và một cấu trúc ngữ pháp còn mạnh dạn hơn bài ca của anh ta, và rườm rà kỳ quặc đến mức tất cả các thầy giáo trường trung học Đức đều tái mặt, còn bọn học sinh lớp ba thì nhẩy cẳng lên từ bàn học và hân hoan hò hét: "Thế là kỳ nghỉ hè của chúng ta đã đến rồi!"¹⁷⁸.

Tiếp theo đó là:

"Trước mắt chúng tôi xuất hiện chiếc mặt nạ của nhân viên kiểm duyệt. Nếu chiếc

mặt nạ ấy phát hiện thấy trên các ngón tay của chúng tôi có một vết mực không qua kiểm duyệt, thì chúng tôi sẽ chết mất. Nhân viên kiểm duyệt trông giống như bất cứ người nào khác, nhưng nghề nghiệp của ông ta cao hơn nghề nghiệp của con người. Ông ta chỉ đạo trí tuệ và tư tưởng, nắm chiếc cân mà chỉ có công lý vĩnh cửu mới điều khiển được nó. Trong lĩnh vực văn học ông ta có nhiệm vụ thi hành đạo luật Pha-ra-ông, theo đó tất cả mọi đứa con văn học mới sinh thuộc giống *đực* đều phải bị giết chết hoặc ít ra là cũng bị A-be-li-ác hóa^{1*}. Chế độ kiểm duyệt của La Mã cổ đại là tòa án đạo đức xử hết sức nghiêm khắc các công dân của nước cộng hòa; tác động của nó đã chấm dứt khi nó, như Xi-xê-rông nói, không có khả năng làm được nhiều hơn so với việc gây cho người ta đổ mặt vì xấu hổ. Chế độ kiểm duyệt của chúng ta sẽ thôi tác động chỉ *khi nào* toàn bộ dân tộc, như *một người*, sẽ có thể đổ mặt lên vì chế độ kiểm duyệt đó!¹⁷⁹.

Bài giảng thứ hai, "Thời đại vàng son của chúng ta", trần thuật cũng dưới hình thức nhẹ nhàng như vậy giới quý tộc nhiều tiền, bài giảng thứ ba, "Cuộc tử thí văn học của các chàng Đông-Ki-sốt", trang bị sẵn sàng chiếc giáo nhằm tấn công vào những điều vô lý đủ loại của thời đại chúng ta và trước hết là vào văn phong chính trị Đức.

"Tiếng Đức, - trong bài giảng ấy nói, - sinh ra với tư cách là ngôn ngữ tự do và cộng hòa; nó được nâng lên tới những đỉnh cao nhất của dãy núi An-pơ và đến những băng hà của nghệ thuật và tư duy thơ ca, để bay lượn lên mặt trời giống như con đại bàng. Nhưng cũng như những người Thụy Sĩ, nó cũng hiến dâng mình để phục vụ chế độ chuyên chế với tư cách là đội cận vệ ngự lâm của nó. Những điều mà vua Han-nô-vơ^{2*} đã nói với nhân dân của ông ta bằng thứ tiếng Đức tồi nhất, nhưng ông ta sẽ không thể diễn đạt bằng thứ tiếng Anh thanh tao nhất được. Nói tóm lại, như những viên thuốc Mô-ri-xơ, ngôn ngữ của chúng ta tốt đối với tất cả và có thể sử dụng cho tất cả, và nó chỉ thiếu có một ít điều, nhưng là điều cực kỳ cần thiết – đó là văn phong chính trị! Quả vậy, trong những giây phút nguy hiểm nhất, khi thánh đường Khuê soi bóng xuống nước sông Ranh, mà nó thường làm như thế chỉ trong

1* – nghĩa là bị thiến. Ám chỉ tiểu sử của nhà triết học thời trung cổ A-be-li-ác

2* – Êc-nơ-xtơ Au-gu-xtơ

những thời điểm gay gắt, với sự cho phép tối cao của chính phủ, tiếng Đức có được một khí thế chính trị nào đó, và khi ấy mỗi cánh đồng khoai tây được gọi là "khu vực", tất cả những người tỉnh lẻ trung thực đều trở thành những "tay hảo hán", mỗi người thợ may áo lót đều bỗng nhiên trở thành "gái trinh" Đức. Nhưng đó chỉ là văn phong chính trị có tính chất phòng thủ, thường bước lên vũ đài cùng một lúc với bọn dân binh. Ngôn ngữ của chúng ta chưa trở thành ngôn ngữ tấn công. Khi người Đức muốn đề ra yêu sách đòi những quyền chính trị sơ đẳng nhất của mình được ghi nhận cho họ bằng văn kiện và theo tất cả mọi quy tắc của pháp luật trên giấy có in quốc huy, cũng như bà vợ của người ấy được ghi nhận theo hôn ước, khi đó người ấy sẽ đưa bản hôn ước kèm theo một số lượng những điều bổ sung và trình bày nó bằng lối hành văn rườm rà, thêm vào đó là những lời diễn đạt dài dòng về sự tôn kính, sự quý trọng cực kỳ sâu sắc, lòng mến yêu bất tử và lòng trung thành bất diệt, đến nỗi yêu cầu đó có thể coi là bức thư tình đúng phép lịch sự của người thợ bạn học nghề may hơn là một yêu sách chính đáng. Người Đức không đủ dũng khí để đòi hỏi quyền lợi, và vì thế anh ta một nghìn lần xin lỗi các nhà chức trách về việc dám nghĩ, dám phỏng đoán, dám bày tỏ ý kiến của mình hoặc có hy vọng bảo vệ đến cùng thêm một yêu sách chính trị nữa. Có nên nêu với các vị, chẳng hạn, một số lớn những đơn thỉnh nguyện như vậy về quyền tự do báo chí của hầu tước Pô-da, người khoác bộ trang phục sân khấu phủ phục dưới chân vua Phi-líp mà tâu: "Tâu bệ hạ, xin bệ hạ ban cho tự do tư tưởng!"^{1*} hay không. Và tiếp theo đó, có nên ngạc nhiên nếu những đơn thỉnh nguyện như vậy bị vua Phi-líp bác bỏ với những lời: "Người mơ mộng lạ lùng!"^{2*} và bị bỏ xó hay không. Số ít người Đức - với tư cách là luật sư của tổ quốc mình - dám trình bày các quyền chính trị của người Đức bằng ngôn ngữ cô đọng và biểu cảm, như các bậc trượng phu cần phải làm - đã ngã xuống thành nạn nhân của sự tra khảo của nhà nước, duy chỉ vì sự hèn nhát của văn phong chính trị chúng ta. Vì ở nơi nào sự hèn nhát là chuyện bình thường thì ở đấy sự dũng cảm đồng nghĩa với tội ác! Nhà văn chính trị của thời đại chúng ta sẽ có nguy cơ bị hành quyết trên bánh xe chỉ vì một lỗi đơn giản trong văn phong, chỉ vì người đó nói lên sự thật trần trụi mà không bọc lời nói và ý nghĩ của mình trong một hình thức do quan nghi lễ quy định, và tất cả những điều đó đều vì quyền lợi. Trong khi cần lợi dụng các quyền chính trị, văn phong Đức trở nên hèn nhát như hoạn quan, cũng như trở nên bợ đỡ

1* *Si-lo*. "Đôn Các-lốt, hoàng tử Tây Ban Nha". Màn ba, cảnh 10.

2* Như trên.

vụng về đối với những kẻ mạnh của thế giới này. Chỉ cần một người nào đó bảo với vua chúa: "Tôi sẽ bảo vệ quyền lợi và công lý!" – trên các báo chí lập tức xuất hiện cả đám những câu nói mà, giống như đàn ong hoang bay tới những giọt mật, say sưa kêu vo vo rầm rầm trên địa bàn chính trị hoang vu đã phát hiện được một kho báu. Điều gì có thể xúc phạm hơn đối với vua chúa, nếu tất cả các báo lu loa chỉ về nguyện vọng mà ông ta nói lên là muốn thực hiện bốn phạm đầu tiên nhất của người cầm quyền mà không thể thì vị ấy sẽ giống Nê-rông hoặc Bu-di-rít, như nói về một đức hạnh đặc biệt, chưa từng có của vua chúa? Và điều đó diễn ra trên các báo của chính phủ trước con mắt của các nhân viên kiểm duyệt, dưới sự che chở của Quốc hội hiệp bang! mà có nên vận dụng điều 92 Luật hình sự trong toàn bộ sự khất khe của nó đối với một người nào đó ca ngợi vụng về như vậy hay không?¹⁸⁰

Bài giảng thứ tư dâng tặng "Những biến tấu về chủ đề hiện đại và dân tộc được ưa thích". Trong số những biến tấu ấy có "Quan hành chính của dòng tu", bắt đầu như sau:

"Các vua chúa là những mục sư của các dân tộc, như Hô-me đã nói, từ đó toát lên rằng các dân tộc là những con chiên của vua chúa. Các mục sư rất yêu con chiên của mình và dắt họ bằng sợi dây lụa nhiều màu để họ không bị lạc, còn con chiên thì chiêm ngưỡng dây buộc kiểu diêm, óng ánh có tất cả các màu của cầu vồng ấy và không nhận thấy rằng đồ trang sức đó đồng thời là xiềng xích đối với họ, và chính vì thế mà họ là những con chiên" v.v.¹⁸¹

Bằng bốn bài giảng ấy, Va-le-xrốt đã chứng minh khả năng của mình là một người hài hước. Nhưng như thế chưa đủ. Những bài như vậy, trong khi chỉ đóng vai trò những bài giảng riêng lẻ, có quyền là những bài giảng tách rời nhau, cách biệt, không có sự thống nhất; song người hài hước thực sự sẽ nhấn mạnh càng nhiều hơn nữa so với mức mà Va-le-xrốt đã làm, cái nền chung của một thế giới quan thoáng rộng tích cực, mà cuối cùng những sự chế giễu và phủ nhận đủ loại hòa tan trong đó làm mọi người thích thú. Về mặt này, bằng cách xuất bản cuốn sách nhỏ nói trên, Va-le-xrốt đã giao cho mình trách nhiệm thực hiện càng nhanh càng tốt những niềm hy vọng mà ông đã nêu ra và chứng minh rằng ông có thể tập trung và nhào nặn các quan điểm của mình thành một chỉnh thể, chứ không chỉ tung chúng

ra như ở đây. Và điều đó càng cần thiết vì ông tỏ ra gần gũi với các tác giả của nhóm "Nước Đức trẻ" đã quá cố⁵ bằng việc cùng xuất thân từ Béc-nơ, bằng các quan điểm và phong cách của mình; song hầu hết những tác giả thuộc loại này đã không đáp ứng những hy vọng đã đặt lên họ và đã sa vào sự suy nhược vốn là kết quả của những khát vọng muốn vươn tới sự thống nhất nội tại nhưng không có kết quả. Việc không có khả năng tạo được cái gì đó hoàn chỉnh là hòn đá ngầm mà họ đã ra vào, vì bản thân họ không phải là những người *hoàn chỉnh*. Nhưng ở Va-le-xrốt đôi nơi có thể thấy được quan điểm cao hơn, hoàn hảo hơn, điều này cho ta có quyền đề ra cho ông một yêu cầu - làm cho những điều xét đoán riêng lẻ của mình cân bằng với nhau, cũng như với trình độ của triết học thời đại này.

Vả lại, chúng ta chúc ông thành công trước một công chúng đã biết đánh giá những bài giảng như vậy và trước nhân viên kiểm duyệt đã không ngăn cản việc công bố những bài giảng ấy. Chúng ta hy vọng rằng cách ứng xử của cơ quan kiểm duyệt như trong trường hợp này, sẽ khắc phục trong cơ quan ấy, chí ít là đối với nước Phổ, tất cả những nguyên tắc không vững chắc khác và cách ứng xử đó sẽ được phổ biến rộng rãi; rằng ở khắp nơi công việc kiểm duyệt sẽ do những người như ở Khuê-ních-xbéc tiến hành, như tác giả của chúng ta nói, ở đấy các nhân viên kiểm duyệt,

"với sự hy sinh kiểu tử vì đạo đã tự chấp nhận cái chức vụ đáng ghét nhất trong số tất cả mọi chức vụ, để không trao chức vụ ấy cho những người vui mừng chấp nhận nó"¹⁸².

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào cuối tháng Tư
đầu tháng Năm 1842
Đã đăng trên báo "Rheinische Zeitung" số
145, 25 tháng Năm 1842
Ký tên: Ph. Ô.*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

[BÚT CHIẾN CHỐNG LÊ-Ô]

Từ *Ha-den-hai-de*, tháng Năm. Tất cả những gì mà, theo sáng kiến sáng suốt của báo "Literarische Zeitung", triết học Hê-ghe-n không thể làm nổi, cụ thể là xây dựng một hệ thống các khoa học tự nhiên trên cơ sở các nguyên lý của mình, giờ đây báo "Evangelische Kirchen-Zeitung" bắt tay giải quyết theo quan điểm của mình và với thành công tuyệt vời. Bài viết về một tác phẩm của giáo sư Lô-i-pôn-tơ ở Éc-lan-ghen¹⁸³ đăng trên số gần đây nhất của báo này ký tên G.L. (Lê-ô) phát triển *cương lĩnh của cuộc cách mạng triết để nhất trong y học* mà tất cả mọi hậu quả của nó hiện nay thậm chí không thể lường trước được. Như mọi lần, cả ở đây Lê-ô cũng bắt đầu từ phái Hê-ghe-lin⁴⁸, tuy không trực tiếp nêu tên họ; ông ta nói về khuynh hướng phiếm thần luận, đa thần giáo đã nắm khoa học tự nhiên hiện đại, về việc "triết học mò mẫm giới tự nhiên và say mê các hệ thống tinh tế", đánh vào quan điểm giải phẫu học cho phép chỉ chữa bệnh cho từng bệnh nhân, chứ không phải ngay lập tức cho cả thể hệ và dân tộc, và cuối cùng đi đến kết luận,

"rằng bệnh tật là sự trừng phạt về tội lỗi, rằng những thế hệ huyết thống cùng chịu đau khổ về những tội lỗi của mình không chỉ về mặt thể xác, mà thậm chí cả về mặt tinh thần, nếu niềm tin mà lòng từ bi của chúa ban xuống không chặt đứt được dây xích của sự trừng phạt ấy. Sự sám hối không làm cho từng cá nhân thoát khỏi sự trừng phạt thể xác về những tội lỗi mà cá nhân đó đã phạm; thí dụ, sự sám hối không trả lại cho con người cái mũi, nếu cái mũi bị mất do sự buông thả tội lỗi của mình; cũng hết như vậy, do những nguyên nhân thuần túy tự nhiên mà ngay cả giờ đây ở những người cháu thường bị ghê răng do chỗ ông của chúng đã ăn nho chưa chín, còn sự trừng phạt tinh thần thì không chấm dứt tác động của nó chừng

nào niềm tin vững chắc chưa đến giúp đỡ. Thường hay có trường hợp con người suốt đời sống trong xa hoa và tội lỗi và đồng thời dường như kết thúc cuộc đời một cách hạnh phúc, để lại cho con cháu những mầm bệnh phá hoại thân kinh, chúng phát triển mạnh mẽ ở họ chừng nào người chết mà trong tâm hồn không một lời phúc âm nào tìm được mảnh đất tốt, trong trạng thái bị o ép cùng cực, do hậu quả của các bệnh đường sinh dục, trong con tuyệt vọng vợ lấy chiếc dao cạo và cửa cổ mình, đưa ra cho chính mình bản án đó mà lẽ ra người gây ra những đau khổ của người chết ấy, tức là người cố, phải chịu".

Người ta nói, ở bên ngoài sự xem xét như vậy lịch sử thế giới sẽ là một sự bất công quá quắt. - Lê-ô tiếp tục phát triển ý nghĩ của mình:

"Người có tội không có mũi đã hướng tới tín ngưỡng phải coi sự quái dị của mình chỉ là dấu hiệu của sự công bằng thần thánh và cái từng là sự trừng phạt đối với người không tin đạo trở thành nguồn tin mới đối với người có đạo".

Tình hình với các dân tộc cũng y như vậy.

"Những sự rối loạn và bệnh tật tinh thần cũng như thể xác của thời đại này hay thời đại khác, xét trên một góc độ nào đó, cả hôm nay, cũng như vào thời nhà tiên tri, đều là sự trừng phạt của chúa".

Những nguyên lý triết học..., tôi muốn nói, những nguyên lý tôn giáo mà trên cơ sở đó Lê-ô, người xứng đáng giữ vị trí bên cạnh Rinh-xây-xơ, tạo ra thực tiễn y học mới của mình là như vậy. Tất cả những điều bạn tâm nhỏ nhặt về việc chữa trị cho từng người hoặc cho bộ phận riêng biệt nào đó trong cơ thể con người phỏng có ích lợi gì? Cần phải chữa trị liền một lúc cho cả gia đình, cả dân tộc! Nếu người ông bị sốt rét thì cả gia đình, những người con trai, những người con gái, những người cháu cùng vợ con họ phải uống ký ninh! Nếu vua bị viêm phổi, thì mỗi tỉnh đều phải cử những đại biểu của mình để chích máu hoặc để cho cẩn thận, tốt hơn nên chích máu ngay lập tức của toàn thể dân cư với ngân ấy và ngân ấy triệu người mỗi người một ôn-xơ máu! Còn đối với cảnh sát kiểm tra vệ sinh thì kết luận nào mà chẳng thể rút ra được từ đó! Không người nào được phép kết hôn nếu không có giấy xác nhận của y tế rằng bản

thân người đó mạnh khỏe và tổ tiên cho đến tận cụ kỵ của người đó có thể tạng bình thường, cũng như nếu không có giấy xác nhận của mục sư rằng người đó, cũng như tổ tiên cho đến tận cụ kỵ của người đó luôn luôn tìm cách sống lối sống Cơ Đốc giáo, mộ đạo và có đức hạnh để, như Lê-ô nói, "tội lỗi của những người cha không rơi vào những người con cho đến tận chi thứ ba và chi thứ tư!" Vì thế địa vị của người thầy thuốc là

"có trách nhiệm đáng sợ và gây khủng khiếp trong tính chất lập lờ của nó, vì thầy thuốc cũng có thể là sứ giả của chúa đối với con người, mà sứ giả đó cố gắng giải thoát khỏi sự trừng phạt về tội lỗi của tổ tiên, lại vừa là *đày tớ của quỷ* tìm cách dùng sức mạnh của mình chống lại sự trừng phạt của chúa và thủ tiêu tác dụng của sự trừng phạt đó".

Lại có những kết luận bổ ích đối với nhà nước! Giáo trình triết học dự định dùng cho các nhà y học phải bị hủy bỏ và thay cho nó phải dùng giáo trình thần học. Thí sinh thi vào ngành y phải trình giấy chứng nhận về tín ngưỡng của mình, còn việc hành nghề của những thầy thuốc là người Do Thái thì nếu không hoàn toàn cấm thì nói chung cần phải hạn chế trong phạm vi những người cùng tín ngưỡng với họ mà thôi. Lê-ô nói tiếp:

"Người ốm, cũng như kẻ tội phạm, là thiêng liêng, bàn tay thiêng của chúa đặt trên người đó - ai có thể chữa trị thì sẽ được chữa trị! Nhưng người đó không được sợ thanh thép nung đỏ, thanh sắt sắc bén và cái đoi giày vò, khi nào chỉ một mình chúng có thể giúp người bệnh bình phục. Sự giúp đỡ yếu kém sẽ gây hại cho y tế, cũng như cho đời sống tập thể dân cư".

Còn bây giờ chúng ta sẽ cắt và đốt mạnh dạn hơn! Ở nơi mà trước kia vận dụng việc khoan xương thâm hại, giờ đây chúng ta sẽ giúp đỡ bằng cách đơn giản là cắt đầu; nếu phát hiện quả tim có khuyết tật - sự trừng phạt thông thường về những tội lỗi luyến ái mà người mẹ của bệnh nhân đã mắc phải - và nếu máu chảy về tim quá mạnh, thì chúng ta sẽ mở cho nó lối thoát bằng cách dùng dao đâm vào tim; ai bị ung thư dạ dày thì chúng ta sẽ cắt bỏ toàn bộ dạ dày đi. Bác sĩ già Ai-den-bác mà nhân

dân thường hát về ông, hóa ra không tồi đến mức như vậy - ông đơn thuần không được những người cùng thời hiểu mà thôi. Lê-ô kết luận, tình hình của những kẻ tội phạm cũng y như vậy: người cần phải trừng trị không chỉ là họ, mà cùng với họ là toàn thể nhân dân; còn những sự trừng phạt thi hành trong thời buổi thiếu sinh khí của chúng ta thì chưa đủ mạnh. Người ta bảo cần phải tra tấn và chặt đầu nhiều hơn nữa, nếu không thì số tội phạm sẽ nhiều hơn số chỗ làm trong các nhà lao động cải tạo. Hoàn toàn đúng! Nếu một người phạm tội giết người, thì toàn bộ gia đình người đó phải bị tuyệt diệt, còn mỗi cư dân của thành phố quê hương người đó thì phải nhận ít ra là hai mươi lăm roi về việc đồng phạm của vụ giết người ấy; nếu một người anh em ham mê tình yêu bất chính, thì vì chuyện đó tất cả những người anh em của anh ta đều phải bị thiến cùng với anh ta. Việc tăng nặng sự trừng phạt chỉ có ích mà thôi. Từ khi việc chặt đầu, như chúng ta đã thấy rõ trên đây, không còn là sự trừng phạt nữa, mà chỉ là sự cắt bỏ trong y học để cứu thân thể, loại tử hình này phải bị gạch xóa khỏi các bộ luật hình sự và phải được thay bằng việc xé xác bằng cách cho xe kéo, bằng việc lăng trì, bằng việc đặt nằm trên cọc nhọn, bằng việc hỏa thiêu, hành hạ bằng những chiếc kim nung đỏ v.v..

Như vậy; Lê-ô đã đem y học và luật học Cơ Đốc giáo mà chắc chắn chẳng bao lâu nữa sẽ phổ biến rộng rãi, đối lập với y học và luật học đã rơi vào đa thần giáo. Được biết, trên cơ sở cũng những nguyên lý ấy ông ta đã đưa Cơ Đốc giáo vào lịch sử và, chẳng hạn, đã tuyên bố những người Hê-gê-ling mà ông ta coi là con cháu của những người cách mạng Pháp phải chịu trách nhiệm về máu đã đổ ở Pa-ri, Li-ông và Năng-tơ và thậm chí về các hành động của Na-pô-lê-ông. Ở đây tôi nhắc đến điều này chỉ để biểu dương tính đa dạng đáng khen của tay hảo hán không

biết mệt mỏi này. Như người ta nói, trong thời gian tới sẽ ra mắt quyển ngữ pháp tiếng Đức của ông ta dựa trên các nguyên lý của đạo Cơ Đốc.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng từ 7 đến 11 tháng Năm 1842

Đã đăng không ký tên trên báo "Rheinische Zeitung" số 161, 10 tháng Sáu 1842

In theo bản đăng trên báo Nguyên văn là tiếng Đức

THAM GIA CUỘC TRANH LUẬN CỦA NGHỊ VIỆN BA-ĐEN

Béc-lin, 21 tháng Sáu. Ý thức chính trị ở nước ta càng phát triển, công luận của nước Phổ biểu hiện càng *tự do* và càng lớn tiếng, thì chúng ta càng thấm sâu cảm giác về sự thống nhất với những tộc người khác ở Đức, chúng ta càng thích thú quan sát các hiện tượng xã hội trong đời sống nhà nước của họ. Đó là bằng cứ chứng minh không thể bác bỏ rằng những hàng rào ngăn cách tồn tại lâu đến thế trong dư luận xã hội giữa Phổ và nước Đức hợp hiến đã sụp đổ và rằng không còn sự phân biệt dân tộc, một mặt, do sự tự mãn ngạo mạn của nhiều người Phổ và, mặt khác, do sự không tin của các phần tử tự do chủ nghĩa Nam Đức đối với chính phủ chúng ta gây ra nữa. Nếu ngay từ năm ngoài sự tiếp đón Ven-cơ đã được tổ chức ở khắp miền Bắc Đức, cũng như ở Béc-lin, đã nói lên sự dàn hòa của các đại biểu của sự tiến bộ Bắc Đức và Nam Đức, thì mãi giờ đây, với việc thiết lập chế độ kiểm duyệt tự do hơn ở Phổ, cả hai miền lớn của tổ quốc chúng ta bắt đầu hòa hợp với nhau ngày càng rõ rệt trong khát vọng thống nhất vượt tới tự do. Người Phổ bỗng nhiên từ bỏ thói tự mãn của mình, thói khoác lác và khoe khoang các thiết chế siêu hoàn thiện của mình; chưa đầy nửa năm đã chỉ ra những khiếm khuyết mà đa số đồng bào chúng ta trước đây chưa dám nghĩ tới. Mặt khác, báo chí Phổ có tư tưởng tự do, thậm chí thường công khai đối lập đã kích thích những người miền Nam Đức từ bỏ những định kiến còn rơi rớt ở họ chống

nhân dân Phổ và trình độ chính trị của nhân dân Phổ. Dễ hiểu là trong tình hình như vậy, các cuộc thảo luận ở nghị viện Ba-đen đã được chúng ta theo dõi hết sức chăm chú. Người ta dự kiến rằng sau khi nước Phổ khẳng định sự chín muồi về chính trị của mình trên báo chí, những người Nam Đức sẽ dốc mọi nỗ lực để không tụt hậu so với chúng ta. Song trong tiến trình thảo luận thủ tục tổ tụng ở nghị viện Vuyéc-tem-béc người ta đã thấy quá rõ rằng nghị viện này rất thiếu những bậc cự phách của nó năm 1833. Trái lại, sau trường hợp xảy ra với nghị viện đã bị giải tán có thể mong đợi ở Ba-đen rằng đời sống chính trị ở đây sẽ không ngừng lại một cách dễ dàng như vậy. Những làn sóng đấu tranh mạnh mẽ trong thời gian bầu cử là dấu hiệu lý thú nói lên sự sôi nổi và mối quan tâm đối với công việc nội bộ của đất nước. Và tuy báo chí không được phép cho chúng ta khả năng tham gia vào các sự kiện, dù chỉ từ xa, về mặt tinh thần, nhưng trong thời gian tranh luận về cuộc bầu cử ở nghị viện người ta bắt đầu nói đến những sự kiện đó, và giờ đây chúng đã nổi lên hàng đầu một cách hết sức rõ ràng. Đối chiếu với những lời ám chỉ mà báo chí thỉnh thoảng đưa ra về những lễ hội được tổ chức để mừng một số đại biểu, những cuộc tranh luận ấy đã cung cấp cho chúng ta một bức tranh sáng rõ về những ngày căng thẳng và đấu tranh đó. Trong thời gian bầu cử ở khu Svét-xin-ghen – Phi-líp-xbuốc người ta đã thấy, hơn nữa, đã thấy một cách hết sức đầy đủ, rằng không gì có hại cho chính phủ bằng sự thèm khát địa vị quá đáng của các quan chức. Những thủ đoạn đã được áp dụng ở đây để làm cho kết cục cuộc bầu cử nghiêng về phía có lợi cho Rét-ti-gơ, là những thủ đoạn chưa từng thấy đối với lịch sử hiến pháp Ba-đen. Chỉ riêng một sự thực đơn giản là khu vực bầu cử mà *hai mươi năm liền* luôn luôn bầu I-txơ-stanh làm đại biểu của mình, giờ đây, sau khi ông ta khá thường xuyên hành động theo những niềm tin của mình, bỗng đã làm ông ta thất cử và người ta đã bầu đại biểu là người

của đảng cầm quyền, chỉ riêng một chuyện như vậy cũng đủ chứng minh sự không tự do của việc bầu cử ấy. Sự thỏa mãn mà nghị viện đem lại cho I-txơ-stanh¹⁸⁴ lại càng đáng vui mừng. Trong nghị viện, người ta vui mừng nghe những người kỳ cựu của tư tưởng tự do Đức, I-txơ-stanh và Ven-cơ, cũng như thế hệ trẻ hơn, Rin-de-sven-đéc v.v. phát biểu theo phong cách quen thuộc từ lâu của mình. Việc bầu đại biểu Ma-ti – mặc dù có thái độ thù địch đối với ông ta - càng gây ra ấn tượng tốt, vì nói chung ông là nhà báo đầu tiên ở Đức ngồi trong nghị viện.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 21 tháng Sáu
1842*

*Đã đăng không ký tên trên báo "Rheinische
Zeitung" số 176, 25 tháng Sáu 1842*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

TỰ DO TƯ TƯỞNG CỦA BÁO "SPENERSCHE ZEITUNG"

Béc-lin, 22 tháng Sáu. Cách đây không lâu, báo "Spencersche Zeitung"^{1*} tự nó, - vì không ai khác định làm điều đó, - đã khen mình, lời khen mà, theo ý kiến của chính nó, nó xứng đáng được hưởng¹⁸⁵. "Nhìn lại phía sau" mà nó hướng vào hoạt động của mình trong nửa năm qua đã tỏ ra đủ để nó đi tới một phát hiện vô cùng quan trọng: chính là nó, báo "Spencersche Zeitung", đã vạch con đường cho phong trào vì tự do báo chí. Thật thú vị khi thấy rằng báo ấy với vẻ mặt trịnh trọng của lòng tự tôn được thổi phồng, trong bộ lễ phục được chải chuốt cẩn thận xuất hiện trước công chúng của mình và trước những báo xuất bản ở ngoài phạm vi nước Phổ, đồng thời chụp lên đầu mình vòng hoa tự do tư tưởng của công dân. Báo "Spencersche Zeitung" khẳng định rằng, nếu không có nó hoặc, nói đúng hơn, không có tác giả ký tên bằng ngôi sao, bảo vệ chủ đề đã nhắc tới, nói tóm lại, nếu không có tác giả ấy thì đến hôm nay không một tờ báo Phổ nào đạt được trình độ tự do tư tưởng như hiện nay. Mà cụ thể là, một khi xuất hiện chỉ thị về chế độ kiểm duyệt¹⁸⁶, tác giả được nhắc tới dường như đã thử xem có thể tiến xa như thế nào vào các mảnh khóe đối lập. Tác giả đó đã khẽ gõ cửa, và hãy nhìn kia! Người ta đã mở cửa cho anh ta. Đó là điều tự nhiên, vì những bài viết êm ả, ngoan ngoãn, có thiện ý, nhẵn nhụi và hiền lành rồi cuộc sẽ có thể được thông qua sớm hơn. Vì rằng anh ta đã phải coi người kiểm duyệt bài của mình là người có khả năng dù chỉ là để phân biệt gia súc và thú dữ. Nhưng xin chúa hãy cứu vớt! Tính chất bị cô lập của giới phi-

1* Ý nói báo "Berlinische Nachrichten von Staats- und gelehrten Sachen".

li-xtanh lớn đến mức trong tính hạn chế của mình nó coi ý nghĩ tầm thường nhất đã nảy ra trong đầu nó là độc đáo, thiên tài và phần nào duy nhất. Đã xuất hiện chỉ thị về chế độ kiểm duyệt; giờ đây mỗi nhà văn phải lập tức thay đổi cung cách viết của mình và phát biểu một cách tự do hơn. Song người của chúng ta núp dưới bóng ngôi sao nhỏ, tưởng tượng mình là con người duy nhất trên thế giới mà lý trí của người đó có khả năng làm cái việc kết hợp như vậy và muốn chỉ ra cho tất cả những nhà báo khác thấy một sự thực là từ nay họ có thể viết thoải mái hơn. Hơn thế nữa, anh ta coi mình là người có tư tưởng tự do. Anh ta ít nhiều có thiên hướng công khai. Có thể, trong ngõ ngách thâm kín nhất, bị khóa chặt của trái tim mình, anh ta áp ủ một ý nghĩ rụt rè về việc hoàn thiện các quan hệ đẳng cấp. - Vậy anh ta đã làm gì? Anh ta viết rất nhiều bài tạo thành một thang bậc đầy đủ tư tưởng tự do. Hôm nay công bố một bài viết dịu dàng nhất, ngày mai công bố một bài ít dịu dàng hơn 1/2 gran^{1*} v.v.. Rồi cuộc tác giả dừng lại ở nấc thang mà sự nhu mì và cái gọi là tư tưởng tự do cân bằng nhau. Và cái đó, con người ký tên ngôi sao nhỏ của chúng ta gọi là "mở đường" ư?!. Những ban biên tập còn lại của Phổ không coi là vất vả khi phải đọc báo "Spencersche Zeitung" để học ở nó xem tự do tư tưởng là gì! Điều nực cười là mặc dù vậy, nhà chính trị của chúng ta không

1* - đơn vị trọng lượng, bằng 0,062 gam.

thể hiểu vì sao bằng những bài viết của mình anh ta không gây được ấn tượng mạnh mẽ to lớn như các bài viết của một số báo khác gây ra, vì sao anh ta, người cầm ngọn cờ tự do tư tưởng Phổ, người mở đường vĩ đại lại bị chế giễu trên tất cả các báo xuất bản ở ngoài phạm vi nước Phổ và phải tự an ủi rằng người ta hiểu không đúng về anh ta.

Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 22 tháng Sáu 1842
 Đã đăng không ký tên báo "Rheinische Zeitung" số 177, 26 tháng Sáu 1842

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu

VIỆC ĐÌNH BẢN BÁO "CRIMINALISTISCHE ZEITUNG"

Béc-lin, 25 tháng Sáu. Từ ngày 1 tháng Bảy báo "Criminalistische Zeitung" ở đây "tạm thời đình bản". Điều đó có nghĩa là những đoạn văn dài của nó chống tòa án bồi thẩm vẫn không được công chúng tán thành như mong muốn. Báo "Criminalistische Zeitung" là tờ báo "Juste-milieu"^{1*} trong lĩnh vực pháp lý. Nó muốn có tính đại chúng và tính công khai, nhưng, xin chúa cứu vớt, - không muốn bất cứ viên bồi thẩm nào. May thay, ở nước ta người ta thấy ngày càng rõ tính chất nửa vời của lập trường như vậy, và số người ủng hộ tòa án bồi thẩm ngày càng tăng. Báo "Criminalistische Zeitung" đã đề ra nguyên tắc: không một ngành quyền lực hành pháp nào được chuyển trực tiếp vào tay nhân dân, do đó, cả chức vụ thẩm phán nữa cũng thế. Điều đó cố nhiên hoàn toàn không tồi, nếu quyền tư pháp không phải là cái hoàn toàn khác với quyền hành pháp. Ở tất cả những quốc gia mà sự phân chia quyền lực thực sự được tiến hành, thì quyền tư pháp và quyền hành pháp hoàn toàn độc lập với nhau. Tình hình ở Pháp, Anh và Mỹ là như vậy; sự lẫn lộn hai quyền lực ấy dẫn đến sự rối rắm vô vọng nhất, và kết quả cuối cùng của sự lẫn lộn như vậy sẽ là một người vừa là cảnh sát trưởng, vừa là điều tra viên và thẩm phán. Song, việc quyền tư pháp là thuộc tính trực tiếp của dân tộc thực hiện quyền lực ấy thông qua các

1* - "trung dung"

viên bồi thẩm của mình, - từ lâu bộc lộ không chỉ từ bản thân nguyên tắc, mà cả từ lịch sử. Về những ưu điểm và bảo đảm mà tòa án bồi thẩm đem lại, tôi tuyệt nhiên sẽ không nhắc đến - mất thêm ở đây dù chỉ một từ cũng sẽ hoàn toàn thừa. Nhưng trên đời có những luật gia, những người ăn chữ thâm căn cố đế mà châm ngôn của họ là: fiat, justitia, pereat mundus!^{1*} Tất nhiên, tòa án bồi thẩm tự do không hợp ý họ. Hẳn vì tòa án đó mà chẳng những chính họ sẽ bị mất những chức vụ tư pháp, mà cả câu chữ thân thánh của pháp luật, quyền không sinh khí, và trừu tượng sẽ bị nguy hiểm. Nhưng quyền đó quyết không được tiêu vong, vì rằng nó là vật thân hộ của họ cơ mà. Vì vậy, những ngài ấy kêu cứu, khi ở Pháp hoặc ở Anh, mặc dù tình huống của vụ việc được nhân chứng và sự thú nhận của bị cáo khẳng định các bồi thẩm viên xử trắng án cho một người vô sản bất hạnh nào đó trong cơn tuyệt vọng vì đói đã ăn cắp miếng bánh mì trị giá một xu. Trong những trường hợp như thế họ đắc thắng thốt lên: các vị hãy xem, hậu quả của tòa án bồi thẩm là như thế đấy, - sự an toàn của tài sản và chính sinh mạng đã bị phá vỡ, hành động phi pháp được xác lập, tội ác và cách mạng được tuyên bố công khai! - Chúng ta hy vọng rằng trong thời gian tới, báo "Criminalistische Zeitung" sẽ không bắt đầu "tạm thời" xuất bản trở lại.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 25 tháng Sáu
1842*

*Đã đăng không ký tên trên báo
"Rheinische Zeitung" số 181, 30 tháng Sáu
1842*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* - tư pháp sẽ được tiến hành, ngay cả nếu thế giới có diệt vong đi nữa!

GÓP PHẦN PHÊ PHÁN CÁC ĐẠO LUẬT BÁO CHÍ CỦA PHỔ¹⁸⁷

Béc-lin, tháng Sáu. Trước cư dân Phổ đã mở ra hai con đường để công bố tư tưởng của mình. Họ có thể công bố ý nghĩ của họ ở chính nước Phổ, nhưng lúc đó họ phải chịu sự kiểm duyệt ở địa phương; hoặc giả, trong trường hợp bị cơ quan kiểm duyệt địa phương cấm thì họ bao giờ cũng có thể in ở ngoài phạm vi nước Phổ, chịu sự kiểm duyệt của một quốc gia khác thuộc Hiệp bang Đức⁷⁷ hoặc sử dụng sự tự do báo chí ở nước ngoài. Trong tất cả mọi trường hợp nhà nước vẫn có quyền thi hành các biện pháp đàn áp chống lại những sự vi phạm có thể có đối với pháp luật. Trong trường hợp thứ nhất, những biện pháp thuộc loại như thế lẽ tự nhiên sẽ chỉ được thi hành cực kỳ hãn hũu, vì cơ quan kiểm duyệt gạch xóa nhiều chứ không phải ít, và chỉ trong những trường hợp hãn hũu nhất mới có thể bỏ qua tài liệu đáng trừng phạt. Còn đối với những tác phẩm được xuất bản trong điều kiện pháp luật nước ngoài về báo chí, thì có thể áp dụng nhanh hơn và thường xuyên hơn nhiều biện pháp tịch thu sách và truy tố tác giả. Vì vậy, để hình dung đầy đủ trạng thái chung của pháp luật Phổ về báo chí, điều rất quan trọng là không nên bỏ qua cả những biện pháp khủng bố mà luật ấy quy định.

Vì cho đến nay chưa có luật đặc biệt đàn áp báo chí, nên những đạo luật có liên quan đến vấn đề này cần phải tìm trong bộ luật Phổ¹⁸⁸, nơi mà những đạo luật ấy phân tán ở những mục khác nhau. Chúng ta có thể tạm gác những đạo luật trừng phạt về việc xúc phạm, về sự vô đạo đức v.v., vì chúng ta chủ

yếu chỉ đề cập đến tội phạm chính trị, và ở đây chúng ta tìm thấy những điều khoản tương ứng dưới các mục: tội phản quốc, việc lên án tảo tợn, bất kính hoặc chế giễu các đạo luật của đất nước và xúc phạm nhà vua. Như chẳng bao lâu sẽ thấy rõ, những đạo luật ấy được diễn đạt hết sức không rõ ràng và, đặc biệt là đối với báo chí, được lý giải rất mênh mông và tuyệt đối tùy tiện đến mức để xét đoán về chúng, chỉ có thực tiễn tư pháp là phải có ý nghĩa căn bản. Vì nếu giả thiết rằng tinh thần của mọi pháp luật đều được thể hiện trong các quan chức tòa án là đúng, thì cách lý giải đã được hình thành ở họ về những quy định riêng biệt phải trở thành yếu tố bổ sung căn bản của pháp luật ấy, cũng như trong thực tế, trong những trường hợp đáng ngờ, thực tiễn tồn tại cho đến nay có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định của tòa án.

Trong trường hợp như vậy, người viết những dòng này có khả năng bổ sung sự xét đoán của mình đối với những đạo luật báo chí của Phổ bằng một quyết định được nêu tỉ mỉ của một cơ quan tư pháp Phổ mà tác giả hiện có. Tác giả^{1*} của một tác phẩm về công việc nội bộ của Phổ¹⁸⁹ được in ở ngoài phạm vi nước này đã bị gọi ra tòa vì bị buộc tất cả mọi tội kể trên. Tuy bị buộc tội phản quốc, tác giả ấy hoàn toàn trắng án, nhưng ông ta bị coi là có lỗi trong việc lên án và chế giễu một cách tảo tợn và bất kính đối với các đạo luật của đất nước và tội xúc phạm nhà vua.

Điều 92 luật hình sự Phổ quy định tội sau đây được xếp vào tội phản quốc.

"Tội phản quốc là những hành động có mục đích dùng bạo lực lật đổ chế độ nhà nước hoặc mưu sát hoặc xâm phạm tự do của người đứng đầu nhà nước"¹⁹⁰.

1* - I.I-a-cô-bi

Có thể giả định rằng trong điều kiện hiện nay, cách quy định pháp luật ấy sẽ được tất cả mọi người thừa nhận là đủ. Nhưng vì khó dự kiến rằng những hành động loại như vậy được tiến hành thông qua báo chí và do những người nằm trong phạm vi của ngành tư pháp nước ta tiến hành, nên có thể coi điểm này ít có ý nghĩa đối với báo chí. Từ "bằng bạo lực" rõ ràng ngăn ngừa một cách đầy đủ để khỏi có sự tùy tiện hoặc quyết định thiên vị của quan tòa. Trái lại, điểm có ý nghĩa quan trọng nhất đối với báo chí là một điểm khác, cụ thể là điểm lý giải về việc bàn luận các đạo luật của đất nước khi không được phép. Những quy định của pháp luật về vấn đề này là như sau (Luật hình sự, §151);

"Người nào dùng việc lên án hoặc chế giễu xác láo, bất kính đối với các đạo luật của đất nước và các quyết định của chính phủ, do đó gây ra sự bất bình, người đó sẽ bị ngồi tù hoặc bị giam trong pháo đài với thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm"¹⁹¹.

Đạo dụ ngày 18 tháng Mười 1819 cũng thuộc loại này, trong đó ở tiết XVI, số 2, có nói:

"Trong trường hợp có hành động lên án và chế giễu xác láo, bất kính đối với các đạo luật của đất nước và các quyết định của chính phủ, hình phạt nói trên được áp dụng không chỉ tùy vào việc những hành động đó có gây sự bất bình và sự không hài lòng hay không, mà được áp dụng cho chính những lời phát biểu bị trừng phạt như vậy"¹⁹².

Nhưng điều đập ngay vào mắt là những quy định pháp luật ấy không rõ ràng và không thỏa đáng đến nhường nào. Những từ *xác láo* và *bất kính* có nghĩa là gì? Rõ ràng là trong tiết tương ứng của Luật hình sự, hoặc phần thứ nhất hoặc phần thứ hai của nó là thừa. Việc lên án hoặc chế giễu một cách xác láo đối với các đạo luật của đất nước được thừa nhận dường như là đồng nghĩa với việc khiêu khích gây ra sự bất bình, còn đạo dụ ngày 18 tháng Mười 1819 thì nói trực tiếp đến sự trừng phạt của những khái niệm ấy. Vì vậy, cần phải hiểu điều luật ấy như thế này: người nào có lỗi trong việc lên án hoặc chế giễu xác

láo và bất kính đối với các đạo luật của đất nước, người đó tìm cách gây ra sự bất bình hoặc sự không hài lòng về những đạo luật ấy và vì thế phải bị hình phạt nêu trên.

Mãi giờ đây chúng ta mới có thể hiểu rõ hơn bản chất của đạo luật. Việc đặt các khái niệm *xác láo* và *bất kính* cạnh nhau là sai lầm của nhà lập pháp, nó có thể kéo theo những sự hiểu lầm nghiêm trọng. Có thể bất kính nhưng không xác láo. Bất kính là một sai sót nào đó, là sự thiếu chú ý, là kết quả của sự vội vàng có thể xảy ra với người tốt nhất; còn sự xác láo thì giả định có animus injuriandi, ý đồ độc ác. Mà ở đây lại còn có sự chế giễu nữa! Từ "sự bất kính" đến "sự chế giễu" có một khoảng cách gồm ghê! Thế nhưng đối với thái độ này hoặc thái độ kia đều áp dụng một hình phạt *như nhau*. Hai khái niệm ấy khác nhau không chỉ về mặt lượng. Đó không đơn thuần là những mức độ khác nhau của cùng một sự vật, - chúng khác nhau về chất, về thực chất, chúng thực sự không thể so sánh được với nhau. Nếu có một người mà tôi mang ơn gì đó đi đến phía tôi, nếu tôi nhận ra người đó và tránh gặp người đó để không phải chào, thì như thế là *bất kính*; nếu tôi nhìn mặt người đó một cách xác xược, nếu tôi kéo sụp mũ xuống trán và đi qua, thúc cùi tay vào hông người đó thì như thế sẽ là xác láo; nhưng nếu trước mặt người đó tôi nhăn mũi và cau mặt với người đó, thì đây là *sự chế giễu*; một số người thậm chí coi là bất kính, nếu người ta lơ họ đi. Có thể kết hợp những sự vật khác nhau như vậy trong *một* đạo luật, ném chúng vào *một* đồng hay không? Dù sao thì ở đây cần phải gạch bỏ từ "bất kính", và nếu không thể hoàn toàn bỏ nó đi, thì cần phải dành cho nó một điều đặc biệt nào đó. Vì rằng sự chê trách "bất kính" không bao giờ có thể có *mục đích* nhen nhóm sự không thỏa mãn và sự bất bình, vì sự bất kính bao giờ cũng đều không *có ý*, là *vô tình* hoặc nói chung, không có ý đồ *độc ác*. Do đó, nếu để lại từ "bất kính" ở chỗ này, thì bằng cách đó diễn đạt ý nói rằng mọi sự lên án trật tự nhà nước đều

có mục đích gây nên sự bất bình và vì thế đáng bị trừng trị. Nhưng cách lý giải như vậy sẽ hoàn toàn mâu thuẫn với điều kiện kiểm duyệt hiện nay của chúng ta. Tóm lại, mọi sự rối rắm đều bắt nguồn từ chỗ, từ "bất kính" được chuyển từ bản chỉ thị về chế độ kiểm duyệt vào *luật*, nơi từ đó được dùng đúng chỗ. Trong những trường hợp có quan hệ với việc quản lý của cơ quan kiểm duyệt, có thể để cho nhân viên kiểm duyệt với tư cách là quan chức cảnh sát suy xét - chừng nào việc kiểm duyệt nói chung vẫn là một biện pháp cảnh sát, - có thể thừa nhận điều gì đó là "bất kính" hoặc "có thiện ý"; việc kiểm duyệt là một ngoại lệ, và ở đây những quy định chính xác không khi nào có được. Nhưng trong bộ luật hình sự thì không có chỗ cho khái niệm mơ hồ như thế, cho một địa bàn như thế để sự tùy tiện chủ quan lộng hành, và đặc biệt là không có chỗ cho nó ở những nơi mà sự khác nhau của các quan điểm chính trị *phải* xuất hiện và nơi mà các quan tòa không phải là những viên bồi thẩm mà là những quan chức nhà nước. Việc phê bình pháp luật ấy là đúng, còn việc chỉ trích sự lẫn lộn khái niệm là có căn cứ, điều đó có thể chứng minh tốt hơn cả qua các ví dụ về thực tiễn của các cơ quan tư pháp. Tôi xin dẫn ra quyết định của tòa án được nhắc tới ở trên, ký ngày 5 tháng Tư năm nay và đã được công bố.

Tác giả^{1*} của tác phẩm đã được nhắc tới đã mô tả trong đó các điều kiện kiểm duyệt, nhân tiện xin nói, đã tồn tại ở Phổ đến cuối năm 1840, trong đó những đoạn sau đây được khép tội cho ông ta:

"Như mọi người đã biết, ở nước ta không một bài báo nhỏ nhất, không một tác phẩm trên 20 tờ in nào có thể xuất hiện mà cơ quan kiểm duyệt không biết: nếu

1* - I.I-a-cô-bi

trong tác phẩm lý giải đề tài có tính chất chính trị, thì việc duyệt nó phần lớn là việc của nhân viên cảnh sát, với những cách diễn đạt không rõ ràng của quy chế kiểm duyệt (ngày 18 tháng Mười 1819) nhân viên này chỉ phải tính đến những chỉ thị đặc biệt của bộ trưởng. Hoàn toàn phụ thuộc vào bộ trưởng và chỉ chịu trách nhiệm trước bộ trưởng, nhân viên kiểm duyệt đòi buộc phải gạch xóa tất cả những gì không phù hợp với các quan điểm và ý đồ cá nhân của các thủ trưởng của anh ta. Nếu tác giả kiện anh ta, thì thường sẽ bị từ chối, còn nếu có được đáp ứng đi nữa thì cũng chậm trễ đến mức lời phúc đáp không còn ý nghĩa nào đối với người ấy nữa. Nếu không thì làm sao có thể có chuyện sau năm 1804, khi việc tán thành tính công khai danh chính ngôn thuận đã được công bố, không một tờ báo Phổ nào, cũng không một quyển sách nào xuất bản ở đây có thể tìm thấy một lời chê cực nhỏ liên quan đến lối hành động thậm chí của một quan chức nhỏ nhất; làm sao có thể có trường hợp để công bố bất kỳ tác phẩm nào có nội dung ám chỉ thậm chí bóng gió các vấn đề có tính chất xã hội (dĩ nhiên, sẽ không có ai liệt mục "Sinh hoạt nội bộ" trên báo "Staats - Zeitung"^{1*} vào đây) thì trước hết cần phải ra ngoài phạm vi nước Phổ!

Nhưng cả ở đây cũng không có lối thoát khỏi sự độc đoán tai hại của quan chức, mà Phri-đrich Vin-hem III đã nhận xét đúng đắn rằng đó là kết quả không tránh khỏi của việc đàn áp tính công khai: để những tin tức bất lợi xuất hiện trên các báo ở nước ngoài về hành động của các quan chức hoặc việc soi sáng ít nhiều tự do về các trật tự của chúng ta khỏi lọt vào Phổ, người ta hoặc cấm những tờ báo như vậy, hoặc - nhờ những biện pháp rất nổi tiếng - làm cho các ban biên tập của những báo ấy trở nên dễ bảo hơn. Chúng tôi - tiếc thay! - không phóng đại. Các báo Pháp quả thật được phép, nhưng đa số những tờ báo ấy không thể chuyển về Phổ bằng bưu kiện, thành thử việc gửi qua bưu điện *một* bản của báo ấy sẽ tốn trên 400 ta-le một năm; cái được tuân thủ chỉ là cái vẻ bề ngoài, còn trên thực tế thì việc cho phép như vậy đồng nghĩa với cấm đoán. Người ta hành động khác với các báo Đức. Nếu các chủ bút những báo này thậm chí coi thường lợi ích của chính *bản thân* mình những lợi ích hoàn toàn hiển nhiên đối với họ, họ không tỏ ra thận trọng, nếu họ cho đăng một bài không hợp lòng Béc-lin về nước Phổ hoặc về các quan chức Phổ, thì họ bị Chính phủ Phổ tới tấp trách cứ và kêu ca (người nào không tin điều này, chúng tôi xin sẵn sàng cung cấp tư liệu), họ sẽ bị dọa và đòi nêu tên các phóng viên của họ và chỉ với những điều kiện nhục nhã mới cho phép những chủ bút ấy đến được thị trường báo của Phổ¹⁹³.

1* - "Allgemeine PreuBische Staats - Zeitung"

Sau khi phác họa bức tranh ấy, bị cáo nhận xét rằng thực tiễn kiểm duyệt như vậy trở thành sự giám hộ nặng nề, thành sự o ép đích thực đối với công luận và rốt cuộc dẫn đến sự độc đoán cực kỳ tai hại và nguy hiểm như nhau của các quan chức đối với nhân dân, cũng như đối với vua.

Vậy thì đoạn trích ấy gây ra ấn tượng gì? Chẳng lẽ một tác phẩm được viết với giọng văn như thế giờ đây lại không được cơ quan kiểm duyệt Phổ cho phép hay sao? Phải chăng chúng ta sẽ không tìm thấy trên tất cả các báo Phổ lời xét đoán y như vậy về tình hình kiểm duyệt lúc đó hay sao? Lẽ nào không còn phát biểu những điều gay gắt hơn nhiều về những thiết chế giờ đây vẫn còn *tồn tại* hay sao? Và vậy thì quyết định tư pháp của chúng ta nói lên điều gì?

"Thần dân không có quyền phát biểu tương tự như vậy về các đạo luật và về các quyết định của chính phủ; những lời khẳng định rằng để công bố bất kỳ tác phẩm nào chứa đựng lời ám chỉ thậm chí bóng gió đụng chạm đến các vấn đề xã hội thì cần phải đi ra ngoài nước Phổ và rằng ngành kiểm duyệt dưới dạng như nó đang tồn tại ở Phổ đang trở thành một sự giám hộ nặng nề nào đó và trở thành một sự o ép đích thực đối với công luận, trên thực tế và trên lời nói đều là sự *lên án xác láo* và vi phạm sự tôn kính thích đáng đối với nhà nước. Còn lời tuyên bố rằng điều đó tạo ra sự độc đoán cực kỳ có hại và nguy hiểm như nhau của quan chức đối với nhân dân cũng như đối với nhà vua thì chứng tỏ rõ ràng xu hướng muốn gây ra sự bất bình và sự không thỏa mãn với những cơ quan nhận được sự đánh giá như vậy. Trong thời gian thẩm vấn hiện nay bị cáo tìm cách chứng minh rằng sự xét đoán của anh ta về ngành kiểm duyệt dựa trên các sự thực, và với mục đích ấy người đó đã dẫn ra một số trường hợp cơ quan kiểm duyệt khước từ cho phép đăng những bài viết có tính chất chính luận. Người đó cũng viện dẫn việc trao đổi thư từ đã diễn ra giữa cố vấn cơ mật Dai-phốt và chủ bút báo "Leipziger Allgemeine - Zeitung" để chứng minh việc báo đó thực ra chịu ảnh hưởng của Chính phủ Phổ.

Tuy nhiên, những lý lẽ đó rõ ràng là không có ý nghĩa vì, - chưa nói gì đến những ví dụ đơn lẻ về tính chất có lợi hay bất lợi của một quy định nào đó của nhà nước nói chung không chứng minh gì cả, - nếu thậm chí giả định rằng sự xét đoán mà bị cáo phát biểu là đúng đắn, thì hình thức phát biểu sẽ làm cho việc chỉ trích là xác láo và bất kính vẫn còn hiệu lực. Tác giả nói lên quan điểm của mình không

phải với giọng thảo luận bình tĩnh, mà đưa ra sự bài xích với những cách nói theo lối như vậy dù chúng nhằm chống những nhân vật cụ thể, chắc chắn sẽ phải coi chúng là sự xúc phạm"¹⁹⁴.

Tiếp theo, chúng ta đọc thấy:

"Bị cáo nói về pháp luật thị chính như sau: "Tất nhiên, trước hết cần phải phân biệt quy chế thành thị năm 1808 với Quy chế năm 1831 đã sửa đổi. Quy chế thành thị năm 1808 mang tính chất dễ dãi của thời ấy và lưu ý đến tính độc lập của công dân; còn Quy chế năm 1831 hoàn toàn là đối tượng che chở của chính phủ hiện nay và được kiên trì khuyến nghị cho các thành phố". Việc đối lập những cách nói trong những từ ngữ - tính chất dễ dãi của thời đó và chính phủ hiện nay - chứa đựng lời chỉ trích xác lác và có tính chất bài xích rằng chính phủ hiện nay chẳng những không dễ dãi, mà nói chung nó không đếm xỉa đến tính độc lập của công dân (?). Nhưng tính chất thiếu thiện ý của bị cáo và xu hướng đáng chê trách của tác phẩm của người đó thể hiện đặc biệt rõ qua những ví dụ mà người đó dẫn ra nhằm khẳng định sự so sánh mà người ấy đã đưa ra, trong đó người ấy trình bày hoặc không đúng hoặc dưới dạng không đầy đủ và bị bóp méo những điểm của cả hai Quy chế thành thị mà người ấy đã dẫn ra"¹⁹⁵.

Tôi càng có thể không dẫn ra những đoạn trích tiếp theo đó và không có quan hệ với vấn đề, vì nếu thậm chí có thừa nhận tính chất không đúng đắn và không đầy đủ của lời bị cáo trình bày, thì từ đó hoàn toàn chưa thể kết luận rằng người đó "có xu hướng không thiện ý và đáng chê trách". Tôi chỉ xin dẫn ra phần kết:

"Nếu chú ý rằng các hội nghị đẳng cấp hoàn toàn không có tính công khai, rằng điều đó gây ra sự bằng quan rõ rệt của các giai cấp có học thức đối với cuộc bầu cử, cũng như đối với những biểu hiện khác của đời sống xã hội, rằng cuối cùng, hai lần, vào năm 1826 và năm 1833, thể chế thị chính như vậy đã bị các đẳng cấp tự do chủ nghĩa của Phổ ở vùng Ranh bắc bỏ, thì có lẽ sẽ khá khó thừa nhận. Quy chế thành thị *rất được ca ngợi* của Phổ là biểu hiện của sự tự ý thức độc lập của nhân dân trái ngược với sự độc đoán của nội các, lại càng khó thừa nhận nó là sự thay thế chế độ đại diện hợp hiến"¹⁹⁶.

Về những lời ấy, quyết định của tòa án nêu rõ:

"Và đoạn ấy chứa đựng sự chê trách có tính chất chế giễu rõ rệt và cũng bộc lộ ý đồ gây ra sự không thỏa mãn và sự bất bình. Ai thực sự nghĩ đến việc làm thế nào

có ích cho tổ quốc, người đó sẽ không cố chứng minh rằng trước đây đã thi hành chính sách phù hợp hơn với lợi ích của nhân dân mà giờ đây người ta ngày càng từ bỏ, thay nó bằng một xu hướng có hại cho phúc lợi chung. Sự so sánh như vậy tình hình trước kia, cho rằng nó tốt hơn tình hình hiện nay là hoàn toàn không cần thiết để chỉ ra những cái gọi là khuyết điểm của chế độ hiện tồn; vì thế nó không thể có mục đích nào khác ngoài việc muốn gây ra ấn tượng rằng giờ đây người ta quan tâm đến lợi ích dân tộc ít hơn trước, và bằng cách đó mà kích thích sự bất bình và sự không thỏa mãn"¹⁹⁷.

Nhưng trích dẫn như thế đã đủ rồi, vả lại, tôi sẽ có thể dẫn ra nhiều gấp mười lần! Những điều đã nói ở trên về vấn đề pháp luật được xác nhận quá đầy đủ trong thực tiễn. Việc xác định khái niệm bất kính có liên quan đến thẩm quyền của cảnh sát, của cơ quan kiểm duyệt đã bộc lộ ra ở đây tác động có hại của nó. Do việc chuyển khái niệm đó sang miếng đất pháp luật, nó được đặt phụ thuộc vào chế độ kiểm duyệt mê mông hơn hoặc khắt khe hơn. Nếu chế độ kiểm duyệt trực tiếp hoành hành như vào năm 1840 thì một sự lên án cực nhỏ cũng đã tỏ ra là bất kính rồi. Còn nếu chế độ kiểm duyệt mê mông và nhân đạo như bây giờ, thì ngay cả cái mà lúc đó bị coi là xác lác, hiện nay được thừa nhận hầu như chỉ là bất kính mà thôi. Do đó mà có mâu thuẫn là trên báo "Rheinische Zeitung" và trên báo "Königsberger Zeitung"^{1*} được phép của cơ quan kiểm duyệt Phổ, hiện đang đăng những bài mà vào năm 1840 chẳng những không được phép, mà thậm chí còn bị trừng trị. *Chế độ kiểm duyệt* xét về bản chất của nó phải dao động; còn *pháp luật* thì chừng nào nó chưa bị hủy bỏ, nó vẫn là bất di bất dịch; luật không được phụ thuộc vào những sự biến động của thực tiễn cảnh sát.

Và cuối cùng - "kích thích sự bất bình và sự không thỏa mãn!" - Nhưng đây chính là mục đích của mọi phe đối lập. Khi tôi chê

1* - "Königlich - Preußische Staats - Kriegs und Friedens - Zeitung"

trách quyết định lập pháp này, thì dĩ nhiên, tôi có ý định bằng cách đó gây sự bất bình, và không chỉ trong nhân dân, mà thậm chí có thể cả trong chính phủ nữa. Nói chung làm sao có thể chê trách cái gì đó mà lại không có ý định thuyết phục những người khác thấy rõ, nói một cách nhẹ nhàng, sự không hoàn thiện của cái bị chê trách, có nghĩa là không có ý định bằng cách ấy gây ra ở họ sự không thỏa mãn? Làm sao tôi có thể vừa chê vừa khen, làm sao tôi có thể coi cái gì đó vừa tốt vừa xấu? Điều đó quả là không thể được. Tôi cũng đủ thật thà để tuyên bố thẳng thừng ý định của tôi bằng bài viết này, một bài viết gây ra sự không thỏa mãn và sự bất bình với §151 Luật hình sự của Phổ, và mặc dù vậy tôi vẫn tin rằng tôi chê điều khoản đó không phải một cách "xác lác và bất kính" như đã nói trong chính điều khoản này, mà là một cách "đúng đắn và có thiện ý" như diễn đạt trong chỉ thị về chế độ kiểm duyệt¹⁸⁶. Vì rằng chỉ thị về chế độ kiểm duyệt đã phê chuẩn quyền gây ra sự không thỏa mãn, và vẻ vang thay nhân dân Phổ, từ bấy giờ đã làm tất cả những điều có thể làm được để kích thích sự bất bình và sự không thỏa mãn. Nhờ vậy mà thực tế đã hủy bỏ phần này của §151 và đã hạn chế đáng kể khả năng bị trừng phạt của việc "chê trách bất kính". Điều đó chứng tỏ đầy đủ rằng điều khoản được phân tích ở đây là sự hỗn hợp và chồng chất những quy định khác nhau của pháp luật và của cảnh sát về mặt kiểm duyệt.

Điều đó cũng được giải thích rất đơn giản bằng thời gian, khi pháp luật Phổ được quy tụ thành một mối, bằng sự xung đột giữa sự khai sáng tư tưởng tự do của thời đại ấy và ancien régime^{1*} của Phổ lúc bấy giờ. Sự bất bình đối với chính phủ, đối với các thiết chế nhà nước lúc đó được coi hầu như là sự phản

quốc và nói chung là tội ác tạo cơ để điều tra tư pháp hết sức kỹ càng và kết án nghiêm khắc.

Việc xúc phạm nhà vua không làm chúng ta quan tâm nhiều. Từ trước đến nay, các nhà chính luận Phổ đã thể hiện sự tế nhị đủ để không đụng chạm đến cá nhân nhà vua. Đó là việc nắm bắt trước nguyên tắc hiến định về sự bất khả xâm phạm của cá nhân nhà vua, và điều đó chỉ có thể tán thành mà thôi.

Đồng thời cần phải khẩn thiết kiến nghị Ủy ban sửa đổi các đạo luật chú ý đến điều khoản đã được xét ở đây; còn chúng tôi thì vẫn như trước sẽ kích thích một cách thích đáng, có thiện ý và đúng đắn như đã nêu trên, đủ sự bất bình và không hài lòng với tất cả mọi tàn tích không tự do của các thiết chế nhà nước chúng ta.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Sáu 1842
Đã đăng không ký tên trong phụ trương báo
"Rheinische Zeitung" số 195, 14 tháng Bảy
1842*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* – chế độ cũ

**KINH THÁNH GIẢI THOÁT MẪU NHIỆM
KHỎI SỰ XÂM PHẠM XÁC LÁO, HOẶC LÀ
THẮNG LỢI CỦA NIỀM TIN,**

TỨC LÀ CÂU CHUYỆN KHỦNG KHIẾP, NHƯNG CHÂN
THẬT VÀ BỔ ÍCH VỀ CỐ THẠC SĨ BRU-NÔ BAU-O, NGƯỜI
CÙNG HỘI BỊ QUỶ CÁM DỖ, ĐÃ RỜI KHỎI NIỀM TIN
TRONG TRẮNG, ĐÃ TRỞ THÀNH CHÚA CỦA BÓNG TỐI,
CUỐI CÙNG ĐÃ BỊ THẢI VỀ HƯU

TRƯỜNG CA ANH HÙNG CƠ ĐỐC GIÁO
GỒM BỐN BÀI CA¹⁹⁸

BÀI CA THỨ NHẤT

Để người có thể ngợi ca xứng đáng vinh quang của niềm tin,
Tâm hồn ta ơi, hãy bay tới tận cùng vùng núi!
Nhưng tự người có bay nổi hay không
Nếu thiếu người đem sức mạnh cho đôi cánh?
Hãy cầu nguyện cho ta, ôi các đội quân những người tin đạo,
Và thơ ta sẽ vang lên dưới bóng phúc âm!
Lê-ô^{1*} từ bờ Da-a-lê, hãy tỉnh dậy với tiếng gươm gù,
Ôi *Heng-xten-bêch*, hãy dang cánh tay bách chiến!
Dắc-cơ thông thái, dây đàn lia ngoan ngoãn theo người:

1* – Hen-rích Lê-ô

BÌA CUỐN SÁCH MỎNG
"KINH THÁNH GIẢI THOÁT MẪU NHIỆM..."

Pháp sư vĩ đại, cho ta mượn những tai ương của người!
 Người cầm vự của cha trên trời mẫn cán,
Crum-ma-kho, hãy học động từ đốt trái tim!
Can-náp, hang tội lỗi hãy cho ta soi sáng,
 Bằng ngọn lửa thơ mình ca tụng niềm tin!
 Và người, dùng thánh giá đánh vào bọn hay giễu cợt,
 Ôi *Clóp-stóc*, đừng quên hộ tống ta!

Ôi nhà thần học *Giăng*, không có người ta sẽ ra sao?
 Hãy chúc phúc hành động táo bạo vĩ đại của ta.
 Ôi vua *Đa-vít* và người, *I-ê-dê-kin* tiên tri,
 Ta cùng các người phá hủy thói không tin.
 Để ta đưa đến cùng bài ca ngợi vinh quang của Chúa,
 Các người mạnh vì niềm tin, hãy quay mặt
 Cung kính nhìn chân ngài cao cả:

Lúc đó ta không sợ tiếng thét vô thần báng bổ! –

Sao đàn đồng ca im bật và không nghe lời tán tụng?
 Và thức ăn trời ban – bài ca thiên thần – đã gần cạn kiệt?
 Chẳng lẽ tinh thần lấu lỉnh đã thâm nhập trời xanh
 Và ánh sáng niềm vui từ mắt thần đã tắt?

Trong phạm vi ngự trị của hân hoan và khoái lạc,
 Ai cất tiếng khóc và tiếng than? Khóc than chi mà rầu rĩ?
 Đã lên tiếng những linh hồn chính trực,
 Chúng kêu gào khuấy động cả bầu trời:

"Chúa hãy nghe! Lời cầu nguyện của những kẻ trung thành,
 Đừng để họ chết trong khổ đau vô tận!
 Khi nào lòng kiên trì của Người chấm dứt,
 Khi nào loài báng bổ Chúa bị hành hình?
 Chừng nào Người cho nảy nở trong hang trần thế
 Những kẻ láo xược vô thần? Xin Chúa nói chừng nào
 Nhà triết học sẽ nghĩ "tôi" của hắn là "tôi",

Chứ không phụ thuộc vào tồn tại của Người?
 Lời kẻ không mộ đạo ngày càng lão xược...
 Hãy xích lại gần ngày phán quyết con người vận mệnh xấu xa".
 Chúa trả lời: "Chưa đến giờ thổi kèn ra lệnh,
 Xác chết chưa bốc mùi thối rửa kia mà.
 Hơn nữa quân của ta - ta không giấu các người –
 Chưa sẵn sàng quyết chiến một phen.
 Thành phố Béc-lin nhan nhản kẻ tìm thân,
 Đối với họ chúa tối cao là trí tuệ tự hào;
 Họ muốn hiểu thấu ta bằng nhiều khái niệm,
 Để ta không thoát khỏi vòng tay sắt thép.
 Và *Bru-nô Bau-ơ* với ta kẻ nô lệ trung thành –
 Toàn suy ngẫm: thể xác vâng lời, tinh thần yếu đuối.
 Nhưng không phải chờ lâu. Ông hát tung lưới tư tưởng,
 Và xa - tắng không thảng nổi ông ta;
 Đi tìm ta, cuối cùng rồi sẽ thấy:
 Ông sẽ giải cứu tinh thần mình khỏi lưới diệt vong,
 Niềm kiêu hãnh của tư duy tâm hồn phân xẻ;
 Trong niềm hân hoan tâm hồn ông phấn chấn.
 Đối với triết học kia sẽ là trò chơi xỏ
 Khi ông ta tin rằng có Chúa thật trên đời".
 Và tâm hồn những người mộ đạo hân hoan
 Bắt đầu đồng thanh ca ngợi Chúa mình:
 "Xứng với niềm vinh quang, vị chúa tể sức mạnh tối cao,
 Đã sáng tạo ra trái đất và bầu trời,
 Sắp đến ngày kẻ nghịch đạo bị Người trừng phạt,
 Và Người làm vẻ vang nô lệ của mình"
 Chúa nói tiếp: "Đúng, Bau-ơ ta đã chọn,
 Để dẫn dắt người theo đạo vào trận đánh cuối cùng
 Khi cơn phần nộ trút lên thế gian đầy tội lỗi,

Trái đất vỡ đôi và dòng lửa phun ra từ miệng nó,
 Khi những ngọn roi ướt đẫm máu đào
 Quất xuống mặt biển và đám mây đen châu chấu
 Che kín bầu trời làm núi run lên,
 Thú rừng khiếp sợ bỏ chạy khỏi hang, –
 Khi ấy với ngọn cờ: "vì niềm tin và ngai vàng vua chúa"
 Ông bay vào trận chiến tựa đại bàng non trẻ".
 Và tâm hồn những người mộ đạo hoan hỷ mạnh hơn
 Và bắt đầu đồng thanh ca ngợi Chúa:
 "Chúa, Người vĩ đại và không hề chiến bại.
 Mong khói hương thờ cúng tỏa mãi tới Người".
 Bài thánh ca hào hùng chưa dứt,
 Thì bỗng nhiên kẻ bạo tàn dữ dằn,
 Xuất hiện ồn ào, hôi tanh, cháy như ngọn lửa hắc ám,
 Và lưỡi nó liếm máu của những người ngoan đạo.
 Nó nhanh chóng đến gần ngai Chúa
 Và, không đưa đôi mắt xác lác cúi nhìn,
 Thét lên bất kính: "Người sẽ đợi đến chừng nào,
 Buộc ta bất hành động đến bao giờ mới thôi?
 Đứng là người sợ hãi cái ngày
 Xảy ra cuộc chiến giữa người và ta vì quyền lực,
 Ta sẽ làm các người thất bại
 Và ta sẽ chiếm vòm trời của người.
 Nếu người không hèn nhát, hãy sẵn sàng chiến đấu,
 Ra lệnh cho đại thiên sứ thổi kèn xung trận.
 Ta sẽ xếp quân đội của ta vào hàng ngũ:
 Chúng ta khao khát gặp người
 Và giết chết các thiên thần của người".
 Chúa: "Đợi đấy! Đã sắp đến giờ,
 Người sẽ biết trong chúng ta ai hùng mạnh.

Hãy nhìn xuống đất: ở đáy các diêm sẽ được nhân lên,
 Đẩy thế giới vào cảnh náo loạn gớm ghê:
 Đốt phá, bạo loạn và chiến tranh liên tiếp;
 Luật lệ bị lãng quên, niềm tin bị phản bội;
 Bọn gièm pha phồn thịnh, người sùng đạo khổ đau...
 Nhưng - gươm đã! – sắp tới sẽ khủng khiếp gấp trăm lần.
 Ta giờ đây chọn cho mình đày tớ trung thành,
 Để hấn ta báo cho những người có tội biết việc thiên đường.
 Hấn sẽ bị chê cười như một tên mất trí;
 Cái đó tiện cho ta để lập tức chấm dứt mọi điều.
 Giờ chưa điểm. Nhưng nếu tất cả sẽ diễn ra
 Như từ trước đến nay, – thì chẳng bao lâu giờ sẽ điểm".
 "Vậy chọn ai? Trong các người tên ai từ nay thiêng chứ?"
 "Ta đã chọn *Bau-ơ*". –

"*Bau-ơ* nào? *Bau-ơ* thạc sĩ ư?"

"Đích thị ông ta". –

"Chà, ông ta không đơn giản thế đâu:

Bài ca, cương vị đều không làm ông ta thích thú,
 Ông ta xin người những của báu hiếm hoi,
 Để lặng lẽ nhận thức chúng theo cách tư biện;
 Và trong giáo lý, trong những bí mật cầu kỳ
 Ông ta không tìm được sự yên bình cho tâm trí".

Chúa: "Giờ đây mặc ông ta với những điều kỳ lạ, –
 Hãy tin, trong não ông ta tất cả sắp sáng rồi;
 Mặc ông ta chìm trong suy tư táo bạo, –
 Người hãy tin điều này: ông ta mất trí".

Kẻ láu lỉnh: "Tôi quyết giành ông ta từ các người,
 Tôi sẽ đặt viên kim cương kỳ diệu ấy vào vòng hoa của tôi.
 Vì *Hê-ghen* ẩn trong nó như chiếc đinh, như thường nói;
 Tôi có thể tóm lấy cả chiếc đinh này".

Chúa: "Ta giao ông ta cho người chi phối,
 Hãy đi theo tâm hồn ngoan đạo của ông ta! Đừng dềnh dàng!
 Hãy bắt ông ta cùng người rơi xuống địa ngục đen tối của người
 Và hãy át ông ta bằng lời giễu cợt sâu cay.
 Nhưng điều ông ta có thể chứng minh là:
 Ai tin ta, người đó không mất con đường đúng,
 Dù ánh lửa dâm lây có dắt ông ta đi đâu chẳng nữa?"

"Tôi nhận lời thách của Người! – Kẻ láu lỉnh trả lời. –
 Đừng đợi ở *Bru-nô Bau-ơ* niềm vinh quang cho trời!"
 Nói rồi lao vào địa ngục như cơn bão.
 Để lại sau mình mùi hôi thối gớm ghê.

Chừng nào kẻ thù của chúa trên trời làm điều cần bậy
 Nổi lo âu bùng lên bất thần trong địa ngục;
 Địa ngục chìm ngập trong ngọn lửa; diên khùng;
 Vang tiếng hô: "Xa-tăng, hãy trình diện chúng ta!"
 Chính *Hê-ghen* cầm đầu quân nổi loạn.
 Còn *Vôn-te* khua dùi cui vun vút trên đầu,
Đăng-tông diên rồ, và *Ê-den-man* gào thét,
Na-pô-lê-ông, như thuở xưa, ra lệnh: "Tiến lên!"
 Bọn người lao qua đám khói mịt mù,
 Hung hăng đòi cai ngục bước ra trình.
 Và kìa con quỷ ranh mãnh từ trên trời lao xuống
 Tới những lãnh địa u ám của mình.
 Hấn quát: "Ầm ỹ gì vậy? Khuấy động hung hăng để làm chi?
 Hay các người muốn thoát khỏi tay ta?
 Ta đốt hỏa ngục cho các người còn chưa đủ,
 Hay ta chưa cho uống no máu quân mộ đạo?"
 "Im đi, – *Vôn-te* thét, run lên vì cảm phẫn, –
 Kẻ lười biếng! Ta gieo mối nghi ngờ phải chăng để,
 Mây mù tư biện bao phủ khắp nơi

Và triết học nổi tiếng là lừa bịp?
 Để ngay cả nước Pháp cũng hành hạ ta?
 Người chịu đựng tất cả điều đó? Xấu hổ! hãy là xa-tăng!"
 "Ta lập, - *Dấng-tông* thét, - phẩm hàm tế lễ cho lý trí
 Và giao công việc cho hàng trăm máy chém để làm gì
 Nếu giới quý tộc bất tài nhất
 Với giới giáo sĩ bất trị nhất lại đứng trên thế giới?"
 Ngay đó *Hê-ghen*, một con người ngôn ngữ sâu cay,
 Bỗng tìm được những lời cần để chửi.

"Tôi đã cố gắng đời mình cho khoa học,
 Tôi học thuyết vô thần không tiếc sức,
 Tôi đã đưa tự ý thức lên ngai,
 Tôi đã hữu hiệu tiến công vào thần thánh.
 Nhưng đã phải trở thành nạn nhân của những kẻ ngu si,
 Tôi bị người ta hiểu bừa bãi tứ tung;
 Và, người ta quàng xiềng xích lên suy luận,
 Để ra điều nhảm nhí, ngày càng phi lý.

Nhưng kia xuất hiện *Stơ-rau-xơ*, con người can đảm,
 Ông ta đã hiểu tôi chút ít phần nào,
 Ở Xuy-rích những người có thể lực
 Lập tức ra lệnh cho ông ta phải rời xa¹⁵⁰.

Nhục nhã dường nào! Con dao cách mạng
 Tôi đã sáng suốt phát minh – thế thì sao?
 Nay không đâu, không đâu có nơi nung nấu
 Cho máy chém, cho người bảo vệ tự do!

Vậy, tôi đã sống và suy nghĩ bấy nhiêu năm
 Uống công hồi xa-tăng? Hãy trả lời!
 Khi nào người trả thù hùng mạnh đến bảo vệ chúng ta,
 Người tiêu diệt kẻ nối dõi ngoan đạo?" –

Nghe tất cả những điều đó với nụ cười ngọt lịm.

"Đừng kêu ca nữa, – kẻ láu lỉnh trả lời, –
 Tôi mang cho các vị, những nô lệ trung thành một tin lành:
 Tôi đã tìm thấy người báo thù. Quả đúng vậy".
 "Thế đó là ai?" – mọi người sốt ruột hỏi.
 "Đó là *Bru-nô Bau-ơ*". Đã nghe lời đáp
 Bằng tiếng cười và tiếng thét căm hờn;
 Như sư tử phát khùng, *Hê-ghen* trút cơn phẫn nộ:
 "Đã chọn như thế đó! Người nhạo báng chúng ta, quân khốn kiếp.
Bau-ơ bắt lý trí phục tùng tòa án của niềm tin ngạo mạn
 Và ra lệnh cho khoa học đi tới đó với lời sám hối!"
 Kẻ láu lỉnh trả lời: "Người mù rồi, nhà thông thái kỳ diệu ơi.
Bau-ơ của ta không phải thế – không dùng thực phẩm trên trời
 Để giải cơn đói tinh thần của hắn:
 Ai kiên cường và dũng cảm sẽ giành tất cả,
 Cứ để cho hắn đeo mặt nạ ẩn nhẫn!
 Hãy tin ta, không lâu nữa: ta sẽ lột nó khỏi hắn ta".
 Và *Hê-ghen* lên tiếng: "Quý quy phục người!"
 Cả bọn hân hoan, cất tiếng reo khùng khiếp,
 Đưa chúa tể đến bên bờ địa ngục.
 Tựa chim đen, ông bay vút lên cao.

Trong phòng kín ngự trị tinh thần ảm đạm.
Bau-ơ chúng ta ngoan cường suy nghĩ mung lung
 Mất chăm chăm nhìn vào cuốn sách *Ngũ kinh*,
 Từ đằng sau kẻ láu lỉnh sờ vào chỏm tóc:
 "Ai, có phải *Mô-i-dơ* viết ra cuốn sách?
 Ôi triết học, những câu trả lời tối nghĩa của người.
 Ta đã nhận thức triệt để hiện tượng học,
 Và ta hiểu mỹ học về mọi mặt;
 Ta đi sâu khám phá các bí mật của lô-gích học
 Và đã hiểu thấu siêu hình học,

Và thậm chí thần học – than ôi! –
 Ta đã nắm vững nhờ mình động não.
 Ta nay là tiến sĩ, thạc sĩ,
 Ta lãnh đạo cả một loạt hội đồng;
 Bằng suy luận ta tin sức chúa
 Và dàn hòa với khái niệm tuyệt đối kia;
 Ta với sự sắc sảo phi thường
 Mọi bí mật am tường tất cả;
 Ta hiểu những giáo lý về chuộc tội,
 Về sáng tạo và tội tổ tông.
 Và thậm chí hiểu cả điều giáo lý
 Về việc thụ thai của cô gái tiết trinh.
 Nhưng – ôi! – toàn bộ đồ bỏ đi ấy không thể giúp ta
 Xua tan màn đêm bao phủ Ngũ kinh.
 Ai cho ta lời lý giải rõ ràng?
 Ta sẽ nhận từ đâu nguồn nhận thức sống còn?
 Đây quyển sách đầy những lời bí ẩn!
 Bản viết tay của Phi-líp-pi... mở ra
 Ta muốn mở nó ra. Nó sẽ chỉ cho ta lối thoát
 Ra khỏi mớ bòng bong đầy bản khoán vướng mắc.
 Vậy là từ những trang đầu phát ra tia sáng,
 Mạch phạm trù róc rách chảy đón đầu;
 Chúng chuyển những thùng vàng cho nhau liên tiếp
 Không mệt mỏi, hồ hởi vui tươi.
 Ở đây chiều rộng vô biên,
 Và chiều xa vô bờ bến.
 Vòng tay của khoa học và của niềm tin
 Dịu dàng đến thế?
 Lực lượng tự nhiên ở dưới tôi.
 Cảnh tượng đẹp làm sao! Nhưng – ôi đau khổ! –

Trên Ngũ kinh vẫn sương mù dày đặc
 Che đậy kín cội nguồn của nó.

Phi-líp-pi, hãy xuất hiện đi!"

Bức tường giãn ra, và bóng ma ba vòng nguyệt quế
 Bồng đứng trước Bau-ơ, gây nổi kinh hoàng
 "Ôi Bau-ơ, người đừng lẩn tránh con đường
 Hê-ghen đã vạch cho người trong lô-gích học!
 Ở nơi khái niệm tỏa sáng rõ ràng
 Người không thể dùng lý trí chống lại được đâu.
 Vì tinh thần đó là tự do cao quý"

"Hãy trả lời ta: ai là tác giả Ngũ kinh?"

Ồ, đừng im lặng, – ta van, hãy nói đi! "Cái giống người
 Chỉ là tinh thần mà tự người nhận thức,
 Không phải ta" ^{1*} .

- "Không phải người? Đừng đi, hãy báo ta biết con đường đúng".

Anh ta chồm lên, – nhìn xem, kẻ lấu lỉnh đứng trước mặt anh
 ta là

"Ha ha, ha ha, ha ha! Người bạn thần học,
 Hoang mang rồi, và không nói nên lời?
 Hẳn bạn không ngu đến thế, nhưng hơi chậm hiểu,
 Nên bạn phải lang thang trong vòng tròn quái ác".

Và Bau-ơ hoảng hốt vội vô kinh thánh...

Quý cười ha hả: "Đồ bỏ đi này có giúp người không?"

Từ lâu chúng ta đã quẳng đi rồi.

Chẳng lẽ nó vẫn còn làm người đăm đuối?

Chẳng lẽ trong buồng tu ảm đạm then cài,

Luôn luôn lo tìm kiếm phép mầu,

^{1*} Gơ-tơ. "Phau-xơ", phần I, cảnh thứ nhất ("Đêm").

Muốn lửa bùng cháy cùng với nước,
 Cho tinh thần ăn món hôi tanh. –
 Cái tinh thần thoát khỏi ngục tù đen tối,
 Phá vỡ xiềng gông, muốn đi xa mãi mãi, –
 Chẳng lẽ người giải người nổi buồn như vậy?
 Thật xấu hổ! Hãy nhớ về *Hê-ghen*, anh bạn:
 Ông có dạy anh kết hợp thành một khối
 Ánh sáng với bóng tối, lửa với nước, đối với thung lũng hay không?
 Không, mọi thực tại ông coi thường tất cả,
 Đối với Chúa ông là kẻ thù kiêu hãnh
 Dem lý trí đối lập với chuyện xưa truyền thống".
 "Lời của người, quý ơi, ta nghe như nhạc!
 Súc cảm dỗ của chúng quả là to lớn.
 Nhưng, quý ơi, ta không sợ nọc độc của chúng đâu, –
 Nhưng người cũng không tránh khỏi gông xiềng suy luận.
 Bởi lẽ mọi hiện tượng mở ra trước tinh thần ta;
 Nó có phải rút lui trước người trong bối rối?
 Ta biết người xảo quyệt, nhưng thủ thuật của người đã cũ:
 Người làm chúng ta say bằng ma lực ngôn từ,
 Hứa nâng tinh thần chúng ta lên trên xác thịt trần gian, –
 Bằng mồ hôi ma cà rồng đói máu,
 Người cho chúng ta làm chúa tể; thế mà chúng ta không đủ sức
 Giấu ý nghĩ khác, như ý nghĩ rằng chúng ta là như vậy.
 Sự lạnh lùng tê dại các đỉnh cao của người làm ta sợ.
 Nơi tinh thần phá hủy những gì đang nhận thức.
 Tinh thần hung ác của người giống thần Mô-lô-sơ cổ:
 Tìm cách hỏa thiêu tất cả những gì tích cực.
 Xa-tăng ơi, người thấy, ta biết quá rõ người;
 Trước mặt ta người dùng phôi bày những điều bịa đặt.

Ngũ kinh đây: ta chỉ hiểu đúng diện mạo nó thôi.

Và đây: ta đã thấu hiểu Do Thái đạo".

Quý chế nhạo: "Chà, có đúng là chuyện buồn cười?
 Người muốn biến cái hoen gỉ thành hào nhoáng.

Nơi có ngón tay chúa là cháy rận^{1*}

Nơi bình đồ đền thờ chúa vẽ trên trời^{2*}

Nơi tiếng chúa khắp nơi và trong từng khoảnh khắc

Nhân dân đều cảm thấy^{3*}, – suy luận có hợp không?

Người phí công động não chuyện vô vẩn này;

Với niềm tin tốt hơn hãy bước vào quyết chiến.

Hãy đi tới nơi tinh thần tin vào sức mạnh của mình,

Chứ không đào dưới mồ như con giun thẳm hại;

Nơi nó dựng cho mình ngai vĩ đại,

Còn niềm tin thì trước mặt nó ngoan ngoãn cúi đầu".

"Ôi quý, ta thăm nghĩ điều gì trong tĩnh lặng,

Người nói to với ta, gieo sự rạo rục ngọt ngào

Và làm vui tâm hồn bằng dự cảm chiến công.

Nhưng giọng nói bí mật rỉ tai ta: "Không thể!

Đời của người đã hết!"

"Người dùng tiêu phí thời gian.

Chỉ cần người muốn – trong nháy mắt gánh nặng ta đòi sẽ
 tiêu tan".

"Vậy ta phải bắt đầu từ đâu?" –

"Đừng nghĩ rằng ở đây đấy nhé,

Tại *Béc-lin* mộ đạo, thói kiêu ngạo tung hoành.

1* Sách II Mô-i-dơ, chương 8, 19.

2* Sách V Mô-i-dơ, chương 22, 8.

3* Sách V Mô-i-dơ, chương 25.

Người có thể bay lên không trung hoan hỉ.
 Và bóp chết niềm tin vô nghĩa.
 Ta đã định dẫn người đến Bon vui vẻ¹⁹⁹,
 Trên dòng Ranh sẽ gột sạch bùn hôi tanh định kiến.
 Nơi ấy người hồi sinh cuộc đời hữu hiệu, vui tươi
 Cùng miên liễu và bài hát say sưa kết liên.
 Nơi ấy thở tự do, là con đường thẳng lợi;
 Nơi ấy, hãy tin, lồng ngực người cũng hít thở tự do".
 "Hãy dẫn ta đi, ta thuộc về người rồi đó!" –
 "Nơi ấy ý kiến tranh luận thật hào hùng,
 Và ở đấy chân lý ăn mừng sự khai sinh của nó.
 Ở đấy trên hoang tàn tinh thần nghèo khó.
 Người sẽ dựng lễ đài thờ tư tưởng tự do!"

BÀI CA THỨ HAI

Nhục nhã cho người, ôi *Bon*, thành trì của tôn giáo!
 Hãy rắc tro lên vinh quang, từ nay hãy tự xử phạt mình!
 Hôm nay kẻ ranh mãnh đặt *Bru-nô Bau-ơ*
 Lên bục giảng mà đấng tối cao yêu quý.
 Ông nói sùi bọt mép, kẻ ranh mãnh nấp sau lưng
 Rót vào lời ông những dòng thuốc độc gian tà.
 Như chó phát khùng, hấn giận dữ thét;
 Kẻ bản thủ nói qua miệng Bau-ơ:
 "Người đừng ngả theo bọn thần học gian tà,
 Luôn sẵn sàng đánh lừa các vị.
 Chúng vui sướng xuyên tạc nghĩa những từ đơn giản
 Và lén lút đi trong bóng đêm như kẻ trộm.
 Chúng sẵn sàng đánh nhau ác liệt,
 Tranh giành nhau từng chữ như lũ chó điên;
 Hoạt động của chúng là đối trá, thuyết giáo là lừa bịp.
 Sương mù dày đặc của thuật nguy biện xấu xa.
 Như bầy trẻ thôn quê chán học trong trường.
 Có gì vui hơn là bỏ trốn tự do.
 Bày trò nô đùa âm ỹ và thầy giáo nổi khùng,
 Giơ roi dọa và chửi mắng hoài công! –
 Với văn bản nhà thần học khốn khổ phí công vật lộn;
 Văn bản đầy mâu thuẫn dường như chế nhạo ông ta.
 Ông ta siết nó trong kim và nhét vào sừng cừu cho đã.

Và quên đi những điều ông ta vừa nói.
 Và trong cuồng loạn thay đổi những từ,
 Cho đến khi tất cả mọi mâu thuẫn
 Cuối cùng vừa chạy đi vừa la hét.
 Rồi ông ta gào thét theo sau:
 Chạy đâu, chạy đâu? Quay lại? Các người không lịch sự!
 Với chiếc gậy niềm tin, và điên lên vì tức giận.
 Hung dữ hươu gậy tú tung,
 Và nhét chúng trở lại vào chiếc nôi ma thuật
 Để khỏi nông làm chết ngạt những kẻ đáng thương
 Tất cả họ đều như vậy. Giáo phái Phúc âm
 Cũng giống những nhà thần học tâm thần.
 Một người phái Phúc âm không thể nào hiểu được,
 Những điều người khác nói, và thế là xoay ra cách khác
 Anh ta thay đổi, xuyên tạc nghĩa của từ,
 Ngập ngày càng sâu vào trong mâu thuẫn;
 Nhưng việc đã làm xong, người tiền bối đã chết...
 Chống lại *Giăng* không ai trụ vững.
 Nhìn kìa "...Nhưng ở đây bùng lên nỗi căm hờn:
 "Kẻ bán bỏ chúa cút đi! Hắn sẽ không tránh khỏi sự trả thù.
 Và cái lưới phạm thánh kia sẽ bị cắt.
 Đuổi hắn khỏi nơi đây! Chúa, thật vĩ đại!"
 Nhưng phe khác lại hô: "Muôn năm người đề xướng
 Tư tưởng tự do và kẻ tử thù của bóng tối!
 Hãy im đi, đồ giả nghĩa. Nếu không cuộc đấu rồi đây
 Sẽ cho thấy, chúa tể của người mạnh hay không".
 "Đả đảo kẻ dối trá!" – tiếng hô vang từ bên phải.
 "Đả đảo bọn đạo đức giả!" – đám đông nổi loạn thét.
 "Im đi, những kẻ vô thần!" – "Hỡi những con cừu, cầm môn lại!
 Các người không thoát khỏi sừng dê".

"*Chúa tể của chúng ta - Ki-tô*" – "*Đối với chúng ta Bau-ơ là lãnh tụ*".

Những chiếc gậy vung lên, và tất cả chen nhau trong ẩu đả.

Trận chiến khốc tàn, mọi người hoài công la ó;

Ở đây gãy ghế dài, ở kia hỏng giá nhạc;

Những người vô thần dùng xây chiến lũy

Những người Cơ Đốc mai phục ném ra

Những tập kinh thánh nặng nề bay ra liên tiếp,

Rồi vội dè chúng dưới đống thánh thi.

Đám người ngoan đạo tấn công vô ích,

Mọi cuộc tấn công bị đánh bật dễ dàng.

Máu đổ lênh láng, không ít bị thương,

Nhiều người đã chết trong hàng ngoan đạo.

Nhưng kìa những đội quân vô thần sắt thép

Quét sạch chiến lũy ra khỏi đường đi,

Xông thẳng chiến trường đánh quân mộ đạo;

Quân chịu không nổi, bắt đầu tháo chạy, –

Chen lán, xô đẩy, tắc ở hành lang,

Chạy mãi đến cổng mới thấy hoàn hồn.

Được Chúa chỉ viện đội quân hùng vĩ

Gồm huấn đạo viên, dân biểu, nghị sĩ

Bằng lời dàn hòa họ đang tìm cách

Làm dịu hận thù; nhưng chỉ lát sau

Dòng chảy ào ào kéo họ vào dòng xoáy,

Trận đánh lan ra ngày thêm ác liệt.

Những mái đầu thông thái chịu đựng dùi cui,

Những chiếc lưng còng uốn lên thẳng đứng;

Mũi vênh bỗng nhiên trở lại khiêm nhường

Bụi sách tung lên như mây đen trong không khí.

Tóc giả liệng bay khỏi đầu những người thực chứng...

Sức ép tấn công của phái vô thần ngày thêm mãnh liệt.
 Khiếp sợ tội độ, *Phi-stơ* tái mét:
 Đứa con hèn mọn của người cha vĩ đại run rẩy.
 Dù *Bran-đi-xơ* có chạy, người ta vẫn không quên
 Phủ bụi các hệ thống lý luận trên áo cho ông.
 Than ôi! Việc thắng *Hê-ghen* đâu có được:
 Các đội quân của *Hê-ghen* đánh họ tan tành.
 Kìa, đòn của phái vô thần làm họ tan tác.
 Sức tấn công của phái này trở nên thực là dữ dội.
 Nhưng không! Trên trời mắt Chúa không ngái ngủ;
 Khi giờ tận số điểm cho bầy tôi của Chúa,
 Người cử *Dắc-cơ* xuống với đường ngôi mượt mà,
 Rót dầu thánh vào những trái tim bất hòa bối rối.
 Ông ta vừa rời khỏi vườn nho của Chúa,
 Mắt rực sáng, như những ngôi sao thâm lặng,
 Cái mũi to của ông là trụ cột của niềm tin vô hạn,
 Miệng ông thốt ra những lời yêu thương bất tận,
 Ông cười trên con lừa do Chúa chọn.
 (Đuôi con lừa này có dáng vẻ lạ lùng:
 Có gắn lời của những bản thánh kinh,
 Để làm cho kẻ thù sợ và chạy trốn.)
 Trong suy tư ông gục đầu xuống ngực.
 Ý Chúa trời chỉ đường cho lừa bước.
 Nghe tiếng hô chiến thắng kẻ thù từ đằng xa vọng lại,
 Ông ta muốn lộ trình theo hướng khác,
 Nhưng con thú ngoan đạo, kháng cự luôn,
 Bồng lông lên và mang theo người cười.
 "Lừa dễ mển ối, mi giở chúng gì đây?
 Vì sao mi ta thán? Ta đề nghị dừng chân".

Mi đi đâu đấy! Lừa ngồi phục trong bùn;
 Lần đầu tiên ông ta cầm roi, nổi giận,
 Đánh, đánh liên hồi; con vật không nghe theo,
 Nó nổi xung hất luôn người cưỡi xuống,
 Nhưng đột nhiên Chúa mở miệng nó ra,
 Và kỳ diệu báo những ý đồ của Chúa:
 "Thôi rút roi đi! Chúa thánh thần chặn đường ta lại!
 Đi vào chiến trận, ta đây phục tùng Chúa.
 Hãy nhớ dùng khí chiến công và hãy đứng lên,
 Hãy vì Chúa xông vào trận đánh.
 Chúa báo cho người, người hãy vĩnh tai nghe!
 Ôi *Dắc-cơ*, người hãy nghe tin lành từ miệng súc sinh;
 Từ trước đến nay người là *Dắc-cơ*, từ nay người là *Boi-ten*^{1*}!
 Từ trên cao người có sứ mệnh dàn hòa xích mích".
 Và *Boi-ten* ngược nhìn núi, nói: "Ôi, lạ Chúa,
 Vậy ai có thể hiểu thấu công việc huyền diệu của người?
 Qua con súc sinh người gửi tới tôi lời kêu gọi;
 Nghe theo lời, sẵn sàng xông vào trận".
 Nói xong vội đi ra chiến trường gian khổ,
 Qua những đồng nặn nhân tội nghiệp của đau khổ ê chề
 Ông ta mở đường băng qua bao trở ngại,
 Hát to thánh ca ca ngợi hòa bình.
 Cả hai phe đứng yên, tâm hồn bối rối,
 Và *Boi-ten* hào hứng quay sang phía họ:
 "Ở những nơi hồi nào từng vang lên tiếng đồng thanh tâng bốc
 Chẳng lẽ nay ngự trị sự bất hòa?
 Làm sao các người ở đây, trước mặt Chúa
 Dám đánh lẫn nhau trong cảnh rối trí điên cuồng?"

1* Chơi chữ: "Sack" - "cái túi", "Beutel" - "túi tiền".

Phe ngoan đạo bối rối lùi về,
 Về nhạo báng nhìn đạo quân phạm thánh.
 Và *Boi-ten* nói tiếp: "Ở đây thù hằn và đánh nhau đẫm máu.
 Còn trên trời – sự thanh bình an lạc yên vui.
 Nơi kia dàn đồng ca các thiên thần dưới chân ngài sáng tạo,
 Nơi kia là thiên sứ, con một của cha,
 Đồng cảm nhìn xuống trần gian đầy tội lỗi.
 Quanh người vang những bài ca chốn thiên đường.
 Ta thấy mặt thiên sứ như thể trong giấc mơ hoan lạc.
 Ta nghe: người truyền ý chí cho ta:
 – "Ta hoài công hy vọng vào *Bru-nô* nhà thần học!
 Nay không cùng với chúng ta và là nạn nhân của thần ác.
 Trước ngời trong buồng tu cửa đóng then cài,
 Nay lời Chúa ông ta quăng xuống bùn giẫm đạp.
 Tay sai của ông ta hành hạ anh em ta,
 Và ông ta, kẻ nô lệ phản trắc, sẽ bị nguyên!
 Chính lúc này người ta đã chọn. Người hãy dẫn
 Những người trung thành với Chúa vào trận đánh!
 Giữa những thành phố ồn ào và giữa những làng mạc vô danh,
 Thẳng yên lừa, hãy báo tin về những người đỡ đầu đau khổ,
 Hãy quàng tấm áo giáp của Chúa lên người,
 Vì ngày chiến đấu cuối cùng không xa nữa.
 Hãy nắm chắc lá chắn niềm tin; nó là hàng rào tốt nhất
 Ngăn mưu độc của quỷ và giáo mác diêm vương.
 Người hãy thắt vào eo chiếc thắt lưng cầu nguyện.
 Đội lên đầu, hỡi người chúng ta lựa chọn,
 Chiếc mũ cứu rỗi diệu huyền và hãy tra vào vỏ
 Chiếc kiếm linh thiêng và kiên nhẫn đợi chờ. Vậy thì lên đường!" –
 Chúa ơi, con hiểu lời kêu gọi, kẻ bầy tôi trung hiếu,
 Con đi quét dọn vô thần khỏi con đường tội lỗi".

Trong lúc đội quân trong trắng tiến vào đền,
 Như mọi khi, những kẻ vô thần chạy trốn vào quán rượu.
 Ở đây nhà tiên tri mộ đạo cho lừa phi nước kiệu
 Và tán dương chúa tể các lực lượng tối cao:
 "Khen thay đáng sáng tạo, tìm người đầy thiện cảm".
 Tất cả nghe thánh ca ở chung quanh,
 Trượng phu ta hồ hởi đi tiếp đường mình;
 Chúa khuyên con lừa lúc nào và đến đâu thì rẽ.
 Trong khi đó ở *Lai-pxích* lặng lẽ ngồi cạnh nhau
 Ba hảo hán được địa ngục chỉ định từ lâu.
 Kia là *Ru-gơ* điên rồ bên bàn ngời chễm chệ.
 Trên trán ông ta dấu ấn suy tư in rõ;
 Người béo phì, có thể nói, chàng trai diêm tĩnh;
 Nhưng móng vuốt ông ta sắc hơn dao kiếm.
 Có thể ví ông ta với kẻ nghiện bia;
 Nhưng thói hư tật xấu ông ta giữ kín trong lòng.
 Ôi *Ru-gơ*, cứ vui đi! Vui nhưng cẩn thận,
 Tòa án vĩ đại phán quyết, sẽ lột mặt nạ của người.
 Kẻ thứ hai ngạo mạn cúi gầm nhìn chiếc cốc, –
 Là *Prút-xơ* hung dữ, ngọn núi lửa sùng sục những đam mê.
 Ông ta đã cắt đứt hoàn toàn quan hệ với tính người;
 Mọi tình cảm, suy nghĩ của ông ta như con sứa.
 Ông ta, người làm thơ khéo léo, đặt vào những trái tim vô tội
 Một hạt giống vô thần tội lỗi.
 Cứ vui đi, *Prút-xơ*, nhưng vui cẩn thận:
 Tòa án vĩ đại phán quyết, sẽ lột mặt nạ của người.
 Sau chót, người thứ ba vênh vênh ri ri,
 Là *Vi-găng*, món hàng sống biết đi gồm những điều bịa đặt,
 Kẻ thường xuyên đỡ đầu quân phản Chúa,
 Hạng thuần và thành trì của toàn băng nhóm đáng gờm.

Người anh em, người không thể thoát bằng bộ râu của *Bluy-khơ!*
 Tòa án vĩ đại phán quyết, sẽ đẩy người xuống dưới âm ti!
 Cả ba người ngồi bên bàn, lòng đầy hờn giận;
 Bồng *Vi-găng* nói: "Tôi chi tiên có phải vì việc ấy,
 Hơn thế nữa, một khoản tiền không nhỏ,
 Để đạt được việc cấm "*Biên niên Ha-lơ*"?"^{1*}
 "Ôi thời buổi xấu xa! - *Ru-gơ* quát: –
 Để người kiểm duyệt không nuốt chửng tạp chí của tôi,
 Tôi đã trầy trật rút một phần ba ra khỏi bản thảo:
 Nhưng tạp chí của tôi vẫn vĩnh viễn xuống mồ".
 Về việc này *Prút-xơ* nói: "Than ôi, thơ tôi nằm đọng!
 Từ nửa năm rồi đao phủ kiểm duyệt không cho đăng.
 Nhưng không! Không được đâu! Các người không làm *Prút-xơ*
 chết được;
 Có lối thoát, quỷ tha ma bắt: trở về với thơ tình".
 "Đành vậy! – *Ru-gơ* thét (phấn nộ rục trong mắt ông ta), –
 Tôi được phép ra hợp tuyển thơ văn"^{2*};
 Hãy chảy vào đó, ôi những bài ca êm dịu ngọt ngào!
 Truyện ngắn buồn tẻ, hãy làm hồi sinh ngắn nào có thể".
 "Còn tôi, – *Vi-găng* nói tiếp – sẵn sàng mua
 Tiểu thuyết mới nhất của *Muy-gơ* gồm bốn tập"²⁰⁰.
 Từ nay tôi sẽ gắn tâm hồn vào các tác giả truyện ngắn;
 Kiểm duyệt thường tha thứ, với phái ngụ biện họ không cùng
 cặp.
 Các vị, những người ca ngợi bia và tình, tôi kêu gọi

1* – Haillische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst"

2* – "Deutsche Musenalmanach"

Và tôi thấy các vị trong mơ và trong thực tại.
 Vậy, anh em ơi, chúng ta hãy cùng chìa tay ra chứ,
 Và cùng nhau ôm chính phủ vào lòng".
 Bồng tinh thần láu lỉnh bước vào phòng.
 "Ê các vị, phái "*Tự do*"²⁰¹ – hẳn ta quát dữ dằn và man rợ, –
 Chuyện gì với lòng anh dũng, quả cảm của các người?
 Kiểm duyệt ra quyết định làm các người sợ sệt.
 Ta giờ đây xấu hổ dường nào vì tin các người,
 Các người, những con lừa khoác da sư tử.
 Khoan! Chỉ cần các người xuống địa ngục,
 Ở đấy ta sẽ phỉ nhổ bộ mặt phản bội của các người.
 Nhưng không, ta không để các người, bọn hèn nhát, vào địa
 ngục của ta,
 Ta sẽ đuổi các người tới Chúa, tới vườn ghê tởm ở thiên đường".
 "Thôi đừng uống công quát lác! – *Vi-găng* bồng thốt lên; –
 Các người không lối thoát! Người chưa nghĩ kỹ vấn đề!"
 "Các người ngu như một lũ lừa, – con quỷ tức tối thét: –
 Các người, những con lừa, vì cây mà không thấy rừng.
 Bọn ấy dám bác *Niên giám Ha-lơ*?
 Cứ đổi tên thành *Niên giám Đức* – thế là xong"²⁰².
 Từ nay sẽ làm chức năng kiểm duyệt,
 Mọi việc đâu vào đấy, chỉ xin đừng làm lỡ.
 Người nào "mày tao" với quỷ,
 Chớ cao chạy xa bay khi chớ mới bắt đầu sửa.
 Hãy mạnh dạn lên! Giờ đây ta đang vội,
 Ta xin các vị ủng hộ chủ nghĩa vô thần như trước".
 Nói rồi biến mất. Và thành linh xuất hiện – không ai đoán đội –
Anh Boi-ten; quanh anh ta bốc khói trầm hương.
 Anh ta ngồi trên lưng con lừa Chúa chọn.
 (Và cuối con lừa đó lên tận thiên đường.)

Ngước nhìn trời với ánh mắt cháy bỏng lạ thường.
 "Bọn phản Chúa!" – anh ta thét trong cơn giận dữ, –
 Chúa nói thế này: các ngươi là con của quỷ xa-tăng.
 Các ngươi đầy hận thù với những đứa con mộ đạo của ta;
 Lần cuối cùng ta cử đến các ngươi nhà tiên tri ta chọn,
 Để khuyên bảo các ngươi rời bỏ thói hư tật xấu;
 Hãy sám hối và phủ phục trước ta,
 Chừng nào chưa nằm bẹp dưới gót chân của quỷ.
 Chúa nói thế này: ta sẽ nghiêm khắc với những kẻ cứng đầu,
 Ta sẽ dẫn đến chết trong cơn thịnh nộ
 Và giao cho bầy tôi của ta hành hạ;
 Cho hai người, *Heng-xten-béch* và *Boi-ten* lịch thiệp!
 Mồ chôn những kẻ có tội ở trong bụng các ngươi.
 Chúa bảo thế" – Nói xong giận dữ bỏ đi liền.

BÀI CA THỨ BA

Ta thấy gì? Cả một phe lao nhanh, mang theo mùi thối!
 Có điều làm sao mặt trời không bị mùi thối che lấp?
 Những chiến binh ấy là ai? Ai đưa loài nghịch đạo
 Từ khắp nơi trên trái đất vào cuộc giao tranh?
 Không, đó không phải là chiến binh! Đấy là đồ cặn bã
 Từ khắp nước Đức sửa soạn mài lưỡi hái phản công.
 Họ đã cảm thấy giờ hành quyết tới gần.
 Cảm thấy Chúa đã từ bỏ họ, và bàn tay của quỷ
 Đã giơ trên đầu họ, họ đã muốn
 Từ bỏ những mục tiêu phản Chúa của mình. –
 Đột nhiên vang tiếng gọi: tiếng tù và oang oang của *Ác-nôn-đơ*
 Vội tất cả đến *Bô-ken-hai-mơ* dự hội nghị quỷ thần.
 Phái "Tự do", chúng ta sẽ ngồi bên lò sưởi đến bao giờ?
 Chủ nghĩa lãng mạn đã làm bại hoại tâm hồn dân chúng,
 Thế lực phản động ngự trị, và con nhện dê hèn như nhuốc
 Giăng mạng tóm những nhà khoa học nhiệt tình.
 Trên đầu *Bau-ơ* treo thanh kiếm của thần Đa-mô-clơ;
 Trong kiếm duyệt thành quả suy nghĩ của các người bị quét đi
 như trong bão.
 Đây là tuyên ngôn vắn tắt của tôi gửi các ngài.
 (Nếu người kiểm duyệt cho phép đăng chứ không muốn mất):
 Đã đến lúc chúng ta, những nhà ngoại giao đích thực, phải
 hợp sức;
 Và bàn biện pháp đấu tranh với kẻ thù không đội trời chung;

Tự do! Không từ nào đáng sợ hơn đối với bọn cầm quyền,
 Trong từ này chứa đựng bí mật của mọi tai ương;
 Và thiên sứ của Chúa đồng tình với bọn hiến binh
 Và chỉ yêu những kẻ giống súc vật.
 Vậy là, "Những người tự do", tôi mời các vị đến *Bô-ken-hai-mơ*;
 Ở đấy chúng ta sẽ mở chương chiến công mới".
 Hễ tuyên ngôn đến được tất cả xóm làng,
 Tìm những người vô thần tràn ngập niềm khao khát:
 "Mau đến *Bô-ken-hai-mơ!*" – mọi người đồng thanh cất tiếng.
 Thành phố *Béc-lin* tất nhiên cử ra những kẻ lão xược nhất.
 Ai đi đằng trước? Đó là *Ác-nôn Ru-gơ* sốt sắng;
 Tiếp bước ông ta là những tinh binh hung dữ.
 Còn câu lạc bộ Gia-cô-banh gì? Nơi tụ hội trẻ con
 So với đạo quân gớm ghiếc, vô thần này.
 Kìa *Khuép-pen* diễu hành với cặp kính bự;
 Ông ta lẽ ra phải ngồi trong xó, nhưng bằng cánh tay tàn nhẫn
Ru-gơ đốt ngọn lửa độc địa trong ngực ông ta.
 Ông ta đeo chiếc kiếm gủ bên hông phía trái,
 Lủng lẳng trông như đuôi chú quỷ con;
 Ông ta luôn ngoe nguẩy kiếm ngân vang.
 Vai đeo ngù, tay cầm loa hò hét
 Để mọi người – kể cả ở xa – đều nghe thấy
 Tiếng hét tuổi thanh xuân khát khao nhận thức.
 Và kìa *May-en* bước theo sau! Ông yêu cầu châu Âu
 Lưu ý tới ông ta – niềm hy vọng của những lực lượng địch thù.
 Trong bụng mẹ, ông ta đã nghiên cứu *Vôn-te*.
 Là kẻ hèn hạ, ông ta dẫn theo một lũ nhóc không ria,
 Là cháu họ của mình; ông ta có thể làm đôi bại họ về thị hiếu,
 Và giờ đây cùng toàn bộ bà con thân thiết
 Ông ta đâm đầu xuống địa ngục ân cần mến khách,

Còn người đi bên phía trái, mặc quần màu hồ tiêu,
 Trong ngực một trái tim đầy hồ tiêu xuyên suốt.
 Người cao cẳng kia là ai? Là *Ô-xvan-đơ*^{1*} thuộc phái Núi!
 Ông ta mọi nơi và mọi lúc đều không khoan nhượng
 Ông ta điều luyện một trò: đầu cơ máy chém.
 Và chỉ gắn bó với một đoản khúc trữ tình duy nhất,
 Cụ thể là đoản khúc, nơi vền vện một điệp khúc như sau:
 Forme vos bataillons! aux armes, citoyens!^{2*}
 Người gần ông ta, giống như lực sĩ,
 Có phải là *Ét-ga Bau-ơ* với tâm hồn rỉ máu hay không?
 Đúng, đấy là hấn ta! Kẻ độc ác, lông măng phủ đầy mặt.
 Tuổi còn trẻ, nhưng nham hiểm ngang ông lão;
 Chiếc áo xanh da trời hấn không che được tâm hồn đen tối;
 Bên ngoài ăn diện, bên trong là phần tử xăng-quy-lốt nhiệt tình.
 Một cái bóng bám theo kẻ uống máu không tanh:
 Tên lỏng của anh ta là *Rát-gơ*^{3*}, do anh ta tự đặt.
 Kìa là *Stiéc-nơ*, kẻ căm thù những điều kiện khó khăn.
 Nay ông ta uống bia, mai ông ta đòi: Máu!
 Hễ ai đó hét: à bas les rois^{4*}
 Ông ta lập tức họa theo: à bas aussi les lois!^{5*}
 Kẻ lê bước cuối cùng – đầu tóc bù xù, râu không cạo,
 Từ lâu không biết xà phòng, và chậu giặt là gì,

1* - bút danh của Phri-đrich Ăng-ghen.

2* - Hỡi đồng bào, hãy lập các tiểu đoàn, cầm vũ khí! (Lời của bài "Mác-xây-c").

3* - bút danh của E.Bau-ơ.

4* - đả đảo các vua!

5* - đả đảo cả luật lệ!

Bị tuổi già chó má uốn còng lưng – Pa-tơ-ri-ốt^{1*}
 Tinh thần thổ đế, đáng vẻ xăng-quy-lốt.
 Những người vô thần lao đi như vậy với tiếng thét, tiếng kêu,
 Người, quân bản thủ, giết chết họ dần dần.
 Đi đâu là *Ác-nôn*; các tập Niên giám
 Ông ta buộc lên chiếc sào dài như cờ sụy.
 Khi tất cả đã đến nơi tụ họp,
Bru-nô đã có mặt; trong cơn cuồng loạn,
 Ông ta vẫy trên không một tờ xé từ tác phẩm
 Mà đã dùng để mãi mãi xóa bỏ thánh kinh.
 Với chiếc áo lục trên thân hình gầy guộc
 Ông ta mạo nhận có họ hàng với gia đình yêu phụ.
 Người nào lao theo ông như cơn bão thảo nguyên?
 Đó là người con da sạm^{2*} thành *Tơ-ria* với tâm hồn *cuồng loạn*.
 Ông không đi - ông chạy, ông trượt như tảng băng trôi,
 Ánh mắt đại bàng lấp lánh, lòng quả cảm, can trường,
 Ông hồi hộp dang tay ra phía trước,
 Như thể muốn kéo sập vòm trời.
 Siết chặt nắm tay, đại lực sĩ không biết mệt
 Luôn chạy cuống cuồng như bị bầy quỷ ám!
Chàng thanh niên^{3*} từ *Khuên* tiến bước theo ông;
 Cả trên trời lẫn dưới địa ngục không có chỗ cho người như vậy.
 Trong ông, trong con người quý tộc trẻ giàu có ấy,
 Người xăng-quy-lốt hiên ngang hòa với người quý tộc!
 Tâm hồn ông đầy những con đường rối rắm,

1* - Ý nói L.Bun

2* - Các Mác

3* - Ý nói H.I-ung

Xa-tăng nuôi đạo quân cờ vàng trong túi ông ta
 Đi tiếp theo là *R-t-b*^{1*}, một kẻ đáng nguyên,
 Siết chặt nắm tay to tướng và dọa.
 Miệng không ngớt tuôn ra những cột khói:
 Bị các mỹ miều của thuốc lá vây quanh,
 Ông ta chỉ rời tẩu khi nào có dịp
 Há hốc miệng để giấu cột chúa cho vui.
 Nhưng nhân vật đáng gờm, hiệp sĩ oai phong,
 Là ai mà đến một mình từ phương nam đáp lời kêu gọi?
 Chính ông ta – cả một phái những người vô thần và trâng tráo,
 Trợn một kho những suy tư và ý đồ thâm độc,
 Lời phỉ báng luôn luôn trên cửa miệng;
 Đây là *Lút-vích* – xin Chúa xá tội! – *Phoi-ơ-bác*.
 Ông lặng lẽ đi, trượt trên mặt đất,
 Như sao băng khủng khiếp bị sức mạnh độc ác ném đi.
 Một tay nắm bánh mì, biểu tượng thức ăn,
 Tay kia cầm chiếc ly rót đầy rượu vang rực lửa.
 Ông ngồi đây trong bồn nước thánh sâu đến rốn,
 Học cách nên thực hiện phẩm tước thế nào.
 Theo ý nhà hiền triết, ý nghĩa các thánh lễ như sau:
 Là tắm, nhậ và uống, uống suốt ngày.
 Đón ông tiếng hô chào mừng âm ỉ,
 Người ta đưa ông vào tử quán để uống say.
 Và gây nên cảnh huyền não gớm ghê.
 Mọi người la hét, không làm sao nghe được cái gì.
 Mọi người lão đảo đi lên đi xuống và cơn bão ồn ào
 Không sao dịu ngớt, trong hội trường
 Trật tự đảo điên không sao ổn định:

1* – A.Ru-ten-béc

Đối với bọn họ – yên tĩnh tại đây là kẻ thù đáng ghét.
 Bỗng cơn phẫn nộ kích động *Khuép-pen* nãy giờ im lặng:
 "Ta ở thảo nguyên mông muội phải không!
 Những kẻ dã man, không biết xấu hổ khi làm huyền ảo
 Quên mất chúng ta đáp lời kêu gọi đến đây làm gì?
 Ôi *Ác-nôn*, lãnh tụ và bạn tranh luận bắt đầu,
 Và mau sử dụng sức mạnh chúng ta".
 Rồi *Ô-xvan-đơ* với *Ét-ga* – cùng cất tiếng quát:
 "Hãy im lặng! Làm gì ồn ào vậy?"
 Tất cả im ngay, và *Ác-nôn* nhân tiện nhanh tay
 Ba miếng bít-tết nhét ngay vào miệng,
 Nhảy phốc lên bụi, không quên chùi mồm,
 Nhìn khắp hội trường. Rồi sau thét lớn:
 "Tôi thấy xung quanh đại hội quái gì! Các bạn, hãy chuẩn bị
 xung trận!
 Hỡi "Những người tự do", vinh quang hay chết vì lý tưởng
 thần thánh đang chờ các bạn;
 Mặc cho phe phản động dọa chúng ta một cách hèn hạ,
 Mặc cho nó gầm rú,
 Mặc cho nó làm điều điên rồ! Được thôi!
 Nó có phá được đội ngũ kháng khí của chúng ta không?"
 Nhưng *Ô-xvan-đơ* cùng *Ét-ga* ngắt lời hùng biện;
 Tiếng hô của họ vang lên như tiếng gầm không giống của người:
Ác-nôn, người nói lời hay đã đủ rồi,
 Nay chúng ta đòi phải có cái khác: việc làm!"
 Đám đông nhúc nhích, tiếng "hoan hô" như sấm dậy,
 Từ bốn phía vang lên tiếng vọng: "Việc làm, việc làm!"
 Nhưng *Ru-gơ* bỗng thét, miệng giễu cợt:
 "Việc của chúng ta chỉ là lời nói, đã thế và từ rày sẽ thế,
 Quả thực tiền sẽ rụng từ cây trầu tượng".

Cả hai kẻ hay gào lúc đó chạy theo
 Công việc tuy nhỏ, ở trên bàn, như ở trên ngai,
 Người ta công kênh *Bau-ơ*; đám người đã ở xung quanh,
 Và Bru-nô, nhưng đại bàng, bay lượn dưới trần nhà.
 Hãy xem, mắt ông ta cháy lên cơn nóng điên rồ.
 Cơn phẫn nộ mãnh liệt như mây đen làm tối sầm vàng trán;
 Dưới ông ta, xem kìa, tiếng rú!... Nhưng – hãy nhìn – ở góc kia
Quái nhân từ Tơ-ria, cười *R-t-b*
 Gầm rú cuồng loạn. Cả hai gầm rú như thú hoang:
 "Này, người sẽ nuôi chúng ta bằng ngụ ngôn tới khi xuống lỗ!"
Bau-ơ: "Ôi người lóa mắt!
 Hãy nhìn xem!
 Đội quân người mộ đạo
 Ngày càng gần!"
Quái vật: "Loài đáng nguyên rửa
 Đang lớn, đang lớn!"
Bau-ơ: "*Boi-ten* cười con súc sinh,
 Nay ngao du khắp xóm làng!"
Quái vật: "Nghe nói, từ lâu Gia-vê định
 Lại cử Chúa cứu thế xuống trần".
Bau-ơ: "Không chỉ một thiên sứ nay dùng thuốc độc
 Đầu độc cuộc sống chúng ta:
 Phải đấu tranh với cả đàn".
Quái vật: "Nên biết nay dưới mặt trăng,
 Nhổ vào đầu, nơi nơi đều có chúa thánh thần".
Cả hai: "Ngoài việc chúa ba ngôi hành hạ chúng ta,
 Liên minh cảnh sát và tôn giáo cũng chẳng để yên!"
Quái vật: "Lính tráng của họ không ngái ngủ!
 Vậy ưu điểm của chúng ta ở chỗ nào?"
Bau-ơ: "Họ cầm vũ khí,

Còn chúng ta kém nổi gì kia?"
 Người kia thét: "Chúng ta sẽ quật lại chúng!"
 Nhưng *Phoi-ơ-bắc* lại thổi bùng sự bất hòa.
 "Chẳng lẽ – ông thét – các người không ngăn tranh cãi sao?
 Ai đòi công việc, xin cứ bắt tay vào việc!
 Người tự do chỉ tự mình cư xử;
 Ai là người báo cáo công việc mình cho người ấy?"
Khuép-pen bỗng đứng dậy: cặp kính sáng loáng hai con mắt.
 "Người phải "Tự do" lặng thinh trước các thánh Thiên cung:
 "Tại sao người chống liên minh, *Phoi-ơ-bắc*?
 Ở nước ta chỉ lập trật tự trong hàng ngũ;
 Dòng tiến bộ tới đằng xa lúc ấy sẽ chảy đều,
 Và – điều này quan trọng hơn cả – chúng ta sẽ thắng mà
 không đổ máu!"
 Đây *Ô-xvan-đơ* với *Ét-ga* phát khùng thét lên:
 "Người là người vô thần gì? – Người là kẻ thảm hại thuộc phái
 Gi-rông-đanh!"
Stiéc-nơ cảm phẫn: "Bạo lực đàn áp ý chí!
 Người ta muốn hò hét để áp đặt luật lệ cho chúng ta, phải thế
 không?
 Sau đấy mà còn gọi các người là phái "Tự do"!
 Không! Sự nô lệ dè tiện ăn sâu trong máu các người!
 Đả đảo mọi luật lệ! – Ở đây sự rối loạn hoàn toàn
 Có cơ bao trùm sự bao che của quý, –
 Bỗng vang tiếng ồn ào, và chiếc điều giầy
 Bay qua mái vào phòng; kia *Vi-găng* – ôi bê bối! –
 Xuất hiện trên chiếc máy bay riêng.
 "Các người xử sự thật nhục nhã! – ông ta kêu với họ.
 Chẳng lẽ việc ta bay

Trên các tập Niên giám^{1*}
 Đối với các anh còn ít hay sao.
 Tự ta cắt dán nó,
 Tự ta đã gắn thành điều.
Bluy-khơ của các người, hồi anh em!
 Trên đầu các người trong không trung ta bay lướt!
 Đả đảo sự nản lòng! Hãy can đảm trong niềm tin!
 Vì lẽ Phran-phước ở kề bên
 Cùng đoàn người dễ bảo.
 Tại đây êm ả thanh bình.
 Tại đây tiếng thỏ thỏ rụt rè,
 Sự xun xoe nô lệ.
 Các người không muốn noi gương họ?
 Hay là từ nơi kia thổi đến các người
 Ngọn gió chẳng lành.
 Ngọn gió dữ liên minh thổi tới?
 Và trong cái lạnh giá ấy
 Ngày càng khó, càng khó thở hơn
 Đối với phái "Tự do"? Vậy thì theo ta!
 Ta vẫy gọi các người đến *Lai-pxích*, nơi ta dựng thành trì
 Không bao giờ thất thủ trước cuộc tấn công,
 Ngôi nhà nơi ta mua bán chủ nghĩa Hê-ghen
 Nay ta đã biến thành pháo đài không thể phá đổ.
 Thế đấy, tất cả các người ta mời đến *Lai-pxích*!
 Nơi có trung tâm xuất bản, rồi sẽ là trung tâm đất nước".
 "Đúng, tới *Lai-pxích*! – hội nghị nhiệt tình hô hưởng ứng; –
 Từ đó chúng ta sẽ đi vào trận chiến cuối cùng".

1* – "Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst"

Vi-găng cuội diều bay vút, tất cả lũ lượt chạy theo;
 Và chỉ có *Phoi-ơ-bắc* là bất động. –
 Nhưng hãy cút khỏi những nơi này!
 Những miền xa mơn trớn cuốn hút ta.
 Thành phố *Ha-lơ* ở vùng *Da-a-lê* vậy gọi.
 Thành phố hoan lạc! Chúa cũng không quên người,
 Kẻ lấu lỉnh những người con của người không thể thắng.
 Dù *Ru-gơ* có mài sắc độc tố nước bọt mình,
 Để giữ được niềm vinh quang không bị ảm đạm của người.
 Và *Ru-gơ* giận dữ từ bỏ giới hạn của người.
 Hãy ca ngợi Chúa đã cho vận mệnh tốt lành!
 Và đúng thế! Hôm nay những người Chúa chọn
 Vui vẻ tập trung để ngợi ca Người.
 Đám đông tuyệt vời! Kia là người thợ giày,
 Cái ngực lép ra lệnh cho anh ta phải mộ đạo.
 Bên cạnh là chủ quán rượu mặt tròn nhưng tỉnh táo,
 Ông ta rót nước cho người để lấy tiền;
 Mặt trắng tỏa sáng dịu hiền và ngoan đạo;
 Sao không nói rằng người, nguồn niềm tin, là vĩ đại?!
 Bà đứng đó, còng lưng vì tội lỗi;
 Ngọn lửa niềm tin tỏa sáng xuyên qua thân thể già nua;
 Bà hát thánh ca sáng khoái như ở thiên đường,
 Luôn luôn làm dấu thánh trên ngực gầy khô.
 Nhìn kia, cả *Lê-ô* từ bờ cao sông *Da-a-lê*
 Lòng mộ đạo của ông ta được các đại thiên sứ thừa nhận;
 Ông ta tin tưởng đi tấn công phái *Hê-ghe-linh*⁴⁸,
 Ông ta tin tưởng bảo vệ cả giáo hội lẫn ngài vàng,
 Ông ta tin tưởng uốn nắn lịch sử xấu xa của vũ trụ;
 Đem ánh sáng vĩnh hằng của vũ trụ rọi vào.
 Hỡi những người trung thành, hãy đi vào ngôi nhà ấm cúng,

Và hát lên bài thánh ca tri ân Chúa.
 Người nghe kia! Lời hát của họ vang lên ngọt ngào êm ái.
 Và như trầm hương bay tới ngai của đấng tối cao:
 "Chúng con là xác thú trước Người.
 Xác thịt chúng con đầy mùi hôi thối,
 Trong tâm hồn chúng con có hạt giống của địa ngục.
 Từ lúc sinh ra, chúng con phải chịu tội
 Để cho quỷ xa-tăng vui sướng;
 Người hãy giẫm nát chúng con! Chúng con đáng thế!
 Khổ đau của chúng con
 Vẫn cần chữa khỏi,
 Xin Người ban bàn tay thánh.
 Người đưa chúng con lên trời,
 Nơi các thiên thần cao giọng
 Hát lời ca ngợi Người, lạ Chúa!
 Người đã đuổi đi tên ranh mãnh,
 Từng áp bức chúng con như vậy!
 Người hãy diệt kẻ đáng nguyên, lạ Chúa,
 Vì hành vi gian ác phải đền tội,
 Hấn phải bị trừng phạt!
 Nhưng kia, người thợ giầy làm dấu thánh treo lên ghé
 Và thuyết giáo về cái ác bao trùm trần thế:
 "Xem kia, mồm vực sâu đã mở ra trước chúng ta;
 Trong nó địa ngục réo sôi, ngọn lửa rực hồng, sôi sục.
 Ngày đến gần – cơn bão lửa bốc lên cuộn cuộn,
 Nó sẽ nuốt chúng ta tất cả tìn đồ Cơ Đốc giáo.
 Hãy nhìn xem! Ác ý của quỷ tăng lên gấp bội!
 Chúa vĩ đại! Chúng ta đi đến ngày tận thế".
 "A-men. – *Lê-ô* than, – hỡi anh em, hãy tin, hãy tin!
 Quỷ lang thang khắp thế gian, không hề giấu giếm.

Ba-bi-lon cử đến chúng ta một đại dâm phụ:
 Là nữ thần lý trí; bàn thờ và ngai vàng run sợ.
 Sao là *Ru-gơ*, không phải *Đấng-tông*? Chúng ta thấy trong *Bau-ơ*
 Một *Rô-be-xpi-e* khác! *Phoi-ơ-bắc* đáng ghét
 Sẽ còn vượt xa *Ma-rát* hung tàn!...
 Hãy cầu nguyện đợi ngày tận thế!"
 Ông ta kết thúc như vậy. Bỗng *Boi-ten* xuất hiện
 Thật bất ngờ; quanh ông ta bốc mùi trầm thơm ngát.
 Ông ta ngồi trên lưng con lừa Chúa chọn
 (Và cưỡi nó bay lên trời).
 Ngược nhìn trời với ánh mắt cháy lên sức nóng lạ thường,
 "Con đường đã dẫn tôi đến các người, – ông ta nói, – không vô
 ích;
 Chúa nói thế: Nhân vật này được ta chọn;
 Ông sẽ đưa quân ta vào trận đánh cuối cùng.
 Các người nay phải phục tùng *Boi-ten*.
 Trước mặt ông, kẻ thù của ta nhiều như cỏ dại.
 Chúa nói với ta thế, ta liền phủ phục
 Và nhả nhục làm theo lời của Chúa.
 Ta lên đường với tâm hồn đầy quả cảm,
 Để dùng niềm tin rọi sáng hang sâu đầy tội lỗi.
 Và ta đi tới lâu đài của vua chúa có quyền,
 Tới dinh thự quyền quý, tới nhà của người giàu;
 Trong cảnh bận rộn thường ngày tràn đầy ham muốn;
 Ở đấy ta chỉ gặp sự giễu cợt và coi khinh.
 Những kẻ phàm ăn ngồi quanh bàn thịnh soạn,
 Đầy ấp thức ăn, và nhấm nháp rượu vang.
 Phủ bụi trên chân, ta bực tức đi ra.
 Nhưng ban đêm trong mơ Chúa tôi xuất hiện

Và bảo: "Lạc đà sẽ chui qua lỗ tròn kim
 Còn nhanh hơn người giàu lên thiên đường kia chứ.
 Người hãy đến với người nghèo! Ở đấy trên con đường lớn,
 Những kẻ bản hàn đợi người lòng đầy hy vọng.
 Những người thọt, mù lòa đứng chờ bên bờ giậu,
 Hãy tập trung và đưa đến vườn nho thần thánh của ta.
 Đó là hạt nhân ưu tú của đội quân mộ đạo.
 Hãy đi đi! Họ sẽ reo lên vui sướng với người!" –
 Trong mơ ta thấy lời Chúa khuyên như vậy;
 Ta làm theo và đã đến với các người.
 Chúa kêu gọi các người, các người hãy niệm lời cầu nguyện
 Và hãy chuẩn bị cho ngày chiến đấu cuối cùng, khủng khiếp.
 Đạo quân phái "Tự do" đã đi gần *Lai-pxích*,
 Nơi nhà *Vi-găng* là pháo đài và thành trì của họ.
 Và ở đó, sau chồng sách và sau những kiện giấy,
 Họ sẽ đợi chúng ta. Hãy tỏ ra quả cảm,
 Ôi những người trung thành! Chúng ta phải đánh tan đội
 quân độc ác,
 Kẻ thù của đáng tối cao, và chiếm pháo đài của chúng.
 Hỡi các bạn, hãy dũng cảm lên với tình yêu, hy vọng, niềm tin!
 Ta thấy: trước mắt ta cửa lên trời đã mở.
 Niềm tin thần thánh là chìa khóa mở các kho tàng quý báu.
 Người, *Ha-lơ* ngoan đạo, chỉ mạnh bởi niềm tin.
 Với niềm tin, chúa con thụ thai trong lòng nữ đồng trinh;
 Tràn đầy niềm tin, cá voi trả tự do cho I-ô-na,
 Với niềm tin, Chúa báo chúng ta sự phục sinh lại tới,
 Với niềm tin, người đã mở miệng lừa.

Người mù sáng mắt trong khoảnh khắc vững tin.
 Với niềm tin, ta ngược nhìn và thấy cửa lên trời;
 Với niềm tin, ta nói: credo ut intelligam^{1*}
 Với niềm tin, ta cầm cây thánh giá làm kẻ thù tức giận.
 Mọi điều ta làm đều dựa trên cơ sở niềm tin;
 Với niềm tin, ta ngược nhìn và thấy cửa lên trời.
 Chúa nói với ta: mặc cho Lê-ô, bầy tôi của Chúa,
 Đứng lên anh em ở Ha-lơ; mặc bộ tham mưu của ông ta ở đấy.
 Người hãy đến các thành thị, thôn quê, làng xóm,
 Tuyển mộ cho ta những chiến binh nhiệt tình không mệt mỏi.
 Boi-ten, người tiên tri của ta, người không được nghỉ ngơi,
 Chừng nào chưa tập hợp được đội quân người ngoan đạo;
 Vĩnh biệt các bạn! Ta đã thấy cửa lên trời.

1* – tôi tin để hiểu

BÀI CA THỨ TƯ

Tôi thấy gì? Thưa thánh *Giăng*, xin người soi rọi lý trí tôi
 Bằng khoái cảm tiên tri, thần thánh của người!
 Người đã thấy đại thiên sứ vật lộn với rồng,
 Người hãy cởi chiếc mạng bận rộn hàng ngày che mắt tôi!
 Tôi thấy gì? Sẽ tới ngày giao tranh đáng sợ,
 Ngày phán quyết khủng khiếp, ngày tận thế!
 Tôi thấy gì? Những đám mây đen bao phủ bầu trời;
 Khối mây khổng lồ lớn mạnh, dâng cao, –
 Bồng lao như sư tử vào giữa bầu trời.
 Quỷ gầm rít thoát khỏi lòng giông tố;
 Quạt dữ dội đuổi lửa vào không khí, phi nước đại
 Như con quay quỷ quái, và tất cả gầm rú trong cơn tức điên rồ
 Trong cái bụng sục sôi như trong nồi ma thuật.
 Chẳng lẽ, loài đáng nguyên rủa, người đã chiếm lĩnh bầu trời?
 Người dám hành động như vậy trên con đường của Chúa?
 Cả chớp, cả sấm đều bị người đánh cắp?
 Ôi khổ thay! Con quỷ thành *Bon* chuẩn bị cho các người vào trận,
 Nhưng mạch nguồn ơn Chúa không hề cạn, –
 Và ánh mặt trời xua tan bóng tối quỷ ma.
 Phe "Tự do" mông muội lũ lượt kéo tới pháo đài;
 Nhưng chúa sẽ nhanh chóng trừng trị lòng kiêu hãnh của họ.
Vi-găng lượn trên không, dẫn họ tiến lên trước,
 Cả đám đông tro trên la ó bước theo sau.

Đường dẫn tới *Lai-pxích*; ở đây ông ta biến "*Gu-ten-béc*"
 Thành bàn đạp vững vàng cho toán quân vô đạo.
 Ở đây tháp được xây bằng nhiều tập sách,
 Hào dã đào, thành lũy sẵn sàng nghênh chiến.
 Các trước tác của *Bau-ơ* che kín bốn pháo đài tam giác;
 Thành liên tháp được bảo vệ bằng các súng trường.
 Ở đây "*Phri-đrích*" của *Khuép-pen*²⁰³ nằm chống thành dãy,
 Và những Niên giám năm ngoái, năm kia nằm ở đây.
 "*Kèn đồng*"¹⁶⁰ và *Phoi-ơ-bắc* chất thành khối nặng nề
 Quanh pháo đài và làm hàng rào cho nó.
 Chướng ngại ở đây là "*Tác giả truyện ngắn*" của người, Ru-gơ ạ;
 "*Người kiên thành*"²⁰⁴ chất đóng để lau mồ hôi mặt.
 Đê phòng rút lui, chủ nhà vội biến
 Ngôi nhà quý sử của mình thành công sự;
 Kẻ thù xảo quyết đã bít cửa ra vào và cửa sổ,
 Còn kho vũ khí hắt đưa lên mãi tầng cao,
 Để từ trên giội mưa đạn lên những người mộ đạo,
 Nếu họ thọc xuyên qua được tường rào.
 Họ tiến vào làm ồn ào huyền ảo,
 Và bố trí trên khắp các tháp và hầm hào.
 Đội quân ngoan đạo từ *Ha-lơ* đi chiến đấu;
 Để tấn công – nó dùng cả thang *Giắc*,
 Cột lửa trước nó như ngọn cờ vĩ đại,
 Trên đường đi – những đống lửa rực hồng.
 Ôi, xin đến với tôi, hồi cảm hứng linh thiêng,
 Để ta có thể mô tả bước tiến tuyệt vời của chúng!
 Hàng quân đầu do *Lê-ô* hùng vĩ dẫn đường;
 Ông ta đi lên không chút rụt rè,
 Và chỉ ôm năm tập sử toàn thế giới²⁰⁵;
 Ông ta không cầm vũ khí, như trong hoàn cảnh hòa bình,

Ông ta mạnh nhờ niềm tin vững chắc
 Tiếp theo *Phôn Đơ Duyn-đen*²⁰⁶ hàng quân thứ hai vào trận,
 Nhân vật này rất căm thù tội lỗi;
 Đừng tìm vũ khí trên người ông ta mà mất công toi:
 Ông ta đánh kẻ thù chỉ bằng sự hiện diện của mình.
 Chính vì thế các chiến sĩ cũng tiến theo ông,
 Chỉ trang bị thánh ca và kinh cầu nguyện;
 Nghe họ hát, đối phương cao chạy xa bay. –
Bon cũng cử chiến sĩ ra trận tuyến;
 Anh *Ních-tơ*^{1*} – lãnh tụ dũng cảm của các đội quân ngoan đạo.
 Từ *Sva-bơ* đội quân bay như chim báo bão;
 Ông ta biến "Người đưa tin Cơ Đốc giáo"^{2*} thành cờ.
Heng-xten-béch dẫn những người Béc-lin vào trận cuối cùng;
 Còn người *Brê-men*, ôi *Ma-lét*, vượt sau người.
 Cha cố *Hiéc-xen* cũng ở đây. Ông ta dẫn dắt anh em *Xuy-rích*,
 Từng nguyện rửa nhục nhã *Stơ-rau-xơ*,
 Và người *Ba-lơ* nườm nượp theo gót ông ta.
 Người, phù thủy *Vúp-pơ-tan*, *Crum-ma-khơ*, cũng ở đây.
 Quân đội thần thánh tiến vào những phố lớn của *Lai-pxích*.
 Bỗng lời hát tuyệt diệu lan tỏa ở chung quanh,
 Như thể bài ca của thiên đường; mọi người có cùng một câu hỏi:
 "Bài ca rung động đến rơi lệ ấy từ đâu?"
 Bỗng trước họ anh *Boi-ten* trên lưng lừa xuất hiện.
 Thật bất ngờ; quanh anh ta tỏa khói trầm hương.
 "Gươm của Chúa, – anh ta hát – và gươm của Ghê-đê-ôn

1* Chơi chữ: "Nichts" - "Không có gì". Ý nói Các Im-ma -nu-en Nít-sơ.

2* - "Der Christen - Bote. Ein kirchlich-religiöses Sonntagsblatt.

Ở chỗ chúng ta! Chúng ta sẽ thắng trong trận chiến đấu kinh khủng nhất.

Dù kẻ độc ác dựng lên pháo đài đáng sợ, –
Chúng ta sẽ thắng cánh cổng địa ngục, – xin hãy tin!"

Kìa con lừa phi nước đại tới thành kiêu hãnh;
Theo sau nó đội quân ngoan đạo hát thánh ca đi vội vã.
Ôi, cuộc tấn công mãnh liệt làm sao! Hồi kẻ thù của Chúa,
Hãy cầu cứu quý từ địa ngục đen tối lên đi!
Boi-ten vừa kịp bay lên chiếm ngay thành lũy –
Heng-xten-béch dẫn đội quân thần thánh chiếm thành.
Lúc đó kẻ láu lỉnh vội đến phe vô thần hỗ trợ,
Để thổi bùng khí vào đám đông bối rối.
Kìa *Vi-găng* với *May-en* vút lên lũy hình bán nguyệt
Và quăng xuống hàng ngàn ngọn lửa gây chết chóc.
Kìa *Stiéc-nơ* vung tay tung những bó sách xuống theo
Và chôn nhiều người mộ đạo trong đồng tàn tro bụi.
Và *Ác-nôn-đơ* vừa nhắc tới đã đến ngay:
Ném các tập Niên giám lên tường người tấn công thành lũy.
Từ bức tường xếp bằng sách, *Bru-nô* vẫy
"Kèn đồng" nặng trĩu như búa của *Pe-run*.
Pa-tơ-ri-ốt mai phục (ai tìm thấy ông ta ở đấy),
Ném các cuốn sách ra phía sau lưng.
Khuép-pen xông vào trận, nhú mào khủng khiếp,
Nhưng vẫn cố gắng để đổ máu ít hơn.
Ét-ga vút vào trận, quả cảm và dũng mãnh;
Bộ quần áo màu tiêu của người, *Ô-xvan-đơ*, nhuộm máu đỏ au.
Còn các chiến sĩ Khuên! Cái nỗ điệu của *R-t-b*
Tất ngấm trong cơn hăng chiến đấu,
Nhưng chiến sĩ dạn dày không bối rối;
Ông ta thọc quả núi lửa đã tắt của mình

Vào bụng những kẻ bất hạnh Cơ Đốc giáo.
Chàng thanh niên ném những đồng tiền vàng không biết mệt;
Người thần kỳ^{1*} từ *To-ria* vênh tai như sư tử,
Nhưng sự chống trả của dân binh thần thánh ngày
càng quyết liệt,
Đồng ca tán tụng ngày càng rục rở và ngân vang,
Nhìn kìa! *Heng-xten-béch* tấn công *Vi-găng*,
Túm lấy râu và làm rung chuyển tường thành,
Lôi kẻ vô thần; ông ta nằm không thở;
Từ chòm râu vàng sẫm – chỉ còn là hoài niệm.
Ác-nôn lâm nguy, và *Ét-ga* chờ chết,
Khuép-pen chạy vào nhà, cùng ông ta là *Pa-tơ-ri-ốt*.
Lũy sách kiêu hãnh bị sức ép đã lung lay,
Chỉ một mình *Bru-nô* chống cự.
Ông ta ném một chồng sách vào anh *Boi-ten*,
Và khuôn mặt thần thánh tái đi màu chết chóc.
Và *Phôn Đơ Duyn-đen* có cơ bị một đòn khủng khiếp
Nhưng ở đây *Lê-ô ở Ha-lơ* tỉnh táo ra bởi lòng tha thiết
Và như Xăm-xông, giật mạnh thành lũy dày bằng sách;
Ông ta nằm dưới sách, nhưng không sao, *Bau-ơ* ngã cùng thành.
Kẻ độc ác nằm trong bùn, bị thương vì ngã;
Các thánh vừa ca vừa đánh cho người nằm chết hẳn.
Rồi *Boi-ten* dồn sức đứng lên,
Cầm tai *Bau-ơ* và nói thế này:
"Chúa đem thắng lợi cho niềm tin vĩ đại của chúng ta!
Chúa là thành trì hùng hậu của chúng ta! Tôi thấy cửa lên trời!
Tiến lên, hồi những người trung thành! Hãy bẻ gãy sừng kẻ địch,
Còn *Bau-ơ* tạm để tôi canh giữ".

1* - C.Mác

Trói *Bau-ơ* xong, đội dân binh vụt tiến...
 Tối Vi-găng đặt thang Giắc tựa sát nhà
 Rầm cửa đã kêu rảng rặc,
 Kho vũ khí trên tầng gác không còn,
Pa-tơ-ri-ốt khốn khổ vật mình vật mảy,
Ác-nôn bị thương rên vì đau khủng khiếp,
 Miệng và mũi *May-en* chảy máu, –
 Lúc ấy kẻ lấu lĩnh cuồng cuồng chuồn ngay xuống địa ngục.

Rú rợn người hấn bay vào ngôi nhà đáng nguyên rủa;
 Đám người hung dữ hăm dọa chạy từ tứ phía
 Đến vị chúa tể. Vị này bối rối và la thét:
 "Nhục thay! Để trận chiến thua bởi phái "Tự do"!
 Ta uống công hành hạ, ta hoài công tỏa mùi hôi:
 Đối phương đã thắng chúng ta bằng lời hát,
Vi-găng của chúng ta bị cụt mất râu, *Bau-ơ* bị trói,
 Lũy sách kiêu hãnh không chịu được kẻ tấn công dữ dội".
 Vòm mái trên địa ngục vang lên vì tiếng gầm khiếp sợ.
 Và *Hê-ghen* vì xấu hổ kêu gào tuyệt vọng.
 Nhưng nỗi sợ hãi trong tim đám người xấu xa vừa lắng xuống,
 Một dòng lời đe dọa hung hăng đổ lên đầu con quỷ.
 Những người bạo loạn làm âm, và *Hê-ghen* lo lắng,
 Thét lên: "Thật hổ thẹn! Và người muốn là quỷ xa-tăng?!"
 Đâu khói xám khét lẹt của người, đâu ngọn lửa hủy diệt?
 Nghe tiếng "A-men", – kẻ hèn nhất! – người đâm bối rối!
 Do tuổi già lửa độc trong người đã tắt!
 Người chỉ bắt được bà già và trẻ nhỏ.
 Ở đây dừng rên rỉ, mà phải ra tay! *Vôn-te*,
 Hãy giúp chúng tôi! Đến đây, *Đăng-tông* và *Rô-be-xpi-e!*
 Các người sống trên trái đất, giống người ta về mọi mặt!
 Như vậy là đi tới thân của quỷ! Tự chúng ta sẽ là quỷ.

Đại hội hoang đường vĩnh viễn bất lực rồi;
 Cái nóng ngàn năm bọn nhát gan không nung đỏ được;
 Tỉnh táo lên, *Ma-rát!* Hồi nào đó chúng ta đã là người;
 Chúng ta sẽ bầu người anh em chúng ta làm lãnh tụ!
 Quỷ đã, đang và sẽ là nhân vật hoang đường;
 Và nó là kẻ thù tàn bạo của chúng ta, như mọi người con của Chúa.
 Tiến lên, giành thắng lợi! – Và, rú lên man rợ,
 Bầy phạm thánh vút lên từ địa ngục.
 Chính *Hê-ghen* cầm đầu đám người nổi loạn,
Vôn-te vung dùi cui trên đầu hăm dọa,
Đăng-tông làm chuyện điên rồ, – *Ê-đen-man* gào thét;
Na-pô-lê-ông, như ngày xưa, ra lệnh "Tiến lên!"
Ma-rát, mỗi tay vớ một làn khói khét từ địa ngục,
 Nghiến răng ken két, bị cơn khát máu dày vò.
Rô-be-xpi-e vút qua, mắt ông rục cháy. –
 Ôi đau khổ! Địa ngục nôn ra những kẻ quái thai.
 Và đám người man rợ gầm rú hạ đường bay
 Xuống nơi *anh Boi-ten* đang bảo vệ *Bau-ơ*.
Anh Boi-ten khiếp sợ, con lừa rơi nước mắt:
 "Chúng con chết thôi, Chúa ơi! Giờ chúng con sắp điếm!"
 Đây mũi tên của *Ma-rát* đã thú phập vào người *Boi-ten*,
 Anh ta ngã xuống đất và thấy cửa lên trời.
 Lúc đó *Hê-ghen* hôn *Bau-ơ*, nói:
 "Đúng, người đã hiểu ta! Con tôi, ta sống không vô ích!"
 Rồi cởi xiềng cho ông ta. Tiếng gào thét của đám đông vang tới:
 "*Bau-ơ* ơi, làm lãnh tụ chúng tôi! Hãy đưa chúng tôi vào trận
 tiền đẫm máu!
 Quỷ xa-tăng bị về vườn, hãy thay thế nó cho chúng tôi!"
 Họ gầm rú lao vào những người ngoan đạo.
 Than ôi! Trong hàng ngũ thần thánh tổn thất ngày càng lớn;

Boi-ten, như mọi khi: anh ta thấy cửa lên trời.
 Con lừa mang thể xác thần thánh lên trời.
 Ôi Chúa, người đã làm điều mầu nhiệm làm sao!
 Người bắt sống ông ta, như bắt sống *I-li-a tiên tri*,
 Và phá vỡ vĩnh viễn tất cả mọi ý đồ thói xấu.
 Tiếp theo *Boi-ten* là toàn bộ phe của Chúa
 Bay vút lên trời xanh ngập tràn niềm hoan lạc.
 Nhưng – ôi! – ở đây các vĩ nhân thần thánh không được nghỉ
 ngơi; –
 Phái "Tự do" bay theo họ sát gót;
 Tiếp theo khoái lạc và hân hoan là nổi bàng hoàng;
 Con quỷ của địa ngục xông lên trời vừa bay vừa thét. –
 Lúc đó dưới địa ngục bỗng trở nên trống trải,
 Đã bị mất những bầy tôi trung thành nhất,
 Quý ranh mãnh đứng đắn chờ cầm lạng
 Và nhìn ngưỡng cửa nơi đội quân bạo loạn,
 Kích động cực độ vút qua rồi mất hút.
 Nhưng kia con quỷ tỉnh dần, tức tối thét vang:
 "Thế đấy, đáng đời! Ta bị phản thùm quá ư hèn hạ,
 Bởi những kẻ mà chính ta, đồ ngu, gieo mầm, giống vô thần!
 Hà vào ngục sức nóng tự do cho phái "Tự do" ấy,
 Ta chỉ cho họ con đường tới tự do không phụ thuộc vào ta.
 Ta gắn bó với dân chúng này quả là vô ích;
 Họ tha thiết vươn tới tự do vô hạn.
 Phái "Tự do" không thừa nhận điều gì là thần thánh cả;
 Nhưng lúc đó rốt cuộc cả ta cũng thành toi mạng.
 Trái ý mình, ta đi đấu tranh với chúa tể tối cao;
 Ta chỉ thừa nhận huyền thoại là thừa đối với họ.
 Mau mau lên trời! Ta sẽ bay tới Chúa
 Và giao kết với Chúa một liên minh thần thánh đời đời".

Nó bay liệng lên cao và rơi trước ngai Chúa van xin:
 "Ôi, Người đừng trừng phạt con quá khắt khe!
 Từ nay con là bạn của Người", Chúa thánh thiện nói:
 "Hỡi quý, ta hoãn việc xét xử người!
 Hãy đi và rửa tội trong máu của đám người hung ác;
 Khi người trở lại, chúng ta sẽ bàn cặn kẽ hơn".
 Kể ranh mãnh vui mừng bay xuống
 Và gặp trận đánh ác liệt chưa từng thấy.
 Than ôi, dù viện binh trên trời xuống giúp người mộ đạo,
 Họ đã bị những kẻ phỉ báng Chúa bao vây
Bau-ơ phi nước đại từ ngôi sao này đến ngôi sao khác
 Và vẫy "Kèn đồng" như chiếc búa trên không.
 Cả một đoàn người phái Phúc âm ra nghênh tiếp;
 Nhưng họ không có quyền lực chi đối với phái vô thần
 Ôi bỏ mòng *Lu-ca*, sừng của người là gì đối với ông ta!
 Tiếng gầm của người, sư tử *Mác-xơ*. Bằng "Kèn đồng" ông ta
 sẽ giết các người.
 Tiếp theo *Hê-ghen* tấn công ngoan cường dữ dội,
 Bằng ngọn lửa của mình đốt cháy cánh các thiên thần.
Vôn-te dùng dùi cui nhe răng ra dọa;
Ru-gơ vô thần đánh vào thánh đường các cha thần thánh;
 Kia *Bau-ơ* đang bay chộp một ngôi sao,
 Vung tay ném vào kẻ thù bỏ chạy.
 Hãy nhìn! Xa-tăng nằm, bị "Kèn đồng" sát hại;
 Đại thiên sứ *Mi-kha-in* sẵn sàng thổi kèn ra lệnh lui quân;
 Kia *Hê-ghen* với lòng quả cảm bùng bùng tóm ngay Xi-ri-út
 Và dùng Xi-ri-út đánh *Heng-xten-béch* vào gáy.

Sợ hãi kêu chí choé, dàn đồng ca thiên thần vút tới, vút lui
 Hỗn độn trên trời, giữa những đám mây đen kịt.
 Trước người thần kỳ thành Tơ-ria thiên thần của Chúa cầm
 thánh giá.
 Nhưng tay kia siết nắm tay, giống như khối đá.
 Kìa Ma-ri-a tự mình đi gọi các thiên thần
 Thực hiện nghĩa vụ đầu quân: "Tiến lên đánh Bau-ơ!
 Chúng ta phải báo thù kẻ quái dị vô thần
 Về việc hấn muốn thấu hiểu bản tính của ta".
 Nhưng mọi lời van nài đều vô ích, ánh mắt hiền từ vô hiệu, –
 Sự tấn công của các chiến binh vô thần thần tốc;
 Họ đã đến gần ngưỡng cửa thiêng liêng,
 Những người trung thành ngày càng khó ngăn đường họ,
 Con lừa đã chạm trán với ngôi sao,
Boi-ten khiếp đảm chúí đầu bay xuống,
Bau-ơ đã nhảy chồm lên, dùng "Kèn đồng" dọa mãi
 Giập tắt ánh sáng sự sống trong con người này của Chúa,
Ru-gơ cuồng nhiệt đã tóm cổ *Lê-ô*
 Và nhét vào miệng ông ta những trang Niên giám, –
 Bỗng nhiên – ôi mâu nhiệm! – tờ giấy có vầng hào quang,
 Từ trên trời rơi xuống, và *Bau-ơ* bị đánh gục
 Trước nỗi kinh hoàng bất ngờ, ông ta nhìn tờ giấy đó,
 Nhìn và toàn thân run rẩy, ôi kẻ vô thần đáng nguyên rủa
 Tờ giấy linh thiêng rơi xuống ngày càng thấp,
Bau-ơ toát mồ hôi trán. Nhìn kìa!
 Ông ta cầm tờ giấy, đọc và thì thầm, lòng bối rối:
 "Từ chúc đi!" Đội quân hung dữ nghe thấy thế,

Cát tiếng rống điên rồ và tiếng thét "Từ chúc!"
 Đội quân lao vút xuống, tạo nên cảnh chen lấn trên trời,
 Các vị thánh ăn mừng một trong những chiến công;
 Những người phái "Tự do" bỏ chạy, tiếp sau họ là các thiên thần.
 Những kẻ độc ác rơi xuống đất liền ngừng thở...
 Kẻ nào gieo cái ác sẽ không tránh khỏi đòn trừng phạt!

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Sáu -
 tháng Bảy 1842
 Đã in thành sách lẻ ở Noi-muyn-xơ gần
 Xuy-rích tháng Chạp 1842*

*In theo bản in trong cuốn
 sách nhỏ
 Nguyên văn là tiếng Đức*

[PH.V.ĂNG-ĐRÊ-Ơ VÀ "GIỚI QUÝ TỘC
CAO CẤP ĐỨC"]

Tôi không thể không lưu ý các ngài đại biểu của giới hiệp sĩ hào hiệp Thiên chúa giáo đến bài thơ tuy do một thị dân sáng tác, nhưng chính vì thế mà bài thơ đó càng đáng được nêu bật với tư cách là hạt ngọc quý báu nhất, cống vật của lòng nhẩn nhục của thị dân gửi lên hoàng đế.

Ở Éc-phuốc, tại nhà xuất bản của Ph.V.Ốt-tô vào năm 1842, nhờ ơn chúa đã xuất hiện một quyển sách lớn: "Cần phải biết gì về biểu tượng học, tức khoa học về các huy hiệu" do Ph.V.Ăng-đrê-ơ sáng tác²⁰⁷ với lời đề tặng như sau: "Nhà xuất bản kính tặng toàn bộ *giới quý tộc cao cấp Đức*".

"Hạng nhất thích hợp với đẳng cấp quý tộc.
Công lao của tổ tiên đã đưa họ lên cao thế,
Rồi hành động dũng cảm của họ được nhân lên trăm lần,
Hôm nay không sánh kịp hôm qua,
Vì thế các vị phải kính trọng giới quý tộc,
Tất cả các cường quốc thế giới sống vốn dĩ chỉ vì họ.

Các huy hiệu tiềm ẩn một ý nghĩa cao cả -
Tất cả những gì lớn lao từng xảy ra,
Luôn luôn cần biết vua chúa tôn kính chúng thế nào.
Trong những ngày hòa bình và chiến tranh - mọi điều lộ rõ trong huy hiệu!
Huy hiệu là vòng hoa tặng cho hành động dũng cảm,

Người quý tộc không phải ngẫu nhiên nhận chúng.
Và trong rạo rức, trong sùng kính cảm lạnh
Trước vinh quang rạng rỡ trên vòng hoa.
Tôi dám dứng lên để tưởng nhớ các anh hùng
Đài kỷ niệm tôn kính và mến yêu này!
Tôi xin người rộng lòng nhận công sức vẻ vang của tôi,
Nó là nhân chứng cho tư tưởng đơn độc của tôi".
Có đúng là con người đó đáng được nâng lên phẩm hàm quý
tộc hay không?

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 19 tháng
Tám 1842
Đã đăng không ký tên trên báo "Rheinische
Zeitung" số 241, 29 tháng Tám 1842*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

[THƯỢNG VÀNG HẠ CÁM TỪ BÉC-LIN]

Béc-lin, ngày 19 tháng Tám. Hôm nay tôi viết cho các vị để thông báo rằng từ đây tuyệt đối không có gì để thông báo cả. Chúa là người chứng kiến, như ở đây người ta nói, bây giờ đã vào mùa chết đối với các phóng viên. Không xảy ra điều gì, hoàn toàn không có gì cả! Về xã hội của Ki-tô lịch sử cũng ít nghe thấy, như về phái "Những người tự do"²⁰¹ vậy. Tuy chính thức thì hội này có tồn tại, nhưng không một sinh viên nào biết hội này tồn tại ở đâu và gồm những ai. Chắc hẳn, tình hình của nó cũng giống như cách đây nửa năm về trước với cuộc rước đuốc nổi tiếng ở phố Lai-pxích để mừng nhà triết học²⁰⁸. Về sau sinh viên đã khẳng định rằng trong số họ không một người nào định tham gia cuộc rước ấy mà ngay trước đó người ta nói rằng, tiếc thay, ở đây sẽ có phần lớn là "những kẻ phi-li-xtanh". Các ủy ban đảng cấp²⁰⁹ cũng vẫn chưa được triệu tập, mặc dù báo "*Leipziger Zeitung*"^{1*} với việc ưu tiên đối với các dự án chưa được thực hiện của Phổ đang tranh luận lung tung về những vấn đề sẽ đưa ra ủy ban. Nhưng chúng ta tự an ủi bằng sự sáng suốt của nhà vua chúng ta^{2*} và chúng ta sẽ không lo lắng về các dự án chưa được thực hiện. Nhà vua chuẩn bị ký kết hiệp ước thương mại mới và hiệp định mới về các-ten, mà đó sẽ không còn là những dự án không được thực hiện nữa! Nhưng chúng ta cũng không

1* – "*Leipziger Allgemeine Zeitung*"

2* – Phri-drích Vin-hem IV

đau buồn về điều này, tôi muốn nói chúng ta, những người Béc-lin, mà chúng ta ganh tị với cư dân vùng Ranh trong những tuần sắp tới sẽ ném trái niêm khoái lạc lớn. Đến với họ không chỉ có nhà vua của chúng ta, mà trong số những nhân vật cao cấp khác còn có nhà vua đáng kính Lút-vích xứ Ba-vi-e, nhà thơ trên ngai vàng, tác giả bài "Những người anh hùng Van-ha-la" và là người thành lập "Van-ha-la"²¹⁰ để đặt hòn đá kết thúc cho việc xây dựng thánh đường Khuên sẽ được hoàn thành vì lợi ích của nhân dân Đức. "Những người anh hùng Van-ha-la" đã gây ra trong giới có học thức ở địa phương một sự giạt gân thực sự, và ý kiến chung của giới thông thạo chắc sẽ cho rằng vua Lút-vích đã bện vào ngai vàng của mình một cành nguyệt quế mới. Văn phong chắc nịch theo kiểu Ta-xít, đầy sức mạnh nguyên thủy của nhà vua chắc chắn phải trở thành đối tượng bất chước, nhưng ít ai có thể vươn lên được tới đó.

*Do Ph.Ăng-ghen viết ngày 19 tháng Tám
1842*

*Đã đăng không ký tên trên báo "Rheinische
Zeitung" số 241, 29 tháng Tám 1842*

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

TẬP QUYỀN VÀ TỰ DO

Thoạt nhìn hình như khó hiểu làm sao một nội các như nội các Ghi-dô lại trụ được ở Pháp lâu như vậy và nói chung làm sao nó có thể lên nắm chính quyền. Trong điều kiện có hạ nghị viện có quyền bổ nhiệm và bãi miễn các bộ trưởng, trong điều kiện có ảnh hưởng của tự do báo chí, trong điều kiện có những thiết chế tự do nhất ở châu Âu, trong điều kiện có công luận tập trung, thù địch gay gắt với ông ta, bộ trưởng ngoại giao Ghi-dô trong gần hai năm đã chống lại tất cả, đã truy nã báo chí, coi thường công luận, đã lãnh đạo hạ nghị viện, đã giải tán nó và đã triệu tập hạ viện mới, đã làm mất thanh danh nước Pháp trước những cường quốc vĩ đại và đã giành trọn vẹn niềm vinh quang của một nhân vật không nổi tiếng mà ông ta muốn vươn tới, và con người đã thực hiện tất cả những điều đó, con người đã đánh cắp của người Pháp hai năm lịch sử của họ, có thể khoác lác về một đảng mạnh như thế trong hạ nghị viện đến mức nguy cơ đối với nó chỉ có thể là khối liên hợp đã được tăng cường của những ý kiến đối lập nhau.

Nội các Ghi-dô là thời buổi nở rộ của chính phủ tháng Bảy, là sự khải hoàn của Lu-i-Phi-líp và sự hạ nhục hết sức cay đắng tất cả những ai mong đợi cuộc Cách mạng tháng Bảy^{1*} giải phóng châu Âu. Các nguyên tắc chủ quyền dân tộc, báo chí tự do, xét xử độc lập có sự tham gia của các viên bồi thẩm, hình

thức quản lý bằng nghị viện - ở Pháp đã thực tế bị xóa bỏ. Nội các Ghi-dô đã hoàn tất những xu hướng phản động lại tìm được sức mạnh ở Pháp và đã công khai phơi bày sự bất lực của chủ nghĩa tự do Pháp trước các lực lượng chính thống ở châu Âu.

Sự thật không thể bác bỏ được. Thế lực phản động toàn châu Âu hân hoan về chuyện này. Đảng tự do chủ nghĩa phải thường xuyên nghe thấy rằng nước Pháp đang hằng ngày từ bỏ các thiết chế của mình, bác bỏ lịch sử của mình sau năm 1789, bầu ra hai viện mà danh sách các thành viên của chúng tự nó đã là một sự nhục mạ đối với cuộc Cách mạng tháng Bảy, tóm lại, dân tộc tự do nhất ở châu Âu phản bội chủ nghĩa tự do bằng mỗi hành động của mình. Và các phần tử tự do - đặc biệt là những người Đức hiền lành - đỏ mặt lên vì xấu hổ, dẫn ra những tình tiết giảm nhẹ vô lý nào đó mà chính họ không coi trọng, và họ âm thầm hy vọng vào một hạ viện tự do chủ nghĩa hoặc, hoàn toàn bí mật, lén lút, hy vọng vào một tháng Bảy mới.

Chúng ta không những có thể thừa nhận sự thực này mà đồng thời không làm thiệt hại cho nguyên tắc tự do; chính vì nguyên tắc này mà nó phải được đặc biệt nêu lên. Nguyên nhân của sự thực đó là hai tình huống: tình huống thứ nhất đã được những phần tử tự do chủ nghĩa dũng cảm hơn chỉ ra nhiều lần trong cuộc đấu tranh chống bọn phản động - đó là tính chất nửa vời và tính chất mập mờ của hiến pháp Pháp, trong đó nguyên tắc tự do chưa bao giờ được diễn đạt dưới một hình thức dứt khoát và chưa bao giờ được thực hiện; tình huống thứ hai là chế độ *tập quyền*.

Bất chấp cuốn sách của Coóc-mơ-nen, bất chấp việc ông ta bảo vệ một cách xuất sắc và hùng hồn chế độ tập quyền của nước Pháp, chế độ tập quyền này vẫn là nguyên nhân chủ yếu của sự thoái hóa trong ngành lập pháp của nước Pháp. Thực ra, Coóc-mơ-nen không chứng minh gì cả, tuy trong quyển sách của

1* - năm 1830

ông hầu hết mọi điều đều đúng và tốt. Vì ông ta luận chứng chế độ tập quyền không phải bằng các quy luật phổ biến của lý trí, mà tha thứ cho nó bằng những đặc điểm bẩm sinh của tinh thần nhân dân Pháp và bằng tiến trình của lịch sử.

Đó là những luận điểm mà tạm thời chúng ta có thể dựa vào, vì cần sớm dẫn ra những bằng cứ chứng minh rằng chế độ tập quyền như vậy không hợp lý và do vậy là nguyên nhân của những hậu quả đã dẫn ra ở trên.

Chế độ tập quyền dưới hình thức cực đoan của nó giờ đây đang giữ địa vị thống trị ở Pháp là lối thoát của nhà nước ra ngoài phạm vi của nó, ra ngoài phạm vi bản chất của nó. Nhưng phạm vi của nhà nước, một mặt, là cá nhân, mặt khác, là lịch sử thế giới. Chế độ tập quyền gây thiệt hại cho cả hai bên. Khi nhà nước chiếm lấy quyền mà quyền đó chỉ thuộc về lịch sử, thì bằng cách đó nhà nước thủ tiêu tự do của cá nhân. Từ thời xa xưa lịch sử đã có cái quyền mà nó sẽ luôn có, đó là chi phối đời sống, hạnh phúc và tự do của từng cá nhân, vì lịch sử là sự nghiệp của toàn thể loài người, là cuộc sống của loài người, và với tư cách như vậy lịch sử có chủ quyền; không ai có thể chống lại nó, vì nó là quyền tuyệt đối. Không một người nào có thể phản nản lịch sử, vì lịch sử đã ban cho con người như thế nào, thì con người hưởng cuộc sống hoặc tham gia vào sự phát triển của loài người như thế ấy, điều này có ý nghĩa lớn hơn mọi sự hưởng lạc. Sẽ là buồn cười biết bao nếu như thần dân của Nê-rông hoặc của Đô-mi-xi-an muốn phản nản rằng họ sinh ra không phải vào thời như thời của chúng ta, khi mà con người không bị thiêu và không bị chặt đầu một cách dễ dàng như vậy, hoặc nếu nạn nhân của chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo thời trung cổ xoay ra chỉ trích lịch sử về việc họ sống không phải sau cuộc Cải cách tôn giáo dưới thời những chính phủ cho phép tự do tín ngưỡng! Như thế không có những đau khổ của những người này thì những người khác

mới có thể tiến lên được! Giống hệt như công nhân Anh giờ đây đang hết sức đói khổ có quyền phản nản ngài Rô-bóc Pin và hiến pháp nước Anh, chứ không có quyền phản nản lịch sử đã làm cho họ trở thành những người thể hiện và đại diện cho một nguyên tắc pháp luật mới. Tình hình nhà nước không phải như vậy. Nhà nước luôn luôn là một cái gì đó đặc biệt và không bao giờ có thể đòi được cái quyền mà tất nhiên toàn thể nhân loại đều có trong hoạt động của mình và trong sự phát triển của lịch sử, quyền hy sinh cái đơn nhất vì cái phổ biến.

Nhà nước tập quyền dĩ nhiên đã làm một việc không chính nghĩa khi nó - như đang xảy ra ở nước Pháp và như Coóc-mơ-nen thừa nhận - hy sinh các tỉnh vì trung ương và thiết lập chế độ đầu sỏ, giới quý tộc của một địa phương không mảy may công bằng và hợp lý hơn giới quý tộc quyền quý hoặc giới quý tộc nhiều tiền. Tự do được quy định trên một mức độ đáng kể bởi sự bình đẳng, và tuy có égalité devant la loi^{1*}, sự khác nhau giữa người Pa-ri và người tỉnh lẻ về tất cả mọi mặt liên quan đến học vấn, tham gia quản lý đất nước và hưởng thụ đời sống tinh thần một cách đích thực vẫn quá đủ để ngăn trở các thiết chế Pháp trong sự phát triển tự nhiên của chúng đi tới tự do hoàn toàn.

Lịch sử của chế độ tập quyền ở nước Pháp cũng như ở mọi nơi đã phát triển song song với lịch sử của chế độ quân chủ chuyên chế. Lu-i XI đã gây dựng cơ sở cho cả hai chế độ ấy; các cuộc chiến tranh của các tín đồ giáo phái Huy-gơ-nô²¹¹ là mưu toan đáng kể cuối cùng của các tỉnh tìm cách nổi dậy chống sự bá quyền của Pa-ri, và từ đó sự thống trị của thủ đô đối với nước Pháp đã được thừa nhận ở khắp mọi nơi. Vì, một khi chế độ tập quyền

1* - bình đẳng trước pháp luật

của nhà nước được thi hành nghiêm túc, thì sự tập quyền cục bộ, sự bá quyền của trung ương trở nên không tránh khỏi. Chừng nào chế độ quân chủ chuyên chế còn đứng vững thì chỉ có Pa-ri là có lợi lộc do nó đem lại, các tỉnh đã buộc phải thỏa mãn với sự tham gia vào việc chịu các khoản chi tiêu của nhà nước và với sự đoán của nhà vua. Văn hóa, esprit^{1*}, khoa học của toàn bộ nước Pháp đều tập trung ở Pa-ri, đều tồn tại cho Pa-ri; báo chí chỉ làm việc ở Pa-ri và vì Pa-ri, tiền của tỉnh lẻ mà triều đình nhà vua kéo về cho mình, triều đình xài phí ở Pa-ri và vì Pa-ri. Song từ đây đã nảy sinh sự chênh lệch to lớn về văn hóa giữa Pa-ri và phần còn lại của đất nước, cùng với sự sụp đổ của chế độ quân chủ chuyên chế, sự chênh lệch ở Pháp đã mang hình thức cực kỳ bất lợi. Chỉ có chế độ tập quyền mới làm cho cuộc cách mạng dưới dạng như nó đã xảy ra có thể có được, nhưng cũng chế độ tập quyền ấy đã tạo ra một vực thẳm lớn giữa Pa-ri và toàn bộ đất nước đến mức Pa-ri ít quan tâm đến lợi ích của các tỉnh chừng nào nỗi khổ phổ biến chưa đụng chạm đến chính Pa-ri. Các hội nghị ba đẳng cấp²¹², các đại biểu của *đất nước* bị áp bức, chứ không phải thành phố Pa-ri đã bắt đầu sự nghiệp cách mạng; và chỉ khi các vấn đề đã mang hình thức có tính nguyên tắc và lợi ích của thủ đô bị đụng chạm thì thủ đô mới giành thế chủ động và làm chủ sự diễn biến của tình hình. Song điều đó đã dẫn tới chỗ sự tham gia của đất nước vào cách mạng đã bị lỏng lẻo, và các đại biểu của cách mạng, cũng như những đại biểu biểu hiện tâm trạng của nó, bằng sự thờ ơ của mình đã tạo cho Na-pô-lê-ông khả năng dần dần lên ngôi hoàng đế. Dưới thời Phục tich⁴¹, khi các đảng đã được thành lập, cũng đã có cuộc đấu tranh như thế giữa thủ đô và đất nước. Chẳng bao lâu Pa-ri đã có được ý thức rõ ràng và đã chống dòng

1* - trí tuệ

họ Buốc-bông và quyền lực nhà vua do chúa ban cho; đất nước có văn hóa ít hơn đã đưa ra chiến trường ít phần tử tự do, phần lớn dân chúng có tâm trạng thờ ơ và vì thế đã ủng hộ tình hình hiện tại hoặc thậm chí đã ủng hộ ancien régime^{1*} một cách cuồng tín. Kết quả là cuộc Cách mạng tháng Bảy chỉ do Pa-ri tiến hành; đại bộ phận những người thờ ơ quá trì trệ nên không thể đứng lên chống thủ đô và nguyên tắc mới của nó; các miền tỉnh lẻ với văn hóa thấp nhất vẫn trung thành với dòng họ Buốc-bông, nhưng không thể làm gì để chống lại chế độ tập quyền. Song, từ thời ấy, hầu như mỗi viện đều cho phép tước đoạt của mình hết thành quả này đến thành quả khác của cuộc Cách mạng tháng Bảy, bên cạnh những nguyên nhân khác, có lỗi trong việc này vẫn là chế độ tập quyền ấy. Vì tất cả mọi bộ phận của đất nước đều cử đại biểu của mình vào hạ viện và mặc dù có sức ép và sự mua chuộc trong thời gian bầu cử, nhưng bằng sự lựa chọn của mình mỗi khu bầu cử đều biểu lộ trình độ phát triển chính trị của mình. Vì rằng bất cứ ai chịu sức ép hoặc bị mua chuộc đều không được tự do và không độc lập trong quyết định của mình; do đó người ấy hành động một cách hoàn toàn lô-gích khi do bầu những đại biểu vừa lòng nội các, anh ta rơi vào sự bảo trợ thích hợp với người đó. Mâu thuẫn giữa Cách mạng tháng Bảy và hạ nghị viện năm 1842 là mâu thuẫn giữa thủ đô và đất nước. Nhờ Pa-ri, nước Pháp có thể tiến hành các cuộc cách mạng và ngay lập tức thành lập các thiết chế tự do, nhưng nước Pháp không thể giữ vững chúng được. Người nào không thể hiểu được hạ viện năm 1842 thì qua đó người ấy cho thấy rằng anh ta lẫn lộn người Pháp với người Pa-ri, rằng mâu thuẫn của chế độ tập quyền chưa thâm nhập vào ý thức của họ.

Chúng ta không thể bắt công! Những mâu thuẫn mà chế độ

1* - chế độ cũ.

tập quyền mắc phải là không thể chối cãi; song chúng ta thừa nhận quyền tồn tại lịch sử và hợp lý của chế độ ấy! Chế độ tập quyền là bản chất và là dây thần kinh sống của nhà nước, và đó là lý do tồn tại của nó. Mỗi quốc gia đều nhất thiết vươn tới tập quyền, mỗi quốc gia, từ chế độ quân chủ chuyên chế đến chế độ cộng hòa đều theo chế độ tập quyền. Nước Mỹ cũng như nước Nga đều thế cả. Không một nhà nước nào có thể tránh được chế độ tập quyền, nhà nước liên bang là nhà nước tập quyền không mấy may kém nhà nước tập quyền đã hình thành. Chẳng nào tồn tại các nhà nước thì mỗi nhà nước đều có trung ương của mình, và mỗi công dân đều sẽ thi hành các chức năng công dân của mình chỉ vì có chế độ tập quyền. Trong trường hợp này, nghĩa là với chế độ tập quyền như vậy, hoàn toàn có thể cho phép chế độ quản lý công cộng, cho phép tất cả những gì có quan hệ với từng công dân hoặc từng phường hội, điều đó thậm chí cần làm. Vì chế độ tập quyền tập trung vào một điểm, vì ở đây tất cả đều tập trung vào một nơi duy nhất nên hoạt động của nó nhất thiết phải có tính chất phổ biến, còn thẩm quyền và quyền hạn của nó phải bao hàm tất cả những gì được coi là *phổ biến*, song phải để cho những gì liên quan có tính chất cá nhân đến người kia hoặc người này được tự do. Từ đó nảy sinh việc chính quyền trung ương có quyền ban hành các đạo luật, chi phối các cơ quan quản lý, bổ nhiệm các quan chức nhà nước v.v.; cũng từ đó đồng thời xuất hiện nguyên tắc là quyền tư pháp tuyệt nhiên không được gắn với trung ương, và thuộc về nhân dân, thuộc về các tòa án bồi thẩm, là như đã nêu ở trên, các công việc công ích không thể thuộc thẩm quyền của các nhà chức trách trung ương v.v..

Vả lại, thực chất của nhà nước tập quyền không có nghĩa trung tâm của nó là một cá nhân duy nhất như dưới chế độ quân chủ chuyên chế, mà chỉ có nghĩa là ở trung tâm của nó có một người, người đó có thể là tổng thống trong chế độ cộng hòa.

Nghĩa là không nên quên rằng điều chủ yếu ở đây không phải là cá nhân đứng ở trung tâm, mà là bản thân trung tâm.

Chúng tôi lại quay trở về phần khởi đầu của chúng tôi. Chế độ tập quyền là một nguyên tắc của nhà nước, và tuy vậy điều sau đây vẫn nhất định gắn với chính chế độ tập quyền: chế độ tập quyền bắt nhà nước phải vượt ra ngoài khuôn khổ của mình, tổ chức mình - là cái đặc biệt - thành cái phổ biến, cái cuối cùng và cái cao nhất, đòi hỏi được có cái quyền và cái địa vị chỉ thuộc về lịch sử mà thôi. Nhà nước không phải là sự thực hiện tự do tuyệt đối như nó được quan niệm, trong trường hợp này, biện chứng được nhắc tới ở trên của khái niệm nhà nước sẽ không có hiệu lực, nhà nước chỉ là sự tự do khách quan. Sự tự do chủ quan chân chính đồng nghĩa với sự tự do tuyệt đối, để thực hiện sự tự do đó cần phải có những hình thức khác hơn là nhà nước.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào nửa đầu tháng
Chín 1842*

*Đã đăng không ký tên trong phụ trương báo
"Rheinische Zeitung" số 261, 18 tháng Chín
1842*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

BÁO "TIMES" NÓI VỀ CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN ĐỨC

GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "NEW MORAL WORLD"

Thưa ông!

Sau khi đọc xong bài viết trên báo "Times" nói về những người cộng sản Đức đăng lại trên báo "New Moral World"²¹³, tôi thấy không thể bỏ qua nó mà không có một số lời nhận xét giải thích mà có thể ông sẽ thấy đáng được công bố.

Cho đến nay, trên lục địa báo "Times" có danh tiếng là một tờ báo rất am hiểu, nhưng còn một số bài như bài nói về chủ nghĩa cộng sản Đức, và vì thế thanh danh ấy sẽ rất chóng mất đi. Những ai có hiểu biết dù rất ít về các phong trào xã hội ở Pháp và ở Đức đều phải lập tức nhận thấy rằng tác giả bài tiểu luận nêu trên cả gan nói về một vấn đề mà ông ta hoàn toàn không biết gì cả. Sự không am hiểu của ông ta về vấn đề này lớn tới mức ông ta thậm chí không đủ sức trình bày những mặt yếu của đảng mà ông ta công kích. Nếu ông ta muốn phê phán Vai-tlinh thì ông ta có thể tìm thấy trong các tác phẩm của Vai-tlinh những chỗ thích hợp cho mục đích ấy nhiều hơn so với những chỗ ông ta dẫn ra. Nếu ông ta chịu khó đọc bản báo cáo của Ủy ban Xuy-riích²¹⁴, điều mà ông ta cố quá quyết với chúng tôi, nhưng là điều mà có lẽ ông ta không làm - thì ông ta sẽ tìm thấy dồi dào tài liệu để nói xấu, sẽ tìm thấy cả một bộ sưu tập những điều bóp méo được sưu tầm chính là nhằm mục đích ấy. Cuối cùng, điều hết sức buồn cười là những người cộng sản phải tự mình cung cấp vũ khí đấu tranh cho các đối thủ của

mình; nhưng, dựa vào nền tảng rộng lớn những bằng cứ triết học, họ có thể dám làm như vậy.

Phóng viên báo "Times" bắt đầu từ chỗ mô tả đảng cộng sản ở Pháp là đảng rất yếu. Anh ta thắc mắc rằng có phải đảng đó đã tổ chức cuộc khởi nghĩa năm 1839 ở Pa-ri²¹⁵ hay không và cho rằng rất có thể là đảng cộng hòa "hùng hậu" đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đó. Nhưng, người thông báo rất am hiểu công chúng Anh của tôi ơi, xin hãy nói cho biết ông có coi một đảng gồm gần nửa triệu đàn ông lớn tuổi là rất yếu hay không? Chẳng lẽ ông không biết rằng đảng cộng hòa "hùng hậu" ở Pháp đã chín năm ở trong trạng thái hoàn toàn rệu rã và ngày càng suy thoái hay sao? Lẽ nào ông không biết rằng báo "National", cơ quan ngôn luận của đảng "hùng hậu" ấy, có số in ít ỏi hơn mọi tờ báo Pa-ri khác hay sao? Tôi, một người nước ngoài, có nên nhắc ông về việc quyên tiền ủng hộ quỹ của phái xóa bỏ sự hợp nhất ở Ai-rơ-len mà báo "National" đã tổ chức mùa hè năm ngoái trong các đảng viên đảng cộng hòa và đã đem lại chưa đầy 100 pao, tuy những người cộng hòa dường như có cảm tình nồng nhiệt đối với phái xóa bỏ sự hợp nhất ở Ai-rơ-len²¹⁶ hay không? Lẽ nào ông không biết rằng quần chúng đi theo đảng cộng hòa, công nhân, từ lâu đã tách khỏi những người đồng đảng giàu có của mình và không đơn thuần gia nhập đảng cộng sản, không, mà đã *thành lập* đảng cộng sản rất lâu trước khi Ca-bê bắt đầu bênh vực chủ nghĩa cộng sản hay sao? Chẳng lẽ ông không biết rằng toàn bộ "thực lực" của những người cộng hòa Pháp là ở việc những người cộng sản - họ muốn đạt được việc thành lập nước cộng hòa trước khi họ sẽ bắt đầu thực hiện chủ nghĩa cộng sản trong thực tiễn - ủng hộ những người cộng hòa Pháp hay sao? Xem ra, tất cả những điều ấy ông đều không biết, trong khi lẽ

ra ông cần phải biết chúng để có ý kiến đúng đắn về chủ nghĩa xã hội trên lục địa.

Về cuộc khởi nghĩa năm 1839, thì tôi không nghĩ rằng có thể gán những sự kiện như vậy cho một đảng nào đó. Nhưng qua những người từng tích cực tham gia cuộc émeute^{1*} ấy, tôi biết rằng nó do những người cộng sản nghĩ ra và tiến hành.

Người phóng viên rất am hiểu thông báo tiếp rằng "các học thuyết của Phu-ri-ê và Ca-bê có lẽ đã xâm chiếm đầu óc của một số nhà văn và nhà bác học nhiều hơn là được cảm tình chung của nhân dân". Về Phu-ri-ê thì điều đó đúng, như tôi đã có dịp trình bày ở một trong những số trước đây của báo này²¹⁷. Nhưng Ca-bê! Ca-bê, người hầu như không viết gì cả ngoài những cuốn sách nhỏ, Ca-bê, người luôn luôn được gọi là "cha Ca-bê", bằng cái tên mà "các nhà văn và các nhà bác học" chưa chắc có thể đặt cho ông, Ca-bê, mà khuyết điểm lớn nhất là sự hời hợt, không hiểu những yêu cầu thực sự của việc nghiên cứu khoa học, Ca-bê, chủ bút tờ báo^{2*} dùng để thông báo cho những người chỉ biết *đọc*, - chẳng lẽ một giáo sư trường Đại học Tổng hợp Pa-ri như Mi-sơ-lê, hoặc một người như Quy-nơ mà tính tự phụ của ông ta vượt tính chất thần bí của ông ta lại quan tâm đến học thuyết của người ấy hay sao? Điều đó quả thật buồn cười.

Sau đó người phóng viên kể về một hội nghị buổi tối nổi tiếng của Đức ở Hăm-bắc và Stai-nơ-huên-xli²¹⁸ và nêu ý kiến "rằng hội nghị đó mang tính chất chính trị hơn là tính chất cách mạng xã hội". Tôi không biết nên bắt đầu từ đâu để kể ra tất cả những điều vô lý chứa đựng trong câu này. Thứ nhất, các "cuộc hội nghị buổi tối" trên lục địa hoàn toàn không được biết đến; ở nước

1* - nổi dậy

2* - "Le Populaire de 1841"

tôi có những cuộc rước đuốc của những người thuộc phái Hiến chương hoặc những cuộc hội nghị buổi tối của phái Rê-béch-ca²¹⁹. Hội nghị Hăm-bắc đã diễn ra giữa ban ngày, trước mắt các nhà chức trách. Thứ hai, Hăm-bắc nằm ở Ba-vi-e, còn Stai-nơ-huên-xli thì ở Thụy Sĩ, cách Hăm-bắc mấy trăm dặm; trong khi đó người phóng viên của chúng ta thì nói về "cuộc hội nghị ở Hăm-bắc và Stai-nơ-huên-xli". Thứ ba, hai cuộc hội nghị ấy cách xa nhau đáng kể chẳng những về địa điểm, mà cả về thời gian nữa. Hội nghị ở Stai-nơ-huên-xli diễn ra muộn hơn hội nghị ở Hăm-bắc mấy năm. Thứ tư, những cuộc hội nghị ấy không chỉ *hình như*, mà trong thực tế đều mang tính chất thuần túy chính trị; chúng đã diễn ra trước khi những người cộng sản xuất hiện trên vũ đài.

Những nguồn mà từ đó người phóng viên của chúng ta lấy được thông tin vô giá là "báo cáo của Ủy ban (Xuy-rích), những tác phẩm cộng sản được công bố và không được công bố phát hiện thấy khi bắt Vai-tlinh và tài liệu điều tra cá nhân". Sự không am hiểu của người phóng viên của chúng ta chứng minh rõ ràng rằng ông ta chưa bao giờ đọc bản báo cáo ấy cả; điều rõ ràng là "những tác phẩm cộng sản *đã công bố*" không thể "*được phát hiện*" trong bất cứ vụ bắt bớ nào, vì sự thật đơn giản là việc chúng "được công bố" loại trừ mọi khả năng "phát hiện". Viên viện trưởng công tố Xuy-rích chưa chắc sẽ khoe khoang việc "phát hiện" những quyển sách mà bất cứ nhà buôn sách nào cũng có thể cung cấp cho ông ta! Về những tác phẩm "không được công bố" mà để thủ tiêu chúng tòa án đã khởi tố, thì các thượng nghị sĩ Xuy-rích sẽ thực sự không nhất quán, nếu họ - xem ra người phóng viên của chúng ta nghĩ như vậy - tự họ sau đó công bố chúng! Chính họ đã không làm điều gì tương tự như thế. Thực tế trong toàn bộ lời thông báo của người phóng viên của chúng ta không có điều gì mà ông ta có thể kiếm được từ nguồn ấy hoặc từ việc đích thân điều tra, nếu ở đây không có

hai sự kiện mới, - rằng những người cộng sản Đức đã vay mượn học thuyết của mình chủ yếu ở Ca-bê và Phu-ri-ê mà họ công kích, - về điều này người phóng viên của chúng ta có thể đọc trong chính quyển sách mà ông ta trích dẫn tỉ mỉ như vậy (Vai-tlinh, "Những điều đảm bảo", tr.228)²²⁰; và rằng "họ coi Ca-bê, Pru-đông, Vai-tlinh và - và - Công-xtăng là bốn vị soạn thảo kinh Phúc âm của mình"! Ben-gia-manh Công-xtăng, bạn của bà Đờ Xtan đã chết từ lâu và chưa bao giờ nghĩ ra điều gì có quan hệ đến cải cách xã hội cả. Hiển nhiên là người phóng viên của chúng ta có ý nói đến Công-xi-đê-răng, người theo phái Phu-ri-ê, chủ bút báo "Phalange", nay là báo "Démocratie pacifique", ông này nói chung không liên quan với những người cộng sản.

Hiện nay học thuyết cộng sản chứa đựng những điều tiêu cực nhiều hơn là những điều tích cực", - và lập tức sau lời khẳng định đó, người phóng viên của chúng ta liền bác bỏ chính mình, trình bày trong mười hai mục phác thảo các quy định của chế độ xã hội mới mà Vai-tlinh đưa ra, từ đầu chí cuối mang tính chất tích cực, và trong đó thậm chí không nhắc đến việc phá huỷ hệ thống xã hội đang tồn tại.

Tuy nhiên, những đoạn trích ấy được người phóng viên của chúng ta dẫn ra cực kỳ lộn xộn và chúng tỏ rằng trong nhiều trường hợp ông ta không tìm ra được những điểm căn bản của vấn đề được trình bày và thay vào đó dẫn ra những chi tiết thứ yếu nào đó. Thí dụ, ông ta bỏ mất ý chính trong đó bộc lộ sự hơn hẳn của Vai-tlinh so với Ca-bê, cụ thể là ý kiến nói về việc xóa bỏ mọi hình thức cai trị dựa trên bạo lực và đa số, về việc thay hình thức cai trị đó bằng sự quản lý đơn giản, bằng việc tổ chức những ngành lao động khác nhau và phân phối các sản phẩm lao động; ông ta đã bỏ qua lời đề nghị rằng tất cả những người làm công tác quản lý đó ở từng ngành không phải do đa số các thành viên của xã hội bổ nhiệm, mà chỉ do những thành

viên xã hội hiểu biết công việc chuyên môn giao nhiệm vụ cho các nhà chức trách tương lai. Sau đó, anh ta đã bỏ qua một trong những điểm quan trọng nhất của kế hoạch đó, cụ thể là những người được giao nhiệm vụ tuyển chọn, sẽ lựa chọn những ứng cử viên thích hợp nhất thông qua cuộc thi tuyển mà không cho biết ai là tác giả của những tác phẩm được đưa ra cuộc thi tuyển ấy; tên của những tác giả này phải để trong những phong bì có niêm phong, và chỉ bóc phong bì có tên của người chiến thắng mà thôi; cách đó trừ bỏ được tất cả mọi động cơ cá nhân có thể ảnh hưởng đến quyết định của những người lựa chọn.

Về những đoạn trích còn lại lấy của Vai-tlinh, thì tôi để bạn đọc báo này xét đoán xem trong thực tế chúng có chứa đựng những điều đáng khinh bỉ như người phóng viên của chúng ta nghĩ hay không, hay là trong đa số trường hợp - nếu không phải là trong tất cả mọi trường hợp - chúng bảo vệ chính những nguyên tắc và kế hoạch mà tờ báo này được thành lập để phổ biến chúng. Dù sao, nếu báo "Times" muốn lại viết về chủ nghĩa cộng sản Đức, thì nó sẽ làm tốt nếu có tìm cho mình một phóng viên khác.

Chân thành.

Ph.Ăng-ghen

*Ph.Ăng-ghen viết ngày 13 tháng Giêng
1844*

*Đã đăng trên báo "New Moral World" số
30, 20 tháng Giêng 1844*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN PHÁP

GỬI ÔNG CHỦ BÚT BÁO "NEW MORAL WORLD"

Man-se-xtơ, 28 tháng Giêng 1844

Thưa ông!

Trong thư tôi gửi cho ông để đăng báo "New Moral World" đề ngày 13 tháng này^{1*}, tôi đã có một sai sót. Tôi cho rằng phóng viên báo "Times" đã gọi một cách sai lầm ông Công-xtăng nào đó là người cộng sản. Song từ khi tôi viết bức thư ấy, tôi đã nhận được một loạt ấn phẩm cộng sản của Pháp trong đó mục sư Công-xtăng được gọi là người theo chế độ cộng sản. Trong khi đó ông Gút-uy-n Bác-mơ-bi đã lịch sự báo cho tôi biết một số tin tức mới về mục sư Công-xtăng mà theo lời ông Bác-mơ-bi thì ông này đã bị bỏ tù vì các quan điểm của mình và là tác giả của một số tác phẩm mang tính cộng sản. Chính ông ta đã diễn đạt thế giới quan của mình bằng những lời sau đây: "Tôi là tín đồ đạo Cơ Đốc và tôi hiểu đạo Cơ Đốc chỉ là chủ nghĩa cộng sản".

Vì vậy, tôi đề nghị ông đính chính lỗi nói trên trong số ấn phẩm tới của ông.

Kính thư.

Ph.Ăng-ghen

*Đã đăng trên báo "New Moral World" số
32, 3 tháng Hai 1844*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Anh*

^{1*} Xem tập này, tr.478-483.

PH.ĂNG-GHEN

THƯ TỪ

(1838 - 1842)

NĂM 1838**1**
GỬI MA-RI-A ẶNG-GHEN
Ở BẮC-MEN

Brê-men, 28-29 tháng Tám 1838

Ma-ri-a thân mến!

28 tháng Tám

Vừa trông thấy bức thư, anh lập tức đoán ra rằng đó là thư của em, tuy nói chung anh thậm chí không biết nét chữ của em. Quả thật, nó giống hệt chính em: viết vội vã kinh khủng, đầu đầu cũng đều là sự lộn xộn đáng yêu, những câu tẻ nhạt ai cũng biết, mà người ta hoàn toàn không cần phải quan tâm. "Anh sống ra sao? Sức khỏe của anh thế nào?" Ê-min-sen^{1*} và A-đê-lin-sen^{2*}, những chuyện không may - tất cả đều dồn vào một đồng. Nhân tiện xin nói, ở đây cũng đã xảy ra một sự cố: người thợ quét vôi - trong tuần qua anh ta là người thứ hai - đã rơi từ trên giàn giáo xuống và bị vỡ đầu chết.

Việc Ê-min-sen và A-đê-lin-sen ra đi là điều hoàn toàn đáng

1* - Ê-mi-li-a Ặng-ghen

2* - A-đê-li-a Ặng-ghen

kinh ngạc, dù sao thì gia đình Tơ-rê-vi-ra-nút đã hết sức ngạc nhiên về điều đó, tất cả họ đều nghĩ rằng Các^{1*} đang nuôi dưỡng họ.

29 tháng Tám

Các em định đi Cơ-xan-ten phải không? - rất hay đấy, các em thực sự cần phải đi tới đó, vì mẹ đã hứa thế với dì^{2*} và bà^{3*}. Các em cố gắng liệu chừng để đi tới đó vào dịp thu hoạch nho nhé, lúc đó các em có thể tha hồ ăn nho. Trong vườn của anh ở đây cũng có nho nhưng chưa chín, song ở chỗ anh táo đã chín, loại táo thiên đường ngon hơn nhiều so với táo trên cây to tướng ở vườn nhà Ca-xpác^{4*} mà đã bị chặt rồi.

Ma-ri-a này, em hãy hình dung, ở chỗ bọn anh có con gà mẹ với bảy gà con chưa đầy một tuần tuổi. Khi ở văn phòng không có việc gì làm, bọn anh đi ra sân và bắt ruồi, muỗi và nhện; lúc đó bà đến nhặt chúng từ tay bọn anh rồi đem cho gà con ăn. Nhưng ở đây có một chú gà con màu đen lớn bằng con chim hoàng yến, nó mổ ruồi ngay trong tay. Và tất cả những sinh linh nhỏ xíu ấy sẽ trở thành những con gà mái thấp lè tè có lông ở chân. Anh tin rằng em sẽ rất thích con gà mái như vậy với đàn gà con. Vì chính em cũng là một con gà con như thế. Em hãy khuyên mẹ sang năm cũng cho gà mái ấp trứng. Bọn anh cũng nuôi bồ câu - gia đình Tơ-rê-vi-ra-nút và gia đình Lô-i-pôn-đơ cũng vậy, - loại bồ câu Cốt-bếch và Đu-tư-sơ [Crô-po]; ở đây

1* - Các Ăng-ghen

2* - Phri-dê-rích Phôn Gri-xhai-mơ

3* - Phran-txi-xca Van Ha-rơ

4* - Ca-xpác Ăng-ghen, bác

chúng được gọi là "bồ câu mang vương miện" (vì trên ngực chúng có bờm, theo cách nói ở đây là vương miện) và "Crô-po". Đặc biệt tốt là bồ câu Cốt-bếch. Bọn anh, Ê-béc-lai-nơ và anh cho chúng ăn hằng ngày; có điều không phải là đậu Hà Lan làm thức ăn gia súc gia cầm, ở đây không có thứ đó, mà là đậu Hà Lan thông thường hoặc hạt dẻ gai nhỏ, hạt này không lớn hơn hạt đậu Hà Lan.

Buổi sáng, khi chợ đã đông người, em sẽ được xem nữ nông dân ở đây mặc áo quần tuyệt vời như thế nào. Đặc biệt đẹp là những chiếc mũ và nón rơm. Nếu anh có thể quan sát bình tĩnh một người phụ nữ nào đó, anh sẽ thử phác họa và gửi cho em. Các cô gái đội mũ đỏ bé tí tẹo ngay trên đỉnh đầu, còn phụ nữ có tuổi thì đội mũ trùm to tướng nằm phẳng trên đầu rủ xuống mặt hoặc những chiếc mũ nhung to, phía trước có viền dăng ten đen, trông thật độc đáo.

Cửa sổ phòng anh trông ra một con hẻm nhỏ, mà qua lại đây thường là bọn người không trong sạch. Nếu anh ngồi đến khuya thì vào khoảng mười một giờ sẽ nghe thấy trong ngõ hẻm bắt đầu có tiếng ồn ào và huyên náo: mèo kêu, chó sủa, những hôn ma cười sặc sụa, rên rĩ và gõ vào cánh cửa sổ đóng kín của nhà láng giềng; nhưng sở dĩ có tất cả những điều đó là do một nguyên nhân rất đơn giản. Vấn đề là trong ngõ có người làm đèn lồng và ông ta đi ra ngoài đúng vào lúc mười một giờ.

Đấy, anh đã viết kín cả hai trang rồi. Nếu anh muốn làm như em thì bây giờ anh sẽ viết: "Nào, giờ đây chắc em sẽ hài lòng trước việc anh đã kể cho em nhiều như thế, lần sau anh lại kể cho em bằng ngân ấy". Em sẽ làm như vậy. Em viết hai trang bằng nét chữ viết thẩu, hai trang còn lại thì em để trống. Nhưng để chứng minh cho em rằng anh không làm như em và anh

không trả miếng em râu, anh sẽ chịu khó một lát và anh sẽ viết bốn trang chữ nhỏ.

Sáng nay có một người thợ sửa tóc đến nhà, và ông mục sư^{1*} khuyên anh cạo râu, vì dường như trông anh có vẻ khủng khiếp. Nhưng anh sẽ không cạo râu đâu, vì cha bảo phải để dao cạo của anh còn niềm phong chừng nào anh chưa bắt đầu sử dụng nó; cha đi cách đây hai tuần, trong thời gian đó ria của anh chưa thể mọc lên được. Anh sẽ cạo râu sau khi anh nuôi ria của anh có màu cánh quạ. Thế đấy, và em còn biết rằng mẹ bảo cha cho anh bộ đồ cạo râu để mang theo, nhưng cha trả lời rằng điều đó có nghĩa là cảm dỗ anh và ở Man-se-xtơ cha sẽ tự mình mua cho anh bộ đồ cạo râu, nhưng anh sẽ không sử dụng nó vì nguyên tắc.

Anh vừa ở chỗ duyệt binh trở về, duyệt binh diễn ra hàng ngày trên quảng trường Nhà thờ lớn. Ở đây đạo quân Han-dây vĩ đại đang luyện tập đội ngũ trong đó có khoảng 40 lính, 25 nhạc công, và 6 hoặc 8 sĩ quan; nếu không kể những người lính đánh trống thì tất cả họ đều có ria mép y như ở người kỵ binh Phổ. Nói chung đa số họ chưa có râu, ria, ở một số người chỉ mới lóm chóm. Cuộc diễu binh diễn ra những hai phút, lính đi tới, xếp hàng, bồng súng chào rồi lại đi. Nhưng nhạc hay (rất hay, tuyệt vời, tuyệt diệu, người Brê-men nói như thế). Hôm qua người ta đưa tới đây một người Han-dây đào ngũ. Chàng trai ấy là người Do Thái, anh ta đã học luật lệ của chúa ở mục sư Tơ-rê-vi-ra-nút và muốn theo đạo Thiên chúa. Anh ta đã đào ngũ nhưng chưa ra khỏi thành phố mà đã viết thư cho mục sư Tơ-rê-vi-ra-nút như thể anh ta đang ở Brin-cum, nơi mà một người bà con khuyên

1* – Ghê-oóc Gốt-phrit Tơ-rê-vi-ra-nút

anh ta tới đó, và đã đề nghị mục sư xin giảm nhẹ hình phạt. Mục sư định làm điều đó thì bỗng nhiên hôm qua chàng trai ấy bị bắt ở gần Brê-men, thành thủ đã biết rõ nơi anh ta trốn. Giờ đây anh ta sẽ nhận được một sự cảnh cáo xứng đáng, nghĩa là 60 gậy, vì ở đây lính luôn luôn bị đánh bằng gậy.

Ở Brê-men hoàn toàn không có người Do Thái, chỉ có ở ngoại ô, một số người Do Thái được phép đặc biệt mới được sống ở đấy, nhưng trong số họ không một ai có quyền sống ở thành thị.

Hôm nay lại mưa suốt ngày. Gần đây chỉ có một lần, cách đây một tuần, trời khô, tất cả những ngày còn lại đều mưa, tuy mưa ít thôi. Hôm chủ nhật trời rất nóng, hôm qua cũng khá ngọt ngào, tuy trời thường đầy mây đen, còn hôm nay, phải, hôm nay quả thật không thể chịu nổi. Vừa mới ra khỏi cửa liền bị ướt như chuột lột. Ở chỗ các em có nghe thấy gì không? Bây giờ anh viết thư cho mẹ. - Các em đã làm lành với gia đình Cam-péc-man chưa, các em ngốc?

Adieu^{1*}, Ma-ri-a.

Anh của em

Phri-đrich

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd, 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – Tạm biệt

2

GỬI PHRI-ĐRÍCH VÀ VIN-HEM GRE-BƠ
Ở EN-BƠ-PHEN-ĐƠ

[Brê-men], 1 tháng Chín [1838]

Gửi các ngài anh em Gre-bơ ở Bác-men, nay đang lưu trú ở En-bơ-phen-đơ. Nay tôi xác nhận đã nhận được bài viết đáng kính của ngài Ph.Gre-bơ, tôi xin mạn phép gửi quý ngài mấy dòng. Quý tha ma bất, tình hình đang diễn ra suôn sẻ! Chúng tôi sẽ lập tức bắt đầu từ nghệ thuật tạo hình. Vấn đề là người hàng xóm của tôi tên là Gioóc-giơ (tên ông ta là Ghê-oóc phát âm theo tiếng Anh) Gô-ri-xem, - tên hê Hăm-buốc trung thành nhất chưa từng có; xin các vị hãy lấy mức trung bình trong hai bức chân dung kèm theo đây, hãy đặt cái trung bình lên trên cái thân hẹp ngang và đôi chân dài, làm cho đôi mắt tỏ ra khá đần độn, hình dung lời nói y hệt như lời nói của Kiéc-sơ, có điều bằng thổ ngữ Hăm-buốc, thế là các vị sẽ có được bức chân dung đúng đắn nhất của tên ngốc này như trong thực tế. A, nếu tôi có thể mô tả ông ta một cách thành công như tối qua, khi tôi vẽ ông ta trên bảng giống đến mức tất cả mọi người, thậm chí các bà hầu gái, đều nhận ra ông ta. Ngay đến ông họa sĩ^{1*} sống cùng nhà với chúng tôi và nói chung là người coi tất cả mọi cái

1* – G.V. Phai-xơ-coóc-nơ

đều xấu, sau khi thấy bức chân dung đó cũng cho rằng nó rất tốt. Cái ông Gi.Gô-rin-xen ấy là tên đại ngốc trên thế gian; hàng ngày ông ta bận rộn với một điều vô vẩn mớ nào đó, về những ý tưởng vô lý và tẻ nhạt thì ông ta có nhiều vô tận. Trong thâm tâm chàng trai này ít ra có hai mươi giờ buồn bã gọi buồn cho tôi.

Vừa rồi tôi mua cuốn sách có tính chất bào chữa của Gia-cốp Grim²¹; cuốn sách ấy tuyệt diệu và được viết một cách mạnh mẽ hiếm thấy. Cách đây không lâu tôi đã đọc ở *một* hiệu sách ít ra là bảy cuốn sách về câu chuyện ở Khuên²² - NB. Ở đây tôi đã đọc nhiều những chuyện và cách diễn đạt như thế - tôi đặc biệt quan tâm đến sách báo như vậy - mà ở chỗ chúng tôi không bao giờ^{1*} người ta dám dăng: những ý tưởng hoàn toàn tự do chủ nghĩa v.v.; những điều suy luận về con dê già Han-nô-vơ^{2*} có chấy quả thật tuyệt diệu.

Ở đây có những bức tranh trào phúng tuyệt đẹp. - Tôi đã thấy một bức tranh tuy vẽ xấu, nhưng với những bộ mặt rất tiêu biểu. Bức tranh mô tả người thợ may ngồi trên lưng một con dê do ông chủ giữ; bao quanh họ là những người thợ già. Tất cả những điều đó có ý nghĩa gì, có thể thấy rõ qua dòng chữ đề:

"Ông chủ ơi, đừng giữ con ngựa của tôi!"

Nhưng về điều này tôi sẽ nói lần khác, vì tôi không thể kiểm được bức tranh ấy do có người thủ trưởng^{3*} đang ngồi ở đây. Và

1* Từ đây trở đi, đến các từ "bia lên men trong tôi", văn bản bức thư ở trang đầu được viết bằng mực đỏ cắt ngang chữ đen.

2* – Éc-nơ-xơ Au-gu-xơ

3* – Hen-rích Lôi-pôn-đơ

lại, anh ta vẫn là một chàng trai cực tốt, tốt đến mức ta không thể tưởng tượng được.

Xin lỗi vì tôi viết xấu như thế này: tôi đã uống ba chai bia. Hoan hô! Tôi không thể viết được nữa, vì phải đưa ngay thư ra bưu điện. Đã ba giờ rưỡi rồi, mà thư thì phải bỏ ở đấy lúc bốn giờ! Quỷ tha ma bắt! Anh có nhận thấy bia lên men trong tôi hay không!^{1*}... Xin các vị làm ơn lập tức nguệch ngoạc cho tôi điều gì đó; Vương-mơ biết địa chỉ của tôi, các vị có thể chuyển thư cho ông ấy. A, trời ơi, tôi viết gì vậy? Ôi, trời ơi, trời ơi, thật

Rô-lăng - hiệp sĩ ở Brê-men

khốn khổ! Ông già, tức là thủ trưởng, vừa mới vào, còn tôi thì hoàn toàn lúng túng: tôi không biết tôi viết gì, tại tôi bị ù. Nhờ hai vị chuyển lời chào đến P.Gioong-hau và Ph.Pluy-ma-khơ, bảo họ viết thư cho tôi, và sắp tới tôi cũng sẽ viết thư làm cho họ sung sướng. Các vị có thể đọc những điều tôi bô bác ở đây hay không?

Anh sẽ cho tôi cái gì về một pao những chuyện vợ vẫn? Tôi dự trữ nhiều những chuyện đó. Ôi, chúa vĩ đại!

Chân thành chào quý ngài.

Ph.Ăng-ghen của ngài

Công bố lần đầu có lược bớt chút ít trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920 và công bố toàn văn trong Marx-Engels Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2. 1930

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

^{1*} Một câu không đọc được vì giấy bị hỏng.

3 GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở BÁC-MEN

[Brê-men], 11 tháng Chín [1838]

Ma-ri-a thân mến!

"Với hy vọng một lần nữa em sẽ nhận được của anh một bức thư dài **4 trang** v.v.". Đúng vậy, cô em gốc nghềch ạ, em sẽ nhận được 4 trang, nhưng chúng được viết theo nguyên tắc - em đo bằng thước đo mà người ta sẽ đo em^{1*}, vả lại, như thế là quá nhiều đối với em. Chính vì trên một trang giấy nhỏ như thế này anh viết nhiều bằng em viết trên một trang lớn, và anh xin em sau này đừng phí giấy một cách quá quắt như thế. Khi người béo viết tháu như vậy thì đó là điều hoàn toàn khác. Các em, những cô gái nhỏ, có hiểu hay không? - Nếu năm nay các em không đi Cơ-xan-ten thì các em sẽ phải tự nhủ:

Hãy tự an ủi về tất cả mọi tai họa với I-ôn,

Hãy bôi xi-rô đậm hơn nữa cho thầy tu.

Ở đây chẳng làm được gì, như ở Brê-men chỗ bọn anh người ta nói như vậy. Em có thể tưởng tượng rằng em đã đến đây, chẳng lẽ em không nhớ Héc-man^{2*} đã làm gì khi chú ấy có được

^{1*} Kinh thánh. Kinh Tân ước. Kinh Phúc âm của Ma-thi-ơ, chương 7, dòng 2 (lấy lại).

^{2*} - Héc-man Ăng-ghen

một cốc rượu vang? Chú ấy uống rượu vang rất chậm, cố gắng kéo dài sự thích thú. Vì thế các em cũng phải tự nhủ: nếu bây giờ chúng ta có mặt ở Cơ-xan-ten, thì chúng ta sẽ không thể vui mừng về việc chúng ta sẽ đi tới đó nữa, còn giờ đây trước mắt chúng ta có hẳn một năm đầy hy vọng, và chúng ta có thể tha hồ vui mừng bao nhiêu tùy ý. Vì rằng như thế là thông minh, như Xô-crát nói, và cùng với ông ta là cả U-len-spi-ghen nữa. Em hãy nhớ điều đó cho sau này. Như em thấy, anh cũng có thể đọc cho em nghe những điều chỉ bảo không kém em chỉ bảo anh. Còn khi em lại viết cho anh, thì em đừng bắt đầu mỗi đoạn bằng những chữ "anh hãy hình dung". Thói quen cao cả ấy em lấy ở đâu ra? Làm sao em có thể nói: "em không biết nên viết gì nữa", nếu em chưa cho anh biết em và An-na^{1*} được điểm hàng năm như thế nào, năm nay ai viết lời mở đầu cho chương trình của các em. Anh chàng béo ị chắc cũng đã làm điều gì đó bất ngờ trong tám tuần lễ anh không có mặt ở nhà, chẳng lẽ em không thể viết về điều này cho anh biết sao? Và còn xảy ra bao nhiêu chuyện mà anh hoàn toàn không biết! Xin em hãy cho biết, chẳng lẽ đây là sự thanh minh: "em không biết em nên viết gì" hay sao? Anh cũng không biết anh nên viết những gì. Khi anh bắt đầu viết một dòng thì anh chưa biết anh sẽ nói gì ở dòng tiếp theo, nhưng vẫn có cái gì đó nảy ra trong đầu anh, và anh hy vọng rằng đối với em đọc những điều anh viết sẽ không phải là vô ích và không phải là thừa. Còn em, nếu em viết hai trang bằng những dòng thưa thớt thì em đã tưởng tượng rằng em suýt thực hiện chiến công của Héc-quyn. Vậy em nghĩ gì về anh? Sau khi anh viết xong bức thư này gửi em, anh còn phải viết ba bức thư khác nữa, còn ngày mai hoặc ngày kia thì mang thư ra bưu điện. Và anh tuyệt nhiên không có nhiều thì

1* – An-na Ăng-ghen

giờ, vì chiều nay tàu "Pan-si-ta" rời bến đi Ha-ba-na và anh phải chép lại những bức thư của người khác thay vì tự anh viết lấy; chiều nay anh đợi thư của Stơ-ruy-cơ, và ông ấy chắc cũng muốn nhận được thư trả lời. Hơn nữa, anh không thể viết cho người này những điều y như anh đã viết cho người kia. Giờ đây em thấy rằng sẽ không công bằng nếu em viết cho anh sáu trang và em có giận không, nếu thậm chí anh chỉ viết cho em có 1/6 trang? Và lại, chỉ riêng việc quở trách này cũng đã dài bằng cả bức thư của em, và để chứng minh cho em rằng cả anh cũng có thể viết về điều gì đó khác, thì anh sẽ mạnh dạn kể cho em rằng nếu anh kiếm được chiếc bút lông trước khi gửi thư đi, anh sẽ gửi cho em một số tranh vẽ những mốt áo quần của nông dân Brê-men.

Nhưng bây giờ em nói đúng, anh không biết nên viết gì nữa, và anh vẫn cố gắng nghĩ ra điều gì đó, bốn trang sẽ được viết kín một cách thực thà. Điều rất khó chịu ở đây là buổi chiều, lúc trời bắt đầu tối, cổng thành phố đóng lại và ai muốn đi vào hoặc đi ra đều phải nộp thuế. Bây giờ việc đó bắt đầu từ bảy giờ, lúc đó cần phải nộp hai grô-sa, và càng muộn thì thuế càng cao; sau chín giờ thì phải nộp 3 grô-sa, lúc 10 giờ phải nộp 6 grô-sa, lúc 11 giờ phải nộp 12 grô-sa. Đi qua bằng ngựa, thuế càng cao hơn. Anh cũng đã mấy lần nộp thuế đó.

Bây giờ viên lục sự^{1*} đang nói chuyện với ông Gra-ve về những bức thư phải viết vào chiều hôm nay. Anh lắng nghe hết sức chăm chú cuộc nói chuyện ấy giống như một kẻ gian thấy các viên bồi thẩm đi ra và đợi họ nói "có lỗi" hoặc "không có lỗi". Vì rằng, nếu Gra-ve bắt đầu viết, thì anh hoàn toàn không kịp nhìn lên bàn anh xem đã có sáu, bảy, tám bức thư hoặc nhiều hơn nữa,

1* – Hen-rích Lôi-pôn-đơ

mỗi bức một, hai hoặc thậm chí ba trang. Trong thời gian ở đây anh đã chép lại 40 trang, 40 trang vào quyển sổ ghi chép khổ lớn. Kìa trước mặt anh lại có bức thư gửi đi Ban-ti-mo và, em hãy hình dung, 4 trang viết đặc kín. Bây giờ là mười một giờ rưỡi, và anh sẽ đi bưu điện như thế để nhận thư cho ông lục sự, còn thực ra là để hỏi xem có thư của Stơ-ruy-cơ hay không.

Adieu^{1*}, Ma-ri-a thân mến, anh hy vọng nhận được bốn trang lớn.

Anh *Phri-đrích* của em

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

4

GỬI PHRI-ĐRÍCH VÀ VIN-HEM GRE-BƠ Ở BÁC-MEN^{2*}

[Brê-men], 17-18 tháng Chín [1838]

Ngày 17 tháng Chín. Trước tiên là mực đen rồi sau đó là mực đỏ^{3*}.

1* – Tạm biệt

2* Ở mặt sau bức thư có ghi: gửi ngài Phri-đrích Gre-bơ. Gửi ngài mực sư Gre-bơ, Bác-men. Phran-cô.

3* Bức thư đề ngày 17 tháng Chín viết bằng mực đen, thư đề ngày 18 tháng Chín viết bằng mực đỏ, theo chiều ngang thư trước.

Carissimi! In vostras epistolas haec vobis sit respondentia. Ego enim quum longiter latine non scripsi, vobis paucum scribero, sed in germanico - italianico - latino. Quae quum ita sint^{1*} nên các vị sẽ không nhận được một từ nào bằng tiếng latin nữa, mà tất cả đều bằng tiếng Đức thuần túy, trong suốt, rõ ràng, hoàn hảo. Bây giờ tôi sẽ bắt đầu câu chuyện của tôi ngay từ việc thông báo cho các vị một điều rất quan trọng: bản tình ca Tây Ban Nha của tôi đã thất bại; chàng trai ấy xem ra là một phần tử chống người theo chủ nghĩa lãng mạn, chính anh ta trông có vẻ như vậy; nhưng bài thơ "Người du mục"^{2*} của tôi gửi kèm theo thư đã được đăng trong một tạp chí khác; có điều chàng trai ấy đã sửa khổ thơ cuối cùng của tôi, tạo nên một sự rối rắm không thể tưởng tượng được. Vấn đề là anh ta hình như không hiểu những từ: "những người mặc áo đuôi tôm sẽ không hiểu các vị, âm điệu bài ca của các vị với họ quá xa vời", vì thế chúng có vẻ lạ lùng. Tư tưởng chủ yếu của bài thơ là việc đem những người du mục, thậm chí trong trạng thái hiện nay của họ, đối lập với công chúng hoàn toàn xa lạ với họ. Vì không thể diễn đạt sự tương phản ấy bằng một sự mô tả trần trụi đưa ra trong hai bộ phận tách biệt rõ rệt; chỉ ở phần kết nó mới thể hiện rõ nhờ việc đối lập cả với kết luận cuối cùng của khổ thơ cuối cùng. Ngoài ra, bài thơ còn diễn đạt một số ý: 1) mỉa mai nhẹ nhàng đối với Cô-txê-bu và những người gắn bó với ông ta, đồng thời đem Si-lơ với tư cách là nguyên tắc tốt lành của nền sân khấu chúng ta đối lập với ông ta; 2) nỗi đau khổ về tình trạng hiện nay của dân du mục, đồng thời đem đối lập với tình trạng trước

1* – Thưa các vị thân mến! Tôi xin trả lời thư của các vị như sau: Vì từ lâu tôi không viết bằng tiếng latin, nên tôi sẽ viết cho các vị một ít, nhưng bằng tiếng Đức - I-ta-li-a - Latinh. Vậy.

2* Xem tập này, tr, 11-12.

kia của họ; cả hai tư tưởng phụ ấy đi song song với nhau trong cả hai mặt đối lập chủ yếu. Nếu bỏ khổ thơ cuối cùng đi thì tất cả sẽ tiêu tan; nhưng nếu người biên tập muốn làm dịu kết luận mà viết: "Và sau chuyện này sẽ là nhục nhã nếu nhảy múa trước đám đông để lấy tiền! - không phải ngẫu nhiên mà mất các vị mở đục, và miệng có dấu niêm phong!", - thì thú nhất, lời kết luận nhạt nhẽo, vì nó được viết bằng những câu chung chung đã được sử dụng trước kia, thứ hai, nó thủ tiêu ý chính của tôi, thay ý chính bằng một ý phụ: phần nản về tình trạng của dân du mục và đối chiếu nó với tình trạng trước đây của họ. Vậy là anh ta đã làm hỏng bằng cách sau đây: anh ta đã hoàn toàn thủ tiêu 1) ý chính và 2) tính hoàn chỉnh của toàn bộ bài thơ. Tuy nhiên, việc đó anh ta sẽ tốn thêm một grót (1/2 din-béc-grô-sa), vì anh ta sẽ nhận được lời phản bác thích đáng của tôi. Vả lại, lẽ ra tôi đừng sáng tác bài thơ ấy thì tốt hơn, vì tôi hoàn toàn không diễn đạt được ý của mình dưới một hình thức rõ ràng, trang nhã; những câu có tính chất mỹ từ...^{1*} - chẳng qua là những câu hoa mỹ, xú sở của những cây chà là và Bi-lét Un Giê-rít - đấy chỉ là một, thành thử cùng một ý được lặp lại hai lần bằng cùng một cách diễn đạt, còn một số câu thì nghe không êm tai làm sao ấy: "những trận cười nổ vang" và "những cái miệng nhanh hện!" Tôi có cảm giác lạ lùng khi thấy những bài thơ của mình được đăng; chúng đã trở nên xa lạ với tôi, và tôi cảm nhận chúng sắc bén hơn nhiều so với khi chúng mới được viết ra.

Tôi đã cười rất dữ khi bỗng nhiên thấy tác phẩm của tôi được công bố, nhưng hứng thú muốn cười của tôi đã nhanh chóng tan biến; khi tôi nhận thấy những chỗ sửa chữa, thì tôi điên tiết lên

1* Trong văn bản có một từ chưa hoàn chỉnh: Str., chắc có ý nói Stơ-ruy-cơ (Strüker) – người đồng chí của Ăng-ghen.

và làm om sòm một cách đáng sợ - Satis autem de hac re locuti sumus!^{1*}

Sáng nay tôi tìm thấy ở chỗ người bán sách cũ một quyển sách hết sức độc đáo: những đoạn trích từ quyển "Sự tích các thánh", nhưng tiếc thay, chỉ trong thời gian sáu tháng đầu năm, với những bức chân dung, những bài mô tả cuộc đời của các thánh và những kinh cầu nguyện, nhưng tất cả đều rất ngắn. Quyển sách giá 12 grót (6 din-béc-grô-sa) và tôi đã trả cũng ngần ấy tiền cho quyển "Đi-ô-gien xứ Xi-nô-pơ, tức là quyển *ΣωκρατηΣμυχιωομενος*"^{2*} của Vi-lăng.

Tôi ngày càng thất vọng về thơ ca của mình và về sức sáng tạo của nó, đặc biệt là từ khi tôi đọc của Gơ-tơ hai bài "Gửi những nhà thơ trẻ"²²³, trong đó tôi cố gắng hiểu thật chính xác; qua những bài ấy tôi thấy rõ ràng việc ghép vần của tôi không có giá trị gì đối với nghệ thuật; thế nhưng từ nay tôi sẽ tiếp tục học cách ghép vần, vì đó là "sự bỏ sung thú vị", như Gơ-tơ nói, còn bài thơ khác thì tôi sẽ nhét vào một tạp chí nào đó, vì những chàng trai khác cũng làm như thế, họ cũng là những kẻ ngốc như tôi nếu không phải ngốc hơn tôi, và cũng vì bằng cách ấy tôi sẽ không nâng cao và không hạ thấp trình độ của nền văn học Đức. Nhưng khi đọc một bài thơ hay thì tôi rất lấy làm bực tức: vì sao mình không viết được như thế! Satis autem de hac re locuti sumus!

Cari amici^{3*} của tôi, tôi cảm thấy rất rõ sự thiếu vắng các vị. Tôi thường nhớ lại những buổi tôi đến phòng của các vị; Phrít-xơ

1* – Song về vấn đề này thế là đủ!

2* – Xô-crát điên rồ

3* – Các bạn thân mến

ngồi thoải mái bên lò sưởi, với chiếc tẩu ngấn trên miệng, còn Vin-mơ mặc chiếc áo thụng dài đi lại trong phòng và chỉ hút loại xì gà bốn phen-ních và pha trò hóm hỉnh đến mức làm cho căn phòng rung lên, sau đó xuất hiện Phen-man khoẻ mạnh, giống như chàng *Σχολός Μευέλαος*^{1*}, rồi Vuốc-mơ đến, mặc chiếc áo khoác dài, tay cầm gậy, và chúng ta uống rượu nhiều đến mức trời nóng lên; còn giờ đây thì phải hạn chế ở việc viết thư - điều đó thật đáng sợ! Những điều các vị viết cho tôi từ Béc-lin cũng chính xác, điều đó constat^{2*} và naturaliter^{3*}, những bức thư gửi tới đó chỉ cần hơn một ngày so với những bức thư gửi tới Bác-men. Các vị đã biết địa chỉ của tôi; vả lại, điều đó không quan trọng, vì tôi đã thiết lập mối quan hệ quen biết tốt với người đưa thư của chúng tôi đến mức ông ta luôn luôn mang thư đến văn phòng cho tôi. Song honoris causa^{4*}, các vị có thể viết để phòng xa có lúc cần đến: Xan-Mác-ti-ni Kiéc-sốp số 2. Nguồn gốc của tình bạn ấy với người đưa thư là ở chỗ chúng tôi có tên giống nhau: ông ta tên là Ăng-ghen. - Hôm nay tôi hơi khó viết thư này: hôm kia tôi đã gửi thư đi Bin-cơ cho Vuốc-mơ, còn hôm nay thì gửi cho Stơ-ruy-cơ, bức thư thứ nhất dài 8 trang, bức thư thứ hai dài 7 trang. Còn bây giờ thì chính các vị cũng phải nhận được phần của mình. - Nếu các vị nhận được thư này trước khi đi Khuên, thì xin các vị thực hiện nhiệm vụ sau đây: sau khi đến đấy, các vị hãy tìm phố Stơ-rai-xây-ga-xe, ghé vào nhà in Ê-vê-réc-tơ, số 51 và mua cho tôi những quyển sách nhân dân; "Dích-phrít",

1* – Mê-nê-lai tóc hung

2* – đã được xác định

3* – hiển nhiên

4* – vì danh dự

"U-len-spi-ghen", "Ê-lê-na" chỗ tôi đã có; quan trọng hơn cả đối với tôi là "óc-ta-vi-an", "Thị dân Sin-đơ" (bộ chưa đầy đủ xuất bản ở Lai-pxích), "Những đứa con của Hây-môn", "Tiến sĩ Phau-xtơ" và những quyển sách khác có in tranh khắc; nếu gặp những quyển sách thần bí thì xin các vị cũng cứ mua, đặc biệt là quyển "Lời tiên tri của Xi-vi-la". Dù thế nào đi nữa, các vị có thể tiêu tốn hai hoặc ba ta-le, rồi gửi sách cho tôi bằng chuyển nhanh, có hóa đơn²²⁴; tôi sẽ gửi cho các vị tờ kỳ phiếu ghi tên ông già của tôi^{1*}, ông ấy sẽ vui lòng trả tiền cho các vị. Hoặc là thế này: các vị có thể gửi sách cho ông già của tôi, tôi sẽ báo cho ông biết mọi chuyện, ông ấy sẽ tặng chúng cho tôi nhân dịp lễ Giáng sinh hoặc khi nào ông muốn. - Công việc mới của tôi là nghiên cứu I-a-cốp Buê-mơ; đó là một tâm hồn đen tối, nhưng sâu sắc. Cần phải mày mò tìm hiểu thật nhiều về ông ta, nếu ta muốn hiểu điều gì đó; ông ta có nhiều tư tưởng thơ ca phong phú, và ông ta có đầy những lời nói bóng bẩy; ngôn ngữ của ông ta hoàn toàn độc đáo: ở ông ta, tất cả mọi từ đều có ý nghĩa khác so với thông thường; thay vì thực chất, bản chất [Wesen, Wesenheit] ông ta nói đau khổ [Qual]; ông ta gọi Chúa là vô cơ sở [Ungrund] và có cơ sở [Grund], vì Chúa không có cơ sở, cũng không có sự khởi đầu tồn tại của mình, bản thân Chúa là cơ sở của đời sống của mình và của mọi đời sống khác. Cho đến nay tôi chỉ kiếm được ba tác phẩm của ông ta; bước đầu như thế là đủ. - Xin gửi các vị bài thơ của tôi về dân du mục:

Thêm một tiếng chuông nữa,
Màn lụa vạt kéo lên;
Dân chúng căng tai nghe-
Lặng im trong chờ đợi.

1* – Phri-drích Ăng-ghen cha, bố của Ăng-ghen

Bây giờ chưa phải lúc
 Cô-txê-bu gậy cười,
 Chưa phải lúc Si-lơ
 Trút dòng vàng nóng chảy.

Những người con kiêu hãnh của sa mạc
 Đến đây làm các anh vui;
 Lòng kiêu hãnh, ý chí của họ - những giấc mơ,
 Đã tan biến không còn dấu vết.

Họ xếp hàng dài múa cho các vị
 Những điệu vũ quê hương để lấy tiền
 Theo bài hát rên rỉ; nhưng tất cả lặng im:
 Sự im lặng hợp với những người nô lệ.

Nơi nào hôm qua Cô-txê-bu cố giành được
 Những tràng vỗ tay bằng trò hài hước,
 Thì ở đó hôm nay những người du mục
 Được hội trường tặng tràng sấm vỗ tay.

Đã lâu chưa, họ nhanh nhẹn và nhẹ nhàng
 Đi dưới mặt trời, trong nóng bức,
 Qua miền sa mạc xứ Ma-rốc
 Và qua xứ sở cây chà là?

Hay đã lang bạt khắp các khu vườn
 Của xứ sở tươi đẹp Ung Giê-rít,
 Những con ngựa với tiếng vó lóc cóc
 Nhắc các vị nhớ các trận đột kích hôm xưa?

Hay họ đã nghỉ bên dòng sông sâu
 Dưới bóng râm bụi cây tươi mát,
 Và những cái miệng lạnh lợi bện

Những vòng hoa cổ tích rực màu?

Hay ban đêm trong những túp lều
 Nhấm nháp những giấc mộng vô tư ngọt ngào,
 Khi tiếng rống của lạc đà tỉnh dậy
 Chưa đánh thức các vị lúc rạng đông?

Các vị khách ơi, đây không phải chỗ cho các vị,
 Hãy trở về miền Đông thân yêu!
 Người mặc áo đuôi tôm không hiểu các vị,
 Âm điệu bài ca của các vị với họ quá xa vời.

Ngày 18 [tháng Chín]

Cur me poematibus exanimas tuis?^{1*} - Các vị sẽ thốt lên như vậy. Nhưng bằng những bài thơ - hoặc nói đúng hơn, vì các bài thơ - bây giờ tôi còn làm khổ các vị nhiều hơn nữa. Huy - len - mút có hẳn một cuốn vở chép các bài thơ của tôi. Tôi đề nghị trả lại quyển vở ấy cho tôi, và bằng cách thế này: toàn bộ số giấy chưa viết các vị có thể cắt đi, sau đó các vị gửi kèm theo mỗi bức thư một bài gấp làm bốn; chi phí về tem thư sẽ không vì thế mà tăng lên. Nếu được thì có thể thêm cả một mảnh giấy nữa; nếu các vị khéo xếp đặt và ép chặt trước khi gửi thư đi, chẳng hạn bằng cách ép nó qua đêm giữa mấy quyển từ điển, thì đảm người ấy sẽ không nhận thấy gì cả. Các bạn hãy chuyển tờ giấy đó cho Blăng-cơ. Giờ đây tôi trao đổi thư từ rất rộng. Tôi viết gửi đi Béc-lin cho các bạn, gửi đi Bon cho Vuốc - mơ, tôi viết thư gửi đi Bác-men, En-bơ-phen-đơ, - nhưng nếu không làm thế thì làm sao tôi có thể giết thời gian vô tận mà tôi phải có mặt ở văn phòng trong khi tôi không có quyền đọc sách báo? Hôm kia

1* - Vì sao người hành hạ ta bằng những câu thơ của người?

tôi đến chỗ ông già tôi^{1*}, id est principalis^{2*}; người ta gọi vợ của ông là bà già ["Altsche"] (theo tiếng I-ta-li-a phát âm giống hệt như từ alce, con nai); gia đình ông ta sống ở ngoại thành, và tôi rất hài lòng. Ông già là người rất dễ mến, ông ta mắng chửi các con mình bằng tiếng Ba Lan: A, chúng mày là đồ vô dụng, a, chúng mày là dân Ca-súp! Trên đường về tôi cố gắng giải thích cho một người bạn đường phi-li-xtanh về vẻ đẹp của tiếng Hạ Đức, nhưng tôi thấy điều đó là không thể được. Những kẻ phi-li-xtanh như vậy rất bất hạnh, nhưng đồng thời lại hết sức hạnh phúc trong sự ngu ngốc của mình mà họ coi là đạo lý cao nhất. Cách đây không lâu, vào một buổi tối tôi đến nhà hát; ở đấy diễn vở "Hăm-lét", nhưng hoàn toàn chán ngấy. Về điểm này không thể nói tốt hơn được. - Điều rất tốt là các bạn sẽ đi Béc-lin; trong lĩnh vực nghệ thuật các bạn sẽ tiếp thu được rất nhiều điều mà không một trường đại học tổng hợp nào có thể cung cấp được, trừ Muyn-khen; thế nhưng về phần thơ ca ngợi thiên nhiên thì sẽ buồn tẻ: cát, cát, cát! Ở đây đẹp hơn rất nhiều. Đường sá ở ngoại ô phần lớn rất ngoạn mục, những hàng cây nhiều màu nhiều vẻ tạo cho chúng vẻ duyên dáng; còn núi, núi - quý tha ma bất, chúng đẹp biết bao! Tiếp nữa, ở Béc-lin không có đủ thơ ca về đời sống sinh viên mà ở Bon thì đặc biệt phát triển, góp phần không nhỏ vào đó là những cuộc du ngoạn ở vùng ngoại ô thơ mộng. Nhưng các bạn sẽ còn đến Bon. Vin-hem dễ thương của tôi ơi, tôi vui lòng trả lời cậu về bức thư hóm hỉnh của cậu cũng với một bức thư hóm hỉnh, nhưng giờ đây trong tôi hoàn toàn không có chất hóm hỉnh, cũng không có sự hứng thú, mà không có sự hứng thú đó thì tất cả đều mang tính

1* – Hen-ri-ch Lô-i-pôn-đơ

2* – nghĩa là thủ trưởng, sếp

chất gương gạo. Song tôi cảm thấy rằng có điều gì đó không ổn với tôi, hết như tất cả mọi ý nghĩ của tôi đều biến mất, y như thể người ta tước mất sự sống của tôi. Lá trên cây tâm hồn đã héo, những điều hóm hỉnh của tôi có tính chất gương gạo, hạt của chúng đã lia khỏi vỏ. Những truyện ngắn khốn khổ của tôi không thể sánh với những bài thơ của anh từng làm lu mờ Ruých-kéc bởi vẻ đẹp của chúng. Còn những truyện ngắn của tôi thì mắc bệnh thống phong, chúng què thọt, chết dần, chúng đã rơi xuống vực thẳm không có tiếng tăm và chúng không thể được nổi tiếng. Ôi khốn khổ, tôi ngồi trong căn phòng nhỏ của tôi và lấy thanh dùi nhỏ gõ lên đầu, còn từ chỗ đó thì chỉ có nước chảy làm ồn ào và gầm rú. Song điều đó không giúp ích và không trả lại cảm hứng cho tôi. Tối qua, khi nằm xuống ngủ, đầu tôi bị va đập; một âm thanh vang lên như thể người ta đánh vào thùng nước và nước đập vào thành kia của thùng. Tôi không thể không cười phá lên khi sự thật xuất hiện trước mặt tôi dưới một dạng không hấp dẫn như thế. Đúng, nước, nước! Trong phòng của tôi nói chung có một lực lượng không trong sạch nào đó; tối qua tôi nghe thấy tiếng của con mọt cào trong tường, trên đường phố bên cạnh, tiếng kêu của con vịt, mèo, chó, tiếng các cô gái và tiếng người âm ỉ. Tuy nhiên, tôi yêu cầu các bạn viết một bức thư dài như thế - thậm chí dài hơn, et id post notas^{1*}, và để nó như là theo những nốt nhạc.

Quyển thánh ca tuyệt vời nhất²²⁵ - chắc chắn là quyển thánh ca ở đây. Trong quyển sách ấy có tất cả mọi nhân vật nổi tiếng của nền thơ ca Đức: Go-tơ (bài ca "Người từ trên trời xuống"), Si-lơ ("Ba từ của niềm tin")²²⁶, Cô-txê-bu và nhiều người khác. Có cả những bài ca mục đồng Thụy Sĩ, và những điều vớ vẩn đủ loại. Đó là sự dã man không thể tưởng tượng được; người

1* – và đó là sau những điều nhận xét

nào không tự mình thấy điều đó thì người ấy sẽ không tin; hơn nữa việc xuyên tạc một cách kinh khủng tất cả những bài hát rất hay của chúng ta là một tội ác cũng thuộc về lương tâm của Cơ-náp (trong "Kho tàng những ca khúc" của ông ta)²²⁷. - Về việc chúng ta gửi một lô đùi lợn tới Tây Ấn, tôi nhớ lại câu chuyện hết sức buồn cười sau đây: một hôm chúng tôi gửi một lô đùi lợn tới Ha-ba-na; bức thư kèm hóa đơn về lô hàng ấy đến muộn hơn. Và rồi người nhận hàng nhận thấy thiếu mất mười hai chiếc đùi lợn, đã đọc trong hóa đơn: "12 đùi đã bị chuột ăn..." Mà chuột là những nhân viên trẻ của văn phòng đã sử dụng những đùi lợn ấy; giờ đây câu chuyện đã bị lãng quên. - Định vẽ vào chỗ còn lại một bức phác họa và hình mô tả nghệ thuật vẽ ngoài (của tiến sĩ He), tôi phải nói với các bạn rằng chưa chắc tôi có thể báo tin nhiều về chuyến đi của tôi, vì tôi đã hứa điều này trước hết với Stơ-ruy-cơ và Vuốc-mơ; tôi e rằng tôi sẽ phải viết cho họ hai lần, mà lặp lại ba lần toàn bộ câu chuyện gẫu này, thêm thốt một liều lượng đáng kể mọi chuyện nhằm nhí - như thế đã là quá lắm rồi. Nhưng nếu Vuốc-mơ đồng ý gửi cho các bạn quyển vở mà chưa chắc anh ta sẽ nhận được trước cuối năm nay, thì tất cả sẽ ổn thỏa. Nếu không thì tôi không thể giúp các bạn được chừng nào bản thân các bạn chưa đến Bon.

Người giúp việc
rất chân thành của các bạn

Thiên tài thời thượng

Thằng ngốc thời thượng

Gửi lời chào P.Gioong-hau; anh ta có thể viết thư liên hệ với các bạn. Tôi lẽ ra cũng đã viết cho anh ta, nhưng chàng trai chắc đã đi nơi khác.

Phri-đrich Ăng-ghen

Hãy trả lời sớm. Địa chỉ của các bạn ở Béc-lin!!!!!!

Công bố lần đầu có lược bớt đáng kể trong tạp chí "Die neue Rundschau", 9 Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit" Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

5 GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở BÁC-MEN

Bré-men, 9-10 tháng Mười 1838
9 tháng Mười

Ma-ri-a thân mến!

Cuối cùng thì bốn trang đã kín. Giờ đây anh sẽ khen em, như người ta thường nói, như thể khối bay thành cột. Tiếc rằng thời gian để cưỡi ngựa đã hết, và vì thế các ngày chủ nhật phần lớn anh ngồi ở nhà, nhưng cả ở nhà anh cũng có được khối điều thích thú: lúc thì anh đề nghị người ta chơi hoặc hát cho anh một bài nào đó, khi thì anh viết, còn buổi tối thì anh làm những việc lật vật; hôm kia, như em đã biết, là ngày chủ nhật, bọn anh đặt chiếc nhẫn vào cái bát đầy bột và bắt đầu chơi một trò chơi

nổi tiếng - dùng miệng để lấy chiếc nhẫn ra. Tất cả bọn anh đều tham gia trò chơi ấy - bà mục sư^{1*}, các cô gái, ông họa sĩ^{2*} và anh cùng với họ; còn ông mục sư^{3*} thì lúc đó ngồi trên chiếc đi văng trong góc và nhả khói xì gà, cũng xem trò ảo thuật ấy. Bà mục sư không thể nào nhịn được cười khi đến lượt bà lấy chiếc nhẫn và toàn thân bà lấm đầy bột, còn khi đến lượt ông họa sĩ, ông ta bắt đầu lấy hết sức bình sinh thổi vào cái bát, thành thử bụi bột tung lên tứ phía và đổ xuống chiếc áo xanh đỏ của ông ta như một màn sương. Sau đó bọn anh ném bột vào mặt nhau, anh dùng cái nút chai bôi màu đen lên mặt anh, mọi người cười phá lên, và khi anh cũng cười, họ càng cười dữ dội hơn và to hơn, lúc đó anh cũng cười rất to, thế này: "hê-hê-hê-hê-hê", còn tất cả những người khác thì cười thế này: "hi-hi-hi-hi-hi, ha-ha-ha-ha-ha", điều đó giống như trong chuyện cổ tích, khi người Do Thái phải múa bài quả kim anh; cuối cùng họ cầu nguyện anh như cầu chúa Ki-tô để anh ngừng lại.

Em vẫn là cô gái rất ngốc nghếch. Nếu Ét-sen, Tơ-rô-xơ làm cho em buồn, tại sao em không đuổi cô ta đi?

Giờ đây em ngốc bắt đầu giảng đạo đức cho anh; điều đó rất cảm động. Em ngốc ơi, em hãy nói chẳng lẽ em không biết câu tục ngữ: "ăn miếng trả miếng, ơn đền ơn, oán trả oán" hay sao? Lẽ nào em không biết rằng nếu em sẽ viết chữ nhỏ, thì đằng nào anh cũng viết nhỏ gấp đôi so với em hay sao? Nhưng chúng ta sẽ kết thúc việc này - nếu em viết cho anh bốn trang, thì em cũng sẽ nhận được bốn trang và như thế là đủ rồi. Và lại, nếu em biết anh đã viết bao nhiêu thư trong tuần này và anh còn phải viết bao nhiêu thư nữa, thì em sẽ rộng lượng hơn đối

1* - Ma-tin-đa Tơ-rê-vi-ra-nút

2* - G.V. Phai-xơ-coóc-nơ

3* - Ghê-oóc Gốt-phrít Tơ-rê-vi-ra-nút.

với anh và sẽ bằng lòng với hai trang. Bằng cách nào đó em hãy hỏi Stơ-ruy-cơ xem anh đã viết cho anh ta bao nhiêu, hỏi Vuốc-mơ - nhưng anh ta không có mặt - thôi, anh nói với em thế này: ít nhất là mười hai trang như những trang này, và còn bao nhiêu trang anh viết theo chiều ngang, bằng mực đỏ. Ngoài ra, anh còn phải viết thư cho mẹ, cho Héc-man^{1*}, cho Au-gu-xơ^{2*}, cho Ru-đôn-phơ^{3*}. Vậy tổng cộng sẽ là bao nhiêu? Anh nghĩ rằng vì em có thể đọc cả những bức thư khác nên sau này em sẽ công bằng hơn và sẽ đòi hỏi anh ít hơn một nửa so với mức chính em viết. - Em cho rằng anh tặng bức An-na^{4*} tận mây xanh, không, tuyệt nhiên không, anh không làm thế, nhưng nếu cô ấy viết cho anh bốn trang, còn em thì chỉ viết có ba trang, thì chẳng lẽ cô ấy vẫn không tốt hơn em sao? Và nếu không kể điều đó, thì anh vui lòng thừa nhận rằng em là cô gái tốt và em viết cho anh chăm hơn tất cả mọi người. Nhưng em vẫn không nên tự cho phép mình gây những chuyện lời thôi và những màn kịch với anh như vậy và đừng tưởng tượng rằng một mình em có lý về mọi mặt, tuy trên thực tế, nói đúng ra em phải quỳ gối van xin anh tha thứ. - Em phàn nàn về chiếc coóc-xê để làm cho lưng thẳng ra, hỏi cô em ngốc nghếch, tự em hãy cố gắng giữ người cho thẳng, khi đó người ta sẽ không quàng nó cho em nữa. - Ở chỗ bọn anh đây thời tiết y như em đã viết ở chỗ các em; bây giờ ở đây thời tiết khủng khiếp, mưa lâm thâm liên tục hoặc tuyết rơi ẩm ướt, nếu không thì mưa rào, rồi sau đó mỗi ngày một lần ló ra một mảnh trời xanh - và nửa năm mới có một lần trời nắng.

1* - Héc-man Ẫng-ghen

2* - Au-gu-xơ Ẫng-ghen

3* - Ru-đôn-phơ Ẫng-ghen

4* - An-na Ẫng-ghen

Như vậy là, em muốn anh viết cho em biết anh cần gì vào ngày lễ Giáng sinh? Những thứ anh có, em đừng kiếm cho anh, còn trong số những cái anh chưa có, anh sẽ viết cho em ư? Em hãy khâu cho anh chiếc túi đựng thuốc hoặc - anh không biết cái gì, nhưng cứ khoảng hai ba ngày em có thể nhắc mẹ gửi Gơ-tơ cho anh vào dịp lễ Giáng sinh; ông ấy thực sự rất cần cho anh, vì dù có đọc gì đi nữa, tất cả đều viện dẫn Gơ-tơ, "Gơ-tơ là ai nhỉ?" Ông Ri-pe: "Đó là trẻ con-!"

Anh rất dễ dàng hiểu được bức tranh em vẽ về sân chim, đấy là công trình xây dựng rất thực tế: mèo và chồn không thể chui vào đó được; còn chim thì không thể chui ra được.

Thứ sáu tuần trước anh đến nhà hát, xem vở "Doanh trại ban đêm ở Gra-na-đa"^{1*}, một vở ca kịch rất đáng yêu; tối nay diễn vở "Chiếc áo thần"^{2*}, anh phải đi xem. Anh muốn biết đó là vở gì, anh hy vọng nó sẽ tuyệt vời.

Ngày 10 tháng Mười. Anh đã đi nhà hát và rất thích vở "Chiếc áo thần". Anh muốn em làm thế nào có thể đi cùng anh tới đó, anh đánh cuộc rằng em sẽ rất thích. - Đúng đấy, Ma-ri-a ạ, giờ thì anh viết gì nữa cho em đây? Có thể, vì không có gì hay hơn, nên anh cần phải tán gẫu một ít chăng? Quả thật, trong đầu không nảy ra điều gì hay hơn, còn em thì sẽ bằng lòng nếu bốn trang giấy sẽ viết đây, dù ở đây viết bất cứ điều gì. Ở đây, tại Brê-men, các nhà buôn được xây dựng rất độc đáo: nhà trông ra phố không phải phía chiều dài như nhà chúng ta, mà ngược lại,

phía chiều rộng, mái liền kề nhau, các phòng trước rộng và cao như những nhà thờ nhỏ. Bên trên và bên dưới, các cửa nắp chồng sát lên nhau, qua đó dây cáp của chiếc tời có thể đi lên trên hoặc đi xuống dưới được, vì ở trên tầng lầu có kho hàng, và qua cửa nắp, người ta dùng tời đưa cà phê, vải, đường, dầu cá v.v. lên kho. Còn ở các phòng ngoài thì luôn luôn có hai dãy cửa sổ, dãy này ở trên dãy kia. - Hiện giờ bà lục sự lại chuyển đến thành phố cùng với bốn đứa con nhỏ; chúng làm ồn ào kinh khủng. May thay, hai đứa trong số chúng, Ê-li-da-bét và Lôi-nơ (nghĩa là Lút-vích) đi học, nhờ thế mà ở chỗ bọn anh tiếng ồn ào không phải suốt ngày, nhưng khi Lôi-nơ và Dích-phrít ở cùng nhau, chúng la hét đến mức hoàn toàn không thể chịu nổi. Vừa rồi chúng nhảy từ dưới nền nhà lên các hòm gỗ, mỗi đứa đều trang bị súng và gươm; chúng thách nhau quyết đấu, đồng thời Lôi-nơ bắt đầu thổi vỏ ốc đến mức long tai nhức óc. Anh thường rất vui: trước văn phòng của anh là một cửa sổ lớn, qua đó có thể thấy phòng ngoài, và anh có thể quan sát tỉ mỉ tất cả những gì xảy ra ở đấy.

1* - Ca kịch của C.Crây-xơ

2* - Ca kịch của Mô-da

Đáp lại việc em vẽ cho anh xem sên chim, anh vẽ cho em ngôi nhà thờ như anh thấy qua cửa sổ văn phòng. Farewell^{1*}.

Anh của em

Phri-drích

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

6

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở BÁC-MEN^{2*}

Brê-men, 13 tháng Mười một 1838

Ma-ri-a thân mến!

Cả hai bức thư của em làm anh rất vui, và anh cố gắng kể thêm cho em điều gì đó, trong chừng mực địa điểm và thời gian cho phép. Vấn đề là bây giờ đã hơn ba giờ, mà đến bốn giờ thư đã phải ở bưu điện rồi. Nhưng nói đúng ra, quả thật anh không có gì để kể, ở đây không xảy ra điều gì khác thường, nếu không kể việc người Brê-men lại đặt hai khẩu đại bác tuyệt vời ở phòng giam, việc ở đây, thay cho "ghế dài để đặt chân" [FuBlank], người ta nói "bạc lên xuống" [FuBtritt], việc ở đây rất nhiều người mặc áo dẫu, việc tối hôm nay lạnh khủng khiếp và hoa trên cửa sổ

1* – Tạm biệt.

2* Ở mặt sau thư có ghi: Gửi bà Ê-li-da Ăng-ghen. Gửi ông Ph.Ăng-ghen và công ty Bác-men.

đã chết cồng, việc bây giờ mặt trời đang chiếu sáng v.v.. Anh còn nhớ một việc nữa mà em phải nói với mẹ, cụ thể là: vào cuối tháng Chín anh có viết thư cho gia đình Gre-bơ và đề nghị họ, nếu họ đi Khuên hãy gửi cho anh những quyển sách nhân dân, còn tiền thì lấy ở bố^{1*}. Nhưng bản thân họ đi, mà viết điều này cho người anh em họ của họ, và nếu người ấy có gửi cái gì đó per mezzo^{2*} ông mục sư Gre-bơ, thì sẽ rất tốt, và bố chắc sẽ cho anh mượn và thanh toán hóa đơn của anh cho người ấy; nếu ông ta không gửi gì cả thì cũng tốt, và các em sẽ không có gì phải vất vả cả. Anh lẽ ra đã sớm viết điều này, nhưng mãi hôm nay mới nhận được tin tức cận kề về thủ tục cần thiết. Vin-hem Gre-bơ cũng viết cho anh - điều này thật lý thú đối với em - rằng ở Béc-lin không có nhà xí theo đúng nghĩa, mà chỉ có thùng xí lưu động, hơn nữa dùng chúng thì cần phải trả tiền riêng và tốn 5 din-béc-grô-sa mỗi tháng. Nhưng, là những người con trai của mục sư, về mặt này họ được miễn trả tiền. Họ cũng kể cho anh nghe nhiều về cuộc đi bộ tham quan Hác-tơ và đến Blốc-xbéc-gơ và việc họ đi từ Mác-đơ-buốc đến Béc-lin với một viên hạ sĩ quan cận vệ cao ngồng. Nếu lúc nào đó em đến thăm anh thì anh sẽ đọc cho em nghe toàn bộ chuyện đó, cũng như chuyện Đô-rê-tây tuyệt hay đã xảy ra ở Di-béc-tan, ở Hác-tơ. Ở đấy có một ông nhà giàu - rất giàu - mê một cô bé gái bảy tuổi và đã đưa cho ông bố cô ta một chiếc nhẫn để chứng tỏ rằng ông ta sẽ trở về và lấy cô gái làm vợ khi cô ta đeo vừa chiếc nhẫn. Sau mười năm ông ta trở lại thì hóa ra cô gái đã chết trước đó một năm, và ông ấy cũng chết vì buồn, về chuyện này Phrit-xơ Gre-bơ đã sáng tác một bài hát xúc động v.v.. Nhưng trang giấy sắp hết rồi, anh muốn chép lại thêm một bức thư nữa và sẽ gửi cùng với bức thư này, sau đó anh sẽ đi

1* Xem tập này, tr.502-503.

2* – thông qua

bưu điện. Em có viết thư cho I-đa^{1*} hay không? ông Huê-lơ rất thích cô I-uyn-sen^{2*} ở Man-hem, nhưng Các^{3*} rất tức giận vì ông ta thường xuyên ghé đến chỗ cô ấy, có điều em đừng kể chuyện này cho ai nhé.

Adieu^{4*}, Ma-ri-a thân mến

Phri-đrich của em

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

7

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở BÁC-MEN

[Brê-men, cuối tháng Chạp 1838]

Ma-ri-a thân mến!

Em cần phải làm điều gì đó với bệnh tật của em, hễ động một tý là em lập tức nằm xuống giường, cần bỏ thói quen ấy đi. Để em đứng vững khi nhận được thư này, em có nghe không? Cám ơn em về chiếc túi đựng thuốc đẹp; anh phải cam đoan với em rằng chiếc túi ấy được ông họa sĩ G.V.

1* – I-đa Ăng-ghen

2* – I-u-li-a Ăng-ghen

3* – Các Ăng-ghen

4* – Tạm biệt

Phai-xơ-coóc-nơ, người khất khe nhất trong số tất cả các nhà phê bình, đánh giá cao nhất, ông ta hoàn toàn tán thành việc chọn hình vẽ, cũng như cách thực hiện. Ma-ri-a Tô-rê-vi-ra-nút cũng khâu cho anh một chiếc túi đựng thuốc, nhưng sau đó đã lấy lại và gửi tới Muyn-xơ trên sông Stai-nơ, gần Croi-xơ-nác, cho mục sư Hét-xen mà Ma-ri-a cũng đã hứa tặng một túi đựng thuốc như vậy. Thay vào đó cô ấy đã làm cho anh chiếc giỏ con đựng xì gà. Bà mục sư^{1*} đan cho anh một chiếc ví. Các cậu bé của gia đình Lô-i-pôn-đơ cũng nhận được súng Pít-tông và kiếm và ông già^{2*} đã xưng hô với chúng như thế này: "Ê mày, tên chiến binh!", "Ê, mày, dân Ca-súp!" Câu đố về cái ao là gì, anh không biết, nhưng anh muốn đặt cho em một câu đố khác - em có biết quỷ lười là gì không? (Bản thân anh không biết điều đó, đó là một từ để chửi mà ông già rất hay dùng)^{3*}. Còn lời giải đố thế này: nếu em không đoán ra, thì em hãy cầm câu đố để trước chiếc gương, thế là em sẽ đọc được. Anh vừa được biết rằng gia đình bà Lô-i-pôn-đơ vừa thêm người: họ sinh con gái.

Anh còn muốn báo cho em biết rằng giờ đây anh làm công việc soạn nhạc, cụ thể là anh sáng tác thánh ca. Song điều này cực kỳ khó: nhịp, dấu thăng và hòa âm gây ra nhiều nỗi vất vả. Cho đến nay anh chưa sáng tác được mấy, nhưng anh vẫn muốn tặng em một mẫu. Đó là hai dòng đầu của bài ca: "Chúa của chúng ta là một pháo đài hùng mạnh"^{4*}

1* – Ma-tin-da Tô-rê-vi-ra-nút

2* – Hen-rích Lô-i-pôn-đơ

3* Câu trong ngoặc đơn ở nguyên bản được viết theo chiều ngược.

4* Những dòng đầu trong Thánh ca của Mác-tin Lu-the.

Tiếp theo anh chỉ viết được cho hai giọng - viết cho bốn giọng còn quá khó. Anh hy vọng anh không phạm lỗi nào trong các nốt nhạc, em thử đánh đàn bài này xem.

Adieu^{1*}, Ma-ri-a thân mến.

Anh *Phri-đrich* của em

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

NĂM 1839

8
GỬI MA-RI-A ẶNG-GHEN
Ở BÁC-MEN

[Brê-men], 7 tháng Giêng 1839

Ma-ri-a thân mến!

Anh hy vọng chiếc răng của em đã được nhổ hoặc không làm thế cũng được. - Câu đố về cái ao rất tốt, nhưng em sẽ có thể tự mình giải được nó. Em biết rằng sáng tác âm nhạc là việc khó khăn, ở đây cần phải chú ý đến bao nhiêu điều, đến hòa âm, đến việc vận dụng đúng đắn đối âm, tất cả những điều đó đòi hỏi rất nhiều công phu. Nhưng sắp tới anh sẽ cố gắng gửi cho em một số nữa. Giờ đây anh bận sáng tác một thánh ca mới. Ở đây trong bè hát xen kẽ giọng nam trầm và giọng nữ cao. Em hãy nhìn này.

1* – Tạm biệt

Chưa có đệm đàn, chắc hẳn sau đây anh sẽ thay đổi một số chỗ. Rõ ràng là phần lớn ở đây, trừ dòng thứ tư được chép từ quyển sách hát của nhà thờ. Lời bài hát ca là bài ca La-tinh nổi tiếng "Stabat mater dolorosa Juxta crucem lacrymosa Dum pendebat filius"^{1*}.

Trưa hôm nay ông mục sư^{2*} làm thịt một con lợn trong nhà giặt, lúc đầu bà mục sư^{3*} không thích điều này, nhưng ông ta nói rằng ông ta sẽ tặng bà một con lợn, lúc đó bà ta đã phải đồng ý. Con lợn thậm chí không kêu eng éc. Khi nó đã bị chọc tiết rồi thì tất cả mọi phụ nữ trong gia đình mục sư mới đi vào. Nhưng bà già không cho ai được phép lấy tiết nó, và điều đó thật là buồn cười, ngày mai sẽ làm xúc xích, đối với bà ta đó là điều rất khoái.

Em nói rằng dường như em đã thấy khỉ và dường như đó là bản thân em; nhưng em có biết rằng trên chiếc vỏ bọc mà em niêm phong bức thư có đề chữ: "Je dis la vérité"^{4*} không?

Ở đây cũng có vẽ một chiếc gương.

Em hãy nói với mẹ để mẹ đừng viết: "Tơ-rê-vi-ra-nút" nữa, nói chung mẹ có thể loại trừ tên ông mục sư khỏi địa chỉ, vốn dĩ người đưa thư biết anh sống ở đâu, vì ngày nào anh cũng đưa thư ra bưu điện; ngoài ra ông ta lúc đó thích đưa thư cho anh không phải ở văn phòng mà ở nhà Tơ-rê-vi-ra-nút, và lúc đó anh nhận thư muộn đi mấy giờ, khi anh trở về nhà.

1* "Mẹ đau buồn đứng dưới cây thánh giá và rơi lệ khi thấy đứa con trên thánh giá" (Câu đầu trong bài thánh ca Thiên chúa giáo nói về đức mẹ. Nhiều nhạc sĩ phổ nhạc lời ca ấy, trong đó có Péc-gô-lê-dê. Pa-le-xơ-ri-na. Rốt-xi-ni).

2* – Ghê-oóc Gốt-phrít Tơ-rê-vi-ra-nút

3* – Ma-tin-đa Tơ-rê-vi-ra-nút

4* – Tôi nói sự thật

Stơ-ruy-cơ đã viết cho anh rằng Héc-man^{1*} hôm chủ nhật trước Tết dương lịch đã đóng nhiều vai, sắm vai người hầu bàn v.v., mong rằng anh ta sẽ viết cho anh điều đó. - Stơ-ruy-cơ rất khen nghệ thuật của mình, anh ta mô tả rất hay người hầu bàn như thể anh ta đã ba năm phục vụ trong khách sạn. Có lẽ anh ta lớn lên rất nhiều rồi chẳng?.

Mong mẹ đừng cho Soóc-nơ-stây-nơ xem các tác phẩm âm nhạc kéo ông ta lại nói: "Điều đó thật quá đáng". Vì rằng anh muốn biết tất cả những gì đang xảy ra ở nhà ta. Lần sau, khi anh một lần nữa tới Bác-men, anh sẽ trở thành công sứ Brê-men như ông già^{2*}.

Addiós mi hermana^{3*}.

Phri-đrich của em

Rất nhiều lỗi viết sai trong bè giọng nam trầm, em phải tha thứ cho anh, vì anh không quen viết nốt nhạc. Nếu em không thể đọc được dòng gần cuối, anh sẽ viết lại một lần nữa.

Công bố lần đầu có lược bớt trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd.4, 1920 và công bố toàn văn trong Marx-Engels Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930.

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – Héc-man Ăng-ghen

2* – Hec-đrich Lôi-pôn-đơ

3* – Tạm biệt em gái.

9
GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BƠ

[Brè-men], 20 tháng Giêng [1839]

Gửi Phrít-xơ Gre-bơ

Phlo-ri-da

I

Thần trái đất nói:

Đã ba trăm năm trôi qua kể từ khi
Họ đến từ bờ đại dương,
Nơi có thành phố của người mặt tái nhợt.

Nước ta trở thành miếng mồi của kẻ mạnh;
Khi ấy từ biển tôi giờ nắm đấm,
Chân kẻ bạo tàn liệu có dám bước tới đây.

Trên đó mọc lên rừng, hoa và lúa,
Và bước chân hùng dũng của người da đỏ của tôi
Đã đào thành những thung lũng sâu.

Chúa trưởng tôn ban phúc lành
Cho đồi núi và đồng bằng,
Nhưng các chúa tể đi chiếc tàu lạch đường đã đến.

Hình mảnh đất của tôi thích là con tàu;
Như những hòn đảo, họ đã chiếm lấy nó,
Đẩy nhân dân tôi vào cảnh nô lệ.

Họ không thừa nhận những bờ ruộng cũ,
Đo lòng bàn tay tôi bằng hình vuông
Và vẽ lên nó những dấu lạ.

Họ thâm nhập mọi ngõ ngách, như ngọn lửa, -
Độc một ngón tay người da trắng giơ lên:
Đừng đụng đến người quý trọng cuộc sống!

Bằng động tác mạnh bạo tôi đặt
Chiếc nhẫn bằng người da đỏ vào ngón tay ấy,
Giao việc bảo vệ chúng cho các mũi tên.

Nếu kẻ thù tách chiếc nhẫn ra,
Mà lá chắn của chúng không bảo vệ tôi,
Lúc ấy tôi sẽ nhấn bàn tay vào thành đang sục sôi
Nơi kẻ thù cùng sống lâu đến thế.

II

Xê-mi-nôn nói:

Tôi báo cho anh em tôi. Không phải hòa bình,
Lời kêu gọi của tôi - chiến đấu, khẩu hiệu của tôi - chiến tranh!
Và nếu ánh mắt các người bùng lời nguyên rủa,

Như đất nước bị tia chớp đốt cháy,
Thì các người gọi ta bằng từ mặt trời
Xứng đáng trong thời buổi đã qua!

Như trong cuộc săn các người rình
Những con thú vô tội trong rừng và trên đồng
Và thợ vào chúng vô số mũi tên,

Kẻ thù trắng rình các người như vậy.

Nhưng giờ đây mặc cho những mũi tên của các người
Sẽ cho thấy các người là thợ săn làm nó sợ!

Kẻ thù ghen ghét chúng ta vô hạn,
Nó mặc những bộ áo quần sặc sỡ,
Để che lấp tấm thân trắng của mình.

Miền chúng ta chúng gọi là Hoa rục rở
Vì ở đây hoa luôn nở rộ,
Chẳng có màu nào không có ở đây!

Nhưng nay cứ khoác màu đỏ thắm lên tất cả,
Như máu rưới lên những kẻ mặt tái kia,
Và chính chim hồng hạc không rục sáng hơn:

Mong chúng nhận biết lòng căm thù của chúng ta, không phải
tình yêu!
Dù chúng ta là nô lệ xấu đối với chúng, -
Để mặc người da đen cày đất hoang của chúng ta cho chúng!

Hỡi người da trắng, từ nay hãy tự đi đi,
Các người đã đảm bảo cho mình danh dự:
Sau mỗi cây, sau lau sậy
Xê-mi-nôn đeo ống tên đợi các người đấy!

III

Người da trắng nói:
Nào! Ta muốn lần cuối cùng
Mặt đối mặt với số phận nghiệt ngã
Và đón sắt thép bằng ánh mắt lạnh lùng!

Ta chẳng lạ gì số phận khắc nghiệt,
Người luôn đầu độc niềm vui của ta;
Lời tình yêu vang lên không phải cho ta!

Người ta yêu làm thương tổn tim ta bằng giễu cợt;
Ta nhớ lúc đó ta đi tìm niềm an ủi
Trong cuộc đấu tranh vì tự do.

Sự kết đoàn của thanh niên Đức
Đã làm cho các vua chúa sợ hãi,
Vì hội chúng ta, để chuộc lỗi ta đã hiến dâng

Bảy năm tốt đẹp trong cùm sắt,
Rồi trên tàu thủy ta bị đưa đi xa
Ta sẽ tự do - nhưng ở đất khách quê người!

Bến bờ đã vẫy gọi! Nhưng trong cơn gió giật ập tới
Tàu bị vỡ, và bạn thân cùng bạn đồng hành của ta
Đã rơi xuống dòng chảy điên cuồng.

Ta cố thủ giữa hai tấm gỗ,
Đối với ta, hạnh phúc ánh lên lần đầu,
Tất cả những người khác thì gặp số phận đáng buồn.

Tại họa đã hết chưa? Ôi, giờ ta dưới quyền bọn man rợ
Gặp ta trên đường chúng lôi ta
Vào cái chết trong nỗi đam mê thiêng liêng.

Ở miền ta ước mơ thở không khí tự do,
Những đứa con của tự do chuẩn bị trả thù ta,
Và ta phải chuộc tội của những người anh em!

Nhưng ảo ảnh xán lạn trôi nổi là gì?
Đóng đinh trên thánh giá! Những nét thiêng liêng

Lôi cuốn ta, khi ta đợi phúc lành,

Tin vào số phận thảm khốc!

Tay người cứu rồi chìa cho ta!

Ở đây ta than thân trách phận,

Nhưng trong cuộc đấu tranh với thần bóng tối

Có phải chúa bị đau khổ vì ta!

Đây là phần tôi đóng góp cho cậu để dùng vào buổi họp mặt sắp tới trong gia đình; tôi được biết nó lại diễn ra ở nhà chúng ta, và tôi rất tiếc là không có gì để gửi về. Bây giờ tôi trả lời bức thư của cậu. - A ha! Vì sao cậu không đọc báo? Nếu đọc thì cậu lập tức biết được rằng trên báo đã đăng chuyện gì, còn chuyện gì thì không đăng. Tôi không có lỗi khi cậu tự làm bẽ mặt mình. Trên báo chỉ đăng những báo cáo chính thức của thượng nghị viện, tất nhiên không thể khác được. Chuyện buồn cười với Pluy-ma-khơ chắc rất lý thú, tôi đã hai lần viết về điều này, nhưng ông ta không trả lời lấy một tiếng. Về Gioong-hau và chuyện tình của ông ta thì tôi sẽ còn cuộc nói chuyện đặc biệt với ông ta về đề tài này. Các bạn luôn luôn vin vào "điều nọ điều kia" ngăn cản các bạn viết; nhưng cậu hãy nói chẳng lẽ từ ngày nhận được thư của tôi cậu không thể mỗi ngày viết nửa giờ hay sao? Trong ba ngày cậu sẽ viết xong thư. Tôi phải viết hẳn năm bức thư, tôi viết chữ nhỏ hơn rất nhiều so với các cậu, song tôi kịp làm tất cả trong bốn - năm ngày. Thật kinh khủng! Tôi cho các cậu thời hạn tám ngày, nhưng vào ngày thứ chín, sau khi nhận được thư tôi các cậu phải đưa thư ra bưu điện. Không thể khác thế được; nếu tôi đã ra cho Vương-mơ những mệnh lệnh khác, thì giờ đây tôi hủy bỏ những lệnh ấy. Tôi cho các cậu thời hạn tám ngày - nếu không thì những hình phạt đã chỉ ra cho Vương-mơ sẽ có hiệu lực: không có bài thơ nào và một sự im lặng lâu y như thế.

Người đưa thư: Thưa ngài lục sự, có thư!

Lục sự Lôi-pôn-đơ: A ha, tốt.

Ăng-ghen: Tôi không có gì à?

Người đưa thư: Không, không có gì cả.

Tôi gửi cậu bức tranh khắc gỗ theo phong cách của các sách nhân dân, nó sẽ cho cậu thấy rõ rằng tôi đợi các cậu, nghĩa là đợi thư của các cậu như thế nào. Tôi nghĩ rằng hôm nay (chủ nhật, ngày 20 tháng Giêng) tôi còn kịp gửi thư đi. Nhưng kìa đã bốn giờ rưỡi, mà bưu kiện hôm nay sẽ chuyển đi lúc năm giờ, - lại không kịp rồi. Thôi cũng tốt, giờ đây tôi có thể bình tĩnh sửa lại, sau đó bình tĩnh viết thư cho các cậu. Cho đến nay tôi chưa thể bắt tay viết thư cho Pê-tơ Gioong-hau. Nhưng quý tha ma bắt, có ai đó đang ngồi trong nhà xí đằng kia, còn tôi thì cảm thấy rất khó chịu.

Rất hay là, nếu chúng ta đối chiếu những nhà thơ vĩ đại nhất của chúng ta thì thấy rằng họ luôn luôn bổ sung cho nhau từng cặp một. Clốp-stốc và Lét-xinh, Gơ-tơ và Si-lơ, Ti-cơ và U-lan. Còn giờ đây thì Ruých-kéc đứng hoàn toàn đơn độc, và điều lý thú, ông ta lại tìm được cặp của mình hoặc là sẽ chết. Giống như vậy. Là nhà thơ viết về tình yêu, có thể so sánh ông ta với Hai-nơ, nhưng tiếc thay, về những mặt khác họ khác nhau đến

mức không thể nào kết hợp họ với nhau được. Có thể kết hợp Clốp-stốc với Vi-lăng dù chỉ với tư cách là những mặt đối lập, nhưng Ruých-kéc và Hai-nơ thì không giống nhau chút nào, họ hoàn toàn khác nhau. Nhóm "Nước Đức trẻ"⁵ ở Béc-lin là một nhóm không tồi! Họ muốn cải biến thời đại của chúng ta thành thời đại "các trạng thái và các mối quan hệ qua lại tinh tế", nói cách khác: chúng ta viết những điều lộn vồn trong óc và để viết đầy trang, chúng ta mô tả những chuyện không có thực, và điều đó chúng ta gọi là những "trạng thái"; hoặc giả chúng ta nhẩy từ cái thứ năm lên cái thứ mười, và điều đó quy tụ dưới tên gọi "những mối quan hệ qua lại tinh tế". Ông Tê-ô-đo Mun-tơ ấy viết bài bác những điều lộn vồn trong óc ông ta về cô Ta-li-ô-ni "nhẩy bài Gơ-tơ", trang điểm cho mình bằng những thứ ăn cắp của Gơ-tơ, Hai-nơ, Ra-si-li^{1*} và Sti-glít-xơ, viết chuyện nhằm nhí hết sức buồn cười về Bét-tin^{2*}, nhưng tất cả đều hiện đại đến mức mọi nhà văn quên hoặc bất cứ một mệnh phụ trẻ tuổi, hiểu danh, ưa ngọt nào đó đều nhất thiết có hứng thú muốn đọc nó. Còn Quy-nơ, tay sai của Mun-tơ ở Lai-pxích, làm chủ bút báo "Zeitung für die elegante Welt", và báo đó giờ đây, giống một mệnh phụ mặc lên mình chiếc áo dài hiện đại, tuy thân hình của bà ta được tạo ra để mặc váy quần, thành thử cứ mỗi bước đi của bà đều thấy rõ đường cong mê hồn của đôi chân qua làn vải bó sát người. Tuyệt vời! Còn ông Hen-rích Lau-bê! Một chàng trai mô tả không mệt mỏi những tính cách không tồn tại, viết những chuyện ngắn hành trình²²⁸ mà tuyệt nhiên không phải là những chuyện ngắn loại ấy, thì nói mọi điều nhằm nhí. Thật là khủng

1* – ý nói Ra-sin Vác-ha-ghen Phôn En-đơ

2* – Ác-nim

khiếp! Tôi không biết tình hình văn chương Đức sẽ ra sao. Ở nước ta có ba tác giả có tài: Các-lơ Béch, Phéc-đi-năng Phrai-li-grát và I-u-li-út Mô-den; quả thực người thứ ba là người Do Thái; trong "A-ga-xphe-rơ" của ông ta²²⁹, người Do Thái lang bạt muốn thuở đầu đầu cũng đưa ra lời thách thức đối với đạo Cơ Đốc; Gút-xcốp, người còn thông minh nhất trong số những người khác, chê ông ta về việc A-ga-xphe-rơ là một tính cách bình phàm, một người Do Thái con buôn đích thực²³⁰; Tê-ô-đo Crây-xe-nác, cũng là juif^{1*}, tấn công điên cuồng Gút-xcốp trên báo "Zeitung für die elegante Welt"²³¹, nhưng Gút-xcốp là người mà ông ta không với tới được. Ông Crây-xe-nác ấy là một nhà văn bình thường, nâng A-ga-xphe-rơ đến tận mây xanh, như con giun bị xéo và phun ra những lời phỉ báng Ki-tô là ông thần độc đoán, kiêu hãnh; tất nhiên, ông ta nói, trong quyển sách nhân dân, A-ga-xphe-rơ là nhân vật hoàn toàn bình phàm, nhưng vì rằng trong các rạp hát ở hội chợ cả Phau-xơ cũng là tên phù thủy bình thường nhất, điều này không ngăn cản Gơ-tơ đặt vào ông ta "tâm lý của mấy thế kỷ". Rõ ràng là điều nói sau cùng này có thể là điều vô nghĩa (nếu tôi không nhầm, đó là kết cấu câu chuyện thuần túy la-tinh), nhưng điều đó làm tôi xúc động chỉ vì những quyển sách nhân dân. Tất nhiên, nếu Tê-ô-đo Crây-xe-nác chửi họ, thì họ, các vị thấy không, phải là những người rất xấu. Song tôi xin mạnh dạn nhận xét rằng trong A-ga-xphe-rơ dân gian có độ sâu và chất thơ ca nhiều hơn trong toàn bộ Tê-ô-đo Crây-xe-nác cùng với đám lâu la dễ thương của ông ta.

Giờ đây tôi đang viết một số bài thơ trào phúng; mấy bài đã viết xong tôi xin thông báo cho các vị:

1* – người Do Thái

*Tạp chí và báo*1. "Điện tín"^{1*}

Tự người gọi người là người viết nhanh, vậy có lạ không,
Khi đồ bỏ đi viết vội chứa đầy người.

2. "Tờ tin buổi sáng"^{2*}

Buổi sáng người đọc ta, buổi tối chưa chắc người nhớ,
Trước mắt người là tờ giấy trắng hay tờ đã in.

3. "Báo buổi chiều"^{3*}

Nếu người lâu không ngủ được, thì hãy cầm lấy ta,
Thế là người lập tức được giấc ngủ ngon lành ôm vào lòng.

4. "Tờ tin văn học"^{4*}

Trong rừng văn chương tờ này gai góc nhất,
Nhưng nó quá khô! Gió thổi nó đi.

Trong đầu không nảy ra điều gì khác, vì thế tôi buộc phải dừng bút ở đây. Như giờ đây tôi thấy, sẽ phải rất vội để tôi, con người khốn khổ, đến ngày mai viết xong các bức thư, bây giờ chúng tôi sẽ có khách, còn ngày mai thì phải chạy đi chạy lại nhiều và viết nhiều thư, thành thử viết rất nhanh sẽ không phải là vô ích.

Bây giờ tôi đang đọc bộ tiểu thuyết bốn tập của Đu-lơ "Hoàng đế và giáo hoàng"⁴⁰. Thanh danh của Đu-lơ được thổi phồng, những bản tình ca Vít-ten-xba-sơ của ông ta²³², trong số đó nhiều bài có thể tìm thấy ở Huyn-stết²³³, dở kinh khủng; ông ta muốn

1* – "Telegraph für Deutschland"

2* – "Morgenblatt für gebildete Leser"

3* – "Abend – Zeitung"

4* – "Literatur-Blatt"

bất chước thơ ca dân gian và đã trở nên tầm thường "Lôi-ô-la" của ông ta là mô hẫu lớn ghê tởm gồm tất cả những yếu tố tốt và xấu của tiểu thuyết lịch sử, được nhào nặn theo lối tu từ kém cỏi; quyển "Cuộc đời Gra-bê"²³⁴ không chính xác và phiến diện khủng khiếp; tiểu thuyết mà tôi đang đọc đã khá hơn: một số tính cách tốt, những tính cách khác được khắc họa ít ra là không tồi, một số tình huống được nắm bắt khá tốt, còn các nhân vật hư cấu thì lý thú. Nhưng, căn cứ theo tập thứ nhất, ông ta hoàn toàn không có ý thức về mức độ trong việc miêu tả những nhân vật thú yếu và hoàn toàn không có những quan điểm mới, mạnh dạn về lịch sử. Ở phần cuối tập thứ nhất ông ta hoàn toàn không đáng giết chết mẫu người mà ông ta mô tả hay nhất, và ông ta rất ham thích những cách chết lạ lùng: thí dụ, trong tiểu thuyết của ông ta một nhân vật chết vì giận dữ đứng vào lúc sửa soạn thọc gươm vào ngực kẻ thù của mình; bản thân kẻ thù ấy đứng trên miệng núi lửa É-t-na, nơi hắn có ý định tự vẫn bằng thuốc độc khi vết nứt toác ra trên núi chôn vùi hắn trong dòng nham thạch. Việc mô tả cảnh này, và cùng với nó là cả tập sách, kết thúc bằng lời sau đây: "Sóng đại dương khép lại trên đỉnh chóp đĩa mặt trời"²³⁵. Phần kết thúc rất thú vị, tuy về thực chất là tầm thường và ngu ngốc. Xin để phần kết thúc ấy cũng sẽ là phần kết bức thư của tôi. Addio, adieu, á dios, adues^{1*}.

Phri-đrich Ăng-ghen của cậu

Công bố lần đầu dưới dạng trích đoạn trong tạp chí "Die neue Rundschau", 9. Heft, Berlin, 1913 và công bố có lược bớt chút ít trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit, Berlin, 1920 và công bố toàn văn trong Marx-Engels Gesamtausgabe. Erste Abteilung. Bd. 2, 1930

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* – Tạm biệt (bằng tiếng I-ta-li-a, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Bồ Đào Nha).

10

GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BƠ

[Brê-men, 19 tháng Hai 1839]

Et tu, Brute? Friderice Graeber, hoc est res quam nunquam de te crediderim! Tu jocas ad cartas? passionalter? O Tempores, o moria! Res dignissima memoria! Unde est tua gloria? Wo ist Dein Ruhm und Dein Christentum? Est itum ad Diabolum! Quis est, qui te seduxit? Nonne verbum meum fruxit (hat gefruchtet)? O fili mi, verte, sonst schlag ich Dich mit Rute und Gerte, cartas abandona, fac multa bona, et vitam agas integram, partem recuperabis optimam! Vides amorem meum, ut spiritum faulenzendeum egi ad linguam latinam et dic obstupatus: quinam fecit Angelum ita tollum, nonsensitatis vullum, plenum et, plus ancora viel: hoc fecit enorme Kartenspiel!^{1*} Hỡi kẻ tội phạm, hãy chú tâm đến mình, hãy suy nghĩ xem mục đích tồn tại của người là gì! Hỡi kẻ cướp, hãy nghĩ xem tại sao người có tội trong tất cả mọi cái thiêng liêng và không thiêng liêng! Những con bài! Chúng được cắt ra từ da của quỷ. Ôi các người, những con người độc ác! Nghĩ về các người tôi chỉ rơi nước mắt hoặc nghiến răng!

^{1*} Và người Bru-tút? Phri-drích Gre-bơ, đó là điều mà tôi chưa bao giờ chờ đợi ở người! Người đánh bài ư? Say mê ư? Ôi thời buổi, ôi đạo đức! Điều hết sức đáng nhớ! Vinh quang của người ở đâu, đạo Cơ Đốc của người ở đâu? Tất cả đã đi tong! Ai cấm đồ người? Chẳng lẽ lời nói của ta không có tác dụng hay sao? Ôi, con trai hãy hiểu, kéo ta sẽ đánh đòn người, hãy để bài lại, hãy làm nhiều điều thiện và sống cuộc sống trong sạch - người sẽ lại tìm được số phận tốt lành! Người thấy tình yêu của ta đã bắt buộc tinh thần lưỡi biếng của ta dùng tiếng la-tinh, và hãy nói trong sự sùng sốt: ai đã làm cho thiên thần điên rồ như vậy, ai đã bắt nó làm những điều vô lý và những điều trong sạch hơn thế: trò chơi bài vô độ đã làm điều đó! (Trong phần này của bức thư viết bằng tiếng la-tinh có thêm những từ và câu tiếng Đức, đuôi của một số từ được cố ý làm sai lệch để giữ vần điệu).

Ôi, cảm hứng tràn ngập lòng tôi! Ngày mười chín tháng Hai 1839, buổi trưa, vì bữa ăn trưa thường bắt đầu vào lúc mười hai giờ, tôi bị một cơn gió lốc tóm lấy và cuốn ra xa, và tôi đã nhìn thấy họ chơi bài, vào lúc ăn trưa. Còn nữa. Và kìa, từ phía đông nổi lên một cơn giông khủng khiếp làm cho kính ở các cửa sổ rung lên và mưa đá tiếp tục rơi, nhưng họ vẫn tiếp tục chơi. Vì vậy đã nổi lên một cuộc tranh luận, và vua bình minh tiến quân chống chúa hoàng hôn, và lúc nửa đêm lại vang lên những tiếng hô của các chiến sĩ. Và chúa biển nổi dậy chống lại xứ sở mặt trời mọc, và đã nổ ra một trận đánh trước thành phố của ông ta mà loài người chưa từng thấy. Nhưng họ vẫn tiếp tục chơi. Và từ trên trời có bảy vị thần giáng xuống. Người thứ nhất mặc áo khoác dài, và râu của ông ta dài tận ngực. Họ gọi ông ta là Phau-xơ. Thần thứ hai tóc bạc quanh cái đầu hói, và ông ta kêu: "khổ, khổ, khổ!". Họ gọi ông ta là Lia. Và thần thứ ba cao lớn và lực lưỡng, tên của ông ta là Va-len-stai-nơ. Và thần thứ tư, giống như những người con của Ê-na-cơ, và cầm dùi cui giống như những cây tùng xứ Li-băng. Họ gọi ông ta là Hê-ra-clơ. Và thần thứ năm toàn thân bị gắn chặt vào giáp sắt, và tên của ông ta được viết trên trán ông ta: Dích-phrít. Đi bên cạnh ông ta là một chiến sĩ dũng mãnh, kiếm của ông ta sáng loáng như tia chớp, - đó là thần thứ sáu, tên là Rô-lăng. Và thần thứ bảy quấn khăn xếp trên đầu kiếm và vung vẩy lá cờ xung quanh đầu, trên cờ có dòng chữ: Mio Cid!^{2*}. Và bảy vị thần gõ cửa các con bạc, nhưng họ không chú ý đến điều đó. Và rồi vào lúc nửa đêm, có một tia sáng vĩ đại xuyên qua toàn bộ trái đất như con đại bàng, và khi nó mất hút, tôi không thấy những người chơi bài nữa. Nhưng trên cửa xuất hiện những dấu đen: ^{2*}. Và tôi lặng im.

^{1*} - Ta là ông Xít.

^{2*} - Béc-lin!

Nếu bức thư của tôi gửi Vin-hem không phải là bằng cứ chứng minh đầy đủ sự điên rồ của tôi, thì giờ đây, cần phải hy vọng, trong số các vị, không ai nảy ra ý nghĩ nghi ngờ điều này. Nếu không thì tôi sẽ cố gắng thuyết phục các vị một cách càng rõ ràng cụ thể hơn.

Tương lai của năm người đam mê cờ bạc

Tôi vừa đọc trong tạp chí "Telegraph" bài bình luận các bài thơ của nhà truyền giáo Vin-clơ²³⁶ ở Bác-men. Người ta chửi bới chúng thậm tệ; dẫn ra vô khối đoạn chứng tỏ thị hiếu đích thực của nhà truyền giáo. Nếu tạp chí ấy rơi vào Bác-men, thì thanh danh của Gút-xcốp, vốn chẳng ra gì, sẽ mất hết. Những đoạn ấy thật kinh khủng, là những hình ảnh ghê tởm nhất. So với nó thì Pôn là thiên thần. "Cầu chúa Giê-xu, xin người hãy chữa bệnh chảy máu của các tội lỗi của con" (ám chỉ một chuyện nổi tiếng trong kinh Phúc âm^{1*}) và những điều khác. Tôi ngày càng thất vọng về Bác-men: về mặt văn chương, đây là một thành phố bỏ đi. Những thứ in ở đây, trừ những lời thuyết giáo, chỉ ít là những điều vớ vẩn; những điều về tôn giáo thường vô nghĩa. Không phải ngẫu nhiên mà người ta gọi Bác-men và En-bơ-phen-đơ là những

1* Kinh thánh. Kinh Tân ước. Kinh Phúc âm của Lu-ca, chương 8, câu 43.

thành phố ngu dân và thần bí; Brê-men cũng có thanh danh như vậy, và nó rất giống với hai thành phố trên; thói phi-li-xtanh kết hợp với chủ nghĩa cuồng tín tôn giáo, hơn nữa ở Brê-men còn cộng thêm hiến pháp dè dặt, gây trở ngại cho mọi sự nâng cao tinh thần, và một trong những trở ngại chủ yếu nhất là Ph.V.Crumma-khơ. - Blăng-cơ kêu ca khủng khiếp về các mục sư En-bơ-phen-đơ, đặc biệt là Côn và Héc-man; tôi muốn biết ông ta có lý hay không; ông ta đặc biệt chê họ là khô khan; chỉ có Crumma-khơ, theo lời ông ta, là ngoại lệ. - Điều đặc biệt nực cười là việc nhà truyền giáo nói về tình yêu. Xin dừng lại, bây giờ tôi sẽ sáng tác đôi dòng tương tự như thế.

Một tín đồ của giáo phái Kiên thành thổ lộ tình yêu

Cô gái thật thà ơi! Sau cuộc đấu tranh dững dưng và ngoan cường
Chống những cám dỗ của thế gian, anh đã đến với em cầu xin
ngoan ngoan

Em có đồng ý trở thành vợ hợp pháp của anh không,
Bằng cách đó thực hiện bổn phận mình trước Chúa!
Đúng, anh không yêu em, chuyện này không thể có,
Anh yêu Chúa trong em,–

không, không được; không thể nhại những điều như vậy mà không đồng thời đụng chạm đến cái thiêng liêng nhất mà đám người này nấp sau đó. Tôi muốn thấy cuộc hôn nhân mà người được chồng yêu không phải là vợ mình, mà là chúa Ki-tô ở trong vợ mình; ở đây lập tức nảy sinh câu hỏi: người chồng ấy có ngủ với Ki-tô trong hình ảnh vợ mình hay không? Trong kinh thánh chúng ta tìm thấy điều vô nghĩa như thế ở đâu? Trong "Nhã ca" có viết: Tình yêu ơi, người ngọt ngào dường nào trong các khoái lạc^{1*}, nhưng giờ đây, tất nhiên,

1* Kinh thánh. Kinh Cựu ước. Quyển Sách Nhã ca của Xa-lô-mông, chương 7.

người ta chỉ trích mọi hành động bảo vệ tính đa cảm, bất chấp Đa-vít, Xa-lô-mông và có trời biết còn ai nữa. Điều đó làm tôi hết sức bức tức. Hơn nữa, những chàng trai ấy khoe khoang như thể họ có một học thuyết chân chính và họ lên án bất cứ ai không phải là người nghi ngờ kinh thánh, nhưng lý giải kinh thánh khác với họ. Họ dàn xếp việc đó một cách khéo léo. Hãy đến với ai đó trong số họ để sau đó chêm một dòng thơ này và dòng thơ kia vào, - nếu họ sẽ trao nó cho anh. Gu-xtáp Sva-bơ là chàng trai kỳ diệu nhất trong số các chàng trai trên thế gian, anh ta thậm chí là người chính thống, nhưng những người thần bí đánh giá anh ta không cao vì anh ta không phải bao giờ cũng cất lên các bài ca tôn giáo theo cung cách "Người nói ta là tín đồ đạo Cơ Đốc" và vì trong một bài thơ anh ta nói bóng gió về khả năng có thể dàn hòa giữa những người duy lý chủ nghĩa và những người thần bí. Trước hết, thơ ca tôn giáo chấm dứt chừng nào chưa xuất hiện ai đó sẽ đem lại cho nó một cao trào mới. Ở những tín đồ Thiên chúa giáo, cũng như các tín đồ đạo Tin lành đang tiếp tục thói thủ cựu cũ: những người Thiên chúa giáo sáng tác những bài ca ca ngợi đức mẹ Ma-ri-a, những người theo đạo Tin lành hát những bài hát cũ đầy những lối nói tầm thường nhất. Những sự trừu tượng bỉ ổi như: thần thánh hóa, kêu gọi, thanh minh và có chúa mới biết còn gì đằng sau loci communes^{1*} và những cách nói mỹ từ nhằm chán! Do bức tức với thơ ca tôn giáo hiện nay, nghĩa là do tình cảm ngoan đạo nên người ta giận lắm. Chẳng lẽ thời buổi chúng ta xấu xa đến mức không có người nào có thể mở những con đường mới cho thơ ca tôn giáo hay sao? Vả lại, tôi nghĩ rằng cách thức thích hợp nhất để làm việc đó là cách thức mà tôi đã vận dụng trong "Bảo táp" và

1* – những chỗ chung, nơi công cộng

"Phlo-ri-đa"^{1*} mà tôi đề nghị có những bài bình luận hết sức tỉ mỉ, vì nếu không thì sẽ bị từ chối gửi tới những bài thơ mới. Điều không thể tha thứ là Vuốc-mơ đã giữ các bức thư lại.

Phri-đrich Ăng-ghen của cậu

Công bố lần đầu dưới dạng trích đoạn trong tạp chí "Die neue Rundschau", 9. Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

11 GỬI HÉC-MAN ĂNG-GHEN Ở BÁC-MEN

Brê-men, 11-12 tháng Ba 1839

Ngày 11 tháng Ba

Héc-man thân mến!

Xin em sau này đừng làm khổ anh bằng cách mở đầu như vậy trong những bức thư mà ông Ri-pe dùng để dạy em, và tạm thời xin mạn phép nhận xét rằng ở chỗ bọn anh buổi sáng là mùa đông, buổi trưa là mùa hạ, vì vào buổi sáng nhiệt độ ở đây là 5 độ âm, còn vào buổi trưa là 10 độ. Việc hát và soạn nhạc tiến triển khẩn trương, và đây là một mẫu nhạc mới.

1* Xem tập này, tr. 522-526.

Em có thể hát ca ngợi người mù theo điệu này, mà cũng có thể bỏ qua nó.

Ngày 12 tháng Ba. Việc em sắp có một con chó làm cho anh rất vui; con chó mẹ tên gì và trông nó thế nào? Bây giờ ông Lôi-pôn-đơ cổ lỗ đã vào văn phòng. Giờ đây anh sẽ phải chuyển sang giọng nghiêm túc hơn như Sếch-xpia vĩ đại nói. Ở đây bắt đầu ra một tờ báo mới lấy tên là "Bremer Stadtbote"; chủ bút là An-béc Mây-ơ, một kẻ ngu ngốc khủng khiếp.

Trước "Người đưa tin thành thị"
có một chàng trai như thế này đang
đi

Trước kia ông ta giảng bài về hạnh phúc của các dân tộc, về việc nuôi dạy con cái và về mọi đề tài khác, còn khi ông ta muốn in những bài giảng ấy thì cấp trên đáng yêu không cho phép vì điều đó quá ư xằng bậy. Về bản chất, ông ta là người buôn đồ sứ và ngay từ số đầu đã cãi vã với tờ "Unterhaltungsblatt"^{1*}. Họ cắn xé lẫn nhau đến mức ta cười vỡ bụng.

Phần tiếp trong bức thư gửi Ma-ri-a.

Anh trai yêu dấu của em

Phri-đrich Ăng-ghen

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2. 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – "Bremisches Unterhaltungsblatt"

12
**GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở BÁC-MEN**

Brê-men, 12 tháng Ba năm 1839

Ma-ri-a thân mến!

(Phần tiếp bức thư gửi Héc-man). Trên tờ "Stadtbote"^{1*} đăng một chuyện thật vô vẩn. Còn anh thì ngồi trong văn phòng sáng tác bài thơ, trong đó anh khen đùa cậu ấy, đặt điều hoàn toàn nhằm nhí và gửi cái đó có chữ ký của T.Hin-đê-bran-tơ cho cậu ấy, còn cậu ấy thì cho đăng tất cả một cách chân thành. Bây giờ trên bàn viết của anh cũng có một tác phẩm như vậy mà anh dự định gửi cho cậu ấy. Bài thơ có nhan đề

Đạo lý sách vở²³⁷

Không phải thông thái người nào lấy mọi tri thức
Từ hàng trăm quyển sách nhiều đạo lý bụi bặm, –
Anh ta không đi vào chiều sâu tòa lâu đài thế giới,
Tuy anh ta hiểu thấu toàn bộ khoa học.
Người nào lướt qua thực vật học theo sách,
Chưa chắc có thể yêu thiên nhiên,
Người nào rút đạo đức từ mọi câu cú,
Chưa chắc dạy được anh thành người tốt.
Không, trong tâm sâu trái tim chỉ ẩn giấu
Nghệ thuật cho ta quyền lực chi phối cuộc đời.

1* – "Bremer Stadtbote"

Vì sao học từ sáng đến tối -
 Người học cách chế ngự dục vọng?
 Người chỉ phải nghe tiếng nói của trái tim.
 Và phải chết người nào không nghe nó.
 Nó lớn tiếng nói với chúng ta từ "lý trí",
 Hãy lắng nghe trí tuệ của mình...

Và vân vân, tất cả đều theo tinh thần ấy, tất cả những cái đó đều là sự chế giễu. Thông thường, khi anh không biết rõ nên gửi gì cho cậu ấy, anh bèn cầm tờ "Bote" và rút ra từ đấy cái gì đó. Gần đây anh đã bắt Các Lô-i-pôn-đơ ngồi vào bàn viết của anh và đọc cho cậu ta viết một bức thư thô bạo gửi cho tờ "Bote" mà báo này đã nhận được và đã đăng với những lời bình luận hết sức ngu ngốc. Song bây giờ anh phải đi.

Anh trai yêu dấu của em

Phri-đrich

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
 Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

13

GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BƠ

[Brê-men], 8-9 tháng Tư 1839

8 (nisi erro^{1*}) tháng Tư 1839

Phrít-xơ vô cùng thân mến!

1* – nếu tôi không nhầm

Chắc cậu nghĩ rằng bức thư này sẽ làm cậu rất vui - không, nó sẽ làm cậu ít vui hơn cả! Cậu, - cậu, người đã làm tôi buồn phiền, điên tiết lên không chỉ phải do sự im hơi lặng tiếng, mà còn do sự xúc phạm những bí mật thiêng liêng nhất từng được che giấu không cho nhân tài nào biết, xúc phạm các bóng ma, - cậu phải chịu sự trừng phạt đặc biệt: chết vì buồn chán khi đọc - đọc cái gì? Đọc tác phẩm. Về đề tài nào? Vẫn về cũng một đề tài quen thuộc: văn học của thời đại hiện nay.

Ở nước ta trước năm 1830 có những gì? Tê-ô-đo Hen và bè bạn, Vi-li-ban A-lếch-xít, Gơ-tơ già và Ti-cơ già, c'est tout^{1*} và bỗng nhiên - sấm sét Cách mạng tháng Bảy nổ ra, đó là biểu hiện tốt đẹp nhất của ý chí nhân dân từ thời chiến tranh giải phóng. Gơ-tơ sắp chết, Ti-cơ ngày càng lụ khụ. Hen ngủ mê man, Vôn-phơ-găng Men-xen tiếp tục viết những bài khảo luận phê phán cục mịch của mình, nhưng trong văn học thì phảng phất tinh thần mới. Trong số các nhà thơ, đứng hàng đầu là Gruyn và Lê-nau, trong sáng tác của Ruých-kéc có một cao trào mới, tầm quan trọng của Im-mơ-man tăng lên, hết như của Pla-ten, nhưng như thế chưa phải là hết. Hai-nơ và Bóc-nơ là những tính cách lão luyện trước Cách mạng tháng Bảy, nhưng mãi giờ đây họ mới có ý nghĩa, và họ là chỗ dựa cho thế hệ mới biết sử dụng văn chương và đời sống của tất cả các dân tộc; đi đầu là Gút-xcốp. Năm 1830, Gút-xcốp còn là sinh viên. Thoạt đầu ông làm việc cho tờ "Literatur - Blatt" của Men-xen, nhưng không lâu; họ đã bất đồng về quan điểm, Men-xen hành động một cách láo xược: Gút-xcốp đã viết rằng "Va-li-a" trứ danh (ngờ vực), còn Men-xen thì dấy lên một sự ồn ào ghê tởm, bôi nhọ quyển sách và bán cho bản thân Gút-xcốp những quan điểm mà Va-li-a đã phát biểu,

1* – tất cả chỉ có thế.

và thực tế ông ta đã đạt được việc cấm quyền sách vô tội²¹. Mun-tơ liên kết với Gút-xcốp, quả thật, Mun-tơ là con người rất tầm thường, vì miếng cơm manh áo mà bày đủ cách làm ăn trên văn đàn, nơi ông ta cum suibus^{1*} đã cho đăng thêm bài của những tác giả khác. Chẳng bao lâu sau Bóc-man, một chàng trai sắc sảo và là một người quan sát tinh tế, rồi Luy-đôn-phơ Vin-bác-gơ, Ph.Gu-xtáp Quy-nơ đã đi theo họ, và Vin-bác-gơ đã nghĩ ra cho bộ năm văn chương ấy (nisi erro, anno 1835^{2*}) tên gọi nhóm "Nước Đức trẻ"⁵. Đứng đối lập với bộ năm này có: Men-xen người mà nhấn nhọc ngòi thì tốt hơn, vì chính với mục đích ấy mà Gút-xcốp đã đánh ông ta như tử, rồi đến báo "Evangelische Kirchen - Zeitung" coi mỗi lời nói bóng bẩy là sự sùng bái thần tượng và coi mỗi biểu hiện sắc dục là tội tổ tông (Heng-xten-béch có bị gọi bằng tên này theo quy tắc lucus anon lusendo^{3*}, nghĩa là có thể trên thực tế ông ta là một con ngựa thiến^{4*}, người bị thiến, hoạn quan hay không?). Đám người cao thượng đó đã buộc tội nhóm "Nước Đức trẻ" rằng các đại biểu của nhóm này muốn giải phóng phụ nữ và phục hồi xác thịt, rằng ngoài ra, họ muốn nhân tiện lật đổ một số ngai vàng và tập trung ngòi giáo hoàng và hoàng đế vào một người. Trong số tất cả những lời buộc tội ấy, chỉ có lời buộc tội liên quan đến việc giải phóng phụ nữ (theo tinh thần của Gơ-tơ) là có căn cứ, vả lại, chỉ có thể vận dụng nó đối với Gút-xcốp, ông này về sau đã lột mặt nạ nó (coi đó là kết quả của tính bông bột sôi nổi của tuổi thanh niên). Nhờ cộng

1* – cùng với người của mình

2* – nếu tôi không nhầm, đây là vào năm 1835.

3* – nghĩa đen: cánh rừng vì ở đó không sáng. Ví dụ nổi tiếng về việc đối chiếu không phải theo sự giống nhau, mà theo sự tương phản.

4* Chơi chữ: "Hengst" – "con ngựa đực"

đồng đó mà mục đích của nhóm "Nước Đức trẻ" hiện lên rõ ràng hơn và "các tư tưởng của thời đại" đã ý thức được mình trong nhóm ấy. Những tư tưởng đó của thời đại (như Quy-nơ và Mun-tơ đã diễn đạt) không biểu hiện chút gì là mỉa dân hoặc phản Cơ Đốc giáo, như người ta mô tả xấu về chúng; chúng dựa trên quyền tự nhiên của mỗi người và liên quan đến tất cả những gì mâu thuẫn với điều đó trong các quan hệ hiện nay. Thí dụ, trong số những tư tưởng đó, trước hết có tư tưởng nhân dân tham gia quản lý nhà nước, do đó, có tư tưởng về hiến pháp; tiếp nữa là tư tưởng về việc giải phóng người Do Thái, xóa bỏ mọi sự cưỡng bức về mặt tôn giáo, mọi giới quý tộc theo dòng họ v.v.. Ai có thể có điều gì chống lại cái đó? Báo "Evangelische Kirchen - Zeitung" và Men-xen dụng tâm bôi nhọ danh dự của nhóm "Nước Đức trẻ". Ngay trong những năm 1836 - 1837, các nhà văn gắn bó với nhau bằng sự thống nhất quan điểm, chứ không phải bằng hội đoàn đặc biệt nào đó, đã xác định rõ ràng các tư tưởng của họ; nhờ những tác phẩm tốt của mình, họ đã được những nhà văn khác, phần lớn là những nhà văn bất tài, thừa nhận và đã tranh thủ được tất cả những tài năng trẻ về phía mình. Các nhà thơ của họ là A-na-xta-di-út Gruyn và Các-lơ Béch; những người phê phán họ trước hết là Gút-xcốp, Quy-nơ, Lau-bê, còn trong số những người trẻ hơn có Lút-vích Vin, Lê-vin Suých-kinh và những người khác, đi theo Mun-tơ chỉ có một ít thanh niên; Bóc-man, cũng như Đin-ghen-stết trẻ tuổi và rất có tài thì giữ thái độ khá trung lập, nhưng ngả về Gút-xcốp nhiều hơn. Do cuộc tranh cãi ấy mà Mun-tơ đã mất toàn bộ uy tín của mình; uy tín của Quy-nơ đã tụt xuống đáng kể, vì ông ta có đủ hèn hạ để chửi bới tất cả những gì Gút-xcốp viết; còn Gút-xcốp thì trái lại, xử sự rất cao thượng và phần lớn chỉ cười nhạo tình yêu vĩ đại giữa Mun-tơ và Quy-nơ, những người tự khen nhau, mà thôi. Bài viết gần đây nhất của anh ta trên tờ "Jahrbuch der

Literatur"⁵⁷ chúng tỏ Gút-xcốp là chàng trai tuyệt diệu nhất, trung thực nhất.

Ngoài nhóm "Nước Đức trẻ" ra, ở nước ta ít có điều tích cực. Trường phái Sva-bơ ngay từ năm 1820 vẫn chỉ là một trường phái thụ động; những người Áo - Xét-lít-xơ và Grin-pác-xê - ít được chú ý, vì họ viết về những đề tài xa lạ với chúng ta (Xét-lít-xơ viết về các đề tài Tây Ban Nha, Grin-pác-xê viết về các đề tài cổ đại); trong số các nhà thơ trữ tình, Lê-nau tuy viết về đề tài nhà thờ nhưng đã ngã về nhóm "Nước Đức trẻ", Phran-clơ là U-lan thân tình en miniature^{1*}. C.Ê-béc-tơ đã hoàn toàn Bô-hêm hóa; những người Dắc-den - Hen, Hen-lơ, Héc-lô-xơ-dôn, Moóc-phen, Vác-xman, Tơ-rôm-lít-xơ. -A, trời ơi, ở đây thiếu "Vít-xơ"^{2*}; các nhà văn trong nhóm Mác-tô²³⁸ và những người ở Béc-lin (cậu không thuộc số này) là đê tiện, từ tỉnh Ranh thì Lê-van-đơ chắc chắn là tác giả tốt nhất trong số những tác giả viết để đọc giải trí; tạp chí "Europa" có thể đọc, nhưng những bài bình luận trong tạp chí đó thì ghê tởm. Hu-bơ, Sne-xơ và bạn bè không có mấy giá trị; như cậu thấy đấy, Phrai-li-grát một lần nữa quay lại với nhóm "Nước Đức trẻ", Đu-lơ cũng vậy, nếu ông ta không chết sớm hơn, còn Ruých-kéc thì đứng như bố già, và dang tay ra chúc phúc tất cả mọi người.

Ngày 9 tháng Tư. Tôi cho cậu tác phẩm cảm động này. Giờ đây tôi, con người khốn khổ, phải làm gì đây? Tiếp tục học như vẹt ư? Chẳng có hứng thú nào. Trở thành người bê ngoài tỏ ra trung thành ư? Khỉ thật! Duy trì tính kém cỏi kiểu Dắc-den U-ghi-tu-ghít thôi! (trời ơi, trời ơi! – ở đây thể hiện sự

1* – thu nhỏ.

2* Chơi chữ: "Witz" - "trí tuệ, sắc sảo".

chán ghét). Do đó, tôi phải trở thành người Tiểu Đức hoặc nói đúng hơn, tôi đã là như vậy cả về tâm hồn lẫn thể xác. Đêm đêm tôi không thể ngủ được vì tất cả những tư tưởng ấy của thời đại; khi tôi đứng ở bưu điện và nhìn quốc huy Phổ, tinh thần tự do xâm chiếm lòng tôi; mỗi khi đọc một tạp chí nào đó, tôi đều chú ý đến những thành tựu của tự do; những tư tưởng đó len vào thơ tôi và chế giễu những kẻ đội mũ cổ đạo và khoác bộ áo lông chồn bạc. Nhưng tôi tránh tất cả những câu khoa trương ấy về nỗi đau buồn thế giới, về lịch sử toàn thế giới, về nỗi đau của đạo Do Thái, v.v., vì giờ đây chúng đã lỗi thời rồi. Nhưng Phrít-xơ ơi, hãy nghe đây, vì cậu sẽ trở thành mục sư, nên cậu có thể trở thành người chính thống bao nhiêu tùy ý, nhưng nếu cậu sẽ trở thành người theo phái kiến thành chủ bói "Nước Đức trẻ" và làm theo "Evangelische Kirchen - Zeitung" như một kẻ đoán mò, thì cậu hãy coi chừng, cậu sẽ phải có chuyện với tôi. Cậu phải trở thành mục sư ở Hê-mác-cơ và hãy tống khứ phái kiến thành đáng nguyên rủa, ho lao, thủ cựu⁹ mà Crum-ma-khơ đã góp phần làm cho nó phát triển mạnh mẽ. Tất nhiên họ sẽ bêu diếu cậu là kẻ ngoan đạo, nhưng mặc cho ai đó tới và chứng minh cho cậu trên cơ sở kinh thánh và lý trí rằng cậu không có lý. Trong khi đó Blăng-cơ, người theo chủ nghĩa duy lý không mộ đạo thì vứt bỏ toàn bộ đạo Cơ Đốc, nhưng như vậy thì được gì nào? Không, tôi chưa bao giờ là người theo phái kiến thành, có một đạo tôi là nhà thần bí, nhưng đó là tempi passati^{1*}; giờ đây tôi là người siêu tự nhiên trung thực, rất bao dung đối với những người khác; tôi sẽ còn là người siêu tự nhiên bao lâu tôi không biết, nhưng tôi hy vọng vẫn là người như thế, tuy đôi khi ít nhiều ngã về chủ nghĩa duy lý. Tất cả

1* – quá khứ

những điều đó phải được giải quyết đúng lúc. Adios, Friderice, hãy viết cho tôi thật sớm và nhiều.

Do hêst de mê dubbelt. Tuus^{1*}.

Phri-đrich Ăng-ghen, Phri-đrich Ăng-ghen

Công bố lần đầu trong tạp chí "Die neue Rundschau", 9 Heft, Berlin, 1913

*In theo bản viết tay
Nguyễn văn là tiếng Đức*

14

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở BÁC-MEN

Brê-men, 10 tháng Tư 1839

Ma-ri-a thân mến!

Hãy thứ lỗi cho anh vì lâu rồi không viết thư, nhưng anh sẽ kể ngay cho em nghe điều lý thú. Vào ngày Thứ sáu của Tuần thánh, ông thị trưởng ở đây, ngài tiến sĩ Gruê-ninh, đã chết, thành thử cách đây một tuần đã diễn ra cuộc bầu cử thị trưởng mới. Ngài thượng nghị sĩ tiến sĩ I.Đ. Nôn-te-ni-út đã nhậm chức đó và hôm thứ sáu đã tổ chức một cuộc diễu hành trọng thể. Đi đầu là tám người đầy tớ (mỗi ông thị trưởng được phép có hai người như vậy)

1* – Hãy viết cho tôi gấp đôi. Bạn của cậu

mặc quần trắng ngắn màu sù, đi tất lộng lẫy và mặc áo ngoài màu huyết dụ, đeo kiếm bên hông và đội mũ ba cạnh kiểu của Bô-na-pác-tơ. Tiếp theo họ là các thị trưởng, đi đầu là ngài tiến sĩ Xmít, người thông minh nhất suýt làm vua Brê-men; ông tiến sĩ Đun-tơ choàng lông thú đến tận cổ, lúc đi dự hội nghị của thượng nghị viện ông này luôn luôn mang theo hàn thủ biểu. Tiếp nữa là các thượng nghị sĩ, các nhà truyền đạo và thị dân, khoảng 600 - 800 người. Tất cả họ đều đi đến một hoặc một số nhà, ở đó họ nhấm nháp thức ăn vật chất chứ không phải thức ăn tinh thần, nghĩa là tất cả họ đều nhận được bánh hạnh nhân, xì gà và rượu vang, họ ăn uống no nê và còn nhét vào túi nữa. Đám trẻ con thì đứng trước cửa và làm huyên náo, và khi ai đó đi ra thì chúng réo theo: "Ông ta kia kia! Ông ta kia kia!". Chúng cũng hô lên như vậy khi ông chuẩn úy Ha-de đi ra, lúc đó ông này oai nghiêm quay lại và nói: "Ta là ngài chuẩn úy Ha-de đây". Còn bọn trẻ thì gào thét: "Đấy là chuẩn úy Ha-de, đấy là chuẩn úy Ha-de!" Em có thể hình dung cái cột trụ ấy của nhà nước Brê-men đã sử dụng những trụ cột của thân thể mình như thế nào để thoát thân. Hôm thứ bảy trước người ta đã bầu một thượng nghị sĩ mới thay tiến sĩ Nôn-te-ni-út, vinh dự đó đã rơi vào tiến sĩ Mo-rơ, buổi tiệc mừng ông ta diễn ra vào hôm thứ hai. Theo phong tục hiện hành, trong những trường hợp như thế, một trong những người thân thích của thượng nghị sĩ mới phải uống "con lợn", nghĩa là ông ta phải uống đến say. Nhiệm vụ phức tạp ấy cũng được ông H.A.Hai-nê-ken, người mới lái, hoàn thành, làm mọi người thỏa mãn, bởi vì

Tận hưởng một cách buồn rầu cuộc sống này -

Đó là trí tuệ và đức hạnh. -

như một nhà thơ vĩ đại nói²³⁹

Ma-ri-a: "Nhưng Phri-đrich, làm sao anh có thể viết cho em những điều ngu ngốc như vậy? Anh huyên thuyên cái gì đó chẳng

đâu vào đâu". Phri-đrích: I can't help it^{1*}, cần phải viết cho hết trang - ha ha, đây là một số điều lại nảy ra trong đầu anh. Chủ nhật trước anh cưỡi ngựa dạo chơi với Nê-vi-an-tơ và Rốt, và Nê-vi-an-tơ mang theo một cậu bé người Anh cao bằng An-na^{2*}. Bọn anh chưa kịp ra khỏi thành phố thì cậu bé người Anh ấy quát ngựa đến mức con ngựa vút như điên như dại. Cậu ta bình tĩnh ngồi trên yên, con ngựa bắt đầu nhảy tứ phía, nhưng cậu ta không ngã. Cuối cùng, cậu ta tụt xuống để tìm chiếc roi bị đánh rơi, và ôi, thật là ngu ngốc, đã để con ngựa lại hoàn toàn một mình; còn con ngựa thì suy nghĩ một lúc rồi nhảy biến đi. Cậu ta chạy theo. Nê-vi-an-tơ xuống ngựa và chạy theo, những quay trở lại tay không. Giôn và con ngựa đã biến mất. Bọn anh phi tới Hoóc-nơ, ở đây bọn anh ăn lót dạ, và khi bắt đầu lên đường trở về thì cậu Giôn đuổi kịp bọn anh, cậu ấy cưỡi ngựa chạy *plein carrière*^{3*}. Trên đường đi, người ta bắt ngựa dừng lại, cậu ta ngồi trên ngựa và đi vào chuồng ngựa, ở đây cậu ta kiếm được chiếc roi mới. Thế là bọn anh đi tiếp. Nê-vi-an-tơ có những con ngựa khá hoang dại và khi bọn anh vừa mới chuyển sang nước kiệu thì cậu Giôn phi nước đại vút qua bên cạnh anh. Con ngựa của anh dỏ chứng và lao hết tốc lực. Anh nghĩ rằng có chuyện gì đấy, nên cho phép nó chạy và chỉ thỉnh thoảng mới cố gắng ghìm nó lại. Nhưng khi anh vừa mới kìm nó khỏi cuộc chạy đua điên cuồng ấy thì Giôn vút qua anh, và điều đó còn tệ hơn trước nữa. Đã thế cậu ấy luôn mồm thét, vừa thét vừa vung mũ: My horse runs better than yours^{4*}, hoan hô! Cuối cùng, ngựa cậu ta

1* – Anh không thể làm gì được

2* – An-na Ăng-ghen

3* – hết tốc lực.

4* – Ngựa của tôi chạy tốt hơn ngựa các bạn

vấp phải chiếc xe nào đó và dừng lại. Lúc đó con Noóc-ma của anh cũng đứng lại. Nếu những con ngựa ngu ngốc hiểu rằng những người cưỡi ngựa rất thích thú khi họ bắt đầu bay vút. Dù sao anh cũng không mấy may sợ sệt và điều khiển khá tốt con ngựa. Adieu^{1*}

Phri-đrích của em

*Công bố lần đầu trong Marx - Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

15 GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BÔ Ở BÉC-LIN

[Brê-men, khoảng 23 tháng Tư] - 1 tháng Năm 1839

Phrít-xơ Gre-bô! Hiện giờ tôi làm việc rất nhiều để nghiên cứu triết học và thần học phê phán. Khi cậu 18 tuổi và cậu làm quen với Stơ-rau-xơ, với những người duy lý chủ nghĩa và báo "Kirchen - Zeitung"^{2*}, thì cần phải hoặc đọc tất cả mà không suy nghĩ gì, hoặc bắt đầu nghi ngờ niềm tin kiểu Vúp-pơ-tan của mình. Tôi không hiểu làm thế nào mà các linh mục chính thống có thể chính thống như vậy khi trong kinh thánh có những mâu

1* – Tạm biệt

2* – "Evangelische Kirchen-Zeitung"

thuần rõ rệt như thế. Làm sao có thể hòa hợp hai hệ phổ của Giô-đép, chồng của Ma-ri-a, những giả thuyết khác nhau liên quan đến bữa ăn tối bí mật ("đây là máu của tôi, đây là kinh Tân ước trong máu của tôi") và câu chuyện về những người bị quỷ ám (trong trường hợp thứ nhất kể rằng quỷ đơn thuần xuất hiện, trong trường hợp thứ hai kể rằng quỷ nhập vào những con lợn), giả thuyết nói rằng mẹ của Giê-xu đi tìm người con trai của mình mà bà cho là đã mất trí, tuy bà đã thụ thai ông một cách mâu nhiệm, v.v., - làm sao hòa hợp được tất cả những điều đó với niềm tin vào sự chính trực, sự chính trực vô điều kiện của những người thuộc phái phúc âm? Tiếp nữa, trong tác phẩm "Cha chúng ta ở trên trời", trong vấn đề trình tự của các phép mầu, sự lý giải sâu sắc một cách độc đáo của thánh Giăng, sự lý giải vi phạm một cách rõ rệt hình thức trần thuật, - làm thế nào hiểu được tất cả những điều đó? *Christi ipsissima verba*^{1*} mà những người chính thống chú ý quá nhiều như vậy, trong mỗi kinh Phúc âm đều nói một cách khác. Tôi tuyệt nhiên không nói đến kinh Cựu ước. Nhưng ở Bác-men thân yêu người ta không nói một lời nào về điều đó, ở đây người ta dạy theo những nguyên tắc hoàn toàn khác. Và đạo chính thống cũ dựa vào cái gì? Không có gì nhiều hơn là dựa vào tính thủ cựu. Ở đâu kinh thánh đòi hỏi phải tin rầm rập vào học thuyết của nó, vào các chuyện kể của nó? Ở đâu dù chỉ *một* tông đồ nói rằng tất cả những điều mà tông đồ ấy kể đều là sự cảm hứng trực tiếp từ bên trên? Cái mà những người chính thống đòi hỏi không phải là việc lý trí nghe theo Ki-tô, không, họ sẽ giết chết trong con người cái thân thánh và thay nó bằng câu chữ chết cứng. Vì ngay cả bây giờ tôi vẫn là người siêu tự nhiên chủ nghĩa tốt như trước kia, nhưng tôi đã từ bỏ chính giáo. Tôi hoàn toàn không thể vì vậy mà tin rằng người duy lý chủ nghĩa hết lòng sáng tạo cái thiện

1* – Những lời chân thật nhất của Ki-tô

theo sức của mình, phải chịu đau khổ vĩnh viễn. Chính điều này cũng mâu thuẫn với bản thân kinh thánh. Vì kinh thánh viết rằng không ai bị lên án về tội tổ tông, mà chỉ bị lên án về những tội lỗi của chính mình; còn nếu ai đó ra sức chống lại tội tổ tông và làm những điều người đó có thể làm, thì những tội lỗi thực tế của người đó chỉ là kết quả tất yếu của tội tổ tông và, do đó, không thể kéo theo việc lên án người đó.

Ngày 24 tháng Tư, Ha, ha, ha! Cậu có biết ai sáng tác bài trên báo "Telegraph" không? Tác giả của nó là người viết những dòng này²⁴⁰, nhưng tôi khuyên cậu đừng nói với ai một lời nào về chuyện này, vì nếu không thì tôi sẽ gặp cảnh ngộ éo le khủng khiếp. Tôi chỉ biết Côn, Ba-lơ và Héc-man qua những bài bình luận của V.Blăng-cơ và Stơ-ruy-cơ mà tôi đã chép lại hầu như nguyên văn; nhưng việc Côn nói những điều nhảm nhí^{*}, còn Héc-man là người kiên thành gầy còm thì tôi biết theo kinh nghiệm bản thân. Đó là viên thư ký trẻ *Duyếc-hôn-tơ* ở gia đình Vít-ten-stai-nơ ở Hạ Bác-men. Và lại, tôi vui mừng về việc tôi không nói gì về những điều mà tôi không thể chứng minh. Tôi chỉ tiếc một điều là tôi không trình bày một cách thích đáng ý nghĩa của Sti-rơ. Không nên coi thường ông ta với tư cách là nhà thần học. Song, anh có thích sự hiểu biết của tôi về các tính cách, đặc biệt là Crum-ma-khơ, Đuê-rinh (những điều đã nói về lời thuyết giáo của ông ta là do P. Gioong-hau kể cho tôi nghe) và về văn học không? Những nhận xét về Phrai-li-grát át hẳn là đạt, nếu không thì Gút-xcốp đã gạch xóa chúng rồi. Tuy nhiên, phong cách là đáng ghê tởm. - Còn bài viết thì hình như đã gây ra ấn tượng mạnh, - tôi van xin năm người các vị đừng nói với ai rằng tôi là tác giả. Cậu có hiểu không? Về lời chửi rủa

1* Chơi chữ: "Kohl" là tên họ. "kohlt" là "nói lời nhảm nhí"

thì tôi tấn công chủ yếu vào cậu và Vin-hem, vì trước mặt tôi là hai bức thư gửi các vị tôi vừa mới viết khi tôi có hứng chửi rủa. Đặc biệt Ph.Pluy-ma-khơ **không** được biết rằng tôi đã viết bài ấy. Nhưng Ba-lơ ấy là gã nào vậy! Ông ta sắp phải giảng đạo vào ngày thứ sáu của Tuần thánh, nhưng ông ta lười làm việc, và rồi ông ta đã học thuộc lòng một bài thuyết giáo mà ông ta tìm thấy trong "Menschenfreund" và ông ta đã đọc nó. Nhưng Crum-ma-khơ cũng có mặt ở nhà thờ, ông này cảm thấy bài thuyết giáo rất quen thuộc; cuối cùng ông ta nhớ lại rằng chính ông ta đã đọc bài đó vào ngày thứ sáu của Tuần thánh năm 1832. Những người khác đã đọc bài thuyết giáo này cũng nhận ra nó; người ta quy trách nhiệm cho Ba-lơ, và ông ta đã buộc phải thú nhận tất cả. Signum est, Ballum non tantum abhorrere a Krummachero, ut Tu quidem dixisti^{1*}. Tôi biết ơn cậu về bài bình luận tỉ mỉ về "Phau-xto"²⁴¹. Việc hiệu chỉnh bài viết dĩ nhiên là không được tốt, theo kiểu Rau-pa-khơ, - tên vô lại này can thiệp vào tất cả mọi việc và không chỉ làm hỏng Si-lơ, người mà hình ảnh và tư tưởng đã bị ông ta hạ thấp đến mức tầm thường trong những vở bi kịch của mình, mà còn làm hỏng cả Gơ-tơ nữa, người mà có quỹ mới biết hẳn đối xử như thế nào. Điều đáng thắc mắc là những bài thơ của tôi được người ta tranh nhau mua, nhưng việc những bài thơ ấy được tiêu thụ trên một mức độ nhất định là hoàn toàn chắc chắn, vì chúng sẽ được đưa vào làm giấy loại và làm giấy vệ sinh. Tôi không thể đọc những điều mà cậu viết bằng mực đỏ, và vì thế tôi sẽ không gửi 5 din-béc-grô-sa, cũng sẽ không gửi một điều gì gạ nào. Lần này cậu sẽ nhận hoặc một bài thơ trữ tình hoặc một phần của vở hài kịch đã bắt đầu nhưng chưa viết xong. Còn giờ đây tôi phải đi học hát, adieu^{2*}.

1* – Đáng chú ý là Ba-lơ không xa lánh Crum-ma-khơ như có hồi cậu đã nói.

2* – tạm biệt.

Ngày 27 tháng Tư

NHỮNG TRÍCH ĐOẠN CỦA VỞ BI HÀI KỊCH "DÍCH-PHRÍT
KHÔNG CHÊ VÀO ĐÁU ĐƯỢC"

I

Cung điện của vua Dích-hác-đơ
Phiên họp của Hội đồng
Dích-hác-đơ

Vậy là các vị lại tập họp cùng nhau,
Chỗ dựa của danh dự nhà vua,
Bảo vệ ngai vàng cao cả.
Con của chúng ta, than ôi, chỉ mình hấn không tới!
Hấn lòng sục trong rừng như mọi khi,
Không thông minh lên theo năm tháng.
Quên công việc của Hội đồng,
Nơi chúng ta đổ mồ hôi trước lúc sơ khai,
Sự khinh bỉ phán xét của những người lớn tuổi,
Hấn học tiếng chim líu lo.
Không đáng học đạo lý,
Hấn muốn đánh nhau với gấu;
Và nếu hấn nói với chúng ta,
Hấn nhắc đi nhắc lại muôn thuở về chiến tranh.
Lẽ ra từ lâu chúng ta đã nhượng bộ hấn,
Khi trong sức mạnh bí hiểm của mình
Chúa đúng là không hứa với chúng ta,
Rằng lý trí sẽ không lừa dối chúng ta.
Toàn miền chúng ta dù cố gắng,

Hắn tình cờ lên nắm chính quyền!

Cố vấn

Tâu bệ hạ anh minh, như muôn thuở,
 Ngài trực tiếp nắm dao đằng chuôi.
 Song được vua cho phép
 Tôi xin bày tỏ ý kiến giản đơn.
 Trong thói quen con người không có sự giống nhau.
 Hắn mới mười tám tuổi.
 Những ý nghĩ gàn dở lảng vảng trong hoàng tử,
 Nhưng sự thông minh đến cùng tuổi tác
 Hắn lại bị tính nết hiếu động kéo đi xa
 Nhưng sự thông minh thích ngôi nhà tĩnh mịch;
 Nhiệt huyết tuổi trẻ sẽ trở nên ngoan ngoãn,
 Và sức mạnh kiêu hãnh sẽ mệt mỏi,
 Khi ấy hắn sẽ đi tới đạo lý
 Và sẽ tìm thấy hạnh phúc trong sự anh minh.
 Mặc hắn lòng sục ở nhiều xứ sở,
 Mặc hắn đánh nhau với người khổng lồ,
 Mặc hắn chiến đấu với rồng,
 Và tuổi già ở đấy không còn xa
 Cuộc sống sẽ dạy hắn đạo lý,
 Và lời các người tất sẽ không làm hắn buồn chán.

Dich-phrit (đi và o)

Rừng ơi, chẳng lẽ sắp tới
 Ta sẽ rời bỏ người sao?

Trong khoảng rộng của người,
 Đáng yêu hơn trong cung vua;
 Ở đâu tiếng hót chim chóc
 Thánh thót hơn trên cành cây?
 Cung điện ghen sự yên tĩnh của rừng.
 Bố ơi, bố chải rửa
 Con lang thang lâu trong rừng.
 Nhưng lẽ nào con đứng vững được
 Khi con lợn ở trước mũi?
 Những trò vui trong rừng làm bố chán ghét
 Vậy bố đưa cho con ngựa và kiếm,
 Con sẽ đi tới những miền xa lạ.
 Từ lâu con đã nói chuyện này

Dích-hác-đơ

Hãy nói tôi nghe, chẳng lẽ đến nay
 Người chưa thôi là kẻ ngốc?
 Chừng nào trong người còn nhiệt tình tuổi trẻ,
 Người chẳng bao giờ trở nên thông minh.
 Và đường tốt nhất tới đó có một:
 Nhanh chóng đem lại cho người tự do;
 Cút đi, có thể, gã khổng lồ
 Bằng dùi cui sẽ xua tan ý ngông của người.
 Hãy cầm kiếm, thắng yên ngựa
 Và xóc tới, trở nên thông minh hơn!

Dịch-phrít

Các người có nghe không? Ngựa và kiếm!
 Ta cần những chiếc mũ đỉnh nhọn và áo giáp,
 Hay những người đẩy tổ cho những cuộc chiến đấu nóng bỏng?
 Bạn đồng hành của ta là người rất mực dũng cảm!
 Khi dòng thác từ núi lao xuống,
 Một mình, âm âm, đặc thắng,
 Trước nó cây thông cúi mình rên rỉ,
 Bản thân nó đi ra nơi thoáng rộng:
 Ta cũng giống như dòng thác,
 Tự lách mở cho mình một con đường!

Cố vấn

Tâu bệ hạ, xin Người đừng đau buồn,
 Khi người anh hùng chúng ta hướng về thế gian;
 Dòng thác vút từ núi xuống thung lũng,
 Ngọn cây lại bình yên,
 Bình tĩnh sóng nối tiếp sóng
 Làm phi nhiêu làng xóm xung quanh.
 Con giận trước kia không đáng sợ,
 Giải được cơn khát trên bãi cát.

Dịch-phrít

Ta mất thời gian để làm chi?
 Vòm pháo đài làm ta ngọt ngào!
 Nhanh đặt chân lên bàn đạp,
 Được tự do ngựa ta hý!

Người, lưỡi kiếm sắc cũ,
 Hãy xuống với ta từ hàng quân!
 Con vôi, say mê chiến đấu,
 Bố ơi, hẹn những lần gặp lại!

(Đi ra)

II

Lò rèn trong rừng
 Dịch-phrít đi vào. Thợ cả đi vào.

Thợ cả

Ở đây, trong lò rèn, vì vinh dự của các vị
 Làm ra những truyện ngắn tuyệt vời,
 Và cùng chúng, những bài ca trong hợp tuyền
 Sáng ngời vẻ huy hoàng.
 Ở đây nhanh chóng rèn tạp chí,
 Bện thơ và phê bình vào một mối,
 Từ sáng đến tối lò cháy hừng hực,
 Làm việc không biết mỏi mệt.
 Nhưng hãy bồi dưỡng bằng rượu nho,
 Để chú bé dẫn các vị vào nhà.
(Dịch - phrít cùng cậu học sinh đi ra)

Thợ cả

Nào, thợ bạn, hãy vào việc!
 Tôi vui lòng đến giúp các vị;
 Trên đe các vị hãy rèn truyện ngắn,
 Để chúng mạnh dạn đi vào thế gian!

Hãy đốt nóng hơn các bài ca trong lò;
 Để bài ca trở nên chịu lửa hơn;
 Đối với công chúng hãy đem mồ hôi
 Trộn tất cả thành một hòn chung.
 Mà vì sắt không còn nữa,
 Người chủ thông minh có lời khuyên:
 Hãy lấy ba nhân vật của Oan-tơ Xcốt,
 Và kỵ sĩ ở Phu-kê, và ba phụ nữ ở Gơ-tơ,
 Và không có gì để cố gắng nữa,
 Chúng đủ cho hai mươi tác giả!
 Đối với các bài ca - thơ của U-lan
 Đường như hoàn toàn không phải dở.
 Hãy dùng búa đánh đến đau,
 Người tạo được nhiều hơn cả là người tốt nhất!
Dịch-phrit (lại đi vào)
 Rượu nho đường như chẳng là gì!
 Ta đã uống một tá chai.

Thơ cả

(Chàng trai đáng nguyên rủa!) Ta vui thích,
 Thấy rượu nho vùng Ranh của ta hợp khẩu vị các người.
 Ta nghĩ, các người thú vị
 Biết được tên của những người làm việc!
 Đây là người sành sỏi nhất,
 Sáng tác những truyện ngắn
 Có thiện tính hoặc suông sã,

Chính Men-xen khen ngợi ông
 Vân-phơ-găng sống ở Stút-gát:
 Tên ông là Phôn Tơ-rôm-lít-xơ.
 Kia là một người khác, không kém thích dụng
 Và cũng thuộc dòng máu cao thượng:
 Qua ông tôi chào Xê lớn;
 Của Phôn Vắc-xman.
 Không có hợp tuyển thơ văn nào
 Không đượm mùi ông.
 Ông viết hàng chục truyện ngắn
 Cho đám dân chúng ngây người.
 Ông làm việc vã mồ hôi mặt,
 Nói sự thật đến cùng,
 Ông ít làm cho nghệ thuật,
 Nhưng tất cả - để làm thui chột thị hiếu;
 Mà thị hiếu - trước người ta run rẩy -
 Nó chỉ mang chết chóc cho chúng ta.
 Kia Hen-lơ, tài hèn sức mọn,
 Văn phong như chiếc đĩa bằng thiếc,
 Nhưng sáng loáng như bạc.
 Đối với công chúng, tất cả đều tốt.
 Nếu ông viết ít hơn hai người nói trên,
 Và đuổi theo thể nhận xét,
 Nhưng các vị thấy không, con người ông
 Hoàn toàn không chịu được sự thần bí.
 Các vị thấy, phái phúc âm,
 Tất cả bốn người - toàn là người kiên thành;

Ông nắm lấy họ từng người một,
 Cởi bỏ áo quần thánh thiện
 Ông để nó lên bàn trà
 - Ai ai cũng đọc "Chị em La-da-ri-a".
 Ông cũng là tác giả văn xuôi nhẹ nhàng.
 - Hãy đọc tác phẩm của ông với gai "Hoa hồng"^{1*}
 Lại thêm một tài năng nữa,
 Chàng trai thông thái, tuy cố chấp,
 Phri-drích Noóc-cơ, nhà thơ vô cùng vĩ đại
 Từ khi thế gian tồn tại.
 Ông nói nhăng nói cuội với các vị... không, sẽ nói chính xác,
 Phát hiện từ các ngôn ngữ phương Đông,
 Thế nào các vị - đồ ngốc. Hay là bậc tiên tri
 Không thể là cái gì ngoài mặt trời.
 Tìm trí tuệ và tri thức chân chính
 Trong ông ta - là cố gắng vô ích.
 Kìa - Héc-lô-xơ-dôn xứng đáng của chúng ta,
 Lẽ ra chúng ta đưa ông lên ngôi,
 Ông là người viết truyện ngắn, nhà thơ trữ tình,
 Trong "Sao chổi"^{2*} các vị sẽ tìm thấy
 Lời ông ca ngợi sự diên rồ
 Và mọi điều nhảm nhí khác ở đây.

1* Âm chỉ tạp chí văn học "Rosen. Eine Zeitschrift für die gebildete Welt"

2* Âm chỉ báo "Der Komet. Eine Unterhaltungsblatt für die gebildete Lesewelt".

Và kia: các nhà văn ở "Báo buổi chiều"^{1*}
 Được Vin-clơ sưởi ấm:
 Tu-rin-gút, Pha-bơ, Phôn Grô-xơ-cruê-ít-xơ,
 Chỉ riêng tên của họ - mỹ miều làm sao!
 Họ có cần lời khen của ta không?
 Vì công chúng (đừng cho họ
 Thứ bánh mì khác) từ lâu đã lên trời,
 Đã đưa họ lên tận các vì sao.
 Những người khác ra đi tìm cái đốt,
 Vào rừng nhặt cành khô;
 Về những người trẻ hơn - chẳng có gì để nói,
 Rèn tốt còn sớm đối với họ.
 Nhưng mọi chuyên gia đều sẽ lớn,
 Nếu trong họ có dù chỉ một giọt máu của người viết truyện
 ngắn.

Dịch-phrít

Khi nào tôi sẽ biết tên các vị?

Thợ cạo

Tôi thể hiện tinh thần Dắc-den
 Trong con người oai vệ của tôi;
 Tiếng sấm những cú đánh mạnh của tôi,
 Ngay lập tức sẽ cho ông thấy rõ,

1* – "Abend - Zeitung"

Tôi có thể làm được nhiều điều.
 Ông cũng sẽ không bị nhâm,
 Khi ông trở thành thợ phụ của tôi.

Dịch-phrít

Nào, ông chủ, tôi sẵn sàng
 Đứng vào hàng ngũ học trò của ông.

Thợ cả

Tôi sẽ giao cho Hen để học việc,
 Ông hãy thử sức mình trong truyện ngắn.

Dịch-phrít

A, nếu dưới sức ép
 Của những bao tay này
 Những cây sồi nghiêng xuống hát đồng ca,
 Chú gấu ngã phủ phục
 Và nếu tôi có thể
 Quạt đổ con bò xuống đất,
 Lẽ nào tôi không nâng được
 Sức nặng một chiếc búa con?
 Tôi sẽ không cho dạy tôi
 Một khoảnh khắc nào;
 Đủ với tôi rồi việc học,
 Ta ở đây là chủ - tự mình ta!
 Hãy đưa cho ta sắt,
 Ta bẻ nó làm đôi!

Chỉ tiếng ồn ào sẽ lan khắp rừng,
 Đấy chính là tài nghệ!

Tê-ô-do Hen

Này, ông ơi, kẻ tặc tưu, ở đấy im đi nào!
 Hay là tôi sẽ đánh ông, như ông đập sắt!

Dịch-phrít

Người còn ba hoa gì nữa,
 Sao người phát khùng như vậy?
 Người sẽ biết ta trong nháy mắt,
 Hãy ném thử nắm đấm của ta!

Tê-ô-do Hen

Cứu với! Ôi!

Thợ cả

Bạn tử tế ơi,
 Sao bạn đánh anh em mình?
 Bước, cút nhanh khỏi đây.
 Hay là tôi sẽ cho anh hai cái bạt tai!

Dịch-phrít

Người tự nhận lấy, nếu muốn đánh nhau!

(Vật ngã thợ cả)

Thợ cả

Ôi, đau, đau! v.v..

(*Dích-phrít đi vào rừng đánh con rông và, sau khi trở lại, đánh thợ cả, đuổi thợ bạn rồi đi ra*).

III

Trong rừng

Dích-phrít

Tôi lại nghe sau các bụi cây
Cuộc vật lộn của hai kẻ thù.
Họ đấ - thật đúng là ngốc,
Người này sẽ không nhường người kia điều gì!
Tôi nghĩ tôi sẽ gặp hai kẻ khổng lồ,
Siết chặt những cây thông bằng gọng kìm đôi tay,
Còn đây - hai kẻ mọt sách gầy còm
Quảng sách đi, như những nhà thể dục.

(*Lê-ô và Mi-sơ-lê đi vào*)

Lê-ô

Nào, hỡi con chó, chàng Hê-ghen con, hãy đến gần đây!

Mi-sơ-lê

Kẻ kiên thành, chính người là cú vọ con!

Lê-ô

Người sẽ nhận kinh thánh vào đầu!

Mi-sơ-lê

Còn người - một tập Hê-ghen vào má!

Lê-ô

Ta thì ném Hê-ghen vào trán người.

Mi-sơ-lê

Ta sẽ dùng kinh thánh đánh gục cái đầu cứng của người!

Lê-ô

Người muốn gì? Người từ lâu đã là xác chết!

Mi-sơ-lê

Không, người đã bị giết, hãy hiểu, dù người có ngốc!

Dích-phrít,

Các bạn ơi, các bạn tranh cãi điều gì?

Lê-ô

Kìa chàng Hê-ghen con vô thần
Cầm kinh thánh mà lại nghi ngờ;
Lời răn không có hại cho ông ta!

Mi-sơ-lê

Đồ ngốc nói hồ đồ không biết ngượng,
Anh ta không kính nể Hê-ghen!

Dích-phrít

Nhưng các người ném vào nhau không lựa chọn
Những thứ tiềm ẩn nguyên nhân mối bất hòa ư?

Lê-ô

Không quan trọng, anh ta không phải người Cơ Đốc giáo!

Mi-sơ-lê

Tôi đáng giá hai người như hấn,
Hấn bép xép chuyện nhảm nhí vô nghĩa.

Dích-phrít

Mặc mỗi người tiếp tục con đường mình,
Song ai là người mở đầu cuộc tranh cãi?

Lê-ô

Thú thật - là tôi! Thế nổi nhục ở đây là gì?
Tôi đã chiến đấu vì Chúa và được Chúa nâng đỡ.

Dích-phrít

Nhưng người cưỡi con ngựa thọt,
Và, sao nó không cứu học thuyết Hê-ghen,
Như người không cứu đạo Cơ Đốc.
Và không có người nó sẽ sống gan dạ,
Còn người, hãy tìm cho mình công việc khác!
Nhưng người đừng hoài công thử thách Chúa
Bằng sự điên rồ của người!
Các người đi từ đây bằng con đường khác nhau,
Và các người hãy vút toàn bộ điều gàn dở ra khỏi đầu!
(*Lê-ô và Mi-sơ-lê tản ra hai phía khác nhau*).

Dích-phút

Ta chưa gặp sự giận dữ như vậy
Ở những người sốt sắng nghiên cứu khoa học:

Lúc thì Hê-ghen bay trong không khí,
Khi thì kinh thánh kể những vòng tròn!
Song bị cái dối lòi kéo,
Ta hướng con đường vào thung lũng,
Có thể, ở đây ta sẽ tìm thấy nhà,
Nơi ta ngủ giấc ngủ bình yên,
Hoặc đơn giản sẵn được nhiều môi.

Đấy là tất cả những thứ gửi cho cậu. Tôi đã bỏ qua những đoạn miêu tả hành động, chỉ chép lại phần mở đầu và những điểm trào phúng. Đây là bài mới nhất tôi vừa viết, giờ đây cần phải chuyển sang vua xứ Ba-vi-e, nhưng tình hình ở đây không tốt. Câu chuyện không có sự kết thúc và mở đầu. Đề nghị Vuốc-mơ chấp nối những dòng thơ trong "Musenalmanach"^{1*}. Tôi dừng bút vì bưu điện sắp chuyển thư đi.

Phri-đrích Ăng-ghen của cậu

Ngày 1 tháng Năm 1839

Công bố lần đầu dưới dạng trích đoạn trong tạp chí "Die neue Rundschau", 9. Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn tiếng Đức*

1* – "Deutscher Musenalmanach"

16
GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở BÁC-MEN

[Brè-men], 28 tháng Tư 1839

Ma-ri-a thân mến!

Hôm nay ngay cả em cũng chỉ nhận được bức thư ngắn thôi, vì anh còn phải viết nốt vở kịch vui mà anh muốn gửi cho các em. Chuyện mấy ngày ấy ăn hết những sáu khay bánh ngọt hạnh nhân là chuyện hoàn toàn có thật, còn tin hay không là tùy em, nhưng ở đây họ gồm 600 người cơ đấy.

Còn về chuyện em bị nổi mày đay thì em phải như thế mới được, lúc nào em cũng ngứa ngáy tay chân, thích làm những điều dại dột, giờ thì em ngồi đấy mà gãi cho thích. Em đã và vẫn là một cái máy gãi cũ rích.

Anh muốn khuyên em một điều không nên để giấy trắng lại trong thư vì anh sẽ lợi dụng những trang giấy ấy để tập vẽ tranh biếm họa.

Dios^{1*}, Ma-ri-a thân mến của anh.

Anh *Phri-đrich* của em

1* – Tạm biệt

Những chữ viết ngoáy này được gọi là chữ tốc ký.
Thay áo quần. Kịch vui một màn dành cho Ma-ri-a.

Cảnh thứ nhất

Căn phòng chung, mẹ ngồi bên bàn, chơi với Ê-min^{1*} và Hét-vi-ga^{2*}. Ma-ri-a ngồi bên lò sưởi đọc sách; Ru-đôn-phơ^{3*} chạy khắp phòng và trêu chọc mọi người.

Mẹ. – Ma-ri-a đừng đọc nữa con. Sách này không phải để cho con đâu. Con toàn đọc những thứ không cần cho mình.

Ma-ri-a. – Mẹ ơi, chỉ còn một chuyện nữa thôi, rồi con trả lại sách cho mẹ!

Ê-min. – Mẹ ơi, từ kevatroze nghĩa là gì hở mẹ?

Mẹ. – A, cái đó có nghĩa là quatorze, 14, từ này con học lâu lắm rồi cơ mà. Không được quên mọi thứ nhanh như thế. - Hét-vi-ga! Con với cái suốt ngày chạy theo con Ma-ri-a rồi đánh nhau với Ru-đôn-phơ. Hét-vi-ga! Có tìm ngay việc gì hữu ích mà làm đi không nào? Hôm nay các con diên hết cả rồi!

(An-na^{4*} và Lau-ra Cam-péc-man đi vào)

An-na. – Mẹ ơi, chúng con xong mọi việc rồi, bây giờ chúng con lên gác thay quần áo đây, đấy chúng con làm thế đấy.

Mẹ. – Được rồi, nhưng các con đừng làm ồn đấy nhé.

Hét-vi-ga. – Mẹ ơi, con không giải được bài toán này.

1* Ê-min Ăng-ghen

2* Hét-vi-ga Ăng-ghen

3* Ru-đôn-phơ Ăng-ghen

4* An-na Ăng-ghen

Mẹ. – Con suy nghĩ thêm tý nữa đi. Có lần mẹ đã giải bài toán ấy với con rồi cơ mà. Con đãng trí quá đấy!

Hét-vi-ga (khóc) – Nhưng con không giải được!

An-na. – Mẹ ơi, mẹ cũng sẽ thay áo quần chứ?

Mẹ. – Con nói gì vậy? Con đi đi, để mẹ yên. Suốt ngày mẹ, mẹ.

Thật không chịu nổi nữa rồi.

An-na. – Mẹ ơi, mẹ có định... không đấy?

Mẹ. – Ừ có, các con đi ngay chỗ khác đi.

(An-na và Lau-ra ríu rít hò reo vui vẻ ra khỏi nhà).

Ma-ri-a. – Sách của mẹ đây. Con đã đọc xong truyện này rồi, con cũng muốn thay quần áo. Mẹ bảo con nên mặc gì nào?

Mẹ. – Thế đấy. Mẹ vừa bảo An-na đừng làm ồn, thế mà bây giờ lại đến con?

Ru-dôn-phơ (ngã xuống sàn). – Ôi mẹ ơi, mẹ (khóc).

Mẹ. – Con làm sao vậy? (bà ta bước tới chỗ Ru-dôn-phơ).

Ê-min. – Mẹ ơi, câu này có nghĩa gì hở mẹ?

Hét-vi-ga. – Mẹ này, đây là một con số, nhưng nó kỳ quặc thế nào ấy.

Mẹ. – Các con có im ngay không nào? Đứa nào cũng làm ồn. Mẹ không chịu nổi nữa rồi!

Ê-min. – Mẹ ơi, mẹ giúp con nào! Ối mẹ ơi, mẹ, con phải đi vệ sinh.

Mẹ. – Nào thì đi đi.

Ma-ri-a. – Mẹ ơi, có thật là mẹ cũng định thay quần áo không?

Mẹ. – Cậu ngốc của mẹ, con có còn đau không hả Ru-dôn-phơ?

Hét-vi-ga. – Ôi mẹ ơi, đầu con sưng lên bằng nắm đấm rồi này. Mẹ ơi, thế con số này là số gì hở mẹ?

Ma-ri-a. – Ừ, nhưng con còn phải thay áo quần cơ mà.

An-na (đi vào) – Mẹ ơi, Lau-ra ngồi trong buồng vệ sinh, còn Ê-min thì đứng ngoài, hét toáng lên và đập cửa thình thình ấy.

Mẹ. – Thế con vẫn còn đứng đấy à! Mẹ còn bận việc.

Lu-i-da (đi vào). – Thưa bà, Ven-đen đi ra ngoại thành, bà có cần gì không ạ?

Mẹ. – Vâng, để tôi nghĩ đã. Các con hãy im nào. Ru-dôn-phơ, thôi con đừng khóc nữa.

Ma-ri-a. – An-na, chẳng lẽ mẹ không nói rằng mẹ cũng sẽ thay áo quần sao?

An-na. – Thưa mẹ, mẹ đã hứa rồi mà.

Ma-ri-a. – Các em có yên đi không nào. Ra khỏi đây hết đi.

Ê-min (vừa đi vào vừa khóc). – Ôi, mẹ ơi, mẹ, chị Lau-ra không để cho con vào buồng vệ sinh, thế là con... thế là con... đã bình... ra...

Tất cả mọi người: Nó đã bình ra đây quần rồi.

Mẹ. – Chỉ còn thiếu nước này nữa thôi. Chẳng lẽ không để cho mẹ được một phút yên tĩnh hay sao? ồn ào như võ chợ ấy (cầm roi vào tay). Này thì con, Ê-min, một, hai, ba, con An-na, con Ma-ri-a, cút khỏi đây ngay. Lui ra hết để Ven-đen vào.

(Hai cái mặt nạ đi vào, một nam, một nữ.)

Mẹ. – Ai thế này? Lại chuyện gì vậy?

(Người đàn ông tiến về phía mẹ và nhẹ nhàng gỡ chiếc roi ở trong tay mẹ ra. Tất cả nhảy lên, về mặt đây khoái trá. Người phụ nữ đứng sát vào mẹ và đeo kính lên mũi mẹ.)

Mẹ. – Con gái ngốc ạ, làm thế chúng nó sẽ cười mẹ đấy. (Ven-đen

đi vào). Ven-đen, hãy đem bức thư này ra bưu điện. Đây là thư gửi nhà Clê-néc-xơ. Tiền thì gửi cho ông thợ may Huy-néc-bai. Có thể thôi (Ven-đen ra khỏi nhà. Mẹ đeo kính vào rồi ngồi xuống). Ê-min, vào ngay trong nhà nhờ rửa ráy sạch đi.

(Mấy người đeo mặt nạ, một tay túm lấy Ê-min đang đứng há miệng và thét oang oang, tay kia đâm thùm thụp vào thẳng bé và kéo nó ra cửa).

Hét-vi-ga. – A mẹ ơi, bây giờ con mới biết, con đã giải vượt mức những hai bài cơ đấy. Hoan hô!

Ma-ri-a. – Mẹ ơi, mẹ nghe con nói đây. Mẹ sẽ thay quần áo với chúng con chứ?

Mẹ. – Lạ nhỉ, lại còn thế nữa cơ à!

Ma-ri-a. – Đây mẹ, con sẽ nói với mẹ vài điều (thì thảm chuyện gì đó vào tai mẹ).

Mẹ. – Không, điều đó không thể được.

Ma-ri-a. – Mẹ ơi, điều đó hoàn toàn có thể được, và mẹ sẽ thấy điều đó bây giờ.

(Tất cả đi ra).

(Hai giờ sau, Hét-vi-ga mặc chiếc áo khoác của Ru-đôn-phơ, còn Ru-đôn-phơ thì mặc chiếc áo khoác của Hét-vi-ga, cả hai đeo mặt nạ mà hai đứa buộc cho nhau. Sau đó tất cả những người còn lại ăn mặc rất ngộ nghĩnh lần lượt đi vào).

Héc-man^{1*}. - A Au-gu-xtơ^{2*}, em có cái mũi dài nhất. Giôn, xem này, em có râu nữa, hệt như râu Phrít-xơ của chúng ta hồi nào ấy.

1* – Héc-man Ăng-ghen

2* – Au-gu-xtơ Ăng-ghen

Au-gu-xtơ. - Em cũng có đôi má xanh kỳ lạ và râu bạc, còn mũi của em thì đỏ chót.

Ma-ri-a. – Các em xem này, Lau-ra, chị đã trở thành cậu bé đáng yêu như thế này. Còn em thì nhỏ nhắn, trẻ trung, chị chỉ lớn hơn em một ít... cả mũi của chị cũng lớn hơn.

(Mẹ bước vào trên mình mặc chiếc áo khoác cũ, ngoài choàng chiếc áo thụng bằng lông thú của cha, trên đầu đội mũ bo nê, ngoài phủ thêm chiếc mũ ngủ chóp nhọn, kính đeo trẻ xuống mũi).

Tất cả reo lên: – Ô mẹ, mẹ.

Héc-man. – Au-gu-xtơ, đấy không phải là mẹ của anh!

Mẹ. – Bé con có im không nào? Các con hãy ngồi cả vào bàn chùng nào ông ấy chưa tới.

(Ngừng một lát. Bó bước vào, với vẻ mặt hết sức ngạc nhiên nhìn quanh, cuối cùng tất cả đều bỏ mặt nạ và hò hét vui vẻ chạy tới chỗ bố. Kết thúc: một cuộc ăn uống ồn ào).

Lẽ ra anh có thể tiếp tục câu chuyện này, nhưng anh e rằng không đủ thì giờ, vì chừng nửa tiếng nữa là xe thư sẽ đi rồi, do đó buộc anh phải dừng bút.

Anh của em
Phri-đrich

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

17

GỬI VIN-HEM GRE-BƠ Ở BÉC-LIN

[Brê-men, khoảng 28] - 30 tháng Tư [1839]

Guglielmo carissimo!

1*

Nếu cậu không muốn phê phán "Thánh Ha-no-rơ", Phlo-ri-đa"^{2*}

1* – Gu-li-en-mô vô cùng thân mến! (tiếng I-ta-li-a). Bức thư của cậu tôi tìm thấy trong số thư của những người khác, và lời lẽ của nó ngọt ngào đối với tôi. Nhưng tôi không thể thừa nhận việc xét xử và kết án năm sinh viên là chính thức hoặc có thẩm quyền. - Vì đó là sự lịch thiệp từ phía tôi, khi tôi gửi những bài thơ cho các cậu trong những bức thư của tôi (tiếng Hy Lạp)

2* Xem tập này, tr.522-526.

và "Bão táp", thì cậu không đáng được một câu thơ nào; việc tin vào debilitatis ingenii abhorret ab usata tua yeriloquentia. Meam quidem mentem ad juvenilem Germaniam se inclinare, haud nocebit libertati; haec enim classis scriptorum non est, ut schola romantica, demagogia, et cet., societas clausa, sed ideas saeculi nostri, - emancipationem judaeorum servorumque, constitutionalisumum generalem aliasque bonas ideas in succum et sanguinem populi. Teutonici intrare volunt tentantque. Quae quum ideae haud procul sint a directione animi mei, cur me speparare? Non enim est, quod tu dicis: phục tùng một khuynh hướng nào đó, sed: liên kết; sequitor a continuation in my room, and in writing a polyglottic letter, I will take now the English language, ma no, il mio bello Italiano, dolce e soave, come il zefiro, con parole, somiglianti alle flori del più bel giardino, y el Espanol, lingua como el viento en los árboles, e o Portuguez, como as olas da mar em riba de flores e prados, et le Français, comme le murmure vite d'un font, très amusant, en de hollandsche taal, gelijk den damp uijt eener pijp Tobak, zeer gemoedlijk^{1*}; nhưng tiếng Đức thân mến của chúng ta - đó là tất cả gộp chung lại:

1* - ... sự yếu đuối về tinh thần không ăn nhập với sự chính trực thông thường của cậu. Việc tinh thần của tôi ngã theo hướng phái "Nước Đức trẻ"⁵ sẽ không phương hại đến tự do, vì nhóm nhà văn này, khác với trường phái lãng mạn, mỉa dân v.v. ở chỗ họ không phải là một hội biệt lập; họ muốn và họ tìm cách làm cho những tư tưởng của thời đại chúng ta - giải phóng người Do Thái và nô lệ, chế độ hiến pháp phổ biến cùng những tư tưởng tốt đẹp khác - đi vào máu thịt của nhân dân Đức. Vì những tư tưởng đó không bất đồng với chiều hướng tinh thần của tôi, nên vì sao tôi phải tách khỏi chúng? Vì rằng vấn đề không phải - như cậu nói - là phục tùng một khuynh hướng nào đó mà là liên kết; phần tiếp theo (tiếng la-tinh) sẽ diễn ra tại phòng tôi, và vì tôi viết một bức thư bằng nhiều thứ tiếng, nên giờ đây tôi viết tiếp bằng tiếng Anh (tiếng Anh), - hay là thôi, tôi chuyển sang viết tiếp bằng tiếng I-ta-li-a tuyệt vời, một thứ tiếng dịu dàng và dễ chịu như những luồng gió nhẹ, với những từ ngữ giống như hoa trong khu vườn thượng uyển (tiếng I-ta-li-a) rồi lại chuyển

Tiếng nói đầy âm hưởng của Hô-me giống sóng biển,
 Ê-si-lơ ném hết lên đá này đến lên đá khác từ đỉnh xuống
 thung lũng.
 Tiếng nói của Rô-ma - lời nói của Xê-da hùng mạnh trước
 quân đội:
 Mạnh dạn cầm những hòn đá - những lời từ đó ông dựng lên,
 Chông lóp này lên lóp khác, những dãy lâu đài cự đại.
 Tiếng nói đàn em của người I-ta-li-a ghi dấu sự mỹ miều hiền
 dịu,
 Đưa nhà thơ đến khu vườn miền nam tráng lệ nhất.
 Nơi Pê-tơ-rác-ca hái hoa, nơi A-ri-ô-xtô lạc lõng.
 Còn tiếng Tây Ban Nha! Bạn nghe như gió mạnh
 Kiêu hãnh ngự trị trên ngọn sỏi xum xuê,
 Từ đó những bài ca cổ tuyệt diệu xào xạc đón chúng tôi,
 Những chùm quả dây leo quấn thân cây đung đưa trong bóng
 mát.
 Tiếng sóng êm đập lên bờ nở hoa - là tiếng Bồ Đào Nha:
 Nghe trong nó tiếng rên rỉ của nữ thần sông gió thoảng đưa đi.
 Tiếng Pháp, giống con suối ngân vang, vội vã chạy,
 Bằng con sóng không ngơi nghỉ mài nhẵn hòn đá bướng bỉnh.
 Tiếng Anh cổ là đài kỷ niệm hùng hậu của các tráng sĩ,
 Được mọi ngọn gió vây quanh, mọc đầy cỏ dại;
 Bão táp gào thét và găm rít, cố lật nhào nó nhưng không
 thành.
 Tiếng Đức ngân vang như sóng đập âm ào

sang tiếng Tây ban Nha, một thứ tiếng nói giống như gió rì rào trong rừng cây (tiếng Tây Ban Nha) và lại chuyển tiếp sang tiếng Bồ Đào Nha, một thứ tiếng nói giống như những tiếng sóng biển gội vào bờ nơi phủ kín hoa và những bãi cỏ (tiếng Bồ Đào Nha), rồi chuyển sang tiếng Pháp, một thứ tiếng giống như tiếng nước róc rách rợn rã của con suối nhỏ đáng yêu (tiếng Pháp), và lại chuyển sang tiếng Hà Lan, một ngôn ngữ giống như khói từ tàu thuốc lá tuôn ra lững lờ trong không khí, nó đắm đắm làm sao! (tiếng Hà Lan).

Lên bờ san hô của hòn đảo có khí hậu diệu kỳ.
 Ở đấy vang tiếng sỏi những con sóng rờ rệt của Hô-me,
 Ở đấy những núi đá khổng lồ của Ê-si-lơ thức tỉnh tiếng vọng,
 Ở đấy ta sẽ tìm thấy những khối nhà khổng lồ.
 Và cũng ở đấy tìm thấy những loài hoa cao thượng nhất trong
 các khu vườn thơm hương.
 Ở đấy ngọn những cây rợp bóng rì rầm hài hòa;
 Ở đấy nữ thần sông khẽ rên rỉ; đá được dòng chảy mài nhẵn,
 Các công trình của những tráng sĩ cổ đại vươn lên trời.
 Đó là tiếng Đức vĩnh cửu và pháp phối niêm vinh quang.

Những câu thơ lục ngôn này tôi viết ứng khẩu; mong chúng sẽ
 làm cho điều vớ vẩn ở trang trước trở nên dễ hiểu hơn đối với cậu.
 Có điều cậu nên xét đoán chúng với tư cách là thơ ứng khẩu.

Ngày 29 tháng Tư. Tiếp tục một cách nhất quán bức thư của
 mình, tôi xác định rằng thời tiết hôm nay tuyệt diệu, cho nên chắc
 là các cậu - *posito caso aequalitatis temporalis*^{1*} - hôm nay hoàn
 toàn chính đáng bỏ tất cả mọi bài giảng để đi chơi. Tôi muốn đi
 cùng với các cậu. - Có thể tôi đã viết cho các cậu rằng tôi, dưới cái
 tên Tê-ô-đô Hin-dê-bran-đơ, đã đưa báo "Bremer Stadtbote", giở
 đây tôi đã chia tay với nó bằng bức thư sau đây:

"Người đưa tin", hãy nghe đây, đừng giận,
 Việc ta chế giễu mi lâu;
 Đáng đời mi bị ta giễu cợt.
 Vì mi đã làm những điều gàn dở.
 Mây đen đặc lại quanh đầu mi
 Từ khi mi đảm nhận làm người đưa tin;
 Ta luôn luôn buộc mi
 Phải nhai lại những điều tự mi đã nói.
 Khi ta cần các đề tài,

1* - phỏng đoán thời tiết giống nhau

Ta luôn lấy nơi mi, bạn thân yêu của ta.
 Và lấy lời mi ta làm những trường ca
 Trong đó ta chế giễu mi;
 Mi mà làm chúng mất vắn, bỏ tiết tấu của hệ thống. -
 Thì qua chúng mi lập tức nhận biết bộ mặt của mi.
 Giờ đây giá như phần nộ xâm chiếm mi,
 Mi hãy chửi ta, người luôn sẵn sàng giúp một tay.

*Hin-dê-bran-đơ*²⁴²

Giá như cậu cũng bắt tay vào viết lách một tý thì hay: có thể làm thơ hoặc viết văn xuôi, rồi gửi cho báo "Berliner Conversations - Blatt", nếu nó còn tồn tại, hoặc cho báo "Gesellschafter". Sau này cậu có khả năng tiến xa hơn, lúc đó sẽ viết được những truyện ngắn, tạm thời hãy gửi in trên tạp chí, rồi sau đưa in riêng, dần dần có tên tuổi sẽ được nổi tiếng là người kể chuyện thông minh, sắc sảo. Tôi lại được thấy các bạn: Hoi-dơ là nhà soạn nhạc vĩ đại, Vuốc-mơ là người viết những công trình nghiên cứu thâm thúy về Gơ-tơ và về sự phát triển tinh thần của thời đại chúng ta, Phrít-xơ trở thành nhà thuyết giáo nổi tiếng, Gioong-hau sáng tác những bài trường ca tôn giáo, cậu thì viết những truyện ngắn và những bài phê bình sắc sảo, còn tôi sẽ trở thành nhà thơ thị thành của xứ Bác-men, người phó - của trung ury Xi-môn-xơ, một người có mặt cảm bị xúc phạm (ở Cle-vơ). Tôi còn có một bài thơ cho cậu - bài ca dành cho tạp chí "Musenalmanach"^{1*}, nhưng tôi không còn đủ hứng ngồi chép lại nó một lần nữa. Có thể, tôi sẽ viết một bài nữa. Hôm nay (30 tháng Tư) nhân khi thời tiết tuyệt diệu tôi đã ngồi ngoài vườn từ bảy giờ đến tám giờ rưỡi sáng, hút thuốc và đọc "Trường ca Lu-di-át"²⁴³ trong lúc chưa đến giờ tối văn phòng. Không đâu

1* - "Deutscher Musenalmanach"

ngồi đọc thoải mái như trong vườn, vào lúc sáng sớm mùa xuân quang đãng, với cái tẩu trong miệng, và được mặt trời sưởi ấm lưng. Trưa hôm nay tôi sẽ tiếp tục công việc này với Tơ-ri-xtan Đúc cổ và những suy luận dễ thương của ông ta về tình yêu, tối nay tôi sẽ đến hâm rượu trong tòa thị chính. Tại đây sẽ được ông mục sư của chúng ta đãi rượu vang vùng Ranh mà ông thị trưởng mới^{1*} trao cho ông ta theo thể thức công vụ. Trong những lúc thời tiết khác thường này tôi buồn nhớ vô tận vùng Ranh và những vườn nho của nó, nhưng ở đây ta làm gì được? May ra có thể làm được mấy khổ thơ. Tôi sẵn sàng đánh cuộc là V.Blăng-cơ đã viết cho các bạn rằng mình là tác giả những bài viết trên báo "Telegraph"²⁴⁴, và chính vì thế các bạn đã rửa chúng như vậy.

Sự việc xảy ra ở Bác-men. Đó là việc gì - chắc cậu thừa sức đoán được rồi^{2*}.

Tôi vừa nhận được thư của V.Blăng-cơ báo cho biết rằng bài viết đã gây xôn xao dư luận rất dữ ở En-bơ-phen-đơ, tiến sĩ Runken chửi nó trên báo "Elberfelder Zeitung" và chỉ trích tôi là không chân thật; tôi đề nghị ông ta chỉ ra dù chỉ một chỗ không chính xác trong bài viết ấy - ông ta không làm được việc đó, vì tất cả những điều dẫn ra trong bài báo đều dựa trên những sự thực tôi biết được qua những người đã từng chứng kiến sự việc. Blăng-cơ đã gửi đến cho tôi số báo đó, tôi lập tức chuyển ngay cho Gút-xcốp và dặn cậu ta từ nay trở đi phải giữ bí mật tên tôi²⁴⁵. Cách đây không lâu Crum-ma-khơ đã tuyên bố trong bài thuyết giáo của mình rằng trái đất bất động, còn mặt trời thì xoay quanh trái đất, và ngày 21 tháng Tư 1839 gã này lớn

1* - mục sư Ghê-oóc Gốt-phrít Tơ-rê-vi-ra-nút; thị trưởng I. Đ.Nôn-te-ni-út

2* Xem tr.580. Trong nguyên bản, hình vẽ ở trước những từ này.

tiếng tuyên bố những điều tương tự như vậy, đồng thời khẳng định rằng phái kiên thành⁹ không đưa thế giới trở về thời trung cổ^{1*}! Thật nhục nhã! Cần phải tống cổ gã ấy đi kẻo ông ta lúc nào đó sẽ trở thành giáo hoàng, trước khi cậu kịp ngoài lại, nhưng sau đó sét sẽ đánh chết ông ta. Dios lo sabe, có trời biết còn điều gì sẽ xảy ra với Vúp-pơ-tan. Adios. Mong cậu trả lời gấp, nếu không thì từ nay trở đi tôi sẽ không làm thơ gửi cho cậu nữa.

Phri-đrich Ăng-ghe-n

Công bố lần đầu dưới dạng trích đoạn trong tạp chí "Die neue Rundschau", 9. Heft. Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit" Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* Xem tập này, tr. 19.

18
GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở BÁC-MEN

Brê-men, 23 tháng Năm 1839

Ma-ri-a thân mến!

Hồi này chủ nhật nào anh cũng phóng ngựa đi thật xa với R.Rốt. Thứ hai trước bọn anh mới đi Vê-ghê-dác và Bluy-mentan về, vừa lúc tụi anh nảy ra ý định ghé thăm Thụy Sĩ thuộc Brê-men nổi tiếng (đó là một vùng đất rất nhỏ với những đụn cát xinh xinh), thì bỗng nhiên xuất hiện một đám bụi lớn trông như mây đen và chỉ 5 phút sau trời bỗng tối sầm lại, thế là bọn anh mất luôn cả ý định ngắm cái gọi là cảnh đẹp. - Nhưng sang ngày thứ hai lễ Chúa ba

I-an Cru-xbê-cơ

ngôi thì trời ở đây tuyệt diệu. Dân chúng ai nảy ra hết vùng ngoại thành, trong Brê-men yên tĩnh như chết, còn phía ngoài cổng thành thì xe cộ như nước người ngựa như nêm. Bụi bặm mù mịt, vì trên mặt đường cát ngập đến đầu gối và dĩ nhiên lớp cát ấy cứ cuộn cuộn mà bốc lên không khí. Người môi giới vừa vào, ông ta tên là I-an Cru-xbê-cơ, anh vẽ ông ta ra đây cho em xem.

Ông ta trông hệt như ở đây, mắt ông ta như hai vệt pháo thăng thiên và trên môi ông ta thường xuyên nở một nụ cười đau buồn. Adieu^{1*}.

Anh *Phri-đrich* của em

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

19 GỬI VIN-HEM GRE-BƠ Ở BÉC-LIN

[Brê-men], 24 tháng Năm - 15 tháng Sáu [1839]

My dear William!^{2*}

Hôm nay đã là ngày 24 tháng Năm, thế mà chưa nhận được của các bạn một dòng nào. Và đáp lại, các bạn sẽ chẳng nhận được dòng thơ nào đâu. Tôi không hiểu được các bạn. Nhưng dù sao cậu hãy nhận những tin ngắn về văn học hiện đại nhé.

Toàn tập các tác phẩm của Lút-vích Bóc-nơ. Tập I và II. "Những trang kịch"²⁴⁶. - Bóc-nơ, một chiến sĩ lớn đấu tranh cho tự do và quyền lợi, xuất hiện ở đây trong lĩnh vực mỹ học. Và

1* – Tạm biệt.

2* – Uy-li-am thân mến của tôi!

cả ở đây cũng cảm thấy vững tin; tất cả những điều ông nói, thật rành mạch và rõ ràng, thấm sâu ý thức đúng đắn về cái đẹp và được chứng minh có sức thuyết phục đến mức không thể có chuyện phản bác. Tất cả những tư tưởng đó thấm dẫm những dòng thác trí tuệ sắc sảo tuyệt vời, và hệt như những lên đá, lúc chỗ này, lúc chỗ kia nổi lên những tư tưởng tự do hùng mạnh và sắc bén. Đa số những bài phê phán đó (được sưu tập thành sách) đã được viết ngay tức thì khi xuất hiện những vấn đề được phân tích trong những bài viết ấy, nghĩa là vào lúc sự phê phán nhằm đánh giá chúng đang còn mờ mẫm, mù quáng và thiếu tự tin, nhưng Bóc-nơ vẫn nhìn thấu suốt và đi sâu vào những động cơ thâm kín nhất của hành động. Công trình tốt nhất của ông là bài khảo luận phê bình tác phẩm "Te-ơ" của Si-ơ²⁴⁷. - Bài viết này đi ngược với quan điểm thông thường về vấn đề đó và đã hai mươi năm mà vẫn không một ai bài xích nổi nó, vì không thể bác bỏ được nó. - Các bài "Các-đê-ni-ô" và "Hô-phơ" của Im-mơ-man, "I-xi-đo và Ô-n-ga" của Rau-pa-khơ, "Hội chợ len" của Clau-ren, là những bài liên quan tới các việc khác cần quan tâm, "Hải đăng" và "Bức tranh" của Hao-oan²⁴⁸ mà ông ta tiêu diệt đến mức chúng không còn gì, hoàn toàn không còn gì, và "Hăm-lét" của Sếch-xpia! Trong tất cả các lĩnh vực, Bóc-nơ tỏ ra là một người vĩ đại đã khơi mào cho cuộc đấu tranh giữa các kiến giải, một cuộc đấu tranh tiềm ẩn vô số hậu quả, và hai tập ấy đã đủ để đảm bảo cho Bóc-nơ có vị trí bên cạnh Lét-xinh; nhưng ông đã trở thành Lét-xinh ở một lĩnh vực khác, cầu mong sao cho sau ông xuất hiện một Gơ-tơ khác mà Các-ơ Béch là đại biểu!

"Đêm. Những bài ca sắt thép" - của Các-ơ Béch

Ta là (Xun-tan) mộng muội, mãnh liệt;

Sức mạnh các bài ca sắt thép của ta đáng sợ.

Đau khổ đặt quanh trán của ta

Chiếc khăn xếp với những nếp gấp bí ẩn^{1*}.

Nếu những hình tượng tương tự như vậy đã gặp trong khổ thứ hai trong phần nhập đề, thì chúng ta sẽ tìm được gì trong bản thân quyển sách^{22?} Nếu trong đầu óc của người thanh niên hai mươi tuổi lảng vảng những ý nghĩ như thế thì đáng trọng phu lão luyện này sẽ tạo cho chúng ta những bài ca như thế nào? Các-lơ Béch là một tài năng thơ ca mà từ thời Si-lơ chưa có ai sánh kịp. Tôi thấy một sự giống nhau đáng kinh ngạc giữa bài "Kẻ cướp" của Si-lơ và "Đêm" của Béch: cũng tinh thần yêu tự do nồng nhiệt ấy, cũng có tưởng tượng không kìm nén được ấy, cũng nhiệt tình tuổi trẻ ấy, cũng những lỗi lầm ấy. Trong bài "Kẻ cướp", Si-lơ vượt tới tự do, chúng là sự báo trước nghiêm túc cho thời đại của ông, thời đại thấm sâu sự quy lụy; nhưng lúc ấy nguyện vọng như thế chưa thể tiếp nhận được những đường nét cụ thể, giờ đây thông qua nhóm "Nước Đức trẻ"¹⁵ chúng ta đã có một phương hướng xác định, có hệ thống: Các-lơ Béch phát biểu và lớn tiếng kêu gọi những người cũng thời thừa nhận và đi theo phương hướng ấy. *Benedictus, qui venit in nomine Domini*^{2*}.

"*Thi sĩ lãng du*". *Thơ của Các-lơ Béch*²⁹. Tiếp theo quyển sách thứ nhất, nhà thơ trẻ đã xuất bản quyển sách thứ hai không may mắn thua kém quyển thứ nhất về mặt ảnh hưởng, về quan điểm tư tưởng, về sự phát triển trữ tình và về cả chiều sâu, so với quyển thứ nhất nó còn cao hơn hẳn về hình thức tuyệt vời và về tính kinh điển. Từ bài "Sáng tạo" trong tập thơ "Đêm" đến những bài xon-nê về Si-lơ và Gơ-tơ trong tập thơ "Thi sĩ lãng

du" có một sự tiến bộ biết chừng nào! Gút-xốp cho rằng hình thức của bài xon-nê làm tổn thương tới ấn tượng về một chỉnh thể, còn tôi sẵn sàng khẳng định rằng bài xon-nê kiểu Sếch-xpia như vậy đối với dạng thơ độc đáo ấy đúng là dạng trung dung thích đáng giữa khổ thơ sử thi và một bài thơ riêng lẻ. Đó không phải là trường ca sử thi, mà chỉ là trường ca thuần túy trữ tình gắn bó lỏng lẻo bằng sợi chỉ sử thi, còn lỏng lẻo hơn bài "Sai-đơ Ga-rôn" của Bay-rôn. Nhưng hạnh phúc cho người Đức chúng ta là đã có Các-lơ Béch.

"*Bla-dê-đốp và những đứa con của ông*". *Tiểu thuyết hài nước của Các Gút-xốp*⁶⁴. Tập I. Cơ sở của bộ tiểu thuyết ba tập này là ý tưởng về Đông - Ki-sốt hiện đại, ý tưởng mà người ta đã sử dụng không phải chỉ một lần, nhưng phần lớn lại xử lý quá tồi. Và tất nhiên chưa hoàn toàn tận dụng hết. Hình tượng Đông-Ki-sốt hiện đại đó (Bla-dê-đốp, một linh mục nhà quê) như nó được thể hiện theo ý đồ ban đầu của Gút-xốp là tuyệt vời, nhưng việc thể hiện có nhiều chỗ hoàn toàn không đạt. Dù sao, tiểu thuyết đó của Gút-xốp viết ở độ tuổi gần ba mươi (hơn nữa, nghe nói, tiểu thuyết viết xong cách đây ba năm) về mặt sức mô tả thua xa tác phẩm của Xéc-van-tét, sáng tác của một bậc trượng phu. Nhưng các nhân vật phụ - Tôi-bi-a-nút, xem ra cũng tương xứng với Xăng-sô Păng-xa, - các tình huống và ngôn ngữ thì tuyệt diệu.

Đấy chính là những lời bình luận của tôi gửi cho cậu, tôi sẽ tiếp tục khi nào cậu viết thư cho tôi. - Cậu có biết thư của các cậu đến vào ngày nào không? - Ngày mười lăm tháng Sáu! Còn những thư gần đây nhất thì nhận được vào ngày mười lăm tháng Tư! Có nghĩa là đúng hai tháng!. Chẳng lẽ như thế là tốt ư? Tôi khẩn thiết ra lệnh làm cho Vương-mơ mất mọi ảnh hưởng đối với việc gửi thư đi, nếu không thì tôi vĩnh viễn chấm dứt việc làm thơ gửi cho các cậu. Còn nếu thấy Vương-mơ không kịp viết, thì các cậu cứ gửi thư đi, không phải đợi cậu ta! Lẽ nào mười bốn

1* Trích bài thơ "Xun-tan" của Các-lơ Béch

2* - Cảm tạ đáng nhân danh Chúa mà đến.

ngày không đủ để viết cho tôi một bức thư bằng hai tờ gấp bốn hay sao? Xấu hổ quá đi thôi! Cậu lại không ghi ngày tháng, thế cũng không tốt. - Bài đăng trên báo "Telegraph" là sở hữu không thể tách rời của tôi, và V.Blăng-cơ hết sức thích bài ấy; ở Bác-men người ta cũng đánh giá rất cao bài này; ngoài ra báo "Athenäum" ở Nu-ren-be²⁴⁹ cũng có đăng tải trích dẫn với lời lẽ khen ngợi hết mức. Có thể trong bài ấy có một số điều phóng đại, nhưng xét toàn bộ nó phác họa ra một bức tranh đúng đắn về thực tế được xét dưới góc nhìn hợp lý. Tất nhiên, nếu tiếp cận bài báo này với ý kiến thiên vị rằng đó là bài viết mơ hồ, kém cỏi, thì ý kiến đó ắt phải là như vậy. - Những điều cậu nói về hài kịch là *justum*^{1*}.

Justus judex ultionis

Donum fac remissionis!^{2*}

Về thơ trữ tình ở chỗ các cậu thì im như tờ. Cần phải uốn nắn điều đó.

Các ứng cử viên của "Musenalmanach"^{3*}

1* – đúng.

2* – Thẩm phán chính trực, khi trừng phạt.

Chiếu cố ban ơn cho chúng ta!

3* – "Deutscher Musenalmanach"

Về *Lê-ô* và *Mi-sơ-lê* thì tôi chỉ biết toàn bộ câu chuyện dựa theo "Phái Hê-ghe-ling"⁴⁸ của Lê-ô và dựa theo một số tác phẩm luận chiến. Từ đó tôi được biết một điều sau đây: 1) *Lê-ô*, người mà theo chính lời kể của ông ta, đã mười một năm nay từ bỏ mọi thứ triết học, vì thế không còn có quan niệm gì về triết học cả; 2) ông ta tìm được sứ mệnh nghiên cứu triết học trong trí tưởng tượng vô tận và đáng khen của chính mình; 3) ông ta tấn công những kết luận mà do các đặc điểm của phép biện chứng của *Hê-ghe-ling*, tất yếu bắt nguồn từ những tiền đề được mọi người chấp nhận, thay vì tấn công phép biện chứng, còn khi đã không làm điều đó thì ông ta không được động chạm đến cả những kết quả; 4) ông ta chỉ trả lời những điều phản bác bằng những lời than thô bạo, thậm chí bằng lời chửi rủa; 5) ông ta coi mình cao hơn hẳn các đối thủ của mình, lên mặt một cách đáng ghét, còn ở trang tiếp theo lại làm dáng bằng sự nhẩn nhục vô hạn; 6) ông ta chỉ tấn công bốn người, nhưng làm như vậy vô hình trung ông ta tấn công toàn bộ trường phái không tách rời bốn người đó vì tuy *Gan-xơ* và những người khác đã chia tay với họ trong một số điểm, nhưng họ vẫn gắn chặt với nhau mật thiết đến mức *Lê-ô* hoàn toàn không chứng minh nổi rằng bất đồng của họ là to lớn; 7) tinh thần của báo "Evangelische Kirchen-Zeitung" mà Lê-ô bị nó xỏ mũi, toát ra toàn bộ sự phỉ báng của ông ta. Kết luận: Lê-ô giữ mồm giữ miệng thì tốt hơn. Những "thử thách vô cùng khốc liệt" là gì mà đã bắt Lê-ô lao vào cuộc chiến? Chẳng lẽ trong quyển sách của mình về *Guê-re-xơ*²⁵⁰ ông ta đã không tấn công họ, và hơn nữa tấn công còn dữ dội hơn ở trong bài "*Phái Hê-ghe-ling*"? Bất kỳ ai cũng có quyền tham gia cuộc tranh luận khoa học, miễn là đủ trí thức để làm việc ấy (Lê-ô có những tri thức ấy hay không?), nhưng ai muốn lên án thì người đó hãy coi chừng; nhưng mà Lê-ô có

làm việc đó hay không? Ông ta có cùng với Mi-sơ-lê lên án cả Mác-hai-nê-ke, người mà báo "Evangelische Kirchen - Zeitung" theo dõi từng bước đi, hệt như ông ta chịu sự giám sát của cảnh sát, - ở ông ta, có phải tất cả mọi điều đều chính thống hay không? Suy luận một cách nhất quán, Lê-ô lẽ ra phải lên án rất và rất nhiều người, nhưng ông ta không đủ dũng khí để làm việc đó. Người nào muốn tấn công trường phái Hê-ghen thì ít ra người đó phải ngang hàng với Hê-ghen và phải tạo ra được một nền triết học mới thay cho trường phái Hê-ghen. Trường phái này càng phát triển rộng ra làm cho Lê-ô cay cú. Còn những lời Su-bác-tơ ở Hiéc-sbéc-góp⁵³ công kích mặt chính trị của học thuyết Hê-ghen - chẳng lẽ chúng không giống lời a-men của ông thầy dòng đối với credo kiểu thầy tu của con sư tử Ha-lơ mà quả thật không thể che đậy nổi cái dòng giống mèo của mình hay sao? A propos^{1*}, Lê-ô là giảng viên hàn lâm duy nhất ở Đức sốt sắng bảo vệ giai cấp quý tộc! Lê-ô cũng gọi V.Men-xen là bạn của mình!!!

Bạn trung thành của cậu

Phri-đrích Ăng-ghen

Người thuộc nhóm "Nước Đức trẻ"

Các bạn có dự lễ tang Han-xơ hay không? Vì sao các bạn không viết gì về chuyện này?

Công bố lần đầu có lược bớt trong tạp chí "Die neue Rundschau", 9. Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* – Nhân tiện nói thêm

20 GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BƠ Ở BÉC-LIN

[Brê-men], 15 tháng Sáu [1839]

Phrít-xơ Gre-bơ. Thưa các ngài, trước mắt các ngài ở đây là những tính cách và hiện tượng hiện đại^{1*}.

1* Bên dưới các bức vẽ là những chữ ký sau đây (từ trái sang phải): Weltschmerz (Nỗi đau buồn thế giới). Moderne Zerrissenheit (Sự rách rưới hiện đại). Kölner Wirrin (Cuộc phiến loạn ở Khuên). Der noble, moderne Materialismus (Chủ nghĩa duy vật hiện đại cao thượng). Frauenemancipation (Giải phóng phụ nữ). Zeitgeist (Tinh thần thời đại), Emancipation des Fleisches (Giải phóng xác thịt).

Ngày 15 tháng Sáu. Thư của các bạn đã tới hôm nay. Tôi quyết định không bao giờ để Vương-mơ gửi thư đi nữa. Bây giờ ta vào việc. Những điều cậu viết cho tôi về dòng dõi Giô-dép, tôi đã biết trên những nét cơ bản; đối với điều này tôi có thể phản bác như sau:

1. Chỗ nào trong kinh thánh, trong *gia phả* nào đó, nói rằng con rể, trong những tình huống tương tự, cũng được gọi là con trai? Chừng nào người ta không chỉ dẫn cho tôi thấy được một ví dụ như thế, thì tôi có thể coi cách giải thích ấy là gượng gạo, không tự nhiên.

2. Vì sao Lu-ca, người viết bằng tiếng Hy Lạp cho người Hy Lạp - cho những người Hy Lạp không thể biết phong tục Do Thái giáo đó - không nói thẳng rằng sự thể đúng như cậu nói?

3. Nói chung nói đến gia phả của Giô-dép để làm gì? Vì nó hoàn toàn không cần thiết, vì tất cả ba kinh Phúc âm tương tự đều nói một cách dứt khoát rằng Giô-dép không phải là cha đẻ của Giê-xu cơ mà?

4. Vì sao một con người như La-pha-tơ lại không dựa vào cách giải thích ấy và thích để mâu thuẫn lại? Cuối cùng, vì sao chính Nê-an-đơ, người thậm chí có học thức uyên bác hơn Stơ-rau-xơ lại nói rằng đó là mâu thuẫn không thể giải quyết được, mà người gây ra mâu thuẫn là tác giả bản chính lý bằng tiếng Hy Lạp cuốn kinh bằng tiếng Do Thái của Ma-thi-ơ?

Tiếp nữa, cậu không thể thoái thác những thắc mắc khác của tôi mà cậu gọi là "con một sách thăm hại" một cách dễ dàng như vậy được đâu. Cảm hứng của lời nói ở Vúp-pơ-tan được người ta hiểu là Chúa đã lồng một ý nghĩa sâu sắc đặc biệt vào ngay cả

mỗi từ; tôi thường xuyên nghe được điều đó từ bực giảng kinh trong nhà thờ. Tôi sẵn sàng tin việc Heng-xten-béch không tán thành quan điểm đó, vì qua báo "Kirchen-Zeitung" ta thấy rằng nói chung ông ta thiếu những quan điểm rõ ràng: ông ta tán thành với một người chính giáo nào đó về cái điều mà tiếp ngay sau đó ông ta lại quy tội ngay cho một người duy lý chủ nghĩa nào đó. Nhưng linh cảm kinh thánh lan truyền được bao xa nhỉ? Tất nhiên, không xa đến mức một người có thể bắt Ki-tô nói: "Đây là máu của tôi", còn người khác thì lại bắt Ki-tô nói: "Đây là kinh Tân ước trong máu của tôi". Vậy tại sao Chúa, người phải thấy trước sự tranh cãi giữa giáo phái Lu-the và phái cải cách tôn giáo, lại không ngăn ngừa cuộc tranh cãi bất hạnh đó bằng một sự can thiệp nhỏ bé? Nếu cho là có linh cảm thì một trong hai điều: hoặc Chúa đã làm điều đó một cách cố ý để gây ra cuộc tranh luận, nhưng tôi không thể quy cái đó cho Chúa, hoặc Chúa không nhận thấy điều đó, nhưng ngay cả ý kiến ấy cũng không thể chấp nhận được. Cũng không thể khẳng định rằng cuộc tranh luận ấy đã sinh ra cái gì đó tốt đẹp hơn, mà cứ giả sử rằng cuộc tranh luận ấy gây ra sự phân liệt ba trăm năm của giáo hội Cơ Đốc giáo, rồi sau sẽ sinh ra cái gì đó tốt đẹp hơn trong tương lai - giả định này lại vẫn không có cơ sở nào cả và ở đây cũng không hề có khả năng nào cả. Trong khi đó chính đoạn này là đoạn về bữa ăn tối bí mật là chỗ quan trọng. Và nếu ở đây có mâu thuẫn nào đó, thì toàn bộ niềm tin vào kinh thánh tan thành mây khói.

Tôi chỉ có thể nói thẳng với cậu rằng giờ đây tôi đã đi tới kết luận là chỉ có thể coi học thuyết nào chịu được sự phê phán của lý trí mới có tính chất thần thánh. Ai cho chúng ta quyền tin mù quáng vào kinh thánh? Chỉ có uy tín của những người

đã làm như thế trước chúng ta. Đúng, kinh Co-ran là sản phẩm chặt chẽ hơn kinh thánh vì nó đòi hỏi phải tin vào nội dung hoàn chỉnh, *phát triển một cách nhất quán* của nó. Còn kinh thánh thì gồm nhiều đoạn của nhiều tác giả, trong số họ nhiều người thậm chí *tự mình không đòi hỏi* được coi là có tính thần thánh. Và bất chấp lý trí của chúng ta, chúng ta phải tin kinh thánh chỉ vì bố mẹ của chúng ta nói như thế với chúng ta hay sao? Kinh thánh dạy những người duy lý chủ nghĩa phải chịu những đau khổ vĩnh viễn. Cậu có thể tưởng tượng rằng những người mà suốt đời (Bóc-nơ, Xpi-nô-da, Can-tô) hướng tới việc liên kết với thần thánh, hoặc như Gút-xcốp, người có mục đích tối cao trong đời là tìm bằng được cái điểm mà đạo Cơ Đốc chính diện có thể hòa hợp thân ái với học vấn hiện đại, – sau khi ông chết, vĩnh viễn, vĩnh viễn tách xa Chúa và phải gánh chịu sự phẫn nộ của Chúa về thể xác và về tinh thần trong những cảnh dày đoạ khổ ải nhất hay sao? Chúng ta không được hành hạ ngay cả con ruồi ăn cắp đường của chúng ta, còn Chúa thì có quyền hành hạ một người mắc tội hoàn toàn do vô thức nặng gập vạ lần và tàn bạo hơn nữa là dày ải họ muôn đời muôn kiếp hay sao? Tiếp nữa, người duy lý chủ nghĩa có tội vì sự ngờ vực của mình hay không, nếu người đó thành thực? Tuyệt nhiên không. Chính người đó phải suốt đời chịu những sự cắn rứt lương tâm khủng khiếp nhất; đạo Cơ Đốc lẽ ra phải buộc được người đó phải tiếp nhận mình với sức mạnh chân lý không thể vượt qua được, nếu người đó vượt tới chân lý. Nhưng chẳng lẽ đúng như thế? Tiếp nữa, lập trường của chính giáo đối với học vấn hiện đại mập mờ dường nào. Nghe nói đạo Cơ Đốc đi đến đâu mang theo học vấn đến đó; còn giờ đây bỗng nhiên chính giáo đòi hỏi học vấn phải dừng lại trong lúc nó đang bước vào cao

trào tiến bộ như vũ bão. Toàn bộ nền triết học chẳng hạn còn giá trị nữa nếu như chúng ta xoay ra tin kinh thánh, với học thuyết của nó về việc lý trí không thể nhận thức được Chúa? Trong khi đó chính giáo coi việc có một ít – miễn là không quá nhiều – triết học là hoàn toàn thỏa đáng. Nếu địa chất học đạt được những kết quả khác so với chuyện của Mô-i-dơ về sự sáng tạo thế giới, thì người ta chửi nó (xem bài viết thăm hại của báo "Evangelische Kirchen-Zeitung" "Giới hạn của việc nghiên cứu giới tự nhiên")²⁵¹, còn nếu nó đạt được những kết quả y như kinh thánh, thì người ta sẽ dựa vào nó. Chẳng hạn, nếu một nhà địa chất học nào đó nói rằng trái đất, các hóa thạch chứng tỏ có nạn đại hồng thủy, thì người ta sẽ dựa vào điều đó; còn nếu một nhà địa chất học khác nào đó tìm thấy dấu vết niên đại khác nhau của những hóa thạch ấy và xoay ra chứng minh rằng nạn hồng thủy xảy ra vào những thời gian khác nhau và ở những địa điểm khác nhau thì người ta lên án địa chất học. Chẳng lẽ thế là trung thực ư? Tiếp nữa là "Cuộc đời chúa Giê-xu"¹⁶² của Stơ-rau-xơ, một tác phẩm không thể bác bỏ được, vì sao người ta không viết bài bác bỏ nó một cách có sức thuyết phục? Vì sao người ta sỉ nhục nhân vật thực sự đáng kính ấy? Có nhiều người chống ông ấy theo quan điểm Cơ Đốc giáo như Nê-an-đơ hay không, mà ông này không phải là người chính giáo? Đúng là có nhiều điều đáng ngờ, rất đáng ngờ mà tôi không thể xử lý nổi.

Tiếp đó là học thuyết về sự chuộc tội; vì sao người ta không rút ra từ học thuyết đó thứ đạo đức rằng nếu ai đó muốn tự nguyện chịu trách nhiệm về người khác, thì cần phải trừng phạt anh ta? Chắc tất cả các bạn đều coi như thế là không công bằng; nhưng lẽ nào điều không công bằng trong con mắt của mọi người lại phải trở thành lẽ công bằng cao nhất trước Chúa? Tiếp nữa. Đạo Cơ Đốc nói: Ta làm cho các người không mắc tội lỗi. Nhưng thế giới

duy lý chủ nghĩa còn lại không muốn vươn tới điều đó hay sao? Và rồi đạo Cơ Đốc nhúng tay vào và cấm họ, những người duy lý chủ nghĩa có nguyện vọng ấy vì họ nói hình như con đường của những người duy lý chủ nghĩa sẽ làm người ta chệch khỏi mục tiêu xa hơn. Nếu đạo Cơ Đốc vạch ra cho chúng ta thấy được dù chỉ một người mà đạo Cơ Đốc đã làm cho người đó ở đời này được tự do đến mức không bao giờ có tội nữa, thì lúc đó đạo Cơ Đốc có một ít quyền nói như thế, – còn nếu không thì đạo Cơ Đốc không có quyền ấy. Tiếp nữa: Pi-e nói về chất sữa hợp lý hơn, tinh khiết hơn của kinh Phúc âm²⁵². Tôi không hiểu điều đó. Người ta nói với tôi: đó là lý trí đã được hồi tỉnh. Nhưng mong người ta chứng minh cho tôi thấy được một lý trí hồi tỉnh hiểu rõ điều đó. Cho đến nay tôi chưa gặp một người nào, thậm chí đối với các thiên thần đây là một "bí mật vĩ đại". – Tôi hy vọng rằng cậu có ý kiến tốt về tôi đủ để không gán cho tất cả những điều đó là khao khát ngờ vực phạm thánh và là khoác lác; tôi biết rằng bằng cách đó tôi sẽ chuốc vào thân những điều khó chịu hết sức khủng khiếp; nhưng dù cố gắng thế nào đi nữa tôi cũng không thể thoát khỏi những điều chi phối tôi bằng sức mạnh thuyết phục. Nếu bằng những lời nói táo bạo của mình có thể tôi đã đụng chạm đến niềm tin của cậu, thì tôi chân thành xin cậu tha thứ; tôi chỉ nói những điều tôi suy nghĩ và những điều tôi tin chắc. Tôi ở vào một tình thế y như Gút-xcốp; nếu ai đó có thái độ ngạo mạn đối với đạo Cơ Đốc chính diện, thì tôi bảo vệ học thuyết đó, một học thuyết xuất phát chính là từ nhu cầu hết sức sâu sắc của bản tính con người, từ lòng khao khát chuộc tội nhờ lòng nhân từ của chúa; nhưng khi đụng chạm đến vấn đề cần bảo vệ tự do của lý trí, thì tôi phản đối mọi sự cưỡng bức. – Tôi hy vọng được sống đến khi có bước ngoặt căn bản trong ý thức tôn giáo của thế giới; giá mà chính tôi hiểu rõ được tất cả mọi thứ nhỉ! Nhưng điều đó nhất định sẽ đến, nếu như tôi có đủ thời gian phát triển một cách bình thản, không có gì phải bận khoăn.

Con người sinh ra đều tự do, con người được tự do!

Bạn chân thành của cậu

Phri-đrich Ăng-ghen

Công bố lần đầu có lược bớt trong tạp chí "Die neue Rundschau", 10 Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

21

GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BƠ

[Brê-men], 12-27 tháng Bảy [1839]

Fritzo Graeber. Ngày 12 tháng Bảy. Các cậu lẽ ra vẫn có thể lúc nào đó hạ cố viết thư cho tôi. Đã sắp qua năm tuần kể từ khi nhận được bức thư gần đây nhất của các cậu. – Trong thư trước, tôi đã trình bày với cậu một loạt những quan điểm hoài nghi; lẽ ra tôi có thể xét vấn đề một cách khác, nếu như lúc đó tôi đã được tìm hiểu học thuyết của Slai-ơ-ma-khơ. Vì đó còn là đạo Cơ Đốc hợp lý; ai cũng biết rõ nó, ngay cả người không chấp nhận nó, và có thể thừa nhận giá trị của nó mà không tán thành nó. Những nguyên lý triết học mà tôi đã tìm thấy trong học thuyết đó tôi đã tiếp thu; tôi chưa thanh toán xong thuyết chuộc tội của nó và tôi sẽ lập tức tránh linh hội nó để khỏi chẳng bao lâu sau lại buộc phải thay đổi quan điểm của

mình. Nhưng tôi sẽ nghiên cứu kỹ nó một khi tôi có thì giờ và có điều kiện. Nếu tôi sớm biết học thuyết ấy thì sẽ không bao giờ trở thành người duy lý chủ nghĩa, nhưng chẳng lẽ trong Múc-cơ-tan^{1*} của chúng ta có thể nghe thấy điều gì đó tương tự như vậy hay sao? Tôi tức điên lên vì sự quá quất ấy, tôi muốn đấu tranh với phái kiên thành⁹ và với việc tin vào câu chữ chừng nào còn đủ sức. Chúng dùng để làm gì? Những điều mà khoa học bác bỏ – giờ đây toàn bộ lịch sử của giáo hội đều gắn với sự phát triển của khoa học, – không được tồn tại nữa cả trong cuộc sống. Giả sử phái kiên thành trước đây đã là yếu tố hợp lý về mặt lịch sử trong sự phát triển của thần học; nó đã đạt được cái nó cần, nó đã hết thời và nó phải nhường chỗ cho thần học tư biện mà không hề chống lại. Chỉ trên cơ sở thần học tư biện thì giờ đây một điều gì đó chắc chắn mới có thể phát triển được. Tôi không hiểu làm sao còn có thể tìm cách duy trì niềm tin vào câu chữ của kinh thánh hoặc bảo vệ sự can thiệp trực tiếp của chúa mà không đâu có thể chứng minh nổi cần có sự can thiệp đó.

Ngày 26 tháng Bảy. Và đây là thư của các cậu. Nhưng thôi vào việc đã. Điều rất tốt trong thư cậu là cậu kiên trì chính giáo và đồng thời cậu có một số nhượng bộ đối với phương hướng duy lý chủ nghĩa, – như vậy là cậu sẽ trao vũ khí vào tay tôi. Ôi dòng dõi Giô-dép. Đối với lời phản bác thứ nhất của tôi, cậu trả lời tôi: ai mà biết khi đọc các gia phả thần thánh chúng ta có thường xuyên coi con rể và cháu họ là con trai hay không? Bằng cách đó cậu có xóa bỏ toàn bộ tính xác thực của các gia phả kinh thánh hay không? Làm thế nào có thể chứng minh ở đây một quy luật nào đó – điều này tôi hoàn toàn không hiểu. –

^{1*} Chơi chữ "Muckertal" – "thung lũng giả dối", ám chỉ Vúp-pơ-tan.

Về lời phản bác thứ hai của tôi, cậu nói: Lu-ca đã viết cho Phê-ô-phin. Phrít-xơ thân mến, cái cảm hứng coi trọng nhận thức của người nào đầu tiên tình cờ nhận được quyển sách ấy là cảm hứng nào vậy? Và nếu không tính đến tất cả độc giả sau này, thì tôi không thể thừa nhận bất kỳ cảm hứng nào, và nói chung, có lẽ cậu chưa tìm hiểu rõ khái niệm cảm hứng. Thứ ba, tôi không thể hiểu bằng cách nào mà dòng dõi Giô-dép thực hiện được lời sấm; trái lại, đại diện phái Phúc âm rất để ý đến chuyện không quan niệm Giê-xu là con trai của Giô-dép, đến việc đả phá quan điểm đó và tuyệt nhiên không tỏ lòng tôn kính Giô-dép bằng cách trình bày dòng dõi của ông ta. – "Sẽ hoàn toàn trái với phong tục nếu nói rằng Giê-xu là con trai của Ma-ri-a, còn Ma-ri-a là con gái của I-li-a". Phrít-xơ thân mến, chẳng lẽ ở đây phong tục có một ý nghĩa nào đó hay sao? Cậu hãy xem xét cho kỹ kẻo như thế cậu lại không tiến quá sát với khái niệm của cậu về linh cảm. Quả thật, tôi coi lời giải thích của cậu gượng gạo đến mức nếu ở vị trí của cậu tôi cho là một trong những lời khẳng định là không đúng. "Những ngờ vực không thể giải quyết được nhất định đối lập với đạo Cơ Đốc, và bằng sự tử bi của Chúa vẫn có thể đạt được sự vững tin". Tôi nghi ngờ cái dạng mà cậu cho là ảnh hưởng của lòng tử bi của Chúa đối với từng người. Tất nhiên, tôi có biết cảm giác khoái lạc mà mỗi người – người theo chủ nghĩa duy lý cũng như người theo chủ nghĩa thần bí – cảm thấy khi giao tiếp một cách chặt chẽ về mặt nội tâm với Chúa; nhưng cậu hãy tìm hiểu cảm giác ấy, suy ngẫm điều đó, thử tách ra khỏi những lời lẽ kinh thánh mà xem, là nhất định cậu sẽ thấy rằng cảm giác đó quy thành ý thức, rằng loài người có nguồn gốc thần thánh, rằng là một bộ phận của loài người, cậu không thể chết, mà cần phải, – sau vô vàn thử thách và đấu tranh trong thế giới ở đây cũng như ở cõi âm, thoát khỏi mọi cái chết và tội lỗi, cậu sẽ phải quay trở về – trong lòng của Chúa; niềm tin của tôi là như thế, và nó đem lại

cho tôi sự tĩnh tâm; xuất phát từ niềm tin đó, tôi cũng có thể nói với cậu rằng Chúa thánh thần chứng tỏ cho tôi rằng tôi là con của Chúa; và như tôi đã nói, tôi không thể tin rằng cậu sẽ thể hiện vấn đề này khác đi. Quả thật, cậu bình tĩnh hơn nhiều, tôi còn phải đánh vật với đủ các loại dư luận khác nhau và tôi không thể để những quan điểm của tôi dỏ dang như vậy được, nhưng theo cách nhìn của tôi, điều đó chung quy là sự khác nhau về lượng, chứ không phải là sự khác nhau về chất. – Tôi hoàn toàn thừa nhận rằng tôi là người có tội, rằng trong con người tôi ăn sâu thiên hướng ngã về tội lỗi, và vì thế tôi hoàn toàn tránh xa học thuyết thanh minh bằng việc làm. Nhưng tôi không tán thành ý kiến cho rằng tính tội lỗi nằm trong ý chí của con người. Tôi sẵn sàng thừa nhận rằng, tuy trong tư tưởng của loài người không tiềm ẩn khả năng tội lỗi, nhưng khả năng ấy *tất yếu phải bắt nguồn từ* việc thực hiện tư tưởng đó; vì vậy tôi kiên quyết sẵn sàng sám hối trong chừng mực chỉ có thể muốn làm điều đó; nhưng, Phrit-xơ thân mến, không một người biết suy nghĩ nào tin rằng tội lỗi của mình phải được tha thứ cho mình vì công lao của một người thứ ba nào đó. Khi tôi suy nghĩ điều này, loại trừ mọi uy tín ra, cùng với thần học hiện đại, thì tôi đều thấy rằng khả năng phạm tội của con người nằm ngay trong việc thực hiện chưa hoàn chỉnh những tư tưởng; rằng vì vậy bất cứ ai cũng phải cố gắng thực hiện tư tưởng của loài người, nghĩa là về mặt sự hoàn hảo tinh thần phải cố gắng trở nên ngang hàng với Chúa. Đây là điều gì đó hoàn toàn chủ quan; làm sao thuyết chuộc tội chính thống lấy cái thứ ba, cái khách quan làm tiền đề lại có thể để ra cái chủ quan ấy? Tôi thừa nhận mình đáng bị trừng phạt, và nếu Chúa muốn trừng phạt tôi, thì Chúa cứ việc làm thế, nhưng tôi hoàn toàn không thể hình dung là sẽ vĩnh viễn xa rời Chúa dù chỉ một phần hết sức không đáng kể của tinh thần và tôi không thể tin điều đó. Dĩ nhiên, việc Chúa khoan dung chúng ta, đó là vấn đề lòng từ bi

của Chúa; vì rằng tất cả những gì Chúa làm đều là hành vi nhân từ, nhưng đồng thời đó cũng là sự tất yếu. Sự kết hợp hai mâu thuẫn đó vốn dĩ là bộ phận đáng kể của thực chất thần thánh. Còn về những lời tiếp theo của cậu nói rằng hình như Chúa không thể chối lời đã nói v.v., thì tôi cảm thấy ở đây cậu tìm cách lảng tránh câu hỏi của tôi. Cậu có thể tin rằng con người muốn kết hợp với Chúa đã vĩnh viễn bị Chúa ruồng bỏ hay không? Có thể ư? Không, không thể, vì chính cậu loanh quanh. Chẳng lẽ ý kiến nói rằng chúa còn phải chỉ định một sự trừng phạt đặc biệt về cái ác trong quá khứ vì Người không bằng lòng với sự trừng phạt do hành vi xấu nhất gây ra, là ý kiến hoàn toàn không xứng đáng hay sao? Cho rằng có sự trừng phạt vĩnh viễn, cậu cũng phải cho rằng có cả tội lỗi vĩnh viễn; cùng với tội lỗi vĩnh viễn có khả năng vĩnh viễn tin, nghĩa là được chuộc tội. Thuyết lên án vĩnh viễn thật không nhất quán. Tiếp nữa, niềm tin lịch sử theo cậu là yếu tố căn bản nhất của niềm tin, và không có niềm tin lịch sử thì niềm tin không thể có được; nhưng cậu sẽ không quay ra phủ nhận rằng có những người *hoàn toàn không thể* tìm được niềm tin lịch sử ấy. Và Chúa phải đòi hỏi những người như vậy làm điều không thể làm được hay sao? Phrit-xơ thân mến, cậu hãy hiểu rằng đó sẽ là điều vô nghĩa và lý trí của Chúa tất nhiên cao hơn lý trí của chúng ta, nhưng lý trí của Chúa vẫn không thuộc loại khác; nếu không thì nó tuyệt nhiên sẽ không phải là lý trí. Vì rằng cũng cần phải dùng lý trí để lĩnh hội các giáo lý trong kinh thánh. – Cậu thường nói tự do tinh thần nằm trong sự phiến diện của bản thân khả năng ngờ vực. Nhưng chính đó là sự nô lệ tà trời của tinh thần, chỉ có người nào chiến thắng mọi nghi hoặc trong niềm tin của mình mới là người tự do. Và tôi tuyệt nhiên không đòi hỏi *cậu* đánh bại tôi. Tôi thách đấu với toàn bộ thần học chính giáo, mặc cho nó đánh bại mình. Nếu trong vòng 1800 năm khoa học Cơ Đốc giáo cũ không đưa ra được bất kỳ lời phản bác nào chống chủ nghĩa duy lý và chỉ đẩy lùi được

một vài lần những đợt tấn công của nó, nếu nó sợ cuộc đấu tranh trên vũ đài khoa học thuần túy và thích ném bùn vào người đối phương hơn, thì có thể nói gì về vấn đề này? Vả lại, học thuyết Cơ Đốc giáo chính thống có *khả năng* lý giải một cách thuần túy *khoa học* hay không? Tôi khẳng định là không; và liệu có thể chờ đợi ở học thuyết ấy điều gì lớn hơn việc sắp xếp đôi chút các tư tưởng, những điều giải thích và tranh luận. Tôi khuyên cậu tìm cách làm thế nào đó đọc quyển "Trình bày và phê phán thuyết kiến thành hiện đại" của tiến sĩ Kh.Mécclin, Stút-gát, 1839²⁵³, nếu cậu bác bỏ được lý lẽ của quyển sách đó (nghĩa là bác bỏ không phải mặt tích cực của nó, mà bác bỏ mặt tiêu cực của nó) thì cậu xứng đáng là nhà thần học số một trên thế giới. – "Đối với người theo đạo Cơ Đốc bình thường, điều đó hoàn toàn đủ: vì người ấy biết rằng mình là con của Chúa, và đối với người ấy không đòi hỏi anh ta phải giải thích tất cả mọi điều có cảm giác như là mâu thuẫn nhau". Cả người Cơ Đốc giáo bình thường lẫn Heng-xten-béch đều không thể giải đáp được những mâu thuẫn cảm tính ấy, vì đó là những mâu thuẫn thực tế; nhưng quả thật, ai bằng lòng với điều đó và lên mặt về niềm tin của mình thì người đó không có cơ sở để mà tin. Cảm giác tất nhiên có thể xác nhận, nhưng tuyệt nhiên không thể chứng minh được, cũng giống như không thể ngửi bằng tai được. Tôi rất ghét Heng-xten-béch vì phong cách thực sự xấu xa của ông ta trong việc biên tập báo "Kirche-Zeitung"^{1*}. Hầu hết cộng tác viên đều khuyết danh và do đó chủ bút phải chịu trách nhiệm về họ; còn nếu có ai đó bị xúc phạm trên các trang báo, đòi chủ bút phải giải thích thì hóa ra ông Heng-xten-béch không biết gì cả; ông ta không nêu tên tác giả, nhưng cũng không tự chịu trách nhiệm.

1* – "Evangelische Kirchen-Zeitung"

Đã nhiều lần có hiện tượng một người khả nghi này hay một người khả nghi kia trong báo "Kirchen-Zeitung" công kích một người khôn khổ nào đó, nhưng khi người này hỏi Hen-xten-béch thì được trả lời rằng *ông ta* không viết bài đó. Báo "Kirchen-Zeitung" vẫn còn có tiếng tăm đối với những linh mục theo phái kiến thành bởi vì họ không đọc các tác phẩm của phe kia và báo ấy trụ được nhờ điều đó. Tôi chưa đọc những số báo gần đây nhất, nếu không thì tôi đã có thể dẫn ví dụ ra đây cho cậu thấy. Khi xảy ra chuyện ở Xuy-rích với Stơ-rau-xơ¹⁵⁰, cậu không thể hình dung được báo "Kirchen-Zeitung" đã vu khống và nói xấu Stơ-rau-xơ ghê tởm như thế nào; trong khi đó tất cả các thông báo đều nhất trí xác nhận rằng trong toàn bộ chuyện này Stơ-rau-xơ đã xử sự cực kỳ cao thượng. Làm sao có thể giải thích, chẳng hạn, việc báo ""Kirchen-Zeitung" muốn tìm cách xếp Stơ-rau-xơ vào nhóm "Nước Đức trẻ"¹⁵. Mà vốn dĩ trong cách nhìn nhận của nhiều người, tiếc thay, nhóm "Nước Đức trẻ" là một cái gì đó kỳ quặc". – Về vấn đề thơ ca tín ngưỡng, cậu đã hiểu tôi quá sai lệch đấy. Tôi tin không phải vì thi ca; tôi tin vì tôi hiểu rằng mình không thể tiếp tục sống một cách vô tâm như thế, vì tôi sám hối tội lỗi của tôi, vì tôi khát khao được giao tiếp với Chúa. Tôi hy sinh những thứ quý báu hơn cả đối với tôi, tôi coi nhẹ những niềm vui lớn nhất của tôi, những người thân yêu và những người gần gũi của tôi, tôi sỉ nhục mình từ tất cả mọi phía trước toàn bộ thế gian, tôi sung sướng khôn tả khi tôi tìm thấy Pluy-ma-khơ là một con người mà tôi có thể nói chuyện này; tôi vui lòng chịu đựng niềm tin cuồng tín của ông ta vào tiền định; cậu thừa hiểu rằng đối với tôi đó là một việc nghiêm túc, thiêng liêng. Lúc đó tôi hạnh phúc – tôi biết điều đó – và giờ đây cũng rất sung sướng; lúc đó tôi vững tin, sẵn sàng vui vẻ cầu nguyện; cả bây giờ tôi cũng vững tin và sẵn sàng với mức độ càng lớn hơn, vì tôi đấu tranh và tôi cần có chỗ dựa. Nhưng tôi không bao giờ cảm thấy dấu vết của sự khoái cảm tột độ mà tôi thường xuyên nghe nói đến từ các bực giảng đạo trong nhà thờ của chúng ta; tôn giáo của tôi đã và đang là

một thế giới êm đềm, khoái lạc, và tôi sẽ bằng lòng nếu thế giới đó của tôi vẫn tồn tại cả sau khi đã xuống mồ. Tôi hoàn toàn không có căn cứ nào để tin rằng Chúa sẽ tước đi mất của tôi cái thế giới ấy. Niềm tin tôn giáo là việc của trái tim, và nó gắn với giáo lý chỉ trong chừng mực tình cảm mâu thuẫn với giáo lý hay không mâu thuẫn. Rất có thể là thần linh của Chúa cho cậu biết thông qua tình cảm của cậu rằng cậu là con của Chúa, nhưng chắc hẳn không phải cậu là con của Chúa nhờ có cái chết của Ki-tô; nếu không thì còn phải thừa nhận rằng tình cảm có năng lực suy nghĩ, rằng tai của cậu có khả năng nhìn thấy. – Hằng ngày, thậm chí suốt ngày tôi cầu nguyện chân lý; tôi bắt đầu hành động như thế từ khi bắt đầu ngờ vực, và tôi vẫn không thể trở lại niềm tin của các cậu; trong khi đó người ta đã viết: hãy cầu xin, và các bạn sẽ được ban phát^{1*}. Tôi đi tìm chân lý ở khắp nơi cho dù ở đó tôi chỉ có thể tìm ra được cái bóng của chân lý; và tôi vẫn không thể thừa nhận chân lý của các cậu là vĩnh cửu. Trong khi đó người ta đã viết: cứ tìm rồi sẽ thấy. Trong số các bạn đã có ai đưa đá cho con mình ăn khi nó đòi bánh mì chưa? Huống hồ là cha trên trời của các bạn chả nhẽ có thể hành động như vậy hay sao?^{2*}

Tôi không cảm được nước mắt khi viết điều này, toàn thân tôi cứ run lên bần bật, nhưng tôi cảm thấy tôi sẽ không chết, tôi sẽ trở lại với Chúa, người mà trái tim tôi sẽ hướng tới. Và ở đây cũng có bằng chứng xác nhận thân thánh, tôi bảo đảm điều đó bằng sinh mệnh, tuy trong kinh thánh hàng chục nghìn lần nói điều ngược lại. Phrit-xơ ơi, cậu đừng tự lừa dối; tuy cậu rất tin tưởng nhưng bất thần sẽ có lúc ngờ vực, và lúc đó quyết

1* Kinh thánh. Kinh Tân ước. Kinh Phúc âm của Ma-thi-ơ, chương 7, dòng thơ 7.

2* Kinh thánh. Kinh Tân ước. Kinh Phúc âm của Ma-thi-ơ, chương 7, dòng thơ 7, 9 và 11.

định của trái tim cậu sẽ thường xuyên phụ thuộc vào cơ hội rất nhỏ. – Nhưng qua kinh nghiệm tôi biết rằng niềm tin giáo điều hoàn toàn không có ảnh hưởng gì đến thế giới nội tâm.

Ngày 27 tháng Bảy.

Nếu cậu xử sự như đã viết trong kinh thánh thì cậu tuyệt nhiên không được quan hệ với tôi. Thư thứ hai của thánh Giăng (nếu tôi không nhầm) có nói rằng không nên chào người không theo đạo, không nên nói với người đó thậm chí *χαίρε*^{1*}. Những chỗ như vậy rất hay gặp, và chúng luôn luôn làm cho tôi bực mình. Nhưng các cậu hoàn toàn không làm tất cả những điều nói trong Kinh thánh. Và lại, tôi cảm thấy một sự mỉa mai kỳ quái khi người ta gọi đạo Cơ Đốc chính thống dòng Phúc âm là tôn giáo của tình yêu. Theo đạo Cơ Đốc của các cậu, chín phần mười loài người phải bị đau khổ mãi mãi, và chỉ một phần mười được hạnh phúc. Và Phrit-xơ ơi, điều đó há có phải là tình yêu vô tận của Chúa hay không? Cậu thử nghĩ xem Chúa sẽ bé nhỏ biết bao, nếu tình yêu của Chúa là như vậy. Vì rõ ràng là nếu có tôn giáo mặc khải, thì Chúa của nó có thể vĩ đại hơn, nhưng không khác với Chúa mà lý trí có thể hiểu thấu. Nếu không thì toàn bộ triết học chẳng những là thứ rỗng tuếch, mà thậm chí có tội; không có triết học thì không có sự khai sáng, mà không có sự *khai sáng* thì không có tính người, mà không có tính người thì lại không có tôn giáo. Nhưng ngay cả phần tử cuồng tín Lê-ô cũng không dám có thái độ coi thường như vậy đối với triết học. Đó cũng là một trong những điều không nhất quán của những người chính giáo. Với những người như Slai-ơ-ma-khơ và Nê-an-đơ, tôi có thể chạm trán, vì họ nhất

1* – Chào (Kinh thánh. Kinh Tân ước. Thư thứ hai của thánh Giăng, dòng thơ số 10).

quán và họ có trái tim; tôi hoài công tìm kiếm cả hai cái đó trên báo "Evangelische Kirchen-Zeitung" và trong những ấn phẩm khác của phái kiên thành. Đặc biệt đối với Slai-ơ-ma-khơ tôi vốn có thái độ rất kính trọng. Nếu cậu nhất quán, thì tất nhiên cậu phải lên án ông ta, vì ông ta truyền bá đạo Cơ Đốc không phải theo tinh thần của cậu, mà nói cho đúng là theo tinh thần của phái "Nước Đức trẻ", của Tê-ô-do Mun-tơ và của Các Gút-xcốp. Nhưng đó quả là một con người vĩ đại, và trong số những người hiện nay còn sống tôi chỉ biết một người có tinh thần ngang với ông, có sức mạnh và dũng khí ngang bằng, đó là Đa-vít Pri-đrich Sơ-rau-xơ.

Tôi mừng vì thấy cậu bắt đầu bác bỏ tôi một cách kiên quyết như vậy, nhưng một điều làm tôi đau lòng, và bây giờ tôi sẽ nói thẳng điều này với cậu. Đó là sự khinh bỉ khi cậu nói về ý muốn liên kết với Chúa, về đời sống tôn giáo của những người theo chủ nghĩa duy lý. Tất nhiên cậu cảm thấy dễ chịu với niềm tin của cậu, như nằm trên chiếc giường ấm, và cậu không biết cuộc đấu tranh mà chúng ta phải tiến hành khi chúng ta, những con người, phải quyết định xem có thật Chúa là Chúa hay không; cậu không biết hết trọng lượng của gánh nặng mà ta cảm thấy cùng với sự ngờ vực đầu tiên, gánh nặng của niềm tin cũ, khi cần quyết định; đồng ý hay phản đối, mang gánh nặng ấy hay là giữ nó đi; nhưng tôi xin báo trước cho cậu biết một lần nữa là nói chung không phải cậu đã thoát khỏi mọi sự ngờ vực một cách an toàn như cậu tưởng đâu, và đừng để bị mù quáng trong cách cư xử đối với những người đang còn ngờ vực, bản thân cậu còn có thể là một trong số họ, và khi đó cậu cũng sẽ đòi hỏi sự công bằng. Tôn giáo là việc của trái tim, và ai có trái tim thì người đó có thể ngoan đạo; nhưng ở người nào sự ngoan đạo bắt rễ trong lý tính hoặc thậm chí trong lý trí, thì ở người đó tuyệt nhiên không có sự ngoan đạo. Cây tôn giáo mọc từ trái

tim và phủ bóng của nó lên toàn bộ con người và kiếm thức ăn cho mình từ hơi thở của lý trí; còn giáo lý thì là những trái quả của nó, những trái quả mang trong chúng dòng máu vô cùng cao thượng của trái tim; điều này vượt quá cái sinh ra từ cái lấu lỉnh. Học thuyết của Slai-ơ-ma-khơ là như thế, và tôi đứng trên học thuyết đó.

Adieu^{1*}, Phrít-xơ thân mến, cậu hãy suy nghĩ kỹ xem cậu có muốn tôi thực sự đưa cậu xuống địa ngục hay không, và cậu hãy sớm báo cho tôi biết bản án của cậu.

Phri-đrich Ăng-ghen của cậu

Công bố lần đầu có lược bớt trong tạp chí "Die neue Rundschau" 10. Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

22

GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BƠ

[Brê-men, cuối tháng Bảy hoặc đầu tháng Tám 1839]

Phrít-xơ thân mến!

Recepi litteras tuas hodie, et jamque tibe responsurus sum^{2*}. Tôi không thể viết nhiều cho cậu – cậu vẫn còn nợ tôi, và tôi đợi một bức thư dài của cậu. Anh Vin-hem của cậu cũng được

1* – Tạm biệt

2* – Hôm nay tôi đã nhận được thư cậu và tôi lập tức trả lời cậu đây.

tự do à? Giờ đây Vương-mơ cũng học cùng với các cậu ở Bon ư? Mong Chúa ban phúc cho Pê-tơ béo^{1*} trong studia militaria^{2*} của cậu ấy. Bài trường ca nhỏ viết ngày 27 tháng Bảy sẽ tạo cho cậu khả năng rèn luyện thái độ quá dễ dãi và đọc luật thơ cổ đại. Trong đó chẳng có gì khác cả.

NHỮNG NGÀY THÁNG BẢY Ở ĐỨC

Năm 1839

Như sóng tiếp sóng, cơn bão sôi lên vút đi diên đại đường
nào!
Đỉnh sóng cao bằng người, thuyền độc mộc của ta chật vật
lắm mới đứng vững trong vực thẳm hung dữ.
Từ sông Ranh gió buốt thổi; mây đen chụm lại xung quanh,
Nhỏ những cây sồi, tung bụi lên thành cột, tạo xoáy nước này
đến xoáy nước khác.
Các vua Đức, trong chiếc thuyền tròn trành, ta bắt giặc nhỏ
đến các người!
Như có hồi nhân dân nhẵn nhụi khiêng ngai vàng của các vị
Long trọng mang đi khắp quê hương, và đã tống cổ kẻ ngoại
bang táo bạo;
Lúc đó các vị đầy tính lão xược và đã nuốt lời.
Nhưng bão táp thổi từ Pháp đến chúng ta, quần chúng nhân
dân đã chuyển động.
Và ngai vua chao đảo như con tháp trong cơn bão, và cường
quốc run rẩy trong bàn tay các vị.

1* – Pê-tơ Gioong-hau

2* – binh nghiệp

Với ánh mắt phẫn nộ, Éc-nơ-xơ-Au-gu-xơ oi, trước hết ta nói
với người:
Người đã vi phạm pháp luật, hỡi tên bạo chúa độc đoán, nhưng
người hãy lắng nghe tiếng nói của bão táp.
Người hãy xem dân chúng phẫn nộ và kiếm không muốn ở
lại trong bao.
Ngai vàng của người có vững như con thuyền của ta bị cơn bão
mãnh liệt xua đuổi?
Bão táp trên sông Ve-de là sự kiện có thực; và sự thực nữa là
trong ngày Cách mạng tháng Bảy vĩ đại²⁵⁴ tôi có đi dọc theo con
sông này.
Gửi lời chào Vương-mơ, mong cậu ấy viết cho tôi nhiều hơn.

Phri-đrich Ăng-ghe-n của cậu

*Công bố lần đầu trong cuốn sách: F.Engels.
"Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920*

*In theo bản viết tay
Nguyễn văn là tiếng Đức*

23

GỬI VIN-HEM GRE-BƠ

Brê-men, 30 tháng Bảy 1839

Gu-li-en-mô thân mến của tôi!

Sao cậu có những quan niệm sai lệch về tôi như vậy. Ở đây không có chuyện tên hề, cũng không có chuyện Éch-các-tơ¹¹⁹ hoặc như cậu viết, Éch-các-tơ trung thành, mà chỉ có lô-gích, lý trí,

sự nhất quán, *propositio major* và *minor*^{1*}, v.v.. Đúng, cậu có lý, bằng sự nhu mì ở đây ta sẽ không đạt được gì cả, đối với những thằng lùn ấy – sự quy lụy, sự o ép của giới quý tộc, chế độ kiểm duyệt v.v. – thì cần phải dùng kiếm để đuổi chúng đi. Và tất nhiên tôi sẽ cần phải làm âm ĩ và làm sôi sục khá nhiều, nhưng vì tôi quan hệ với cậu, nên tôi cố gắng hiền lành hơn một chút để cậu không "làm dấu thánh" khi "đám người mông muội" của áng thơ văn lộn xộn của tôi vút qua cậu. Thứ nhất, tôi phản đối ý kiến của cậu nói rằng hình như tôi đuổi kịp tinh thần thời đại bằng những cú hát hậu, để tinh thần đó tiến lên nhanh hơn. Con người đáng yêu ơi, cậu quan niệm khuôn mặt nghèo nàn, chiếc mũi hếch của tôi là cái mặt hề khủng khiếp như thế hay sao! Không, tôi biết tự kiểm chế lắm, trái lại, khi tinh thần thời đại đột ngột thổi tới như cơn bão kéo theo đoàn tàu hỏa, thì tôi nhanh chóng nhảy lên toa tàu và để nó chở đỡ tôi đi một đoạn. À, còn về Các-lơ Béch nữa kia. Căn cứ vào những bằng chứng đáng tin cậy của Vuốc-mơ cho tôi biết là tên Vi-khen-hau-xơ vô dụng có ý phán đoán lạ lùng: chắc là tài viết của Các-lơ Béch cùn rồi. Ý muốn nói rằng con người hai mươi hai tuổi từng viết những bài thơ cuồng loạn như vậy bỗng nhiên ngừng sáng tác, – không, trong đầu tôi chưa nảy ra điều vô nghĩa như thế. Cậu có thể tưởng tượng rằng sau "Guê-xê" Gơ-tơ không còn là nhà thơ thiên tài nữa, hoặc sau "Kẻ cướp" Si-lơ không còn như vậy nữa hay không? Vả chẳng, hóa ra cậu quan niệm lịch sử đã báo thù nhóm "Nước Đức trẻ"^{5!} Xin Chúa phù hộ! Tất nhiên, nếu nghĩ rằng lịch sử toàn thế giới được Chúa trao cho Quốc hội hiệp bang với tư cách đất phong

1* – tiền đề lớn và nhỏ

2* – vở kịch "Guê-xơ Phôn Béc-li-khin-ghen"

cha truyền con nối, thì nó đã báo thù Gút-xcốp bằng việc bắt giam ba tháng²⁵⁵, còn nếu nói điều này chúng ta không nghi ngờ nữa – chúa đừng trong dư luận xã hội (có nghĩa ở nước ta trong dư luận văn chương), thì việc nó báo thù nhóm "Nước Đức trẻ" biểu hiện ở chỗ nó đã cho phép nhóm ấy cầm bút trong tay tự lấy lại mình, và giở dây nhóm "Nước Đức trẻ" như bà hoàng ngự trên ngai nên văn chương Đức hiện đại. Số phận của Bóc-nơ như thế nào? Ông ta ngã xuống như một anh hùng hồi tháng Hai 1837, vào những ngày cuối đời, ông đã có diễm phúc thấy các học trò của ông như Gút-xcốp, Mun-tơ, Vin-bác-gơ, Bóc-man – đã tự lập được; song quả thật những đám mây đen độc địa còn lơ lửng trên đầu họ, và một dây xích dài mà Quốc hội hiệp bang đã sửa chữa ở những nơi nó có nguy cơ bị đứt, đã buộc chặt nước Đức lại, nhưng ngay cả giờ đây quốc hội đó đang cười các vua chúa và có thể biết được thời điểm những vương miện đánh cắp sẽ bay khỏi đầu họ. Tôi không muốn bảo đảm với cậu về hạnh phúc của Hai-nơ, và nói chung chàng trai ấy một thời gian khá lâu đã trở thành kẻ hay nói tục, về hạnh phúc của Béch – cũng không, vì anh ta yêu thương và buồn rầu về nước Đức thân mến của chúng ta; cả tôi cũng tán thành tình cảm nói sau cùng này và nói chung tôi sẽ còn gặp không ít va chạm, nhưng Chúa từ bi cố cậu đã thưởng cho tôi chất hài hước tuyệt vời, an ủi tôi khá nhiều. Còn cậu, nhóc con, có hạnh phúc hay không? Còn các quan điểm của cậu về cảm hứng, thì cậu hãy giữ lấy chúng chỉ riêng ở cậu thôi, kéo cậu không được là mục sư ở Vúp-pơ-tan. Nếu tôi không được giáo dục trong những cực đoan của chính giáo và phái kiên thành,⁹ nếu nhà thờ, trường học và ở nhà người ta không thường xuyên gọi cho tôi niềm tin mù quáng, vô điều kiện vào kinh thánh, vào sự ăn khớp với nhau giữa học thuyết của kinh thánh và học thuyết của giáo hội và thậm chí học thuyết đặc biệt của *mỗi* linh mục,

thì chắc là tôi sẽ còn theo chủ nghĩa siêu tự nhiên hơi tự do lâu hơn nữa đấy. Trong học thuyết có khá nhiều mâu thuẫn – có bao nhiêu tác giả viết kinh thánh thì có bấy nhiêu mâu thuẫn – và như vậy, niềm tin kiểu Vúp-pơ-tan đã hấp thụ vào mình một tá cá tính. Về dòng dõi Giô-dép thì Nê-an-đơ, như mọi người đều biết, đã gán cho người dịch là người Hy Lạp dịch bản gốc Do Thái cái gia phả chứa đựng trong kinh Phúc âm của Ma-thi-ơ; nếu tôi không nhầm, trong quyển "Cuộc đời chúa Giê-xu" của mình, *Vây-xơ* đã phát biểu, giống như cậu, chống Lu-ca²⁵⁶. Rốt cuộc, lời giải thích mà Phrít-xơ đưa ra rút lại là những giả thiết không thể tưởng tượng được đến mức nó không dùng được cho một người nào trong số họ. Tất nhiên tôi là *προμαχοι*^{1*}, nhưng có điều không phải của đảng duy lý chủ nghĩa, mà là của đảng tự do chủ nghĩa. Hiện đang có sự phân định ranh giới giữa những quan điểm đối lập, chúng đối lập nhau một cách quyết liệt. Có bốn phần tử tự do chủ nghĩa (đồng thời cũng là những phần tử duy lý chủ nghĩa), một người quý tộc đã chuyển sang phía chúng ta, nhưng do sợ vi phạm những nguyên tắc cha truyền con nối của gia đình, nên ông ta vừa mới trở lại phe quý tộc, một người quý tộc, như chúng ta hy vọng, bày tỏ niềm hy vọng, và một số kẻ ngu ngốc – cái nhóm trong đó diễn ra những cuộc tranh cãi là như thế. Tôi chiến đấu với tư cách là người hiểu biết thời cổ đại, thời trung cổ và đời sống hiện đại, với tư cách là người thô lỗ v.v., nhưng cuộc đấu tranh ấy của tôi không còn cần nữa, vì những người thuộc quyền tôi hiện đã tiến bộ rất nhiều, hôm qua tôi đã giải thích cho họ hiểu tính tất yếu lịch sử của các sự kiện từ năm 1789 đến năm 1839 và tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy rằng trong cuộc tranh

1* – chiến sĩ tiên phong

luận ấy tôi mạnh hơn đáng kể so với tất cả các học sinh lớp cuối khóa ở đây. Sau khi tôi giành được thắng lợi hoàn toàn đối với hai người trong số họ – cách đây đã khá lâu – họ đã quyết định và thỏa thuận đưa ra người thông minh nhất chống lại tôi, hy vọng người này đập tan tôi; khốn nỗi, lúc đó cậu ta đang mê Hô-ra-xơ, thành thử tôi đã dựa vào các nguyên tắc của nghệ thuật mà đả cho cậu ta một trận tơi bời. Lúc đó họ sợ chết khiếp. Mà anh chàng cậu Hô-ra-xơ ấy giờ đây có thái độ rất tốt đối với tôi; mới tối hôm qua đây anh ta vừa nói cho tôi đã biết điều đó. Cậu sẽ thấy ngay những nhận xét của tôi là đúng đắn nếu cậu đọc những cuốn sách đã được điểm. C.Béch là một tài năng lớn nhất, hơn nữa – là một thiên tài. Những hình ảnh như thế này

Tiếng sấm loan báo oang oang

Rằng tia chớp ghi vào lòng đám mây đen²⁵⁷

rất thường gặp ở ông ta. Cậu hãy nghe ông ta nói về Bóc-nơ, người được ông ta yêu mến. Ông ta nói với Si-lơ:

Không phải người con hoang tưởng Pô-da, hầu tước của người!

Mà Bóc-nơ nay có thuộc cùng giống ấy?

Ten-lơ mới từ trên núi nhìn xuống,

Thối tù và thân tự do cho chúng ta.

Bình tĩnh mài sắc mũi tên, và chiếc cung ngắn.

Và quả táo xuyên thủng run rẩy:

Mũi tên tự do xuyên suốt địa cầu^{1*}

Và ông ta mô tả tuyệt diệu như thế nào sự bần cùng của những người Do Thái và đời sống sinh viên, còn "Thi sĩ lãng du"²⁹¹! Người ơi, hãy tỉnh ngộ, hãy đọc nó! Và hãy nghe đây, nếu

1* C.Béch. Trích bài thơ "Nhà của Si-lơ ở Hô-li-xơ" ("Đêm. Những bài ca sắt thép". Chuyện kể thứ nhất. Đêm thứ năm).

cậu bác bỏ bài của Bóc-nơ nói về Ten-lơ của Si-lơ²⁴⁷, thì tôi sẽ chuyển cho cậu toàn bộ tiền nhuận bút mà tôi hy vọng nhận được qua việc dịch tác phẩm của Se-li. Tôi tha thứ cho cậu về tội cậu đã phá hủy bài viết của tôi về Vúp-pơ-tan²⁴⁴: mới đây tôi đọc lại nó và vẫn khâm phục văn phong của nó. Từ hồi ấy đến giờ tôi không viết tốt hơn được nữa. Lần sau cậu đừng quên Lê-ô và Mi-sơ-lê. Như tôi đã nói, cậu nhầm to nếu cậu nghĩ rằng những thành viên nhóm "Nước Đức trẻ" chúng tôi thổi phồng một cách gượng gạo tinh thần của thời đại; nhưng cậu hãy suy nghĩ xem nếu cái Πνευμα^{1*} ấy thổi và thổi tốt, thì chúng ta chẳng phải là những thằng ngốc hay sao nếu chúng ta không kéo buồm lên? Việc các cậu đi tiễn đưa Gan-xơ sẽ không bị lãng quên. Sắp tới tôi sẽ gửi một bài nhận xét về điều này cho báo "Elegante Zeitung"^{2*}. Tôi thấy buồn cười quá vì tất cả các cậu đều đề nghị một cách muộn mằn đáng yêu như thế xin tha thứ về tội hơi ngang tàng một tý; các cậu hoàn toàn chưa phát âm được những âm cứng, và rồi tất cả các cậu đều có mặt: Phrit-xơ tống cổ tôi xuống địa ngục, tống tiễn tôi đến tận cổng địa ngục, ông ấy cúi chào rồi đẩy tôi xuống đáy để tự mình lại bay lên trời. Qua cặp kính bằng đá bô tát của cậu cậu thấy tất cả mọi thứ thành hai và coi ba người đồng chí của mình là những vị thần từ trên núi thần Vệ nữ xuống. - Nhoc con ơi, cậu la hét gì về Ếch-các-tơ trung thành thế¹¹⁹? Cậu hãy xem kìa, chính ông ta đấy: một con người nhỏ bé, trông nghiêng có nét đặc Do Thái; ông ta tên là Bóc-nơ, chỉ cần cậu hãy để cho ông ta bắt tay vào việc, thế là ông ta sẽ đuổi toàn bộ đám tôi tớ của bà Vệ nữ đi. Sau đó, với vẻ mặt đầy nhẫn nhục cậu sẽ phải cúi chào tôi,

1* – tinh thần

2* – "Zeitung für die elegante Welt"

và cả ông Pê-tơ^{1*} cũng đến đây, ông này nửa mặt cười, nửa kia nhăn và lúc thì quay nửa cười sang tôi, lúc quay nửa nhăn sang.

Ồ Bác-men đáng yêu giờ đây người ta bắt đầu quan tâm đến văn học. Phrai-li-grát đã thành lập nhóm chuyên đề về kịch trong đó từ khi Phrai-li-grát rút lui khỏi nhóm, Stơ-ruy-cơ và Nây-bua (những viên thừa phái ở nhà Lãng-gơ-vi-sơ) là Προμαχο^{2*} các tư tưởng tự do chủ nghĩa. Đồng thời ông Ê-vích đã có những phát hiện sắc sảo: 1) rằng trong nhóm này phảng phất tinh thần của phái "Nước Đức trẻ", 2) rằng nhóm ấy in pleno^{3*} là tác giả của những bức thư từ Vúp-pơ-tan gửi cho báo "Telegraph". Và bỗng nhiên ông ta hiểu ra rằng thơ của Phrai-li-grát là thơ nhạt nhẽo nhất trên thế gian này, rằng Phrai-li-grát kém hơn đáng kể so với Đơ La Mốt Phu-kê và sau ba năm nữa sẽ bị lãng quên. Đúng hệt như lời khẳng định của C.Béch:

Ôi, Si-lơ, Si-lơ, người hay lượn trên cao,
Không quên dân chúng chịu nhiều đau khổ!
Người là người tiên tri trẻ mãi đối với mọi người.
Dùng cảm mang lá cờ tự do tiến bước!
Khi các chiến binh chạy khỏi chiến trường,
Những kẻ hèn nhát rút kiếm, bắt chéo tay, –
Người đổ nhiều máu vì sự thật
Người đốt cháy đời mình bằng sức nóng...
Thế giới không từ chối quà tặng,
Nhưng có đánh giá tình yêu của người không?
Không! Nó không hiểu nỗi đau nặng nề của người!
Khi sóng thơ người vỗ bờ lớn lên mãi,
Nó chỉ nghe trong đó âm thanh trên trời.

1* – Pê-tơ Gioong-hau

2* – những người bảo vệ

3* – toàn thể, toàn bộ

Nhưng không thấy trong đó nước mắt ứ máu^{1*}

Đoạn thơ này của ai vậy? – Của Các-lơ Bếch trích từ tập "Thi sĩ lãng du" với những dòng thơ hùng biện của ông ta và với sự lộng lẫy của các hình tượng của ông ta, nhưng cũng với sự không sáng sủa của ông ta, với những phép phóng đại quá đáng và những ẩn dụ của ông ta. Vì rằng mọi người đều thừa nhận Si-lơ là nhà thơ tự do vĩ đại nhất của chúng ta; ông dự cảm rằng sau Cách mạng Pháp một kỷ nguyên mới ắt phải tới. Còn Gơ-tơ thì không cảm thấy điều đó ngay cả sau Cách mạng tháng Bảy; còn nếu các sự kiện ập tới và bắt ông hầu như phải tin rằng đang xảy ra một điều gì đó mới, thì ông ta sẽ đi vào buồn mình và khóa chặt cửa lại để khỏi lo lắng. Điều đó rất có hại cho Gơ-tơ; nhưng khi cách mạng nổ ra thì ông đã 40 tuổi, và ông đã là một người chững chạc, thành thử không thể trách ông về việc đó. Để kết thúc, tôi muốn vẽ cho cậu xem một số hình^{2*}

1* C.Béch. "Thi sĩ lãng du". Bài thứ ba, khổ thơ 52.

2* Dưới các hình vẽ là những chữ ký sau đây (từ trái sang phải): Gemeincheit (Hèn hạ); Eine Karrikatur von Goethe (Biếm họa về Gơ-tơ); L'homme (Người); K.Gutzkow (C.Gút-xcốp); Kön Preuß.Soldat (Lính hoàng gia Phổ); Nichts (Hư vô).

Xin gửi các cậu một đồng thơ, hãy tự chia cho nhau.

Phri-đrich Ăng-ghen của cậu

Công bố lần đầu bằng trích đoạn trong tạp chí "Die neue Rundschau", 10. Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

24

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở BÁC-MEN

Brê-men, 28 tháng Chính 1839

Ma-ri-a thân mến!

Đã qua lâu rồi từ khi quý cô viết thư cho tôi, điều đó đã kéo dài khá lâu, cô ạ! Nhưng anh đề nghị em kể cho anh nghe những lỗi lầm nặng của em rồi anh sẽ kể cho em vô khối chuyện. Ngày mai là đúng hai tuần kể từ hôm bọn anh phóng ngựa đi chơi Đen-men-goóc-xtơ về. Đó là một thị trấn nhỏ ở Ôn-đen-buốc có

vườn bách thú nhỏ, được gọi như thế vì người Brê-men và người Ôn-đen-buốc hay lui tới. Tóm lại, em nghĩ gì – tụi anh chơi ở đây một tý rồi quay trở lại ngay và về đến nhà ư? Đúng, nhưng chỉ sau vô khối chuyện phiêu lưu. Khoảng nửa đường đi đầu tiên anh ngồi trong xe độc mã, khi anh đến trạm thay ngựa lại té ra chưa có kỵ mã, thế là bọn anh đã phải dừng lại chờ, phải uống bia dở và hút xì-gà tồi. Cuối cùng, những người kỵ mã cũng đã đến, nhưng đã tám giờ rồi và trời tối như mực. Nhận ngựa xong, bọn anh đi tiếp, trả tiền vào cổng thành và phóng ngựa xuyên qua Noi-stát. Bỗng nhiên xuất hiện tám tay đánh trống, họ đánh trống báo là đã tối. Họ rẽ quặt sang một góc phố, xếp hàng rồi đi thẳng tới chỗ bọn anh khiến ngựa giật sang hai bên đường, họ thúc trống mạnh hơn, còn đám thanh niên cao thượng trên đường phố Brê-men thì hét lên đến nỗi làm cho tất cả bọn anh hoảng lên, mỗi người chạy một hướng. R.Rốt và anh gặp nhau đầu tiên và phóng đi luôn sang tận phía bên kia thành phố, ở đây bọn anh lại phải nộp lệ phí, vì người chủ chuồng ngựa sống ở bên ngoài cổng thành. Ở nhà ông này bọn anh gặp những người còn lại mà ngựa của họ người ta đã dắt đi rồi, thế là bọn anh phải đi bộ về nhà, và bọn anh còn phải nộp thuế *lần thứ ba*. Chẳng lẽ đó không phải là chuyện lý thú hay sao? Chắc em không thể phủ nhận được điều đó, ít ra là khi em được biết rằng về nhà muộn bữa ăn tối, anh đã chạy ngay sang hội, ở đây anh ăn thịt bò rán cùng trứng và được chứng kiến một cuộc nói chuyện rất lý thú ngay cạnh chỗ anh ngồi, chuyện về những con chó con và những con mèo còm cõi. Indeed, very interesting! Very amusing!^{1*} Bây giờ anh đang ở trong hội, là nơi cũng giống như Côn-coóc-đi-a ở Bác-men, tức

1* – Quả thật rất thú vị, rất hấp dẫn!

là cơ sở cải tạo. Điều thích nhất ở đây là nhiều báo – báo Hà Lan, Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ và Nhật Bản. Lợi dụng cơ hội, anh học tiếng Thổ Nhĩ Kỳ và tiếng Nhật Bản và bằng cách đó giờ đây anh biết hai mươi lăm thứ tiếng. Biết điều đó sẽ rất lý thú đối với một quý cô chuẩn bị nhập trường nội trú ở Man-hem. Ở đây còn có I-a-cốp Smít, anh ta lại sẽ tới vào tuần sau và sẽ cùng anh đến hầm rượu nho. Đó chắc chắn là cơ sở tốt nhất ở Brê-men. Ngoài ra, ở chỗ bọn anh lại xuất hiện một nhà hát, nhưng anh chưa đến đó lần nào.

Farewell, my dear,

Yours for ever^{1*}

Phri-đrich

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche 'evue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4. 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

25

GỬI VIN-HEM GRE-BÔ Ở BÉC-LIN

[Brê-men], 8 tháng Mười 1839

Ôi Vin-hem, Vin-hem, Vin-hem! Thế là, cuối cùng đã có tin

1* – Tạm biệt, em thân mến, mãi mãi là anh của em

của cậu! Nào, nhóc con, nghe đây: giờ đây tôi là người theo Stơ-rau-xơ nhiệt liệt. Bây giờ các cậu hãy đến đi, giờ đây tôi đã có vũ khí, mũ sắt và lá chắn, bây giờ tôi đã cảm thấy vững tin; đến đây nhé, tôi sẽ đánh các cậu bại căng, bất chấp thần học của các cậu, rồi các cậu sẽ không biết chuồn đi đâu. Đứng, Guyn-léc-mô, *jacta est alea*^{1*}, tôi là người theo Stơ-rau-xơ, tôi là nhà thơ thảm hại núp dưới cánh của Đa-vít Phri-đrich Stơ-rau-xơ thiên tài. Nghe đây, đó là người cừ khôi nào vậy! Đây là bốn kinh Phúc âm với màu sắc hỗn loạn của chúng; phép thần bí trải ra trước mắt họ khi đang sùng kính cầu nguyện, – và kìa xuất hiện Stơ-rau-xơ, như một vị thánh trẻ phơi bày sự hỗn loạn ra ánh sáng mặt trời, và – Adios^{2*} niềm tin! – sự thần bí hóa ra là xộp như bọt biển. Đôi nơi ông ta lạm dụng lý thuyết của tôi về huyền thoại, nhưng đó chỉ là trong những điều vặt vãnh; song nhìn toàn bộ thì ông ta thiên tài. Nếu các cậu đánh đổ được Stơ-rau-xơ – eh bien^{3*}, khi đó tôi lại sẽ trở thành người kiên thành. – Tiếp nữa, qua bức thư của cậu, tôi sẽ có thể biết được rằng Men-gơ là một nghệ sĩ lớn, nếu rui thay, đã từ lâu tôi chưa được biết điều đó. Giống hệt như đối với vở "Sáo thần" (nhạc của Mô-da). Tổ chức một phòng đọc – điều đó rất tuyệt diệu, và tôi lưu ý cậu đọc những tác phẩm văn học mới sau đây: "Vua Xau-lơ", bi kịch của Gút-xcốp⁵⁹; "Sách phác thảo"⁶⁰, cùng tác giả, "Tác phẩm thơ ca" của T.Crây-xe-nác²⁵⁸ (một người Do Thái); "Nước Đức và người Đức" của Bóc-man¹⁴⁵; "Các nhà soạn kịch hiện đại", tập một, của L.Vin-bác-gơ²⁷... Tôi rất thú vị đợi

1* – thăm đã rút

2* – Vĩnh biệt

3* – này

nhận xét của cậu về "Xau-lơ"; trong "Nước Đức và người Đức", ở chỗ Bóc-man nói về Vúp-pơ-tan, ông ta dẫn ra những đoạn trích bài viết của tôi trên báo "Telegraph". – Nhưng tôi nhắc trước cậu về quyển "Lịch sử cuộc khởi nghĩa Ba lan (1830 - 1831)" của Xmít, Béc-lin, 1839²⁵⁹ chắc chắn viết theo mệnh lệnh trực tiếp của vua Phổ^{1*}. Chương nói về sự khởi đầu của cách mạng có đề từ là đoạn trích từ Tu-xi-di-xơ với nội dung đại thể như sau: bỗng nhiên họ vô cớ tuyên chiến với chúng ta, những người không có những ác ý gì!!!!²⁶⁰ Ôi một điều vô lý tày trời! Nhưng lịch sử của cuộc khởi nghĩa vẻ vang đó do bá tước Xôn-túc viết và xuất bản bằng tiếng Đức ở Stút-gát năm 1834²⁶¹ thì tuyệt vời, – ở chỗ các cậu tất nhiên quyển sách đó cũng như tất cả mọi cái tốt, sẽ bị cấm. Một tin quan trọng khác là tôi đang viết truyện ngắn và sẽ in vào tháng Giêng, dĩ nhiên nếu nó qua được khâu kiểm duyệt, mà đó là một sự lựa chọn nặng nề.

Tôi không biết có nên gửi thơ cho các cậu hay không, nhưng tôi cảm thấy lần gần đây nhất tôi đã gửi cho các cậu "Odysseus Redivivus"^{2*}, và tôi đề nghị gửi cho tôi lời nhận xét về những thứ đã gửi cho các cậu. Hiện giờ ở đây có một người được tiến cử là người bản xứ tên là Mui-lơ, ông ta sắp lên đường vượt Thái Bình Dương với tư cách là linh mục trên tàu thủy. Ông ta sống ở nhà bọn tôi; ông ta có những quan điểm cực đoan về đạo Cơ Đốc; cậu sẽ hình dung rõ điều đó, nếu tôi nói với cậu rằng gần đây ông ta chịu ảnh hưởng của *Gô-xnơ*. Thật khó hình dung ra một quan niệm dễ kích động hơn về sức mạnh của lời cầu nguyện và tác động trực tiếp của thần thánh đến đời sống. Thay vì nói

1* – Phri-đrich Vin-hem III

2* – "Ô-đi-xê phục sinh"

rằng có thể đạt được sự sắc bén lớn hơn nữa của cảm giác, thính giác, thị giác, ông ta nói: nếu Chúa chỉ cho tôi nơi phục vụ, thì Chúa cũng phải cho tôi cả sức mạnh để phục vụ; nhưng dĩ nhiên bên cạnh đó cần có lời cầu nguyện nóng hổi và cả những nỗ lực của bản thân, nếu không thì không thể đạt được gì cả, và như vậy ông ta quy sự kiện nổi tiếng, chung cho mọi người ấy chỉ độc vào những người theo đạo. Vì rằng bản thân Crum-ma-khơ lẽ ra cũng phải đồng ý rằng đó hoàn toàn là thế giới quan còn non nớt, không chín chắn. – Tôi rất thú vị thấy rằng giờ đây cậu có ý kiến tốt hơn về bài viết của tôi trên báo "Telegraph". Và lại bài ấy viết một cách bông bột, do vậy mà văn phong của bài đó là thứ văn phong mà tôi chỉ muốn viết cho truyện ngắn của tôi thôi, nhưng trong bài đó cũng có nhiều điều phiến diện và những điều chỉ đúng một nửa. Như cậu chắc hẳn đã biết, Crum-ma-khơ đã làm quen với Gút-xcốp ở Phran-phước trên sông Mai-nơ và như người ta nói, ông ta kể về mirabilia^{1*} ấy – đấy là bằng cứ chứng minh sự đúng đắn của lý thuyết huyền thoại Stơ-rau-xơ. Giờ đây tôi dựa vào văn phong hiện đại mà nhất định sẽ là lý tưởng của mọi kiểu tu từ học. Điển hình là các tác phẩm của Hai-nơ, nhưng đặc biệt là của Quy-nơ và Gút-xcốp. Song bậc thầy về loại văn phong đó là Vin-bác-gơ. Trong số những nhà tu từ học trước đây, có ảnh hưởng đặc biệt tốt đến văn phong là Lét-xinh, Gơ-tơ, Giảng Pôn và nhiều hơn cả là Bóc-nơ. Ôi, Bóc-nơ viết bằng văn phong vượt cao hơn tất cả. "Men-xen, kẻ ăn thịt người Pháp"²⁸, về mặt tu từ, là tác phẩm tốt nhất của văn học Đức và, hơn nữa, là tác phẩm đầu tiên mà nhiệm vụ của nó là tiêu diệt hoàn toàn đối thủ; ở chỗ các cậu

1* – phép màu

tất nhiên nó bị cấm để người ta đừng viết với văn phong tốt hơn văn phong trong các văn phòng hoàng gia. Văn phong hiện đại quy tụ trong nó tất cả mọi ưu điểm của văn phong: hết sức ngắn gọn và rõ ràng, nhận định đối tượng của mình bằng *một* từ, xen kẽ với việc mô tả theo lối sử thi, diêm dăm, ngôn ngữ giản dị xen kẽ với những hình tượng lấp lánh và những vẻ hào hoa của sự sắc sảo, – tóm lại, là một Ga-ni-mét khỏe mạnh, trẻ trung, đầu kết hoa hồng và tay cầm chiếc lao vừa giết được Pi-phôn. Đồng thời đối với cá tính của tác giả đã mở ra một viễn cảnh hết sức rộng lớn, cho nên mặc dù cùng một kiểu nhưng không người nào bắt chước người nào. Hai-nơ viết một cách chói lọi, Vin-bác-gơ viết một cách ám áp chân tình và xán lạn, Gút-xcốp có tính chuẩn xác đáng sùng sốt và đôi khi được ánh mặt trời xán lạn chiếu dội, Quy-nơ viết một cách xúc tích dễ chịu, ở ông đôi khi có quá nhiều ánh sáng và quá ít bóng tối. Lau-bê bắt chước Hai-nơ, và giờ đây cũng bắt chước cả Gơ-tơ nữa, nhưng bắt chước một cách què quặt, vì ông ta bắt chước người theo Gơ-tơ là Vác-ha-ghen, còn Mun-tơ cùng bắt chước Vác-ha-ghen. Mác-gráp viết còn quá chung chung và dường như cố vắt óc và thở hồng hộc, nhưng điều đó sẽ lắng xuống, còn văn xuôi của Béch thì chưa ra khỏi giai đoạn học sinh. Nếu kết hợp tính chất văn hoa của Giảng Pôn và tính chính xác của Bóc-nơ thì sẽ được những nét cơ bản của văn phong hiện đại. Gút-xcốp đã thành công trong việc tiếp thu văn phong xán lạn, nhẹ nhàng nhưng khô khan của người Pháp. Văn phong Pháp này giống như mạng nhện mùa hè; văn phong Đức hiện đại giống như một tấm lụa. (Hình ảnh này tiếc rằng không đạt.) Nhưng việc vì cái mới tôi không quên cái cũ, được công việc nghiên cứu của tôi về các bài ca thần thánh của Gơ-tơ chứng minh. Nhưng cần nghiên cứu chúng về mặt âm nhạc, tốt hơn cả là trong những kết cấu khác nhau. Để làm ví

dụ tôi dẫn ra đây cho cậu đoạn nhạc "Bài ca liên minh"^{1*}

của Rai-hác-tơ. Tôi lại quên cách phân nhịp rồi, thôi cứ để Hoi-dơ phân nhịp cho cậu vậy. Âm điệu tuyệt vời và nhờ sự giản dị về hòa âm mà nó thích hợp hơn cả với lời. Bước thăng lên âm thứ bảy, từ mi đến rê, và bước giáng nhanh xuống âm thứ chín, từ xi đến la, thật tuyệt vời. Về "Mi-de-re-rơ" của Lê-ô-nác-đô Lê-ô tôi sẽ viết cho Hoi-dơ.

Nay mai tôi sẽ gửi A-đôn-phơ Toóc-xtơ-rích đến chỗ các bạn, cậu này là bạn tốt của tôi, cậu ta sẽ đến đây học tập; Toóc-xtơ-rích là một chàng trai vui tính, dễ khoan nhượng và thạo tiếng Hy Lạp. Những người Brê-men khác sẽ tới đó thì không có giá trị nhiều. Tôi sẽ nhờ Toóc-xtơ-rích chuyển thư đến cho các cậu. Mong cậu đón tiếp cậu ấy cho tốt, tôi hy vọng các cậu sẽ thích cậu ấy. Phrit-xơ vẫn chưa viết gì cho tôi, vermicul^{2*} dự định sẽ

1* Dưới đây xin dịch lời thơ phổ nhạc:

- Hỡi các bạn, hãy gắn bó nhau bằng tình yêu và rượu,

Mỗi lần gặp chúng ta luôn hát bài ca này.

Sự liên minh giữa chúng ta đời đời: Chúa liên kết chúng ta.

Hãy giữ lấy ngọn lửa Chúa đã nhen lên.

(Khổ thơ thứ nhất "Bài ca liên minh" ("Bundeslie") của Gơ-tơ được nhà soạn nhạc Rai-hác-tơ phổ nhạc).

2* Vermicul – tiếng la-tinh có nghĩa là "Con giun nhỏ", ám chỉ Vương-mơ: "Wurm" – tiếng Đức có nghĩa là con giun.

viết từ En-bơ-phen-đơ, nhưng vì lười nên chưa viết, vì vậy cậu hãy mắng cho cậu ta một trận hộ tôi! Nếu Hoi-dơ về đến nơi, hãy nói cho cậu ấy hiểu rằng sở dĩ tôi không viết về En-bơ-phen-đơ cho cậu ấy vì e rằng thư sẽ đến muộn, nhưng cậu ấy cứ yên trí nhất định sắp tới cậu ấy sẽ nhận được cái gì đó.

Phri-đrich Ăng-ghen của cậu

Công bố lần đầu dưới dạng trích đoạn trong tạp chí "Die neue Rundschau". 10. Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

26

GỬI VIN-HEM GRE-BƠ Ở BÉC-LIN^{1*}

[Brê-men], 20-21 tháng Mười [1839]

Ngày 20 tháng Mười. Gửi ngài Vin-hem Gre-bơ. Tôi đang trong tâm trạng đa cảm, tình hình tồi tệ. Tôi ở lại đây, ở lại không có bất kỳ nhóm bạn bè nào. Một người cuối cùng trong nhóm bạn bè cũng đã ra đi cùng với A-đôn-phơ Toóc-xtơ-rích, người đưa bức thư này đến cho ngài. Tôi ăn mừng ngày 18 tháng Mười như thế nào, cậu có thể đọc trong thư gần đây nhất của tôi gửi Hoi-dơ. Hôm nay nhậu nhẹt, ngày mai buồn bã, ngày kia Toóc-xtơ-rích ra đi, ngày thứ năm anh sinh viên nêu trong bức

1* Ở mặt sau thư đề: Gửi ngài Vi-hem Gre-bơ, Béc-lin. Mittelstraße. tầng 3.

thư nhắc tới ở trên trở về, rồi hai ngày vui vẻ, còn sau đó là mùa đông cô đơn, khủng khiếp. Trong số những người ở đây không thể nhận được với ai, tất cả bọn họ đều là những kẻ hủ lậu, tôi ngồi đây với cả một kho lưu trữ những bài hát thời sinh viên còn nguyên vẹn trong ký ức, với những tư chất của chàng sinh viên cuồng phóng, một mình trong sa mạc lớn không có bạn cùng uống rượu, không có tình yêu, không có trò tiêu khiển, một mình với thuốc lá, bia và hai người quen không có khả năng nhận nhệ. Tôi sẵn sàng cất tiếng hát: "Tiên đây, con ơi, hãy cầm lấy, đừng ngại, cứ chèn chén lu bù comme il faut^{1*}, mặc cho trời nóng, không có quà cho bố càng tốt"²⁶², – nhưng tôi đưa tiền của tôi cho ai đây? Rồi nữa, tôi không biết làn điệu này tiếp diễn ra sao nữa. Tôi chỉ còn một hy vọng: đón các cậu sau một năm nữa, khi tôi về nhà ở Bác-men, và nếu vị cha cố vẫn dứt khoát không lung lạc được cậu, Gioong-hau và Phrít-xơ, thì sẽ nhận một châu với các cậu ở đấy.

Ngày 21. – Hôm nay là một ngày buồn khủng khiếp đối với tôi. Tôi làm việc trong văn phòng, đến gần chết. Sau đó tôi đến Học viện thanh nhạc – thật hết sức thú vị. Cần phải nghĩ xem còn viết gì cho các cậu đây. Thơ – có dịp thuận tiện là gửi ngay, giờ đây tôi chỉ không có thì giờ chép lại. Ngay cả trong bữa ăn cũng không có gì đặc biệt, lúc nào cũng thấy buồn bã. Đã thế trời lại rét quá đến nỗi ngồi trong văn phòng không thể chịu được. Nhưng ơn Chúa, có hy vọng là ngày mai người ta sẽ bớt lò. Chắc tôi sắp nhận được thư của anh Héc-man của cậu; cậu ấy muốn thăm dò các quan điểm thần học của tôi và đánh đổ các quan niệm của tôi. Tất cả những điều đó là do thái độ hoài nghi; một nghìn cái móc mà cậu dùng để bám lấy cái cũ, đang

1* – ra trò, thoải mái

tuột đi, bám đầu đó ở một chỗ khác, và khi đó bắt đầu những cuộc tranh cãi. Quỷ tha ma bắt thằng Vuốc-mơ đi, chẳng có tin gì về chàng trai này cả, cậu ấy ngày càng trở nên một kẻ đại bịp. Tôi cảm thấy cậu ấy kết thúc bằng việc đâm ra uống rượu. Các cậu hãy tiếp đón thân mật Toóc-xơ-rích, cậu ấy sẽ kể cho các cậu nghe về tôi, nếu các cậu quan tâm, và nhớ chiêu đãi tốt cậu ấy.

Farewell^{1*}.

Phri-đrich Ăng-ghen của cậu

*Công bố lần đầu trong cuốn sách: F.Engels.
"Schritten der Frühzeit" Berlin, 1920*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

27

GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BỐ

[Brê-men], 29 tháng Mười [1839]

Phrít-xơ thân mến của tôi, tôi không có lối nghĩ như mục sư Sti-rơ đâu. – Ngày 29 tháng Mười, sau những ngày hội chợ vui vẻ và những ngày đòi hỏi phải làm việc khẩn trương và vất vả để viết tin bài gửi về Béc-lin tiện khi có dịp tốt, cũng như cả sau khi gửi thư cho V.Blăng-cơ đã phải đợi thư lâu, cuối cùng tôi có thể tranh luận thân mật với cậu.

Bài khảo luận về cảm hứng cậu viết khá hời hợt; vì không

1* – Tạm biệt.

thể hiểu theo nghĩa đen như thế được trong khi cậu viết: các tông đồ đã truyền bá kinh Phúc âm dưới dạng thuần túy, nhưng sau khi họ chết thì việc đó đã chấm dứt. Trong trường hợp như vậy, cậu phải tính vào số tông đồ cả tác giả của quyển "Sự tích của các tông đồ" và "Thư gửi những người Do Thái" nữa và *chứng minh* rằng các kinh Phúc âm đúng là do Ma-thi-ơ, Mác-xơ, Lu-ca và Giăng viết, trong khi về ba người đầu có thể dứt khoát khẳng định điều ngược lại. Tiếp theo cậu nói: tôi không nghĩ rằng trong kinh thánh chúng ta đã tìm thấy một cảm hứng khác với ở các tông đồ và các nhà tiên tri khi họ phát biểu và thuyết giáo cho dân chúng. Tốt thôi, nhưng có cần cảm hứng để ghi chép đúng đắn những lời thuyết giáo ấy hay không? Và nếu như vậy, cậu cho rằng trong kinh thánh có những đoạn không gây cảm hứng thì cậu vạch giới hạn giữa chúng ở chỗ nào? Cậu hãy cầm lấy kinh thánh và đọc – cậu sẽ không muốn bỏ một dòng nào ngoài những chỗ có mâu thuẫn thực tế; nhưng những mâu thuẫn ấy kéo theo hàng loạt các hệ quả khác; thí dụ, về một mâu thuẫn như thế này: những người con của I-xra-en chỉ sống ở Ai Cập trong bốn đời, trong khi ở thư gửi giáo dân Ga-lát (nisi erro^{1*}) thánh Pôn nói là 430 năm^{2*}, điều này ngay cả ông mục sư của tôi, người muốn để cho tôi không hay biết gì, cũng thừa nhận là một mâu thuẫn. Cậu vốn dĩ không nói với tôi rằng không nên coi lời của thánh Pôn là linh cảm thần thánh với lý do là ông ta nhắc đến điều này một cách ngẫu nhiên và ông ta tuyệt nhiên không viết lịch sử, – mặc khải gì mà kỳ thế, trong đó lại có cả những điều thừa, không cần thiết. Nhưng nếu cho là có mâu thuẫn thì, có thể, cả hai đều không có lý, và toàn bộ

1* – nếu tôi không nhầm

2* Kinh thánh. Kinh Tân ước. Thư của tông đồ Pôn gửi giáo dân Ga-lát, chương 3, dòng thơ 17.

lịch sử kinh Cựu ước hiện ra trước chúng ta dưới ánh sáng mập mờ nào đó, và lại nói chung, như mọi người thừa nhận, trừ mục sư Ti-le ở Ô-béc-nây-lan gần Brê-men, biên niên sử kinh thánh đã mất đi tất cả mọi đặc trưng của cảm hứng mà không còn một mảy may hy vọng gì nữa. Lịch sử kinh Tân ước nhờ thế có được tính chất càng huyền thoại hơn, và chẳng bao lâu nữa, điều đó sẽ được tất cả mọi bực giảng ở nhà thờ thừa nhận. – Về việc Giô-xu-ê Na-vin bắt mặt trời dừng lại, thì lý lẽ mạnh mẽ nhất của các cậu là: khi nói điều này Giô-xu-ê Na-vin chưa có cảm hứng, còn về sau, khi viết sách, dưới ảnh hưởng của cảm hứng, ông đơn thuần kể về các sự kiện thôi. Thuyết chuộc tội. – "Con người sa ngã đến nỗi tự mình không thể làm được điều gì tốt". Phrit-xơ thân mến, cậu hãy vứt chuyện vớ vẩn chính thống cực đoan và hoàn toàn không thuộc kinh thánh ấy đi. Hồi ở Pa-ri bản thân Bóc-nơ chỉ sống vừa đủ, còn bao nhiêu tiền nhuận bút về các tác phẩm của mình ông đã phân phát hết cho những người Đức túng thiếu – thế mà ông không được thậm chí nửa lời cảm ơn, – thì cần phải nghĩ rằng đó là điều gì đó tốt phải không? Còn Bóc-nơ quả thật không phải là "người được sinh ra lần thứ hai". – Đã thế, các cậu tuyệt nhiên không cần đến luận cương đó, một khi giờ đây các cậu đã có học thuyết về tội tổ tông. Ki-tô cũng không biết tội ấy cũng như nhiều cái khác trong học thuyết của các tông đồ. – Tôi ít suy nghĩ hơn cả đến học thuyết về tội lỗi, song tôi thấy rõ rằng khả năng có tội của loài người là không tránh khỏi. Chính giáo xem xét một cách đúng đắn mối quan hệ giữa tội lỗi và các tai họa trên trần gian, bệnh tật v.v., nhưng nó nhầm lẫn, coi tội lỗi là nguyên nhân của tất cả mọi tai họa ấy, điều này chỉ đúng trong những trường hợp cá biệt. Cả hai, tội lỗi và tai họa, quy định lẫn nhau và cái này không thể tồn tại mà không có cái kia. Nhưng vì sức mạnh của con người không có tính chất thần thánh, nên không khỏi nảy

sinh khả năng phạm tội; sở dĩ tội lỗi ắt phải diễn ra trong thực tế do trình độ phát triển thấp kém của những người đầu tiên, còn việc cho đến nay tội lỗi vẫn không chấm dứt thì điều đó lại có những lý do tâm lý của nó. Tội lỗi không thể hoàn toàn chấm dứt trên trái đất, vì nó do tất cả mọi điều kiện của sự tồn tại trên trái đất gây ra, nếu không thì Chúa đã phải tạo ra những con người khác đi. Nhưng vì Chúa đã tạo ra họ như vậy rồi, nên Chúa không thể nào đòi hỏi họ tuyệt đối không mắc tội, mà chỉ đòi hỏi họ đấu tranh với tội lỗi mà thôi; chỉ có tâm lý học hời hợt của những thế kỷ trước đây mới có thể kết luận rằng cuộc đấu tranh đó phải đột ngột chấm dứt cùng với cái chết, tiếp theo cái chết là *dolce far niente*^{1*} nào đó. Vì rằng nếu có những tiền đề ấy thì sự hoàn hảo về đạo đức chỉ có thể đạt được cùng với sự hoàn hảo của tất cả mọi lực lượng tinh thần khác, cùng với việc hòa tan trong linh hồn thế giới, và ở đây tôi đi tới học thuyết của Hê-ghen mà Lê-ô đã tấn công điên cuồng như vậy. Và lại, luận đề siêu hình nói sau cùng này tiêu biểu cho cái kết luận mà bản thân tôi chưa biết nên có thái độ đối với nó ra sao. – Tiếp nữa, theo những tiền đề đó, chuyện A-dam chỉ có thể là một huyền thoại, vì A-dam hoặc phải ngang hàng với Chúa nếu A-dam được tạo ra vô tội như vậy hoặc buộc phải phạm tội nếu khi được tạo nên ông ta chỉ được ban phát những năng lực của con người. – Lý luận của tôi về tội lỗi, chưa được chín chắn và chưa đầy đủ, là như thế; trong trường hợp như vậy thì tôi còn cần sự chuộc tội để làm gì? – "Nếu Chúa muốn tìm thấy lối thoát giữa công lý trừng phạt và tình yêu chuộc tội, thì phương tiện duy nhất còn lại chỉ là sự tạm quyền". Giờ đây các cậu xem các cậu là người gì vậy. Các cậu chỉ trích chúng tôi rằng chúng tôi ném quả xông phê phán của mình vào chiều sâu đạo lý thần thánh, còn bản thân

1* – sự nhàn hạ khoái lạc

các cậu ở đây thì đặt giới hạn cho đạo lý thần thánh. Ngay cả ông Phi-líp-pi cũng không thể vạch mặt mình tốt hơn. Còn nếu thậm chí thừa nhận sự cần thiết của biện pháp duy nhất ấy, thì chẳng lẽ sự tạm quyền không còn là sự bất công nữa hay sao? Nếu Chúa thực sự nghiêm khắc như thế đối với mọi người, thì Chúa cũng phải nghiêm khắc ở đây và không được nhắm mắt. Có điều cậu hãy suy nghĩ rạch ròi, dứt khoát hệ thống này, thế là những chỗ yếu của nó sẽ không tuột khỏi tay cậu. – Sau đó cần phải phản bác rất bay bướm chống sự "tạm quyền với tư cách là biện pháp duy nhất", mà chính cậu sẽ nói: "Con người không thể trở thành kẻ trung gian, nếu thậm chí người đó được hành vi của đáng toàn năng thần thánh miễn khỏi mọi tội lỗi". Có nghĩa là vẫn còn có cả con đường khác chẳng? Đúng, nếu chính giáo không có đại biểu ở Béc-lin tốt hơn giáo sư Phi-líp-pi, thì đúng là tình hình của chính giáo là xấu. – Nguyên tắc tính xác đáng của việc tạm quyền âm thầm xuyên suốt toàn bộ sự suy luận. Đó là kẻ giết người mà các cậu đã thuê để thực hiện mục đích của các cậu và sau đó nó sẽ giết chính các cậu. Tiếp nữa, các cậu tuyệt nhiên không cố gắng thực sự chứng minh rằng nguyên tắc ấy không mâu thuẫn với công lý thần thánh, và – có điều các cậu hãy thú nhận một cách thật thà đi – các cậu tự mình cảm thấy rằng các cậu buộc phải sử dụng bằng chứng ấy chống lại lương tâm của bản thân các cậu, vì thế các cậu né tránh nguyên tắc và lạng lẽ thừa nhận sự thực là hợp lý, tô điểm cho nó một số câu rất kêu về tình yêu đồng cảm v.v.. – Chúa ba ngôi là điều kiện chuộc tội". Đó vẫn là kết quả đúng một nửa của hệ thống của các cậu. Dĩ nhiên, hai ngôi cần phải chấp nhận, nhưng còn ngôi thứ ba thì chấp nhận chỉ vì truyền thống thường là thế.

"Nhưng để đau khổ và chết, Chúa phải trở thành người, vì, chưa nói gì đến tính chất không thể có một cách siêu hình của việc giả định trong bản thân Chúa có khả năng chịu đau khổ,

cũng đã có tính tất yếu về luân lý do lẽ công bằng quy định". – Nhưng nếu các cậu đồng ý rằng không thể có chuyện Chúa có thể đau khổ, thì có nghĩa là trong con người Ki-tô *Chúa* không đau khổ, mà chỉ có con người và – "con người không thể trở thành kẻ trung gian". Cậu còn thông minh đến mức ở đây cậu không như nhiều người bầu víu vào kết luận cực đoan nhất: "do đó, Chúa đã phải đau khổ" – và cậu kiên quyết bảo vệ cách hiểu của cậu. Cũng không rõ điều đó có quan hệ như thế nào với "tính tất yếu luân lý do lẽ công bằng quy định". Nếu nguyên tắc tạm quyền được chấp nhận thì không nhất thiết kẻ đau khổ phải chính là con người; nếu chỉ có người đó là Chúa. Nhưng chúa không thể đau khổ, ergo^{1*} – chúng ta đã không nhích lên. Sự suy diễn của các cậu là như vậy, trong mỗi bước đi tôi đều phải có những nhượng bộ mới đối với các cậu. Không có gì phát triển hoàn toàn giống hệt cái có trước. Vậy, ở đây tôi lại buộc phải nhượng bộ cậu ở chỗ kẻ trung gian cũng phải là người, mà điều đó tuyệt nhiên không được chứng minh; nhưng nếu tôi không nhượng bộ trong việc này thì tôi sẽ không thể thừa nhận điều tiếp theo. "Nhưng bằng cách sinh sản tự nhiên không thể có sự biến thành người của Chúa được, vì nếu thậm chí Chúa kết hợp với một sinh linh do một cặp bố mẹ sinh ra và được đấng toàn năng xóa tội, thì Chúa sẽ chỉ kết hợp với sinh linh đó, chứ không phải với bản tính con người,... và chỉ trong thân thể Ma-ri-a đồng trinh Chúa mới được bao bọc trong bản tính con người; chất thần thánh của Chúa đã chứa đựng sức mạnh tạo nên cá nhân con người". – Cậu hãy xem, đó là phép ngụy biện thuần túy buộc các cậu phải dùng đến khi cần tấn công vào tính tất yếu của sự thụ thai siêu tự nhiên. Để xem xét vấn đề này theo cách khác, ngài giáo sư bèn nhét vào một cái thứ ba: nhân cách. Nhưng

1* – do đó

điều đó không có quan hệ gì với vấn đề. Trái lại, mối liên hệ với bản tính con người càng sâu sắc hơn, nhân cách càng có tính người và tinh thần làm sống lại nhân cách đó càng có tính chất thần thánh. Ở đây, ở mặt sau còn tiềm ẩn cả sự hiểu nhầm thứ hai nữa: các cậu lẫn lộn thân thể và nhân cách; điều đó trở nên càng rõ ràng qua những lời sau đây: "Mặt khác, Chúa không thể lồng mình vào loài người dưới dạng hoàn toàn cách biệt như A-dam thứ nhất, vì trong trường hợp này Chúa sẽ không có mối liên hệ nào với thực thể bản tính sa ngã của chúng ta". Do đó, vấn đề là *thực thể*, là cái có thể sờ mó được, là cái nhục thể hay sao? Nhưng điều lý thú nhất là kết luận nặng tính thuyết phục nhất nghiêng về sự thụ thai siêu tự nhiên, giáo lý về tính không có nhân cách của bản tính con người trong Ki-tô, chỉ là kết luận theo thuyết ngộ đạo rút ra từ sự thụ thai siêu tự nhiên. (Ngộ đạo dĩ nhiên không phải với ý nghĩa quan hệ với một giáo phái nào đó, mà với ý nghĩa *gnōdis*^{1*} nói chung). Nếu trong Ki-tô, Chúa không thể đau khổ, thì con người không có nhân cách càng ít có thể đau khổ, – và điều đó thể hiện ra bên ngoài thông qua toàn bộ sự thâm thúy. "Như vậy, Ki-tô xuất hiện trước chúng ta không có những nét con người đặc biệt". Đó là lời khẳng định hoàn toàn không có căn cứ; ở tất cả bốn tác giả Phúc âm đều có đặc tính xác định của Giê-xu, trùng khớp ở những điểm căn bản của mình. Thí dụ, chúng ta có quyền khẳng định rằng tông đồ Giăng có tính cách gần với Ki-tô hơn cả, nhưng nếu Ki-tô không có những đặc điểm nào của người, thì từ đó có thể kết luận rằng Giăng cao hơn tất cả; mà lời khẳng định đó có thể tỏ ra là mạo hiểm.

Đây là phần trả lời cho suy luận của cậu. Lời giải đáp đó

1* – tri thức

không đạt lắm, tôi không có sẵn những bản ghi chép, mà chỉ có những quyển sổ hóa đơn và biên lai. Vì thế tôi xin thứ lỗi về những điểm không rõ ràng lọt vào ở một số nơi. – Không có tầm hơi gì về ông anh của cậu cả. – Du reste^{1*}, nếu các cậu thừa nhận sự ngờ vực của tôi là chính trực, thì các cậu giải thích hiện tượng này thế nào? Tâm lý chính thống giáo của các cậu không thể không liệt tôi vào số những người hủ lậu nhất, đặc biệt là bây giờ, khi tôi đã chết hẳn. Tôi đã thể trước lá cờ của Đa-vít Phri-drích Stơ-rau-xơ và đã trở thành nhà thần thoại học trước nhất; tôi cam đoan với cậu rằng Stơ-rau-xơ là con người tuyệt vời và thiên tài kỳ diệu, ông ấy sắc sảo hơn bất cứ ai. Ông ấy đã làm cho các quan điểm của các cậu mất hết cơ sở; nền tảng lịch sử của chúng đã bị triệt phá không còn cách quay trở lại, và tiếp theo nó là cả nền tảng giáo điều. Hoàn toàn không thể đánh đổ Stơ-rau-xơ, vì thế những người kiên thành cay cú điên cuồng như thế đối với ông ấy; Heng-xten-béch gào thét trên báo "Kirchen-Zeitung", cố gắng rút ra từ lời nói của ông những kết luận sai lệch và sử dụng những kết luận ấy để nhằm vào những mục đích thâm hiểm chống lại tính cách của ông. Đây là điều làm cho tôi căm thù bản thân Heng-xten-béch và những kẻ tâm phúc của y! Họ có liên quan gì đến nhân cách của Stơ-rau-xơ; nhưng họ muốn bằng mọi cách bôi nhọ cho bằng được tính cách của ông để người ta sợ không dám theo các quan điểm của ông. Đó là bằng cứ tốt nhất chứng minh rằng họ không thể đập đổ ông được.

Nhưng tôi đã nghiên cứu đầy đủ thần học và giờ đây tôi muốn trình bày những vấn đề khác. Ta thấy Hiệp bang Đức⁷⁷ đã có những phát hiện tuyệt vời dường nào từ sự "mỵ dân" và từ tất cả

1* – Và lại

những cái gọi là âm mưu, qua việc chuyện đó chiếm hẳn 75^{1*} trang in²⁶³. Tôi chưa nhìn thấy quyển sách, nhưng đã đọc những trích đoạn sách đó trên các báo, qua đó càng thấy các nhà cầm quyền đáng nguyên rủa của chúng ta đả nhân dân Đức món đối trá hèn hạ nào. Hiệp bang Đức khẳng định một cách láo xược trâng tráo rằng các tội phạm chính trị đã bị các "quan tòa hợp pháp" lên án; trong khi đó ai ai cũng biết rằng ở khắp nơi người ta đã thành lập những ủy ban đặc biệt, đặc biệt là ở những nơi có tòa án công khai, còn những gì đã diễn ra trong những ủy ban đó dưới tấm màn bí mật thì điều đó không ai biết, vì người ta bắt các bị cáo phải thể không nói gì về việc thẩm vấn. Công lý hiện hành ở Đức là như thế, và chúng ta không có gì, hoàn toàn không có gì để kêu ca! – Cách đây sáu tuần đã ra mắt một quyển sách tuyệt vời: "Nước Phổ và tính cách Phổ" của I-a.Vê-nê-đây, Man-hem, 1839²⁶⁴, – trong đó phân tích kỹ pháp luật Phổ, việc quản lý nhà nước, việc phân bổ thuế v.v., kết quả hoàn toàn rõ ràng: việc trao những khoản ưu đãi cho giới quý tộc giàu có bằng cách tước đoạt của người nghèo, tiến tới chế độ quân chủ chuyên chế bất di bất dịch; những biện pháp để làm việc đó là: đè nén việc giáo dục chính trị, kìm hãm đa số nhân dân trong cảnh dốt nát, lợi dụng tôn giáo, sự hào nhoáng lộng lẫy bên ngoài, sự khoác lác vô hạn, tạo vẻ ngoài lừa dối như thể các nhà cầm quyền bảo hộ giáo dục. Hiệp bang Đức lập tức ra lệnh cấm quyển sách và tịch biên những bản sách chưa kịp bán; điều nói sau cùng này là biện pháp có cũng như không, vì người ta chỉ hỏi các nhà buôn sách xem họ có những bản sách ấy hay không, tất nhiên người nào thông minh đều trả lời: không. – Nếu cậu có thể kiếm được quyển sách đó ở đấy, thì cậu hãy đọc nó đi, vì đó

1* Trong bản thảo viết nhầm là 85.

không phải là những lời khoác lác^{1*}, mà là những bằng chứng khai thác trong *bộ luật Phổ*¹⁸⁸. – Đặc biệt tôi muốn kiểm quyển "Me-xen, kẻ ăn thịt người Pháp" của Béc-nơ²⁸. Tác phẩm ấy chắc chắn là tác phẩm tốt nhất trong dòng văn xuôi Đức, cả về văn phong lẫn về độ phong phú của tư tưởng; tác phẩm ấy tuyệt diệu; ai không biết nó, người đó không hình dung được sức mạnh tiềm ẩn trong tiếng nói của chúng ta là gì^{2*}.

*Công bố lần đầu trong cuốn sách F.Engels.
"Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

28

GỬI VIN-HEM GRE-BƠ Ở BÉC-LIN

[Brè-men], 13-20 tháng Mười một 1839

Ngày 13 tháng Mười một 1839. Guy-li-en-me vô cùng thân mến, vì sao cậu không viết thư? Tất cả các cậu đều thuộc giống người lười nhác. Còn tôi hoàn toàn khác! Tôi chẳng những viết cho các cậu nhiều hơn mức các cậu đáng được, tôi không chỉ tìm hiểu cận kề toàn bộ nền văn học thế giới, mà còn lạng lẽ tự đáp cho mình một đài kỷ niệm vinh quang từ những truyện

1* – Chỗ này bản tiếng Nga dùng chữ "rô-đô-mông" có nghĩa là những lời khoác lác; theo tên của chiến binh Rô-đô-mông kiêu hãnh trong tác phẩm "Rô-lăng giận dữ" của A-ri-ô-xtô.

2* Không có phần cuối bức thư này.

ngắn và thơ mà, nếu hơi thở của cơ quan kiểm duyệt không biến chất thép sáng loáng thành chất gỉ ghê tởm, thì tượng đài này sẽ chiếu dội ánh huy hoàng xán lạn, trở trung cho tất cả các quốc gia nói tiếng Đức, trừ nước Áo. Ngực tôi lúc nào cũng bốc men và sôi sục, đầu óc đôi khi không tỉnh táo của tôi thường xuyên bốc cháy; tôi mệt mỏi trong việc tìm kiếm một tư tưởng vĩ đại sẽ tẩy tất cả những gì vẩn đục trong tâm hồn tôi và biến sức nóng thành ngọn lửa sáng chói. Giờ đây trong con người tôi đang nảy nở một chủ đề vô cùng kỳ vĩ mà so với nó thì tất cả những điều tôi viết trước đây chỉ là trò trẻ con. Tôi muốn trình bày trong "truyện ngắn cổ tích", hoặc trong cái gì đó tương tự như vậy, những hoài bão hiện đại đã bộc lộ vào thời trung cổ; tôi muốn làm sống lại những vị thần khi bị chôn vùi dưới móng các nhà thờ và các ngục tối dưới đất, đã từng vật lộn dưới vỏ cứng của trái đất, hăng say đấu tranh để được giải phóng. Tôi muốn tìm cách giải quyết dù chỉ một phần cái nhiệm vụ mà Gút-xcốp đã đặt ra cho bản thân: chỉ còn phải viết phần thứ hai đích thực của vở "Phau-xtơ", trong đó Phau-xtơ không còn là kẻ ích kỷ nữa, mà hy sinh mình vì loài người. Kìa "Phau-xtơ", kìa "Người Do thái lang bạt muôn thuở", kìa "Người thợ săn mông muội" – ba kiểu tự do được dự cảm của tinh thần, cả ba có thể dễ dàng gắn lại với nhau và kết hợp với I-an Hu-xơ. Với tôi ở đây có nền thơ ca tuyệt biết chừng nào mà trên đó ba con quỷ ấy đang tác yêu tác quái! Bản trường ca tôi bắt tay vào viết trước đây về "Người thợ săn mông muội" đã hòa tan trong đó. Ba loại ấy (các người ơi, vì sao các người không viết? đã đến ngày 14 tháng Mười một rồi đấy) tôi xử lý hoàn toàn độc đáo; tôi chờ đợi tác dụng đặc biệt của việc lý giải A-ga-xphe-rơ và "Người thợ săn mông muội". Để làm cho tác phẩm có thi vị hơn và có ý nghĩa hơn, tôi dễ dàng có thể thêm bớt vào đó những yếu tố khác lấy từ các truyền thuyết Đức – những tài liệu nào đó đã có sẵn. Trong khi truyện ngắn mà giờ đây tôi đang viết, đúng ra là một bài tập về phong cách và về việc mô

tả các tính cách, ý đồ mới sẽ là một tác phẩm đích thực mà nhờ nó tôi hy vọng có được tên tuổi.

Ngày 15 tháng Mười một. Cả hôm nay cũng không thấy thư đến? Tôi phải làm gì với các cậu đây? Tôi phải nghĩ thế nào về các cậu? Tôi không hiểu các cậu. Ngày 20 tháng Mười một. Mà nếu hôm nay các cậu không viết, thì tôi sẽ thiến các cậu trong tưởng tượng và bắt các cậu phải chờ đợi như các cậu bắt người khác chờ. Ác giả ác báo, ăn miếng trả miếng, thư đổi thư. Nhưng các cậu là đồ giả dối, các cậu vẫn nói: không ác giả ác báo, không ăn miếng trả miếng, *không* thư đổi thư, – và cứ để tôi với thuật ngụy biện Cơ Đốc giáo đáng nguyên rủa của tôi. Không làm một tên đa thân giáo tốt còn hơn là một tên Cơ Đốc giáo tồi.

Những thi sĩ viết về nỗi đau đớn của thế gian

Đã xuất hiện chàng thanh niên Do Thái, Tê-ô-đo Crây-xe-nác, người viết những bản trường ca tuyệt vời và làm thơ còn hay hơn nữa. Cậu ấy đã viết vở hài kịch⁶⁸ chế giễu rất mạnh V.Men-xen cùng đồng bọn. Giờ đây tất cả mọi người đều hướng tới trường phái mới, xây dựng nhà cửa, lâu đài hoặc lầu trên nền móng những tư tưởng vĩ đại của thời đại. Tất cả những cái khác đều tan thành mây khói, những bài ca ủy mị im bật không nghe thấy, và tiếng tù và đi săn ngân vang đang chờ đợi người thợ săn thối kèn báo hiệu đi săn những kẻ tàn bạo; lúc đó trên các ngọn cây cơn giông của Chúa vút qua, còn thanh niên Đức đứng

trong rừng rậm tay vung kiếm và nâng cao những chiếc cốc đầy rượu; trên đỉnh núi, những lâu đài đang ngùn ngụt bốc cháy, ngai vàng lung lay, các bàn thờ rung lên bần bật, và nếu Chúa kêu gọi lao vào cơn giông, lao vào bão tố: tiến lên, tiến lên, – thì ai dám chống lại chúng ta?^{1*}

Ở Béc-lin có một nhà thơ trẻ, Các Gruyn, vừa rồi tôi đọc quyển "Sách du lịch" của anh này – quyển sách rất tốt²⁵⁶. Nhưng anh ấy hình như đã 27 tuổi, và vì thế lẽ ra anh ta có thể viết

1* Tiếp theo là bản sao nguyên bản câu đùa dưới đây: "Chúng tôi, Phri-đrich Ăng-ghen, thi sĩ tối cao ở hầm rượu thành phố Brê-men và bọm nhậu có đặc quyền, xin công bố và loan báo cho tất cả mọi người trong quá khứ, hiện tại, vãng mạng và tương lai rằng tất cả các vị đều là đồ ngốc, đồ lười, đang tàn lụi vì sự tồn tại rỗng tuếch của chính mình, những kẻ bọm không viết cho tôi, vân vân. Viết trên cột trong văn phòng không phải sau lúc rượu vào. Phri-đrich Ăng-ghen".

tốt hơn. Đôi khi anh ta có những ý rất đạ nhưng thường xuyên có lối văn khoa trương đáng ghê kiêu Hê-ghen. Thí dụ, nên hiểu đoạn này như thế nào:

"Xô-phô-clơ là Hy Lạp đạo đức cao cả đã cho những nhiệt tình lớn lao của mình vào bức tường tất yếu tuyệt đối mà vỡ tan tành. Trong Sếch-xpia đã phát hiện thấy có khái niệm tính chất tuyệt đối".

Tối hôm kia, khi ở trong hầm rượu tôi uống khá nhiều: hai chai rượu nho và hai chai rượu ruy-đe-xhai-mơ năm 1794. Tôi có mặt trong nhóm với nhà xuất bản in spe của tôi^{1*} cùng nhiều phần tử phi-li-xtanh khác. Đây là một đoạn tranh luận với một trong những kẻ phi-li-xtanh ấy quanh đề tài hiến pháp Brê-men. Tôi: Ở Brê-men, phái đối lập với chính phủ không phải là phái đối lập thực sự, vì nó gồm có giới quý tộc tài chính, những bậc trưởng lão chống lại giới quý tộc quan lại, chống lại thượng nghị viện. Ông ta: Song về thực chất các ông không thể hoàn toàn khẳng định điều đó được. Tôi: Tại sao không? Ông ta: Xin ông hãy chứng minh lời khẳng định của mình. Ở đây điều đó có vẻ như là tranh luận đấ! Ôi những kẻ phi-li-xtanh, các người hãy cút đi, các người hãy học tiếng Hy Lạp và lúc đó hãy ban thưởng ngược lại. Người nào biết tiếng Hy Lạp, người đó có thể tranh luận rite^{2*}. Nhưng tôi sẽ tranh luận đến chết với năm chàng trai như vậy cùng một lúc, dù tôi có nửa say nửa tỉnh, còn họ thì tỉnh táo. Những người ấy không đủ sức phát triển ý này hay ý khác một cách nhất quán thích đáng dù chỉ trong vòng ba giây; trái lại, ở họ tất cả đều diễn ra bằng những cú hích; chỉ cần để họ nói nửa giờ, đặt cho họ một số câu hỏi tưởng chừng vô thường vô phạt, thế là họ mâu thuẫn

1* Nghĩa đen: với hy vọng, ở đây: dự định

2* – theo mọi quy tắc

splendidamente^{1*} với chính bản thân họ. Những kẻ phi-li-xtanh ấy là những kẻ khoan thai đáng ghê tởm; tôi cất tiếng hát, và thế là họ quyết định đồng thanh cất tiếng đối lại tôi rằng họ muốn ăn trước đã rồi mới hát. Ở đây họ bắt đầu ngấu nghiêng những con sò, còn tôi thì hậm hực hút thuốc, uống và la hét, ít nghĩ đến họ cho tới khi lặn ra ngủ sảng khoái. Giờ đây tôi là nhân vật đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp sách cấm cho nước Phổ: 4 bản "Men-xen, kẻ ăn thịt người Pháp" của Bóc-nơ²⁸, "Những bức thư từ Pa-ri"²⁰ cũng của ông ấy, in thành 6 tập, "Nước Phổ và tính cách Phổ" của Vê-nê-đây²⁶⁴, quyển sách bị cấm ngặt, 5 bản, nằm ở chỗ tôi đang chờ được gửi đi Bác-men. Hai tập cuối của cuốn "Những bức thư từ Pa-ri" tôi chưa đọc, tác phẩm này tuyệt vời. Trong đó vua Hy Lạp Ốt-tôn quở trách khủng khiếp; thí dụ ở một chỗ ông nói:

"Nếu tôi là Chúa, tôi sẽ làm một chuyện kỳ diệu: vào một đêm đẹp trời nào đó tôi sẽ gọi tất cả những người Hy Lạp vĩ đại dưới mồ lên"^{2*}.

Và tiếp theo là sự mô tả một cách tuyệt vời những người Hy Lạp ấy, Pe-rích-lơ, A-ri-xtốt và những người khác đi dạo như thế nào ở A-ten. Khi đó có tin rằng vua Ốt-tôn đã tới. Tất cả sửa soạn lên đường, Đi-ô-ghen châm lửa chiếc đèn lồng của mình và tất cả vội vã đi Pi-rây. Vua Ốt-tôn lên bờ và đọc diễn văn sau đây:

"Hỡi những người Hy Lạp, hãy ngược nhìn lên. Bầu trời đã được trang điểm bằng những màu sắc dân tộc Ba-vi-e". (Lời nói đó hay đến mức tôi phải ghi lại toàn bộ.) "Vì rằng vào thời thượng cổ, Hy Lạp thuộc Ba-vi-e. Người Pê-la-đơ đã từng sống ở Ô-đen-van-đơ, còn I-na-khơ thì sinh ra ở Lan-đơ-xhút. Trăm đến đây để làm cho các người hạnh phúc. Những kẻ mỹ dân của các người, những kẻ đẩy lên những làn sóng đấu tranh và những người viết báo đã đưa xứ sở tươi đẹp của các người đến bờ diệt

1* – một cách chói lọi, xuất sắc, nổi bật

2* *L.Bóc-nơ* "Những bức thư từ Pa-ri". Bức thư thứ tám mươi chín

vong. Quyền tự do báo chí tai hại đã sinh ra cảnh hỗn loạn rộng khắp. Các người chỉ cần xem những cây có dấu trông như thế nào. Ta lẽ ra đã đến với các người từ lâu, nhưng ta không thể làm việc đó sớm hơn vì ta *tồn tại trên thế gian chưa lâu lắm*. Giờ đây các người là những thành viên của Hiệp bang Đức⁷⁷, các thượng thư của ta sẽ báo cho các người biết những quyết định gân đây nhất của Quốc hội hiệp bang¹⁷. Ta có thể gìn giữ quyền làm vua của ta và làm cho các người dần dần được hạnh phúc. Đối với phí hoàng gia của ta" (việc đài thọ cho vua trong nhà nước lập hiến) "các người sẽ cấp cho ta mỗi năm sáu triệu đồng, và ta sẽ cho phép các người trả các khoản nợ của ta"^{1*}.

Người Hy Lạp tỏ ra bối rối. Đi-ô-ghen chìa đèn lồng vào mặt vua. Còn Hi-pô-crát thì gửi bách hợp theo sau sáu xe ngựa v.v. và v.v.. Toàn bộ chuyện mỉa mai ấy là tuyệt tác trào lộng chua cay và được viết bằng văn phong thần thánh. Cậu ít thích Bóc-nơ hơn chắc vì cậu mới đọc một trong những tác phẩm đầu tay và viết còn yếu của ông ta – "Mô tả Pa-ri"²⁶⁶. "Những trang kịch"²⁴⁶, những bài phê bình, những lời ẩn dụ, đặc biệt là "Những bức thư từ Pa-ri" và "Kẻ ăn thịt người Pháp" có giá trị cao hơn rất nhiều. Việc mô tả phòng trưng bày tranh rất tẻ nhạt, về điểm này cậu có lý. Nhưng về yêu kiều, sức mạnh kiểu Héc-quyn, chiều sâu tình cảm, sự sắc sảo giết người của quyển "Kẻ ăn thịt người Pháp" là không thể với tới được. Tôi hy vọng đến lễ các thánh hoặc ngay vào mùa thu chúng ta sẽ gặp nhau ở Bác-men, và lúc ấy cậu sẽ có được quan niệm khác về ông Bóc-nơ này. Những điều cậu viết về chuyện đấu kiếm của Toóc-xtơ-rích tất nhiên không khớp với thông báo của ông ấy, nhưng dù sao thì cũng vì thế mà ông ấy cảm thấy rất khó chịu. Đó là một chàng trai dễ mến, nhưng anh ta toàn sa vào những điều cực đoan: khi thì say rượu khướt, khi thì hơi cố chấp.

Tiếp theo. Nếu cậu nghĩ rằng văn học Đức đang dần dần ngủ

1* *L.Bóc-nơ*. "Những bức thư từ Pa-ri". Bức thư thứ tám mươi chín

thiếp đi thì cậu nhầm to. Cậu đừng tưởng tượng rằng nếu cậu chạy trốn nó như con đà điểu và không thấy nó thì nó không tồn tại nữa. *Au contraire*^{1*}, nó phát triển không thôi; cậu sẽ thấy rõ điều đó nếu cậu chú ý đến nó nhiều hơn nữa và sống không phải ở Phổ, nơi mà tác phẩm của Gút-xcốp và những người khác cần phải có giấy phép đặc biệt, và hiếm lắm mới được cấp. – Cũng hết như vậy, cậu sẽ nhầm nếu cậu nghĩ rằng tôi phải quay trở lại đạo Cơ Đốc. *Pro primo*^{2*}, tôi thấy buồn cười là cậu không coi tôi như người Cơ Đốc giáo nữa và, *pro secundo*^{3*}, rằng cậu nghĩ, dường như một người vì ý niệm thế giới mà đã giữ bỏ hết các quan niệm của chính giáo, lại có thể mặc lên mình chiếc áo ẩn nhẫn ấy. Trường hợp như vậy có thể xảy ra với người theo chủ nghĩa duy lý thực sự, là người đã thấy cách giải thích của chủ nghĩa tự nhiên về các phép màu và về đạo đức cần cỗi của mình là không đầy đủ, nhưng tính chất huyền thoại và tư duy tư biện không thể tụt từ những sông băng được ánh hồng ban mai của mình chiếu dội xuống những thung lũng sương mù của chính giáo. – Tôi vừa mới đi đến ngưỡng cửa trở thành người theo phái Hê-ghen. Liệu tôi có thể trở thành người theo Hê-ghen hay không, quả thật tôi chưa biết, nhưng Stơ-rau-xơ đã soi sáng Hê-ghen cho tôi đến mức tôi cảm thấy điều đó khá đúng sự thật. Ngoài ra, triết học lịch sử của ông (của Hê-ghen) dường như đã bị loại khỏi tâm hồn tôi. Cậu hãy cố gắng kiểm cuốn "Những nhận định và những bài phê bình" của Stơ-rau-xơ, tác phẩm của ông về Slai-ơ-ma-khơ và Đau-bơ thực sự tuyệt vời²⁶⁷. Ngoài Stơ-rau-xơ ra, không ai viết một cách vững vàng, rõ ràng và hay như thế. Vả lại, ông tuyệt nhiên không phải không mắc

1* – Trái lại

2* – thứ nhất

3* – thứ hai

tội; nhưng nếu ngay cả toàn bộ quyển "Cuộc đời chúa Giê-xu" của ông¹⁶² chỉ toàn là một đống những điều ngụy biện, thì điều đó sẽ chẳng có ý nghĩa gì, vì trong tác phẩm của ông điều quan trọng nhất là tư tưởng – làm cơ sở cho tất cả – về yếu tố huyền thoại trong đạo Cơ Đốc; việc vạch trần tính chất sai lầm của các kết luận của Stơ-rau-xơ sẽ không mấy may phá hỏng ý nghĩa của tư tưởng đó, cái tư tưởng luôn luôn có thể lại được vận dụng vào lịch sử kinh thánh. Nhưng một điều quan trọng hơn là cùng với tư tưởng Stơ-rau-xơ đã có công đưa ra cách vận dụng tư tưởng một cách tuyệt vời không thể chối cãi được. Người đoán mộng giỏi có thể tìm thấy những sai sót mà ông ta mắc phải ở một số chỗ, hoặc chỉ ra những điều cực đoan mà ông ta đã sa vào, nhưng vốn dĩ cả Lu-the cũng không phải không chệch vào đâu được trong các chi tiết; song điều đó không mấy may có hại cho vấn đề. Nếu Tô-lúc nói điều gì đó thiết thực về Stơ-rau-xơ²⁶⁸, thì đó hoặc là một sự ngẫu nhiên thuần túy, hoặc là một âm hưởng được dẫn ra một cách thành công; kiến thức của Tô-lúc quá nông cạn, và hơn nữa ông ta chỉ hấp thụ những cái của người khác, ông ta thậm chí không có đầu óc phê phán, chưa nói gì đến hiệu quả. Những tư tưởng lành mạnh của Tô-lúc có thể dễ dàng kể ra, còn niềm tin vào tính khoa học trong lúc luận chiến thì chính ông ta đã phá hoại cách đây mười năm trong cuộc tranh cãi với Véc-sai-đơ và Ghê-dê-ni-út. Hoạt động khoa học của Tô-lúc hoàn toàn không để lại những dấu vết vững chắc, và thời đại của ông ta đã qua từ lâu rồi. Chính Heng-xten-béch đã có, ít ra là một lần, tư tưởng độc đáo, mặc dù là vô lý: tư tưởng về triển vọng tiên tri. – Tôi không hiểu vì sao các cậu có thể không quan tâm đến cái gì xa hơn Heng-xten-béch và Nê-an-đơ. Nê-an-đơ đáng được hết sức kính trọng, nhưng đó không phải là một nhà khoa học lỗi lạc. Thay vì tạo địa bàn – trong các tác phẩm của mình – cho lý tính và lý trí, ngay cả nếu lý tính và lý trí xung đột với kinh thánh, trong trường hợp sợ điều

gì đó tương tự như vậy, ông đã để cho khoa học được yên, còn bản thân mình thì tìm cách thoát ra nhờ kinh nghiệm hoặc nhờ tình cảm ngoan đạo. Ông quá ngoan đạo và quá chất phác nên không có khả năng đấu tranh với Stơ-rau-xơ. Đúng là bằng những lời thô lộ có tính chất ngoan đạo thể hiện nhiều trong tác phẩm "Cuộc đời chúa Giê-xu"²⁶⁹ của ông, ông đã làm nhục lý lẽ sắc bén thực sự khoa học của ông.

A propos^{1*}, cách đây mấy hôm tôi đọc trên báo thấy nói triết học Hê-ghen đã bị cấm ở Phổ, và một phó giáo sư nổi tiếng thuộc phái Hê-ghen ở Ha-lơ đã bị đình chỉ – căn cứ vào chỉ dụ của nội các – giảng dạy, còn một số phó giáo sư trẻ ở Ha-lơ theo khuynh hướng ấy (chắc hẳn là Ru-gơ v.v.) được thông báo rằng họ không có gì để mong đợi bổ nhiệm. Cũng chỉ dụ ấy đã dứt khoát cấm tờ "Jahrbücher für wissenschaftliche Kritik" ở Béc-lin. Hiện tại tôi không nghe thấy thêm gì nữa cả. Tôi không thể tin vào hành động bạo lực chưa từng thấy như vậy ngay cả từ phía Chính phủ Phổ, tuy Béc-nơ đã dự đoán điều đó cách đây năm năm, còn Heng-xten-béch thì, như người ta nói, là bạn thân của thái tử^{2*}, cũng như Nê-an-đơ là kẻ thù hạng nặng của trường phái Hê-ghen. Nếu các cậu nghe được điều gì đó về vấn đề này, xin viết cho tôi biết. Bây giờ tôi chuẩn bị nghiên cứu kỹ Hê-ghen bên cạnh cốc rượu poong. Adios^{3*}. Mong thư trả lời sớm của cậu.

Phri-đrich Ăng-ghen

Công bố lần đầu dưới dạng trích đoạn trong tạp chí "Die neue Rundschau", 10. Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit" Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

1* – Nhân tiện nói thêm

2* – vua Phri-đrich Vin-hem IV sau này.

3* – Tạm biệt.

29

GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BƠ

[Brê-men], 9 tháng Chạp [1839] – 5 tháng Hai [1840]

Ngày 9 tháng Chạp. Bạn vô cùng thân mến, tôi vừa nhận được thư cậu, điều đáng ngạc nhiên là phải đợi tin tức của các cậu lâu đến thế. Ở Béc-lin, từ khi nhận được thư cậu và thư của Hoi-dơ từ En-bơ-phen-đơ, không nghe thấy gì cả. Vì sự giận dữ có thể trở thành quỷ, nếu chứng minh được là có quỷ. Nhưng thư cậu đã tới và thế là tốt.

Theo gương cậu, rốt cuộc tôi đã bỏ thần học lại để hoàn thành xứng đáng kim tự tháp của bức thư của tôi. Tôi rất cần mẫn nghiên cứu các tác phẩm văn học; nhận được của Gút-xcốp lời cam đoan rằng ông ấy muốn tôi cộng tác, tôi đã gửi cho ông ấy bài viết về C.Béch^{1*}; ngoài ra, tôi viết nhiều bài thơ, song cần phải chỉnh lý chu đáo, và tôi còn viết những tác phẩm văn xuôi khác nữa để gọt giũa phong cách. Hôm kia tôi vừa viết "Chuyện tình Brê-men", hôm qua tôi viết "Người Do Thái ở Brê-men", định ngày mai viết bài "Văn học hiện đại ở Brê-men" và "Người học trò lớp dưới" (ý nói người học việc ở văn phòng) hoặc bài gì đó đại loại như thế. Trong hai tuần lễ nếu tâm trạng thoải mái, tôi có thể ngoáy được năm tờ, rồi tĩa tốt câu chữ, chêm vào chỗ này chỗ kia những dòng thơ để cho nhiều hình nhiều vẻ và xuất bản dưới

1* Xem tập này, tr.36-44.

nhan đề "Những buổi tối ở Brê-men". Nhà xuất bản In spe^{1*} của tôi hôm qua có đến chỗ tôi, tôi đọc cho ông ta nghe "Odysseus Redivivus"^{2*}, tác phẩm này đã làm cho ông ta khoái vô cùng; ông ta định nhận in tiểu thuyết thứ nhất do tôi viết, còn hôm qua thì ông ta còn muốn nhận thêm một tập thơ nữa. Nhưng tiếc là tập thơ chưa xong, và hơn nữa lại còn chuyện kiểm duyệt nữa chứ! Ai sẽ cho phép in "Ô-đi-xê"? Vả lại, tôi không ngại chuyện kiểm duyệt và tôi viết một cách thoải mái; cứ để sau này cơ quan kiểm duyệt gạch xóa bao nhiêu tùy thích, – chính tôi cũng không muốn phạm tội giết trẻ đối với các tư tưởng của chính mình. Nhưng việc gạch xóa như vậy của cơ quan kiểm duyệt bao giờ cũng khó chịu, nhưng cũng vinh dự; tác giả sống đến 30 tuổi hoặc đã viết ba quyển sách mà không va chạm với cơ quan kiểm duyệt thì không đáng giá gì cả; những chiến binh sọc đầy người là những chiến binh giỏi nhất. Qua quyển sách ắt phải thấy rõ rằng nó đã chịu được cuộc đấu tranh với người kiểm duyệt. Vả lại, cơ quan kiểm duyệt ở Hăm-buốc dễ dãi; bài gần đây nhất của tôi trên báo "Telegraph" về những quyển sách nhân dân Đức^{3*} chứa đựng một số nhận xét châm biếm cay độc đối với Quốc hội hiệp bang và cơ quan kiểm duyệt Phổ, nhưng trong bài đó không có một chữ nào bị gạch bỏ.

Ngày 11 tháng Chạp. – Ôi, Phrít-xơ! Bao nhiêu năm nay chưa bao giờ tôi lười như trong giờ phút này. A ha, tôi nảy ra ý nghĩ: tôi biết tôi thiếu cái gì rồi!

Ngày 12 tháng Chạp. – Đồ những người Brê-men ấy ngu như lừa, có bị ăn đòn mới tỉnh mắt ra! Đến lúc thời tiết xấu như

1* Nghĩa đen: với hy vọng; ở đây: dự định.

2* – "Ô-đi-xê phục sinh"

3* Xem tập này, tr.23-25.

hiện nay, tất cả các đường phố trơn khủng khiếp, và thế là họ mới rải cát lên mặt đường ngay trước hầm rượu thành phố để những người say rượu khỏi ngã.

Chàng trai vẽ bên cạnh ở đây mắc bệnh đau buồn thế sự; anh ta đã đến thăm H. Hai-nơ ở Pa-ri và đã nhiễm bệnh ấy từ Hai-nơ; sau đó anh ta tới chỗ Tê-ô-đo Mun-tơ và học lỏm được của ông này một số lời lẽ mà những người mắc bệnh đau buồn thế sự không có cách nói năng ấy thì không xong. Từ đó anh ta gây đi rõ rệt và chuẩn bị viết quyển sách nói rằng bệnh đau buồn thế sự là phương thuốc đúng đắn nhất chống béo phì.

Ngày 20 tháng Giêng [1840]. Tôi chưa muốn viết cho cậu chùng nào chưa làm rõ vấn đề tôi ở lại đây hay là đi. Bây giờ, cuối cùng tôi có thể báo cho cậu biết rằng hiện thời tôi còn ở lại đây.

Ngày 21. Tôi thú nhận với cậu rằng tôi không có hứng thú gì đặc biệt để tiếp tục tranh luận về thần học. Trong những cuộc tranh luận ấy ta hiểu nhau không rõ; khi ta trả lời thì ta từ lâu đã kịp quên những ipsissima verba^{1*} được đề cập tới, và như vậy là không đi đến một kết quả nào. Để xét vấn đề cận kề hơn, cần phải có nhiều chỗ hơn, và tôi thường không ký tên trong bức thư mới để khẳng định một bức thư trước nào đó, vì lời khẳng định ấy gắn quá chặt với loại quan điểm mà trong thời gian đó tôi đã kịp thoát khỏi. Nhờ Stơ-rau-xơ mà giờ đây tôi đang trên đường thẳng tới học thuyết Hê-ghen. Đúng là tôi sẽ không trở thành người thuộc phái Hê-ghen thâm căn cố đế như Hin-rích v.v., nhưng tôi phải tiếp thu những yếu tố hết sức quan trọng

1* – lời của chính mình

của hệ thống đồ sộ ấy. Tư tưởng Hê-ghen về Chúa đã trở thành tư tưởng của tôi và, như vậy, tôi bước vào hàng ngũ "những người theo thuyết phiếm thần hiện đại" như Lê-ô và Heng-xten-bếch diễn đạt, dù biết rõ rằng bản thân từ thuyết phiếm thần làm cho những mục sư không có năng lực suy nghĩ vô cùng sợ hãi. Chiều nay, lời thuyết giáo dài dòng của báo "Evangelische Kirchen-Zeitung" chống phái kiên thành của Méc-clin²⁷⁰ làm cho tôi hơi buồn cười. Báo "Kirchen-Zeitung" hết sức tốt bụng không chỉ thấy việc người ta liệt báo này vào phái kiên thành là hết sức lạ lùng, mà nó còn phát hiện cả những điều buồn cười khác nữa. Ngoài việc phái phiếm thần hiện đại, tức là Hê-ghen, đã thấy có ở người Trung Quốc và người Pác-xơ, thuyết này còn biểu hiện rõ nét trong phái phiếm thần luận tự do mà Can-vanh đã đấu tranh với nó²⁷¹. Phát hiện đó thực sự độc đáo khác thường. Nhưng còn độc đáo hơn nữa là việc chứng minh nó. Cần không ít công phu để nhận thức Hê-ghen về cái mà báo "Kirchen-Zeitung" cho là quan điểm của ông, mà ở đây còn có sự giống nhau không hợp lý chút nào với luận đề diễn đạt hết sức mơ hồ nào đó của Can-vanh về phái phiếm thần luận tự do. Bằng cứ hết sức buồn cười. Báo "Bremer Kirchenbote" diễn đạt còn hay hơn và nói rằng Hê-ghen phủ nhận chân lý lịch sử! Điều lạ lùng là đôi khi thật là nhảm nhí biết bao khi người ta cố quan niệm triết học nằm trên đường đi và không thể nào vượt qua được là cái gì đó kinh tởm đối với đạo Cơ Đốc. Những người chỉ biết Hê-ghen qua cửa miệng người khác hoặc những người chỉ được đọc những lời chú thích cho quyển "Phái Hê-ghê-lingh" của Lê-ô⁴⁸ muốn phá vỡ hệ thống học thuyết được đúc ra dường như từ cùng một khối và không cần *bất cứ* vật liên kết nào để cho nó đứng vững trong một chỉnh thể. – Khi viết bức thư này toàn gặp trục trặc. Có trời biết vì sao, hễ tôi ngồi xuống viết thì lập tức phải có ngay chuyện quỷ quái gì đó đến tay – toàn là những công việc văn phòng cần giải quyết ngay.

Đây là hai con rối có dáng vẻ bằng gỗ như vậy, trái với ý muốn của mình. Nếu không phải thế thì chắc chúng sẽ là những con người.

Cậu đã đọc "Những nhận xét và những bài phê bình" của Stơ-rau-xơ²⁶⁷ chưa? Các cậu cố gắng kiếm mà đọc, tất cả các bài viết ở đây đều rất hay. Bài viết về Slai-ơ-ma-khơ và Đâu-bơ tuyệt lắm đấy. Những bài viết về những người bị quỷ ám ở Vuyéc-tem-béc có vô khối những điều quan sát về tâm lý. Những bài viết về thần học và mỹ học khác cũng hay. – Ngoài ra, tôi đang nghiên ngẫm "Triết học lịch sử" của Hê-ghen – một tác phẩm đồ sộ¹⁵⁵; tối nào tôi cũng phải đọc nó, và những tư tưởng lớn lao của nó hấp dẫn tôi một cách lạ lùng. Mới đây tạp chí của Tô-lúc, "Literarisher Anzeiger" – một tờ báo cũ rích chuyên đơm đặt chuyện đời có nêu một câu hỏi ngu ỏi là ngu: tại sao "thuyết phiếm thần hiện đại" không để ra thơ trữ tình, mà lại để cho thuyết phiếm thần cổ Ba Tư v.v. để ra nó?²⁷² Tạp chí chỉ còn phải đợi, chừng nào tôi và một số nhân vật khác nữa thám sát sâu thuyết phiếm thần ấy, thì khi đó cũng sẽ xuất hiện cả

thơ trữ tình. Và lại, có điều hay là tạp chí "Literarischer Anzeiger" thừa nhận Đâu-bơ và lên án triết học tự biện. Như thế Đâu-bơ không thừa nhận nguyên lý của Hê-ghen rằng loài người và thần thánh về thực chất là đồng nhất. Đây là sự hời hợt đáng ghét; việc Stơ-rau-xơ và Đâu-bơ về cơ bản nhất trí với nhau không làm cho họ lo lắng, nhưng nếu Stơ-rau-xơ không tin vào hôn nhân ở Ca-na²⁷³, còn Đâu-bơ vẫn tin thì người ta sẽ tâng bốc người này đến tận mây xanh, còn người kia thì bị người ta cho là người dự tuyển xuống hỏa ngục. Ô-xvan-đơ Mác-bác, người xuất bản những quyển sách dân gian, là con người lảm cẩm nhất trong số mọi người, và đặc biệt (cum-tum^{1*}) là trong số những người thuộc phái Hê-ghen. Tôi hoàn toàn không hiểu làm sao người con tinh thần của Hê-ghen có thể nói:

Và trái đất phù du có liên quan đến cái trên trời;
Chúa hiện thân trong tôi – tôi cảm thấy rõ ràng,

vì Hê-ghen phân biệt rất rõ nét cái toàn thể với cái đơn nhất không hoàn hảo. – Không ai làm hại Hê-ghen nhiều hơn là các học trò của chính ông; chỉ có một ít người như Gan-xơ, Rô-den-cran-xơ, Ru-gơ v.v. là xứng đáng với ông. Nhưng một Ô-xvan-đơ Mác-bác nào đó là non plus ultra^{2*} của tất cả những người lảm cẩm. Con người tuyệt vời làm sao! – Trong tạp chí "Bremer Kirchenbote", ông mục sư Ma-lét đã gọi hệ thống của Hê-ghen là "lời nói rời rạc"⁹⁷. Nếu đúng thế thì bản thân ông mục sư sẽ chết dở; những tấm đá to lớn ấy, những tư tưởng cứng như đá hoa cương ấy mà tan vỡ thì một mảnh nhỏ nào đó của công trình xây dựng lớn lao ấy có thể đẽ bẽp không chỉ ông mục sư Ma-lét,

1* – nói chung – cũng như nói riêng

2* – giới hạn tốt cùng

mà cả toàn bộ Brê-men nữa. Ý nghĩ cho rằng lịch sử toàn thế giới là sự phát triển của khái niệm tự do mà đó, chẳng hạn, lên vai một ông mục sư nào đó ở Brê-men với toàn bộ sức mạnh của nó thì ông ta sẽ rống lên như thế nào!

Ngày 1 tháng Hai. Cho dù thế nào đi nữa hôm nay thư cũng sẽ phải chuyển đi.

Người Nga bắt đầu trở nên ngậy thơ; họ quả quyết rằng cuộc chiến tranh với người Tréc-kê-xi không đáng hy sinh thậm chí ngàn ấy tính mạng con người bằng một trận đánh không lớn nào đó của Na-pô-lê-ông. Tôi không mong đợi sự ngậy thơ như thế từ một kẻ đã man như Ni-cô-lai.

Như tôi nghe thấy, những người Béc-lin hết sức căm tức tôi! Trong những bức thư gửi họ tôi đã ít nhiều chửi mắng Tô-lúc và Nê-an-đơ và không đặt Ran-kê vào số những superos^{1*}, và điều đó đã làm họ điên tiết. Hơn nữa, tôi đã viết cho Hoi-dơ những chuyện vớ vẩn đủ loại về Bê-tô-ven. – Tôi đã đọc vở hài kịch rất dễ thương của Grin-pác-xê từ Viên "Khổ cho kẻ nào nói

đối"²⁷⁴; vở hài kịch ấy hơn hẳn toàn bộ những điều nhảm nhí mà trong thời đại chúng ta được gọi là hài kịch. Ở đâu ta cũng cảm thấy tinh thần cao thượng, tự do bị gánh nặng kiểm duyệt không sao chịu được của Áo đè nén. Ta thấy rõ tác giả tốn bao nhiêu công sức để mô tả nhà quý phái quý tộc như thế nào đó để không làm phật lòng người kiểm duyệt là nhà quý tộc

Để ông này tự kể cho
cậu nghe chuyện đời
ông ta

1* – người vĩ đại

O tempores, o moria, Donner und Doria^{1*}, hôm nay là ngày 5 tháng Hai, đáng xấu hổ là tôi lười như thế, but I cannot help it^{2*}, Chúa chứng giám, bây giờ tôi không làm gì cả. Tôi đã bắt đầu viết nhiều bài, nhưng chúng vẫn cứ ỳ ạch tại chỗ, còn buổi tối khi tôi muốn để thời gian làm thơ, thì sau khi ăn no, tôi luôn rơi vào trạng thái buồn ngủ không sao cưỡng lại được. Tôi đang ước ao hè này thực hiện chuyến tham quan Đan Mạch, Hôn-stai-nơ, Giút-lan, Dê-lan, Ruy-ghen. Tôi đang cố gắng thuyết phục ông già để ông ấy cho chú em^{3*} theo đi một thể. Tôi khao khát được thấy biển, và sẽ có được những bài ký sự đi đường lý thú dường nào! Những bài ấy có thể xuất bản cùng với mấy bài thơ. Hiện nay thời tiết đang tuyệt diệu thế này mà tôi không thể đi ra ngoài được; tôi thêm quá đi mất, buồn ơi là buồn!

Đây là người môi giới bán đường béo phị vừa mới đi ra khỏi nhà và ông này có thói quen nói: "theo tôi, theo ý tôi". Khi ông ta nói chuyện với ai đó ở sở giao dịch, lúc về ông ta nhất định sẽ nói: "Chúc mạnh khỏe!". Ông ta tên là I-oóc. G.Béc-gơ-man.

Ở đây có những kiểu người đáng cảm động. Bây giờ tôi sẽ vẽ cho cậu một bức tranh khác quan sát được trong cuộc sống:

Ông già này cứ sáng sáng uống rượu, rồi đứng ngay trước cửa nhà mình, vừa gào vừa đấm ngực: Ick bin Borger!^{4*}; nghĩa là

1* Thành ngữ la-tinh nổi tiếng "O tempora, o mores" ("Ôi thời buổi, ôi đạo đức") – Ăng-ghen nhại đùa để lấy vắn với "Donner und Doria" ("Quý tha ma bắt").

2* – nhưng tôi không thể làm gì được với cái đó.

3* – Héc-man Ăng-ghen

4* – "Tôi là công dân!"

cám ơn Chúa, con không giống những người khác – người Han-nô-vơ, người Ôn-den-buốc hoặc thậm chí người Pháp, tôi là Borger tagen baren^{1*} Brê-men, con của Brê-men!

Nét mặt của các bà già ở đây thuộc tất cả mọi đẳng cấp trông gớm ghiếc lắm. Đặc biệt là của bà già ở bên phải, mũi hếch, nét mặt Brê-men trăm phần trăm.

Bài nói của giáo chủ Ai-léc-tơ tại buổi lễ đăng quang²⁷⁵ có một ưu điểm lớn: giờ đây ai ai cũng biết cần phải nghĩ gì về vua^{2*}, và sự vi phạm lời thề của vua được khẳng định chính thức. Chính ông vua mà vào anno 1815^{3*}, khi nổi khiếp sợ tràn ngập lòng ông, trong một đạo dụ của nội các đã hứa ban hiến pháp cho các thần dân của mình, nếu họ sẽ đưa ông ta ra khỏi tình thế khó khăn, giờ đây ông vua xấu xa nhất, hèn hạ nhất, bị Chúa nguyên rửa ấy thông báo qua Ai-léc-tơ rằng không ai nhận được hiến pháp từ ông ta, vì "tất cả vì một người và một người vì tất cả là nguyên tắc quốc gia của Phổ" và "không ai sửa chiếc áo mới bằng mảnh vá cũ". Cậu có biết vì sao ở Phổ tập thứ tư của Rốt-tếch²⁷⁶ bị cấm hay không? Vì ở đấy có nói rằng kẻ vất

1* – công dân chính gốc

2* – Phri-đrich Vin-hem III

3* – năm 1815

mũi chưa sạch tối cao của chúng ta ở Béc-lin ấy vào năm 1814 đã thừa nhận hiến pháp Tây Ban Nha năm 1812¹²⁰ và vào năm 1823 vẫn cử người Pháp sang Tây Ban Nha để thủ tiêu hiến pháp ấy và trả lại cho người Tây Ban Nha món tặng phẩm cao thượng: tòa án giáo hội và tra tấn. Năm 1826, ở Va-len-xi-a, tòa án giáo hội đã thiêu chết Ri-pôn, và máu của ông cùng với máu của 23 nghìn người Tây Ban Nha cao thượng bị dọa dầy trong các nhà tù vì các quan điểm tự do chủ nghĩa và tà giáo, sẽ thuộc về lương tâm của Phri-đrich Vin-hem III ""Cộng minh"" của Phổ. Tôi căm ghét ông ta, nhưng ngoài ông ta ra, có thể tôi căm ghét chỉ hai hoặc ba người nữa; tôi ghét cay ghét đắng ông ta, và nếu tôi không khinh bỉ đến mức như vậy đối với kẻ đê tiện đó, thì tôi càng căm ghét ông ta hơn nữa. Na-pô-lê-ông là thiên thần so với ông ta, còn vua Han-nô-vơ^{1*} thì là Chúa, nếu vua của chúng ta là người. Không có thời buổi nào mà các ông vua gây nhiều tội ác hơn thời gian từ năm 1816 đến năm 1830; hầu như mỗi ông vua trị vì lúc đó đều đáng bị tử hình. Sác-lơ X ngoan đạo, Phéc-đi-năng VII Tây Ban Nha nham hiểm, Phran-tơ Áo là cái máy tự động chỉ có khả năng ký các bản án tử hình và khắp nơi đều thấy các đảng viên đảng Than²⁷⁷; Đôn Mi-ghen, người mà về mặt hèn hạ vượt tất cả mọi anh hùng của cách mạng Pháp gộp chung lại, song được Phổ, Nga và Áo hân hoan thừa nhận, khi ông ta tẩm trong máu của người Bồ Đào Nha ưu tú; và kẻ giết bố là A-léch-xan-đơ của Nga, cũng như người em xứng đáng của ông ta là Ni-cô-lai mà nói đến những hành động độc ác kinh khủng của họ sẽ là thừa, – ôi, tôi lẽ ra có thể kể cho cậu những chuyện lý thú về đề tài tình yêu của các đức vua đối với thần dân của mình. Tôi chỉ đợi ở đức

1* – Éc-nơ-xơ Au-gu-xơ

vua điều gì đó tốt đẹp khi đầu ông ta ù lên vì những cái tát mà ông ta nhận được của nhân dân và khi kính trong lâu đài của ông ta bị vỡ loảng xoảng vì những hòn đá của cách mạng. Chúc khỏe mạnh.

Phri-đrích Ăng-ghen của cậu

Công bố lần đầu dưới dạng trích đoạn trong tạp chí "Die neue Rundschau", 10, Heft, Berlin, 1913 và công bố toàn văn trong cuốn sách: F.Engels. "Schriften der Frühzeit". Berlin, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

NĂM 1840

30
GỬI LÊ-VIN SUÝCH-KINH
Ở MUYN-XTƠ

Brê-men, 18 tháng Sáu 1840

Ngài Suých-kinh thân mến!

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn về sự tiếp đón thân ái của ngài và về quyển "Nhớ về Muyn-xtơ"⁹³ tuyệt vời. Tôi rất lấy làm thú vị khi ngồi đọc quyển sách nhỏ về Ô-xnáp-ruých liền một mạch và tôi đã ghen với nữ thi sĩ^{1*}, với các bức tranh đẹp đão và dịu dàng của bà mô tả thiên nhiên, những vẻ đẹp thâm kín trong các vần thơ của bà và sự gần gũi về tinh thần của bà với Bai-rơn, nếu tôi không nhầm thì lúc đó ngài đã chú ý điều này trong bài phê bình của mình²⁷⁸. Đáng xấu hổ là những bài thơ ấy xuất hiện hoàn toàn không ai hay biết, nhưng tính chất chân thành của chúng có ý nghĩa gì đối với công chúng hèn hạ của thời đại chúng ta? Một khi có điều kiện, tôi sẽ đánh giá

1* – An-nét-ta Ê-li-da-bét Đrô-xtơ-Huyn-sốp

thích đáng quyền sách này trên báo chí^{1*}. Có thể tìm thấy ở đâu bài diễn ca độc đáo tuyệt hay như bài "Bá tước Phôn Ta-lơ"?

Về kế hoạch của chúng tôi liên quan đến Se-li²⁷⁹, thì ngay hôm qua tôi đã nói chuyện với Suy-nê-man. Sau khi nghe nói khoản nhuận bút mười ta-le, ông ấy giật nảy người như bị sét đánh, và lập tức bảo rằng ông không thể đồng ý. Ông ấy vừa đi hội chợ về, ở đó ông ta đã đích thân tìm hiểu đủ thứ văn chương bỏ đi: tiểu thuyết của những người kiên thành, những khảo luận từ nước Bỉ, những hợp tuyển Tây Ban Nha và những thứ nhằm nhĩ khác; đồng thời ông ta đã đại dột ký kết ở Lai-pxích những hợp đồng với giá rất rẻ về những quyển sách thần học, lịch sử toàn thế giới và lịch sử văn học, thành thử công việc của ông ta cũng đủ ngập đầu rồi. Người buôn sách đầu óc dần dần ấy cho rằng ông ta ít mạo hiểm hơn khi cho ra đời những sách bình luận các thư của thánh Giăng chất lượng kém và trả nhuận bút cho chúng có thể mỗi tờ 2 ta-le, nhưng chúng sẽ có được tối đa hai mươi sinh viên mua, còn hơn là in thơ của Se-li mà việc xuất bản và tiền nhuận bút phải trả có thể sẽ đắt gấp ba lần, nhưng lại được toàn dân quan tâm. Vừa rồi tôi lại đến chỗ Suy-nê-man và được nghe ông ta trả lời dứt khoát và rõ ràng rằng ông ta không thể đồng ý với những điều kiện đã đặt ra; một tờ in thơ chứa đựng số ký tự ít gấp bốn lần so với một tờ văn xuôi, điều đó có nghĩa là nhuận bút cho một tờ thực tế sẽ là 40 ta-le. Tôi đã nói với ông ấy: dịch tác phẩm của Se-li không phải là trò đùa trẻ con, và nếu ông ta không muốn như vậy thì xin làm ơn cứ để cho ông ta nghỉ luôn. Nhân tiện xin nói, bản thân ông ta hiểu rất rõ cái nào dùng vào mục đích gì. Ông ta nói: nếu chúng ta đồng ý đưa trước một bản dịch thử ngắn, ông ta sẽ in, và lúc đó sẽ thấy rõ có thể làm gì. Tôi nói: Suých-kinh và Puýt-man không phải

1* Xem tập này, tr. 124

là những người có thể đồng ý nhận dịch thử, chỉ riêng tên tuổi của họ đã làm nên những việc như những bản dịch thử như vậy đối với những người khác. Ngài có đồng ý không? Ông ta nói với những điều kiện như vậy thì không đồng ý – Muy bien!^{1*} Xin của bố thí thấp hơn phẩm giá của chúng ta, và tôi đã bỏ đi. – Tôi giữ ý kiến rằng hy vọng không thành ấy quyết không được làm chúng tôi mất tinh thần: những điều người này không thì người khác sẽ làm. Puýt-man, người đã dịch bài ca thứ nhất "Hoàng hậu Ma-bơ"^{2*}, đã gửi bài ca ấy đến Lai-pxích cho En-ghen-man và, nếu ông này chấp nhận thì sẽ có thể dễ dàng thỏa thuận về việc chấp nhận toàn bộ bản trường ca. Nếu không thì những người đầu tiên mà chắc hẳn chúng tôi cần phải đề nghị là Ham-me-rích ở An-tô-na và Cra-be ở Stút-gát. Và lại, bây giờ, ngay sau hội chợ vào dịp lễ Phục sinh, là thời gian rất không thuận lợi cho những đề nghị của chúng tôi. Giả sử bây giờ là tháng Giêng thì tôi tin chắc Suy-nê-man túm ngay lấy chúng tôi bằng cả hai tay. Và tôi vẫn muốn ghé đến chỗ ông ta một lần nữa để hỏi, để đùa thôi, xem ông ta có thể đưa ra cho chúng tôi những điều kiện gì.

Ông bạn Suy-nê-man đã chuẩn rồi và thế là ông ấy đã tránh được cuộc viếng thăm của tôi; ông ta đi du ngoạn tập thể ở ngoài trời. Chắc hẳn, ông ta sẽ dành cho chúng tôi khoản nhuận bút năm ta-le và bài ca thích nhất của ông ta về bản dịch thử ngắn bước đầu khoảng ba – bốn tờ in. Còn người duy nhất gây ra toàn bộ chuyện này là một người theo phái kiên thành tên là Vin-hem Ê-li-át, người Ha-lơ, trong việc xuất bản cuốn tiểu thuyết "Niềm tin và tri thức"²⁸⁰ của anh này, Suy-nê-man đã mất gần hai nghìn ta-le. Nếu tôi gặp chàng trai này, tôi sẽ thách cậu ta đấu bằng kiếm cong.

1* – Rất tốt!

2* "Hoàng hậu Ma-bơ" – trường ca của Se-li.

Vậy, ngài sẽ nói gì về chuyện này? Ngay hôm nay tôi sẽ viết thư cho Puýt-man. Tôi cảm thấy công việc quá tốt nên không thể vô cớ vứt bỏ nó đi. Bất kỳ người buôn bán sách nào tương đối có học thức (Suy-nê-man là một thành ngữ) đều sẽ vui lòng nhận in quyển sách.

Tôi nóng lòng đợi ý kiến của ngài về toàn bộ công việc này, còn bây giờ tôi trông cậy vào sự hảo tâm thông cảm hữu ái của ngài!

Kính thư

Phri-đích Ăng-ghen

Ngài có ý kiến gì về những yêu cầu của Gút-xcốp trên báo "Telegraph" đối với tờ "Hallische Jahrbücher"²⁸¹? Hình như Gút-cốp muốn phục hồi sự khùng bố có tính chất phê phán của Men-xen và Muyn-nơ. Chắc hẳn ông ta sợ thanh niên sẽ phát triển vượt ông ta!

Công bố lần đầu trong tạp chí "Winnsenschaftliche Zeichrift der Friedrich Schiller – Universität". Jena, jg. 7, Heft 4, 1975/58

In theo bản chụp bản viết tay in lại trong tạp chí Nguyên văn là tiếng Đức In bằng tiếng Nga lần đầu

31

GỬI LÊ-VIN SUÝCH-KINH Ở MUYN-XTÔ

Brê-men, 2 tháng Bảy 1840

Bạn vô cùng kính mến!

Tiếc rằng bức thư dễ thương của ngài đề ngày 22 tháng trước mãi đến ngày 26 tôi mới nhận được, và điều đó làm tôi hết sức bức mình, vì đúng vào tối hôm trước, theo lời khuyên của một người buôn sách sở tại mà tôi đã dò hỏi về người xuất bản thích hợp, tôi đã viết cho Ham-me-rích ở An-tô-na và đã đề nghị ông ấy xuất bản tác phẩm của Se-li^{1*}. Mãi hôm nay tôi mới nhận được thư ông ấy trả lời từ chối vì, như ông ta khẳng định, ông ta bận túi bụi việc thực hiện các đơn đặt hàng xuất bản.

Về G. C.A. Mây-ơ cha thì tôi kiên trì ý kiến rằng chúng ta nhất quyết không được liên hệ với ông ta. Thứ nhất, chàng trai ấy và những người giúp việc của ông ta (Brin-cơ-mây-ơ, Béc-man và đồng bọn) quá tầm thường; thứ hai, Puýt-man sẽ không bao giờ đồng ý viết cho nhà xuất bản ấy; thứ ba, Mây-ơ trả nhuận bút rất tồi; và thứ tư, chúng ta sẽ phải mỗi mồm nhắc nhở và gặp nhiều chuyện phiền hà dềnh dàng khác mới lấy được nhuận bút ấy. Hiện nay tôi đang ra sức thúc ông ta về vấn đề nhuận bút cho bài viết của tôi trên báo "Mitternachtzeitung"^{2*} mà ông ta không muốn trả; và tuy có người trung gian giữa chúng tôi là Brin-cơ-mây-ơ, nhưng tôi hoàn toàn không thể có đề xuất gì với ông ta. Tiếc rằng, tôi chưa nhận được thư trả lời của Puýt-man và vì thế tôi không thể tiến hành bất kỳ biện pháp kiên quyết nào. Hơn nữa, rõ ràng là Mây-ơ phân chia tất cả cho các cộng tác viên của mình, cho nên Se-li không còn gì cho phần của chúng ta. Những người xuất bản ấy đã quen chi phối vô hạn những nhà văn phục tùng họ, còn trong số chúng ta thì ai sẽ đồng ý với điều kiện như vậy?

Tôi cho rằng tốt hơn hết nên trao cho Puýt-man – chắc chắn

1* Xem tập này, tr. 653-654.

2* Xem tập này, tr.77-112.

là người có kinh nghiệm nhất trong số chúng ta – những quyền hành vô hạn để ký kết hợp đồng; không nghi ngờ gì nữa, ông ấy sẽ tiến hành công việc đến cùng, làm cho tất cả chúng ta thỏa mãn, và dù sao ông ấy cũng sẽ làm điều đó ít khó khăn hơn nhiều so với tôi. Hơn nữa, ông ta đã dành cho V.En-ghen-man quyển "Hoàng hậu Ma-bơ", mà người xuất bản ấy là người thích hợp nhất đối với chúng ta. Và còn điểm quan trọng nữa: từ trước đến nay cả ngài lẫn tôi đều chỉ viết cho các báo và tạp chí, trong khi Puýt-man đã cho in một quyển sách, còn việc xuất bản quyển thứ hai thì đã được thông báo²⁸². Những người xuất bản bất lương ấy chỉ chú đến những người như ông ta.

Vào lúc thư của ngài đến, thì Suy-nê-man đã lên đường, và ông ta đi du lịch chưa về. Tôi vẫn muốn đưa tác phẩm của Côn-rít-giơ cho ông ta²⁸³; tại lễ hội Gút-ten-béc được tổ chức tuyệt vời ở đây, với ảnh hưởng của hơi sâm banh, tôi đã uống với ông ta trên tinh thần khuynh độ làm cho ông ta rất thích thú. Nếu bản thảo của ngài đã sẵn sàng thì xin gửi đến cho tôi.

Những lời công kích đầy thù oán đối với báo "Hallische Jahrbücher" in trên các số 97 hoặc 98 của báo "Telegraph" được đưa qua bưu điện ở đây, do đó mà có sớm hơn nhiều so với ở chỗ ngài. Tôi lại gửi mấy thứ cho Gút-xcốp và nóng lòng muốn biết ông ấy tiếp thu điều đó như thế nào sau bài viết trên báo "Mitternachtzeitung" (Cuộc luận chiến hiện nay^{1*}).

Tôi vừa nhận được một bức thư từ Bác-men, trong đó không hiểu vì sao chẳng có lời nào nói về Puýt-man. Nếu ngài đồng ý để Puýt-man đảm nhận việc ký kết hợp đồng thì sau khi nhận được thư trả lời của ngài tôi sẽ lập tức viết thư và giao tất cả cho ông ấy. Xin ngài làm ơn cho tôi biết tình hình nhuận bút ở

1* Xem tập này, tr.93-112.

"Rheinisches Jahrbuch" như thế nào, nay mai tôi sẽ gửi một số thứ cho Phrai-li-grát. Lúc này tôi không có gì khó khăn về tiền nong, nhưng tôi vẫn muốn sớm được biết tôi có thể hy vọng điều gì.

Tôi rất khoái khi được đọc trên báo của Pphi-xe những bản ngài dịch tác phẩm của Se-li và Côn-rít-giơ²⁸⁴. Hôm nay tôi sắp dịch xong bài "Cỏ cây mượt mà" của Se-li và tôi sẽ gửi ngay cho Pphi-xe. Bài thơ rất hay ấy được viết theo tinh thần còn gần gũi với các tác phẩm của Đrô-xtơ hơn là của Bai-rơn. Cho đến nay thơ của bà ấy tiếp tục làm cho tôi mê hồn, vì vậy một lần nữa tôi xin cảm ơn ngài.

Với những lời cam đoan kính trọng chân thành và sâu sắc, tôi mong được ngài quan tâm thân ái.

Xin gửi ngài lời chào chân thành.

Ph. Ăng-ghen

*Công bố lần đầu trong tạp chí
"Nissenschaftliche Zeitschrift der Friedrich
Schiller - Universität". Jena, Jg.5, Heft 4/5,
1955/56*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

32

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở MAN-HEM^{1*}

Brê-men, 7-9 tháng Bảy 1840

Ma-ri-a thân mến!

1* Ở mặt sau thư có đề: Gửi cô Ma-ri-a Ăng-ghen ở Trường nữ học đại công quốc Man-hem. Đã trả cước phí.

Tình hình của em sắp thực sự trở nên tồi tệ, em đã sửa soạn viết cho anh ngay sau khi đến Man-hem, thế mà giờ đây anh lại ngồi đây đã gần ba tuần và chưa nhận được thư em. Nếu cứ tiếp tục như thế thì rõ ràng là anh sẽ buộc phải viết thư cho cô I-ung để, dù là bằng sức mạnh, bắt em phải chứng minh cho anh thấy tình yêu của cô em gái đối với anh.

Anh chúc em gặp thời tiết tốt hơn thời tiết bây giờ ở chỗ bọn anh. Đó là những trận bão và mưa không ngớt như vào tháng Chín và tháng Mười một. Trên biển tàu đắm như những con ruồi trong cốc nước vậy. Tàu thủy đi Noóc-déc-nay đã tới đó một cách chật vật. Đã ba ngày anh ở bến cảng Brê-mơ-ha-phen^{1*}, và ở đây sáng nào cũng mưa suốt. Anh có được lên các tàu chở những người di cư sang Mỹ. Họ tụ tập trên boong giữa. Đó là một gian phòng lớn, rộng và dài như toàn bộ con tàu, trong đó toàn giường nằm xếp thành từng dãy, mỗi dãy sáu chiếc, và bên trên còn sáu chiếc nữa. Tất cả họ đều nằm ở đây – đàn ông, đàn bà và trẻ em, em có thể hình dung gian phòng ấy ngột ngạt khủng khiếp đến chừng nào, thế mà họ nhét vào đấy đến 200 người, đặc biệt là trong những ngày đầu người ta dễ bị say sóng. Với không khí ấy ở đấy có thể chết ngạt được. Còn hành khách ở trong các khoang tàu thì được bố trí tốt hơn: họ có những khoang tàu rộng hơn và bày biện trang nhã hơn. Song, khi bắt đầu có bão và sóng tràn lên tàu, thì tình hình người trên tàu tồi tệ hơn. Vì các khoang tàu có những cái nắp kính để ánh sáng lọt vào, khi sóng đánh mạnh vào chúng thì kính dễ vỡ như chơi, thế là mảnh kính văng vào khoang và cả nước cũng ào vào cùng với mảnh vỡ. Thông thường trong những trường hợp như vậy, khoang tàu bị ngập nước, nhưng giường được bố trí cao nên vẫn khô.

^{1*} Xem tập này, tr.141.

Đến trưa, khi bọn anh xuống tàu thấy trên vũng tàu xuất hiện một chiếc tàu lớn ba buồm hết như tên em: "Ma-ri-a, từ đảo Cu-ba sang. Vì thủy triều xuống nên tàu ấy không thể cập cảng được nên đã phải thả neo ở ngoài vũng. Bọn anh đi ca-nô ra đó và chộp được viên thuyền trưởng. Nhưng lúc ấy ở vũng tàu những con sóng lớn đã bắt đầu nổi lên, thế là tàu hơi tròng trành. Mặt các bà biển sắc đi ngay, trông như thể sắp chết đuối đến nơi rồi. Ở đấy bọn anh gặp hai cô gái đẹp con một người thợ may. Bọn anh xưng hô với họ rất tao nhã, và với dáng vẻ hết sức nghiêm túc, anh đã quả quyết với những cô gái gốc ấy rằng tàu sẽ tiếp tục lác đến tận Bra-kê, mà muốn tới đó phải mất 1/2 giờ nữa. Tiếc thay, tàu hết lác ngay sau khi ra khỏi cảng Brê-mơ-ha-phen. Ba chiếc mũ đội không chặt đã rơi xuống nước và có lẽ đã trôi sang Mỹ, và tiếp theo chúng là một lô những vỏ chai rượu vang và bia. Ngoài ra, anh không nhìn thấy gì lý thú hơn nữa, nếu không kể con mèo ốm nhom ở Vê-de đã liều lĩnh đi du lịch sang Mỹ. Anh đã tìm cách bắt chuyện với nó, nhưng nó đã tỏ ra thô lỗ đến mức nó không trả lời.

Đây là bức phác họa bến cảng Brê-mơ-ha-phen. Bên trái là cái bốt bảo vệ bến cảng, một công trình cũ xây bằng gạch, chẳng mấy chốc sẽ bị gió cuốn đi, cạnh bốt là những âu thuyền, qua đó người ta đưa tàu vào cảng. Âu thuyền này là một con kênh

đào dài và hẹp, rộng hơn sông Vúp-pơ một ít. Đằng sau nó là thành phố, xa hơn nữa về bên phải là He-xtê giống như một con sông nhỏ, trên đó vươn cao một đỉnh tháp chuông – đây là nhà thờ còn đang xây dựng. Bên phải ở đằng xa là làng He-xten-đoóc-phơ.

Vừa rồi anh làm quen với một người, bố của anh ta là người Pháp nhưng sinh ra ở Mỹ, mẹ là người Đức, bản thân anh ta được sinh ra trên biển và, vì anh ta sống ở Mê-hi-cô, nên tiếng mẹ đẻ của anh ta là tiếng Tây Ban Nha. Vậy quê hương anh ta đúng ra là ở đâu?

Trong văn phòng bọn anh giờ đây có một kho bia thực sự để ở dưới bàn, sau lò sưởi, sau tủ, đâu đâu cũng có những chai bia và khi ông già^{1*} muốn uống, ông ta mượn bọn anh một chai, sau đó lại cho đổ đầy bia vào. Giờ đây việc đó diễn ra hoàn toàn công khai, suốt ngày trên bàn có cốc, bên cạnh cốc là một chai bia. Ở bên phải, trong góc, là những vỏ chai, bên trái là những chai đầy, ngay đây là xi-gà của anh. Quả thật, Ma-ri-a ạ, thanh niên ngày càng tồi tệ, như tiến sĩ Han-tơ-kê nói. Cách đây ba mươi năm ai có thể tưởng tượng được điều khủng khiếp như vậy – uống bia trong văn phòng?

Làm thế nào tiện cho em hơn cả – có thể, anh trả trước cước phí bưu điện về việc trao đổi thư từ của chúng ta và trả cước những bức thư của anh, cũng như những bức thư của em, sau này em có thể gửi không phải trả tiền? Nếu em viết thư cho anh trước khi thư này đến tay em, thì anh sẽ không trả lời em trước khi em gửi đến anh một bức thư dài hợp lý để trả lời thư này.

Adieu.^{2*}

1* – Hen-rích Lô-i-pôn-đơ

2* – Tạm biệt.

Brê-men, 7 tháng Bảy 1840.

Người anh tận tâm và yêu quý của em.

Phri-đrich

May quá, thư vẫn chưa gửi đi, thế là anh có thể trả lời bức thư vừa nhận được của em. "Em muốn chơi tốt y như họ! Nếu em chăm luyện tập, em cũng sẽ làm được như thế". – Đây là em ư? Chơi bản xô-nát 20 trang ư? Thật là ngốc! Soóc-nơ-stây-nơ tất nhiên sẽ rất mừng. Anh sẽ có những lời chúc nào nhân lễ Giáng sinh? Túi đựng thuốc của anh mất rồi, nếu trong thời gian tới anh không tìm thấy nó, thì em có thể làm cho anh cái mới được không? Cảm ơn A-đê^{1*} về lời chào, em chuyển cho cô ấy cả lời chào chân thành của anh. Em nói với cô ấy rằng cô ấy là người đầu tiên xưng hô với anh lịch thiệp như thế, nhưng anh không thể nào là anh họ của cô ấy, may ra đáng được là cậu em trung thành nhất của cô ấy. – Khi nào em lại viết cho anh, em đừng gửi thư tới địa chỉ của Tơ-rê-vi-ra-nút, vì nếu làm thế thì anh nhận thư muộn hơn, mà em viết theo địa chỉ Ph.Ă., Brê-men, Mác-ti-ni, số 11. Viết thế người ta sẽ đưa thư thẳng đến văn phòng cho anh.

Farewell^{2*}

Brê-men, 9 tháng Bảy 1840

Phri-đrich của em

*Công bố lần đầu Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – A-đê-li-na Ăng-ghen

2* – Tạm biệt.

33
GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở MAN-HEM^{1*}

Brê-men, 4 tháng Tám 1840

Ma-ri-a thân mến!

Trước hết anh phải nói với em rằng sau này anh cấm em nói với anh bất kỳ lời khuyên tốt lành nào trong những bức thư của em. Cô em gái ngốc nghếch thân mến của anh ơi, em đừng nên nghĩ rằng nếu giờ đây em ở nội trú là em lập tức đã có thể đòi coi là thông minh. Vả lại, ngoài ra, nếu anh muốn thì anh có thể nhận được của ông mục sư^{2*} một đồng sách đầy những lời răn tốt lành. Bia trong văn phòng bọn anh vẫn còn, chùng nào người ta chưa uống hết và, mặc dù chính em đã đọc cho anh nghe những lời răn về vấn đề này, nhưng việc bia bọt của bọn anh càng được hoàn thiện hơn, vì ở chỗ bọn anh có, thứ nhất, bia đen, và thứ hai, bia không màu. Đấy, em đã thấy kết quả ra sao chưa một khi những cô gái táo bạo trong ký túc xá thích can thiệp vào công việc của những ông anh thượng đế của mình.

Vậy là anh sẽ không trả cước cho các bức thư của anh. Địa chỉ em viết thế này: ông Ph. Ă. ở Brê-men, thế là đủ. Còn tên

1* Ở mặt sau bức thư đề: Cô Ma-ri-a Ăng-ghen ở Trường nữ học đại công quốc Man-hem.

2* – Ghê-oóc Gốt-phrít Tô-rê-vi-ra-nút

của cha cố trong địa chỉ thì em bỏ đi. Vừa rồi, từ ngày 27 đến ngày 30 tháng Bảy, bọn anh kỷ niệm Cách mạng tháng Bảy xảy ra ở Pa-ri cách đây mười năm. Bọn anh đã ngồi hết một buổi tối trong hầm rượu của tòa thị chính, còn những người khác thì ở trong quán rượu mà họ ưa thích của Ri-sác Rốt. Chàng trai ấy vẫn chưa trở về. Bọn anh uống rượu nho Lau-ben-hai-mơ tốt nhất trần đời và hút xì-gà, – nếu em đã tận mắt thấy xì-gà ấy thì em chắc hẳn vì chúng mà sẽ học được cách hút. Túi đựng thuốc anh vẫn chưa tìm thấy. Nhân tiện nói thêm, một người quen của anh^{1*} đã trở về, ông này từng ở Pin-xen-pha-ni-a và Can-téc-mô-ri-a và đã gặp ông Xíp-pi (điều đó có nghĩa là Pen-xin-va-ni-a, Ban-ti-mo và Mít-xi-xi-pi). Chàng trai ấy quê ở Dô-lin-ghen, mà dân Dô-lin-ghen là những người bất hạnh nhất thế gian, vì họ không thể nào bỏ được thói ngữ Dô-lin-ghen của mình. Chàng trai ấy vẫn còn nói: im Sohmer is es sehr) schön Wätter^{2*}, còn thay vì Ca-rô-li-a, anh ta bao giờ cũng chỉ nói Ca-li-na.

Công việc của anh bế tắc lắm: anh hầu như không có lấy một grốt trong túi và anh nợ rất nhiều, nợ riêng của anh, cũng như nợ do mua xì-gà. Anh bị người mà lần vừa rồi anh mua mạn khô cho các em quấy rầy, đến nay anh chưa trả tiền, cũng chưa trả cho người đóng sách, anh hứa sau ba tháng sẽ trả tiền mua xì-gà nhưng đã quá hạn từ lâu rồi, còn Stơ-ruy-cơ thì không gửi kỳ phiếu đến và ông mục sư thì đi vắng nên không trả được tiền cho anh. Nhưng ngày mai ông ấy sẽ về, và lúc đó anh sẽ bỏ vào ví sáu đồng lu-i vàng. Nếu ở quán cà-phê anh ăn một chiếc bánh ngọt ba grốt thì anh sẽ ném vào quầy một pi-xtôn đúp. "Ông

1* – Huê-lơ

2* Lẽ ra phải nói: im Sommer ist es sehr schönes Wetter (mùa hè thời tiết rất tốt).

có thể đổi ra tiền lẻ cho tôi được không?". Người ta sẽ trả lời anh: "Xin lỗi, lạy Chúa, không". Sau đó anh bắt đầu lục tất cả các túi, lấy ra ba grốt, và hãnh diện với đồng pi-xtôn đúp của mình, anh đi ra đường. Còn khi anh lại có mặt ở văn phòng, thì anh sẽ ném lên bàn viết một pi-xtôn cho cậu bé tóc hung: "Đéc-khim, cậu có đổi ra tiền lẻ cho tôi được không?" Và lúc đó chàng trai ấy sẽ rất sướng – cậu ta sẽ có cơ để ra khỏi văn phòng một giờ và la cà trên đường phố, vì cậu ta rất thích công việc vô hại ấy. Thực chất là tiền lẻ ở đây rất hiếm, và người nào có trong túi năm ta-le tiền lẻ thì sướng vô cùng.

Vừa mới rồi ở đây xảy ra một chuyện rất buồn cười. Trên báo đăng quảng cáo tìm một chị nấu bếp. Một cô gái to khỏe đến văn phòng nhà xuất bản và nói^{1*}: "Xin các ông nghe đây, tôi đọc trên báo thấy các ông muốn tìm người nấu bếp" – "Vâng", – người thừa phái nói. "Thế người đó phải biết làm gì?" – Cô gái kia hỏi. "Người đó cần biết đánh đàn dương cầm, nhảy, nói tiếng Pháp, hát, khâu vá và thêu thùa – phải làm được tất cả những việc ấy. "Quý tha ma bắt", – cô gái nói, – "tôi không biết làm việc đó". Và ở đây cô ta thấy cả văn phòng cười ô lên, cô ta hỏi: "Sao, các ông muốn đưa tôi ra làm trò cười ư? Quý tha ma bắt, tôi không cho phép nhạo báng tôi". Cô gái bèn lao vào anh nhân viên văn phòng, muốn trút giận lên anh ta; tất nhiên cô gái bị nhẹ nhàng đuổi ra cửa. Còn vừa rồi ông già^{2*} đã tống ra khỏi cửa một người đánh xe. Chàng trai này tới lấy tiền Phở và không muốn nhận những đồng lu-i vàng 55/12 ta-le. "Quý tha ma bắt, ở đây buôn bán quý quá gì vậy!" – ông ta thét lên, túm ngực áo người đánh xe và đẩy ra đường. Người đánh xe quay trở lại như

1* Tiếp theo câu chuyện kể bằng thổ ngữ Hạ Đức.

2* – Hen-rích Lôi-pôn-đơ

thể chẳng có chuyện gì xảy ra và nói: "tôi chẳng muốn gì cả, bây giờ tất nhiên tôi sẽ lấy những đồng lu-i vàng".

Lúc này anh không có chiếc phong bì nào khác ngoài cái này đã lỡ dùng làm biên lai tính tiền cà-phê nhằng nhịt, song em là người thích cà-phê chính hiệu chắc hẳn sẽ vui lòng nhận nó.

Farewell^{1*} và em hãy sớm viết thư cho anh.

Phri-đrich của em

Công bố lần đầu có lược bớt chút ít trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4, 1920 và công bố toàn văn trong Marx - Engels Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd.2, 1930

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

34 GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở MAN-HEM

Brê-men, 20-25 tháng Tám 1840

Em gái vô cùng thân mến của anh!

Anh vừa nhận được thư em, và vì bây giờ vừa lúc anh không có việc gì làm, nên anh nguệch ngoạc cho em mấy dòng. Ở văn phòng của bọn anh đã có những cải tiến đáng kể. Trước kia, sau bữa ăn mà ngồi ngay vào bàn viết, những lúc con người ta bị sự

1* – Tạm biệt

lười biếng như vậy chiếm lĩnh, thì buồn chán vô cùng và rồi, để giải quyết tâm trạng ấy, bọn anh đã mắc ở ban công kho hàng hai chiếc võng rất tốt, sau bữa ăn bọn anh nằm võng, vừa du đưa vừa hút xì-gà, đôi khi còn ngủ một giấc nữa. Anh tin rằng em sẽ thấy sự cải tiến đó là hết sức hợp lý. Sáng nay anh cũng nhận được thư của Rốt, cậu ấy sẽ về đây vào chủ nhật tới sau bốn tháng đi vắng. Và em sẽ biết: 1700 mác ngân phiếu với lãi suất 137 phần trăm, là 776 ta-le 24 grốt bằng đồng lu-i vàng. Vừa rồi anh tính toán hai lần, và điều đó hoàn toàn chính xác. Anh gửi kèm ở đây bức tranh in tay. Một ông già sành rượu nho nhận được rượu

Những chàng trai trông như những con bê

nho chua. Bên cạnh ông ta là người chào hàng, người đã bán rượu vang chua cho ông ấy. Anh cũng vẽ cho em biết ở đây những người trẻ tuổi chải tóc như thế nào.

Khỉ thật! Sau khi viết xong thư này, anh về nhà và ăn cơm, và khi trở lại, anh châm xì-gà và định nằm vào võng. Nhưng võng liền bị đứt, lúc anh đóng những chiếc đinh mới thì tay Đéc-khim đáng ghét này gọi anh; thế là giờ đây anh không thể ra khỏi văn phòng được nữa.

Ồ Chúa! Anh vẫn tuân thủ được buổi nghỉ trưa của anh! Anh lạng lẽ lên khỏi văn phòng, cầm xì-gà, diêm và gọi bia; sau đó anh lên ban công cao nhất của kho hàng, nằm vào võng và khẽ đong đưa. Rồi anh xuống tầng giữa kho hàng và đóng gói hai hòm vải lanh; đồng thời anh hút xong một điếu xì-gà, uống hết một chai bia và mồ hôi vã ra khùng khiếp. Hôm nay nóng không chịu được đến nỗi tuy anh vừa thoát khỏi sổ mũi, anh lại muốn ngụp xuống sông Vê-de. Mấy ngày gần đây anh hay đi tắm và bảo một chàng trai bơi thuyền theo sau anh; anh đã bốn lần bơi qua sông Vê-de không nghỉ. Theo anh, ở Brê-men này chưa chắc có ai có thể bắt chước anh trong việc này.

Khỉ thật! Vì hai nguyên nhân: thứ nhất, trời mưa, thứ hai, ông chủ trẻ nhả nhận của anh^{1*} không tài nào muốn rời khỏi văn phòng, thế là anh lại buộc phải dập tắt điếu xì-gà đang hút dở. Nhưng anh sẽ cố gắng đuổi cậu ta đi. Em biết anh làm việc đó thế nào không? Anh đi xuống bếp và kêu to: "Cri-xti-na ơi, đưa cho tôi cái mở nút chai!" Rồi anh mở chai bia và rót cho anh một cốc. Nếu trong tâm hồn cậu ta còn lại dù chỉ nửa grốt lương tâm thì sau đó cậu ta sẽ phải chạy ra, vì điều đó khác nào nói: "Đôn Ghi-li-éc-mô, hãy cút đi!"

Vậy là giờ đây em nói tiếng Anh thành thạo rồi ư? Gượm đã,

1* – Vin-hem Lôi-pôn-đơ

khi nào em trở về nhà, anh sẽ dạy em tiếng Đan Mạch hoặc tiếng Tây Ban Nha, để em có thể nói chuyện với anh bằng thứ tiếng mà những người khác sẽ không hiểu. Danske Sprag frag, y el Español es lengua muy hermosa^{1*}. Hay là em thích tiếng Bồ Đào Nha hơn? O portugues he huma lengoa muito graçosa, e os portuguezes saõ naçaõ muito respeitavel^{2*}. Nhưng vì em chưa hiểu tất cả những điều đó nên anh sẽ tha cho em.

Ở đây em có thể nhìn chiếc võng của anh và xem anh nằm trong võng và hút xì-gà như thế nào.

Anh vừa được biết người ta đã bán ra thêm 500 thùng đường, nghĩa là 250.000 pao; ở chỗ bọn anh số đường ấy có thể làm ngọt hơn cho không biết bao nhiêu tách cà-phê! Ai biết được, có thể, đường trong tách của em đúng là lấy từ cái thùng mà anh đã phải lấy mẫu thử. Nhưng toàn bộ đường đến vùng Ranh của các em là từ Hà Lan, nơi người ta làm đường từ giẻ rách, ở đây có ý nói không phải mảnh vải in hoa, mà là những cái đầu bằng đường^{3*}.

Ít lâu nữa ở Phan-ken-béc-gơ, cách đây 3 giờ đi đường, sẽ có cuộc tập trận lớn, ở đó lính Brê-men, Hăm-buốc, Luy-bếch và

1* – Tiếng Đan Mạch là ngôn ngữ duyên dáng, còn tiếng Tây Ban Nha là thứ ngôn ngữ rất đẹp.

2* – Tiếng Bồ Đào Nha rất kiêu diễm, còn người Bồ Đào Nha là những người rất đáng kính trọng.

3* Chơi chữ: "Lumpen" – "giẻ rách", còn có nghĩa là "cái đầu bằng đường".

Ôn-đen-buốc gộp chung lại thành một trung đoàn sẽ thao diễn nghệ thuật của mình. Đây là những chiến binh dễ làm xúc động lòng người, ba người trong số họ không có ria mép như của anh, khi trong khoảng ba ngày anh không đi cắt tóc, trên quân phục của họ có thể đếm được từng sợi chỉ, họ không mang kiếm mà mang lưon béo. "Lưon béo", nói đúng ra, là lưon hun khói, lính tráng thường gọi những bao bằng da để đựng lưởi lê mà họ vẫn mang thay kiếm như vậy. Vấn đề là những người bất hạnh ấy trong thời gian hành quân thường xuyên có nguy cơ thọc lưởi lê vào mặt nhau, nếu lưởi lê được lắp vào súng, vì vậy họ có cách khôn hơn là xoay nó ra sau lưng. Đó là những con người đáng thương, người Ca-súp và người Lai-đác.

Hình như mọi ý nghĩ của anh đã cạn,
Và viết gì nữa cho em, anh không biết.
Nhưng anh hứa viết hết trang,
Anh sẽ kéo lời bằng kim, lạy chúa!
Trong thơ anh chỉ nói được một ít,
Vất vả viết ra ý tứ nghèo nàn.
Và anh kết thúc bằng thơ đả kích tôi –
Nhưng Pê-gát có bằng lòng nó không?
Nó lẳng lên và hát kị sĩ xuống...
Miễn xa tối dần, hơi sẫm lại.
Phía tây mây rục lên ráng chiều
Trong ánh hào quang rục rở –
Ngọn lửa thiêng như ngọn đuốc tuyệt vời,
Nay đang cháy chôn cất một ngày qua,
Hàng giờ tặng chúng ta niềm vui...
Ngày chết đi. Đêm trải bóng tối ra -
Những ngôi sao sáng chói át hẳn bóng đêm
Êm đềm trên trái đất đang ngủ

Mọi cái lặng im. Chim trốn trong tổ,
 Con thú yên bình ngủ trong bụi rậm.
 Côn trùng ngủ, chúng cũng cần nghỉ ngơi.
 Cửa cuộc sống ồn ào lại đóng.
 Như thể sang ngày thứ ba sáng thế,
 Khi thế giới chưa là thế giới đủ đầy,
 Chỉ có một mình cây cối sinh ra,
 Và chưa có thú – giờ đây lại thế,
 Trên cành lá chỉ có gió thổi thì lời ca.
 Đó là hơi thở của Chúa lòng lành.
 Gió ném những bài ca hùng mạnh xuống
 Và đuổi mây đen từ bờ biển.
 Gió mãi trẻ trung, đùa với vĩnh viễn.
 Mà anh thì không đủ hơi thở nữa.

Chấm hết. Nếu em hiểu điều đó thì em là người có học thức và em có thể duy trì cuộc nói chuyện Adios^{1*}.

Brê-men, 20 tháng Tám 1840.

Phri-đrich của em

Ngày 25 tháng Tám, Rớt lại lần tới đây ở ba ngày.

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4, 1920

*In theo bản viết tay
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - Tạm biệt.

35
GỬI - MA-RI-A ẶNG-GHEN
Ở MAN-HEM

[Brê-men], 18-19 tháng Chín 1840

Ngày 18 tháng Chín 1840

Em gái vô cùng quý báu của anh!

Vừa nổi lên một cơn bão mạnh khủng khiếp – những cơn bão như vậy thường có trong thời gian thu phân; tối nay một cửa sổ nhà bọn anh bị vỡ, cây bị gãy rất đáng sợ. Ngày mai ngày kia chắc sẽ bắt đầu có tin về những tàu thủy mắc nạn! Ông già^{1*} đứng bên cửa sổ mặt mày nhăn nhó: vì con tàu chất những 3000 ta-le tiền vải không có bảo hiểm ra khơi mới được ba ngày nay. Sao em không viết gì về bức thư gửi I-đa^{2*} mà anh gửi kèm thư trước, hay là anh quên không bỏ nó vào? Anh thật sự phải ở lại đây đến lễ Phục sinh vì nhiều nguyên nhân khác nhau, điều đó cực kỳ hợp ý anh. Thế là I-đa đã đi rồi, chắc em tiếc lắm nhỉ.

Bọn anh ở đây cũng có một doanh trại khá lớn, khoảng 3000 người. Đó là lính Ôn-đen-buốc, Brê-men, Luy-bếch và Hăm-buốc. Vừa rồi anh đã ở đấy và đã chứng kiến một chuyện rất buồn cười. Một anh chàng người Pháp ngồi lác la lác lự ngay cạnh quán rượu tương đối lớn bằng bẹt (của một lão chủ mở để làm chỗ bán rượu). Mấy người hầu bàn quàng lên cổ anh ta một vòng

1* – Hen-rích Lôi-pôn-đơ

2* – I-đa Ặng-ghen

hoa lớn, thế là anh ta bắt đầu gằm lên: "Hãy cạn hết cốc vai đáng yêu đây lá"^{1*}. Sau đó người ta kéo anh ta vào nhà xác, nghĩa là vào kho chứa cỏ khô, ở đây anh ta lăn kên ra và ngủ thiếp đi. Khi tỉnh rượu, anh ta mượn con ngựa của một người, ngồi lên lưng ngựa và bắt đầu nhảy tới nhảy lui trong doanh trại, lần nào cũng suýt ngã ngựa một cách đáng yêu nhất. Bọn anh đã ở đấy một thời gian hết sức vui và uống rượu nho tuyệt diệu. Chủ nhật trước anh phóng ngựa đến Vê-ghê-đắc. Trong lần đi chơi ấy, khoái nhất là anh bị bốn lần ướt như chuột lột, nhưng anh vẫn có rất nhiều ngọn lửa trong người khiến cho mỗi lần ướt đều lập tức khô trở lại. Nhưng khốn nỗi, ngựa của anh cực tồi, đi nước kiệu rất nặng nề, và cảnh lác lư quỵ quái ấy đã làm anh buốt lên đến tận óc. Người ta lại vừa lời về cho bọn anh 6 chai bia mà giờ đây cần phải đưa vào quá trình đốt cháy – anh nghĩ đến những điều xì-gà, đúng hơn là sẽ nói đến quá trình phá phách. Một chai anh đã tu gần hết và đồng thời kèm theo là một điều xì-gà. Bây giờ Đôn Ghi-li-éc-mô của bọn anh^{2*}, ông chủ trẻ, lại đi ra, và lúc đó bọn anh sẽ bắt đầu tất cả lại từ đầu.

Ngày 19 tháng Chín 1840. Ở chỗ các em vẫn có cuộc sống buồn tẻ hơn ở chỗ bọn anh. Tối qua không có công việc gì cả, ông già đi vắng và Vin-hem Lôi-pôn-đơ cũng hầu như không xuất hiện. Vậy là, anh châm điếu xì-gà, trước tiên viết bức thư đã trình bày ở trên cho em, sau đó đã lấy từ bàn viết ra quyển "Phau-xơ" của Lê-nau²⁸⁵ và đọc một lúc. Sau đó anh uống một chai bia và lúc bảy giờ rưỡi anh đến chỗ Rốt; bọn anh đi đến Liên đoàn, anh đọc quyển "Lịch sử dòng họ Hô-hen-stau-phen"

1* *Mát-ti-út Clau-di-út*. "Bài ca trong bữa ăn của vùng Ranh" ("Rheinweinlied")

2* – Vin-hem Lôi-pôn-đơ

của Rau-mơ²⁸⁶, rồi sau đó ăn thịt bò rán và nộm dưa chuột. Lúc mười giờ rưỡi anh về nhà, đọc "Ngũ pháp các ngôn ngữ Rô-manh" của Đì-tơ²⁸⁷ cho đến khi buồn ngủ. Thêm vào đó ngày mai lại chủ nhật, còn hôm thứ tư thì ở Brê-men là ngày sám hối và cầu nguyện và cứ thế bọn anh tà tà sống đến mùa đông. Mùa đông này anh cùng với Ê-béc-lai-nơ sẽ học khiêu vũ để làm cho đôi chân vụng về của anh có chút dáng vẻ yêu kiều.

Ở đây miêu tả một cảnh ở Slách-tơ, nghĩa là trên phố dọc theo bờ sông Vê-de và là nơi dỡ hàng xuống. Chàng trai cầm roi là người đánh xe, bây giờ anh ta sẽ chở những bao cà-phê nằm ở phía sau. Chàng trai vác bao tải ở bên phải là phu khuân vác bốc dỡ các bao hàng; bên cạnh anh ta là người sản xuất rượu vang vừa mới lấy mẫu thử và cầm nó trong tay, còn cạnh ông ta là người chèo thuyền chở những bao tải đã dỡ xuống. Chắc em cũng phải công nhận rằng những kiểu người ấy rất thú vị. Khi người đánh xe đi, anh ta ngồi trên lưng ngựa không thẳng yên, không có bàn đạp và không có cựa thúc ngựa và chỉ thực gót chân của mình vào sườn ngựa như thế này:

Bây giờ trời lại mưa. Điều này hoàn toàn không được phép xảy ra đối với tối chủ nhật. Thực sự chỉ cần mưa trong tuần, còn từ trưa thứ bảy thì thời tiết phải tốt. Em có biết rằng cà-phê Đô-mi-ních thông thường chất lượng trung bình siêu mịn là thế nào không? Đó lại là một trong những khái niệm sâu sắc thường gặp trong triết lý của đẳng cấp thương nhân và đầu óc của các em không thể hiểu được. Cà-phê Đô-mi-ních thông thường chất lượng trung bình siêu mịn là cà-phê từ đảo Ha-i-ti, có màu hơi xanh, còn nói chung thì màu xám; khi các em mua nó, thì cứ mười hạt chất lượng tốt các em sẽ có bốn hạt xấu, sáu hòn sạn và một phần tư lốt^{1*} rác, bụi v.v.. Anh hy vọng rằng giờ đây em hoàn toàn hiểu điều đó. Một bao cà-phê này bây giờ giá 9¹/₂ grốt, đó là bốn din-béc-grô-sa và 8^{123/137} phen-ních. Những bí mật thương nghiệp như vậy, nói đúng ra anh không được tiết lộ, vì không nên vạch áo cho người xem lưng, nhưng em là trường hợp ngoại lệ. Vừa rồi người làm công của bọn anh nói^{2*}: ông

1* - 1 lốt bằng 12,8 gam.

2* Tiếp theo là câu bằng thổ ngữ Hạ Đức.

Đéc-khim, nếu ông nhập bọn với những học sinh dưới ấy, thì ông phải bắt tôn trọng mình nhiều hơn nữa, còn nếu không thì ông sẽ nằm dưới gót giày của họ. Hen-rích là một cậu bé xấu; cậu ấy đã gây cho tôi không ít điều khó chịu, tốt hơn ông đừng chơi với cậu ấy, mà hãy cho cậu ta một cái tát thật đau, nếu không thì ta không giúp ích được cho công việc; còn nếu ông đến chỗ ông già, thì ông ấy cũng sẽ không làm gì cho cậu bé, mà chỉ nói: hãy đưa chàng trai ấy đi cho khuất mắt tôi. Giờ đây em có thể thực hành một ít về thổ ngữ Hạ Đức của chúng ta.

Nay kính thư. Gửi em lời chào quý trọng.

Phri-đrich

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

36
GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở MAN-HEM^{1*}

Brê-men, 29 tháng Mười 1840

Ma-ri-a thân mến!

Lần sau em đừng viết nhiều thư cho anh qua Bác-men nữa:

1* Ở mặt sau thư đề: Cô Ma-ri Ăng-ghen ở Trường nữ học đại công quốc Man-hem.

mẹ hay giữ thư lại cho đến khi nào mẹ viết xong thư của em đã, mà việc đó nhiều khi kéo dài rất lâu. Còn đây là điều anh chỉ muốn báo cho một mình em biết thôi, nhưng em đừng viết chuyện này về nhà vội vì anh có ý định đến mùa xuân sang năm anh sẽ làm cho mọi người trong nhà ngạc nhiên, bây giờ anh mang bộ ria mép rõ rậm và chuẩn bị nuôi bộ râu dê theo phong cách Hăng-ri IV. Bỗng mẹ sẽ ngạc nhiên khi thấy ở ngưỡng cửa xuất hiện một bác râu đen cao ngồng như vậy. Vì sang năm, nếu anh đi I-ta-li-a, trông anh phải giống như người I-ta-li-a.

Xô-phô-a Lôi-pôn-đơ bé bỏng đã viết thế, cô ấy vừa đến thăm anh ở văn phòng, còn ông già^{1*} và Ê-béc-lai-nơ, người vẫn ăn uống ở nhà này, bây giờ đang dự bữa tiệc long trọng. Ôi, lẽ ra anh có thể kể cho em nghe những chuyện thú vị về bữa tiệc ấy, về lễ đính hôn chưa công bố và những cái hôn bí mật, nhưng đó không phải là đề tài cho cô gái ở học xá. Chuyện này em sẽ được biết trong một ngày gần đây, khi anh em mình đã về nhà hết. Lúc đó anh sẽ ngồi trong vườn, và em sẽ mang ra cho anh một vò bia lớn và bánh mì kẹp xúc xích, còn anh thì sẽ nói: nào đây, em gái đáng yêu của anh, để thưởng công em vừa mang bia cho anh, và vì hôm nay là một buổi tối mùa hè đẹp như thế này, anh sẽ kể cho em nghe về bữa tiệc long trọng diễn ra vào năm 1840, tháng Mười, ngày 29, ở Brê-men, tại phố Mác-ti-ni, nhà số mười một, tại lãnh sự quán hoàng gia Dắc-den. Hiện thời anh chỉ có thể nói với em rằng những loại rượu ma-đe, poóc-vanh, pu-li-ác, ô-xô-téc-nơ và rượu nho vùng Ranh tại bữa tiệc hôm nay mọi người đã uống khá nhiều. Và tuy

1* – Hen-rích Lôi-pôn-đơ

ở đấy vền vện có năm người đàn ông, nhưng tất cả bọn họ đều uống rất cừ: gần như anh vậy. – Nhưng ở chỗ bọn anh tại đây có sự phóng khoáng và, nếu anh không có vinh dự được giới thiệu với nữ hoàng, với một đại công tước phu nhân nào đó và với nhiều công chúa chí tôn, thì bọn anh cũng vẫn giải trí. May thay, anh cận thị đến mức hoàn toàn không biết mấy nhân vật cao cấp, cao cấp hơn và tối cao có vinh dự đi qua ngay cạnh chỗ anh trông như thế nào. Nếu lần sau người ta lại giới thiệu với em một nhân vật chí tôn như vậy thì em nhất định phải viết cho anh biết ngay người đó có đẹp hay không, – nếu không thì những nhân vật như vậy không bao giờ được anh quan tâm tới. Hầm rượu nổi tiếng của bọn anh bên cạnh tòa thị chính bây giờ được trang bị rất tốt, và ở đấy có thể ngồi rất thoải mái giữa những thùng rượu. Chủ nhật trước, tại hầm rượu này bọn anh có một bữa tiệc lớn của những người có ria. Anh đã gửi thông tri báo cho tất cả những người trẻ tuổi có khả năng để ria biết rằng cuối cùng đã đến lúc phải chấm dứt các thành kiến của tất cả những kẻ phi-li-xtanh ấy và rằng chúng ta sẽ có thể đạt được điều đó tốt hơn cả bằng cách tất cả chúng ta đều sẽ để ria. Vậy, ai có đủ dũng khí để chống thói phi-li-xtanh và để mang ria, người đó phải ký tên. Anh lập tức tập hợp được một tá người để ria, và ngày 25 tháng Mười, khi ria của bọn anh tròn một tháng, đã được quy định là ngày kỷ niệm tập thể của những người có ria. Nhưng anh đã suy nghĩ một cách chín chắn xem việc ấy sẽ diễn ra như thế nào, anh đã mua một ít thuốc nhuộm ria và mang nó theo. Hóa ra, một người có bộ ria rất đẹp nhưng tiếc thay lại bạc hết, còn người khác thì bị ông chủ ra lệnh cắt bỏ như bỏ đồ trang sức đáng chê. Nhưng muốn hay không muốn, tối hôm ấy ở chỗ bọn anh nhất định phải có bộ ria như thế nào cũng được, ai không có ria thì phải vẽ ria vào cho mình. Sau đó anh đứng dậy và đọc lời nâng cốc sau đây:

Đáng hảo hán thể hiện lòng dũng cảm
 Mọi thời đại đều mang ria mép.
 Người giương kiếm bảo vệ tổ quốc
 Chẳng bao giờ dám coi nhẹ bộ ria.
 Trong những ngày này đầy lo âu chinh chiến,
 Chúng ta phải mang bộ ria kiêu hãnh,
 Kẻ phi-li-xtanh tất nhiên chẳng thích ria.
 Và hẳn luôn sẵn sàng cạo ria mép.
 Nhưng chúng ta khác, không phải là kẻ phi-li-xtanh,
 Ria mép chúng ta mọc rậm.
 Người Cơ Đốc giáo chẳng có gì đẹp hơn
 Bộ ria mép đàn ông hiên ngang.
 Mọi kẻ phi-li-xtanh không hiểu vẻ đẹp ấy
 Ất phải pereant^{1*}.

Sau khi nghe những câu thơ ấy, tất cả mọi người rất nhiệt tình chạm cốc, sau đó diễn giả tiếp theo phát biểu. Chủ nhà của ông này không đưa chìa khóa cửa ra vào cho ông ta, và vì thế lúc 10 giờ ông ta đã phải trở về nhà: nếu không thì cửa đã bị khóa, và người ta không để cho ông ta vào nữa. Nhiều người khốn khổ ở đây thường phải chịu những chuyện như thế. Ông ta tuyên bố:

Ất phải pereant^{1*} những kẻ xác láo,
 Những chủ nhân không trao chìa khóa nhà!
 Họ ăn tóc với ruồi trong bữa ăn tối.
 Mặc họ qua đêm không ngủ –
 Họ cần bài học đời thường như thế!

Sau đó bọn anh lại chạm cốc. Cứ thế tiếp tục đến mười giờ,

1* – chết

khi những người không có chìa khóa cửa ra vào đã phải đi về, còn bọn anh, những người may mắn có mang theo chìa khóa thì ở lại và ăn sò. Anh ăn tám con, nhưng không thể ăn thêm được nữa, từ trước đến nay anh không thích thứ đó.

Vì em rất thích mọi sự tính toán và thậm chí muốn thưởng anh huân chương phong bì vàng về những con tính đó nên anh sẽ chiều em và đãi em một thông báo rằng thị giá bây giờ là 106^{1/2} %, trong khi năm ngoái nó là 114. Đồng lu-i vàng sục giá đến nỗi, nếu cách đây một năm tại đây, ở Brê-men, một người có một triệu ta-la, bây giờ chỉ còn chín trăm nghìn, nghĩa là mất toi hẳn một trăm nghìn ta-le. Chẳng lẽ đó không phải là một số tiền rất lớn hay sao?

Em vẫn chưa viết gì cho anh về bức thư nhỏ gửi cho I-đa^{1*}; em nhận được chưa, đã chuyển nó hay chưa? Đối với anh sẽ là kinh khủng nếu tự nhiên anh không gửi nó đi và hóa ra nó nằm lại ở đây, vì rất có thể nó rơi vào tay ông già. Vậy, em hãy viết cho anh, và nhất định phải viết bức thư đủ sáu trang như em đã hứa với anh. Anh có thể trả tiền cho em về việc đó. Trên phong bì này em lại xới một số con tính mà em thích. Người có lỗi trong việc buộc anh phải chép lại bức thư này là ông Ti-mô-lê-ôn Mi-de-gan ở Brê-men – chính là người mà cách đây hai năm có lần đã bị ông già đuổi ra khỏi nhà. Gửi em lời chào tôn trọng, chân thành.

Phri-đrich

Công bố lần đầu có lược bớt chút ít trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4, 1920 và công bố toàn văn trong Marx - Engels Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930

*In theo bản viết tay
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – I-đa Ăng-ghen

37

GỬI VIN-HEM GRE-BƠ
Ở BÁC-MEN

Brê-men, 20 tháng Mười một 1840

Vin-hem thân mến của tôi!

Ít ra đã nửa năm rồi cậu không viết thư cho tôi. Phải nói gì đây về những người bạn như thế? Cậu không viết, em cậu^{1*} không viết, Vuốc-mơ không viết, Gren không viết, Hoi-dơ không viết, không có một dòng nào của V.Blăng-cơ, của Pluy-ma-khơ càng ít hơn; sacré tonnerre!^{2*} – tôi phải nói gì về chuyện này? Khi tôi viết cho cậu lần gần đây nhất, trong gói thuốc lá của tôi còn bầy pao, còn bây giờ trong đó chưa chắc còn một in-sơ khối, thế mà vẫn chưa có thư trả lời. Thay vào đó các cậu vui thú ở Bác-men – nào hãy gượng đã, các cậu: vì rằng về mỗi cốc bia mà các cậu đã uống từ lúc ấy, tôi biết các cậu đã uống nó một mạch hay là làm mấy ngụm.

Giá không phải cậu, chiếc mũ ngủ trong chính trị, nhạo báng những quan điểm chính trị của tôi. Nếu để cậu yên trong giáo xứ nông thôn của cậu – tất nhiên cậu không đặt cho mình mục đích tối cao – và tạo điều kiện tối tối dạo chơi êm ả với bà vợ ông cố đạo và mấy cậu con trai của cố đạo để không một tai ương nào đụng chạm đến cậu, thì cậu sẽ chết chìm trong hoan

1* – Phri-drích Gre-bơ

2* – quý tha ma bát!

lạc và sẽ không nghĩ đến một tên độc ác Ph.Ăng-ghen đang bàn luận chống lại trật tự hiện hành. Ái chà, các cậu là những người anh hùng! Nhưng rồi tất cả các cậu cũng sẽ bị cuốn hút vào chính trị; dòng thời gian sẽ nhấn chìm vương quốc thơ mộng của các cậu, và khi đó các cậu sẽ rơi vào ngõ cụt. Hoạt động đời sống, dững khí tuổi thanh xuân – ý nghĩa đích thực là ở đó!

Chắc các cậu đã nghe nói về trò vui chơi tuyệt diệu mà người bạn chung của chúng ta là Crum-ma-khơ đã tổ chức ở đây. Bây giờ tất cả những điều đó có lẽ đã đi vào quá khứ, nhưng sự việc không phải là chuyện đùa. Người của Pa-ni-en đã được phiên chế thành những tiểu đoàn, đã tấn công ô ạt chiếm lấy kho vũ khí của đội vệ binh dân sự và tiến quân dưới lá cờ ba sắc rất lớn khắp thành phố. Họ hát: "Chúng ta đã quen sống tự do" và "Viva Pa-ni-en! Pa-ni-en muôn năm! Pa-ni-en hảo hán vinh quang! Những người theo Crum-ma-khơ tập hợp tại Quảng trường Nhà thờ lớn, bao vây tòa thị chính đúng lúc thượng nghị viện đang họp ở đây rồi họ đã cướp kho vũ khí. Được trang bị kích và rìu, họ xếp thành đội hình hình vuông trên quảng trường Nhà thờ lớn, hướng cả hai cổ đại bác đặt ở cạnh nhà hối cải trong doanh trại (nhưng chưa nạp đạn) vào Ô-béc-nơ-stơ-rát-xê, nơi xuất phát của quân Pa-ni-en, và cứ mai phục như thế đội địch. Nhưng quân địch tiến tới chỗ hai cổ đại bác, quay súng từ phía bên kia đến phía chợ và đánh chiếm chợ. Đội kỵ binh gồm 600 người đã chiếm khu chợ cỏ khô vừa lúc đối diện với quân của Crum-ma-khơ và đội lệnh để xông vào kẻ địch. Lúc đó thị trưởng Xmít từ trong tòa thị chính bước ra. Ông ta đi qua giữa hai phe tham chiến, đứng trụ một chân lên phiến đá trên đó đã hành quyết người đàn bà đầu độc Gốt-phrít, phiến đá này nhô ra mặt đường độ nửa in-sơ, rồi nói với những người phía Crum-ma-khơ: "Các người là những kẻ hảo hán của I-xra-en!". Rồi ông ta quay về phía

những người theo Pa-ni-en: "*Αυδες ' Ανηγατο*"^{1*}. Sau đó quay người lúc sang phải, lúc sang trái, ông ta nói: "Vì Grum-ma-khơ là người ngoại bang, nên ở thành phố vinh quang của chúng ta không thể giải quyết cuộc tranh chấp mà ông ta đã gây ra bằng một cuộc chiến đấu. Vì thế tôi đề nghị cả hai phe kính mến đi đến bãi cỏ thành phố – đấy là vũ đài hết sức thích hợp cho những cuộc luyện tập tương tự như thế".

Điều đó được hưởng ứng ngay; cả hai phe đi ra qua những cổng khác nhau sau khi Pa-ni-en được trang bị lá chắn bằng đá và thanh kiếm của Rô-lăng. Lực lượng của Crum-ma-khơ có 6239^{1/2} người, do mục sư Ma-lét, người đã từng tham gia cuộc hành quân năm 1813 đảm nhận việc chỉ huy; ông ta ra lệnh mua thuốc súng và mang theo một số đá cuội nhỏ để nạp đại bác. Sau khi đến bãi cỏ thành phố, Ma-lét ra lệnh chiếm nghĩa địa sát bãi cỏ có hào rộng bao quanh. Ông ta bước lên đài kỷ niệm Gốt-phrít Men-ken và ra lệnh đưa các cỗ đại bác lên bờ hào của nghĩa địa. Nhưng vì không có ngựa nên không thể nhích các cỗ đại bác lên được. Khi đó đã 9 giờ tối, và trời tối om. Lính được bố trí theo lối trú quân, Pa-ni-en đóng trong làng Svác-hau-den, Ma-lét bố trí ở ngoại ô. Đại bản doanh ở trường đua ngựa trước Héc-den-to, quả thực còn đang bị một nhóm kỵ sĩ của gánh xiếc chiếm giữ, nhưng khi mục sư Côn-man từ Hoóc-nơ bắt đầu buổi lễ cầu kinh buổi tối ở bãi quần ngựa thì các kỵ sĩ chạy tản ra. Điều đó diễn ra ngày 17 tháng Mười. Sáng ngày 18 cả hai đạo quân đều xuất kích. Pa-ni-en có lực lượng bộ binh gồm 4267 3/4 người và đội kỵ binh gồm 1689 1/4, bắt đầu tấn công. Cánh quân bộ binh do chính Pa-ni-en chỉ huy tấn công vào tuyến tiền duyên của Ma-lét, gồm những học sinh mà ông ta dạy

1* – "Hỡi công dân A-ten!".

kinh bổn và một số phụ nữ có tinh thần cuồng tín. Sau khi ba bà già bị đánh chết và sáu học sinh bị bắn, tiểu đoàn liền bỏ chạy và đã bị Pa-ni-en hất xuống hào bên đường quốc lộ. Ở cánh phải của Pa-ni-en có mục sư Ca-pe-lơ cùng với ba đội kỵ binh gồm những nhân viên văn phòng trẻ tuổi đã đi vòng qua Ma-lét và tấn công ông ta từ phía sau lưng; Ca-pe-lơ chiếm khu ngoại ô, bằng cách đó làm cho Ma-lét mất căn cứ tác chiến. Cánh trái của Pa-ni-en, dưới sự chỉ huy của mục sư Rốt, tiến lên đường quốc lộ Hoóc-nơ và đã đẩy lùi khối thanh niên không biết sử dụng kích về phía quân chủ lực của Ma-lét. Lúc này đây đang trong giờ học đấu kiếm, sáu người chúng tôi mới nghe thấy loạt súng và chạy ra, vẫn còn mặc nguyên áo đấu kiếm, đi găng, đeo mặt nạ và đội mũ đấu kiếm của mình; cổng đã đóng, nhưng chúng tôi đã tấn công đội cảnh giới, tước chìa khóa của họ và bằng cách đó, với kiếm trong tay đã tới ngay bãi chiến trường. Ri-sác Rốt từ Bác-men đang gom các thành viên của nhóm thanh niên bị tan tác lại một chỗ, trong khi đó Huê-lơ từ Đô-lin-ghen cùng với những học sinh còn lại nấp ở một ngôi nhà nào đó; tôi và ba người khác quật cho một số người thuộc phe Pa-ni-en trên ngựa lăn kênh xuống đất rồi nhảy phốc lên ngựa của họ, và với sự ủng hộ của đám thanh niên, đã đánh bại kỵ binh của địch. Chủ lực quân của Ma-lét tiến lên phía trước, kiếm của chúng tôi đã tung những nhíp bốn, nhíp ba, gieo rắc sự sợ hãi và chết chóc, và trong vòng nửa giờ những người duy lý chủ nghĩa đã tanh bành. Lúc đó Ma-lét xuất hiện để cảm ơn chúng tôi, và khi chúng tôi tự thấy chúng tôi chiến đấu vì ai, thì chúng tôi ngạc nhiên nhìn nhau.

Se non è vero, è come spero ben trovato!^{1*}. Có điều các cậu

1* – Nếu điều này không đúng thì tôi hy vọng nó đã được nghĩ ra không tôi.

hãy sớm viết thư cho tôi! Và cậu hãy thúc Vương-mơ để cậu ấy viết thư cho tôi.

Ph.Ăng-ghen

Công bố lần đầu trong tạp chí "Die neue Rundschau", 10. Heft, Berlin, 1913

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

38

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN

Ở MAN-HEM^{1*}

Brê-men, 6-9 tháng Chạp 1840

Biểu tạ ơn của Ph.Ăng-ghen được đăng chí tôn thưởng huân chương phong bì vàng.

Thưa quý nương! Cô vô cùng kính mến!

Kẻ thân dân vô cùng vâng phục ký tên dưới đây, được quý nương quá đỗi hạ cố rủ lòng ban cho huân chương phong bì vàng, coi bốn phận không thể thiếu là hết sức ngoan ngoãn chân thành cảm ơn gót chân vô cùng cao cả của quý nương.

Cũng kẻ thân dân hết sức vâng phục này không thể không bày tỏ lòng khâm phục về hồng ân cao cả mà quý nương đã hạ cố gửi những bức thư nhỏ cho người bấy tôi sẵn sàng phục vụ

1* Ở mặt sau thư đề: Cô Ma-ri-a Ăng-ghen ở Trường nữ học đại công quốc. Man-hem.

quý nương dưới một hình thức công khai, để hiểu đối với tất cả mọi người^{1*}, và ai cũng có thể thấy rõ hồng ân lớn lao mà lòng đôn hậu cao cả và sự anh minh bao quát của quý nương đã hạ cố dành cho tiện dân.

Cuối thư kẻ thân dân sẵn sàng hiến dâng cả tính mạng mình này xin có vinh dự xác nhận với quý nương lòng kính trọng vô cùng sâu sắc đối với quý nương.

Brê-men, 6 tháng Chạp 1840.

Ph.Ăng-ghen

Ma-ri-a thân mến!

Rồi bỏ hình thức anh đã chọn cho trang thứ nhất của thư này, anh nói với em rằng anh tuyệt nhiên không cảm ơn em về những chiếc vỏ bọc tồi mà em dùng để niêm phong những bức thư của em và hầu như không giữ được. Em muốn làm cho anh sung sướng bằng huân chương phong bì nào – điều đó anh không quan tâm, – nhưng quý tha ma bất, em hãy niêm phong chắc hơn để chúng không bị bong ra ngay khi còn ở Man-hem. Cách đây ba ngày hay là hôm qua, anh không nhớ nữa, là ngày sinh nhật của An-na^{2*}, anh kỷ niệm ngày ấy hôm qua ở Svác-hau-den bằng một châu cà-phê giá 6 grốt – chẳng lẽ đó không phải là tình anh em sao! Tuần trước, vào ngày thứ bảy, khi anh tròn 20 tuổi, anh mừng sinh nhật của anh bằng cái răng đau và cái má sưng làm anh đau khổ khủng khiếp. Em chắc cũng đã nghe nói rằng thi thể của Na-pô-lê-ông đã về đến Pháp^{3*}, chắc chắn sẽ có chuyện lôi thôi! Anh muốn giờ phút này anh có mặt ở Pa-ri, chắc như thế sẽ buồn cười lắm! Em cũng đọc báo

1* Anh nhận thư em bỏ ngỏ. Vỏ bọc đen dúi đã bị tróc ra.

2* – An-na Ăng-ghen

3* Xem tập này, tr.200-202.

chứ? Em có nghĩ rằng sẽ có chiến tranh hay không? Ý kiến của em thế nào về nội các Ghi-dô – Xun-tơ? Em có hát bài đở hơi: "Họ sẽ không nhận được nó"^{1*} hay không. Nhân tiện nói thêm, nếu thị lực em tốt, em có thể thấy biên giới Pháp trên bờ đối diện của sông Ranh. Giờ đây bọn anh bắt đầu luyện đấu kiếm, mỗi tuần anh đấu kiếm bốn lần, trưa nay anh lại luyện. Ở trang sau em có thể ngắm những đường kiếm của anh.

Ngày 8 tháng Chạp. Hôm qua anh bận khủng khiếp và sáng nay cũng vậy. Bây giờ anh kết thúc bức thư này để gửi em và sau đó chắc anh sẽ đi uống cà-phê. Nhất định em phải làm cho anh chiếc túi đựng thuốc mới kịp lễ Giáng sinh và nhớ phải là màu đen – đỏ – vàng – đó là những màu duy nhất mà anh thích.

Màu đỏ - để nó phân biệt tình anh em,

Ý nghĩa cháy lên trong chúng ta giống vàng,

Những vòng tay không làm chúng ta sợ chết –

Mỗi người đều quán dải màu đen.

^{1*} Ở đây Ăng-ghen dẫn ra những nốt nhạc đầu của bài ca phổ thơ của N-Béch-cơ "Sông Ranh của Đức", song ông đã gạch xóa đi.

Đoạn này trích từ một bài hát bị cấm của sinh viên. Ở đây một số con cừu đã lập ra một hội, tại đây họ diễn thuyết và một lúc nào đó anh cũng sẽ phải đến đấy và noles volens^{1*} đọc diễn

^{1*} – muốn hay không muốn

văn. Trời ơi, em có thể tưởng tượng được vẻ đẹp đó sẽ như thế nào. Nói chung anh biết cách thuyết giáo rất tốt ngay cả không chuẩn bị trước, còn về lời chửi thì ở đây không thể bắt anh dừng lại, anh nói liên tục. Nếu anh là nghị sĩ của nghị viện thì anh sẽ không để cho ai nói cả. – Anh đã thừa người vẽ bức chân dung anh có ria, để em có thể trông thấy anh ra sao, anh sẽ vẽ lại cho em bức chân dung ấy.

Em thấy người ta vẽ anh khi anh đang hết sức bực tức. Số là điều xì-gà châm mãi không được. Đúng lúc này vẻ thông minh của anh lộ rõ đến mức người họa sĩ^{1*} phải van anh để được vẽ anh trong tư thế này. Anh để dành tất cả những điều xì-gà khó cháy và mỗi lần khi anh phải đứng làm mẫu, anh lại ngậm điếu thuốc đáng ghét ấy. Đó là nỗi khổ tày trời đối với anh.

Em hãy vui mừng vì em không phải lo đến những thùng hàng mẫu! Đó là điều vô nghĩa và vô lý thượng hạng: phải suốt ngày đứng trên sàn kho hàng cạnh cửa sổ mở lúc trời lạnh như thế để đóng gói vải. Đó là điều khủng khiếp và rất cuộc suốt ngày chẳng làm được trò trống gì cả.

1* – G.V. Phai-xtơ-coóc-nơ

Em gái thân yêu của anh, người anh chân thành của em.

Ph.Ăng-ghen

Brê-men, 9 tháng Chạp.

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4, 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

39 GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở MAN-HEM

Brê-men, 21-28 tháng Chạp 1840

Ngày 21 tháng Chạp 1840

Ma-ri-a thân mến!

Anh không thể không cảm ơn em về chiếc túi đựng thuốc đẹp, không có khuyết điểm nào ngoài việc nó không phải màu đen- đỏ - vàng. Bỗng nhiên anh nhận được nó ngay hôm nay và lập tức sử dụng nó luôn. – Ở đây lạnh khủng khiếp: suốt tháng Chạp lúc nào cũng lạnh cóng, và cho đến nay vẫn còn băng giá. Sông Vê-de đóng băng đến tận Vê-ghê-dắc cách đây 4 giờ đường đi xe và điều đó xem ra không bình thường. Vừa rồi có mấy người Brê-men đến đây. Các anh ở đây có lối sống rất vui, quán rượu nào cũng lui tới cả rồi, cốc nào cũng qua miệng cả rồi, sau đó chuệnh choáng lê bước về nhà. Anh gửi kèm theo đây bức thư khuyên bảo của ông giáo cũ dạy anh tiếng Tây Ban Nha; nếu đọc nó em hiểu thì anh sẽ tặng em một chiếc mũ mới. Biết

đâu, ở trường nội trú của các em có ai đó biết tiếng Tây Ban Nha, còn ở đây bức thư ấy chỉ làm phiền anh thôi. – Nói chung, anh không biết nên viết gì cho em, ở đây nhà máy đường bị cháy, còn ông già^{1*} hoàn toàn không muốn ra khỏi văn phòng, tuy anh quả là không nhịn được châm điếu xì-gà.

Ngày 23. Tối qua bọn anh có buổi học đấu kiếm, thì dùng một cái bọn anh được tin vui rằng lại có đám cháy, lần này ở Noi-stát. Vì ý thức trách nhiệm, bọn anh chạy ngay tới đó, khi tới nơi thì tất cả đều đã kết thúc. Bao giờ cũng thế. Tốt hơn cả nên bình tĩnh ngồi nhà chùng nào lửa chưa cháy ngay dưới mũi ta. Mẹ gửi đến cho anh nhân lễ Giáng sinh một hóa đơn để nhận toàn tập các tác phẩm của Gơ-tơ²⁸⁸, hôm qua anh lập tức lấy những tập đầu đã xuất bản và tối qua hết sức thích thú đọc đến mười hai giờ tác phẩm "Ái lực chọn lọc". Cái ông Gơ-tơ ấy là một người cừ thật! Nếu em viết tiếng Đức như ông ấy thì anh vui lòng miễn cho em học tất cả mọi ngoại ngữ. Nhân tiện nói thêm, em chừa lễ hoàn toàn vô ích, khi em viết cho anh; tờ giấy gấp tám khá hẹp, và anh không thể chịu được cung cách lười biếng của em khi em viết đầy nhiều trang nhưng lại viết ít. Xin em chú ý điều đó! – như giáo sư Han-tơ-kê thường nói.

Ngày 24. Bây giờ em ắt phải hồi hộp khủng khiếp, anh có thể hình dung được, và em có những hy vọng đầy hứa hẹn như thế nào. Anh khao khát muốn biết điều đó sẽ kết thúc ra sao. Anh hy vọng rằng ngay với chuyến thư đầu tiên em sẽ cho anh biết sự kiện quan trọng này. Về phía mình, anh cố gắng để điều đó được đăng ngay trên các báo địa phương.

Nhân tiện anh dẫn ra đây một số mẫu nét bút và chữ ký^{2*}

1* – Hen-rích Lôi-pôn-đơ

2* Xem tập này, tr.696.

mà anh dùng để chứng minh nghệ thuật của anh cho sếp trẻ đang kiêu hãnh với nét chữ vụng về của mình.

Ngày 28 tháng Chạp. Bây giờ sông Vê-de đóng băng hết cả rồi, và người ta trượt xe đẩy dọc sông. Anh nghĩ rằng có thể dùng giày trượt băng chạy tới Vê-ghê-dắc dọc sông Vê-de, tới đó chỉ hết 5 giờ là cùng. Sau bữa ăn trưa toàn bộ beau monde^{1*} ra đây dạo chơi, và các quý bà đi trước để cho hội đàn ông có cơ hội thả họ xuống băng, điều này bao giờ cũng làm cho họ rất thích thú. Cây cối phủ một lớp trắng dày khiến có cảm tưởng như thể chúng được làm bằng tuyết bông. - Bà mục sư^{2*} đã khâu

1* – giới thượng lưu

2* – Ma-tin-da Tô-rê-vi-ra-nút

cho anh nhân dịp Giáng sinh một chiếc ví màu đen-đỏ-vàng, còn Ma-ri-a^{1*} thì làm cái tua đen-đỏ-vàng cho tẩu thuốc của anh sao mà tuyệt đến thế! Hôm nay 9 độ âm, như thế mới là đời! Anh không thích gì như thích mặt trời lạnh lùng, bất động treo lơ lửng trên trái đất mùa đông băng giá. Trên trời không một gợn mây, dưới đất không hề có bùn nhớp, tất cả đều đóng thành băng rắn như thép và kim cương. Không khí không lơ lờ và lụ khụ như vào mùa hạ. Bây giờ ít ra ta cảm thấy không khí đó khi ra đường. Cả thành phố bị băng bao phủ, người ta không đi lại được nữa, mà ngã từ đường này sang đường khác. Cuối cùng, giờ đây có thể cảm thấy mùa đông đã thực sự đến. Anh hy vọng rằng, ở Man-hem, ngoài những trò ảo thuật có ích khác ra, các em phải tập cả trượt băng nữa, và em đừng để mỗi khi trở về nhà như một quý bà yếu chịu rét, ngồi bên lò sưởi không làm sao kéo ra đường được, điều mà anh tuyệt nhiên không muốn. Nhưng nếu khi em đến, em vẫn sợ băng giá, anh sẽ buộc em vào xe trượt, đặt xơ đay nóng vào tai ngựa và cứ thế đưa em lên đường. Hoặc anh sẽ đi cho em đôi giày trượt băng, mang em ra tận giữa ao và để em tự mình vùng vẫy ở đấy.

Em gái thân mến, đáng yêu của anh! Nếu anh tính không sai, thư này em sẽ nhận vào ngày đầu Năm mới. Nhân dịp ngày lễ sắp tới, ngày rất vui với anh, ắt là cả đối với em nữa, chúc em đạt được tất cả những gì em muốn, vì lời chúc đó không tốn kém gì cho anh cả; anh hy vọng rằng những lời chúc của em đối với anh ít ra cũng sẽ mang tinh thần Cơ Đốc giáo như thế. Chúc Năm mới em thích cuộc sống ở Man-hem cũng như – xét theo những bức thư của em – thích nó trong năm cũ – (Điều này

1* – Ma-ri-a Tô-rê-vi-ra-nút

anh viết phòng trường hợp thư này phải đi qua cơ quan kiểm duyệt trước khi nó đến tay em).

Phri-đrich của em

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig Bd. 4. 1920

In theo bản viết tay

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu

NĂM 1841**40
GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở MAN-HEM^{1*}**

Brê-men, 18 tháng Hai 1841

Ma-ri-a thân mến!

Lần này em sẽ nhận được một bức thư khá nặng. Lúc đầu anh thậm chí muốn viết thư này trên tờ giấy bồi để em phải trả cước phí nhiều hơn cho việc đưa thư tới, nhưng tiếc rằng anh không tìm được một mảnh phẳng phiêu và vì thế anh buộc phải viết trên giấy dày nhất mà anh có thể kiếm được trong cửa hàng giấy chỗ bọn anh. Nếu em không biết bài học dấu kiểm là gì, thì điều đó chứng tỏ rằng em vô cùng lạc hậu về mặt văn hóa; còn việc em không hiểu điều đó qua hình vẽ kèm theo cũng chứng tỏ tính hạn chế bẩm sinh; xem ra, không chỉ các kết quả khai sáng, mà cả mọi biểu hiện của cảm giác hài hước em cũng đều còn chưa với tới được. Trong tiếng Đức tồi của chúng ta, bài học dấu kiểm cũng có nghĩa như là bài học đánh gươm vậy. Anh đã sắm được một đôi kiếm, có cả găng tay, đôi găng tay

1* Ở mặt sau thư đề: Cô Ma-ri-a Ăng-ghen ở Trường nữ học đại công quốc Man-hem.

duy nhất mà anh có, vì anh không say mê da cừ non và những đồ tương tự như thế.

Về Stabat mater dolorosa^{1*} v.v., thì như anh cảm thấy, tác phẩm đó do Péc-gô-lê-dê viết, em hãy kiểm tra xem. Nếu đúng thế thì em hãy tìm cho anh, cố gắng tìm bản in có dàn bè, – nếu ở đây dạy cách phối dàn nhạc, thì anh không cần đến nó, anh chỉ cần bè thanh nhạc thôi. Còn nếu tác phẩm ấy là của Pa-le-xtơ-ri-na hoặc của người nào đó khác, thì anh không cần. Ngày kia bọn anh sẽ trình diễn bản "Pôn" của Men-đen-xơn – khúc ô-ra-tô-ri-a hay nhất được viết sau khi Hen-đen mất. Chắc là em biết bản nhạc ấy. Anh rất ít khi đến nhà hát, vì nhà hát ở đây thật đáng xấu hổ, và chỉ thỉnh thoảng, khi người ta diễn một vở kịch mới hoặc một vở ca kịch hay mà anh chưa biết thì anh mới đến xem.

Từ khi anh viết cho em lá thư gần đây nhất, ở chỗ bọn anh có trận lụt lớn. Trong phòng của anh ở nhà Tơ-rê-vi-ra-nút, nước dâng lên mười hai – mười bốn in-sơ; anh đã phải chạy đến chỗ ông già^{2*} vốn có lòng đôn hậu cho anh ở nhờ gần hai tuần. Nhưng đúng vào lúc này đã bắt đầu cảnh rối loạn thực sự. Mực nước trước nhà cao một phút rưỡi; để nước không vào tầng hầm trong đó có cửa nắp, bọn anh đã trát nó bằng đất bùn. Song thứ nước quái ác từ hầm chứa của người láng giềng ngấm qua tường chảy vào hầm chứa của bọn anh; nhưng để những thùng rượu rum tuyệt vời và khoai tây không bị ngập và trước hết là tầng hầm có nhiều mặt hàng của ông già, bọn anh đã phải ngày đêm tát nước, bốn đêm liền. Tất cả bốn tối ấy anh làm việc tát nước. Bọn anh cùng với Vin-hem Lô-i-pôn-đơ thường cùng nhau trực

1* Xem tập này, tr. 519-521.

2* – Hen-rích Lô-i-pôn-đơ

đêm, ngồi trên chiếc di văng bên bàn, trên bàn để mấy chai rượu nho, xúc xích và một miếng to tướng thịt hun khói tốt nhất của Hăm-buốc. Tại đây bọn anh hút thuốc, tán chuyện và cứ nửa giờ lại tắt nước một lần. Điều đó thật tuyệt vời. Lúc năm giờ sáng ông già đến thay phiên cho một trong số bọn anh. Trong thời gian lụi ấy đã xảy ra những chuyện lý thú. Trong một ngôi nhà ở ngoại thành nước ngập đến tận cửa sổ tầng một, người ta bỗng thấy rất nhiều chuột cống bơi tới đây, nhảy ào qua các cửa sổ, chen chúc nhau đầy nhà. Cũng nên nói thêm rằng trong nhà này chỉ toàn là phụ nữ rất sợ chuột và không có một người đàn ông nào, thành thử các bà chân yếu tay mềm mặc dù sợ nhưng vẫn phải tay kiếm tay gậy v.v. để đuổi đàn vật hoang ấy. Trong một ngôi nhà ngay trên bờ sông Vê-de, các nhân viên văn phòng đang ngồi ăn sáng thì bỗng nhiên một tảng băng rất lớn đập vào nhà và làm thủng tường, và hết sức hung hãn ào vào phòng, tiếp theo là một luồng nước khá mạnh. Còn bây giờ anh cũng muốn báo em biết thêm một tin mới. Chắc em còn nhớ có lần anh đã bí mật viết cho em về bữa tiệc trọng thể tổ chức ở lãnh sự quán hoàng gia tại Dắc-den và trong bữa tiệc ấy đã xảy ra những sự kiện rất bí ẩn. Bây giờ anh có thể nói với em rằng nhân vật mà người thủ trưởng thứ hai của anh, ông Vin-hem Lôi-pôn-đơ được nhắc đến ở trên, tổ chức bữa tiệc ấy để chào mừng là *dame souveraine des pensées, die domna amada mais que la vida*^{1*}. Trong thời gian lụi, ông ta chính thức thông báo với anh rằng đến lễ Phục sinh sẽ tổ chức lễ đính hôn của ông ta. Anh cho em biết điều này, hy vọng vào sự nhũn nhặn của em, và em đừng ba hoa, vì điều đó đến tận lễ Phục sinh mới tuyên bố công khai. Em thấy anh tin em như thế nào, vì nếu em kể điều này ra, thì

1* – bà chủ tối cao của các tư tưởng, người phụ nữ được yêu chiều hơn cuộc sống.

chỉ ba ngày nữa tin đồn đó có thể lan truyền khắp Brê-men, – vì đâu đâu cũng đều có những bà ba hoa, và lúc đó anh sẽ lâm vào một tình thế rất khó chịu đấy. – Người yêu của V.Lôi-pôn-đơ tên là Tê-rê-da Mây-ơ, con gái của Stốc Mây-ơ ở Hăm-buốc. Người ta gọi ông là Stốc Mây-ơ vì ông ta có một xưởng sản xuất gậy^{1*}, nhờ đó mà ông ta kiếm được nhiều tiền. Cô ta, có nghĩa là Tê-rê-da, mặc áo gia-kết xanh và áo váy màu sáng, cô ta mười bảy tuổi, và cũng gầy như em, nếu trong thời gian này ở Man-hem em không béo ra. Cô ta thậm chí chưa làm lễ nhập đạo, chẳng lẽ như thế không khủng khiếp hay sao?

Hôm nay anh lại cắt ria mép và hết sức đau buồn chôn vùi thi hài của sinh linh thanh xuân ấy. Trông anh như phụ nữ, thật là nhục. Và nếu anh biết rằng không có ria anh sẽ trông khủng khiếp như thế thì dĩ nhiên anh sẽ không cắt ria đi. Khi anh cầm kéo đứng trước gương và đã cắt ria bên phải, ông già đi vào văn phòng và cười phá lên khi thấy anh với một bên ria mép. Nhưng giờ đây anh lại bắt đầu nuôi ria, vì anh không thể lộ mặt ra bất cứ nơi nào. Ở Học viện thanh nhạc, một mình anh có ria và anh đã cười nhạo những kẻ phi-li-xtanh không thể nào cam chịu việc anh dám xác láo xuất hiện với bộ mặt không cạo râu như thế trong giới thanh lịch được. Và lại, các bà rất thích điều đó và ông già của anh cũng thế. Ngay tối qua trong buổi hòa nhạc, sáu chàng trai ăn diện vây quanh anh, tất cả đều mặc áo đuôi tôm và đeo găng tay bằng da cừu non, còn anh thì mặc áo ngoài thông thường, tay không đeo găng. Những chàng công tử bột ấy suốt buổi tối chế giễu anh và bộ râu rể tre của anh ở môi trên. Nhưng điều lý thú nhất là ba tháng trước đây ở đây không ai

1* "Stốc" trong tiếng Đức có nghĩa là "gậy", "ba-toong".

biết anh, còn bây giờ tất cả đều biết anh chỉ nhờ bộ ria. Ôi, những kẻ hủ lậu ấy!

Phri-đrich của em

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig Bd. 4. 1920

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

41

GỬI PHRI-ĐRÍCH GRE-BƠ

Brè-men, 22 tháng Hai 1841

Đức cha in spe^{1*}

có ân huệ, habuerunt gratiam viết cho tôi mihi scribendi sc. literas. Multum gaudeo, tibi adjuvasse ad gratificationem triginta thalerorum, speroque, te ista gratificatione usum esse ad bibendum in sanitatem meam.

1* – trong tương lai.

^{1*} đã bay bổng trên Ph. Gre-bơ, khi ông sáng tạo ra đủ thứ và chứng minh rằng hai lần hai là năm. Ôi, cậu, người thợ săn đà điểu^{2*} vĩ đại, tôi van xin cậu vì toàn bộ chính giáo mà phá hủy toàn bộ tổ đà điểu chết tiệt và hãy dùng chiếc lao của thánh Ghê-oóc-ghi đâm thủng tất cả các quả trứng đà điểu đang ấp dở! Cậu hãy đi vào sa mạc của thuyết phiếm thần, hỏi người giết rồng dũng cảm, hãy chiến đấu với Lê-ô rugiens^{3*} Ru-gơ, lòng sục và tìm tòi xem nên nuốt chửng ai, cậu hãy tuyệt diệt giống đà điểu quái thai đáng nguyên rủa và hãy cầm lá cờ chữ thập lên Xi-nai của thần học tư biện! Xin van cậu, cậu hãy nhìn những người có đạo đã năm năm chờ đợi người tới đánh bẹp đầu con xà tinh đà điểu; họ đã kiệt sức, họ ném đá, bùn, thậm chí phân vào nó, nhưng cái mào vấy thuốc độc của nó ngày càng vươn lên cao; nếu cậu bác bỏ tất cả một cách dễ dàng rằng mọi công trình tuyệt đẹp đều tự chúng đổ vỡ, thì cậu hãy tập trung sức lực và bác bỏ tác phẩm "Cuộc đời chúa Giê-xu"¹⁶² và tập một quyển "Giáo lý"¹⁵⁹; vì rằng mối nguy hiểm trở nên ngày càng đáng sợ, Quyển "Cuộc đời chúa Giê-xu" đã xuất bản nhiều lần hơn với những tác phẩm của Heng-xten-béch và Tô-lúc cộng lại và việc đuổi bắt cứ ai không phải là người thuộc phái

1* - có nhã ý viết cho tôi dĩ nhiên là một bức thư. Tôi hết sức vui mừng là đã giúp đỡ cậu bằng cách giúp ba mươi ta-le, và tôi hy vọng rằng cậu đã sử dụng khoản tiền giúp đỡ đó để uống rượu vì sức khỏe của tôi. Cậu hãy vui mừng, hỏi người bảo vệ đạo Cơ Đốc, người vĩ đại đánh Sto-rau-xơ, ngôi sao của chính giáo, người giải nỗi buồn của phái Kiền thành, ông hoàng đoán mộng!; !; !; lúc đầu chúa tạo ra trời và đất và tinh thần thần thánh.

2* Chơi chữ: Strauß là tên họ (ám chỉ D., Sto-rau-xơ, tác giả quyển "Cuộc đời chúa Giê-xu") và Strauß là "đà điểu".

3* – chỉ trích.

Stor-rau-xơ ra khỏi văn đàn đã trở thành quy tắc. Còn "Hallische Jahrbücher" là tạp chí phổ biến nhất của Bắc Đức, phổ biến đến mức đức vua Phổ^{1*}, tuy rất muốn nhưng không thể cấm được nó. Việc cấm tờ "Hallische Jahrbücher" là tờ báo hàng ngày nói với vua Phổ những lời hỗn láo tày trời, sẽ lập tức biến một triệu người Phổ vẫn chưa biết nên phán xét ông ta như thế nào thành kẻ thù của ông ta. Và các cậu không thể chậm trễ hơn nữa, vì nếu không thì mặc dù tinh thần ngoan đạo của vua Phổ, chúng tôi sẽ bắt các cậu phải vĩnh viễn im hơi lặng tiếng. Nói chung, các cậu cần phải tập trung nhiều dũng khí hơn để cuộc đánh lộn diễn ra một cách thích đáng. Nhưng các cậu viết một cách bình tĩnh và đường hoàng hết như các hành động của đạo Cơ Đốc chính thống được định giá cao hơn một trăm phần trăm so với mức giá chung, hết như dòng triết học cũng chảy bình tĩnh và đường hoàng giữa các đập giáo hội của mình như trong thời kinh viện, hết như trái đất không biết ngưng đã chen vào giữa mặt trăng giáo điều và mặt trời chân lý, gây ra hiện tượng nguyệt thực khủng khiếp. Lẽ nào các cậu không nhận thấy rằng cơn lốc tràn qua rừng, *lật nhào tất cả những cây khô, rằng thay cho con quỷ cũ, đã nộp ad acta^{2*}*, nổi lên con quỷ tư biện phê phán, đã có nhiều người theo hay không? Không phải ngày nào chúng tôi cũng kiêu hãnh và giễu cợt thách thức các cậu vào trận chiến; chẳng lẽ vậy là chúng tôi sẽ không khoét da dày của các cậu – đúng là, trong 1800 năm nó đã trở nên cũ và hơi giống da thuộc - và chúng tôi sẽ không bắt các cậu ngồi lên lưng ngựa chiến hay sao? Nhưng tất cả những người như Nê-an-đơ, Tô-lúc,

1* – Phri-đrich Vin-hem IV

2* – vào lưu trữ

Nít-sơ, Bléch, Éc-man của các cậu và như ở đây người ta còn gọi họ như thế nào nữa – tất cả họ là những người mềm yếu, nhạy cảm, thanh kiếm trên người họ có dáng vẻ hết sức buồn cười; tất cả bọn họ đều thận trọng và bình thản, họ sợ chuyện lời thôi đến nỗi ta chẳng thể làm gì với họ. Heng-xten-béch và Lê-ô tuy có dũng khí nhưng Heng-xten-béch thường bị hất khỏi yên ngựa đến nỗi ông ta hoàn toàn không có năng lực chiến đấu, còn Lê-ô, trong cuộc đấu đá gần đây nhất của ông ta với phái Hê-ghê-linh⁴⁸ đã bị nhỏ hết toàn bộ râu, thành thử giờ đây ông ta thấy không lịch sự khi xuất hiện trước mọi người. Và lại, Stor-rau-xơ tuyệt nhiên không bị bẽ mặt, vì nếu cách đây mấy năm ông ta còn nghĩ rằng với quyển "Cuộc đời chúa Giê-xu" ông ta không gây tổn thất nào cho học thuyết của giáo hội, thì tất nhiên ông ta có thể đọc quyển "Hệ thống thần học chính thống", mà cũng không hề mất mát gì cả, giống như người chính giáo đọc quyển "Hệ thống triết học Hê-ghen"; nhưng nếu ông ta, như quyển "Cuộc đời chúa Giê-xu" cho thấy, đã thực sự nghĩ rằng hệ thống giáo lý sẽ không bị tổn thất vì các quan điểm của ông ta, thì ai ai cũng đã biết trước rằng ông ta chẳng bao lâu nữa cũng sẽ từ giả những tư tưởng như vậy – một khi ông ta nghiêm túc bắt tay vào nghiên cứu hệ thống giáo lý. Trong quyển "Giáo lý" của mình, chính ông ta đã nói thẳng ra rằng ông nghĩ gì về học thuyết của giáo hội. Dù sao cũng tốt là ông ta đã cư trú ở Béc-lin; chính ở đây, tại vị trí của mình, bằng lời nói và ngòi bút ông ta có thể làm được nhiều hơn là ở Stút-gát.

Lời khẳng định rằng về mặt là nhà thơ tôi đã bị phá sản, bị nhiều người bác bỏ, và ngoài ra, Phrai-li-grát không cho đăng thơ của tôi không phải vì lý do chính trị, mà vì khuynh hướng của thơ tôi và vì thiếu chỗ. Thứ nhất, ông ta hoàn toàn không dễ dãi, thứ hai, thơ đến quá muộn; thứ ba, có ít chỗ trống đến nỗi

trong số những bài thơ định dùng cho những tờ cuối cùng đã phải vứt bỏ nhiều điều có giá trị. Và lại, tác phẩm "Bài ca vùng Ranh" của N.Béch-cơ là tác phẩm khá bình thường và không được hâm mộ đến mức người ta không dám khen nó trong bất kỳ một tạp chí nào nữa. Bài ca "Sông Ranh" của R.E. Prút-xơ²⁸⁹ thuộc loại hoàn toàn khác. Và những bài thơ khác của Béch-cơ cũng hay hơn nhiều. Bài nói của ông ta trong cuộc rước đuốc là bài nói lảm cẩm nhất mà tôi chưa bao giờ nghe thấy. Tôi hết lòng cảm tạ những biểu hiện của sự kính trọng của nhà vua. Tất cả những điều đó để làm gì? Huân chương, hộp thuốc bằng vàng, cúp danh dự của nhà vua – trong thời buổi chúng ta đó là sự nhục mạ hơn là sự tôn kính. Tất cả chúng ta một lòng một dạ cảm ơn về những điều thuộc loại như vậy và, lạ trời, được bảo đảm khỏi phải nhận chúng: từ khi tôi cho đăng trên báo "Telegraph" bài viết của tôi về E.M.Ác-nơ-tơ^{1*}, ngay cả vua điên xứ Ba-vi-e^{2*} cũng không nghĩ ra việc đeo lên người tôi chiếc lục lạc ngu ngốc như vậy hoặc đóng dấu nô lệ lên lưng. Giờ đây con người càng dè dặt, càng khúm núm, càng quy lụy thì hẳn nhận được càng nhiều huân chương.

Giờ đây tôi hăng say tập đấu kiếm và sắp tới tôi sẽ có thể chặt đầu tất cả các cậu. Tháng vừa rồi ở chỗ chúng tôi đây có hai cuộc đấu kiếm: đối thủ thứ nhất rút lui những lời xúc phạm ("đồ nhãi nhép ngu như bò") mà cậu ta đã càu nhàu tuôn ra với tôi sau khi tôi cho cậu ta một cái bạt tai, và cái bạt tai vẫn chưa được báo thù; với đối thủ thứ hai thì tôi đã đấu hôm qua và đã chém cho hắn một nhát trứ danh trên trán đều tăm tắp một mạch từ trên xuống dưới, một phần thưởng tuyệt vời.

1* Xem tập này, tr.176-197.

2* – Lút-vích I

Farewell!^{1*}

Ph.Ăng-ghen của cậu

Công bố lần đầu trong tạp chí "Die neue Rundschau", 10 Heft. Berlin, 1913.

*In theo bản viết tay.
Nguyên văn là tiếng Đức.*

42
GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở MAN-HEM

Brê-men, 8-11 tháng Ba 1841

Ngày 8 tháng Ba 1841

Ma-ri-a thân mến!

"Bao nhiêu kính trọng sâu sắc, bấy nhiêu chân thành" – đấy là những từ cuối cùng của một công văn mà hôm nay anh viết xong cuối giờ làm việc ở văn phòng, để – để – để, nào, làm thế nào diễn đạt điều đó trang nhã hơn nhỉ? Biết làm gì được, thơ không thành thơ, và để viết cho em, tốt hơn cả nên nói một cách đơn giản. Vì anh còn bận hâm lại thức ăn trưa, nên anh không có thì giờ suy nghĩ nhiều, anh sẽ viết cho em những gì nảy ra trong đầu vào giây phút này. Nhưng ý nghĩ đầu tiên của anh là điều xì-gà sẽ châm bây giờ, vì đức vua đi vắng. Đức

1* – Tạm biệt!

vua là ông già^{1*} đã nhận tước vị đó vì bọn anh định luyện theo phong cách cung đình. Vì rằng điều hoàn toàn dứt khoát và không thể nghi ngờ là sắp tới tất cả mọi người trong văn phòng nhà Lô-i-pôn-đơ sẽ trở thành bộ trưởng và quan chức cơ mật cao cấp trong cung đình. Em sẽ lấy làm lạ khi thấy anh với chiếc chìa khóa vàng trên ngực áo đuôi tôm màu đen – tất nhiên anh vẫn sẽ không khom lưng như thế suốt đời anh, và anh sẽ không cạo ria vì bất kỳ một ông vua nào. Ria của anh bây giờ đã trở nên rất rậm, mịn và vẫn mọc thêm, và nếu anh – điều này anh không nghi ngờ gì nữa – sẽ được hôn hạnh cùng em uống rượu ở Man-hem vào mùa xuân thì em sẽ có thể được ngắm vẻ đẹp của bộ ria.

Cách đây một tuần Ri-sác Rốt đã rời đây đi du lịch một chuyến dài ở Nam Đức và Thụy Sĩ. Anh cảm ơn Chúa là cuối cùng anh cũng rời thành phố buồn tẻ này, nơi không còn gì để làm ngoài việc luyện tập đấu kiếm, ăn, uống, ngủ và làm việc như một kẻ đáng nguyên rủa – voilà tout^{2*}. Anh không biết em đã nghe nói cuối tháng Tư anh cùng bố chắc hẳn sẽ đi I-ta-li-a, và lúc đó anh sẽ đến thăm và dành cho em vinh dự được đón tiếp. Nếu em sẽ cư xử lịch thiệp thì có thể anh sẽ chở đến cho em một số thứ; nhưng nếu em sẽ rất kiêu căng và vênh mặt, thì anh sẽ quát cho em khá nhiều. Và em sẽ không tránh khỏi sự trừng phạt chính đáng, nếu em lại viết điều vô nghĩa như trong bức thư gần đây của em về các bài học đấu kiếm,

1* – Hen-rích Lô-i-pôn-đơ

2* – chỉ có thế.

trong đó em cố tình chế giễu anh. Việc Stabat mater^{1*} do Péc-gô-le-de viết, anh rất khoái nhận ra ngay. Dù sao, em cũng phải sao lại cho anh khúc nhạc dương cầm cải biên với tất cả các bè hát và phải đúng để lời hát và phần nhạc đệm xếp lên nhau thành một cột nhỏ, như trong khúc nhạc dương cầm cải biên cho ca kịch. Theo như anh nhớ, hình như trong Stabat mater của Péc-gô-le-de không có những bè giọng nam cao và giọng nam trầm, nhưng ở đây có nhiều giọng nữ cao và giọng nữ trầm. Điều đó không cao cả.

Nếu mùa xuân này anh thực sự đi Mi-la-nô thì ở đây anh sẽ gặp Rốt và Vin-hem Blăng-cơ người En-bơ-phen-đơ. Ở đây bọn anh sẽ sống tuyệt vời với thuốc lá Thổ Nhĩ Kỳ và Lacrime di Christo^{2*}. Ở đây bọn anh sẽ cố gắng gây ấn tượng để nửa năm sau người I-ta-li-a vẫn còn nhớ đến ba người Đức vui tính.

Việc em mô tả hội hóa trang hồn nhiên của các em làm anh rất thích. Anh muốn được tận mắt trông thấy em ở đây như thế nào. Ở đây chẳng có gì vui ngoài một số vũ hội hóa trang buồn tẻ mà anh không dự. Ở Béc-lin hội hóa trang cũng đã thất bại nhục nhã. Việc này người dân Khuên biết làm tốt hơn cả.

Song ở em có một điều không thể so sánh với anh được.

Hôm nay thứ tư, ngày 10 tháng Ba, em sẽ không được nghe bản giao hưởng c-moll của Bê-tô-ven, còn anh thì có thể được nghe. Bản giao hưởng ấy, và cả bản giao hưởng Anh hùng

1* Xem tập này, tr.698.

2* – Nước mắt của Ki-tô (tên một thứ rượu nho).

nữa là những tác phẩm anh yêu thích. Em hãy tập diễn tấu cho tốt các bản xô nát và các bản giao hưởng của Bê-tô-ven để sau này khỏi làm cho anh phải xấu hổ. Còn anh thì sẽ nghe nó không phải trong thể chuyển biến cho dương cầm, mà trong sự trình diễn của một dàn nhạc đầy đủ.

Ngày 11 tháng Ba. Đêm nhạc giao hưởng hôm qua mới tuyệt làm sao! Nếu em không biết điều tuyệt diệu ấy, thì coi như trong đời nói chung em chưa nghe gì cả. Nỗi đau buồn đây tuyệt vọng trong phần thứ nhất, nỗi buồn bi thương đó, lời ai oán dịu dàng đó của tình yêu trong giai điệu và niềm vui tự do trẻ trung hùng hậu đó được biểu hiện bằng kèn tơ-rôm-bôn, trong phần thứ ba và thứ tư! Ngoài ra, hôm qua còn có một người Pháp thảm hại nào đó biểu diễn, ông ta hát bài gì đó đại thể là:

vân vân, không theo một âm điệu nào và không có sự hòa âm nào, lời tiếng Pháp thì chối tai, và toàn bộ bài hát ấy được gọi là: "L'Exilé de France"^{1*}. Nếu tất cả những người bị trục xuất khỏi nước Pháp tổ chức những buổi hòa nhạc om sòm loạc choạc như thế, thì chẳng ai muốn nhìn mặt họ đâu. Kể thô tục ấy còn hát bài: "Le toréador", nghĩa là người tham gia cuộc đấu bò, đã thế lại còn cứ lặp đi lặp lại điệp khúc: "Ah que j'aime L'Espagne!"^{2*}. Bài hát ấy chắc còn khủng khiếp hơn, nó quăn quại khi thì bằng những bước nhảy quãng năm, khi thì bằng những bước hệ âm hóa, như thể bản nhạc ấy phải truyền đạt cơn đau nhói trong bụng. Nếu không vì phần trình diễn bản giao hưởng tuyệt diệu,

1* – "Người bị trục xuất ra khỏi nước Pháp".

2* – "A, ta yêu Tây Ban Nha đường nào!".

thì anh đã bỏ chạy và để cho con quạ đen ấy ngoạo mồm ra mà kêu quạ quạ, vì hấn có giọng nam trung yếu thảm hại làm sao. Nhân đây anh nói thêm, sau này em phải dán thư cẩn thận hơn. Hình thức như thế này rất không tiết kiệm và thiếu thẩm mỹ. Thư phải như thế này ☒ hoặc như thế này ☒, mong em lưu ý điểm này.

Semper Tuus^{1*}

Phri-đrich

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

43

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở MAN-HEM

Bác-men²⁹⁰, 5 tháng Tư 1841

Vì sao em không biên thư tới Brê-men cho anh? Nói chung em tuyệt nhiên không đáng được anh viết cho em bây giờ nữa, nhưng anh muốn coi lần này là ngoại lệ và làm em vui bằng mấy dòng trong cảnh cô đơn của em ở Man-hem. Ở đây người ta chuyển anh đến căn phòng bên cạnh phòng cũ của anh, phòng biểu diễn âm nhạc hiện nay; ở đấy anh tha hồ vùi đầu vào những quyển sách I-ta-li-a và chỉ đôi khi mới rời chúng để trao đổi vài

1* – Luôn luôn là của em

cú đấm với Héc-man^{1*} hoặc A-đôn-phơ^{2*}. Anh vừa mới đấu kiếm với Au-gu-xtơ^{3*}, Héc-man và Béc-nơ-hác, và vì thế tay anh hơi run, do đó hôm nay anh viết chữ rất xấu, như chữ học trò. Hôm qua bọn anh đi Phô-vin-ken, anh đã gặp hầu hết những người trước kia cùng học với anh ở trường trung học.

Thời tiết rất tốt, nhưng hôm nay anh sẽ còn có một việc buồn tẻ khủng khiếp là đến thăm gia đình Vem-huê-nơ. Anh đã chuyển lời chào của em tới Ê-min^{4*}. Còn Lu-i-da Xnét-la-gơ thì đã móc được Héc-man Di-ben và xem ra rất hài lòng về việc đó. Nói chung thì tất cả ở Bác-men đều vẫn như cũ, và anh khẩn thiết đề nghị em suy nghĩ về việc thực hiện thật nhanh chóng bổn phận đối với anh.

Phri-đrich của em

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

44

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở MAN-HEM

[Bác-men, khoảng đầu tháng Năm 1841]

Ma-ri-a thân mến!

1* – Héc-man Ăng-ghen

2* – A-đôn-phơ Phôn Gri-xhai-mơ

3* – Au-gu-xtơ Ăng-ghen

4* – Ê-min Vem-huê-nơ

Tối qua anh bắt đầu viết thư cho em, nhưng viết chưa quá ba dòng, thì An-na^{1*} đã cắt bég mấy dòng đó đi để lấy giấy làm gì không biết. Cả hai bức thư của em anh đã nhận được, cả bức thư gửi tới Brê-men, thư này đã qua một cuộc chu du dài khá lý thú. Về những điều còn lại thì ở đây khá buồn tẻ, ngoại trừ việc thỉnh thoảng được một bữa ăn tối nào đó có một ít rượu pun-sơ, hoặc một bữa tiệc sinh viên với bia, nhậu lu bù ở quán rượu, hoặc trời mưa. Điều khoái nhất trong tất cả các việc này là anh suốt ngày hút thuốc, – và đó là khoái lạc cao nhất, vô giá nhất. Anh đã nhận được chiếc hòm của anh, cùng mấy thứ rất đẹp: một hộp đựng xì-gà, cái gạt tàn thuốc lá, chổi để lau tẩu v.v. từ Brê-men gửi đến. Bố đã đi En-ghen-xkiéc-khen, anh mặc chiếc áo dài của bố, ngồi trên chiếc ghế đẩu cao của bố với chiếc tẩu dài trên miệng và ra sức nhả khói. Tám-chín ngày nữa, anh và bố chắc sẽ lên đường đi Mi-la-nô¹⁴⁹, và dịp này bố và anh chỉ còn mong cho thời tiết tốt. Hôm nay lại mưa kinh khủng. Anh rất muốn biết em ở đây, tại Man-hem, đã lớn lên như thế nào và em vẫn còn là chú gà con gầy còm, góc ghech như trước, hay là đã có thêm những tính gàn dở mới? An-na đôi khi hay bị một bài thơ vợ vẫn nào đó cuốn hút rồi lúc đó cô ấy sinh ra tức mình và làm nhiều điều dại dột. Cứ sau mỗi từ cô ấy đều đệm thêm: "Ôi đồ nhảm nhí!". Héc-man^{2*} biểu hiện những khuynh hướng rõ rệt của chứng nghi bệnh: cậu ấy có thể ngồi suốt ngày với dáng vẻ lãnh đạm nhất, trề môi và không nói một lời. Còn nếu bỗng nhiên cậu ấy lên cơn giận, thì không tài nào ngăn cậu ấy lại được nữa. Với Ê-min^{3*} vẫn xảy ra mọi điều hiểu nhầm như

1* – An-na Ăng-ghen

2* – Héc-man Ăng-ghen

3* – Ê-min Ăng-ghen

trước Hét-vi-ga^{1*} ít thể hiện tính cách, nếu không kể tính hơi buống bình. Ru-đôn-phơ^{2*} là kiểu người y như Héc-man: buổi trưa cậu ấy mơ mộng, trong thời gian còn lại thì cậu ấy làm mọi điều đại dột. Niềm thích thú lớn nhất của cậu ấy là khi anh đưa cho cậu ấy thanh kiếm và đánh bật nó ra khỏi tay cậu ấy. Ê-li-da^{3*} nhỏ bé sẽ trở thành người thông minh, nhưng hiện thời em nó vẫn chưa thể hiện rõ mình. Em nó có tư chất lễ độ và cuối cùng nó nổi trội hơn tất cả các em. Còn anh? Chắc hẳn trông anh có vẻ như một chàng trai thú vị, nếu thay vì bộ ria mới hiện nay của anh, anh vẫn giữ bộ ria cũ thời ở Brê-men và mái tóc dài.

Đối với em, hôm nay thế là tạm đủ rồi. Anh sẽ viết cho em từ Mi-la-nô, nếu ở đấy anh và bố gặp mưa.

Phri-đrich của em

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

45

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở MAN-HEM^{4*}

[Bác-men, khoảng cuối tháng Tám 1841]

1* – Hét-vi-ga Ăng-ghen

2* – Ru-đôn-phơ Ăng-ghen

3* – Ê-li-da Ăng-ghen

4* Ở mặt sau thư đề: Cô Ma-ri-a Ăng-ghen, Man-hem.

Ma-ri-a thân mến!

Nếu nhất định anh phải viết thư cho em, thì anh chắc trước rằng thư sẽ ngắn, vì ở đây không có chuyện gì để viết cả. Những đám cưới, những cuộc thăm viếng, thôi thì đủ, anh đi tới đó, ăn và uống ở đấy, nhưng sau đó phao đồn mọi chuyện đơm đặt về điều đó thì anh hoàn toàn không có cái lối ấy. Vả lại, em không quen nghe những điều tương tự như vậy do anh nói ra. Anh hầu như suốt ngày ngồi ở tầng trên, trong phòng của anh, đọc và nhả khói như ống khói tàu hỏa, tập đấu kiếm đến nỗi lưỡi kiếm nứt nẻ, và anh nghĩ ra được trò tiêu khiển gì thì làm trò đó. Thời tiết quá xấu suýt làm anh thất vọng; không thể đi En-bơ-phen-đơ mà không có cơ ba lần ướt như chuột lột. Khốn nỗi, từ chỗ bọn anh đến En-bơ-phen-đơ chỉ có một chỗ có thể trú chân nếu thời tiết rất xấu, đó là quán bia. Hơn nữa, ở đấy một cốc bia giá 2 din-béc-grô-sa. Về những chuyện khác cũng chẳng có gì tiến triển cả, trái lại, tất cả đều thụt lùi. Về việc anh đi Béc-lin tạm thời chưa bàn đến, vả lại, việc đó cũng chưa vội, anh không lo lắng gì cả – cứ để kệ người khác lo. Nếu em muốn có thư nữa, thì em hãy cho anh biết tình hình của em và hãy viết cho anh điều gì đó thú vị.

Anh **Phri-đrich** của em

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe, Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

46

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở MAN-HEM

Bác-men, 9 tháng Chính 1841

Ma-ri-a thân mến!

Mẹ quả quyết rằng lần gần đây nhất anh gửi cho em không phải là thư mà là một thứ gì đó có vẻ bôi bác không đáng trả lời. Vì em không trả lời thứ bôi bác được nhắc tới ở trên, nên anh, hết sức tiếc, gần như phải đi đến kết luận rằng em tán thành ý kiến ấy. Và lại, anh phải nói với em rằng thái độ như vậy làm anh rất buồn, nếu không phải là xúc phạm anh; và mãi tới hôm nay, vì anh ở trong tâm trạng tốt và không muốn cãi cọ với em, nên anh viết thư cho em, bởi vì em hoàn toàn không đáng được nhận thư. Ngoài ra anh còn muốn làm cho mẹ hài lòng, và giờ đây em biết vì ai mà có những dòng thư này. Anh ở đây đã gần sáu tuần và đã hút hết nhiều thuốc lá, đồng thời đã hăng hái luyện tập, tuy trong giới thượng lưu có xu hướng muốn khẳng định rằng anh chẳng làm gì cả. Một hoặc hai tuần nữa thế nào anh cũng sẽ đi Béc-lin để làm bốn phần công dân của anh, nghĩa là cố gắng thoát khỏi cảnh làm lính tráng, rồi anh sẽ trở về Bác-men. Việc đó sẽ đi đến đâu, rồi chúng ta sẽ thấy.

Hôm thứ bảy và chủ nhật bọn anh định tổ chức cuộc đi dạo tới An-ten-béc, nhưng không thành vì Blăng-cơ và Rốt không đi được; anh còn phải suy nghĩ xem liệu bọn anh có thể tổ chức một vụ gì đó khác hay không. Bây giờ anh nảy ra ý nghĩ là lẽ

ra anh có thể bằng cách nào đó lại chuẩn bị đi Bai-en-buốc, vì đã lâu lắm rồi anh không tới đó.

Hôm qua mẹ được gia đình chú Au-gu-xtơ^{1*} mời tới uống cà phê và đã nhận thấy cô I-u-li-a Ăng-ghen rất ít nói, còn cô Ma-tin-đa Vem-huê-nơ thì rất hay nói. Anh để em tự mình rút ra từ đó những kết luận nhất định nào đấy.

Nói chung, anh thấy rằng An-na^{2*} rất vui tính, Ê-min^{3*} có nhiều tiến bộ về mặt hóm hỉnh, Hét-vi-ga^{4*} đã trở nên rất mạnh dạn, còn Ru-đôn-phơ^{5*} thì theo con đường mà Héc-man^{6*} đã đi khi cậu ngốc ấy ở tuổi Ru-đôn-phơ; tiện thể nói thêm, Ê-li-da^{7*} đã trở thành cô gái ăn diện hẳn hoi.

Bức thư em viết bằng tiếng Anh cho bố mà hôm nay anh đọc, nhìn chung rất tốt, trừ vài lỗi hơi nặng.

Du reste^{8*}Anh *Phri-đrich* của em

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – Au-gu-xtơ Ăng-ghen, chú của Phri-đrich Ăng-ghen

2* – An-na Ăng-ghen

3* – Ê-min Ăng-ghen

4* – Hét-vi-ga Ăng-ghen

5* – Ru-đôn-phơ Ăng-ghen

6* – Héc-man Ăng-ghen

7* – Ê-li-da Ăng-ghen

8* – Bây giờ anh dùng bút

NĂM 1842

47

**GỬI MA-RI-A ẶNG-GHEN
Ở MAN-HEM**Béc-lin²⁹¹, 5-6 tháng Giêng 1842

Ngày 5 tháng Giêng 1842

Ma-ri-a thân mến của anh!

Anh hết sức xấu hổ thú nhận rằng bức thư của em đã nhắc anh nhớ cái bản phận viết thư cho em mà anh đã quên từ lâu. Điều đó thực đáng xấu hổ đối với anh, và tội ấy hoàn toàn không đáng được tha thứ. Vì vậy anh muốn làm ngay việc ấy và trả lời bức thư đáng yêu của em mà anh nhận được cách đây ba ngày. Hôm qua anh bị "sốt đại bác". Thực ra là từ sáng anh đã cảm thấy rất khó ở. Anh thấy người yếu thế nào ấy, sau đó anh bị gọi đi tập và khi ở bên cạnh cỗ đại bác anh thấy tối tăm mặt mũi, sau đó anh đi nơi khác, và sau bữa ăn trưa anh bắt đầu lên cơn sốt khủng khiếp. Sáng nay sức khỏe của anh đã tốt hơn, nhưng công việc vẫn chưa đâu vào đâu cả. Bây giờ thì mọi việc lại tương đối ổn, nhưng anh xin nghỉ ồm hai ngày vì bệnh sốt đại bác viêm niêm mạc. Anh hy vọng rằng sau đó anh lại sẽ có thể làm việc đâu vào đấy giống như cái thông nòng. Tiện thể nói thêm, xin em đừng thông báo điều này cho gia đình biết vì rằng sẽ chẳng có ích gì đâu. Em có biết bác sĩ đã kê đơn cho

anh những gì để chữa bệnh sốt đại bác không? Một cốc rượu pun-sơ trước khi ngủ, chẳng lẽ đấy không phải là phương thuốc thần diệu hay sao? Qua đó em có thể thấy rõ ràng bác sĩ ngoại khoa cấp đại đội đáng giá hơn nhiều so với, chẳng hạn, ông bác sĩ Rai-nơ-hôn nào đó với tất cả mọi thứ cao dán và cao ban miêu, trích máu v.v. của ông ta, tuy bác sĩ ngoại khoa không cần biết nhiều như thế. Ở chỗ bọn anh chỉ sử dụng những thứ thuốc mạnh, kể cả đại bác y tế hạng nặng, bom mìn, lựu đạn và đại bác 24 pao. Các đơn thuốc của bọn anh rất đơn giản, và ở Brè-men anh thường chữa bằng những thứ đó. Trước hết là bia; nếu cái đó không có tác dụng thì rượu pun-sơ; nếu pun-sơ cũng không giúp ích, thì một ngụm rượu rum: rượu rum ắt phải được việc. Đó là cách chữa trị bằng pháo binh. Tiện thể nói thêm, anh nghĩ rằng em sẽ cười vỡ bụng nếu em thấy anh đứng mặc quân phục, tay cầm cái thông nòng dài bên cạnh khẩu đại bác sáu pao và anh quanh quẩn cạnh bánh xe. Tuy nhiên, bộ quân phục của anh rất đẹp: màu xanh, cổ áo màu đen có hai dải rộng màu vàng, cổ tay áo màu đen có tua rua màu vàng, còn những vạt áo đuôi tôm thì màu đỏ. Ngoài ra, còn có những chiếc gù đỏ với những nẹp màu trắng. Anh cam đoan với em rằng điều đó gây ấn tượng rất mạnh, có thể đem anh trưng bày ở triển lãm được đấy. Mới đây anh mặc bộ com-lê đã làm rối trí một cách tệ hại nhà thơ Ruých-kéc nay đang ở đây. Sự thể là trong lúc ông ta phát biểu, anh ngồi rất gần ông ta và con người đáng thương ấy không rời mắt nhìn chăm chăm vào hàng cúc sáng loáng của anh và đã hoàn toàn để mất mạch ý. Ngoài ra, là lính, anh được hưởng ưu thế là không bao giờ phải gõ cửa nếu anh tới gặp ai đó và không phải nói "chào" hoặc nói những lời nói lấy lòng. Một hôm có ai đó đến gặp viên đại úy và vô tình để bao kiểm chạm vào cửa. Vì việc đó anh ta bị phạt ngồi cải hối tám ngày, vì viên đại úy khẳng định rằng anh ta đã gõ cửa. Em thấy giờ đây anh đã trở nên táo bạo như thế nào, ngoài ra

anh sắp trở thành hạ sĩ quan pháo binh, đó là một loại hạ sĩ quan, và anh sẽ nhận được ngà kim tuyến trên cổ tay áo. Vậy, em hãy kính trọng anh một cách đúng mức đi. Vì khi anh trở thành hạ sĩ quan pháo binh, thì anh sẽ có quyền chi phối tất cả mọi lính trơn trong toàn bộ quân đội Phổ và tất cả mọi lính trơn đều phải giơ tay chào anh.

Trong thư em ba hoa gì nhiều thế về ông già Phrit-xơ Vin-mơ^{1*} và Phrit-sen Vin-mơ-sen trẻ^{2*}? Vì em rất muốn biết điều gì đó về đức vua thân mến của em, nên anh có thể báo cho em biết ngày 16 tháng này đức vua đi Luân Đôn để làm cha đỡ đầu trong buổi lễ rửa tội của nhà vua, hoàng tử Anh bé nhỏ^{3*}. Trên đường về, có thể ông sẽ ghé qua Pa-ri, nhưng nhất định sẽ đến Khuên, còn vào mùa xuân sẽ sang Pê-téc-bua ăn mừng đám cưới bạc của vị hoàng đế con rể của mình, hoàng đế Nga^{4*}. Sau đó vào mùa hè ông sẽ giải trí ở Pốt-xdam, qua mùa thu trên sông Ranh, còn sau cùng vào mùa đông thì tiêu khiển ở Sác-lốt-ten-buốc. Còn bây giờ đã đến lúc anh lên lớp.

Ngày 6 tháng Giêng 1842

Sáng nay anh chuyển từ phòng trước sang phòng sau, vì phòng trước sẽ giao cho một người đồng hương của anh, luật gia quê ở vùng ngoại ô Khuên, vả lại, phòng ấy lò sưởi không tốt. Có điều lạ là chỉ cần đốt lò lên một tý cho phòng sau, mặc dù nó

1* – Phri-drích Vin-hem III

2* – Phri-drích Vin-hem IV

3* – Ê-du-a

4* – Ni-cô-lai I

lớn hơn phòng trước, thế là nó đã ấm lên, còn ở phòng trước thì lúc nào cũng lạnh cóng. Ở phòng trước anh không thể nào làm cho hoa băng trên cửa sổ tan đi được, còn ở đây, ở phòng sau, thì thật thú vị nhìn băng đóng cách đây đã tám ngày, dày bằng ngón tay đang tan như trong mùa xuân và trời xanh quang đãng, nhìn qua cửa sổ vui mắt lắm. – Lâu lắm rồi anh không nhìn thấy trời xanh qua cửa phòng anh. Từ đây thấy được cả doanh trại của trung đoàn vệ binh thứ hai của "những người nhật nắm" (bạn anh gọi lính bộ binh như vậy) và nhìn thấy toàn bộ bãi tập của trường thú y cùng những công trình phụ.

Ở chỗ bạn anh đây có một tiệm ăn vùng Ranh, làm tất cả những món ăn bạn anh ưa thích mà nói chung ở đây không ai biết. Cứ tối thứ bảy bạn anh ăn ở đây món bánh khoai tây rán và uống kèm một tách cà-phê. Hôm qua anh ăn táo và khoai tây. Món xúp vệt cũ của chúng ta mà tất nhiên em còn nhớ cũng đóng vai trò quan trọng ở đây. Còn có nhiều món ăn khác mà bây giờ anh không nhớ hết. Bữa cơm trưa nay ở chỗ bạn anh sẽ có bắp cải muối chua với thịt lợn, nghe nói anh đã mừng rồi. Vừa qua người ta còn muốn đãi bạn anh món xúp kiều mạch, nhưng không thành, vì ở đây không kiếm được bột kiều mạch, ở đây cũng không nướng được cả bánh khoai tây, món mà bạn anh mơ ước từ lâu.

Tuyệt quá! Kia mặt trời chiếu sáng hơn, nó làm anh tươi tỉnh hẳn lên. Vì giờ đây sau bữa ăn trưa anh sẽ có thể đi dạo chút ít và vì tối hôm nay Sê-ling không giảng bài, thế là cả tối anh được rỗi, và anh sẽ có thể làm việc hết sức khẩn trương và bình tĩnh.

Nhà hát ở đây rất đẹp, trang trí tuyệt vời, diễn viên tuyệt diệu, nhưng phần lớn là những ca sĩ kém. Vì thế anh ít khi đi xem ca kịch. Ngày mai sẽ có buổi diễn ra mắt vở mới – vở

"Cô-lông" của Véc-đe²⁹². Đó chính là ông Cô-lông đã phát hiện ra châu Mỹ, còn Véc-đe là giáo sư của trường đại học tổng hợp ở đây, chính là người đã phát hiện tầm sâu của sự phủ định. Đích thực, đích thực, anh tự nhủ, ngày mai nhà hát sẽ đầy người, và anh cũng sẽ góp phần vào đó bằng sự có mặt của anh. Hai cảnh diễn ra trên biển, trên tàu, điều đó ắt phải đáng chú ý.

Ở đây em thấy anh mặc bộ quân phục; anh mặc chiếc áo ca-pốt của anh trong phong cách rất lãng mạn và ngoạn mục, nhưng vì phạm điều lệnh một cách lạ thường. Nếu anh mặc như thế này mà đi lại trên phố, thì mỗi phút anh đều có nguy cơ bị quản thúc, một điều không dễ chịu lắm. Vì nếu anh ở ngoài đường mà không cài, dù chỉ một cái cúc trên quân phục hoặc dù chỉ một cái móc trên cổ áo bị tuột ra, thì bất kỳ viên sĩ quan hoặc hạ sĩ quan nào cũng đều có quyền bắt anh. Như em thấy, làm lính là nguy hiểm, ngay cả trong thời bình. Điều tuyệt vời nhất là cứ bốn tuần bọn anh phải một lần đến nhà thờ, nhưng anh bao giờ cũng lẩn tránh việc đó, trừ một lần.

Vì rằng khi ta đến nhà thờ, trước hết còn phải đứng cả giờ trong sân đội mũ ống cao nặng nề có lông chim, sau đó mọi người chân tay run lập cập, bước vào nhà thờ lạnh như băng, ở đây sự cộng hưởng rất tồi, thành thử không thể nghe được lấy một lời thuyết giáo. Chẳng lẽ điều đó không tuyệt diệu hay sao? Em hãy viết cho anh sớm hơn nữa nhé.

Anh trai của em

Phri-đrich

Bằng niềm phong không dính chặt một cách tốt nhất đâu.

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd. 4, 1920.

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

48

GỬI MA-RI-A ẶNG-GHEN Ở MAN-HEM^{1*}

Béc-lin, [14] – 16 tháng Tư 1842
Dorotheenstraße, 56

Ma-ri-a thân mến!

Cánh hoa dịu dàng này được để trong cặp tài liệu của anh^{2*} nửa năm rồi đấy. Bây giờ anh lấy ra để tặng em, và anh hy vọng nó sẽ là phần thưởng bù công cho em phải đợi thư anh lâu quá, song anh cũng ân hận về chuyện này lắm. Ông Huê-xte-rây đã đem thư của em đến cho anh rất an toàn bằng cách giấu nó trong túi quần để các quan chức hải quan Áo không phát hiện được, cũng vì vậy ông ấy đã nói xin anh thứ lỗi bằng tiếng Đức một cách hoàn hảo. Lương tâm của anh không cho phép bắt em đợi lâu nữa, thế là anh viết đây. Về điều gì? Cả anh cũng

1* Ở mặt sau thư đề: Cô Ma-ri-a Ặng-ghen ở Trường nữ sinh Man-hem.

2* Có lẽ bông hồng vẽ trong thư là họa tiết trên tờ giấy của bưu điện.

chưa biết. Rằng sáng nay từ tám giờ đến mười một giờ rưỡi anh luyện đi theo nhịp hành khúc ư? Rằng trong lúc đó anh ngấm cái mũi to khùng khiếp của ông trung tá ư? Rằng ở chỗ bọn anh vào ngày chủ nhật sẽ có cuộc rước của nhà thờ ư? Rằng xi-gà tốt của anh đã hết, còn bia ở nhà hàng Van-muy-lơ mấy ngày gần đây rất dở ư? Rằng bây giờ anh cần đi ra phố vì mấy hộp gừng mà anh đã đặt mua cho gia đình Xnét-la-gơ ư? Đúng, tình hình là như thế. Vậy, hẹn ngày mai nhé.

Hôm nay thứ sáu, 15 tháng Tư, anh lên đường. Thời tiết ở chỗ bọn anh tốt lên hơn một ít. Trước nhà anh cơ man nào là xe ngựa đố: đây là trạm đỗ của chúng. Những người đánh xe thường say rượu và làm anh rất buồn cười. Vì thế nếu bỗng nhiên anh muốn đi đâu thì đi lại cũng rất tiện. Nói chung chỗ ăn chỗ ở của anh không tồi: ở tầng hai anh có một văn phòng bài trí lộng lẫy, ở tường ngoài có ba cửa sổ, khoảng tường giữa hai cửa sổ rất hẹp, thành thử trong phòng rất sáng và dễ chịu.

Hôm qua, sau khi anh viết những dòng trên đây, anh bị quấy rầy. Hôm nay anh có thể báo cho em một tin vui: ngày mai ở chỗ bọn anh chắc sẽ không có duyệt binh, vì đức vua^{1*} đã hạ cố đi Pốt-xdam và Bran-đen-buốc. Điều đó làm anh rất khoái, vì anh hoàn toàn không muốn ngày mai chạy nhắng nhít trên quảng trường cung điện đáng ghét đó. Anh hy vọng rằng nhờ thế mà

nói chung bọn anh sẽ thoát khỏi bất kỳ thứ duyệt binh nào. Ngoài ra, ở chỗ bọn anh đang tiến hành những cuộc diễn tập rất đáng yêu trên cái gọi là Gruýt-xma-khơ, một quảng trường rất lớn, ở đó bọn anh lún xuống cát đến đầu gối, mà cát có đặc tính rất dễ chịu – nó tích điện. Còn giờ đây, nếu đại đội thứ mười hai của pháo binh cận vệ hạng nặng mà anh phục vụ và cũng tích điện, nhưng là điện âm, sẽ đến đây, thì điện dương và điện âm sẽ chạm nhau và trên không sẽ xảy ra một sự nhốn nháo, sự nhốn nháo này sẽ hút mây đen đến. Ít ra là như thế, nếu không thì anh không thể nào giải thích được cho anh một sự thật là khi đại đội của bọn anh đi tới Gruýt-xma-khơ thì bao giờ cũng có mưa hoặc tuyết rơi. Nhân thế nói thêm, anh đã bốn tuần mặc áo hạ sĩ quan pháo binh, nếu em chưa biết điều đó, giờ đây anh mặc quân phục với những cái lon và ngù kim tuyến và cổ áo xanh viền đỏ. Nói vậy thôi, em không hiểu gì về điều này đâu, nhưng cũng không cần, đối với em chỉ cần một điều này là đủ – biết rằng anh là hạ sĩ quan pháo binh.

Hắn là em chưa nghe nói ông Li-xtơ có lần đã đến đây và bằng việc chơi dương cầm ông đã làm mê lòng tất cả các bà. Các bà người Béc-lin mê ông ta đến mức tại buổi hòa nhạc đã xảy ra một vụ ẩu đả thực sự vì chiếc găng tay của Li-xtơ bị rơi, rồi hai chị em nhà nọ tranh nhau nhặt, người này giằng của người kia, thế là sinh ra bất hòa muôn đời. Chén trà mà Li-xtơ vĩ đại uống dở được bá tước phu nhân Slíp-pen-bác trút vào lọ đựng nước hoa của mình sau khi đổ nước hoa xuống nền nhà. Bà ta niêm phong chiếc lọ ấy và đặt nó lên án thư của mình để lưu niệm mãi mãi và sáng sáng ngấm nó, như có thể thấy trên bức biếm họa đã xuất hiện sau sự kiện ấy. Chuyện rùm beng như thế ở đây chưa bao giờ có. Những người đàn bà trẻ đánh nhau vì ông ta, còn ông ta, kinh ngạc thay cho họ, đi qua ngang chỗ họ ngồi và thích sà vào hội mấy cậu sinh viên để uống rượu sâm banh.

1* – Phri-drích Vin-hem IV

Thế nhưng, trong mỗi ngôi nhà có thể thấy một số bức chân dung của Li-xơ vĩ đại, đáng yêu, thiên thần, thiên tài, thần thánh. Anh cũng muốn vẽ hình ông ấy cho em xem. Đây là con người ấy với bộ tóc chải theo kiểu người Cam-sa-đan. Tiện thể nói thêm, ông ấy có lẽ đã kiếm được ở đây 10000 ta-le, còn hóa đơn ở khách sạn của ông ta là 3000 tale, không kể số tiền ông đã tiêu xài. Đúng, anh sẽ nói với em, đó là một người đàn ông. Hằng ngày ông ta uống hai mươi tách cà-phê, mỗi tách bốn lốt, mỗi ngày uống mười chai sâm banh; từ đó có thể kết luận một cách khá chắc chắn rằng ông luôn luôn trong tình trạng chệnh choáng hơi men, điều này có nhiều chứng cứ xác nhận tử tế đấy. Giờ đây ông ta đã lên đường đi Nga; chẳng biết các bà ở bên ấy có thể hiện sự diên rồ như vậy hay không.

Bây giờ anh phải đi ngay và vì thế anh dừng bút. Tạm biệt em và em nhớ sớm trả lời anh.

Anh trai của em

Phri-đrich

Béc-lin, 16 tháng Tư 1842

Công bố lần đầu trong tạp chí "Deutsche Revue". Stuttgart und Leipzig, Bd., 4, 1920.

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

49

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
(TRÍCH ĐOẠN)

[Béc-lin, mùa hè 1842]

Đây là câu chuyện lý thú mà chồng chưa cưới của I-đa^{1*}, con của các vị thần tên là An-béc Mô-li-nê-út, kể lại khi có mặt một người Pháp: Enfin, à la porte du ciel était Saint-Pétrus thay vì Saint Pierre) et le peintre Köttgen d'Elberfeld était abordé par le musicien Weinbrenner: Eh bien, Köttgen, vous ne dites rien, racontez-nous donc quelque chose. Enfin, Köttgen dit: Enfin, j'ai eu cette nuit un fameux rêve. Enfin, dit Weinbrenner, qu'est-ce qu'il y avait donc? Enfin, dit Köttgen, je rêvais d'être à la porte du ciel. Alors il y avait tous les artistes célèbres, Meyerbeer, Horace Vernet etc. Enfin, Meyerbeer frappait à la porte; Pétrus dit: Qui est là? "Meyerbeer" Les artistes n'entrent pas ici, dit Pétrus. Enfin vint Horace Vernet. Qui est là dit Pétrus. "Horace Vernet". Les artistes n'entrent pas ici, dit Pétrus Enfin Weinbrenner arrivait. Qu'est-ce qu'il y a là?, dit Pétrus. Enfin, je suis Weinbrenner. Enfin, Pétrus dit: Entrez, s'il vous plaît^{2*}.

1* – I-đa Ăng-ghen

2* – Như vậy, đứng ở cổng trời là thánh *Pi-e*, còn nhạc công Vây-nơ-bren-nơ thì đứng sát họa sĩ Quết-ghen người En-bơ-phen-đơ. "Thế nào, Quết-ghen, ông chẳng nói gì cả, hãy kể cho chúng tôi nghe chuyện gì đó đi". Khi ấy Quết-ghen nói: "Thế đấy,

Thực chất của giai đoạn ấy – ainsi, Weinbrenner n'est pas d'artiste^{1*} – con người trẻ tuổi thông minh nói thạo tiếng Pháp ấy, dĩ nhiên, đã bỏ qua. Giờ đây em có thể thấy rõ con người chiến đấu vì danh dự sau này sẽ trở thành em rể của em là thế nào.

Phri-đrich

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung. B.d. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

50

GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN Ở BON^{2*}

Béc-lin, 2 tháng Bảy 1842

Ma-ri-a thân mến!

... tối nay tôi đã có một giấc mơ tuyệt vời". – "Thế à, – Vây-nơ-bren-nơ nói, – giấc mơ gì vậy?" Quết-ghen nói: "Tôi mơ thấy tôi đứng ở cổng trời, và ở đây đã tập hợp tất cả mọi nghệ sĩ nổi tiếng: Mây-ơ-béc, Ô-ra-xơ Véc-ne v.v.. Cuối cùng Mây-ơ-béc gõ cửa: *Pi-e* hỏi: "Ai đó?" – "Mây-ơ-béc" – "Các nghệ sĩ không được vào đây" – *Pi-e* nói. Rồi Ô-ra-xơ Véc-ne tới. "Ai đó?" – *Pi-e* hỏi. – Ô-ra-xơ Véc-ne". "Các nghệ sĩ không được vào đây!" – *Pi-e* nói. Cuối cùng, Vây-nơ-bren-nơ đến. "Ai đó?" – *Pi-e* hỏi. "Tôi. Vây-nơ-bren-nơ đây". Lúc đó *Pi-e* nói: "Xin mời vào"".

1* – do đó, Vây-nơ-bren-nơ không phải là nghệ sĩ.

2* Ở mặt sau thư đề: Cô Ma-ri-a Ăng-ghen ở Trường nữ học đại công quốc Man-hem. Bon.

Mừng em đã thoát khỏi Trường nữ học Man-hem cao quý và thoát khỏi sự kiểm duyệt mà các bức thư của em đã phải trải qua ở chỗ cô I-ung. Anh không chỉ muốn viết cho em điều đó để khỏi làm tăng thêm nữa sự bất bình của em, nhưng giờ đây anh có thể nói với em rằng tất cả những trường nội trú ấy đều là vô nghĩa. Các cô gái, nếu họ không có tính cách may mắn như em, đều bị xấu xí đi một cách khủng khiếp ở đấy, và họ sẽ trở thành những blue-stockings^{1*} háo danh và những cô gái chỉ biết làm đom. Nhưng ở Bác-men đã xuất hiện cái mốt như thế, và ở đấy dĩ nhiên không ai có thể làm gì được. Em hãy vui mừng là đã dứt khỏi tu viện và lại có thể ngồi bên cửa sổ và đi dọc phố, đôi khi em có thể nói mọi chuyện vớ vẩn và không ai biến cái đó thành tội. Song anh phải nhắc em để em không làm bất cứ điều gì dại dột và không bị lôi cuốn bởi những chuyện ở Bác-men, ý anh muốn nói chuyện đính hôn. Những con người trẻ tuổi cao thượng lại đắm đuối trong các lễ cưới, họ lóa mắt đến mức họ cố gắng để trội hơn nhau. Điều đó giống như trường hợp họ chơi trò bịt mắt bắt dê, và nếu khi người này bắt được người kia, thì họ lấy nhau và sống một cách tuyệt vời và vui vẻ. Em hãy xem hai người chị em họ của em thì rõ. Đó là Lu-i-da Xnét-la-gơ, cô ấy kiếm được tám chồng^{2*} nói chung khá tốt, nhưng cậu ấy bạc tóc, còn hoa khôi I-đa^{3*} cũng móc được cho mình một bạn tâm tình, nhưng theo anh, cậu ấy cũng đại loại như thế. Tuy giờ đây cậu ấy đã là người thân thích của anh, và vì thế, nói đúng ra, anh không được nhận xét xấu về cậu ấy, nhưng điều làm anh bực mình

1* - dân bít tất xanh, nữ sĩ kiêu kỳ

2* - Héc-man Di-ben

3* - I-đa Ăng-ghen

là vì sao họ không hỏi anh xem anh có muốn ông Saint-Pétras^{1*} ấy, con lion^{2*} ấy, chàng công tử bột ấy, cậu An-béc Mô-li-nê-út ấy trở thành người thân thích của anh hay không, và vì thế cậu ta sẽ phải trả giá. Anh cam đoan với em, nếu em tìm một người yêu như thế, thì anh có thể cung cấp cho em mỗi ngày một tá những người như vậy. Về phía anh tất cả những chuyện đó nói chung anh đã cho qua vì độ lượng. Ít ra anh có nhiệm vụ phải phản đối việc đó.

Ngay cả Soóc-nơ-stây-nơ cũng đã đính hôn, thật kinh khủng! Và Stơ-ruy-cơ nhất định muốn trở thành chồng, chẳng lẽ như thế không lạ lùng sao? Anh bắt đầu ngao ngán loài người, anh sẽ trở thành kẻ ghét đời, nếu em, Ma-ri-a, em cũng... nhưng không, em không thể gây cho anh mình nỗi đau khổ như vậy.

Trời lại mưa, và như thế lại buồn vô cùng. Tuần này, trong lúc đang phục vụ tổ quốc, anh đã bị ướt ít nhất là bốn lần: hai lần vì mưa và hai lần – nói một cách nhẹ nhàng – vì thoát hơi nước^{3*}. Giờ đây anh muốn đến phòng đọc để đọc báo. Anh hy vọng rằng ở đấy anh sẽ không bị ướt lần thứ năm?

Anh trai của em

Phri-đrich

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930.*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – Thánh Pi-e (xem tập này, tr. 727).

2* – sư tử

3* – vì ra mồ hôi

51
GỬI MA-RI-A ĂNG-GHEN
Ở Ô-XTEN-ĐO

Béc-lin, 2-8 tháng Tám 1842
Ngày 2 tháng Tám 1842

Ma-ri-a thân mến!

Anh rất vui mừng về bức thư dài của em, anh để ý thấy em đã viết đầy dọc ngang nhiều trang như thế, anh chỉ đọc lướt lời thuyết giáo nghiêm khắc của em, thành thử thậm chí anh không còn nhớ đúng ra em đã trách anh điều gì. Việc cô I-ung chắc chắn đã tỏ ra rầu rĩ khi đọc thấy Héc-men^{1*} gọi cái trường đáng yêu ấy bằng cái tên thật của nó: "tu viện" – điều đó anh có thể hình dung được, cũng như việc cô ấy gọi cậu ta là con người nông nổi. May thay, không phải tất cả mọi người trên thế gian đều đánh giá xấu như vậy về sự nhẹ dạ như bà thủ trưởng cũ của em trong việc ghi sổ những hành vi tội lỗi. Và thế là tốt. Nếu không thì điều gì sẽ xảy ra với hai anh em mình, có đúng thế không? Anh cũng cho phép viên đại úy của anh^{2*} cầu nhàu anh và sửa gáy anh, nhưng trong chuyện này anh nghĩ: "Thế thì đã sao?" và anh đánh lừa cậu ta. Còn khi cậu ấy quá quấy nhiễu anh như hôm thứ tư vừa rồi, – lúc ấy tất cả mọi người đều được tự do, còn anh thì chỉ vì kẻ đê tiện của anh không nhắc anh điều đó mà lúc 12 giờ trưa một mình anh phải lê bước

1* – Héc-man Ăng-ghen

2* – Phôn Vê-đen

đến bãi tập để thấy rõ rằng không ai thực hiện điều vớ vẩn không thể thực hiện được ấy, – trong những trường hợp như thế anh cáo bệnh, vả lại, lần này, chẳng hạn, anh đã nói anh bị đau răng, nhờ thế mà thoát khỏi buổi tập đi đều bước ban đêm và hai giờ khổ luyện. Hôm nay, tiếc thay, anh đã phải lại báo cáo rằng anh đã khỏi bệnh. Lợi dụng dịp như thế, anh đi dạo khi anh muốn. Béc-lin rộng lớn, còn trong đại đội của bọn anh thì chỉ có ba sĩ quan biết anh, thành thử chắc chắn họ sẽ không gặp anh, và điều xấu nhất mà họ có thể làm là cử bác sĩ ngoại khoa cấp đại đội đến chỗ anh. Nhưng không cần phải sợ ông ta, và chỉ trong trường hợp cùng lắm nếu ông ta không gặp anh ở nhà thì anh sẽ bị quở mắng. Thế thì đã sao!

Có lẽ em có tài xuất sắc về phần bắt chuyện làm quen. Cô gái đã ở Bon bốn tuần và đã biết rõ tên của một nửa số trường đại học tổng hợp và đã kiếm được cho mình một cậu sinh viên thật có duyên mà cô ấy gặp mỗi ngày sáu lần. Chàng sinh viên thật đẹp trai, đeo kính và có bộ râu vàng sẫm. Chắc hẳn cậu ta đã bị bắn vào chân trong một cuộc đấu súng! Vậy tại sao cậu ta bao giờ cũng chỉ đi khập khiễng trên đường mà thôi? Mà cậu ta đi khập khiễng như thế nào – theo lối đặc biệt hay thông thường như tất cả mọi người thật? Cậu ta thật chân nào, chân phải hay cả hai chân? Cậu ta có đội mũ cảm lông gà đỏ hay không? Có thể, cậu ta là con diable boiteux^{1*}. Anh rất muốn biết chi tiết về chàng sinh viên thú vị, thật chân, nhiều râu, đeo kính và có ánh mắt nhìn thấu suốt ấy.

Ồ Ô-xten-dơ em có tiếp tục làm quen hay không? Ở đấy có anh chàng Phla-măng thật lý thú nào đó mỗi ngày gặp em sáu lần trên bãi tắm hay không? Em hãy cẩn thận!

1* – quý thật

Em đã ra khỏi tu viện,
Em đi, em tha thần tự do,
Em có thể nằm lên bậu cửa sổ
Và tán gẫu mọi chuyện tùy thích.

Buồn đến thế trong tu viện –
Các bảo mẫu rình rập bọn em,
Em ngồi làm việc
Trong giam cầm sâu thẳm.

Thường khi tiếng hát người Hai-den-béc
Vang lên ngoài cửa sổ,
Mà em không dám nhìn ra:
Thậm chí bị cấm làm việc đó.

Nhưng từ nay em tự do,
Em thoát khỏi khổ đau,
Cây cối, niềm vui, sự sống
Thay cho xám xịt, buồn chán trước đây.

Điều ấy chấm dứt rồi.
Nay em diện áo mới
Đến Trường học vui tươi.
Ở đấy em sẽ không buồn chán!

Pốp-pen-xđoóc-phơ và Khuê-ních-xvin-tơ!
Đra-sen-phen-dơ và Rô-lăng-xếch!
Xin hãy nhìn – mắt em sáng ngời,
Răng em trắng tinh như tuyết.

Một tuần nữa tất cả mọi sinh viên –

Các vị có muốn bàn cãi không?
Tất cả sẽ biết nhà chúng em,
Nơi ở khiêm tốn của chúng em đâu.

Chủ trọ Stam ơi, chú hài lòng không?
Chúng cháu sống trong nhà trọ của chú –
Và bây giờ trong vườn chú
Niềm vui ngự trị đến tối mịt.

Chỉ cần đi dạo chơi
Hãy nhìn – tất cả sinh viên chạy đến,
Còn con gái các giáo sư
Vẫn bị cô đơn.

Em chỉ cần gập cong ngón tay út –
Lập tức một đoàn bạn trai theo,
Bá tước Đ'An-vi-en-la, Phôn Sê-pan,
Cả hai đều là kẻ tán gái.

Mọi việc cần giao làm
Em có thể trao cùng Phôn Đi-xơ.
Bun-den hát em nghe những bài ca,
Khi khiêu vũ Sa-pô thổi sáo cho em!

Nhưng chỉ khi em đi khỏi đám đông,
Trong lòng em buồn bã.
Trong mơ em thấy chàng sinh viên
Đi khắp khiêng dễ thương.

Tất cả những người khác tíu tít,

Ai ai cũng sẵn sàng giúp em –
Vì sao chàng đẹp trai chân thọt
Không ở trong số nô lệ của em?

Còn giờ đây em đổi Bon
Lấy miền duyên hải,
Nơi đây không có tiếng hát sinh viên –
Chỉ nghe tiếng âm ào sóng vỗ.

Em dạo chơi dọc theo bờ hẹp
Bên những người Bỉ và người Pháp,
Như trong tu viện, ở đây
Em phải nói tiếng Pháp.

Trong những buổi dạo chơi của em,
Em lại tìm được đám tùy tùng,
Đi kèm theo em
Đến tận bờ biển.

Những điều khác – tất cả như ở Bon,
Em sống tùy ý em,
Nào ăn, nào ở,
Nào ông chủ tuyệt trần.

Có điều chưa tốt: trong số mọi người
Đi đến đây để tắm
Không có *chàng thọt* đẹp trai –
Đấy là điều thú nhận đáng buồn.

Có đúng đó là điều dường như thổ lộ từ tâm hồn em không?

Anh cũng sẽ soạn cả nhạc để em có thể hát. Nhưng bản nhạc em sẽ chỉ nhận được trong thư trả lời bức thư sau của em, vì anh e rằng bằng những quà tặng phong phú như vậy anh quá nuông chiều em. Mà anh thì có những công việc khác ngoài việc không ngớt ca ngợi con người em. Điều đó chỉ có thể cho phép mình làm dưới dạng phần thưởng vì một bức thư đặc biệt dài.

Ở Ô-xten-đơ em hãy cố gắng nghiên cứu Vlaemsche, hoặc Nederuitsche Taal^{1*}. Đó là thứ ngôn ngữ rất nặng cân, nhưng nó có những ưu điểm của nó và dù sao cũng rất ngộ nghĩnh. Nếu em còn nhớ thổ ngữ Hạ Đức, thì em khá dễ dàng học tiếng Phla-măng.

Giờ đây anh cũng có một con chó do Au-gu-xơ Brét ở Bác-men tặng cho khi ông ta rời khỏi đây. Đó là con chó rất đẹp giống Xpani-en, lớn hơn so với con Mi-ra quý phái, và hết sức cuồng hăng. Nó có nhiều tài về phần ăn uống. Tối tối, khi anh ăn tối ở tiệm ăn, nó thường ngồi ở đấy và đợi phần của nó hoặc đi vòng quanh tất cả những người có mặt. Ngoài ra, nó có cái vòng cổ hoàn toàn không nhìn thấy. Nó bơi rất giỏi, nhưng quá điên rồ nên không thể học được trò ảo thuật. Anh chỉ dạy nó một điều: khi nào anh nói với nó – "Vô danh (tên nó là như thế) đây là nhà quý tộc", nó xù lông dữ tợn nhằm vào người mà anh chỉ cho nó, và bắt đầu gầm gừ nghe khủng khiếp.

Trong khi, xét theo tất cả mọi đặc trưng, năm nay rượu vang vùng Ranh ắt phải tuyệt vời thì rượu Gruy-ne-béc-gơ tỏ ra đặc biệt dở. Em có biết Gruy-ne-béc-gơ là gì không? Gruy-ne-béc-gơ là rượu vang vùng Lu-gít-xơ. Loại nho ấy chỉ mọc trên cát, và nó không bao giờ có quả tốt, trừ những năm mưa nhiều. Khi quả nho từ độ cứng của đá chuyển sang độ cứng của gỗ, nghĩa

1* – tiếng Phla-măng, hoặc tiếng Hà Lan.

là khi có thể cắt chúng bằng dao, thì quả nho được coi là đã chín. Nho được ép bằng máy chạy hơi nước, người ta đã tính rằng để ép 100 quả cần khoảng mười hai sức ngựa một giờ. Rượu Gruy-ne-béc-gơ tốt nhất là rượu làm bằng nho vụ thu hoạch năm thứ 40. Rượu đó không thể bảo quản trong thùng, vì nó ăn mòn thùng gỗ. Nếu nó là rượu tốt, thì cần phải nuốt một tá kim băng, sau đó uống một cốc rượu Gruy-ne-béc-gơ và, nếu trong vòng năm phút mà kim băng không hòa tan và không biến mất thì có nghĩa là rượu vang không ra gì rồi. Đó là loại rượu nho để rất lâu, và nếu uống một ngụm thì trong vòng bốn tuần sau khi uống sẽ đau họng. Nó có hương vị rất tinh tế, thành thử chỉ những người sành điệu mới có thể phân biệt được mùi của nó với mùi của dấm. Vị của thức uống cao cả này rất giống hỗn hợp của a-xít ni-tơ-rích với dấm nho. Và chẳng, hôm nay đối với em thế là đủ, anh còn phải viết thư cho mẹ. Adieu^{1*}.

Anh trai của em

Phri-đrich

Béc-lin, 8 tháng Tám 1842

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – Tạm biệt.

**TRÍCH DI CẢO CỦA
PH.ĂNG-GHEN**

**(NHỮNG THỬ NGHIỆM VĂN HỌC - THƠ CA
ĐẦU TAY NHỮNG NĂM 1833 - 1837)**

GỬI ÔNG CỦA CHÁU^{1*}

Bác-men, 20 tháng Chạp 1833

Ông đáng yêu ơi, ông luôn tốt bụng và nhã nhặn với chúng cháu,
 Ông luôn giúp chúng cháu khi công việc không suôn sẻ,
 Ông kể chúng cháu nghe nhiều chuyện hay,
 Về Kéc-ki-ôn, Tê-xây, về Ác-guy-xơ trăm mắt, gì cũng thấy,
 Về Mi-nô-táp, về A-ri-át-nơ và về Ê-ghe,
 Về Lông cừu vàng, về I-a-xôn và những người đi trên tàu Ác-gô²⁹³,
 Về Héc-quyn hùng mạnh, cùng Đa-nai và Cát-mơ,
 Và – không thể nhắc hết, vì ông kể biết bao nhiêu chuyện!
 Ông ơi, cháu chúc ông Năm mới hạnh phúc,
 Sống lâu, nhiều niềm vui, ít nỗi buồn.
 Đứa cháu yêu chân thành chúc ông,
 Mọi sự tốt lành mà con người có thể hưởng.

Phri-đrich Ăng-ghen

*Công bố lần đầu trong cuốn sách: F.Engels.
 "Schriften der Frühzeit"
 Berlin, 1920*

*In theo bản viết tay
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* – Béc-nơ-hác Van Ha-ơ

BÀI THƠ NĂM 1836

Một trăm hình ảnh đẹp
 Gọi từ đằng xa –
 Những vì sao gửi ánh sáng rạng rỡ
 Qua mây đến chúng ta.
 Sao ngày càng gần, gần hơn –
 Kìa *Ten-lơ* dũng cảm – xạ thủ,
 Kìa *Dích-phrít* có thể thắng
 Con rồng trong chiến đấu.
 Còn kia là *Phau-xtơ* kiêu hãnh
A-si-lơ đi lên phía trước,
Gốt-phrít Bu-li-on vinh quang
 Gọi các chàng hiệp sĩ vào trận.
 Còn kia – đừng cười, anh em ơi –
Đông – Ki-sốt anh hùng
 Trên mình ngựa quả cảm
 Xung trận ở khắp nơi.
 Quân của chúng đến, biến mất
 Trong ánh hồi quang vàng –
 Ôi, làm sao giữ chúng lại?
 Và ai đuổi kịp chúng?
 Nhưng mơ ước thơ ca
 Có thể lại xuất hiện.

Và trái tim rộn lên,
 Khi ta trông thấy chúng!

*Công bố lần đầu trong tạp chí "Die
 Internationale". Berlin, Jg. 2,
 Heft 26, 1 tháng Chạp 1920.*

*In theo bản chụp bản viết tay in
 lại trong tạp chí
 Nguyên văn là tiếng Đức
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

BÀI THƠ, CÓ THỂ LÀ VIẾT ĐẦU NĂM 1837

1. Xuống đi, ôi con của Chúa, Ki-tô,
Con chờ Người trong hang động nước mắt,
Ôi, Người hãy mang đi mọi tai họa!
Hãy chiếu dọi con bằng niềm hoan lạc
Trong vầng hào quang hùng đồng của Người,
Chỉ để con hiểu được Người!
Về niềm vui tràn ngập tâm hồn, sự ngọt ngào tràn ngập trái
tim, chấm dứt mọi nỗi buồn,
Khi chúng con khen ngợi Người, vị cứu tinh.
2. Khi khoảnh khắc cuối cùng đến,
Khi con thấy mặt thần chết,
Con chỉ bay đến trước Người;
Khi ánh sáng đôi mắt mờ nhạt,
Khi dấu vết cuộc sống biến mất,
Con sẽ đến với Người, hân hoan,
Tinh thần sẽ ca ngợi Người và không để lại lời khen vĩ đại –
Vì Người là chúa tể của nó.
3. Niềm vui ơi, hãy đến mau lên,
Lúc đó ở trên ngực Người
Ta sẽ ấm lại, khỏi chết chóc!
Trời ơi, lúc đó ta lại sẽ hy vọng ôm tất cả
Những ai đem lại bấy nhiêu niềm an ủi cho đời.

Trong cuộc sống mới vô tận, được ánh sáng vĩnh hằng chói
lọi chiếu dọi,
Ta sẽ nở rộ bông hoa mới!
Người đã đến cứu chúng con,
Đã mang sự giải phóng khỏi chết chóc,
Người giết chết cái ác, Người bảo vệ hạnh phúc
Bây giờ Người giáng trần – có nghĩa
Giờ đây mọi cái ở đây sẽ khác,
Ai ai cũng được Người đền đáp.

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

[CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG TÊN CƯỚP BIỂN]

I

Có một lần vào buổi sáng mùa đông năm 1820, con tàu được sửa soạn rời đảo Cu-lu-ri, thuộc Xa-la-min cổ, trên đó toàn là những người A-ten đã từng chiến đấu dũng cảm. Đây là một tàu buôn Hy Lạp với đoàn thủy thủ đông người, chở mát tích, nhựa cây A-rập v.v. tới A-ten, mà chủ yếu nó chở lưỡi dao Đa-mát, gỗ bá hương và vải phin châu Á.

Mọi người trên bờ nhốn nháo. Viên thuyền trưởng đi đi lại lại giữa đám thủy thủ đang làm việc, ra đủ thứ mệnh lệnh. Lúc đó một thủy thủ nói khẽ với một người khác bằng tiếng I-ta-li-a:

"Phi-líp-pô này, cậu có thấy chàng trai đứng ở đằng kia không? Đó là hành khách mới do thuyền trưởng mời tới qua; ông ta muốn để cậu ấy lại với chúng ta hoặc, nếu cậu ấy không đồng ý, thì sẽ vớt xuống biển, vì cậu ấy không được đến Xtam-bun, nơi cậu ấy định tới!" – "Nhưng, – Phi-líp-pô nói, – người ấy là ai vậy?" – "Tôi không biết, nhưng điều đó chắc hẳn thuyền trưởng phải biết". Lúc đó vang lên một tiếng súng từ trên tàu, và mọi người vội chạy ngay lên các thuyền. Thuyền trưởng giữ một chỗ trên thuyền và gọi: "Ê, chàng trai, cậu mơ mộng gì thế? Xuống đi, chúng ta sắp rời bến!" Người thanh niên mà thuyền trưởng nói những lời ấy từ nãy đến giờ cứ đứng im lặng cạnh chiếc cột, nhìn xuống thuyền và nói: "Vâng, tôi đi đây!" – rồi nhanh chóng

đi về phía thuyền đỗ. Chàng ngồi vào chỗ, và con thuyền rời bến. Loáng một cái nó đã ém sát mạn tàu, rồi vang lên tiếng súng đại bác, đội thủy thủ tập hợp trên boong, tàu nhanh chóng nhổ neo, và chiếc thuyền lao hết tốc lực trên biển xanh như một con ngựa trời khổng lồ.

Viên thuyền trưởng trước lúc ấy còn phải chỉ huy mọi công việc của thủy thủ, tiến lại gần chàng trai đang độ đầy sinh lực đứng tựa vào lan can với vẻ buồn bã nhìn về hướng các đỉnh núi Hi-mét dần mất hút ở đằng xa.

"Này anh, – ông ta nói với chàng trai, – ta vào khoang tàu đi, tôi muốn nói với anh một chuyện. – "Vâng", – chàng trai trả lời và đi theo thuyền trưởng.

Sau khi họ xuống đến nơi, thuyền trưởng mời chàng ngồi, rót cho chàng và mình mỗi người một cốc bia Hi-ốt, và nói:

"Anh nghe đây, tôi muốn đề nghị anh một việc. Nhưng anh tên gì? Quê anh ở đâu?"

"Tôi tên là *Lê-ôn Pa-pôn*, quê ở A-ten. Còn ông?"

"Thuyền trưởng Lê-ô-nít Xpét-xi-ô-tít (quê Xpét-xi). Nhưng anh nghe đây! Tất nhiên, anh coi chúng tôi là những thương nhân thực thà chứ gì? Không, chúng tôi không phải là thương nhân! Anh hãy nhìn những cỗ đại bác của chúng tôi, có những cỗ thấy được và những cỗ còn giấu kín, hãy nhìn đạn dược của chúng tôi, kho vũ khí của chúng tôi, và anh sẽ rõ rằng chúng tôi tốt hơn những người khác, chúng tôi là những người Hy Lạp chính cống, những con người còn biết trân trọng tự do, nói vắn tắt, chúng tôi là dân cướp biển, đúng như những người không theo đạo mà chúng tôi trừng trị gọi chúng tôi như vậy. Tôi thích anh, và tôi thấy anh rất giống cậu con trai thân yêu của tôi đã bị những người vô đạo bắn chết năm ngoái ngay trước mắt tôi, và

tôi muốn anh nhập bọn với chúng tôi và tham gia cuộc đấu tranh vì tự do của người Hy Lạp, chống lại những kẻ vô đạo mà những dòng thơ này của Hê-me tất nhiên có thể thích hợp với họ:

"Εσσεται

1*

Còn nếu anh không muốn làm việc đó thì tôi không bảo đảm hậu quả; vì khi đoàn thủy thủ của tôi biết tôi đã thông báo cho anh những gì, chắc họ sẽ đòi giết anh, và dù có muốn đi nữa tôi cũng sẽ không thể giúp được anh đâu".

"Ông nói gì vậy? Những kẻ cướp biển ư? Ông muốn tôi nhập bọn với các ông ư? Được ngay thôi! Tôi phải trả thù những kẻ đã giết cha tôi! Ô, tôi vui lòng gia nhập đội ngũ của ông, tôi sẽ chiến đấu hết mình chống những bọn Hồi giáo, tôi sẽ phanh thây chúng như loài súc sinh!"

"Rất tốt! Lê-ôn ạ, ta thích anh như thế này! Chúng ta sẽ uống một chai rượu nho Hi-ốt chúc mừng sự liên minh mới! Và tay ăn chơi có tuổi lại rót rượu ra, luôn mồm khích lệ người đồng chí ôn hòa hơn của mình bằng những lời: "Uống đi chứ, Lê-ôn!", uống cạn chai thì thôi.

Sau đó ông ta cùng người đồng chí mới của mình đi khắp con tàu và chỉ cho chàng thấy các kho dự trữ. Trước hết họ đi vào gian phòng chứa vũ khí. Ở đấy treo đủ loại com-lê lộng lẫy, áo thủy thủ bó sát người, những chiếc áo cấp-tan rộng, những chiếc mũ cao, những chiếc mũ lưỡi trai Hy Lạp nhỏ, những chiếc khăn xếp rộng, những chiếc quần bó Phrăng-cô và những quần đùi Thổ Nhĩ Kỳ rộng, những chiếc áo gi-lê hoa văn Ba Tư, những

1* Sẽ có ngày thành Tơ-roa cao sẽ đổ, Pri-am cổ và dân chúng cầm giáo của Pri-am sẽ chết (Hô-me. Trường ca I-li-át. Bài ca thứ tư).

chiếc áo kỵ binh Hung-ga-ri, những chiếc áo lông Nga – tất cả đều trưng bày để khoe trong những chiếc tủ lớn. Trên tường treo đầy vũ khí của tất cả các dân tộc, đủ loại hỏa khí – từ những khẩu súng lục ngắn nhỏ bỏ túi đến những khẩu súng mút hạng nặng ba nòng; đủ loại kiếm, dao Đa-mát, gươm Tây Ban Nha, kiếm Đức to bản, kiếm ngắn I-ta-li-a, kiếm Thổ Nhĩ Kỳ hình lưỡi liềm, được lựa chọn một cách cẩn thận và được treo ngay ngắn. Trong các góc là những thùng chứa giáo mác, toàn bộ không gian trong phòng đều được sử dụng hợp lý. Rồi họ đi tới kho thuốc súng. Ở đấy có tám thùng lớn, mỗi thùng đựng một trăm pao thuốc súng và bốn thùng nhỏ, mỗi thùng đựng mười pao; ba thùng đựng mìn, hai thùng có sức chứa lớn hơn đựng toàn lựu đạn; các tủ để dọc tường xếp đầy chum vại, ngoài thuốc súng ra còn đựng những cục chì, đá, những cục sắt. Sau đó họ sang gian phòng khác; ở đấy Lê-ô-nít cho chàng xem một số bao tải đựng đạn bi đại bác. Sau đó họ lại đi lên chỗ để toàn đại bác. Ở hai phía, mỗi bên đặt mười hai khẩu cỡ lớn, trên các khu vực phía sau boong còn có hai khẩu đại bác 48 pao. Chen vào giữa chúng toàn là những khẩu đại bác quay cỡ nhỏ, tổng cộng có gần ba mươi khẩu. Ở trong khoang, nơi họ trở lại, Lê-ô-nít cho Lê-ôn xem ba hòm chứa đầy súng trường và đạn, cùng hai hòm đựng đạn ghém.

"Thế nào, tàu của chúng ta tốt chứ?" – ông ta hỏi chàng trai. "Tuyệt vời, – Lê-ôn đáp, – không thể mong gì tốt hơn được nữa. – Nhưng bây giờ tôi xin phép nhìn ra xa từ boong tàu".

Chàng trèo lên trên, nhưng rồi lại tựa vào lan can. Tàu vừa vặn đối diện với mũi Cô-lô-nê thuộc Xu-ni-a cổ, và Lê-ôn lại buồn rầu nhìn những đỉnh núi Hi-mét đang biến mất dần. Lúc ấy Lê-ô-nít nói với chàng:

"Chàng trai ơi, tại sao cậu buồn vậy, chúng ta hãy ra đằng

sau bong tàu, và cậu hãy kể cho tôi nghe về cuộc sống trước đây của cậu.

Lê-ôn đi theo ông ta và kể như sau.

II

Tôi sắp tròn mười sáu tuổi. Bố tôi tên là Gri-gô-ri Pa-pôn, ông là thương nhân; mẹ tôi tên là Đì-a-na. Tên tôi là Lê-ôn, em gái sinh đôi của tôi tên là Đôi-a, còn em trai tôi là A-lếch-xây. Cách đây gần ba tháng, tổng trấn A-ten trông thấy cô nô tỳ trẻ mà bố tôi nuôi dưỡng cùng với chúng tôi. Ông ta liền đòi nhượng lại cô ấy, nhưng khi bố tôi không chịu nhượng cô gái thì ông ta thề trả thù và giữ thời thề sẽ làm cho chúng tôi chết điếu đứng. Thế là vào một buổi tối, khi chúng tôi đang yên lành ngồi bên nhau, tôi, cô nô tỳ Xê-li-ma, Đôi-a và A-lếch-xây đang ca hát cùng tiếng đàn ki-pha-ra, thì xuất hiện những tên Ác-nau-tơ của quan tổng trấn, chúng bắt người cha thân yêu của chúng tôi và Xê-li-ma và dẫn họ đi luôn, còn chúng tôi bị chúng đẩy ra và để chúng tôi ở trong trạng thái bất lực. Rồi chúng tôi cũng đi và cuối cùng ra đến chỗ trước cổng, nơi có pháo đài cổ Ma-xê-đô-ni-a. Ở đấy chúng tôi được bà con nông dân thương hại cho chúng tôi ít bánh mì và một ít thịt. Từ đây chúng tôi đi theo hướng Pi-rây. Nhưng than ôi! Em gái tôi yếu quá nên đã ngã xuống đường nửa hôn mê ngay cạnh cây ô liu. Còn tôi thì muốn trở về thành phố cầu cứu người thân. Mặc dù mẹ tôi ra sức can ngăn, nhưng tôi vẫn cứ đi, khi ra đến A-crô-pôn và đang chuẩn bị leo lên phía trên thì tôi thấy bố tôi – ông đứng hình dung xem tôi vui sướng đến mức nào! Tôi không thể tả hết nỗi hoan của tôi cho ông nghe được; tôi nhảy bổ lên cổ bố và tôi hình dung ra ngay niềm hạnh phúc và vui mừng của mẹ tôi. Song tôi đã bị thất vọng, vì chúng tôi vừa đi được mấy bước thì gặp tên chỉ huy của những người Ác-nau-tơ trong đoàn tùy tùng của quan tổng trấn đang đi về phía chúng tôi. Ông ta nhận ngay ra bố tôi, thế là ông ta

tuốt kiếm và xông vào bố tôi. Bố tôi đưa tay phải ra vớ được một cây gậy nhiều máu, ông lùi lại đứng thế thủ, còn tên Thổ Nhĩ Kỳ thì vung kiếm chặt đôi chiếc gậy và làm bố tôi bị thương ở vai, tên này vung kiếm lần nữa chém thẳng vào đầu bố tôi, lúc này trong tay bố tôi không có vũ khí gì, thế là bố tôi ngã lăn xuống đất. Tôi cầm chiếc gậy lên và ném vào mặt tên Thổ Nhĩ Kỳ; hắn đánh rơi kiếm, vẻ mặt tức như điên, hắn lôi chiếc búa giắt ở thắt lưng ra và đập vào đầu tôi làm tôi ngã lăn xuống đất bất tỉnh.

Khi tôi tỉnh lại, tôi thấy bố tôi hấp hối nằm cạnh tôi. Ông nói: "Lê-ôn con của bố, con hãy chạy đi, chạy khỏi nơi đây! Mối nguy hiểm đang đe dọa con đó! Mẹ con có bị bắt không?" Khi tôi ra hiệu là không, bố tôi nói: "Hãy đi tới Cu-lu-ri, rồi từ đó đến Náp-pli-a, ở đấy bố có bạn bè!" Tôi hỏi: "Bố ơi, kẻ giết bố tên là gì vậy?" – "Lê-ôn, kẻ ấy tên là Mu-xta-pha-bây' lạy Chúa, xin hãy rủ lòng thương linh hồn khốn khổ của tôi!" – Nói rồi bố tôi tắt thở. Tôi ôm chặt lấy thi thể bố vào lòng, mồm la hét, rên rỉ, kêu cứu, nhưng bố tôi đã chết và không ai đến giúp đỡ cả. Cuối cùng, tôi đứng dậy dầm dìa nước mắt, đeo thắt lưng của người cha thân yêu, giắt theo mình thanh kiếm của tên giết người và thế không rời chiếc thắt lưng, cũng không rời thanh kiếm chừng nào máu của bố tôi chưa được rửa bằng máu Thổ Nhĩ Kỳ. Sau đó tôi đi ra ngoài thành phố, nhưng – khủng khiếp thay! – những người thân yêu của tôi không ai còn ở đấy nữa. Chỉ còn thấy một thanh gươm nhuộm máu, tấm vải phủ nhuộm máu của mẹ tôi và chiếc mũ của A-lếch-xây để ở đó chứng minh rằng cả ở đấy cũng đã xảy ra hành động bạo lực. Đó là cái mũ hiện tôi đang đội trên đầu, và đây là thanh kiếm (chàng chỉ vào thanh kiếm Thổ Nhĩ Kỳ đeo đeo ở thắt lưng), còn tấm vải phủ từ đó đến nay tôi mang trên ngực dưới chiếc áo dài^{1*}.

1* – áo trong của người Hy Lạp.

Mãi lúc đó tôi mới nghĩ đến vết thương của tôi. Tôi cảm thấy đau, nhấc mũ lên, lúc đó máu lại chảy xuống mặt tôi. Tôi nằm xuống gốc cây và lấy khăn mặt băng đầu.

Tôi ngủ thiếp đi và trong mơ tôi thấy bố tôi đi tới gần tôi, – tươi tỉnh và sung sức, cạnh ông là mẹ tôi, Dôi-a và A-léch-xây đã nâng tôi dậy; nhưng kìa quân Thổ Nhĩ Kỳ đã tới gần, còn kẻ giết bố tôi thì thét một tiếng rồi ngã xuống. Khi tôi tỉnh lại, tôi thấy tôi nằm trong một chiếc xe, đứng trước tôi là ông già ra sức khuyên tôi cứ bình tâm và chờ tôi đi.

Ông chở tôi đến xóm Thánh Ni-cô-lai và chữa trị cho tôi ở đấy. Tôi sống ở nhà ông bốn tuần, rồi ông cho tôi tiền và dùng thuyền của mình chở tôi đến đảo Cu-lu-ri. Ở đấy tôi từ giã ông, và để kỷ niệm, chúng tôi chia nhau một đồng bạc. Tôi dừng chân lại đây mấy ngày, vì chưa có khả năng ra đi. Tình hình tiếp theo thì ông đã biết.

III

Câu chuyện của chàng Pa-pôn đại thể như thế. Rồi Lê-ô-nít cầm tay chàng, cùng chàng đi tới kho vũ khí và bảo chàng tự chọn lấy vũ khí. Trong số áo quần, chàng lấy những chiếc quần đùi Hy Lạp nhẹ nhàng và chiếc áo cáp-tan ngắn màu xanh da trời. Về vũ khí, chàng lấy khẩu súng mút ngắn hai nòng, hai đôi súng ngắn hai nòng và chiếc búa.

Lê-ô-nít nói: "Cậu cứ lấy thanh kiếm hoặc ít ra là bao kiếm". "Không, – Lê-ôn nói, – tôi sẽ không từ giã thanh kiếm này, và nó sẽ vẫn tuốt trần chừng nào chính tôi chưa kiếm được bao kiếm".

Trời bắt đầu tối. Tàu của họ tới đảo Dây-a. Khi chưa tới gần bờ, họ đã cuốn tất cả các cánh buồm lại và hạ quả tên lửa trên đỉnh cột buồm chính xuống. Lập tức một chiếc thuyền bơi tới, trên đó thấy rõ cây thánh giá. Trên thuyền có sáu người được

trang bị đầy đủ, họ buộc thuyền vào tàu và trèo lên boong Lê-ô-nít giới thiệu với họ người đồng chí mới mà họ thân mật đón tiếp. Sau đó Lê-ô-nít nói:

"Này, Xtê-pha-nốt, cậu tìm kiếm gì vậy?"

Xtê-pha-nốt: "Ở đằng ấy, tại bến cảng thành phố có một chiếc tàu buôn Thổ Nhĩ Kỳ; tôi đã cải trang thành thương nhân cho dễ ra vào. Nhưng Lê-ô-nít ạ, đồ cậu biết tôi đã thấy ai ở đó? Cậu thử hình dung xem Du-cát, người đồng chí già này của chúng ta đã ở đấy với tư cách là người nô lệ. Tôi đã cứu anh ấy trong một chiếc hòm. Trên tàu chỉ có cả thầy ba cổ đại bác, nhưng thủy thủ đoàn mạnh và được trang bị tốt; ở đấy có khoảng ba mươi người Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng tôi đã vận động được hai hành khách người Hy Lạp đi A-ten sang với ta. Họ định chiếm kho thuốc súng".

Lê-ô-nít: "A, tuyệt vời! Các vị hãy ở lại đây, hãy đợi một chút!" - Ông ta chạy về khoang tàu, quay trở lại với ba chai rượu nho và uống cạn cùng với Lê-ôn và sáu người mới đến. Rồi ông ta nói: "Các vị hãy xem, giờ đây chúng ta có cả thầy bao nhiêu người: các vị có sáu người, trên tàu có hai mươi người, còn thêm Lê-ô và tôi – cả thầy là 28 người, hai hành khách người Thổ Nhĩ Kỳ đi Xéc-phô, trong đó có một người I-a-nư-sa. - Nô-tốt ơi!"

Nô-tốt đến theo tiếng gọi.

"Cậu hãy đưa Prô-tốt và Ta-rát vào ca-bin, tước vũ khí của những người Thổ Nhĩ Kỳ và dẫn họ tới đây". Anh ta đi ra. Lê-ô-nít gọi: "Mi-ca-lít!" "Có tôi!" – Mi-ca-lít vội chạy tới trả lời.

"Hãy nạp đạn ngay vào các cổ đại bác, hãy chuẩn bị những khẩu đại bác hạng nhẹ, hãy nạp ba khẩu đại bác bằng đạn ghém và đạn bi, những khẩu còn lại thì nạp chì, thủy tinh, đá và sắt! Hãy mang đến đây sáu mươi quả lựu đạn, hai quả mìn và thùng

đạn bi! Hãy để cho tất cả mọi người tự trang bị vũ khí!" Mệnh lệnh của ông ta đã được thực hiện "Còn bây giờ, – ông ta quay sang phía Lê-ôn nói, – giờ đây con tôi, con có được thời cơ lần đầu tiên chiến đấu trong hàng ngũ của chúng ta. Con hãy dũng cảm lên. Khi chiếc tàu chiến bắt đầu đánh chúng ta, con hãy ở cạnh ta, làm những gì mà ta sẽ làm. Có điều con đừng nhảy sang tàu chiến trước ta; con dễ dàng mất mạng".

"Đúng đấy – Xtê-pha-nốt nói, – tôi biết điều đó. Lê-ôn ạ, cậu hãy tưởng tượng tôi với hai thanh niên trạc tuổi cậu đã từng nhảy thẳng lên tàu địch; kẻ thù chặt đứt cái móc, thế là chúng tôi bị cắt đứt với cánh đàng sau. Chúng tôi tự vệ, nhưng sau khi hai đồng chí của tôi bị giết, tôi hầu như bị đám đông đè bẹp và bị một đòn mạnh vào đầu; cái sẹo đến nay vẫn còn đây này, và chắc chắn là tôi đã chết, nếu người của chúng tôi lúc ấy không kịp xông lên tàu địch đánh tiếp".

Sau đó Nô-tốt đến cùng với hai người Thổ Nhĩ Kỳ, một người tay buộc băng. Nô-tốt nói với Lê-ô-nít:

"Cậu xem, họ đấy. Họ đã chống cự kịch liệt. Người I-a-nư-sa này đã giáng cho Prô-tốt đáng thương một đòn khiến cậu ta chưa chắc có thể bình phục, nhưng tôi đã chặt cánh tay của cậu ta trong khi Ta-rát túm lấy một người khác và quật xuống sàn".

"Đúng đấy, – anh chàng người I-a-nư-sa nói, – đó là một trò xỏ lá, thắng chúng tôi, những người đang ngồi bình yên trong khoang tàu! Nhưng chúng đã phải trả giá đắt về điều đó, và việc ấy làm tôi yên lòng".

"Ôi, – Lê-ô-nít trả lời, – tôi không bao giờ nghi ngờ lòng dũng cảm của các cậu. Nhưng các cậu sẽ được thưởng; nếu các cậu muốn, sáng mai tôi sẽ đưa các cậu lên bờ ở Téc-mi-a; song mỗi người các cậu phải trả cho tôi năm mươi đồng bạc tiền chuộc". Họ vui lòng đồng ý và để cho người ta đưa họ trở lại

khoang tàu để chịu sự giám sát của Nô-tốt, trong khi đó, Lê-ô-nít tới chỗ Prô-tốt đang nằm trên chiếu. Ông ta xem xét vết thương và thấy rằng anh ta bị thanh kiếm hình lưỡi liềm chém vào sọ làm bị thương một chỗ. Vết thương nguy hiểm chết người, nhưng còn có thể hy vọng chữa khỏi. Ông ta đắp miếng thuốc dán vào và đi ngủ cùng với Lê-ôn. Ông ta dành cho Lê-ôn một chiếc giường bên cạnh giường mình.

Đến nửa đêm họ bị đánh thức. Đứng trước họ là Xtê-pha-nốt.

"Dậy mau lên, ở phía bắc thấy có cánh buồm. Có thể thấy cánh buồm dưới ánh sáng đèn pha". Cả hai lập tức cầm vũ khí. Lê-ô-nít mở tủ và đưa cho Lê-ôn một túi đạn, một túi đạn ghém và một chiếc sừng đẹp to tướng đựng thuốc súng. Bản thân ông ta lấy thêm đạn để dự trữ, rồi cả hai trèo lên boong tàu.

"Mi-ca-lít, – súng đại bác quay hạng nhẹ nạp đạn bi ở đâu?" – viên thuyền trưởng hỏi.

Sau khi được người ta chỉ cho thấy các khẩu đại bác hạng nhẹ, ông ta liền đứng bên cạnh một khẩu, Lê-ôn đứng cạnh khẩu thứ hai, Xtê-pha-nốt đứng cạnh khẩu thứ ba.

Đội thủy thủ tập hợp trên boong. Lê-ô-nít cho điểm danh. Kể cả ông ta, có cả thủy hai mươi sáu người. Ông ta gọi Nô-tốt lại, anh này bước tới và đứng cạnh khẩu đại bác 48 pao, còn Mi-ca-lít đứng cạnh một khẩu khác. Những khẩu đại bác quay hạng nhẹ cũng để liên ngay đấy.

Tất cả mọi người nhìn chăm chăm vào chiếc đèn pha. Họ đã bơi gần tới nó. Lúc ấy đèn tắt, và phải bơi theo hướng ấy. Ngọn đèn nhấp nháy mấy lần, nhưng cuối cùng đã biến hẳn.

Trời hửng sáng. Biển phủ đầy sương mù. Sương dần dần tan. Lúc đó Xtê-pha-nốt ngồi trên cột buồm, ông ta hét: "Tôi thấy

tàu rồi! Đấy chính là con tàu mà tôi đã từng đi ở bến cảng trên biển Dây-a".

Bây giờ cả Lê-ô-nít cũng đã thấy chiếc tàu qua ống nhòm; Xtê-pha-nốt đi xuống boong dưới. Lập tức họ bơi hết tốc lực để đến sát chiếc tàu kia, lát sau tất cả mọi người đều thấy chiếc tàu. Họ kéo cờ Thổ Nhĩ Kỳ lên và tiến gần tới chiếc tàu. Khoảng sau ba giờ họ đã bơi đến cách chiếc tàu gần bằng tầm bắn. Lúc đó Lê-ô-nít ra lệnh cất lá cờ Thổ Nhĩ Kỳ và kéo lá cờ đen đỏ có hình chữ thập trắng lên. Nhưng chiếc tàu Thổ Nhĩ Kỳ ngay trước đó đã ngoặt về hướng tây-bắc, thả hết tốc lực để tới Ma-crô-ni-di. Song chẳng mấy chốc Lê-ô-nít đã tiến sát nó và theo lệnh ông ta, người ta lập tức bắn đạn bi vào dây chèo của tàu địch. Quân Thổ Nhĩ Kỳ lập tức bắn trả, nhưng bắt đầu rút lui. Lúc đó Lê-ô-nít hô: "Mi-ca-lít, cùng với mười lăm người của cậu, hãy đuổi theo ngay, chèo cật lực vào! Nô-tốt! Chúng ta phải tóm lấy nó! Hãy vòng đằng mũi và bắn vào kẻ thù khi ta đến cự ly nửa tầm bắn! "Ta-rát cùng với năm người của cậu ở lại đây".

Tàu vút đi càng nhanh hơn. Họ bơi ngày càng gần con mồi. Lúc đó Lê-ô-nít ra lệnh:

"Ta-rát, khi Mi-ca-lít trở lại, cậu hãy bơi sang phía phải đến chỗ các khẩu đại bác; Xtê-pha-nốt cứ phục vụ các khẩu đại bác ở cuối tàu; Lê-ôn ở lại đây với tôi!"

Lúc đó Nô-tốt bắn bằng khẩu đại bác mười hai pao của mình, sau đó vang lên tiếng súng của năm khẩu đại bác nữa, và buồm của tàu địch đổ xuống kéo gãy cả đỉnh cột buồm và treo lơ lửng trên dây chèo. Tiếng reo vui mừng vang lên; họ bắn đại bác một lần nữa, cột buồm nghiêng, mũi tàu đã bị vỡ ra từng mảnh, Quân Thổ Nhĩ Kỳ không còn đường thoát thân. Tàu bên này tiến lại gần hơn, lúc đó Lê-ô-nít là Lê-ôn liền cho các khẩu đại bác quay của mình nhắm đạn. Một số người ngã xuống, nhưng loạt

bắn không có hiệu quả lớn. Mi-ca-lít đã quay lại, quân Thổ Nhĩ Kỳ đã ở rất gần, cả hai phía đều nhắm đạn vào nhau, và quân Thổ Nhĩ Kỳ bắn trả dữ dội. Lúc đó Lê-ô-nít ra lệnh cho tất cả các khẩu đại bác cùng nhắm đạn một lúc và bơi tới sát kẻ thù. Các khẩu đại bác quay cũng xối đạn, boong tàu của kẻ địch hầu như trống rỗng; lúc đó tàu Hy Lạp xông vào đánh tàu đối phương. Mi-ca-lít và đội của ông ta, Lê-ô-nít và Lê-ôn đứng ở cạnh cái móc; họ bắn địch bằng súng trường, làm cho cái móc chuyển động, Mi-ca-lít và Lê-ôn nhanh như chớp đã có mặt trên tàu địch. Lê-ôn rút súng ngắn và bắn trúng ngay tên đầu tiên; chàng vung kiếm, và quân Thổ Nhĩ Kỳ ngã hết tên này đến tên khác. Lúc đó Mi-ca-lít bị ngã, nhưng Lê-ô-nít đã có mặt ngay, người Hy Lạp chen lên trước, trận đánh giáp lá cà dữ dội bắt đầu, quân Hy Lạp còn lại trên tàu bắn trả một cách dữ dội, chỉ lát sau một số người Thổ Nhĩ Kỳ hạ vũ khí. Lúc đó một người Ác-nau-tơ to lớn chạy lên boong, tay vung kiếm, mồm hét:

"Thế nào, hỡi những người anh em Hồi giáo, các người muốn để những kẻ vô đạo giết hết các người à? Hãy cầm lấy kiếm và bằm vằm bọn chó này ra!"

Ông ta nhảy lên và giết chết một người Hy Lạp. "Đầu đảng đầu?" – Ông ta hét lên. "Có ta", – Lê-ô-nít trả lời và lao tới phía trước, hai người đánh nhau. Lê-ô-nít vẫn bình tĩnh dưới những đòn nặng nề, ác liệt của kẻ thù. Trong cơn giận dữ mù quáng, điên cuồng, kẻ địch chạy lên phía trước và đánh một đòn vào tay trái đối phương. Lúc đó, bằng một đòn mạnh của lưỡi kiếm to bản của mình Lê-ô-nít chém gãy thanh kiếm của kẻ thù, bồi thêm một đòn nữa, máu chảy phun từ ngực tên Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng một tên Thổ Nhĩ Kỳ khác chạy tới giáng một đòn vào mặt ông ta làm ông ta ngã khụy. Thấy vậy, Lê-ôn đánh kẻ giết người, giữ kẻ thù lại, và tên này đầu hàng.

Còn vị thủ lĩnh bị thương ngồi lên thuyền của mình cùng với mười người đổ bộ lên đảo Ma-crô-ni-di.

IV

Bây giờ chàng quan sát trận địa. Mười hai người Thổ Nhĩ Kỳ bị giết, tám người bị thương, năm người đầu hàng, mười người trốn thoát.

Nhưng bốn người Hy Lạp bị giết; Mi-ca-lít hấp hối, Nô-tốt bị thương ở đùi, thuyền trưởng bị một cú đánh, ba người nữa bị thương nhẹ. Và Lê-ôn bị thương nhẹ ở đầu vì hỏa khí và một vết chém ở tay trái.

Xtê-pha-nốt tới gần chàng. "Cậu đã chiến đấu gan dạ, Lê-ôn ạ, nhưng cậu phải lại ngay chỗ Lê-ô-nít. Sao thế này, cậu bị chảy máu à?"

"Ồ, xoàng thôi, chẳng sao đâu. Điều tôi bức hơn cả là tên Ác-nau-tơ trời đánh thánh vật đã sống mất. Tôi chỉ muốn giết được hắn thôi".

Chàng đi tới với Lê-ô-nít. Lê-ô-nít nói: "Lê-ôn, cậu hãy nhận trách nhiệm chỉ huy thay cho Nô-tốt cho đến khi cậu ta bình phục. Chừng nào ta không thể thực hiện nổi trách nhiệm của ta thì người chỉ huy chính sẽ là Xtê-pha-nốt. Cậu chạy lại với Mi-ca-lít đi, xem tình hình cậu ấy thế nào".

Chàng tuân lệnh. "Cậu ấy rất yếu; cậu ấy bị đạn vào ngực và bị kiếm chém vào đùi. Nhưng Ta-rát vẫn còn hy vọng".

Xtê-pha-nốt quay trở lại. "Trên tàu có hàng: bông cho A-ten và đạn dược cho Náp-pli. Ngoài ra còn có chà là, dừa, vả và nhiều loại hàng hóa đủ loại để bán".

"Chuyển tất cả những thứ có giá trị từ tàu sang đây rồi bơi ngay sang bến cảng Ráp-ti", – Lê-ô-nít nói. "Lê-ôn, cậu cũng

sang đó cùng với Xtê-pha-nốt đi. Các cậu hãy hỏi cung tù binh, chú ý đến tất cả những lời khai của chúng".

Chàng đi. Lời khai của tù binh đại thể như thế này. Đây là một chiếc tàu buôn của thương nhân Mui-rát ở I-dơ-mia^{1*}. Người anh em của ông ta là A-li chỉ huy tàu này và chính y đã làm Lê-ôn bị thương. Khi họ tới Xi-ki họ được thông báo rằng quanh đấy đã xuất hiện những bọn cướp biển. Vì thế hôm qua họ đã lấy thêm mười người đi A-ten. Cũng lúc họ thấy một chiếc tàu là lúc họ bị tấn công. Khi hỏi đến hành khách Hy Lạp đầu cả rồi, họ trả lời rằng một người bị ném xuống biển, một người khác bị A-li giết sau khi nhận ra tàu cướp biển.

Sau đó họ xem xét chiếc tàu. Ngoài những thứ hàng kể trên, họ còn phát hiện được nhiều vũ khí và đạn dược, cũng như len dạ và áo quần. Nhưng hay hơn cả là họ đã tìm được ba túi vàng, mỗi túi 5000 đồng. Chúng đã được chuyển vào ca bin của tàu Hy Lạp.

Giữa Xu-ni-a và bán đảo Ác-gô-li-đa có một hòn đảo nhỏ nhiều lèn đá và không có người ở^{2*}, Lê-ô-nít bơi tới đó. Họ cập bến vào sáng hôm sau. Nhưng vì A-li và những người Thổ Nhĩ Kỳ chắc đã xúi giục tổng trấn Ê-vríp hoặc tổng trấn A-ten phái tàu đi chống cướp, nên họ đưa những người Thổ Nhĩ Kỳ lên bờ ở đấy, cho họ một ít lương thực thực phẩm, hai thanh kiếm và một khẩu súng với đạn để họ có thể sẵn thờ cùng các thứ khác có nhiều trên những đảo như vậy.

Họ chuẩn bị rời bến, nhưng còn thiếu Lê-ôn. Chàng đã đi săn, mọi người đi tìm chàng; bỗng vang lên tiếng súng, họ chạy tới hướng đó và tìm thấy Lê-ôn đâm đĩa máu; bên cạnh chàng là

1* – Xmiéc-na

2* – có tên là Xanh Gióc-gi-ô Di A-xpa-ra

một tên Thổ Nhĩ Kỳ bị bắn chết, còn tên Thổ Nhĩ Kỳ khác có thanh kiếm nhuộm máu của Lê-ôn đứng ngay đấy. Xtê-pha-nốt chạy trước, ông lao thẳng vào tên Thổ Nhĩ Kỳ. Sau một cuộc chiến đấu ngắn ngủi ông ta đánh bật được kiếm ra khỏi tay của kẻ thù, vật hẳn xuống đất và chặt đầu hắn.

Thêm mấy người nữa đến. Họ đặt Lê-ôn nằm lên cáng làm bằng cành cây và mang đi. Trước đó Ta-rát đã kịp xem xét những vết thương trên mình Lê-ôn, thấy tên Thổ Nhĩ Kỳ đã làm chàng bị thương ở đầu, ở đùi và bị thương nhẹ ở tay.

Cuối cùng, người bị thương tỉnh lại. Câu hỏi đầu tiên của chàng là: "Kiếm của tôi đâu?". Khi người ta đưa kiếm cho chàng xem, chàng nói: "Tên Thổ Nhĩ Kỳ làm tôi bị thương đâu?".

"Tôi đã giết hắn, – Xtê-pha-nốt nói, – nhưng cậu hãy nằm yên, vết thương của cậu nguy hiểm lắm".

Vết thương trên đầu nguy hiểm; chuyển người bị thương lên tàu có nghĩa là làm hại anh ta; vì vậy mọi người quyết định tóm hết những tên Thổ Nhĩ Kỳ và đưa chúng sang bờ Mô-rây, còn Lê-ôn, Mi-ca-lít đang trong tình trạng nguy hiểm, Nô-tốt và Lê-ô-nít thì họ quyết định để lại trên đảo cùng với ba đồng chí nữa để chăm sóc cho những người bị thương. Xtê-pha-nốt có ý định mấy tuần nữa sẽ quay lại đưa họ đi. Những người Thổ Nhĩ Kỳ lại được tập hợp, nhưng thiếu mất một tên. Song ở tít đằng xa thấy có một chiếc tàu Thổ Nhĩ Kỳ, và vì thế tàu của bọn cướp biển cùng với Xtê-pha-nốt đã giương buồm chạy. Nhưng ngoài những người bị thương và Ta-rát cùng với hai người giúp việc của ông ra, còn có năm người nữa có nhiệm vụ đưa chiếc tàu Thổ Nhĩ Kỳ đến Ê-pi-na, thế là sang ngày hôm sau họ rời bến.

Lê-ôn bình phục rất mau. Chỉ sáu ngày sau chàng đã có thể rời khỏi giường bệnh và đi lại một ít. Còn Mi-ca-lít sau một tuần đã có thể tự đi ra khỏi lều nhỏ tự tạo của họ. Lê-ô-nít và Nô-tốt

đã gần bình phục, họ thường hay đi săn. Một hôm Nô-tốt đi săn về và nói:

"Tôi thấy một tên Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng hắn đã kịp chạy trốn. Chúng ta phải cảnh giác đấy". Hôm sau cậu ta lại đi săn cùng với Lê-ô-nít. Họ gặp một con dê rừng. Họ bèn tách nhau ra. Nô-tốt đi xuyên rừng; bỗng vang lên tiếng súng. Nô-tốt ngã xuống, còn tên Thổ Nhĩ Kỳ tay trái cầm súng ngắn, tay phải cầm gươm, lao vào cậu ta, nghiêng người, đâm kiếm, nhưng người bị thương đứng lên giật lấy súng ngắn và bắn vào tên Hồi giáo. Loáng một cái những người Hy Lạp tập trung đầy đủ. Tên Thổ Nhĩ Kỳ đã chết, đạn của hắn bắn vào ngực Nô-tốt, nhưng may thay đốm kiếm của Nô-tốt đã chặn viên đạn, và vết thương không nguy hiểm.

Nô-tốt được đưa về lều, và suốt tuần anh ta không đứng dậy được. Cuối cùng mọi người đều bình phục, nhưng lương thực thực phẩm đã cạn, và trên đảo khó kiếm được thức ăn bằng cách săn bắn.

V

Họ sống trên đảo bốn tuần và Xtê-pha-nốt đã quay lại đón họ. Anh ta đã bán chiếc tàu Thổ Nhĩ Kỳ cho một thương nhân Anh ở Phét-xa-lô-ni-ca lấy 10.000 đồng, bán bông cho một thương gia khác lấy 4000 đồng. Chiếc tàu của bọn cướp biển được trang bị lại, tăng thêm ba khẩu đại bác, số đạn được tăng gấp ba và có nhiều vũ khí loại khác. Điều kiện sinh sống của bọn cướp được thưởng công một cách hào phóng đã được cải thiện. Giờ đây chiếc tàu bắt đầu bơi về phía Can-đi. Khi họ trông thấy Mi-lốt thì xuất hiện một chiếc tàu, có lẽ của Thổ Nhĩ Kỳ. Lê-ô-nít đuổi theo và truy kích nó đến vịnh Mi-lốt. Ở đấy có mấy đảo nhỏ bít đường đi vào vịnh. Tàu nấp ở đây dưới sự bảo vệ của

những khẩu đại bác đặt ở ụ tàu của bến cảng. Hóa ra đó là chiếc tàu chiến khổ sai của Ai Cập. Thế là nổ ra một trận đánh dữ dội. Người Hy Lạp chiến đấu rất dũng cảm. Nhưng bỗng nhiên một chiếc tàu Thổ Nhĩ Kỳ – đó là một chiếc tàu chiến nhỏ – đi vào vịnh và tấn công người Hy Lạp từ phía sau lưng. Lúc đó Lê-ô-nít xông vào đánh tàu Thổ Nhĩ Kỳ, củ Xtê-pha-nốt tới chỗ họ, và sau một trận chiến đấu ngắn ngủi đã chiếm được tàu.

Nhưng cũng đúng lúc đó vang lên một loạt súng đại bác từ các đồn bốt, và chiếc tàu Hy Lạp chìm dần. Người ta vội đưa nó tới bãi cạn ven bờ và nó mắc cạn ở đó. Nhưng đội thủy thủ trèo lên chiếc tàu chiếm được của Thổ Nhĩ Kỳ, truy kích ráo riết chiếc tàu chiến khổ sai, xông sang chiếm tàu. Lê-ôn nhảy sang chiếc tàu chiến khổ sai, những người khác, kể cả Xtê-pha-nốt, chạy theo chàng, và họ tấn công. Lê-ôn lúc nào cũng chiến đấu ở phía trước tất cả mọi người, thanh kiếm của chàng nhuộm đỏ máu của những người Hồi giáo; chàng chiến đấu quyết liệt, Xtê-pha-nốt đi theo sau chàng và họ đánh thốc lên phía trước. Bỗng nhiên Lê-ôn thấy xuất hiện trước mặt mình tên chỉ huy của kẻ địch, một người Ai Cập to lớn. Chàng đánh nhau với hắn, nhưng trong hai người không ai có thể thắng được ai, cuối cùng, Lê-ôn làm cho đối thủ bị thương ở cánh tay trái; lúc đó đối thủ rút súng ngắn, bắn, nhưng không trúng Lê-ôn mà trúng một người Hy Lạp khác, và hắn ngã xuống dưới những đòn đánh của đối thủ gan dạ. Sau khi hắn ngã xuống thì chiếc tàu bị chiếm. Một số ít ỏi những tên Thổ Nhĩ Kỳ còn lành lặn đã đầu hàng, và họ được đưa lên bờ; Ta-rát mặc bộ quần áo Thổ Nhĩ Kỳ đi vào đồn để đàm phán về việc sửa chữa chiếc tàu. Viên tổng trấn háo hức đồng ý lấy món quà ba trăm đồng, nhưng bí mật cử một chiếc thuyền đến Xi-phan-tô, nơi có một số tàu của hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ đậu. Chiếc thuyền đã tìm thấy chúng, thế là tất cả ba chiếc tàu lập tức vút đi hết tốc lực. Nô-tốt và Ta-rát đi trên chiếc thuyền của mình ra khỏi vịnh, thấy các tàu và báo cho Lê-ô-nít

biết là chúng đang đến gần, Lê-ô-nít ra lệnh cho một bộ phận thủy thủ của mình nhanh chóng chuyển lên các tàu Thổ Nhĩ Kỳ và ra lệnh cho họ chuyển tới đó đạn dược dùng cho hỏa khí thủ công và một số khẩu đại bác, nhưng ông ta đưa lên tàu của mình đại bộ phận đoàn thủy thủ, kể cả ba mươi người mới tuyển từ đảo Mi-lốt. Lê-ôn chỉ huy một chiếc tàu chiến nhỏ, được bố trí ở lối vào bến cảng. Những người Thổ Nhĩ Kỳ đang tới gần. Lúc đầu là một chiếc tàu. Lê-ôn cho tất cả các cỡ đại bác bắn ngay một loạt vào phần mũi của tàu, làm cho tàu quay ngoắt, chàng đánh áp mạn nó và nhảy sang tàu đó cùng toàn bộ đội thủy thủ. Nhưng từ phía khác, một chiếc tàu tiếp theo tiến đến gần, phái đội thủy thủ của mình đến, thế là bắt đầu một cuộc chiến đấu ác liệt. Lê-ôn chiến đấu dũng cảm. Một số tên Thổ Nhĩ Kỳ ngã xuống vì những đòn sấm sét của chàng, nhưng một số người Hy Lạp gan dạ đã phải trút hơi thở cuối cùng dưới những nhát chém của các tay kiếm Thổ Nhĩ Kỳ, và sự may mắn nghiêng về phía những kẻ đã man đông gấp ba lần. Bỗng Lê-ôn trông thấy kẻ đã giết bố mình. Thấy một người Ác-nau-tơ to lớn vừa mới giết một người Hy Lạp già, chàng nổi giận. Chàng thét vào mặt hắn: "Tên giết người, ngươi hãy đánh nhau với các chàng thanh niên đi!". Người Ác-nau-tơ quay lại và chiến đấu, hắn mạnh gấp đôi người Hy Lạp, nhưng người Hy Lạp chiến đấu ác liệt hơn. Họ đánh nhau dữ dội. Đòn này tiếp đòn khác, Lê-ôn làm tên Thổ Nhĩ Kỳ rút từ thắt lưng ra chiếc búa rất quen thuộc và với sự tức giận do phần nộ và đau đớn gây ra, hắn nện Lê-ôn rất nhiều đòn. Lát sau hắn dùng sống búa đập lần thứ hai vào cái trán cao của Lê-ôn, và Lê-ôn ngã xuống dưới những đòn đánh mạnh liên tục của tên Thổ Nhĩ Kỳ.

"Tên này đã xuống đến địa ngục rồi! – hắn thét lên. – Bây giờ đến lượt những tên khác". Nhưng hầu hết bọn họ đã bị giết, chỉ có một số ít người mất vũ khí đã bị bắt làm tù binh.

Trong khi đó hai chiếc tàu khác đi vào bến cảng để truy kích Lê-ô-nít, nhưng ông này đã cùng toàn bộ đội hình của mình và tiên bạc nhảy lên chiếc tàu chiến khổ sai và sau khi thoát khỏi cuộc truy kích của kẻ thù, đã yên ổn ra khỏi bến cảng đi ra biển khơi và bơi hết tốc lực đến Bê-lô Pau-lô, ở đây ông ta hy vọng sẽ được biết những tin tức về Lê-ôn và những người khác.

Ph.Ăng-ghen viết năm 1837

Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, xuất bản lần thứ nhất, t. II, 1929 và bằng tiếng của nguyên bản trong Marx-Engels Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

CUỘC ĐẤU TAY ĐÔI GIỮA Ê-TÊ-Ô-CLO VÀ PÔ-LI-NÍCH²⁹⁴

Hãy nói tôi nghe, vì sao những đội quân và những con ngựa nhanh nhẹn của người Hy Lạp

Vút tới thành phố hùng mạnh của người Cát-ma?

Cầm lá chắn trắng, các chiến binh bay khắp đồng bằng,

Và họ trở tài dùng vũ khí dọc những tường thành dài.

Đội quân các hảo hán Ác-ghi-vơ mang binh giáp hùng mạnh,

Tiến đánh thành phố vĩ đại của A-ghê-nô-rít hùng hậu,

Và các lãnh tụ của người Đa-nai đi, mang theo hũ diệt

Cho người Phi-vơ – ở đây có Pác-phê-nô-pây, Ti-dây, Ca-pa-nây,

Cạnh họ có Am-phi-a-rai chúa tể, cùng ông có Gíp-pô-me-đôn cao thượng,

Vua A-đra-xtơ, Pô-li-ních, chúa tể các bậc trượng phu

Tất cả cùng nhau lên xe lao tới thành phố Cát-ma.

Kìa trên bình nguyên sáng loáng lá chắn với tám đồng lồi.

Những chiếc lao sắt, cả kiếm, đốc rèn bằng bạc...

Như con rắn lạng lẽ bò tới

Bổng siết chặt con cừu, làm nó khó thở, –

Quân Đa-nai tới, vây thành Phi-vơ bẫy cồng.

Họ giơ giáo lên, đứng thành đội ngũ, đe dọa,

Nhưng các chiến binh từ trong thành phố đổ ra với binh khí đồng sáng loáng.

Trong số họ có Ê-tê-ô-clơ, con trai ngang hàng Chúa của Ê-đi-pơ.

Anh chiến binh hùng mạnh, gan dạ táo bạo giao tranh,
 Kẻ thù chỉ tụ tập đến một địa điểm để chiến đấu,
 Những chiến sĩ tiên phong của người Ê-tê-ô-clơ và các chiến binh
 của người Ác-ghi-vơ vinh quang
 Hòa trộn, giáo mác, lá chắn, mở đầu trận đánh.
 Tiếng ồn ào nổi lên khủng khiếp... Khắp nơi sông Đì-rơ-ca về vang
 Mang đi những tia máu, sông I-xmen đầy nước nhuộm máu;
 Chiến sĩ đánh gục chiến sĩ, ra những đòn nặng.

Ê-tê-ô-clơ nổi khùng chiến đấu ở hàng đầu,
 Chàng dùng giáo đồng đánh không thương xót – và nhiều
 chiến binh

Bị vũ khí sắc đánh bị thương, ngã xuống đất đen.
 Nhưng thấy Pô-li-ních hùng mạnh chiến đấu trong số người
 Ác-ghi-vơ di dẫu,

Chàng kêu gọi con cháu của A-ghê-no tới A-ten:
 "Con gái của Dốt đây uy lực xứ Ê-ghi-đo, Pan-la-da, hãy nghe
 theo ta:

Nếu ta đã từng hiến cho người những đùi dê và bò béo ngay
 Người hãy thực hiện ý muốn của ta:
 Hãy để ta phóng giáo với cái bóng dài,
 Đâm vào ngực chiến binh của người thuộc họ Ê-đi-pơ về vang,
 Em ruột của ta, kìa – Pô-li-ních anh hùng,
 Đến từ Ác-gốt vô thân; cứ để cả tổ quốc của chàng
 Sẽ được so với trái đất, mặc cho người Ác-ghi-vơ chết".

Rồi chàng nói với em lời của miệng:
 "Nghe này, con trai vua Ê-đi-pơ, Pô-li-ních tiếng nói sang sảng:
 Trái tim trong ngực thân yêu ra lệnh ta chiến đấu với mi,
 Mi hãy là người đầu tiên đến gần Ê-tê-ô-clơ ngang Chúa!"

Chàng nói thế. Còn em hướng về thánh mẫu Ghê-ra:

"Hỡi Ghê-ra, chị em và vợ thân sấm, xin nghe tôi,
 Vì nay tôi là của người: tôi đã kết hôn với Ác-ghê-i-a
 Con gái dễ thương của A-dra-xtơ, vua của người Ác-ghi-vơ mặc
 áo giáp đồng.

Giờ hãy để ta giết vua Ê-tê-ô-clơ hùng mạnh,
 Kẻ vi phạm lời thề – hẳn phải bội người Phi-vơ của mình".

Y nói thế. Lúc đó Ê-tê-ô-clơ, chúa tể hùng mạnh,
 Bước ra giữa, giã các hàng quân ra.

Đứng trên bình nguyên chàng nói hướng về hai bên:

"Hỡi những người con của người Đa-nai và người Ác-ghi-vơ,
 nay hãy nghe ta!

Tinh thần của ta trong ngực ra lệnh cho ta nói lời thề này:

Dù các đám người Ác-ghi-vơ chết trong giao tranh dữ dội,
 Và bộ lạc Ê-tê-ô-clơ, chúng ta vẫn chưa thấy công việc kết thúc.

Nay tinh thần ta ra lệnh chiến đấu trong cuộc đấu tay đôi với em,
 Ta nói như thế, và mong Dốt sẽ làm nhân chứng cho ta:

Nếu hấn đánh ta bằng thanh gươm lưỡi dài,

Lúc đó cứ để Dốt thống trị toàn thể nhân dân Cát-ma,

Nếu ta giết chết hấn vì A-ten đem lại sức mạnh cho ngọn giáo.

Ta sẽ được tổ quốc tôn kính, giang sơn sẽ là của ta.

Còn các người, hỡi người Ác-ghi-vơ, hãy trở lại ngôi nhà tử tế
 của mình".

Chàng nói thế, gây niềm hân hoan cho người Phi-vơ và
 người A-sê.

Kìa các chiến sĩ để ngựa lại, tản ra khắp bình nguyên,

Tháo vũ khí đặt xuống đất.

Bên cạnh mình, vì đất xung quanh còn ít.

Kìa sức mạnh thần thánh của Ê-tê-ô-clơ buông giáo,

Nhưng thấy nó, A-ghê-nô-rít ngang Chúa

Đánh lụi Kê-rê đen – chiếc giáo bay ngang qua.
 Giương cao kiếm bạc đánh bật chiếc giáo,
 Pô-li-ních ngang Chúa đi ra không mảy may dềnh dàng. –
 Lúc đó họ lao vào nhau như những con sư tử khát máu,
 Hai anh em ruột, con thân yêu cùng một cha,
 Đem buồng xuống, cỡi chiếc thất lừng vàng,
 Dùng cánh tay nặng nề điều khiển kiếm, người này đánh gục
 người em –
 Thế là máu đen trong nháy mắt chảy từ vết thương.
 Nhưng khi kiếm sắc thọc vào ngực Ê-tê-ô-clơ,
 Kiếm của chàng, đâm áo giáp, đánh gục vua Pô-li-ních.
 Cả hai ngã xuống đất, bóng đen che kín mắt họ.
 Anh em đánh gục nhau bằng kiếm đồng lưỡi dài, gươm nằm bên
 nhau.
 Thế là dòng họ Ê-đi-pơ, vua không có thói hư tật xấu, bị chấm
 dứt.

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
 Gesamtausgabe. Erste Abteilung. Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
 Nguyên văn là tiếng Hy Lạp cổ
 In bằng tiếng Nga lần đầu*

PHỤ LỤC

[GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI SINH CỦA PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN BÁC-MEN, 1820, 5 THÁNG CHẠP, TRÍCH LỤC BẢN GHI GIẤY HỘ TỊCH Ở BÁC-MEN]

Số 659. Phri-drích Ăng-ghen sinh ngày 28 tháng Mười một
 1820

Năm một nghìn tám trăm hai mươi, ngày năm tháng Chạp,
 lúc ba giờ rưỡi chiều, trước mặt tôi, *Pê-tơ Vi-khen-hau-den*, người
 được ủy quyền của công xã Bác-men, xuất hiện ông thương nhân
Phri-drích Ăng-ghen cư trú ở Bru-sơ Rốt, đệ đơn xin chứng nhận
 rằng vào hôm thứ ba, ngày hai mươi tám tháng Mười một, lúc
 chín giờ tối, vợ ông là Ê-li-da-bét Phran-txi-xca Ma-vri-ki-a,
 nguyên họ *Van Ha-rơ*, đã sinh hạ cậu con trai mà ông đặt tên là
Phri-drích.

Nhân chứng khi lập biên bản này là: ông *Pê-tơ Gốt-phrít Smít-xơ*, hai mươi sáu tuổi, thư ký, cư trú ở Hê-mác-cơ, và ông *I-ô-han I-a-cốp Hen-me-xơ*, ba mươi hai tuổi, thư ký, cư trú ở Véc-tơ Rốt.

Sau khi đọc đã ký:

Phri-drích Ăng-ghen, I. Smít-xơ, I.Hen-me-xơ
 Người được ủy quyền *Vi-khen-hau-den*

*Công bố lần đầu bằng tiếng Nga trong
 C.Mác và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, xuất bản
 lần thứ nhất, t.II, 1929 và bằng tiếng của
 nguyên bản trong Marx-Engels Gesamtausgabe.
 Erste Abteilung. Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
 Nguyên văn là tiếng Đức*

**[GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ VIỆC ĐẶT TÊN THÁNH
CHO PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN
TRÍCH LỤC SỔ ĐĂNG KÝ LỄ ĐẶT TÊN THÁNH CỦA GIÁO KHU
CẢI CÁCH PHÁI PHÚC ÂM Ở EN-BƠ-PHEN-ĐƠ]**

Năm 1821, tháng Giêng. Đã đặt tên thánh ngày 18. Hạ Bác-men, số 24 – Phri-đrích [sinh] ngày 28 tháng Mười một, lúc 9 giờ tối, con trai hợp pháp của ông thương gia Phri-đrích Ăng-ghen và bà Ê-li-da-bét *Ma-vri-ki-a Phran-txi-xca*, nguyên họ là *Van Ha-rơ*.

Nhân chứng trong buổi lễ đặt tên thánh là ông *Ca-xpác Ăng-ghen* bố và bà *Phran-txi-xca Cri-xti-na Van Ha-rơ*, nguyên họ là *Xnét-la-gơ*.

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd,
2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN BỐ
GỬI Ê-LI-DA-BÉT ĂNG-GHEN
Ở HAM-MƠ^{1*}**

Bác-men, 27 tháng Tám 1835

Tối thứ năm

Ê-li-da thân yêu!

Người ta vừa mang đến cho anh bức thư em viết hôm qua, qua đó anh thấy rằng sức khỏe của đứa con hiền lành của chúng ta vẫn như trước và xem ra thậm chí tốt lên đôi chút. Chúng ta sẽ không tự lừa dối về điều này. Nếu không ta có cảm thấy rằng bản tính lại vượt trội, sức lực của con đang tăng lên, thì vẫn rất khó nghĩ về việc bình phục. Bệnh tật quả thật sẽ mang tính chất mạn tính hơn chừng nào tiếp theo không xảy ra một sự đột biến mới. Con trai hiền hậu của chúng ta đang nằm trong tay Chúa. Điều tốt cho con và cho chúng ta là chúng ta có thể trao con cho cha ở trên trời một cách bình thản như thế.

Hôm chủ nhật ngày 23 anh đã chuyển ra bưu điện bức thư gửi em. Em đã nhận được bức thư ấy chưa? Về bức thư đó em đừng nói gì cả. Ngày hôm qua anh lại muốn viết thư cho em, nhưng lại có chuyện trục trặc. Ở nhà chúng ta, ơn trời, mọi chuyện đều tốt đẹp: tất cả các con đều mạnh khỏe. Với Ê-min

^{1*} Ở mặt sau thư đề: Gửi bà Ê-li-da Ăng-ghen. Gửi ông hiệu trưởng Van Ha-rơ ở Ham-mơ. Phran-cô

anh có những khó khăn thông thường, cậu bé này khá hiếu động, lúc nào cũng chỉ thích ra đường, và tối nay lại thấy mách về tội nhảy qua cửa sổ ra ngoài. Ru-dôn-phơ là cậu bé đáng yêu và kháu, lúc ăn trưa con ngồi bên cạnh anh, con rất hiền lành. Hét-vi-ga thông minh hơn cả hai đứa, nó lại rất khỏe mạnh và đang đan bít tất cho anh – anh giao cho con làm việc đó để sử dụng cho hết thời gian. Héc-man khá ngoan, buổi tối con là người duy nhất tiếp chuyện với anh bên bàn và tính chuyện trong tuần này nó nhất định được xếp thứ nhất như thường lệ. Ê-li-da bé bỏng còn nhanh nhẹn hơn trước, biểu diễn những trò ảo thuật, rất yêu bố, nói tóm lại, Ê-li-da là con mèo con rất đáng yêu.

Phri-đrich tuần trước mang về những điểm số xoàng lảm. Nhìn bề ngoài, như em biết, con đã trở nên lễ phép hơn, nhưng mặc dù trước đây bị kỷ luật nghiêm khắc, nhưng hình như con không muốn học cách phục tùng tuyệt đối, thậm chí vì sợ sự trừng phạt. Thí dụ, thật buồn cho anh, hôm nay anh lại thấy trên bàn học của con một quyển sách xấu mợm ở thư viện, tiểu thuyết kiếm hiệp về hiện thực cuộc sống ở thế kỷ thứ mười ba. Đáng kinh ngạc hơn khi con mình để những quyển sách tương tự như thế trong tủ đàn ông vô tư. Xin Chúa phù hộ cho linh hồn của nó, anh lúc nào cũng lo sợ về cậu bé nói chung tuyệt vời ấy.

Hôm qua anh nhận được qua Phri-đrich bức thư của tiến sĩ Han-tso-kê đề ngày 22 tháng Tám mà cậu ta cẩn thận chuyển cho Mác-đa mợm đến mức mãi lúc tám giờ tối thư mới đến tay anh. Có lẽ thư đã ở chỗ cậu ta hôm chủ nhật. Tiến sĩ Han-tso-kê nói người ta đề nghị ông ấy nhận vào trường nội trú hai người, nhưng ông ấy sẽ từ chối đề nghị đó, nếu chúng ta thích để Phri-đrich ở lại chỗ ông ta cả sau mùa thu; hơn nữa, Phri-đrich cần có sự chăm nom như trước, thêm vào đó đường sá quá xa xôi có thể ảnh hưởng nhiều đến việc học tập của

con v.v.. Anh đã trả lời ngay ông ấy là anh rất cảm ơn ông ấy vì mặc dù có những lời đề nghị tuyệt vời, thế mà ông ấy vẫn ưu tiên cho anh lựa chọn, rằng anh xin ông ấy tiếp tục giữ Phri-đrich ở chỗ ông và rằng ông ấy sẽ làm ơn cho anh nhiều nếu cho biết về các điều kiện của mình trong trường hợp này. Bản thân ông ta nói ám chỉ rằng chúng ta có thể thỏa thuận về điều kiện. Tất nhiên em sẽ đồng ý với anh rằng như thế là tốt nhất. Về tiền nong thì vì lợi ích của con mà chúng ta sẽ không đếm xỉa đến, còn Phri-đrich là thằng bé độc đáo và năng động đến nỗi cuộc sống biệt lập ắt phải dẫn con đến tính tự lập nào đó, là tốt hơn cả đối với con. Một lần nữa, xin Chúa lòng thành phù hộ cậu bé để linh hồn cậu bé không chết. Bây giờ thì trong con đang phát triển sự lơ đãng và thiếu tính cách đáng lo, mặc dù những phẩm chất khác của con làm anh vui mừng.

Đấy là những điều anh muốn nói về các con đang ở đây. Anh vui mừng nghe em nói là ở An-na và Ma-ri-a mọi chuyện đều tốt. Khi chúng nó đến có nên để Lút-vích^{1*} dẫn chúng đến hay không?

Với trạng thái như hiện nay của người cha tốt bụng của chúng ta, tất nhiên anh nghĩ rằng em và mẹ yêu dấu muốn ở lại đấy mấy ngày nữa. Được thôi, em cứ làm thế, vì Chúa. Trước đây anh định ghé đến chỗ em hôm chủ nhật ngày 30, nhưng bây giờ anh sẽ đợi những tin tức mới mẻ. Tất cả ở đây mọi chuyện đều bình thường, về mặt này em có thể yên tâm. Ca-xpác^{2*} cùng với I-u-li-út^{3*} đã đi Phran-phước và có người sẽ đợi họ vào thứ ba.

1* – Lút-vích Van Ha-rơ

2* – Ca-xpác Ăng-ghen

3* – I-u-li-út Ăng-ghen

Những điều sai bảo của em về áo quần và vải sẽ được thực hiện đúng từng li từng tí, cả như anh, anh sẽ không nghĩ đến điều ấy. Anh sẽ mang theo rượi nho.

Em hãy chuyển lời chào chân thành của anh đến mẹ thân yêu, cũng như đến bố trong khoảnh khắc tươi tỉnh nào đó, thay mặt anh, cũng như thay mặt nhà Gri-xhai-mơ. Mong Chúa sẽ bên cạnh cả nhà trong những ngày nặng nề này.

Phri-đrich của em

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**GIẤY CHỨNG NHẬN TỐT NGHIỆP²⁹⁵
CẤP CHO HỌC SINH LỚP TRÊN
PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN (SỐ 713)**

sinh ngày 28 tháng Mười một 1820 ở Hạ Bác-men, bày tôi trung thành thuộc giáo phái Phúc âm; từ mùa thu (20 tháng Mười) 1834 là học sinh trường trung học En-bơ-phen-đơ, còn từ mùa thu (17 tháng Mười) 1836 là học sinh lớp trên của trường trung học này: trong thời gian học lớp trên đã có *thái độ rất tốt*, cụ thể là đã làm cho các thầy giáo chú ý vì đức tính khiêm tốn, thật thà và chân thành, và với năng lực tốt, đã bộc lộ *nguyện vọng* đáng khen *muốn vươn tới* có được học vấn khoa học càng rộng càng tốt, vì vậy cũng đã bộc lộ những *thành tích đáng mừng* được nhận xét chính xác hơn trong việc đối chiếu sau đây về các môn học.

I. NGÔN NGỮ

1. *Tiếng la-tinh*. Học sinh này hiểu dễ dàng các tác phẩm của những tác giả đã học, tác giả văn xuôi, cũng như nhà thơ, đặc biệt là Li-vi và Xi-xê-rông, Viéc-gi-lơ và Hô-ra-xơ, dễ dàng hiểu mối liên hệ của cái toàn thể, hiểu rõ mạch tư tưởng và dịch thành thạo từ tiếng la-tinh ra tiếng mẹ đẻ. Học sinh này nắm ngữ pháp hoàn toàn không phải ở mức độ có thể nắm được, thành thủ, tuy trong các bài văn viết có bộc lộ thành tích, nhưng những thành tích ấy không mỹ mãn, xét từ góc độ kiến thức ngữ pháp và lối hành văn.

2. *Tiếng Hy Lạp*. Học sinh này nắm được những kiến thức đầy đủ về hình thái học và cú pháp, đặc biệt là đã học được

cách dịch tốt tác phẩm của những tác giả văn xuôi Hy Lạp viết tương đối dễ, cũng như các tác phẩm của *Hô-me* và *O-ri-pít*, và đã hiểu được tốt và tái hiện tốt mạch ý ở một trong những bài đối thoại của *Pla-tông*.

3. *Tiếng Đức*. Các bài văn viết, đặc biệt là trong năm cuối cùng, chứng tỏ những thành tích đáng mừng về mặt phát triển chúng; những bài tập ấy chứa đựng những tư tưởng đúng đắn, độc lập, và trong đa số trường hợp chúng được trình bày theo một trình tự thích đáng; việc trình bày có tính chất vững vàng cần thiết và việc diễn đạt ý sát rõ rệt với cách trình bày đúng đắn. Ăng-ghen đã thể hiện mối quan tâm đáng khen đối với *lịch sử văn học dân tộc Đức* và đối với việc đọc các tác phẩm cổ điển Đức.

4. *Tiếng Pháp*. Học sinh này dịch tốt các tác phẩm cổ điển Pháp. Thông thạo ngữ pháp.

II. KHOA HỌC

1. *Tôn giáo*. Học sinh này biết rõ những học thuyết cơ bản của giáo hội Phúc âm, cũng như những điểm chủ yếu của lịch sử giáo hội Cơ Đốc giáo. Cũng thông thạo kiến thức kinh Tân ước (theo nguyên bản).

2. *Về lịch sử và địa lý*, học sinh này có những nhận thức đầy đủ, rõ ràng.

3. *Về toán học*, nói chung Ăng-ghen đã thu hoạch được những kiến thức tốt; nói chung học sinh này đã bộc lộ năng lực hiểu biết tốt và biết diễn đạt ý của mình một cách rõ ràng và rành mạch. Cũng phải nói như vậy cả.

4. Về nhận thức của học sinh này về *vật lý*.

5. *Kiến thức triết học cơ sở*. Ăng-ghen có hứng thú và tham gia thành công các buổi học về tâm lý học kinh nghiệm.

Người ký tên sau đây từ giữa người học sinh yêu mến đã đặc biệt gần gũi với mình nhờ các quan hệ gia đình và đã cố gắng để được nổi bật trong địa vị này nhờ ý thức tôn giáo, tấm lòng trong sáng, hạnh kiểm và những đặc tính có sức hấp dẫn khác, khi vào cuối năm học (ngày 15 tháng Chín năm nay) bước vào đời mà học sinh này đã phải lựa chọn là đi làm thay cho công việc học tập đã ấn định trước, với những lời chúc phúc tốt đẹp nhất. Mong Chúa ban phước lành và chỉ dẫn cho học sinh này!

En-bơ-phen-đơ, 25 tháng Chín 1837

Tiến sĩ **I.C.L. Han-tơ-kê**

*Công bố lần đầu trong cuốn sách: F.Engels.
"Schriften derüzeit". Berlin, 1920*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức*

**[CHỨNG CHỈ HẠNH KIỂM, CẤP CHO
PHRI-ĐRÍCH ĂNG-GHEN, TỰ NGUYỆN NHẬP NGŨ
THỜI HẠN PHỤC VỤ MỘT NĂM]**

CHỨNG CHỈ HẠNH KIỂM

Căn cứ vào chức trách nay xác nhận: người trình chứng chỉ này, lính tình nguyện nhập ngũ thời hạn phục vụ một năm, hạ sĩ quan pháo binh *Phri-đrích Ăng-ghen*, đại đội bộ binh số 12 thuộc lữ đoàn pháo binh cận vệ, quê quán Bác-men, quận En-bơ-phen-đơ, khu Đuyt-xen-đoóc-phơ, 21 tuổi 10 tháng, đã phục vụ *một* năm, trong thời gian phục vụ đã tỏ ra rất tốt cả về mặt tinh thần đạo đức, cũng như về mặt công vụ

Phôn Vê-đen,
đại úy, chỉ huy đại đội

Béc-lin, 8 tháng Mười 1842

*Công bố lần đầu trong Marx-Engels
Gesamtausgabe. Erste Abteilung, Bd. 2, 1930*

*In theo bản viết tay
Nguyên văn là tiếng Đức
In bằng tiếng Nga lần đầu*

**CHÚ THÍCH
CÁC BẢN CHỈ DẪN**

CHÚ THÍCH

1. Tác phẩm đầu tiên trong số các tác phẩm được công bố của Ăng-ghen – bài thơ "*Những người A-rập du mục*" – in trong tập này theo bản in trong tạp chí "Bremisches Conservationsblatt" (số 40, ra ngày 16 tháng Chín 1838), ban biên tập tạp chí này đã thay đổi khổ thơ cuối cùng. Bản gốc bài thơ được Ăng-ghen dẫn ra trong thư gửi anh em Gre-bơ ngày 17-18 tháng Chín 1838 (xem tập này, tr. –502-504).–11.
2. Bài thơ "*Gửi kẻ thù*" hình như được ban biên tập báo "Bremer Stadtbote" công bố để luận chiến với báo "Bremische Unterhaltungsblatt". Như thấy rõ qua bức thư của Ăng-ghen gửi em gái Ma-ri-a ngày 12 tháng Ba 1839 (xem tập này, tr. 502-504). Ăng-ghen có thái độ chế giễu đối với báo "Bremer Stadtbote". Dưới hình thức bông đùa, ông liệt kê công lao của báo này trong cuộc đấu tranh với kẻ thù. Song khi công bố những dòng thơ này, tờ báo đã coi là thật. Ăng-ghen đã nêu rõ thái độ của mình đối với cơ quan ngôn luận này trong bài thơ "Gửi người truyền tin thành thị" (xem tập này, tr. 15). Trong số 17 ra ngày 27 tháng Hai 1839, báo "Bremisches Unterhaltungsblatt" đăng lại bài thơ của Ăng-ghen "Gửi kẻ thù" với những lời bình luận mỉa mai đối với ban biên tập báo "Bremer Stadtbote". – 13.
3. Bài thơ "*Gửi người truyền tin thành thị*" cũng được dẫn ra trong thư của Ăng-ghen gửi Vin-hem Gre-bơ ngày 28-30 tháng Tư 1839 (xem tập này, tr. 576-579). Giữa bản công bố trên báo và bản dẫn ra trong thư có những khác biệt nhỏ về văn phong không ảnh hưởng đáng kể đến ý tứ của bản dịch. Xin xem thêm chú thích trước. – 15.
4. Tác phẩm chính luận đầu tiên của Ăng-ghen "*Những bức thư từ Vúp-po-tan*" (xem Toàn tập, t.1, 1995, tr. 619-649), – với tác phẩm đó Ăng-ghen bắt đầu hợp tác với tạp chí "Telegraph für Deutschland" vào tháng Ba 1839 – đã gây ra ở Bắc-men và En-bơ-phen-đơ một ấn tượng rất mạnh. Riêng chủ biên tờ báo bảo thủ "Elberfelder Zeitung" Mác-tin Run-ken đã công bố trên báo đó vào ngày 12 tháng Tư 1839 một

bài chứa đựng những lời công kích kịch liệt những bức thư từ Vúp-pơ-tan của Ăng-ghen vì nó vạch trần chủ nghĩa ngu dân và thói đạo đức giả của giai cấp tư sản và giới tăng lữ Đức. Thư ngỏ gửi tiến sĩ Run-ken là thư Ăng-ghen trả lời bài viết của ông ta.

Khi công bố thư trả lời Ăng-ghen, ban biên tập báo "Elberfelder Zeitung" đăng kèm thư ấy lời chú thích cuối trang sau đây. Hôm qua chúng tôi tìm thấy bài này trong gian phòng của chúng tôi mà không biết ai đã gửi tới. Chúng tôi cho đăng nguyên văn bài đó, vì chúng tôi vui lòng tuân thủ *sự vô tư*, nhưng về phía mình, chúng tôi xin nhận xét rằng chúng tôi sẽ bảo vệ các chi tiết của những điều khẳng định chung của chúng tôi chỉ trong trường hợp thông tin viên ở Vúp-pơ-tan *nêu tên* mình như chúng tôi đã làm". –16.

5. Ăng-ghen có ý nói nhóm "*Nước Đức trẻ*" – nhóm văn chương này ra đời vào những năm 30 của thế kỷ XIX ở Đức và chịu ảnh hưởng của Hai-nơ và Béc-nơ. Phản ánh tư tưởng đối lập của giai cấp tiểu tư sản trong các tác phẩm văn nghệ và chính luận của mình, các nhà văn trong nhóm "Nước Đức trẻ" (Gút-xcốp, Vin-bác-gơ, Mun-tơ v.v.) bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và tự do báo chí. Các quan điểm của nhóm "Nước Đức trẻ" có đặc điểm là chưa chín chắn về tư tưởng và mơ hồ về chính trị, chẳng bao lâu sau đa số người trong nhóm đó đã thoái hóa thành những phần tử tự do tư sản tầm thường. – 17, 31, 37, 50, 99, 358, 391, 528, 542, 575, 584, 601, 608.
6. Ăng-ghen nhận xét Mác-tin Run-ken với tư cách chủ bút báo "Elberfelder Zeitung" trong phần thứ hai "Những bức thư từ Vúp-pơ-tan" (xem Toàn tập, t.I, 1995, tr. 643-645). Về các dòng thơ của Run-ken thì Ăng-ghen có ý nói bài thơ "Góp vào chân dung của Gra-bê" công bố năm 1838 trên "Rheinisches Odeon". Fg. Düsseldorf ("Ô-đê-ôn vùng Ranh". Năm xuất bản thứ hai. Đuyt-xen-đoóc-phơ). – 16.
- 7 Xem Toàn tập, t.1, 1995, tr.635 và 639. – 17.
8. Quyển sách "Những bài ca của người bạn đã yên giấc nghìn thu" ("Lieder eines heimgegangenen Freundes") được xuất bản khuyết danh ở En-bơ-phen-đơ năm 1839. – 20.
9. *Phái kiến thành* – trào lưu thần bí trong giáo hội Lu-the ra đời ở Đức vào thế kỷ XVII; đặt tình cảm tôn giáo cao hơn các tín điều tôn giáo và đồng thời nhằm chống tư duy duy lý chủ nghĩa và triết học Khai sáng. Phái kiến thành thế kỷ XIX có tính chất thần bí cực đoan và giả dối. Bác bỏ các nghi lễ bên ngoài của nhà thờ, phái kiến thành đặc biệt coi trọng các xúc cảm và việc cầu nguyện, tuyên bố

mọi sự giải trí, cũng như việc đọc sách báo phi tôn giáo là tội lỗi. -20, 24, 47, 103, 127, 153, 216, 545, 580, 596, 609.

10. Xem Toàn tập, t.1, 1995, tr. 644-649. – 20.
11. *Giáo lý Can-vanh* – học thuyết tín ngưỡng Tin lành, người sáng lập nó vào thế kỷ XVI là Gi. Can-vanh. Cơ sở của giáo lý ấy là học thuyết về "sự tiền định tuyệt đối" và tính chất được chọn lọc của con người. Theo học thuyết này, một loại người hình như được thượng đế định trước cho được cứu vớt (giới thượng lưu), những người khác bị thượng đế định trước làm người bị kết án. – 21, 159.
12. J.Görres. Die teutschen Volksbücher. Heideberg, 1807. (I. Guê-re-xơ. "Sách nhân dân Đức". Hai-den-béc, 1808). – 24.
13. Ăng-ghen có ý nói những ấn phẩm sau đây: "Volksbücher", hrsg. v. G.O.Marbach. Leipzig, 1838-1839. ("Sách nhân dân". do G.O.Mác-bắc xuất bản. Lai-pxích, 1838-1839): "Deutsche Volkobücher" nach den ächtesten Ausgaben hergestellt v. Dr. Karl Simrock. Berlin, 1839 ("Sách nhân dân Đức" do tiến sĩ Các Dim-rốc biên soạn trên cơ sở những ấn phẩm xác thực. Béc-lin, 1839). Những ấn phẩm này của Mác-bắc và Dim-rốc đã được xuất bản thành những tập lẻ: "Deutsche Volksbücher", neu gereimt v.K. Simrock, Berlin, 1839 ("Sách nhân dân Đức", được C. Dim-rốc cải biên thành thơ, Béc-lin. 1839).

Lúc Ăng-ghen viết bài "Sách nhân dân Đức" thì Mác-bắc đã xuất bản những tập sách dân gian sau đây. Năm 1838: 1. "Geschichte von Griseldis und dem Markgrafen Walther" ("Chuyện về Gri-den-đơ và bá tước trưởng địa hạt Van-tơ"). 2. "Alte und neue Lieder in Leid und Lust" ("Những bài ca đau khổ và vui tươi cũ và mới"). 3. "Geschichte von der edlen und schönen Melusina" ("Chuyện về Mê-lu-di-a cao thượng và xinh đẹp") 4. "Der Schildbürger wunderseltene, abenteuerliche, unerhörte und bisher unbeschriebene Geschichten und Thaten" ("Những chuyện và việc làm kỳ lạ, hoang đường, chưa từng nghe thấy và từ trước đến nay chưa được mô tả của thị dân Sin-đơ"). 5. "Geschichte von der schönen Magelone und dem Ritter Peter mit den silbernen Schlüsseln" ("Chuyện về Ma-ghê-lo-na xinh đẹp và về hiệp sĩ Pê-tơ với những chìa khóa bạc"). 6. Geschichte vom Kaiser Octavianus" "Chuyện về hoàng đế Ốc-ta-vi-an"). 7. "Geschichte von den sieben Schwaben" ("Chuyện về bảy người Sva-bơ"). 8. "Geschichte von der heiligen Pfalzgräfin Genoveva" ("Chuyện về nữ bá tước thần thánh Ghê-nô-vê-pha xứ Pphan-xơ"). 9 và 10. "Geschichte von den vier Heymonskindern" ("Chuyện về bốn người con của Hai-môn"); "Geschichte von dem gehömten Siegfried" ("Chuyện về Dích-phrít không chê vào đâu được"). 11. "Geschichte von den drei Schwestern" ("Chuyện về ba chị

- em"); Geschichte von den drei Rolandsknappen" (Chuyện về ba hiệp sĩ xứ Rô-lan). Năm 1839. 12. "Eulenspiegel" ("U-len-spi-ghen"). 13 và 14. "Tristan und Isalde" ("Tơ-ri-xtan và I-don-da").
- Năm 1839 cũng vào lúc ấy xuất hiện những tập ấn phẩm văn xuôi sau đây của Dim-rốc: 1. "Salomon und Morolf" ("Xa-lô-mông và Mô-rôn-phơ"). 2. "Eine schöne merkwürdige Historie des heiligen Bischofs Gregorius auf dem Stein genannt" ("Chuyện tuyệt vời và kỳ lạ về giáo chủ thần thánh có tên lóng là Gri-gô-ri-út trên đá"). – 25.
- 14 "Der hömere Sigefried. Eine wunderschöne Historie von dem gehörnten Siegfried. Was wunderliche Ebentheuer dieser theure Ritter ausgestanden, sehr denkwürdig und mit Lust zu lesen". Gedruckt in diesem Jahre. Cöln ("Dích-phrít không chề vào đầu được. Chuyện kỳ lạ về Dích-phrít không chề vào đầu được. Về việc hiệp sĩ trung thành ấy đã trải qua cuộc phiêu lưu lạ lùng như thế nào; rất đáng chú ý và đọc rất thích". In trong năm nay. Khuên). Sách không đề năm xuất bản, – 26.
- 15 "Buch der schönsten Geschichten und Sagen für Alt und Jung wieder erzählt von Gustav Schwab". 2 Theile. Stuttgart, 1836-1837 ("Quyển sách những câu chuyện và truyền thuyết hay dành cho người già và người trẻ, do Gu-xtáp Sva-bơ kể lại". 2 phần. Stút-gát, 1836-1837). Sva-bơ đưa vào ấn phẩm của mình những quyển sách nhân dân được Ăng-ghen nhắc tới sau đây: "Dích-phrít không chề vào đầu được". "Ma-ghê-lô-na xinh đẹp". "Hiéc-lan-đa", "Ghê-nô-ve-pha". "Gri-den-da". "Thị dân Sin-đơ", "Hoàng đế Ốc-ta-vi-an", "Bốn người con của Hai-môn", "Mê-lu-di-na xinh đẹp", "Công tước Ốc-tơ-xtơ", "Phoóc-tu-nát và những người con của ông". – 27.
- 16 "Leben und Thaten des großen Helden Heinrich des Löwen. Herzog zu Braunschweig". Einbech ("Thân thế và sự nghiệp của đại anh hùng Hen-rích Lép, công tước xứ Brao-nơ-svai-gơ". Ai-nơ-béch). Sách không đề năm xuất bản. – 27.
- 17 Đây là nói quyết định của Quốc hội hiệp bang Đức ngày 10 tháng Chạp 1835 về việc cấm lưu hành ở Đức các tác phẩm của những nhà văn thuộc nhóm "Nước Đức trẻ" – Hai-nơ, Gút-xcốp, Lau-bê, Vin-bác-gơ và Mun-tơ mà trong một số tác phẩm của họ, như trong tiểu thuyết "Va-li-a" của Gút-xcốp chẳng hạn, đã đặt vấn đề quyền bình đẳng của phụ nữ.
- Quốc hội hiệp bang* – cơ quan trung ương của Hiệp bang Đức thành lập năm 1815 gồm đại biểu của các quốc gia Đức, tồn tại đến năm 1866. – 31, 102, 371, 640.
- 18 Ám chỉ hài kịch của Lút-vích Ti-cơ "Hoàng đế Ốc-ta-vi-an" ("Kaiser Octavianus"

- viết theo mô-típ quyển sách nhân dân cùng tên. Trong sách Ludwig Tieck's Schriften. Bd. I. Berlin, 1828 (Toàn tập của Lút-vích Ti-cơ. T.I. Béc-lin, 1828). – 31.
- 19 Đây có ý nói trường ca "Tơ-ri-xtan và I-dôn-đa" của Gốt-phrít ở Xơ-ra-xbua, xuất hiện đầu thế kỷ XIII. – 32.
- 20 L.Börne. "Briefe aus Paris". In: Gesammelte Schriften. Theile 9-10. Hamburg, 1832; Theile 11-14. Paris, 1833-1834 (L.Bốc-nơ, "Những bức thư từ Pa-ri". Trong bộ sách: Toàn tập. Phần 9-10. Hăm-buốc, 1832; phần 11-14, Pa-ri, 1833-1834). – 33, 95, 185, 638.
- 21 Đây có ý nói đến tiểu thuyết của C. Gút-xcốp "*Va-li-a, người đàn bà ngờ vực*" ("Wally, die Zweiflerin") xuất bản ở Man-hem năm 1835. Tiểu thuyết này bị giới giáo quyền phản động công kích. Riêng số 93 và 94 của tạp chí "Literatur-Blatt" ra ngày 11 và 14 tháng Chín 1835 đã đăng bài bình luận của Men-xen, trong đó ông này buộc tội Gút-xcốp là vô đạo đức và báng bổ thần thánh. Những hoạt động của thế lực phản động chống Gút-xcốp là cái cớ để ngày 14 tháng Mười một Chính phủ Phổ, còn ngày 10 tháng Chạp 1835 Quốc hội hiệp bang cấm các tác phẩm của những nhà văn thuộc nhóm "Nước Đức trẻ" và truy tố Gút-xcốp. – 33, 542.
- 22 "*Kinh thánh mới*" và "*Pa-le-xi-na trẻ tuổi*" là hai phần trong tập thơ của Béch "Đêm. Những bài ca sắt thép" (Nächte. Gepanzerte Lieder) xuất bản ở Lai-pxích năm 1838. Tập thơ này chia thành bốn chuyện cổ tích: "Chuyện cổ tích thứ nhất – Những cuộc phiêu lưu của một sinh viên Lai-pxích"; "Chuyện cổ tích thứ hai – Kinh thánh mới"; "Chuyện cổ tích thứ ba – Phần thứ hai của Kinh thánh mới"; "Chuyện cổ tích thứ tư – Pa-le-xi-na trẻ tuổi". Trước các "Chuyện cổ tích" có bài thơ "Quốc vương Hồi giáo" coi như phần nhập đề. Xin xem thêm sự đánh giá của Ăng-ghen đối với tập thơ này ở tập này, tr. 582-586. – 36, 91, 582.
- 23 Đây có ý nói đến bài viết của H.Hai-nơ "Chiếc gương Sva-bơ" ("Der Schwabenspiegel") nhằm chống "trường phái thi sĩ Sva-bơ" lãng mạn bảo thủ (U-lan-đơ, Kéc-nơ, Pphít-xơ, Sva-bơ v.v.). Bài viết được in trong "Jahrbuch der Literatur" I.Jg. Hamburg, 1839 ("Niên giám văn học". Năm xuất bản thứ nhất, Hăm-buốc, 1839). – 37.
- 24 "*Bài ca về Lu-i*" – bài thơ của tác giả vô danh thời trung cổ viết vào cuối thế kỷ IX bằng thổ ngữ Phran-cô. Bài thơ ca ngợi thắng lợi của vua Lu-i III của Tây Phran-cô đối với người Noóc-măng vào năm 881. – 37.
25. F.Freiligrath. Gedichte. Stuttgart und Tübingen, 1838 (Ph.Phrai-li-grát. Thơ. Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1838). – 37.

- 26 Đây có ý nói quyển sách của H.Quy-nơ "Weibliche und mōnnliche Charaktere" 2. Theile. Leipzig. 1838 ("Tính cách nữ giới và nam giới". Hai phần. Lai-pxích, 1838) và bài không ký tên của ông "Deutsche Lyrik. Kari Beck. Ferdinand Freiligrath", công bố trong số 223 và số 224 báo "Zeitung für die elegante Welt" ra ngày 13 và 15 tháng Mười một 1838, – 37, 50, 95.
- 27 Ăng-ghen có ý nói đến bài viết của L.Vin-bác-gơ "Lút-vích U-lan-đơ, nhà soạn kịch" (Ludwig Uhland, als Dramatiker") in trong cuốn sách "Die Dramatiker der Jetztzeit". 1. Heft. Altona, 1839 ("Các nhà soạn kịch hiện đại". Quyển I.An-tơ-na, 1839). – 37, 82, 95, 616.
- 28 Đây có ý nói tiểu phẩm của L.Bốc-nơ "Men-xen, kẻ ăn thịt người Pháp" ("Menzel, der Franzosenfresser") xuất bản ở Pa-ri năm 1837. – 39, 176, 620, 634, 639.
- 29 Đây muốn nói tập thơ của Béch "Thi sĩ lãng du" ("Der fahrende Poet") công bố năm 1838 ở Lai-pxích. Lời Ăng-ghen nhận xét tập thơ này xin xem thêm ở tập này, tr. 584-585. – 40. 78, 584-611.
- 30 K.Beck. "Novellistische Skizzen". Đăng trên "Zeitung für die elegante Welt" các số 171-175, ra ngày 2, 3, 5-7 tháng Chín 1839. – 40.
- 31 K.Beck, "Stille Lieder". Erstes Bändchen. Leipzig, 1840. (C.Béch. "Những bài ca êm đềm". Tập thứ nhất. Lai-pxích, 1840). Sách gồm những phần sau đây: "Tình ca (Nhật ký của nàng)"; "Tình ca (Nhật ký của chàng)"; "Chiêm bao"; "Vua Di-gan"; "Phiên gác Hung-ga-ri". – 40, 106.
- 32 Bài thơ của C.Béch "Chúc ngủ ngon!" (Schlaf wohl!) lúc đầu được công bố trong số 126 báo "Zeitung für die elegante Welt" ngày 30 tháng Sáu 1838. – 42.
- 33 Mản thứ nhất vở kịch của Béch "Xau-lơ" được đăng trong các số 216-219 báo "Zeitung für die elegante Welt" ngày 4-8 tháng Mười một 1839.
- Trong số 143 báo "Allgemeine Theater – Chronik" ngày 25 tháng Mười một 1839 có đăng bài "Episoden. Carl Beck als Dramatiker" ("Các tình tiết. Các-lơ Béch nhà viết kịch").
- Tạp chí "Telegraph für Deutschlan" số 190 tháng Mười một 1839 đã đăng ở mục "Tin vật" bài bình luận không ký tên bình luận màn thứ nhất vở kịch của Các-lơ Béch "Xau-lơ", trong đó Gút-xcốp đã viết chú thích cuối trang. – 43.
- 34 Viên chỉ huy quân đội của vua Xau-lơ và A-vê-ai-ơ, nhân vật được miêu tả trong vở bi kịch của Béch, cũng có mặt cả trong vở bi kịch xuất hiện sớm hơn của Gút-xcốp "Vua Xau-lơ". – 43.
- 35 Tiếp theo bài viết của Ăng-ghen về Béch, số 203 của Tạp chí "Telegraph für

- Deutschland" (tháng Chạp 1839) đã đăng bài viết của chủ bút tạp chí là Các Gút-xcốp dưới nhan đề "Bổ sung", phần cuối đăng trong số 204 (lấy nhan đề "Các-lơ Béch"), trong đó Gút-xcốp kịch liệt phê phán văn tập "Những bài ca êm đềm" của Béch, đặc biệt nhấn mạnh "tính chất ấu trĩ" của thơ ông. – 44.
- 36 Ăng-ghen trích dẫn quyển sách của C.Gút-xcốp "Zur Philosophie der Geschichte". Hamburg, 1836, S.53 ("Bàn về triết học lịch sử". Hăm-buốc, 1836, tr. 53). – 46.
- 37 *Tuần lễ vĩ đại* được hiểu ngầm là cuộc cách mạng tư sản tháng Bảy 1830 ở Pháp mà các sự kiện chủ yếu xảy ra vào ngày 27 tháng Bảy – 2 tháng Tám. – 49, 183.
- 38 Đây có ý nói về truyện ngắn của Ph. G.Quy-nơ "Eine Quarantäne im Irrenhause" Leipzig, 1835 ("Cách ly trong nhà thương điên". Lai-pxích, 1835). – 50, 106.
- 39 *Trường phái Xi-lê-di thứ hai* – một trường phái trong văn học Đức nửa cuối thế kỷ XVII, bảo vệ lợi ích của giới quý tộc phong kiến. Những đại biểu chủ yếu của trường phái này là Hốp-man-xvan-đâu và Lô-en-stai-nơ. – 51.
- 40 E. Duller. "Kronen und Ketter". Ein historischer Roman. Bd. 1-3. Frankfurt am Main, 1835; "Der Antichrist". Bd. 1-2. Leipzig, 1833; "Loyola". Bd. 1-3. Frankfurt a.M., 1836; "Kaiser und Papst". Roman. In vier Theilen. Leipzig, 1838. H.A. Ziegler und Kliphausen. "Asiatische Banise...". Leipzig, 1688. D.C. von Lohenstein. "Großmüthiger Feldherr Arminius oder Herrmann. Nebst seiner Durchlauchtigen Thußnelda...". Leipzig, 1689-1690. – 51, 530.
- 41 *Phục tích* – thời kỳ sau khi các cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông kết thúc và sau khi khôi phục sự trị vì của vương triều Bốc-bông ở Pháp (1814, 1815-1830). – 53, 174, 261.
- 42 A.von Platen. Gesammelte Werke. In Einem Band. Stuttgart und Tübingen, 1839 (A. Phôn Pla-ten. Tuyển tập gồm một tập. Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1839). – 54.
- 43 "Gedichte aus dem ungedruckten Nachlasse des Grafen August von Platen - Hallermünde". Als Anhang zu den bei Cotta erschienenen Gedichten Platens. Straßburg, 1839 ("Những bài thơ trong di cảo chưa công bố của bá tước Au-gu-xơ Phôn Pla-ten – Ha-léc-muyn-đê". Phụ lục của tập thơ của Pla-ten xuất bản ở nhà xuất bản Cốt-ta. Xơ-ra-xbua, 1839). – 55.
- 44 *Năm trụ cột* – hệ thống chính trị châu Âu thời đại Phục tích (xem chú thích 41) dựa trên bá quyền của năm đại cường quốc – Anh, Pháp, Nga, Áo và Phổ. – 55, 196.
- 45 Âm chỉ Các Ê-đu-ác Hôn-đơ-man, tác giả quyển sách không ký tên "Ngũ trụ chế châu Âu ("Die europäische Pentarchie") xuất bản ở Lai-pxích năm 1839. – 55.

- 46 Tác phẩm này là bản dịch ra tiếng Đức bài thơ "A la invención de la imprenta" ("Về việc phát minh thuật in sách") của nhà thơ và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, môn đồ của các nhà khai sáng Pháp Ma-nu-en Hô-xê Kin-tan, bài thơ này lần đầu tiên được đăng trong cuốn "Poesias" ("Thơ") ở Ma-đrít năm 1803. Trong "Gutenbergs – Album", bản dịch của Ăng-ghen được in song song với nguyên bản tiếng Tây Ban Nha ở các tr. 208-225. – 56.
- 47 J.Jacoby. "Kamptf und Sieg". Regensburg, 1840, S.57. – 64.
- 48 Thuật ngữ "*Phái Hê-ghê-linh*" bắt đầu được dùng sau khi ra mắt quyển sách của nhà sử học và nhà chính luận phản động H. Lê-ô "Die Hegelingen. Actestücke und Belege zu der s.g. Denunciation der ewigen Wahrheit". Halle, 1838 ("*Phái Hê-ghê-linh*. Văn bản và chứng cứ cho cái gọi là tuyên bố chân lý vĩnh cửu". Ha-lơ, 1838). Quyển sách nhằm chống Stơ-rau-xơ, Ru-gơ, Mi-sơ-lê và những người khác thuộc phái Hê-ghen trẻ mà Lê-ô đã gọi một cách khinh bỉ là những người theo "*Phái Hê-ghê-linh*". – 66, 262, 392, 450, 587, 647, 705.
- 49 Trong cuốn sách của mình "Đấu tranh và thắng lợi", I. I-a-cô-bi khuyến khích những người Ba-xơ tham gia cuộc nội chiến 1833-1840 ở Tây Ban Nha đứng về phía Các-lốt, cũng như ca ngợi giới tu hành Môn-ta-na cực đoan và đặc biệt là giáo phái dòng Tền ở Bỉ, gọi họ là *chim họa mi Bỉ*.
- Phái Các-lốt* – một phe nhóm phản động ủng hộ chế độ quân chủ chuyên chế giáo quyền ở Tây ban Nha, nhóm này từng ủng hộ thái tử rắp ranh lên ngôi vua Tây Ban Nha Đôn Các-lốt, người anh em của Phéc-đi-năng VII. Dựa vào giới quân phiệt và giới tu hành Thiên chúa giáo, cũng như sử dụng sự ủng hộ của nông dân lạc hậu của một số vùng ở Tây Ban Nha, trong đó có những người Ba-xơ, phái Các-lốt đã phát động vào những năm 1833-1840 một cuộc nội chiến (cái gọi là cuộc nội chiến Các-lốt thứ nhất), cuộc nội chiến này thực tế đã trở thành cuộc đấu tranh giữa các phần tử phong kiến Thiên chúa giáo và các phần tử tư sản tự do và đã kết thúc bằng thất bại của phái Các-lốt. – 67.
- 50 Đây muốn nói thời kỳ *chuyên chính Gia-cô-banh* mang tính chất dân chủ cách mạng (ngày 2 tháng Sáu 1793 – 27 tháng Bảy 1794 ở Pháp, khi mà để chống lại sự khủng bố phản cách mạng của phái Gi-rông-đanh (đảng của giai cấp đại tư sản) và phái bảo hoàng (phái gắn bó với quyền lực nhà vua), phái Gia-cô-banh đã tiến hành sự khủng bố có tính chất cách mạng. – 67.
- 51 Bài "Lời cầu hôn báo Đức "Adelszeitung"" rõ ràng là được viết nhân có tin đồn về việc đình bản báo "Zeitung für den Deutchen Adel" xuất bản từ tháng Giêng 1840. Song báo này tồn tại đến năm 1844. – 69.

- 52 "Ankündigung und Einladung zur Subscription auf die mit dem 1. Januar 1840 erscheinende "Zeitung für den Deutschen Adel"" ("Thông báo và mời đặt mua "Báo dành cho giới quý tộc Đức" bắt đầu xuất bản từ ngày 1 tháng Giêng 1840"). Đặc biệt nó được đăng trong số 69 tờ "Sprecher oder Rheinsch – Westphälischer. Anzeiger" ("Nhà hùng biện, hoặc người truyền tin tỉnh Ranh – Ve-xơ-pha-li") ngày 28 tháng Tám 1839. – 69.
- 53 Ăng-ghen có ý nói đến quyển sách: K.Schubarth. "Ueber die Unvereinbarkeit der Hegel'schen Staatslehre mit dem obersten Lebens-und Entwicklungsprinzip des Preußischen Staats". Breslau, 1839 (C. Su-bác-tơ. "Về sự không tương dung của học thuyết Hê-ghen về nhà nước với nguyên tắc tối cao của đời sống và sự phát triển của nhà nước Phổ). Brê-xlau, 1839). – 70, 588.
- 54 Ăng-ghen có ý nói đến bài xã luận của Phu-kê, chủ bút báo "Zeitung für den Deutschen Adel" đăng trong số thứ nhất báo này (ngày 1 tháng Giêng 1840) với nhan đề "Vorwort an unsere Leser" ("Lời mở đầu gửi bạn đọc của chúng tôi"). – 73.
- 55 Đây có ý ám chỉ quyển sách của I.Can-tơ "Zum ewigen Frieden". Ein philosophischer Entwurf. Königsberg, 1795 ("Tiến tới một nền hòa bình vĩnh viễn". Phác thảo triết học. Khuê-ních-béc, 1795). – 74.
- 56 Tác phẩm của Ph. Ăng-ghen "*Đời sống văn học hiện đại*" gồm hai bài có chung một đề. Nó được tác giả in với bút danh thời trẻ "Phri-đrich Ô-xvan-đơ" trên tờ báo "Mitternachtzeitung für gebildete leser" ("Báo nửa đêm dành cho bạn đọc có học thức") xuất bản ở Brao-no-svai-gơ mà chủ bút thời ấy là nhà văn tự do Brin-cơ-mai-ơ. Bài thứ nhất- "Gút-xcốp, nhà viết kịch" – đăng trong bốn số của tờ báo nói trên trong tháng Ba 1840, bài thứ hai – "Cuộc luận chiến hiện đại" – đăng trong năm số vào tháng Năm năm ấy. Có lẽ Ăng-ghen định tiếp tục loạt bài đã bắt đầu, hướng vào những vấn đề khác của phong trào văn học Đức cuối những năm 30 và đầu những năm 40 thế kỷ XIX, nhưng đã buộc phải từ bỏ không tiếp tục hợp tác với báo này được vì va chạm với người xuất bản. Khi cho đăng các bài báo "Mitternachtzeitung", Ăng-ghen định theo đuổi mục đích tự do trình bày ý kiến của mình về Gút-xcốp và về nhóm "Nước Đức trẻ" nói chung – điều này ông không làm được trên tạp chí "Telegraph für Deutschland" lúc Gút-xcốp còn đang phụ trách biên tập (xem chú thích 5). – 77.
- 57 Ăng-ghen có ý nói bài viết của Gút-xcốp "Vergangenheit und Gegenwart. 1830-1838" ("Quá khứ và hiện tại. 1830-1838"), trong đó Gút-xcốp phân tích phê phán văn học Đức những năm 1830-1838. Bài được công bố trong số thứ nhất và là số duy nhất

- của tờ "Jahrbuch der Literatur" xuất bản ở Hăm-buốc năm 1839 tại nhà xuất bản của Hốp-man và Cam-pe. – 77, 544.
- 58 Lần trình diễn đầu tiên vở bi kịch của C.Gút-xcốp "Ri-sốt Xe-ve-giơ, hoặc: Người con trai của một bà mẹ" ("Richard Savage oder: Der Sohn einer Mutter") đã diễn ra ngày 15 tháng Bảy 1839 ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ. Lúc đầu vở kịch được in theo bản thảo với bút danh *Lê-ô-nác-đô Phan-cơ* không đề tên người xuất bản, năm và nơi xuất bản. Năm 1842 vở bi kịch được in với tên thật của tác giả ở Lai-pxích trong ấn phẩm: K. Gutzkow. "Dramatische Werke". Bd. 1 (C. Gút-xcốp, "Các tác phẩm kịch". T1.). – 77, 126.
- 59 K. Gutzkow, "König Saul". Trauerspiel in fünf Aufzügen. Hamburg, 1839 (C. Gút-xcốp. "Vua Xau-lơ". Bi kịch năm màn. Hăm-buốc, 1839). – 77, 617.
- 60 Đây là nói đến các phác thảo kịch của C.Gút-xcốp "Marino Falieri" ("Ma-ri-nô Pha-li-ê-ri") và "Hamlet in Wittenberg" ("Hăm-lét ở Vít-ten-béc") in trong văn tập các tác phẩm chưa hoàn thành của Gút-xcốp "Skizzenbuch". Cassel und Leipzig, 1839 ("Sách phác thảo". Cát-xen và Lai-pxích, 1839). – 78, 617.
- 61 L.Börne. "Hamlet, von Shakespeare". In: Gesammelte Schriften. 1. und 2. Theil. "Dramaturgische Blätter". Hamburg, 1829 (L.Bốc-nơ, "Hăm-lét của Sếch-xpia). Trong ấn phẩm: Tuyển tập. Phần 1 và 2. "Những trang kịch". Hăm-buốc, 1829). – 79.
- 62 Đây muốn nói một cảnh trong quyển thứ hai bộ tiểu thuyết của C.Gút-xcốp "Va-li-a, người đàn bà ngừ vực" (xem chú thích 21). – 00.
- 63 Những lời này Ăng-ghen trích trong bài báo của Vin-bác-gơ viết về U-lan (xem chú thích 27). Vin-bác-gơ viết ở trang 13 cuốn sách của ông ta: "Gu-xta-vơ Pphít-xơ đã thảo luận như thế về bản tính và tài năng của U-lan một cách cặn kẽ và nói chung về tất cả mọi phương diện". – 86.
- 64 Bình luận về tiểu thuyết của C.Gút-xcốp "Bla-de-đốp và những người con của ông" ("Blasedow und seine Söhne") xuất bản ở Stút-gát năm 1838 được đăng trong bài viết khuyết danh "Những tiểu thuyết hiện đại" ("Moderne Romane") trong tạp chí "Rheinisches Jahrbuch für Kunst und Poesie". 1. Jgr. Köln, 1840. Trong bài viết còn đề cập đến cả các tác phẩm của những nhà văn hiện đại khác. Về ý kiến của Ăng-ghen đánh giá tác phẩm "Bla-dê-đốp và những người con của ông" của Gút-xcốp, xin xem thêm tập này, tr. 583-584, – 90, 116, 585.
- 65 F. Halm. "Griseldis". Dramatisches Gedicht in fünf Akten. Wien, 1837 (Ph. Han-mơ."Gri-den-đa". Kịch thơ năm màn. Viên, 1837). Vở kịch Phri-đrich Han-mơ (bút danh của Phôn Muyn-xơ – Be-linh-hau-den) được dàn dựng năm 1835 ở Viên và

- rất thành công. Song sau khi được công bố vào năm 1837 nó đã bị phê phán kịch liệt. – 93.
- 66 Việc phân tích phê phán vở kịch của Gút-xcốp "Ri-sốt Xe-ve-giơ" đã được tiến hành nhân dịp công diễn vở kịch ở Stút-gát trong tạp chí "Deutscher Courier" ở Stút-gát số 44, ngày 3 tháng Mười một 1839 trong bài viết dưới nhan đề "Buổi trình diễn thứ nhất vở "Ri-sốt Xe-ve-giơ, hoặc Đứa con trai của một người mẹ", bi kịch năm màn của Các Gút-xcốp ("Erste Vorstellung von "Richard Savage, oder der Sohn einer Mutter", Trauerspiel in 5 Aufzügen, von Keri Gutzkow"). – 93.
- 67 K.Gutzkow. "Werner, oder Herz und Welt". Schauspiel in fünf Aufzügen. In: "Dramatische Werke". Bd. 1.Leipzig, 1842 (C.Gút-xcốp. "Véc-nơ, hoặc trái tim và thế giới". Kịch năm màn. Trong ấn phẩm: "Các tác phẩm kịch". T. 1. Lai-pxích, 1842). Buổi công diễn lần đầu vở kịch này đã được tổ chức ở Hăm-buốc ngày 21 tháng Hai 1840. – 93.
- 68 Th. Creizenach. "Der Schwäbisch Apoll". Lustspiel in einem Akt. In: "Dichtungen". Mannheim, 1839 (T. Crây-xe-nác. "A-pô-lôn xứ Sva-bơ". Hải kịch một màn. Trong cuốn sách: Các tác phẩm thơ ca. Man-hem, 1839). Vở hải kịch của nhà thơ và nhà nghiên cứu văn học Đức theo khuynh hướng tự do Crây-xe-nác là vở kịch trào phúng châm biếm "trường phái Sva-bơ" (V.Men-xen, H. Pphít-xơ, I.Kéc-nơ v.v.).
- Đây có ý nói đến bài viết của C.Béch "Literatur in Ungarn" ("Văn học ở Hung-ga-ri") đăng trên báo "Zeitung für die elegante Welt" số 173 - 181, ngày 5, 7-9, 11, 12, 14-16 tháng Chín 1837, – 95, 636.
- 69 G. E. Lessing. "Breife, antiquarischen Inhalts". 2 Theile. Berlin, 1768-1768 (G. E. Lét-xinh. "Những bức thư có nội dung quý giá". Hai phần. Béc-lin, 1768-1769)–96.
- 70 Đây có ý nói đến các tiểu thuyết của T.Mun-tơ: "Madonna. Unterhaltungen mit einer Heiligen". Leipzig, 1835 ("Ma-đôn-na. Các cuộc chuyện trò với nữ thánh". Lai-pxích, 1835) và "Moderne Lebenswirren". Leipzig, 1834 ("Đòng xoáy cuộc đời hiện đại". Lai-pxích, 1834). – 100.
- 71 Đây là muốn ám chỉ việc cấm lưu hành các tác phẩm của những tác giả thuộc nhóm "Nước Đức trẻ" (xem chú thích 5 và 17). – 100.
- 72 "Die Komödie der Neigungen" ("Hài kịch của các thiên hướng") của Mun-tơ ra mắt vào năm 1839 ở An-tôn trong sách lịch "Delphin" ("Cá heo"), xuất bản do Mun-tơ chủ biên. Đầu đầu người ta cũng không thích tác phẩm này. – 101.
- 73 Th. Mundt. "Spaziergänge und Weltfahrten". Bd. 1-3. Altona, 1838-1839. – 101.

- 74 Mun-tơ không có quyển sách nhan đề "Cá nhân và hoàn cảnh" ("Persönlichkeiten und Zustände"). Chắc Ăng-ghen có ý nói quyển sách của Mun-tơ "Các tính cách và tình huống" ("Charaktere und Situationen"), xuất bản làm hai phần năm 1837 ở Vi-xmác, – 102.
- 75 Tê-ô-do Mun-tơ công bố trong tập thứ hai tạp chí "Freihafen" do ông xuất bản ở Antôn năm 1838 bài viết "Lebenserinnerungen Von Münch" ("Hồi ký của Muyn-sơ"), trong đó phân tích cuốn hồi ký ba tập của nhà sử học và nhà chính luận Êc-nơ-xtơ Muyn-sơ xuất bản trong những năm 1836-1838 ở Các-lơ-xru-ê. – 102.
- 76 Th. Mundt. "Görres und die katholische Weltanschauung". In: "Der Freihafen". 2. Heft. Altona, 1838. – 103.
- 77 *Hiệp bang Đức* – liên hiệp các quốc gia Đức do Đại hội Viên thành lập ngày 8 tháng Sáu 1815, lúc đầu gồm 34 quốc gia và bốn thành phố tự do có chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế. Hiệp bang đã củng cố sự cát cứ về mặt chính trị và kinh tế của nước Đức và ngăn cản sự phát triển tiến bộ của nước Đức. – 103, 405, 632, 640.
- 78 Lược khảo của C.Gút-xcốp "Số phận văn học của những hình tượng En-phơ. Chuyện cổ tích không ám chỉ" ("Literarische Elfenschicksale. Ein Mörchen ohne Anspielung") nhằm chống Mun-tơ, đã đăng trên báo "Telegraph für Deutschland" các số 31, 32, 35, 36 tháng Hai và số 65, 68 tháng Tư 1838. năm 1839 tác phẩm này được đăng lại trong "Skizzenbuch" ("Sách phác thảo") của Gút-xcốp nhan đề "Những hình tượng văn học En-phơ. Chuyện cổ tích không ám chỉ" ("Die literarischen Elfen. Ein Märchen ohne Anspielung"). – 103.
- 79 Ăng-ghen có ý nói đến tác phẩm xuất bản ở Lai-pxích năm 1839 của nhà văn và nhà chính luận Đức Héc-man Mác-gráp "Deutschland's jüngste Literatur-und Culturepoche" ("Thời đại văn học và văn hóa hiện đại của nước Đức"), – 104.
- 80 Đây muốn ám chỉ lời nói sau đây của Mê-phi-xtô-phen: "Các cuộc tranh luận được tiến hành bằng lời, các hệ thống được xây dựng bằng các từ" (Go-tơ. "Phau-xtơ". Phần thứ nhất, cảnh bốn, "Phòng làm việc của Phau-xtơ"). – 105.
- 81 K.Gutzkow."Seraphine". Roman. Hamburg. 1837 (C. Gút-xốp. "Xê-ra-phi-na". Tiểu thuyết. Hăm-buốc, 1837). – 107.
- 82 Bài viết không ký tên của Quy-nơ "Gutzkow's neueste Romane" ("Những tiểu thuyết mới nhất của Gút-xcốp") được công bố trên báo "Zeitung für die elegante Welt" số 192 và 193, ngày 1 và 2 tháng Mười 1838. Trong bài đó. Quy-nơ kịch liệt phê

- phán hoạt động văn học của Gút-xcốp và những tiểu thuyết "Xê-ra-phi-na" và "Bla-dê-đốp và những đứa con của ông" – 108.
- 83 G.Kühne. "Klosternovellen". 2. Bde. Leipzig, 1838. – 109.
- 84 Bài viết của H.Hai-nơ "Chiếc gương Sva-bơ" được công bố vào năm 1839 trong "Jahrbuch der Literatur" dưới dạng bị bóp méo. Hai-nơ không nhận quyền tác giả, đã đăng lời tuyên bố chính thức về điều này trên báo "Zeitung für die elegante Welt" ngày 8 tháng hai 1839. – 109.
- 85 Bài viết phê bình vở kịch của Gút-xcốp "Ri-sốt Xe-ve-giơ" được công bố trên báo "Zeitung für die elegante Welt" số 135, ngày 13 tháng bảy 1839 do Quy-nơ xuất bản dưới nhan đề "Richard Savage, oder: große Geister begegnen sich" ("Ri-sốt Xe-ve-giơ, hoặc là Những trí tuệ vĩ đại gặp nhau").
- "Lời tuyên bố của nhà chính luận Vi-li-a (báo "Zeitung für die elegante Welt" ngày 28 tháng Năm 1839) mà cũng trong số báo ấy Quy-nơ cho đăng bài trả lời nhại lại ký tên "Héc-tơ, con chó săn của Hốp-man và Cam-pe ở Hăm-buốc" ("Hektor, Jagdhund bei Hoffmann und Campe in Hamburg") là nhằm chống Hen-rih Hai-nơ, người đã công bố trên báo "Zeitung für die elegante Welt" các số ra ngày 18-20 tháng Tư 1839 bức thư ngõ gửi người xuất bản tờ "Jahrbuch der Literatur" là Clau-xơ Cam-pe, nhan đề "Bút kỳ của một nhà văn" ("Schriftstellermöten"). Trong thư này Hai-nơ buộc tội Vi-li-a là đã bóp méo bài viết "Chiếc gương Sva-bơ" của mình và gọi Cam-pe là chó săn. – 109.
- 86 Bài thơ của A-na-xta-di-út Gruyn "Apostasie" ("Phản bội niềm tin") được đăng trong số 28 báo "Zeitung für die elegante Welt" ngày 8 tháng Hai 1838. – 114.
- 87 A. Von Platen. "Der romantische Oedipus". Lustspiel in 5 Akten. In: Gesammelte Werke. In Einem Band. Stuttgart und Tübingen, 1839 (A. Phôn Pla-ten. "Ê-di-pơ lãng mạn". Hài kịch 5 màn. Trong sách: "Tuyển tập một tập". Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1839). – 116.
- 88 Grimm, Brüder. "Kinder-und Haus-Märchen". Bd. 1-3. Berlin, 1812-1822. – 117.
- 89 J.B.Thiersch. "Ich bin ein PreuBe". In: Lieder und gedichte des Dr. Bernhard Thiersch, von seinen Freunden in und bei Halberstadt für sich herausgegeben. Halberstadt, 1833 (I.B. Ti-rơ-sơ. "Tôi là người Phổ". Trong văn tập: Những bài ca và bài thơ của tiến sĩ Béc-nơ-hác Ti-rơ-sơ do bạn bè của ông xuất bản ở Han-béc-stát. Han-béc-stát, 1833). – 118.
- 90 Ám chỉ truyền thuyết trong kinh thánh về việc vợ của Lốt bị biến thành một cột

- muối vì vi phạm lệnh cấm ngoại cổ nhìn lại trong thời gian chạy trốn từ Xô-dôm đến Hô-mô-ra (Kinh thánh. Kinh Cựu ước. Sách I. Mô-i-dơ, chương 19). – 119.
- 91 Hội nghị tôn giáo Đuốc-đrêch-tơ của giáo hội Can-vanh tiến hành từ ngày 13 tháng Mười một 1618 đến 9 tháng Năm 1619 ở thành phố Đuốc-đrêch-tơ (Hà Lan), hội nghị đã lên án phía Ác-min thiên về tự do tư tưởng và hợp pháp hóa các giáo điều Can-vanh chặt chẽ (xem thêm chú thích 11). -119.
- 92 Đây có ý nói quyển sách: F.Freiligrath und L. Schücking. "Das malerische und romantische Westphalen". 2. Lieferung. Barmen-Leipzig, 1840 (Ph.Phrai-li-grát và L.Suých-kinh. "Ve-xtơ-pha-li đẹp như tranh và lãng mạn". Tập 2. Bác-men-Lai-pxích 1840). Tập thứ nhất "Ve-xtơ-pha-li đẹp như tranh và lãng mạn" do Phrai-li-grát xuất bản cũng ra mắt ở đó năm 1839. – 124.
- 93 Tháng Năm 1840 khi Ăng-ghe-n ở Muyn-xtơ, Lê-vin Suých-kin đã chuyển cho ông tập thơ xuất bản năm 1838 ("Gedichte") của An-nét-ta Ê-li-da-bét Phôn Đrô-xte-Huyn-sốp có lời đề tặng "Nhớ về Muyn-xtơ". Quyển sách xuất bản nửa khuyết danh với tên viết tắt D.H. – 124, 655.
- 94 C.Blum. "Schwärmerei nach der Mode". In: "Theater". Dritter Band. Berlin, 1844. – 126.
- 95 Bài nhận xét về vở kịch của C.Gút-xốp đã được đăng trong các số 95, 97-99 tạp chí "Hallische Jahrbücher für deutsch Wissenschaft und Kunst" ngày 20, 22-24 tháng Tư 1840 với nhan đề: "Richard Savage in Leipzig. Correspondenz" ("Ri-sốt Xe-ve-giơ ở Lai-pxích. Thư tín"). – 126.
- 96 *Liên minh thuế quan* của những quốc gia Đức được thành lập năm 1834. Những quốc gia này đã xác định biên giới hải quan chung. Dần dần liên minh bao gồm tất cả các quốc gia Đức, trừ Áo và một số quốc gia nhỏ. Đóng vai trò cầm đầu trong liên minh này là Phổ. Liên minh thuế quan ra đời do cần xây dựng thị trường chung toàn Đức, sau này đã góp phần thống nhất nước Đức về mặt chính trị. – 130.
- 97 Xem Ph. Ma-lét. "Lời tựa" ("Vorwort"). In: "Bremer Kirchenbote" số 1 và 2, ngày 12 và 19 tháng Giêng 1840. – 133, 649.
- 98 Tiếp theo trong khổ thơ này Ăng-ghe-n có ý nói những tác phẩm sau đây của Can-đê-rôn: "Câu Man-ti-bơ", "Thầy thuốc chữa danh dự của mình". "Hoàng tử kiên cường", "Người con gái của không khí", "Cuộc đời là một giấc mơ" và "Sáng tháng Tư và tháng Năm". – 138.
- 99 Qua bức thư Ăng-ghe-n viết cho em gái Ma-ri-a ngày 7-8 tháng Bảy 1840 (xem tập

- này, tr. 661), chúng ta được biết Ăng-ghe-n đã đi Brê-mơ-ha-phen ngày 5 tháng Bảy 1840. Nội dung bài này chứng tỏ Ăng-ghe-n viết nó ngay sau chuyến đi, tuy bài đó được công bố muộn hơn một năm.
- Brê-mơ-ha-phen* trước năm 1939 là một thành phố độc lập của miền Tây-Bắc nước Đức. Cảng tiền tiêu của Brê-men ở cửa sông Vê-de. Từ năm 1939 là một bộ phận của thành phố Vê-đéc-muyn-đơ. – 141.
- 100 Theo Văn kiện cuối cùng của Đại hội Viên năm 1815. Brê-men được tuyên bố là thành phố để chế tự do. – 141, 159.
- 101 *Tòa án xử các vụ kiện tranh chấp di sản* – tòa án phong kiến dựa vào quyền lực của địa chủ để xét xử và trừng trị nông dân của mình. – 147, 188.
- 102 Đảng *Những người Mỹ thật sự* được thành lập ở Mỹ vào năm 1835. Đảng này bảo vệ quyền ưu tiên của người Mỹ bản địa. Do đó những người nhập cư muốn nhập quốc tịch Mỹ thì phải sống liên tục ở đấy trong vòng 21 năm so với trước kia là 7 năm. – 149.
- 103 *Khúc gỗ đốt không hồng* – bụi mận gai mà theo truyền thuyết trong kinh thánh, cháy nhưng không cháy trụi, lúc đó chứa hiện ra trong bụi mận gai ấy với Mô-i-dơ, kêu gọi Mô-i-dơ giải thoát cho người I-xra-en khỏi ách nô lệ Ai Cập (Kinh thánh. Kinh Cựu ước. Sách II. Mô-i-dơ. Phần kết, chương 3). – 152.
- 104 F.W Krummacher. "Das Letzte Gericht". Gastpredigt gehalten am 12. Juli 1840 vor der St. Ansgarii-Gemeine zu Bremen. Bremen, 1840; "Paulus, kein Mann nach dem Sinne unsrer Zeit". Predigt. Bremen. 1840 (Ph. V. Crum-ma-khơ. "Sự phán quyết cuối cùng". Lời thuyết giáo của mục sư mới tới đọc ngày 12 tháng Bảy 1840 tại giáo khu của nhà thờ Thánh An-xga-ri ở Brê-men. Brê-men, 1840; "Pôn, con người không đúng tinh thần thời đại chúng ta". Lời thuyết giáo, Brê-men, 1840). – 153, 159.
- 105 Đây là nói về quyển tiểu thuyết của Các Im-mơ-man "Die Epigonen". Familienmemoiren in Neun Büchern. 3 Theile. Düsseldorf, 1836 ("Kẻ hậu bối". Hồi ký gia đình chính quyền. 3 phần. Đuyt-xen-đuốc-phơ, 1836). – 158.
- 106 *Chủ nghĩa duy lý trong thần học* – khái niệm ước lệ và rất mâu thuẫn biểu hiện mưu toan của một số nhóm nhà thần học thuộc những thời đại khác nhau tìm cách chứng minh khả năng hiểu thấu "các chân lý thần khải" bằng các phương tiện của lý trí. Trong thần học Tin lành, khuynh hướng duy lý chủ nghĩa đã có ảnh hưởng lớn trong các thế kỷ XVIII – XIX. – 160, 217, 343.
- 107 K.F.W. Paniel. "Drei Sonntagspredigten, mit Bezug auf eine besondere

- Veranlassung, am 12., 19. und 26. Juli 1840 gehalten". Bremen, 1840 (C. Ph. V. Pa-ni-en. "Ba lời thuyết giáo ngày chủ nhật đọc nhân một dịp đặc biệt 12, 19 và 26 tháng Bảy 1840". Brê-men, 1840). -160.
- 108 J.N.Tiele. "Sendschreiben an Herrn Dr. Theol. et philos. Paniel Pastor zu St. Ansgarii in Bremen in Bezug auf dessen drei am 12., 19., 26. Juli 1840 gehaltene Sonntags-Predigten". Bremen, [1840] (I.N.Ti-lê. "Thư gửi ngài tiến sĩ thần học và triết học Pa-ni-en, mục sư nhà thờ thánh An-xga-ri ở Brê-men nhân ba bài thuyết giáo ngày chủ nhật của ông đọc ngày 12, 19 và 26 tháng Bảy 1840". Brê-men, [1840]). - 161.
- 109 [W.E.Weber]. "Die Verfluchungen". Im Interesse denkender Christen von einem Anonymus des Bremischen Bürgerfreundes. Bremen, 1840 ([V. E. Vê-bơ]. "Rút phép thông công". Tác phẩm của một tác giả khuyết danh, bạn của thị dân Brê-men viết để phục vụ những tín đồ đạo Thiên chúa biết suy nghĩ. Brê-men, 1840). - 161, 220.
- 110 F.W. Krummacher. "Theologische Replik an Herrn Dr. Paniel in Bremen". Elberfeld, 1840. - 162, 216.
- 111 K.F. W. Paniel. "Unverholene Beurtheilung der von dem Herrn Pastor Dr. philos. Krummacher von Elberfeld, zur Vertheidigung seiner Bremischen Verfluchungssache herausgegebenen, sogenannten "Theologischen Replik"". Bremen, 1840 (C.Ph.V. Pa-ni-en. "Thăng thần lên án cái gọi là "Đổi đáp thần học" của ông mục sư tiến sĩ triết học Crum-ma-khơ ở En-bơ-phen-đơ, do ông xuất bản để bảo vệ vụ rút phép thông công của mình ở Brê-men". Brê-men, 1840). - 162, 216.
- 112 "*Bài ca Ni-be-lung* - di sản anh hùng ca Đức được viết vào khoảng năm 1200 trên cơ sở các huyền thoại về truyền thuyết Đức cổ. Hình tượng chính của trường ca là Dích-phrít, người chiến thắng những người lùn Ni-be-lung. - 168.
- 113 "*Bài ca Han-non*" - bài thơ viết bằng thổ ngữ Trung Đức cuối thế kỷ XI hoặc đầu thế kỷ XII. Trong thơ ca ngợi đại giáo chủ Khuên Han-non, người được gọi là thánh. - 169.
- 114 W. Grimm. "Die Deutsche Heldensage". Göttinge, 1829 (V.Grim. "Những truyền thuyết anh hùng ở Đức". Guết-tin-ghen, 1829). - 169.
- 115 *Castra vetera* (nghĩa đen *trại cổ*) - trại dinh điền có lối bố phòng kiểu cổ La Mã nằm trên bờ trái sông Ranh, trên vùng đất này đã xuất hiện thành phố Co-xan-ten. - 172.
- 116 "*Những kẻ mị dân*" là tên mà trong các nghị quyết của Hội nghị các bộ trưởng

- những quốc gia Đức chủ yếu họp ở Các-xbát năm 1819 người ta dùng để gọi những người tham gia phong trào đối lập trong thời kỳ tiếp sau các cuộc chiến tranh với nước Pháp thời Na-pô-lê-ông. Phong trào đã lan truyền trong giới trí thức và sinh viên, đặc biệt là trong các hội thể dục thể thao của sinh viên. Những người tham gia phong trào này đã đấu tranh chống chế độ phản động của các quốc gia Đức, đã tổ chức những cuộc biểu tình chính trị, trong đó họ đề ra yêu sách đòi thống nhất nước Đức. Chính quyền phản động đã bức hại "những người mị dân" và lại tiếp tục sự bức hại này trong những năm 30 khi mà do ảnh hưởng của cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830 ở Pháp, phong trào đối lập và phong trào cách mạng ở Đức cũng như ở những nước châu Âu tăng mạnh hơn. - 174.
- 117 Đây có ý nói cuộc ân xá tù chính trị được công bố năm 1840 nhân Phri-đrich-Vin-hem IV lên ngôi. - 174.
- 118 Trong bài này Ăng-ghen phân tích quyền sách của Ác-no-tơ xuất bản năm 1840 ở Lai-pxích "Erinnerungen aus dem äußeren Leben" ("Hồi ký về những sự kiện đã qua"). Đối với tên tác giả bài viết là Ph. Ô-xvan-đơ (bút danh của Ăng-ghen) đặt ngay sau nhan đề bài, ban biên tập tạp chí "Telegraph für Deutschland" đã đưa ra chú thích cuối trang sau đây: "Bài được đăng này đã được thảo luận nhiều lần và được đánh giá theo quan điểm của tạp chí "Telegraph". - 176.
- 119 "*Ếch-các-tơ trung thành*" - nhân vật chính trong các truyền thuyết Đức thời trung cổ. Trong chuyện thần thoại về Tan-gây-đơ, nhân vật này đứng cạnh núi Vê nữ có nhiệm vụ nhắc nhở tất cả mọi người đến gần về mối nguy hiểm của ma lực của thần Vê nữ. - 176, 607, 612.
- 120 *Hiến pháp Tây Ban Nha năm 1812* ban hành vì lợi ích của giai cấp quý tộc tự do và giai cấp tư sản tự do, đã hạn chế quyền lực của nhà vua bằng cách lập ra quốc hội và đã xóa bỏ một số tàn tích của chế độ phong kiến. Năm 1814, nhân khi thế lực phong kiến quý tộc phản động thắng lợi ở Tây Ban Nha, hiến pháp năm 1812 đã bị huỷ bỏ. Vào nửa đầu thế kỷ XIX, hiến pháp này đã trở thành ngọn cờ của phong trào lập hiến tự do ở Tây ban Nha và một loạt quốc gia khác ở châu Âu. - 181, 653.
- 121 Đây là nói các cuộc đại hội của Liên minh thần thánh - khối liên minh phản động của Áo, Phổ và Nga, do Đại hội Viên ngày 26 tháng Chín 1815 thành lập sau khi đế chế Na-pô-lê-ông I sụp đổ, để đàn áp các phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc và để bảo vệ các chế độ phong kiến - quân chủ chuyên chế ở châu Âu. Tại bốn đại hội của Liên minh thần thánh - Đại hội A-khen (1818), Đại hội Tor-róp-pau (1820), Đại hội Lai-bác (1821) và Đại hội Vê-rôn (1822) người

- ta đã thảo luận các vấn đề duy trì biên giới đã được quy định vào năm 1815, cũng cố chế độ quân chủ chuyên chế đã được khôi phục ở Pháp và sự can thiệp vũ trang vào công việc nội bộ của những nước khác nhằm đàn áp mọi phong trào cách mạng. – 181.
- 122 Tờ "Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst" số 281 và 282, ngày 23 và 24 tháng Mười một 1840 đã đăng một bài bình luận dưới nhan đề "Friedrich von Florencourt und die Kategorien der politischen Paraxis" ("Phri-đrích Phôn Phlô-ren-cua và các phạm trù của thực tiễn chính trị") ký tên Ác-nôn Ru-gơ, bình luận về quyển sách của Phlô-ren-cua "Politische, kirchliche und literarische Zustände in Deutschland". Ein journalistischer Beitrag zu den Jahren 1838 und 1839, Leipzig, 1840 ("Tình hình chính trị, giáo hội và văn học ở Đức". Khảo luận tạp chí về năm 1838 và 1839. Lai-pxích, 1840). – 184.
- 123 *Hội sinh viên* – những tổ chức sinh viên Đức ra đời dưới ảnh hưởng của cuộc chiến tranh giải phóng chống Na-pô-lê-ông; hội ủng hộ chủ trương thống nhất nước Đức. Bên cạnh những tư tưởng tiến bộ, trong hội sinh viên còn phổ biến rộng rãi các tư tưởng của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, – 184.
- 124 Những lời trích trong "Trường ca về Xít" – di sản anh hùng ca lớn nhất của Tây Ban Nha do các ca sĩ dân gian sáng tác vào khoảng năm 1140. – 184.
- 125 Đây muốn nói quyển sách: G.W.F.Hegel. "Encyclopädie der philosophischen Wissenschaften im Grundriss" (G.V. Ph. Hê-ghen. "Bách khoa thư các khoa học triết học. Lược khảo"). Xuất bản lần thứ nhất năm 1817. –185, 246.
- 126 Ăng-ghen dùng mấy chữ như vậy để gọi một cách mỉa mai B.G. Su-ma-khơ, tác giả bài hát "Khen ngợi người trong vòng hoa chiến thắng" ("Heil Dir im Siegerkranz") dùng làm cơ sở cho quốc ca Phổ. – 188.
- 127 *Trường phái pháp luật lịch sử* – khuynh hướng phản động trong khoa học lịch sử pháp quyền ra đời ở Đức cuối thế kỷ XVIII. Trường phái này mà đại diện là những nhân vật xuất chúng (Hu-gô, Xa-vi-nhi v.v.) đã chống lại các tư tưởng dân chủ tư sản của cuộc cách mạng tư sản Pháp. – 190.
- 128 Đây muốn nói Hiệp ước Luân Đôn do một bên là Anh, Nga, Áo, và Phổ và một bên là Thổ Nhĩ Kỳ ký kết ngày 15 tháng Bảy 1840 về việc giúp đỡ về mặt quân sự cho vua Thổ Nhĩ Kỳ chống tổng trấn Ai Cập Mô-ham-mét – A-li được nước Pháp đứng làm hậu thuẫn. Hiệp ước Luân Đôn là sự phản ánh cuộc cạnh tranh của các cường quốc châu Âu, chủ yếu là Anh, Pháp và Nga, trong cuộc đấu tranh của họ giành bá quyền ở vùng Cận Đông. – 193.

- 129 Đây là nói các nghị quyết của Đại hội Viên (1814-1815) chia cắt bản đồ châu Âu nhằm mục đích khôi phục các nền quân chủ chính thống, cũng như xác lập ở châu Âu chế độ quân chủ quý tộc phản động và củng cố sự cát cứ của nước Đức. – 196.
- 130 Bài thơ này Ăng-ghen viết nhân việc di hài hoàng đế Na-pô-lê-ông I được chuyển từ đảo Thánh Hê-len về Pa-ri năm 1840. – 200.
- 131 Đây muốn nói bài viết của nhà thơ Đức Rai-nơ-hôn Khuê-xơ-lin "Die deutsche Dichter und ihr Publikum" ("Các nhà thơ Đức và độc giả của họ") công bố trong tạp chí "Europa Chronik der gebildeten Ewlt". Bd. I. Stuttgart, 1840. – 204.
- 132 Đây là nói các tiểu thuyết của Các Im-mơ-man "Kẻ hậu bối" (xem chú thích 105) và Münchhausen. Eine Geschichte in Arabesken". 4 Theile. Düsseldorf, 1838-1839 ("Muyn-hau-den. Chuyện ở A-ra-be-xơ", 4 phần. Đuyt-xen-đoóc-phơ, 1838-1839). – 205.
- 133 K. Immermann. "Memorabilien". Erster Theil. Hamburg, 1840, S.27. – 206.
- 134 K. Immermann. "Memorabilien". Erster Theil. Hamburg, 1840, S.30. – 206.
- 135 Những lời này vua Phổ Phi-đrích II dẫn ra trong thư đề ngày 18 tháng Mười 1782 gửi hoàng tử Hen-rích Phổ.
Trong trận đánh ở *I-ê-na* ngày 14 tháng Mười 1806, quân đội Phổ đã bị quân của Na-pô-lê-ông I đánh bại, điều này đã kéo theo việc Phổ đầu hàng nước Pháp của Na-pô-lê-ông. – 206, 379.
- 136 Ngày 31 tháng Năm 1840 ở Phổ người ta đã kỷ niệm một trăm năm ngày vua Phri-đrích II lên ngôi. Ăng-ghen gọi *hai mươi năm khuyết ngôi* là thời kỳ giữa năm 1786, năm mất của Phri-đrích II, và năm 1806, năm quân Phổ thất bại ở *I-ê-na*. – 207.
- 137 K. Immermann. "Memorabilien". Erster Theil. Hamburg, 1840, S.95. – 207.
- 138 Đây là nói các trường ca của Im-mơ-man: "Ghismonda, oder die Opfer des Schweigens". In: "Taschenbuch dramatischer Originalien" Hrgs. von Dr. Franck. 3. Jg Leipzig, 1839. ("Ghi-xmôn-đa, hoặc Những nạn nhân của sự im lặng". In trong "Tập kịch nguyên bản". Do tiến sĩ Phran-cơ xuất bản. Năm xuất bản thứ ba. Lai-pxích, 1839); "Tristan und Isolde". Ein Gedicht in Romanzen. Düsseldorf, 1841 ("Tơ-ri-xtan và I-don-đa". Trường ca tình ca. Đuyt-xen-đoóc-phơ, 1841) và vở kịch sử thi của ông "Merlin". Ein Mythe. Düsseldorf, 1832 ("Méc-lin". Huyền thoại. Đuyt-xen-đoóc-phơ, 1832). – 213.
139. Theo thần thoại Hy Lạp, nữ thần *A-rê-tu-da*, con gái của Nê-rây và Đô-ri-đa, bị

- thần sông An-phây truy đuổi đã bơi qua biển hoặc đi dọc đáy biển đến Xi-xin và ở đáy hóa thành suối nước. Ở Hy Lạp cổ đại, một số suối nước nữa mang tên A-rê-tu-đa. – 216.
- 140 Đây muốn nói cuốn sách "Bekentniß bremischer Pastoren in Sachen der Wahrheit". Bremen, 1840 ("Bài phát biểu của các mục sư Brê-men về các vấn đề chân lý"; Brê-men, 1840). – 218.
- 141 "Unpictistische Reime, erbaulich und gut zu lesen für Jedermann". Bremen, 1841 ("Những vần thơ không thuộc phái kiền thành để mỗi người đọc một cách bổ ích và lý thú". Brê-men, 1841). – 218.
- 142 Đây muốn nói "*triết học thực chứng*" – một khuynh hướng tôn giáo thần bí trong triết học, phê phán triết học Hê-ghen từ phía hữu (C.H. Vây-xơ, I.G. Phi-sơ con, A. Guyn-tơ, Ph. Ba-a-đơ, Sê-lingh về sau). "Các nhà triết học thực chứng" có bất triết học phục tùng tôn giáo, chống nhận thức lý tính và coi thần khải là nguồn duy nhất của tri thức "thực chứng". Họ gọi mọi triết học tuyên bố nguồn gốc của mình là nhận thức lý tính là triết học "phủ định". – 220, 247, 257, 345.
- 143 Đây muốn nói cuốn sách xuất bản khuyết danh ở Ha-nau năm 1841 của nhà văn Đức Ê-du-ác Bốc-man "Paulus in Bremen". Von einem Cadidaten der Theologie aus Stade ("Tông đồ Pôn ở Brê-men". Tác phẩm của phó tiến sĩ thần học ở Stát). – 220.
- 144 E.Beurmann. "Skizzen aus den Hanse-Städten". Hanau, 1836 (Ê.Bốc-man. "Ký sự từ các thành phố xứ Han-dây". Ha-nau, 1836). – 221.
- 145 E.Beurmann. "Deutschland und die Deutschen". 4 Bde. Altona, 1838-1840. – 221, 618.
- 146 A.Soltwe del. "Hanseatische Briefe" In: "Der Freihafen". 3 und 4. Heft 1839 und 1. Heft 1840. – 221.
- 147 Những đạo luật cơ bản của thành phố Brê-men ra đời vào thời trung cổ. "*Bản ghi mười điều răn*" ("Tafel") được biên soạn vào năm 1433. "*Thỏa ước mới*" ("Neue Eintracht") được biên soạn vào năm 1534. – 224.
- 148 "*Ria-nê-cơ Li-xơ*" – trường ca sử thi dân gian ra đời năm 1498 ở Luy-bêch bằng thổ ngữ Hạ Đức với nhan đề "Reynke de Vos". – 224.
- 149 Vào khoảng giữa tháng Năm 1841. Ăng-ghen tiến hành chuyến đi Thụy Sĩ và I-ta-li-a. – 226, 713.
- 150 Đây muốn nói những sự kiện có liên quan đến việc chính phủ cấp tiến bang Xuy-rích Thụy Sĩ năm 1830 mời Đ.Stơ-rau-xơ đảm nhận cương vị giáo sư ở Trường

- đại học Tổng hợp Xuy-rích. Do đó đã nảy sinh xung đột chính trị gay gắt giữa chính phủ và phe bảo thủ và giới tu hành phản động. Ngày 6 tháng Chín 1839 những người chống đối việc mời Stơ-rau-xơ, đứng đầu là linh mục làng Pphép-phi-côn là Béc-nác Hiéc-xen (Ăng-ghen mỉa mai gọi họ là những người canh điền Xi-ôn, nghĩa là những người theo học thuyết tín ngưỡng chính thống) đã tổ chức ở Xuy-rích một cuộc biểu tình vũ trang. Do những sự kiện ấy, ngay trước khi có cuộc biểu tình, chính phủ đã buộc phải bãi bỏ việc mời Stơ-rau-xơ, sau này chính phủ đã phải từ chức. – 228, 424, 601.
- 151 Ăng-ghen đã đưa ra bài xon-nê thứ 261 của Pê-tơ-rác-ca trong chùm "Những bài xon-xê và thơ trữ tình về sự sống và cái chết của Đức mẹ Lau-ra" qua bản dịch tiếng Đức sau đây, có thể do chính ông dịch:
- Ich schwang mich auf im Geist zur Wohnung deren,
Die stets ich such' und finde nicht hienieden;
Die Blicke sanft, die einst so streng mich mieden,
So stand sie in des Himmels dritten Sphären
Die Hand mir fassend, sprach sie leise: Deine Zähren
Versiegen hier, wo nie wir sind geschieden;
Ich bin's, die lange dir geraubt den Frieden,
Um hieher, vor der Zeit, dann heimzukehren.
O daß ein Menschensinn mein Glück verständig
Dich nur erwart' ich, und den Dir so lieben,
Den Leib, den ich dort unten ließ schon lange. –
Ach, warum schwieg sie, ließ mir los die Hände?
Denn weing fehlte bei dem süßen Klange,
Daß ich nicht gleich im Himmel dort geblieben. – 230.
152. Trong *Đế chế La Mã thần thánh* của dân tộc Đức (tồn tại từ năm 962 đến năm 1806 bao gồm Đức, Áo, một phần I-ta-li-a, Séc, Buốc-gun-đi, Hà Lan v.v.) chiếu theo huấn dụ vàng (năm 1356), việc bầu hoàng đế phụ thuộc vào 7 công tước – tuyến đế hầu mạnh nhất. – 234.
- 153 Bài viết này là bài thứ nhất trong loạt tác phẩm của Ph. Ăng-ghen nhằm chống triết học tôn giáo – thần bí phản động của Sê-lingh, năm 1841, theo lời mời của

- Phri-đrích - Vin-hem IV, ông này đã tới Béc-lin để tham chiến chống phái Hê-ghen trẻ, đại biểu của giới trí thức tư sản cấp tiến.
- Ăng-ghen đã đến nghe Sê-linh giảng ở Trường đại học Tổng hợp Béc-lin với tư cách là học viên dự tính. – 242.
- 154 Xem "Schelling's Erste Vorlesung in Berlin, 15. November 1841". Stuttgart und Tübingen, 1841 ("Bài giảng đầu tiên của Sê-linh ở Béc-lin ngày 15 tháng Mười một 1841". Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1841). – 244, 265.
- 155 G.W.F.Hegel. "Vorlesungen über die Geschichte der Philosophie". 3 Bde. Hrsg. Von K. L. Michelet. In: Hegels Werke. Bd. XIII-XV. Berlin, 1833-1836 (G.V. Ph.Hê-ghen. "Các bài giảng về lịch sử triết học". 3 tập. Do C.L.Mi-sơ-lê xuất bản. Trong ấn phẩm: Toàn tập của Hê-ghen. Tập XIII-XV. Béc-lin, 1833-1836). – 244, 292, 648.
- 156 Đây muốn nói cuốn sách xuất bản khuyết danh của C. Ri-đen "V.Schellings religionsgeschichtliche Ansicht; nach Briefen aus München". Berlin, 1841 ("Các quan điểm lịch sử tôn giáo của Sê-linh; theo những bức thư gửi từ Muyn-khen". Béc-lin, 1841). – 249.
- 157 Đây có ý nói tạp chí duy tâm phản động "Zeitschrift für Philosophie und spekulative Theologie" ("Tạp chí triết học và thần học tư biện") do Im-ma-nu-en Héc-man Phi-sơ xuất bản ở Bon trong những năm 1837-1846. – 257.
- 158 G.W. F. Hegel. Werke. Vollständige Ausgabe durch einen Verein von Freunden des Verewigten. 19 Bücher in 23 Bänden. Berlin, 1832-1845 (G.V. Ph. Hê-ghen. Tác phẩm. Toàn tập, do bạn bè của người quá cố xuất bản. 19 quyển chia thành 23 tập. Béc-lin, 1832-1845). – 260.
- 159 Đây muốn nói những quyển sách: L.Feuerbach. "Das Wesen des Christentums". Leipzig, 1841 (L. Phoi-ơ-bác. "Bản chất của đạo Cơ Đốc". Lai-pxích, 1841) và D. F.Strauß. "Die christliche Glaubenslehre in ihrer geschichtlichen Entwicklung und im Kampfe mit der modernen Wissenschaft". Bd. I-II. Tübingen-Stuttgart, 1840-1841 (Đ. Ph. Stơ-rau-xơ. "Học thuyết tín ngưỡng Cơ Đốc giáo trong sự phát triển lịch sử của nó và trong cuộc đấu tranh với khoa học hiện đại". T. I-II. Tuy-bin-ghen – Stút-gát, 1840-1841); phần chính trong quyển sách của Stơ-rau-xơ được gọi là "Giáo lý"). – 262, 703.
- 160 Đây có ý nói đến quyển sách xuất bản khuyết danh của B. Bau-ơ: "Die Posaune des jüngsten Gerichts über Hegel den Atheisten und Antichristen. Ein Ultimatum".

- Leipzig, 1841 ("Tiếng kèn đồng phán quyết khủng khiếp đối với Hê-ghen, người vô thần và chống Ki-tô. Tới hậu thư". Lai-pxích, 1841). – 262. 456.
- 161 G.W.F.Hegel. "Phänomenologie des Geits". Bamberg und Würzburg, 1807. – 265.
- 162 D.F. Strauß. "Das Leben Jesu". Bd. 1-2. Tübingen. 1835-1836. – 300, 593, 642, 703.
- 163 Hình như, ở đây Ăng-ghen sử dụng ý lấy từ cuốn sách của Gi. Quy-vi-ê "Discours sur les révolutions de la surface du globe". Paris, 1840, p.53 ("Suy ngẫm về những cuộc đảo lộn trên bề mặt địa cầu". Pa-ri, 1840, tr. 53). – 305.
- 164 "*Fortuna primigenia*" ("Thần tài nguyên sơ") – vị thần La Mã, tượng trưng cho tình mẹ, thể hiện sức mạnh sáng tạo. Đền thờ vị thần này ở Prê-ne-xtơ – một trong các thành phố của I-ta-li-a cổ đại. – 308.
- 165 Đa số bài giảng của Sê-linh, trong đó có các bài giảng của ông về triết học mặc khải và triết học thần thoại, mãi sau khi Sê-linh mất mới được công bố trong toàn tập các tác phẩm của ông xuất bản ở Stút-gát trong những năm 1856 - 1861. – 328.
- 166 *Bát ngọc* – theo thần thoại trung cổ – là chiếc bát quý có sức mạnh màu nhiệm. – 334.
- 167 *Giáo lý Pê-la-giơ* (theo tên của tu sĩ Xen-tơ Pê-la-giơ) – trào lưu trong đạo Cơ Đốc, thù địch với giáo hội giữ địa vị thống trị, phổ biến ở các nước vùng Địa Trung Hải đầu thế kỷ V. Học thuyết Pê-la-giơ, tuyên truyền cho sự tự do của ý chí con người.
- Giáo lý Xô-xanh* (theo tên nhà thần học I-ta-li-a Phau-xtơ Xô-xanh) – giáo lý của một giáo phái rất thịnh hành ở Ba Lan vào cuối thế kỷ XVI – đầu thế kỷ XVII, về sau cả ở một số nước châu Âu khác. Giáo lý Xô-xanh có thái độ phê phán đối với các giáo điều của giáo hội chính thống và, giống như giáo lý Pê-la-giơ, đã tuyên truyền cho sự tự do của ý chí con người. – 343.
- 168 *Sách Xi-vi-lin* – tuyển tập những lời nói mà người ta cho là của "nhà nữ tiên tri" thần thoại Xi-vi-la; ở La Mã cổ đại sách được dùng làm tài liệu bói toán chính thức trong những trường hợp nhà nước có nguy cơ bị đe dọa. Trong thời kỳ Đế chế La Mã cũng đã xuất hiện những quyển sách Xi-vi-lin Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo. – 348.
- 169 Hai đoạn trích kinh thánh này Ăng-ghen dẫn ra có thay đổi chút ít. – 366.
- 170 Việc công bố bài viết này đánh dấu sự mở đầu cộng tác của Ph.Ăng-ghen với báo "Rheinische Zeitung". – 369.
- 171 Đây muốn nói việc bẫy giáo sư tự do chủ nghĩa phản đối việc vua Han-nô-vơ

- Éc-nơ-xơ – Au-gu-xơ huỷ bỏ hiến pháp vào năm 1837, họ bị đuổi khỏi Trường đại học Tổng hợp Gơ-tinh-ghen, – 369.
- 172 Bru-nô Bau-ơ giữ chức vụ phó giáo sư ở Trường đại học Tổng hợp Bon, bị đuổi khỏi trường vào cuối tháng Ba 1842. -378.
- 173 Ph. Marheineke. "Einleitung indie öffentlichen Vorlesungen über die Bedeutung der Hegelschen Philosophie in der christlichen Theologie". Berlin, 1842 (Ph. Mác-hai-nê-ke. "Nhập môn các bài giảng công khai về ý nghĩa của triết học Hê-ghen đối với thần học Cơ Đốc giáo". Béc-lin, 1842). – 378.
- 174 Đây là nói về quyển sách: Bülow – Cummerow. "Preußen, siene Verfassung, siene Verwaltung, sein Verhältniß zu Deutschland". Berlin, 1841 (Buy-lốp-Cum-me-rốp. "Nước Phổ, chế độ nhà nước của nó, sự cai trị của nó, quan hệ của nó với Đức". Béc-lin, 1842). – 378.
- 175 Trên tờ "Rheinische Zeitung", đã đăng bài này của Ăng-ghen, bài này đã được đánh số 1. Hình như, Ăng-ghen có ý định viết phần tiếp theo. Nhưng ý định đó không thực hiện được. – 382.
- 176 Lễ hội thần A-tê-na – lễ hội chính ở A-ten (Hy Lạp cổ đại) kỷ niệm ngày sinh của nữ thần A-tê-na. Còn có những lễ hội thần A-tê-na phụ được tổ chức hàng năm, và những đại lễ thần A-tê-na được tổ chức đặc biệt long trọng bốn năm một lần. Đại lễ thần A-tê-na có kèm theo các cuộc thi thơ và nhạc. – 383.
- 177 L.Walesrode. "Glossen und Randzeichnungen zu Texten aus unserer Zeit". Vier öffentliche Vorlesungen, gehalten zu Königsberg. Königsberg, H. L. Voigt, 1842. – 386.
- 178 L. Walesrode. "Glossen und Randzeichnungen..." S.15-16. – 387.
- 179 L.Walesrode. "Glossen und Randzeichnungen...", S.15-17. – 388.
- 180 L.Walesrode. "Glossen und Randzeichnungen...", S.48-50. – 400.
- 181 L.Walesrode. "Glossen und Randzeichnungen...", S. 70. – 400.
- 182 L.Walesrode. "Glossen und Randzeichnungen...", S.VIII. – 389, 391.
- 183 Đây có ý nói đến bài bình luận của nhà sử học và nhà chính luận phản động Đức Lê-ô về quyển sách của tiến sĩ IM-Lôi-pôn-đơ "Geschichte der Gesundheit und der Krankheiten". Erlangen, 1841 ("Chuyện sức khỏe và bệnh tật". Éc-lan-ghen, 1842) đăng trên báo "Evangelische Kirchen-Zeitung" số 36 và 37, ngày 3 và 7 tháng Năm 1842. Những đoạn Ăng-ghen trích bài bình luận ấy dẫn ra ở bên dưới, trừ đoạn trích cuối cùng có đăng trong số 36 báo "Evangelische Kirchen-Zeitung" ngày 4 tháng Năm. Đoạn trích cuối cùng lấy trong số 37, ra ngày 7 tháng Năm. –392.

- 184 Năm 1842 I-tơ-xơ-stanh được bầu vào viện thứ hai hội đồng tỉnh Ba-den ở một khu bầu cử khác. – 398.
- 185 Ăng-ghen có ý nói đến bài "Aufsätze über inländische Gegenstände. XVI. Ein Ruckblic" ("Những nhận xét về các chủ đề trong nước. XVI. Nhìn lại phía sau"), đăng trong số 137 và 138 báo "Spencersche Zeitung", ra ngày 16 và 17 tháng Sáu 1842. Bài viết không ký tên và được ký bằng hai ngôi sao, vì thế Ăng-ghen gọi người viết bài ấy là tác giả ký tên bằng ngôi sao. – 400.
- 186 Đây có ý nói đến chỉ thị về việc kiểm duyệt của Chính phủ Phổ ngày 24 tháng Chạp 1841 được công bố ngày 14 tháng Giêng 1842 trên báo bán chính thức "Allgemeine Preußische Staats – Zeitung". Chỉ thị mới này trên lời nói tỏ ra không tán thành những sự o ép đối với hoạt động văn chương, nhưng trong thực tế thì không chỉ duy trì chế độ kiểm duyệt phản động của Phổ, mà còn tăng cường nó. Về ý kiến phê phán chỉ thị này xin xem bài của C.Mác "Nhận xét bản chỉ thị mới nhất về chế độ kiểm duyệt của Phổ" (xem Toàn tập. t.1, 1995, tr.11-45). – 400, 414.
- 187 Trên báo "Rheinische Zeitung", bài này được đăng với những chỗ bỏ đi và sửa chữa nhỏ của ban biên tập báo này. Trong lần xuất bản này, bài viết được phục hồi nguyên dạng theo bản thảo viết tay của Ăng-ghen. – 405.
- 188 Đây muốn nói "Luật phổ thông của Phổ" ("Allgemeines Landrecht für die Preußischen Staaten") được chuẩn y và công bố vào năm 1794. Nó bao gồm luật hình sự, luật giáo hội, luật nhà nước, luật hành chính và phản ánh tính chất lạc hậu của nước Phổ phong kiến trong lĩnh vực luật học. – 405, 634.
- 189 Ăng-ghen muốn nói I-ô-han I-a-cô-bi, tác giả cuốn sách xuất bản không ghi tên "Vier Fragen beantwortet von einem Ostpreußen". Mannheim, 1841 ("Bốn vấn đề và những câu trả lời của một cư dân miền Đông Phổ". Man-hem, 1841), trong đó I-a-cô-bi phê phán chế độ nhà nước Phổ và yêu cầu ban hành hiến pháp ở Phổ. – 406.
- 190 "Allgemeines Landrecht für die Preußischen Staaten". Berlin 1794. Theil II, Titel 20, § 92 ("Luật phổ thông của Phổ", Béc-lin, 1894. Phần II, mục 20, §92). – 406.
- 191 "Allgemeines Landrech für die Preußischen Staaten". Berlin, 1794. Theil II. Titel 20, §151. – 407.
- 192 "Gesetz-Sammlung für die Königlichen Preußischen Staaten". Berlin, 1819, S. 232 ("Bộ sưu tập sắc lệnh của vương quốc Phổ". Béc-lin, 1819, tr.232). – 407.

- 193 [J.Jacoby]. "Vier Fragen beantwortet von einem Ostpreußen. Mannheim, 1841, S.8-10. – 410.
- 194 Dr. Jacoby. "Meine weitere Verteidigung wider die gegen mich erhobene Beschuldigung der Majestätsbeleidigung und des frechen, unehrerbietigen Tadels der Landesgesetze". Zürich und Winterthur, 1842, S.13, 16, 20, 33-34 (Tiến sĩ I-a-cô-bi. "Tôi tiếp tục bào chữa chống lại việc buộc tội tôi xúc phạm nhà vua và chống việc lên án các đạo luật Phổ một cách táo bạo, bất kính". Xuy-rích và Vin-téc-bua, 1842, tr. 13, 20, 33-34). – 412.
- 195 Xem. [J.Jacoby]. "Vier Fragen beantwortet...", S.11 và "Meine weitere Verteidigung...", S.13-20. – 412.
- 196 [J.Jacoby]. "Vier Fragen beantwortet von einem Ostpreußen". Mannheim. 1841, S. 8-10. – 412.
- 197 Dr. Jacoby. "Meine weine weitere Verteidigung...". Zurich und Winterthur, 1842, S.13-20. – 413.
- 198 Trường ca nhại lại "*Kinh thánh giải thoát mầu nhiệm khỏi sự xâm phạm xác lác, hoặc là Thánh lợi của niềm tin*" nhằm chống chính sách ngu dân tôn giáo, mô tả dưới hình thức trào phúng cuộc đấu tranh của phái Hê-ghen trẻ với các đại diện của giới thần học – triết học phản động. Bài trường ca ra đời xem như một sự phản đối việc sa thải Bru-nô Bau-ơ vào cuối tháng Ba 1842 khỏi Trường đại học Tổng hợp Bon. Bài do Ăng-ghen viết vào giữa năm 1842 cùng với Ét-ga Bau-ơ, em trai của Bru-nô. – 416.
- 199 Ở đây có ý ám chỉ việc chuyển Bru-nô Bau-ơ với tư cách phó giáo sư từ Béc-lin sang Trường đại học Tổng hợp Bon năm 1839. – 430.
- 200 Có lẽ, ở đây muốn nói tới bộ tiểu thuyết bốn tập của nhà văn và nhà chính luận Đức Tê-ô-đo Mui-gơ "Tút-xanh" ("Toussaint") xuất bản năm 1840 ở Stút-gát. – 438.
- 201 Phái "*Tự do*" – tên gọi nhóm những người hoạt động văn học ở Béc-lin thuộc phái Hê-ghen trẻ tồn tại vào nửa đầu những năm 40 thế kỷ XIX mà hạt nhân là B.Bau-ơ, E.Bau-ơ, E.May-en, L.Bu-lơ, M.Stiéc-nơ và những người khác. Về sự phê phán của Mác đối với phái "Tự do" năm 1842, xem Toàn tập, t.27, 1996, tr.593, 602-604. Phái "Tự do" xa rời đời sống thực tế và bị cuốn hút vào những cuộc tranh cãi trừu tượng về triết học, trong những năm 1834-1844 họ đã từ bỏ chủ nghĩa cấp tiến và sa vào chủ nghĩa duy tâm chủ quan thô lỗ, tầm thường. – họ đã đi tới chỗ tuyên truyền cho cái lý thuyết cho rằng chỉ có những cá nhân xuất chúng, đại biểu cho "tinh thần", cho "sự phê phán thuần túy" mới là những người sáng tạo ra

- lịch sử, còn quần chúng nhân dân chỉ là cái hủ lậu, cái bỏ đi, là gánh nặng trong quá trình lịch sử. Mác và Ăng-ghen đã dành tác phẩm viết chung đầu tiên của mình "Gia đình thần thánh, hay là phê phán sự phê phán có tính phê phán" (xem Toàn tập, t.2, 1995, tr.9 – 316) để vạch trần những tư tưởng phản động độc hại của phái Hê-ghen trẻ, những người đã gọi các quan điểm của họ là "sự phê phán có tính phê phán". – 439, 468.
- 202 Tạp chí "Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Ha-lơ về các vấn đề khoa học và nghệ thuật Đức") từ tháng Bảy 1841 bắt đầu xuất bản dưới tên gọi "Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật"). -439.
- 203 Đây là nói quyển sách: C.F.Köppen. "Friedrich der Große und seine Widersacher. Eine Jubelschrift". Meinem Freunde Karl Heinrich Marx aus Trier gewidmet. Leipzig, 1840 (C. Ph. Khuếch-pen. "Phri-đrích Đại đế và các đối thủ của ông. Tác phẩm kỷ niệm". Tặng bạn Các Hen-rích Mác của tôi từ Tô-ria. Lai-pxích, 1840). – 456.
- 204 Ăng-ghen có ý nói đến quyển sách: A. Ruge. "Der Novellist. Eine Geschichte in acht Dutzend Denkkzetteln aus dem Taschenbuche des Helden". Leipzig, 1839 (A. Ru-gơ. "Tác giả truyện ngắn. Câu chuyện gồm tám tá bài lấy từ quyển sổ ghi chép của một nhân vật chính". Lai-pxích, 1839; E.Meyen. "Heinrich Leo, der verhallerte Pietist. Ein Literaturbrief. Allen Schülern Hegel's gewidmet" Leipzig, 1839 (E. May-en. "Hen-rích Lê-ô, người kiên thành theo tinh thần Ha-lơ. Thư văn học. Tặng tất cả các học trò của Hê-ghen". Lai-pxích, 1839). -456.
- 205 Đây muốn nói đến quyển sách: H.Leo. "Lehrbuch der Universalgeschichte, zum Gebrauche in höheren Unterrichtsanstalten". Bd. 1-6. Halle, 1835-1844 (H. Lê-ô. "Sách giáo khoa lịch sử phổ thông dùng cho các trường đại học" T. 1-6. Ha-lơ, 1835-1844). Lúc Ăng-ghen viết "Kinh thánh giải thoát mầu nhiệm", năm tập sách của Lê-ô đã ra mắt. – 456.
- 206 *Phôn Đơ Duyn-đen* (từ những từ "von der Sünde" – "về tội lỗi") ở đây dùng để gọi I-u-li-út Mui-lơ, tác giả quyển sách "Die christliche Lehre von der Sünde" ("Học thuyết Cơ Đốc giáo về tội lỗi") xuất bản ở Brê-xlau năm 1839. – 457.
- 207 F.W.Andreä. "Das Wissenswürdigst der Heraldik und der Wappenkunde". Erfurt, 1842. – 466.
- 208 Ngày 18 tháng Ba 1842, ngày Sê-linh kết thúc các bài giảng về triết học Mác khởi, sinh viên Béc-lin tổ chức một cuộc rước đuốc trên phố Lai-pxích, nơi Sê-linh sống. – 468.

- 209 Đây là nói các *ủy ban đẳng cấp* của các hội đồng hàng tỉnh (các hội nghị đẳng cấp của các tỉnh mà thẩm quyền của chúng đóng khung trong các vấn đề kinh tế địa phương và quản lý trong tỉnh) được thành lập ở Phổ năm 1842. Được các hội đồng hàng tỉnh bầu trong thành phần của mình (theo các đẳng cấp), những ủy ban này tạo thành một cơ quan tư vấn thống nhất – "Các ủy ban liên kết". Cơ quan này chỉ là cơ quan đại diện giả tạo, nhờ nó mà Phri-đrich Vin-hem IV hy vọng thi hành những thứ thuế mới và vay được tiền. – 468.
- 210 "*Van-ha-la*" – ngôi nhà lớn gần Rê-ghen-xbuốc được xây dựng năm 1841 theo ý đồ của vua Lút-vích I xứ Ba-vi-e. Người ta đã sưu tập và đưa vào ngôi nhà này tượng bán thân của hầu hết những người nổi tiếng của nước Đức.
- "Các anh hùng Van-ha-la do vua Lút-vích đệ nhất xứ Ba-vi-e, người thành lập Van-ha-la, mô tả" – là tác phẩm xuất bản ở Muyn-khen năm 1842, chứa đựng tiểu sử của những nhà hoạt động Đức mà tượng bán thân của họ đã được tập trung ở Van-ha-la ("Valhallás Genossen, geschildert durch König Ludwig den Ersten von Bayern, den Gründer Walhallás". München, 1842). – 469.
- 211 *Chiến tranh của các tín đồ giáo phái Huy-gơ-nô* – tên dùng trong sách báo để gọi các cuộc chiến tranh tôn giáo giữa các tín đồ đạo Thiên chúa và tín đồ đạo Tin lành – Can-vanh (tín đồ Huy-gơ-nô) ở Pháp kéo dài từ năm 1562 đến năm 1594 có gián đoạn. – 473.
- 212 *Hội nghị ba đẳng cấp* – cơ quan đại diện đẳng cấp cao nhất ở Pháp trong các thế kỷ XVI - XVIII gồm đại biểu của giới tu hành, giới quý tộc và các thành thị của cả nước, hội nghị do vua triệu tập nhằm mục đích tạo được sự nhất trí của họ về việc thu thuế và các khoản tài trợ. Sau 175 năm gián đoạn. Hội nghị ba đẳng cấp được triệu tập vào tháng Năm 1789, trong điều kiện cuộc cách mạng tư sản đang chín muồi, theo quyết định của các đại biểu của đẳng cấp thứ ba, Hội nghị ba đẳng cấp được chuyển thành Quốc hội. – 474.
- 213 Ăng-ghen có ý nói bài viết khuyết danh "The Communists in Germany" ("Những người cộng sản ở Đức") đăng trên báo "Times" ngày 29 tháng Chạp 1843 và được đăng lại trong số 28 tuần báo của các nhà xã hội chủ nghĩa Anh thuộc phái Ô-oen "New Moral World" ngày 6 tháng Giêng 1844 mà Ăng-ghen trích dẫn ở phần dưới. – 478.
- 214 Sau khi Vai-tlinh bị bắt ở Xuy-rích ngày 8 tháng Bảy 1843 vì tìm cách xuất bản quyển sách "Kinh Phúc âm của người có tội nghèo khổ", Chính phủ Thụy Sĩ đã thành lập một ủy ban gồm năm ủy viên để điều tra hoạt động của những người Đức sống lưu vong ở Thụy Sĩ. Cũng năm ấy, báo cáo của ủy ban được công bố

- thành sách với nhan đề: "Die Kommunisten in der Schweiz nach den bei. Weitling vorgefundenen Papieren". Wortlicher Abdruck des Kommissionalberichtes an die H. Regierung des Standes Zürich. Zürich, 1843 ("Những người cộng sản ở Thụy Sĩ, theo những tài liệu phát hiện ở Vai-tlinh". Toàn văn báo cáo của ủy ban trình chính phủ bang Xuy-rích, Xuy-rích, 1843); tác giả của bản báo cáo là ủy viên của ủy ban, nhà luật học và nhà hoạt động chính trị phản động I. C. Bluyn-sli. – 478.
- 215 Đây là nói cuộc khởi nghĩa Pa-ri ngày 12 tháng Năm 1839 do "Hội các mùa trong năm" – một hội cộng hòa - xã hội chủ nghĩa – bí mật chuẩn bị dưới sự lãnh đạo của Ô.Blăng-ki và A.Bác-bét. Cuộc khởi nghĩa này đã bị quân đội và đội vệ binh quốc gia đập tan. – 479.
- 216 *Phải xóa bỏ sự hợp nhất* (từ chữ Repeal of Union – xóa bỏ sự hợp nhất) – những người chủ trương xóa bỏ sự hợp nhất Anh – Ai-rơ-len năm 1801. Sự hợp nhất mà Chính phủ Anh áp đặt cho Ai-rơ-len sau khi đè bẹp cuộc khởi nghĩa Ai-rơ-len năm 1798, đã thủ tiêu những dấu vết cuối cùng của sự tự trị của Ai-rơ-len và đã bãi bỏ nghị viện Ai-rơ-len. Từ những năm 20 thế kỷ XIX, yêu sách đòi xóa bỏ sự hợp nhất đã trở thành khẩu hiệu phổ biến nhất của phong trào giải phóng dân tộc Ai-rơ-len; năm 1840 Hội của phái đòi xóa bỏ sự hợp nhất đã được thành lập. – 479.
- 217 Xin xem bài của Ăng-ghen "Những thắng lợi của phong trào cải cách xã hội trên lục địa", Toàn tập, t1, 1995. tr.723-727. – 480.
- 218 Ngày 27 tháng Năm 1832 cạnh pháo đài Hăm-bác ở Pphan-xơ xứ Ba-vi-e đã có cuộc biểu dương chính trị (cái gọi là *lễ hội Hăm-bác*) do các đại biểu của giai cấp tư sản tự do và cấp tiến Đức tổ chức. Những người tham gia lễ hội đã kêu gọi tất cả mọi người Đức chống các vua chúa Đức đoàn kết lại để đấu tranh cho các quyền tự do tư sản và cải cách hợp hiến.
- Ngày 27 tháng Bảy 1834, nhân lễ kỷ niệm cuộc cách mạng tháng Bảy, ở *Stai-nơ-huên-xli* gần Béc-nơ (Thụy Sĩ), dưới sự lãnh đạo của những người Đức lưu vong đã diễn ra một cuộc hội nghị đông người, trong đó người ta đã xé cờ giấy của các quốc gia Đức và treo cờ đen – đỏ – vàng lên, đồng thời đã đọc những bài diễn văn cách mạng và hát các bài ca cách mạng. – 480.
- 219 *Phái Rê-béch-ca* – những người tham gia phong trào của nông dân Nam Uên-xơ trong những năm 1843-1844 đòi bãi bỏ thuế đường sá. Tên gọi này lấy theo tên của người lãnh đạo tự xưng là Rê-béch-ca theo huyền thoại trong kinh thánh về Rê-béch-ca. Họ hoạt động ban đêm, mặc áo dài phụ nữ. – 481.

- 220 W.Weitling. "Garantien der Harmonie und Freiheit". Vivis, 1842, S.228 (V.Vai-tinh. "Những điều đảm bảo sự hài hòa và tự do". Vê-vê, 1842, tr.228). – 482.
- 221 Đây là nói cuốn sách "Jacob Grimm über seine Entlassung". basel, 1838 (Gia-cốp Grim nói về việc từ chức của mình". Ba-lơ, 1838), do G. Grim viết nhân dịp bảy giáo sư thuộc phái tự do, trong đó có Grim, bị sa thải khỏi trường Đại học Tổng hợp Gơ-tinh-ghen (xem chú thích 171). – 493.
- 222 Ăng-ghen có ý nói vụ xung đột nảy sinh giữa Chính phủ Phổ và giáo hội Thiên chúa giáo nhân vấn đề tín ngưỡng của trẻ em trong những cuộc hôn nhân hỗn hợp (giữa tín đồ Thiên chúa giáo và tín đồ đạo Tin lành). Bắt đầu từ năm 1837 bằng việc bắt tổng giám mục Khuên, người bị buộc tội phản quốc vì không chịu phục tùng yêu cầu của vua Phổ Phri-đrich – Vin-hem III, vụ xung đột này – được gọi là "*vụ nổi loạn của giáo hội*", hoặc "*vụ nổi loạn ở Khuên*" – kết thúc dưới thời Phri-đrich Vin-hem IV bằng việc Chính phủ Phổ đầu hàng Va-ti-căng. – 493.
- 223 Ăng-ghen có ý nói đến hai bài của Gơ-tơ do ông này viết năm 1831: "Für junge Dichter" ("Gửi những nhà thơ trẻ") và "Noch ein Wort für junge Dichter" ("Thêm một lời nữa gửi những nhà thơ trẻ"). – 501.
- 224 Việc Ăng-ghen quan tâm đến những quyển sách nhân dân Đức được phản ánh trong những bài "Những quyển sách nhân dân Đức", "Quê hương của Dích-phrít" và trong các trích đoạn vở bi hài kịch "Đrich-phrít không chề vào đâu được" (xem tập này, tr.23-35, 168-175, 553-567). – 502.
- 225 Đây muốn nói đến cuốn: "Christliches Gesangbuch zur Beförderung öffentlicher und häuslicher Andacht". 1. Aufl. Bremen, 1812 ("Sách bài hát Cơ Đốc giáo để cầu nguyện ở nhà và ở nơi công cộng". Xuất bản lần thứ nhất, Brê-men, 1812). – 507.
- 226 Đây muốn nói đến bài thơ của Gơ-tơ "Bài ca đêm của người khách lữ du" ("Wanderers Nachtlied") và bài thơ của Si-lơ "Lời tin tưởng" ("Die Worte des Glaubens"). – 507.
- 227 A.Knapp. "Evangelischer Liederschatz für Kirche und Haus". Eine Sammlung geistlicher Lieder aus allen christliche Jahrhunderten, gesammelt und nach den Bedürfnissen unserer Zeit bearbeitet. 2 Bde. Stuttgart und Tübingen, 1837 (A. Cơ-náp. "Kho tàng những ca khúc về đề tài kinh Phúc âm cho nhà thờ và ở nhà". Tuyển tập các bài hát tôn giáo của tất cả các thế kỷ Cơ Đốc giáo, biên soạn và chỉnh lý theo nhu cầu của thời đại chúng ta. Hai tập. Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1827). – 508.
- 228 Ăng-ghen muốn nói đến cuốn: H.Laube. "Reisenovellen". Bd. 1-4. 1. Aufl. Leipzig,

- 1833-1834, "Neue Reisenovellen". Bd. 1-2. Mannheim, 1837 (H. Lau-bê. "Truyện ngắn hành trình". T. 1-4. Xuất bản lần thứ nhất. Lai-pxích, 1833-1834; "Những truyện ngắn hành trình mới" T. 1-2. Man-hem, 1837). – 528.
- 229 J. Mosen. "Ahasver". Episches Gedicht. Dresden und Leipzig, 1838 (I. Mo-den. "A-ga-xphe". Trường ca sử thi. Dre-xđen và Lai-pxích, 1838). – 529.
- 230 Ăng-ghen có ý nói đến bài nhận xét của Gút-xcốp về trường ca của Mô-den "A-ga-xphe" đăng vào tháng Tám 1838 trong số 124 tạp chí "Telegraph für Deutschland" – 529.
- 231 Ăng-ghen có ý nói đến bài viết của Tê-ô-do Crây-xe-nác "Gút-xcốp nói về A-ga-xphe" ("Gutzkow über Ahasver"), đăng trong số 189 báo "Zeitung für die elegante Welt" ngày 27 tháng Chín 1838. – 529.
- 232 Đây là nói tập diễn ca của Ê-Đu-lơ "Die Wittelsbacher". München, 1831 ("Người Vít-ten-xba-sơ". Muyn-khen, 1831), nói về vương triều Ba-vi-e đang trị vì. – 530.
- 233 Đây là nói văn tuyển về văn học Đức do H. huyn-stét biên soạn: Sammlung ausgewählter Stücke aus den Werken deutscher Prosaiker und Dichter, zum Erklären und mundlichen Vortragen für die unteren und mittleren Klassen von Gymnasien". 2 Theile. Düsseldorf, 1830-1831 ("Tuyển tập những đoạn văn chọn lọc trong các tác phẩm của các nhà văn và nhà thơ Đức nhằm kể lại và báo cáo miệng cho các lớp dưới và lớp giữa của trường trung học". 2 phần. Đuyt-xen-đoóc-phơ, 1830-1831). – 530.
- 234 Ăng-ghen có ý nói đến bài mở đầu của Ê. Đu-lơ "Grabbe's Leben" ("Cuộc đời Grabbe") viết cho vở kịch của Gra-bê "Die Hermannschlacht" ("Trận chiến đấu Ác-mi-ni-a"). Xem Grabbe. "Die Hermannschlacht" Drama. Düsseldorf, 1838. – 531.
- 235 E.Duller. "Kaiser und Papst". Roman. In vier Theilen. Erster Theil. Leipzig, 1838, S. 284. – 531.
- 236 Ăng-ghen có ý nói đến bài bình luận tập thơ của I. Kh. Ph. Vin-clơ "Harfenklänge" ("Tiếng đàn hạc" in vào tháng Chạp 1838 trong số 208 của tạp chí "Telegraph für Deutschland" với nhan đề "Zeichen der Zeit" ("Đặc trưng của thời đại"). – 534.
- 237 Bài thơ của Ăng-ghen "Đạo lý sách vở" được in trong số 8 của tạp chí "Brremer Stadtbote" ngày 24 tháng Ba 1839. – 539.
- 238 *Mác-tô* – nhà xuất bản ở Khuên. – 544.
- 239 Tác giả của những bài thơ này – mà Ăng-ghen dẫn ra dưới dạng hơi nhại lại chút ít, – là tướng Han-xơ A-đôn-phơ Phôn Tuym-men, đại thần cung nội của tuyển đế hầu Hét-xen. Ăng-ghen gọi mỉa mai Tuym-men là nhà thơ vĩ đại. – 547.

- 240 Vào tháng Ba – tháng Tư 1839, tạp chí "Telegraph für Deutschland" đã công bố khuyết danh bài viết của Ăng-ghen ("Những bức thư từ Vúp-pơ-tan" (xem Toàn tập, t.1, 195, tr.619-649). – 551.
- 241 Có lẽ đây là nói quyển sách của Ph. Mác-lô (bút danh của nhà thơ Héc-man Lút-vích Vôn-phram) xuất bản vào năm 1839 ở Lai-pxích "Faust. Ein dramatisches Gedicht in drei Abschnitten" ("Phau-xơ. Trường ca kịch ba phần") – 552.
- 242 Bài thơ này của Ăng-ghen nhan đề "Gửi người truyền tin thành thị" được đăng trong số 34 của báo "Bremisches Unterhaltungsblatt", ngày 27 tháng Tư 1839. Xem tập này, tr. 15. – 578.
- 243 "Trường ca Lu-di-át" (Os lusiadas") – trường ca sử thi của đại thi hào Bồ Đào Nha thời đại Phục hưng Lu-ít Ca-mô-en, xuất bản năm 1572. – 578.
- 244 Ăng-ghen có ý nói đến bài viết của mình "Những bức thư từ Vúp-pơ-tan (xem Toàn tập, t.1, 1995, tr. 619-649). – 579.
- 245 Ăng-ghen trả lời bài viết của tiến sĩ Run-ken trên báo "Elbenfelder Zeitung" công kích "Những bức thư từ Vúp-pơ-tan", xem tập này, tr. 16-18 (cũng như chú thích 4). – 578.
- 246 Ludwig Börne Gesammelte Schriften. 14 Theile. 1. Augs. Hamburg, 1829-1832, Paris 1833-1834; L. und 2.Theil: Dramaturgische Blätter. Hamburg, 1829. – 582.
- 247 Ăng-ghen có ý nói đến bài viết của L.Bóc-nơ ("Về tính cách Vin-hem Te-lơ trong vở kịch của Si-lơ" ("Über den charakter des Wilhelm Tell in Schillers Drama"). Bài này phê phán rất gay gắt nhân vật của Si-lơ mà Boc-nơ coi là "Kẻ hủ lậu đứng đắn", một kẻ mà tính cách có nhiều điểm giống với người tiểu tư sản hơn nhiều so với "Người miền sơn cước dũng cảm". – 583.
- 248 Ăng-ghen có ý nói đến những quyển sách sau đây được Lút-vích Boc-nơ phân tích trên "Những trang kịch": K.Immermann. "Cardenio und Celinde". Trauerspiel in fünf Aufzügen. Berlin, 1826 (C.Im-mơ-man. "Các-đê-ni-ô và Xê-lin-đa". Bi kịch năm màn. Béc-lin, 1826); K. Immermann. "Das Trauerspiel in Tyrol". Ein dramatisches Gedicht in fünf Aufzügen. Hamburg, 1828 (C. Im-mơ-man, "Bi kịch ở Ti-rôn". Ca kịch năm màn. Hăm-buốc, 1828). Vở kịch này sau khi được tác giả chỉnh lý đã ra mắt vào năm 1835 với nhan đề "An-đrê-át Hô-phe-rơ"; E.Raupach. "Die Leibeigenen, oder Isidor und Olga". Trauerspiel in fünf Acten. Wien, 1828 (E. Rau-pa-khơ. "Nông nô, hoặc I-xi-đo và Ô-n-ga". Bi kịch năm hồi. Viên 1828); H. Claren."Der Wallmarkt. oder das Hôtel de Wibourg". Lustspiel in vier Aufzügen. Dresden und Leipzig, 1826 (H. Clau-ren. "Hội chợ len, hoặc khách sạn Vi-buốc".

- Hài kịch bốn màn. Đre-xđen và Lai-pxích, 1826); E. von Houwald. "Das Bild". Trauerspiel in fünf Akten. Leipzig, 1821 (E. Phôn Hâu-van-đơ. "Bức tranh". Bi kịch năm hồi. Lai-pxích, 1821); E. Houwald. "Der Leuchtturm". Leipzig, 1821 (E. Hao-oan. "Hải đăng". Lai-pxích, 1821. – 583.
- 249 Tạp chí ở Nu-ren-be "Athenäum für Wissenschaft, Kunst und Leben" 3. Heft, I, II. 1839 ở mục "Nhận xét" đã đánh giá "Những bức thư từ Vúp-pơ-tan" (xem Toàn tập, t.1, 1995, tr. 619-649) như sau: "Trong mấy số của tờ "Telegraph" tháng Ba năm nay có bài mô tả rất chính xác quan hệ tôn giáo của En-bơ-phen-đơ và Bác-men. Bằng một ít nét tiêu biểu. Grum-ma-khơ được mô tả ở đây rất có sức sống". – 586.
- 250 H. Leo. "Sendschreiben an Görres". Halle, 1838 (H.Lê-ô. "Thư gửi I.Guê-re-xơ". Ha-lơ, 1838). – 587.
- 251 Bài "Die Grenzen der Naturbetrachtung" ("Giới hạn của việc nghiên cứu giới tự nhiên") đã được công bố trong các số 23-25 của báo "Evangelische Kirchen – Zeitung" ngày 20, 23 và 27 tháng Ba 1839. – 593.
- 252 Kinh thánh. Kinh Tân ước. Thư thứ nhất của thánh Pi-e, chương 2, câu thơ thứ 2. Ăng-ghen viết nhầm, thay vì Pi-e ông viết Pôn. – 594.
- 253 Chr. Märklin, "Darstellung und Kritik des modernen Pietismus. Ein wissenschaftlicher Versuch", Stuttgart, 1839. – 600.
- 254 Cuộc cách mạng tháng Bảy 1830 ở Pháp nổ ra ngày 27 tháng Bảy. – 607.
- 255 Ngày 30 tháng Mười một 1835, tòa án thành phố Man-hem mở phiên tòa xử Các Gút-xcốp, tác giả cuốn tiểu thuyết "Va-li-a, người đàn bà ngờ vực". Cũng ngày hôm đó ông bị tạm giam và mãi ngày 13 tháng Giêng 1836 mới bị kết án một tháng tù không kể thời gian tạm giam về tội "báng bổ thần thánh, chà đạp tín ngưỡng và giáo hội Cơ Đốc giáo và miêu tả những tình huống vô đạo đức". Gút-xcốp ở tù từ ngày 14 tháng Giêng đến hết ngày 10 tháng Hai 1836 (xem thêm chú thích 17). – 609.
- 256 Ăng-ghen có ý nói đến quyển sách: Ch.H.Weiß "Die evangelische Geschichte, kritisch und philosophisch bearbeitet". 2 Bde. Leipzig, 1838 (C. H. Vây-xơ. "Chuyện Kinh phúc âm, được chỉnh lý theo tinh thần phê phán và triết học". Hai tập. Lai-pxích, 1838). – 610.
- 257 Trích bài thơ của C.Béch "Đạo chơi xung quanh Lai-pxích" (Tập thơ "Đêm. Những bài ca sắt thép". Chuyện thứ nhất. Đêm thứ ba). Về tập thơ này xin xem chú thích 22. – 611.

- 258 Th. Creizenach "Dichtungen". Mannheim. 1839 (T. Crây-xe-nác. "Các tác phẩm thơ ca". Man-hem, 1839). – 618.
- 259 F.von Smitt."Geschichte des Polnischen Aufstandes und Krieges in den Jahren 1830 un 1831". Theile I-II. Berlin, 1839. – Phần thứ ba của quyển sách ra mắt vào năm 1848. – 619
- 260 F. von Smilt. "Geschichte des Poinischen Aufstandes...". Theil I.Berlin, 1839, S.237. – 619.
- 261 Đây muốn nói đến quyển sách của R.Xôn-túc "La Pologne. Précis historique, politique et militaire de sa révolution". T. I – II. Paris, 1833 ("Ba Lan. Lược khảo lịch sử, chính trị và quân sự về cách mạng Ba Lan". T. I – II. Pa-ri, 1833). Ăng-ghen dựa vào bản dịch quyển sách này ra tiếng Đức xuất bản ở Stút-gát năm 1834 dưới hai nhan đề: "Polen, geographisch und historisch geschildert. Mit ener vollständigen Geschichte der Jahre 1830 und 1831. Von einem Augenzeugen" ("Mô tả địa lý và lịch sử Ba Lan. Lịch sử đầy đủ các sự kiện năm 1830 và 1831. Do một người đã được chứng kiến viết"); "Polen und seine Helden im letzten Freiheitskampfe, Nebst einem kurzen Abriß der polnischen Geschichte seit ihrem Beginne bis zum Jahre 1830 von dem Grafen Soltyk" ("Ba Lan và các anh hùng của nó trong trận chiến đấu gần đây nhất vì tự do. Kèm theo lược khảo lịch sử Ba Lan từ khi bắt đầu tồn tại đến năm 1830. Do bá tước Xôn-túc viết"). – 619.
- 262 Ăng-ghen trích dẫn bài nhại lại bài hát của hiệp sĩ già Sva-bơ ca ngợi con mình "Sohn, da hast du meinen Speer" ("Con ơi, đây là cây giáo của ta") do nhà văn Đức, bá tước Phri-drích Lê-ôn-pôn Stôn-béc-gơ sáng tác vào thế kỷ XVIII. – 624.
- 263 Ăng-ghen có ý nói đến quyển sách: "Darlegung der Haupt-Resultate aus den wegen der revolutionären Complotte der neuren Zeit in Deutschland geführten Untersuchungen. Auf den Zeitabschnitt mit Ende Juli 1838". Frankfurt am Main ("Trình bày những kết quả chủ yếu của những cuộc điều tra tiến hành trong thời kỳ hết tháng Bảy 1838 về những cuộc mưu sự cách mạng thời hiện đại ở Đức" Phran-phuốc trên sông Mai-nơ). Quyển sách này là tài liệu của ủy ban điều tra trung ương của Hiệp bang Đức phụ trách việc điều tra vụ "những người mị dân" đóng tại Phran-phuốc trên sông Mai-nơ (xin xem chú thích 116). – 633.
- 264 J.Venedey. "Preussen und Preussenthum". Mannheim, 1839. – 633.
- 265 Quyển sách của Các Gruyn "Buch der Wanderungen. Ostsee un Rhein". Cassel und Leipzig ("Sách du lịch. Biển Ban-tích và sông Ranh". Cát-xen và Lai-pxích) ra mắt năm 1839 với bút danh *Éc-nơ-xơ Phôn Đơ Hai-đơ* (Ernst von der Haide). – 637.

- 266 L.Börne "Schilderungen aus Paris". In: Gesammelte Schriften. 5. Theil. Hamburg, 1829. – 640.
- 267 D.F. Strauß. "Charakteristiken und Kritiken". Eine Sammlung zerstreuter Aufsätze aus den Gebieten der Theologie, Anthropologie und Aesthetik. Leipzig, 1839 (Đ.Ph. Stơ-rau-xơ. "Những nhận định và những bài phê bình". Tập bài viết tản mạn trong các lĩnh vực thần học, nhân chủng học và mỹ học. Lai-pxích, 1839). Bài đầu tiên trong tập sách này nói về Slai-ơ-ma-khơ và Đâu-bơ nhan đề "Schleiermacher und Daub, in ihrer Bedeutung für die Theologie unserer Zeit" ("Slai-ơ-ma-khơ và Đâu-ơ, ý nghĩa của họ đối với thần học thời đại chúng ta). Bài thứ sáu có nhan đề "Geschichten Besessener neuerer Zeit" ("Chuyện những người bị quỷ ám thời hiện đại"). – 641, 648.
- 268 Ăng-ghen có ý nói đến quyển sách của A. Tô-lúc: "Die Glaubwürdigkeit der evangelischen Geschichte, zugleich eine Kritik des Lebens Jesu von Strauß, für theologische und nicht theologische Leser dargestellt" ("Tính xác thực của lịch sử kinh Phúc âm và phê phán quyển "Cuộc đời chúa Giê-xu" của Stơ-rau-xơ dành cho độc giả là những người thần học và không phải là những người thần học"). Sách xuất bản lần thứ nhất ở Hăm-buốc năm 1837. – 642.
- 269 A. Neander. "Das Leben Jesu Christi, in seinem geschichtlichen Zusammenhange und siener geschichtlichen Entwicklung dargestellt". Hamburg, 1837 (A. Nê-an-đơ. "Cuộc đời chúa Giê-xu Ki-tô, trình bày trong mối liên hệ lịch sử của nó và trong sự phát triển lịch sử của nó". Hăm-buốc, 1837). – 643.
- 270 "Evangelische Kirichen – Zeitung" trong các số 1-8, ngày 1, 4, 8, 11, 15, 18, 22 và 25 tháng Giêng 1840 trong bài nhan đề "Vorwort" ("Lời tựa") đã chống lại quyển sách của H.Méc-clin "Darstellung und Kritik des modernen Pietismus". Stuttgart, 1838 ("Mô tả và phê phán phái kiến thành hiện đại". Stút-gát, 1839).
Về phái kiến thành, xin xem chú thích 9. – 647.
- 271 *Người theo đạo Pác-xi* – những người theo giáo phái ở Ấn Độ và I-ran thờ lửa, không khí, nước và đất, những người theo đạo Dô-rô-a-xơ-ra.
Phái phiếm thần luận tự do – những người theo giáo phái phiếm thần luận giữa thế kỷ XVI mang tính chất dân chủ và phổ biến rộng rãi ở Pháp và Thụy Sĩ. Phái phiếm thần luận tự do đã chống lại phái Can-vanh và những người theo ông ta, nhưng đã bị thất bại. (Về giáo phái Can-vanh xin xem chú thích 11). – 647.
- 272 Xem "Literarischer Anzeiger für christliche Theologie und Wissenschaft überhaupt",

- 1840, số 1 và 2, bài ("Vorwort des Herausgebers zum zehnten Jahrgange" ("Lời tựa của người xuất bản viết cho năm xuất bản thứ 10"). – 648.
- 273 Theo truyền thuyết trong kinh Phúc âm, ở thành phố Ca-na của Pa-le-xtin trong thời gian lễ hội hôn nhân, Ki-tô đã biến nước thành rượu. (Kinh thánh, Kinh Tân ước, Kinh Phúc âm của thánh Giăng, chương 2). – 649.
- 274 F.Grilparzer. "Weh" dem, der Lügt!" Lustspiel in fünf Aufzügen. Wien, 1840. – 650.
- 275 Ăng-ghen có ý nói đến bài phát biểu của giáo chủ giáo hội Phúc âm và người truyền giáo cung đình R.Ph.Ai-léc-tơ phát biểu ở phòng hiệp sĩ của cung điện nhà vua ở Béc-lin ngày 19 tháng Giêng 1840 nhân dịp lễ đăng quang và lễ hội của dòng tu và được công bố trên báo "Allgemeine Preußische Staats – Zeitung" số 20, ra ngày 20 tháng Giêng 1840. – 652.
- 276 Đây là nói quyển sách: C.von Rooteck "Allgemeine Weltgeschichte für alle Stände, von den frühesten Zeiten bis zum Jahre 1831". Bd. 4. Stuttgart, 1833 (C. Rốt-tếch, "Lịch sử phổ thông dùng cho tất cả mọi đẳng cấp, từ thời thượng cổ đến năm 1831". T.4. Stút-gát, 1833). Sách bắt đầu xuất bản vào năm 1831, – 652.
- 277 *Đảng viên đảng Than* (Carbonaro – nghĩa đen: công nhân than) – thành viên của hội mưu sự bí mật tồn tại ở I-ta-li-a vào phần ba đầu thế kỷ XIX và ở Pháp trong những năm 20 thế kỷ XIX. Các đảng viên đảng Than I-ta-li-a tập hợp trong hàng ngũ mình những người thuộc giai cấp tư sản thành thị, giới quý tộc đã tư sản hóa, giới sĩ quan, giai cấp tiểu tư sản và giai cấp nông dân, đã đặt cho mình mục tiêu là tiến hành giải phóng dân tộc, thống nhất nước I-ta-li-a và tiến hành cải cách chính trị. Các đảng viên đảng Than Pháp gồm những người thuộc những khuynh hướng chính trị khác nhau, đã đặt cho mình nhiệm vụ là lật đổ chế độ quân chủ của dòng họ Bốc-bông. – 653.
- 278 Ăng-ghen có ý nói đến bài viết của L.Suych-kinh trong số 170 của tạp chí "Telegraph für Deutschland" tháng Mười 1838 phân tích thơ của An-nét-ta Ê-li-da-bét Đrô-xte-Huyn-sốp. – 655.
- 279 Tháng Năm 1840, trong thời gian lưu lại ở Muyn-xtơ, Ăng-ghen thảo luận với hai nhà văn cấp tiến Đức L.Suych-kinh và H.Puýt-man về vấn đề xuất bản bằng tiếng Đức các tác phẩm của Se-li mà tất cả họ đã dịch. Xem thêm tập này, tr. 611. – 656.
- 280 W. Elias. "Glaube un Wissen". Ein Roman. 2 Theile. Bremen, 1839. – 657.

- 281 Xem bài "Tagebuch aus Berlin" ("Nhật ký từ Béc-lin") trong số 97 của tạp chí "Telegraph für Deutschland" số tháng Sáu 1840. – 658.
- 282 Năm 1838 quyển sách sau đây của Puýt-man được xuất bản ở Lai-pxích: "Die Düsseldorfer Malerschule und ihre Leistungen seit der Errichtung des Kunstvereines im Jahre 1829" ("Trường phái hội họa Duýt-xen-đoóc-phơ và thành tích của nó kể từ khi thành lập Hội nghệ thuật vào năm 1829"), còn vào năm 1840 thì quyển sách sau đây của ông được xuất bản ở Béc-men "Chatterton". Erster Theil. "Leben des Dichters"; Zweeter Theil. "Dichtungen" ("Sát-téc-ton". Phần thứ nhất. "Cuộc đời của nhà thơ". Phần thứ hai "Thi ca"). – 660.
- 283 Đây là nói những bài thơ của nhà thơ Anh Côn-rít-giơ được Suych-kinh dịch ra tiếng Đức. – 660.
- 284 Ngày 7 tháng Sáu 1840 báo "Blätter zur Kunde der Literatur des Auslands" do Gutxáp Pphi-xe xuất bản đã đăng bản dịch hai bài thơ của Se-li và ba bài thơ của Côn-rít-giơ của Suych-kinh. – 661.
- 285 N. Lenau. "Faust". Ein Gedicht. Stuttgart und Tübingen, 1836 (L. Lê-nau. "Phauxtơ". Trường ca. Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1983). – 676.
- 286 Fridrich von Raumer. "Geschichte der Hohenstaufen und ihrer Zeit". 6. Bde. Leipzig, 1823 - 1825 (Phri-drích Phôn Rau-mơ. "Lịch sử dòng họ Hô-hen-stau-phen và thời đại của họ. 6 tập. Lai-pxích, 1823-1825). – 677.
- 287 F.Diez. "Grammatik der romanschen Sprachen". 2. Theile. Bonn, 1836-1838 (Ph. Đi-txơ. "Ngữ pháp các ngôn ngữ Rô-manh". Hai phần. Bon, 1836-1838). – 677.
- 288 Goethe. Sämtliche Werke. Stuttgart und Tübingen, 1840 (Gơ-tơ. Toàn tập. Stút-gát và Tuy-bin-ghen, 1840). – 694.
- 289 R.E. Prutz. "Der Rhein". Gedicht. Leipzig, 1840 (R.E. Prút-xơ. "Sông Ranh". Thơ. Lai-pxích, 1840). – 706.
- 290 Cuối tháng Ba 1841, Ăng-ghen từ Brê-men trở về Béc-men. -711.
- 291 Vào nửa sau tháng Chín 1841, Ăng-ghen đi Béc-lin để làm nghĩa vụ quân sự và gia nhập lữ đoàn pháo binh với tư cách người tình nguyện nhập ngũ. – 718.
- 292 Buổi sơ diễn vở bi kịch của Các-lơ Véc-de "Cô-lông" ("Columbus") diễn ra ngày 7 tháng Giêng 1842 tại Nhà hát ca kịch hoàng gia ở Béc-lin. Trước khi bắt đầu buổi diễn và giữa hai màn, nhà hát đã cho trình diễn những trích đoạn bản giao hưởng của Bê-tô-ven. – 722.
- 293 *Những người đi trên tàu Ác-gô* – trong thần thoại Hy Lạp là những nhân vật đi

trên chiếc tàu "Ác-gô dưới sự chỉ huy của I-a-xôn tới Côn-hi-da (nay là Nam Cáp-ca-đơ) để tìm lông cừu vàng được rồng bảo vệ.

Trong bài thơ này Ăng-ghe-n cũng nhắc đến một loạt nhân vật trong thần thoại Hy Lạp như: *A-ri-át-na*, con gái của vua Mi-nốt xứ Cri-tơ đã giúp người yêu của mình là Tê-xê thoát khỏi mê cung; *Ê-ghê*, vua xứ A-ten, bố của Tê-xê; *Mi-nô-tau-ros*, quái vật thân người, đầu bò ăn thịt người đã bị Tê-xê giết chết; *Cát-mơ* (A-ghê-nô-rít) – con trai của vua A-ghê-nô-ros xứ Phê-ni-xi, nhân vật thần thoại xây dựng thành phố Phi-vơ ở Hy Lạp. – 741.

294 Bài thơ này Ăng-ghe-n viết bằng tiếng cổ Hy Lạp và đã được đọc trong buổi lễ của Trường trung học Ên-bơ-phen-đơ ngày 15 tháng Chín 1837. Chủ đề của bài thơ là huyền thoại cổ Hy Lạp về cuộc hành quân của quân đội thành phố Ác-gốt sang thành phố Phi-vơ. Cuộc hành quân do Pô-li-ních, con trai của vua Ê-đi-pơ tiến hành chống người anh là Ê-tê-ô-clơ, kẻ đã chiếm một cách bất hợp pháp quyền lực ở Phi-vơ. Do cuộc quyết đấu huynh đệ tương tàn của Pô-li-ních và Ê-tê-ô-clơ, cả hai anh em đều chết.

Trong bài thơ này. Ăng-ghe-n biểu lộ sự hiểu biết tuyệt vời về thần thoại Hy Lạp, khi ông tạo ra trên cơ sở thần thoại này một cái nền hình tượng để mô tả cuộc đấu tay đôi. Thí dụ, ông đưa vào mô tả bà vợ của vua Phi-vơ là *Di-ros-ca* tàn nhẫn muốn giết hại con gái của thần sông A-xốp là An-ti-ốp, bằng cách buộc An-ti-ốp vào sừng con bò, nhưng bản thân mẹ đã bị những người con trai của An-ti-ốp hành hình bằng cách ấy, hoặc nhắc đến nữ thần chết *Ke-ra* tượng trưng cho số phận hẩm hiu. – 765.

295 Ăng-ghe-n rời lớp trên của trường trung học theo lời khuyên của bố vào tháng Chín 1837, nhận dịp tiến sĩ Han-skê, hiệu trưởng, cấp cho ông văn bằng tốt nghiệp. – 775.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-be-li-ác (Abélard). Pi-e (1079-1142) – nhà triết học và thần học nổi tiếng người Pháp. – 386.

A-dan (Adam), A-đôn-phơ Sác-lơ (1803-1856) – nhà soạn nhạc người Pháp, tác giả nhiều vở ca kịch và múa ba-lê. – 197.

A-lếch-xan-đơ I (1777 - 1825) – hoàng đế Nga (1801 - 1825). – 202, 652.

A-ri-ô-xô (Ariosto), Lô-đô-vi-cô (1474-1533) – nhà thơ lớn của I-ta-li-a thời kỳ Phục hưng. – 575, 638.

A-ri-xô-tốt (383-322 trước công nguyên) – nhà tư tưởng vĩ đại thời cổ; trong triết học đã dao động giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, nhà tư tưởng của giai cấp chủ nô. – 638.

A-ri-xô-phan (khoảng 446 – khoảng 385 trước công nguyên) – nhà soạn kịch nổi tiếng Hy Lạp cổ đại, tác giả các vở hài kịch chính trị. – 96.

A-xpa-xi-a (sinh khoảng năm 470 trước công nguyên) – người phụ nữ Hy Lạp phóng khoáng, vợ Pê-rích-la, một người rất thông minh, được giáo dục toàn diện và đẹp nổi tiếng. – 341.

Ác-nơ-tơ (Arndt), Êc-nơ-xơ Mô-rít-xơ (1769 - 1860) – nhà văn Đức, nhà sử học và ngữ văn học, người tích cực tham gia các cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông; chưa thoát ra khỏi những yếu tố của chủ nghĩa dân tộc, người theo chế độ quân chủ lập hiến. – 176-179, 183, 186-193, 705.

Ác-nim (Arnim), Bét-ti-na (1785 - 1859) – nữ văn sĩ người Đức theo khuynh hướng lãng mạn, trong những năm 40 đã say mê những tư tưởng tự do chủ nghĩa. – 47, 527.

- Ăc-si-mét* (khoảng 287-212 trước công nguyên) – nhà toán học và cơ học vĩ đại của Hy Lạp cổ đại. – 163.
- Ai-den-béc* (Eisenbart), I-ô-han An-đrê-ác (1661-1727) – bác sĩ người Đức, khi hành nghề, bên cạnh việc vận dụng các kiến thức y học thực tiễn, ông còn sử dụng cả các phương pháp điều trị bịp bợm; đã trở thành hình tượng "bác sĩ Ai-den-bác", một bác sĩ bịp bợm trong sáng tác nghệ thuật dân gian Đức. – 395.
- Ai-léc-tơ* (Eylert), Ru-lê-man Phri-đrích (1770-1852) – giáo chủ người Đức, thành viên của Hội đồng nhà nước, người tin cậy của Phri-đrích – Vin-hem III. – 651.
- Am-buốc-gơ* (Amburgh), I-xắc van – người dạy thú nổi tiếng vào nửa đầu thế kỷ XIX. – 110.
- An-ten-stai-nơ* (Altenstein), Các-lơ (1770-1840) – bộ trưởng Phổ phụ trách vấn đề văn hóa, giáo dục và y tế (1817 - 1838), – 185, 263.
- An-ven-xle-ben* (Alvensleben), Lút-vích Các Phri-đrích vin-hem Gu-xtáp *Phôn* (1800-1868) – nhà văn và nhà chính luận phản động Đức, trong những năm 1840-1842 là một trong những người xuất bản và biên tập báo "Zeitung für den Deutschen Adel", người bảo vệ các đặc quyền của giai cấp quý tộc Đức. – 72, 191.
- Ăng-đrê-ơ* (Andreä), Phri-đrích Vin-hem – tác giả các công trình nghiên cứu về các biểu tượng. – 466.
- Ăng-ghen* (Engels), A-đê-li-na (1827-1901) – chị họ của Ph.Ăng-ghen, con gái của Ca-xpác Ăng-ghen. – 486, 664.
- Ăng-ghen* (Engels), An-na (1825-1853) – em gái của Ph.Ăng-ghen, chồng là A-đôn-phơ Phôn Gri-xhai-mơ, – 495, 509, 510, 547, 568, 570, 688, 710-713, 716, 771.
- Ăng-ghen* (Engels), Au-gu-xtơ (1797-1874) – chú của Ph.Ăng-ghen, chủ hãng "Ca-xpác Ăng-ghen và các con" ở Bắc-men. – 510, 709, 716.
- Ăng-ghen* (Engels), Au-gu-xtơ (1824-1855) – em họ của Ph.Ăng-ghen, con trai Au-gu-xtơ Ăng-ghen. – 571, 711.
- Ăng-ghen* (Engels), Các (1817-1840) – anh họ của Ph. Ăng-ghen, con trai Ca-xpác Ăng-ghen. – 487, 515.
- Ăng-ghen* (Engels), Ca-xpác (1753-1821) – ông nội Ph.Ăng-ghen. – 771.
- Ăng-ghen* (Engels), Ca-xpác (1792-1863) – bác của Ph.Ăng-ghen, từ 1849 là chủ duy nhất của hãng "Ca-xpác Ăng-ghen và các con". – 487, 771.
- Ăng-ghen* (Engels), Ê-min (1828-1884) – em trai của Ph.Ăng-ghen, đồng chủ tịch hãng "Ăc-men và Ăng-ghen" ở En-bơ-phen-đơ. – 568-571, 712, 716, 769.

- Ăng-ghen* (Engels), Héc-man (1822-1905) – em trai Ph.Ăng-ghen, chủ xưởng ở Bắc-men, đồng chủ hãng "Ăc-men và Ăng-ghen" ở En-bơ-phen-đơ. – 494, 510, 520, 536, 537, 571, 645, 712, 713, 716, 730, 770.
- Ăng-ghen* (Engels), Hét-vi-a (1830-1904) – em gái của Ph.Ăng-ghen, chồng là Phri-đrích Vin-hem Buê-linh, thương gia ở Bắc-men. – 568-571, 713, 716.
- Ăng-ghen* (Engels), Ê-lida (1934-1912) – em gái Ph.Ăng-ghen, sau khi chị gái An-na của mình mất đã trở thành vợ thứ hai của A-đôn-phơ Phôn Gri-xhai-mơ. – 713, 716.
- Ăng-ghen* (Engels), Ê-li-da-bét Phran-txi-xca Ma-vri-ki-a (nguyên họ là *Van Ha-ơ*) (1797-1873) – mẹ của Ph.Ăng-ghen. – 486, 509, 510, 513, 519, 568-573, 694, 715, 716, 736.
- Ăng-ghen* (Engels), Ê-mi-li-a (1825-1906) – chị họ của Ph.Ăng-ghen, con gái Ca-xpác Ăng-ghen. – 486.
- Ăng-ghen* (Engels), I-đa (1822-1884) – em họ của Ph.Ăng-ghen, con gái của Au-gu-xtơ Ăng-ghen, chồng là An-béc-ta Mô-li-nê-út. – 515, 674, 682, 726, 728.
- Ăng-ghen* (Engels), I-u-li-út (1818-1883) – anh họ Ph.Ăng-ghen, con trai Ca-xpác Ăng-ghen bác. – 773.
- Ăng-ghen* (Engels), I-u-li-a (1821-1875) – chị họ của Ph.Ăng-ghen, con gái Ca-xpác Ăng-ghen. – 515, 716.
- Ăng-ghen* (Engels), Ma-ri-a (1824-1901) – em gái của Ph.Ăng-ghen, chồng là các Ê-min Blăng-ơ. – 487-491, 494-497, 508-520, 537-539, 567, 581, 615, 661-683, 688-792, 707-737.
- Ăng-ghen* (Engels), Phri-đrích (1796-1806) – bố của Ph.Ăng-ghen. – 502, 513, 573, 650, 707, 714.
- Ăng-ghen* (Engels), Ru-đôn-phơ (1831-1903) – em trai của Ph.Ăng-ghen, chủ xưởng ở Bắc-men, đồng chủ hãng "Ăc-men và Ăng-ghen" ở En-bơ-phen-đơ. – 511, 659-572, 714, 717, 772.

B

- Ba-đe* (Bade), Các-lơ – sĩ quan Phổ, nhà văn quân đội. – 180.
- Ba-khơ* (Bach), Giô-han Xê-ba-xti-an (1685-1750) – nhạc sĩ vĩ đại người Đức. – 222.

- Ba-lơ* (Ball), Ghéc-man (1804-1860) – mục sư đạo Tin lành ở Vuy-n-phra-ta, sau đó ở En-bơ-phen, – 550, 551.
- Bác-mơ-bi* (Barnby), Giôn Gút-uyn (1820-1881) – linh mục người Anh, người tuyên truyền cho chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo – 484.
- Bai-ron* (Byron), Gioóc-giơ (1788-1824) – nhà thơ lỗi lạc Anh, đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng. – 124, 582, 652, 658.
- Bau-ơ* (Bauer), Bru-nô (1809-1882) – nhà tư tưởng và nhà triết học Đức, một trong những người thuộc phái Hê-ghen trẻ, đảng viên đảng cấp tiến tư sản, tác giả nhiều tác phẩm về lịch sử đạo Cơ Đốc. – 378, 416, 420, 422-427, 431, 433, 436, 441, 444, 447, 452, 456, 458-464.
- Bau-ơ* (Bauer), Ca-rô-li-na (180-1877) – nữ ca sĩ vũ kịch. – 126.
- Bau-ơ* (Bauer), ét-ga (1820-1886) – nhà chính luận Đức, theo phái Hê-ghen trẻ, em trai Bru-nô Bau-ơ, – 443, 446, 448, 458, 459.
- Ben-li-ni* (Bellini), Vin-chen-xô (1811-1835) – nhạc sĩ vĩ đại người I-ta-li-a. – 40, 196.
- Béc-gơ-man* (Bergmann), I-ôóc. G. – người môi giới về đường ở Bắc-men. – 650.
- Béc-man* (Bärmann), Ghê-ôóc Ni-cô-la-út (1785-1850) – nhà văn người Hăm-buốc. – 658.
- Béc-nơ-hác* (Bernhard) – người quen của Ph.Ăng-ghen ở Bắc-men. – 711.
- Bếch* (Beck), – Các-lơ (1817-1879) – nhà thơ tiểu tư sản Đức, vào giữa những năm 40 là đại diện của "chủ nghĩa xã hội chân chính". – 36-44, 51, 78, 95, 106, 109, 111, 528, 542, 582, 607-612, 620, 643.
- Bếch-cơ* (Becker), Ni-cô-lai-út (1809-1845) – nhà thơ tiểu tư sản Đức, tác giả bài thơ "Tĩnh Ranh của Đức" được những người theo chủ nghĩa dân tộc phổ biến rộng rãi. – 194, 705.
- Bê-răng-giơ* (Béranger), Pi-e Giăng (1780-1857) – nhà thơ, nhà dân chủ vĩ đại người Pháp, tác giả của những bài văn trào phúng cách mạng. – 96.
- Bê-tô-ven* (Beethoven), Lút-vích van (1770-1827) – nhạc sĩ vĩ đại người Đức. – 40, 198, 222, 647, 706.
- Blăng-cơ* (Blank), Vin-hem (1821-1892) – bạn học cùng trường của Ăng-ghen, về sau là thương gia. – 504, 534, 550, 578, 585, 624, 708, 715.
- Bli-um* (Blum), Các Lút-vích (1786-1844) – nhạc sĩ, nhà thơ và họa sĩ sân khấu. – 127.

- Blếch* (Bleek), Phri-đrich (1793-1859) – nhà thần học theo đạo Tin lành người Đức, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Bon, người nghiên cứu kinh thánh. – 702.
- Bluy-khơ* (Blücher), Ghéc-hác Lê-bê-rếch (1742-1818) – thống tướng Phổ, người tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp của Na-pô-lê-ông. – 438, 449.
- Boa-lô* (Boileau), Ni-cô-la (1636-1711) – nhà thơ nổi tiếng người Pháp, nhà lý luận của chủ nghĩa cổ điển. – 96.
- Boi-ten* – xem *Dắc-cơ*, Các Hen-rích.
- Bốc-man* (Beurmann), Ê-du-ác (1804-1883) – nhà văn Đức, thuộc nhóm văn học "Nước Đức trẻ", giám điệp của Chính phủ Áo. – 221, 542, 608, 617, 618.
- Bốc-nơ* (Börne), Lút-vích (1786-1837) – nhà chính luận Đức và nhà phê bình, một trong những đại biểu nổi tiếng của phái đối lập tiểu tư sản cấp tiến; về cuối đời theo chủ nghĩa xã hội Cơ Đốc giáo. – 33, 38, 39, 43, 50, 54, 70, 79, 95, 101, 136, 176, 184-186, 369, 389, 540, 591, 610, 619, 620, 633, 639, 642.
- Bran-đi-xơ* (Brandis), Cri-xchi-an Au-gu-xơ (1790-1867) – nhà nghiên cứu lịch sử triết học người Đức, đã tham gia xuất bản các tác phẩm của A-ri-xtốt. – 434.
- Brét* (Bredt), Vin-hem (Au-gu-xơ (1817-1895) – thị trưởng (1855-1857) và chánh thị trưởng Bắc-men (1857-1879). – 735.
- Brin-cơ-mây-ơ* (Brinckmeier), Ê-du-ác (1811-1897) – nhà văn, chủ bút tạp chí "Mitternachtzeitung" (1835-1839). – 658.
- Bru-tút* (Lu-xi-út Giu-ni-út Bru-tút) (mất khoảng 509 trước công nguyên) – tương truyền là người sáng lập nước Cộng hòa La Mã; đã ra lệnh hành hình các con trai mình vì họ tham gia vào âm mưu chống nước cộng hòa. – 341.
- Bru-tút* (Mác-cút Giu-ni-út Bru-tút) (khoảng 85-42 trước công nguyên) – nhà hoạt động chính trị La Mã, một trong những người khởi xướng âm mưu của nền cộng hòa quý tộc chống lại I-u-li-út Xê-da. – 531.
- Buê-mơ* (Böhme), I-a-cốp (1575-1624) – thợ thủ công người Đức, nhà triết học, – 502.
- Buốc-bông* – triều đại vua ở Pháp (1589 - 1792, 1814-1815 và 1815-1830). – 475.
- Bun* (Buli), Lút-vích (1814 – đầu những năm 80) – nhà chính luận Đức, theo phái Hê-ghen trẻ, tác giả loạt sách mỏng "Nhà yêu nước". – 442, 459.
- Bun-den* (Bunsen), Các-lơ (sinh năm 1821) – trong những năm 1841-1842 là sinh viên khoa luật trường Đại học Tổng hợp Bon, về sau là nhà ngoại giao. – 733.
- Buy-lốp* – *Cum-me-rốp* (Bülow-Cummerow), Êc-nơ-xơ Gốt-phrít Ghê-ôóc (1775-1851) –

nhà chính luận phản động và nhà hoạt động chính trị Đức, người thể hiện các quan điểm của tầng lớp địa chủ – quý tộc Phổ. – 376.

Buýp-phông (Buffon), Gioóc-giơ Lu-i (1707-1788) – nhà tự nhiên học lỗi lạc người Pháp. – 94.

C

Ca-bê (Cabet), Ê-chiên (1788-1856) – nhà chính luận Pháp, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cộng sản hòa bình không tưởng, tác giả cuốn sách "Cuộc hành trình đến I-ca-ri-a". – 479-482.

Ca-mô-en (Camoens), Lu-ít (khoảng 1524-1580) – nhà thơ Thổ Nhĩ Kỳ thời kỳ Phục hưng. – 578.

Ca-pen-lơ (Capelle) Êc-nơ-xơ Phri-đrich Côn-rát (1790-1848) – mục sư đạo Tin lành ở Brê-men, người theo chủ nghĩa duy lý. – 687.

Ca-ri-e (Carrière), Mô-rít-xơ (1817-1895) – nhà triết học duy tâm Đức, giáo sư mỹ học. – 113.

Ca-tô (Mác-cút Poóc-xi-út Ca-tô chất) (95-46 trước công nguyên) – nhà hoạt động nhà nước La Mã, thủ lĩnh đảng cộng hòa quý tộc; không muốn sống trong cảnh nền cộng hòa bị sụp đổ nên đã tự vẫn. – 341.

Cam-péc-man (Dòng họ) (Kampermann) – gia đình một chủ xưởng dệt. – 491.

Cam-péc-man (Kampermann). Lau-ra (sinh năm 1827) – bạn gái của các em gái Ph.Ăng-ghen. – 569, 571, 573.

Can-ca-rơ (Calcar), I-an Van (bút danh là I-ô-xta) (khoảng 1460-1519) – họa sĩ Hà Lan. – 171.

Can-đê-rôn Đờ La Béc-ca (Calderon de la Barca), Pê-đrô (1600-1681) – nhà viết kịch lỗi lạc Tây Ban Nha. – 134, 138.

Can-tơ (Kant), Im-ma-nu-in (1724-1804) – người sáng lập ra triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm, nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức. – 37, 74, 154, 162, 164, 210, 217, 244, 251, 269, 296, 592.

Can-vanh (Calvin), Giăng (1509-1564) – nhà hoạt động nổi tiếng của thời kỳ Cải cách tôn giáo, người sáng lập một trong những khuynh hướng của đạo Tin lành – thuyết Can-vanh, thể hiện lợi ích của giai cấp tư sản thời kỳ tích lũy ban đầu của tư bản. – 21, 647.

Clau-đi-út (Clandius). Mát-ti-a-xơ (1740-1815) – nhà văn Đức, tác giả một loạt bài hát. – 676.

Clau-ren (Clauren), Hen-rích (bút danh của Các Hoi-nơ) (1771-1854) – nhà văn Đức, tác giả những cuốn tiểu thuyết và truyện ngắn trữ tình. – 583.

Clốp-stốc (Klopsfock), Phri-đrich Gốt-líp (1724-1803) – nhà thơ Đức, một trong những đại biểu của thời kỳ Khai sáng tư sản ở Đức. – 419, 527.

Coóc-mơ-nen (Cormenin), Lu-i Ma-ri Đơ La-ê, tử tước Đờ (1788-1868). – nhà hoạt động chính trị Pháp, luật sư, tác giả các bài văn đả kích chống chế độ quân chủ của Lu-i Phi-líp. – 471, 473.

Coóc-nen (Cormeille), Pi-e (1606-1684) – nhà soạn kịch lỗi lạc Pháp, một trong những người sáng lập chủ nghĩa cổ điển Pháp. – 211.

Cô-lông, Cri-xtốp (1451-1506) – nhà hàng hải lỗi lạc. – 722.

Cô-péc-ních (Kopernik), Ni-cô-lai (1473-1543) – nhà thiên văn học vĩ đại Ba Lan, người lập ra thuyết về hệ thống mặt trời là trung tâm của vũ trụ. – 59.

Cô-txê-bu (Kotzebue), Au-gu-xơ (1761-1819) – nhà văn và nhà chính luận phản động Đức. – 11, 165, 499, 504, 507.

Cô-xman-li (Kobmaly), Các (1812-1873) – nhà phê bình âm nhạc Đức, giáo sư âm nhạc và nhạc trưởng. – 223.

Côn (Kohl), An-béc (1802-1882) – mục sư đạo Tin lành ở En-bơ-phen-đơ (1831-1862), theo phái Kiền thành. – 535, 551.

Côn-man (Kohlmann), I-ô-han Men-khi-ô (1795-1864) – mục sư ở Hoóc-nơ, gần Brê-men (1829-1864). – 686.

Côn-rít-giơ (Coleridge), Xa-muy-en Tay-lo (1772-1834) – nhà thơ và nhà phê bình văn học Anh, lúc đầu chịu ảnh hưởng của cách mạng Pháp, đã bảo vệ các quan điểm xã hội chủ nghĩa, sau đó là đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn phản động. – 660, 661.

Công-xi-đê-răng (Considérant), Vích-to (1808-1893) – nhà chính luận Pháp, nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng, học trò và người kế tục của Phu-ri-ê. – 482.

Công-xtăng (Constant), Ben-gia-manh (1767-1830) – nhà hoạt động chính trị tự sản Pháp thuộc phái tự do, nhà chính luận và nhà văn; đã nghiên cứu các vấn đề về pháp quyền nhà nước. – 482, 484.

Cơ-náp (Knapp), An-be (1798-1864) – nhà thơ Đức, tác giả của các bài thánh ca và bài ca chính thức, theo phái Kiền thành. – 125, 419, 508.

- Cra-be* (Krabbe) – nhà xuất bản ở Stút-gát. – 657.
- Crây-xe-nác* (Creizenach), Tê-ô-đô (1818-1877) – nhà thơ và nhà phê bình văn học Đức theo khuynh hướng tự do. – 37, 95, 529, 618, 636.
- Crây-sơ* (Kreuzer), Côn-ra-đin (1780-1849) – nhạc sĩ và nhạc trưởng Đức. – 912.
- Cru-xbê-cơ* (Krusbecker), I-an – người môi giới ở Brê-men. – 581.
- Cri-xti-na* (Kristine) – nữ nhân viên của viên lục sự Lôi-pôn-đơ ở Brê-men. – 671.
- Crum-ma-khơ* (Krummacher), Phri-đrich A-đôn-phơ (1767-1845) – nhà giáo dục, nhà thần học, mục sư ở Brê-men (1842-1843), tác giả các bài ngụ ngôn nổi tiếng. – 132, 160, 419, 457, 535, 545, 551, 552, 579, 685.
- Crum-ma-khơ* (Krummacher), Phri-đrich Vin-hem (1796-1868) – nhà truyền giáo Đức, mục sư theo giáo phái Can-vanh, người đứng đầu phái Kiên thành ở Vúp-pơ-tan. – 19, 21, 153, 154, 159-162, 216-221.

D

- Dai-phốt* (Seyffert) – sĩ quan Phổ, mật vụ. – 441.
- Dan-đơ Goóc-giơ* – xem *Xan-đơ Goóc-giơ*.
- Dát-xơ* (Sass), Phri-đrich (bút danh là A-lếch-xan-đơ *Dôn-ve-đen*) (1819-1851) – nhà chính luận Đức, theo phái Hê-ghen trẻ, thuộc phái "chủ nghĩa xã hội chân chính". – 221.
- Dắc-cơ* (Sack), Các Hen-rích (biệt danh là *Boi-ten*) (1789-1875) – nhà thần học Tin lành Đức, giáo sư ở Bon. – 416, 434, 435, 439, 452, 454, 457-462.
- Dây-đen-man* (Seydelmann), Các (1793-1843) – ca sĩ người Đức. – 164.
- Di-ben* (Seibel), Cri-xti-an Héc-man (1808-1879) – chủ xưởng ở Bắc-men, chồng của Lu-i-đa Xnét-la-gơ, cháu Ph.Ăng-ghen. – 712, 729.
- Dim-rốc* (Simrock), Các I-ô-dép (1802-1876) – nhà thơ và nhà ngữ văn học Đức, người chỉnh lý các tác phẩm văn học Đức thời trung cổ và các sử thi dân gian. – 25, 29, 35.
- Dôn-ve-đen* (Soltwedel), A-lếch-xan-đơ – xem *Dát-xơ*, Phri-đrich.

Đ

- Dan-tơ A-li-ghi-e-ri* (Dante Alighieri) (1265-1321) – nhà thơ vĩ đại I-ta-li-a. – 17.

- D'An-vi-en-la* (D'Alviella), Lu-i Cốp-lét – trong những năm 1841-1842 là sinh viên trường Đại học Tổng hợp Bon. – 731.
- Dăng-tông* (Danton), Gioóc-giơ Giắc-cơ (1759-1794) – một trong những nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII; lãnh tụ cánh hữu của phái Gia-cô-banh. – 423; 424, 452, 460.
- Dau-bơ* (Daub), Các-lơ (1765-1836) – nhà thần học Tin lành Đức theo khuynh hướng tư biện. – 641, 649.
- Đéc-khim* (Derkhim) – nhân viên của hãng Lôi-pôn-đơ ở Brê-men. – 668, 671, 679.
- Đê-các-tơ* (Descartes), Rơ-nê (1596-1650) – nhà triết học nhị nguyên luận lỗi lạc Pháp, nhà toán học và tự nhiên học. – 251, 261.
- Đê-li-út* (Deliuss), Ni-cô-la-út (1813-1886) – nhà ngữ văn Đức, nhà Sếch-xpia học, từ năm 1863 là giáo sư trường Đại học Tổng hợp Bon. – 131.
- Đi-ô-ghen* ở Xi-nô-pơ (khoảng 404 – khoảng 323 trước công nguyên) – nhà triết học cổ Hy Lạp, một trong những người sáng lập trường phái Xi-ních thể hiện sự phản kháng tiêu cực của tầng lớp dân nghèo chống lại sự thống trị của bọn giàu có. – 639.
- Đi-xơ* (Dierz), Cri-xti-an Phri-đrich (1794-1876) – nhà ngôn ngữ học Đức, một trong những người đặt nền móng cho môn ngôn ngữ học so sánh lịch sử, tác giả cuốn ngữ pháp so sánh tiếng Rô-manh đầu tiên. – 677.
- Đi-xơ* (Diest), Ốt-tô Các Ê-rích Hen-rích – những năm 1841-1842 là sinh viên khoa luật trường Đại học Tổng hợp Bon. – 734.
- Đin-ghen-siét* (Dingelstedt), Phran-tơ, bá tước (1814-1881) – nhà thơ và nhà văn Đức, lúc đầu là đại biểu của thơ ca chính trị đối lập tiểu tư sản, từ giữa những năm 40 là nhà viết kịch cung đình, theo chủ nghĩa quân chủ. – 37, 543.
- Đô-mi-xi-an* (Tít Phla-vi Đô-mi-xi-an) (51-96) – hoàng đế La Mã (81-96). – 472.
- Đô-ni-xét-ti* (Donizetti), Ga-ê-ta-nô (1797-1848) – nhạc sĩ nổi tiếng I-ta-li-a. – 164, 196.
- Đôm-brốp-xki* (Dombrowski), I-an Hen-rích (1755-1818) – tướng Ba Lan, người tổ chức cuộc khởi nghĩa năm 1806 ở Ba Lan, tham gia các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I (1806-1807, 1809 và 1812). – 201.
- Đrô-xte-Huyn-sốp* (Droste-Hülshoff), An-nét-ta Ê-li-da-bét *Phôn* (1797-1848) – nữ văn sĩ và nữ thi sĩ người Đức. – 124, 655, 662.

- Du-lơ* (Duller), Ê-du-a (1809-1853) – nhà văn Đức, người theo chủ nghĩa lãng mạn phản động, tác giả các truyện ngắn lịch sử. – 51, 530, 544.
- Duê-rinh* (Döring), Các Au-gu-xơ (1783-1844) – nhà truyền giáo đạo Tin lành ở En-bơ-phen-đơ, tác giả các bài thơ mang nội dung tôn giáo. – 21, 551.
- Dun-tơ* (Duntze) – thị trưởng Brê-men. – 547.
- Duy-ma* (Dumas), A-lếch-xăng-đơ (cha) (1803-1870) – nhà văn nổi tiếng Pháp. – 49.
- Duy-sa-ten* (Duchâtel) Sác-lơ (1803-1867) – nhà hoạt động nhà nước Pháp, theo phái Ốc-lê-ăng, bộ trưởng nội vụ (1839-1840, 1840 – tháng Hai 1848). – 377.
- Duyéc-hôn-tơ* (Dürholt) – thư ký của hãng Vít-ten-stai-nơ ở Hạ Bác-men. – 551.

E

- En-ghen-man* (Engelmann), Vin-hem (1808-1878) – chủ nhà xuất bản sách cùng tên được thành lập năm 1841 ở Lai-pxích. – 657, 660.
- Êc-man* (Erdmann), I-ô-han Ê-đu-ác (1805-1892) – nhà triết học Đức, người theo phái Hê-ghen trẻ thuộc cánh hữu. – 705.
- Êc-nơ-xơ-Au-gu-xơ* (1771-1851) – vua Han-nô-vơ (1837-1851). – 390, 493, 607, 653.
- Ê-béc-lai-nơ* (Eberlein) – nhân viên của hãng Lô-i-pôn-đơ ở Brê-men. – 489, 677, 680.
- Ê-béc-tơ* (Ebert), Các Ê-gôn (1801-1882) – nhà thơ lãng mạn người Áo. – 544.
- Ê-den-man* (Edelmann), I-ô-han Cri-xti-an (1698-1767) – nhà thần học Đức, ông bị xua đuổi vì tán thành tự do tư tưởng trong các vấn đề tôn giáo. – 423, 461.
- Ê-đu-a VII* (1841-1910) – hoàng tử Anh, từ 1901 là vua Anh và Ai-rơ-len. – 720
- Ê-ghen* (Egen), Ca-xpác (1793-1849) – giáo viên toán và vật lý, sau là hiệu trưởng trường trung học chuyên khoa tự nhiên ở En-bơ-phen-đơ. – 17.
- Ê-li-át* (Elias), Vin-hem – nhà văn Đức, người theo phái Kiền thành. – 657.
- Ê-si-lơ* (525-456 trước công nguyên) – nhà soạn kịch xuất sắc của Hy Lạp cổ đại, tác giả của nhiều vở kịch cổ điển. – 576, 577.
- Ê-vích* (Ewich), I-ô-han I-a-cốp (1788-1863) – nhà sư phạm Đức, một trong những người sáng lập ra trường trung học thành phố Bác-men. – 613.

G

- Ga-bơ* (Gabler), Ghê-oóc An-drê-xơ (1786-1853) – nhà triết học Đức thuộc phái Hê-ghen, năm 1835 là giáo sư chuyên về Hê-ghen ở Béc-lin. – 375.
- Ga-li-lê* (Galilei), Ga-li-lê-ô (1564-1642) – nhà vật lý và nhà thiên văn vĩ đại I-ta-li-a, người đặt nền móng cho môn cơ học, chiến sĩ đấu tranh vì một thế giới quan tiến bộ. – 59.
- Gan-xơ* (Gans), Ê-đu-a (khoảng 1798-1839) – giáo sư Đức thuộc phái hữu, thuộc phái Hê-ghen. – 186, 249, 254, 586, 611, 648.
- Ghe-ra-đi-mi* (Gerasimi) (mất năm 475) – linh mục đạo Cơ Đốc, cha xứ của một tu viện ở Pa-le-xtin. – 27.
- Ghê-dê-ni-út* (Gesenius), Vin-hem Phri-đrich Héc-man (1786-1842) – nhà ngôn ngữ học Đức, người nghiên cứu ngôn ngữ Xê-mít và nhà thần học Tin lành, người theo chủ nghĩa duy lý. – 641.
- Ghi-đô* (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787-1874) – nhà sử học và nhà hoạt động nhà nước tư sản Pháp, từ năm 1840 đến Cách mạng tháng Hai 1848 lãnh đạo chính sách đối nội và đối ngoại của Pháp, thể hiện lợi ích của giai cấp đại tư sản tài chính. – 470, 689.
- Giăng Pôn* (Jean Paul) (bút danh của Giô-han Pau-li Phri-đrich Rích-tơ) (1763-1825) – nhà văn trào phúng tiểu tư sản Đức. – 95, 620, 621.
- Giôn* (Johon) – một người Anh quen biết Ăng-ghen. – 548.
- Giông-hau* (Jonghaus), Pê-tơ (1816-1844) – bạn học cùng trường phổ thông của Ăng-ghen, về sau là mục sư. – 494, 509, 56, 527, 551, 578, 613.
- Gluych* (Gluck), Cri-xtốp Vi-li-ban-đơ (1714-1787) – nhạc sĩ vĩ đại Đức. – 222.
- Gô-ri-xen* (Gorissen), Giôóc-giơ – hàng xóm của Ăng-ghen ở Brê-men. – 492, 493.
- Gô-xnơ* (Goßner), I-ô-han-nét (1773-1858) – nhà thần học Đức, theo đạo Thiên chúa, sau năm 1826 là nhà truyền giáo Tin lành, cha cố và người theo phái Kiền thành. – 618.
- Gốt-phrít* (Gottfried), Ghe-di-na (1785-1831) – kẻ đầu độc ở Brê-men, đã bị xử tử công khai. – 684.
- Gốt-phrít Bu-li-ôn* (khoảng 1060-1100) – công tước Hạ Lo-ren-nơ (1089-1100), một trong những người cầm đầu cuộc thập tự chinh lần thứ nhất. – 27, 742.

- Göt-phrit Xto-ra-xbua* (cuối thế kỷ XII – đầu thế kỷ XIII) – nhà thơ Đức thời trung cổ, tác giả bản trường ca nghĩa hiệp "Tơ-ri-xtan và I-dôn-đa". – 32.
- Gốt-sét* (Gottsched), I-ô-han Cri-xtốp (1700-1766) – nhà văn và nhà phê bình Đức, đại biểu của sơ kỳ thời kỳ khai sáng ở Đức hồi thế kỷ XVIII. – 52.
- Gơ-tơ* (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749-1832) – nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức. – 28, 39, 54, 80, 88, 95, 105, 130, 164, 178, 204, 427, 501, 507, 512, 527, 541, 552, 558, 583, 584, 613, 614, 620, 694.
- Gra-ve* (Grave) – nhân viên của hãng Lôi-pôn-đơ ở Brê-men. – 497.
- Grae-bơ* (Graeber), Vin-hem (1820-1895) – bạn học của Ăng-ghen, về sau là mục sư. – 491-493, 496-502, 505-507, 514, 524, 526, 533, 549, 582, 601 – 615, 617-623, 631-642, 683-786.
- Grae-bơ* (Graeber), Héc-man (1814-1904) – giáo viên dạy tiếng cổ ở trường phổ thông thành phố Brê-men (1836-1840), về sau là mục sư. – 624.
- Grae-bơ* (Graeber), Phri-đrich (1822-1895) – bạn học cùng trường của Ăng-ghen, về sau là mục sư. – 492-494, 498-503, 505-508, 514, 521, 525-535, 539-545, 567, 576, 581, 588-604, 610, 623-633, 642-652, 701-704.
- Gren* (Grel) – bạn của Ăng-ghen. – 684.
- Gri-xhai-mơ* (Griesheim), Phri-đê-rích-ca *Phôn* (nguyên họ là *Van Ha-rơ* (1789-1880) – cô của Ăng-ghen. – 488, 774.
- Gri-xhai-mơ* (Griesheim), A-đôn-phơ *Phôn* (1820-1894) – chủ xưởng Đức, thành viên của Công ty "Éc-man và Ăng-ghen", chồng của An-na, em gái Ph.Ăng-ghen, sau khi An-na mất, là chồng của Ê-li-da. – 712, 774.
- Grim* (Grimm), anh em – *Vin-hem* (1786-1859) và *Gia-cốp* (1785-1863) – hai nhà ngữ văn Đức, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Béc-lin, tác giả nổi tiếng trong việc chỉnh lý các truyện dân gian Đức và anh hùng ca thời trung cổ. – 34, 117, 169, 492.
- Grin-pác-xê* (Grillparzer), Phran-tơ (1791-1872) – nhà viết kịch nổi tiếng người Áo theo khuynh hướng tự do ôn hòa. – 543.
- Grô-xơ-cruê-ít-xơ* (Grosscreutz), A. *Phôn* – cộng tác viên của báo văn học tư sản Đức "Abend-Zeitung". – 561.
- Gruê-ninh* (Groening), Hen-rích (1774-1839) – thị trưởng Brê-men (từ năm 1817). – 545.
- Gruyn* (Grün), A-na-xta-di-út (1806-1876) – nhà văn Áo, trong những năm 30 đã xuất

- bản giấu tên một số cuốn sách mỏng có nội dung phê phán thế lực phản động của bọn phong kiến và Thiên chúa giáo ở Đức. – 114, 541, 543.
- Gruyn* (Grün), Các (1917-1887) – nhà chính luận tiểu tư sản Đức, giữa những năm 40 là một trong những đại biểu chủ yếu của "chủ nghĩa xã hội chân chính". – 37, 98, 113, 637.
- Guê-re-xơ* (Görres), Gvi-đô Mô-rít-xơ (1805-1852) – nhà văn Thiên chúa giáo Đức, chủ bút tạp chí Thiên chúa giáo phản động "Historisch-politische Blätter". – 64, 65-66.
- Guê-re-xơ* (Görres), I-ô-han-nét Giô-dép *Phôn* (1776-1848) – nhà văn Đức theo khuynh hướng lãng mạn phản động, nhà ngữ văn học và sử học, ủng hộ đạo Thiên chúa. – 24, 26, 33, 35, 586.
- Gút-ten-béc* (Gutenberg), I-ô-han (khoảng 1400-1468) – nhà phát minh lỗi lạc Đức, người sáng tạo ra phương pháp in sách ở châu Âu. – 57, 61, 63, 70, 128, 660.
- Gút-xcốp* (Gutzkow), Các (1811-1878) – nhà văn Đức, một trong những đại biểu của nhóm văn học "Nước Đức trẻ"; trong những năm 1838-1842 là chủ bút tạp chí "Telegraph für Deutschland". – 77, 79-83, 86, 126, 529, 534, 541, 542, 551, 579, 592, 604, 615, 618-621, 640, 658, 660.

H

- Ha-de* (Hase) – thượng nghị sĩ ở Brê-men. – 547.
- Ha-rơ* (Haar), Béc-nơ-hác, *Van* (1760-1837) – ông ngoại của Ph.Ăng-ghen. – 741, 771-773.
- Ha-rơ* (Haar), Lút-vích, *Van*, con trai Béc-nơ-hác. – 773.
- Ha-rơ* (Haar), Phran-txi-xca Cri-xti-na, *Van* (sinh năm 1758) – bà ngoại của Ph.Ăng-ghen. – 488, 770, 773.
- Hai-đơ*, Éc-nơ-xơ *Phôn Đơ* – xem *Gruyn*, Các.
- Hai-đơ-nơ* (Haydun), Phran-tơ I-ô-dép (1732-1809) – nhạc sĩ vĩ đại Áo. – 222.
- Hai-nơ* (Heine), Hen-rích (1797-1856) – nhà thơ cách mạng vĩ đại Đức. – 37, 41, 47, 70, 94, 99, 103, 109, 112, 176, 211, 219, 242-252, 527, 540, 608, 620, 645.
- Hai-nơ-ken* (Heineken), H.A. – người môi giới ở Brê-men. – 546.
- Ham-me-rích* (Hammerich), I-ô-han Phri-đrich – người xuất bản ở An-tôn. – 657, 659.

- Han-tso-kê* (hantschke), I-ô-han Các Lê-bê-re-xơ (1796-1856) – giảng viên chính của trường trung học cổ điển ở En-bơ-phen-đơ, quyền hiệu trưởng, giáo viên của Ph.Ăng-ghen. – 664, 694, 772, 777.
- Hao-ben* (Houben), Phi-líp (mất khoảng năm 1855) – chưởng khế viên ở Cơ-xan-ten chuyên gia về lịch sử thế giới cổ đại, nhà khảo cổ học. – 172.
- Hao-oan* (Houwald), Cri-xtốp Êc-nơ-xơ (1778-1845) – nhà viết kịch Đức theo khuynh hướng lãng mạn phản động. – 582.
- Hăng-ri IV* (1553-1610) – vua Pháp (1589-1610). – 680.
- He* (He), bác sĩ. – 508.
- He-rinh* (Häring), Vin-hem (bút danh là *Vin-li-ban A-lếch-xít*) (1798-1871) – nhà văn Đức, tác giả của nhiều tiểu thuyết lịch sử. – 541.
- Héc-lô-xơ-dôn* (Herloßsohn) – Các (1804-1849) – nhà văn Đức theo khuynh hướng tự do. – 544, 560.
- Héc-man* (Hemann), Rai-nơ-hác (1806-1839) – mục sư đạo Tin lành ở En-bơ-phen-đơ. – 550.
- Héc-vếch* (Herwegh), Ghê-oóc (1817-1875) – nhà thơ nổi tiếng người Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, về sau theo phái Lát-xan. – 232.
- Hen* (Hell), Tê-ô-đo – xem *Vin-clơ*, Tê-ô-đo.
- Hen-đen* (Händel), Ghê-oóc Phri-đrích (1685-1759) – nhạc sĩ vĩ đại Đức. – 698.
- Hen-lơ* (Heller), Rô-bóc (1812-1871) – nhà văn và nhà chính luận Đức, theo khuynh hướng tự do. – 544, 559.
- Hen-me-xơ* (Helves), I-ô-han I-a-cốp (sinh năm 1788) – người dân ở Bắc-men, chứng kiến lễ cấp giấy khai sinh cho Phri-đrích Ăng-ghen. – 769.
- Hen-ninh* (Henning), Lê-ô-pôn *Phôn* (1791-186) – nhà triết học thuộc phái Hê-ghen, người Đức, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Béc-lin. – 378.
- Hen-rích Lép* (1129-1195) – công tước Đắc-đen (1139-1180) và Ba-vi-e (1156-1180), một trong những người tham gia chính vào cuộc hành quân xâm lược của bọn phong kiến Đức chiếm đất đai của người Xla-vơ và các cuộc chiến tranh phong kiến tương tàn ở Đức. – 17.
- Hen-rích IV* (1553-1610) – vua Pháp (1589-1610). – 679.
- Heng-xten-bếch* (Hengstenberg), Êc-nơ-xơ Vin-hem (1802-1869) – nhà thần học Đức, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Béc-lin, một nhân vật cực kỳ phản động. – 416, 440, 457, 459, 463, 542, 591, 601, 632, 642, 643, 647, 703, 705.

- Hét-xen* (Hessel), Rai-nơ-bác (1086-1891) – mục sư Tin lành ở En-bơ-phen-đơ. – 517.
- Hê-ghen* (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrích (1770-1831) – đại biểu lớn nhất của triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm khách quan, đã nghiên cứu một cách toàn diện nhất phép biện chứng duy tâm; nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức. – 37, 46, 50, 51, 64-70, 73, 97, 105-107, 112, 133, 154, 184-186, 210, 214, 254-265, 268, 279, 282-287, 288-295, 299, 304, 305, 328, 329, 331, 345, 375-378, 392, 422-428, 434, 459-461, 563, 566, 587, 627, 640, 645-648.
- Hi-pô-crát* (khoảng 460 – khoảng 377 trước công nguyên) – nhà y học lỗi lạc của Hy Lạp cổ đại, một trong những người sáng lập nền y học cổ đại. – 640.
- Hiếc-xen* (Hirzel), Béc-nơ-hác (1807-1847) – linh mục người Thụy Sĩ, một người phản động, nhà đông phương học. – 457.
- Hin-rích* (Hinrichs), Héc-man Phri-đrích Vin-hem (1794-1861) – giáo sư triết học người Đức, người thuộc cánh hữu của phái Hê-ghen. – 647.
- Hoi-đơ* (Heuser), Gu-xtáp – bạn của Ăng-ghen ở En-bơ-phen-đơ. – 578, 622, 644, 650.
- Hô-me* – nhà thơ gần như huyền thoại của Hy Lạp cổ đại, tác giả những bản tình ca sử thi "I-li-át" và "Ô-đi-xê". – 28, 143, 575, 774.
- Hô-ra-xơ* (Kính-tút Hô-ra-ti-út Pla-cút) (năm 65-8 trước công nguyên) – nhà thơ La Mã lỗi lạc. – 96, 610, 773.
- Hô-tô* (Hotho), Hen-rích Gu-xtáp (1802-1873) – giáo sư mỹ học và lịch sử nghệ thuật của trường Đại học Tổng hợp Béc-lin, người theo phái Hê-ghen. – 50.
- Hôn-bây-nơ* (Holbein), Gan-xơ, em (1497-1543) – họa sĩ và họa sĩ đồ họa lỗi lạc Đức thời kỳ Phục hưng. – 171, 226.
- Hóp-man-xvan-dâu* (Hofmannswaldau), Cri-xti-an (1617-1679) – nhà thơ Đức, đại biểu của nền văn học của tầng lớp quý tộc thể hiện lợi ích của bọn phản động phong kiến ở Đức. – 51.
- Hơ-xít-xơn* (Huskisson), Uy-li-am (1770-1830) – nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri, bộ trưởng thương mại (1823-1827), người tán thành việc nhượng bộ về mặt kinh tế trước giai cấp tư sản công nghiệp, đưa ra biểu thuế hạ mức thuế quan nhập khẩu đối với một số mặt hàng. – 379.
- Hu-bơ* (Hub), I-gnát-xơ (bút danh là Phran-cơ *Phôn Stây-nắc*) (1810-1880) – nhà thơ Đức và nhà chính luận, người sáng lập ra tờ "Rheinisches Odeon". – 544.

Hu-xơ (Hus), I-an (khoảng 1369-1415) – lãnh tụ của cuộc Cải cách tôn giáo ở Séc, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Pra-ha, người tham gia phong trào giải phóng dân tộc Séc; bị buộc tội theo tà đạo và bị thiêu trên giàn lửa; vị anh hùng dân tộc của nhân dân Séc. – 635.

Huê-lơ (höller) ở Đô-lin-ghen – người quen của Ph.Ăng-ghen ở Brê-men. – 667, 687.

Huê-xte-rây (Hösterey) – người quen của gia đình Ăng-ghen ở Bắc-men. – 723.

Hút-ten (Hutten), Un-rích Phôn (1488-1523) – nhà thơ nhân văn chủ nghĩa Đức, ủng hộ cuộc Cải cách tôn giáo, tham gia cuộc khởi nghĩa của các hiệp sĩ những năm 1522-1523 và là nhà tư tưởng của phong trào. – 232.

Huy-gô (Hugo), Vích-to (1802-1885) – nhà văn vĩ đại Pháp. – 49.

Huy-néc-bai (Hühnerbein), Ph. B – một người cộng sản Đức, là thợ may; ủy viên ủy ban an ninh trong thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa ở En-bơ-phen-đơ tháng Năm 1849. – 572.

Huyn-stết (Hullstett), G. Các An-tôn – giảng viên chính ở Đuyt-xen-đoóc-phơ, hoạt động trong lĩnh vực văn học, người biên soạn hợp tuyển văn học Đức cho học sinh các trường trung học cổ điển. – 530.

I

I-a-cô-bi (Jacoby), I-ô-han (1805-1877) – nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Đức, nhà dân chủ tư sản. – 406, 409-412.

I-a-cô-bi (Jacoby), Phran-tơ Các I-ô-en (1810-1863) – nhà văn phản động người Đức. – 64-67.

I-a-cô-bi (Jacobi), Phri-đrích Hen-rích (1734-1819) – nhà triết học duy tâm Đức, người theo chủ nghĩa tín ngưỡng. – 299.

I-a-sman (Jachmann), Các Rai-nơ-hôn (mất năm 1873) – nhà thần học và nhà chính luận Đức. – 388.

I-ác-ke (Jareke), Các Êc-nơ-xơ (1801-1852) – luật sư Đức và nhà chính luận, một nhân vật phản động. – 65.

I-an (Jahn), Phri-đrích Lút-vích (1778-1852) – nhà văn Đức và nhà chính luận, nhà tổ chức phong trào thể dục thể thao ở Đức, người tham gia tích cực cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống ách thống trị của chế độ Na-pô-lê-ông, người theo chủ nghĩa dân tộc. – 178, 182, 210.

I-rốt (năm 73-4 trước công nguyên) – hoàng đế I-u-đây (40-4 trước công nguyên). – 345.

I-tơ-stanh (Itzstein), I-ô-han A-đam (1775-1855) – nhà hoạt động chính trị Đức, một trong những người lãnh đạo phái đối lập – phải tự do – ở nghị viện Ba-đen. – 398.

I-ung (Jung), Ghê-oóc (1814-1886) – nhà chính luận Đức thuộc phái Hê-ghen, một trong những người chịu trách nhiệm xuất bản tờ "Rheinische Zeitung", nhà dân chủ tiểu tư sản. – 442, 458.

I-ung (Jung) – người đứng đầu Trường nữ học đại công quốc ở Man-hem. – 662, 729, 731.

Im-mơ-man (Immermann), Các Lê-brếch (1796-1840) – nhà văn Đức, nhà chính luận, nhà phê bình và nhà hoạt động sân khấu. – 53, 98, 156, 158, 203-213, 541, 583.

K

Khuê-xơ-lin (Köstlin), Khri-xchi-an Rai-nơ-hôn (1813-1856) – luật sư và nhà thơ Đức. – 204.

Khuép-pen (Köppen), Các Phri-đrích (1808-1863) – nhà chính luận và nhà sử học cấp tiến Đức, thuộc phái Hê-ghen. – 186, 442, 448, 456, 458, 459.

Kiéc-sơ (Kirchner) – người quen của gia đình Ăng-ghen. – 492.

L

La-pha-tơ (Lavater), I-ô-han Ca-xpác (1741-1801) – linh mục và nhà văn Thụy Sĩ; nổi tiếng nhờ "các đoạn viết về sinh lý học", trong đó ông tìm cách chứng minh rằng căn cứ vào nét mặt có thể xác định được tính cách của con người. – 590.

Lai-xa – một trong những nàng hầu có học thức của Hy Lạp sống vào nửa sau thế kỷ V – đầu thế kỷ IV trước công nguyên. –

Lăng-gơ (Lange) – chủ một con tàu ở Vê-ghê-đắc. –129.

Lăng-gơ-vi-sơ (Langewiesche), Vin-hem (1807-1872) – người buôn bán sách ở Bắc-men, nhà văn. – 613.

Lau-bê (Laube), Hen-rích (1806-1884) – nhà văn Đức, một trong những đại biểu của nhóm văn học "Nước Đức trẻ". – 95, 99, 103, 118, 528, 543, 621.

- Lét-xinh* (Lessing), Gốt-hôn Ê-phrai-mơ (1729-1781) – nhà văn vĩ đại Đức, nhà phê bình và nhà triết học, một trong những nhà giáo dục nổi tiếng của thế kỷ XVIII. – 96, 527, 583, 620.
- Lê-nau* (Lenu), Ni-cô-la-út (1802-1850) – nhà thơ Áo nổi tiếng, tác phẩm của ông thấm nhuần tinh thần chống phong kiến và chống đạo Thiên chúa. – 37, 42, 541, 544, 676.
- Lê-ô* (Leo), He-rích (1799-1878) – nhà sử học và nhà chính luận Đức, người bảo vệ các quan điểm tôn giáo và chính trị cực kỳ phản động, một trong những nhà tư tưởng của tầng lớp địa chủ – quý tộc Phổ. – 66, 253, 262, 378, 392-395, 416, 450-454, 456, 459, 464, 566, 587, 603, 628, 647, 703, 705.
- Lê-ô* (Leo), Lê-ô-nác-đô (1694 – khoảng 1745) – nhạc sĩ I-ta-li-a. – 622.
- Lê-van-đơ* (Lewald), Au-gu-xtơ (1792-1871) – nhà văn Đức, gần gũi với nhóm văn học "Nước Đức trẻ", người sáng lập và chủ bút tạp chí tự do "Europa" (1835-1846). – 544.
- Li-vi*, Tít (năm 59 trước công nguyên – 17 sau công nguyên) – nhà sử học La Mã. – 775.
- Li-xtơ* (Liszt), Phê-ren-xơ (Phran-txơ) (1811-1886) – nhạc sĩ và nghệ sĩ dương cầm vĩ đại Hung-ga-ri. – 725,
- Lô-en-stai-nơ* (Lohenstein), Đa-ni-en Ca-xpác *Phôn* (1635-1683) – nhà thơ Đức, đại biểu của nền văn học quý tộc thể hiện lợi ích của bọn phong kiến phản động ở Đức. – 51,
- Lôi-ô-la* (Loyola), I-gra-ti (1491-1556) – nhà quý tộc Tây Ban Nha, người sáng lập tổ chức giáo hội phản động nhất của giáo hội Thiên chúa giáo – dòng tu phái dòng Tên. – 67.
- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), Các – con trai Hen-rích Lôi-pôn-đơ, người đồng sở hữu hãng của cha mình. – 540.
- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), Dích-phrít – con trai viên lục sự Hen-rích Lôi-pôn-đơ. – 513, 517.
- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), Vin-hem – con trai của Hen-rích Lôi-pôn-đơ, đồng chủ hãng của cha mình. – 671, 676, 700.
- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), Hen-rích (mất năm 1865) – một viên lục sự, chủ một hãng buôn ở Brê-men, nơi Ph.Ăng-ghen đã làm việc từ giữa tháng Bảy 1838 đến cuối tháng Ba 1841. – 488, 493, 506, 517, 521, 538, 664, 668, 675, 699.

- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), Lút-vích – con trai viên lục sự Hen-rích Lôi-pôn-đơ. – 513, 517.
- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), Xô-phi-a – con gái viên lục sự Hen-rích Lôi-pôn-đơ. – 680.
- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), Ê-li-đa-bét – con gái viên lục sự Hen-rích Lôi-pôn-đơ. – 513.
- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), bà – vợ của viên lục sự Hen-rích Lôi-pôn-đơ. – 506, 513.
- Lôi-pôn-đơ* (Leupold), I-ô-han Mi-kha-en (1794-1874) – bác sĩ tâm thần Đức, tác giả các tác phẩm về y học, trong đó đã bảo vệ các quan điểm tôn giáo. – 390.
- Lu-i XI* (1423-1483) – vua Pháp (1461-1483). – 473.
- Lu-i XIV* (1638-1715) – vua Pháp (1638-1715). – 47, 49.
- Lu-i-Phi-líp* (1773-1850) – công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830-1848). – 470.
- Lu-the* (Luther), Mác-tin (1843-1546) – nhà hoạt động nổi tiếng của thời kỳ Cải cách tôn giáo, người thành lập đạo Tin lành (phái Lu-the) ở Đức; nhà tư tưởng của tầng lớp thị dân. – 69, 642.
- Lút-vích I* (1786-1868) – vua Ba-vi-e (1825-1848). – 469, 706.

M

- Ma-lét* (Mallet), Phri-đrích Lút-vích (1792-1865) – nhà thần học đạo Tin lành người Đức, mục sư ở Brê-men, theo phái Kiên thành, người xuất bản nhiều tạp chí tôn giáo. – 219, 457, 649, 686, 687.
- Ma-rát* (Marat), Giăng Pôn (1743-1793) – nhà chính luận Pháp, nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, một trong những lãnh tụ của phái Gia-cô-banh. – 65, 452, 461.
- Ma-ti* (Methy), Các (1807-1868) – nhà chính luận Ba-đen, quan chức và nhà hoạt động chính trị tư sản, theo phái tự do ôn hòa. – 399.
- Mác* (Marx), Các (1818-1883). – 442, 459.
- Mác A-vre-li An-tô-nin* (121-180) – hoàng đế La Mã (161-180) – nhà triết học theo chủ nghĩa khắc kỷ. – 343.
- Mác-bắc* (Marbach), Ô-xvan-đơ (1810-1890) – nhà văn và nhà thơ Đức, người chính lý bản sử thi của nước Đức thời trung cổ, người xuất bản các quyển sách dân gian. – 24, 27, 29, 31, 35, 649.
- Mác-gráp* (Margraff), Héc-man (1089-1864) – nhà văn và nhà chính luận Đức. – 104, 621.

- Mác-hai-nê-ke* (Marheineke), Phi-líp Côn-rát (1780-1846) – nhà thần học của đạo Tin lành Đức, nhà sử học nghiên cứu đạo Cơ Đốc, người theo phái Hê-ghehen cánh hữu. – 375-378, 588.
- Mác-tin* (Martin), Hăng-ri (1793-1882) – người dạy thú nổi tiếng của Pháp trong nửa đầu thế kỷ XIX. – 110.
- Mây-en* (Meyen), Ê-đu-a (1812-1870) – nhà chính luận Đức, theo phái Hê-ghehen trẻ, nhà dân chủ tiểu tư sản, về sau là người theo phái tự do dân tộc. – 442, 458, 560.
- Mây-ơ* (Meyer), An-béc – người biên tập tạp chí "Bremer Stadtbote". – 538.
- Mây-ơ* (Meyer), G.C.A. – người xuất bản sách ở Đức. – 659.
- Mây-ơ* (Meyer), Tê-rê-da – người yêu của Vin-hem Lôi-pôn-đơ. – 701.
- Mây-ơ* (Meyer), (Stóc-Mây-ơ) – bố của Mây-ơ Tê-rê-da. – 701.
- Mây-ơ-béc* (Meyerbeer), Gia-cô-mo (tên và họ thật là Gia-cốp *Líp-men Béc*) (1791-1864) – nhạc sĩ, nghệ sĩ dương cầm và nhạc trưởng, đại biểu nổi tiếng nhất của thể loại "đại nhạc kịch" Pháp thế kỷ XIX. – 728.
- Men-đen-xôn – Béc-tôn-đi* (Mendelssohn-Bartheoldy), Phê-lích (1809-1847) – nhạc sĩ và nhạc trưởng người Đức, nhà hoạt động âm nhạc – xã hội. – 222, 699.
- Men-gơ* (Menge), An-tôn Ra-pha-en (1728-1779) – họa sĩ Đức, đại biểu của chủ nghĩa cổ điển. – 618.
- Men-ken* (Menken), Gốt-phrít (1768-1831) – nhà thần học đạo Tin lành người Đức, mục sư ở Brê-men, theo phái Kiền thành. – 686.
- Men-tê-nôn* (Maintenon), Phrăng-xoa-da ĐÔ-bin-nhe, hầu tước phu nhân Đờ (1635-1719) – người tình, từ năm 1694 là vợ của Lu-i XIV. – 48, 51.
- Men-xen* (Menzel), Vôn-phơ-găng (1789-1873) – nhà văn và nhà phê bình văn học phản động Đức, người theo chủ nghĩa dân tộc. – 55, 183, 541, 542, 559, 588, 636.
- Méc-ca-dan-te* (Mercadante), Xa-ve-ri-ô (1795-1870) – nhạc sĩ I-ta-li-a, tác giả của nhiều vở ca kịch và âm nhạc giáo đường. – 164.
- Méc-clin* (Märklin), Cri-xti-an (1807-1849) – nhà thần học Đức, theo phái Hê-ghehen; những năm 1839 - 1840 ông đưa ra ba bài văn đá kích chống phái Kiền thành. – 600, 647.
- Mi-de-gan* (Miesegans), Ti-mô-lê-ôn – một người dân ở Brê-men. – 683.
- Mi-ghehen*, Đôn (1802-1866) - vua Bồ Đào Nha (1828-1834). – 653.

- Mi-sơ-lê* (Michelet), Giuy-lơ (1798-1874) – nhà sử học tiểu tư sản Pháp, tác giả của nhiều cuốn sách về lịch sử nước Pháp. – 480.
- Mi-sơ-lê* (Michelet), Các Lút-vích (1801-1893) – nhà triết học duy tâm Đức, người theo phái Hê-ghehen, giáo sư trường Đại học Tổng hợp Béc-lin. – 254, 564, 565, 587, 588.
- Mo-rơ* (Mohr), Các Phri-đrich Gốt-líp (1803-1888) – thượng nghị sĩ Brê-men, thị trưởng Brê-men (1857-1873). – 547.
- Moóc-phen* (Morvell), C. (bút danh của C.Ph. *Phôn-me-rơ*) (mất năm 1864) – nhà văn Đức, tác giả của tiểu thuyết lịch sử. – 544.
- Mô-da* (Mozart), Vôn-phơ-găng A-ma-đây (1756-1791) – nhạc sĩ vĩ đại người Áo. – 196, 222, 512, 618.
- Mô-ha-mét-A-li* (1769-1849) – người đứng đầu Ai Cập (1805-1849), thi hành nhiều cải cách tiến bộ. – 193.
- Mô-den* (Mosen), I-u-li-út (1803-1867) – nhà văn Đức, đại biểu của khuynh hướng lãng mạn. – 529.
- Mô-li-nê-út* (Molineus), An-béc (1814-1889) – chủ xưởng ở Béc-men, năm 1842 kết hôn với em họ của Ph.Ăng-ghehen là I-đa Ăng-ghehen. – 727, 730.
- Mông-tô-lông* (Montholon), Sác-lơ Tô-ri-xtan Đờ, bá tước (1783-1853) – tướng tùy tùng của Na-pô-lê-ông I, đi theo Na-pô-lê-ông I đến đảo Xanh – Hê-len, tháng Tám 1840 cùng với Lu-i Bô-na-pác-tơ mưu toan dấy loạn ở Bu-lô-nhơ để làm đảo chính, đã bị bắt và bị kết án 20 năm tù giam, được phóng thích trong thời gian nổ ra cuộc cách mạng 1848. – 201.
- Mun-tơ* (Mundt), Tê-ô-đo (1808-1861) – nhà văn Đức, một trong những đại biểu của nhóm văn học "Nước Đức trẻ". – 37, 50, 91, 95-107, 112, 528, 542, 543, 604, 621, 646.
- Muy-gơ* (Mügge), Tê-ô-đo (1806-1861) – nhà văn Đức và nhà chính luận, người theo phái Hê-ghehen trẻ. – 438.
- Muy-lơ* (Müller) – người chuẩn bị nhậm chức mục sư, năm 1839 sống ở nhà mục sư Tô-rê-vi-ra-nút ở Brê-men. – 619.
- Muy-lơ* (Muller), I-u-li-út (1801-1878) – nhà thần học đạo Tin lành người Đức. – 460.
- Muy-nơ* (Mullner), A-đôn-phơ (1774-1829) – nhà thơ và nhà phê bình người Đức. – 658.
- Muy-rát* (Murat), I-ô-a-sim (1767-1815) – nguyên soái Pháp, người tham gia các cuộc

hành quân của Na-pô-lê-ông I, năm 1808 là tổng chỉ huy các đơn vị Pháp đóng ở Tây Ban Nha, vua Na-pô-li (1808-1815). – 201.

Muyn-sơ (Münch), Ếc-nơ-xơ Héc-man Giô-đép *Phôn* (1798-1841) – nhà sử học và nhà chính luận Đức. – 102.

N

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769-1821) – hoàng đế Pháp (1804-1814 và 1815). – 49, 69, 179, -182, 200, 211, 381, 423, 461, 474, 653, 689.

Nây (Ney), Mì-sen (1769-1815) – nguyên soái Pháp, người tham gia các cuộc hành quân của Na-pô-lê-ông I, những năm 1808-1811 tham gia cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha. – 201.

Nây-bua (Neubug) – người bán hàng trong nhà xuất bản sách của B. Lan-gơ-vi-se ở Bác-men. – 613.

Nê-an-đơ (Neander), I-ô-han Au-gu-xơ Vin-hem (1789-1850) – nhà thần học đạo Tin lành người Đức và nhà nghiên cứu lịch sử đạo Cơ Đốc và giáo hội Cơ Đốc giáo. – 242, 327, 591, 593, 603, 610, 642, 650, 704.

Nê-rông (37-68) – hoàng đế La Mã (54-68). – 390, 472.

Nê-vi-an-tơ (Neviant) – người quen của Ph.Ăng-ghen ở Bác-men. – 548.

Ni-cô-lai I (1796-1855) – hoàng đế Nga (1825-1855). – 650, 653, 720.

Nít-sơ (Nitzsch), Các Im-ma-nu-en (1787-1868) – nhà thần học đạo Tin lành và nhà truyền giáo người Đức, giáo sư ở Bon và Bác-men. – 457, 705.

Niu-tơn (Newton), I-xắc (1642-1727) – nhà vật lý vĩ đại Anh, nhà thiên văn học và nhà toán học, người sáng lập ra môn cơ học cổ điển. – 60, 117.

Noóc-cơ (Nork), Phri-đrich (tên thật là Phri-đrich *Côóc-nơ*) (1803-1850) – nhà văn Đức, ông chuyên chỉnh lý các chuyện thần thoại Hy Lạp cổ đại. – 560.

Nôn-te-ni-út (Noltenius), I. Đa-ni-en (1779-1852) – thị trưởng Brê-men (từ 1839). – 546, 547, 597.

O

Ốt-tôn I (1815-1867) – hoàng tử xứ Ba-vi-e, sau là vua Hy Lạp (1832-1862). – 639.

Ô-pi-rít (khoảng 480 hoặc 484-406 trước công nguyên) – nhà viết kịch của Hy Lạp cổ đại. – 776.

P

Pa-le-xơ-ri-na (Palestrina), Giơ-va-ni Pi-e-lu-i-gi *Đa* (khoảng 1525-1594) – nhạc sĩ lỗi lạc I-ta-li-a. – 520, 699.

Pa-ni-en (Paniel), Các Phri-đrich vin-hem (1803-1856) – nhà thần học đạo Tin lành, mục sư ở Brê-men, người theo thuyết duy lý. – 160, 161, 216-220, 685, 686.

Pau-lút (Paulus), Hen-rích Ê-béc-hác Gốt-lốp (1761-1851) – nhà thần học đạo Tin lành người Đức, người theo thuyết duy lý. – 161, 162.

Pe-rích-lơ (khoảng 490-429 trước công nguyên) – nhà hoạt động nhà nước A-ten, người đã góp phần củng cố nền dân chủ chiếm hữu nô lệ. – 639.

Péc-gô-lê-đê (Pergolese), Giơ-van-ni Ba-ti-xta (1710-1736) – nhạc sĩ lỗi lạc I-ta-li-a, đại biểu của trường phái ô-pê-ra Na-pô-li. – 520, 699, 709.

Pê-tơ-rác-ca (Petrarca), Phran-tse-xcô (1304-1374) – nhà thơ nổi tiếng I-ta-li-a thời kỳ Phục hưng. – 229, 576.

Pha-bơ (Faber) – bí danh của một trong những cộng tác viên của tờ "Abend-Zeitung" ở Dre-xden. – 561.

Phai-xơ-côóc-nơ (Feistkorn), G.V. – họa sĩ, người quen của Ph.Ăng-ghen ở Bác-men. – 492, 510, 517, 692.

Phen-man (Feldmann), Gu-xtáp (sinh năm 1820) – bạn học của Ăng-ghen, luật sư, sau làm chủ tịch Hạ viện ở Xác-bruych-kên. – 502.

Phéc-đi-năng VII (1784-1833) – vua Tây Ban Nha (1808 và 1814-1833). – 653.

Phi-líp-pi (Philippi), Phri-đrich A-đôn-phơ (1809-1882) – nhà thần học đạo Tin lành, người Đức. – 426, 427, 628.

Phi-stơ (Fichte), Im-ma-nu-en Héc-man (1796-1879) – nhà triết học duy tâm và nhà thần học người Đức, con trai của I-ô-han Gốt-líp Phi-stơ. – 259, 424.

Phi-stơ (Fichte), I-ô-han Gốt-líp (1762-1814) – nhà triết học duy tâm chủ quan người Đức, đại biểu của chủ nghĩa duy tâm Đức cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX. – 210, 244, 245, 267, 293, 424.

Phlô-ren-cua (Florencourt), Phran-tơ (Phri-đrich) Phôn (1803-1886) – nhà chính luận

- Đức, chủ bút của nhiều xuất bản phẩm định kỳ, trong thời kỳ đầu hoạt động ông là người theo phái tự do, sau là một người bảo thủ. – 184.
- Phoi-ơ-bắc* (Feuerbach), Lút-vích – nhà triết học duy vật lỗi lạc nhất của Đức vào thời kỳ trước Mác. – 249, 262, 285, 302, 334, 445, 448, 450, 456.
- Phrai* (Fry), Ê-li-da-ve-ta (1780-1845) – nhà từ thiện người Anh, bà lên tiếng đòi cải tổ nhà tù và đòi cải thiện tình cảnh của tù nhân, đặc biệt là đối với trẻ em. – 169.
- Phrai-li-grát* (Freilgrath), Phéc-di-năng (1810-1876) – nhà thơ Đức, trong thời gian đầu hoạt động ông là nhà thơ lãng mạn, sau là nhà thơ cách mạng, trong những năm 1848-1849 là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", thành viên của Liên đoàn những người cộng sản; trong những năm 50 ông từ bỏ đấu tranh cách mạng. – 37, 51, 120, 124, 204, 529, 544, 551, 613, 661, 705.
- Phran-clơ* (Frankl), Lút-vích Au-gu-xtơ (1810-1894) – nhà thơ lãng mạn người Áo. – 544.
- Phran-tơ I* (1768-1835) – hoàng đế Áo (1804-1835), hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh dưới tên gọi Phran-tơ II (1792-1806). – 653.
- Phri-đrich II* (được gọi là "Đại đế") (1712-1786) – vua Phổ (1740-1786). – 297.
- Phri-đrich Vin-hem III* (1778-1840) – vua Phổ (1797-1840). – 619, 652, 720.
- Phri-đrich Vin-hem IV* (1795-1861) – vua Phổ (1840-1881). – 174, 269, 468, 643, 704, 720, 724.
- Phu-kê* (Fouqué), Phri-đrich, nam tước *Đơ la Mốt* (1777-1843) – nhà văn và nhà chính luận Đức, nhà văn lãng mạn phản động, những năm 1840-1843 là tổng biên tập tờ "Zeitung für den Deutschen Adel", người bảo vệ những đặc quyền của tầng lớp quý tộc phong kiến. – 72, 73, 190, 558, 613.
- Phu-ri-ê* (Fourier), Sác-lơ (1772-1837) – nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại người Pháp. – 480, 482.
- Pi-lát*, Pôn-ti-út (mất khoảng năm 37) – tổng trấn của La Mã cai quản xứ Giu-đê (26-36). – 227.
- Pin* (Peel), Rô-bóc (1788-1850) – nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ lĩnh phái ôn hòa trong đảng To-ri (phái Pin), bộ trưởng nội vụ (1822-1827 và 1828-1830), thủ tướng (1834-1835, 1841 – 1846). – 473.
- Pla-ten* (Platen), Au-gu-xtơ (1796-1835) – nhà thơ Đức, người theo phái tự do. – 53, 54, 116, 541.

- Pla-tông* (khoảng 427 - khoảng 347 trước công nguyên) – nhà triết học duy tâm của Hy Lạp cổ đại. – 776.
- Pluy-ma-khơ* (Plümacher), Phri-đrich (1810-1905) – bạn học cùng trường của Ph.Ăng-ghen, sau này là mục sư. – 494, 526, 552, 601, 684.
- Poa-chi-e* (Poitiers), Ghi-ôm, quận công *Đơ* (1071-1127) – nhà thơ hát rong thời Trung cổ. – 190.
- Pô-nhi-a-tốp-xki* (Poniatowski), I-u-dép, công tước (1763-1813) – nhà hoạt động quân sự và chính trị Ba Lan, một viên tướng, những năm 1809-1813 đã tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông. – 201.
- Pôn* (Pol), I-ô-han – mục sư đạo Tin lành ở Hét-phen-đơ (gần Vúp-pơ-tan), tác giả của các bài thơ mang nội dung tôn giáo. – 21.
- Pphi-xe* (Pfizer), Gu-xtáp (1807-1890) – nhà thơ và nhà phê bình người Đức, ông thuộc trường phái lãng mạn Sva-bơ. – 37, 661.
- Pru-dông* (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809-1865) – nhà chính luận Pháp, nhà kinh tế học và nhà xã hội học, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản. – 482.
- Prút-xơ* (Prutz), Rô-be Ê-đu-a (1816-1872) – nhà thơ Đức, nhà chính luận và nhà sử học, một người theo phái tự do tư sản; có quan hệ với phái Hê-ghen trẻ. – 437, 438, 706.
- Puýt-man* (Püttmann), Héc-man (1811-1894) – nhà thơ cấp tiến và nhà báo người Đức, vào giữa những năm 40 là một trong các đại biểu của "chủ nghĩa xã hội chân chính". – 656-659.

Q

- Quét-ghen* (Köttgen), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1805-1882) – họa sĩ và nhà thơ Đức, trong những năm 40 tham gia phong trào công nhân, xét về quan điểm thì ông gần với "chủ nghĩa xã hội chân chính". – 727.
- Quy-nê* (Quinet), Êt-ga (1803-1875) – nhà hoạt động chính trị và nhà sử học tiểu tư sản Pháp. – 480.
- Quy-nơ* (Külne), Gu-xtáp (1805-1888) – nhà văn Đức, một trong những đại biểu của nhóm văn học "Nước Đức trẻ". – 38, 50, 77, 88, 89, 93-99, 104-109, 112, 528, 542, 543, 621.
- Quy-vi-ê* (Cuvier), Gioóc-giơ (1769-1832) – nhà tự nhiên học vĩ đại Pháp, nhà động

vật học và nhà cổ sinh vật học, tác giả của thuyết thẩm họa duy tâm phản khoa học. – 304.

Quyn-ta-na (Quintana), Ma-nu-en Hô-xê (1772-1857) – nhà thơ và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, môn đệ của những nhà khai sáng Pháp thế kỷ XVIII, người tham gia cuộc cách mạng tư sản những năm 1808-1810 và 1820-1823, trong những năm 1808-1810 là bí thư Hội đồng trung ương. – 56.

R

Ra-sen (Rachel), Ê-li-da (1821-1858) – nữ diễn viên bi kịch người Pháp, chuyên đóng trong những vở kịch truyền thống của chủ nghĩa cổ điển Pháp. – 49.

Ra-xin (Racine), Giăng (1639-1699) – nhà soạn kịch người Pháp, đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa cổ điển Pháp. – 49.

Rai-hác-tơ (Reichardt), I-ô-han Phri-đrich (1752-1814) – nhạc sĩ người Đức, nhà hoạt động âm nhạc, nổi danh là tác giả các bài ca phổ thơ của Gơ-tơ. – 622.

Rai-nơ-hôn (Reinhold) – bác sĩ ở Bác-men. – 719.

Ran-kê (Ranke), Lê-ô-pôn (1795-1886) – nhà sử học người Đức, một kẻ phản động, nhà tư tưởng của tầng lớp địa chủ – quý tộc Phổ. – 650.

Rau-mơ (Raumer), Phri-đrich Phôn (1781-1873) – nhà sử học Đức, giáo sư của các trường đại học Béc-lin và Brê-xlau, năm 1848 là nghị sĩ Quốc hội Phran-phước, người thuộc phái giữa thiên hữu. – 677.

Rau-pa-khơ (Raupach), Êc-nơ-xơ Ben-gia-min Xa-lô-mông (1874-1852) – nhà thơ và nhà soạn kịch người Đức, nhà văn thời thượng của những năm 20-30 của thế kỷ XIX. – 52, 176, 552, 583.

Rét-ti-gơ (Rettig) – nghị sĩ của Nghị viện Ba-đen. – 398.

Ri-đen (Riedel), Các (1804-1878) – nhà chính luận Đức, người theo phái Hê-ghen. – 249.

Ri-pe (Riepe), Ru-đôn-phơ – giáo viên Trường học của thành phố Bác-men (1835-1858), sau đó dạy ở Trường cao đẳng nữ ở En-bơ-phen-đơ. – 512, 537.

Ri-pôn (Ripoll), Gau-ê-ta-nô – giáo viên ở Rít-sa-phơ thuộc Tây Ban Nha, ngày 26 tháng Bảy 1826 bị hành hình vì bị coi là người theo tà giáo. – 653.

Rim (Riem), Phri-đrich Vin-hem (1779-1857) – nhạc sĩ Đức, nhạc công và người chơi

đại phong cầm, người sáng lập ra trường ca hát ở Bác-men, là tác giả của nhiều tác phẩm âm nhạc thánh phòng và tác phẩm cho đại phong cầm. – 223.

Rin-de-sven-đéc (Rindeschwender) – nghị sĩ Nghị viện Ba-đen. – 399.

Rinh-xây-xơ (Ringseis), I-ô-han Nê-pô-múc (1785-1880) – bác sĩ người Đức, giáo sư Trường đại học Tổng hợp Muyn-khen, người bảo vệ tôn giáo. – 267, 393.

Rô-be-xpi-e (Robespierre), Mác-xi-mi-liêng (1758 - 1794) – nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, thủ lĩnh của phái Gia-cô-banh, người đứng đầu chính phủ cách mạng (1793-1794). – 452, 460.

Rô-den-cran-xơ (Rosenkaranz), I-ô-han Các Phri-đrich (1805-1879) – nhà triết học thuộc phái Hê-ghen và nhà văn học sử người Đức. – 50, 386, 649.

Rô-thơ (Rothe), Mô-rít-xơ (1800-1888) – mục sư đạo Tin lành ở Brê-men, người theo phái duy lý. – 687.

Rốt-xi-ni (Rossini), Giô-ác-ki-nô (1792-1868) – nhạc sĩ nổi tiếng của I-ta-li-a. – 196, 520.

Rốt (Roth), Ri-sác (1821-1858) – đồng chí của Ph.Ăng-ghen, chủ xưởng. – 548, 581, 616, 667, 670, 674, 687, 708, 709, 716.

Rốt-sin (Đông họ) – triều đại các chủ ngân hàng có ngân hàng ở nhiều nước châu Âu. – 75.

Rốt-tếch (Rotteck), Các (1775-1840) – nhà sử học tư bản Đức và nhà hoạt động chính trị, người theo phái tự do. – 652.

Ru-gơ (Ruge), Ác-nôn (1802-1880) – nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, một người cấp tiến tư sản. – 186, 249, 262, 438, 441, 446, 450, 452, 456-460, 464, 643, 703.

Ru-giê Đờ Lin (Rouger de Lisle), Clốt Giô-đép (1760-1836) – nhạc sĩ và thi sĩ Pháp. – 194, 442.

Ru-ten-béc (Rutenberg), A-đôn-phơ (1808-1869) – nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ. – 445, 447, 458.

Ruết-xơ (Röscher), Hen-rích Tê-ô-đo (1803-1873) – nhà lý luận nghệ thuật người Đức, nhà phê bình sân khấu, thuộc phái Hê-ghen. – 50.

Run-ken (Runkel), Mác-tin – nhà chính luận Đức, những năm 1839-1843 là chủ biên tờ báo bảo thủ "Elberfelder Zeitung". – 16, 579.

Rút-xô (Rousseau), Giăng Giắc (1712-1778) – nhà khai sáng lỗi lạc người Pháp, nhà dân chủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản. – 161.

Ruy-tơ (Ruyter) – thuyền trưởng tàu "Ma-ri-a". – 151.

Ruych-kéc (Rückert), Phri-đrích (1799-1866) – nhà thơ lãng mạn Đức, người dịch thuật thơ ca phương Đông. – 507, 527, 541, 544, 719.

S

Sa-đốp (Schadow), Vin-hem (1788-1862) – họa sĩ Đức, giám đốc Viện hàn lâm nghệ thuật Đuyt-xen-đoóc-phơ (1826-1859), người tán thành chủ nghĩa kinh viện. – 171.

Sa-mít-xô (Chamisso), A-đan-béc Phôn (1781-1838) – nhà thơ lãng mạn Đức, ông lên tiếng chống các thể lực phản động phong kiến. – 53.

Sa-pô (Chapeau) – năm 1842 là sinh viên ở Bon. – 734.

Sác-lơ X (1757-1836) – vua Pháp (1824-1836). – 54, 264, 653.

Sác-lơ-ma-nhơ (khoảng 742-814) – vua Pháp (768-800) và hoàng đế (800-814). – 33, 46.

Se-be-xtơ (Schebest), A-gnét-xa (1813-1869) – nữ ca sĩ ô-pê-ra nổi tiếng người Đức. – 126.

Se-li (Shelley), Me-ri Uôn-xtôn-cráp-tơ (1797-1851) – nhà văn nữ người Anh, vợ thứ hai của nhà thơ Péc-xi Bi-si Se-li. – 125.

Se-li (Shelley). Péc-xi Ba-si (1792-1822) – nhà thơ nổi tiếng người Anh, đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng, người theo thuyết vô thần. – 115, 125, 134, 612, 656-661.

Sê-linh (Schelling), Phri-đrích Vin-hem (1775-1854) – đại biểu của triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm khách quan; sau này ông là kẻ thù cuồng bạo của khoa học, người bảo vệ nhiệt thành của tôn giáo. – 242-252, 254, 258, 259, 264-271, 277-297, 300-301, 304-307, 310, 311-312, 314-319, 325-331, 337-356, 358-361, 375, 376.

Sếch-xpia (Shakespeare), Uy-li-am (1546-1615) – nhà văn vĩ đại Anh. – 79, 80, 86-91, 123, 211, 538, 585, 638.

Si-lơ (Schiller), Phri-đrích (1759-1805) – nhà thơ vĩ đại Đức. – 11, 25, 39, 87, 130, 145, 147, 164, 267, 389, 499, 527, 552, 583, 584, 613.

Slai-ơ-ma-khơ (Schleiermacher), Phri-đrích (1768-1834) – nhà triết học duy tâm Đức, nhà thần học và nhà truyền giáo. – 376, 603, 605, 641, 648.

Slích-tơ-hoóc-xtơ (Schlichthorst), I. Đ – mục sư Đức. – 162.

Slíp-pen-bắc (Schlippenbach), bá tước phu nhân. – 775.

Smút-xơ (Schmits), Pê-tơ Gốt-phrít (sinh năm 1794) – người dân ở Bắc-men có mặt trong lễ cấp giấy khai sinh cho Phri-đrích Ăng-ghen. – 469.

Smít (Schmitt), I-a-cốp – người quen của gia đình Ăng-ghen. – 617.

Sne-xlơ (Schnezier), Au-gu-xtơ (1809-1853) – nhà văn Đức, nhà sưu tầm văn học dân gian. – 544.

Soóc-nơ-stây-nơ (Schornstein), I-ô-han-nét – giáo viên nhạc ở En-bơ-phen-đơ, dạy hát ở trường trung học cổ điển (1824-1844), người chơi đại phong cầm của Hội Cải cách tôn giáo En-bơ-phen-đơ. – 521, 665, 730.

Sruê-đơ – *Dơ-vri-en-tơ* (Schröder-Devrient), Vin-hem-mi-na (1804-1806) – nữ ca sĩ ô-pê-ra nổi tiếng của Đức, bà tham gia cuộc khởi nghĩa ở Dre-xden vào tháng Năm 1849. – 126.

Sta-rơ (Star), A-đôn-phơ Vin-hem Tê-ô-đo (1805-1876) – nhà văn Đức, tác giả của các tiểu thuyết lịch sử và các công trình nghiên cứu về các vấn đề lịch sử, nghệ thuật và văn học. – 131.

Stam (Stamm) – chủ khách sạn ở Bon. – 734.

Stan (Stahl), Phri-đrích I-u-li-út (1802-1861) – luật sư Đức và nhà hoạt động chính trị theo khuynh hướng cực kỳ phản động, từ 1840 là giáo sư của Trường đại học Tổng hợp Béc-lin. – 242, 267.

Stéc-mây-ơ (Stegmayer), Phéc-đi-năng (1803-1863) – nhạc sĩ và chỉ huy dàn nhạc người Đức, năm 1839 ông biểu diễn ở nhà hát Brê-men với tư cách là nhạc trưởng. – 223.

Stéc-nơ-béc-gơ (Stenberg), A-lếch-xan-đơ, nam tước Phôn (1806-1868) – nhà văn phản động người Đức, ông đã lý tưởng hóa giới quý tộc phong kiến thời trung cổ. – 48, 191.

Sti-glít-xơ (Stiegleitz), Hen-rích (1801-1849) – nhà thơ Đức. – 528.

Sti-rơ (Stier), Ru-đôn-phơ Ê-van-đơ (1800-1862) – nhà thần học và mục sư đạo Tin lành người Đức. – 17, 551, 625.

Stiéc-nơ (Stirner), Ma-khơ (bút danh của Ca-xpa-rơ Smít) (1806-1856) – nhà triết học Đức, người theo phái Hê-ghen trẻ, một trong những nhà tư tưởng của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa vô chính phủ tư sản. – 443, 449, 458.

Stơ-rau-xơ (Strauß), Đa-vít Phri-đrích (1808-1874) – nhà triết học và nhà chính luận Đức, một trong những nhân vật quan trọng nhất trong phái Hê-ghen trẻ, tác giả cuốn sách "Cuộc đời của Giê-xu"; sau 1866 là một người dân tộc – tự do chủ

- nghĩa. – 50, 82, 133, 154, 186, 220, 231, 249, 264, 302, 328, 335, 456, 549, 590, 593, 600-603, 618, 632, 641, 646-649, 706.
- Stơ-ruy-cơ* (Strücker), Ph. Đ. – bạn của Ăng-ghen ở En-bơ-phen-đơ. – 496-498, 502, 508, 511, 521, 551, 613, 667, 730.
- Stu-rơ* (Stuhr), Pê-te Phê-đéc-xen (1787-1851) – nhà sử học Đức, tác giả các tác phẩm về lịch sử tôn giáo, giáo sư triết học ở Trường đại học Tổng hợp Béc-lin. – 318.
- Stuy-vơ* (Stüve), I-ô-han Các Béc-tơ-ram (1798-1872) – nhà hoạt động chính trị người Đức, một người theo phái tự do, bộ trưởng nội vụ Han-nô-vơ (1848-1850). – 199.
- Su-bác-tơ* (Schubarth), Các Éc-nơ-xơ (1796-1861) – nhà chính luận bảo thủ Đức, giáo viên trường trung học cổ điển ở Hiéc-sơ-béc-gơ; có những quan hệ thân hữu với Gơ-tơ. – 70, 253, 588.
- Su-ma-khơ* (Schumacher), Ban-ta-da Ghéc-hác (1755 – mất sau năm 1801) – tác giả bài hát được dùng làm cơ sở cho quốc ca Phổ. – 188.
- Su-man* (Schumann), Rô-bóc (1810-1856) – nhạc sĩ lỗi lạc người Đức và nhà phê bình âm nhạc. – 223.
- Suy-nê-man* (Schünemann), Các – chủ nhà xuất bản sách được thành lập năm 1819 ở Brê-men. – 656-660.
- Suych-kinh* (Schücking), Lê-vin (1814-1883) – nhà văn Đức, những năm 1845-1852 là cộng tác viên của tờ "Kölnische Zeitung", tác giả của nhiều bài văn đả kích. – 124, 543, 656-662.
- Sva-bơ* (Schwab), Gu-xtáp (1792-1850) – nhà thơ lãng mạn Đức, người chỉnh lý bản sử thi dân gian Đức và những chuyện thần thoại cổ Hy Lạp và La Mã. – 27, 220, 536.

T

- Ta-li-ô-ni* (Taglioni), Ma-ri-a (1804-1884) – nữ nghệ sĩ múa nổi tiếng của I-ta-li-a, nữ đại biểu của trường phái ba-lê cổ điển. – 528.
- Ti-cơ* (Tieck), Lút-vích (1773-1853) – nhà văn và nhà ngữ văn học Đức, một người theo chủ nghĩa lãng mạn phản động, nhà chỉnh lý văn học Đức thời Trung cổ và chuyện cổ tích dân gian. – 26, 31, 35, 527, 541.
- Ti-kha-sếch* (Tichatschek), I-ô-đép A-lô-ít (1807-1886) – ca sĩ giọng nam cao nổi

- tiếng người Đức, đã biểu diễn một chương trình ô-pê-ra phong phú ở Viên và Đre-xđen. – 126.
- Ti-le* (Tiele), I-ô-han Ni-cô-lai (1804-1856) – linh mục đạo Tin lành, người theo phái Kiền thành. – 161, 627.
- Ti-rơ-sơ* (Thierach), Béc-nơ-hác (1794-1855) – giáo viên và nhà thơ Đức. – 118.
- Toóc-xơ-rích* (Torstrick), I-ô-han A-đôn-phơ (1821-1877) – bạn ở Brê-men của Ăng-ghen, sau làm giáo viên, nhà nghiên cứu A-ri-xtốt. – 622, 623, 640.
- Tô-lúc* (Tholuck), Phri-đrich Au-gu-xơ (1799-1877) – nhà thần học đạo Tin lành người Đức, người theo phái Kiền thành. – 219, 642, 648, 649, 703, 704.
- Tơ-rê-vi-ra-nút* (Treviranus), Ghê-oóc Gốt-phrít (1788-1868) – mục sư ở Brê-men, những năm 1838-1841 Ăng-ghen đã sống ở nhà ông này. – 448, 490, 510, 520, 579, 666, 699.
- Tơ-rê-vi-ra-nút* (Treviranus), Ma-ri-a – con gái mục sư Ghê-oóc Gốt-phrít Tơ-rê-vi-ra-nút. – 517, 695.
- Tơ-rê-vi-ra-nút* (Treviranus), Ma-tin-đa – vợ mục sư Ghê-oóc Gốt-phrít Tơ-rê-vi-ra-nút. – 510, 517, 520, 695.
- Tơ-ri-bô-ni* (Triboni), I-ô-a-xim (ở Giê-nơ). – 230.
- Tơ-ríp-xte-rơ-tơ* (Tripsteert), Cri-san – bút danh của một trong những cộng tác viên của tờ "Bremisches Unterhaltungsblatt". – 132.
- Tơ-rôm-lít-xơ* (Tromlitz), A. – xem *Vít-xlê-ben*, Au-gu-xơ.
- Tơ-rô-xơ* (Troost), Hen-ri-ét-ta (1826-1853) – người quen của Ma-ri-a Ăng-ghen. – 510.
- Tu-rin-gút* (Thuringus) – bút danh của một trong các cộng tác viên của tờ "Abend-Zeitung" ở Đre-xđen. – 561.
- Tu-xi-đi-xơ* (khoảng 460 – khoảng 359 trước công nguyên) – nhà sử học lớn nhất của Hy Lạp cổ đại, tác giả của "Lịch sử cuộc chiến tranh Pê-lô-pôn-nê-xi". – 619.

U

- U-lan* (Uhland), Lút-vích Phôn (1787-1862) – nhà thơ lãng mạn Đức, người đứng đầu trường phái Sva-bơ. – 82, 527, 544, 558.

V

- Va-le-xrốt* (Walesrode), Lút-vích Rai-nơ-hôn (1810-1889) – nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tư sản. – 384, 388, 389.
- Va-len-stai-nơ* (Wallenstein), An-brếch-tơ – thống soái trong thời kỳ chiến tranh ba mươi năm, nhân vật trong tiểu thuyết ba tập cùng tên của Si-lơ. – 532.
- Vai-tinh* (Weitling), Vin-hem (1808-1871) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức trong thời kỳ phong trào xuất hiện, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng; là thợ may. – 478, 481, 482.
- Vác-ha-ghe-n Phôn En-dơ* (Varnhagen von Ense), Các-lơ Au-gu-xơ (1785-1858) – nhà văn Đức và nhà phê bình văn học theo khuynh hướng tự do. – 527.
- Vác-ha-ghe-n Phôn En-dơ* (Varnhagen von Ense), Ra-khin (1771-1844) – vợ nhà văn Các-lơ Au-gu-xơ Vác-ha-ghe-n Phôn En-dơ, nổi tiếng nhờ xa-lông giao du văn học của mình ở Béc-lin. – 101, 105, 618.
- Vắc-xman* (Wachsmann), Các A-đôn-phơ *Phôn* (1787-1862) – nhà văn và nhà chính luận Đức theo khuynh hướng tự do ôn hòa. – 543, 558.
- Van-muy-lơ* (Wallmüller) – chủ tiệm cà-phê ở Béc-lin. – 723.
- Van-ra-phơ* (Wallraf), Phéc-đi-năng Phran-tơ (1748-1824) – nhà bác học người Đức, giáo sư dạy môn tự nhiên và mỹ học ở Trường đại học Tổng hợp Khuên (1786), sau đó là hiệu trưởng (1794), người thành lập viện bảo tàng ở Khuên và tác giả tác phẩm về lịch sử thành phố. – 172.
- Vây-nơ-brê-nơ* (Weinbrenner), Au-gu-xơ – giáo viên dạy nhạc, người chơi đại phong cầm của giáo phái Lu-the ở En-bơ-phen-đơ. – 727-728.
- Vây-xơ* (Weiße), Cri-xchi-an Héc-man – nhà triết học Đức, đại biểu của những người gọi là các nhà triết học thực chứng phê phán Hê-ghe-n từ phía hữu. – 609.
- Véc-đê* (Werder), Các-lơ (1806-1893) – nhà triết học và nhà thơ Đức, nhà nghiên cứu Hê-ghe-n, nhà văn học sử. – 721.
- Véc-ne* (Vernet), Ô-ra-xơ (1789-1863) – họa sĩ chiến trường người Pháp chuyên vẽ cảnh chiến trận. – 727.
- Véc-sai-đơ* (Wegscheider), I-u-li-út Au-gu-xơ Lút-vích (1771-1849) – nhà thần học Tin lành, người theo chủ nghĩa duy lý. – 641.

- Vem-huê-nơ* (Wemhöner), Ma-tin-đa – thành viên của gia đình Ven-huê-nơ ở Béc-men. – 716.
- Vem-huê-nơ* (Wemhöner), Ê-min – học sinh trường phổ thông thành phố Béc-men, tốt nghiệp năm 1839, về sau là thương gia. – 711.
- Ven-cơ* (Welcker), Các Tê-ô-đo (1790-1869) – luật sư Đức, nhà chính luận thuộc phái tự do. – 395.
- Ven-đen* (Wendel) – người phục vụ cho bố Ph.Ăng-ghe-n. – 570.
- Vê-bơ* (Weber), Vin-hem Êc-nơ-xơ (1790-1850) – hiệu trưởng trường nhân văn ở Béc-lin; tác giả nhiều tác phẩm về triết học, giáo dục và mỹ học; người dịch tác phẩm của các tác giả cổ đại, theo phái tự do. – 128, 131, 162, 220.
- Vê-đen* (Wedel) *Phôn* – đại úy đại đội trưởng đại đội bộ binh 12 thuộc lữ đoàn pháo binh của vệ binh quốc gia, nơi mà trong những năm 1841 - 1842 Ph.Ăng-ghe-n đã phục vụ. – 703, 776.
- Vê-nê-đây* (Venedey), I-a-cốp (1805-1871) – nhà chính luận cấp tiến và nhà hoạt động chính trị Đức. – 632, 638.
- Vi-găng* (Wigand), Ốt-tô (1795-1870) – người xuất bản và phát hành sách Đức, chủ hãng ở Lai-pxích chuyên xuất bản các tác phẩm của nhà văn cấp tiến. – 437, 438, 450, 453, 455, 458, 460.
- Vi-khen-hau-den* (Wichelhausen), Pê-tơ – người được ủy nhiệm của công xã Béc-men. – 767.
- Vi-khen-hau-xơ* (Wichelhaus), Giô-han-nét (1819-1858) – nhà thần học Cơ Đốc giáo người đã dạy Ăng-ghe-n ở trường trung học cổ điển En-bơ-phen-đơ. – 607.
- Vi-lăng* (Wieland), Cri-xtốp Mác-tin (1733-1813) – nhà văn Đức thời kỳ Khai sáng tư sản, cũng nổi tiếng là người dịch các tác phẩm của Sếch-xpia và của các tác giả cổ điển. – 500, 527.
- Vi-li-ban*, A-lếch-xít – xem *He-rinh*, Vin-hem.
- Vích-to I*, thánh – giáo hoàng La Mã. – 169.
- Viéc-gi-lơ* (Pu-bli-út Viéc-gi-ni-út Ma-rôn) (năm 70-19 trước công nguyên) – nhà thơ lỗi lạc La Mã. – 128, 773.
- Vin* (Wihl), Lút-vích (1807-1882) – nhà văn và nhà phê bình Đức, thuộc nhóm văn học "Nước Đức trẻ". – 94, 95, 109.
- Vin-bác-gơ* (Wienbarg), Luy-đôn-phơ (1802-1872) – nhà văn và nhà phê bình Đức,

- một trong những đại biểu của nhóm văn học "Nước Đức trẻ". – 37, 82, 95, 99, 103, 132, 541, 608, 619.
- Vin-clơ* (Winkler), Tê-ô-đô (bút danh là Tê-ô-đô *Hen*) (1775-1856) – nhà văn và nhà báo phản động Đức, người xuất bản tờ "Abend-Zeitung". – 543, 560-562.
- Vin-clơ* (Winkler), I.H.Ph. – nhà truyền giáo, tác giả tập thơ "Tiếng thụ cầm". – 533.
- Vít-ten-stai-nơ* (Dòng họ) (Wittenstein) – các chủ hăng ở Hạ Bắc-men. – 550.
- Vít-xlê-ben* (Witzleben), Các Au-gu-xtơ (bút danh là A.Tơ-rôm-lít-xơ) (1773-1839) – nhà văn tư sản Đức, tác giả nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn về các đề tài lịch sử. – 543, 558.
- Vôn-te* (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (1694-1778) – nhà triết học tự nhiên thần luận, nhà văn trào phúng, nhà sử học người Pháp, đại biểu nổi tiếng của thời kỳ Khai sáng tư sản thế kỷ XVIII; đã đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế và đạo Thiên chúa. – 96, 161, 423, 442, 460, 461.
- Vôn-phơ* (Wolff), Cri-xti-an (1679-1754) – nhà triết học duy tâm Đức, nhà siêu hình. – 217.
- Vuốc-mơ* (Wurm), Gu-xtáp (1819-1888) – bạn học cùng trường của Ăng-ghen, về sau là nhà ngữ văn học. – 493, 501, 504, 507, 525, 536, 577, 584, 605-607, 621, 682, 687.

X

- Xan Gioóc-giơ* (Sand George) (bút danh của Ô-ro-rơ *Đuy-đê-van*) (1804-1876) – nữ văn sĩ Pháp, tác giả nhiều tiểu thuyết xã hội, bà là đại diện cho trào lưu dân chủ trong chủ nghĩa lãng mạn. – 125.
- Xcôt* (Scott), Oan-tơ (1771-1832) – nhà văn lỗi lạc Anh, người sáng lập nên tiểu thuyết lịch sử trong văn học Tây Âu. – 558.
- Xơ-ri-bơ* (Scribe), Ô-guy-xtanh Ô-gien (1791-1861) – nhà soạn kịch Pháp nổi tiếng, người thể hiện đạo đức của giai cấp tư sản Pháp. – 197.
- Xéc-van-téc Đơ Xa-vê-đra* (Cervates de Saavedra), Mi-ghen (1547-1616) – nhà văn hiện thực vĩ đại Tây ban Nha. – 585.
- Xét-lít-xơ* (Zedlitz), I-ô-đép Cri-xti-an Phôn (1790-1862) – nhà thơ Áo, đại diện của chủ nghĩa lãng mạn phản động. – 544.

- Xê-da* (Cai-út I-u-li-út Xê-da) (khoảng năm 100-44 trước công nguyên) – thống soái nổi tiếng người La Mã và nhà hoạt động nhà nước. – 576.
- Xi-giơ-un-đơ* – *Clíp-hau-den* (Ziegler und Kliphausen), He-rích An-đen-mơ Phôn (1663-1696) – nhà thơ Đức, đại biểu của văn học quý tộc thể hiện lợi ích của thế lực phản động phong kiến ở Đức. – 51.
- Xi-môn-xơ* (Simons) – trung úy, người quen của Ăng-ghen. – 578.
- Xi-xê-rông* (Mác-cút Tu-li-út Xi-xê-rông) (106-43 trước công nguyên) – nhà hùng biện nổi tiếng của La Mã và nhà hoạt động nhà nước, nhà triết học chiết trung. – 338, 775.
- Xmít* (Smith), A-đam (1723-1790) – nhà kinh tế học Anh, một trong những đại biểu lỗi lạc nhất của kinh tế chính trị học cổ điển tư sản. – 378.
- Xmít*, Phê-đo I-va-nô-vích (1787-1865) – nhà sử học quân sự Nga. – 619.
- Xmít-tơ* (Smidt), I-ô-han (1773-1857) – thị trưởng thành phố Brê-men (1821-1857), có gián đoạn những năm 1849-1852. – 547, 685.
- Xnét-la-gơ* (Snehlage), Lu-i-da (1822-1878) – chị em họ của Ph.Ăng-ghen; năm 1841 thành hôn cùng Cri-xti-an Héc-man Di-ben. – 712, 724, 729.
- Xô-crát* (khoảng 469 – khoảng 399 trước công nguyên) – nhà triết học duy tâm của Hy Lạp cổ đại. – 210, 298, 496, 501.
- Xô-phô-clơ* (khoảng 497 – khoảng 406 trước công nguyên) – nhà soạn kịch lỗi lạc của Hy Lạp cổ đại, tác giả các vở bi kịch cổ điển. – 81, 638.
- Xôn-túc* (Soltyk), Rô-man, bá tước (1791-1843) – sĩ quan Ba Lan, người tham gia cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc 1830-1831 ở Ba Lan. – 619.
- Xpi-nô-da* (Spinoza), Ba-rúc (Bê-nê-đích) (1632-1677) – nhà triết học duy vật nổi tiếng người Hà Lan, người theo đuổi chủ nghĩa vô thần. – 303, 592.
- Xtan* (Stael), An-na Lu-i-da Giéc-manh *Đơ*, nam tước phu nhân (1766-1817) – nữ văn sĩ nổi tiếng người Pháp. – 482.
- Xtê-phan* (Stephan), Mác-tin (1777-1864) – nhà tuyên truyền của Hội người Séc ở Đre-xđen, năm 1838 lưu vong sang Mỹ. – 55.
- Xti-phen-xơ* (Steffens), Hen-rích (1773-1845) – nhà tự nhiên học Đức, nhà triết học theo phái Sê-ling và nhà văn, gốc Na Uy, tác giả các tiểu thuyết về cuộc sống của Na Uy. – 183.
- Xun-tơ* (Soutl), Ni-cô-la Giăng (1769-1851) – nguyên soái Pháp, nhà hoạt động nhà nước, trong những năm 1808-1814 chỉ huy các đoàn quân Pháp ở Tây Ban Nha,

trong thời kỳ nền quân chủ thánh Bấy là bộ trưởng chiến tranh (1830-1834, 1840-1845), bộ trưởng ngoại giao (1839-1840) và thủ tướng (1832-1834, 1839-1840 và 1840-1847). – 690.

CÁC NHÂN VẬT VĂN HỌC VÀ THẦN THOẠI

A-dam – theo truyền thuyết trong kinh thánh, là người xuất hiện đầu tiên. – 96, 207, 628, 630.

A-dra-xto – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, là vua xứ Ác-gốt; đã tham gia cuộc hành quân của bảy người chống Phi-vơ, nhân vật trong vở kịch của Ê-si-lơ "Bảy người chống lại Phi-vơ". – 767.

A-ga-xphe-rơ – nhân vật thần thoại, người Do Thái, bị buộc phải lang bạt đời đời kiếp kiếp ("Người Do Thái lang bạt đời đời kiếp kiếp") để trừng trị lỗi lầm nghiêm trọng đối với Chúa; hình tượng của các chuyện cổ tích thời Trung cổ, của cuốn sách dân gian Đức nói về Người Do Thái lang bạt đời đời kiếp kiếp; thường gặp trong văn học của nhiều dân tộc châu Âu. – 28, 29, 529, 635.

A-ghê-no – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là vua xứ Phi-ních, cha của Cát-mơ và E-vrô-pha. – 766.

A-ghê-nô-rít (Cát-mơ) – con trai của A-ghê-no. – 765, 767.

A-phi-na Pan-la-da – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là nữ thần chiến tranh; tượng trưng cho sự thông thái. – 330, 766.

A-si-lơ hoặc *A-si-lét* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là vị anh hùng dũng cảm nhất trong các anh hùng đã bao vây thành Tơ-roa, một trong những nhân vật chính của tác phẩm "I-li-át" của Hô-me. – 49, 742.

A-rê-tu-da – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là nữ thần cai quản các lực lượng thiên nhiên. – 216.

A-ta-li-a – nữ nhân vật của vở bi kịch cùng tên của Gi. Ra-xin. – 50.

A-vơ-nia – nhân vật trong các vở bi kịch của C.Gút-xcốp "Vua Xau-lơ" và của C.Béch "Xau-lơ". – 43, 87.

A-xta-rôt – nhân vật trong vở bi kịch "Vua Xau-lơ" của Gút-xcốp. – 91.

Ác-ghê-i-a – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là con gái vua xứ Ác-gốt là A-dra-xto,

vợ của Pô-li-ních, nhân vật trong vở bi kịch của Ê-si-lơ "Bảy người chống lại Phi-vơ". – 767.

Ác-guy-xơ – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là người canh gác có trăm mắt. – 741.

Ác-mi-ni – nhân vật chính trong tiểu thuyết của Lô-ê "Đại công tước Ác-mi-ni và Tuxen-đa kiêu diễm của ông". – 51.

Ác-tua – nhân vật trong tiểu thuyết "Xê-ra-phin" của Gút-xcốp. – 107.

Ác-vi-lông – đối với những người La Mã cổ đại là gió bắc, nghĩa bóng là số phận hẩm hiu, đen đui. – 62.

Am-phi-a-rai – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là vua xứ Ác-gốt; tham gia cuộc hành quân của bảy người chống Phi-vơ; nhân vật trong vở bi kịch của Ê-si-lơ "Bảy người chống lại Phi-vơ". – 765.

An-bê-rích – người lùn, nhân vật trong "Bài ca về Ni-bê-lung", đã bảo vệ báu vật của dòng họ Ni-bê-lung và đã bị Dích-phrít giết chết. – 169.

An-đrô-ních – nhân vật trong chuyện về người nô lệ An-đrô-ních, một chuyện mà người ta cho là của Ghe-ra-đi, người Pa-le-xtin. – 27.

An-ti-gô-na – nữ nhân vật trong các vở bi kịch của Xô-phô-clơ và Ê-si-lơ, theo thần thoại Hy Lạp cổ đại là con gái của vua xứ Phi-vơ là Ê-đi-ơ. – 81.

Ben-In, tiểu thư Đờ – nữ nhân vật của vở kịch cùng tên của A.Đuy-ma cha. – 49.

Bla-de-đốp – nhân vật trong tiểu thuyết "Bla-de-đốp và những đứa của ông" của Gút-xcốp. – 90, 107, 585.

Bu-di-rít – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là vua Ai Cập. – 390.

Ca-pa-nây – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là vua xứ Ác-gốt, là một trong các thủ lĩnh – những người tham gia cuộc chiến tranh chống Phi-vơ. – 765.

Các-đê-ni-ô – nhân vật trong vở bi kịch "Các-đê-ni-ô và Xê-lin-đa" của Các Im-mơ-man. – 583.

Cô-lông – nhân vật chính trong vở bi kịch cùng tên của Các Véc-de-rơ. – 722.

Cláp-đi-út – một trong những nhân vật trong cuốn sách dân gian Đức "Hoàng đế Ốc-ta-vi-an". – 31.

Cli-men-tơ – một trong những nhân vật trong cuốn sách dân gian Đức "Hoàng đế Ốc-ta-vi-an". – 31.

Dích-hác-đơ – hình tượng trong vở bi hài kịch "Dích-phrít không chề vào đầu được" của Ph.Ăng-ghen. – 553, 555.

- Dích-lin-da* – mẹ của Dích-phrít, nhân vật trong sử thi dân gian Đức thời cổ và trong trường ca Đức thời Trung cổ "Bài ca về Ni-bê-lung". – 168.
- Dích-mun* – cha của Dích-phrít, nhân vật trong sử thi dân gian Đức thời cổ và trong trường ca Đức thời Trung cổ "Bài ca về Ni-bê-lung". – 168.
- Dích-phrít* – một trong những nhân vật chính trong sử thi dân gian Đức cổ đại, và cả trong trường ca Đức thời Trung cổ "Bài ca về Ni-bê-lung"; nhân vật chính của vở bi hài kịch "Dích-phrít không chệ vào đầu được" của Ph.Ăng-ghen. – 26, 30-34, 168, 173, 175, 502, 533, 554-557, 561-566.
- Dót* – vị thần tối cao trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, con trai của thần Crôn. – 767.
- Đa-mô-clơ* – theo truyền thuyết của Hy Lạp cổ đại là người gắn gùi với tên bạo chúa Đì-ô-ni-xi xứ Xi-ra-cu-giơ (thế kỷ thứ IV trước công nguyên). Thành ngữ "*Thanh gươm Đa-mô-clơ*" – đồng nghĩa với sự nguy hiểm thường xuyên, nghiêm trọng và sắp xảy ra. – 198.
- Đa-nai* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là vua xứ Ác-gốt. – 741.
- Đa-ni-in* – nhà tiên tri trong Kinh thánh, tác giả huyền thoại của một trong những cuốn sách Kinh thánh, sách Đa-ni-in. – 381.
- Đa-vít* – vua Do Thái nửa huyền thoại (cuối thế kỷ XI – khoảng năm 950 trước công nguyên), kẻ chiến thắng những người Phi-li-xtìm, nhân vật trong vở bi kịch "Xau-lo" của C.Béch và trong vở bi kịch "Vua- Xau-lo" của C.Gút-xcốp. – 43, 64, 82, 89, 92, 419.
- Đi-a-na* – nữ thần của những người La Mã cổ đại, từ thế kỷ V trước công nguyên – đồng nhất với thần Ác-tê-mít của người Hy Lạp, là thần bảo trợ cho việc săn bắn và cho các loài dã thú. – 172.
- Đi-ô-nít* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là vị thần trồng trọt, người bảo trợ cho ngành trồng nho và sản xuất rượu vang. – 317.
- Đông-Ki-sốt* – nhân vật chính của tiểu thuyết cùng tên của Xéc-van-tét. – 90, 388, 484, 742.
- Ê-di-pơ* – nhân vật trong chòm thần thoại Hy Lạp cổ đại về xứ Phi-vơ, nhân vật chính của vở bi kịch của Xô-phô-clơ; theo huyền thoại đã đoán được câu đố của con nhện sư và do đó đã giải thoát cho Phi-vơ khỏi con quái vật khát máu. – 765-768.
- Ê-lê-na* – nhân vật nữ trong cuốn sách dân gian cùng tên của Đức. – 31, 503.

- Ê-na-cơ* – con trai của Ác-ba, tên họ đó, theo truyền thuyết trong Kinh thánh, được dòng họ I-xpô-lin sống đã lâu trên vùng đất Kha-na-an đặt cho. – 533.
- Ê-tê-ô-clơ* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, là con trai vua xứ Phi-vơ là Ê-di-pơ, cùng em trai là Pô-li-ních trị vì ở xứ Phi-vơ; đã giết chết em mình đồng thời cùng chết vì bàn tay người em ấy trong trận đấu tay đôi ấy, thần thoại được dùng làm cơ sở cho vở bi kịch của Ê-si-lơ "Bảy người chống lại Phi-vơ". – 765-767.
- Éc-nơ-xơ* – nhân vật trong cuốn sách dân gian của Đức "Công tước Éc-nơ-xơ". – 28.
- Éch-các-tơ* – nhân vật trong các truyện cổ tích của Đức thời Trung cổ, hình ảnh con người trung thành, người lính gác đáng tin cậy. – 176, 607, 612.
- Ét-mun-đơ* – nhân vật trong tiểu thuyết "Xê-ra-phi-na" của C.Gút-xcốp. – 107.
- Ga-ni-mét* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là chú bé tuyệt vời, thần Dốt đã bắt cóc chú và biến thành người dâng rượu của mình. – 621.
- Ghe-nô-vê-pha* – nhân vật nữ trong cuốn sách dân gian cùng tên của Đức. – 13, 30.
- Ghéc-mét* – trong thần thoại Hy Lạp là vị thần của đồng cỏ và gia súc, của đường sá, buôn bán, thể dục và cái đẹp, con trai của thần Dốt và Mai-i. – 150.
- Ghê-oóc-ghi Chiến thắng* – vị thánh thần thoại của đạo Cơ Đốc, người chiến thắng con rồng. – 257, 703.
- Ghê-ra* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là nữ thần cai quản mây và giông bão, sấm chớp, phu nhân của thần Dốt, Ghê-ra còn là nữ thần bảo trợ cho hôn nhân và gia đình. – 766, 767.
- Ghi-xmôn-đa* – nhân vật trong vở bi kịch "Gi-xmôn-đa, hay là Kẻ hy sinh thầm lặng" của Các Im-mơ-man. – 243.
- Gia-vê* (Giê-hô-va) – vị thần chính trong đạo Do Thái. – 83- 85, 320, 447.
- Giắc* – theo truyền thuyết trong Kinh thánh là con trai của I-xác, tổ tiên của dân Do Thái cổ đại, một trong những tông đồ của đạo Cơ Đốc. – 327, 356, 456, 460.
- Giê-xu Ki-tô* – theo huyền thoại là người sáng lập đạo Cơ Đốc. – 154, 172, 284, 316-328, 339-343, 433, 468, 529, 535, 550, 590, 597, 602, 744.
- Giăng* – trong thần thoại Cơ Đốc giáo là một trong những tông đồ của Ki-tô, tương truyền là tác giả của Kinh Mặc khải của Giăng (A-pô-ca-líp-xít), một trong những Kinh Phúc âm và ba bức thư mà trên thực tế do các nhân vật khác nhau viết. – 327, 356, 357, 358, 364, 367, 419, 432, 455, 550, 603, 626, 631, 656.
- Giăng người tiên khu* (Người rửa tội) – nhân vật thần thoại trong lịch sử đạo Cơ Đốc, bậc tiên khu và người báo trước trực tiếp nhất của Giê-xu Ki-tô, người chuẩn

- bị cho mọi người đi theo Ki-tô bằng lễ rửa tội và tuyên truyền một số nguyên lý của đạo Cơ Đốc. – 456.
- Giô-xu-ê Na-vin* (Giê-hô-sao ben Nun) – nhân vật trong Kinh thánh, theo truyền thuyết đã phá hủy tường thành I-ê-ri-khôn bằng những âm thanh của những chiếc kèn thần và bằng lời kêu gọi của các chiến binh của mình. – 19, 627.
- Giôn Bun-lơ* (Giôn Bô tốt) – danh từ chung để chỉ các đại diện của giai cấp tư sản Anh; nó được phổ biến rộng rãi từ khi xuất hiện vào năm 1812 bài văn châm biếm chính trị "Câu chuyện về Giôn Bun-lơ" của Ác-bết-nốt. – 168.
- Gíp-pô-me-đôn* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là một trong bảy thủ lĩnh tham gia cuộc chiến tranh chống Phi-vơ. – 765.
- Giuy-li-ét* – nữ nhân vật trong vở kịch "Rô-mê-ô và Giuy-li-ét" của U.Sếch-xpia. – 123.
- Gri-den-đa* – nhân vật nữ trong cuốn sách dân gian Đức cùng tên; hình tượng nhân vật này thể hiện sự vâng lời và phục tùng mà người phụ nữ đang yêu có thể làm được. – 30, 31.
- Giu-đa I-xca-ri-ốt* (ở Ca-ri-ốt) – theo truyền thuyết trong kinh Phúc âm, là một trong mười hai tông đồ – những học trò của nhân vật huyền thoại sáng lập ra đạo Cơ Đốc là Giê-xu Ki-tô, – người đã bán rẻ thầy của mình lấy 30 đồng tiền bạc; tên của Giu-đa tượng trưng cho sự phản bội. – 29, 347.
- Hây-môn* – nhân vật trong cuốn sách dân gian cùng tên, cha của bốn người con trai, chúng là những nhân vật chính của cuốn sách này. – 25, 32, 503.
- Hiéc-li-an-đa* – nhân vật nữ trong cuốn sách dân gian Đức, bắt nguồn từ văn học dân gian Pháp đầu thế kỷ XVII. – 30.
- Hăm-lét* – nhân vật chính của vở bi kịch cùng tên của Sếch-xpia và vở ca kịch "Hăm-lét ở Vít-ten-béc" của C.Gút-xcốp. – 78, 86, 91, 100, 506, 583.
- Hê-ra-clơ* (Héc-quyn) – nhân vật rất quen thuộc trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, ông nổi danh vì sức mạnh vô song của ông và những chiến thắng hiển hách. – 496, 533, 640, 741.
- Hiếp sĩ đen* – nhân vật trong vở kịch "Cô gái đồng trinh Oóc-lê-ăng" của Si-lơ. – 87.
- I-a-nô-súc* – hình tượng tên tướng cướp trong vở "Những giai điệu Hung-ga-ri" của C.Béch. – 42.
- I-a-xôn* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là nhân vật cầm đầu cuộc hành quân của các anh hùng xứ Ác-gốt đi chiếm lông cừu vàng do con rồng bảo vệ. – 741.

- In-dôn-đa* – nhân vật nữ trong trường ca sử thi thời Trung cổ "Tơ-ri-xtan và I-dôn-đa" xứ Xơ-ra-xbua của Gốt-phrít và cả trong cuốn sách dân gian Đức cùng tên. – 32.
- I-ê-dê-kin* – nhà tiên tri trong Kinh thánh. – 419.
- I-li-a* – theo truyền thuyết là nhà tiên tri. – 257, 356, 462, 560, 597.
- I-na-khơ* – theo thần thoại Hy Lạp, là vị anh hùng xứ Ác-gốt, sau nạn đại hồng thủy toàn thế giới đã dắt dẫn mọi người từ trên núi xuống đồng bằng và lập nên thành phố Ác-gốt. – 639.
- I-ô-na-phan* – con trai trưởng của vua Xau-lơ, bạn của Đa-vít, nhân vật trong vở bi kịch "Xau-lơ" của C.Béch và trong vở "Vua Xau-lơ" của Gút-xcốp. – 87.
- Giô-dép* – theo truyền thuyết trong Kinh thánh, là con trai của Giác, đã bị anh em mình bán sang Ai cập; là một con người có lòng nhân ái và có tài trí, trở thành thượng thư của Pha-ra-ông, đã chuyển cả dòng họ sang định cư ở Ai Cập. – 550, 590, 596, 597, 610.
- I-phi-ghe-ni-a* – nhân vật nữ trong vở bi kịch "I-phi-ghe-ni-a ở Ô-li-đơ" của Gi.Ra-xin. – 49.
- I-xai-a* – nhà tiên tri Do Thái cổ đại sống vào thế kỷ VIII trước công nguyên, trong Kinh thánh có một cuốn sách đặc biệt mang tên ông được nhiều người biết đến, cuốn sách này là tài liệu phong phú để tìm hiểu tình cảnh của dân Do Thái và các dân tộc khác. – 313, 340, 348, 353.
- I-xi-đo* – nhân vật trong vở bi kịch "Những người nông nô, hay là I-xi-đo và Ôn-ga" của Éc-nơ-xơ Rau-pha-khơ. – 583.
- I-u-đi-phơ* – theo huyền thoại trong Kinh thánh, I-u-đi-phơ vì muốn cứu giúp nhân dân mình đã giết viên tướng Ô-lô-phéc-nơ của xứ A-xi-ri, do đó đã tạo khả năng cho người Do Thái đuổi kẻ thù ra khỏi đất nước mình. – 88.
- Kéc-ki-ôn* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là một người khổng lồ đã bị Tê-xây giết chết. – 741.
- Lia* – nhân vật trong vở bi kịch "Vua Lia" của Sếch-xpia. – 533.
- Lôi-ô-la* – hình tượng trung tâm trong tiểu thuyết cùng tên của Ê-đu-a Đu-lơ. – 51, 67.
- Lốt* – theo huyền thoại trong Kinh thánh, là người sùng đạo của Thành Xô-đôm, cư dân của thành phố này chìm đắm trong sự đồi trụy, vì vậy đã bị ngọn lửa từ trên trời thiêu cháy; thần chỉ kéo Lốt và gia đình ông ta ra khỏi thành Xô-đôm đang bị lửa bao phủ. – 119.

- Lu-ca* – theo truyền thuyết của đạo Cơ Đốc, là một trong mười hai thánh tông đồ; một người soạn kinh Phúc âm, tác giả của kinh Phúc âm thứ ba trong Tân ước. – 337, 436, 534, 590, 596, 610, 626.
- Lu-cre-xi-a Boóc-gia* – nhân vật nữ trong vở kịch cùng tên của V.Huy-gô. – 49.
- Ma-ghe-lê-na* – nhân vật nữ trong cuốn sách dân gian Đức cùng tên. – 32.
- Ma-ri-nô Pha-li-e-ri* – nhân vật trong vở bi kịch cùng tên chưa hoàn thành của C.Gút-xcốp. – 78.
- Ma-ri-a* – theo truyền thuyết trong Kinh thánh, là mẹ của Giê-xu Ki-tô. – 351, 464, 536, 550, 597, 630.
- Ma-thi-ơ* – trong thần thoại đạo Cơ Đốc là một trong mười hai thánh tông đồ, người biên soạn kinh Phúc âm, tác giả bản kinh Phúc âm thứ nhất trong kinh Tân ước. – 346, 357, 362, 365, 367, 495, 591, 602, 610, 626.
- Mác-xơ* – theo kinh Tân ước, là một trong bốn người biên soạn kinh Phúc âm. – 653, 626.
- Mê-luy-đi-na* – nhân vật nữ trong cuốn sách dân gian Đức "Mê-luy-đi-na kiều diễm". – 25, 31.
- Mê-nê-lai* – theo thần thoại Hy Lạp cổ đại là vua xứ Xpác-tơ, anh hùng của cuộc chiến tranh đánh chiếm thành To-roa; hoàng tử thành To-roa là Pa-ri-xơ đã bắt cóc vợ của Mê-nê-lai là Ê-lê-na kiều diễm và đó là cái cớ dẫn đến chiến tranh. – 502.
- Me-rô-vi-a* – nhân vật trong vở bi kịch "Xau-lơ" của C.Béch. – 43.
- Me-phi-xtô-phen* – hình tượng con quỷ, con yêu tinh, người bạn đồng hành của bác sĩ Phau-xtơ trong huyền thoại dân gian Đức cổ xưa, là chất liệu để viết nhiều cuốn sách cải biên; đặc biệt nổi tiếng là hình tượng Me-phi-xtô-phen được thể hiện trong vở bi kịch "Phau-xtơ" của Gơ-tơ. – 79, 80, 105, 165.
- Méc-lin* – thầy phù thủy trong chuyện cổ tích Anh cổ đại, đã được các Im-mơ-man cải biên về mặt văn học trong vở kịch "Méc-lin". – 213.
- Mi-kha-in* – theo truyền thuyết của Kinh thánh, là một trong những thiên sứ. – 159, 463.
- Mi-khan* – nhân vật trong vở bi kịch "Vua Xau-lơ" của C.Gút-xcốp. – 87, 107.
- Mi-khen* – danh từ chung dùng để chỉ kẻ tiểu thị dân Đức với tính cách vụng về, chậm chạp và ngu muội của anh ta. – 387.
- Moa-ơ* – nhân vật trong vở bi kịch "Xau-lơ" của C.Béch. – 43.

- Mô-i-dơ* – theo truyền thuyết của Kinh thánh, là nhà tiên tri và người biên soạn luật đã giải phóng cho người Do Thái cổ đại thoát khỏi sự tù đày ở Ai Cập và cho họ luật lệ. – 71, 101, 152, 356, 425, 429.
- Mô-lô-sơ* – thần mặt trời trong tôn giáo của Phê-ni-xi cổ đại và của Ca-ta-giơ, việc cúng thần này kèm theo lễ hiến sinh con người, sau này tên của Mô-lô-sơ tượng trưng cho sức mạnh hung dữ bao trùm tất cả. – 43, 428.
- Moóc-gan-na* – theo thần thoại của người Ken-tơ, là một nàng tiên, một trong chín nữ thiên tài – những người bảo trợ cho người Ken-tơ. – 175.
- Mô-rôn-phơ (Mác-côn-phơ)* – nhân vật trong cuốn sách dân gian Đức "Xa-lô-mông và Mô-rôn-phơ". – 26, 29.
- Muyn-hau-den* – nhân vật trong tiểu thuyết "Muyn-hau-den. Lịch sử qua các tác phẩm văn học hay âm nhạc" của C.Im-mơ-man, là tác phẩm trào phúng sâu sắc chia vào chế độ chuyên chế và tầng lớp quý tộc. – 205, 213.
- Ni-be-lung* – theo thần thoại là dòng họ của những người lùn sở hữu các báu vật, đã được dùng để đặt tên cho bản trường ca nổi tiếng của Đức "Bài ca về Ni-be-lung". – 168, 169.
- Ốc-ta-vi-an* – nhân vật trong cuốn sách dân gian "Hoàng đế Ốc-ta-vi-an" và trong bài thơ châm biếm cùng tên của Lút-vích Ti-ơ. – 25, 31.
- Ôn-ga* – nhân vật nữ trong vở bi kịch "Những người nông nô, hay I-xi-do và Ôn-ga". – 583.
- Ô-phi-li-a* – nhân vật trong vở kịch "Hăm-lét ở Vít-ten-béc" của C.Gút-xcốp. – 79, 80.
- Pan* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là thần đồng cỏ, rừng, người bảo trợ những đồng cỏ và ngành chăn nuôi gia súc. – 115.
- Pan-la-đa* – xem *A-phi-na Pan-la-đa*.
- Pác-phê-nô-pây (Pác-tê-nô-pây)* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, là một trong bảy thủ lĩnh chống lại Phi-vơ; nhân vật trong vở bi kịch "Bảy người chống lại Phi-vơ" của Ê-si-ơ. – 765.
- Pê-gát* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là con ngựa có cánh; trên cơ sở những huyền thoại sau này về nó mà ở châu Âu vào thế kỷ XIV xuất hiện thành ngữ "khuất phục được Pê-gát", nghĩa là thấm nhuần cảm hứng thơ ca. – 673.
- Pi-e* – theo truyền thuyết của Kinh thánh, là một trong mười hai tông đồ của đạo Cơ Đốc, đã ba lần từ chối thấy của mình. – 327, 356, 357, 362-365, 494, 727, 730.

- Phi-phôn* – trong thần thoại của Hy Lạp cổ đại là con rắn sống ở gần Đen-phơ; bị A-phô-lông giết chết. – 621.
- Pôn* – theo truyền thuyết của Kinh thánh, là một trong mười hai tông đồ của đạo Cơ Đốc, trước khi theo đạo Cơ Đốc, ông mang tên Xa-viơ. – 159, 160, 317, 327, 337, 356-359, 362, 366, 626.
- Pô-da*, hâu tước – một trong những nhân vật trong vở bi kịch "Đôn Các-lốt" của Si-lơ, là hình tượng một nhà quý tộc yêu tự do, hào hiệp, có ý định gây ảnh hưởng đến ông vua bạo chúa. – 389, 611.
- Pô-li-ních* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là con trai của vua xứ Phi-vơ là Ê-đi-ơ, cùng với em trai là Ê-tê-ô-clơ làm vua trị vì Phi-vơ; đã giết chết em mình đồng thời lại bị giết vì tay em mình trong chính trận đấu tay đôi ấy, huyền thoại này là cơ sở của vở bi kịch "Bảy người chống lại Phi-vơ" của Ê-si-lơ. – 765-768.
- Pôn-tu-xơ* – nhân vật trong truyện dân gian Đức "Pôn-tu-xơ và Xi-đô-ni-a". – 33.
- Phau-xơ* – nhân vật chính trong cuốn sách dân gian Đức, trong vở bi kịch cùng tên của Gơ-tơ và vở kịch "Hăm-lét ở Vít-ten-béc" của C.Gút-xcốp. – 28, 79, 529, 533, 635.
- Phe-đơ* – nữ nhân vật trong vở bi kịch cùng tên của Gi. Ra-xin. – 49.
- Phê-ô-phin* – nhân vật trong Kinh Tân ước. – 597.
- Phi-líp* – nhân vật trong vở kịch "Đôn Các-lốt" của Si-lơ. – 165, 389.
- Phoóc-tu-na-tút* – nhân vật trong cuốn sách dân gian Đức cùng tên, chủ nhân của chiếc túi thần diệu không bao giờ cạn và chiếc mũ nhỏ thần kỳ. – 25, 32.
- Phi-e-ra-bra-xơ* – nhân vật trong cuốn sách dân gian Đức cùng tên. – 33.
- Plô-ren-xơ* – một trong những nhân vật trong cuốn sách dân gian Đức "Hoàng đế Ốc-ta-vi-an". – 31.
- Rây-nan-đơ* – một trong những người con trai của quận công Hây-môn huyền thoại trong cuốn sách dân gian Đức "Những đứa con của Hây-môn". – 31.
- Rô-lăng* – nhân vật trong sử thi dân gian Pháp "Bài ca về Rô-lăng". – 258, 533, 686.
- Rô-mê-ô* – nhân vật trong vở kịch "Rô-mê-ô và Giuy-li-ét" của V.Sếch-xpia". – 123.
- Ruy-i Bla-đơ* – nhân vật của vở kịch cùng tên của V.Huy-gô. – 49.
- Sai-đơ Ga-rôn* – nhân vật trong trường ca "Chuyến hành hương của Sai-đơ Ga-rôn" của Bai-rơn. – 585.
- Sây-lốc* – nhân vật trong vở hài kịch "Người lái buôn thành Vơ-ni-đơ" của Sếch-xpia;

- một kẻ cho vay nặng lãi tàn bạo đòi phải cắt, theo những điều kiện của kỳ phiếu, một pao thịt của con nợ trả không đúng hạn. – 165.
- Tan-hai-đơ* – nhân vật trong các truyện cổ tích dân gian Đức và nhân vật chính của trường ca cùng tên của Hai-nơ. – 176.
- Ten-lơ*, Vin-hem – nhân vật trong các truyện cổ tích dân gian nói về cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Thụy Sĩ chống dòng họ Háp-xbuốc vào cuối thế kỷ XIII – đầu thế kỷ XIV; huyền thoại miêu tả ông như một mũi tên bắn cung chuẩn xác giết chết người đứng đầu quân Áo; hình tượng Vin-hem Ten-lơ được Si-lơ sử dụng trong vở kịch cùng tên đó của ông. – 611, 742.
- Tê-xây* (Tê-dây) – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại là một trong những nhân vật chính, vua huyền thoại của A-ten. – 741.
- Tô-bi-a-nút* – nhân vật trong tiểu thuyết "Bla-dê-dốp và những đứa con của ông" của C.Gút-xcốp. – 585.
- Tơ-ri-xtan* – nhân vật truyền thuyết của sử thi thời Trung cổ, của tiểu thuyết "Tơ-ri-xtan và I-dôn-đa" của Gốt-phrít Xtơ-ra-xbua và của cuốn sách dân gian Đức và những bài thơ của C.Im-mơ-man. – 32, 34, 213, 579.
- Ti-dây* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, là một trong những người tham gia cuộc hành quân của bảy người chống Phi-vơ; nhân vật trong vở bi kịch của Ê-si-lơ "Bảy người chống lại Phi-vơ". – 765.
- Ti-mô-phây* – tông đồ trong số bảy mươi người, học trò và người đồng hành của tông đồ Pôn. – 365.
- Thần thiên vương tinh* – trong thần thoại Hy Lạp cổ đại, tượng trưng cho bầu trời, chồng của nữ thần Hây (đất); cha của các thần khổng lồ, của giông bão và các thần trăm tay. – 231.
- Thượng đế* – xem Gia-vê.
- Tu-xnen-đa* – con gái của công tước Đức bị thủ lĩnh Ác-mi-ni của người Hê-ru-xơ bắt cóc, nữ nhân vật trong tiểu thuyết "Đại công tước Ác-mi-ni và nàng Tu-xnen-đa kiêu diễm của ông" của Lô-en-stai-nơ. – 51.
- U-len-spi-ghen*, Tin - kẻ lừa bịp và anh hề mà những thủ đoạn của anh ta lần đầu được kể lại trong một cuốn sách dân gian vào năm 1515. – 26, 29, 503.
- Va-a-lơ* – tên Kinh thánh của thần bầu trời, mặt trời và sự phì nhiêu, sự sùng bái vị thần này được lan truyền ở Phê-ni-xi, Xi-ry và Pa-le-xtin trong những thiên niên kỷ II-I trước công nguyên. – 257.
- Va-li-a* – nữ nhân vật trong tiểu thuyết "Va-li-a, người đàn bà ngờ vực" của Gút-xcốp. – 33, 91, 107, 541.

- Van-te*, trấn thủ biên khu – nhân vật trong cuốn sách dân gian Đức "Gri-den-đa"; hình tượng nhân vật này tượng trưng cho sự hung ác phi lý và quá đỗi. – 30.
- Ve-li-an* – một trong những tên gọi của con quỷ, được lấy từ Sách thánh ca. – 343.
- Véc-nơ* – nhân vật trong vở kịch cùng tên của C.Gút-xcốp. – 93.
- Xê-lin-đa* – nhân vật trong vở kịch "Bla-dê-đốp và những đứa con của ông" của C. Gút-xcốp. – 107.
- Xê-rui-a* – nhân vật trong vở kịch "Vua Xau-lơ" của C.Gút-xcốp. – 88, 91.
- Vệ nữ* – trong thần thoại La Mã là nữ thần tình yêu và sắc đẹp; được thể hiện dưới dạng một người phụ nữ đẹp. – 612.
- Xa-lô-mông* – hình tượng trong cuốn sách dân gian Đức "Xa-lô-mông và Mô-rôn-phơ". – 26, 29, 536.
- Xa-mu-in* – theo huyền thoại trong Kinh thánh là nhà tiên tri của Do thái cổ đại, nhân vật của vở kịch "Vua Xau-lơ" của C.Gút-xcốp. – 81, 88.
- Xa-tuốc-nơ* – vị thần gico trông của La Mã cổ đại; theo huyền thoại, là vua cổ xưa nhất của I-ta-li-a, ông được coi là người khởi lập ra nghề nông và nghề trồng nho, tên tuổi ông gắn với biểu tượng thời đại hoàng kim – thời đại bình đẳng, dồi dào toàn diện và hòa bình vĩnh viễn. – 56.
- Xăm-xông* – nhân vật trong Kinh thánh, con người được coi là có sức mạnh thể chất siêu nhiên và lòng can trường hiếm thấy. – 459.
- Xăng-sô Păng-xa* – nhân vật trong tiểu thuyết "Đông-Ki-sốt" của Xéc-van-tét, là người hầu của Đông-Ki-sốt. – 585.
- Xau-lơ* – vua đầu tiên của dân Do thái ở thế kỷ XI trước công nguyên, nhân vật trong các vở bi kịch của C.Bếch và C.Grút-xcốp. – 43, 74, 77, 78, 80-92, 107, 108.
- Xê-ra-phi-na* – nhân vật nữ trong tác phẩm cùng tên của C.Gút-xcốp. – 107.
- Xe-ve-giơ*, Ri-sốt – nhân vật chính của vở kịch "Ri-sốt Xe-ve-giơ, hoặc là "Con trai của một bà mẹ" của C. Gút-xcốp. – 71, 72, 80, 92, 109, 126.
- Xít* – nhân vật trong trường ca Tây Ban Nha thời Trung cổ thế kỷ XII "Bài ca về đức ông Xít của tôi", "Biên niên sử về đức ông Xít" và nhiều tiểu thuyết khác, nhân vật phổ cập này của các truyền thuyết dân gian được nhà soạn kịch người Pháp ở thế kỷ XVII là Coóc-nây lấy làm đề tài cho vở bi kịch "Đức ông Xít". – 49, 184, 533.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

- "Abend-Zeitung"* ("Báo buổi chiều") – báo văn học ra hàng ngày xuất bản ở Lai-pxích và Dre-xden từ năm 1817 đến 1857. – 530, 561.
- "Allgemeine Preußische Staats-Zeitung"* ("Báo phổ thông của nước Phổ") – xuất bản ở Béc-lin năm 1819. Trong những năm 40 của thế kỷ XIX báo là cơ quan ngôn luận bán chính thức của Chính phủ Phổ. – 410.
- "Allgemeine Theater-Chronik"* ("Tin văn phổ thông về sân khấu") – tạp chí của Đức, xuất bản ở Lai-pxích trong những năm 1832-1875. – 43.
- "Athenäum"* ("A-tê-nê-um") – tên gọi vắn tắt của tạp chí của phái Hê-ghen trẻ "Athenäum für Wissenschaft, Kunst und Leben. Eine Monatsschrift für das gebildete Deutschland" ("A-tê-nê-um về các vấn đề khoa học, nghệ thuật và đời sống. Nguyệt san cho nước Đức có văn hóa"), tạp chí này được xuất bản trong những năm 1838-1839 ở Nuyéc-béc-gơ. Năm 1841 "Athenäum" xuất bản ở Béc-lin dưới dạng tuần báo với tên gọi "Athenäum. Zeitschrift für das gebildete Deutschland" ("A-tê-nê-um. Tuần báo cho nước Đức có văn hóa"). – 241, 402, 586.
- "Berliner Allgemeine Kirchenzeitung"* ("Báo giáo hội phổ thông Béc-lin") – do giáo sư khoa thần học G.Ph. G. Rai-nơ-van-dơ xuất bản vào những năm 1830-1849. – 257.
- "Berliner Conversations – Blatt für Poesie Litteratur und Kunst"* ("Người đối thoại Béc-lin về các vấn đề thơ ca, văn học và nghệ thuật") – tạp chí Đức; được xuất bản dưới tên gọi này vào các năm 1827-1829 và 1836-1838. – 578.
- "Berliner politisches Wochenblatt"* ("Tuần báo chính trị Béc-lin") – cơ quan ngôn luận cực kỳ phản động, xuất bản từ năm 1831 đến 1841 với sự tham gia của P.Ga-lơ, Lê-ô, Rau-mơ và nhiều nhân vật khác; tuần báo này được sự ủng hộ và bảo trợ của thái tử kế vị Phri-đrich Vin-hem (từ 1840 – là vua Phri-đrich Vin-hem VI). – 64, 73, 188.

- "*Berlinische Nachrichten von Staats – und gelehrten Sachen*" ("Tin tức Béc-lin về các vấn đề chính trị và khoa học") – báo Đức ra hàng ngày, xuất bản ở Béc-lin từ năm 1740 đến 1874; báo giữ khuynh hướng quân chủ – lập hiến. Người ta gọi báo theo tên người xuất bản nó là tờ "Spenersche Zeitung" ("Báo Spê-ne-rơ"). – 401, 402.
- "*Bremer Kirchenbote*" ("Người truyền tin giáo hội Brê-men") – cơ quan ngôn luận của phái Kiền thành Brê-men, xuất bản vào những năm 1832-1847. – 647, 649.
- "*Der Dremer Stadibote*" ("Người truyền tin thành thị Brê-men") – báo Đức ra hàng ngày, do A.May-ơ bắt đầu xuất bản năm 1839. – 13, 15, 538, 539, 577.
- "*Bremer Zeitung*" – tên gọi vắn tắt của tờ "Bremer Zeitung für Staats – Gelehrten – und Handelssachen" ("Báo Brê-men về các vấn đề chính trị, khoa học và thương nghiệp"), xuất bản vào những năm 1813-1848. – 131.
- "*Bremisches Conversationsblatt*" ("Người đối thoại Brê-men") – tạp chí văn học khuynh hướng tự do – ôn hòa, xuất bản vào những năm 1838-1839 với tính cách là phụ trương của tờ "Bremer Zeitung". – 11, 131, 538.
- "*Bremisches Unterhaltungblatt*" ("Người đối thoại Brê-men") – báo văn học Đức, xuất bản vào những năm 1823-1857. – 14, 15, 132, 538.
- Der Christen-Bote. Ein kirchlichreligiöses Sonntagsblatt*" ("Tin tức Cơ Đốc giáo. Báo ngày chủ nhật về tôn giáo và giáo hội") – tạp chí bảo thủ của giáo hội, xuất bản ở Stút-gát từ năm 1832. – 457.
- "*Criminalistische Zeitung*" ("Báo hình sự") – tên gọi vắn tắt của tờ báo bảo thủ Đức "Criminalistische Zeitung für die Preußischen Staaten" ("Báo hình sự cho các nhà nước Phổ"), xuất bản ở Béc-lin vào những năm 1841-1842. – 403, 404.
- "*La Démocratie pacifique*" ("Dân chủ hòa bình") – báo hàng ngày của phái Phu-ri-ê, xuất bản ở Pa-ri vào những năm 1843-1851 dưới sự chủ biên của V.Công-xi-đê-răng. – 482.
- "*Deutsche Jahrbücher*" – tên gọi vắn tắt của tạp chí văn học – triết học của phái Hê-ghen trẻ "Deutsche Jahrbücher für Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám nước Đức về các vấn đề khoa học và nghệ thuật"). Tạp chí được xuất bản ở Lai-pxích dưới tên gọi đó từ tháng Bảy 1841 do A.Ru-gơ làm chủ bút. Tháng Giêng 1843 tạp chí "Deutsche Jahrbücher" bị Chính phủ Đắc-den đóng cửa và theo quyết định của Quốc hội hiệp bang bị cấm trên toàn bộ lãnh thổ Đức. – 249, 254, 261, 438.
- "*Deutscher Courier. Europäische Wochenschrift für Politik und Konstitutionelle Interessen*"

- ("Người truyền tin nước Đức. Tuần báo châu Âu về các vấn đề chính trị và hiến pháp"), xuất bản vào những năm 30-40 của thế kỷ XIX ở Stút-gát. – 93, 199.
- "*Deutscher Musenalmanach*" ("Sách lịch thơ ca Đức") – tạp chí văn học, do Éch-tơ-mây-ơ và A.Ru-gơ xuất bản ở Béc-lin trong những năm 1840-1841. – 567, 578, 586.
- "*Deutscher Musenalmanach*" ("Sách lịch thơ ca Đức") – tạp chí văn học do A. Sa-mít-xô và G.Sva-bơ xuất bản ở Lai-pxích từ năm 1832. – 438.
- "*Die Eisenbahn. Zeitschrift zur Beförderung geistiger und geselliger Tendenzen*" ("Đường sắt. Tạp chí để khích lệ các xu hướng tinh thần và hữu nghị") – tạp chí văn học Đức, xuất bản ở Lai-pxích trong những năm 1838-1844. – 113.
- "*Elberfelder Zeitung*" ("Báo En-bơ-phen-đơ") – báo Đức ra hàng ngày, xuất bản từ năm 1834 đến 1904. Trong những năm 30-40 của thế kỷ XIX theo khuynh hướng bảo thủ. – 17, 578.
- "*Europa. Chronik der gebildeten Welt*" ("Châu Âu. Tin ngắn của giới trí thức") – tạp chí của phái tự do Đức, xuất bản vào những năm 1835-1885, lúc đầu ở Stút-gát, và sau đó ở Các-lơ-xru-ê và Lai-pxích. – 204, 545.
- "*Evangelische Kirchen-Zeitung*" ("Báo của giáo hội Phúc âm") – báo chí của giáo hội bảo thủ Đức, xuất bản ở Béc-lin từ năm 1827. – 257, 392, 542-545, 549, 588, 593, 604, 632, 647.
- "*Der Freihafen. Galerie von Unterhaltungsbildern aus den Kreisen der Literatur, Gesellschaft und Wissenschaft*" ("Cửa biển tự do. Nhà trưng bày tranh giải trí thuộc lĩnh vực văn học, đời sống xã hội và khoa học") – tạp chí văn học, xuất bản mỗi quý một số, do T.Mun-tơ xuất bản ở An-tôn trong những năm 1838-1844. – 101, 102, 221.
- "*Der Gesellschafter*" – tên gọi vắn tắt của tờ báo tự do Đức "Der Gesellschafter oder Blätter für Geist und Herz" ("Người truyền tin, hay là Báo dành cho trí tuệ và trái tim"), xuất bản ở Béc-lin trong những năm 1817-1848. – 578.
- "*Hallische Jahrbücher*" – tên gọi vắn tắt tạp chí văn học – triết học của phái Hê-ghen trẻ "Hallische Jahrbücher für deutsche Wissenschaft und Kunst" ("Niên giám Ha-lơ về các vấn đề văn học và nghệ thuật Đức"), xuất bản ở Ha-lơ trong những năm 1838-1841. – 50, 112, 126, 183, 186, 438, 658, 704.
- "*Jahbüch der Literatur*" ("Niên giám văn học") – sách lịch văn học theo khuynh hướng tự do xuất bản ở Hăm-buốc vào năm 1839 ở nhà xuất bản Hốp-man và Cam-pe. – 77, 98, 543.
- "*Jahrbücher für wissenschaftliche Kritik*" ("Niên giám phê phán khoa học") – tạp chí

- Đức, cơ quan ngôn luận của phái Hê-ghen cánh hữu, xuất bản vào những năm 1827-1846. – 643.
- "*Der Komet, Ein Unterhaltungsblatt für die gebildete Lesewelt*" ("Sao chổi. Người truyền tin dành cho giới có học vấn") – báo văn học ra hàng ngày của Đức theo khuynh hướng tự do, xuất bản vào những năm 1830-1848, lúc đầu ở An-ten-buóc, về sau ở Lai-pxích. – 560.
- "*Königlich-Preußische Staats - Kriegs - und Friedens - Zeitung*" ("Báo của nhà vua Phổ về các vấn đề nhà nước, chiến tranh và hòa bình") – báo Đức ra hàng ngày, xuất bản ở Khuê-ních-xbéc dưới tên gọi này từ năm 1752 đến 1850. Trong những năm 40 của thế kỷ XIX là báo của giai cấp tư sản tiến bộ. – 413.
- "*Leipziger Allgemeine Zeitung*" ("Báo phổ thông Lai-pxích") – báo Đức ra hàng ngày, xuất bản từ năm 1837. Đầu những năm 40 thế kỷ XIX là tờ báo tư sản tiến bộ. Đã bị đình bản trong phạm vi nước Phổ theo sắc lệnh của nội các ngày 28 tháng Chạp 1842, nhưng ở Đắc-den xuất bản đến 1 tháng Tư 1843. Xem bài báo của C.Mác "Việc cấm tờ "*Leipziger Allgemeine Zeitung*" (Toàn tập, t.1, 1995, tr. 236-263). – 361. 411. 468.
- "*Literarische Zeitung*" ("Báo văn học") – báo văn học ra hàng tuần; xuất bản bằng tiền trợ cấp của chính phủ ở Béc-lin từ năm 1834 đến 1849. – 392.
- "*Literarischer Anzeiger für christliche Theologie und Wissenschaft überhaupt*" ("Truyền tin văn học về các vấn đề thần học Cơ Đốc giáo và khoa học nói chung") – tạp chí thần học của phái Kiền thành, xuất bản ở Ha-lơ từ năm 1830 đến 1849. – 257, 468.
- "*Literatur - Blatt*" ("Bản tin văn học") – báo Đức, xuất bản ở Stút-gát và Tuy-bin-ghen trong những năm 1820-1852 như là phụ trương của báo "*Morgenblatt für gebildete Leser*" ("Bản tin buổi sáng dành cho các bạn đọc có học thức"). – 530, 542.
- "*Der Menschenfreund, Eine riligöse Zeitschrift*" ("Bạn của mọi người. Tạp chí tôn giáo") – tạp chí thần học của Đức, xuất bản ở Béc-lin từ năm 1824. – 552.
- "*Mitternachtzeitung für gebildete Leser*" ("Báo nửa đêm dành cho bạn đọc có học thức") – báo tự do Đức, xuất bản dưới tên gọi này ở Brao-no-svai-gơ từ năm 1830; năm 1840 báo này đã đăng bài báo của Ăng-ghen "Đời sống văn học hiện đại". – 112, 569, 660.
- "*Morgenblatt für gebildete Leser*" ("Bản tin buổi sáng dành cho bạn đọc có học thức") – tuần báo văn học, xuất bản ở Stút-gát và Tuy-bin-ghen từ năm 1807 đến 1865.

- Những năm 1840-1841 trong bản tin có đăng một số bài tin của Ph.Ăng-ghen. – 133, 152, 158, 165, 225.
- "*La National*" ("Báo dân tộc") – nhật báo của Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1830 đến 1851; trong những năm 40 là cơ quan ngôn luận của phái cộng hòa tư sản ôn hòa. – 479.
- "*Neue Zeitschrift für Musik*" ("Tạp chí mới về các vấn đề âm nhạc") – tạp chí lý luận âm nhạc của Đức, xuất bản vào những năm 1834-1926 ở Lai-pxích, những năm 1834-1844 do P.Su-man làm chủ bút. – 223.
- "*The New Moral World*" ("Thế giới đạo đức mới") – tuần báo của những người xã hội chủ nghĩa không tưởng, do R.Ô-oen sáng lập năm 1834, xuất bản đến năm 1846, lúc đầu ở Lit-xơ, còn từ tháng Mười 1841 – ở Luân Đôn; từ tháng Mười một 1843 đến tháng Năm 1845 tờ báo có sự cộng tác của Ph.Ăng-ghen. – 478, 484.
- "*Das Nordlicht*" ("Bắc cực quang" – tạp chí do R.Mét-le-rơ xuất bản từ năm 1830 ở Lai-pxích. – 112.
- "*Der Patriot. Zeitschrift für Deutschland*" ("Người yêu nước. Tạp chí dành cho nước Đức") – tạp chí của Đức, xuất bản ở Brè-men từ tháng Bảy đến tháng Chạp 1838. – 131.
- "*La Phalange. Revue de la Science Sociale*" ("Pha-lăng-giơ. Tạp chí khoa học xã hội") – cơ quan ngôn luận của phái Phu-ri-ê, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1832 đến 1849; nhiều lần thay đổi tên gọi, định kỳ, khối lượng và hình thức. – 482.
- "*Le Populaire 1841*" ("Báo nhân dân năm 1841") – cơ quan tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản không tưởng hòa bình; báo xuất bản ở Pa-ri từ năm 1841 đến 1852; trước năm 1849 do Ê.Ca-bơ làm chủ bút. – 480.
- "*Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe*" ("Báo tỉnh Ranh về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") – báo ra hàng ngày, xuất bản ở Khuên từ 1 tháng Giêng 1842 đến 31 tháng ba 1843. Báo do các đại biểu của giai cấp tư sản tỉnh Ranh thành lập, có tinh thần đối lập với chế độ chuyên chế Phổ. Một số người thuộc phái Hê-ghen trẻ được thu hút vào việc cộng tác với báo. Từ tháng Tư 1842 C.Mác là cộng tác viên của tờ "*Rheinische Zeitung*", còn từ tháng Mười năm đó ông là một trong những biên tập viên của báo. Báo "*Rheinische Zeitung*" đã công bố cả một loạt bài của Ph.Ăng-ghen. Nhờ có Mác biên tập, tờ báo ngày càng mang tính chất dân chủ – cách mạng rõ rệt hơn. Khuynh hướng này của báo "*Rheinische Zeitung*", tờ báo có uy tín ngày càng lớn hơn ở Đức, đã làm cho các giới trong chính phủ lo ngại và tức tối và khiến nó bị báo chí phản động hãm hại

ráo riết. Ngày 19 tháng Giêng 1843 Chính phủ Phổ thông qua quyết định đóng cửa tờ "Rheinische Zeitung" từ ngày 1 tháng Tư 1843, thời gian còn lại thì thi hành các biện pháp kiểm duyệt hai tầng đặc biệt nghiêm ngặt. – 373, 381, 385, 391, 396, 399, 402, 404, 413, 467, 469, 477.

"*Rheinisches Jahrbuch*" – tên gọi vắn tắt của tạp chí văn học "Rheinische Jahrbuch für Kunst und Poesie" ("Niên giám tỉnh Ranh về các vấn đề nghệ thuật và thơ ca"), xuất bản ở Khuên những năm 1840-1841 dưới sự chủ biên của Ph.Phrai-li-grát, X.Mát-xe-rát và C.Dim-rốc. – 90, 94, 203, 661.

"*Rheinisches Odeon*" ("Ô-đê-ôn tỉnh Ranh") – tạp chí văn học dân chủ, Ph.Phrai-li-grát là một trong những người xuất bản tạp chí này; xuất bản ở Cô-blen-xe (1836) và ở Đuyt-xen-đoóc-phơ (1838). – 16.

"*Rosen, Eine Zeitschrift für die gebildete Welt*" ("Hoa hồng. Tạp chí của giới trí thức") – tạp chí văn học theo khuynh hướng tự do, xuất bản ở Lai-pxích từ năm 1838 đến 1848. – 560.

"*The Shipping and Mercantile Gazette*" ("Báo hàng hải và thương mại") – báo của Anh, xuất bản từ tháng Giêng 1836 ở Luân Đôn. – 145.

"*Telegraph für Deutschland*" ("Điện tín nước Đức") – tạp chí văn học, do C.Gút-xcốp sáng lập ở Hăm-buéc từ năm 1838 đến 1848. Vào cuối những năm 30 và đầu những năm 40 tạp chí thể hiện quan điểm của phái "Nước Đức trẻ". Từ tháng Ba 1839 đến 1841 Ph.Ăng-ghen đã cộng tác với tạp chí này. – 17, 19, 22, 35, 44, 52, 55, 68, 76, 77, 104, 109, 113, 125, 140, 155, 167, 175, 197, 202, 215, 253, 257, 530, 534, 579, 586, 613, 620, 658, 706.

"*The Times*" ("Thời báo") – tờ báo hàng ngày cực lớn của Anh theo khuynh hướng bảo thủ; thành lập ở Luân Đôn vào năm 1785. – 478, 483, 484.

"*Zeitschrift für Philosophie und spekulative Theologie*" ("Tạp chí triết học và thần học tư biện") – tạp chí duy tâm phản động của Đức, do I.G.Phi-stơ xuất bản dưới tên gọi này ở Bon những năm 1837-1846. – 257.

"*Zeitschrift für spekulative Physik*" ("Tạp chí vật lý tư biện") – tạp chí triết học tự nhiên duy tâm, xuất bản dưới sự biên tập của Sê-linh trong những năm 1800-1801 ở I-ê-na và Lai-pxích. – 245.

"*Zeitung für den Deutschen Adel*" ("Báo dành cho tầng lớp quý tộc Đức") – tờ báo phản động Đức, xuất bản ở Lai-pxích những năm 1804-1844. – 70-74.

"*Zeitung für die elegante Welt*" ("Báo dành cho giới thanh lịch") – báo văn học Đức, theo khuynh hướng tự do, xuất bản ở Lai-pxích và Êc-phước những năm 1801-1859. – 37, 40, 43, 105, 109, 112, 114, 528, 612.

MỤC LỤC^{1*}

	Trang
Lời Nhà xuất bản.....	7

PH.ĂNG-GHEN CÁC TÁC PHẨM (1938-1844)

Những người A-rập du mục.....	11
* Gửi kẻ thù.....	13
* Gửi "Người truyền tin thành thị".....	15
Thư ngỏ gửi tiến sĩ Run-ken.....	16
* Lời thuyết giáo của Ph.V.Grư-ma-khơ về Giô-xu-ê Na-vin.....	19
Từ En-bơ-phen-đơ.....	20
Những sách nhân dân Đức.....	23
Các-lơ Béch.....	36
Những đặc trưng lạc hậu của thời đại.....	45
Pla-ten.....	53
Về việc phát minh thuật in sách.....	56
I-ô-en I-a-cô-bi.....	64
Lời câu hôn báo Đức "Adelszeitung".....	69
* Đòi sống văn học hiện đại.....	77

1* Những thư từ và tác phẩm được công bố lần đầu tiên trong Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghen được đánh dấu hoa thị.

I. Các Gút-xcóp – nhà viết kịch.....	77
II. Cuộc bút chiến hiện đại.....	93
* Về A-na-xta-di-út Gruyn.....	114
Cảnh quan.....	115
Những bài viết từ Brê-men.....	126
Sân khấu. Ngày lễ in sách.....	126
Văn học.....	130
Chiều hôm.....	134
* Những bài viết từ Brê-men.....	141
Chuyến đi Brê-mơ-ha-phen.....	141
* Hai lời thuyết giáo của Ph.V.Crum-ma-khơ.....	153
Cái chết của Im-mơ-man.....	156
* Những bài viết từ Brê-men.....	159
Chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa kiên thành.....	159
Dự án hàng hải. Nhà hát. Tập trận.....	163
Thánh Ê-lê-na.....	166
Quê hương của Dích-phrít.....	168
Éc-nơ-xơ Mô-rít-xơ Ác-nơ-tơ.....	176
* Du ngoạn ban đêm.....	198
Chuyến đi hài hoàng đế.....	200
"Hồi kỳ" của Im-mơ-man".....	203
* Những tin bài gửi từ Brê-men.....	216
Cuộc tranh cãi trong giáo hội.....	216
Thái độ đối với văn học. Âm nhạc.....	221
Thổ ngữ Hạ Đức.....	223
Lang bạt ở Lôm-bác-đi.....	226
Sê-ling nói về Hê-ghen.....	242
Sê-ling và Mạc Khải.....	254
Sê-ling – nhà triết học trong Ki-tô.....	337

Chủ nghĩa tự do Bắc Đức và Nam Đức.....	369
Nhật ký của một học viên dự thính.....	374
I.....	374
II.....	378
Lễ hội vùng Ranh.....	382
Những lời bình luận và nhận xét đối với những văn bản hiện đại.....	386
Bút chiến chống Lê-ô.....	392
* Tham gia cuộc tranh luận của nghị viện Ba-den.....	397
Tự do tư tưởng của báo "Spenerische Zeitung".....	400
Việc đình bản báo "Criminalistische Zeitung".....	403
Góp phần phê phán các đạo luật báo chí của Phổ.....	405
Kinh thánh giải thoát màu nhiệm khỏi sự xâm phạm xác láo, hoặc là thắng lợi của niềm tin.....	416
Bài ca thứ nhất.....	416
Bài ca thứ hai.....	431
Bài ca thứ ba.....	441
Bài ca thứ tư.....	455
* Ph. V.Ăng-đrê-ơ và "giới quý tộc cao cấp Đức".....	466
* Thượng vàng hạ cám từ Béc-lin.....	468
* Tập quyền và tự do.....	470
Báo "Times" nói về chủ nghĩa cộng sản Đức.....	478
Chủ nghĩa cộng sản Pháp.....	481

PH.ĂNG-GHEN
THƯ TỪ (1838-1842)

Năm 1838

1. Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 28-29 tháng Tám.....	487
2. Gửi Phri-đrich và Vin-hem Gre-bơ, 1 tháng Chín.....	492
3. *Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 11 tháng Chín.....	495

4. Gửi Phr-drích và Vin-hem Gre-bơ, 17-18 tháng Chín	498
5. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 9-10 tháng Mười	509
6. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 13 tháng Mười một	514
7. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, [cuối tháng Chạp]	516

Năm 1839

8. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 7 tháng Giêng	519
9. Gửi Phri-drích Gre-bơ, 20 tháng Giêng	522
10. Gửi Phri-drích Gre-bơ, [19 tháng Hai]	532
11. * Gửi Héc-man Ăng-ghen, 11-12 tháng Ba	537
12. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 12 tháng Ba	539
13. Gửi Phri-drích Gre-bơ, 8-9 tháng Tư	540
14. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 10 tháng Tư	546
15. Gửi Phri-drích Gre-bơ, [khoảng 23 tháng Tư] – 1 tháng Năm	549
16. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 28 tháng Tư	568
17. Gửi Vin-hem Gre-bơ, [khoảng 28] – 30 tháng Tư	574
18. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 23 tháng Năm	581
19. Gửi Vin-hem Gre-bơ, 24 tháng Năm – 15 tháng Sáu	582
20. Gửi Phri-drích Gre-bơ, 15 tháng Sáu	589
21. Gửi Phri-drích Gre-bơ, 12-27 tháng Bảy	595
22. Gửi Phri-drích Gre-bơ, [cuối tháng Bảy hoặc đầu tháng Tám]	605
23. Gửi Vin-hem Gre-bơ, 30 tháng Bảy	607
24. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 28 tháng Chín	615
25. Gửi Vin-hem Gre-bơ, 8 tháng Mười	617
26. Gửi Vin-hem Gre-bơ, 20-21 tháng Mười	623
27. Gửi Phri-drích Gre-bơ, 29 tháng Mười	625
28. Gửi Vin-hem Gre-bơ, 13-20 tháng Mười một	634
29. Gửi Phri-drích Gre-bơ, 9 tháng Chạp [1839] – 5 tháng Hai [1840]	644

Năm 1840

30. * Gửi Lê-vin Suých-kinh, 18 tháng Sáu	655
31. * Gửi Lê-vin Suých-kinh, 2 tháng Bảy	658
32. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 7-9 tháng Bảy	661
33. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 4 tháng Tám	666
34. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 20-25 tháng Tám	669
35. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 18-19 tháng Chín	675
36. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 29 tháng Mười	679
37. Gửi Vin-hem Gre-bơ, 20 tháng Mười một	684
38. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 6-9 tháng Chạp	688
39. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 21-28 tháng Chạp	693

Năm 1841

40. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 18 tháng Hai	698
41. Gửi Phri-drích Gre-bơ, 22 tháng Hai	702
42. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 8-11 tháng Ba	707
43. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 5 tháng Tư	711
44. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, [khoảng đầu tháng Năm]	712
45. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, [khoảng cuối tháng Tám]	714
46. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 9 tháng Chín	716

Năm 1842

47. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 5-6 tháng Giêng	718
48. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 14-16 tháng Tư	723
49. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, [mùa hè]	727
50. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 2 tháng Bảy	728
51. * Gửi Ma-ri-a Ăng-ghen, 2-8 tháng Tám	731

TRÍCH DI CẢO CỦA PH.ĂNG-GHEN
(Những thử nghiệm văn học - thơ ca
đầu tay những năm 1833-1837)

* Gửi ông của cháu	714
* Bài thơ năm 1836	742
* Bài thơ, có thể là viết đầu năm 1837	744
Chuyện kể về những tên cướp biển	746
* Cuộc đấu tay đôi giữa Ê-tê-ô-clơ và Pô-li-ních	765

PHỤ LỤC

Giấy chứng nhận khai sinh của Phri-đrich Ăng-ghen.....	769
* Giấy chứng nhận về việc đặt tên thánh cho Phi-đrich Ăng-ghen.....	770
* Phri-đrich Ăng-ghen bố gửi Ê-li-da-bét Ăng-ghen, 27 tháng Tám 1835.....	771
Giấy chứng nhận tốt nghiệp cấp cho học sinh lớp trên Phri-đrich Ăng-ghen	775
* Chứng chỉ hạnh kiểm cấp cho Phri-đrich Ăng-ghen tự nguyện nhập ngũ thời hạn phục vụ một năm	778
<i>Chú thích</i>	781
<i>Bản chỉ dẫn tên người</i>	819
<i>Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ</i>	865

PHỤ BẢN

Phri-đrich Ăng-ghen (giữa những năm 40)	giữa 8-9
Bìa cuốn sách mỏng "Sê-ling và mặc Khải"	255
Bìa của cuốn sách "Kinh thánh giải thoát mâu nhiệm"	417

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH NGHIÊM

Biên tập: MAI PHI NGÀ

TRẦN THỊ CHÍN

Trình bày: DƯƠNG THÁI SƠN

Sửa bản in: BAN SÁCH KINH ĐIỂN

In 2.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty In LIKSIN

Số xuất bản: 02-49/XB-QLXB, cấp ngày 20-01-1999, mã số 3K1.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 9-1999.